ĐỆ NHẤT BINH GIA

TÔN TỬ



Tôn Tử, tự Trường Khanh, là nhà quân sự và nhà lý luận quân sự nổi tiếng của Trung Quốc ở cuối thời Xuân Thu, được người đời gọi bằng cái tên tôn kính là "Vũ thánh nhân". Trước tác "Tôn Tử binh pháp" của ông, là cuốn binh thư quý báu đầu tiên trên thế giới, được các bậc danh tướng đời sau tôn sùng và truyền tụng, tiếng thơm lưu truyền, được coi là một viên ngọc quý của Trung Quốc và thế giới. Tác dụng và giá trị tác phẩm của Tôn Tử đã không gói gọn trong lĩnh vực quân sự, mà còn ở các mặt chính trị, ngoại giao, văn hoá, kinh tế.

Trung Quốc và một số nơi trên thế giới, từng có thời nổi lên những "cơn sốt Tôn Tử".

Bằng ngôn ngữ văn học giản dị, dễ hiểu, cuốn sách này đã miêu tả rất tỉ mỉ thời đại Tôn Tử đã sống, quá trình ra đời của mười ba bài binh pháp Tôn Tử, cũng như những chiến tích mà Tôn Vũ từng bách chiến bách thắng khi áp dụng thực tiễn cuốn sách này. Người viết truyện đã tái hiện một cách nghệ thuật những kinh nghiệm lịch sử, Tôn Vũ đã cùng Ngô vương Hạp Lư, danh tướng Ngũ Tử Tư… lấy nước Ngô nhỏ yếu đánh thắng nước Sở hùng mạnh, để cho người đời sau còn phải suy ngẫm mãi.

Tuy là chuyện lịch sử, nhưng cuốn sách này đã xây dựng những nhân vật sống động, mang đậm những dấu ấn lịch sử nên cuốn sách dễ thu hút người đọc. Tôn Tử Truyện là tác phẩm đầu tiên thể loại truyện ký viết về Tôn Tử có nội dung trong sáng, lành mạnh, mang tính giáo dục cao.

CHƯƠNG I

THÁI SƠN CAO CAO, TRI THỦY ÀO ÀO

Dải đất mênh mông của nước Tề, nước Lỗ thu hút được tầm mắt của mọi người nhờ màu sắc thần bí của mình. Thái Sơn "đứng đầu năm núi lớn" cũng mọc lên ở mảnh đất này. Dòng Hoàng Hà thai nghén ra dân tộc Hoa Hạ cũng từ đây đổ vào biển lớn. Hai bậc "thánh nhân" một văn, một võ của xã hội phong kiến là **Khổng Khâu** và **Tôn Vũ** cùng chào đời trên mảnh đất này…

Thái Sơn, một quả núi kỳ dị hun đúc khí thiêng và toả hào quang thần thánh. Nó nuốt Tây Hoa, đè Nam Hoành, cưỡi Trung Tung, vượt Bắc Hằng, đứng đầu trong mọi quả núi, chiếm địa vị độc tôn trong năm núi lớn.

Thái Sơn, đại biểu cho nền văn minh phương Đông, tượng trưng cho sự lớn lao và trang trọng. Nó lấy mình làm ranh giới nước Tề, nước Lỗ, phía đông là biển lớn với muôn vàn sóng bạc, tây dựa vào Hoàng Hà chảy mãi đến nơi xa, nam có sông Vấn, sông Hoài, sông Tứ, phía bắc một mình một giải Tri Hà. Phóng tầm mắt ra nhìn thế đất của cả một khu vực ven biển miền Đông, nó đứng cao nhìn xuống, bỗng trở thành "cây cột phía trời Đông" mọc trên miền đồng bằng muôn dặm. Ở đây khí hậu ôn hoà, đất đai màu mỡ là vùng trung tâm nảy nở sinh sôi và chung sống của loài người cổ đại, là nơi bắt nguồn quan trọng của một nền văn hoá cổ xưa. Đã mấy ngàn năm, ở đây luôn luôn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của phương Đông. Đầu đời nhà Hạ, vua

Vũ chia đất nước thành chín châu, năm châu là Ký, Dự, Thanh, Duyện, Từ đã quây quần xung quanh nó. Thời thất hùng Chiến quốc, đây lại là kinh đô của Lục quốc…

Thái Sơn được xây đắp bằng những câu chuyện thần thoại đẹp đẽ mà xúc động. Sau khi ông Bàn Cổ (người khai thiên lập địa ở thời viễn cổ, là vị thần sinh ra vạn vật) chết đi, thì đầu là Đông Nhạc, bụng là Trung Nhạc, cánh tay trái là Nam Nhạc, cánh tay phải là Bắc Nhạc, chân là Tây Nhạc. Thi thể của Bàn Cổ quay đầu về hướng đông nên hoá thành Đông Nhạc. Thái Sơn nghiễm nhiên trở thành quả núi đứng đầu trong ngũ nhạc, tức là năm quả núi cao.

Ngày xưa, khi còn là thuở hồng quang, Thái Sơn là đảo Tiên ở trên biển Đông. Khi chim trinh vệ (còn gọi là chim thề, oan cầm, chi điểu, tục gọi là đế thước – tương truyền là Nữ Oa con gái nhỏ của Viên đế chết đi hoá thành) ngậm cây và đá thu về lấp biển Đông, đã lấp bằng mặt nước ở xung quanh Thái Sơn; trong chốc lát Thái Sơn đã hiện ra bộ mặt vốn có của mình. Những dòng nước nhỏ hay đầm nước còn sót lại là sông Hoàng Hà, Hoài Hà, Vân Hà, Tứ Thủy, Tri Thủy và hồ Đông Bình, hồ Vi Sơn ngày nay. Về sau, Nữ Oa (tương truyền là em gái của Phục Hy đế, đã luyện đá ngũ sắc để vá trời, nặn đất sét thành người nên được gọi là mẹ của loài người) lại nặn thêm cơ man nào là người bằng đất sét, cho biến thành người cổ đại cao lớn, dựa vào núi và tận dụng có nước, sinh sôi nảy nở ra rồi chung sống với nhau.

Tương truyền ở một chỗ thật sâu trên Thái Sơn; có một chàng dũng sĩ tên là “Gan Đá”. Con gái của Trương viên ngoại ở chân núi bị ma ám lâm bệnh nặng. Viên ngoại đã

dán một bản cáo thị rằng: Hễ ai chữa khỏi bệnh cho tiểu nữ, thì nguyện sẽ gả tiểu nữ cho người ấy làm vợ. Chàng Gan Đá đã đến đó bóc tờ yết thị xuống, bảo nhà họ Trương chuẩn bị cho mình một cái thanh la bằng đồng, một chậu dầu thơm; một chiếc nồi lớn. Sau đó, chàng lấy bông bện thành mười sợi bấc đèn, thả vào chậu dầu thơm thắp sáng lên, rồi úp cái nồi lên trên và lấy chân dẫm lên mép nồi. Đến nửa đêm, bỗng nghe thấy cơn gió yêu quái từ đông nam thổi tới, chàng Gan Đá liền dẫm lật ngửa cái nồi lên rồi khua thanh la ầm ĩ. Con ma nhìn thấy lửa đèn, lại nghe tiếng thanh la bèn bỏ đi mất. Từ đó ma quỷ không dám đến nữa, bệnh của cô gái cũng khỏi theo. Con ma ấy lại đi quấy nhiễu các nơi, chàng Gan Đá nhận lời mọi người, đâu gọi thì tới, thế nhưng vì chỉ có một mình nên chàng bận tíu tít. Vì vậy, người ta liền khắc lên đá của Thái Sơn hay trên những viên gạch vuông mấy chữ "Chàng Gan Đá" rồi gắn lên tường nhà. Ma quỷ nhìn thấy tên chàng là hết hồn, vội bỏ trốn. Một hòn đá Thái Sơn nhỏ tí như vậy mà có uy lực đến thế, vậy cả quả núi Thái Sơn cao vút sẽ như thế nào, chắc ai cũng tưởng tượng ra được…

Thái Sơn ở phía đông của giải đất bằng miền Hoa Hạ. Phương Đông là phương mặt trời lên, cổ nhân cho rằng đó là nơi vạn vật giao hòa, nơi phát sinh buổi đầu xuân. Theo thuyết ngũ hành (kim mộc, thuỷ, hoả, thổ) thì phương đông thuộc hành mộc; theo ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) thì phương Đông là nhân; theo bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) thì phương Đông là mùa xuân; theo bát quái của "Chu dịch" (Càn Khôn, Chấn, Tốn, Khảm; Ly, Cấn, Đoài, tám quẻ tượng trưng cho tám loại hiện tượng tự nhiên là trời, đất, sấm, gió, nước, lửa, núi, đầm) thì phương Đông thuộc quẻ

Chấn, tức là sấm; trong nhị thập bát tinh tú (Dốc, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Ky, Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích, Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Tư, Lâm, Tỉnh, Quỷ, Liễu, Trinh, Trương, Dực, Chẩn thì phương Đông là thương long. Chữ "Đông" trong chữ Hán, gồm chữ Mộc và chữ Nhật ghép lại với nhau. Chữ Mộc trong văn tự giáp cốt lại thông với chữ Tang, nên mới có thuyết "nhật xuất phù tang" (Mặt trời mọc ở đất Phù Tang – Nhật Bản), "nhân" là đạo đức lớn của trời đất, muôn vật sinh sôi vào mùa xuân. Chấn và thương long là đất nhẹ gót thang mây, là nơi vua chúa ra đời. Bởi thế Thái Sơn là một quả núi lành, xứ sở của thần linh, nơi bắt nguồn của khí thiêng.



Thái Sơn, thiên thần của vẻ đẹp, tất cả các đỉnh vây quanh một đỉnh, rừng rậm suối bay, tráng lệ huy hoàng, thấp thoáng lầu các, cổ tích ở khắp mọi nơi, vạn vật dồn tụ lại từng chỗ. Thái Sơn nhiều tùng bách, cây cảnh vươn cao, đủ mọi tư thế, đỉnh lạ nhấp nhô, đá tai mèo lởm chởm, mỗi một

cảnh đẹp là một bài thơ, một bức tranh, một khúc nhạc; làm xao xuyến lòng người, gây bao niềm hứng thú. Những giải sương như khói như mây, như có tài biến hóa, khiến người ta thấy cảnh vật tĩnh nhưng lại động, khí thế càng thêm oai hùng. Tùng xanh bách thắm, vách đá cheo leo, sương mờ tựa mây, mặt trời le lói; ánh lên một vẻ vừa hùng vĩ tráng lệ, lại yểu điệu thướt tha. Trong cái hùng vĩ đó hàm chứa những hình tượng tươi đẹp, mà lạ, mà hiểm, mà xinh, mà u nhã, mà sâu kín, mà bao la… Chẳng hạn: “Thác ba đầm” ở trong suối Đông của cung Đấu Mẫu, trong cái hùng vĩ có chứa vẻ đẹp xinh. Mom Xả thân, mom Trăm trượng lại gửi vẻ hiểm trở vào trong cái dáng hùng vĩ. Cầu tiên, mom Rẻ quạt lại chứa vẻ đẹp thần tiên của tạo hóa, xứng với tên là kỳ quan trong thiên hạ. Trèo lên đến Nam thiên môn, mới thấm thía vần điệu thần kỳ của câu thơ “Thiên môn dài tiếng hú, ngàn dặm gió lành về” hoặc “thênh tháng trời đất nhỏ”; còn như hốc đá ở đằng sau đỉnh Đại Âm thì quả thật là nơi động phủ thiên tiên vô cùng u nhã…



Thái Sơn, triết gia vĩ đại này đã nói với người ta nên xử thế như thế nào, làm người như thế nào. Nếu nói "hùng vĩ" là đặc trưng thứ nhất của Thái Sơn, thì "lớn lao" sẽ là đặc điểm thứ hai của quả núi này vậy – chân núi nằm ở hai nước Tề – Lỗ, không biết mấy trăm, mấy ngàn dặm. Nó nằm vắt ngang lên gò đồi của nước Tề, nước Lỗ, làm nên một sự so sánh mạnh mẽ về độ cao thấp khác nhau giữa đồng bằng và gò đồi xung quanh đó. Nó có nhiều đỉnh nhấp nhô, mà đỉnh núi chính xé đất vươn thẳng lên trời xanh. Từ chân núi cho đến Trung thiên môn, Nam thiên môn, đỉnh Ngọc Hoàng… tầng tầng lớp lớp, hình thành cảm giác tiết tấu từ trầm đến bổng và một khí thế thênh thang "nhìn qua muôn núi nhỏ". Mạch núi của nó nối liền nhau với nền móng lớn rộng, hình thể tập trung. Nền móng lớn rộng sẽ gây nên cảm giác vững vàng, hình thế đồ sộ mà tập trung đem lại cảm tưởng sâu nặng, và thế là nó như muốn nói với người ta rằng bất kể trong tình hình nào, cũng phải bình tĩnh lặng lẽ không cuống, không vội, "vững tựa Thái Sơn", cũng phải can đảm mà nhận lấy; con người ta phải không biết sợ, phải kiên cường, phải tự tin, dám chịu đựng sự đả kích thế này hay thế khách, "Thái Sơn đè đầu" cũng chẳng cong lưng.

Vĩ đại trang trọng, tự nhiên khiến người ta phải kính nể, xinh đẹp mỹ miều, như mời gọi người ta đến thăm. Một quả núi lành, ban phát cho người hạnh phúc. Thiên thần của vẻ đẹp, để người người ngưỡng vọng và ái mộ. Triết gia dạy người ta biết xử thế ra sao, thực sự là bạn, là thầy của muôn ngàn dân chúng. Tuy nhiên, khí thiêng của Thái Sơn chủ yếu lại không thể hiện ở mặt này mà thể hiện ở chỗ là bầu sữa ngọt, đã nuôi lớn vô số danh nhân văn hoá, chỉ riêng thời Xuân Thu Chiến Quốc, nếu đi tìm theo một dải phía

nam của Thái Sơn, ta sẽ thấy Khổng Khâu ở Ni Sơn, Mạch Nha ở Dịch Sơn, Mặc Trác ở Mông Sơn lại còn đông đảo những học trò hiền của Khổng Tử như Nhan Hồi, Tăng Sâm, … Theo dòng Tri Thuỷ lên mạn bắc, ta thấy có Tề Hoàn Công, Quản Trọng, Yến Anh và hai ông cháu là Tôn Vũ và Tôn Tẫn. Nếu như ví Thái Sơn chót vót với một người bà tuổi cao mà phúc hậu có hai bầu sữa, thì bầu bên trái là những mạch núi nhô lên, lấy sữa ngọt nuôi nên những con người sùng đạo văn chương, bầu bên phải lại lõm xuống thành những dòng sông, lấy nguồn mạch của mình, nuôi lớn những con người thượng võ. Từ đó chẳng khó khăn gì khi liên tưởng ra rằng, cống hiến chủ yếu của Thái Sơn là đã hun đúc nền văn hoá Tề – Lỗ huy hoàng xán lạn. Bởi thế mới bảo nó là đại biểu cho nền văn hoá phương Đông.

Núi là nguồn của nước; dòng sữa của núi lớn rì rầm tuôn chảy, rồi lại róc rách dồn tụ, ào ào lao xuôi thao thao cuồn cuộn, đó chính là mạch nguồn của những dòng sông. Chỗ khuất của Thái Sơn, đằng sau lưng Nghi Sơn, muôn ngàn khe lách, dồn lại chảy về phía bắc mà thành Tri Thuỷ. Dòng Tri Thuỷ thao thao chảy, qua Lâm Tri, kinh đô nước Tề lên phía bắc rồi từ Lạc An nhập vào sông Tiểu Thanh, chảy xéo lên đông bắc, đổ vào Bột Hải. Đó là động mạch chủ yếu của nước Tề. Nó cùng với Hoàng Hà đến đây thì đổ vào biển với những dòng sông lớn nhỏ như Thời Thuỷ, Nữ Thuỷ… tưới tắm cho mảnh đất lâu đời phì nhiêu này của nước Tề, nuôi lớn từng lớp, từng lớp những người con anh hùng của nước Tề, hun đúc nên nền văn hoá chói ngời của nước Tề, khiến nó trở nên vừa đằm thắm lại vừa có những điểm đặc sắc riêng của mình.

Tinh thần thượng võ là đặc trưng nổi bật của nền văn hoá nước Tề. Những năm đầu thời Tây Chu, Thành Vương đã phong cho ông ngoại mình là Lã Thượng (Khương thái công) làm Tề hầu, ban cho ông một giải đất “đông tới biển (Bột Hải), tây tới sông (Hoàng Hà), nam đến Di Lăng (Di Lăng quan phía đông sông Nghi Thuỷ bây giờ), bắc đến tận Vô Đệ (tức là phía bắc Huệ Dân bây giờ). Ngoài ra còn giao cho một số đặc quyền, có thể đem quân thảo phạt những chư hầu có tội (“Tả truyện” Hỷ công năm thứ tư). Giải đất được phong này mỡ màng và rộng hàng ngàn dặm, lại giàu nguồn lợi về muối và cá. Lã Thượng về đến nước của mình, bèn áp dụng phương châm “đơn giản lễ nghi cho quần thần, lựa theo phong tục ở đó “tiến hành quản lý thích nghi với từng nơi, khiến đất nước phát triển rất nhanh chóng, đến thời kỳ Xuân Thu, đã thâu tóm tới hơn ba mươi quốc gia xung quanh.

Nước Tề vốn là một nước lớn ở phương Đông, qua sự kinh doanh phát triển và mở rộng của Hoàn Công, đã “chín lần hợp chư hầu, sắp xếp thiên hạ”, trở thành bá chủ thứ nhất ở thời Xuân Thu, xưng bá trong chư hầu. Quản Trọng trị vì nước Tề, chẳng những đưa ra hàng loạt biện pháp để phát triển kinh tế, còn tiến hành hàng loạt cải cách về chế độ. Trước hết là chính sách “ngụ binh ư nông” (lính ở trong nghề nông) chia ra làm hai mươi mốt hương, trong đó có sáu hương làm nghề và đi buôn, mười lăm hương kia là sĩ hương, tức là theo nghề nông. Thời bình thì sẽ “thực điền” ăn vào đồng ruộng, thời chiến nông phu làm lính, sĩ thì làm giáp sĩ và làm tiểu sĩ quan. Trong sĩ hương thì năm người tổ chức thành một ngũ, ngũ có quỹ trưởng; năm mươi người thành một tiểu nhung, tiểu nhung lại đặt ra chức hữu tư; hai

trăm người là một tốt, mỗi tốt có liên trưởng; hai ngàn người là một lữ, lữ thì có hương lương nhân; năm lữ là một vạn người thành một quân, nước lớn thì có ba quân…

Đó vừa là tổ chức hành chính, lại cũng là biên chế quân sự. Hoàn công và Quản Trọng nhận thức được rằng: Nước giàu thì quân sẽ mạnh, quân mạnh được là nhờ ở nước giàu. Việc thứ hai là thực hành sĩ, nông, công, thương, bốn thứ dân định cư theo nghề nghiệp, trong đó đặc biệt là để cho kẻ sĩ không phải làm lao động, tạo cho họ một môi trường trong sạch để họ dạy học và bàn về võ nghệ, trở thành võ sĩ chuyên nghiệp. Thứ ba là lấy giáp binh chuộc tội. Bởi vì giáp binh (chỉ vũ khí trang bị) của nước Tề lúc ấy còn thiếu nhiều, Quản Trọng liền đặt ra chế độ lấy việc chế tạo trang bị vũ khí đề miễn giảm tội ác, từ đó khiến cho nước Tề "dư dật về trang bị vũ khí". Thông qua một loạt những cải cách đó, nước Tề chẳng những trở thành một nước mạnh đứng đầu về quân sự thời bấy giờ, mà còn hình thành một tinh thần thượng võ từ trên xuống dưới trong cả nước. Tinh thần thượng võ ấy được truyền từ đời này qua đời khác, lâu dần mãi đã trở thành một truyền thống tốt đẹp.

Thuyết âm dương ngũ hành, đặc điểm thứ hai của văn hoá nước Tề. Thuyết âm dương và thuyết ngũ hành, hai học thuyết triết học dùng tư duy lý luận để nắm vững thế giới. Nó là trường phái triết học sản sinh ra ở nước Tề rồi được phát triển và trưởng thành. Người nước Tề lấy quan điểm âm dương ngũ hành để quan sát tinh tượng, chế định ra lịch pháp, rồi lại dùng nó để giải thích cho sự thay đổi của bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, sự chuyển đổi của các tiết khí và

sự lặp đi lặp lại của ngày đêm… phạm vi ứng dụng thật vô cùng rộng rãi.

Học thuyết lý luận có đặc điểm riêng, là đặc điểm thứ ba của văn hoá nước Tề. Nó thể hiện ở hai mặt, một là nói đến "nhân" và "lễ", nhưng lại không đặt nó ở địa vị hàng đầu; hai là hết sức coi trọng công lợi.

Khổng Tử ca ngợi Quản Trọng nhân đức: "Hoàn công chín lần hợp chư hầu mà không hề phải dùng đến binh xa, sức mạnh của Quản Trọng, là ở lòng nhân của ông". Lại nói: "Quản Trọng tướng quốc của Hoàn Công xưng bá trong chư hầu, sắp đặt lại thiên hạ, dân đến bây giờ vẫn còn được ban cấp mọi thứ. Không có Quản Trọng, họ đã thành dân mặc áo trái tà. Chẳng lẽ lại như nhìn nhận của kẻ thất phu tầm thường, tự nó theo cống rãnh mà rồi không ai biết sao?".

Khổng Tử là người hay nói đến luân lý nhất, vậy mà ông đã ca ngợi Quản Trọng đến như thế, đủ thấy phẩm chất của Quản Trọng cũng như con người và đạo đức của ông khi làm chính trị đã phù hợp nhân đạo như thế nào. Một lần, trong khi trả lời câu hỏi của Hoàn công, Quản Trọng nói: "Người giữ chữ tín, thì dân tin; người có lòng nhân, thì dân nhớ; người nào nghiêm, thì dân sợ; người biết lễ, thì dân khen. Có câu rằng: Nhận lệnh mà không thay đổi, là tín vậy, cái gì mình không muốn, không đem đến cho người khác, là nhân vậy; ngoài nhân ra có sự cứng rắn, là nghiêm vậy; chất phác tin tưởng và biết nhường, là lễ vậy (Quản Tử – Tiểu vấn). Cốt lõi tư tưởng của nhà Nho là "nhân", Khổng Tử đã giải thích đó là "**mình đã không muốn, chớ mang cho người**" (Luận ngữ – Vệ Linh công). Từ đây đủ thấy chữ "nhân" trong lý

luận của văn hoá Tề, về căn bản cũng giống như của nhà Nho, thế nhưng địa vị của nó trong học thuyết luân lý, thì lại không giống nhau, không giống như nhà nho, nó không đặt "nhân" lên địa vị hàng đầu. Quản Trọng cho rằng, luân lý đạo đức, cần phải xây dựng trên nền tảng đời sống vật chất nhất định. Ông nói: "Kho lẫm đầy mới biết đến lễ tiết, ăn mặc đủ mới nghĩ đến vinh nhục" ("Quản Tử – Mục dân"). Bởi thế, ông đã dành phần lớn tinh lực vào việc làm cho nước giàu quân mạnh.



Quản Trọng

Trọng công lợi, lại là một đặc điểm nữa của học thuyết luân lý của văn hoá Tề, nó khác với nhà nho khi bàn về nghĩa lợi thường trọng nghĩa khinh lợi. Triết học đạo đức của Quản Trọng coi nặng về công lợi từ góc độ bàn về nhân tính, ông từng nói: "Phàm là tình cảm của con người, thấy lợi chẳng ai là không muốn lấy, thấy hại chẳng ai là không muốn tránh" (Quản Tử – Cấm tặng) "Dân thấy lợi thì đến, thấy hại thì bỏ đi. Người dân với cái lợi, cũng như nước luôn chảy xuôi" (Quản Tử – Hình thế giải). Tính người, bản thân đã mang sẵn đặc tính là hướng tới cái lợi, rời xa cái hại, còn như đạo đức, thực ra không phải bản thân tính người vốn sẵn có, nó là một quy phạm hành vi do vua chúa vạch ra. Đã như thế, muốn nhân dân thực hành những quy phạm đạo đức, thì cần thiết phải dùng biện pháp công lợi để thuận với mong muốn của dân, để thi hành. Thế nên, ngoài những điều thuyết giáo nơi cửa miệng, còn cần phải có những thủ đoạn vật chất, dùng sự thưởng phạt để dẫn dắt nhân dân làm theo. Tóm lại, vừa coi trọng công lợi, lại coi trọng lễ nghĩa, là đặc điểm học thuyết luân lý của văn hoá nước Tề.

Dòng Tri Thuỷ thao thao từ phía nam chảy tới, xuyên qua Lâm Tri kinh đô nước Tề, vào Lạc An rồi chảy xế lên đông bắc, quanh co uốn khúc rồi dồn vào sông Tiểu Thanh chảy ra vịnh Lai Châu. Tính cách của Tri Thuỷ biến hoá khôn lường, mùa lũ nước dâng, mênh mang dào dạt, không thấy bến bờ, như hổ lồng xuống núi, như ngựa tuột dây cương, gầm réo, vật vã, lồng lộn, nuốt đi ngàn dặm, cuốn trôi rêu rác, rửa sạch mọi cáu bẩn và bùn nhơ. Tri Thuỷ lúc này là hoá thân của sự ngang ngược, tượng trưng của bạo lực hung tàn, đồng nghĩa với bá chủ, ngang hàng với quyền uy, hỏi có

ai đã dám ra oai trước mặt nó, bởi nó sẵn sàng mang đến cho người ta mối tai hoạ lút đầu.

Đầu xuân và giữa mùa thu, nó như một chàng trai hớn hở, như một chú ngựa tung tăng, như con chim nhạn xuyên mây, như chim hoàng oanh dang cánh lượn. Nó cuồn cuộn, nó chồm lên, nó reo ca, vui mừng lao về phía trước. Khí thế mạnh mẽ, tràn trề sức sống thanh xuân là đặc trưng chủ yếu của dòng sông vào những lúc này. Đến mùa nước cạn, dòng sông bỗng trở thành một cô gái vui vẻ hồn nhiên, với những nếp váy trắng muốt từ xa bước tới, nhẹ nhàng hát ca, rải khắp dọc triền sông những tiếng cười lảnh lót như chuông đồng. Ra khỏi kinh thành Lâm Tri, nàng thiếu nữ ấy mang theo tiếng cười đi thẳng lên hướng bắc, đi chừng hơn mười dặm, nàng hơi rẽ về hướng đông, thấy trước mặt là mảnh đất phẳng phiu, màu mỡ, sông ngòi chằng chịt và không gian thoang thoảng từng làn hương lúa, tức cảnh sinh tình, nàng như bay như múa lên, vui vẻ bước đi. Chính chỗ dòng sông mang tâm hồn thiếu nữ chảy đến chỗ chuyển dòng, đã gặp một thôn làng rất lớn, toàn thôn có tới hai trăm nóc nhà, người trong thôn chủ yếu mang họ Điền, bởi thế mới gọi là thôn Điền Ban, trong thôn có một gia đình danh môn quý tộc, đó chính là Điền Thư, tự Tự Chiếm, thế tập Tề đại phu, có địa vị quan trọng ở nước Tề, cùng bốn gia tộc lớn là Loan, Bào, Quốc, Cao cùng nắm chính quyền của nước Tề, chúa tể vận mệnh của nước Tề, cũng giống như “Tam Hoàn” của nước Lỗ. Con trai của Điền Thư là Điền Bằng, tự Khởi Công, làm khanh của nước Tề, tuổi trẻ và có triển vọng, là con người mưu trí và tháo vát năng nổ, nên được Tề Cảnh Công yêu mến và kiêng nể.

Mặc dù vậy phủ đệ của nhà họ Điền lại hết sức bình thường. Tuy nói rằng diện tích chiếm đất của nó rất lớn, đằng trước đằng sau, bên phải bên trái có tới mười dinh cơ, mấy trăm gian nhà cửa, thế nhưng lại thấp bé, không có gì nổi bật, hơn thế nữa lại lợp tranh xen ngói, không khác gì mấy so với những nhà bình thường. Ở đây mang tiếng của tướng phủ soái, nhưng lại không có cảnh canh gác nghiêm ngặt, dân thường cũng có thể vào ra dễ dàng, đấy cũng là một điểm khác so với những chốn cửa son kín cổng cao tường, bởi thế lại càng làm cho tiếng tăm của ông vang khắp xa gần, khiến ai cũng phải khen ngợi và ngắm nghía. Từ khung cửa lớn ở giữa đi vào, đi qua sảnh đường, đến sảnh đường thứ hai và sảnh đường thứ ba thì đến một vườn hoa. Lấy chỗ này làm đường trục, nhà ở chia thành hai phần bên đông, bên tây đối xứng với nhau. Hai bộ phận đó bố cục như nhau, quy cách như nhau, kiểu dáng cũng như nhau. Sảnh đường thứ ba là giới hạn tự nhiên, còn dãy bên đông và bên tây, trước sau có khác nhau. Gian trước là nơi tiếp khách, làm việc, hội họp, dãy nhà sau là nơi ăn ở, nơi ngủ và nơi ở của gia đình.

Năm 545 trước CN, tức là năm Chu Linh vương thứ hai mươi bảy, năm Tề Cảnh công thứ ba, ngày hai mươi tám tháng tám, trời thu xanh ngắt, cao vời vợi, trong như lọc. Bỗng nhiên không biết ở đâu nổi lên một cơn gió bắc, thổi qua kinh thành Lâm Tri, vượt ngang dòng Tri Thuỷ, ập đến thôn Điền Ban. Gió bắc thổi kéo theo mây đen, khiến cho thôn Điền Ban lớn như thế mà bị che kín mít, trời đất tối tăm, ánh mặt trăng, mặt trời đều mờ lại, trong Điền phủ, từ trên xuống dưới, người già, người trẻ của thôn Điền Ban, không ai là không lo sợ, không ai là không thảng thốt bởi sự u ám bao trùm lên tất cả đó. Mướt mồ hôi lo lắng cho sự an nguy

của bà trẻ – phu nhân Điền Bằng, người nào người nấy tranh nhau cúi đầu vái lia vái lịa, khẩn cầu các bậc thần linh phù hộ độ trì cho bà trẻ mau mau sinh nở, để hổ tử của nhà tướng sớm được chào đời, được mẹ tròn con vuông, cả nhà đoàn tụ…

Bà trẻ họ Phạm, tên là Ngọc Lan, cũng thuộc con nhà dòng dõi và có nề nếp gia giáo. Nàng có khuôn mặt trái xoan trắng trẻo, nước da mịn màng như thể nặn bằng sáp, luôn ánh lên vẻ bóng bảy mượt mà. Dưới hai nét mày ngài là đôi mắt như hai làn nước hồ trong, diễn đạt tình cảm còn hơn cả lời nói. Vốn tính ôn tồn nhã nhặn, cử chỉ khoan thai, luôn luôn tỏ ra trên kính dưới nhường, có dịp tiếp xúc với nàng xong, không ai là không tấm tắc ngợi khen. Nàng ưa mặc những thứ hàng nền nã màu trắng, chẳng hạn một chiếc váy sa tanh trắng, bên trong là một chiếc áo chẽn bằng đoạn trắng. Nàng khẽ cất bước đi, chẳng khác gì đoá hoa sen trắng nhẹ nhàng lướt trên mặt nước. Hoặc khi nàng đứng lại, nhìn từ xa, chẳng khác gì một bông hoa ngọc lan. Thế nhưng bông hoa lan ấy lúc này lại đang khốn khổ vì những cơn đau dằn vặt, Phạm Ngọc Lan đang lăn lộn trên chiếc giường ngà, vật vã, kêu rên, trên khuôn mặt nhợt nhạt của nàng mồ hôi tuôn ra như vã nước. Hai tay nàng nắm chặt lấy thành giường, các khớp xương kêu răng rắc, hàm răng trên bặm vào môi dưới hằn lên một vết máu đỏ tươi. Nàng muốn kêu la, muốn văng ra chửi rủa một cái gì đó, thế nhưng lực bất tòng tâm… Nàng đã kêu rên vật vã như thế ba ngày ba đêm rồi. Đừng nói một người đàn bà yếu đuối mà ngay cả một gã đàn ông sức dài vai rộng, rơi vào hoàn cảnh này cũng chẳng biết làm gì hơn. Nàng lả đầu sang một bên, mớ tóc dài bị xổ tung ra buông xoã nằm thở dốc từng cơn, phần bụng dưới nhô cao,

căng lên trắng như sáp, mệt mỏi phập phồng theo hơi thở. Nàng không thể vật vã được hơn nữa, đành để mặc cho số mệnh định đoạt, muốn ra sao thì ra.

Bà mẹ chồng sốt ruột đi đi lại lại trong phòng, quanh quẩn bồn chồn như kiến bò trong chảo nóng, bà đang cầu trời, bà đang khấn đất, đang kêu xin các vị thần linh… Rồi bà lại lẩm nhẩm, lại ca cẩm, lại chửi rủa, sau cùng bà không biết nói gì, không biết làm gì… như điên như cuồng…

Bà nội tuổi đã trên mức xưa nay hiếm, liên tục ngồi bên cạnh cháu dâu của mình, im lặng khóc thầm lo lắng. Đột nhiên bà cụ quỳ xuống đất, chắp hai tay lại, ngửa mặt lên trời, kêu lên như xé ruột, xé gan:

– Ông trời ơi! Sao mà ông độc địa thế? Bà đất ơi sao bà ở chẳng công bằng? Thần trên trời, ma dưới đất ơi! Sao lòng dạ các người lại ác độc đến thế? Nhà họ Điền này đời đời kiếp kiếp, chưa bao giờ dám làm một việc gì phương hại đến đất trời, cháu dâu của tôi hiền lành thật thà như một con cừu non mới đẻ ra, tại sao các người lại đày đoạ nó thế này, mong các người hãy trông lại, làm sao cho Ngọc Lan, cháu dâu của tôi sinh nở được thuận lợi an toàn, cho chắt nội của tôi được bình an chào đời, thân già này dù có phải chết để chuộc lấy tội nghiệt của kiếp trước và cả kiếp này…

Nói xong, bà vùng đứng dậy, lấy vạt áo che lên mặt rồi nhào tới đập đầu vào án thư.

Kẻ hầu người hạ ra ra vào vào, hết thở dài, lại than vắn, khóc chán lại lau nước mắt… không ai có cách gì hơn.

Những bà đỡ hơi có tiếng tăm một chút ở quanh vùng cũng đã được mời cả đến, bằng kinh nghiệm của mình, trổ tài khoe giỏi một hồi, hoàn toàn chẳng giải quyết được gì; thế là lúc đến hăng hái hý hửng bao nhiêu, thì lúc lui ra tiu nghỉu lặng lẽ bấy nhiêu, khiến cho không khí trong Điền phủ lại thêm buồn bã hơn, căng thẳng và ngột ngạt hơn.

Gió bấc vẫn đang gào rít, mỗi lúc một dữ dội hơn; mây đen vẫn đang vần vũ, mỗi lúc một dày đặc hơn; mỗi người đều như thấy tim mình rung lên, tức thở và đang ứ máu…

Một cỗ xe ngựa trang trí rất lộng lẫy ra khỏi kinh thành Lâm Tri, ven theo con đê ngoằn ngoèo bên sông Tri Hà, vội vã lăn bánh về phía thôn Điền Ban. Người ngồi bần thần trong xe là quan thái y trong cung Tề là Công Tôn Hồi Xuân, đang theo lệnh của Thái tể Yến Anh đến thôn Điền Ban, đỡ ca khó đẻ cho Điền phu nhân. Thái y nguyên tên là Công Tôn Du. Sáu năm trước, Tề Tráng công mắc bệnh hiểm nghèo lại rất oái oăm, người đời ai cũng bảo đó là thứ bệnh không tài gì chữa khỏi, vậy mà Công Tôn Du lại chữa được cho nhà vua khỏi bệnh, khiến ngài vui mừng và không ngớt lời khen thái y chữa bệnh rất cao tay, là “nhờ khéo tay nên được hồi xuân”. Thế rồi, thái y thấy hay, đổi ngay tên mình là Hồi Xuân, và cho rằng đó cũng là niềm vinh dự nhất đời mình.

Công Tôn Hồi Xuân tới Điền phủ, không kịp nghỉ ngơi, nước cũng không thiết uống, vội vàng lấy đồ nghề của mình ra, bắt đầu cuộc vật lộn để cứu lấy hai mạng người…

Cũng vào giữa lúc này, ở trong Tấn Dương cung, Tấn Bình công đang dương dương tự đắc, chễm chệ ngồi trên ngai vàng "bá chủ" để nhận lễ mừng của vua chúa các nước Tề, Trần, Thái, Bắc Yên, Khởi, Hồ, Thẩm, Bạch Địch... Xem xét đồ tiến cống của các nước, ông ta ưỡn ngực vênh vang, coi khinh mọi người, làm như mình chính thức trở thành bá chủ của thế giới này. Quan chấp sự Triệu Vũ thì khoa chân múa tay, hô hét chỗ này, doạ nạt chỗ kia, làm ra vẻ nhất trên đời này.

Chư hầu tám nước tại sao phải đến triều cống nước Tấn như thế? Từ khi Bình vương dời đô về Lạc Ấp, triều nhà Chu suy thoái, lệnh vua không ai theo, thiên hạ rối bời bời. Các nước chư hầu tranh giành nhau làm bá chủ, kẻ mạnh bắt nạt kẻ yếu, cậy đông lấn át kẻ ít, kẻ yếu bị kẻ mạnh ăn thịt... chiến tranh nổ ra liên miên, công thành chiếm đất khiến cho thành ấp bị phá huỷ, ruộng vườn hoang sơ, cha con khuất mặt nhau, anh em mỗi người một ngả, người chết đầy đồng, nước mất nhà tan. Trước tình hình đó, Tống đại phu Hướng Nhung, Triệu Vũ của nước Tấn, Khuất Kiến của nước Tề... với những mục đích khác nhau, liên hiệp ra lời đề nghị "dẹp binh". Qua một phen du thuyết, các nước mạnh như Tấn, Sở, Tề, Tần lần lượt hưởng ứng và thông cáo cho các nước nhỏ. Năm 546 trước CN, đã họp liên minh nước Tống, đến dự gồm có mười ba nước là Tấn, Sở, Tề, Lỗ, Vệ, Trần, Thái, Trịnh, Hứa, Tào, Trâu, Đằng và Tống. Khi họp liên minh, nước Tấn, nước Sở tranh nhau đứng đầu, Thúc Hướng của nước Tấn khuyên Triệu Vũ hãy nhường nước Sở, thế là Sở Khang vương đứng đầu. Lần này, tám nước chầu nước Tấn là làm theo những điều đã hứa hẹn với nhau khi họp liên

minh chầu nước Sở, chưa tới ngày thì Sở Khang vương chết, Tấn Bình công quay về.

Chư hầu tám nước lần lượt mang những gì quý hiếm trên đời của nước mình dâng lên làm vui lòng Tấn Bình công. Phái đem vật quý của nước mình cho không những người khác, không đau lòng xót ruột lắm sao? Thế nhưng đấy là việc không còn cách nào hơn? Ai mà chẳng phải nhường nước Tấn lớn mạnh, nếu làm họ tức giận, họ sẽ đem quân đến hỏi tội gây nên chuyện can qua, huỷ hoại tông miếu, đào bới mồ mả, giết hại sinh linh. Đúng là quả đấm lớn thì làm anh. Cọp ăn sói, sói bắt dê, đó là chân lý ngàn năm không đổi, ai có thể làm khác được? Các nhà nho, mà Khổng Tử là đại biểu, muốn thay đổi nó. Nguyện vọng ấy tốt đẹp đấy, tấm lòng ấy từ thiện đấy, mọi người ai ai cũng đều ca ngợi, nhưng mong muốn đó đi đến đâu cũng gặp trở ngại. Cuối cùng nhà Tần giành được chính quyền vẫn phải dựa vào sức mạnh trong tay mình để tiêu diệt sáu nước, đưa thiên hạ, vốn liên tục tranh giành nhau mấy trăm năm, về được một mối. Bởi vậy, đừng có phàn nàn rằng tâm địa của sói quá ác độc, muốn khỏi bị sói ăn thịt, thì hãy trở thành một con cọp!

Báu vật nước Trần tiến cống là cái chén nóng lạnh. Rót rượu vào chén này, mùa đông sẽ ấm lên, mùa hè sẽ lạnh đi, uống ngàn chén không say, vạn chén không lú lẫn.

Báu vật của nước Thái là dạ minh châu. Hạt châu to như quả đào, đặt trong chỗ tối hay ban đêm, ánh sáng toả ra chói lọi, tựa như ban ngày.

Vật tiến cống của nước Bắc Yên là Uyên ương kiếm. Loại kiếm này, kiếm chồng kiếm vợ sánh đôi nhau, nếu có kẻ nào muốn hại chủ mình, cây kiếm sẽ tự tung ra khỏi bao, chém đầu kẻ ấy ngay tại chỗ.

Của quý của nước Khởi là cái làn thuỷ tinh. Treo làn này ở nhà, tự nhiên sẽ thành gió, nếu có ánh sáng chiếu vào, có thể tạo ra mưa.

Vật quý của nước Hồ là con ngựa Xích thố. Đây là một giống ngựa tốt, không uống nước, không ăn cỏ, một ngày cũng chạy được ngàn dặm, tiến thì có thể đuổi gió lướt trăng, thoái lại ẩn thân như vô hình.

Vật cống của nước Thẩm là cái ô cản bụi: Ngày mưa che ô này, không dột một giọt nước nào; ngày nắng đi ô này thì có thể tránh được hết bụi trần.

Vật cống của nước Bạch Địch là cái đai bằng sừng tê giác. Nếu mang cái đai này trên người thì lửa nước không bén được tới, tai ương phải lánh xa.

Tám nước đến triều cống, thì nước Tề là lớn mạnh nhất, nhưng lại không thấy Tề Cảnh công có báu vật dâng lên. Tấn Bình công rất lấy làm tức giận. Sự tức giận ấy đã thể hiện ra mặt, mặt ông sa sầm, từng thớ thịt run lên bần bật, một lúc lâu không nói gì, còn trong lòng sự bực bội bị nén xuống, nén xuống mãi, đột nhiên bật lên như nổ ra thành câu hỏi:

– Tề là nước lớn đến cả ngàn cỗ xe, đất đai rộng, đồng ruộng phì nhiêu, sản vật dồi dào, cơ man nào là châu báu, vậy mà tại sao không thấy có gì là vật cống dâng lên quả nhân nhỉ?

Cặp mắt của Tấn Bình công như hai lưỡi đoản đao sắc nhìn xoáy vào Cảnh công. Dưới ánh sáng lạnh lùng ấy, vóc dáng bé nhỏ của Cảnh công như bị co dúm thêm, run lên trong tư thế co ro ấy. Ông hết nhìn sang phải lại ngó sang trái; tựa hồ như đang muốn tìm kiếm vật gì, cầu cứu một thứ gì… Không khí sảnh đường im phăng phắc như thể chỉ khẽ động vào là sẽ nổ tung.

Giữa lúc đó, bỗng có một người từ sau lưng Tề Cảnh công bước ra. Người này mình cao phải đến một trượng hai, đầu to như cái đấu, mắt lồi như đôi chuông đồng, tiếng sang sảng như chuông, vai rộng ngực nở, lưng như hổ, lườn như beo, mình đầy giáp mãng, ưỡn ngực ngẩng đầu đứng nghiêm ở đó như một cây tháp sắt, khiến cho Tấn Bình công giật mình xo lại, như muốn núp thân vào một chỗ nào đó, lắp bắp hỏi:

– Ngươi là ai? Có điều gì muốn nói?

Người võ sĩ oai vệ như cây thép sắt, bình thản tự nhiên đáp:

– Thần là Điền Bằng, tướng quân hộ giá cho Tề vương đây, đang muốn dâng đồ tiến cống lên đại vương.

– Đồ tiến cống ở đâu, hãy mau mau dâng lên. – Tấn Bình công cuống quýt lên như một gã ăn mày nhìn thấy cơm.

Điền Bằng khum tay làm lễ, tủm tỉm cười nói:

– Đại vương hà tất phải nôn nóng thế. Người ta thường nói: Cơm ngon không sợ muộn, tướng tài áp trận sau, trò hay ở cuối buổi diễn. Đại vương đã nói nước Tề là nước lớn ở phương Đông, quân khoẻ ngựa lớn ruộng tốt hàng ngàn dặm, sản vật dồi dào, lắm muối nhiều cá, nam có Thái Sơn bền vững, bắc có Bột Hải hiểm trở, tây có Hoàng Hà chắn ngang, là nước sau cùng dâng vật cống, chẳng phải là sự việc hợp tình hợp lý hay sao?

– Tướng quân nói phải lắm, quả thực đó là việc trong tình lý.

– Nỗi tức giận của Tấn Bình công tạm dịu xuống, vẻ mặt tươi cười hỏi.

– Nhưng không biết nước Tề định tiến cống vật gì đây.

Điền Bằng chậm rãi nói:

– Lão Sính (Lão Tử) là tác giả của “Đạo đức kinh” có nói: “Người giàu sang thì cho người tiền bạc; người nhân thì cho người lời nói”, vua tôi nước Tề tuy không dám nhận xằng nhân nghĩa, tuy nhiên tiên quân là Hoàn công cũng đã từng chín lần hợp chư hầu, không phải động đến binh xa, sắp xếp được thiên hạ, trở thành bá chủ đầu tiên ở vùng Hoa Hạ, bởi vậy xin mạo muội dâng lên vài lời: “Việc trên đời đắc đạo thì nhiều người giúp, thất đạo thì ít người giúp, làm nhiều điều bất nghĩa tất sẽ tự giết mình? Nếu đại vương biết lấy điều này để làm kim chỉ nam, xử sự phải nghiêm với mình thì ích

lợi sẽ không phải nhỏ, và còn hơn châu báu ở trần gian này rất nhiều…”.

Như một quả bóng xì hơi, Tấn Bình công ngồi phịch xuống ngai vàng, khóc dở mếu dở. Bởi những điều vị tướng nước Tề là Điền Bằng vừa nói, thật không thể bắt bẻ vào đâu được, ngẫm nghĩ mỗi lời nói của ông, câu nào cũng rất ý nhị, câu nào cũng mang hình ảnh bóng gió – một nước lớn ở phương đông, lính mạnh ngựa khoẻ, đồng ruộng phì nhiêu muôn dặm, sản vật dồi dào, lắm muối nhiều cá, rồi nam có Thái Sơn bền vững, bắc có Bột Hải hiểm trở, tây có Hoàng Hà chắn ngang; rồi Tề Hoàn công ngày xưa chín lần hợp chư hầu, không phải động đến binh xa, sắp xếp lại được thiên hạ, trở thành nước bá chủ đầu tiên vùng Hoa Hạ… Những điều hắn nói ra đây bảo là khuyên răn, sao không bảo là đe doạ, là cảnh báo nhau…

Những lời lẽ ấy của Điền Bằng quả là có sức rung động, làm cho Tấn Bình công định nổi nóng thì không dám, không nổi nóng thì không chịu nổi, tiến thoái lưỡng nan, thật là thảm hại!

Chư hầu bảy nước đều đang ngầm chúc mừng thắng lợi, Điền Bằng đã giúp cho họ hả giận, đúng là uốn dẻo ba tấc lưỡi, thắng cả triệu binh hùng.

Cũng như chiến thắng ở xa trường, Điền Bằng thừa thắng xông lên truy kích, nói:

– Trời có khi râm, khi nắng, có ngày lại có đêm, trăng có khi tròn khi khuyết, một năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông

lần lượt đổi thay. Muôn vật trên đời này, có sinh ra, thì có chết đi. Ngay như mãnh hổ là ông vua trong muôn loài thú, khi xưa từng hay hung hăng tàn bạo biết bao, vậy như khi đã già rụng hết răng, thì chỉ một con chó săn cũng có thể kết liễu đời nó. Những đạo lý nghe mãi quen tai này lẽ nào lại không đáng để cho những bậc quân vương, những ai muốn xưng bá xưng hùng phải để tâm nghiền ngẫm?

Tấn Bình công thẹn đỏ cả mặt, cúi gằm mặt xuống, quần thần văn võ trong triều cũng như cỏ mùa thu gặp sương muối, héo queo đi...

Không khí trong đại sảnh từ căng thẳng đến im lặng, từ mừng vui đến sống động hẳn lên. Chư hầu bảy nước và đám tuỳ tùng của họ, chỉ muốn la to lên để ra oai, nhưng ngặt vì lễ phép ngoại giao, buộc phải nén tình cảm của mình lại, cho nên sảnh đường bỗng như thầm reo lên khúc nhạc tươi vui như mùa xuân.

Bị vui lây trong không khí đó, Điền Bằng bỗng trở nên sôi nổi, hăng say thêm, ông khảng khái bày tỏ rằng:

– Mặt trời rừng rực, mặt trăng dịu dàng, muôn sao lấp lánh... tất cả đều toả sáng, trong sạch và lớn lao. Tuy nhiên, thoát khỏi sự nâng đỡ của bầu trời, thì sẽ lần lượt theo nhau mà rơi xuống, tan tành ra từng mảnh...

Tiếp đó, Điền Bằng lại kể cho Tấn Bình công nghe hai câu chuyện ngắn gọn để nói rõ cốt lõi những điều mình nói ra: “Đắc đạo được nhiều người giúp; thất đạo thì ít người giúp. Làm lắm điều bất nghĩa, tất sẽ tự giết mình”.

Có một nhà quý tộc họ Trương tên là Thanh Càn, trong nhà không thiếu gì tiền cả, trong tay cũng có ít quyền hành, trong xã hội lại có thế lực, bởi thế nên hắn ỷ thế chẳng sợ gì ai, hoành hành ngang ngược trong thôn xóm, hà hiếp dân chúng, đánh đàn ông, cướp đàn bà con gái, muốn sao được vậy, khiến dân chúng căm ghét đến bầm gan tím ruột. Một hôm, trang viên của Trương Thanh Càn bị cháy, khói đen cuồn cuộn, ngọn lửa ngút trời cao, chỉ dựa nguyên vào mấy tên gia đinh kêu rát cổ, gõ vỡ cả thanh la, dân chúng bến bên vẫn khoanh tay đứng nhìn. Mà đâu chỉ có khoanh tay đứng nhìn, họ còn sung sướng khi thấy người khác mắc hoạ, còn vỗ tay khen hay, khi thấy một trang viên lớn như thế biến thành tro bụi, gia sản hàng vạn quan bỗng nằm trong biển lửa mênh mông.

Có một viên huyện lệnh, yêu dân như con, một lòng một dạ nghĩ cho dân, hết lòng phục vụ nhân dân, tất cả đều vì lợi ích của dân chúng, dù có phải vào nơi rừng gươm biển lửa, cũng vẫn vui lòng làm. Một năm, vào giữa mùa hè, mưa như trút nước, nước lũ từ trên núi mang cả đất đá cuốn theo, cuốn chảy như thác. Xem chừng nhà của huyện lệnh sắp bị nước lũ cuốn trôi, nên hàng chục người dân đã xả thân quên chết, xông lên phía trước, cứu được mẹ già tám mươi tuổi cùng vợ con cháu chắt của ông.

So sánh hai câu chuyện này, ăn ở với mọi người thế nào, xử thế ra sao, làm quan thế nào, nắm quyền và dùng quyền như thế nào, chẳng đã trong như nước sáng như gương đó sao?

Điền Bằng nói đĩnh đạc mà trơn tru, vừa thấu tình, vừa đạt lý, những lời lẽ đó chẳng những là nói cho Tấn Bình công nghe, mà cũng là nói cho Tề Cảnh công và bảy nước chư hầu khác nghe.

Tấn Bình công hầu như đã bị những lời nói của Điền Bằng tác động, lắng nghe rất thích thú. Triệu Vũ thì không thể đợi lâu hơn được nữa, mấy lần định cắt ngang câu chuyện, nhưng rốt cuộc chẳng có dịp nào để xía ngang vào, bởi vì lời lẽ của Điền Bằng như dòng thác từ trên cao lao xuống như bay. Hắn cuống lên, bồn chồn, dậm chân đấm ngực, rồi lại đưa tay nắm lấy đốc kiếm. Hắn vốn biết chúa công của mình vốn dễ bùi tai, rất sợ rằng sẽ bị Điền Bằng thạo đường ăn nói thuyết phục mất. Tất cả những điều đó, Điền Bằng đều nhìn nhận thấy hết, nhưng lại lờ đi như không biết, cho mãi tới lúc cuối cùng câu chuyện, mới nói:

– Triệu tướng quốc sao phải bồn chồn không yên như thế? Phía sau kia đã chẳng có lính phục sẵn đó sao, lẽ ra phải hành động từ lâu rồi chứ…

Đòn này quả thật là hết sức bất ngờ với Triệu Vũ, nên hắn không kịp phản ứng, chỉ giương to đôi mắt như một phản xạ có điều kiện, đặt tay vào đốc kiếm, bước lên nói:

– Mi…

Điền Bằng đặt tay vào đốc kiếm, bước lên nói:

– Thế nào? Triệu tướng quân muốn thử sức một chút hay sao? Có điều chắc hẳn tướng quốc đã rõ trong lòng, nếu thực

sự thử sức với nhau, thì ông còn lâu mới xứng là địch thủ của tôi, tôi sẽ lấy đầu vua tôi các người để tạ thiên hạ…

Cả sảnh đường tuốt kiếm giương cung, không khí căng thẳng đến mức sắp có thể bùng nổ.

Tấn Bình công run lẩy bẩy nói:

– Tướng quốc không được vô lễ, đãi khách sao có thể bất nghĩa… Triệu Vũ lùi ra sau mấy bước, Điền Bằng nói:

– Triệu tướng quốc sao chẳng nghĩ coi, xưa nay việc văn cũng phải đề phòng bằng võ chứ, trước một quốc gia như hổ như sói, lẽ nào cả tám nước chúng tôi mang thịt cho hổ đói mà lại không đề phòng hay sao?

Tấn Bình công tự đánh trống lấp nói:

– Các nước với nhau, phải hoà thuận với nhau mới phải, chớ có gặp nhau bằng binh đao thế này.

Điền Bằng khí thế hiên ngang nói:

– Xin đại vương và Triệu tướng quốc chớ nên quên, nước Tề là nước lớn ở phía đông, những người con của nước Tề đều là dòng dõi của Hoàn Công, Quản Trọng, sao có thể chịu lép vế với người khác?

Điền Bằng nói xong, ngửa mặt cười, khí thế ngút trời xanh.

Buổi triều cống thế là kết thúc, chẳng lấy gì làm vui vẻ. Lúc sắp ra đi, Điền Bằng e rằng nước Tấn cho quân mai phục ở nơi quan ải nên đã đề xuất với Tấn Bình công, đề phòng bọn lục lâm cướp đường làm xấu cả nước Tấn hùng mạnh, nên xin Triệu tướng quốc dẫn đường cho đông đảo chư hầu chúng tôi an toàn qua khỏi những nơi quan ải. Tấn Bình công đã vui vẻ nhận lời.

Nước Tấn phần lớn là đường núi, dọc đường quân Tấn mai phục bốn phía. Tuy nhiên, có Triệu tướng quốc dẫn đường, nên dọc đường cũng thông đồng bén giọt. Tính mạng của Triệu Vũ nằm trong tay các chư hầu, quân Tấn làm sao dám hành động khinh xuất được?

Cũng đúng vào lúc ấy, Điền Thư, cha của Điền Bằng đang thống soái quân Tề đánh nhau ở Hiệp Cốc, đánh cho quân Lỗ cả người lẫn ngựa thua liểng xiểng.

Đêm đã khuya, trong nhà Điền phủ ở Điền Ban, thái y Công Tôn Hồi Xuân đang đỡ đẻ cho bà trẻ họ nhà Điền là Phạm Ngọc Lan, không biết xoay xở bao nhiêu lâu rồi, xương chậu của Ngọc Lan như được nới lỏng, một nàng hầu nhanh mắt đã reo lên:

– Lạy trời lạy Phật! Thế là đẻ được rồi!

Mọi người có mặt nghe thấy thế đều xúm nhau lại nhưng đó mới chỉ là cái đầu gối tròn xoe. Tuy nhiên, nói ra thì đây là là một điềm lành, đứa trẻ quý mà ra như thế, là tượng trưng cho chữ “quý” tức là quý tử, sản phụ nếu nhịn được đau, phối hợp nhịp nhàng với thầy thuốc, cố sức rặn ra thì cũng

vẫn đẻ được. Thế nhưng Phạm Ngọc Lan lúc này làm gì còn sức mà phối hợp, nằm thẳng đơ ra đấy, không còn cả sức để vật vã kêu rên như lúc đầu nữa. Thái y Công Tôn luống cuống cả chân tay, trán cũng toát mồ hôi, nổ cả đom đóm mắt, hai tay run rẩy, chúi đầu xuống đất… Đúng vào lúc đó, ngoài sân có tiếng hỏi:

– Thế nào? Sinh rồi chứ, cả mẹ cả con đều bình an chứ? Mau tránh ra, để ta vào xem nào!

Trong khi còn đang nói, còn chưa kịp bẩm báo vào trong, một người đàn bà trông hệt như Dạ Xoa bước vào…

Trung Nguyên cuối thời Xuân Thu (thế kỷ 5 TCN)



CHƯƠNG II

ĐIỀN PHỦ HAI TIN MỪNG
CỬA TƯỚNG THÊM HỔ TỬ

Như trên vừa kể, Điền Bằng phu nhân Phạm Ngọc Lan đẻ khó, thai nhi ra ngang, Thái y Công Tôn Hồi Xuân đành chịu bó tay, vã mồ hôi trán, mắt nổ đom đóm, hai tay run rẩy, chúi đầu xuống đất, đúng lúc đó, có một người đàn bà như quỷ dạ xoa, xông vào nhà. Sau khi vào nhà, người đàn bà ấy chẳng hỏi đầu đuôi xuôi ngược, liền đi rửa sạch tay và bắt đầu hành động, vừa làm vừa ca cẩm trách mọi người chẳng biết cái gì cả, chê thái y là đồ vô tích sự, làm như chỉ có bà ta, mới là chủ nhân của Điền phủ, mới là chúa tể của căn phòng này. Cách làm của bà ta hoàn toàn ngược lại với thái y, không bắt phu nhân cố rặn, muốn cái thai nhanh chóng được đẻ ra, mà để cho sản phụ thu bụng về thở đều, còn bà ta thì lấy tay đẩy cái đầu gối của thai nhi trở lại, sau đó dùng cả hai tay mình nhẹ nhàng xoa bóp, sờ nắn trên cái bụng nhô cao như mỏm đồi của Ngọc Lan. Như thế, Ngọc Lan có cảm giác sự dày vò bớt đi nhiều, mồ hôi hột trên mặt cũng dần dần ít đi, nét mặt từ trắng bệch như giấy bỗng chuyển sang vàng như sáp, rồi dần dần xuất hiện vài tia máu hồng, nhịp thở cũng đều đặn hơn trước đó. Không biết như thế bao nhiêu lâu bà dạ xoa ấy ấn mạnh vào phần bụng dưới nhô cao, Ngọc Lan giật bắn mình như một người chết sống lại tiếp tục vật vã miệng lại tru tréo kêu rên.

Bà ta bảo Ngọc Lan hãy nghiến răng và nín hơi, không được kêu, nhưng đời nào Ngọc Lan chịu nghe cho được, còn kêu

dữ dội hơn. Cực chẳng đã, bà ta đưa tay bịt lấy miệng Ngọc Lan, tay kia tiếp tục xoa bóp, như thế là toàn bộ hơi sức của Ngọc Lan lúc này đã có thể dồn xuống dưới, không thể dồn lên. Áng chừng hút tàn điếu thuốc, phần thai nhi nhô ra không phải là đầu gối của đứa trẻ, mà là cái đỉnh đầu tròn trịa đen láy. Cái đầu nhô ra của thai nhi mỗi lúc mỗi to dần, đột nhiên bà đỡ ôm ngang lưng Ngọc Lan, như thể vực nàng ngồi phắt dậy. Ngọc Lan hét lên một tiếng như xé ruột. Cũng lúc đó ở ngoài trời, tiếng sấm long trời lở đất như muốn nổ tung căn phòng bị bóng tối bao trùm này, tiếp đó là tiếng kêu gào đầu tiên của đứa trẻ sinh ra trên cõi đời đầy tai ương hoạn nạn này…

Tiếng khóc của đứa trẻ rộ lên từng cơn đã xua tan những đám mây che phủ bầu trời, làm khô đi những giọt mồ hôi trên trán mọi người, những trái tim thấp thỏm lo âu cũng được yên ắng lại, cả gian phòng rạng rỡ ánh mắt tươi vui và đầy không khí phấn khởi. Phạm Ngọc Lan ngủ thiếp đi, mặc cho người khác sắp đặt. Khi nàng chợt tỉnh bởi tiếng khóc oa oa của đứa trẻ, nàng mới ý thức được rằng thế là mình đã hoàn thành được sứ mạng mà người đàn bà nào cũng phải hoàn thành. Mọi nỗi khổ đau như đã bị tiêu tan hết, lúc này bao trùm lấy nàng chỉ còn ấm áp, ngọt ngào và sung sướng. Vất vả lắm, nàng mới trở nghiêng được mình, định đưa đầu vú vào miệng con, thế nhưng chàng tí lúc đó mắt cũng không thèm mở, chỉ biết ra công khóc, hai bàn tay nhỏ xíu nắm chặt lại, đôi chân thay nhau đạp cựa lung tung. Xem chừng đây cũng lại là một con người quật cường, không cam chịu theo sự thăng trầm của thế tục, một võ tướng muốn ra tay chống lại cái xã hội rối loạn này.

Người đàn bà trông như quỷ dạ xoa ấy là Ngô Xuân Nương, lang thang đây đó chữa bệnh kiếm ăn, do sở trường về đỡ đẻ, nên nổi tiếng xa gần, cứu được nhiều người nên người ta gọi bà là Ngô Bồ Tát. Trước đây, do quê hương bị thiên tai đói kém, bà phải theo cha lưu lạc sang Tề, may được Điền phủ chu cấp cưu mang, nên mới giữ được mạng sống cho cả nhà từ trẻ đến già, bởi thế mang ơn. Gần đây, nghe nói Điền Bằng phu nhân trở dạ đẻ khó, cho nên bà từ tỉnh ngoài đi ngày đi đêm để về kịp và sự việc đã diễn ra đúng với sở nguyện của mình nên lòng thấy được an ủi rất nhiều.

Theo phong tục nước Tề, sau khi sinh (con trai thì sáu ngày, mười hai ngày, con gái thì năm ngày) có nghĩa là sau khi đứa trẻ ra đời, trong những ngày này, phải sửa tiệc đãi khách, chúc mừng rầm rộ. Mức độ long trọng đến đâu, đương nhiên phải cân nhắc theo hoàn cảnh từng người. Như nhà họ Điền, mang tiếng một danh môn quý tộc, đứa trẻ lại là con trai, đương nhiên là không thể không bày tiệc lớn, bè bạn cao sang chật quanh mâm, thân thích họ hàng đến chật nhà trên nhà dưới, rồi dăng đèn kết hoa, trang trí trong ngoài để rầm rộ chúc mừng một phen. Tuy nhiên, họ không làm như vậy, vì cha của đứa trẻ là Điền Bằng đang cùng với vua đi sứ nước Tấn; ông nội của đứa trẻ là Điền Thư, hiện đang đem quân đi đánh lớn ở Hiệp Cốc, muốn chúc mừng thế nào, cũng phải đợi cha và ông đứa trẻ trở về rồi mới quyết định được. Chưa nói đến ăn mừng, đứa trẻ ra đời đã mười hôm rồi, cái tên còn chưa đặt được nữa là… Bởi theo phong tục thì tên đứa trẻ là gì, phải do ông nội của nó đặt cho.

Tuy có lời đề nghị “dẹp binh” của Hướng Nhung nước Tống, Triệu Vũ nước Tấn, Khuất Kiến nước Sở…nêu ra, rồi hiệp

nghị về nghiêm cấm các nước công phạt nhau mà mười ba nước Tấn, Sở, Tề, Lỗ… Đã đi đến nhất trí khi họp liên minh ở nước Tống năm 546 trước CN, thế nhưng trong cái thời đại phân tranh này, minh ước tuy cũng có tác dụng ràng buộc nhất định, nhưng những chư hầu thực sự giữ tín nghĩa, nghiêm chỉnh thực hiện minh ước thì chẳng có bao nhiêu, nhất là các nước lớn, các nước mạnh, họ coi việc xé bỏ những lời cam kết như trò trẻ con. Mùa thu năm thứ hai, sau khi mười ba nước liên minh với nhau ở Thương Khưu, nước Lỗ đã gây nên xung đột ở biên giới, Tề Cảnh Công sai đại tướng Điền Thư mang quân đi đánh dẹp.

Tề, Lỗ là hai nước sát vách nhau, lại có mối liên duyên lâu đời trong tình cậu cháu, nhưng quan hệ lại rất tồi tệ, thường xuyên loè bịp lừa gạt nhau, tranh giành nhau, khiến nhân dân hai nước luôn sống trong cảnh nước sôi lửa bỏng. Nước Tề mạnh, nước Lỗ yếu, nên số lần nước Tề mang quân sang xâm lấn nước Lỗ cũng nhiều hơn. Tuy nhiên, nước Lỗ cũng không phải tay vừa, cứ như một con dế ham đấu, thường dám nhảy cả lên mào gà mà ra oai. Mùa xuân năm 545 trước CN, minh ước Thương Khưu còn chưa ráo mực, nước Lỗ lấy cớ quân Tề bắt và giết dê cừu của dân du mục nước mình, nên đã gây cuộc xung đột biên giới, cử một trong "Tam Hoàn" là Mạnh Tôn Thị làm tướng, đem mười vạn quân đi chinh phạt nước Tề. Nhận được tin báo từ biên giới, Tề Cảnh Công cho chiêu tập quần thần để bàn việc trừng phạt lại nước Lỗ. Thế tập đại phu Điền Thư tướng quân, nguyện đem quân đi đánh, và xin rằng:

– Mạnh Tôn Thị của nước Lỗ, chỉ là một phường phàm phu tục tử, sao lại dám ngông cuồng ngang ngược thế, thần sẽ

đem quân đi bắt hắn về đây, việc ấy thật dễ như lấy đồ trong túi!

Tề Cảnh Công nghe vậy liền nói:

– Xưa nay kiêu binh tất sẽ bại, sao ái khanh lại có thể khinh địch đến thế?

Điền Thư biện bạch:

– Không phải là thần kiêu căng khinh địch. Lỗ Tương Công với "Tam Hoàn" quả thực là không hiểu gì về chiến sự. Đất Hiệp Cốc núi cao rãnh hiểm, rừng sâu cây rậm, đem quân mười vạn chẳng khác chi hùm vào ngõ sâu, cá kình lên suối nhỏ, quân có nhiều đến đâu, tướng soái có mạnh đến đâu, cũng phỏng có ích gì. Thần chỉ xin mang một vạn quân tinh nhuệ, đến đó để ứng chiến, không thu toàn thắng, xin chịu quân pháp!

Thấy lời lẽ của Điền Thư có lý, vả lại thấy ông xưa nay chưa bao giờ nói điều gì quá đáng, chưa làm việc gì liều lĩnh, sự vững mạnh thì có thừa, nhưng hăng hái xem ra còn chưa đủ, Tề Cảnh Công liền tranh thủ sự đồng ý của các bậc lão thần, rồi mới giáng chỉ phát binh, kéo quân đến Hiệp Cốc.

Hiệp Cốc ở vùng núi Nghi Mông, là đất cát cứ để phân chia ranh giới giữa nước Tề và nước Lỗ, núi non trập trùng hiểm trở, suối khe dọc ngang chằng chịt, trời không râm cũng tự tối, ngày đang nắng vẫn âm u, lang sói thấp thoáng trên rừng, rắn rết từng bầy dưới đất, ngựa leo lên cũng trẹo chân, xe vào khe cũng mất lối. Quân Lỗ muốn triển khai tác chiến

đại binh đoàn ở đây, có khác gì lùa đàn cừu ra chợ. Đương nhiên, Lỗ Tương Công với "Tam Hoàn" cũng không phải ngốc đến mức không biết ngày rạng đêm đen, cha khôn con dại, mà họ muốn xuất kỳ bất ý, mau chóng vượt qua vùng núi Nghi Mông, đánh thẳng vào Lâm Tri kinh đô nước Tề, đặt nước Tề vào đất chết. Nhưng họ có biết đâu rằng: Nước Tề chẳng hề giống như con chó chết, mà là một con sói đang còn sống, đang lúc Mạnh Tôn Thị gảy bàn tính rào rào, Điền Thư đã đem quân chặn ngang đường, còn bít mất cả đường về của quân Lỗ.

Gần mười vạn quân bị vây chặt ở vùng rừng thiêng nước độc, cây đá âm u, muốn tiến không được, muốn lui cũng không xong, cứ y như chuột chui vào bễ lò rèn. Điền Thư không hề đem quân trực tiếp đọ sức với nước Lỗ, mà ém quân mình ở chỗ hiểm yếu những nơi quan ải, nằm kín ở trong rừng cây bụi cỏ, chiếm lấy đỉnh của núi cao, tìm cơ hội để đánh úp tiêu diệt địch. Do những nguyên nhân hình thành trong lịch sử quân Lỗ xưa nay vốn đã sợ quân Tề, đối với người giỏi cầm quân như tướng quân Điền Thư, nghe đến tên lại càng sợ mất mật. Thêm nữa, từ lúc giao chiến trở đi, quân Lỗ phơi ra chỗ trống, quân Tề ở chỗ kín. Quân Tề đã bỏ xe mà đổi sang dùng ngựa, cơ động linh hoạt, xuất quỷ nhập thần, làm cho quân Lỗ loay hoay bị động, đi đến đâu bị đánh đến đấy, lúng túng tứ bề, không tự chủ được, lòng quân nhốn nháo, hơi tí đã sợ, nhìn đâu cũng thấy quân Tề. Cầm cự chưa được nửa tháng, lương thảo quân Lỗ mang theo gần cạn, hàng chục vạn người ngựa bị vây hãm giữa rừng sâu, quan quân đói khát không chịu nổi quay ra oán thán lẫn nhau, thường chỉ vì chuyện tranh giành lương thực mà chẳng ai đánh cũng tan hoặc tự chém giết nhau. Trước

hiện thực như vậy của quân Lỗ, Điền Thư đã áp dụng hàng loạt chiến thuật dụ địch hoặc đánh vào lòng người.

Một toán con buôn, lùa theo một đoàn ngựa, chở lương thực và đồ dùng đi qua hẻm núi, nhìn bộ dạng có vẻ như đem các thứ sang nước Lỗ bán. Từ xa, quân Lỗ đã phát hiện thấy, đời nào lại chịu bỏ qua, vội vàng đuổi gấp theo sau hòng cướp lấy để nhét vào những cái dạ dày đang lép kẹp. Đương nhiên đám con buôn cũng chẳng chịu khoanh tay chịu trói, nghe thấy tiếng hô hoán, vội vàng bỏ chạy. Thế là một bên chạy, một bên đuổi, đuổi mãi đến hẻm một quả núi cao; hàng vạn mũi tên bắn ra rào rào như mưa, đá lớn từ trên dốc cao lăn xuống, lần lượt đập cho quân lính nước Lỗ nát nhừ như tương. Chẳng lẽ quân Lỗ lại không biết tìm đường quay lui? Đương nhiên là có! Nhưng đường về của chúng đã bị quân Tề ém chặt, đành phải chịu để cho quân Tề đông gấp nhiều lần từ trên cao xô xuống chém giết.

Mưa xong trời tạnh, từng đoàn các cô gái quần áo loè loẹt mang làn tre trên tay, miệng hát sơn ca nói nói cười cười, ríu rít đi vào rừng sâu hái nấm. Bị gò bó lâu ngày ở trốn xa trường, quân lính nước Lỗ nhìn thấy bóng đàn bà con gái làm gì mà chẳng nhao nhao lên như ngồi vào lửa, tên nào tên ấy lồng lên như thú muốn ra vồ ngay đến các cô gái. Các cô gái thấy vậy, cũng bỏ chạy tán loạn khắp nơi, trốn vào rừng cây, chui vào búi cỏ. Có biết đâu chỗ các cô gái vào ra đấy, lại là nơi mai phục của quân Tề. Chờ cho quân Lỗ đuổi gần đến trước mặt, sau một tiếng huýt sáo báo hiệu, quân Tề nhất loạt đánh ra, do không có đề phòng, nên quân Lỗ bị đánh cho tơi tả; chạy tán loạn các nơi, máu me bê bết.

Cùng với ngày tháng trôi đi, đói khát đã đe doạ nghiêm trọng đến quan quân nước Lỗ, thậm chí đã tới mức phải giết ngựa để ăn trừ bữa. Từ lính đến quan bỏ quân ngũ ngày một nhiều. Quanh những chuyện như lương ăn, tìm đường sống, số mệnh, tiền đồ… Giữa Mạnh Tôn Thị và các tướng lĩnh, giữa cấp trên với cấp dưới trong quân đội, giữa các phái hệ với nhau… Mâu thuẫn ngày càng phức tạp kịch liệt đến mức độ căng thẳng công khai, tựa hồ như một đám nhựa khô, chỉ cần một tia lửa là có thể bốc cháy thành biển lửa ngút trời. Dần về sau, những chuyện đánh nhau giành lương thực, giết chết quân quan thường xuyên xảy ra. Quân Lỗ đói đến mức như một bầy ong, rối loạn lên như một nồi canh hẹ, như thế khó mà nói đến sức chiến đấu. Quân Tề vốn hoàn toàn có thể thừa dịp mở cuộc tấn công toàn diện, đánh một trận để tiêu diệt địch. Tuy nhiên, Điền Thư lại không muốn làm như thế, bởi vì "chó cùng rứt giậu", đánh giết chúng, tất hai bên đều sẽ bị thương vong, dù cho có nắm được phần thắng tuyệt đối, thì phía mình cũng phải trả giá, ông lại không muốn nhìn thấy tướng sĩ của mình phải đổ máu hy sinh. Hơn thế nữa, giết nhiều địch, không hẳn là thiên chức của một nhà quân sự, cầm quân không đánh mà khuất phục được địch, thế mới là một nhà chỉ huy sáng suốt.

Từ trong khe núi, trên bãi cỏ, trong lùm cây, quân lính nước Lỗ đói đến nỗi không cất nổi đầu lên, ôm khí giới trong lòng, đứa nằm sấp, kẻ nằm ngửa, hoặc đứng hoặc ngồi dựa vào nhau, bỗng nhiên từ đâu thoảng tới mùi cơm chín, người nào người nấy thèm nhỏ dãi ra. Trong số binh lính ấy có kẻ nào bạo dạn, hoặc đói quá không chịu nổi, len lén bò dậy, nhoài tới hướng có mùi cơm thơm. Một tên, hai tên, rồi cả chục tên, đám quân Lỗ ấy bất chấp cả nguy hiểm tới tính

mạng, đã sang xin ăn bên quân Tề. Trong trường hợp này, chỉ làm sao giữ được mạng sống của mình, còn bất kể việc gì chúng cũng có thể làm. Tướng sĩ quân đội nước Tề, chẳng những hữu hảo, mà còn khẳng khái và rộng bụng, họ coi quân lính nước Lỗ như người thân, như anh em mình, không những họ cho ăn no, mà còn để người nào người nấy thả sức mang về. Cấp trên của quân Lỗ phát hiện ra, đương nhiên là chửi mắng, đánh đập và cấm đoán họ. Có điều, cấp trên cũng là người do cha mẹ sinh ra, cũng là xương thịt, cũng biết rằng chịu đói "sung sướng" như thế nào rồi nên dần dần họ có thấy cũng làm ngơ coi như không biết. Thậm chí còn ngầm xúi giục và ủng hộ cho lính ra đi, bởi đám lính tráng ấy quay về rất có thể còn đem về cho chút cơm thừa canh cặn, đủ ăn để sống.

Binh lính quân Lỗ đã mắt thấy tai nghe sự đãi ngộ quân Tề hết sức nồng hậu, chẳng những có thể được ăn no cơm trắng và ánh hấp, mà còn có thịt, có rượu nữa. Rượu của quân Tề mới thơm, mới quyến rũ làm sao khiến cho họ không thể nào không nhỏ dãi ra vì thèm được.

Quân Tề đem cho quân Lỗ từng bao gạo, từng xe bột mì kèm theo những bức thư chan chứa nhiệt tình, khuyên quân sĩ bên Lỗ hãy cải tà qui chính, làm lại cuộc đời.

Ngón đòn ấy của Điền Thư quả là ghê gớm, chẳng mất một nhát dao một cây thương, chẳng thiệt một mạng lính nào, làm cho quân Lỗ như tảng băng trong lửa, như tuyết dưới mặt trời, tự động tan rã, mỗi ngày chạy trốn sang trại lính Tề có tới hàng ngàn quân. Mạnh Tôn Thị thấy tình thế tồi tệ,

vội vàng xin hàng, lại ký minh ước với Điền Thư, thu thập đám quân bại tướng thảm hại quay về chịu tội.

Lúc Điền Thư ca khúc khải hoàn về đến nhà mình, đã là ngày bảy tháng chạp, hôm sau đã là ngày thứ một trăm Tôn Tử ra đời. Theo phong tục nước Tề, ngày này phải làm lễ thật to để lấy may, buổi lễ mừng này tục gọi là "sống trăm năm". Vì cha là Điền Bằng và ông là Điền Thư đều công cán nơi xa, nên ăn mừng ngày thứ sáu, ngày thứ mười hai đều chưa làm được, do vậy nên lễ "trăm năm" đương nhiên là long trọng khác thường, lại rộn rã treo đèn kết hoa, khách khứa đầy nhà, đàn hát rộn rã, niềm vui ngập tràn. Rượu được ba tuần, thức ăn năm món, Điền Thư sai vú em bế ông nhỏ ra cho các vị bạn bè và người thân xem mặt. Đương nhiên điều đó cũng không ngoài ý muốn khoe khoang mà cũng theo lệ thường, mỗi vị đến dự tiệc đều phải cho tiền mừng tuổi, cho nên tiền mừng và những lời khen ngợi tâng bốc, cứ như nước rửa tội ở nhà thờ tới tấp trút lên mình cậu bé, có lúc tiền còn rơi leng keng cả dưới đất. Có người hỏi đến tên cậu bé, Điền Thư ớ người ra, liền quay sang hỏi mẹ già cao tuổi ngồi bên, bà mẹ nói như có ý trách móc:

– Đã đến lễ trăm năm rồi mà còn chưa có tên.

– Tại sao thế? – Điền Thư hầu như rất lấy làm lạ.

– Có mà anh mừng quá hoá lú lẫn mất rồi! – Bà nội cười lên ha hả, hai mắt tít lại thành một vạch ngang – ông nội nó đi đánh giặc xa, hôm qua mới về, thì lấy ai đặt tên cho thằng bé?

– À ra thế! À ra thế… – Điền Thư thẹn đỏ cả mặt, đó là cử chỉ cáo lỗi với mẹ và với con trai mình. Ông đón cháu nội mình vào lòng, hôn hít một hồi, rồi trêu chọc một hồi, vui mừng hể hả nói – Các vị hãy xem đây, thằng bé này vóc dáng to lớn hơn những đứa trẻ bình thường, chân tay to khoẻ, đầu như đầu hổ, hai mắt trong sáng tinh anh, nhất định lại sẽ trở thành một viên võ tướng. Điều đó cũng nói lên rằng: Họ Điền nhà ta về sau sẽ có người nối dõi, võ vận sẽ lâu dài, thế thì lấy tên là Điền Vũ, tự Tử Khanh, các vị thấy thế nào?

Sảnh đường bỗng ran lên tiếng vỗ tay khen ngợi và tiếng reo vui hồi lâu không dứt…

Nước Tề khi Điền Vũ ra đời, cục diện chính trị rất không ổn định. Tề Tráng công tư thông với Đường Khương là vợ của quan hữu khanh Thôi Trữ. Đường Khương là người đàn bà có nhan sắc, Tráng Công mong nhớ đêm ngày, quên ăn quên ngủ. Hai người đã giấu Thôi Trữ, đầu gối tay ấp, chung chăn chung gối, chung tình mây mưa. Trên đời này bức vách có tai; có kim bọc giẻ lâu ngày rồi cũng lòi ra. Thôi Trữ về sau cũng phát hiện ra điều bí ẩn đó nên ngày Ất Hợi tháng năm mùa hè năm 548 trước CN đã bầy mưu giết chết Tề Tráng Công và dũng sĩ tuỳ tùng của ông ta là Giả Cử, Châu Xước… sau khi Tráng Công qua đời, Thôi Trữ lập em mình là Chử Cữu lên làm vua, tức là Cảnh Công. Khi Tráng Công chết, Yến Anh khóc lóc thảm thiết, vừa khóc vừa chửi rủa bọn gian tặc. Thôi Trữ tuy căm hận hắn đến bầm gan tím ruột, nhưng sợ vì Yến Anh xưa nay vẫn được lòng dân nên không dám hỏi tội. Bất kể một kẻ nào có âm mưu hay kẻ nào có dã tâm cũng đều không dám nhìn thẳng vào sự thực. Thôi Trữ tuy có gan và có bản lĩnh giết Tráng Công, nhưng lại không

dám để cho các thái sử viết những sự thực đó vào trong lịch sử. Ông ta còn bịa ra tin đồn, nói láo rằng Tráng Công chết vì sốt rét, mong bóp méo lịch sử đánh lừa người đời sau.

Thái sử không theo lệnh ấy, với đại nghĩa đường hoàng lẫm liệt đã viết rằng: "Ngày Ất Hợi mùa hè năm Chu Linh Vương thứ hai mươi bốn, Thôi Trữ đã giết vua của mình là Quang". Ba anh em nối tiếp nhau viết thế, đều bị Thôi Trữ giết hết. Đến người em thứ tư cũng vẫn không chịu khuất phục, vẫn cứ viết như trước. Thôi Trữ giằng lấy cái thẻ gỗ vừa đe vừa dụ:

– Ba anh của ông đều chết, chẳng lẽ ông lại không thiết đến cái mạng của mình? Nếu cũng viết như thế, đêm nay ông sẽ chết.

Người em thứ tư ấy đáp:

– Căn cứ vào sự thực mà viết thẳng ra, đó là chức trách của sử gia. Sống mà không tròn chức trách, thì chẳng thà chết đi còn hơn! Xưa Triệu Thuẫn giết Tấn Linh Công, Thái sử là Đổng Hồ đã viết thẳng ra rằng: "Triệu Thuẫn giết vua của mình là Di Bao". Thuẫn là chính khanh, không lấy làm lạ, vì biết rằng chức viết sử không thể bỏ đi được. Người nào đó không viết ngay, thì sẽ có người khác viết, lời lẽ vu vơ bằng mực làm sao có thể che đậy được sự thực bằng máu…

Thôi Trữ chẳng biết làm sao, đành vứt thẻ gỗ trả cho thái sử, mặc cho ông viết thẳng ra, bực bội bỏ đi.

Tề Cảnh Công lên ngôi, lấy Thôi Trữ làm hữu thừa tướng, Khánh Phong làm tả thừa tướng, cùng nắm việc triều chính.

Năm Tề Cảnh Công thứ hai, gia đình họ Thôi hỗn loạn, Khánh Phong thừa cơ diệt cả dòng họ ấy. Thôi Trữ tự sát, Khánh Phong một mình nắm quyền bính trong nước.

Năm Tề Cảnh Công thứ ba, cũng là năm Điền Vũ ra đời, các dòng họ Loan, Cao, Trần, Bào cùng đánh họ Khánh, Khánh Phong trước còn lánh sang nước Lỗ, tiếp đó lại theo nước Ngô.

Điền Vũ như một mầm cây non được sống trong mảnh ruộng mà điều kiện mọi mặt đều tốt đẹp, ở đấy chất đất phì nhiêu, nước nôi đầy đủ, ánh sáng chan hoà, khí hậu thích hợp, không khí trong sạch và ẩm ướt mầm cây cứ thế mà đón gió và mặt trời lớn lên nhanh chóng.

Cậu lại giống như một chồi cây ngô đồng mọc ở hốc núi chỗ thừa ánh nắng mà lại khuất gió, xanh ngăn ngắt, mượt như nhung, đẫy đà và bóng bẩy, non mơ màng như củ cải, bấm một cái nước tứa ngay ra. Chồi cây đó kiêu hãnh vươn mình lớn lên từng ngày.

Cậu lại rất giống như một chú ngựa non, mắt to, tai dỏng, bụng thon mông tròn, mặc lĩnh khoác đoạn lên mình, bóng láng như nước, bờm xanh rung lên, bốn vó kêu như gió, vươn cổ hý dài, sư tử quay đầu, hỗ dữ cũng phải tránh.

Những điều mô tả ở trên, không có nghĩa là chỉ nói về vẻ tướng mạo của Điền Vũ, mà nhiều hơn là biểu hiện làm cảnh sống, tài khí, học thức và sự trưởng thành của cậu bé.

Thông minh, nhanh nhẹn là đặc tính chủ yếu của Điền Vũ ở tuổi thiếu thời. Vầng trán rộng và sáng bóng lên của cậu đánh dấu về nhịp độ và dung lượng tri thức mà cậu có thể tiếp thu. Đôi mắt sáng như bốc lửa của cậu nói lên với mọi người rằng: Thần trí của cậu bé này nhạy bén hơn người, sâu không thể nào dò.

Có một cái hồ chứa nước có dung lượng rất lớn, qua cái ống ngầm thiết kế ở dưới đáy hồ, xả nước ra tưới cho hàng chục vạn mẫu ruộng phía hạ lưu. Mỗi khi mở cái cửa kè ở miệng cống, hồ nước sẽ bị xoáy hút, rồi sóng nhô cao lên đập thành bọt trắng, xô nhau vào miệng cống, gầm réo lên, rung động cả vách núi. Nếu như ví vốn liếng tri thức mà loài người sáng tạo ra với hồ nước mênh mông, thì việc học tập của Điền Vũ chính là động tác mở cửa kè để xả nước, vừa hút xuống vừa nuốt trôi đi ùng ục ùng ục, tốc độ nhanh như thế, số lượng nhiều như thế, dung lượng lớn như thế khiến người ta phải trố mắt ngạc nhiên.

Điền Thư và Điền Bằng quanh năm xa nhà, gánh nặng nuôi dạy Điền Vũ hầu như đặt cả lên đôi vai của bà mẹ trẻ Phạm Ngọc Lan. Cũng may Ngọc Lan lại xuất thân ở một gia đình danh môn khuê tú, từ nhỏ đã được tiếp thu một nền giáo dục tốt đẹp, tri thức rất phong phú và nắm được rất sâu. Mở đầu, bà mẹ ấy đã kể cho Điền Vũ con mình những thần thoại từ ngày xưa, dùng những hình tượng anh hùng để vũ trang cho đầu óc của cậu bé, hun đúc tiết tháo cho cậu, làm phong phú

sức tưởng tượng và tinh thần sáng tạo của cậu. Chẳng hạn như chuyện Bàn Cổ khai thiên lập địa, chim tinh vệ tha gỗ tha đá lấp biển Đông, Nữ Oa luyện đá màu để vá trời và lấy đất sét để nặn ra loài người. Để cho giống người được sinh sôi nảy nở, anh em Phục Hy và Nữ Oa đã lấy nhau làm vợ chồng; Viêm đế dạy nhân dân trồng ngô lúa; Hoàng đế đóng xe đóng thuyền cho dân, Khoa Phụ đuổi mặt trời, Ngu công dời núi, Hậu Nghệ bắn rơi chín mặt trời, Đại Vũ đi trị thuỷ xa nhà ba năm ba lần đi qua cửa nhà mình mà không về... Tiếp đó, Ngọc Lan lại giảng cho Điền Vũ nghe về "Thi", về "Lễ", về "Thư", về "Chu Dịch", dạy con bày bát quái.

Hoặc là ngày, hoặc là đêm, hai mẹ con ngồi đối diện bên bàn, một người thì nói có ngọn có ngành, một người thì chăm chú nghe như nuốt từng lời. Đáng tiếc là bà mẹ học vấn uyên thâm như thế nhiều lúc bị cậu con như đói như khát hỏi cho đến cứng cả họng không sao trả lời được. Thí dụ cậu con hỏi, trước khi có trời đất, tất cả đều hỗn độn tối om như trong một quả trứng, thế thì ông Bàn Cổ ở đâu ra? Cái búa ông dùng để khai thiên lập địa là ai làm cho ông ấy? Tại sao chim tinh vệ lại đi tha gỗ tha đá về lấp biển? Mẹ nó bảo nó làm như thế hay sao? Tại sao mẹ nó không dẫn nó cùng đi lấp? Nữ Oa đã là mẹ của loài người, không có Nữ Oa thì không có xã hội loài người ngày nay, thế thì tại sao đàn bà lại bị xã hội khinh ghét như thế, chẳng có một chút địa vị xã hội nào như thế? Ngu công cũng chẳng phải là thông minh lắm, tại sao ông ta không dời nhà ra xa núi mà ở?

Dời nhà chẳng dễ hơn dời núi hay sao? Hoàng đế và Viêm đế đều rất vĩ đại, tại sao họ lại gây chiến công phạt lẫn nhau, đoàn kết hợp tác với nhau có phải tốt hơn không? Đế Tuấn

là người xấu như thế, suốt ngày làm việc ác, dâng nước lũ trừng phạt loài người, Hậu Nghệ bắn trăm phát trăm trúng như thế, tại sao không bắn chết hắn đi để trừ hại cho nhân gian? … Mỗi lúc như thế, người mẹ trẻ chỉ còn biết đỏ bừng mặt lên, thẹn không biết lánh đi đâu. Để khỏi ảnh hưởng đến sự phát triển trí lực và tăng thêm hiểu biết cho con, nhất là không làm chậm trễ bước đi sau này của con, Ngọc Lan bỗng nảy ra ý định lập trường tư, mời gia sư về dạy học.

Một hôm, Ngọc Lan đang kể cho con nghe câu chuyện Hằng Nga; nói về vẻ đẹp siêu thần thoát tục của Hằng Nga, kể về chuyện nàng theo chồng xuống trần gian, sống không quen với cuộc sống gian khổ tương cà mắm muối, nói về chuyện nàng đã ăn vụng thuốc tiên của chồng, bay lên cung trăng, bỏ lại người chồng sống cuộc sống đơn côi cực khổ ở trần gian, nói chuyện Thượng đế giáng chức Hằng Nga biến nàng thành con cóc xấu xí ai ai cũng ghét. Ngọc Lan bình luận: "Một nàng tiên sinh đẹp như thế, bị biến thành một con cóc xấu xí, thật là đáng tiếc, bụng dạ của Thiên đế cũng thật là quá ác độc".

Cậu bé Điền Vũ mới lên năm, tỏ ra không đồng ý với cách nhìn nhận của mẹ mình, bác lại rằng:

– Mười mặt trời cùng mọc, mặt đất quá nóng bỏng, lúa mạ chết hết, vườn ruộng hoang vu, chim thú chạy mất hết, mặt đất trở nên hoang vắng, để cứu loài người đang trong cơn nước sôi lửa bỏng, mặc dù bị các thiên thần địa kỳ nhao nhao phản đối, Hậu Nghệ đành phản lại triều đình, bỏ xuống trần gian, giương cung lên bắn chín mặt trời, cứu được nhân loại đang sắp bị tai ương lút đầu đó là một hành

động lớn lao anh hùng biết bao? Thế mà Hằng Nga lại phản bội chàng, ăn vụng thuốc tiên để lên cung trăng, đó lại là một linh hồn ti tiện nhơ bẩn biết bao, Thiên đế bắt nàng biến thành con cóc xấu xí để ngàn người khinh ghét, vạn người phỉ nhổ, chẳng phải là đáng tội lắm sao? Chỉ có cái xác xinh, mà không có một linh hồn đẹp, thì không bằng đống phân chó của loài người, có quái gì mà đáng tiếc?

Mẹ cũng chê nghèo yêu giàu, mạnh ai ôm áo người ấy như Hằng Nga, thì con cũng chẳng nhận một người mẹ như thế…

Phạm Ngọc Lan đâm ra e thẹn cúi đầu, một lúc lâu không nói gì.

Lại có một lần Phạm Ngọc Lan kể cho con trai mình nghe về công đức vô lượng của Đường – Nghiêu. Cứ như lời nàng tả, thì Nghiêu là một ông vua chí nhân chí thánh, là một con người trọn vẹn mọi vẻ từ chân đến đầu…

– Theo ý con Nghiêu chưa chắc đã cái gì cũng tốt như thế – Điền Vũ cắt ngang lời mẹ mình, hiên ngang ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào mặt mẹ mình không chớp mắt.

Câu nói ấy của Điền Vũ Khiến cho người mẹ trẻ kinh ngạc và sợ hãi đến sởn gai gà, một tí tuổi đầu mà lại dám xấc xược với các bậc thánh triết tiên hiền thế có chết người không kia chứ, đúng là "điếc không sợ sấm" …

Vẻ mặt của người mẹ khiến cậu con trai sững sờ, chẳng hiểu ra làm sao, liền hỏi:

– Mẹ ơi! Con nói sai câu gì hay sao? "Ngọc không thể không có vết, người không thể cái gì cũng tốt", chính mẹ đã chẳng thường dạy con như thế đó sao?

Phạm Ngọc Lan nghiêm nét mặt nói:

– "Ngọc không thể không có vết, người không thể cái gì cũng tốt", là nói với người thường, với thánh nhân thì phải nói khác.

Điền Vũ đã thẳng thắn phản bác lại:

– Nghiêu có những bề tôi như Tương Liễu, Khổng Nhâm, Tam Miêu, đều là những hạng hại dân hại nước, là đồ chết còn chưa hết tội, thế mà Nghiêu đối với họ có thể nói là nhân đức hết mực, hết lần này đến lần khác tha cho họ những tội ác tày đình. Cổn theo lệnh vua đi trị thuỷ chín năm, bỏ cả vợ con, chịu đủ trăm ngàn cay đắng. Tuy rằng ông có những điểm lớn như kiêu ngạo tự phụ, ương ngạnh bướng bỉnh, thế nhưng suy cho cùng ông cũng dốc lòng vì việc công, luôn nghĩ đến dân, để cứu muôn dân trăm họ ra khỏi cơn tai hoạ nặng nề, đã chẳng từ nan xông vào nơi khó khăn nước lửa. Về sau chủ yếu là do mưa bão, rò rỉ, động đất... nên những con đê to Cổn đắp lên có chỗ bị sạt vỡ, gây nên nạn lụt kinh hoàng cho dân chúng, Nghiêu bèn xử ông ta tội chết ở Vũ Uyên. Đối với bọn độc ác như Tương Liễu, sao Nghiêu lại khoan dung thế, nhưng đối với người phạm sai lầm như Cổn thì sao lại tàn khốc thế. So sánh hai việc, lẽ nào lại là công bằng ư? Việc xử sự của Nghiêu chẳng lẽ lại không có chỗ nào

sai sót hay sao? Thế nên mới bảo "người không thể nói cái gì cũng tốt" là kể cả thánh nhân.

Người mẹ trẻ lại một lần nữa cứng họng ra chẳng nói được gì, ửng đỏ hết cả mặt. Bà nhìn đứa con trai trước mặt mình, bỗng thấy nó cao lớn hẳn lên, như Thái Sơn, Bắc Đẩu, phải ngửa mặt lên mới nhìn thấy. Trước mặt người mẹ bỗng xuất hiện một mặt biển với sóng nước ỳ ầm, như rộng lớn khôn lường, như sâu thẳm khôn đoán, đó tựa như hình ảnh về khối óc, về tầm suy nghĩ của con trai mình. Bà mẹ ấy cứ say sưa nhìn, mê mải nghĩ và thấy tự trong lòng mình đang có một dòng mật ngọt từ từ tan ra và ngấm dần, sao nó ngọt ngào đến thế, êm dịu đến thế, thấm thía đến thế. Bỗng nhiên, bà nhào tới phía trước, quờ ôm lấy cậu bé, siết chặt vào lòng, như thể có ai đó sắp cướp đi mất… Nước mắt của người mẹ trẻ lã chã tuôn rơi, nhỏ cả lên khuôn mặt hồng hào bầu bĩnh của cậu bé – đó là những giọt những mắt xúc động, những giọt nước mắt hy vọng, những giọt nước mắt ngọt ngào, những giọt nước mắt sung sướng…

Điền Thư và Điền Bằng ghé qua nhà, Ngọc Lan đã thưa trình lại với bố chồng và khoe với chồng về sự trưởng thành của Điền Vũ, được sự đồng ý của hai người, đã mở trường tư thục ngay trong phủ, mời gia sư về dạy cho con. Tuy nhiên, làm thầy dạy cho Điền Vũ rất khó, mới có ba năm, đã phải đổi tới bốn ông thầy.

Thí dụ có một ông tên là Trương Phụng Chi, thi thư đầy một bụng, suy nghĩ về văn chương rất nhạy bén, xuất khẩu thành chương. Mỗi lần đi đâu ông đều hay tức cảnh, sinh tình, cùng Điền Vũ ngâm thơ học đối. Lòng đầy xúc động và

hứng thú, ông ngâm một câu thơ, trong tình hình không hề có sự chuẩn bị chút gì về tư tưởng, ông bảo Điền Vũ đối vào vế sau, mà lại phải đối thật chỉnh, đúng niêm luật. Ông muốn dùng cách đó để thử tài Điền Vũ và bồi dưỡng cho cậu sự linh cảm, nâng cao tốc độ phản ứng và năng lực ứng biến của cậu.

Một ngày giữa mùa xuân, thầy trò đi thuyền ven dòng Thời Thuỷ lên phía bắc. Lòng sông khúc khuỷu quanh co, nước sông rì rào cuộn chảy, gió xuân mang lại niềm sảng khoái, liễu xanh rủ dọc bờ đê, én dệt thoi mây, chim ca ríu rít, tình thơ ý hoạ, hun đúc nên tính tình con người. Phía trước không xa, ai đã bắc lên chiếc cầu cong bằng đá, ven theo chân đê ngoằn ngoèo, chiếc thuyền con lướt lên phía trước và đã tới chân cầu, rồi xuyên thẳng qua. Trương Phụng Chi ngâm lên:

– Xa đáo sơn tiền tất hữu lộ (Xe lên trước núi hẳn có đường).

Điền Vũ như đã đoán định từ trước rằng đến lúc này, thầy giáo không thể không ngâm lên câu đó, nên cậu đã buột miệng thêm rằng:

– Thuyền đáo kiều đấu tự nhiên trực (Thuyền đến chân cầu tự nhiên thẳng).

Thầy giáo Trương vui quá, ôm ghì Điền Vũ vào trong lòng mình hết lắc lại lay, lại ngâm thơ, lại cười cười nói nói, thậm chí cà cả chiếc cằm đầy râu khô cứng lên khuôn mặt bầu bĩnh của cậu bé, rậm đến nỗi Điền Vũ phải rụt xo lại như một con mèo nằm gọn trong lòng thầy giáo. Ở đây chỉ có

tình cảm và lòng mến yêu, sự tôn nghiêm của đạo thầy trò đã tạm thời biến mất. Thời Thuỷ hội nhập vào Tri Thuỷ, đến đây lòng sông rộng ra, nước sông chảy lững lờ hơn, người nằm ngửa trên thuyền, như đứa trẻ nằm trong nôi, nhìn mây trời đang bay và cây ở hai bên bờ theo nhau lùi về phía sau, nước va vào lòng thuyền nghe róc rách vui tai, thế là thầy giáo Trương bỗng ngâm lên:

– Sóng đẩy thuyền đi bờ không đi. Điền Vũ liền ứng khẩu đọc theo:

– Gió thổi mây động trời không động.

Lại một lần nữa, mặt sông vắng ran lên một trận cười.

Cũng ngày rằm tháng tám năm ấy, Phạm Ngọc Lan đã sắp sẵn một khoản lễ hậu, sai con mang đến biếu thầy giáo Trương, chúc thầy ăn Tết Trung thu vui vẻ. Thầy trò như cá gặp nước. Thấy người học trò ngoan được nâng niu như ngọc quý trên tay lần đầu đến cửa nhà thầy, còn thầy giáo Trương hết sức vui mừng và tỏ ra vô cùng thân mật, sư mẫu vội vàng đi làm những món ăn ngon nhất để thiết đãi cậu ấm của Điền phủ. Thời giờ một ngày thấm thoắt qua đi rất nhanh, chẳng mấy chốc mặt trăng đã nhô lên đầu núi đằng đông, to như một cái ô, cả ánh sáng lung linh như nước, chiếu khắp nơi sáng tựa ban ngày. Gió hiu hiu thổi như mang theo mùi thơm hoa quế ở nguyệt cung. Điền Vũ bồi hồi ở bên cạnh thầy giáo Trương. Tuy người hầu đã mấy lần giục giã, nhưng cậu vẫn bịn rịn chưa muốn dời chân. Vợ chồng Trương Phụng Chi cố nài giữ cậu ngủ lại một đêm rồi mai hãy về, nhưng lúc sang đây còn chưa hỏi mẹ mình

trước, nên Điền Vũ không dám tự tiện ở lại; cậu buột miệng ngâm rằng:

– Thanh phong hữu ý nan lưu ngã (Gió mát có lòng không giữ lại).

Theo thông lệ xưa nay của thầy trò họ, thầy giáo nhẽ ra nên ứng khẩu đối rằng “Minh nguyệt vô tâm khước chiếu nhân” (Trăng trong vô chiếu người đi), thế nhưng thầy giáo Trương lúc này đang đứng ngay trước mặt lại chỉ há miệng ra, không có lời nào đối lại, đứng ngây ra nhìn Điền Vũ và đám gia nhân ra về trên mặt không để lộ một chút tình cảm gì.

Đêm ấy, thầy giáo Trương Phụng Chi mắc bệnh tim, rồi mọc nhọt sau lưng mà chết, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Sửng sốt nghe tin buồn, Điền Vũ khóc đến nỗi chết đi sống lại và ốm một trận rất nặng.

Ông thầy thứ ba dạy Điền Vũ họ Phương tên là Bác Cổ, là một vị lão học cữu, suốt ngày cứ dài thuỗn ra, không hay nói hay cười, mà hay mang bộ mặt “thiết bì” ra để dạy người. Ông ta sùng bái Chu công, giữ nghiêm Chu lễ rất hay bàn về nhân nghĩa, phản đối bạo lực và chiến tranh. Nói thực ra, phải đến nhà võ tướng để làm thầy dạy học, không phải là điều ông muốn, chẳng qua vì sinh kế o ép, đành phải cúi lưng “xin ăn”.

Xuất phát từ sự tôn nghiêm của đạo làm thầy trong thời buổi phong kiến, ông đòi hỏi học trò phải tuyệt đối nghe theo mình, không được tỏ ra ngang bướng chút nào, như

vậy tất sẽ sinh ra mâu thuẫn và sự chống trả của người có tư tưởng sôi nổi như Điền Vũ, quan hệ thầy trò rất không hoà hợp. Một lần, thầy Bác Cổ bắt đầu từ tiên đề đặt ra và làm theo Chu lễ, nói rất nhiều đến nhân nghĩa, nhấn mạnh rằng đây là một nét đẹp ở trong thiên hạ. Điền Vũ không đồng ý với quan điểm đó của ông thầy.

Cậu nói, nhân nghĩa chỉ là một phạm vi lý tưởng hoàn mỹ, Chu công là một người mộng tưởng hão huyền không nhìn thẳng vào hiện thực, dục vọng mới là bản tính của con người sinh ra đã có. Ví như chim trĩ và con vịt, cùng là giống chim, chim trĩ từ vỏ trứng nở ra đã bay lên rừng xanh, còn con vịt con thì lại ra bờ sông. Đứng trước hiện thực là các nước đang phân tranh, người có nước tất phải dùng pháp chế để trị vì đất nước, lấy vũ trang để ngăn ngừa. Nhưng lời phản bác lại của Điền Vũ, khiến thầy Bác Cổ nổi giận đùng đùng. Điền Vũ lại dám giữa ban ngày ban mặt chà đạp lên Chu lễ, láo lếu với Chu công, va chạm với người hơn tuổi, như thế thử hỏi, ai còn nhịn được! Trong nóng nảy, chẳng những thầy đã tranh cãi với trò, còn giơ tay đánh cả Điền Vũ.

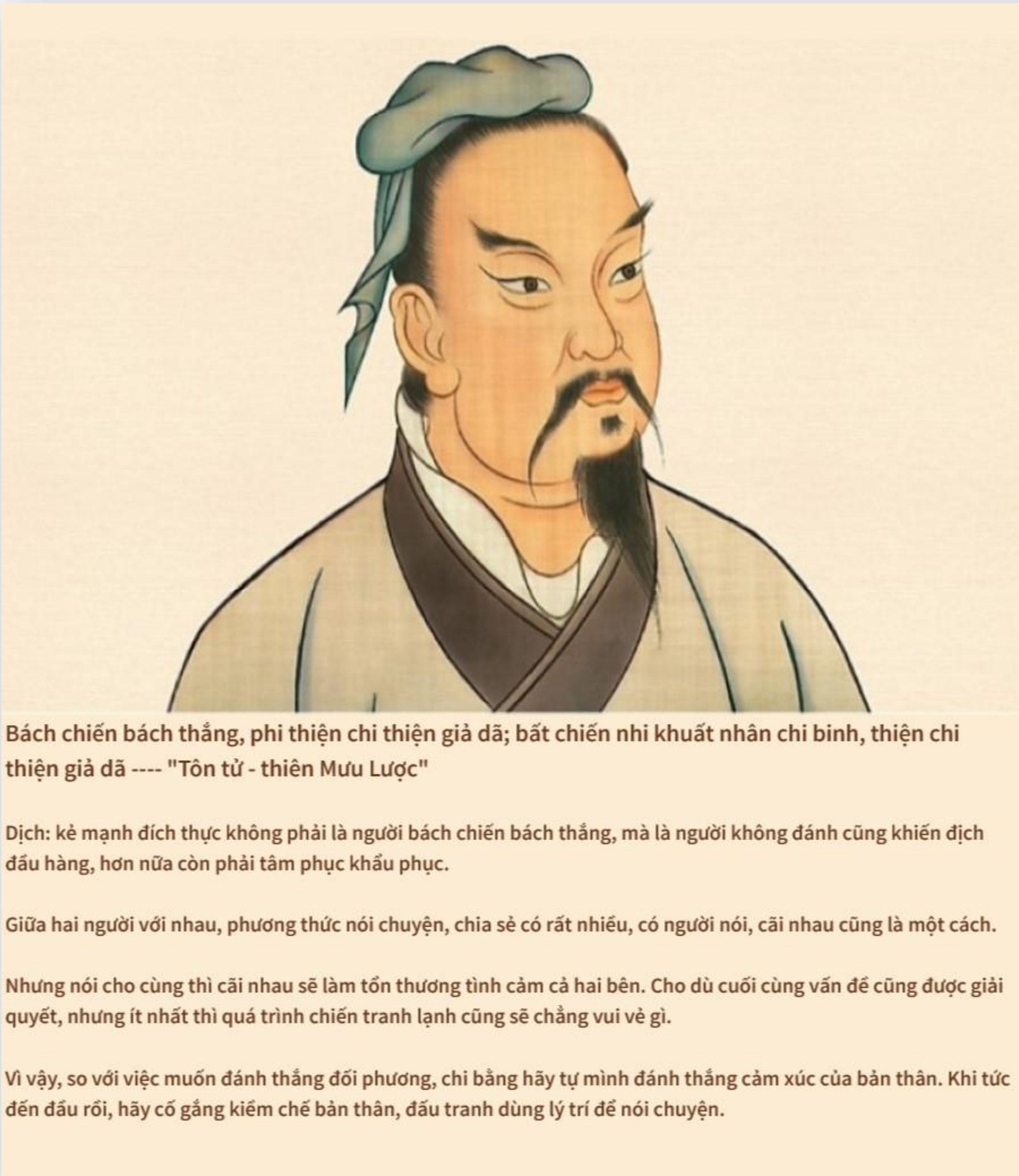
Trận sóng gió xảy ra trong trường tư thục ấy, đương nhiên Điền Vũ về nhà không dám hé răng nói với mẹ, với bà, chỉ có điều cậu Điền Vũ mọi ngày hồn nhiên và sôi nổi thế mà hôm ấy về bên cạnh mẹ, lại trở nên lầm lỳ, ít nói, cơm tối cũng ăn rất ít. Ngọc Lan cho rằng con mình có sự khó chịu trong người nên tối đến đã đưa con trai đi ngủ sớm.

Ngày hôm sau, ăn cơm trưa xong, ông Phương Bác Cổ xưa nay vốn không hay đi lại lung tung đã hộc tốc tới Điền phủ để xin thôi việc, bởi vì, buổi sáng Điền Vu đã xua chó săn cắn

chết con cừu non của nhà ông. Với thầy giáo, học sinh lại lấy oán để trả ơn, ông không thể nào chịu được.

Nghe thấy tin này, mọi người trong Điền phủ từ trên xuống dưới chẳng ai là không kinh ngạc:

Cậu Điền Vũ làm sao có thể làm những việc như thế.



CHƯƠNG III

ĐẦY BỤNG MƯU MÔ CHỨA CHAN CHÍNH KHÍ

Hôm ấy, ăn cơm trưa xong, Phạm Ngọc Lan đang bàn công việc với mẹ chồng, bỗng thấy ông Phương Bác Cổ xưa nay vốn rất chín chắn, đi xồng xộc vào nhà xin thôi việc vì cậu học trò Điền Vũ đã lấy oán trả ơn, tung chó săn ra cắn chết năm con cừu non của nhà ông. Nghe nói thế cả nhà đều kinh ngạc mọi người chẳng ai bảo ai cùng nói:

– Không phải thế! Dứt khoát không có chuyện như thế!

– Đó là sự thực hoàn toàn chính xác! – Đang lúc mọi người xôn xao bàn tán, Điền Vũ xuất hiện trước đám động, giọng nói non nớt trẻ thơ của cậu nghe rất lảnh lót và rõ ràng. Cậu tỏ ra dám làm thì dám nhận, không hề ngập ngừng ấp úng, dứt khoát như đinh đóng cột.

Hôm ấy là tiết Thanh minh, trường tư của Điền phủ nghỉ học, thầy trò đi dạo chơi một ngày. Khi mặt trời vừa từ từ ló lên ở phương đông, Điền Vũ một tay dắt con chó săn, một tay cầm cây thương ngắn đi thẳng đến lán cừu của nhà thầy giáo Phương. Con chó săn đã ngửi thấy mùi hôi của cừu, thè dài lưỡi ra, tai dỏng lên, dãi nhỏ ra hàng thước và sủa lên inh ỏi, xồng xộc lao lên phía tước. Điền Vũ buông tay ra, con chó kéo theo sợi xích kêu xoang xoảng, xông vào lán nhốt cừu, thấy cừu là cắn. Mấy con cừu lớn núp vào chỗ kín, con chó săn xông vào một con cừu non lông trắng như tuyết, há

mõm ra ngoạm lấy cổ nó, con cừu nhỏ đáng thương còn chưa kịp kêu lên tiếng nào đã bị cắn chết tươi. Theo thói quen đã được huấn luyện, con chó săn cứ cắn chết một con lại ngoạm tha ra để một bên, tiếp tục xông vào con khác. Sáng sớm, Phương Bác Cổ đang ở trong lán vắt sữa cừu thấy con chú săn xông vào lại dữ tợn như thế, tức quá muốn nổ cả ruột, dụi mắt nhìn kỹ, hoá ra là chó săn của Điền phủ, ông càng chẳng hiểu ra sao. Đúng lúc ấy, Điền Vũ hổn hển đuổi theo vào lán cừu, ngỏ lời xin lỗi Phương Bác Cổ:

– Thật là có lỗi! Thưa thầy giáo Phương! Con chó ranh này đã giằng tuột xích, chạy đến đây gây sự chẳng lành. Tiếp đó cậu quay sang con chó, nghiêm trang mắng nó: Con kia, mày là đồ bất nhân, là quân vô nghĩa, vô cớ đến đây xâm phạm “quyền của lũ cừu”, đến nỗi mấy con cừu non vô tội phải chết oan. Hành động dã man của mày, Chu lễ không dung thứ, nếu Chu công còn sống, thế nào cũng sẽ chửi mắng và trừng phạt mày. Mày phải nhớ rằng, cừu và chó đều là vật nuôi trong nhà, là chỗ thân cận như anh em, lẽ ra mày phải thương yêu hoà thuận, nhân ái với nhau, đối xử với nhau bằng lễ, sao có thể ngang ngược vô lối, chẳng lẽ mày lại không sợ các bậc chân nhân quân tử trong thiên hạ mắng phạt hay sao?

Súc vật thì làm sao hiểu được cái gì là đạo nghĩa, đang lúc Điền Vũ thao thao dạy dỗ như thế, lại thêm hai con cừu non nữa bỏ xác trong tiếng kêu thảm thiết. Điền Vũ thấy vậy, liền van nài thầy giáo Phương:

– Con đã nói như thế mà con chó này không nghe, xin ân sư hãy thương đến những con cừu non kia mà làm cho con chó

săn kia hiểu được đại nghĩa nhân đức khuyên nó đổi ác thành thiện, đừng có dùng bạo lực thế này với đồng loại của nó nữa ạ.

Phương Bác Cổ tức đến run người, lắp ba lắp bắp chỉ vào Điền Vũ:

– Mà… mà… ỳ!

Điền Vũ bỗng thấy thầy giáo Phương quả thực đáng thương, vội vàng cầm cây thương chạy theo con chó săn đang định vồ con cừu đực, nhằm trúng đầu nó xỉa mạnh, con chó săn lập tức lăn quay ra đất rú lên, lăn lộn mấy vòng rồi tắt thở. Điền Vũ làm như trêu cợt chỉ vào con chó nói:

– Giỏi nhỉ! Thì ra cũng không chịu được đâm như thế này, mới có một nhát đã toi mạng. Cậu cúi xuống vỗ vỗ vào đầu con chó nói.

– Thế nào? Anh bạn của tôi, còn dám giở trò ngang ngược nữa hay thôi? Rồi lại tỏ ra cảm động, cậu than thở tiếp: Ôi! … không phải ai cũng có thể trở thành Nghiêu, Thuấn, chỉ có dựa vào sự thuyết giáo suông về nhân đức, thì chẳng có cách gì làm thay đổi bản tính ham muốn của loài người, vẫn cứ là vũ khí trong tay mới có thể nói chuyện được. Vừa nói cậu vừa bước tới chỗ xác một con cừu còn bê bết máu, cúi xuống nhấc nó lên, ôm vào lòng vuốt ve, vỗ về nó, làm như vô cùng thương tiếc, xót xa nó: Cừu non đáng thương ơi, giá như trong tay mày cũng có một cây thương nhọn, hay một hàm răng sắc, thì mày đã không phải chết thế này. Hãy nhớ

lấy bài học này nhé, trước một kẻ thù hung ác, chớ có tỏ ra quá hiền lành…

Điền Vũ còn đang muốn nói nữa nhưng thầy giáo Phương tức đến run người, lăn ra đất, co giật chân tay, sùi cả bọt mép ra, cậu vội gọi người khiêng về nhà để nằm nghỉ một chỗ.

Khoảng nửa canh giờ sau, Phương Bác Cổ mới dần dần tỉnh lại, đầu óc cũng dần sáng suốt và ông thực thà thừa nhận: Mình mang tiếng cả một đống tuổi tác thế này, lại trở thành bại tướng dưới tay một đứa trẻ ranh. Ông không hề quở trách Điền Vũ, cái trò tai ác của cậu, mặc dù làm cho ông thật thảm hại, nhưng cách nghĩ của cậu, mưu lược của cậu cũng như gan dạ của cậu, quả là kinh người, khỏi phải nói, sau này chắc hẳn đây sẽ là một bậc hùng kiệt trên đời, là rường cột của đất nước. Một đời làm thầy, chỉ cần dạy ra được một người học trò như thế, cũng đã đủ lắm rồi! Tuy rằng nghĩ như thế, nhưng ông vẫn không chịu thay đổi ý định thôi việc của mình, bởi vì Điền Vũ làm như thế, đã khiến cho ông mất mặt với mọi người.

Câu chuyện mang tình tiết hài hước đó, như một làn gió xuân thổi khắp kinh thành Lâm Tri, Điền Thư nghe xong, hể hả cười. Từ đó ông đã dự đoán rằng, Điền Vũ sau này sẽ trở thành nhà mưu lược quân sự bậc nhất trên đời; bởi ngay từ lúc này, cậu đã tỏ ra biết nhìn nhận, có tài thao lược cũng như gan dạ và hiểu biết.

Thầy giáo Phương cố tình xin thôi việc, Điền phủ cũng chẳng biết làm thế nào hơn, đành để ông nghỉ việc với món

thù lao lớn. Danh nghĩa là trả công nhưng thực tế là tiền xin lỗi, lấy tiền để chuộc lấy điều không phải với thầy.

Thôn Điền Ban có một nhà tên là Lưu Nghĩa Đức, tổ tiên để lại cho mấy chục mẫu điền sản, cuộc sống rất phong lưu khá giả. Hắn suốt ngày mặc gấm vóc lụa là, ăn thì luôn luôn thịt cá, ra khỏi cửa không xe thì ngựa, về đến nhà thì luôn mồm sai con ở nàng hầu. Tên hắn cha mẹ đặt cho là "Nghĩa Đức" nhưng thực tế việc hắn làm thì lại chẳng nghiêm trang, rượu chè cờ bạc, chẳng thiếu việc hư hỏng gì mà hắn chưa làm, lường gạt lọc lừa, bóp nặn hết làng trên xóm dưới. Trong nhà hắn, thê thiếp hàng đàn, nhưng vẫn đến mọi nơi trêu hoa ghẹo nguyệt.

Thôn Đoạn Hà có một người nông dân đôn hậu, tên anh ta là Đoạn Thừa Thuận, người vợ là Liễu Dương Hoa, xinh đẹp hơn người, tính khí lẳng lơ, vốn từ lâu đã tằng tịu vụng trộm với Lưu Nghĩa Đức. Năm Lưu Nghĩa Đức sáu mươi ba tuổi, người vợ kết tóc xe tơ của hắn là Loan thị ốm chết, hắn bèn nghĩ kế giết hại Đoạn Thừa Thuận, cưới Liễu Dương Hoa về nhà mình, lấn át mọi người khác, trở thành vợ cả kế của hắn. Đoạn Thừa Thuận có một đứa con trai mồ côi, tên tục là Lai Phúc, năm ấy vừa tròn mười hai tuổi, theo mẹ tái giá, về ở nhà họ Lưu. Bất kể thế nào thì Lai Phúc cũng là một cậu ấm trong nhà họ Lưu, thế nhưng cậu lại rất lam lũ, ăn thì không bằng chó bằng lợn. Hàng ngày, dưới làn roi của Lưu Nghĩa Đức cậu phải đi chăn cừu, chăn lợn, chăn chó, tưới rau, hốt phân, đào đất, quét cửa quét nhà. Rõ ràng Lưu Nghĩa Đức đang rắp tâm cố tình đày đoạ cậu, chỉ mong đẩy được cậu đến chỗ chết mới hả. Lưu Nghĩa Đức còn sợ rằng Lai Phúc lớn lên thành người, sẽ trả thù người "cha" dượng lòng lang

dạ thú, kẻ thù đã giết cha cướp mẹ của cậu. Bởi vậy nên tâm địa hắn mới ác độc đến thế, thủ đoạn mới tàn khốc đến thế.

Tận mắt nhìn thấy đứa con rứt ruột đẻ ra bị đày đoạ đến mức gầy như que củi, lẽ nào Liễu Dương Hoa không thấy xót xa trong lòng? Làm người ai chẳng có một trái tim, trâu bò còn biết âu yếm liếm con, huống chi là con người? Thế nhưng đau lòng xót ruột thì phỏng có cách gì? Lúc đầu hai người mới tằng tịu với nhau, Lưu Nghĩa Đức dùng đủ lời ngon ngọt, hẹn biển thề non, nói hết đủ mọi lời tốt đẹp ở trên đời. Hai người đến với nhau, đêm ngày hú hý, như keo như sơn, đảo điên loan phượng, làm mây làm mưa…

Đến khi chiếm được Liễu Dương Hoa về tay, Lưu Nghĩa Đức đã thực sự biến nàng thành con mèo hoa ở đầu giường của hắn, lúc thích lên thì ôm ấp vỗ về, âu yếm yêu chiều, khi chán chường rồi thì chửi cha mắng mẹ, thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Hoa nở phỏng tươi được mấy ngày? Đến khi Lưu Nghĩa Đức lại đi tìm của lạ, Liễu Dương Hoa bị vứt bỏ như một chiếc giày rách, ngoài chuyện bị chà đạp giày vò, còn phải đi làm những công việc nặng nhọc trong nhà, chẳng khác chi một con hầu trong phủ. Lưu Nghĩa Đức mở miệng ra là chửi, đưa tay lên là đánh, đến mức thực sự không còn coi nàng là một con người nữa. Liễu Dương Hoa lúc này, vừa là chỗ để Lưu Nghĩa Đức thoả mãn dục vọng, lại là nơi để hắn trút bực dọc, đúng là một vật nuôi biết nói trong nhà họ Lưu. Tượng đất qua sông, lúc này Liễu Dương Hoa lo cho mình còn chưa xong, sức đâu còn lo thay cho con trai được nữa.

Điền Vũ từ lâu đã biết được cảnh ngộ không may của Lai Phúc, tỏ ra hết sức cảm thông. Một hôm, hai người gặp nhau trên phố, thấy Lai Phúc trên đầu chằng chịt gân xanh, Điền Vũ vô cùng thương hại, vội vàng giúp đỡ, móc túi đưa cho Lai Phúc mấy đồng tiền lẻ rồi chủ động chuyện trò. Mới đầu, Lai Phúc thấy trước mặt mình là một cậu ấm sang trọng xa lạ, cậu bỗng như một chú chuột ngày, lấm lét nhìn trước ngó sau, chỉ sợ có mèo đến bắt. Dần dần, cậu phát hiện ra Điền Vũ là con người hiền lành, đôn hậu, lại sôi nổi nhiệt tình, đối xử hoà nhã, không như lũ chó má trong nhà họ Lưu, động mở miệng ra là chửi cậu "đồ lộn giống". Trong lòng đã hết nghi ngại, Lai Phúc cũng trở nên cởi mở hơn, cậu cũng tỏ ra rất nhanh nhạy, lại hay nói chuyện. Điền Vũ hỏi đến đâu, cậu trả lời trôi chảy đến đấy, chỉ mỗi tội kể đến đâu khóc đến đấy, thật khổ! Nghe những lời kể lể của Lai Phúc, từ chỗ thương hại, cảm thông, Điền Vũ bỗng trở nên phẫn uất bất bình, oán hận kẻ ác, định bụng sẽ làm cho Lai Phúc hả giận một phen, dù có phải dạy cho Nghĩa Đức một bài học cũng được. Điền Vũ dò hỏi Lai Phúc:

– Muốn trị bọn người xấu này, cậu có dám làm không? Lai Phúc nghển cái cổ bọ ngựa của mình lên đáp lại:

– Hễ trả được thù, tôi chẳng sợ cái gì hết! Chết cũng xong! Sống mà chịu tội với nó thế này, chẳng thà liều một phen rồi chết cũng sướng!

Điền Vũ lại dò hỏi thêm:

– Cậu đến gần nơi Lưu Nghĩa Đức ăn uống được không?

– Có, sáng nào Lưu Nghĩa Đức cũng uống trà sâm, đều do tôi bưng từ dưới bếp lên tận buồng ngủ cho hắn. Lai Phúc trả lời rất gãy gọn.

Điền Vũ nửa tin nửa ngờ, hỏi:

– Bên cạnh Lưu Nghĩa Đức đông đảo con ở, người hầu như thế, tại sao lại sai có mình cậu bưng trà sâm?

– Cái đó thì... Lai Phúc không biết trả lời thế nào.

Điền Vũ cau mày, làm ra vẻ phân tích, nói:

– Tớ nghĩ rằng, hắn làm thế chỉ để mượn cớ giày vò cậu. Ví dụ cậu bưng lên sớm hay muộn, nhanh hay chậm, trà nóng hay nguội... hắn đều lấy đó làm cớ để đánh cậu, mắng cậu, trừng phạt cậu...

– Đúng thế! Chính là vì mục đích ấy đấy. Lai Phúc ngắt ngang lời Điền Vũ. Có một lần, tớ bưng sâm đến cửa phòng ngủ của hắn, quên gõ cửa, đẩy cửa bước vào, thấy Lưu Nghĩa Đức đang đè một cô hầu xuống giường. Lai Phúc thẹn thò cúi đầu, mãi sau mới xụt xịt nói tiếp: Sáng hôm ấy, Lưu Nghĩa Đức đã đánh tớ chết đi sống lại...

Điền Vũ bỗng hớn hở nói:

– Nếu như thế, chúng ta có chỗ để thừa cơ rồi? Cậu vẫy tay gọi Lai Phúc: Lại đây, ghé tai đây tớ bảo cái này.

Lai Phúc ghé sát lại, Điền Vũ thì thầm một hồi như thế, như thế, cuối cùng hỏi:

– Cậu dám làm theo mẹo tớ không?

– Chuyện đó thì có gì không dám, cậu cứ chờ đấy mà xem.

– Lai Phúc mừng rỡ, tất bật đi ngay.

Sáng sớm ba ngày sau đó, như mọi ngày, Lưu Nghĩa Đức vẫn uống trà sâm, đang kiếm cớ để gây chuyện với Lai Phúc, bỗng thấy nhâm nhẩm đau bụng, rồi tiếp đó từng cơn đau nối nhau, đau quẳn quại, như có dao đâm, như xé gan xé ruột. Thế rồi bỗng nhiên thấy lục phủ ngũ tạng như biến ra nước ùng ục ùng ục như nước lũ phá đê chỉ muốn tuôn ra ngay. Hắn vội vàng xông ra cửa, chân không kịp xỏ vào giày, tay xách lấy cạp quần, chạy một mạch ra nhà xí. Lúc ấy ngoài trời, những bông tuyết to như lông gà bay tới tấp, dưới mặt sân, tuyết cũng phủ dày hàng thước, Lưu Nghĩa Đức bước đi trong tuyết ngập ống chân, tuy chỉ có một đoạn đường, mà còn khó hơn vượt đèo leo núi, hắn bước thấp bước cao, ngả nghiêng xiêu vẹo như gà con mắc tóc, vất vả lắm mới ra tới cửa nhà xí, vừa định bước vào thì thấy trên bức tường thấp có vắt một giải thắt lưng bằng lụa đỏ. Trời mịt mờ, đất tối tăm, nhà cửa, sân vườn, cây cối, hoa cỏ đều trắng xoá một màu, mênh mang một giải, chỉ có chiếc thắt lưng là màu đỏ, lấp ló như một ngọn đèn, nở tung như một bông hoa, cháy rực lên như ngọn lửa. Chiếc thắt lưng đỏ ấy nói với Lưu Nghĩa Đức rằng nàng dâu thứ tám của hắn vừa mới cưới hiện đang ở trong đó, đương nhiên không thể tự ý bước vào. Đành đứng ở ngoài chờ một lát vậy? Không được!

Một là hai bàn chân trần đã buốt như kim châm, hai là để nàng dâu thứ tám nhìn thấy thì quá bất nhã, thế là vội vội vàng ôm bụng quay về phòng ngủ.

Phong tục của nước Tề, bất kể nhà giàu đến đâu, đàn ông đàn bà đều cùng dùng chung một hố xí, làm lộ thiên, chứ nếu làm riêng như ở thành phố bây giờ thì Lưu Nghĩa Đức đã không phải khổ sở đến thế.

Lưu Nghĩa Đức về đến phòng ngủ, khăn áo chỉnh tề rồi lúc thì phủ phục trên giường ép bụng cho đỡ đau, lúc thì cuống quýt chạy quanh phòng, tay bưng lấy hông, nhăn nhăn nhó nhó, chốc chốc lại rên lên từng chập. Mãi đến lúc đoán chừng nàng dâu đã về phòng mình rồi, hắn mới lại lò dò ra nhà xí. Thế nhưng còn chưa ra đến nơi, mãi từ xa đã nhìn thấy ở trên bức tường, chiếc thắt lưng đỏ vẫn vắt ngang ở đấy, không làm thế nào hơn, lại phải co ro bóp bụng trở lại phòng ngủ, ngồi im mà chờ. Tuy nhiên, những thứ sục sôi trong bụng lại không buông tha hắn, buộc hắn phải ra nhà xí lần nữa với tốc độ nhanh nhất. Chiếc thắt lưng đỏ vẫn chặn hắn lại ở bên ngoài, đẩy hắn trở về phòng ngủ. Lưu Nghĩa Đức cứ thế lật đật quanh đi quanh lại ba bốn lần, thế nhưng cái thắt lưng đỏ trên tường vẫn cứ như một ngọn đèn chưa đến lúc cạn dầu, nằm nguyên ở đó, như hoa vẫn chưa tàn, như lửa còn chưa tắt. Hắn không thể chịu đựng thêm được nữa, bỗng nghe thấy một tiếng "bục" âm vang, cả phân lẫn nước tung toé ra trong đũng quần, một thứ nước dơ bẩn vàng vàng theo ống quần tuôn chảy ra ngoài, cả căn phòng thối nồng nặc...

Thế là Lưu Nghĩa Đức phải một phen mất mặt với tất cả người già, người trẻ, chỉ muốn tụt quần ra mà che lấy mặt. Hắn không hiểu sao cô con dâu thứ tám vào làm gì trong ấy mà lâu đến thế, hay là nó cũng bị tháo dạ thế này? Liệu có bị lả đi rồi chết cóng ở trong hố xí không? Nghĩ đến đây, tự dưng hắn thấy chột dạ, vội sai người hầu gái ra hố xí xem sự thể ra sao, nhưng ở đấy làm gì có ai? Đương nhiên, cái thắt lưng đỏ trên tường cũng không thấy nữa. Lưu Nghĩa Đức lại cho người đến tận phòng ở của nàng dâu thứ tám hỏi xem sao, mặt trời lên ba con sào rồi đôi vợ chồng trẻ vẫn còn ôm nhau ngủ say như chết.

Lưu Nghĩa Đức biết mình đã trúng kế gian, bị người ta lôi ra làm trò cười, liền cho gọi mọi người lại hỏi tội, để làm cho ra ngô ra khoai rồi sẽ trị tội đến nơi đến chốn. Lai Phúc cố nhiên trở thành trọng điểm của cuộc xét hỏi. Thế nhưng dù ầm ĩ lên hàng mười mấy hôm liền khiến cho cả phủ đệ xôn xao náo động, ăn không ngon ngủ không yên, ai cũng bị nghi ngờ, ai cũng phải xét hỏi nhưng chẳng có kết quả gì, Lưu Nghĩa Đức đành cuốn cờ tắt trống, vội vã thu quân. Mọi việc xảy ra trong phủ đều bí mật tiến hành, không để tin tức lọt ra ngoài, nhưng tin đồn vẫn không cánh mà bay, làm cho cả kinh thành xôn xao, trẻ già đều biết câu chuyện mang tựa đề “Lưu Nghĩa Đức và cái thắt lưng đỏ của nàng dâu thứ tám”.

Mưu kế Lai Phúc trừng trị Lưu Nghĩa Đức là trộn thuốc tả vào trà sâm, vắt thắt lưng đỏ lên tường nhà xí… tất cả đều do Điền Vũ sắp đặt. Lai Phúc suy cho cùng cũng chỉ là một đứa trẻ, thấy có vẻ sóng yên bể lặng rồi và cũng để bày tỏ lòng biết ơn đối với Điền Vũ nên đã vô tình để lộ câu chuyện

ra. Sau khi biết chuyện, Lưu Nghĩa Đức nghiến răng nghiến lợi tỏ ra căm ghét Điền Vũ, chỉ mong làm sao ăn sống nuốt tươi. Thế nhưng Điền phủ là một nơi thế tập danh môn lệnh tộc của nước Tề, Điền Thư lại là nhân vật làm mưa làm gió khiến ngả nghiêng cả triều chính nước Tề, một cái lông chân còn lớn hơn tấm lưng của Lưu Nghĩa Đức, cho nên hắn không dám tự ý làm.

Ba tháng sau, vườn hoa trong Điền phủ bị một ngọn lửa không tên đốt cháy sạch sành sanh, sau đó không lâu, Liễu Dương Hoa bị đem bán, Lai Phúc mất tích.

Điền phủ đúng là có truyền thống về nhân đức, vườn hoa bị đốt cháy cũng chẳng đáng gì, không dò hỏi căn nguyên. Điền Vũ cũng không hề bị cha ông trách mắng. Thấy cháu mình gặp việc nghĩa dám làm, tinh thần đáng quý, kế đem ra dùng lại không chỗ nào sơ hở, Điền Thư cho rằng, cháu mình đạt được hai điều ấy, dù có phải trả giá bằng một khu vườn cũng đáng. Đồng thời, ông cũng nhân dịp này dạy cho Điền Vũ biết rằng: Làm việc gì cũng đừng có chỉ biết sướng bụng trong chốc lát, phải cân nhắc thiệt hơn, phải cân nhắc tới hiệu quả. Nếu so với việc cầm quân đánh trận thì trận này đã thất bại thảm hại, không làm hại gì lớn cho Nghĩa Đức, cháy một một khu vườn không nói làm gì, mà lại hại cho mẹ con Liễu Dương Hoa…

Thầy giáo mới đến của Điền Vũ họ Triệu, tên là Hựu Phúc, người cao to, khuôn mặt trắng trẻo, cử chỉ nhã nhặn, nói năng ôn tồn, làm việc chắc chắn, rất được mọi người trên dưới trong Điền phủ kính nể. Gần đây, thầy giáo Triệu có điều gì tâm sự nặng nề, suốt ngày mặt ủ mày ê, lầm lỳ chẳng

nói, không thiết gì ăn uống… Qua sự dò hỏi mấy lần của Điền Vũ, ông mới nói ra điều tâm sự của mình.

Phía đông thành Lạc An có một nhà viên ngoại họ Trương, tài sản có mười mấy mẫu ruộng thượng đẳng, vài nếp nhà lá khá to, cuộc sống cũng khá sung túc. Trương viên ngoại sinh hạ được một trai một gái, con gái đã gả cho Quả Thường Sơn ở thôn Đông, con trai là Phúc Thuận mới lên năm tuổi. Trời có khi mưa khi nắng, con người có lúc phúc lúc hoạ khôn lường, vợ của Trương viên ngoại bỗng đâu mắc bệnh hiểm nghèo, nằm liệt giường mấy tháng rồi về chầu tiên tổ. Trương Viên ngoại quá đau buồn cũng mắc bệnh tim, nằm liệt trên giường. Phúc Thuận thơ ngây mới vừa năm tuổi còn ham nghịch ham chơi, không có ai lo liệu việc cửa nhà, viên ngoại đành phải đón con gái, con rể về ở để chia nhau hoạn nạn. Nào ngờ con gái và con rể đều là hạng tiểu nhân thấy tiền quên nghĩa, thấy tình hình bệnh tật của Trương viên ngoại ngày một xấu đi, xem chừng không còn hy vọng gì sống nổi, trong bụng chúng đã tính toán làm sao để nắm trong tay gia sản của nhà này. Hai vợ chồng nhỏ to bàn soạn mấy hôm, cuối cùng đã vạch ra một kế độc:

Một buổi sáng, Quả Thường Sơn lấy cớ vào nâng giấc, trong tay cầm sẵn hai tờ “di chúc” đã viết sẵn, đến trước giường bệnh của ông bố vợ đang hấp hối, ép ông phải điểm chỉ vào hai tờ “di chúc” ấy. Trương viên ngoại nghe nói thế, đưa tay run run đón lấy tờ “di chúc” cố hết sức mở mắt ra, thấy trên đó viết rằng: “Trương viên ngoại thành đông chỉ sinh một con, tất cả gia sản toàn bộ để lại cho con rể, người ngoài không được lấy đi”. Thấy con rể nhân lúc nguy nan tính bài vơ vét bịa ra “di chúc” hòng bá chiếm toàn bộ tài sản của

ông, Trương viên ngoại bất giác tức giận quá, lắp bắp nói chẳng nên lời, thều thào từng tiếng, mắng rằng: "Mày... mày là đồ súc... vật...". Chưa nói hết câu, hộc máu ra mà chết. Quả Thường Sơn thừa dịp kéo tay Trương viên ngoại lần lượt điểm chỉ lên hai tờ "di chúc".

Có "di chúc" trong tay, vợ chồng Quả Thường Sơn đã có chỗ dựa không còn lo gì nữa, họ coi Phúc Thuận không còn ra con người nữa, suốt ngày không đánh thì chửi, còn bắt nó rửa nồi, nhóm bếp, đổ thùng phân, sự ác độc của họ còn hơn cả rắn rết. Vợ chồng nhà họ Quả còn lo Phúc Thuận lớn lên sẽ giành lại gia tài, nên đã đuổi nó ra khỏi nhà, thành kẻ ăn mày. Làng trên xóm dưới ai ai cũng thấy bất bình nhưng trong tay vợ chồng họ Quả lại có "di chúc" của Trương viên ngoại, giấy trắng mực đen, thì biết làm thế nào?

Trương viên ngoại ở thành đông này lại không phải ai khác mà chính là anh rể của thầy giáo Triệu Hựu Phúc, Phúc Thuận là cháu ngoại của ông, lúc này ông đang rất đau khổ buồn rầu về cảnh ngộ không may của cháu mình mà trở nên rầu rĩ.

Nghe thầy giáo Triệu kể thế, Điền Vũ hỏi:

– Sao thầy không lên quan phủ kiện vợ chồng nhà họ Quả?

– Kiện? Thầy làm sao lại chẳng muốn đi kiện chúng nó? Thầy giáo Triệu làm ra vẻ rất băn khoăn. Trong tay chúng nó đã có "di chúc" của bố vợ, thầy làm sao mà kiện nổi được chúng nó.

Điền Vũ như có điều suy nghĩ, nói:

– Trong tay Phúc Thuận chẳng phải cũng có một bản "di chúc" đó sau? Đó chính là chứng cứ.

Triệu Hựu Phúc buồn bã nói:

– Hai bản "di chúc" chẳng sai nhau chữ nào, đều viết rành rành là "tất cả gia sản toàn bộ để lại cho con rể, người ngoài không được lấy đi", lấy đó làm chứng cứ thì có khác gì hai tay dâng gia tài cho vợ chồng tên súc vật ấy. Thầy giáo Triệu vừa nói vừa đưa bản "di chúc" cho Điền Vũ.

Cầm bản "di chúc" trên tay, Điền Vũ đọc qua một lượt rồi bảo:

– Ân sư sai rồi! Cứ theo như ngu kiến của trò, thì "di chúc" đã viết rất rõ ràng: "Để toàn bộ gia sản lại cho con trai là Phúc Thuận".

Thầy giáo Triệu tỏ ra rất không hài lòng:

– Thầy đang lo như lửa đốt trong lòng, xin cao túc đừng có nói giỡn.

– Trò đâu dám nói giỡn, xin thầy hãy xem đây. Điền Vũ cầm "di chúc" đọc: Trương viên ngoại thành đông, chỉ sinh một con, tất cả gia sản, toàn bộ để lại, con rể người ngoài, không được lấy đi."

Qua sự ngắt câu như thế của Điền Vũ, thầy giáo Triệu như sáng tỏ ra, thấy trước mắt như thoáng rộng thêm. Ông cầm lại bản "di chúc" xem lại, rồi đọc lên, mỗi con chữ trong bản di chúc như nhảy lên, lấp lánh, toả ra ánh hào quang hy vọng.

Điền Vũ còn phân tích thêm rằng Trương viên ngoại đã có con trai nhưng còn nhỏ dại, sao lại có thể mang toàn bộ tài sản truyền lại cho con rể chứ? Nếu như thế, thì để cho con trai là Phúc Thuận mới lên năm sống thế nào? Với lại, từ xưa đến nay, có con trai sờ sờ ra đấy, đâu lại có lý đem tài sản truyền lại cho con rể kia chứ?

Những điều phân tích của Điền Vũ, rõ ràng đã nêu ra cho thầy giáo Triệu nội dung lời tố tụng. Thầy giáo Triệu nghe qua là hiểu ngay.

Ngày hôm sau, đơn từ tố tụng của thầy Triệu đã đệ lên sảnh đường của phủ huyện, cũng rất may, huyện lệnh là một ông quan thanh liêm "gương sáng treo cao", vừa trình đơn lên đã được duyệt ngay. Đèn trời phán quyết, toàn bộ gia tài của Trương viên ngoại được trả về cho Phúc Thuận, vợ chồng Quả Thường Sơn bị phạt vạ bốn mươi roi, lập tức phải cút khỏi nhà họ Trương, không được ở thêm ngày nào.

Có một thời gian, do không mời được ông thầy nào vừa ý, Điền Vũ buộc phải đi đến trường công học, thời gian ấy không dài, nhưng Điền Vũ đã có thêm nhiều bạn bè ở lứa tuổi thiếu niên.

Phía bắc thôn Đoạn Hà có một ngôi miếu Long Vương, trong miếu đó có một lão thủ tự vừa tham vừa ác. Phía dưới miếu Long Vương có một vịnh nước sâu gọi là vịnh Rồng. Vịnh này rộng không thấy bờ, sâu không thấy đáy, nước màu xanh đen, âm u khí lạnh, vẻ uy nghiêm khiến người ta dễ sởn da gà. Tương truyền đây là cửa phụ để Đông Hải Long vương ra vào Long cung, mỗi lần Long vương đi ngang qua đây, nước đen dựng lên cột nước vút lên đến trời, gió lay gẫy cả cây, sấm chớp như xẻ núi ra, mưa đá to bằng quả đấm, mưa bão xối xả đem lại tai nạn lớn lao cho dân chúng cả vùng này. Để cầu xin Long vương ban phúc, hàng năm dân chúng đều phải tế lễ Long vương, đổ một số lớn rượu thịt và đồ tế lễ xuống vịnh.

Thôn Đoạn Hà lại có một người thợ mộc khéo tay, tên là Đoạn Ngọc Tài, ông thứ gì cũng làm được và làm thứ gì cũng khéo, ngay cả những việc tinh xảo trong cung vua Tề, cũng thường phải mời ông đến làm. Một hôm lão thủ tự đến tìm Đoạn Ngọc Tài, vừa hay gặp Đoạn Ngọc Tài vừa khoác túi đồ bước ra khỏi cổng, định sang thôn bên làm việc. Gã thủ tự nói:

– Người sống trên đời giúp người là thiện, ông làm cho ta cái tủ bạc, rồi ta sẽ cầu Long vương ban phúc cho ông.

“Thủ tự” tức là người coi miếu, thế mà lão thủ tự này lại có lai lịch khá dài dòng, tương truyền vốn là một tên thị vệ hộ giá cho Long vương, từng có lần cứu sống Long vương, nên lúc về già mới đến cái vịnh Rồng này để gác cửa.

Đoạn Ngọc Tài nói:

– Tôi lao động để kiếm cơm ăn, kiếm tiền bằng nghề nghiệp của mình, việc quái gì cần phải Long vương ban phúc!

Lão thủ tự bị cụt hứng, bị tẩy chay bẽ mặt, thẹn quá hoá cùn, vùng vằng bỏ đi. Ngày hôm sau, hắn đi xin gặp Thiên Thừa quận thú, nói:

– Đêm qua lão già này về Đông Hải chơi, Long vương có lệnh cho lão mang về một bức thư, trình quan phụ mẫu xem. Nói xong hắn dâng bức thư mạo danh Long vương lên cho Quận thú.

Quận thú mở thư ra xem, thấy trong viết rằng "Người là chúa Thiên Thừa, ta là vua Đông Hải. Từ lâu nghe nói trong vùng ngươi quản hạt có tên thợ mộc là Đoạn Ngọc Tài kỹ nghệ cao siêu, như sấm rền bên tai, xin cho hắn tới Long cung ít ngày để xây cho tiểu vương một toà long môn. Người ta vẫn nói lợi người tức là lợi mình, nếu xong việc này, ta sẽ giữ cho Thiên Thừa luôn luôn gió hoà mưa thuận, ngô lúa bội thu; nhược bằng hơi trái lời, tất phải ra tay nghiêm trị…"

Câu "ra tay nghiêm trị" của Long vương, Quận Thú đã biết trong đó hàm chứa những gì, đó tức là sấm chớp là bão dông, là nhà đổ, là cây gãy, là chìm ngập ruộng đồng, là con người làm mồi cho tôm cá… nghĩ đến đấy, quận thú thấy không rét mà run, vội sai gọi Đoạn Ngọc Tài đến kể rõ tình hình, lệnh cho ông ta chuẩn bị cho mau, ba ngày sau sẽ đem ông tiến Long cung. Còn như đường đi đến Long đình, trong thư Long vương đã nói rõ: "Sẽ do thủ tự của miếu ta chỉ đường" Vịnh Rồng là cửa thông ra biển Đông, khỏi phải bàn,

đến lúc ấy cứ vứt Đoạn Ngọc Tài xuống vịnh Rồng để ông ta tự ra biển Đông.

Đoạn Ngọc Tài thừa biết, đây là đòn trả thù của lão thủ tự, chỉ vì mình không chịu làm tủ bạc cho hắn, lại còn đấu khẩu với hắn, cho nên hắn đã mạo danh Long vương, mượn tay quận thú, định đưa mình vào chỗ chết. Một lão thủ tự coi miếu thì chẳng khó gì mà không đối phó được, đáng sợ là với quận thú, hắn nắm quyền bính trong tay, trị chết một người dân thường cũng như lấy chân di chết một con kiến. Đoạn Ngọc Tài tuy cũng là người bụng đầy thao lược nổi tiếng làng trên xóm dưới, nhưng lúc này lòng ông như một nồi cháo loãng, có bao nhiêu mạch nguồn của sự tài giỏi khôn ngoan đã bị lấp kín hết, không làm sao nghĩ cho ra một kế thoát thân, hoặc một cách trị cho tên thủ tự kia một mẻ. Đang giữa lúc ông rầu rĩ, bởi mình như đang bị treo trên vách đá cheo leo thì bỗng có một tia sáng chiếu cho con đường trước mặt ông trở nên bằng phẳng thênh thang, từ dưới chân ông dẫn thẳng tới một tương lai xán lạn.

Đại Bảo là con trai của Đoạn Ngọc Tài học ở trường công, bạn cùng lớp cùng bàn với Điền Vũ, họ là đôi bạn thân nhau nhất trong trường, đôi bên chẳng bao giờ giấu nhau điều gì. Cha mình đang bị tên thủ tự tàn ác hãm hại, xem chừng tai nạn sắp giáng xuống đầu, Đại Bảo đương nhiên trước hết đã nói cho Điền Vũ biết cảnh ngộ không may này của nhà mình. Đại Bảo chẳng qua là thuận miệng thì kể để cho vơi đi niềm u uất trong lòng, không ngờ Điền Vũ lại có diệu kế, khiến cho cả nhà bạn từ tuyệt vọng bỗng có ngày sống lại mà còn trừ cho dân được một gã ác ôn.

Điền Vũ theo Đại Bảo về nhà họ Đoạn, hỏi lại cho rõ gót đầu, rồi như thế như thế vạch ra phương án, Đoạn Ngọc Tài thì không ngớt gật đầu lia lịa, nghe theo lời, làm theo kế.

Thời gian ba ngày đi như chớp mắt, hạn định đã đến, quận thú, thủ tự, huyện lệnh, bô lão quan thuộc, hào sĩ và cả dân chúng đến xem có tới cả ngàn người, tất cả đều tập trung ở bên bờ vịnh Rồng để đưa tiễn Đoạn Ngọc Tài. Đoạn Ngọc Tài được tắm rửa thay quần áo, trang điểm cho mới mẻ từ gót đến đầu, đúng với dáng vẻ của một người sắp sửa đi xa. Bên bờ vịnh đã bày sẵn tiệc rượu, người dự tiệc đều lần lượt nâng cốc, lũ lượt thay nhau đi chúc rượu, mọi người đều tỏ ý tiễn biệt Đoạn Ngọc Tài cho ra vẻ. Mặt trời ngả về tây, tiếng sáo của người chăn cừu vang lên lánh lỏi, cừu bò lũ lượt về chuồng. Lão thủ tự nói:

– Đã đến giờ Thân, Đoạn sư phụ phải bắt đầu khởi hành.

Thế là bữa tiệc tàn, lão thủ tự chỉ huy bốn gã mình beo đã được bảo sẵn từ trước, nâng Đoạn Ngọc Tài lên rồi gieo xuống vịnh, chỉ thấy Đoạn Ngọc Tài vùng vẫy rồi chìm dần, rồi ùng ục nổi lên hàng loạt bong bóng nước, chỉ trong nháy mắt đã tiêu tán hết. Bà con đứng ở trên bờ người khóc lóc, người than thở, người đấm ngực, người dậm chân, người luôn mồm chửi rủa…

Đêm ấy, ở miếu Long vương, lão thủ tự ngồi một mình tự rót tự uống, rồi ê a hát một mình, uống cho đến khi say mềm ra.

Ba tháng sau, vào một buổi sáng, Đoạn Ngọc Tài xuất hiện ở trước mặt viên quận thú, ông ăn mặc quần áo rất cầu kỳ và

hợp thời, cử chỉ nhã nhặn, phong độ đàng hoàng, da dẻ mịn màng như một gã thư sinh. Quận thú vừa nhìn thấy, giật mình kinh hoàng, vã mồ hôi hột, bủn rủn chân tay, hồn lìa khỏi xác, không làm chủ được mình, ngồi giữa công đường ngây ra như con rối. Không biết như thế bao nhiêu lâu, hắn mới dần dần tỉnh lại, nhìn kỹ vào Đoạn Ngọc Tài, nghĩ rằng gặp ma giữa ban ngày, như thể mình cũng chẳng sống trên đời được bao lâu nữa. Cái tướng thảm hại của quận thú, Đoạn Ngọc Tài nhìn thấy tận mắt và cười thầm trong bụng nhưng ông cứ làm như không thấy, kính cẩn nói rằng:

– Đội ơn ông lớn sai khiến, Ngọc Tài tôi mới được xuống Long cung thi thố tay nghề, làm vui lòng Long vương, kinh động các loài thuỷ tộc. Ba tháng Long môn đã khánh thành, hôm nay được ca khúc khải hoàn, đồng thời cũng mang theo một bức thư của Long vương, trình để ông lớn quận thú thân chinh lĩnh đọc.

Đến lúc này, quận thú mới hơi hơi định thần, tay run run nhận lấy bức thư rồi bóc phong bì ra đọc; thấy trong thư viết rằng: “Kỹ nghệ của sư phụ Đoạn thật là hơn hẳn mọi người trên đời, Long môn được dựng lên nguy nga huy hoàng, mong sẽ được trọng thưởng! Tái bút! Ba ngày sau trong cung sẽ làm lễ khánh thành Long môn, xin báo cho biết thủ tự ở miếu của tôi cũng đến dự, đương nhiên là cũng tới Long cung bằng con đường trước đây ông thợ mộc đã đi.”

Quận thú đương nhiên ban cho Đoạn Ngọc Tài cả trăm lạng vàng và sai người gọi thủ tự vào chầu rồi đưa cho hắn xem thư của Long vương. Thủ tự đọc thư, hết hồn hết vía, mặt như đổ chàm… Hắn định thần nhìn rõ ông thợ mộc, da mịn

và trắng, khác hẳn so với ba tháng trước, bất giác nghĩ rằng: Lão thợ mộc mình trần mắt thịt, còn có thể vào được Long cung gặp Long vương, ta giữ miếu cho Long vương bao nhiêu lâu nay, lại có công tiến cử, đã mời dự tiệc khánh thành, hẳn là có trọng thưởng; làm gì mà chẳng được quan tâm cất nhắc! Thủ tự nghĩ như vậy, liền vui vẻ nhận lời.

Vào giờ Thân ba ngày sau đó, lão thủ tự được ném xuống vịnh Rồng đúng như lần trước. Tuy nhiên, hắn ừng ực uống luôn mấy ngụm nước vào bụng, rồi chìm nghỉm tận đáy nước mãi mãi không bao giờ lên được nữa, chắc hẳn là được Long vương giữ lại mãi ở trong cung để sai khiến.

Lại nói về ba tháng trước đó, căn cứ vào sự sắp đặt của Điền Vũ, Đoạn Ngọc Tài đã đi kiếm một cái bồ rách, một ống tre dài, một hòn đá lớn. Đến đêm, ông bỏ hòn đá vào cái bồ buộc ống tre vào miệng bồ sau đó dìm cái bồ xuống đáy vịnh Rồng, đặt đầu kia của ống tre vào búi cỏ ở ven bờ vịnh, sau khi Đoạn Ngọc Tài bị vứt xuống nước, sẽ mò đến chỗ cái bồ, rồi ngồi vào đó, miệng ngậm chiếc ống tre, ngồi im không động đậy. Chờ cho đến tối, ông mới ngoi lên bờ lẻn về nhà, trốn liền ba tháng trong nhà. Trong ba tháng đó, chẳng những mỗi ngày ba bữa thịt cá đầy đủ, lại còn rửa mặt bằng sữa bò, cho nên da thịt mới trắng như thế.

Đạo Trang xóm tây thôn Đoạn Hà có một lão nhà giàu tên là Hách Trọng Tường, hắn là con thứ hai nên mọi người gọi là ông hai Hách. Anh ruột hắn là Hách Mạnh Tường ốm chết sớm, bỏ lại vợ goá con côi, trông cậy hết vào ông hai giúp đỡ. Hách Trọng Tường là một gã gian xảo điêu toa, bề ngoài tỏ ra quan tâm hết mực, thể thiết từng ly từng tý đến chị dâu

và cháu mình, nhưng tận xương tuỷ lại để bụng vào đống tài sản mà họ được hưởng. Người chị dâu làm sao hiểu được bụng dạ xấu xa đó của hắn, luôn bày tỏ bằng những lời biết ơn. Hách Trọng Tường cũng từng bày tỏ rằng chị dâu già coi ngang như mẹ, hiếu kính với chị dâu, cưu mang cháu ruột, là nghĩa vụ và trách nhiệm không thể chối từ. Người chị dâu Lưu thị vốn dòng dõi khuê tú, ngay từ nhỏ đã được tiếp thu một nền giáo dục tốt đẹp, hiểu biết sách vở và thông đạt lễ nghi, coi trinh tiết còn quan trọng hơn cả sinh mạng của mình. Hách Trọng Tường đã nắm lấy đặc điểm này của chị dâu mình, tìm cách cố làm ra thân mật, có ý tạo cho người khác một cảm giác sai lầm rằng chị dâu em chồng có quan hệ mờ ám, ngày một ngày hai trong thôn xóm bỗng đồn thổi ầm ĩ cả lên. Lời người đáng sợ, điều đó gây cho Lưu thị một áp lực rất lớn trong tâm linh, sợ rằng sẽ xảy ra điều gì không hay bất ngờ. Lưu thị đã từng mấy lần nhắc nhở Trọng Tường, bảo hắn về sau phải chú ý nhiều hơn. Trọng Tường luôn tỏ ra không thèm để ý và nói:

– Sự nhìn nhận của tiểu nhân, hà tất phải bận tâm.

Dần dần, vợ của Hách Trọng Tường cũng linh cảm thấy điều này, lục vấn hắn mấy lần, thậm chí thường để ý theo dõi hành động của hai người. Càng như thế, Hách Trọng Tường lại càng nửa nạc nửa mỡ, cho thêm chanh vào giấm, càng tỏ ra săn sóc mẹ con Lưu thị chu đáo hơn, ôn tồn dịu dàng hơn khiến cho vợ hắn đã phải mấy lần ngầm cãi nhau với hắn. Thấy lửa đã sắp bén, Hách Trọng Tường quyết định đóng kịch như thật, khiến cho Lưu thị phải xấu hổ mà chết.

Hôm ấy nhà họ Hách mở tiệc lớn, họp mặt đông đủ khách khứa, Hách Trọng Tường sắp xếp cho vợ xuống bếp trông coi nấu nướng, còn hắn và Lưu thị ở trên nhà mời cơm rượu khách, nghiễm nhiên thành đôi vợ chồng, khiến cho trong bữa tiệc có khối người nháy mắt cho nhau. Hết mời lại ép, Hách Trọng Tường sớm đã đỏ mặt tía tai, lấy rượu che mặt, bắt đầu có hành động bằng chân bằng tay với Lưu thị, khách mời có nhiều người thấy ngứa mắt không chịu nổi nên đã bỏ về. Đúng lúc ấy, Hách Trọng Tường nhìn thấy vợ hắn bưng thức ăn lên phòng tiệc, hắn cố làm ra vẻ lả lơi khiến cho vợ hắn ném cả đĩa thức ăn và làm ầm ĩ cả lên, chỉ vào đầu Lưu thị nhiếc mắng xỉ vả là đồ tanh hôi, hồ ly tinh, rủ rê quyến rũ chồng người.

Bữa tiệc tàn không mấy vui vẻ, mụ đàn bà đanh đá làm cho trời đất rối mù.

Lưu thị không chịu nổi nỗi nhục quá lớn, ngay đêm ấy đã treo cổ tự tử.

Sau khi Lưu thị chết, con trai bà là Kế Nghiệp như rơi vào hố băng, như tụt xuống hố sâu ngàn trượng, bị vợ chồng Hách Trọng Tường ngược đãi, giày vò, sống không bằng trâu ngựa. Năm mười tuổi, cậu bị đuổi ra khỏi nhà, đi ăn xin qua ngày. Năm cậu mười lăm tuổi, được người giới thiệu đã lên huyện lỵ học nghề, hầu như tất cả mọi khoản thu nhập đều phải trao cho chú, còn mình thì sống khổ sở, áo không đủ che thân, ăn không đủ ấm bụng.

Gia tài của Hách Trọng Tường tăng lên gấp đôi, nhà cửa vườn tược chiếm cả hai phần nên cuộc sống ngày càng thêm

khấm khá. Chẳng mấy chốc ba năm đã trôi qua, sau khi Kế Nghiệp xa nhà, không bao giờ còn trở lại nữa. Mỗi năm đến tháng chạp người ta đua nhau đi sắm tết để chuẩn bị năm mới. Năm ấy Hách Trọng Tường, mua rất nhiều hàng Tết đầy đủ mọi thứ. Tiền vào như nước không tiêu thì để làm gì, đúng là "không ăn không uống, chết đi cũng uổng"

Buổi tối ngày ba mươi Tết, Hách Trọng Tường mang ra đủ các loại bài vị tổ tiên nhiều đời rồi đặt theo thứ tự để các ngài lần lượt ngồi vào, sau đó bầy lên đủ thứ gà vịt thịt cá, vật tế bằng lợn bằng cừu để cúng thỉnh tổ tiên về cùng hâm hưởng, để năm tới sẽ ban phúc cho họ nhiều hơn. Mọi thứ sắp sửa đâu vào đấy, Hách Trọng Tường thắp đèn lồng lên, mở cửa ra phố, gọi là đi "đón thần". Chắc rằng trước đó, thần linh các bậc tổ tiên đều còn đang bay vơ vẩn trên không, chỉ có đến lúc này mới theo chân của hiếu tử, hiếu tôn về đây ngồi vào giữa nhà hưởng đồ tế lễ của cháu con.

Cửa lớn Hách phủ rộng mở, Hách Trọng Tường dẫn ba người con trai nâng cao đèn lồng cùng bước vào trong sân rồi thắp hương – chuốc rượu – đọc văn tế – lễ tạ… mời các vị thần về phủ để hâm hưởng. Nghi thức vừa xong, Hách Trọng Tường bò dậy, trong mung lung thấy bên ngoài cổng có một chàng trai đang đứng, trên mình giáp mãng chỉnh tề như một vị tướng sắp sửa ra trận.

– Này! Kế Nghiệp đấy phải không? Đã về ăn Tết, sao không vào nhà? – Hách Trọng Tường rất lấy làm lạ hỏi.

Vị tướng trẻ mình đầy giáp mãng có vẻ như rất sợ người, nghe thấy hỏi, co giò định chạy. Muốn chạy nhưng lại bịn rịn không nỡ đi, cho nên động tác mới chậm chạp như thế.

Hách Trọng Tường đang nhẩm tính trong bụng, không biết đây là người hay ma. Giả sử như đây là Kế Nghiệp, thì nó lấy đâu ra mũ đỏ giáp vàng? Nếu không phải, thì tại sao lại giống Kế Nghiệp như đúc vậy? Vừa nghĩ thế, hắn vừa nhào lên phía trước định tóm người ấy lại xem rốt cuộc là cái gì, thế nhưng lại chỉ túm được cái vạt áo. Theo đà, vị "tướng quân" ấy giằng ra, "soạt" một tiếng, vạt áo bào rách, "tướng quân" chạy thoát, không thấy bóng dáng đâu nữa. Hách Trọng Tường vội vàng về nhà, dưới ánh sáng ngọn nến chập chờn, vạt áo bào trong tay lại là những mảnh lá xâu lại với nhau, bất giác hắn rú lên, ngã kềnh ra đất, hôn mê bất tỉnh nhân sự!

CHƯƠNG IV
CĂNG THẲNG CHA CON
ÔNG CHÁU ĐI DẠO

Hách Trọng Tường sợ hãi quá nên mới ngất đi như thế. Thời bấy giờ, người sống thì mặc vải mặc lụa, chỉ có chết đi làm ma thì mới mặc lá cây, khoác vỏ cây, hơn nữa, người sống mà gặp ma như thế, tức là không sống ở trên đời lâu nữa.

Khỏi phải nói, cái Tết năm ấy, nhà họ Hách phải ăn Tết trong tiếng khóc than lo buồn, Hách Trọng Tường lúc thì tỉnh, lúc thì mê, lúc tỉnh thì sắp xếp việc ma chay hậu sự, khi mê thì lảm nhảm luôn mồm, chưa hết tháng giêng đã về chầu tiên tổ.

Ngày rằm tháng chạp trước Tết, một buổi chiều, gió đông bắc rít từng cơn, tuyết bay đầy trời, một mình Điền Vũ đang luyện kiếm ở rừng cây bên bờ sông Tri Thuỷ, bỗng thấy một bóng người từ trong lùm cây nhảy ra, chạy về phía bờ đê. Bốn bề mênh mang, tuyết trắng như bạc, vạn vật đều chìm trong tuyết chim thú cũng mất tăm, con người ấy tại sao lại náu mình trong lùm cây? Hắn chạy ra bờ đê làm gì? Điền Vũ dự cảm thấy một việc chẳng lành xảy ra, nên xách kiếm bám theo sau người ấy. Đứng trên bờ đê ở trước mặt Điền Vũ lúc ấy là một cậu bé đang ở tuổi vị thành niên, nhìn cái đầu cậu ta, Điền Vũ đoán cũng chỉ tầm trạc tuổi mình. Do địa hình và thế nước, phía chân đê là một đầm nước sâu, vào tháng chạp giữa mùa đông, nước ở đầm vẫn đen ngòm và từ từ cuộn chảy, sâu đến lạnh người. Chàng thiếu niên đứng ở

trên đê, nhìn đầm nước như một chậu máu ngoác ra, mà kể lể, kêu khóc:

– Người ta cứ bảo: Trời không bịt hết đường sống, nơi tối tăm nhất vẫn có thể tìm ra ánh sáng" thế nhưng trời ơi đường sống ở đâu? Ánh sáng ở đâu? Toàn là những câu lừa bịp… Mẹ đáng thương ơi, mẹ ở đâu, hãy để cho con theo với…

Chàng thiếu niên nói xong, định lao đầu xuống nước. Điền Vũ nhanh mắt nhanh tay, người tập võ bao giờ phản xạ cũng nhanh, cậu nhảy bắn tới, đưa tay túm lấy người vừa định nhảy xuống nước.

Chàng thiếu niên chán đời ấy chính là Kế Nghiệp, theo đề nghị của Điền Vũ, cậu đã nức nở nghẹn ngào kể lại hết mọi chuyện về cảnh ngộ của mình. Hôm qua, đói quá không chịu nổi, cậu đã ăn vụng thức ăn của nhà chủ giành cho chó, sau khi chủ nhà bắt được đã đánh cậu một trận tả tơi rồi đuổi ra khỏi nhà, tiền công nửa năm trời đi ở, ông chú Hách Trọng Tường chưa đến tính toán, nhà chủ tất sẽ lấy cớ cậu ăn vụng, không trả xu nào, như vậy ông chú cũng không đời nào tha tội. Cậu không dám chạy theo người chú vốn coi của trọng hơn người là Hách Trọng Tường nữa. Bây giờ năm hết tết đến, Kế Nghiệp thấy đã hết đường, muốn về nhà cũng không có nhà mà về, đành định nhảy xuống sông xuống đầm để chấm dứt cuộc đời non trẻ của mình.

Không biết họ đã đứng thế bao nhiêu lâu, gió vẫn cứ thổi, tuyết vẫn cứ rơi, tuy màn đêm đông sắp buông xuống, nhưng vì trời đất mênh mang, đâu đâu cũng toàn là tuyết

trắng, thêm vào đó trên những đám mây âm u kia là một vầng trăng treo lơ lửng, cho cảnh đêm tăng thêm một chút ánh sáng, màu trắng của tuyết phản chiếu ánh trăng soi sáng khắp mọi nơi. Hai chàng thiếu niên không biết tự lúc nào đã ngồi bên nhau thổ lộ những điều cay đắng. Đột nhiên, Kế Nghiệp phát hiện ra thanh kiếm lấp loáng sáng Điền Vũ đang đeo bên mình; bỗng nhoài người sang, đưa tay định rút lấy. Thuận đà, Điền Vũ đã tóm chặt được cổ tay Kế Nghiệp hỏi:

– Làm cái gì thế? Kế Nghiệp nài nỉ:

– Hãy cho tôi mượn thanh kiếm này, để tôi đi giết Hách Trọng Tường, người đã chiếm đoạt tài sản và làm hại mẹ tôi đến chết kia đi!

Điền Vũ tủm tỉm cười nói:

– Giết người hà tất phải dùng kiếm, Hách Trọng Tường đã làm cho mẹ cậu phải chết, có phải cũng chẳng cần dùng binh đao gì đúng không? Tại sao không dùng cách ấy để trị lại chính hắn?

Điền Vũ nói xong, tiếp tục cười hì hì thành tiếng, rất tự nhiên thoải mái và đầy vẻ tự tin.

Cười chán rồi, Điền Vũ mới quay ra bày cho Kế Nghiệp ngón trò giết người không dao.

Những việc Điền Vũ đã làm ở bên ngoài đã nhanh chóng đồn đến tai Phạm Ngọc Lan. Người ta đều kể lại những sự

việc, những câu chuyện xúc động ấy với Ngọc Lan với vẻ mặt và lời lẽ ca ngợi, đồng tình. Nghe những lời ca trọng và khen ngợi đó, trong lòng Phạm Ngọc Lan rất khó tả, không biết là vui hay buồn, bởi vì cứ thế này mãi, rất dễ dẫn đến tai ương rồi đi đến chỗ thiệt thân và mang tiếng xấu, thậm chí còn mang hoạ cho cả họ Điền. Càng nghĩ đến, Phạm Ngọc Lan càng tỏ ra lo sợ và quyết định sẽ ngăn chặn bớt những hành vi ấy của con mình, để làm sao nó có thể đem sự thông minh tài trí của mình dùng vào việc học hành và luyện võ, đặng sau này cũng như lớp cha anh của mình, văn thì có thể an bang, võ cũng có thể định quốc, để tiếng thơm trong sử xanh. Nhưng ngặt nỗi không biết phải bắt tay từ đâu, cho nên Phạm Ngọc Lan suốt ngày rầu rĩ, ăn không biết ngon, đêm nằm ngủ không yên. Đúng lúc ấy Điền Bằng về nhà. Không phải ông về thăm nhà hoặc nghỉ ngơi, mà về để dưỡng bệnh nên sẽ ở nhà một thời gian khá lâu. Triều đình nước Tề cũng đang âm ỉ nguy cơ một cuộc nội loạn, các dòng họ Loan, Cao, Bào... mưu mô lừa đảo, bài xích gạt chân nhau, thâu tóm thế lực kéo bè kéo đảng... Điền Bằng e rằng mình cũng bị cuốn vào những dòng xoáy ấy, nên mượn cớ là dưỡng bệnh, về nhà tạm lánh ít ngày...

Chồng đã trở về, Ngọc Lan như trút được gánh nặng trên vai; nàng đẩy hết trách nhiệm trong việc giáo dục và bồi dưỡng con về phía Điền Bằng. Là một người vừa nghiêm khắc vừa cứng nhắc, trước mặt vợ con Điền Bằng càng tỏ ra uy nghiêm và nguyên tắc cứng nhắc không ai được vi phạm. Điền Vũ vốn tính ương bướng giống như một con trâu ngang ngạnh, giắt không đi, đánh còn lùi trở lại. Do sự khác nhau về tính tình, nên đã báo trước sự trục trặc tất xảy ra,

khi cha con họ Điền chung sống với nhau, thậm chí ở một mức độ nhất định nào đó, còn có thể là sự chống đối nữa!

Nghe Ngọc Lan nói qua về sự trưởng thành của con trai, Điền Bằng thấy mát rượi sung sướng trong lòng, vui đến mức đêm khuya vẫn chưa ngủ được. Con người ta luôn luôn đặt niềm sở cậy vào lớp người sau, mong con khôn lớn nên người, Điền Vũ đã thông minh sáng dạ tháo vát như thế, trong lòng đã thành nếp nghĩ, càng nghĩ càng khôn khéo hơn, mai sau tất sẽ trở thành rường cột. Thấy nhà họ Điền có người thừa kế, lớp sau càng giỏi giang hơn, Điền Bằng làm gì mà chả vui mừng sung sướng chứ! Nhưng tình cảm vui mừng sung sướng ấy, ở trước mặt con mình, không bao giờ ông để lộ ra.

Ông cũng không bao giờ hé răng nói đến những gì đáng được khen ngợi của Điền Vũ, mà chỉ luôn luôn chỉ ra những chỗ còn thiếu sót của cậu, nhấn mạnh những điều răn đe, nêu hậu quả và sự nguy hại đến mức ghê người và đáng sợ. Con người vốn sẵn có lòng tự trọng, lòng tự trọng của con trẻ còn lớn hơn mạnh hơn của người lớn, thuần chất hơn và trong sáng hơn nhiều. Ngay ở buổi trò chuyện và gặp gỡ đầu tiên, giữa hai cha con, Điền Bằng đã làm thương tổn đến tình cảm ấy. Từ trong sâu thẳm tấm lòng ngây thơ của Điền Vũ, những hạt giống của sự chống đối đã được gieo xuống!

Điền Vũ thôi không đi học trường công nữa, mà ở nhà để cha tự dạy. Người xưa đã bảo “quân tử không dạy con”, bởi vì ở cái thế rất khó xử. Giáo dục thì phải dùng lý lẽ đúng đắn, cha mà dạy con, khi dùng lý lẽ đúng đắn không được, tất nhiên là sẽ nổi giận. Khi đã bực bội lên như thế tất sẽ thương

tổn đến tình cha con, thế nào người con cũng bực bội nói ngầm trong bụng: "Ông lấy lý lẽ đúng đắn để dạy tôi, thế nhưng bản thân ông lại không làm theo lý lẽ đó..." Giữa người với người, sợ nhất là tình cảm bị sứt mẻ, giữa cha con lại càng như thế, cho nên người xưa mới phải "đổi con mà dạy", để làm cho hai cha con không đến mức chỉ muốn tốt mà đâm ra trách móc nhau. Chính Điền Bằng đã đi ngược lại nguyên tắc giáo dục ấy, bởi ông cứ đinh ninh rằng: Tự mình dạy con mình thì sẽ nghiêm khắc hơn, đáng tin cậy hơn, yên tâm hơn... Nhưng kết quả thường hoàn toàn ngược lại, không những phương hại đến hoà khí giữa cha con mà chút nữa thôi, còn đi đến chỗ sứt mẻ trong tình cảm.

Điền Vũ học cứ như một anh chàng ăn khoẻ mà đói bụng, dù cho đầu bếp có mải toát mồ hôi ra, cũng khó mà nhét cho đầy cái bụng đói của cậu; cũng giống như một cái thùng không đáy, mặc cho ai đó có nhét vào đầy dù là bạc vàng châu báu hay mảnh sành, mảnh gạch, thượng vàng hạ cám nó đều chứa được hết. Cậu giống một con tuấn mã, bất kể là chất lên mình bao nhiều đồ đạc, cũng không đè ngã được. Người cha vừa giảng xong bài, sắp xếp công việc cần cho học tập, thoáng một cái con trai đã hồ hởi chạy ra ngoài đùa nghịch rồi. Những đòi hỏi mà Điền Bằng đưa ra với con mình, cũng giống như ngày xưa ông nội Hoàn Tử Vô Vũ từng đòi hỏi chính bản thân ông vậy, suốt ngày ngồi trong phòng học, ngắc ngư cái đầu mà ra rả kêu "chi hồ giả dã". Từ trong đáy lòng, ông cảm động trước sự giáo dục và bồi dưỡng của ông nội mình: Nếu không có sự trừng phạt nghiêm ngặt ngày nào của ông nội, thì ông làm gì có được tri thức và học vấn như lúc này. Điền Vũ ngược lại giống y như một con ngựa bất kham, ở trong phòng học rất ít khi

thấy bóng cậu ta. Khi người hầu đi tìm cậu về, kiểm tra việc học hành, thì cậu lại luôn luôn đọc vanh vách ra trơn như cháo, trả lời câu hỏi cũng luôn luôn trôi chảy, làm Điền Bằng bỗng như một quả bóng xì hơi, trong nháy mắt đã quên hết bực bội, lại bắt đầu giảng sang bài mới, tăng thêm nhiều cho gánh nặng của cậu.

Một đứa trẻ mười mấy tuổi, phần lớn là tinh nghịch, hiếu kỳ, ham chơi, ý chí lỏng lẻo, khả năng tự kiềm chế tương đối kém, Điền Vũ cũng không phải là ngoại lệ, nên cậu thường quên nhiệm vụ học tập mà cha mình đã sắp đặt. Mỗi khi như thế, cậu thường bị phạt rất nghiêm. Điền Bằng thường phạt con bằng hai cách, một là quỳ lên ghế, một cách nữa là dùng thước đánh vào lòng bàn tay.

Trong phòng học, Điền Vũ quỳ trên chiếc ghế băng hai người ngồi, vì cậu không học thuộc bài người cha đã sắp đặt cho. Điền Bằng bắt con quỳ trên ghế mà nghĩ, cho đến lúc nào nghĩ ra mới thôi. Điền Vũ không phải vì không thuộc, cậu thường đọc qua một lượt, nắm được nội dung là mãi không bao giờ quên. Nhưng lúc này vì quá mải chơi, nên cậu chưa học qua một lượt, giờ thì lấy đâu ra mà nhớ lại? Cậu quỳ ở đấy, nước mắt ròng ròng như hai dòng suối, thánh thót nhỏ xuống không ngừng. Cậu quỳ đến đau đầu gối, đến tê dại, quỳ đến sưng lên, đến nứt ra, giữa mùa hè, từng giọt máu tươi thấm ướt cả vạt áo. Người cha hoặc giận dữ hầm hầm ngồi ở trước mặt yên lặng để xem con trai nhớ ra như thế nào, hoặc chắp tay sau lưng, đi đi lại lại trong phòng, gót chân nện xuống đất nặng nề, cong cóc kêu lên thành tiếng, để chờ cho cậu con nhớ ra, hoặc bỏ mặc đấy, ra bàn đọc sách để cho cậu dần dần nhớ lại. Kỳ thực những lúc thế này, đầu

óc của Điền Vũ như một cánh cửa đã khép chặt, cậu chẳng cân nhắc gì, chẳng nghĩ đến một cái gì hết, để mặc cho người cha giận dữ giày vò, bắt quỳ lâu quá, đến mức bỗng trượt từ trên ghế xuống đất. Ngọc Lan với bà mẹ chồng đứng ở ngoài cửa, nước mắt lưng tròng, ruột đau như thắt, nhưng họ cũng không dám vào để mang Điền Vũ ra ngoài, bởi họ là đàn bà. Cũng là đàn bà, thế nhưng bà nội của Điền Bằng thì lại khác. Trong Điền phủ, bà có uy quyền cao hơn ai hết, Điền Thư cũng còn phải tỏ ra hết mực cung kính với mẹ già của mình.

Sau khi cụ cố biết tin, gậy đầu rồng gõ cồng cộc lên nền đất, cụ đến trước cửa gian phòng học, đẩy đánh "uỳnh" một nhát cho cửa bật ra, trừng mắt nhìn Điền Bằng một cái, có lúc còn đưa gậy chỉ lên tận đầu ông ta, không nói không rằng, đỡ Điền Vũ từ trên ghế đứng xuống đất, rồi dắt ra ngoài. Chỉ có cụ nội mới giải được vây trong trường hợp này, cụ nội là đại cứu tinh của Điền Vũ. Dần dần Phạm Ngọc Lan và bà mẹ chồng cũng rút ra kinh nghiêm, mỗi khi thấy Điền Vũ phải quỳ trên ghế, bèn đi bẩm báo với bà cụ nội. Bà cụ đến là mọi sự đâu vào đấy hết ngay, trong lòng Điền Bằng dù có bực bội đến mấy đi nữa, cũng không dám làm gì. Dần dần, Điền Vũ đã nghiệm ra một quy luật, phải quỳ trên ghế cũng chẳng có gì đáng sợ, cứ quỳ một hồi sẽ có cứu tinh từ trên trời xuống. Từ đó, cậu không còn coi bài vở cha sắp đặt cho là cái gì nữa, quên mất không nói làm gì, còn không quên cũng không học đến nơi đến chốn. Cha con xung khắc với nhau, lời qua tiếng lại với nhau, khiến Điền Bằng tức giận đến trợn tròn cả mắt.

Nỗi đau khi bị thước kẻ đánh vào lòng bàn tay cũng chẳng kém gì phải quỳ trên băng ghế, vì có lúc bàn tay bị đánh sưng vù lên như một cái chân giò. Đương nhiên bề trên có

kinh nghiệm thì không bao giờ đánh vào bàn tay phải, vì chẳng may nếu bàn tay phải sưng lên thì không thể cầm bút viết chữ được và cũng không cầm được đũa ăn cơm. Làm cha mà giày vò tàn khốc con mình như thế, chẳng lẽ ông không đau lòng hay sao? Nghe đâu, đấy mới chính là sự thể hiện của lòng yêu, lý luận của trường phái này là "yêu cho vọt ghét cho chơi", "yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi", hoặc là bảo "ghét sắt thì không thành thép" cho nên mới phải cho vào lửa, phải nấu luyện. Những người ấy còn có cả những lời di huấn của tổ tiên, nào là "nuôi không dạy, sai ở cha; dạy không nghiêm, do thầy nhác".

Đây Điền Bằng vừa là cha, lại vừa là thầy, với Điền Vũ đương nhiên là phải dạy cho nghiêm, phải rèn cho thành thép. Với những lý luận đó, Điền Bằng có phạt roi con trai cũng chẳng qua là bột phát từ lòng yêu con, nên có thể dằn lòng được. Sức mê hoặc vào lý luận của trường phái này rất mạnh, tuổi thọ của nó cũng khá dài, cho đến tận hai ngàn năm trăm năm sau cũng còn có rất nhiều bậc làm cha làm mẹ, làm phụ huynh vẫn dốc lòng tin. Tuy nhiên, con người suy cho cùng không phải là gang thép, con người là động vật có cảm tình. Kết quả rèn luyện kiểu ấy của Điền Bằng, thực sự đã biến tình cha con và lòng yêu nhân luân thành gang thành thép lạnh tanh, thành một thế lực chống đối. Nên bất kể là cha mình đánh thế nào, Điền Vũ cũng không rụt tay lại nữa, cũng chẳng xin tha, chỉ nghiến răng lại và im lặng khóc thầm, trong lòng bỗng cháy lên ngọn lửa chống đối, dồn nén sức mạnh trả đũa.

Một hôm, do Điền Vũ không trả lời được câu hỏi của cha mình đặt ra nên phải phạt đòn. Người cha cầm lấy thước,

Điền Vũ chủ động chìa bàn tay trái ra, ngửa tay lên đón đợi cây thước đánh xuống. Khác với những học trò khác khi bị đòn, nói chung khi thấy ông thầy cầm cây thước giơ lên, học trò thường rụt tay ra phía sau, ông thầy thấy vậy càng tức nên càng đánh dữ hơn. Điền Vũ thì không thế, cậu chủ động chìa tay ra, sẵn sàng nhận hình phạt của thầy giáo, hoá ra lại thường đánh thức lòng thương hại của thầy, nên có khi lại đánh nhẹ tay hơn. Điền Bằng thì khác, bởi vì ngoài là thầy, ông còn là một người cha, thấy con trai chủ động chìa tay ra, thì nỗi tức giận không chỉ một phía, mà là nghiêm trị không tha. Hôm nay lại có điều hơi khác thường, bởi gần đây thấy con ốm đau luôn, sức khoẻ không được tốt lắm, câu hỏi ông nêu ra cũng hơi khó, làm cậu chưa trả lời được ngay, nên ông thấy có thể tha thứ được. Thế nên tuy giơ thước lên cao, nhưng khi vụt xuống, ông không dùng sức bao nhiêu, thế mà khi cây thước vừa chạm vào lòng bàn tay, liền rời ra rơi tứ tung, vỡ vụn làm nhiều mảnh. Điều đó khiến Điền Bằng băn khoăn không hiểu tại sao, còn cậu con trai thì hiểu rất rõ, cậu đang thầm chúc mừng cho thắng lợi của mình.

Cụ cố nghe tin lật đật chạy tới, không cần hỏi đầu đuôi xuôi ngược ra sao, vung cây gậy đầu rồng lên phang lia lịa vào Điền Bằng. Không dám chống lại, cũng không dám chạy đi, Điền Bằng chỉ cố đưa tay đỡ và xin bà bớt giận. Cụ cố vừa đánh vừa mắng:

– Tao đánh cho chết cái quân súc vật này đi! Hổ dữ còn không nỡ ăn con, thế mà mày lại nỡ ra tay độc ác với con mày như thế!

Sau khi mắng mỏ một hồi như thế, cụ cố dắt tay Điền Vũ bước ra. Được mấy bước còn hậm hực quay lại nói:

– Chưa hết chuyện đâu! Thằng bé mà có làm sao thì để xem tao tính chuyện với mày thế nào nhé!

Cây thước làm bằng gỗ, làm sao lại có thể vỡ vụn ra như thế được? Thì ra hàng ngày ra nhà xí, Điền Vũ thấy vữa với gạch bị tróc ra từng mảng, tuy không biết được tại sao như thế, nhưng cậu ý thức được rằng: Phân người là thứ rất ghê gớm. Phân làm cho gạch ngói còn phải hỏng, thế thì, cây thước làm bằng gỗ thì là gì, thế là hàng ngày cậu lén lấy cây thước cha vẫn dùng để đánh mình ra ngâm vào nước phân. Quả nhiên không ngoài dự đoán, sau một số ngày làm như thế, nó mới biến thành một thứ bở như vôi, không chịu nổi một nhát vụt như thế.

Sức mạnh của phong tục cũng không phải là nhỏ. Ngay cả những nơi danh môn lệnh tộc như Điền phủ cũng không ngoài sự ràng buộc đó, nhà xí vẫn xây lộ thiên. Ở vào thời xa xưa, khi chưa có nước để xối rửa, tuy không tránh khỏi nỗi khổ những khi mưa gió, nhưng mùa hè đỡ phải chịu mùi hôi thối xông lên. Nhà xí thuộc khu nhà ở của Điền Bằng tương đối rộng, đến mùa xuân, trên cành còn nở đầy hoa, toả mùi hương thơm ngát. Hố phân, hoa đào, ấy thế mà lại gây nên hứng thú! Thời gian cứ trôi đi, hoa đào trên cành tàn tạ hết, nhưng ở phía gốc cây, lại mọc lên một nhánh chồi cây. Đến khi Điền Bằng về tới nhà, chồi cây ấy đã lớn bằng ngón tay cái rồi. Điền Bằng chinh chiến nơi xa trường, phần lưng từng đã bị thương nặng, đứng ngồi không được thoải mái lắm, khi ra hố xí hoặc ngồi xuống hay muốn đứng lên,

thường quen vịn vào cành đào mới mọc thêm này. Hôm ấy, ông lại ra nhà xí, bám vào cành đào ấy, đang định ngồi xuống, cành cây ấy bỗng gãy rời ra, Điền Bằng ngửa người rơi xuống hố phân. Cũng còn may hố phân vừa mới dọn xong, ở dưới có lót một lớp đất mùn, nên ông vừa không bị rơi ngập trong nước phân, cũng không đến nỗi bị ngã đau, nếu không, hậu quả không biết còn bi đát đến đâu. Mặc dù vậy, vì kinh hãi, Điền Bằng đã ốm mất mấy ngày.

Biết con không ai bằng mẹ, Phạm Ngọc Lan ngầm hiểu trong lòng đây là cái trò quỉ quái mà Điền Vũ bầy ra để trả thù vặt với cha mình, thế nhưng bà không dám nói với chồng, sợ sẽ làm cho ông bực mình và đưa đến sự xung đột lớn hơn giữa hai cha con. Phạm Ngọc Lan từng mong ngày mong đêm cho chồng sớm trở về để cùng với mình quản lý và giáo dục con. Nào ngờ mới về đến nơi, cha con bỗng thành thù địch, cứ thế này mãi thì sao được, chẳng hoá ra sẽ đi đến chỗ bên sứt đầu, bên mẻ trán hay sao. Càng nghĩ đến nông nỗi sau này, bà càng thấy sợ và bất giác rơi lệ khóc thầm. Cũng may là thôn Điền Ban ở gần kề ngay Lâm Tri nên thường có những người phu trạm đi đi về về. Khi nghe tin bố chồng vừa ở chiến trường chiến thắng trở về, Phạm Ngọc Lan liền nhờ người đưa thư mời ông về nhà ngay.

Điền Thư về đến nhà, nghe con dâu Phạm Ngọc Lan kể lại từng vụ việc về xung đột xảy ra giữa hai cha con Điền Vũ, ông không hề trách cháu mình mà đã răn dạy con mình một trận đến nơi đến chốn.

Điền Bằng ngã ở hố xí, quả đúng là do con trai bày trò ngỗ ngược gây nên, cả quá trình đó lại chính ở mồm Điền Vũ tự nói ra với ông nội mình.

Qua quan sát lâu ngày, Điền Vũ đã nắm được quy luật và thói quen của cha mình khi đi đại tiện, cậu đã lấy dao cắt tiện vòng quanh cành đào mà cha mình hay vịn khi ngồi xuống đứng lên; khiến cho nó gần đứt hẳn ra, để khi ông dùng sức bíu vào đấy, cành đào sẽ tự nhiên gãy ra làm ông mất đà ngã ngửa. Còn như việc lại sắp đặt để xảy ra ở hố phân mới hốt là chẳng qua làm con cũng chỉ muốn báo thù vặt để nhắc nhở ông một chút, cho ông thấy một bài học vậy thôi, chứ không hề muốn đẩy ông đến chỗ chết. Nghe Điền Vũ kể lại mọi chuyện có ngành có ngọn như thế, Điền Thư chẳng những không hề nổi nóng, ngược lại còn ngửa mặt cả cười, bởi thực chất đây là một trận đánh bằng mưu lược rất đặc sắc và khéo léo.

Ngày thứ ba sau khi Điền Thư về nhà, đã cử hành một buổi lễ tế tổ rất to và long trọng, khi mọi thủ tục thắp hương, chuốc rượu, hành lễ, đọc chúc… đều đã xong xuôi, mọi người lần lượt ra về, trong gia miếu lúc này chỉ còn lại hai ông cháu là Điền Thư và Điền Vũ. Trước những thứ như tộc phả, thần chủ, bài vị, tế khí… Bầy chật trong gian miếu, Điền Thư đã kể cho đứa cháu nội yêu quý của mình về gia sử dài dòng của tiên tổ mấy đời họ Điền.

Trần Lịch Công tên là Tha, con út của Trần Văn Công, mẹ ông là Thái Thị. Văn Công chết, con trai cả là Bào được lên ngôi, đó là Hoàn Công. Hoàn Công với Tha khác mẹ, thời gian ở ngôi rất ngắn, bỗng mắc bệnh nặng. Người của Thái

giết Hoàn Công và thái tử Miễn, lập Tha, chính là Trần Lịch Công. Lịch Công có phu nhân là Thái Thị, sinh con trai tên là Hoàn. Con thứ của Hoàn Công là Lâm, oán hận Lịch Công đã giết cha anh mình, bèn mua chuộc người của Thái dụ Lịch Công mà giết đi. Lâm tự lên ngôi, tức là Tráng Công, cho nên Trần Hoàn không được lập, làm Trần đại phu. Tráng Công chết, lập em là Chử Cữu lên ngôi, đó là Tuyên Công. Năm Tuyên Công thứ hai mươi mốt, giết Thái tử của mình là Ngư Khấu. Trần Hoàn với Ngư Khấu thân nhau như một, sợ luỵ đến thân, bèn trốn sang Tề. Thấy Trần Hoàn dáng vẻ bệ vệ, nói năng khác thường xem ra rất có tài chọc trời quấy nước, cho nên Tề Hoàn Công muốn phong cho làm khanh. Trần Hoàn nghĩ rằng, ở xa Tổ quốc, lưu vong ở nước người, chẳng có công lao gì, nếu ở địa vị cao, tất sẽ bị quần thần đố kỵ. Quần thần đố kỵ tất sẽ nguy đến thân cho nên đã khăng khăng không nhận, mà nói: "Thần ăn đậu ở nhờ, may mà không chết, đã mang ơn vua lắm rồi, không dám ở ngôi cao" đưa đẩy mấy lần, không còn cách nào, Hoàn Công sai làm công chính, công chính là người đứng đầu trăm nghề. Đó là chuyện từ năm Tề Hoàn Công thứ mười bốn, Ý Trọng của nước Tề đem con gả con gái cho Trần Hoàn làm vợ.

Sau khi chạy sang Tề, Trần Hoàn không muốn gọi bằng tên cũ, thế là đổi Quỳ Tự thành họ Điền, sau khi chết được truy phong là Kính Trọng. Một vương tộc của nước Trần được sinh sôi nảy nở ở nước Tề như thế đó: Từ Trần Hoàn, đến Trĩ Mạnh Di, đến Dẫn Mạnh Trang, đến Văn Tử Tu Vô, đến Hoàn Tử Vô Vũ. Vô Vũ sinh được ba người con: Con trưởng là Vũ Tử Khai; con thứ là Li Tử Ngật, con thứ ba là Điền Thư, tự Tử Chiếm. Điền Hoàn Tử Vô Vũ có sức khoẻ vật được hổ theo Tề Trang Công, rất được sủng ái.

Thời Cảnh Công mới lên ngôi, bốn nhà đại quý tộc là Cao Đường, Loan Thị, Điền Vô Vũ, Bào Quốc nắm hết triều chính. Bốn dòng họ ấy chia làm hai phái, hai nhà Loan, Cao thân nhau; hai nhà Điền, Bào gần nhau, hai bên xâm lăng nhau, loại trừ nhau, đối lập nhau như nước lửa. Bỗng một hôm, họ Điền và họ Bào liên quân đánh họ Loan và họ Cao. Vì họ Loan - Cao không có sự đề phòng, bị thua phải chạy sang Lỗ. Họ Điền - Bào đuổi vợ hai nhà kia đi, tịch thu toàn bộ thực ấp và gia tài của họ, đăng ký lập sổ sách, rồi dâng lên Cảnh Công, Cảnh Công mừng hết chỗ nói. Mẹ của Cảnh Công là Mạnh Cơ, tham lam hám lợi, Điền Vô Vũ đã dâng cho bà một số châu báu. Mạnh Cơ rất lấy làm cảm động, nói với Tề Cảnh Công: "Điền Vô Vũ giết hết nhà họ Cao, mở rộng chấn hưng công thất, công lớn như thế, sao chẳng lấy đất Cao Cường mà ban cho hắn?". Theo lệnh mẹ, Tề Cảnh Công đem đất Cao Đường phong cho Vô Vũ, họ Điền càng giàu thêm, thế lực càng mạnh hơn…

Nghe ông nội giới thiệu và giảng giải như vậy, trong lòng Điền Vũ bỗng thấy có gì xao xuyến, thì ra tổ tiên nhà mình đều là những bậc anh hùng hào kiệt. Là lớp cháu con đời sau của họ, mình cũng phải làm thế nào tự vươn lên thành tài, mới khỏi phụ lại niềm sở cậy của lớp lớp tổ tiên? Lần đầu tiên cậu nghĩ đến vấn đề này. Đồng thời cậu cũng thầm oán trách cha mẹ mình, tại sao không sớm nói cho cậu nghe thật nhiều về công trạng của tổ tiên như thế?

Hôm sau, Điền Thư đưa cháu đến Mai Cúc trại tham quan tàng thư. Mai Cúc trại là tên thư trại của nhà họ Điền, đại khái lấy ý của bài ngạo tuyết linh sương. Phía trước là một

thư phòng quy mô rất lớn, ở đây môi trường yên tĩnh, bày biện đơn sơ và sang trọng, không khí trong lành, ánh sáng đầy đủ, rất thích hợp để xem sách, viết lách về học thuật, trong phòng có bốn năm thanh niên đang bận rộn với công việc, hoặc đọc các thẻ sách, hoặc đang phục xuống bàn viết lách… Thấy Điền Thư tới, mọi người đều dừng công việc đứng dậy chào ông. Điền Thư nói với cháu mình những người này đều thuộc dạng trí thức uyên bác, văn hay chữ tốt, họ đang thực hiện theo ý của ông, biên soạn một cuốn sách mới về mặt quân sự, tên của cuốn sách này còn chưa xác định. Phía sau thư phòng là căn gác hai tầng, tầng trên tầng dưới xếp đầy sách, Điền Vũ đi theo ông nội mình để xem, ông còn liên tục chỉ dẫn, giải thích cho cậu.

Ở đây có "tam phần", đó là sách của Phục Hy, Thần Nông, Hoàng đế; có "ngũ điển", tức là sách của Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn … có "Bát sách" tức là những sách sớm nhất về bát quái; có "Cửu khưu" tức là sách về đất đai, phong tục tập quán của Cửu Châu; có "Thừa" của nước Tấn, có "Đào ngột" của nước Sở … là sách sử của các nước; lại có "thi" ghi chép về vật, "thời" ghi chép về tuổi tác, có "hành" nói về điều lợi hại của dân; có "bốc" để xem lành dữ; có "thế" ghi chép về các thế hệ tiên vương; có "lệnh" ghi chép về sự nghiệp của bách quan; có "ngữ" ghi những điều hay về trị nước; có "cố chí" ghi về những thành bại của người đời trước; có "huấn điển" ghi chép về ngũ đế, có sử sách các triều đại, như "Hạ thư", "Thương thư", "Chu thư"… có "Số" để ghi chép về ý nghĩa của chín con số; có "Hạ thời" ghi chép về bốn mùa thời nhà Hạ; có "Càn khôn" ghi về âm dương thời Ân – Thương; lại có cả "đồ" và "pháp". Ngoài ra còn có đủ các loại sách và các loại tư liệu văn hiến

về đủ mọi mặt như thiên văn, lịch pháp, y dược, nông tang, công nghệ, dân ca, thần thoại… Và có các bản khác của một số sách khác. Nhiều hơn cả là những sách và tư liệu hồ sơ về mặt quân sự, như “Hoàng đế” thập lục biên, “Thần nông binh pháp”, “Lục thao” của Khương Thái Công; những bài về quân sự trong các sách “quân chính”, “quân chí”, “binh lược huấn trong Hoài Nam Tử”, “liệt tử”, “chu dịch”, “chu lễ”, “Thượng thư”, “Thi” … Như các chiến dịch nổi tiếng trong lịch sử các thời đại, Tề Hoàn Công và Quản Trọng, chinh chiến sa trường của tổ tiên họ Điền… Ôi! Có thể nói là một đại quân về sách, một dòng sông lớn về thư tịch, một biển tư liệu. Điền Vũ đang thầm ca cẩm: Sao cha mẹ lẩm cẩm thế, lại cứ lấy ở đây ra từng quyển bắt con đọc, bắt con thuộc lòng, mà không làm như ông nội là đưa con đến đây để mở rộng tầm mắt cho con, cho con được nhìn nhận cuộc đời… Thế rồi cậu lại như hỏi lại chính mình: “Điền Vũ ơi là Điền Vũ! Sách nhiều như thế này, mày đã đọc được mấy quyển? Có những quyền nào do mày viết ra? Cậu ngầm nêu quyết tâm: Từ nay về sau sẽ hàng ngày đến đây đọc sách, cho đến bao giờ đọc hết những quyển sách có ở đây mới thôi!”

Điền Vũ thấy sách là mê ngay, như một người đói ngồi vào bên mâm cơm, Mai Cúc trại trở thành gia đình duy nhất của cậu, ăn ở đấy, ngủ ở đấy, chân không bước ra ngoài, lòng không nghĩ việc gì khác, cậu gần như một kẻ xuất gia tu hành. Cậu không đến học trường tư ở nhà mình nữa, thầy giáo mới được mời đến, phải tới Mai Cúc trại để dạy học, giảng giải và chuẩn bị bài vở, mặc dù bài vở chất thành đống cao như núi, nhưng chỉ trong chốc lát cậu đã làm xong hết một cách dễ dàng để nhảy vào cái biển sách mênh mông kia, bắt đầu bơi lội, vật lộn với sóng gió. Sự ăn uống của Điền Vũ

bắt đầu giảm sút rõ rệt, quầng đen trên hốc mắt cậu cũng sâu thêm, người mỗi ngày một ngày xọp đi tính cách cởi mở sôi nổi cũng dần dần mất đi không còn dấu vết gì, thay vào đó là vẻ mặt tư lự ít vui, ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Cha cậu đâm lo lắng, mẹ cậu thì sợ hãi, bà nội thì thở ngắn than dài, cụ cố thì đang trách mắng con trai mình là Điền Thư, một ông già đã bước sang tuổi sáu mươi, thế nhưng Điền Thư vẫn cứ làm như không có gì xảy ra, một mực cười trừ. Ông sớm đã tính toán đâu vào đấy, mùa xuân năm tới sẽ mang theo thằng cháu yêu đi khỏi nhà này.

Tháng ba giữa mùa xuân, đào hồng liễu xanh, sẻ bay én liệng, trên giải đất mênh mông của nước Tề là cảnh tràn trề sức sống, núi đang reo mừng, sông đang ca hát, từng luống đất mỡ màng mới lật lên toả mùi thơm đồng nội đến say lòng người, nông dân đang cầy cấy trên đồng, gieo hạt giống tương lai cho cả một năm. Thời tiết quả là tươi đẹp, không khí vô cùng trong lành, nắng vàng rực rỡ, gió xuân ấm nồng… Cảnh trí thiên nhiên thật là như thơ, như hoạ, khiến người ta ngắm không chán mắt, đẹp chẳng gì sánh bằng, ấy thế mà con người là chúa của muôn loài giữa lúc này lại đang sầu khổ, chẳng hài hoà chút nào và cũng rất không tương xứng với sắc điệu tràn trề ý xuân kia.

Giữa vụ cấy trồng mùa xuân, đồng áng không ra chiều bận rộn, đây đó một vài nhóm dăm ba người, lẻ tẻ, rời rạc đi gieo hạt, mà phần lớn là người già, trẻ con và đàn bà, hoạ hoằn lắm, giá có một chàng trai nào xuất hiện thì cũng khiến mọi người đổ dồn mắt vào mà nhìn như một vật lạ ở nơi đây. Con bò già cúp tai gằm đầu xuống nặng nề kéo cái cày phía sau, loạng choạng ì ạch bước đi trên cánh đồng trống mênh

mông, cụ già cầm cày đi phía sau lòng nặng trĩu, mặt ủ mày chau loạng choạng bước theo, thỉnh thoảng lại uể oải vung roi giục bò. Tiếng giục cày của con người mang theo niềm bực bội, tiếng roi rít lên như trút nỗi phiền muộn ưu tư, tiếng con bò rống lên nghe ấm ức nghẹn ngào. Đấy là một bức tranh kỳ lạ, nhưng lại không hiếm thấy chút nào – giữa mùa xuân mà mang nét lặng lẽ của mùa thu, tẻ lạnh của mùa đông. Hai ông cháu cùng ngồi chung một cỗ xe, ngựa quen nên để lỏng dây cương, lắc la lắc lư tiến về phía trước, như người đi du xuân, vào hội đạp thanh, nhìn trời ngắm cảnh, rồi chỉ trỏ, rồi bình phẩm, thật là tự do thoải mái. Tuy nhiên, nhìn thấy cảnh lặng lẽ tẻ lạnh ở trước mặt, Điền Thư bất giác buông một tiếng thở dài. Điền Vũ không hiểu sao, liền hỏi:

– Ông ơi! Tại sao ông lại thở dài, chẳng lẽ cảnh mùa xuân thế này không đẹp hay sao?

– Nắng xuân rực rỡ, sắc xuân say lòng người – Điền Thư đáp, thế nhưng trong lòng người nông dân bị đè nặng ngàn cân.

– Ngàn cân đó là cái gì vậy ông? Điền Vũ đã cắt ngang lời ông nội mình.

– Là chiến tranh, là chiến tranh tội ác – Điền Thư căm hờn phẫn uất – chiến tranh cướp đi biết bao nhiêu sinh mạng thanh niên trai tráng, chiến tranh khiến muôn vạn dân lành cha xa con, vợ xa chồng, cửa tan nhà nát, chiến tranh khiến cho vườn ruộng hoang vu, trăm họ áo không đủ che thân, cơm không ấm bụng, chiến tranh…

– Đã thế tại sao ông còn cứ mang quân đi đánh trận, thế chẳng hoá ra là đi làm điều ác nghiệt hay sao? – Điền Vũ mở to đôi mắt kinh ngạc và ngờ vực.

Điền Thư lại thở dài một tiếng, nói:

– Cháu còn nhỏ, chưa hiểu được những lý lẽ ở bên trong đó. Thí dụ như có một con sói ác đang nhe nanh múa vuốt vồ vào cháu, cháu làm thế nào? Liệu có phải vùng lên đánh chết nó đi không?

– Đương nhiên là phải đánh chết nó rồi! – Điền Vũ nói thẳng không một chút hàm hồ – mình không đánh chết sói, sói sẽ ăn thịt mình ngay.

Điền Thư thở ra một hơi nhẹ nhõm:

– Phải rồi! Thế cho nên ông mới phải luôn đem quân đi đánh giặc…

Điền Vũ hỏi:

– Ông tốt thật đấy! Quanh năm đi xa, chịu đựng vất vả để đánh sói… Bỗng dưng cậu dừng lại, mặt đờ đẫn nhìn sang ông nội mình, hỏi tiếp: Ông ơi! Có phải nước Tề chúng ta cũng là một con sói dữ, đang đi khắp nơi đe doạ bắt nạt các nước nhỏ yếu khác không ạ?

– Cái đó… Điền Thư bỗng tắc tịt. Lão tướng ở xa trường bị một thằng bé con hỏi cho tịt mít.

Một hôm, hai ông cháu họ đến bên bờ Bắc Hải. Đứng trước biển rộng mênh mông không bờ bến, đón những con sóng bạc đầu gầm réo ì ầm, Điền Thư đã nói với cháu về sự bao la của biển, về sự cống hiến của biển, về công lao của biển. Thuyền trên biển như những chiếc gáo dừa, dập dờn ẩn hiện trong sóng gió, hải âu bay giỡn trên đầu sóng, chim én biển xuyên mây bay tít tận tầng cao, đi đón lấy tiếng sấm ì ầm ở mãi một phương trời xa. Tất cả những cảnh vật đó, không cái nào là không gây nên trong lòng Điền Vũ một niềm hứng thú, cậu chỉ chỗ này chỗ khác, luôn mồm hỏi gần rồi lại hỏi xa. Nhân thể đây, ông cũng kể cho cháu nghe về sự can đảm của những ngư phủ, sự kiên nghị của chim hải âu, sự gian ác của chim én biển.

Từ bờ biển trở về, vượt qua bờ cát, xuyên qua rừng cây, trước mặt là đồng muối mênh mông bát ngát, trên đồng muối điểm xuyết những căn lều tranh, như bầu trời trong điểm xuyết những vì sao lấp lánh. Trên mỗi một cái lều tranh đó, đều nhô lên một chiếc ống khói cao cao, cuồn cuộn tuôn ra những làn khói trắng, xung quanh những mái lều tranh ấy thấp thoáng có bóng người ra dáng tất bật và cực nhọc lắm. Trên bãi cát, trong rừng cây hay trên cánh đồng muối mênh mông, từng toán dăm ba người, đàn ông cũng có, đàn bà cũng có đi lại như mắc cửi, da họ đen bóng, áo quần lam lũ lôi thôi, đầu đội nón mê, vai gánh một đôi thùng gỗ, trong thùng sóng sánh đầy nước biển. Ông nội bảo với Điền Vũ rằng đó là những người thợ làm muối, họ đang miệt mài gánh nước biển về để lo nấu muối. Giàu về nguồn lợi muối và cá, là đặc điểm của kinh tế nước Tề, cũng là một nguyên nhân quan trong khiến nước Tề giàu mạnh.

Đi chơi trở về, trong đầu óc của Điền Vũ luôn luôn trào lên những lớp sóng, sống động mãi hình ảnh những người dân cùng khổ miệt mài cày bừa hay cặm cụi gánh nước biển lên để nấu muối. Cậu không chỉ một lần mơ mấy mình ngồi trên một chiếc thuyền con, cưỡi lên sóng gió lướt ra hiển lớn để tới bến bờ bên kia, hoặc có lúc thì biến thành một con hải âu, sải cánh bay lượn trên mặt biển mênh mông và xanh như ngọc bích, vui sướng làm sao, tự do thoải mái làm sao, có lúc cậu cười lên thành tiếng và tỉnh giấc.

Gió xuân nhè nhẹ, nắng xuân dịu dàng, dương khí bốc lên, cho nên về mùa xuân là dễ buồn ngủ nhất, chẳng thế mà có nhà thơ đã nói "giấc xuân quên thức dậy", ấy thế mà có một đêm xuân năm 531 trước công nguyên, Điền Vũ cứ trằn trọc mãi, sung sướng đến nỗi không sao chợp mắt nổi, bởi vì ngày hôm sau, ông nội sẽ dẫn cậu đi thăm kinh thành Lâm Tri.

Thôn Điền Ban cách Lâm Tri chỉ khoảng hơn bốn mươi dặm, nhà họ Điền lại mấy đời làm quan trong triều đình nước Tề, hiện nay ông và cha của Điền Vũ xem ra được vua nước Tề nể vì là nhân vật quyết định đến vận mệnh của nước Tề. Thế nhưng vì họ Điền mấy đời nay làm quan thanh liêm, gia quyến luôn luôn ở xa kinh đô. Điền Vũ đã mười mấy tuổi rồi, thế mà vẫn còn chưa đến Lâm Tri bao giờ. Mặc Dù chưa từng đến đó, nhưng cậu đã đọc qua trong sách, cha và ông cũng từng kể nhiều, khách khứa qua lại cũng luôn luôn nói đến.

Thuỷ tổ của nước Tề là Khương Thượng, ở thời Ân Thương, họ Khương là một dòng họ thuộc danh môn họ tộc, tổ tiên

của họ từng làm quan ở đất Lã, các đời sau mới lấy tên của đất được phong này làm họ của mình, cho nên còn gọi là Lã Thượng. Khương Thượng là thủ lĩnh của tộc người Khương khoảng giữa thời Thương Chu, Chu Văn Vương đi cầu hiền nên mới gặp, vô cùng sung sướng, tôn ông lên bậc thầy gọi là Thương Phụ. Bởi vì Khương Thượng đã từng là người mà ông mình là Văn Vương trước đây từng đêm ngày mong ngóng, dần dần lại tôn ông lên là Thái Công Vọng, trong sử gọi là Khương Thái Công. Vũ Vương phạt Trụ, Khương Thượng làm quân sư, vất vả có công lớn.

Họ Khương cùng với Cơ thị và gia tộc nhà Chu còn có mối nhân duyên hữu hảo, sau khi nhà Chu diệt nhà Thương, mới đem đất Tề phong cho Khương Thượng, xây dựng lên nước Tề. Những năm năm mươi của thế kỷ thứ chín trước CN, đời vua thứ ba của họ Khương, trước hết đã sát nhập các nước nhỏ xung quanh cho nên đất nước mới dần dần mạnh mẽ lên. Năm 678 trước CN, Hoàn công xưng bá, ép nhà Chu theo lệnh chư hầu, thành địa vị đứng đầu trong ngũ bá. Năm 567 trước CN, sau khi Linh công diệt nước Lai, cương vực của đất nước mở rộng đến tận biển Đông, trở thành nước lớn nhất ở phương Đông, Lâm Tri là kinh thành phồn hoa nổi tiếng trong các nước. Phía nam hình thành núi non nhấp nhô nối liền thành từng dãy như Ngưu Sơn, Tắc Sơn, Bác Sơn với con suối nổi tiếng là “Thiên Tề Uyên”. Phía đông và phía bắc đồng rộng bao la, đất đai màu mỡ, sản xuất nhiều ngũ cốc, cách Bột Hải chỉ chừng trên trăm dặm, có nguồn lợi dồi dào về cá và muối. Phía tây dựa vào sông Hồ Thuỷ (hay còn gọi là Nê Hà). Phía đông sát giải Tri Hà, cũng vì ở sát Tri Hà, nên kinh thành mới có tên là Lâm Tri.



Khương Thái Công (Khương Tử Nha)

Điền Vũ đã theo ông đến thăm Lâm Tri. Ôi! Thật là đẹp, thành phố lớn với thành phố nhỏ lồng vào nhau, thành phố lớn là thành quách nơi quan lại, bình dân và những người

buôn bán ở, còn thành phố nhỏ là cung thành, nơi ở và lo liệu các công việc chính trị của vua chúa. Ông nội đã nói cho Điền Vũ biết thành lớn từ nam đến bắc dài chín dặm, từ đông sang tây rộng bảy dặm; thành nhỏ từ nam sang bắc hơn bốn dặm, đông sang tây gần ba dặm, chu vi cả hai thành hơn mươi ba dặm, tổng diện tích sáu mươi dặm vuông. Trong thành nhỏ cung điện nguy nga, nối nhau như bát úp, thành hàng thành lối, màu sắc huy hoàng; thành lớn thì đường ngang phố dọc như bàn cờ, ngang bằng sổ thẳng, rộng rãi sạch sẽ, hai bên đường hàng quán san sát, trong cửa hàng, cửa hiệu hàng hoá muôn sắc muôn màu. Trên những phố dài, ngựa xe như mắc cửi, người đi kẻ lại, thích cánh chen vai nhau.

Đi dọc phố, đâu đâu cũng thấy tiếng đàn tiếng hát, người nào cũng hể hả… cảnh sắc ấy, sau này từng đã có người tả rằng: “Bảy vạn hộ dân trong thành Lâm Tri, nhà nào cũng giàu và đầy của cải, dân trong thành không ai là không biết thổi tiêu, gõ trống, đánh đàn, chọi gà, đua chó, đánh vật, đá cầu… Đường phố Lâm Tri, xe sát trục nhau, người kề vào vai nhau, tà áo liền nhau không hở chỗ nào, giá có vẫy tay lên thì mồ hôi rơi xuống cũng thành mưa, nhà nào cúng khá giá, người nào chí khí cũng cao cả hiên ngang”. Điều thu hút Điền Vũ nhất khiến cậu lưu luyến không muốn rời chân là những phường thủ công nghiệp, đó là những công xưởng lớn nhỏ khác nhau, nào là xưởng đúc gang, nào là xưởng dệt vải, nào là xưởng luyện đồng và cả xưởng chế tạo đồ xương. Xưởng luyện đúc gang có quy mô lớn nhất là ở phía nam thành phố, diện tích chiếm đất phải tới một triệu hai mươi vạn thước vuông, trên mảnh đất rộng đó mọc lên la liệt nào là lò cao, nào là lán thợ, chỗ thì bằng lều bạt, chỗ thì lợp

tranh, quặng sắt, đá vôi, than củi nối nhau theo từ Nam Sơn chở đến, kẻ gánh người khiêng, xe chở ngựa thồ, ùn ùn như nước chảy. Những người thợ đã lần lượt nạp những thứ nguyên liệu và chất đốt ấy vào những chiếc lò cao nhỏ, nhóm lửa lên rồi ra công dùng bễ mà thổi gió vào. Bễ là một cái dụng cụ thổi gió vào lò, trên dưới là hai tấm gỗ, ở giữa nối bằng một tấm da tạo thành một cái túi có thể dãn nở được, phía sau của tấm gỗ, trên gắn liền với một cái chuôi dài để đạp chân lên đó, cái túi ấy lên xuống phập phồng mà sinh ra gió. Gọi là bễ liền tức là nối những cái bễ riêng lẻ ấy lại với nhau rồi nhiều người cùng đạp chân vào để cho được nhiều gió, ngọn lửa sẽ lớn, nhiệt độ sẽ cao.

Người đạp bễ, người nạp liệu, người coi lò, người ra gang... ai cũng đều bị khói hun lửa táp, người nào người ấy đen như quỷ sứ, chỉ còn có đôi mắt họ là luôn luôn ngời sáng và nhờ đó nói với mọi người rằng: Họ là người chứ không phải là ma quỷ. Cảnh tượng lúc ra gang mới hùng tráng làm sao! Hai người thợ, một người nắm cái chòng thép thật dài, một người lăm lăm cái búa trong tay, họ đục choang choang vào cái lỗ ra gang trên thân lò, đợi đến lúc đục tới một mức độ nhất định, hai người lần lượt bước xa ra, một người thứ ba mang một cái chòng dài gấp mấy lần chiều cao của mình, nhằm thẳng vào cái lỗ ra gang mới đục ra chỉ còn lại một lớp mỏng rồi xọc mạnh một nhát. Thế là một con mãng xà màu đỏ từ trong hang của nó là bụng lò, bò ngoằn ngoèo ra những cái máng mà người ta đã chuẩn bị sẵn từ trước, trườn từ từ đi, phun lửa ra, loé sáng lên, tỏ rũ sự hung hãn khiến mọi người phải né xa để khỏi bị bỏng.

Một ngày đầu mùa hạ, nhận lời mời của huyện lệnh Lục An, Điền Thư đã tới dự tiệc. Điền Vũ cũng được ông nội cho đi theo. Huyện Lạc An là nơi cách thôn Điền Ban về phía tây bắc hơn ba mươi dặm, mặt trời lên chừng ba tầm gậy, một cỗ tứ mã trang hoàng cổ kính và đơn giản lăn bánh trên đường cái quan thông đến huyện ly, trong xe đó, có hai người là ông cháu Điền Vũ. Họ lần lượt qua Tri Hà, Thời Thuỷ và vượt ngang một con sông nhỏ nữa là sông Tiểu Thanh. Thời Thuỷ là con sông bắt nguồn từ Cự Định ở phía tây nam, nhập vào tới Tri Thuỷ ở phía đông bắc, vì là con sông thời lệnh nên mới mang tên ấy. Mùa thu, mùa hạ trời mưa nhiều, nước chảy rất xiết, khi vào mùa khô, tức là mùa đông, mùa xuân, nước lại trôi êm ả, còn các nhánh nhỏ của nó hầu như khô cạn hết, cho nên còn gọi là sông Cán Thời. Đi trên dòng Điền Thuỷ trên sông Thời Thuỷ, Điền Thư cao hứng kể chuyện năm 685 trước CN, khi Tề Hoàn công mới lên ngôi đã đánh bại Lỗ Tráng công ở sông Cán Thời, câu chuyện đã để lại cho Điền Vũ một ấn tượng rất sâu sắc.

Điền tướng quân hạ cố đến thăm, huyện nha Lạc An thêm phần rạng rỡ. Huyện lệnh được yêu cầu mà đâm sợ nên đã đón tiếp với nghi thức long trọng nhất, khoản đãi bằng rượu ngon và các món ăn sang trọng nhất, đối với Điền Vũ, cũng kính trọng không để đâu hết. Sau bữa tiệc, huyện lệnh và Điền tướng quân bàn công việc tại phòng khách, Điền Vũ được các gia nhân dẫn đi thăm thành Lạc An. Không biết bao nhiêu lâu, bỗng có nha dịch hớt hải vào sảnh đường lắp ba lắp bắp nói.



Tề Hoàn Công

– Bẩm... bẩm... ông lớn, ho... ho... ỏng to rồi ạ! Huyện lệnh trừng mắt hỏi:

– Làm gì mà cuống lên thế? Còn ra thể thống gì nữa? Nha dịch đáp:

– Cậu ấm Điền bị... bị...

– Bị làm sao. Cả khách lẫn chủ đều ý thức được sự nghiêm trọng của vấn đề.

– Bị rơi... rơi xuống Tế Thuỷ, mất tăm rồi ạ!

– Hả? Hai người đồng thanh kinh hãi kêu lên, một người đập tay vào bàn đứng phắt dậy, một người ngã lăn ra đất.



Vây Ngụy cứu Triệu

+ Giải nghĩa: Để cứu nước Triệu thì cần mang quân vây nước Ngụy
+ Điển cố: Thời Chiến Quốc, Bàng Quyên đem quân nước Ngụy tấn công nước Triệu rất gấp. Tôn Tẫn(cháu Tôn Tử), bạn học cũ của Bàng Quyên, bày kế cho nước Tề đem quân vây nước Ngụy, y rằng Bàng Quyên phải kéo quân về giải vây, nước Triệu được cứu.

CHƯƠNG V

THẮNG CẢNH DỊCH SƠN

NGAO DU NON THÁI

Trên vừa kể, sau khi tiệc tàn, huyện lệnh với Điền tướng quân đang ngồi ở phòng khách bàn công việc, còn Điền Vũ được gia nhân đưa đi thăm phố phường Lạc An. Bỗng có nha dịch hốt hoảng vào cấp báo: Cậu ấm Điền bị ngã xuống nước, không thấy đâu nữa, nghe tin ấy mọi người đều thất kinh, người thì ngất ngã ra ngay tại chỗ, người thì há hốc mồm ra nhìn nhau…

Thành phố Lạc An nhỏ và xinh, phong cảnh cũng đẹp đẽ, phố xá rộng rãi phong quang, cảnh buôn bán ồn ào náo nhiệt. Tế Thuỷ là dòng sông từ phía nam, chảy tới góc tây nam của thành phố lại đổi dòng quẹo theo hướng tây nam, thành ra một hào nước tự nhiên bảo vệ phía tây nam thành phố. Điền Vũ như một con vịt, ngay từ bé đã thích nghịch nước, nhìn thấy nước là ngứa ngáy chân tay, thế nào cũng phải xuống mà vầy cho thoả thích một phen. Sinh ra và lớn lên bên bờ sông Tri Thuỷ, Điền Vũ đã biết bơi lội từ lâu, cho dù có được ngâm cả ngày trong nước cậu cũng không hề chán bao giờ. Điền Thư quanh năm xa nhà, đương nhiên là không biết được thói quen ấy và tài bơi lội của cháu mình. Điền Vũ đến đây, thấy Tế Thuỷ có nhiều điểm khác hẳn với Tri Thuỷ: Tri Thuỷ luôn ngầu đục, Tế Thuỷ lại trong xanh. Tri Thuỷ chảy cuộn cuộn, sóng kêu rì rầm, Tế Thuỷ ngoan ngoãn hiền từ…

Ở bên ngoài thành Lạc An, dọc theo bờ Tế Thuỷ, cây xanh hoa đỏ tạo nên sự tương phản kỳ thú, tiếng ve, tiếng ếch, rộn rã vô cùng, hươu thỏ đùa nhau trong lùm cỏ, chim chóc đua bay quanh rừng cây. Lại nhìn ra bờ sông Tế Thuỷ nước xanh sóng biếc, vịt xám, thiên nga trắng thấp thoáng xen lẫn những cánh buồm xa xa hoặc những chiếc thuyền câu với ngư ông ngồi lặng lẽ buông cần. Tơ liễu mơn man trên mặt nước, hoa rụng cuốn trôi theo dòng, giọng hò vẳng trên sông hoà với tiếng cười ở ngoài đồi cát. Những cô gái ra sông giặt sợi, lưng như cành liễu uốn cong cúi xuống ngẩng lên, nhịp nhàng như gà mổ thóc, muôn ngàn sợi tơ tình như muốn gửi vào dòng nước… Những chàng trai đạp guồng nước trên bờ, vai rộng như hổ, lưng lẳn như gấu, nhảy lên nhảy xuống trên bàn đạp, chẳng khác chi những con chim chích chuyền cành… Con sông Tế Thuỷ thật là xinh đẹp vô cùng, trong bức tranh ấy lại xôn xao tiếng động, nếu là bài ca lại rực rỡ sắc màu, nếu là thơ, lại thấy ngọt ngào dư vị…

Điền Vũ mấy lần muốn xuống sông để vầy nước cho thoả thích, nhưng những người cùng đi dứt khoát không cho. Điền Vũ cũng thôi không tranh cãi với họ làm gì, đi đến một chỗ, bỗng sểnh chân rơi xuống nước, nhô đầu lên mấy cái, rồi chìm xuống không thấy tăm hơi đâu nữa.

Cả chục người đi dọc theo bờ sông, người thì chạy trên bờ, người thì bơi thuyền dưới sông, người thì gọi, người thì lo toát mồ hôi. Bỗng một giọng non trẻ ở đâu vẳng tới:

– Tôi ở đây kia mà!

Mọi người chạy về phía có tiếng gọi, ở chỗ dòng sông chảy quẹo đi, có một cây liễu mọc ngả ra bờ sông, cậu ấm Điền đang vắt vẻo cưỡi trên thân cây liễu đó, hai chân thõng xuống, khoả nước kêu bõm bõm, vầy nước thật vô tư.

Tóm lại là chưa đến nỗi thành tai hoạ, mọi người chỉ phải một phen hết hồn mà thôi, nỗi lo âu và từng trái tim thắc thỏm của mọi người đều dần dần yên ắng lại.

Sự việc này đã nói lên rằng, bất kể việc gì Điền Vũ đã định làm thì chẳng ai có thể ngăn cản được.

Từ huyện thành trở về, Điền Vũ bị ông mình mắng cho một trận nên thân, thậm chí xoè cả bàn tay giơ lên rõ cao, chỉ có điều rồi lại không tát vào mặt Điền Vũ.

Sự thông minh và mưu mẹo của Điền Vũ, chẳng mấy chốc đã đồn đại xôn xao khắp thành phố, thậm chí còn đồn thổi tô vẽ thêm, đến Tề Cảnh công và Yến Anh cũng nhắc tới với Điền Thư. Cuối hạ sang thu, tại Bách Tẩm đài, Tề Cảnh công với Yến Anh tiến hành một cuộc duyệt binh rất lớn; Điền Thư đảm nhiệm vai trò tổng chỉ huy cho lần duyệt binh này, và theo lệnh vua mang cả cháu đi theo.

Bách Tẩm đài cách thành Lạc An tám dặm về phía đông do Tề Hoàn công xây dựng để liên minh chư hầu, nên còn gọi là đài Hoàn công. Đài cao ba trượng, diện tích hơn mười mẫu, trên đài điện gác nguy nga, miếu hùng vĩ, đình tạ nhấp nhô, thông già bách xanh, che kín một vùng âm u, tao nhã. Dưới đài có một bãi tập rộng tới cả trăm mẫu, lễ duyệt binh sẽ diễn ra ở bãi này.

Chiến xa, kỵ binh, bộ binh, mỗi loại xếp thành hàng thành khối vuông, tinh kỳ phấp phới, oai phong lẫm liệt. Nhìn tướng lĩnh ai ai cũng tỏ ra uy vũ hùng tráng, nhìn binh lính thấy người nào người nấy hăng hái sẵn sàng, nhìn chiến mã, vừa to vừa khoẻ, nhìn binh xa, xếp ngay ngắn như rừng, nhìn binh đao, ánh thép sáng loà, nhìn mộc chắn, sáng ngời chói mắt, nhìn bãi tập, tràn ngập oai phong, nhìn thế trận, chỉnh tề nghiêm túc, nghe tiếng hô, vang dội núi sông. Các tráng sĩ của ba thứ quân đều hành động theo hiệu cờ trong tay của Điền Thư, chỉ đông là sang đông, chỉ tây là sang tây, đội hình biến đổi nhanh chóng gọn gàng, các thứ quân xen nhau hợp lý và không hề lộn xộn, đi đến trước đài kiểm duyệt, tất cả đều ngẩng cao đầu, sải rộng chân nghiêm trọng như khối núi, nhất loạt tung hô vạn tuế, tiếng hô vang lừng một góc trời. Ngay giữa bãi tập lại đắp một cái hào, cao chừng mười trượng, rộng đến năm mẫu, một đội bộ binh, theo bậc mà lên xếp thành một hàng dọc, thẳng như kẻ chỉ, một hiệu lệnh vang lên, quân lính theo nhau thẳng tiến, đi đến mép đài cao, nếu chủ soái chưa ra lệnh dừng lại, các binh sĩ ấy sẽ theo nhau ngã xuống chân đài mà chết…

Lễ duyệt binh đã thể hiện đầy đủ sự uy nghiêm và thiêng liêng không thể xâm phạm của một nước lớn ở phương đông, đội quân với vũ khí và ngựa xe huấn luyện đâu ra đấy như vậy, tất sẽ không ai thắng nổi, sẽ vô địch trong thiên hạ và đi lên không gì cản nổi.

Xem duyệt binh, Điền Vũ rất lấy làm cảm động. Cậu tự thấy kiêu hãnh khi được làm một người dân nước Tề và càng tự hào khi được làm cháu của Điền Thư. Cậu quyết tâm sau này

lớn lên, cũng sẽ làm một chủ soái, một tướng lĩnh như ông mình bây giờ, chỉ huy thiên binh vạn mã, làm mưa làm gió, chinh chiến ở biên cương.

Tề Cảnh công vênh vang đắc chí, sau lễ duyệt binh đã cho mở tiệc linh đình, để ăn mừng và khao thưởng văn võ bá quan, đương nhiên là Điền Thư cùng với Cảnh công và Yến Anh cũng tham gia buổi tiệc, Điền Vũ cũng theo lệnh, được ngồi mâm tiệc với ông mình. Làm vua không phải ai cũng khiến người ta nhìn mà sợ, Cảnh công rất bình dị và gần gũi mọi người, điều đó có liên quan tới ảnh hưởng của Yến Anh, nhất là ông rất thích những đứa trẻ ngây thơ hoạt bát, coi chúng là niềm hy vọng và tương lai của đất nước sau này. Trong bữa tiệc, Cảnh công luôn giữ Điền Vũ ở bên mình, hỏi hết chuyện này đến chuyện khác để thử sự hiểu biết, tài học của cậu bé này, thậm chí có lúc còn ôm cậu vào lòng, áp sát lại và thơm lên đôi má cậu. Nghé con không biết sợ hổ, Điền Vũ chẳng có gì tỏ ra sợ sệt e dè, hỏi đến đâu, cậu cứ đàng hoàng thao thao trả lời trôi như cháo chảy. Cậu suy nghĩ nhạy bén, nói năng lanh lợi, có khá nhiều vấn đề Cảnh công nêu chẳng những nói được ra, trả lời chính xác mà lại tỏ ra biết nhìn nhận, có phân tích, có căn cứ, nói có đầu có cuối. Cậu chớp chớp mi mắt dài, khẽ đưa đi đưa lại, chỉ trong nháy mắt đã nêu ra một ý định, một lý lẽ nào đó, làm cho mọi người trong bữa tiệc không còn bụng dạ nào thiết uống rượu nữa, đều xúm lại nêu ra đủ các loại câu hỏi kỳ quái.

Lễ duyệt binh đương nhiên thể hiện được uy danh và sự vì nể của nhà vua đối với Điền Thư; bữa tiệc vui cũng nâng cao địa vị của họ Điền trong triều đình nhưng đồng thời cũng gây nên sự đố kỵ của những người trong hai dòng họ Loan,

Cao, làm tăng thêm mối mâu thuẫn giữa các quan lại cùng triều, gieo rắc sẵn mầm tai hoạ.

Hai ông cháu không thể rời được nhau, Điền Vũ đã cùng đến Lâm Tri ở với ông mình. Tháng tám, mây trong trời cao, tới ngày mười hai, một vầng trăng to như chiếc ô treo lơ lửng trên trời, ánh sáng nhạt lung linh như nước chiếu cho mặt đất sáng như ban ngày, Điền Vũ ngồi dựa vào lòng ông nội, nài ông kể chuyện cho cậu nghe. Dừng lại một lát, sau đó ông nội đã kể, cho cháu mình nghe chuyện Ninh Thích và Quản Trọng khi họ mới gặp nhau.

Ninh Thích là người nước Vệ, hiểu biết rộng, tài ba hơn người, lập chí muốn phò tá một đấng minh quân, làm nên sự nghiệp cho đất nước quân mạnh nước giàu. Nghe nói Tề Hoàn công có chí lớn, đã giao Quản Trọng làm tướng quốc, chiêu hiền nạp sĩ, những mong cho quân mạnh nước giàu để xưng bá trong thiên hạ, nhưng vì chưa biết thật giả thế nào nên định cất công sang nước Tề thăm dò xem thực hư thế nào. Nhưng vì nhà nghèo rớt mồng tơi, nước Vệ sang nước Tề đường xá xa xôi, nên muốn sang Tề lại không có tiền, ông bèn đi làm thuê, đánh xe ngựa cho một đám nhà buôn sang nước Tề. Đám lái buôn lại dùng xe bò, ngày đi đêm nghỉ, cuối cùng, một hôm đã đến bờ sông Khang Lãng ở ngoài kinh thành Lâm Tri. Trời đã tối, cổng thành lại đóng, họ không thể vào được đành phải ở ngoài thành tạm ngủ một đêm, đợi sớm hôm sau vào thành.

Ninh Thích thêm thức ăn cho bò, rồi vào nằm trong căn lều cất tạm, tính chuyện làm thế nào để gặp được vua Tề. Bỗng nghe thấy tiếng người xôn xao, Ninh Thích không biết là đã

xảy ra chuyện gì, ra ngoài lều nghe ngóng. Bỗng thấy từ phía kinh thành Lâm Tri, có một toán người ngựa chạy tới, đèn lồng trên tay, chiếu sáng như ban ngày, chen chúc nhau, khí thế khác thường.

Qua dò hỏi, mới biết rằng đó là Tề Hoàn công dẫn Quản Trọng và một số người khác, nửa đêm ra ngoài thành tiếp khách. Ninh Thích chợt nghĩ ra điều gì, bình thản đi đến trước chỗ buộc bò, thấy Tề Hoàn công đến gần, bèn vừa thêm cỏ cho bò, vừa gõ nhịp vào sừng bò mà hát: "Nam Sơn đá lẫn than, đá trắng nát tan, sinh ra không gặp thời Nghiêu Thuấn, vải thô áo cộc lưng ống chân, từ sớm chăn bò tới nửa đêm, đêm dài dằng dặc bao giờ sáng. Nước sông Khang Lãng đá sáng trắng, nuôi cho cá chép dài thước rưỡi, vải thô áo đơn ngang ống chân, sáng sớm chăn bò đến nửa đêm, bê con lên dốc mới đi nghỉ, ta sẽ bỏ người, làm tướng quốc nước Tề. Ra cửa đông hề qua bậc đá, trên có tùng bách xanh che dày, áo vải thô hề lẫn gai, đến giờ chưa gặp vua Nghiêu Thuấn, chúa ơi hãy cố mà ăn cỏ, đại thần tôi ở bên người, ta sẽ cùng người đi nước Sở"… Đại ý bài hát muốn nói rằng: Đừng có thấy ta nghèo, áo quần rách rưới thế đấy, nhưng ta đang đi tìm một bậc quân vương như Nghiêu Thuấn. Nếu nước Tề dùng ta, ta sẽ ở lại phò tá vua nước Tề, tại vì đất nước này thật tốt, nếu không, ta đành phải đi nước khác mà thôi!

Nghe ngụ ý lời ca này có điều gì khác, Tề Hoàn công biết ngay người này nhất định có học vấn, lệnh cho Quản Trọng hôm sau đi tìm Ninh Thích, hỏi ông có muốn ở lại nước Tề làm quan hay không.

Ngày hôm sau, Quản Trọng vội vã đi tìm Ninh Thích, sau khi hai người xưng tên với nhau, bỗng trở nên rất tâm đầu ý hợp, cuối cùng Quản Trọng hỏi Ninh Thích có muốn ở lại nước Tề làm quan hay không. Ninh Thích nghe xong, chỉ mỉm cười nói mỗi câu: "bạc bạc nước trong" rồi không nói thêm gì nữa? Ngay lúc đó, Quản Trọng chẳng hiểu câu nói ấy của Ninh Thích có hàm ý gì, nhưng cũng không tiện hỏi, đành cáo từ ra về.

Kể đến đây, Điền Thư quay sang hỏi cháu:

– Cháu có hiểu ý câu nói của Ninh Thích không? Ông ta có bằng lòng ở lại nước Tề để làm quan không?

– Rõ ràng Ninh Thích tỏ ra muốn ở lại nước Tề làm quan, phò tá Hoàn công, xưng bá chư hầu, Quản Trọng không hiểu được ý đó ạ! – Điền Vũ chẳng cần suy nghĩ, trả lời ngay. Câu trả lời rất quả đoán, không dễ nghi ngờ.

– Cháu làm sao mà biết được? Điền Thư kinh ngạc hỏi lại.

Điền Vũ nói như giải thích:

– Chả lẽ ông quên rồi sao ạ? Ngày xưa có một bài "bạch thuỷ thi" viết rằng: "Bạc bạc nước trong, cá bơi thoăn thoắt, vua đến với ta, thì ta ở lại, nước chưa yên hàn, yên lòng sao vậy". Thế chẳng phải tình nguyện xin ở lại, phò tá nước Tề trị vị thiên hạ đó sao?

Điền Thư nghe xong, ôm chặt cháu vào lòng mà hôn hít, cà chòm râu rậm vào má bầu bĩnh của cháu, trong lòng như có

lửa ấm, như có mật rót, như ai xông hương, sao mà ngọt ngào, sao mà thơm tho lắm vậy?

Một hôm, Điền Thư được rỗi, lại dắt tay Điền Vũ đi chơi núi Ngu Công: Núi Ngu Công nguyên tên là Đỗ sơn cách hai mươi dặm về phía tây thành Lâm Tri. Đây là một quả núi mồ côi, xé đất mà lên, ngang nhiên đứng một mình, trêu chọc trời xanh, chân rộng hàng mấy dặm, cổ thụ ngút lên tận trời, gai góc dây leo chằng chịt, đá lạ lởm chởm như rừng, thú gầm chim hót. Điền Thư vai đeo lương khô, ngang lưng thắt bầu nước, tay trái dắt cháu, tay phải cầm kiếm vạch lá chặt gai, xua rắn giết sói, quanh co khúc khuỷu, nhấp nhô gập ghềnh, tốn hết bao nhiêu công sức chẳng biết, nhưng rốt cục đã lên đến đỉnh núi. Lên cao nhìn được xa, sông dài, biển rộng, đồng gò đồi, phố phường khắp nơi đều nằm gọn trong tầm mắt, không sót thứ gì. Điền Thư đưa tay chỉ từng hình sông thế núi, giảng giải cho đứa cháu lúc nào cũng khát khao hiểu biết của mình về Bột Hải, Hoàng Hà, Tri Thuỷ, Tế Thuỷ, Thời Thuỷ, Nhữ Thuỷ, Lâm Tri, Thiên Thừa, Lạc An, Bác Sơn, Ngưu Sơn, Thiết Sơn… Người nói thì thao thao bất tuyệt, càng nói càng say sưa; người nghe thì chăm chú, như ngây như dại. Đợi lúc ông nội mình nâng bầu lên uống nước, Điền Vũ hỏi:

– Ông ơi, thế Đỗ Sơn làm sau lại đổi thành Ngu Công ạ?

Đó là đặc điểm của Điền Vũ, gặp việc gì cậu cũng hỏi đến kỳ cùng, chưa làm cho hai năm rõ mười, thì cậu chưa chịu thôi.

Theo yêu cầu của cháu mình, Điền Thư lại kể cho cháu mình nghe chuyện đổi tên của Đỗ Sơn.

Tề Hoàn công lên ngôi không lâu, vào một ngày thu trong sáng thế này, để luyện quân, ông đã thân chinh mang một đội người ngựa ra cửa tây kinh thành Lâm Tri, đến Đỗ sơn để săn bắn. Hoàn công một mình một ngựa đi đầu chỉ huy quân lính, đã bắn được rất nhiều chồn, beo, cáo, thỏ... Đang lúc định thu quân về thành, bông thấy một con hươu sao cuống lên không biết đường, chạy ngay đến trước mặt Tề Hoàn công, binh sĩ thấy vậy hò reo vây chặt lại đang định giương cung lên bắn. Thấy con hươu sao có vẻ đáng yêu, Tề Hoàn công không nỡ để cho quân lính bắn chết nó. Ông định tìm cách bắt sống, bèn lớn tiếng hô lên: "Không được bắn!", nói xong liền giật dây cương, hai đùi ép mạnh vào bụng ngựa, quay lại vung roi quất mạnh vào mông ngựa một roi, con ngựa chiến hiểu ý, sải dài bốn vó, tế lên như bay lao về phía con hươu. Tuy thân hình nhỏ nhắn, nhưng con hươu sao lại tỏ ra hết sức nhạy bén linh hoạt, thấy có người đến, liền co giò chạy. Các binh sĩ không dám bắn tên, cũng không chặn lại nổi, để mặc cho con hươu sao phá được vòng vây. Hoàn công cao hứng, thúc ngựa đuổi sát lên, con hươu sao ở phía trước cố sống cố chết mà chạy, Hoàn công ở phía sau, gắng hết sức đuổi gấp. Con hươu sao còn cách đầu ngựa không xa nữa, nhưng Hoàn công vẫn không sao bắt nổi. Cứ như thế, một trước một sau, xem chừng con hươu sao sắp chạy xuống khe núi mất. Ngựa Tề Hoàn công đang cưỡi là một con ngựa quý, lại thúc hăng như thế nên như được chắp thêm cánh bay lên, ngựa của quân lính đuổi làm sao kịp, chỉ trong nháy mắt, khoảng cách đã bị dãn xa đến mức không nhìn thấy nhau nữa.

Tề Hoàn công một mình một ngựa, đuổi theo con hươu sao, chạy một mạch theo vào mãi khe núi sâu, con hươu lách bên phải, lại luồn trên trái giữa các khe đá, mình nó nhỏ gọn lại nhanh nhẹn, nên chẳng có chỗ nào mà không qua nổi. Ngựa của Hoàn công thì không thế, đừng nghĩ rằng trên đồng bằng nó tung vó chạy như bay, mà lên núi cũng nhanh được như thế, nên đến chỗ suối cùng khe này, đúng là anh hùng không có đất múa võ, lách trái lách phải, cuống lên hoá ra chạy quanh. Hoàn công tung mình xuống ngựa, một mình đi vào khe núi để tìm kiếm. Tìm hết chỗ này đến chỗ khác, quay đi quay lại mấy vòng rẽ mấy khúc đường cong, không thấy bóng con hươu sao đâu nữa, bản thân ông cũng lạc mất đường, đến phương hướng còn không nhận được ra.

Tề Hoàn công đã thực sự mệt mỏi quá đỗi thấy trời lại sắp tối, hơn nữa không thích đuổi hươu sao thêm, mà chỉ muốn quay về. Đang giữa lúc bối rối, thấy có một con đường nhỏ, bèn cứ theo đường ấy mà đi, thế nhưng càng đi càng vào sâu, càng vào sâu rừng càng dày, càng đi càng tối thêm. Tiếng vượn hú beo gầm lẫn tiếng sư tử rống, tiếng sói gào vang động vách núi. Cây rừng, đá núi và quái vật như đều muốn vồ lấy khiến ông thấy sởn cả gai ốc. Giữa lúc đó, nghe gần đó có tiếng bước chân người, lần theo bước chân, thấy từ trong khe núi sâu bước ra một cụ già, tuổi tác có dễ đến ngoài tám mươi, tay chống gậy, tóc bạc trắng, nhưng thân thể lại rất quắc thước. Tề Hoàn công thấy vậy, rất lấy làm mừng rỡ, vội lên trước đón đường cụ già vái dài một cái, hỏi:

– Xin hỏi lão trượng, đây là nơi nào ạ?

Cụ già nghe hỏi ngẩng đầu lên, nhìn Hoàn công một lượt từ chân lên đến đầu, nghĩ ngợi một lát, rồi đưa tay lên vuốt râu, tủm tỉm cười đáp:

– Đây là khe núi Ngu Công!

Hoàn công bất giác ngớ người ra, mình thường đến chân núi này săn bắn, chưa bao giờ nghe nói có khe núi Ngu Công, bèn lấy làm lạ hỏi:

– Cái tên nghe lạ quá, phải chăng có lai lịch gì đây. Cụ già chợt lạnh mặt, thở dài nói:

– Thực chẳng giấu làm gì, người gọi là Ngu Công, chính là lão đây! Tề Hoàn công cười vang, nói:

– Nghe lão trượng nói năng trôi chảy, cử chỉ lại đàng hoàng thế sao có thể gọi là Ngu Công được ạ?

– Chuyện dài lắm, nói một câu khó hết… Cụ già lại thở dài và kể lại cho Hoàn công nghe những chuyện không may đã đến với mình.

Tổ tiên nhà lão vốn sống ở khe núi này, cuộc sống cũng có thể gọi là an nhàn. Mấy năm gần đây, trong nhà có nuôi được con bò cái, cuối năm nó sinh được một con bê, lão ra công săn sóc, con bê lớn rất mau và khoẻ. Một hôm, lão mang con bê xuống chợ bán, mua về một con ngựa con, trên đường về, đột nhiên bị một gã to khoẻ chặn ngang đường, hắn hằm hằm hỏi lão, con bò cái và con ngựa này ở đâu ra, lão nói rằng: “Bò cái và ngựa con đều là của tôi!”. Thằng cha

ấy trợn mắt, lên bảo: "Nói láo, bò cái làm sao đẻ được ra ngựa con! Con ngựa này rõ ràng là ngươi ăn trộm của nhà ta!" Không để lão nói gì thêm, hắn giật lấy con ngựa con và đi mất. Chuyện đồn đại đi, xóm giềng đều cười lão là ngu, lan truyền đi mãi, mọi người bèn gọi lão là Ngu Công – là ông ngu; lại do lão sống ở khe núi này lâu rồi, nên người ta cũng gọi khe núi này là khe Ngu Công và quả núi này là núi Ngu Công.

Cụ già kể xong câu chuyện bỗng dưng rơi nước mắt. Thấy cụ già có vẻ đáng thương, Tề Hoàn công không hỏi gì thêm nữa, bèn hỏi cụ đường ra khỏi đó. Cụ già đã chỉ vào một con đường nhỏ cạnh đó, còn mình vẫn đi theo đường cũ.

Theo đường cụ già chỉ, Hoàn công đi một quãng chưa xa lắm, liền nghe thấy tiếng người hô ngựa hý, thì ra binh sĩ của mình đang tìm đến, lại thấy chiến mã ở gần nơi đó. Thấy trời đã sắp tối, Tề Hoàn công bay lên mình ngựa, mang theo vật săn, trở về kinh đô Lâm Tri.

Vào buổi chầu sáng hôm sau, trước mặt các đại thần văn võ, Tề Hoàn công đã kể lại việc lạc đường ở Đỗ Sơn và gặp Ngu công cho mọi người nghe như một câu chuyện vui. Các vị đại thần cười ngả cười nghiêng, mồm năm miệng mười bàn tán xôn xao, nói ông già đó quả thực là ngu. Riêng tướng quốc Quản Trọng nghe xong câu chuyện, liền quỳ đánh "thụp" xuống đất, nói: "Thưa chúa công! Tội thần thật đáng chết ngàn lần ạ!"

Điền Thư không kể tiếp nữa, quay sang hỏi Điền Vũ:

– Điền Vũ! Cháu có thể đoán Quản Trọng đã mắc tội gì không?

Điền Vũ chớp chớp mắt rồi hơi chau mày ra chiều suy nghĩ, sau đó nói:

– Cháu nghĩ thời Nghiêu Thuấn, đất nước yên hàn, trăm họ an cư lạc nghiệp vì có Cao Du làm đại lý, nhà nước có những chính lệnh nghiêm khắc; việc có kẻ mạnh dám cướp ngựa của ông già, Quản Trọng là tướng quốc đương nhiên là phải chịu trách nhiệm và mang tội!

Đây đâu còn là lời lẽ của một đứa trẻ nữa, rõ ràng đây là đầu óc và sự nhìn nhận của một chính trị gia.

Hai ông cháu chơi ở núi Ngu Công mãi cho đến lúc mặt trời gác non tây, Điền Vũ vẫn còn chưa muốn về, cho đến khi ông nội hứa với cậu sắp tới đây sẽ đưa cậu đi thăm Dịch Sơn, lên Thái Sơn nữa, lúc bấy giờ Điền Vũ mới lưu luyến bịn rịn theo ông xuống núi.

Dịch Sơn hùng vĩ đứng ở phía sau kinh đô nước Trâu, cũng có nghĩa là kinh đô nước Trâu đã nằm tựa vào lòng Dịch Sơn. Vì trong núi có nhiều tảng đá kỳ lạ nằm kề nối bên nhau kéo dài một dãy, liên dịch nhau, lấy chữ cùng âm nên gọi là Dịch Sơn, còn có tên nữa gọi là Đông Sơn. Tương truyền ở thời viễn cổ, Nữ Oa luyện đá thành viên, mang sức thần đi vá trời, vá kín trời rồi đi, bỏ lại hàng đống đá lổng chổng, nguy hại cho trần gian. Sau khi Ngọc hoàng Thượng đế nghe tin, đã sai sáu vị thần tiên, mang hàng trăm hàng ngàn những viên đá đó dồn vào một chỗ, xếp lên thành Dịch

Sơn. Bởi vậy ở đây đá tảng đá hòn xếp quanh trùng điệp chất chồng, xưa nay vẫn mang tiếng là "kỳ quan của núi Đại".

Dịch Sơn, cao 555 mét so với mặt nước biển, chu vi khoảng mười cây số.

Điền Thư cùng với cháu men theo những bậc đá quanh co mà lên, tất cả có tới bốn mươi ba vòng ước chừng độ tám dặm. Bắt đầu leo từ hòn Tử Tôn, rồi đến hòn Kiều Mạch, hòn Da Báo, hòn Tả Quy, hòn Cái Giành… nối nhau đứng sừng sững. Qua đỉnh Hồi Mã, cầu Tụ Tiên đến Nam Thiên môn, bên cạnh đó có một vách đứng cao đến mấy trượng, trên có viết hai dòng tám chữ lớn "Linh thông Thái Đại", "Diễn Đại chung linh" nét chữ đậm đà, sức bút mạnh mẽ. Bệ đá, bàn thờ đá, bia đá xây dựng lên khắp nơi ven triền núi nhìn xuống xa muôn dặm. Phía đông Nam Thiên môn có thuyền đá phía tây có sạn đạo, xuống dưới sát vực sâu, bên trên áp vào vách đứng.

Qua Nam Thiên môn rồi lại đi thẳng lên, lại là một cảnh trí khác hẳn, mỏm treo, vách đứng, đá nhô ra, kiểu gì cũng có, cây lá chen dày cảnh sắc mê người. Hòn Thử kiếm xé đất mà lên, cao hơn một trượng, rộng và dày không quá ba thước, cũng có một vết nứt ở giữa hình như là bị kiếm chém, trông rất thú vị. Hòn Bát Phong là do tám hòn đá lớn quay nhau lại một vòng, tương truyền đây là nơi Phục Hy bày bát quái. Đá hòn, đá cuội xếp kề hòn nọ với hòn kia như đấu nhau, như tránh nhau, nhấp nhô một dải. Dưới lớp đá tảng, hình thành vô vàn hang động tự nhiên, hang này nối với động kia, thành lỗ, thành vòm, nên gọi là "Dịch Khổng". Trong núi có tới ba mươi ba hang động có tiếng, khi gặp gió đông

bắc thổi, nước ở các hang động cùng dâng lên, đúng là một kỳ quan trong thiên hạ…

Theo những bậc đá đường vòng tiếp tục đi lên là đến động Bạch Vân. Hai ông cháu đứng trước cửa động, trông tựa như người bay trên mây và trong người có một cảm giác lâng lâng. Mây trắng ở trong động, bên ngoài mây trắng phủ, trong ngoài đều là mây trắng, không biết là sâu đến đâu. Trong động có suối, có giếng, có đầm; tục truyền nơi này thông với biển Đông, cho nên còn gọi là "mắt biển", bởi vậy có ngàn người uống cũng không cạn. Chui ra khỏi động, nhìn về phía bắc là hòn Tư Thân, là suối Chầu trời là đài Phi Thăng, đài Xá thân, nghe cũng đủ ghê người… Đứng sừng sững ở trước cửa động, ngẩng mắt lên nhìn tột đỉnh của Dịch Sơn, có năm tảng đá như kề vai nhau, như một đóa phù dung, lại giống như nàng tiên vừa đi tắm ở "ao trời" về, cho nên mới gọi là đỉnh "ngũ hoa", vượt lên trăng gió, chĩa thẳng lên trời xanh.

Trên đỉnh Ngũ Hoa, lởm chởm đủ thứ đá, nhô lên như người đẽo, đường leo lên thường lại nằm dưới những hòn đá tảng, đá cuội, ngoắt ngoéo hàng trăm chỗ, phải cúi lưng co ro mà bước, lúc sáng lúc tối như vào mê cung. Lên đến đỉnh Ngũ Hoa, chân dẫm lên "bàn cờ tiên", đầu đội trời xanh, tay với vào mây trắng, bỗng thấy lòng mình thảnh thơi như vừa trút được gánh nặng.

Quanh đỉnh Ngũ Hoa có động Cư Long, có đá đai xe, có hòn Thăm Biển và một loạt các di tích nổi tiếng và đẹp đẽ. Hòn Thăm Biển trên nhọn dưới dày như người nghển cổ trông ra biển, phía dưới sát với vực thẳm, đối lập với tấm bình phong

cao hàng chục trượng, thế của nó rất hiểm, khiến người ta mới nhìn đã thấy hồn bay phách lạc. Những ngày trời trong, đứng ở hòn đá này có thể thấp thoáng nhìn thấy biển.

Đường leo lên núi, những cảnh đẹp, thắng tích nhìn mỏi mắt không xuể, đường xuống núi, đâu đâu cũng là cổ tích danh lam. Từ đỉnh Ngũ Hoa đi về phía đông đến hẻm Lô Châu, dọc đường là một loạt danh thắng như vách núi Trường Lang, hòn Đeo Dây, hòn Cái Mũ, Lán Tiên, như hang Trống Đá, Đầm Sen, ao Cá Vàng, động Tiên ẩn, …

Điền Thư dẫn cháu leo lên đỉnh cao, không phải chỉ có ngắm non ngắm nước, mục đích chính là để mở rộng tầm nhìn, hun đúc tính tình, bồi dưỡng chí hướng, xem xét tài bố trí, rèn luyện ý chí, tăng thêm hiểu biết và tài cán cho cháu mình. Con người là đứa con được chiều chuộng và hay uốn éo của thiên nhiên, chỉ có sà vào lòng thiên nhiên, hoà mình vào sông núi thiên nhiên, con người mới trở nên trong sạch, thánh thiện, không nhuốm bụi trần, trở lại với linh hồn thánh thiện của con người trong thiên nhiên. Ông cháu Điền Thư leo núi, theo cách nói của ông là đi chơi, nhưng thực ra phải nói đây là một hoạt động học tập lấy núi thẳm non cao làm lớp học, dùng cảnh quan tự nhiên để giảng bài, thắng cảnh danh lam làm giáo cụ, hình tượng thật là sinh động, ý nghĩa thật dồi dào.

Vì mục đích đã rõ ràng như thế, cho nên lúc thăm xem đều có trọng điểm trọng tâm, hoặc bằng cách chỉ vẽ hoặc bằng cách giảng giải, hoặc là nêu ra câu hỏi, đều nhằm gợi mở cho Điền Vũ.

Hòn Hổ Gầm như một đàn mãnh hổ, hùng cứ ở hang sâu rừng thẳm, chiếm núi làm vua, xưng bá với đời, ngửa mặt lên trời mà gầm, lay động núi rừng, cành rơi lá rụng. Điền Thư đã chỉ cho cháu mình thật cặn kẽ, để ngay từ bé nó đã hình thành ý nghĩ cao cả và nuôi chí lớn, mai sau sẽ có oai, có thế như hổ, hùng cứ trong thiên hạ.

Một con cừu non trắng muốt nằm phục ở lối đi, ngẩng đầu giương mắt để chờ mẹ cho bú, đó là hòn Cừu Sữa. Đất đá còn biết hiếu, con người sao có thể không kính trọng cha mẹ.

Một dòng khe sâu ở dưới chân, lạnh lẽo, âm u, khiến người ta mới nhìn đã sợ. Tương truyền xưa kia Phục Hy và Nữ Oa đã xuống tắm ở đây rồi sinh ra loài người nên dòng khe này mới gọi là khe Cha Mẹ. Phục Hy và Nữ Oa là anh em ruột, anh em lấy nhau luân lý vốn không cho phép, vậy mà Phục Hy và Nữ Oa lại được muôn ngàn đời sau kính nể, vì nếu không có sự loạn luân đó của họ, thì đã chẳng có xã hội loài người bây giờ, họ là thuỷ tổ của loài người. Từ đó thấy rằng phải hay trái, thẳng hay cong đều phải lấy sự có lợi cho loài người làm chuẩn mực.

Núi Bạch Hạc sóng nước lăn tăn, muôn ngàn đời nay đều ngọt ngào. Gặp lúc nắng bỏng mới hay nước suối là quý, xách một thùng nước tưới vào vùng nóng cháy. Việc trên đời, lấy điều mưu phúc lợi cho dân là quý.

Cây tùng đón khách mọc trên vách núi, nhô thân ra như vẫy gọi, xanh mượt mà, mừng đón du khách từ muôn nơi rồi lại đưa tay bạn bè khắp chốn, tuy mình ở chốn rừng sâu, nhưng bên tai luôn luôn hoà theo tiếng cười. Thêm một người bạn,

bớt đi một ít trống vắng; tăng một chút cảm tình, bớt đi một chút lạnh nhạt, thêm lên một trái tim yêu, bớt đi một kẻ gây oán, mở thêm ra được một con đường. Kết bạn rộng rãi trong thiên hạ, coi bốn biển đều là anh em, con đường ấy sẽ thông khắp mọi nơi, đời sống sẽ mọi điều như ý.

Đỉnh Đài Sen, như từ đất vọt lên, hình dáng như một đoá phù dung lên mặt nước, núi tạo thành đầm trời cho nước, đài hoa đứng thẳng đường hoàng, mãi giữ vẻ thanh tao chính khí. “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, đó là đặc chất của hoa sen, nó là mẫu mực để làm người.

Trên đỉnh Dịch Sơn có một ao nước trong, gọi là mắt của Dịch Sơn, nước trong như lọc, mây trắng trời xanh như thu vào đáy mắt, in bóng lên mặt ao. Thế núi cao bao nhiêu nước cao bấy nhiêu, không sợ núi cao, không e dè đá cứng.

Dưới trời xanh, trên đá cứng, một cây thông già cắm rễ sâu vào sỏi cằn và đá cứng, vẫn ngạo nghễ vươn lên, thẫm xanh biêng biếc. Không có đất màu, không ai tưới, không ai bón phân, có chăng chỉ là khô hạn, là nắng cháy là lạnh giá và sương sa, băng tuyết, thế nhưng nó vẫn kiêu hãnh vươn mình, vượt lên tất cả đó là điều chí cốt và phẩm cách gì vậy?

Thời thượng cổ, Đế Tuấn dung túng cho con làm việc ác, mười mặt trời cùng mọc ra, đốt lửa lên mặt đất, lúa mạ cháy, cây cỏ khô, trăm họ như nung như nấu. Hậu Nghệ anh hùng đã dũng cảm bước ra, không sợ dâm úy của Đế Tuấn, giương cung lắp tên; bắn rơi chín mặt trời, trong đó có một mặt trời rơi xuống Dịch Sơn hình thành nên hòn Mặt Trời. Điền Thư

dạy cháu nên coi Hậu Nghệ là tấm gương sáng, không sợ cường bạo, trừ hại cho dân, cứu dân ra khỏi vòng đau khổ.

Trong hang mẹ con, có hòn Mẹ con; hòn Mẹ hiền, hòn Con thơ tập đi, hòn Côn Trọng, hòn Hoa thạch chị em, hòn Vợ chồng, ... đều là những tài liệu rất tốt để Điền Thư giáo dục về luân thường cho cháu mình: Mẹ con tình sâu, bạn của anh thì em phải kính, chị em cùng một cành, vợ chồng yêu thương nhau, ... Một gia đình hạnh phúc đầy đủ là một tấm gương phản ánh bộ mặt của cả một xã hội, bởi gia đình là một tế bào trong xã hội, là một xã hội thu nhỏ. Chẳng những thế, gia đình còn là nơi sống của mỗi thành viên trong xã hội, là cái nôi vỗ về cho anh hùng hào kiệt lớn lên. Bởi vậy cần có sự cố gắng chung của toàn xã hội, chớ có lơ đễnh hoặc coi nhẹ.

Cầu Tiên là ba tảng đá lớn xếp gần với nhau ghép chặt lấy nhau, bao bọc lấy nhau thành hình một cây cầu, phía dưới giáp với khe núi sâu vạn trượng, mây mờ bao che, âm u đáng sợ, khiến người ta chỉ nhìn qua đã chờn, không gan dạ không ai dám bước lên phía trước. Vậy mà Điền Thư với tuổi đã gần cổ lai hy lại có thể dắt cháu đi đi lại lại trên cầu để bồi dưỡng cho cháu tinh thần dũng cảm không biết sợ. Sự thực tất nhiên không giống như thần thoại, bước qua cầu bỗng trở nên quỳnh giao tươi đẹp. Tuy nhiên, việc đời không phải người gan dạ và ý chí kiên cường thì không thể đến được bờ bên kia của lý tưởng.

Hai tảng đá to đối đầu nhau giống như hai con dế đang rung cánh giãn giò gầm ghè nhau muốn quyết một phen sống mái. Đừng trách con dế có tính hiếu chiến, vạn vật trên đời

trong đó có cả con người, không giờ khắc nào là không tranh đấu, kẻ thắng thì còn kẻ bại thì mất, đó là lẽ muôn đời. Cây cỏ chim muông đã như thế, huống chi là con người vốn đứng đầu mọi sinh linh? Một con người, một dân tộc, một giai cấp, một quốc gia, không chuẩn bị tốt cho một cuộc vật lộn, thì chờ đợi họ chỉ là sự diệt vong.

Hòn Miệng hổ, hai tai dỏng lên, cái miệng há ra. nuốt mây nhả sương, oai nhất trên đời. Điền Thư đã dắt cháu xông vào miệng hổ, nhổ răng hổ, khoái chí không gì bằng.

Thang trời, tự trên cao dóng xuống, sương mây vờn quanh, theo gió vờn bay, càng thêm vẻ anh hùng ngạo mạn, kẻ yếu hèn sẽ chùn bước, nhưng ông cháu Điền Thư một già một trẻ, bám đu mà lên, qua bao hiểm trở, cuối cùng đã lên đến đỉnh.

Tất cả những cái đó, đều nhằm bồi dưỡng cho Điền Vũ tinh thần không run sợ, không chùn bước, xây dựng ý chí, hun đúc lòng kiên nhẫn rèn luyện sức chịu đựng, mài sắc thêm quyết tâm.

Hòn Trụ chống trời, không sợ trời sập, trời sập đã có cột đỡ. Hòn Anh hùng độc lập, không sợ gì sấm chớp, ngàn cân lôi đình cũng hiên ngang vững vàng, không hề lay động. Hòn Cá kình nuốt mặt trời, nuốt cả trời đất mà vẫn thấy như bụng rỗng không… Đó chính là đòi hỏi của ông nội với Điền Vũ, cũng là mẫu mực để Điền Vũ nhào nặn mình.

Leo lên Dịch Sơn, đã bồi dưỡng cho Điền Vũ hứng thú leo núi rất nồng đậm, cậu cảm thấy như ở đó mỗi một đỉnh non

tảng đá, mỗi lá cỏ nhành cây, mỗi một hang một động... đều có một tình cảm sâu nồng, nó đã khêu gợi cho con người, nêu ra cho con người những triết lý, nó là thầy, là bạn của con người. Cậu nóng nảy như có lửa đốt, nằng nặc đòi ông cho đi thăm Thái Sơn.

Thái Sơn, với cái thế xé đất chọc trời, sừng sững đứng ở phía đông vùng Hoa Hạ, với cái tên đẹp là độc tôn trong ngũ nhạc nổi tiếng xưa nay. Nó nằm ở mé đông vùng trung nguyên, ở giữa nước Tề và nước Lỗ, đông giáp Hoàng Hải, tây có Hoàng Hà hùng vĩ tráng lệ, khí thế bao la, phong cảnh tuyệt vời, là núi thần của Hoa Hạ, là tổ tông của thiên hạ, "cao, lớn, đặc biệt, tráng lệ, hiển hách, nể sợ, huyền hoặc"... là đặc sắc của nó.

Mặt chính của Thái Sơn, có ba hẻm núi ở giữa, bên đông và bên tây, hình thành con đường tự nhiên để leo núi. Con đường ở hẻm núi giữa, là đường chính để lên núi từ phía đông. Điền Thư dắt cháu đi theo đường ấy bậc đá xoáy hình trôn ốc, đường hẹp âm u, gặp đỉnh núi đá lại phải đổi hướng, khe sâu suối dài, phong cảnh trong sáng tươi đẹp, văn vật cổ tích cũng nhiều. Mới leo núi, đường đi còn rộng với cảnh quan do con người tạo nên. Từ Trung thiên môn trở lên, hẻm núi hẹp lại, thế núi cheo leo với cảnh quan tự nhiên là chính.

Suối Bạch hạc, từng đàn hạc trắng lượn quanh rồi đậu xuống, nước suối phun ào ào tuôn chảy đi ngàn dặm. Trong động Người tiên có người tiên ở, mang hạnh phúc và may mắn cho đời, ở đây gió mát và không khí thoáng đãng. Hồi mã lĩnh là nơi xuống ngựa dừng cương, rời yên ngựa leo lên

núi. Cầu lên trời, phía dưới tới gần vực thẳm. Khu chim ưng, tảng đá to trông tựa chim ưng. Dạ ngọc tuyền là suối có nước uống chữa khỏi bá bệnh. Hòn Giao long vân đá như rồng. Trảm vân kiếm, như lưỡi kiếm chém mây làm mưa. Cầu Vân bộ, thế núi hiểm trở, thác gieo như bay, mây mờ bao phủ kín, người đi trên cầu, như bước vào cảnh tiên. Động Nghênh dương, trong động sương đọng như hạt châu treo, nếu lấy vật gì mà hứng được thì gọi là "thạch nhũ" vừa trong vừa ngọt, có thể giải khát và chống đói; phía bắc động Nghênh dương, hai đỉnh núi đối diện nhau, hàng vạn cây thông mọc đối nhau cho nên mới gọi là núi "Đối tùng".

Ở đây thông già trùng trùng điệp điệp bóng che mặt trời, thông reo vi vu bên tai không dứt. Gió núi vừa thổi, thông reo lên như tiếng sóng, như tiếng nước vỗ bờ. Nam thiên môn thì như lầu các trên trời, giữa các đỉnh núi là mây mờ bảng lảng, Nam thiên môn thấp thoáng ẩn hiện trong sương mờ, thác mây như ngân hà tuôn xuống, thiên nhiên tạo thành những bậc thang, dõi bước lên trời đầy những tình thơ ý hoạ! Leo thang mây, việc khó khi leo lên Nam thiên môn, đúng như về sau từng có người đã tả: "Ngẩng nhìn Thiên môn, vời vợi như ở hố sâu nhìn trời. Đi thẳng lên bảy dặm, ngán vì lối nhỏ quanh co gọi là hoàn đạo, thường có dây thừng, có thể cầm lấy leo lên. Hai bên có người đỡ, người đi trước kéo lên, người sau nhìn thấy đế giày người trước, người trước chỉ thấy đầu người đi sau. Đi lên đường này, bước hơn chục bước, nghỉ một dạo. Hơi mệt, môi khô cháy, năm sáu bước nghỉ một dạo. Nhích lên lại dừng, đất không tránh được chỗ ướt chỗ tối, phía trước có chỗ khô ráo, mắt nhìn thấy mà chân không chịu nghe theo…"

Tuy nhiên, sau khi đã leo lên đến Nam thiên môn, mây trắng sẽ lau sạch mồ hôi cho ta, gió núi sẽ làm mát lòng và hết nỗi ưu phiền, mắt ta tràn ngập màu xanh, mệt mỏi sẽ tiêu tan hết. Kỳ quan trên đỉnh non Thái quả là nhiều, chẳng hạn như đỉnh Vòi voi, đỉnh Phố trời, động Bạch Vân, đỉnh Màn che, đỉnh Đá treo, vách Đầu hổ, đỉnh Đại Quan, đỉnh Trụ trời, đỉnh Nhật quan, đỉnh Nguyệt quan, hòn Thăm biển, vách Xả thân, đỉnh Trượng nhân, … nhưng cảnh khiến người ta mê mải là khi mặt trời từ từ nhô lên ở phương đông, khi biển mây lặng xuống như mâm ngọc, khi ráng chiều rực rỡ, khi Hoàng Hà ánh lên như chiếc đai vàng và khi mặt trời lọc qua mây ngời lên ánh ngọc.

Hai ông cháu đã ăn ngủ ngoài trời ngay trên đỉnh cao nhất của Thái Sơn. Mờ sáng hôm sau, khí trời trong sáng, đứng trên đỉnh Nhật Quang mà đưa mắt nhìn về phương đông, suối khe thu hết trong tầm mắt, núi non lần lượt phơi bày, một giải mây sớm từ màu xám đen biến thành màu vàng nhạt, rồi từ vàng nhạt biến sang màu đỏ cam, tiếp đó trên những giải mây đỏ tía xen nhau, trong nháy mắt đã thay đổi sang màu khác. Những đám mây có chỗ như phượng hoàng sải cánh, có chỗ như chim công xoè đuôi… Rồi chợt thấy những áng mây trên trời hoà với biển mây mênh mông ở chân trời làm một, như một bức vẽ cực lớn từ trên trời giáng xuống. Sương mây và ráng màu phản chiếu vào nhau, lấp lánh lên ánh sáng sương mai và khí trời buổi sáng. Trên mặt biển ánh phù quang dát vàng, vầng mặt trời đã hé màn mây, kéo tấm rèm với những giải ráng màu, choàng lên mình xiêm áo đủ mọi màu rồi như một chiếc đèn lồng đung đưa, từ từ lên cao, rực rỡ như một chiếc cầu vồng, thấp thoáng vươn lên từ mặt biển, như ngập ngừng muốn lên lại thôi,

phảng phất như có hai mặt trời cùng được nâng lên từ mặt biển. Trong chốc lát, ánh vàng toả muôn nơi, tắm nắng lên các đỉnh núi.

Khí hậu trên Thái Sơn chỉ trong nháy mắt biến đổi khôn lường, vừa mới là cảnh khí trời mát mẻ, rực rỡ mặt trời, bỗng nhiên một trận cuồng phong ập tới, mây trắng và sương mờ bao phủ khắp các đỉnh cao khe sâu ở phía tây, trong khi ở mé đông, mặt trời lại đang chiếu xuống le lói. Hai ông cháu Điền Thư đã thấm mệt, quay về hướng tây, mong tìm thấy một quán trọ để nghỉ chân hay chỉ là một hốc núi khuất gió và có ánh mặt trời là được. Ông cầm tay cháu vất vả bước từng bước, đang đi, bỗng nghe tiếng người reo lên: “Ôi! Ráng hào quang!”. Ông cháu ngẩng lên nhìn. Ôi! Một vầng ánh sáng năm màu rực rỡ xuất hiện ngay trước mặt, giải màu ở bên lề vầng ánh sáng lớn đó trùm lên đỉnh Sư tử, giải màu hiện lên đủ bảy sắc, đỏ, da cam, vàng, lục, xanh, lam, tím... vô cùng rực rỡ, vành vảy tê tê màu đỏ ở ngoài cùng như một chiếc vòng đeo tai lấp la lấp lánh.

Trong cái vòng ánh sáng rất lớn đó có một trẻ một già, dắt tay nhau bước, đó là bóng hình của hai ông cháu Điền Thư. Điền Vũ quên ngay mệt mỏi, xúc động đến mức khoa chân múa tay, hình bóng cậu trong cái quầng sáng kia cũng nhảy múa lên và vẫy tay, mây trắng trôi bồng bềnh, sương dăng mênh mông, vầng sáng lúc ẩn lúc hiện, lúc mờ lúc nhạt, lớn lên rồi lại nhỏ đi, biến đổi liên tục. Điền Vũ say sưa đứng ngắm quầng sáng đó, ánh mắt đưa theo sự di chuyển, biến động của nó. Một lúc, quầng sáng ấy xuất hiện ở phía trên động Bạch Vân trước đỉnh núi Vòi Voi, những người leo núi tụ tập lại mỗi lúc một đông, ngay cả những du khách vừa

chân ướt chân ráo mới leo lên Nam thiên môn, cũng không nghỉ ngơi, ùa tới như một cơn lũ…

Cảnh đẹp ở Thái Sơn như một trời sao lấp lánh; khiến người xem không chán mắt, những chỗ như Hậu thạch ân, Tây lộ, Đại lệ, … cũng đều có những danh lam khiến người ta say mê. Tuy nhiên, mệt mỏi, như một sợi dây trói chặt ông cháu Điền Vũ lại, làm không cựa quậy được nữa, muốn xuống núi lúc này cũng thấy khó khăn; vì ông cháu họ người già thì đã quá già, trẻ thì lại còn quá trẻ. Hai ông cháu đành co ro ở một cái quán trọ xềnh xoàng và nhỏ hẹp ở nơi rừng rú, ngủ một giấc đẫy một ngày. Buổi chiều hôm ấy, mưa một trận rất to, sau đó trời lại trở nên trong sáng. Hai ông cháu không để ý gì những chuyện đó, mãi cho đến lúc gần tối, bụng đói cồn cào, buộc họ phải trở dậy ăn uống một chút. Cơm no rượu đủ rồi, lại thấy tinh thần phấn chấn, toàn thân thấy nhẹ nhàng, bao nhiêu mệt mỏi đều tan biến hết, hai ông cháu lại bạo dạn bước ra bên ngoài quán trọ.

Mưa xong, trời cao mây lành, núi non và bầu trời trong vắt như vừa rửa sạch. Mặt trời đã khuất non tây, nhìn về phía đó, những đám mây đùn lên như luỹ như thành, như đỉnh núi cao, những tia sáng xuyên mây, xuyên sương hắt xuống trần gian. Dưới ánh chiều phản chiếu, bên trên những đụn mây đều viền một lớp vàng lấp láy luôn luôn toả ra những ánh quang như châu báu. Những đám mây đó hoặc vàng, trắng, đen, lam hoặc hồng, hoặc tía; đúng là đủ cả năm màu, kỳ diệu khôn lường, tay thần nữ cũng khó dệt nên, chỉ giành công riêng cho tạo hoá. Sau một cơn gió núi, biển mây tràn ra mênh mang, những tia sáng đầy trời tất cả đều chiếu lên “biển lớn” đó, cảnh sắc tráng lệ càng khiến con người đắm

say. Phóng tầm mắt về đằng tây bắc, nơi ngút ngàn của những đỉnh núi xa, Hoàng Hà như một dải lụa vàng lấp lánh, sóng gợn lăn tăn, ngời lên như vẩy lạc, từ tây nam đến đông bắc, kéo dài mãi đến tận chân trời. Ánh chiều khuất sau mây, những lưỡi trai viền trên đỉnh các đụn mây cũng tiêu tan hết, ráng chiều chỉ còn là một vầng mây đỏ. Phía chân trời, mây núi như đều đang rực cháy, những suối khe giữa các đỉnh núi cao, cùng với sông hồ cùng ngời lên sắc đỏ, ánh lên những sắc hoàng hôn rực rỡ. Núi sông yêu kiều đến thế. Trời đất càng thêm hoành tráng nguy nga.

Cũng như mọi vấn đề hiểu biết và học vấn, Điền Vũ y như một đứa trẻ tham lam và ương bướng, nên với việc leo núi ngắm cảnh cậu vô cùng thích thú. Cậu ngắm chưa đã cảnh lạ lùng và hùng vĩ khi mặt trời mọc, nên giờ Dần ngày hôm sau, lại nài nỉ ông nội đưa cậu leo lên đỉnh Nhật Quan. Tuy nhiên, hôm nay lại chẳng giống hôm qua, biển mây ùn ùn, biến hoá khôn lường, lúc thì mây trắng cuồn cuộn, như sóng nổi tuyết rơi; lúc thì mây đen vần vụ, như dáng muốn lấp sông cạn biển; lúc thì mây kéo lấp thủng khe, như biển mênh mông không bờ bến, nhưng đỉnh non kia là những đảo tiên trong đó; lúc thì mây trắng vờn quanh núi, giống như một chiếc đai ngọc thắt ngang lưng những người quyền quý. Đứng trên đỉnh non Thái, cúi nhìn hạ giới, thấy có lúc từng đám mây trắng lại tan biến vào những đám mây đen cuồn cuộn, trở thành biển lớn luôn ỳ ầm réo sôi. Gió nổi mây bay, bồng bềnh lên xuống, có đám thì bay lên, có đám thì trôi nổi, có đám tung tăng đây đó; chợt chỉ trong chốc lát, hoặc biến thành những bông sen trắng, hoặc như tuyết dồn thành đống, hoặc như thú dữ vờn nhau, hoặc như hai bên quân giao chiến, hoặc như đàn ngựa phi nhanh…

Tuy chưa nhìn thấy mặt trời lên, nhưng Điền Vũ cũng thấy hể hả trong lòng bởi biển mây đó có một khí thế và một niềm hứng thú đặc biệt, cũng huy hoàng không kém gì cảnh mặt trời lên.

Trên đường về, Điền Vũ đã nói với ông nội những cảm tưởng và điều thu lượm được qua việc đi xem núi mấy hôm nay. Thứ nhất là lên cao mới có thể nhìn xa, người sống trên đời phải không ngừng leo lên những đỉnh cao. Thứ hai là những cảnh tươi đẹp, những kỳ quan trên đời, đều ở những nơi khó khăn hiểm trở, chỉ những ai không sợ gian nan hiểm trở, mới là người được ngắm thoả thê.

Những lời nói mới chuẩn xác làm sao, sâu sắc làm sao! Nghe xong những lời đó, Điền Thư cười rất cởi mở, cười rất thoải mái, cười rất ngọt ngào…

CHƯƠNG VI

BƠI THUYỀN TRÊN BỘT HẢI
XIN HỌC Ở MÔNG SƠN

Một con người, nếu không có hoài bão lớn lao như biển rộng, không có chí khí như sóng cả ầm ào, không có ý chí vật lộn với sóng gió thì dứt khoát không thể trở thành một vị tướng lĩnh chỉ huy thiên binh vạn mã, một anh hùng ra tay làm gió làm mưa... Với nhận thức như thế, sau chuyến đi thăm Thái Sơn trở về không lâu, Điền Thư lại dẫn cháu nội đi ngao du biển rộng.

Tháng tám, trời thu cao vợi, mây đẹp như tranh. nhạn bay về nam, lá đỏ đầy cành... đây là mùa trái chín, mùa thu hoạch, mùa thu vàng. Trên đồng ruộng tràn ngập tiếng cười đầy ắp niềm vui, chan hoà niềm sung sướng. Nhà nông hoặc vung cao tay hái gặt về thành quà của một năm nước mắt mồ hôi, hoặc vung roi giục trâu, cày xới và gieo một mùa hy vọng mới, Một buổi sớm ánh ban mai nhuộm say cả chân trời, ông cháu Điền Thư ngồi thuyền thuận trôi theo dòng Tri Thuỷ, vào sông Tiểu Thanh, lách qua sông Dương Giác rồi tới vịnh Lai Châu. Biển như một tấm gương khổng lồ, nước xanh đen pha màu lam, phẳng phiu mịn màng như nhung như gấm, lấp lánh ánh quang như một chiếc gương đồng. Trên mặt biển mênh mang không biết đâu là bờ, những cánh buồm của thuyền đánh cá, như những áng mây trắng trôi trên nền trời xanh.

Trời xanh, mây trắng, biển biếc với những cánh buồm, vẫy gọi nhau, mơn trớn vỗ về nhau, soi rọi cho nhau rồi đến nơi mênh mông cuối đất cùng trời thì hoà nhập với nhau làm một. Cá bơi trong nước có thể nhìn rõ từng con, hoặc lắc đầu vẫy đuôi, hoặc lao đi như sao đổi ngôi, hoặc như mừng rỡ đuổi nhau đùa giỡn, hoặc đuổi bắt nhau. Có một loại cá chuồn, chốc chốc lại bay lên đầu thuyền, đến khi ta muốn chìa tay bắt, nó lại tung mình lên cao rồi lao đầu xuống nước. Trên mặt biển lặng như tờ, thỉnh thoảng có những cái ụ nhô lên cao cao, thuyền bè đều phải tránh xa, đi vòng lối khác. Ông nội bảo với Điền Vũ, đó là lưng của cá ông Voi, nó có thể nuốt lọt cả thuyền lẫn người vào trong bụng. Ba chiếc thuyền buồm xếp thành hàng dọc thuận gió mà trôi, băng băng về phía trước. Tại sao lại có ba chiếc thuyền buồm? Nguyên là khi Điền Vũ theo ông ngồi thuyền đến sông Dương Giác, thì đã thấy hai chiếc thuyền như quái vật khổng lồ đợi sẵn ở đó, đó là hai chiếc thuyền nhà binh ông nội điều đến để giữ an toàn cho hai ông cháu. Trên mỗi con thuyền đó ngoài thuỷ thủ và thuyền phu ra, còn có một số binh lính có vũ trang đầy đủ, bởi vì trên biển, thường hay có bọn cướp biển hoành hành.

Thuyền nghiêng đi, cột buồm vặn đi, buồm căng lên, lướt trên đầu sóng, lao đi như gió. Điền Vũ lấy làm lạ hỏi người tài cống, tại sao thuyền lại đi nghiêng như thế, liệu có bao giờ bị lật không? Người tài cống bảo với Điền Vũ, thế gọi là “thuyền nghiêng ngựa hăng”, thuyền chỉ nghiêng như thế mà đi, mới có thể nhanh như gió; ngựa chỉ có con nào tính hung hăng, mới có thể tung vó như bay. Người tài cống nói thế và ngay sau đó điều khiển cho chiếc thuyền nghiêng đi như nằm trên mặt nước, lấy sườn thuyền làm đáy, còn đáy

thuyền lại thấp thoáng hiện lên trên mặt nước. Có lúc cái thuyền như rời khỏi mặt nước bay là là trên không. Ông nội tay trái bám vào mạn thuyền, tay phải ôm riết Điền Vũ vào lòng, e xảy ra điều gì không may, bên cạnh ông có hai người lính săn sóc giúp ông. Điền Vũ ngược lại không hề sợ hãi, cậu hết nói lại cười, hết cười lại nghịch, chỉ muốn thoát ra khỏi vòng tay kìm giữ của ông nội, để được vui đùa cho thoả thích. Nhìn dáng vẻ cậu bé lúc này cứ như đang muốn lao đầu xuống biển, bơi một chuyến cho thật thoả thuê, bắt lấy vài con cá lớn… Để làm cho tình cảm ấy của Điền Vũ bình tĩnh lại, ông nội đã kể cho cậu nghe về biển, về cá, về những hòn đảo, về long cung, về thế giới thần bí và diệu kỳ dưới đáy biển…

Người ta thường bảo: Trời trên mặt biển, như mụ già khó tính, bảo trở mặt là trở mặt ngay, vừa mới rất trong sáng, trời xanh biển biếc là thế đã có thể sầm sì lại được ngay. Từ chân trời đằng tây bắc, một cụm mây đen vừa xanh vừa tím như một đụn khói âm ỷ lửa. Đụn mây đó nhanh chóng toả rộng ra, rồi lan dần và đùn lên cao ngược theo chiều gió, rất nhanh chóng che kín nửa bầu trời. Những đụn mây đặc quánh chất chồng như núi ấy bỗng vần vụ rồi thành hình một con rồng, đầu trên ngóc đến trời, đầu dưới cắm xuống đất dựng thành một cây cột giữa trời với đất. Con rồng khổng lồ ấy vùng vẫy lên, rồi lăn lộn, rồi gầm thét, giơ nanh múa vuốt, ngậm gió phun mây, rồi trườn tới như một con quái vật. Bầu trời mỗi lúc một thấp hơn, từ màu chì xám biến thành màu đen đặc như một cái chậu úp nặng nề. Biển mỗi lúc một vô tình hơn, không còn là bè bạn nữa, mà là một kẻ thù, gầm lên như thú dữ. Những tài cống hay các thuỷ thủ có kinh nghiệm trong nghề đi biển biết rằng: Đây là cơn gió

lốc rồng cuốn hình thành giữa biển khơi, nhìn dáng vẻ đó là biết ngay sắp diễn ra một cơn tai biến, lành ít dữ nhiều. Thế là họ vội vàng hạ buồm xuống và áp dụng các biện pháp phòng bị kịp thời.

Đang giữa lúc luống cuống chân tay, cơn gió lốc với thế Thái Sơn đè đầu đã ập tới, vũ trụ mênh mông biến thành một vòng quay lớn, trời xoay, đất xoay, thuyền xoay, người xoay… vạn vật trên thế gian, tất cả đều đang quay cuồng. Nước biển đang cồn cào, đang giận dữ, đang gầm thét, đang sục sôi, bao nhiêu thuyền lớn thuyền nhỏ trên mặt biển lúc này, chỉ như những chiếc kén tằm trong nồi nước ươm tơ sôi sùng sục. Chúng quay dọc quay ngang, nhao lên nhao xuống, lúc thì mất hút trong tầm sóng, lúc lại bị đẩy nhô cao lên trên đầu sóng, lúc lại bị trôi dạt đi theo luồng nước. Cũng may mà trước đó họ đã đề phòng, chẳng hạn, lấy thừng cố định người vào mạn thuyền, vào cột buồm, thuyền không lật, không vỡ, người cũng không bị rơi xuống biển. Tuy nhiên người nào người nấy bị nôn thốc nôn tháo ra cả mật xanh, mật vàng, mặt vàng nhợt, tái đi như một gã say. Đến lúc cơn sóng gió qua rồi, ba chiếc thuyền thì vỡ hết hai, lính tráng bị rơi xuống biển mất năm sáu người. Đó là điều rất may trong cái không may, vì nơi họ đi qua mới là bên lề của cơn gió xoáy, còn những chiến thuyền nằm vào giữa vùng gió xoáy, chẳng cái nào thoát khỏi, thuyền thì vỡ, người thì chết, nhiều cái thuyền còn bị cuốn lên cao rồi rơi xuống cách đó hàng mấy dặm, hàng chục dặm, có cái còn mất luôn tung tích. Mưa bão qua đi, trên mặt biển dập dờn đây đó những ván thuyền, buồm, ngư cụ, đồ dùng, nhiều hơn cả là xác người, thảm cảnh ấy không ai muốn nhìn.

Tất cả thuyền phu, thuỷ thủ, binh lính của ba chiếc thuyền cùng ông cháu Điền Thư lúc này dồn vào một thuyền. Người đông, thuyền nhỏ, vượt quá sức chịu đựng của con thuyền, nên nó tròng trành nghiêng ngả, lúc nào cũng có nguy cơ chìm lật, ai cũng lo sợ như ai, đúng là cùng hội cùng thuyền. Bỗng nhiên, từ phía trước trôi tới một chiếc thuyền đánh cá còn nguyên vẹn. Hai thuỷ thủ tuân theo lệnh của Điền Thư, đã nhảy xuống nước, chặn chiếc thuyền đang trôi dạt đó lại. Mái chèo sào chống trên thuyền đã chẳng còn thứ gì, hai người đành vừa bơi vừa đẩy chiếc thuyền đó tới chỗ mọi người, cho đến khi hai thuyền áp mạn nhau. Số người ở trên thuyền cũ chia đôi ra, một nửa sang bên chiếc thuyền mới nhặt được, hai chiếc thuyền từ đó như mới có sức sống, tiếp tục cuộc hành trình bình thường.

Sau một hồi say sóng, nôn mửa, Điền Vũ ngủ ly bì, vẻ mặt nhợt nhạt, da nổi gai gà rõ cao. Cậu nằm co ro trong lòng ông nội, như một con gà rù, thỉnh thoảng vẫn còn ứa bọt ra bên mép, trong lỗ mũi vẫn đọng lại một chút nước nhờ nhờ máu. Nhìn thấy tình cảnh đó, vị lão tướng từng qua trăm trận, cũng thấy run run trong lòng…

Gió lặng, mây tan, trời trong, tạnh nắng, mặt biển trở lại phẳng lặng như thường. Ngàn vạn con sóng lăn tăn, trắng xoá cả trên nền biển biếc, như một tấm nhung xanh đậm trải ra, mịn màng, phẳng phiu, dập dờn toả lên ánh sáng dịu dàng. Hai chiếc thuyền lại căng buồm lên, như một con cá đang bơi, lại lắc đầu, vẫy đuôi, tung tăng vô tư lự, thoải mái lướt đi. Các thuyền phu cũng thoải mái cầm chèo, kéo buồm, như nhà thơ bày tỏ những tứ thơ trên giấy, như hoạ sĩ phết bút màu lên lụa, như nhạc công đang gieo những nốt nhạc

trên dây đàn… họ không phải đang vất vả với công việc, mà là đang gửi gắm tình cảm của mình vào từng động tác, hoàn thành một kiệt tác nghệ thuật cho đời. Điền Vũ nằm trong lòng ông giờ lâu, những nốt gai gà trên da dần mất đi, hơi thở đã điều hoà và nét mặt cũng hồng hào trở lại. Cậu đột nhiên hét lên trong mơ, khiến mọi người phải giật mình: "Ông ơi! Cá! Cá mập to quá!" trên nét mặt bỗng hiện lên vẻ kinh hoàng. Nói thế xong, cậu trở mình, rồi lại ly bì ngủ tiếp, rãi chảy cả ra mép. Không biết đi như thế bao nhiêu lâu, Điền Vũ cuối cùng đã tỉnh lại, từ chỗ ấm sực hơi người trong lòng ông nội, cậu bò dậy và vươn vai dài mấy cái, hỏi ông mình: Ông ơi! Lúc này ta đang ở đâu hả ông? Như một người quá mệt mỏi, ngủ đi một giấc thật say, tất cả sẽ lại như ban đầu, những gì xảy ra đều quên hết sạch, chỉ còn mang máng nhớ là mình được ông cho đi chơi biển, rồi gặp gió bão…

Thấy cháu mình thật sự an toàn, tảng đá đè nặng trong lòng Điền Thư bỗng như có ai lấy đi, ông kể có ngành có ngọn cho Điền Vũ nghe về cơn bão rồng cuốn gió, về những nỗi thảm hại mà ba chiếc thuyền đã gặp phải, về nỗi đau khổ của những người lính phải bỏ mình, nỗi đáng thương khi Điền Vũ bị say sóng nôn mửa và ngất đi… Điền Vũ mở to đôi mắt tinh anh, chăm chú nghe như nuốt từng lời. Khi nghe đến việc những người lính đã anh dũng quên thân để bảo vệ cho mình, đôi mắt cậu bé long lanh ứa lệ…

Gió lại nổi lên, biển lại cồn cào và sóng đang trỗi dậy, tung lên những chùm bọt trắng, con thuyền lắc lư nhưng Điền Vũ lại thấy rất thoải mái, chốc chốc còn vỗ tay thích thú. Khi mặt trời chìm xuống mé trời tây, ráng đỏ rực trời, nhuộm

say trên mỗi đầu sóng, lấp lánh như dát vàng, hai chiếc thuyền đi qua cạnh một hòn đảo. Đảo không lớn lắm, nhưng cũng rất xinh xắn gọn gàng, biển bao bọc ba mặt nam, tây bắc, phía đông gắn với đất liền, hình dáng hòn đảo bề dọc hơi ngắn nhưng bề ngang lại rộng, phía bắc cao, phía nam thấp, hình thành như một cái ghế. Trên đảo, nhấp nhô đến bảy tám đỉnh núi, ở phía bắc, sườn núi cao chất ngất, đá nhọn lởm chởm như rừng. Phía nam con dốc kéo dài ra, trải xuống tận mép biển, dưới ánh chiếu tà cát ánh lên như vàng. Phía tây hòn đảo nhô lên một đỉnh núi, dưới chân núi, giữa mặt biển ầm ào sóng gió, mọc lên một tảng đá to, cao đến hàng chục trượng vòng quanh cũng tới trên hai trượng, trông tựa như một vị tướng, khoác trên mình ánh vàng rực rỡ, hùng dũng oai nghiêm…

Dựa theo hình dáng đó, người ta mới đặt tên là hòn “Tướng quân”. Thuyền đi đến gần hòn “Tướng quân”, Điền Thư bảo cho đi chậm lại, hai ông cháu đứng trên mạn thuyền, đưa mắt nhìn sang, thấy sóng dữ liên tục nối nhau đập lên tảng đá vỡ vụn ra, bọt nước bắn tứ phía, cột nước dựng đứng lên trời và kèm theo một tiếng réo ầm vang. Có những con sóng lớn đã trồi lên trùm lấp cả hòn “Tướng quân”, như nuốt chửng, như nhận chìm đi, song chỉ trong một thoáng như chớp mắt, con sóng rút đi, hòn “Tướng quân” vẫn đứng im ngạo nghễ, không hề lay chuyển. Hàng ngàn hàng vạn năm rồi, hòn “Tướng quân” đứng đó, đã chịu bao nhiêu lần sóng gió dập vùi như thế, chẳng ai biết được, chỉ biết rằng nó vẫn ngạo nghễ hiên ngang đứng đó ung dung đàng hoàng, không hề suy suyễn. Chẳng chờ đến lúc ông nội chỉ dẫn và khêu gợi, từ hình tượng lớn lao cao cả và dáng vẻ oai nghiêm

này, Điền Vũ đã tự ngẫm được ra chuẩn mực làm người: Phải cứng rắn và không biết sợ…

Vầng mặt trời như chìm xuống nước, màn đêm xuống theo, sóng dữ gầm gào càng thấy tối đen đáng sợ cũng may là trên trời còn có sao lấp lánh và một vầng trăng, nên mới biết được đâu là trên, đâu là dưới, đâu là trời, đâu là biển. Dưới ánh trăng mờ nhạt và yếu ớt thấp thoáng thấy phía trước có một hòn đảo nhỏ đen sì. Qua một ngày lắc lư trên thuyền, nhất là sau trận vật lộn với gió to sóng dữ, mọi người ai nấy đều mệt mỏi rã rời. Phía trước lại có chỗ có thể nghỉ ngơi, Điền Thư bèn ra lệnh cho bơi thuyền tới đó, nghỉ một đêm rồi lại đi. Hai chiếc thuyền đến nơi lần lượt thả neo, mọi người rời thuyền lên bờ, chẳng nghĩ đến chuyện bắc bếp nấu ăn, cũng chẳng lo cắm cọc dựng lều. Mọi người ăn qua loa mấy miếng lương khô, rồi vào rừng tìm chỗ nằm xuống là ngủ, mặc cho sương đêm rơi ướt đẫm cả vạt áo!

Đến lúc mọi người tỉnh dậy, mặt trời đã mọc đến ba con sào, ánh nắng xen qua những kẽ lá dày chiếu xuống nền cỏ, lốm đốm từng đám một, ánh lên rực rỡ. Nhìn kỹ khu rừng, hoá ra toàn là dâu, không lẫn một thứ cây gì khác. Ngẩng nhìn lên cành cây, quả bám nặng từng chùm đung đưa theo gió. Đã là cây dâu tại sao không ra hoa kết quả vào mùa xuân, lại đến mùa thu mới có trái? Quả trên cây kia liệu có ăn được không? Mùi vị nó sẽ ra sao? Ngắt một vài trái xuống nếm thử, thì ra đó không phải là quả dâu, mà là kén tằm. Tìm kỹ hơn, thấy trên cây dâu nào cũng có bao nhiêu là tằm thu đang bò và những con ngài đang rung rung cánh đẻ trứng trên cành dâu. Thấy như vậy, đã có người reo lên: – Ồ! Thì

ra là một đảo dâu! Chỉ tiếc chẳng có một bóng người! Nếu không đây lại chẳng là một vương quốc tơ lụa rồi ấy chứ!

Nhổ neo tiếp tục cuộc hành trình, hai chiếc thuyền buồm lại lướt trên mặt biển sáng lấp loáng như chiếc lưới cày vạch những đường cày dài trên cánh đồng vàng, lật lên những luống đất màu mỡ bóng loáng như dầu, toả lên một mùi hương đồng nội. Thuyền lướt đi chừng ba canh giờ, sau giờ Ngọ, thuyền cập bến cảng Đăng. Đây là một thành phố cổ dựa vào núi và ôm lấy biển, tuy không lớn lắm, nhưng lại rất xinh đẹp. Đoàn người leo lên một ngọn núi cao như muốn chọc lên trời ở phía bắc thành phố.

Quả núi này có đặc điểm là đá, cát, sỏi đều màu đỏ, cho nên có tên là "Đan Nha". Trên đỉnh núi này, có một ngôi miếu thờ thần biển. Tượng Hải thần nương nương trong miếu ngồi xếp bằng ngay ngắn, như không nói không cười, khiến người ta cũng phải nghiêm trang kính trọng. Miếu ấy với tượng thần ấy do những ngư dân từng nếm mùi sóng gió xây nên và tô tạc để mong phù hộ cho họ. Núi Đan Nha cao sừng sững, vách đá như dao, đá tai mèo nhấp nhô, xen kẽ nhau như răng lược. Dưới vách đứng là biển rộng mênh mông, sóng dội ỳ ầm, đập đêm ngày lên từng cơn nghe inh cả tai và rung rinh vách núi, khiến người nghe rủn cả ruột gan, dựng cả tóc gáy. Đứng trên đỉnh Đan Nha, phóng tầm mắt nhìn ra xa, nơi sóng biển giúp mây trời và nơi màu mây sắc nước hoà chung làm một, thấy có một dãy đảo đen mờ nối nhau thành một dải. Những hòn đảo ấy cũng bị khói mây bao phủ, nối lại với nhau, như một sợi dây xích khổng lồ dăng ngang trên vịnh Bột Hải. Ông nội nói với Điền Vũ những hòn đảo ấy trước kia vốn là dãy núi Kiết Thạch liên miên

trập trùng; ở giữa không hề bị đứt đoạn, lại càng không có biển nước bao quanh, nhưng năm ấy Đại Vũ trị thuỷ, vì muốn thải hết nước tụ lại thành đầm hồ ở trong đất liền, nên đã đục núi ra theo hình dạng như bây giờ. Điền Vũ nghe xong còn chưa hiểu, hỏi:

– Ông ơi, Đại Vũ trị thuỷ, tại sao phải ra mãi ngoài biển để đục núi ạ?

Cậu hỏi rất đúng chỗ, đó là điều người bình thường khó mà hiểu nổi. Điền Thư giải thích rằng, năm ấy dãy núi Kiết Thạch vốn gắn chặt với đất liền, nói cách khác, nó là mũi cực đông của Thanh Châu, ngoài Kiết Thạch mới là biển rộng. Lúc bấy giờ, Thanh Châu là một trong chín châu đất đai rộng lớn, ngay cả dãy núi Trường Bạch ở Đông bắc, cũng là một khu trong vùng quản hạt của Thanh Châu; phía tây núi Nghiên Thạch cũng không có vịnh Bột Hải như ngày nay, mà nối liền với lục địa. Đến thời vua Nghiêu do thế đất biến động, nạn hồng thuỷ gây thành tai hoạ, con người biến thành tôm cá, vua Vũ đã nhận lệnh nối nghiệp cha đi trị thuỷ, xa nhà mười ba năm; chịu đủ mọi trăm cay ngàn đắng, ba lần qua cửa nhà mình mà không về, cuối cùng đã trị được nạn lụt trong thiên hạ. Chiến dịch đầu tiên khi vua Vũ bắt tay vào trị thuỷ là cho đào thông Kiết Thạch, rồi đào thêm mười con sông ở châu Thanh, châu Duyễn, ngược lên theo Hoàng Hà, đục Tam Môn, chừa Để Trụ, xẻ Thái Hoa, mở Long Môn… cho đến lúc xẻ Sơn Hải ra, làm cho nước biển cùng rút xuống với nước sông không có gì trở ngại, cho đến tận hạ lưu thì chín sông phân lũ, đến cuối cùng chín hợp làm một ở chỗ Nghịch Hà, từ chỗ được đục ra ở núi Kiết Thạch, thải nước ra biển lớn…

Trước đây, Điền Vũ chỉ láng máng biết được vua Vũ là một vị anh hùng trị thuỷ cho dân, mưu hạnh phúc cho trăm họ, còn hoạ nước đã được trị yên như thế nào, thì cậu chẳng hề biết tý gì, nay nghe ông nội kể thế, cậu càng thấy mến phục người anh hùng trị thuỷ này. Thật khó có thể tưởng tượng được rằng, một dãy liền núi nọ dính với núi kia trùng trùng điệp điệp như thế, năm ấy Vũ đã làm thế nào dẫn mọi người đi được và như thế thì phải mất bao nhiêu công sức và chịu biết bao nhiêu khó khăn cực khổ…

Điền Vũ còn đang nghĩ vẩn vơ như thế, bỗng có người kêu lên:

– Nhìn kia, chẳng thấy những hòn đảo kia đâu nữa!

Mọi người theo tay người ấy chỉ, những hòn đảo nhìn thấy lúc đầu không biết đã biến đi đâu mất sạch. Ở nơi nước liền trời bỗng nổi lên hình bóng của một ngôi thành cổ, cung điện nguy nga, nhà cửa ngay ngắn, tháp cổ cao ngất, đường phố thênh thang. Trên đường phố có nhiều chấm đen đi đi lại lại, lúc ẩn lúc hiện rất giống như người ngựa lính tráng đi lại. Một lát sau, thành thị bỗng biến thành núi non hùng vĩ, đỉnh núi nhấp nhô kéo dài liên miên, mịt mù mênh mông không thấy đâu là đầu là cuối. Dưới chân núi phảng phất như là mặt biển, nơi bờ biển thấp thoáng hiện ra một làng chài. Dần dần núi non mờ nhạt đi, và chỉ trong nháy mắt cả trời xanh biển biếc, không còn thấy gì nữa hết, những hòn đảo ban đầu lại hiện rõ mồn một.

Có một thuyền phu già trạc tuổi Điền Thư nói rằng, đó không phải là núi Kiết Thạch, mà đó là Bồng Lai, một trong ba quả núi tiên trên biển, ở trên núi đó toàn là thần tiên, họ ăn cỏ linh chi trên đảo, cho nên có thể trẻ mãi không già, có người đã sống trên một vạn năm. Vị thuyền phu già ấy, sư phụ của ông đi thuyền qua đấy, đã từng thấy đông đảo thần tiên tụ hội trên đảo, nào là từ trên mây xuống, nào là từ trong sương mù bước ra, nào là cưỡi rồng, nào là cưỡi gió đến, oai phong vô cùng…

Nghe thuyền phu giảng giải Điền Vũ thấy mê tít, vội giục ông cho nhổ neo đi về hướng đông, để tới thăm nơi tiên đảo Bồng Lai. Điền Thư nhất định không bằng lòng, vì đảo tiên là nơi chỉ nhìn thấy mà không bao giờ tới được, bởi vì chuyến này căng buồm đi xa thăm các nơi trên biển lớn cũng như trước đây đi thăm Dịch Sơn, leo lên Thái Sơn… mục đích là để tiến hành giáo dục cho Điền Vũ. Mà đã là giáo dục, thì bao giờ cũng phải dành lại đôi chút, không bao giờ làm hết mọi điều. Giống như dạy cho đứa trẻ tập đi trước hết dìu nó đi, rồi dắt nó bước, sau đó mới nhìn nó đi, động viên nó đừng nên sợ ngã, hãy mạnh dạn tiến lên. Đứa trẻ bước đi đâu phải luôn có người lớn dắt tay, mà là bước đi dưới sự gợi mở, dỗ dành, động viên của người lớn, để nó tự mày mò, tự khám phá, rồi xông pha…

Sau chuyến đi chơi biển trở về, mấy hôm liền, Điền Vũ chẳng thiết gì ăn uống, đêm ngủ cũng không yên, luôn trằn trọc trở mình. Điền Thư đinh ninh rằng chưa được đi thăm Kiết Thạch, nên Điền Vũ làm mình làm mẩy như vậy cho nên đang tìm cách lựa lời khuyên giải. Bỗng một hôm tay cầm một bó thẻ tre, Điền Vũ hớn hở đi tìm ông nội. Thì ra

cậu vừa mới viết xong một bài thơ, nói lên điều cảm nhận của mình sau chuyến trèo non vượt biển và gửi gắm hoài bão lớn lao của mình. Bài thơ viết rằng:

Trời rộng không thang, ôi mây trắng leo được lên
Đất dầy không đường, ôi gai góc có thể xuyên
Ra biển rộng, ôi lòng thênh thang
Leo Thái Sơn, ôi chí thêm bền!
Đường dài liên miên, ôi có gì đáng sợ
Khó khăn đầy rẫy lòng đâu há phiền!
Như gió xuân hiu hiu, ôi đất bằng lên xanh
Giống mặt trời sáng soi, ôi muôn loài ấm thêm!

Đọc xong áng thơ Điền Vũ mới viết xong, ông nội xúc động đến rưng rưng nước mắt, mừng đến nỗi khoa chân múa tay. Ôi! thằng bé mới thông minh làm sao! Thật không phụ với công lao ông chuyên cần săn sóc bấy nay…

Không lâu sau, do phải thao luyện quân đội nên Điền Thư phải cùng phái bộ của mình hành quân đi xa, không tiện mang theo Điền Vũ bên mình; vả lại các vị hiền triết ngày xưa cũng đã từng "đổi con mà dạy", cho nên, ông đã gửi Điền Vũ cho một người bạn thân là Vương Hử, nhờ ông này dạy dỗ. Vương Hử, là đạo trưởng ở Mông Sơn, được công nhận là biết nhiều cách tính toán, tiên nghiệm về trời đất trăng sao, lại có sở trường về công việc nhà binh. Trong một cuộc chiến đấu, Điền Thư đã từng cứu sống Vương Hử, hai người dần dần trở thành đôi bạn nối khố. Điền Thư gửi cháu cho Vương Hử dạy dỗ, đương nhiên để nó học võ là chính, còn đối với đạo gia và nhà tướng số chiêm tinh, Điền Thư không thực sự có hứng thú cho lắm.

Mông Sơn là phần kéo dài của Thái Sơn, chủ yếu cấu tạo bởi các loại nham thạch biến chất, đá hỗn hợp và đá hoa cương, với các đỉnh núi nhọn sắc nhấp nhô, chon von ngất ngưởng, hẻm trũng khe sâu, vách đứng chơi vơi, như so mây và sánh với mặt trời. Khắp núi là rừng sâu, cỏ dại, dây leo chằng chịt, nhìn lên không thấy trời, phía dưới cũng che kín đất, sói lang thấp thoáng, vượn hú beo gầm, trời nắng chang chang mà vẫn âm u, trăng sáng ngời ngời nhưng vẫn bị che kín, trời không rét mà run, đất không mưa mà ướt. Từ Mông Sơn xuống phía nam, mạch núi lại đổi chiều, khúc khuỷu quanh co, đi chừng mười dặm có một khe núi hẹp, vừa sâu vừa âm u, như hang như hố, nước chảy ngày đêm, trong tiếng rì rào. Càng vào sâu trong khe núi, càng thấy khí lạnh đến ghê người.

Dưới cùng hẻm núi là một tảng đá liền, nằm nghiêng bốn mươi lăm độ, nước chảy tràn lên mặt phiến đá đó, quanh năm lao đi như tên bay. Khe núi âm u không thấy bóng mặt trời, hết năm này đến năm khác. Ở những nơi có nước chảy qua, mọc lên một lớp rêu dày, trơn như nhung mịn, người hay thú vô tình bước phải những chỗ này, thế nào cũng bị trượt ngã, khi vai đã chạm phải rêu, hai tay chấm xuống đá, đã ngã xuống rồi, thì chớ hòng đứng dậy, đồng thời chỉ trong nháy mắt, sẽ bị trượt đi, phía dưới chừng ba bốn dặm là một vách đứng cheo leo cao hàng trăm trượng, dưới đó là Long Đàm sâu hun hút, màu nước xanh sẫm, cuộn xoáy ào ào, có là gang, là sắt mà rơi xuống đây cũng phải vụn ra như cám, hoặc là theo dòng nước cuốn trôi đi, hoặc làm mồi cho tôm cho cá.

Từ xưa đến nay, có không biết bao nhiêu người lên núi kiếm củi, săn bắn hay hái thuốc, tưởng chỗ này nước nông, lội ngang qua, kết quả đều phải gửi xác ở Long Đàm, không một người nào thoát. Ngay như những loài giỏi leo trèo như sơn dương, khỉ vượn, hàng năm cũng chết ở đây không biết nhiêu mà kể. Vì vậy, ở phía hạ lưu dòng suối, người ta luôn nhặt được xác thú chết. Thêm nữa, ở đây quanh co trăm nẻo suối khe chằng chịt dọc ngang, sông ngòi luồn lách, thông già che kín trời, bách xanh trùm kín đất, dây leo che ngang mắt, lẫn lộn cả phương hướng, mặt trời như mọc phía tây mặt trăng lại lặn đằng đông, một trăm người vào đây có đến chín mươi chín người bị lạc lối. Mà đã lạc lối ở đây quẩn quanh leo đi leo lại mấy ngày, không chết đói thì cũng làm mồi cho thú dữ. Cứ như thế thì oan hồn còn vất vưởng nơi đây, đâu chỉ là muôn vạn! Đêm đêm, lửa ma lập loè, những đêm mưa gió còn vẳng nghe tiếng ma khóc tủi hờn, bởi thế người ta mới gọi nơi này là khe Quỷ Cốc.

Sườn núi đối diện với khe Quỷ Cốc, nơi quay về hướng mặt trời, giữa đám lau sậy và tre nứa thấp thoáng một căn nhà xinh xắn và vắng vẻ, sân dài chưa quá năm trượng, nhà chỉ có ba gian, đó chính là Linh Vân quan, sư phụ Vương Hử tu hành ở đây, thỉnh thoảng thu nhận vài đệ tử để truyền dạy cho họ, Điền Vũ là một trong số những người ít ỏi đó.

Vương Hử tuổi đã tám mươi, mình cao trượng hai, vai không gù lưng không cong, tai không điếc, mắt không loà, tóc bạc nhưng da lại tươi rói, râu dài ngang ngực, bay phấp phới như cước. Ông là người học rộng tài cao, hiểu hết chuyện trên trời dưới đất, thật chẳng ai bằng. Học vấn tinh thông nhất của ông gồm bốn môn: Một là số học và thiên

văn, mặt trăng mặt trời và các vì sao, gió mưa sương tuyết. Sự thay đổi bốn mùa ông đều nắm vững cả rồi từ đó nghiệm trước đoán sau, linh nghiệm như thần. Hai là, binh học, lục thao tam lược, biến hoá vô cùng, bầy trận hành quân, quỷ thần cũng không biết đường nào mà đoán. Ba là, du học, nghe ngóng rộng, nhớ dai, biết thẩm thời độ thế, lại thạo đường ăn nói, chỉ ba tấc lưỡi, có thể thắng nổi cả triệu quân. Bốn là học về tu hành xuất thế, tu thân dưỡng tính, đạo dẫn khoa đường ăn uống để ngăn ngừa bệnh tật và kéo dài tuổi thọ, không điều gì không hiểu, không điều gì không biết làm. Thế nhưng ông vốn là người tính tình hướng nội, xưa nay luôn âm thầm lặng lẽ chưa bao giờ dễ dãi thể hiện mình, luôn tỏ ra như một kẻ ngu đần thô tục.

Hàng ngày ông tự cấy trồng ngô lúa, chăm bón rau xanh, chăn nuôi gia súc, tự sống bằng sức mình, cho nên cuộc sống cũng an nhàn, ung dung. Ngoài việc lo đủ ăn, ông còn hái thuốc bào chế, đem ra ngoài chợ bán lấy tiền mua vải vóc nông cụ và đồ dùng, thoả mãn nhu cầu sinh hoạt. Tuy là đạo quan song không thờ phụng hương khói hoặc ra ngoài hoá duyên, khất thực hay tuyên truyền chủ trương đạo học của mình, làm thế chẳng qua là ẩn cư nơi hẻm vắng để xa lánh thế tục tao loạn mà thôi. Đôi lúc ông cũng ngẫu nhiên vào phố, cũng là vì sinh kế đòi hỏi, chiêm bốc bói toán cho người khác, nói những điều lành dữ hoạ phúc, bao giờ cũng ứng nghiệm như thần. Dần dần có người hâm mộ và muốn học thuật đó, nhưng ông không giống như các nhà nho là ai đến cũng không từ chối, ai bỏ đi cũng không đuổi theo, mà là chọn lựa cẩn thận, xem tư chất tính tình của người xin đến học, xem người đó thích hợp môn gì thì dạy cho môn đó, một là đào tạo nhân tài ra giúp ích cho thiên hạ, hai là có nơi

gửi gắm tâm hồn, gạt bỏ được nỗi buồn quạnh vắng để con người được khoẻ cả thể xác và tâm hồn.

Vương Hử dạy học cũng không giống người khác, ông rất ít nói về lý luận, mà phần lớn đưa học trò đi sâu vào thực tế, quan sát và phân tích sự vật cụ thể dưới mọi hình thức, để cho đối tượng được giáo dục từ đó được gợi mở, sau tự mình cân nhắc suy nghĩ, phân tích, quy nạp, tổng kết lấy. Trong quá trình ấy, có thể ông chỉ vẽ ra hoặc nêu những ý khơi gợi dẫn dắt hoặc là chẳng nghe chẳng hỏi gì hết, không ngó ngàng đến nữa. Thế nên học trò không phải là người có tư chất trời phú, thông minh hơn người, thì khó mà thành tài. Số người đến đây rồi bỏ dở nửa chừng cũng không phải là ít.

Sau khi Điền Vũ đến xin học ở Quỷ Cốc, nếu theo thời tiết, thì mùa mưa lũ đã qua lâu rồi, ấy thế mà trời bỗng có thay đổi bất ngờ, vùng Mông Sơn lại bị một trận mưa to hiếm thấy, gió bấc lồng lộn đuổi nhau trong khe núi, rồi luồn lách, rồi gào thét, mưa như những làn roi quất xuống, như nghiêng từng chậu nước đổ xuống, chẳng mấy chốc, các khe lạch dâng đầy nước. Bầu trời màu chì đè thẳng xuống như muốn nén bẹp Mông Sơn, muôn đỉnh núi đều rung động, vạn khe sâu đều sục sôi, thầy trò Vương Hử ngồi ở Linh Vân quan, ngẩng đầu lên ngắm nghía thắng cảnh thác treo Quỷ Cốc.

Trông hệt như Ngân hà đứt đoạn, nước từ khe Quỷ Cốc nối thẳng lên trời, như sao băng, như tuấn mã, như tên bay, ngạo nghễ tuôn trào, kinh hồn khiếp vía, lao đến chỗ vách núi hẵng thì tuôn thẳng xuống như một tấm lụa trải rộng treo từ trên xuống, ánh lên lấp lánh. Dòng thác ấy gieo

xuống Long Đàm, tiếng kêu vang dội, rung động cả một vùng núi non. Cột nước nổi bọt như vọt lên trời, tựa như tuyết dồn, như mây tụ, như bông chất thành đống cao. Hai bên khe núi đá lở đất nhào, cả tảng đá lăn đi, cây to bật rễ, bùn đất lao xuống theo. Trong dòng thác cuốn ào ào đó, đôi lúc thấy có cả cây cối và xác muông thú cuốn theo, chỉ trong nháy mắt đã trôi biệt tích. Thác treo, sóng xô, dòng xoáy đục ngầu với khí thế như muốn nuốt chửng cả trời đất, với oai phong như mãnh hổ xuống núi… đã quét qua khe Quỷ Cốc. Kẻ nào dám cả gan đứng ra ngăn cản bước chân của nó lúc này kết quả chỉ có một điều không hơn không kém, đó là diệt vong.

Đấy là bài thi vào học của Điền Vũ, cũng là bài học đầu tiên mà sư phụ dạy cho cậu trong buổi ban đầu. Hai người im lặng quan sát hồi lâu, bỗng nhiên Vương Hử lên tiếng hỏi:

– Này Vũ, từ trong cảnh nước đổ thác reo trước mắt kia, con có cảm nhận ra điều gì trong việc cầm quân đánh trận hay không?

Thấy hỏi vậy, Điền Vũ ra chiều suy nghĩ, rồi lễ phép trả lời:

– Người giữ nước, cần phải có thực lực lớn mạnh về quân sự; người giỏi cầm quân, phải tạo cái thế như Thái Sơn đè đầu, cái oai như thác đổ, nước cuốn nhào tới kẻ địch, khiến chúng không kịp thở, không còn sức chống đỡ, tiêu diệt chủ lực của địch một cách hoàn toàn, triệt để. Muốn đạt được mục đích ấy, quân vừa phải nhiều lại phải tinh nhuệ và mấu chốt là sự sắp xếp chiến lược, một lần xuất kích, đều phải lấy nhiều

đánh ít, lấy khoẻ đánh yếu, tạo nên cái thế mạnh không chống nổi.

Nghe Điền Vũ trả lời như vậy, Vương Hử không nói đúng hay không, chỉ khẽ gật đầu, khoé miệng và đuôi mày hơi lộ ra vẻ hài lòng. Ông nhìn đi nhìn lại từ đầu đến chân cậu bé lễ phép đang đứng trước mặt mình như muốn tìm hiểu lại, nhận biết lại cậu bé này thêm lần nữa; tựa hồ như không tin rằng những nhìn nhận và nghi lễ vừa rồi lại ở miệng cậu bé mười mấy tuổi nói ra.

Bài học đầu tiên như thế là kết quả, buổi sát hạch ban đầu cũng coi như là đạt yêu cầu. Vương Hử đã ngầm cho Điền Vũ một điểm tốt. Tuy nhiên thành tích ấy là chân thực, là tất nhiên hay là điều hư hão, là sự gặp may thì sao? Vương Hử chưa chắc tin cho lắm, ba ngày sau, lại thử thách lần thứ hai, vẫn với đề mục ấy chẳng qua là chỉ biến thông đi chút ít mà thôi. Thầy trò Vương Hử thôi không ngắm thác nước ở Quỷ Cốc nữa. Trên một tảng đá phẳng ở trước cửa nhà, có đặt một hòn đá mài với mấy quả trứng gà, thầy và trò ngồi xếp bằng đối diện nhau. Vương Hử cũng chưa nói gì vội ông đưa tay vuốt chòm râu dài, mắt nhắm lại ngồi im một lúc lâu, cứ như người vào mâm ăn tiệc đang kiên nhẫn chờ rượu và món ăn đưa lên. Nhìn hòn đá mài và mấy quả trứng gà trên tảng đả rồi lại nhìn thầy giáo, Điền Vũ quan sát sắc mặt của thầy, để phân tích trạng thái tinh thần của ông. Đột nhiên, một ý nghĩ loé lên trong óc, không đợi thầy giáo nói gì, cúi xuống nắm lấy hòn đá, lần lượt đập vỡ những quả trứng gà bày trên tảng đá. Vương Hử thấy vậy lúc đầu ngẩn người ra, sau đó cười lên ha hả, cười đến vang cả thung lũng, cười đến nỗi lá cây rơi xuống ào ào, cười đến nỗi chòm râu cước cũng

rung lên theo, vẻ mặt rạng rỡ như bông cúc nở rộ… Cười xong, Vương Hử chìa ra ngón tay cái giơ lên, tấm tắc khen:

– Thằng bé này có thể dạy được đấy!

Một hôm, hai thầy trò Vương Hử và Điền Vũ vác cuốc xẻng đi mãi vào trong một thung lũng. Bên sườn bắc của thung lũng có một giải đất bằng, tuy nhiên cũng đầy những lỗ hà lỗ hố, khấp khểnh gập ghềnh, lưng chừng núi có một đầm nước nhỏ, nước trong veo, bờ đầm cỏ mọc xanh um. Sau khi ngồi nghỉ một hồi, hai thầy trò, một người dùng cuốc, một người dùng xẻng, đào một rãnh ở ngay bờ đầm nước, nước trong đầm theo cái rãnh đó thuận thế chảy xuống phía dưới. Hai thầy trò ngồi ở bờ đầm, từ trên nhìn xuống, xem dòng chảy xuôi.

Chiều sâu của rãnh nước có hạn cho nên nước trong đầm chảy ra cũng có hạn, đến khi nguồn nước khô kiệt, không còn nước chảy cho xem nữa; Vương Hử liền bảo Điền Vũ hãy từ việc này nói lên quy luật cầm quân như thế nào. Phàm việc gì cũng vậy nói về hiện tượng của nó thì dễ, bàn về quy luật của nó mới khó, huống chi ở đây lại lấy việc nước chảy để nói về cách cầm quân? Điền Vũ chau mày nghĩ ngợi, đi đi lại lại trên bãi cỏ, bên tai cậu lúc này không còn tiếng ỳ ầm của thác nước và tiếng réo rắt của chim hót ve kêu, trước mắt cậu không còn là đỉnh núi nguy nga và rừng xanh mênh mông tựa biển, mà chỉ có cảnh chiến trường với ngựa xe lồng lên như bay và tiếng quân sĩ reo hò với bãi cỏ gò đống nhấp nhô và mảnh đất cao thấp ở sườn thung lũng và dòng nước chảy ngoằn ngoèo. Một lúc lâu sau, cậu đã tìm ra quy

luật của việc cầm quân, trả lời thầy bằng một đáp án mà thầy rất bằng lòng. Cậu nói:

– Quy luật của việc cầm quân cũng như sự vận động của nước. Quy luật của dòng nước là tránh chỗ cao, chảy vào chỗ trũng; quy luật dùng binh thì tránh thực đánh hư. Nước sẽ tuỳ đất mà sinh dòng, cầm quân cũng tuỳ giặc mà tạo thế thắng, cho nên việc dùng binh không thể có thế sẵn thường xuyên, như nước vẫn không có hình dáng sẵn từ trước, người nào tuỳ địch biến đổi cái thế của mình mà thắng giặc, nên mới gọi là dùng binh như thần. Quy luật dùng binh cũng như tự nhiên trong trời đất, "ngũ hành" tương khắc tương sinh, bốn mùa thay đổi cho nhau, ngày có khi ngắn khi dài, trăng có khi tròn khi khuyết, sự biến đổi luôn luôn như vậy, là lẽ thường của muôn vật vậy!

Cuối thu, ve sầu trên cây rền rĩ nỉ non, chim hoàng oanh ở trên cao đang tíu tít gọi bầy. Ăn sáng xong, Vương Hử gọi Điền Vũ đến bên, đưa cho cậu một cái cào, một cái xẻng, một cây cung và một bó tên, hẹn cậu trong ba ngày phải săn cho được một đôi chim hoàng oanh, bắt về năm con ve đang lột xác. Vương Hử nhấn mạnh, những con ve lột xác ấy là thứ phải đào từ dưới đất lên chứ không phải tự nó bò ra rồi mới nhặt về. Điền Vũ vâng lệnh ra đi, chẳng những mang theo dụng cụ và vũ khí, còn mang đủ cả lương khô và nước uống. Thế nhưng cậu không hề đi đào ve và bắn chim mà đi vào thung lũng mùa thu cảnh sắc như tranh vẽ để chơi cho thoả thích. Ba ngày sau, quay về với hai bàn tay không. Thầy giáo hỏi tại sao, cậu đáp rằng:

– Kẻ giỏi thủ như chui xuống chín tầng đất sâu, khiến cho địch không nhìn thấy bóng, người giỏi công như hoạt động ở chín tầng mây, cao không thể nào đọ nổi khiến kẻ địch không sao phòng thủ. Cho nên người giỏi công thủ phải vừa có thể tự giữ được mình, lại có thể giành thế thắng, đệ tử làm sao mà bắt được? Phàm những kẻ dễ dãi đào lên mà bắt, đều không phải giữ giỏi, phàm những kẻ giương cung lên bắn rơi, đều không phải là giỏi công. Thắng kẻ không thiện chiến không phải là biết dùng binh, đệ tử không muốn làm, cho nên về tay không ạ!

Những lời lẽ đó khiến cho Vương Hử dở khóc dở cười, tuy làm như thế xem ra có vẻ trò lại trêu cợt thầy, nhưng người làm thầy cũng không thể không nhận ra rằng ra đề không kín kẽ, không thể không chịu phục trước những nhìn nhận khác người và tài hùng biện giỏi giang đó.

Hình như định trả đũa cho sự trêu cợt hôm trước, hôm sau Vương Hử lại nêu ra cho Điền Vũ một vấn đề mới: Có người tự khoe rằng sức khoẻ mình có thể nhấc nổi cái lông tơ, mắt sáng có thể nhìn rõ mặt trăng mặt trời, tai thính nghe rõ cả sấm sét. Vương Hử hỏi:

– Con cho thế có phải là anh hùng không? Điền Vũ khẽ mỉm cười nói:

– Nhấc được lông tơ chưa là sức khoẻ, nhìn mặt trăng mặt trời không phải là mắt tinh, nghe thấy sấm chớp không phải là tai thính. Cũng như người dự kiến thắng lợi không hơn gì những điều mọi người đã biết, người sáng suốt nhất trong những người không sáng suốt; chiến đấu hết sức mình để

giành thắng lợi, thiên hạ đều bảo là giỏi, đó là giỏi trong những người không giỏi mà thôi! Những người gọi là giỏi giang ngày xưa, thường đánh thắng kẻ địch dễ thắng. Cho nên vừa không ai biết đến tên tuổi, lại chẳng có võ công gì, bởi họ giành thắng lợi là chuyện không nghi ngờ gì mà còn có phần nắm chắc, kẻ giao chiến với họ lại là một kẻ địch không bõ đánh một đòn. Người thiện chiến, giỏi giang luôn đặt mình ở thế không thể thua, đồng thời cũng không hề bỏ qua bất kỳ một cơ hội nào để giành chiến thắng. Quân thắng thường trước hết tạo điều kiện giành thắng lợi, rồi sau đó mới đánh; quân bại thì ngược lại, cứ đánh trước đã rồi sau mới may mắn giành thắng lợi. Người giỏi cầm quân, tạo nên nhiều con đường "không thể bị chiến thắng" bảo đảm ở trong vòng tất thắng, cho nên có thể nắm vững vận mệnh của thắng bại.

Đây đâu còn có phải là Điền Vũ trả lời câu hỏi của thầy giáo nữa, mà đây chính là cậu đang trình bầy luận văn về học thuật. Có điều, cậu hầu như là câu trước đá câu sau, lúc thì nhăn mũi coi khinh những kẻ không giỏi công, giỏi thủ, không đáng đánh nên về tay không, lúc thì ca ngợi những người giành thắng lợi vì kẻ địch dễ, là người thiện chiến ngày xưa, thế chẳng hoá ra tiền hậu bất nhất hay sao? Không! Đó chính là phép biện chứng trong đời sống, phép biện chứng trong chiến tranh, kẻ địch lớn mạnh thì có thể làm suy yếu nó, khiến cho nó ở vào thế thất bại, sau mới đánh thắng nó.

Mùa xuân năm sau, gió ấm hiu hiu, nắng xuân dìu dịu, hoa đỏ liễu xanh, chim ca én liệng, một buổi sáng dễ chịu và say đắm lòng người, trên bãi cỏ trước nhà, Vương Hử đang dạy

cho Điền Vũ bài học hoàn toàn mới, trọng tâm của bài học là giảng về sự biến đổi kỳ chính trong tác chiến. Khái niệm về kỳ và chính rất trừu tượng, rất khó lý giải. Vương Hử giảng cho học trò, xưa nay chưa từng giảng giải những khái niệm và lý luận nhạt như nước ốc, mà nói dần từ cụ thể đến trừu tượng, từ thực tiễn nói đến những vấn đề lý luận, phần lớn là gợi mở cho học sinh tự mình đi trừu tượng, tự mình quy nạp, tổng kết, nâng cao… Hôm nay Vương Hử đã bắt đầu từ mặt trời rực rỡ và ánh nắng mùa xuân dịu dàng, nói đến sự xoay chuyển của mặt trăng, mặt trời, sự thay đổi bốn mùa và sự tuần hoàn lặp đi lặp lại của nó. Thứ đến, ông dùng năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen vẽ lên vải trắng những bức hình minh hoạ đủ màu sắc rực rỡ với đủ thể loại, nào là sơn thuỷ, hoa cỏ, chim và côn trùng.

Thứ ba là ông gảy đàn gõ phách, thổi tiêu gõ trống, dùng năm âm thanh công, thương, dốc, chinh, vũ để diễn tấu những khúc nhạc du dương, khúc thì vui vẻ, khúc thì bi ai, khúc thì hờn oán. Thứ tư là ông dùng năm thứ mùi vị là chua, ngọt, đắng, cay, mặn làm gia vị chế biến ra mười món ăn để khoản đãi người môn sinh ông yêu mến này, đương nhiên phần lớn là những đặc sản của rừng núi. Thầy trò nhắm bằng món ngon lạ, uống bằng rượu tự tay cất lấy, vừa ăn vừa chuyện trò, vừa uống vừa tâm sự, mỗi người mỗi câu cùng nhau thảo luận vấn đề kỳ, chính trong cách dùng binh. Cuối cùng, được lệnh thầy, Điền Vũ đã nói lên những điều có tính tổng kết:

– Đại phàm là trong chiến đấu, phần lớn là dùng chính binh chống chọi với địch, và dùng kỳ binh để giành thắng lợi. Cho nên, những tướng soái giỏi xuất kỳ để giành phần thắng,

cách đánh của họ biến hoá vô cùng như trời đất và tuôn chảy không ngừng như sông suối, hết rồi thì lặp lại từ đầu như mặt trăng, mặt trời xoay chuyển, chết đi rồi sống lại như bốn mùa thay nhau. Âm thanh không quá năm loại, sự biến hoá của năm âm thanh đó nghe hay vô cùng, màu cũng không quá năm, nhưng biến hoá của năm màu đó thành những bức tranh đẹp vô cùng. Cũng với năm mùi vị mà biến hoá năm mùi vị đó đi, thành những món ăn ngon miệng vô cùng. Thế trong chiến đấu không ngoài kỳ và chính, sự biến đổi của kỳ và chính cũng mau lẹ khôn lường. Kỳ chính tương sinh, như một vòng quay xoay chuyển không có đâu là đầu, là cuối, nhuần nhuyễn đến cùng tận.

Một ngày giữa hè, Vương Hử mang theo đồ dùng, cung tên, lương khô và nước uống; khoá cửa lại, cùng với Điền Vũ chu du khắp núi này khe nọ, đi tìm cây thuốc. Hai thầy trò trèo đèo vượt suối, tay thì níu, chân thì leo, toàn những chỗ cheo leo hiểm hóc, đỉnh cao khe sâu, bởi những chỗ đó ít người đặt chân đến, những cây thuốc quý mới không bị người ta lấy mất. Thời tiết nóng nực, lưng chừng núi lại không có một gợn gió nào, người ta đi trong rừng cây chẳng khác gì ở trong một cái lồng hấp, ngột ngạt đến khó thở. Tuy tuổi đã cao, trên dưới tám mươi, nhưng quanh năm thường xuyên leo đèo, leo dốc, trèo núi, luồn rừng, chỗ nào cũng từng leo lên, thời tiết nào cũng từng chịu đựng cho nên Vương Hử cũng không cảm thấy mệt mỏi lắm. Điền Vũ thì không thế, ngay từ bé đã sinh ra nơi danh môn lệnh tộc, ở những nơi dinh phủ nhà rộng cửa cao, làm gì đã phải qua cơ cực thế này, làm sao có thể chịu được. Cũng may có được tập tành đôi chút về mười tám ban võ nghệ nên gân cốt khá vững vàng, nếu không lại chẳng mệt rũ ra như gà rơi xuống nước

từ lâu rồi. Điền Vũ đầm đìa mồ hôi, trên mình chỉ mặc một chiếc quần đùi ướt như nhúng nước, dính sát vào người, há hốc mồm, vừa đi vừa thở, bước chân loạng choạng, nhưng không hề tỏ ra thua kém, vẫn theo sát bước chân của thầy, lội hết khe này sang khe khác, leo hết đỉnh nọ tới núi kia. Mãi tới khi thầy bảo nghỉ, mới ngồi bệt ngay xuống chân, ngửa mặt lên đổ kềnh ra, không muốn nhổm dậy nữa.

Đây là một khoảng rừng xen núi đá khuất nắng, nào tùng, nào bách, nào dương liễu, mọc san sát bên nhau ken dày từng lớp. Bởi trong rừng sâu không lọt qua một cơn gió nào, cho nên những hàng cây lớn như đứng im phăng phắc như một đội quân sắp hàng thẳng tắp và không hề động đậy. Từng hàng một, từng lô vuông một, từng đội một, nghiêm túc chỉnh tề, như từng đoàn quân chờ lệnh. Những đỉnh núi nhấp nhô vẫn đứng im, tựa hồ như quá mệt mỏi vì nóng nực nên đang ngủ thiếp đi. Vương Hử cũng đặt mình xuống, thầy trò kề vai nhau, đối mặt nhau như cùng ngủ một giường. Họ nằm thoải mái, ăn qua loa một ít lương khô, rồi ngửa cổ, nghiêng bầu uống nước. Họ vừa ăn vừa nói, hết chuyện cửa, chuyện nhà, lại sang đến chuyện binh pháp. Điền Vũ quá mệt mỏi nói một hồi rồi ngủ say lúc nào không biết.

Gió đã nổi, càng thổi càng mạnh, càng thổi càng hung dữ, càng thổi càng lớn. Gió như lồng lộn trên ngọn cây, như đuổi nhau qua từng khe núi, như gầm réo trong rừng cây, cành khô lá úa bay tơi tả, rồi dần dần như rõ cả tiếng cành cây bị gãy lẫn trong tiếng gió. Gió nổi lên, mây kéo đến từ đỉnh núi trước mặt, mây bay sang như sập xuống, trùm lấy khu rừng. Mây dày đặc, dồn đống như núi. Mây đen sì, như

biến cả khu rừng thành hang động. Mây cuồn cuộn trôi, như sóng dữ ngoài biển lớn. Mây và gió như anh em sinh đôi cùng hùa sức với nhau làm cho đỉnh non u ám, suối khe không được yên. Tiếng sấm ỳ ầm từ xa vẳng tới mỗi lúc mỗi gần, trong nháy mắt đã vần vũ đến ngay trước mặt rồi bỗng nhiên ánh chớp loằng ngoằng loé lên chói mắt rồi tắt ngay, một tiếng nổ đanh giòn như xé tai, khiến đỉnh núi như rung lên và khe sâu âm vang mãi và rừng cây cũng hoà theo, mưa đổ xuống như kín trời, kín đất. Hình như trên những lớp mây kia, bầu trời toàn là nước, khi sét đánh cho mây tan ra, nước từ trên đó ào ào trút xuống. Gió cùng với mưa, như muôn ngàn cây roi, giận dữ quất liên hồi vào đỉnh non, vách núi, quất sông suối và rừng cây… trừng phạt cái thế giới đầy tội ác này. Chỉ sau nháy mắt, lũ quét nổi lên, đỉnh cao thành thác trắng, khe sâu sục sôi, những tảng đá to như nóc nhà lăn ào ào theo dòng nước trông tựa như con mãnh hổ bìa rừng khiến người ta nhìn mà sợ.

Mưa bão y như một kẻ mới mắc bệnh tâm thần, lồng lộn lên, điên cuồng lên một dạo rồi bỗng nhiên trở lại bình thường. Gió dừng, mây tan, trời trong thêm, đỉnh núi như xanh thêm, và nước dưới khe chảy như reo vui len lỏi giữa màu xanh cây rừng bát ngát, thú đùa giỡn nhau trong từng cây, chim cao tiếng hót trên cành lá. Trời cao trong như lọc, xanh đến say người, chim én chao lượn ở tầng thấp, diều hâu xoải cánh trên tầng cao, chúng thả sức thi thố tài năng và sức lực của mình. Chim ó có lẽ tài giỏi nhất, nó bay ở tầng cao nhất, lướt đi cũng nhanh nhất, lại có thể xoè cánh ra trên không, để im phăng phắc một lúc lâu, không hề động đậy, như vậy là nó đang tập trung hết tinh thần để săn mồi, khi phát hiện

ra mục tiêu, bèn nhanh như chớp bổ nhào xuống, con mồi khó thoát khỏi mỏ nhọn và vuốt sắc của nó, chỉ có toi đời!

Mặt trời sắp lặn, phía tây rực rỡ ráng chiều, đằng đông hiện lên một chiếc cầu vồng bảy sắc, chim đang bay về rừng, thú tìm về tổ, ngay cả khu rừng hình như cũng thôi trò chuyện xào xạc, bắt đầu những nhịp thở dài. Ôi! Buổi hoàng hôn ở trong rừng tươi đẹp và yên tĩnh biết bao! Thầy trò họ ngủ lại trong rừng, nhóm lửa nấu cơm ngoài trời, món ăn đều là thịt chim thú thầy săn bắn được, ngon hết chỗ nói. Cơm nước xong, trên bãi cỏ ấy, hai thầy trò gảy đàn, ca hát kể chuyện, vui chơi mãi rồi mới ngủ. Đêm ấy họ ngủ mới ngon làm sao, mới say làm sao. Ngày hôm sau, mãi đến lúc ánh ban mai nhuộm thắm núi rừng, hai thầy trò vẫn còn ngáy ran như sấm.

Ngủ thoải mái một đêm tới nửa buổi sáng, sức khoẻ thầy trò thực sự đã trở lại bình thường. Sau bữa cơm sáng, họ lại tiếp tục cuộc leo trèo lặn lội mới, leo thẳng lên tận đỉnh Mông Sơn, tuy không cao lớn bằng Thái Sơn, không đẹp bằng Dịch Sơn, nhưng độ cheo leo lại hơn hai núi đó xa. Trên đỉnh Mông Sơn có một tảng đá tròn, to bằng cái thớt cối xay. Đá tuy to như vậy nhưng vì nó tròn trùng trục, mặt giáp đất rất nhỏ, thêm nữa bị sét đánh tối hôm trước, đang lung lay muốn đổ. Thầy trò Vương Hử ngồi trên đỉnh núi cao, chỉ chỉ trỏ trỏ, tận hưởng hết phong cảnh buổi sớm trên núi. Bỗng đâu, một con sói xám nhảy lên tảng đá tròn đó, dỏng tai lên và vẫy đuôi liên tục, nhìn bên này, ngó bên kia. Con sói nhảy bên này lại sang bên kia, hòn đá bỗng động đậy và lăn đi. Đất dốc, đá lại tròn, càng lăn xuống càng nhanh, xung lực rất mạnh, thế không gì chặn nổi, cứ lăn như thế mãi xuống

lòng khe, dọc đường làm văng đổ cả cây, văng chết muông thú không biết bao nhiêu mà kể.

Hái thuốc về, không chờ thầy sắp đặt, Điền Vũ dựa vào những điều nhìn nhận thấy, đã viết một bài văn tựa đề là "Nhiệm thế" đưa lên thầy xem. Bài văn mở đầu viết rằng:

"Nước chảy xiết băng đi như bay, xô cho đá lớn cũng phải lăn theo trôi đi, là do thế nó lớn. Chim săn mồi từ trên cao lao xuống, bắt giết con mồi, tiết tấu mau lẹ vậy. Cho nên, người thiện chiến, thế của họ rất hiểm ác, sắc bén không gì ngăn nổi, như dây cung đã căng, tiết tấu của nó ngắn nhưng mạnh, như khi chạm vào lẫy nỏ".

Khi nói đến nhiệm thế như thế nào, bài văn viết: "Người chỉ huy tác chiến, như xẻo gỗ tròn, đặc tính của gỗ đá là đặt ở chỗ bằng phẳng thì nằm yên, đặt ở chỗ nghiêng thì dễ di chuyển, vuông thì nằm yên, tròn thì dễ chuyển. Cho nên, cái thế một người thiện chiến tạo ra, như đá tròn trên ngàn đỉnh nhọn lăn như gió xuống dưới, kẻ nào chặn lại sẽ tan xương nát thịt". Sau khi nói về nguyên tắc và căn cứ để nhiệm thế bài văn lại dẫn ra những nội dung chủ yếu – Khi quân đội hành động với tốc độ nhanh như gió lốc cuộn tới, khi chậm lại thì trầm tĩnh như cây rừng đứng yên. Khi tiến công như lửa đốt. Khi trú quân, im và vững như đồi núi. Khi ẩn náu, như mây đen che phủ không hề nhìn thấy trăng sao. Khi hành động, nhanh như sấm chớp ngàn cân..."

Vương Hủ ngồi xếp bằng, cầm thẻ tre trên tay, đang đọc bài "Nhiệm thế" của học trò Điền Vũ. Tâm hồn ông như bay lên, vẻ mặt tươi cười rạng rỡ, có lúc bật cười lên thành tiếng.

Điền Vũ khoanh tay đứng một bên chờ đợi thầy phê bình chỉ giáo. Bỗng nhiên, từ một góc tối, một con rắn vừa to vừa dài, thân hình lốm đốm bò ra, mổ một nhát vào gót chân Điền Vũ. Cậu rú lên một tiếng rồi ngã lịm, bất tỉnh nhân sự. Vương Hử thấy vậy, sợ tái mét mặt…



Tạo dựng niềm tin

“Tướng lĩnh phải công minh, nhân từ, đứng đắn và tự tin với chính năng lực của mình, bằng cách đó thì quân sĩ mới đồng lòng”.

Để một người kinh doanh thực hiện được câu nói của Tôn Tử thì người đó không chỉ có trí thông minh mà còn phải có nhân cách. Để dẫn dắt một doanh nghiệp đi đúng hướng, người lãnh đạo cần có sự hiểu biết và sự đồng cảm.

CHƯƠNG VII

LƯU LUYẾN TÌNH THÂN

TÌM TÒI KHÁM PHÁ

Vương Hử đang phê duyệt bài văn "Nhiệm thể", Điền Vũ đứng ở bên cạnh, bỗng từ trong bóng tối, một con rắn đầu to đuôi dài, khắp mình lốm đốm bò ra, mổ vào gót chân của Điền Vũ. Điền Vũ rú lên một tiếng rồi ngã lăn ra, bất tỉnh nhân sự. Vương Hử thấy thế, sợ tái cả mặt. Đây là con rắn lạ Vương Hử nuôi để dạy học, sinh ra ở núi Bắc Khưu Hoàn, có tên là "Suất Nhiên", răng có chất độc, cắn vào cây cỏ còn chết huống chi là người với muông thú. Người ta thường nói, thứ nọ thứ kia, bọ nẹt thì có dẻ cùi, thầy Vương Hử bào chế ngay một loại thuốc bằng cây cỏ, có thể giải được nọc độc của "Suất Nhiên".

Trong uống, ngoài đắp, Điền Vũ mới qua được cơn nguy khốn. Tục ngữ có câu "Dao chém rồi lại lành, nhưng tốt nhất là đừng chém", thuốc do Vương Hử chế ra tuy rất tốt, nhưng con người một khi đã trúng phải nọc độc, thì thế nào cũng tổn thương đến cơ thể. Mấy tháng liền Điền Vũ luôn tỏ ra không được phấn chấn, tay chân mệt mỏi, không thiết ăn uống, vết thương bị loét ra, máu mủ nhầy nhụa, vừa đau vừa ngứa, bồn chồn không yên. Vương Hử thừa biết nọc độc này rất ghê gớm, nếu chữa không kịp thời, nọc độc chạy vào tim phổi, chạy lên não, có phải huỷ hoại mất một người tài hay không? Như thế, chẳng những không biết ăn nói thế nào với ông bạn tốt Điền Thư, hơn nữa tất sẽ có tội với lịch sử. Cho

nên ngay từ khi thấy Điền Vũ ngã lăn ra đất mê man đi, Vương Hử mới hồn bay phách lạc mặt như chàm đổ như thế.

Vương Hử đã coi Điền Vũ như con mình sinh ra, săn sóc đến nơi đến chốn, để tâm từng li từng tí, hơn nữa còn lo việc ăn uống đi lại của Điền Vũ với tình cảm của một người chuộc tội, hàng ngày chăm lo thuốc thang, bưng cơm rót nước, chạy ra chạy vào, hỏi han săn sóc. Được Vương Hử tận tâm chữa trị săn sóc, cuối cùng sức khoẻ Điền Vũ đã được hồi phục. Không đợi đến khi có thể xuống khỏi giường đi lại được, Điền Vũ sớm đã hỏi ý kiến nhận xét của thầy về bài “Nhiệm thế”. Vương Hử e rằng sẽ ảnh hưởng đến trí lực của cậu cho nên cứ lần lữa mãi, khuyên cậu hãy chờ khỏi bệnh rồi hãy bàn cũng chưa muộn. Thế nhưng, tính tình của Điền Vũ ngang ngạnh như một con trâu đực, thầy giáo cũng chẳng ép được cậu, đành phải ngồi ngay bên giường bệnh để phân tích giảng giải cho cậu. Một thời gian dài, thấy Điền Vũ cứ nằm nghe như vậy vất vả quá thầy giáo bèn đỡ cậu ngồi dậy, tựa lưng vào bọc hành lý hoặc nhiều lúc để cậu tựa hẳn vào lòng, rủ rỉ bên tai. Vương Hử không phải lấy văn chương nói về văn chương, mà khơi rộng mở ra, lấy những điều cảm nhận qua hơn một năm trời chung sống làm căn cứ để nói về binh pháp, đương nhiên, trọng điểm là nói về nhiệm thế.

Thế của nhà binh giống như nước, nước không có hình dạng cụ thể, nên nhà binh không có thế cụ thể, người có thể dành thắng lợi do sự biến hoá của địch, gọi là thần. Có nghĩa là cầm quân thì không chủ trương ở một dạng cố định, phải biến động không ở hẳn đâu một chỗ, phải vu hồi lắt léo mới đạt được mục tiêu. Giống như sự sinh khắc trong ngũ hành,

sự biến đổi của mặt trăng mặt trời, sự thay đổi bốn mùa... đều là những cục diện hoạt động. Mấu chốt là phải biến đổi theo tình hình địch, để ứng với cái vô cùng, tuyệt đối không để bị ràng buộc bởi những nguyên lý phổ biến và những cách đánh đặc biệt, tuy cũng không ôm lấy cách đánh cứng nhắc không thay đổi, để ứng với vạn biến.

Người cầm quân, phải giỏi về tạo thế, gọi là thế, không phải là hình thức chiến đấu chẳng hạn như kiểu dáng của đội hình hay phương thức chiến đấu ..., mà là cái thái thế có lợi về mặt chiến lược, thế sắp đặt có lợi trong một chiến dịch, khiến cho mình luôn đứng ở thế chủ động, cơ động, linh hoạt, và có nhiều biến đổi có lợi.

Phàm những ai có lực lượng hùng hậu và trang bị hơn hẳn; những ai chiếm giữ địa thế, địa hình có lợi, những ai quân lính được huấn luyện tử tế, sĩ khí hăng hái, những ai có người chỉ huy nhiều mưu mẹo, giỏi nắm thời cơ chiến đấu... thường thường đều có thể tạo nên thế có lợi.

Thế, không phải là thứ có sẵn mà do chiến lược chiến thuật cao sâu của người chỉ huy vun đắp nên, một nghệ thuật chỉ huy vững vàng và tính toán giỏi, một kinh nghiệm chiến đấu hết sức dồi dào, cũng như sự suy nghĩ kỹ lưỡng trên chiến lược chiến thuật... mới có thể tạo nên được.

Người giỏi cầm quân phải thực hiện có thế hiểm, có tình tiết ngắn gọn, điều đó đòi hỏi cầm quần phải linh hoạt, phải giỏi nắm thời cơ chiến đấu; tập trung được ưu thế, binh lực, lấy nhiều để thắng ít, người nào cũng diệt địch, thế đó như thác bay. Ở Quỷ Cốc, như đá nhào ở Mông Sơn, như đá mài đập

trứng; chuyển dùng binh lực được mau lẹ, thời gian chiến đấu ngắn ngủi, tức là đánh nhanh thắng nhanh, giải quyết nhanh, như chim ó từ trên cao bổ nhào xuống đất đề bắt mồi; làm thế nào trong khi vận động mà vẫn diệt được địch.

Ngoài thế hiểm và tình tiết ngắn gọn còn phải nắm thật vững sáu hành động chiến đấu:

Một là mau lẹ, tình hình quân đội chủ yếu là phải nhanh, chậm trễ tất dẫn đến lỡ việc. Cho nên khi thừa chỗ trống trải mà đánh úp, hành động của nó phải như gió lốc như thỏ trốn, khiến cho địch trở tay không kịp, nên không kịp phòng ngừa hoặc chống lại.

Hai là phải yên lặng. Khi cả một đội quân tiến đi, hành động của nó phải yên lặng như rừng cây, hàng ngũ phải ngay ngắn, dáng vẻ phải nghiêm trang khiến kẻ địch mới nhìn đã sợ, không dám đánh úp.

Ba là phải mãnh liệt. Đội quân đi đầu, khi đã vào đến đất địch, hành động phải như một đám lửa, khiến cho bên địch không còn đường nào trốn tránh hoặc ngăn cản lại.

Bốn là phải kín đáo. Ý đồ và phương hướng hoạt động của quân ta, trước khi đưa ra thực hiện, thì sự kín đáo phải như mây đen che phủ cả bầu trời, không nhìn thấy trăng sao, mặt trời, như thế bên địch mới không biết ứng phó thế nào.

Năm là phải vững vàng. Khi thời cơ chiến đấu còn chưa chín muồi, còn đang lựa chỗ dở mà nhòm ngó, thì hành động

phải vững vàng, đứng uy nghi như một quả núi, như thế bên địch mới không dám động đến.

Sáu là phải quyết liệt. Khi ém quân để đột kích, hành động phải như chớp giật sấm rung, nhanh và quyết liệt, khiến kẻ địch hốt hoảng tan rã, không biết phải làm gì, đúng như câu "nhanh như chớp giật không kịp nháy mắt, sấm không kịp bưng tai", như thế, trong khi bên địch hốt hoảng lo sợ, ù tai hoa mắt, thậm chí chân tay còn mất cả cảm giác, sẽ không sao đánh trả được.

Điền Vũ đã khỏi hẳn, cũng may là vết thương không để lại tàn tích hoặc di chứng gì đáng ngại.

Con rắn gây nên tội nghiệt này, đáng phải trừng phạt, thế nhưng đã là loài rắn rết, thì làm sao có thể đôi co với chúng được, Vương Hủ chỉ tự oán trách mình đã không coi giữ cho tử tế, còn con rắn, vẫn phải để cho có phát huy tác dụng, để lấy công chuộc tội.

Một hôm, Vương Hủ mang cái lồng sắt vẫn nhốt con rắn "Suất nhiên" ra – trước đây, nó vốn được nhốt trong cũi gỗ, nó đã cắn gẫy nan cũi, chui ra gây tai hoạ, cắn bị thương Điền Vũ. Từ đó Vương Hủ đã làm ra cái lồng sắt rồi nhốt nó vào đấy, lấy que sắt đập vào đầu nó, nó dùng đuôi ứng cứu, đánh vào đuôi, nó lại lấy đầu bảo vệ, đánh khúc giữa, cả đầu cả đuôi đều đỡ đòn.

Con rắn "Suất nhiên" tuy hung ác, nhưng cũng rất lý thú, Điền Vũ xem đến phát mê và đã nhận cái roi từ trong tay thầy giáo của mình, cũng đánh một lượt như thế, con rắn

cũng vẫn phản ứng như vậy. Đây hoá ra lại là một đồ dùng dạy học rất tốt. Sau khi diễn tả, khiến cho người ta không nói cũng hiểu, người giỏi cầm quân, phải làm sao như con rắn đó, khiến cho ba quân hình thành một thể thống nhất, hoàn chỉnh và gắn bó hữu cơ, các bộ phận có sự phân công không xa rời nhau, khi cần thiết phải có sự ứng cứu lẫn nhau, để cho mình mãi mãi đứng trên thế không thua. Mà đâu chỉ cầm quân mới thế, các loại công việc, chẳng việc gì không thế!

Từ những việc được diễn tả ở trên, có thể thấy rằng, việc giảng dạy của Vương Hử, phần lớn đi từ cảm tính đến lý tính, từ cụ thể đến trừu tượng, từ thực tiễn đến lý luận, đó là quá trình và quy luật nhận thức của loài người. Có lúc cũng bắt tay từ lý luận và thực tiễn dưới sự chỉ đạo của lý luận, thí dụ việc ông giảng giải về “kỳ binh và chính binh” chính là làm như thế.

Chính buổi chiều hôm sau, sau khi trêu chọc con rắn “Suất nhiên”, trên tảng đá xanh giữa sân, thầy Vương Hử đã giảng giải cho Điền Vũ về lý lẽ, về trong “kỳ” thì có “chính”, trong “chính” có “kỳ”, “kỳ, chính” tương sinh, biến hoá vô cùng. Vậy cái gì là chính binh? Nói đại thể, cứ theo nguyên tắc chiến thuật thông thường dùng phương pháp tác chiến chính quy để tiến hành chiến đấu, đều có thể gọi là chính binh. Căn cứ tình hình chiến trường, phải dùng đến mưu kế, đánh vào chỗ địch không đề phòng, xuất kỳ bất ý, đánh cho địch trở tay không kịp. Không áp dụng phương pháp tác chiến chính quy, đều có thể gọi là kỳ binh.

Mưu quý ở chỗ biết dùng kỳ binh; kỳ lại do chính sinh ra, không có chính khó có thể tìm thấy kỳ.

Kỳ ẩn ở chỗ mật, mật không những tránh được tầm nhìn của địch, quan trọng là ở chỗ làm mê loạn tâm trí của địch.

Kỳ với hiểm thường thường là đôi bạn đồng hành, trong lúc nguy nan thì tìm đến chỗ an toàn, ở chỗ hiểm yếu tìm đến thành công, thời gian, địa điểm mà người ta cho rằng không thể giành được thắng lợi, thì thường thường lại là con đường bằng phẳng đi đến thắng lợi.

Không giỏi không thành sách, có giỏi mới nên "kỳ". Trên chiến trường luôn luôn có những dịp ngẫu nhiên, có những dịp may ngoài ý muốn. Những vị tướng có phản ứng trí lực nhanh, thường có thể tiếp được những vị khách bất chợt không mời mà đến, một đích đã trúng rồi, cả cục diện sẽ được thay đổi.

Kỳ sở dĩ gọi là kỳ, vì nó ngoài sự hiểu biết thông thường, quy luật thông thường và phương pháp thông thường, hoạt động không có dấu vết nào cố định hành động rất khó phỏng đoán.

Kỳ mưu là mưu lạ, có thể ngẫu nhiên loé lên trong óc nhưng đó không phải là một sự ăn may, mà là do tư duy đã phá vỡ cái vòng trình tự logic cũ. Đại phàm là những nhà tư tưởng có thể "xuất kỳ binh", đều không câu nệ những phương pháp thông thường, cho nên trên một chiến trường cực kỳ phức tạp, họ có thể nắm bắt được điểm mấu chốt nhất, thuộc về bản chất nhất, để cân nhắc hành động và quyết

sách của mình. Rơi vào cảnh tiến thoái lưỡng nan, họ vẫn có thể phát huy được tư duy sáng tạo, từ một điểm có thể, cho dù chỉ là một phần trăm, họ sẽ suy nghĩ một cách nhảy vọt và không theo quy tắc nào, liên tưởng nhưng không suy xét lại lập tức phá bỏ cái màng lưới của cách nhìn nhận tầm thường, của thành kiến, của cách nhìn lệch lạc cách nhìn nông cạn… chau mày một cái, kế bật ra trong lòng.

"Kỳ tướng quân" – nhà quân sự tài ba, chỉ có nhảy lên mình con tuấn mã đột nhiên và mau lẹ, mới có thể trong cùng một giờ khắc, cùng một địa điểm, tung hoành bốn cõi tạo nên những kỳ tích như trong thần thoại.

Hôm nay xem ra Vương Hử có điều gì hả lòng hả dạ, mà lại vui vẻ nói ra một hồi khiến Điền Vũ nghe mụ cả người, thầy và trò đã ngầm giao kèo phối hợp với nhau, nên dạy và học mới hài hoà thống nhất với nhau như thế.

Điền Vũ hai tay bưng bát nước đưa lên cho thầy, Vương Hử uống say sưa ngọt ngào, lại còn chép chép miệng, như đang nếm một thứ rượu ngon mới cất. Uống nước xong, nghỉ ngơi một lát, Vương Hử vọt đứng dậy, rút kiếm ra khỏi bao, đâm mũi kiếm vào đám cỏ bên tảng đá xanh, vừa đâm vừa nói:

– Khi ta đâm mũi kiếm, dáng đứng ban đầu của võ sĩ là "chính", quay trở lại đâm một nhát nữa, lại tương đương với "kỳ". Danh thủ đứng ở tư thế này, hô lên một tiếng rồi đâm – là "kỳ", đồng thời quay trở lại thế phòng ngự – lại là "chính". Như thế gọi là xuất ở thế "kỳ", mà đứng ở thế "chính". Khi bị người ta đánh lại, quay sang trở thành phản kích, đó chính là ở thế "chính" mà xuất "kỳ". Từ đó thấy

rằng, danh thủ mà đâm kiếm, trong mỗi một nháy mắt đều đang có sự chuẩn bị và chuyển hoá hai thế công và thủ.

"Đâm kiếm là như vậy, chỉ huy cả một cuộc chiến tranh cũng thế". "Chính binh" hợp lại chiến đấu, xuất "kỳ" để giành thắng lợi, hai thứ đó soi dọi vào nhau tạo nên sự kỳ thú. Thể hiện ở phía tiến công, hoặc là kiềm chế chính diện, là chính, vu hồi ở bên sườn, là kỳ; hoặc là hai cánh quân phối hợp, là chính, rồi đột phá ở chính diện, là kỳ; hoặc là giương đông, là chính, nhưng lại kích tây, là kỳ; hoặc để lộ ra ở đây, là chính, nhưng lại đánh ở chỗ kia, là kỳ … Thể hiện ở phía phòng ngự, hoặc là chống chọi chính diện, là chính; nhưng lại kết hợp phía sau làm nguội địch đi, là kỳ; hoặc ngăn cản ở nhiều đường, là chính, tập trung tiêu diệt một đường, là kỳ …

Nếu về mục đích tác chiến mà nói, lấy "chính hợp" để phục vụ cho "kỳ thắng"; Về thủ đoạn mà nói, cái công khai là "chính", sự ngấm ngầm là "kỳ".

Kỳ chính giao hoà với nhau, biến hoá vô cùng, khiến cho địch không lần ra thực hư, không biết ngả nào là "chính binh", ngả nào là "kỳ binh". Bởi vậy trước khi bước vào chiến đấu, kẻ địch cũng chẳng biết nên chuẩn bị thế nào cho tốt, phối hợp làm sao cho đẹp, thích ứng thế nào cho phải, kết quả hễ động đến là y như rằng ở thế yếu. Thế nên tướng tài mới có thể "xuất kỳ" để thắng trận.

Thời giờ thấm thoắt tựa thoi đưa, mới đấy Điền Vũ đã tới Lăng Vân quan gần hai năm trời rồi! Theo phong tục miền Hoa Hạ, học nghề phần lớn lấy thời hạn là ba năm, ấy thế

nhưng mới chưa đầy hai năm, Điền Vũ đã moi rỗng cả kho học vấn và tri thức về mặt quân sự của thầy Vương Hử. Nửa năm trở lại đây, Vương Hử ngày càng cảm thấy việc dạy dỗ Điền Vũ của mình đã lực bất tòng tâm, bởi cậu thông minh đĩnh ngộ hơn người, suy nghĩ mau lẹ, mắt lướt qua đã thuộc ngay, hỏi một hiểu mười, động đến đâu hiểu đến đấy, thường thường đưa mắt lướt qua mặt thầy, quan sát qua lời lẽ và sắc mặt đã cảm nhận và lĩnh hội được hết ý đồ của thầy, hơn nữa, còn sâu sắc, thấu biệt, toàn diện và thấm thía. Sự hiểu biết, học vấn và tài ba của con người muốn thế nào cũng chỉ có một hạn độ nhất định, trước một học trò như thế ai cũng sẽ cảm thấy mình nghèo nàn và bất tài.

Vương Hử ý thức sâu sắc rằng, cứ tiếp tục để Điền Vũ ở bên mình, là làm lỡ làng con cái người ta ra, cho nên đã chớm nảy ra ý định để cậu rời xa nơi này trước thời hạn. Nghề làm thầy, như ông lái đò ngang, đón tới đưa đi vốn là nghiệp dĩ, là hiện tượng bình thường, làm gì có học trò đến học rồi ở lại với thầy suốt đời? Vậy mà Điền Vũ sắp phải ra đi rồi, điều đó khiến Vương Hử cảm thấy như có ai bào sói tâm can, đau đớn không chịu nổi. Không giống như Khổng Tử coi dạy học là nghề của mình, học trò có tới ba ngàn, rải rác khắp trong thiên hạ, thế nhưng học trò của Vương Hử nhận về dạy dỗ cũng không dưới trăm người, trong số trăm người đó chẳng có một ai sánh bằng Điền Vũ. Người đời sau đã coi việc "có được người anh tài trong thiên hạ để dạy dỗ" là một trong ba niềm vui lớn của đời người, họ thậm chí còn sướng hơn là làm "vua thiên hạ".

Sự thực đúng như vậy, tình thầy trò đã nảy sinh ra sự thương mến ruột rà, tình cảm như chân với tay. Thầy giáo

đã dồn hết tâm huyết và niềm tin cậy vào học trò của mình. Sự trưởng thành hoặc làm nên hay đóng góp của học trò là niềm kiêu hãnh, tự hào và hạnh phúc của người thầy và chỉ có những người làm thầy mới thực sự được hưởng tình cảm đó. Những người làm nghề khác, kể cả người cao sang, quyền bính trong tay cũng không thể có quyền hạn và phúc phận đó được. Làm thầy cả đời, cho dù chỉ dạy được một đến hai "anh tài", thì cống hiến của người thầy đó với xã hội với loài người, không thể có một người nào có thể sánh kịp. Bởi những "anh tài" đó sẽ thúc đẩy cả xã hội tiến lên, thay đổi vận mạng của cả một đất nước, một dân tộc và trăm họ, mang lại hạnh phúc cho muôn đời con cháu mai sau.

Vương Hử cho rằng, Điền Vũ chính là một "anh tài" hiếm có trên đời, giờ đây sắp phải chia tay, làm gì ông chẳng thấy bịn rịn quyến luyến, tiếc nuối như mất đi hòn ngọc.

Điền Vũ vốn là một thiếu niên tinh anh nên tâm tư của thầy giáo Vương Hử thế nào; làm gì cậu chẳng nhìn ra. Bởi vậy, gần những ngày này tình cảm của cậu như bị hẫng hụt, suốt ngày ỉu xìu, tựa hồ như người bị ma ám, thường không biết mình đang làm gì, mình đang nghĩ gì. Thế nhưng Điền Vũ ngay từ nhỏ đã là một đứa trẻ có lý trí, nên cậu biết cố kìm nén tình cảm của mình, một mặt cố gắng và khắc khổ học tập, cố làm sao để thầy bớt đau buồn và hao tổn tinh thần, một mặt, ân cần hầu hạ, làm vui lòng thầy, cố hết sức để thầy rút ra được một kết luận.

Có Điền Vũ ở bên mình, cuộc sống thuận tiện thêm rất nhiều. Cậu vốn là người có tính hướng nội, không khéo biểu hiện mình. Hàng ngày nếu không phải hỏi thầy giáo việc gì

hoặc trả lời những câu hỏi của thầy, thì cậu rất ít nói, suất ngày lầm lì, thế mà lúc này cậu luôn chủ động nhiệt tình trò chuyện với thầy, hết chuyện cửa chuyện nhà, lại nói chuyện lịch sử, kể chuyện hoặc hỏi thầy đi sâu vào học vấn. Tất cả những điều đó chỉ nhằm một mục đích duy nhất là làm thế nào để thầy từ bỏ ý định bảo mình ra đi trước thời hạn. Từ khi đến với thế giới loài người, tuy đã sống gần hai chục năm trời, nhưng những người Điền Vũ đã từng tiếp xúc và chung sống thực ra không nhiều: cha thì nghiêm khắc đến mức cạn tàu ráo máng khiến làm con kính trọng mà không dám gần; mẹ tuy rất dễ gần, đáng yêu; đáng kính nhưng lại mềm yếu và bất tài; thầy giáo Trương Phụng Chi tuy học rộng hiểu nhiều, đối xử rất chân thành, nhưng phải cái hoài bão rất hẹp hòi, khí lượng nhỏ bé; thày giáo Phương Bác Cổ thì y như một cái thây được đào trong mộ cổ, cứng nhắc và cũ kỹ đến phát ngấy lên; thầy giáo Triệu Hựu Phúc quả cũng trung hậu thật thà, tâm địa hiền lành nhưng mỗi tội nhu nhược và cổ hủ, thậm chí không xứng đáng là một đấng nam nhi.

Cho đến lúc này, thần tượng Điền Vũ sùng bái tôn thờ trong lòng chỉ có hai người, đó là ông nội mình, Điền Thư và thầy dạy mình, Vương Hử. Nhất là trong những ngày Điền Vũ bị rắn cắn rồi nằm liệt giường, sự săn sóc bù trì và chăm lo mọi đường của thầy Vương Hử với Điền Vũ đã vượt xa sự nhân từ của một bà mẹ. Phải nói rằng: Không có thầy Vương Hử thì không có mạng sống của Điền Vũ lúc này. Nếu nói về mặt này, ơn đức của thầy Vương Hử còn trên cả ông nội. Nghĩ trước nghĩ sau, làm sao Điền Vũ chẳng thấy thầy Vương Hử gắn bó với mình như keo sơn, khó có thể chia lìa nhau.

Làm một người bề trên lớn tuổi, Vương Hử không thể làm việc theo cảm tình. Ông cần phải hiểu được đại nghĩa, thấy được những cái lớn lao. Qua nhiều phen dằn vặt và mấy lần lau nước mắt, cuối cùng ông đã nêu ra một vấn đề mà cả hai bên đều không muốn tiếp nhận. Cái giờ khắc khiến cả thầy lẫn trò đều phải rưng rưng mắt lệ đó, cuối cùng cũng vẫn do Vương Hử vạch ra. Thời gian này, Vương Hử nhiều khi đã làm trái với lòng mình kể cho Điền Vũ nghe về lý lẽ ở trên đời này chẳng bao giờ có thể xảy ra những buổi tiệc không tàn, ngay như con chim én trước hiên nhà, chim sẻ dưới mái nhà kia cũng vậy, sau khi chúng đã đủ lông đủ cánh rồi, vẫn phải xa cha xa mẹ, huống chi là con người tìm thầy học nghề? Nhân quần trong thiên hạ, có hợp tất có tan; các quốc gia trong thiên hạ có phân ly tất có hợp. Hợp tan phân hợp, cũng xuất phát từ tự nhiên như mặt trăng mặt trời thay đổi cho nhau, cái thế phải làm, bất tất phải đau lòng rơi lệ. Điều hệ trọng hơn là sau khi trò rời khỏi đây, phải mài sắc chí tiến thủ, cố gắng để học rộng hiểu nhiều, để mai sau đủ sức chọi cùng sóng lớn, cứu vớt muôn dân, đem hạnh phúc cho thiên hạ. Được như thế, làm thầy cũng được an ủi và ấm lòng lắm rồi… Vương Hử khuyên Điền Vũ chớ nên thương tâm rơi lệ, nhưng chính mình nói đến đâu thì nước mắt ứa ra đến đó. Mỗi khi như thế, hai thầy trò lại ôm lấy nhau mà khóc ròng, nước mắt chan hoà.

Vương Hử lại lặn lội nơi núi cao rừng thẳm, giương cung lên săn bắn, kiếm những đặc sản ngon nhất của núi rừng để làm một bữa ăn tiễn biệt Điền Vũ.

Hai thầy trò lại lần nữa dốc bầu tâm sự suốt ba ngày đêm, trong Lăng Vân quan, ánh đèn nhợt nhạt sáng sáng lại hoà chung vào ánh sáng ban mai.

Điền Vũ phải ra đi, Vương Hử đưa tiễn học trò hết chặng này sang chặng khác, cho đến lúc đưa ra khỏi khe Quỷ Cốc, núi Nghi Mông. Dọc đường, Vương Hử đinh ninh dặn dò Điền Vũ, về đến nhà phải cố công tổng kết các cuộc chiến trong lịch sử, bỏ sức lực đi khảo sát chiến trường xưa, tự mình phải đi tìm tòi, khám phá, sáng tạo, phát hiện những điều mình cần phải biết.

Hai năm, với hành trình của một đời người chẳng qua chỉ như một nháy mắt, vậy mà trong hai năm ấy, Điền Vũ đã lớn bật thành một chàng trai chững chạc và khoẻ khoắn. Về đến nhà, những người lớn tuổi thấy chàng thì mừng không để đâu hết, lớp trẻ hơn gặp mặt, ai cũng tỏ ra kính nể, cả nhà chung hưởng niềm vui lớn trong đời.

Những ngày đầu mới gặp lại, từ trên xuống dưới thế nào cũng có chuyện hỏi han tình hình từ ngày chia tay nhau tới giờ, rồi chuyện cuộc sống ở nơi ăn học, những gì thu lượm được sau thời gian học nghề, tập võ. Tuy từ trước tới giờ vốn là người ít nói, vậy mà hôm nay Điền Vũ lại tỏ ra khác thường, hào hứng sôi nổi hết khoe về Quỷ Cốc lại kể về Nghi Mông, nhất là nói rất nhiều rất kỹ về thầy Vương Hử mà mình vốn sùng kính. Khoảng mươi hôm sau, được sự đồng ý của ông nội và cha mẹ, tuân theo lời dặn của thầy, Điền Vũ bắt đầu một chặng đường mới gian nan là tìm đọc lịch sử chiến tranh và khảo sát những chiến trường cổ xưa.

Trước hết, Điền Vũ đi khảo sát Quỳ Khưu.

Quỳ Khưu là một làng thôn ở phía bắc Thương Khưu kinh đô nước Tống. Từ kinh đô nước Tống đến Quỳ Khưu phải đi năm ngày đường. Đây là nơi rất hẻo lánh, rất nhiều cây liễu, mặt đất phủ dày một lớp cát trắng. Trên đồng cát nhô lên mấy cái gò cao, khắp các gò lại phủ đầy cát trắng, một gốc cây nhỏ cũng không mọc nổi, nhưng giữa gò nọ với gò kia lại điểm xuyết một ít cây liễu tạo nên một khung cảnh u nhã êm đềm, cả vùng đồi gò này gọi là Quỳ Khưu.

Năm 651 trước công nguyên, chư hầu các nước tranh quyền bá chủ trung nguyên do Tề Hoàn công đứng đầu cùng các nước Lỗ, Tống, Trịnh, Vệ … đã họp nhau ở Quỳ Khưu, ký kết minh ước là không thay đổi tuyến đê giữ nước Hoàng Hà.

Lúc bấy giờ khi ký kết minh ước, đều lấy súc vật làm vật hy sinh, cử hành nghi thức truyền thống là "sáp huyết", nhưng hội nghị Quỳ Khưu lại không làm hành động cao cả nghiêm trang ấy, mà chỉ đặt tờ minh ước cùng lễ với con vật bị trói mà thôi.

Trước khi có minh ước, dòng nước Hoàng Hà ào ào gây nên không biết bao nhiêu "chiến tranh", mỗi lần như thế là một lần tàn phá ruộng vườn, huỷ hoại nông trang, khiến cho muôn ngàn người dân vô tội tan cửa nát nhà, lưu lạc bốn phương.

Minh ước Quỳ Khưu ký kết hơn trăm năm sau, thời đại đổi thay, minh ước ấy lại càng được thực hiện nghiêm chỉnh, nước Hoàng Hà không còn lần nào dám hoành hành. Ngay

cả những khi chiến tranh liên miên, đất nước chẳng một ngày nào yên, nhưng thế gian vẫn còn có một thứ để trông cậy.

Điền Vũ vừa khảo sát vừa xem sử sách.

Đầu đời nhà Chu, Văn Vương tu thiện tích đức, thiên hạ đều thần phục. Ngu, Nhuế tranh lợi, chẳng nước nào nhường nước nào, thế là vào nước Chu, nhờ Văn Vương bình luận và phán xét giúp. Vào qua biên giới nước Chu, thấy người cày ruộng nhường bờ cho nhau, tục lệ của dân thì người dưới nhường người trên, người của nước Ngu, nước Nhuế thấy vậy xấu hổ không biết lánh mặt vào đâu, quay sang bảo nhau: "Ta tranh nhau thế, chỉ tổ cho người nước Chu họ cười cho, nay có gặp Văn Vương, cũng chỉ là để nghe lời cười chê". Chưa kịp gặp Văn Vương, họ nửa đường quay lại, nhường nhịn lẫn nhau. Văn Vương dấy đội quân nhân nghĩa, lần lượt chinh phạt Khuyển – Nhung, Mật Tu, nước Kỳ, nước Hàn, như gió thu cuốn lá vàng chẳng bao lâu thống nhất được thiên hạ.

Vũ Vương phạt Trụ, quân của Trụ tuy nhiều nhưng không muốn đánh, chỉ nghển cổ trông ngóng đội quân nhân nghĩa đến sớm. Vũ Vương đến, dân chúng cơm nắm cơm đùm đi đón, quân Trụ bảo nhau bó giáo quy hàng hoặc quay mũi giáo đánh trợ lực cho Vũ Vương. Vũ Vương động đến đâu, quân Trụ tan rã đến đó.

Thời Xuân Thu, vì nước Trịnh đồng minh với nước Tấn, Sở vương đem quân đánh nước Trịnh. Quân Sở vây nước Trịnh

ba tháng, Trịnh đã dâng thành hàng Sở. Sở vương vào đến hoàng môn; Trịnh Tương công cởi trần dắt dê ra đón.

Những sự thực lịch sử ấy nói với Điền Vũ rằng, quân đội nhân nghĩa là vô địch trong thiên hạ. Sau này trong cuốn "Binh pháp" của mình, Điền Vũ đã nhấn mạnh rằng dấy binh phải từ lòng nhân, cầm quân nên có nghĩa.

Năm 627 trước công nguyên, Tần Mục công giao Mạnh Minh làm đại tướng, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính làm phó tướng, dẫn quân về phía đông với ý đồ bất ngờ đánh úp nước Trịnh. Nước Trịnh có một gã lái trâu tên là Huyền Cao, hắn lùa hơn ba trăm con trâu bò đến Lạc Dương để bán. Đi đến bến Lê Dương, từ miệng một người bạn cũ, mới ở nước Tần về, cho biết tin tức là nước Tần sắp đem quân đi đánh nước Trịnh, dự định ngày mười hai, tháng mười hai sẽ cất quân, không lâu nữa sẽ tới nơi.

Là một chí sĩ trung với vua hiếu với nước, Huyền Cao muốn giải mối nguy này cho đất nước. Khi khốn khó bỗng ló ra mưu, Huyền Cao một mặt sai người quay lại, đi ngày đi đêm để về kinh đô báo tin cho nhà vua biết, một mặt cải trang thành sứ giả, chọn lấy hai chục con trâu bò béo nhất lùa đi, còn lại gửi quán trọ trông giúp, rồi tự thắng một cỗ xe đi thẳng đến chỗ quân Tần. Đi đến Diên Tân nước Hoạt thì gặp quân Tần, theo lễ tiết của sứ thần, Huyền Cao gặp được Mạnh Minh là chủ tướng quân Tần và nói rằng: Vua nước tôi nghe tin ba vị tướng quân mang quân đến đây, nên đã chuẩn bị sẵn một chút lễ mọn, cử tôi đến đây đón rước và thăm hỏi các vị. Vì chúng tôi kẹt vào giữa các nước lớn, luôn luôn bị quân đội nước ngoài xâm lấn, cho nên lúc nào cũng

phải khí giới xe ngựa sẵn sàng, tướng sĩ biên phòng không lúc nào được lơ là, khí giới luôn luôn bên mình, các vị có thấy xin cũng đừng làm lạ và đừng để ý làm gì. Mạnh Minh nghe xong, bỗng giật mình kinh hãi, hắn thấy quân lính của mình mệt mỏi, từ phương xa ập đến với ý định là đánh vào chỗ người không phòng bị, nay nước Trịnh đã biết tổng hành động này rồi, lại đã chuẩn bị đầy đủ các mặt như thế, đánh vào cũng khó thắng. Thế là quân Tần thay đổi kế hoạch, tiện tay vơ vét một mẻ nước Hoạt, rồi rút quân về nước, tâu trình sự việc với Tần Mục công.

Năm 634 trước công nguyên, nước Tấn liên quân nước Tần đánh nước Trịnh. Là nước nhỏ nằm kẹt giữa hai nước lớn, nước Trịnh tuy có liên minh với nước Sở, mong nước Sở đem quân đến cứu viện. Tuy nhiên nước Sở lại sợ oai hai nước Tần, Tấn, không dám xuất quân cứu nước Trịnh đang cơn nguy ngập. Vua nước Trịnh biết vị lão thần Chúc Chi Vũ là một nhà ngoại giao lão luyện, có tài hùng biện, lại có gan, nên đã cử Chúc Chi Vũ xuống khỏi thành lầu, đi thẳng đến trại quân Tần xin gặp Tần vương. Tần vương đã tiếp kiến Chúc Chi Vũ. Chúc Chi Vũ nói với Tần vương rằng: “Nước Tần tham dự vào việc vây nước Trịnh, không biết là tại làm sao?” Tần vương nói: “Nước Tần tham dự chinh phạt nước Trịnh, là giúp nước Tấn thảo phạt kẻ đã vong ân bội nghĩa, đó là một hành động chính nghĩa”. Chúc Chi Vũ lại nói: “Với nước Tấn, nước Triệu quả là có điều thất lễ, nhưng đối với nước Tần hùng mạnh thì lại dốc lòng kính phục, sùng bái hết mức. Tần vương vẫn là một đấng minh quân hiền đức, nay lại giúp nước Tấn từ xa mang quân đến đánh úp.

Trịnh với Tần hai nước cách xa nhau muôn núi ngàn sông, đánh Trịnh, sau khi mất nước Trịnh, thì nước Tấn sẽ chiếm lĩnh, như thế nước Tấn sẽ hùng mạnh thêm. Tấn với Tần là hai nước láng giềng của nhau, sau khi nước Tấn hùng mạnh rồi, đối với nước Tần há lại chẳng phải là mối đe doạ chờ sẵn đó sao? Cho phép thần được nói thẳng, hành động này của đại vương, chính là tự gọt chân mình, nước mình, làm sao không khiến người ta lo lắng cho được? Tấn lại không phải là nước biết điều tín nghĩa, nhớ chuyện xưa Tấn từng hứa cho Tần đất Tây Hà, sau rồi lại tự nuốt lời hứa, điều binh khiển tướng, đe doạ đến an toàn của nước Tần. Đại vương sáng suốt như thế sao lại có thể để một láng giềng như hổ như sói thế? Theo ngu ý của thần, nước Tần tốt nhất là rút lui ngay ra khỏi cuộc chinh phạt này, bãi binh quay về hướng Tây, như vậy nước Tần sẽ có trăm cái lợi mà không có cái hại nào. Tần bãi binh rút về phía tây, Trịnh nguyện làm nước bảo hộ cho Tần, sau này Tần tiến ra trung nguyên, có phải lợi biết bao nhiêu không?” Những câu nói đó của Chúc Chi Vũ đã thuyết phục được Tần vương, hai bên ngầm cam kết với nhau, chủ động rút quân. Nước Tấn thấy Tần rút quân, Trịnh và Sở hai nước vẫn liên minh với nhau, nước Sở tất cho quân tiếp viện, Tấn không đủ sức một mình đánh nhau với Sở, đành chịu bẽn lẽn cúp đuôi lui quân, cuộc vây Trịnh chẳng đánh cũng tan.

Năm 656 trước công nguyên, Tề Hoàn công liên hiệp các nước đồng minh với mình là Lỗ, Tống, Trần, Trịnh, Vệ, Hứa… cùng nhau đánh nước Sở. Trong tình trạng quân đã áp sát biên giới, Sở tuy là nước khá hùng mạnh, cũng hiển nhiên ở vào thế bí. Sở vương liền sai sứ giả đến giao thiệp với quân Tề, chất vấn Tề Hoàn công. “Ông ở Bắc Hải, ta ở

Nam Hải, đôi bên chẳng có gì dính líu va chạm với nhau. Không hiểu ông mang quân can thiệp vào đất của ta là cớ làm sao?" Quản Trọng trách hỏi nước Sở tại sao không triều cống Chu thiên tử, đồng thời còn chất vấn đến chuyện cũ Chu Chiêu vương bị chết đuối ở Hán Thuỷ. Sứ thần nước Sở đáp rằng: Chuyện thứ nhất là lỗi lầm, lập tức sẽ khôi phục lại việc triều cống, còn về cái chết của Chiêu vương, thì nước Sở không chịu trách nhiệm. Nước Tề không hài lòng với những câu trả lời đó, tiếp tục tiến quân.

Sở vương lại sai sứ giả Khuất Hoàn tiếp tục giao thiệp với quân Tề. Tề Hoàn công đã bầy liên quân ra thành trận thế, đe doạ Khuất Hoàn, đòi hỏi phải ký ngay bản điều ước với nội dung có lợi cho nước Tề. Khuất Hoàn không chịu lép vẫn cứng cỏi trả lời: "Nhà vua nếu dùng sức mạnh, nước Sở sẽ lấy Phương Thành để làm thành, lấy sông Hán Thuỷ làm trì, quân nhà vua có đông cũng chẳng làm gì được". Đó quả thật là những lời lẽ ngoại giao thẳng thắn và khúc triết, Tề Hoàn công không thể không ký kết bản hoà ước mà không phải điều nào cũng có lợi cho mình rồi rút quân.

Đọc mãi, đọc mãi, Điền Vũ thấy xuất hiện hai sự việc xảy ra ngay trong triều đình lúc này.

Nước Yên nước Tấn liên quân lại tấn công nước Tề, nước Tấn đánh đất A Quyên, nước Yên xâm phạm Hà Thượng, quân Tề thua to. Cảnh công lo sợ, Yến Anh tiến cử Nhương Thư. Cảnh công bổ nhiệm Nhương Thư làm đại tướng, ra lệnh cho ông này mang quân đi chống chọi với quân Yên và Tấn. Cuối cùng do Nhương Thư giữ nghiêm pháp lệnh, yêu

thương quân lính, quân Tấn nghe thế bãi binh, quân nước Yên thấy vậy vượt sông mà trốn.

Bảy tám năm trước đó Yến Anh đã đem quân Tề đánh nhau với quân Tấn, quân Sở, để ra oai của nước Tề, trong đó ba vị tướng là Công Tôn Tiệp, Điền Khai Cương, Cổ Dã Tử là người có công lớn nhất!

Sau khi chiến tranh kết thúc, ba vị tướng ấy cho mình là người phi thường, hách dịch vênh váo. Đại công thần thực sự như Yến Anh lại khiêm tốn lễ độ, ba ông tướng kia lại càng không coi ai ra gì, không coi trời đất pháp luật ra gì, thế là kỷ cương phép nước bị rối loạn, không còn ngày nào được yên hàn nữa.

Một hôm, Cảnh công cho vời Yến Anh nói: "Ba tướng Công Tôn Tiệp, Điền Khai Cương, Cổ Dã Tử không coi pháp luật ra gì, không thể tiếp tục mãi thế này được. Theo thái tể thì nên làm thế nào?"

Yến Anh sớm đã không thể nhịn được, thấy hỏi vậy, liền lập tức trả lời: "Không phải không biết đến công trạng của ba người, nhưng nghĩ là nghĩ cho nước cho dân, phải trừ ba kẻ hung bạo này đi càng sớm càng tốt mới được!"; "Ái khanh với trẫm không mưu mà hợp – Cảnh công vuốt nhẹ chòm râu bạc, trên mặt để lộ ra nét hài lòng và nói tiếp: "Việc này để ái khanh xử lý thôi!" Yến Anh đáp: "Thưa đại vương! Xin vâng!"

Vua tôi hiểu nhau, mệnh lệnh cũng dứt khoát, trả lời cũng gọn gàng!

Ngày hôm sau, Yến Anh sai người ra vườn hái về hai quả đào, đặt vào chiếc đĩa ngọc thật đẹp, sau đó mời ba ông tướng kia đến nói: “Nước Tề ngày nay, đều trông cậy vào ba vị tướng quân anh dũng giết giặc nơi chiến trường biên giới, nay có hai trái đào thơm, không nỡ ăn một mình, nên mời ba vị đến đây cùng thưởng thức. Đáng tiếc là đào ít mà người nhiều, cho nên chỉ giành cho hai vị có công lớn được ăn” – Yến Anh chỉ mấy quả đào trong đĩa ngọc nói tiếp: “Đào ở đây ai tự cho rằng có công nhất, xin cứ đến lấy mà ăn!”

Yến Anh còn chưa nói hết câu, cả ba người cùng bâu cả lại, cùng một lúc đưa tay vồ lấy đào, kết quả, Công Tôn Tiệp và Điền Khai Cương mỗi người vồ được một quả, Cổ Dã Tử chộp hụt, giận quá hoá cùn, hét lên: “Các người có tài có đức quái gì, mà lại dám cầm đào mà ăn…”

Hai ông tướng vồ được đào nghe nói cứng họng, lát sau quay ra vặc lại: “Còn ngươi thì có cái gì ghê gớm, mà dám lồng lộn lên trước mặt thái tể?”

Ba người cãi nhau, mỗi người một câu, chẳng ai nhường ai, một lúc một thêm kịch liệt, cuối cùng cả những câu tục tĩu khó lọt tai nhất cũng với nước bọt cũng được văng ra bắn tung bốn phía.

Yến Anh không hề thay đổi sắc mặt, ngồi im một bên, mãi lúc lâu sau mới bảo: “Ba vị tướng quân oai phong lẫm liệt, thật khó biết ai hơn ai kém, tốt nhất là lấy sổ sách ghi chép chiến công ra mà so để bì cao thấp.”



Yến Anh

Yến Anh nói thế, đã có người lấy từ trong tủ ra bản ghi chiến công, bầy trước mặt ba ông tướng. Yến Anh lại nói tiếp: “Chiến công của ba vị, đều ghi hết ở đây thì cứ lấy sổ này mà so sánh cao thấp thôi!”

Yến Anh làm như vậy, đương nhiên cả ba ông tướng đều không có ý gì khác.

Theo sự ghi chép về chiến công, sở dĩ Công Tôn Tiệp và Điền Khai Cương lập được công lớn như thế, đều là nhờ ở quân tiếp viện của Cổ Dã Tử hăng hái diệt địch.

Đang giữa lúc tranh cãi kịch liệt, Công Tôn Tiệp và Điền Khai Cương đã ăn hết đào thơm từ lâu rồi, lúc này nhè không ra, moi không được nữa, thẹn đến nỗi không có lỗ nẻ mà chui cho thoát, ngay đêm ấy lần lượt tự tử chết. Hôm sau, Cổ Dã Tử được tin hai ông tướng kia đã chết, hổ thẹn quá chừng, không còn mặt mũi nào nhìn thấy người đời, cũng dùng bội kiếm tự kết liễu đời mình.

Yến Anh không dùng vũ lực, nhẹ nhàng khử được ba tên tướng bệnh hoạn hại nước hại dân.

Đêm khuya, Điền phủ rộng thênh thang, khắp nơi đều im phăng phắc, chỉ có căn phòng Điền Vũ là vẫn còn leo lét ánh đèn. Điền Vũ đi đi lại lại một mình trong phòng, trong óc đang xáo trộn lên các sử liệu vừa đọc trong ngày và câu chuyện Tề Cảnh công với Yến Anh. Thoáng một cái, tình hình của buổi “đại hội đấu bảo” cùng hình tượng người cha ùa vào trong đầu óc chàng. Sự thâm nghiêm của Tấn Dương Cung, sự bá đạo của Tấn Bình công, mặt mũi cú vọ của Triệu Vũ, những viên châu báu lấplánh muôn màu ở sảnh đường, vẻ chính khí hiên ngang của cha mình và dáng điệu thảm hại nực cười của vua tôi nước Tấn… Những cảnh ấy, những hình ảnh ấy và cả những tư liệu lịch sử và hiện thực, tất cả nhảy múa, lấp loáng, đan xen trước mặt Điền Vũ, biến thành ánh mây hồng rực rỡ và ánh ngày ngời ngời, quầng sáng màu da cam hắt lên và chiếu vào người chàng, trùm lấp chàng, khiến cho trái tim Điền Vũ thoáng đạt và rộng mở hơn. Chàng vội vàng lấy bút lên viết những điều nhìn nhận như sau:

“Bách chiến bách thắng là ở người giỏi trong những người không giỏi; quân không đánh mà khuất phục được người; giỏi trong những người không giỏi vậy. Cho nên trước hết phải đánh bằng mưu, sau đó là đánh bằng ngoại giao, thứ ba là đánh bằng quân lính sau cùng mới là đánh thành”.

Đó là điểm cơ bản về lý luận trong binh pháp của Điền Vũ, là chủ tuyến của tư tưởng quân sự.

Nói cho cụ thể ra, nó bao hàm nội dung của ba mặt sau đây: Thứ quân làm gục người khác mà không phải đánh, hai là lấy thành người ta không phải công, ba là phá nước người khác mà không cần lâu.

Muốn đạt được mục đích ấy, phải có thế nước vững mạnh như núi đồi, có một binh lực khiến người khác nghe thấy oai đã mất mật; phải xây dựng một đạo quân nhân nghĩa không những quân dân nước mình vui vẻ mà theo; ngay cả dân chúng của nước bị đánh cũng cơm đùm cơm nắm ra đón; phải có nhà mưu lược quân sự thiên tài và nhà ngoại giao cừ khôi.

Điền Vũ mắt không rời sách, chân không dừng bước, vẫn tiếp tục đọc lịch sử chiến tranh, khảo sát chiến trường cổ xưa, tìm tòi, khám phá để thu lượm mọi thứ cần thiết cho mình.



Vô trung sinh hữu

+ Giải nghĩa: Không có mà làm thành có
+ Điển cố: Trong Trận Phì Thủy, để khỏa lấp sự chênh lệch lớn về quân số, Tạ An, Tạ Huyền tung quân Tấn tấn công sớm lực lượng quân Tần của Phù Kiên để tạo ra cảm giác rằng quân Tấn đông đảo không kém gì quân Tần, lại gửi thư cho Phù Kiên để nghị lui quân Tần để Tấn sang sông, quyết chiến một trận. Quân Tần trong khi lui quân vì hỗn loạn nên đội hình tan rã, giẫm đạp lên nhau mà chết rất nhiều (Phong thanh hạc lệ, Thảo mộc giai binh: tưởng tiếng gió, tiếng hạc, cỏ cây là quân Tấn đang tiến công).

CHƯƠNG VIII

CHÁU ĐI KHẢO SÁT ÔNG ĐÁNH NƯỚC CỬ

Điền Vũ đến khảo sát Ô Điều.

Y Doãn là đại thần đời Thang Thương của nước ta cách đây ba ngàn năm trước, tên chức quan là "a hoành" tương đương chức Tể tướng kiêm quân sư các triều đại sau này. Để thăm dò thực lực quân sự Hạ Kiệt, Y Doãn đã hiến kế sách lên Thương Thang rằng:

– Thực lực của Kiệt mạnh đến đâu, sức kêu gọi của nó lớn tới đâu, chúng ta đều chưa biết. Có thể ta chống không cho Kiệt chở đồ tiến cống, mà chọc tức họ, để họ đánh ta, qua đó mà dò hư thực.

Thương Thang tiếp nhận ý kiến đó của Y Doãn, không chở đồ tiến cống cho Kiệt nữa, quả nhiên Kiệt tức giận, điều quân Cửu Di đi đánh Thang Thương. Y Doãn nói:

– Nếu Kiệt có sức kêu gọi, thì chớ nên giao chiến.

Thế là Thang vội vàng xin lỗi Kiệt và đưa bù nhiều hơn vật tiến cống đẹp và lạ hòng để cho Kiệt bớt giận.

Năm sau Thang lại chống triều cống, Kiệt giận dữ hơn, lại định điều quân Cửu Di. Cửu Di phản đối việc gây chiến hàng năm, mệt quân mà hao tài tốn của, không nghe lệnh điều

động, cuối cùng Kiệt chỉ thu gom quân lính của Tam Di đi đánh Thang được thôi. Y Doãn hiến kế nói:

– Kiệt không còn sức kêu gọi nữa, quân sĩ của Tam Di sĩ khí không cao, sức chiến đấu không mạnh, xin hãy mau mau mang quân đi đánh trả ngay.

Thế là Thương Thang liên hiệp với quân của các chư hầu, mai phục ở Ô Điều, nhử địch vào vòng chiến, rồi tiêu diệt toàn bộ quân địch, xây dựng lên vương triều nhà Thương. Đó chính là trận Ô Điều diễn ra vào năm 1763 trước công nguyên.



Y Doãn

Trận Ô Điều đã nói với Điền Vũ rằng: Tướng soái cần phải biết lường thời lựa thế, chờ thời cơ diệt địch.

Đường biên giới quan trọng giữa nước Sở nước Tống là Hoàng Hà: Chi nhánh của nó là sông Hoàng Thuỷ đã từng là một chiến trường ngày xưa quân đội hai nước Sở, Tống giao chiến.

Lúc bấy giờ hai bên đóng quân ở hai bờ sông, quân Sở có chừng hai mươi vạn, quân Tống chỉ có năm vạn. Thế nhưng không kể quân đông hay ít, vượt sông ngay trước mắt địch mà sang, là điều ngu xuẩn nhất, ấy thế mà quân Sở lại khinh địch nghênh ngang cho lính vượt sông.

Mưu sĩ của nước Tống bấy giờ là Tử Ngư, thấy quân Sở vượt sông thì mừng vội tâu vua nước Tống:

– Quân Sở ngu dốt, nghênh ngang vượt sông, xin đại vương ra lệnh đánh, rất có thể thừa cơ tiêu diệt hết bọn chúng.

Tống Tương công vốn sẵn dạ từ bi, lắc đầu bảo:

– Tuy đối địch thật nhưng làm sao lại có thể hạ lệnh đánh khi quân địch đang qua sông chứ.

Sau khi quân Sở qua sông, thế trận bỗng rối loạn lên, Tử Ngu lại lần nữa tâu lên vua Tống:

– Dịp may không thể bỏ qua, xin đại vương ra lệnh đánh ngay ạ!

Tống Tương vương vẫn lim dim mắt không nói; ý vẫn không muốn ra lệnh đánh, và còn nói:

– Tuy là địch, nhưng quân đội bày thế trận còn chưa ổn định, quân tử đâu há lừa lúc người ta nguy khốn mà đánh…

Tử Ngư không nhịn được nữa, bực bội nói:

– Chiến tranh là quyết một phen sống chết, trên chiến trường sao còn giữ được lòng bi chí – Nói xong phất tay áo, bỏ đi.

Kết quả trận Hoằng Thuỷ, đương nhiên là quân Sở chẳng cần mấy hơi sức diệt hết được quân Tống – đó chính là kết quả của cái gọi là “lòng nhân kiểu Tống Tương”.

Nếu nói về điều kiện tự nhiên của Hoằng Thuỷ, thì ngay khi quân Sở vượt sông, Tống Tương công nên dứt khoát quả quyết ra lệnh đánh, thì quân Sở sớm đã chui vào bụng cá sạch sành sanh chẳng còn một mống. Nhưng vua nước Tống lại để cho lòng nhân làm chậm trễ, làm lỡ mất thời cơ giành thắng lợi, kết quả là thất bại thảm hại.

Điền Vũ bồi hồi quanh quẩn mãi ở bờ sông Hoằng Thuỷ, trong đầu đang phân tích giữa lòng nhân và chiến tranh. Con người ta khác với muông thú ở chỗ có một trái tim nhân ái, bởi thế lòng nhân phải có, nhưng lòng nhân không thể dùng ở mọi nơi mọi lúc. Nhân là tấm lòng từ bi của con người, quá trình chiến tranh tuy thủ đoạn có khác nhau, nhưng mục đích của chúng thì lại nhất trí với nhau, tức là dùng chiến tranh để ngăn chặn những hành vi hiện tượng

bất nhân, tiêu diệt kẻ bất nhân, nhân mới có thể lan truyền khắp trong thiên hạ. Những người mong dùng thuyết giáo để thi hành nhân chính, chẳng qua chỉ là một ước vọng tốt đẹp, một ảo tưởng không sát với thực tế mà thôi.

Khảo sát xong chiến trường xưa ở Hoằng Thuỷ, Điền Vũ trở về quán trọ, ghi lại những điều mình sáng tỏ ra về lý luận binh pháp: “Không lợi dụng thoả đáng những điều kiện có lợi về địa điểm giao chiến, tất sẽ thất bại thảm hại”.

Sở Trang vương thời kỳ đầu mới nối ngôi, đắm đuối vào tửu sắc không để tâm gì việc triều chính, tình thế đất nước ngày một suy thoái. Sau được các lão thần như Ngũ Tham, Tô Tòng nhiều lần can gián, mới sửa đổi thói hoang đàng chuyên tâm trị nước, chiêu tập được nhiều người hiền ở Ninh Hải là Tôn Thúc Ngao phong cho làm lệnh doãn. Để củng cố vương quyền, chấn hưng uy tín đất nước, Tôn Thúc Ngao đã khuyên can nhà vua đánh nước Trịnh. Nước Trịnh vốn bị kẹt vào giữa hai nước Tấn, Sở, lại kết đồng minh với Tấn. Nước Sở có đánh nước Trịnh, nước Tấn tất sẽ cứu viện, những cũng không thể nào kéo hết cả quân đội nước mình đi, nước Sở tất sẽ dễ dàng đánh bại viện binh nước Tấn, uy danh sẽ vang xa. Trang vương chấp nhận lời can gián, giao cho Tôn Thúc Ngao làm nguyên soái, Ngũ Tham, Tô Tòng, Phạm Sơn, Quan Việt làm tứ đại tướng quân, thống lĩnh hai mươi vạn quân đi chinh phạt nước Trịnh.

Trịnh vốn là nước nhỏ, chỉ trong vòng ba hôm đã bị quân Sở bao vây chặt. Tấn Thành công biết tình thế nước Trịnh quá nguy cấp, vội lệnh cho Trần Lâm Phụ làm nguyên soái, thân chinh đem mười lăm vạn quân chi viện nước Trịnh đánh Sở.

Chẳng may vừa xuất phát được hai ngày, Tấn Thành công chết trận. Để khỏi làm tăng khí thế quân Sở, nước Tấn đã sai tướng đưa linh cữu Thành công về kinh, đồng thời đại quân vẫn tiếp tục hành tiến. Mười mấy ngày sau, đã đến bên bờ Hoàng Hà. Lúc ấy nước Trịnh không chờ đợi thêm được nữa, đã đầu hàng quân Sở. Sau khi nhận đầu hàng, quân Sở lập tức kéo quân về nước. Trần Lâm Phụ biên chế lại quân đội, lệnh cho Tiên Cốc làm tiên phong, Nguy Kỳ, Triệu Chiên, Triệu Anh, Triệu Quát làm đại tướng, vượt sông Hoàng Hà. Tiên Cốc tính khí thô bạo, vừa vượt qua sông, lập tức bám sát phía sau quân Sở. Lúc này, quân Sở đã hành quân đến đất Tất, các tướng đều hoang mang. Trang vương rất không yên lòng, nguyên soái Tôn Thúc Ngao thì tin chắc như đinh đóng cột, đã phân tích nhược điểm của địch và ưu thế của quân Sở:

Một là sĩ khí cao, là yếu tố thứ nhất để quyết thắng, quân Tấn vừa bắt đầu ra quân đã bị chết vua, sĩ khí tất giảm sút.

Hai là chủ soái của địch, là Tuần Lâm phụ thiếu lực thống soái, lại không am hiểu về binh pháp.

Ba là tiên phong của quân Tấn, là Tiên Cốc có tâm lý về công lợi rất nặng, tính khí lại thô bạo, với mọi người thì kiêu căng, không hợp với các tướng lĩnh khác.

Bốn là giữa đường hành quân, đã thay đổi biên chế quân đội, hệ thống truyền lệnh chắc chắn là chưa được xác lập.

Thứ năm là quân ta vừa đánh bại quân Trịnh, sĩ khí còn hăng, quân địch thì sĩ khí sa sút, thế nên về mọi mặt quân ta đều chiếm ưu thế.

Ngũ Tham hoàn toàn đồng ý cách nhìn nhận của Tôn Thúc Ngao, còn bổ sung thêm:

– Nước ta từ xưa đến nay đều bị nước Tấn coi khinh, nay có thể nhân cơ hội này rửa nỗi nhục ngày trước.

Thế là Trang vương hạ lệnh tổng công kích. Ngũ Tham cử quân tiên phong đón đầu đánh cho quân Tấn một đòn đau. Tôn Thúc Ngao dẫn chủ lực quân Sở vòng đến Hoàng Hà phục sẵn ở đó. Tôn Thúc Ngao trù tính rằng: sau khi Ngũ Tham tiêu diệt xong đội quân tiên phong của địch; quân địch còn lại sẽ chạy trốn ra Hoàng Hà, chủ lực quân Sở mai phục ở đây tất sẽ tiêu diệt được toàn bộ quân địch. Có người đã dị nghị về cách bố trí như vậy: Nếu quân địch mai phục ở đấy trước ta, thì quân ta sẽ thất lợi. Tôn Thúc Ngao đã trả lời dứt khoát: Không thể như thế được, vì tiên phong quân địch là Tiên Cốc, người này tính nóng như lửa, kiêu căng khinh địch, háo hức lập công, quyết không thể có đủ kiên nhẫn nấp ở một khe suối nào đó mà đợi quân Sở, trong khi chưa biết nó sẽ đi đâu.

Tôn Thúc Ngao đã dẫn chủ lực của quân Sở mai phục ở một khe núi vừa sâu vừa hẹp gọi là Bình Để là cái đít chai – đợi quân địch đến để tiêu diệt chúng.

Đúng là không ngoài dự đoán của Tôn Thúc Ngao, Tiên Cốc quả nhiên bị trúng vào ổ phục kích. Khi chừng một phần ba

số quân Tấn đã lọt vào vùng "đít chai", quân Sở bỗng nổi trống reo hò xông ra khỏi rừng cây, hăng hái xông lên giết địch. Lát sau, tiếng đao kiếm, tiếng ngựa hý, tiếng người kêu rú liên tiếp bên tai, chém đầu Tiên Cốc ở dưới xe, toàn bộ quân Tấn bị tiêu diệt hết.

Đọc đến đoạn lịch sử chiến tranh này giữa quân Tấn và quân Sở, Điền Vũ rút ra được một câu kết luận như thế này: "Biết người biết mình, mới có thể trăm trận không thua".

Điền Vũ đến Thành Bộc. Năm 632 trước công nguyên, Tấn Văn Công đem quân ba nước Tấn, Tề, Tần cứu nước Tống, từng quyết chiến ở đây với quân Sở đang vây quân Tống.

Trước khi giao chiến, vua tôi nước Tấn đã phân tích phán đoán rất tỉ mỉ các nhân tố có lợi và bất lợi của cả hai bên. Trong sử viết:

"Mùa đông, con vua Sở cùng các chư hầu vây Tống. Công Tôn Cố nước Tống là cháu của Tống Trung công cùng Như Tấn cáo cấp. Tiên Chẩn sau này là nguyên soái trong quân Tấn, nói: "Báo ơn và cứu người hoạn nạn (vì khi Tấn Văn công sống lưu vong, từng được nước Tống giúp đỡ) lấy oai, lại xác định được vị trí bá chủ, chính là ở việc này." Hồ Yển (là tướng nước Tấn) nói: "Sở mới được Tào, lại mới kết hôn với Vệ nếu đánh Tào, Vệ, Sở tất đến cứu, còn Tề, Tống thì lại thoát nạn (đây cũng là nguyên tắc sớm nhất vốn mang trong việc vây Ngụy cứu Triệu sau này)".

Trung tâm tư tưởng của Tiên Chẩn ở đây là muốn nhân dịp này, gây một cuộc chiến tranh để xác lập bá quyền. Sách

lược của Hồ Yển lại cho rằng: Sở vừa mới thống trị Tào, lại có quan hệ thân thích với nước Vệ, nếu trực tiếp tiến công Tào, Vệ thì Tề, Tống sẽ thoát khỏi ách xâm lược của Sở. Tấn Văn công đã tiếp nhận sách lược này.

Mùa xuân năm sau, nước Tấn đem quân đi đánh nước Tào nước Vệ, đều giành thắng lợi, nhưng quân Sở vẫn tiếp tục vây Tống. Nước Tống lại sai Môn Doãn Ban đến chỗ quân Tấn cáo cấp. Tấn Văn công nói: "Người Tống đến cáo cấp, nếu bỏ qua không tìm cách cứu giúp, thì e hai nước sẽ đứt mất quan hệ ngoại giao, nói với nước Sở là không hoà giải, ta muốn đánh. Còn Tề, Tần tại sao không xuất quân?". Tiên Chẩn đáp: "Giả sử người Tống bỏ ta, ta đút lót Tề, Tần mượn cớ đó đến nói với Sở? Ta nắm được vua Tào, lại lấy ruộng đất đã phân cho Tào, Vệ ban cho người Tống. Sở yêu Tào, Vệ tất sẽ không ưng cho làm thế. Tề Tần hí hửng vì được hối lộ và căm ghét nước Sở ngoan cố, như thế lại không đánh nhau sao?" Sách lược này của Tiên Chẩn quả thật là sáng suốt, chẳng những tranh thủ được Tề, Tần, lại còn chọc tức được nước Sở, buộc họ không thể không đánh. Như vậy sẽ đạt được mục đích "lấy oai mà xác định vị trí bá quyền". Tấn Văn công hoàn toàn làm theo ý Tiên Chẩn, hình thành một thế chiến lược vô cùng có lợi trước khi bước vào chiến đấu.

Khi cuộc chiến bắt đầu, nước Tấn hạ lệnh cho quân đội dưới quyền dùng da hổ trùm lên mình ngựa kéo xe, trước hết tiến công vào hữu quân của nước Sở. Hữu quân của Sở do hai quân đội hai nước đồng minh là Trần, Thái hợp lại với nhau, sức chiến đấu rất tồi, gặp phải trận đòn xuất kỳ bất ý thế này, lập tức tan rã. Để dẫn dụ rồi tiêu diệt tả quân nước Sở sức chiến đấu tương đối yếu, chủ tướng thượng quân của

Tấn là Hồ Mao sau khi đụng độ đã cố ý kéo hai lá cờ trắng dẫn xe vờ lui, chủ tướng hạ quân là Loan Chi cũng lệnh cho các chiến xa ở phía sau kéo cành cây ở sau xe làm bụi mù đường lên, ngụy trang là thua chạy. Thống soái quân Sở là Tử Ngọc không biết đó là mưu kế, hạ lệnh đuổi theo. Nguyên soái quân Tấn là Tiên Chẩn chỉ huy chủ lực của trung quân thừa cơ đánh cắt ngang quân Sở, thượng quân của Tấn cũng quay lại hiệp đồng, tả quân của Sở phần lớn bị tiêu diệt hết. Tử Ngọc vội vàng hạ lệnh rút lui, mới giữ được trung quân trốn về đất Sở.

Khảo sát chiến trường xưa ở Thành Bộc, Điền Vũ thấy có ba điều tâm đắc:

Một là trước khi bước vào chiến đấu, phải phân tích cuộc chiến một cách nghiêm túc, tỉ mỉ và toàn diện, sau đó mới có thể nêu quyết tâm, vạch ra từng bước đi, tuyệt đối không được ứng chiến bừa bãi.

Hai là nghiệm lại lời dạy của thầy Vương Hử khi ở khe Quỷ Cốc: Hình thái quân sự giống như nước; hình thái của nước là tránh chỗ cao mà chảy xuống chỗ trũng; hình thái quân sự là tránh chỗ thực mà đánh vào chỗ hư.

Thứ ba là việc quân sự không ngán gì dối trá.

Từ Thành Bộc, Điền Vũ đi đến Trường Chước nước Lỗ. Năm 684 trước công nguyên, nước Tề tấn công nước Lỗ, đánh nhau ở Trường Chước. Lúc đầu, Lỗ Tráng công không chờ cho quân Tề mệt mỏi, đã dóng trống ra trận, bị Tào Quệ khuyên ngăn lại. Đợi đến lúc quân Tề thúc trống ba lần, đợt

tấn công bị bẻ gẫy, cờ xí đổ, xe ngựa loạn xạ. Tào Quệ nói, có thể phản kích được rồi. Thế là quân Lỗ phản kích mạnh mẽ, đánh bại quân Tề. Sau trận đó, Lỗ Tráng công hỏi Tào Quệ lý lẽ tại sao đánh thắng, Tào Quệ nói: “Kẻ dũng phu ra trận, đầy dũng khí đấy, một hồi trống còn hăng, hồi thứ hai đã giảm sức, hồi thứ ba thì kiệt sức, nó kiệt sức ta đang hăng, nên ta thắng”.

Từ cuộc chiến Trường Chước giữa nước Tề và nước Lỗ, nhất là từ những lời lẽ chắt lọc của Tào Quệ, Điền Vũ đã rút ra được một luận điểm nữa về binh pháp: Chỉ huy tác chiến, phải tránh chỗ sắc bén của địch, đánh vào chỗ ươn hèn của chúng.

Năm 781 trước công nguyên, nước Trịnh tấn công nước Vệ, nước Yên đem quân đi cứu viện, đụng độ với quân Vệ ở Bắc Chế. Nước Trịnh đem ba quân bố trí ở mặt chính của quân Yên, một bộ phận khác đánh lén vào ngang sườn và phía sau. Quân Yên chỉ chăm chú phòng vệ ở chính diện, bị quân Trịnh đánh bất ngờ ở sau lưng, kết quả là thua to.

Thời Tề Hoàn công, đại tướng của Man tộc Lệnh Hữu vương và Hồ Trúc vương lần lượt mang mười vạn quân hợp lực xâm phạm nước Tề. Tề Hoàn công vội vàng triệu kiến tướng quốc nổi tiếng bấy giờ là Quản Trọng, bàn bạc xem nên đánh lại như thế nào. Quản Trọng nói: “Quân của Man tộc lực lượng hùng hậu, nếu đánh chính diện tất khó thắng nổi. Nếu cắt đứt được tuyến chi viện ở sau lưng địch, rồi phá huỷ kho lương của chúng, thì ba vạn quân tinh nhuệ của ta có thể địch nổi hai mươi vạn quân địch.”

Quản Trọng sai đại tướng Cao Khê dẫn một vạn quân mai phục ở mé tây núi Thiên Trụ, cắt đứt đường tiếp viện của địch. Tôn Quản Thu mang năm ngàn binh mã đến Hạc Tử Cốc đốt kho lương của địch.

Đại tướng Tân Tư Vô dẫn hai vạn quân đón đánh địch ở chính diện, đánh úp vào ban đêm. Quân Tề phía trước cho người nộm bằng rơm thật to đi tiên phong, đại quân núp sau những người rơm đó mà đẩy lên. Giờ phút tiến công đã đến, Tân Tư Vô mang hai vạn quân, trong đêm tối dóng trống hò hét, làm cho quân Man giật mình tỉnh giấc giương cung bắn loạn xạ. Quân Tề đã được chuẩn bị trước, tên của quân Man toàn bắn vào những người rơm, chẳng ai bị sây sát gì. Quân Man dần dần trở thành một lũ ô hợp, chạy tán loạn bốn phía. Tiếp đó Cao Khê mai phục ở phía sau, dẫn một vạn quân tinh nhuệ, chặn những cứ điểm quan trọng quân Man sẽ đi qua, chém giết đám quân lính tan tác bỏ chạy. Tôn Quản Thu mang năm ngàn binh mã đến Hạc Tử Cốc đốt sạch kho lương của địch. Lúc tảng sáng, toàn quân đột kích đã giết sạch hơn một vạn tên còn lại của quân Man.

Khảo sát chiến trường xưa ở Bắc Chế và đỉnh Thiên Trụ, Điền Vũ tổng kết ra được một điều lý luận thế này: “Phàm là trong chiến đấu, lấy chính hợp, lấy kỳ thắng. Cho nên người nào giỏi xuất kỳ, thì sẽ bao la như trời đất, không cạn như sông ngòi.”

Năm 700 trước công nguyên nước Sở đánh nước Giảo, quân Giảo giữ thành không ra, quân Sở bèn dùng những người gánh củi không có lính hộ vệ để dụ quân Giảo, để cho người Giảo bắt được ba mươi người của Sở. Thấy có mối lời, ngày

hôm sau quân Giảo ra đông hơn. Lúc bấy giờ, quân Sở phục sẵn ở chân núi mới bất ngờ xông ra, đánh bại quân Giảo.

Trận đánh này xem ra rất giản đơn, nhưng từ trong đó, Điền Vũ lại rút ra được một điều về lý luận binh pháp: "Lấy những lợi ích nho nhỏ để nhử mồi và lôi kéo được địch; lấy quân mai phục chờ thời cơ tiêu diệt địch."

Năm 615 trước công nguyên, nước Tần đánh nước Tấn, nước Tấn cử Triệu Thuẫn làm trung quân nguyên soái đến Hà Khúc đón đánh. Nhằm đúng đặc điểm quân Tần phải viễn chinh ra nước ngoài, khó có thể giữ lâu được, nên quân Tấn đã áp dụng phương châm "đóng lì trong đồn luỹ" chờ chúng rút mà đánh. Do đánh lâu không thắng, quân Tần quyết định rút lui nhưng để giữ kín ý đồ đó, sai sứ giả dùng lời lẽ cứng rắn, hẹn quân Tấn hôm sau lại đánh. Ý đồ đó của quân Tần bị Du Biền, một phó tướng của thượng quân Tấn phát hiện ra, đề nghị nhân lúc chúng rút lui hãy đem quân chia cắt mà đánh. Nhưng do những người như thượng đại phu Triệu Xuyến … phản đối nên đề nghị ấy không được thực hiện, để cho quân Tần ngay trong đêm ấy rút lui an toàn.

Trận đánh này đã nói với Điền Vũ rằng: "Kể cả bên địch có sai sứ giả đến dùng những lời lẽ cứng rắn đe doạ và trong hành động cũng tìm ra vẻ ép sát, đấy thường thường lại là dấu hiệu của sự rút lui."

Năm 645 trước Công nguyên, nước Tần, nước Tấn đánh nhau ở Hàn Nguyên, do không thuộc địa hình, quân Tấn đã để chiến xa sa vào vùng lầy lội, không tiến lên được, toàn quân bị tiêu diệt, Tấn Huệ công bị bắt sống.

Năm 589 trước công nguyên, Tề Khuynh công bị quân Tấn đánh thua, trong khi rút lui cũng không thông thạo địa hình, chiến xa bị cây rừng cản lối không tiến lên được, thương vong rất nặng nề, Khuynh công suýt nữa bị bắt.

Hai ví dụ này trong chiến tranh đều nói lên một điều trong chiến đấu, thông thuộc địa hình là một yếu tố vô cùng quan trọng, Điền Vũ đọc xong cũng đúc rút ra một điều: "Nói về địa hình, nó giúp ích nhiều cho quân đội. Liệu địch mà thắng nó, tính toán đến sự hiểm trở, xa gần, đó là cái đạo của chủ tướng vậy. Biết điều đó mà vận dụng vào chiến đấu; tất sẽ thắng, còn ai không biết điều đó mà đánh thì chỉ có thua."

Ngày xưa Triều nhà Thương hưng thịnh, là do biết trọng dụng người làm quan từ thời nhà Hạ là Y Doãn; nhà Chu hưng thịnh, là do biết trọng dụng bầy tôi tại triều là Lữ Nha. Từ đó Điền Vũ rút ra được một điều quy luật: "Cho nên những bậc minh quân, hiền tướng, biết dùng những người có trí cao mưu sâu làm nội gián, thì công lớn sẽ thành, đó cũng là việc hết sức hệ trọng trong việc cầm quân chiến đấu, cả một đạo quân đều dựa vào tin tức do gián điệp cung cấp áp dụng hành động".

Lặn lội đường dài hơn hai năm trời, Điền Vũ lại quay về Lâm Tri để báo cáo lại với ông nội. Một hôm, Điền Vũ ra phía tây kinh thành Lâm Tri, thuận theo dòng Thời Thuỷ đi lên theo hướng tây bắc, đến khảo sát chiến trường xưa mà trong sử gọi là "Trận Cán Thời"

Năm 685 trước công nguyên, Tề Hoàn công mới lên ngôi, tranh chấp ngôi vua với công tử Trợ. Lỗ Tráng công thân chinh mang quân đi đánh nước Tề. Quân Lỗ đi tới chân thành ở biên giới nước Tề, thấy cổng thành đóng im ỉm, trên thành gươm đao tua tủa như rừng, canh gác rất nghiêm ngặt, rất nhiều binh lính tay cầm cung tên, mặt đằng đằng sát khí. Quân Lỗ hô vang, trên thành vẫn chẳng ai nói ai rằng, Lỗ Tráng công thấy cảnh đó tự dưng nổi nóng ầm ầm, lập tức ra lệnh công kích thành. Đại tướng Tào Mạt đi trước hết dẫn mọi người leo thang mây lên mặt thành, hươ cây hoá kích, một lúc giết chết hơn chục tên lính Tề. Quân Lỗ được thể lũ lượt leo lên mặt thành. Tướng giữ thành quân Tề thấy thế, huýt gió một tiếng, quân Tề lập tức rút xuống khỏi thành, lên xe bỏ thành mà chạy. Quân Lỗ mở toang cổng thành, chiến xe rầm rộ vào biên thành nước Tề. Lỗ Tráng công ra lệnh thừa thắng truy kích, đến thẳng Lâm Tri. Dọc đường, chốc chốc quân Lỗ lại nhặt được khí giới, đồ dùng quân Tề vứt lại, hầu như không còn có thể gặp sự ngăn cản nào của quân Tề nữa, cứ thế xông thẳng vào, rất nhanh đã đuổi đến Thời Thuỷ (hay còn gọi là sông Cán Thời).

Thời Thuỷ là con sông nằm ở phía tây kinh đô Lâm Tri nước Tề, thuận theo thế đất chảy từ nam lên bắc và đổ vào Lạc An. Ở phía tây bắc Lâm Tri chừng mươi dặm, ngang sông có một cây cầu gỗ, đây là đường từ nước Lỗ đi sang kinh đô nước Tề là Lâm Tri, hai bên sông tuy chẳng có núi cao vách đứng nhưng ngòi lạch lại chằng chịt, cây cối mọc kín đất, chiến xa không còn đường nào khác để đi.

Quân Lỗ đuổi tới bờ sông, thấy cầu trên sông đã bị dỡ bỏ đi rồi, nhưng nước sông thì không đến nỗi nước chảy cuồn

cuộn, cho nên vội lệnh cho chặt cây bắc cầu. Qua cuộc hành quân đường dài, quân Lỗ đã mệt mỏi lắm rồi, nay nghe thấy Lỗ Tráng công hạ lệnh, cũng chẳng dám nghỉ ngơi, lập tức chia nhau vào rừng chặt cây rồi chuyên chở, qua một hồi vất vả, khó khăn lắm mới bắc được cây cầu tạm. Quân Lỗ đang vừa định nghỉ ngơi một lúc, bỗng thấy từ bờ sông bên kia, hàng chục cỗ chiến xa quân Tề đang lớn tiếng hò hét định xông sang bờ bên này. Thấy số quân Tề không đông lắm, Lỗ Tráng công cười lạnh lùng rồi hạ lệnh cho Tào Mạt dẫn quân qua cầu.

Tào Mạt là một viên mãnh tướng, có sức khoẻ hơn người, hắn hô một tiếng, rồi là người đầu tiên đánh xe qua cầu, quân Lỗ phía sau cũng nhao nhao ùa lên, xông về phía quân Tề. Quân Tề bắt đầu giương cung bắn trả, quân Lỗ mải xông lên trước nên chết khá nhiều. Nhưng quân Lỗ mỗi lúc một nhiều, quân Tề không chống cự nổi, tháo lui hết đợt này đến đợt khác.

Thấy quân Tề tháo lui, Lỗ Tráng công mừng như mở cờ trong bụng, luôn mồm hô hét: “Mau! Mau qua cầu! Xông thẳng đến Lâm Tri, giết cho không còn một đứa trẻ con nào, để cho ta hả giận…” Xem ra có đến một nửa số chiến xa của quân Lỗ đã qua cầu, không ngờ, khi “nhung xa” của Lỗ Tráng công vừa đi tới đầu cầu bỗng nghe thấy tiếng “ì ùng” rất lạ vang lên, Tráng công ngẩng đầu lên nhìn, bỗng thấy từ thượng du nước sông như một con rồng khổng lồ đang vùng vẫy phun bọt trắng, cuồn cuộn lao tới, cùng lúc ấy, lại thấy ở hai bên cầu phía bờ bên kia, từ trong rừng, từ các ngòi lạch vang lên tiếng hò la ầm ĩ, trong nháy mắt, xông ra vô số quân Tề, cả đám quân Tề rút chạy ở phía trước, cũng đột

nhiên quay xe lại, đánh tới. Từ ba mặt, quân Tề vây chặt đám quân Lỗ vừa qua sông, lại còn hai cánh quân Tề nữa ở hai bên xông thẳng đến đầu cầu, nhằm thẳng vào đám quân Lỗ đang ở trên cầu mà bắn tên. Chiến xa quân Lỗ ùn lại trên cầu, tiến không được mà lui cũng chẳng xong. Lỗ Tráng công bỗng sợ đến vàng cả mắt, đứng ngây ra một chỗ như gỗ như đá tạc ở đấy. Cũng may mưu sĩ Thi Bá ở cạnh nhà vua lệnh cho võ sĩ Tần Tử và Lương Tử đẩy những chiếc xe cản đường phía sau xuống sông để "nhung xa" của Lỗ Tráng công quay được đầu chạy về.

"Nhung xa" của Lỗ Tráng công vừa đi đến đầu cầu, bỗng nghe thấy một tiếng "ùm" rất lớn, cây cầu gỗ bị nước cuốn phăng đi mất. Nhìn những con sóng hung dữ cuồn cuộn dưới sông, Lỗ Tráng công bất giác đưa tay lên gạt những giọt mồ hôi đầm đìa trên trán mình, lại nhìn sang đám quân Lỗ ở bờ bên kia, đang bị quân Tề chia cắt ra làm mấy đoạn, đằng chết, đằng bị thương. đằng thì tàn phế, tên nào sống sót cũng bị bắt sống hết…

Khảo sát xong chiến trường xưa ở Cán Thời, Điền Vũ đã đúc kết ra vài điểm lý luận về binh pháp.

Một là lấy kẻ nghỉ ngơi đánh người mệt mỏi.

Hai là nếu quân địch vượt sông mà tới, đừng có đợi chúng qua hẳn rồi mới đánh, nên đánh ngay khi chúng đang còn ở giữa dòng, sẽ có lợi hơn.

Hơn hai năm nay, Điền Vũ cứ ban ngày thì lặn lội bôn ba khảo sát các chiến trường xưa, đến đêm mới lui về nơi quán

trọ hẻo lánh, phủ phục dưới ánh đèn tù mù, hoặc là đọc lịch sử chiến tranh, hoặc chỉnh lý những điều đã đọc, ghi chép kết quả khảo sát, lần lượt tập hợp được hàng chục quyển. Đương nhiên, những ghi chép và cảm nhận đó đều vụn vặt và nông cạn sau này cần phải tập trung thời gian và tinh lực để chỉnh lý, sửa chữa, hệ thống và nâng cao.

Để khoe khoang thế nước hùng mạnh, và cũng để đe doạ chư hầu, năm 523 trước công nguyên, Tề Cảnh công muốn tuần du xuống phía nam tới nơi biên cương xa xăm, sau đến Thái Sơn để phong thần, tế trời lễ đất, bày tỏ với thần linh rằng nước Tề là nước lớn ở phía đông, hiện lúc này đang quốc thái dân an, vua nước Tề hiện nay không hổ thẹn là con cháu của Hoàn công…

Từ Lâm Tri đi theo hướng nam, chưa tới một trăm dặm là đến vùng núi Thái – Nghi, vùng này vốn do thế núi hiểm trở, đường đi gập ghềnh, xe đi vô cùng vất vả lại thêm mấy năm liền mưa lụt, đường núi nhiều chỗ bị sạt lở. Để đảm bảo chuyến tuần du xuống phía nam được thông đồng bén giọt, ngay từ đầu mùa xuân, Tề Cảnh công đã sai sứ thần đến nước Cử, giao cho Cử Cộng công tổ chức dân công, sửa chữa đường sá. Cử là một nước nhỏ, sớm đã là nước phụ thuộc vào Tề, hàng chục năm nay, đối với nước Tề luôn tỏ ra ngoan ngoãn, bảo thì nghe nói thì làm, chưa bao giờ dám tỏ ra bướng bỉnh. Ba bốn năm gần đây, lại năng đi lại với nước Sở (chắc nước Cử định dựa vào đấy để khỏi phải lo sợ chăng) vì thế nên lạnh nhạt quan hệ với nước Tề. Đối với mệnh lệnh của Tề Cảnh công về sửa chữa đường sá, Cử Cộng công tuy vâng vâng dạ dạ nghe theo, nhưng lại lần lữa không chịu bắt tay vào việc.

Mùa hạ qua, mùa thu tới, ngày tuần du phương nam của Cảnh công sắp tới, nước Cử không hề có ý lo lắng đến công việc. Tin tức truyền đến tai, Tề Cảnh công nổi trận lôi đình. Đúng lúc đó lại có đại thần ngoại giao dâng sớ, nói nước Cử đã ba năm nay bỏ không tiến cống, thật đáng ghét lắm thay, không đánh không thể hiện được cái oai của nước Tề, diệt nước Cử để tăng thêm khí thế. Tề Cảnh công đang tức nước Cử đầy một bụng, sớ tấu này của đại thần ngoại giao chẳng khác gì như đổ dầu thêm vào lửa, thế là lập tức ban ngay chiếu chỉ, sai Cao Phát đem quân đi đánh nước Cử, để dạy cho nước này một bài học. Quân Tề đi đánh nước Cử chẳng khác gì như hổ vào lán cừu, quân Cử mới nghe đã sợ mất mật, chưa đẩy đã đổ tan tác tơi bời... Mấy ngày sau quân Tề đã tới kinh đô nước Cử. Cử Tử không dám đưa quân ra đón đánh, mới nghe tin đã bỏ thành mà chạy đến Kỷ Chương. Cao Phát kéo quân về triều, do không bắt được Cử Cộng công nên bị biền chức, Tề Cảnh công lại cử Điền Thư đi đánh dẹp. Điền Thư gửi quân lệnh trạng lên Tề Cảnh công bày tỏ rằng nếu không bắt sống được Cử Cộng công, thì sẽ tự xách đầu mình đến gặp nhà vua.

Kỷ Chương là một thành ấp của nước Cử. Thành tuy không lớn, nhưng địa thế lại cực kỳ hiểm yếu. Nó hùng cứ trên một gò cao giữa vùng núi non chót vót, không đi gần đến nơi rất khó phát hiện ra. Những đỉnh núi sườn non ấy chính là bức bình phong thiên nhiên của nó, cũng có thể nói là bức tường thành bên ngoài của nó, mức hiểm yếu của địa thế đúng với câu “một người chặn giữ, muôn người khó qua”. Xung quanh gò cao, lại là những rãnh sâu hào rộng tạo nên cho Kỷ Chương một thành trì thiên nhiên. Những núi cao vách

đứng, những hào rộng rãnh sâu đó cùng vây quanh Kỷ Chương, có thể nói là làm cho nó vững như bàn thạch. Hèn nào Cử Tử lại chẳng co cụm vào đây, bằng chân như vại. Thảo nào Cao Phát lại không dám đánh lên Kỷ Chương, bỏ dở mà về. Thảo nào Tề Cảnh công lại chẳng cử Điền Thư đi đánh nước Cử lần thứ hai để bắt sống Cử Cộng công.

Chưa nói đến chuyện Điền Thư đi đánh nước Cử, trèo đèo lội suối rầm rộ thế nào. Chưa nói đến việc Cử Cộng công cứ việc ở thành Kỷ Chương mà ca múa thanh bình, say sưa với rượu ngon gái đẹp như thế nào. Cũng chưa nói đến tướng sĩ trong quân đội nước Cử ỷ vào thế hiểm giữ thành, muốn quyết sống mái một phen với quân Tề như thế nào… Mà chỉ nói đến chuyện một bà cụ già ở trong thành Kỷ Chương, sống trơ trọi một mình, lẻ loi đơn chiếc, từ khi nước Tề đánh nước Cử đến lúc này, ăn uống thất thường, đêm ngày phiền muộn.

Bà cụ già ấy tên là Lưu Đích Phạm, khi còn con gái cũng vào hàng xinh đẹp, đủ để cho nhiều chàng trai say như điếu đổ. Chồng bà là Triệu Uy Hổ, mình cao hơn trượng, lưng to hàng ôm, đầu như cái đấu, mắt như chuông đồng, đứng đâu thì lừng lững như tháp như gò. "Uy hổ" vốn là cái biệt hiệu, nói rằng hình dáng ấy đến hổ báo cũng phải sợ mà tránh xa. Người coi biệt hiệu ấy là xấu thì gọi để ghét bỏ ông; người coi biệt hiệu ấy là tốt thì gọi với ý quý mến ông. Người này gọi, người kia gọi, lâu rồi người ta quên khuấy mất tên thật của ông. Còn người được gọi thế, cũng sẵn sàng cam chịu lấy giả hay thật, tự xưng béng ngay là Triệu Uy Hổ cho xong. Triệu Uy Hổ không những tướng mạo khác người, lại có sức khoẻ như trâu, dũng mãnh như hổ, bởi thế mới được Cử

Cộng công phong cho làm tướng quân, nhiều lần nhận lệnh cùng Điền Thư tham chiến.

Điền Thư với Triệu Uy Hổ tuy là hai vị tướng của hai nước Tề, Cử, hơn nữa quan hệ giữa nước Tề với nước Cử là quan hệ giữa thầy và tớ, thế nhưng hai bên lại hợp tác với nhau rất chân thành, phối hợp với nhau rất ăn ý, cuộc sống chinh chiến trận mạc chung đã khiến hai người kết nên tình bạn thắm thiết như tình anh em, cho dù sau này không chinh chiến, sự đi lại giữa hai người vẫn rất thân mật.

Cử Cộng công là một hôn quân, không biết đâu là thật giả, chìm đắm trong gái đẹp rượu ngon, thường chẳng ngó ngàng gì đến việc triều chính. Trước mặt nước Tề hùng mạnh, chẳng qua chỉ là thứ tay sai chó săn cúp đuôi theo sau, để sống bằng sự o bế của người khác. Cộng công có một người ái phi tên là Trương Tiệp Dư, anh ả là Trương Sùng Nghiêu, dựa vào thế lực cô em nắm quyền bà chúa trong lục cung, hắn cũng ngoi lên đến ngôi thái tể, nắm trong tay mọi quyền bính nước Cử. Đây cũng lại là một gã vô học bất tài nhưng vô cùng hám sắc. Hắn sớm biết được phu nhân của Triệu Uy Hổ là Lưu Đích Phạm có sắc đẹp cá lặn chim sa, nghiêng nước nghiêng thành, nên rắp tâm muốn chiếm về mình, suốt ngày cuống cuồng vò đầu gãi tai ngơ ngẩn cả người, mất hồn mất vía.

Mượn cớ một lần Triệu Uy Hổ đem quân đi đánh dẹp, Trương Sùng Nghiêu vờ đến phủ tướng quân với danh nghĩa công cán, dùng những trò đê tiện làm nhục Đích Phạm. Sau khi bị làm nhục, Lưu Đích Phạm lẽ ra muốn chết để giãi tỏ lòng trinh bạch. Nhưng nghĩ lại thấy chồng mình đang đi

xa, một mình chết âm thầm như thế, lúc chồng về, không rõ gót đầu ra sao, thì nỗi oan của mình mãi mãi không sao sáng tỏ được. Nghĩ như thế, bà đành chịu khuất nhục, không bước ra khỏi nhà, đợi mãi cho đến ngày chồng đi đánh giặc trở về. Triệu Uy Hổ tuyệt đối tin vợ mình, càng hơn ai hiểu rõ đường ăn ở của Trương Sùng Nghiêu, ông tạm nén cơn lửa giận trong lòng, an ủi vợ mình hãy nhẫn nhục sống, đợi ông tìm cơ hội giết chết thằng giặc này trừ hại cho dân cho nước rửa nhục trả thù cho vợ.

Lần này mang quân đi đánh giặc, Triệu tướng quân là người ca khúc khải hoàn về triều. Để mừng công, Cử cộng công sai bày tiệc lớn để thết đãi quần thần. Đây chính là dịp tốt, Triệu Uy Hổ nhất định phải làm cho Trương Sùng Nghiêu phải trắng mắt ra, để văn võ quần thần trong triều nhìn rõ bộ mặt xấu xa bỉ ổi của hắn. Thế là nhân lúc trong mâm tiệc, thái tể đứng dậy đến chúc rượu, ông mượn rượu đưa tay thộp lấy ngực hắn và hỏi tội. Trương Sùng Nghiêu còn đang tìm lời chối cãi, Triệu Uy Hổ đã vung tay phải lên, giáng một đấm thật mạnh vào đầu hắn, Trương Sùng Nghiêu chết ngay tại chỗ, óc vọt ra tung toé khắp nơi, làm cho phòng tiệc trở nên vô cùng thảm hại. Một quả đấm của Triệu Uy Hổ giáng xuống biến tiệc mừng công thành buổi lễ tang. Vị thái tể đứng trên mọi người, chỉ dưới có một người thế là toi mạng. Song thế há lại chẳng là quốc tang? Nhưng cũng lại là hội mừng, vì đã trừ được một tên quốc tặc, một cái thây ma hại nước hại dân.

Các quan văn võ trong triều, ai chẳng hân hoan mở cờ trong bụng, thầm vỗ tay reo mừng. Có điều tất cả nỗi vui mừng đó mọi người đều phải giữ kín trong lòng, không thể để lộ ra

sắc mặt. Triệu Uy Hổ đứng giữa triều đình đông đảo, qua mặt cả nhà vua, đấm chết cả thái tể, còn là quốc cữu, tội không thể tha chết được, nên lập tức bị xử tội chết. Có điều nghĩ đến Trương Sùng Nghiêu làm nhục vợ một công thần lương tướng, cũng thuộc một trong mười tội ác không tha được, hơn nữa Triệu Uy Hổ lại bao lần có công với nước, nên đã miễn tội cho quyến thuộc họ hàng của ông, vợ và các con của Triệu Uy Hổ vẫn được sinh sống ở kinh đô nước Cử.

Sau khi chồng chết, Lưu Đích Phạm đã không ngại đường xa ngàn dặm, không sợ phải lội suối trèo non, bỏ ra mấy ngày trời, lặn lội đến Lâm Tri, bái kiến Điền Thư và kể lể điều oan khuất, bày tỏ nỗi hận thù, xin Điền Thư hãy giúp bà báo thù rửa hận. Điền Thư vô cùng thông cảm với cảnh ngộ không may của Triệu tướng quân, vị lão tướng dày dạn nơi sa trường cũng cầm lòng chẳng đậu để cho nước mắt tuôn rơi. Điền Thư khuyên Lưu Đích Phạm hãy cố nén giận nén sầu trong lòng, chờ đợi thời cơ đến. Gặp việc gì cũng chớ nên nóng vội, muốn nhanh cũng chẳng được, quân tử báo thù, mười năm chưa muộn. Lưu Đích Phạm nghe lời khuyên chân tình của Điền Thư, ở lại Lâm Tri mấy bữa, rồi Điền Thư sắp xe đưa trở lại kinh đô nước Cử. Từ đó về sau, Điền Thư luôn luôn quan tâm săn sóc đến hoàn cảnh của cả nhà Lưu Đích Phạm, thường xuyên chu cấp về kinh tế. Mấy năm sau, cả nhà Lưu Đích Phạm đã từ kinh đô nước Cử chuyển đến ở Kỷ Chướng.

Sinh thời, Triệu Uy Hổ yêu tướng như con, tự tay mình vun đắp nên hàng loạt quan quân các cấp. Những sĩ quan này về sau không ai là không kính mến Triệu Uy Hổ như cha như chú, đội ơn bằng trời. Đứng trước mặt hôn quân Cử Cộng

công, họ đều coi hắn như phường thảo khấu căm đến tận tuỷ tận xương, một lòng một dạ muốn tìm cớ trả thù rửa hận cho Triệu tướng quân. Sau khi sự kiện đó xảy ra, những người tâm phúc của Triệu Uy Hổ phần lớn là bị liên luỵ, người thì bị bãi quan, người bị giáng chức. Tuy nhiên trước sau họ vẫn là những bậc anh tài, ngồi một nơi mà biết vận trù tính toán tìm ra quyết sách, trên chiến địa biên cương cũng đã từng chinh chiến nhiều phen. Qua một thời gian dài quan sát và khảo nghiệm, thấy họ không hề tỏ ra chống đối, Cử Cộng công dần dần cũng thôi không có ý đề phòng và đề bạt cất nhắc họ như cũ.

Không đợi đến lúc quân Tề đến sát biên cương nước Cử, đã có mật thám đến Kỷ Chướng báo tin, liên hệ được với bà Lưu Đích Phạm rồi bàn bạc thế này, thế nọ, vạch chước bày mưu. Từ đó Lưu Đích Phạm bận rộn suốt ngày suốt đêm: ban ngày bí mật tiếp xúc với đám quan quân bảo vệ thành Kỷ Chướng, đêm đến lại ngồi tước đay ra thành từng sợi, rồi từng sợi nhỏ ấy lại bện với nhau thành sợi lớn, rồi tết thành dây thừng, những sợi dây thừng ấy cứ từng đêm từng tấc một, từng thước một dài mãi ra…

Nghe tin Điền Thư mang quân đến chinh phạt Kỷ Chướng, tuy tự cho mình có thiên hiểm để dựa, nhưng Cử Cộng công vẫn run sợ và sốt ruột như ngồi phải gai. Bởi so với Điền Thư, Cao Phát thật chẳng thấm vào đâu. Ông cầm quân như thần, lại rất giỏi đánh lừa làm cho địch nhiều phen cuống quít và lúng túng không biết làm gì. Nước nhà còn hay mất, là ở phút này. Cử Cộng công nhận thức đầy đủ được ý nghĩa và lợi hại của cuộc chiến tranh một mất một còn này, nên đã mang hết cả lực lượng quân sự của mình ra để đề phòng,

cầm cố làm cho cả thành Kỷ Chướng kín như một chiếc thùng đựng nước, có thể nói là kim châm không lọt, nước rò không ra. Thế nhưng Cử Cộng công lại đặt trọng điểm công việc phòng bị ở những đỉnh cao vách đứng, ở hào rộng khe sâu, cứ ba bộ một chòi canh, năm bộ một lính gác, chỗ này là trạm, chỗ kia là đồn, canh gác thâm nghiêm đến nỗi dù một con chim sẻ cũng khó bề bay tới gần thành Kỷ Chướng. Trong khi đó, việc canh phòng trong thành lại tỏ ra lỏng lẻo. Việc bố trí chiến lược của Cứ Cộng công như vậy không sai, quân Tề do Điền Thư chỉ huy sẽ không vào được lớp thành ngoài thiên nhiên, bị ngăn lại ngay từ phòng tuyến đầu tiên nên công thành đương nhiên là việc không thể bàn được. Tất cả mọi việc sắp đặt đâu vào đấy cả rồi, Cộng công ngồi nhung xa đi kiểm tra hai lượt, lấy làm hài lòng, hòn đá đè nặng trong lòng đã được lấy đi, thở phào nhẹ nhõm, cho rằng hoàn toàn có thể kê cao gối mà ngủ say.

Buổi chiều ngày mười hai tháng bảy, quan quân dưới chân thành Kỷ Chướng tự nhiên tăng lên gấp mấy lần, chiến xa chen chúc nhau, lính đông như kiến. Tướng giữ thành ở trên không hề sinh nghi, cứ đinh ninh đây là sự sắp xếp của nhà vua hay chủ soái. Do bảo vệ ở thành ngoài với số lượng tướng sĩ đông đảo như thế nên trên thành hoàn toàn không phải run rẩy lo lắng như mọi lần. Thêm nữa, giữ thành đã hơn chục ngày nay, hôm nay kêu quân Tề đến, ngày mai la quân Tề đánh, thế nhưng mãi chẳng thấy một nửa cái bóng quân Tề nào ló ra, các tướng sĩ một là quá mệt mỏi, hai là đầy lòng oán ức, cho rằng cấp trên cố tình hành hạ họ, suốt ngày toàn dùng lời lẽ dối trá lừa họ, khiến cho họ cả ngày cả đêm không lúc nào được yên. Vừa mệt mỏi, lại oán giận, thấy tướng sĩ bảo vệ dưới thành đi đi lại lại, ùn ùn từng đám,

đêm ấy họ lơi lỏng canh phòng, chuyện đó cũng hợp tình hợp lý thôi.

Sau khi qua giờ Tuất, từ trên thành ròng xuống một sợi thừng và có cả lính nước Cử theo thừng leo xuống, ghé tai một vị tướng dưới thành nói câu gì đó. Vị tướng chỉ huy quân sĩ leo lên thành. Các binh sĩ nhao nhao theo nhau leo lên thành, chỉ một loáng đã đông tới sáu chục người. Dây thừng tuy to song hiềm vì người leo lên nhiều lần, khó mà chịu nổi. Đung đưa một hồi, bỗng đầu dây bị tường thành cứa đứt, một tiếng kêu đánh rầm, sáu chục con người cùng một lúc từ trên cao rơi xuống. Bên trên ngã đã đau, bên dưới đụng vào nhau càng dữ. Người chen vào nhau, thịt đè lên nhau, kêu cha kêu mẹ, thật là thảm thiết. Những người chưa leo nghe thấy tiếng kêu, không biết đã xảy ra chuyện gì, đều chạy ùa cả lại để xem cho rõ đầu đuôi, tiếng ồn ào náo động, trong đêm khuya rền lên như tiếng sấm. Tiếng ồn ào bên dưới làm bên trên cũng xôn xao, tiếng ồn ào bên ngoài dội vào trong thành. Thế là cả trên, cả dưới, cả trong lẫn ngoài thành một cảnh hỗn loạn, rối như mớ bong bong, nát như bát cháo. Trong thành bỗng có người vừa chạy vừa kêu: "Hỏng to rồi! Quân Tề vào thành rồi! Chạy thôi! Chậm chân thì chết đấy!"

Cử Cộng công đang cao gối ngủ ngon, bị tiếng kêu đánh thức, vội vàng cho nội thị tâm phúc ra ngoài cung nghe ngóng. Tên nội thị trở lại sợ dúm người run như cầy sấy, lắp ba lắp bắp báo với Cộng công rằng quân Tề đã vào thành, phố lớn ngõ nhỏ, đi lại lũ lượt toàn là quân nước Tề. Cộng công nghe tin, sợ đến mức vãi đái ra quần, mãi một lúc sau

mới trấn tĩnh lại, vội sai người nhặt nhạnh đồ tế nhuyễn, mang theo gia quyến ra cửa tây thành trốn đi.

Đang lúc trong thành ngoài thành rối rít tít mù, có người mở cổng thành, quân nước Tề ở ngoài thành ùa vào trong thành như nước vỡ bờ. Cùng lúc đó, quân Tề bị chặn ở các quan khẩu đã vượt qua những đỉnh núi hiểm khe sâu hào rộng ào ào đến thành Kỷ Chướng.

Khi mặt trời e ấp sau màn sương ló vẻ mặt tươi cười lên đỉnh núi, tất cả rừng núi như bừng giấc say, cây cỏ đều nhuộm ánh ngày, Điền Thư chỉ huy quân Tề cất cao lời ca chiến thắng, rầm rộ tiến vào thành Kỷ Chướng. Hôm ấy là ngày mười ba tháng bảy, năm Tề Cảnh công thứ hai mươi lăm.

Kỷ Chướng núi bọc sông vây vững như bàn thạch, Điền Thư làm thế nào mà chẳng tốn bao nhiêu công sức, chỉ ra tay một phen lấy được thành. Thành Kỷ Chướng đã hạ được rồi, nhưng Cử Cộng công lại lẻn ra cửa tây thành trốn mất thì khi Điền Thư đem quân về nước, sẽ ăn nói thế nào với Tề Cảnh công đây? Lời hứa trước lúc xuất quân, không phải là trò đùa con trẻ!



Liên minh để cùng thắng lợi

Nếu như có thể tùy theo tình hình biến hóa của địch mà biến đổi theo đó giành thắng lợi. Đó chính là cái được gọi "dụng binh như Thần".

Đó cũng là cách mà hai ông lớn Google và Apple đã sử dụng để cùng nhau kiếm hơn 1 tỷ đô la từ việc quảng cáo ứng dụng Google trên chính các thiết bị di động của Apple.

CHƯƠNG IX

QUÊN NGỦ QUÊN ĂN VIẾT SÁCH, LẬP THUYẾT

Nguyên là, buổi chiều ngày mười hai tháng bảy, tướng sĩ quân Cử xuất hiện ở chân thành Kỷ Chướng, đều là quan quân nước Tề đóng giả, Điền Thư cũng ở trong số đó. Qua mấy lần điều khiển, các tướng lĩnh bảo vệ các cửa khẩu quan trọng và các đồn canh, tất cả đều đổi thành những thuộc hạ năm xưa của tướng quân Triệu Uy Hổ. Đêm mười hai tháng bảy, các tướng sĩ quân Tề lai vãng ở đầu đường cuối phố trong thành Kỷ Chướng; rồi kêu tướng lên: “Hỏng to rồi! Quân Tề vào thành rồi! Chạy thôi! Chậm chân là chết đấy!”, làm trong thành Kỷ Chướng rối loạn hết cả lên, những tướng sĩ quân Tề đó, hoặc là do quân Cử đóng giả, hoặc là do dân chúng cải trang. Mấu chốt là Công Diễn Di thống soái quân Cử lúc đó là người đã từng được Triệu Uy Hổ cứu sống.

Đối với Công Diễn Di mà nói, ơn đó như người sinh ra mình lần thứ hai. Năm ấy, Triệu Uy Hổ ngậm oan mà đi, ông từng nghiến gẫy cả hai chiếc răng cửa rồi nuốt vào bụng. Đêm khuya, trước ngôi mộ hoang vắng của Triệu Uy Hổ, một mình Công Diễn Di quỳ mãi ở đấy, để lại một lời thề sắt đá: “Công Diễn Di này nhất định sẽ chém đầu tên hôn quân trừ quốc tặc, trả thù cho tướng công”. Để thực hiện nguyện vọng và đạt được mục đích đó, Công Diễn Di đã nhẫn nhục chịu đựng, cả chục năm trời, trái cũng cho làm phải, bảo sao nghe vậy nên rất được Cộng công khen ngợi, vị nể, cũng nhờ thế mới leo được lên chỗ cao, nắm giữ binh quyền. Vợ con cháu

chắt của Triệu Uy Hổ được sống yên lành cũng nhờ cả ở sự che chở và giúp đỡ của Công Diễn Di. Lúc này, có cơ hội tốt thế này để trả thù rửa hận, đương nhiên là dù có gan nát óc lầy thì Công Diễn Di cũng chẳng từ chối, không những chỉ vì một Triệu tướng quân, mà còn vì sự phồn vinh thịnh vượng của nước Cử, cứu vớt dân lành.

Tuy nhiên, tướng lĩnh giữ thành là Phàn Hán Niên lại là tâm phúc của Cộng công, một tên ngoan cố trung với vua bằng cái đầu rỗng tuếch, cho nên tất sẽ leo dây lên thành, nếu không làm sao lại có chuyện sáu mươi người ngã xuống chân thành thê thảm như thế? Cũng phải thôi, ác giả ác báo, có người đã nhân lúc lộn xộn, bắn lén Phàn Hán Niên chết ngay tại chỗ, rồi mở toang cổng thành, quân Tề vào thành như nước vỡ bờ, ào ào lao xuống, sục sôi dâng tràn.

Điền Thư vừa là một vị tướng dày dạn trên sa trường, lại như một thợ săn lão luyện nơi rừng núi, đương nhiên sẽ không quên mục đích bao vây trong rừng là để bắt được muông thú, lần này đánh nước Cử, hạ thành Kỷ Chướng, cũng là nhằm mục đích bắt sống Cộng công, cho nên việc hệ trọng nhất của quân Tề sau khi đến được Kỷ Chướng, là bao vây thật chặt thành ấp, đánh để dụ Cộng công trốn mất. Tất cả những việc đó đúng là Cử Cộng công không biết tí gì, cho nên việc ông ta mở cổng thành phía tây trốn đi, lại chính là cử chỉ đút đầu vào rọ.

Tấn bi kịch của Cử Cộng công, nói lên một điều rất rõ ràng, một con người chỉ khi nào mang lợi trừ ác cho thiên hạ, thì mới được dân chúng ủng hộ; ngược lại, bất kể là quyền thế lớn đến đâu, kể cả vua một nước nắm trong tay quyền sinh

quyền sát, dám đùa giỡn với lịch sử, tất sẽ bị lịch sử trừng phạt nặng nề. Đúng như đời sau có một học giả đã nói: “Kẻ đắc đạo được nhiều người giúp đỡ; kẻ thất đạo thì không ai giúp đỡ” và “làm nhiều điều bất nghĩa ức là tự sát”.

Tháng tám giữa mùa thu, trời cao mây nhạt, chim nhạn bay về phương nam, thế mà đoàn quân đi đánh nước Cử do Điền Thư chỉ huy thắng trận về triều, lại đi ngược hướng bầy chim nhạn, giống như dòng nước đang cuồn cuộn chảy kia, nhởn nhơ chảy về phương bắc. Chiều hướng tuy là ngược nhau, nhưng cả hai đều đi về cố hương của mình, đi về nơi ấm áp. Dọc đường đi, núi xanh đứng chờ đưa tiễn, nước bạc hoà theo tiếng ca, sóng thông rì rào reo vui, đỉnh núi như choàng áo mới, gió thu thổi tạt bên tà, mưa thu lác đác trên áo giáp, lá đỏ đùa trên khuôn mặt trai tráng, hoa vàng đung đưa trong gió, muông thú tung tăng reo mừng, chim chóc trong rừng ríu rít, chim ưng bay lượn trên trời, cá bạc tung tăng đáy nước... Ôi! Mùa thu của năm 623 trước công nguyên, ánh vàng rực rỡ, sức sống tràn trề.

Quân Tề chiến thắng trở về, đặt chân lên mảnh đất nóng bỏng của Tổ Quốc, bỗng thấy dưới chân mình mịn màng mà trong lòng thì nóng rừng rực, đi đâu đến đâu cũng thấy dân chúng chiêng trống vang lừng, nhảy múa ven đường để đưa tiễn, nào táo đỏ, lê vàng, nào sơn trà, hạnh đào, khoai sọ, trứng gà... bà con nhét vào túi anh em binh sĩ. Chiến tranh là tội ác, nhưng để trừ hại phải chiến tranh, thì cuộc chiến tranh đó là cần thiết cho dân và được dân đón nhận.

Kinh thành Lâm Tri phồn hoa, mỗi đường phố, mỗi ngõ hẻm đều rộng hơn và phẳng phiu hơn trước đó nhiều, nhất

là sáng sủa hơn nhiều tựa hồ như mạ lên một lớp ánh sáng. Nhà nào nhà nấy náo nức treo đèn kết hoa, người nào người nấy mặc quần áo mới, ai ai cũng hớn hở mừng vui, người thì thổi sáo gảy đàn, người thì hát, người múa mừng chiến thắng, khắp nơi một biển người sục sôi trong tiếng reo vui.

Tối đến, đèn lồng được thắp lên, đuốc được đốt lên, rồng lửa cháy lên, sư tử cũng rực lên, phố xá cháy rực; quảng trường cháy rực và nước Tri thuỷ cũng như rực cháy, cả kinh thành Lâm Tri đang rực cháy, cháy cả trong muôn vạn tấm lòng người dân Lâm Tri để lấy ánh sáng rực rỡ chúc mừng thắng lợi, nhen nhóm lên tấm lòng vui như dại như cuồng.

Trong cung vua Tề, tiệc mừng công thịnh soạn của triều đình đã được bày ra, văn võ bá quan tề tựu đông đủ, sơn hào hải vị bày kín bàn ăn, rượu ngon thơm nồng rót tràn các chén, ánh đèn soi chén rượu, nâng chén chúc nhau, hò reo đố rượu, cười nói vang nhà. Tiếng ca nổi lên, du dương dìu dặt, lưng ong khẽ uốn, điệu múa thiết tha, cả sảnh đường bày tiệc chan hoà chìm ngập trong không khí vui mừng…

Cảnh công, Yến Anh và Điền Thư ngồi chung một mâm tiệc, các quan cùng triều lũ lượt kéo đến nâng chén chúc mừng, lời lẽ khen ngợi đẹp đẽ nghe không chán tai, khiến người ta lâng lâng điên đảo. Từ ngữ tuy rất ngọt ngào, nhưng Điền Thư cũng ngẫm được ra, những ánh mắt mới nói lên mọi điều, phần lớn tỏ ra ôn hoà, dịu dàng như nắng tháng ba, song cũng không ít mang ý hằn học, như bắn ra những tia giận dữ. Những ánh mắt hờn ghen như luồng nước lạnh té lên, khiến đầu óc Điền Thu bỗng tỉnh táo hẳn ra, khiến ông nhận rõ được cảnh ngộ của mình lúc này và mai sau, cuộc

chiến tranh chinh phạt nước Cử này sẽ mang lại cho mình những gì và cần phải đề phòng những gì.

Ông nội đánh nước Cử có công, chiến thắng trở về, Điền Vũ mừng vui như cuồng. Chàng trai lúc này đương nhiên không đủ tư cách tham dự quốc yến mừng công do nhà vua bày ra để mừng ông nội mình, cũng không giống như các thanh niên bình thường lang thang trên phố, nhập vào những cuộc vui như dại như cuồng kia mà im lặng ngồi ở thư phòng, chau mày suy nghĩ, có lúc chắp hai tay ra sau lưng, đi đi lại lại trong phòng như đếm từng bước một, hoặc vào trong phòng ngủ, ngồi tựa lưng ngẩng mặt lên trời, ngó vào trần nhà suy nghĩ. Chàng đang nghĩ về cách ăn ở với mọi người và cách trị vì đất nước của Cử Cộng công, nghĩ đến quan hệ giữa nước Tề và nước Cử, nghĩ đến việc ông nội mình đi đánh nước Cử thắng lợi dễ dàng… đột nhiên, cậu nhổm dậy, trở lại thư phòng, cúi xuống bàn vung bút lên viết ra những lý luận sau đây về binh pháp:

Một là, mấu chốt quyết định thắng bại của một cuộc chiến tranh không phải ở quân lính, mà ở chỗ vua có đạo hay không, vua có đạo, thì có thể cùng với tướng soái và trăm quan cùng một lòng một dạ, cùng chung hơi thở, cùng sống chết với nhau, quan với dân sẽ chiến đấu vào sinh ra tử vì vua, không sợ gì gian nan hiểm trở.

Hai là, đem quân đi chinh phạt nước địch, chinh chiến ở nơi ngoài ngàn dặm, cả nước cả dân đều hao tài tốn sức, mùa màng bị huỷ hoại, người chết của hết, sinh linh lầm than, chỉ để mong một ngày chiến thắng. Cho nên nếu như hà tiện tước lộc tiền tài, không chịu dùng gián điệp, đi đến chỗ do

không hiểu tình hình địch mà phải chịu thất bại, thế là làm điều “bất nhân”. Tướng soái như thế không phải là tướng tài trong quân đội, người hiền tá của vua chúa, làm chúa cũng thế, cũng không phải vua chúa biết đánh thắng. Minh quân hiền tướng, sở dĩ hành động hơn người, thành công cũng trên những người khác, đó là bậc tiên tri. Bậc tiên tri, không thể trông mong ở quỷ thần, không thể so sánh với chuyện cũ, không thể nhìn vị trí mặt trăng mặt trời và trăng sao để bói toán, tất phải trông mong vào con người, cho nên quan trọng là chỗ dùng gián điệp.

Đêm ấy, cả kinh thành Lâm Tri từ trong cung cấm đến ngoài phố phường, từ quan đến dân, tất cả đều vui hết mức. Khi gần tàn bữa rượu; Cảnh công đã ban bố một nghiêm lệnh: Buổi chầu sớm hôm sau, các quan không ai được vắng mặt, kể cả những vị già nua ốm yếu, bởi vì đến lúc ấy sẽ có chỉ dụ quan trọng được ban bố.

Chính lệnh của Tề Cảnh công, ai dám trái! Buổi chầu sớm hôm sau, dưới thềm rồng, hai hàng văn võ bá quan quỳ đen nghịt cả một sân, đông hơn mọi khi rất nhiều, có nhiều vị lão thần hàng năm không tham gia việc triều chính cũng đều có mặt, không biết nhà vua có thánh chỉ gì quan hệ đến vận mạng quốc gia sắp ban bố! Không khí cũng tỏ ra nghiêm trang hơn mọi khi, cứ như là đang đứng trước kẻ địch, như đang làm lễ trọng, khiến cho vô khối các đại thần tham lam bậy bạ cũng chột dạ và thầm lo tai hoạ sắp giáng xuống đầu.

Vậy hôm ấy Tề Cảnh Công ban thánh chỉ gì?

Thánh chỉ là: Điền Thư đánh nước Cử có công, từ hôm nay trở đi, ban cho họ là Tôn, phong cho Lạc An là đất màu mỡ ở gần kinh kỳ để làm thái ấp.

Nghe thánh chỉ, quần thần không ai là không kinh ngạc, Điền Thư tuy đánh nước Cử có công, nhưng phong thưởng như thế, e rằng quá hậu hĩnh, làm quan cả đời hoặc ít ra là nửa đời người, trong trí nhớ của họ, chưa từng bao giờ có chuyện tương tự như thế xảy ra. Nhưng quân lệnh như sơn, ai dám hé răng nói một nửa chữ không! Bởi vậy, sau khi kinh ngạc, ai nấy đều nhất loạt tung hô quân vương sáng suốt, thưởng công phạt tội, lợi nước lợi dân và lần lượt ra chúc mừng Điền Thư.

Đang lúc Điền Thư ngỏ lời tạ ơn trời bể của chúa công, vô tình lại liếc thấy những cặp mắt đố kỵ đến nảy lửa, nhưng ông vẫn bình thản ung dung, đáp lại những ánh mắt đó bằng nụ cười của mình. Đúng vậy, thừa biết biển sẽ có phong ba bão tố, nhưng những người đi biển, những thuyền đánh cá vẫn cứ căng buồm ra biển, vượt sóng ra khơi; thừa biết rằng thú dữ sẽ ăn thịt mình, nhưng người đi săn vẫn mang binh khí vào rừng, trèo đèo lội suối. Điền Thư không những là một lão tướng dày dạn chốn sa trường, nhà quân sự nức tiếng xa gần, mà còn là một nhà chính trị rất có ảnh hưởng. Mà đã là nhà chính trị, thì tự nhiên phải có mưu lược và gan dạ, để thực hiện mục tiêu chính trị của mình, họ sẽ ứng phó được mọi sự biến đổi của gió mưa thời cuộc, chịu một sự trả giá, hy sinh cần thiết, lấy đó làm vinh, lấy đó làm vui.

Từ đó trở đi, các thế hệ từ Điền Thư trở xuống, nhất loạt phải đổi sang họ Tôn: Tôn Thư, Tôn Bằng, **Tôn Vũ**…

Từ đó, Tôn Thư ăn lộc ở Lạc An, nhưng ông không hề đến ở Lạc An, chỉ cử đến đó người ấp tể để trông nom. Do nhu cầu của cuộc đấu tranh chính trị, Tôn Thư đã chuyển gia đình mình từ thôn Điền Ban đến Lâm Tri kinh đô nước Tề, đương nhiên là từ đó về sau, thôn Điền Ban cũng thành thôn Tôn Ban.

Từ đó trở đi, địa vị của Tôn Thư, Tôn Bằng trong triều đình càng thêm hiển hách, là một trong những hàng danh môn quý tộc quyết định vận mệnh triều đình nước Tề.

Cũng từ đó, trong một thời gian khá dài, Tôn Vũ ở lì trong nhà, đóng cửa không tiếp khách, tập trung tinh lực và thời gian, chỉnh lý những tư liệu đọc được và ghi chép lại trong khi khảo sát, để làm một công trình lớn lao là “binh pháp” do ông viết.

Từ đó, Tôn Vũ mang hành lý, đồ ngủ vào thư phòng, ăn đấy, ngủ đấy, làm việc ở đấy. Ở đấy thẻ tre xếp như núi, Tôn Vũ như một chàng thợ săn vai vác mũi lao, trèo đèo lội suối, lặn lội trong vùng rừng núi mênh mang ấy. Lại giống như một ngư phủ, ngồi trên chiếc bách lá tre, vượt lên sóng gió, dập dềnh trên biển cả mênh mông. Chàng mặc không hay ấm lạnh, ăn không có giờ giấc, ngủ không lên giường. Trời rét như cắt, chàng cũng chẳng khoác thêm chiếc áo lên người, tựa hồ trong lồng ngực của mình đang âm ỉ cháy nên không hề nhạy cảm với không khí thay đổi bên ngoài.

Mỗi ngày ba bữa, người hầu bưng cơm lên thư phòng cho Tôn Vũ, nhưng thường là mang cơm trưa lên thì thấy cơm sáng vẫn còn chưa đụng đến; cơm tối chưa tới, thì cơm trưa vẫn còn nguyên, bà mẹ đến dịu dàng, khen ngợi, chàng cũng không để ý, ông bố đến tỏ ý trách móc, chàng cũng không bận tâm.

Trong một khoảng thời gian khá dài ăn uống ngon hay dở, đối với Tôn Vũ không có gì quan trọng. Bởi vì dù có là vây cá, yến sào, bàn tay gấu hay vó lạc đà đi nữa, thì chàng hoặc là không hề nhúng đũa, hoặc là ăn vội ăn vàng, không cần biết mùi vị thức ăn. Còn khi cảm thấy đói bụng, muốn ăn một cái gì đó, chàng thường quờ tay lấy khi thì một cái bánh hấp nguội cứng, khi thì một mẩu bánh bao mà về mùa đông nó đã lạnh cứng như đóng băng, song lại ăn rất ngon lành. Đêm đến, chàng khoanh tay làm gối, để nguyên cả quần áo gục xuống bàn ngủ. Gọi là ngủ, cũng chỉ là chợp mắt đi chốc lát, hoặc chỉ là nhắm mắt nghỉ ngơi đôi chút mà thôi. Cạnh án thư của chàng có đặt một chậu nước lạnh, trong bỏ sẵn một tấm khăn mặt, mỗi khi cơn mệt mỏi ập đến, chàng lại vã nước lạnh lên mặt, hoặc là dìm cả mặt mình vào chậu nước lạnh một lát. Mùa đông nước trong chậu đóng băng, làm như vậy thì hiệu quả càng tốt. Một đêm vài lần như thế, thì cũng là lúc ánh ban mai bò lên song cửa.

Lâm Tri kinh đô nước Tề rộng lớn và phồn hoa, một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, thì ở cánh cửa sổ này là nơi tắt đèn muộn nhất và sáng đèn sớm nhất (kỳ thực thì đèn nến ở đây thường là sáng thâu đêm, cho tận đến khi cùng hoà nhập với ánh ban mai).

Tôn Vũ gầy đi từng ngày, thể chất cũng giảm sút đi từng ngày, da mặt vàng đi từng ngày, tinh thần mỗi ngày một sa sút, đến nỗi ánh mắt trở nên đờ đẫn, thần sắc trở nên ngẩn ngơ, đối với mọi thứ đều tỏ ra không quan tâm, bỏ mặc ngoài tai, tựa như trên thế gian này muôn vật đều không tồn tại, chỉ có những cái thẻ tre, những thư tịch, những ghi chép và "binh pháp" của mình, mới là cái kích thích được tầm mắt và thần kinh của chàng lúc này.

Con cái là núm ruột của mẹ, là một phần cuộc sống của người mẹ. Thấy Tôn Vũ mặt võ mình gầy, tinh thần đờ đẫn như vậy, Phạm Ngọc Lan sốt ruột lo lắng. Bà liền bỏ hết công việc nội trợ khác để chuyên chú chăm lo săn sóc việc ăn uống nghỉ ngơi cho Tôn Vũ. Quý phu nhân đã làm một nàng hầu. Bà cũng mang đồ của mình tới thư phòng của con, cùng làm bạn với con suốt mỗi ngày mười hai canh giờ đằng đẵng, rồi một tháng ba mươi ngày, một năm chẵn ba trăm sáu mươi lăm ngày đêm. Việc ăn uống của con do bà thân chinh xuống bếp lo liệu. Biết con không ai bằng mẹ, bà biết con mình từ tấm bé thích ăn món gì, ưng với khẩu vị nào. Cơm nước bưng vào trong thư phòng, bà giục con ăn, ép con ăn, rồi cùng ăn với con như ngày nào còn thơ bé, bón cho con từng miếng ăn. Nóng quá, bà thổi nguội đi cho con; lạnh quá bà sai người xuống bếp hâm nóng mang lên. Nhìn thấy con ăn ngon miệng, bà thấy như ấm trong lòng, trên mặt bỗng rạng rỡ lên nét cười và niềm an ủi. Thấy đám mây sầu trên mặt mẹ tiêu tan Tôn Vũ thấy ăn ngon miệng hơn và ăn được nhiều hơn.

Phạm Ngọc Lan thông cảm với con mình, hiểu được điều sở nguyện của chàng, ủng hộ sự nghiệp mà chàng đang phấn

đấu. Bởi vậy, bà không trói buộc và hạn chế một cách tiêu cực, mà để mắt tới mọi việc, tìm mọi cách giúp đỡ con mình một cách tích cực, cố mọi cách giảm nhẹ gánh nặng và khối lượng công việc của con mình, khéo léo làm phân tán sự tập trung chú ý của con, tìm đủ mọi cách có thể được, giúp cho con mình khoẻ mạnh, phục hồi thể lực nhanh chóng. Bà đã giúp con mình bảo quản, tìm kiếm những tài liệu cần đọc thêm, bớt được cho Tôn Vũ rất nhiều thì giờ. Cũng giống như hai mươi năm trước, bà còn hát cho con nghe những khúc hát ru, kể cho con nghe những mẩu chuyện thần thoại, mặc dù có nhưng lúc bà làm cho con mình phải khó chịu, hoặc khiến cho con mình phải bật cười lên... bà đều không để ý đến chuyện đó. Vào những thời gian cố định trong ngày, bà gọi con ra vườn đi dạo, hai mẹ con sánh vai nhau, thong dong đi trong vườn vừa đi, vừa nói chuyện, thôi thì đủ thứ chuyện dưới biển trên trời, không chuyện gì là không nói đến. Khoảng nửa canh giờ qua đi, đầu óc Tôn Vũ từ chỗ mụ mẫm đã trở nên trong sáng. Bà còn mời một quyền sư nổi tiếng đến nhà, để mỗi buổi sớm dạy con mình mười tám ban võ nghệ. Muốn làm tướng lĩnh, muốn trở thành nhà quân sự, mà lại không có võ nghệ hơn người sao được? Điểm này con trai bà tỏ ra sẵn sàng tiếp nhận nhất.

Màn đêm buông xuống, bà mẹ thắp đèn, nến lên cho con trai, rồi thỉnh thoảng lại giúp con mình khêu bấc đèn, gạt ngọn nến. Thấy trời lạnh, bà tự mình lặng lẽ đi lấy áo khoác thêm cho con trai. Đêm khuya, thấy con vươn vai, ngáp ngủ, bà mẹ vội vàng đi vò khăn vào nước lạnh rồi vắt ráo đi, đưa cho con. Gần đến giờ Tý, bà mẹ lại nhắc con thu xếp công việc đi ngủ. Những lúc như thế Tôn Vũ luôn tỏ ra nghe lời mẹ, vì chàng không ngủ thì đương nhiên bà cũng không

chịu ngủ, chàng nhận ra mẹ đã vì mình quá nhiều... Khi con trai nằm xuống, bà mẹ lại đến bên giường để vén chăn, cài màn, chờ cho đến khi trong màn vang lên tiếng ngáy đều đều, lúc đó mới rón rén nhẹ nhàng rời chân đi. Buổi sáng sớm, bà mẹ dùng tấm chăn để che lấy cửa sổ, không để cho ánh nắng ban mai chiếu vào trong phòng và sai người nhà ở bên ngoài trông chừng mèo chó và xua lũ chim sẻ bay đi nơi khác để con trai khỏi giật mình tỉnh mất giấc mơ đẹp...

Trên đời này cao cả nhất là trời xanh, nhưng tình thương của người mẹ còn cao hơn trời; trên đời này ấm áp nhất là ánh nắng, nhưng có nơi ấm hơn ánh mặt trời, đó là lòng mẹ. Một con người bất kể là bao nhiêu tuổi, cho dù đã là ông già tám mươi lụ khu, đứng trước mặt mẹ mình cũng vẫn chỉ là đứa trẻ; bất kể quyền cao đức trọng đến đâu cho dù là vương hầu khanh tướng, đối với mẹ mình vẫn cứ phải tỏ ra tôn kính. Bởi vì tình thương của người mẹ đối với con mình, là thứ tình yêu chân thật vô tư, như ngọc trong suốt, như bầu trời cao xanh, như làn nước tinh khiết.

Mấy tháng sau, thể chất và tinh thần của Tôn Vũ đều đã được hồi phục. Phạm Ngọc Lan ý thức được rằng, một con người, khi còn nhỏ cần cha mẹ săn sóc, sau khi đã khôn lớn thành người, cần có sự quan tâm lẫn nhau của vợ hay chồng. Con trai bà lúc này đã hai mươi ba tuổi rồi, không thể để tuỳ ý cậu được mà phải nhanh chóng xây dựng gia đình cho cậu. Chuyện tình duyên của Tôn Vũ, đã từng xảy ra trục trặc, đã từng phải đi đường vòng.

Trong hàng ngũ quí tộc ở Tề, hai họ Điền, Bào xưa nay vốn đi lại thân thiết hơn cả, hai bên coi nhau như anh em, vinh

thì cùng vinh, thiệt thì cùng thiệt. Ngay từ khi Điền Hoàn Tử Vô Vũ, là cụ của Tôn Vũ, đang còn sống, đã cùng với nhà họ Bào kết nên mối thân tình loan phượng tức là muốn gả cháu gái của Bào Quốc cho Điền Vũ làm vợ, lúc ấy Điền Vũ mới lên mười. Có điều đấy là chuyện của người già hai bên bàn bạc với nhau chứ cũng chưa thực hành nghi lễ chi hết cả, chẳng hạn như lục lễ đã thành văn. Ở đời đó là: Nạp thái là bên nhà trai gửi lễ sang nhà gái, có lời xin hỏi, lễ vấn danh, là lễ hỏi nhà gái cho rõ tên tuổi của cô dâu, nạp cát, là bói được ngày lành, đến nhà gái báo tin mừng, đưa lễ và ăn hỏi, nạp vi, lễ trọng sau khi ăn hỏi mà nhà trai đưa sang nhà gái; thỉnh kỳ là chọn ngày làm lễ cưới và hỏi ý kiến bên nhà gái; thân nghênh là chú rể đến nhà gái để đón cô dâu về. Tuy rằng cả hai bên trai gái tuổi đều còn trẻ, chưa thể cưới xin ngay được, nhưng bốn lễ ở đằng trước vừa mới kể đều có thể làm được. Tuy rằng chưa làm tục lễ như trên, nhưng cuộc hôn nhân định liệu bằng miệng đó chẳng có gì ràng buộc cả, bất kì bên nào không chấp nhận, thì cả tình lẫn lý đều chẳng có gì là quá đáng. Họ Bào sống ở kinh thành Lâm Tri, họ Điền sống ở thôn Điền Ban của Lạc An, cách nhau chỉ có trên mười dặm song đi lại cũng cứ thấy có điều bất tiện, bởi vậy Tôn Vũ với Bào Ngọc Phụng rất ít khi có dịp gặp nhau.

Trước đây cũng có gặp nhau mấy lần thật, nhưng đều là trẻ con cả, nên ấn tượng còn rất mơ hồ, chẳng thể nói được đó là một thứ tình cảm gì. Ngược lại, Tôn Vũ từ nhỏ lớn lên ở nhà quê, sáng sáng ra bờ Tri Thuỷ luyện rèn kiếm thuật, làm quen với một cô gái tên là Điền Thục Hiền. Tuy không phải xuất thân từ gia đình danh môn quý tộc, nhưng Điền Thục Hiền cũng vốn dòng dõi thư hương, ông nội từng làm quận thú Thiên Thặng, cha nàng chán ghét con đường làm quan,

chuyên đi sâu nghiên cứu về học vấn, là một học giả khá nổi tiếng thời bấy giờ. Nối dõi dòng thi lễ, ngay từ tấm bé, Thục Hiền đã được tiếp thu một nền giáo dục tốt đẹp, hơn nữa lại bản tính thông minh đĩnh ngộ, cho nên chẳng những thông thạo về thi lễ mà cả cầm kỳ thi hoạ chẳng thứ nào là không tinh thông. Nàng có một cặp mắt biết nói thay lời, như hai vùng mặt nước hồ thu, xanh và trong tới đáy, luôn lăn tăn những gợn sóng trí tuệ và lấp lánh những tia sáng khôn ngoan. Đôi tròng mắt nàng, như hai viên ngọc quý màu đen rơi vào chén ngọc quỳnh tương, đen trắng rõ ràng, soi vào nhau hết sức hài hoà.

Nàng như một con chim vui nhộn tung tăng, tung cánh tự do bay lượn qua rừng qua núi, vô tư lự ngẩng đầu cất cao tiếng hót giữa không trung. Trái tim nàng trong sáng bao la như khoảng trời xanh, thuần khiết như ánh trăng ngọc. Tình cảm của nàng tựa như luồng gió xuân thổi giữa tháng ba, vừa dịu dàng, lại vừa nồng nàn ấm áp. Khuôn mặt nàng như mặt trời ban mai vừa nhô lên đỉnh núi, vừa hồng hào, lại vừa e ấp nhưng dịu dàng thân thiết dễ gần. Tính tình nàng hồn nhiên và trong trắng như một con cừu non trinh bạch, dịu dàng, đôn hậu… Từ trong rừng cây, từ trên bãi cỏ, một người đọc kinh thi, một người múa kiếm, mặt trời làm mối, gió đông xe sợi tơ duyên, đã gắn bó hai kẻ hữu tình này lại với nhau. Buổi gặp gỡ ban đầu, họ kiếm chuyện hỏi nhau, tình ý ngập ngừng, ánh mắt thay lời nhắn gửi trông chờ, lòng họ rộn ràng, chào nhau nhưng chẳng nở rời chân. Rồi họ thề non hẹn biển, chân quỳ miệng khấn, như keo, như sơn, gắn bó tâm hồn…

Sau khi biết được tình yêu vụng trộm đó của con trai, Tôn Bằng nổi trận lôi đình, trừng phạt Tôn Vũ một trận đến nơi đến chốn và cố tình ruồng rẫy đôi bạn tình này, phá vỡ cuộc nhân duyên đằm thắm giữa hai người. Điều ấy cũng chẳng có gì lạ, vì thứ nhất hai nhà cùng họ Điền, môn không đăng, hộ không đối; thứ hai là cha ông đã có hẹn, không thể trái lời; thứ ba là lệnh của ông bà, cũng là lời mai mối; thứ tư là bất chấp người trên, tự quyết định lấy chuyện trăm năm đôi lứa, là một trong những điều bất hiếu nhất. Tôn Vũ cũng không phải loại người thấy bảo sao là ngoan ngoãn nghe theo, chàng khăng khăng thà chết không theo, quay ra làm mình làm mẩy với cha mình, không ăn, không uống, còn đe rằng cả hai sẽ nhảy xuống sống tự tử. Cũng may vừa lúc ấy Tôn Thư đánh giặc mới về, nếu không, chẳng may Tôn phủ xảy ra chuyện gì thật thì quả là uổng phí mất một nhân tài. Tuy rằng tuổi tác đã cao, lại là bề trên, nhưng tư tưởng của Tôn Thư lại hết sức phóng khoáng, ông không muốn làm khổ đứa cháu quí hoá của mình, ủng hộ cuộc hôn nhân giữa Tôn Vũ với Điền Thục Hiền, còn chuyện với Bào phủ ở Lâm Tri, ông sẽ thân chinh đi dàn xếp. Đã có ông nội đứng ra làm chủ như thế, thì hỏi ai còn dám nói không. Việc hôn nhân của Tôn Vũ với Điền Thục Hiền thế là quyết định như vậy. Nhưng Tôn Vũ còn đang đi học, phải đi đây đó để học hỏi, phải tiếp tục đi khảo sát chiến trường xưa, còn phải tập trung viết "Binh pháp". Điền Thục Hiền luôn sẵn sàng ủng hộ những dự định đó của chàng, nên ngày cưới của họ cứ thế lần khân kéo dài mãi cho đến ngày hôm nay...

Cuộc tình duyên của Tôn Vũ và Điền Thục Hiền là cuộc nhân duyên mộc đào quỳnh giao, sau khi cưới nhau đương nhiên họ quấn quít như cá gặp nước, gắn bó yêu thương vô cùng.

Tuy nhiên họ cũng không đến nỗi quá say đắm trong tình duyên mới, mà vì sự nghiệp lớn lao từng theo đuổi, họ đã vì nhau phu xướng phụ tuỳ, vì công việc mà quên ăn quên ngủ.

Một đêm khuya mùa hạ. Tôn Vũ đang ngồi viết "binh pháp", lúc thì chau mày suy nghĩ, lúc thì rạng rỡ mặt mày, liên tục cắm cúi lên bàn viết. Hơi nóng ban đêm như hun người, không khí như co quánh lại không hề thấy có một sợi gió thoảng qua, cả bầu không gian như một cái lồng hấp, con người sống trên thế gian này chẳng khác gì những cái bánh hấp nằm trong đó, khắp mình mồ hôi đầm đìa, xung quanh hơi nóng ngột ngạt. Tôn Vũ chỉ mặc mỗi một chiếc quần đùi, vậy mà vẫn phải há cả mồm ra hổn hển, cứ như một con bò phải kéo sà cày quá nặng.

Điền Thục Hiền nửa trên mặc chiếc áo cánh màu phớt hồng, nửa thân dưới mặc chiếc váy lụa màu trắng ngọc, cả hai thứ đều nhẹ như mây bềnh bồng và đều mỏng như lớp cánh ve, tay nàng cầm chiếc quạt giấy, liên tục quạt mát cho chồng, mặc dù nàng mệt đến mức vai nhức tay mỏi, nhưng thấy chồng vẫn lã chã mình đầy mồ hôi. Nàng buông quạt xuống, múc vào một chậu nước lạnh, vò chiếc khăn vắt qua, rồi nhẹ nhàng lau khắp lượt trên mình chàng. Tất cả những công việc đó đều như tiến hành trong trạng thái vô tri vô giác của Tôn Vũ, cử chỉ của nàng thật nhẹ nhàng, như mơn trớn vỗ về vậy. Thế nhưng do quá tập trung tư tưởng, Tôn Vũ có cảm giác như mình không hề hay biết gì, đầu không ngẩng lên, bút không ngừng nghí ngoáy, vẫn cứ miệt mài viết, tốc độ lại còn nhanh hơn trước. Bỗng nhiên từ phía sau sân rừng rực ánh lửa, chiếu đỏ cả một góc trời y như cảnh chiều tà mặt trời sắp lặn, tiếng phèng la inh ỏi như xé màng tai, tiếng

kêu cứu ồn ào ầm ầm như vỡ chợ, cảnh ấy xảy ra vào ban đêm nên nghe cảng ghê sợ, rụng rời chân tay. Người ta thường nói, nước lửa cũng như giặc, ánh lửa tức là mệnh lệnh, tiếng kêu cứu chính là tiếng trống, tiếng kèn xung trận, Tôn Vũ xông ra khỏi phòng, chạy tới nơi ngọn lửa đang hừng hực cháy.

Thì ra chuồng ngựa ở phía sau sân bị cháy. Tôn Vũ chạy đến nơi thì phía trước chuồng ngựa đang lố nhố người, chạy tới chạy lui, rối rít tít mù. Có người định nhạy vào trong lán ngựa, đánh tháo cho cả chục con ngựa đang buộc ở đấy được thoát ra, khốn nỗi ngựa nhiều, cửa lại hẹp, những con ngựa cuống lên vì sợ lửa, đã giằng đứt dây cương, hí vang lên và đập vó xuống đất, chạy đi chạy lại, chẳng có con nào được thoát ra ngoài. Ngọn lửa bắt đầu bén từ phòng ngủ của mấy người coi ngựa, hai người trong số họ còn trẻ nên đã xông ra được ngoài biển lửa, thoát nguy hiểm. Nhưng ở trong đó vẫn còn một ông già đang kêu cứu và rên rỉ. Tôn Vũ hô lớn:

– Cứu người hệ trọng hơn, hãy bỏ ngựa lại đấy!

Hô xong, chàng xông thẳng đến gian nhà coi ngựa. Gian nhà ấy sớm đã chìm trong ngọn lửa, khói đen mờ mịt, cửa đi cửa sổ đều thè ra những lưỡi lửa đỏ lừ trên nóc nhà, tre pheo cháy nổ lên bôm bốp, xem chừng sắp sập xuống đến nơi. Tiếng kêu cứu yếu ớt theo luồng khói đặc và ngọn lửa bừng bừng từ trong một căn phòng vang ra. Tôn Vũ người cao, lại được tập tành võ nghệ, thấy vậy, tạo thế nhảy ùa vào biển lửa hòng cứu người giám mã già đang thều thào kêu cứu…

Không biết qua đi bao nhiêu lâu, Tôn Vũ kéo theo một ông già bị lửa khói hun đen sì, co dúm lại như chú gà con rơi xuống nước, loạng choạng từ trong biển lửa bước ra, đầu tóc chàng bị cháy xém, quần áo bốc khói lên, đi thêm được mấy bước nữa thì ngã vật ra đất.

Ông già coi ngựa được cứu sống, Tôn Vũ lại bị bỏng nặng. Da chàng bị loét ra từng đám, máu mủ đầm đìa, sốt cao li bì, nói mê lảm nhảm, trong phủ từ già chí trẻ ai cũng lo thay cho chàng, ngay cả Yến Anh và Tề Cảnh công cũng hay tin và luôn sai người đến hỏi thăm.

Cuối cùng, do điều kiện thuốc men ở kinh đô nước Tề cũng tốt hơn, lại có thái y tận tình săn sóc, chữa trị, Tôn Vũ đã dần dần qua được cơn nguy kịch. Vừa mới hết sốt, đầu óc cũng được sáng suốt trở lại, Tôn Vũ khắp mình bôi kín thuốc cao, băng bó chằng chịt, đã nghiến răng chịu đau, cựa quậy chân tay để bắt đầu trở lại với công việc soạn thảo "binh pháp". Chàng phải nằm cứng trên giường bệnh, hơi cựa mình một cái là đau nhói lên tận tim, mọi sinh hoạt không thể chủ động được, càng không thể ra khỏi giường, không thể phục lên bàn viết được, nhưng miệng chàng còn chưa bị băng kín vẫn còn ăn uống được, vợ chàng phải kiên nhẫn bón cho từng thìa nhỏ. Chàng vẫn nói được kể ra được những điều mình đang nghĩ trong lòng, cảm nhận thấy trong óc. Đôi mắt chàng cũng còn nguyên lành và không bị băng bó, được vợ giúp đỡ, vẫn có thể đọc được các tấm thẻ tre, quan sát và phân tích được những gì xảy ra quanh mình và phán đoán được. Hai tai chàng cũng không bị băng che, vẫn nghe được tiếng đọc sách của vợ, không ảnh hưởng tới việc trao đổi, bàn bạc và tranh luận với vợ.

Có được ba giác quan đó lúc này là tạm đủ lắm rồi, đương nhiên, vẫn cần có cái đầu tỉnh táo và sáng suốt. Còn như chuyện đau đớn về xác thịt, để làm việc này, chàng đã hoàn toàn gác bỏ một bên, chịu để những hạt mồ hôi to như hạt đậu bò trên trán và bặm đến chảy cả máu môi dưới chịu đau, máu chảy ròng ra cả mép, chàng vẫn tỉnh táo chuyển động đôi tròng mắt tinh anh, rủ rỉ kể, để cho Thục Hiền vợ ghi chép. Ghi chép xong một đoạn, vợ dừng lại, đọc cho chồng nghe, hai vợ chồng lại gọt rũa, bàn bạc, cân nhắc, sửa chữa. Kể cũng thật lạ, làm như thế ít lâu, nỗi đau thể xác tự nhiên giảm nhẹ đi nhiều.

Khắp mình bị băng bó hầu như bịt kín, mồ hôi và các chất bài tiết không có đường thoát đi, lại thêm nằm trên giường lâu ngày, phần xương cùng hai bên mông của Tôn Vũ đã bị hoại thư, tối hôm ấy, khi thay băng bôi thuốc, những dải băng thường dính theo những vảy vụn, máu mủ cũng chảy ra theo, nỗi đau đớn ấy, thật không khác gì rút gân rứt thịt. Mỗi lúc như thế, Tôn Vũ thường lấy công việc soạn sách để chống lại nỗi đau thể xác, khiến cho các thái y và những người hầu hạ đến rơi cả nước mắt, nức nở không ra tiếng. Người vợ thân yêu của chàng thì để nước mắt hoà theo từng vết máu, rồi sau đó lại ghi chép lên thẻ tre từng chữ từng câu chồng mình đọc cho. Tôn Vũ, một chàng trai mới kiên cường làm sao! Trên đời này, cứng rắn nhất là sắt thép và có một thứ còn cứng rắn hơn sắt thép là kim cương, còn cứng rắn hơn kim cương là ý chí của người anh hùng.

Nửa năm sau, sức khỏe của Tôn Vũ hoàn toàn bình phục, cũng may ngày ấy vết thương không bị vào gân vào xương, cho nên đến lúc này không để lại dị tật gì.

Một ngày giữa mùa xuân, Tôn Vũ đang chăm chú soạn "binh pháp", bỗng đâu nhận được tin buồn, ông ngoại bị ốm chết. Theo phong tục đất Tề, ông ngoại về trời, cháu ngoại chẳng những phải đến chịu tang, mà còn phải tới kịp để túc trực bên linh cữu, có nghĩa là thân mặc áo xô, đầu đội mũ gai, ngang lưng cũng thắt đai gai rồi quỳ trước linh cữu người chết, mỗi khi có họ hàng bạn hữu đến phúng viếng, lại phải ô hô khóc theo. Đám già quàn ba, người quá cố cứ sáu mươi tuổi trở lên thì đám tang của họ được gọi là đám già, linh cữu được để trong nhà ba ngày gọi là quàn ba. Tôn Vũ quí thời giờ như vàng, để khỏi ảnh hưởng tới việc soạn "binh pháp", đã nêu ra việc sẽ chỉ về chịu tang chứ không túc trực bên linh cữu. Cha mẹ không bằng lòng, khiến cho cả đôi bên đều không được thoải mái.

Để làm giảm mối mâu thuẫn này, Điền Thục Hiền đã mạnh dạn bước ra, xin được đi thay chồng làm công việc đó! Nhưng công việc đó đâu có thể thay như thế được, huống chi là vợ chồng lấy nhau vừa mới một năm. Điền Thục Hiền vẫn là cô dâu mới xiêm hồng áo tía, sau khi túc trực; bên linh cữu thì ba năm liền phải mặc đồ tang. Có điều Điền Thục Hiền đã cố tình làm thế, nên bố mẹ chồng chẳng còn biết nói sao.

Kết quả là Thục Hiền đã giành được tiếng tốt còn Tôn Vũ thì bị nói ra nói vào. Bởi những ngày còn thơ ấu, Tôn Vũ thường ở nhà ông bà ngoại, do cậu bé vốn thông minh mau lẹ hơn người, lại thạo đường ăn nói, rất được mọi người mến yêu,

nhất là bà ngoại, coi cậu như hạt ngọc trên tay, còn lòng yêu mến với những đứa cháu khác lại kém hẳn rõ rệt. Nay Tôn Vũ không chịu làm theo tục lệ như thế, làm gì người ta chẳng bàn tán xôn xao? Người thì bảo, người già phần lớn yêu thương con gái, quý cháu ngoại, như thế quả là một sai lầm lớn. Có người thì bảo, khác máu thì tanh lòng không thể tin được, cháu ngoại như chó, ăn xong là chuồn. Thế là để soạn "binh thư" Tôn Vũ đã phải chịu mang hai tiếng "bất hiếu".

Tôn Vũ có người em họ tên là Đoan Mộc Lương, đang sắp sửa lấy vợ, nhờ Tôn Vũ làm phù rể, Tôn Vũ đã khéo léo chối từ, khiến Đoan Mộc Lương hết sức bực mình, vẫy tay áo bỏ đi. Sở dĩ Tôn Vũ từ chối ý nghĩ tốt đẹp và lời chào của người em họ, là vì tiếc thì giờ, không muốn bỏ ra một hai ngày quý báu như vàng đó. Tôn Vũ với Đoan Mộc Lương, tuy chẳng phải cùng một mẹ sinh ra, nhưng lại thân nhau như anh em một nhà. Hơn thế, Đoan Mộc Lương còn có chút ơn cứu mạng Tôn Vũ. Đó là khi còn nhỏ, họ cùng ở nhà bà ngoại với nhau. Một hôm cuối hạ đầu thu, hai anh em giấu người lớn lẻn vào rừng chơi, càng đi càng xa làng, tới một cánh rừng dương, cây cao ngút trời, cỏ rậm dày đặc, trong rừng đầy chim, còn trên những búi cỏ cơ man là cào cào, châu chấu và dế.

Hai anh em đang chơi đùa rất khoái chí, bỗng từ trong lùm cỏ trườn ra một con rắn độc đang ngóc đầu trườn tới chỗ Tôn Vũ. Lúc này Tôn Vũ đang mải đuổi bắt một con cào cào, không hề hay biết chút gì. Đoan Mộc Lương nhanh mắt nhanh tay, vớ ngay một hòn đá, ném thật lực vào con rắn đang ngóc đầu lên. Con rắn độc bị đau, quằn quại và run giật

trên bãi cỏ, hai anh em sẵn cây gậy trong tay, lại đánh cho một trận tơi tả nữa cho đến khi con rắn độc nát đầu ra. Ơn cứu mạng ấy còn chưa báo, thế mà nay bảo đi phù rể lại tìm cách từ chối, thế chẳng hoá ra vô tình vô nghĩa lắm sao? Và cũng cần biết phù rể là một việc rất vinh dự, phải là dáng vẻ đàng hoàng, đạo đức tử tế, được người kính nể mới đủ tư cách gánh vác công việc này. Tin tức đồn đi, rất nhiều người bảo rằng Tôn Vũ mới có chút tiếng tăm, đã có vẻ vênh vác lên mặt, không coi người thân bạn bè là gì, đúng là hạng tiểu nhân sớm nắng chiều mưa. Để soạn "binh pháp" Tôn Vũ đã phải mang tiếng là phường "bất nghĩa".

Thu qua đông tới, ngày ngắn đêm dài, bầu trời ít khi được trong sáng, luôn tản mát những làn tuyết nhẹ, hoặc chỉ một đêm gió bấc cuộn về, thì bông tuyết lớn như những chiếc lông gà bay tới tấp, chỉ trong phút chốc, cả trời đất mênh mang bỗng trắng xoá như nạm bạc, băng đóng tuyết phủ, một màu thuần khiết. Đúng vào một đêm mưa tuyết đầy trời như thế, dưới ánh đèn leo lét, Tôn Vũ đang vung bút viết sách, Thục Hiền cũng đang chăm chú đọc và chỉnh lý tư liệu. Bỗng nhiên, một tiếng huỵch như có người vừa ngã xuống, làm Tôn Vũ giật mình quay đầu lại. Chàng hốt hoảng khi thấy Thục Hiền đang duỗi dài chân tay nằm xoài bên cạnh đống thẻ tre văng vãi tứ tung. Tôn Vũ vội hô hoán lên, vợ chàng vẫn không trả lời. Cùng lúc ấy chàng cầm cây nến đi về phía trước, soi xuống tận nơi, thấy Thục Hiền vợ chàng mặt tái nhợt, như vừa rơi xuống nước, chỉ còn thoi thóp thở…



Ám độ Trần Thương

+ Giải nghĩa: Chọn con đường, cách thức tấn công mà không ai nghĩ tới
+ Điển cố: Thời Hán-Sở tranh hùng, Lưu Bang bị Hạng Vũ ép vào đóng quân trong vùng Ba Thục hẻo lánh khó ra được Trung Nguyên. Hàn Tín bèn bày kế vờ sửa đường sạn đạo nhưng lại ngầm dẫn quân đi đường núi hiểm trở để đánh úp ải Trần Thương, mở đường ra Trung Nguyên cho quân Hán.

CHƯƠNG X

BỐN HỌ MƯU LOẠN
TÔN TỬ SANG NGÔ

Vừa nói Tôn Vũ đang chăm chú viết binh pháp thì vợ chàng, Thục Hiền ngã lăn ra đất, mặt tái nhợt, chỉ còn thoi thóp thở. Tôn Vũ vội vàng gọi người khiêng nàng về phòng ngủ, mời thái y đến khám chữa. Không cần bắt mạch, chỉ nhìn qua sắc mặt thái y cũng biết được ngay là do mất máu quá nhiều. Hỏi nguyên nhân bị mất máu, Tôn Vũ ngớ ra không biết.

Thục Hiền mắc bệnh, đâu chỉ một hai ngày, ngay mươi hôm trước, nàng đã thấy trong bụng khó chịu, vội vàng vào nhà xí, kết quả là tuôn ra một đống máu thịt bầy nhầy, máu chảy ra không ngớt, cái thai năm tháng trong bụng bị đẻ non. Để bố mẹ chồng khỏi lo ngại và không ảnh hưởng đến sự nghiệp của chồng, nàng không hề nói với ai câu nào, cũng không để lộ ra nét mặt, cũng không nằm yên để nghỉ ngơi, lại không chịu bồi bổ cho thân thể gầy yếu, hàng ngày còn dậy sớm thức khuya, hoặc là đọc và thu thập tài liệu, hoặc ghi chép viết lách, hoặc là săn sóc chồng trong việc ăn nghỉ … Đừng vội trách Tôn Vũ quá vô tâm đểnh đoảng, nét mặt và bệnh tình của vợ như thế mà lại không hề hay biết gì, thực tình chàng đã để hết tâm huyết của mình vào việc viết sách, suốt ngày cặm cụi trên bàn viết lách, hầu như không có lúc nào ngẩng đầu, mở mắt, ăn cũng chẳng cần biết là ăn gì, ngủ không biết giờ giấc nào, đối với mọi thứ xung quanh, nhìn mà không thấy, nghe mà không biết. Còn như nguyên

nhân nào khiến cho Điền Thục Hiền bị sẩy thai, chắc chắn là do mệt mỏi quá độ chứ không có gì khác.

Tình hình chính trị cũng giống như mặt đất, nhìn bề ngoài có vẻ rất cứng rắn, vững vàng. Là nước lớn số một ở phương Đông, ngang hàng với nước Tần, nước Sở, có Cảnh Công là một đấng minh quân, có Yến Anh là bậc hiền tướng, vua tôi tâm đắc với nhau, trị vì nước Tề đến mức chỉ còn kém có thời Hoàn Công - Quản Trọng nữa thôi. Nhưng trên thực tế, dưới lớp đất cứng ấy là một cái gì đó đang sôi sục, có thể làm bục vỡ lớp đất vỏ để gây tai hoạ bất kể lúc nào. Sự sục sôi ngấm ngầm và không ổn định đó biểu hiện ở chỗ bốn dòng họ Điền, Bào, Loan, Cao chống lại dã tâm của thái tể Điền Anh cũng như xung đột mâu thuẫn giữa bốn dòng họ đó với nhau. Mà trong bốn dòng họ đó thì họ Cao lại là kẻ đầu têu. Từ Cao Lai, Cao Cường từ lâu đã ngấp nghé địa vị tướng quốc trong triều chính, nhưng lúc ấy còn thức thỏm lo âu, luôn cố gắng trang điểm che đậy cho mình, khoác lên một chiếc áo ngoài thật đẹp và chiếc mạng che mặt ngụy trang thành bộ dạng một kẻ trung quân ái quốc.

Đến thời Cao Chiêu Tử thì đã chủ động gỡ bỏ những thứ ngụy trang đó đi kể cả mạng che mặt cũng vứt đi, tất cả đều trần trụi phơi bày ra. Thế nhưng Cao Chiêu Tử không phải hạng người mới trông mặt đã bắt được hình dong ngay đâu, hắn giỏi về tâm cơ, rất thạo quyền mưu, biến hoá khôn lường. Dáng vẻ của hắn, hình tượng của hắn, bản thân đã là một đám sương mù, khiến cho người ta thấy cứ u u minh minh, không nhìn thấy vẻ thật của trái núi. Hắn cao chưa đầy năm thước, nhưng lại béo ị, nửa thân trên thì dài, nửa thân dưới thì ngắn, tỉ lệ chẳng hài hoà với nhau chút nào,

giá như hắn có mặc cẩm bào hay hồng bào mà đi trên phố nhìn từ xa như dáng một quả bóng màu đang lăn, cứ lăn lại lăn đi, cũng đáng cười như nhau. Không những cả người hắn tròn, khuôn mặt hắn cũng tròn, như người khoanh mà vẽ ra vậy. Vả lại, cũng do quá béo, nên nhìn mi mắt hắn, không biết cái nào cao hơn. Năm giác quan thì túm tụm lại với nhau một chỗ y như người dùng bút vẽ lên một quả bầu nậm, nhìn kỹ đâm ra lại không đến nỗi khó coi, nhất là đôi mắt, đôi mày của hắn, lúc nào cũng nhắm lại y như Phật tổ Như Lai vậy, từ đó lại gây cho người ta một cảm giác nhân từ hiền hậu.

Đối với Cao Chiêu Tử thì phải nhìn tướng mạo với con người hắn với con mắt ngược lại. Gọi là ngược lại có nghĩa từ thiện thì nên hiểu là độc ác, nhân từ nên hiểu là hung dữ như con cá sấu vậy. Thấy nó rơi nước mắt không có nghĩa là thương xót và từ bi, mà là đang muốn ăn thịt người. Chẳng những điệu bộ và hình dáng, lời nói cũng thế, tất cả bọn tâm phúc, tay chân, ai cũng đều hiểu rõ những điều hắn nói ra. Thí dụ, hắn bảo, anh phải săn sóc người này cho thật tốt nhé, không được chậm trễ chút nào. Bọn chân tay của hắn sẽ không phải nghi ngờ gì mà đem người đó giết đi, kết quả tất sẽ được khen thưởng.

Năm 517 trước công nguyên. Lỗ Chiêu Công mang quân đi đánh họ Lý Tôn. Ba họ Lý Tôn, Mạnh Tôn, Thúc Tôn liên hiệp lại chống Chiêu Công, Chiêu Công thua to chạy sang nước Tề. Do nước Lỗ có loạn lạc nên Khổng Tử cũng mang học trò của mình chạy sang Tề, một là chạy theo nhà Vua, muốn khuyên Tề Cảnh Công cho quân đi giúp Chiêu Công khôi phục đất nước, hai là muốn nhờ sức mạnh của Tề Cảnh

Công và Yến Anh, thi hành nhân chính và đức trị, để thực hiện học thuyết và lý tưởng của mình.

Theo phương thức của những nhà hoạt động chính trị thời bấy giờ, muốn bắt chước làm theo một quốc gia nào đó, thì phải tìm chỗ nhờ cậy. Mặc dù năm trước Khổng Tử đã từng gặp Tề Cảnh Công, đối với Khổng Tử, Tề Cảnh Công có ấn tượng rất tốt. Thế nhưng không đánh được vào chỗ thân tín của nước Tề, thì vẫn rất khó nắm được quyền, thế nên tuy quyết định sau khi đến nước Tề, sẽ sai người dâng thư lên Yến Anh. Ngày thày trò Khổng Tử đến nước Tề, Yến Anh sai Lê Sừ mang theo người tuỳ tùng ra ngoài thành đón đợi, rồi theo thói quen trong cuộc sống của Khổng Tử, tiếp đãi hết sức tận tình. Yến Anh xưa nay vẫn khâm phục nhân phẩm học thức, đạo đức văn chương của Khổng Tử, nhưng không đồng ý chủ chương chính trị của ông, cho rằng học thuyết nhân chính đức trị, chẳng qua chỉ là một sự mong ước tốt đẹp, là thứ ảo tưởng không sát với thực tế, có thể sau này sẽ có ngày thực hiện, nhưng ngay lúc ấy dùng nó để trị nước, thì tất chuốc lấy sự diệt vong.

Đạo lý không giống nhau, khó có thể cùng mưu tính với nhau, tuy đối xử rất lễ độ với Khổng Tử, nhưng Yến Anh cứ lần lữa không dẫn ông đi gặp Tề Cảnh Công. Hắn thừa biết Cảnh Công là một ông vua vốn chẳng có chủ kiến gì, rất dễ bùi tai, Khổng Tử lại rất khéo nói, lại có tài biện bạch, hai người gặp nhau, Cảnh Công nhất định sẽ bị thu hút bởi học thuyết của Khổng Tử, phương hướng sẽ bị rối loạn. Khổng Tử xưa nay đối với ai cũng vậy, nghe người ta nói nhưng còn xem người ta làm, nay thấy Yến Anh chỉ nói không làm, mỗi khi nhắc đến chuyện muốn gặp Tề Cảnh Công, thế nào hắn

cũng lấp liếm “Dễ thôi, dễ thôi”, “chưa vội, chưa vội” để đối phó. Như thế làm gì mà chẳng sinh nghi. Đúng lúc đó, theo lệnh của Cao Chiêu Tử, Lê Sừ lại mời thầy trò Khổng Tử qua bên phủ để yến ẩm, Khổng Tử vui vẻ nhận lời, dẫn học trò sang đó.

Lê Sừ tầm thước trung bình, tuổi trạc ngoài ba mươi, mặt trắng như bột, râu mọc lưa thưa, xem ra hơi có vẻ đẹp trai và nho nhã. Đây là một nhân vật hết sức thần bí, tuy là gia thần của Cao Chiêu Tử, thế nhưng lại suốt ngày quanh quẩn bên Yến Anh, rất được Yến Anh khen ngợi và vì nể. Hắn rất giống một con dơi, trong cuộc đấu tranh giữa cầm với thú, hắn được sự yêu mến tin cậy của cả hai bên. Loài biết bay thì nói dơi có cánh, rõ ràng là bạn chiến đấu của ta; loài thú thì nói dơi có răng, rõ ràng là đồng loại của mình. Lê Sừ đã sống len lách như thế ở giữa hai người là Yến Anh và Cao Chiêu Tử, quan sát tình thế để dễ đưa ra sự chọn lựa sau cùng.

Từ lâu nay, trong cuộc đọ sức với Yến Anh, Cao Chiêu Tử luôn ở thế bất lợi, hắn rất muốn mượn tiếng tăm và sức mạnh của Khổng Tử để so bì với Yến Anh, đấu tranh để thắng lợi, đó chính là lý do và mục đích của việc Cao Chiêu Tử mời thày trò Khổng Tử dự tiệc. Khi biết được Yến Anh đang sắp xếp cho thày trò Khổng Tử ở ngoài quán trọ, Cao Chiêu Tử lập tức sai Lê Sừ đón họ vào phủ của mình, nhường những phòng khách thoải mái u nhã nhất, để Khổng Tử ở.

Hắn xúc động nói: “Quán xá là nơi phức tạp ồn ào, đâu có xứng là nơi đại thánh nghỉ ngơi”. Rồi lại bảo: “Để thánh nhân phải ở nơi quán xá, không hiểu bụng dạ thái tể nghĩ thế nào vậy…”.

Khổng Tử nhắc đến việc xin gặp Tề Cảnh Công. Ngay buổi sớm hôm sau, Cao Chiêu Tử đã tâu lên nhà vua, tiến cử người hiền cho triều đình. Sau buổi chầu ngày hôm sau nữa, Tề Cảnh Công đã cho vời và gặp mặt thày trò Khổng Tử. Đôi bên trò chuyện rất tâm đắc, hơn thế nữa, Cảnh Công còn phong cho Khổng Tử vùng đất Ni Khuê để làm thực ấp.

Con người bao giờ cũng hay nghĩ đến mối lợi, đánh giá một con người tốt xấu ra sao, cũng thường thường hay xuất phát từ ân oán lợi hại cá nhân, thánh hiền hầu như cũng không có ngoại lệ. Công việc Yến Anh làm nửa tháng không xong thì Cao Chiêu Tử chỉ làm trong một buổi chiều, như thế làm gì chẳng khiến Khổng Tử phải ghi sâu ơn đức? Còn Cao Chiêu Tử thế là đã chinh phục được Khổng Tử một cách dễ dàng, còn Khổng Tử cũng ngoan ngoãn trở thành gia thần của Cao Chiêu Tử.

Cao Chiêu Tử biết rằng Khổng Tử xưa nay vốn ra sức chủ trương trung thành và tôn kính vua, ngày nay Lỗ Chiêu Công bị Yến Anh sắp xếp cho ở Đường Phụ, một thị trấn nhỏ ở biên ấp nước Tề, sống ăn đậu ở nhờ, cô đơn, buồn tẻ, bi ai và đau khổ; điều ấy khiến cho Khổng Tử ăn không ngon, ngủ không yên. Để triệt để khống chế được Khổng Tử, khiến ông ấy thực sự biến thành một lưỡi dao sắc trong tay mình để giết Yến Anh, Cao Chiêu Tử nhiều lần dâng sớ lên Cảnh Công, khuyên Cảnh Công nên dấy quân chinh phạt nước Lỗ, giúp Chiêu Công về nước khôi phục ngôi vua. Hành động đó nếu như trót lọt, chẳng những khống chế được Khổng Tử mà cuộc đấu tranh của hắn với Yến Anh cũng không còn điều gì bất lợi nữa, nước Lỗ sẽ là con đường tháo lui và là hậu

phương của mình. Cao Chiêu Tử suy nghĩ mới mĩ miều làm sao tuy nhiên cuối cùng cũng chính vì Yến Anh cực lực ngăn trở, cuộc chiến tranh đánh nước Lỗ không xảy ra.

Năm 515 trước công nguyên, Yến Anh rời kinh thành đi thị sát, Cao Chiêu Tử nhân dịp này thuyết phục được Tề Cảnh Công đem quân đi đánh nước Lỗ, giúp Lỗ Chiêu Công về nước khôi phục ngôi vua. Quân đến Vận Thành, quân nước Lỗ theo lệnh của Quý Bình Tử, không những không chống lại, còn chủ động mở cổng thành khao quân, đón Lỗ Chiêu Công về nước. Các tướng nước Tề thấy Quý Bình Tử không đến nỗi xấu xa như lời Lỗ Chiêu Công và Khổng Tử nói, lòng hăng hái sục sôi bỗng nguội hẳn đi đến một nửa. Đúng lúc ấy, Yến Anh đã sai sứ đi ngày đi đêm đến Vận Thành, lệnh cấp tốc kéo quân về triều, thế là việc Chiêu Công khôi phục đất nước phải bỏ dở giữa chừng.

Yến Anh ra lệnh, đạo quân đi đánh nước Lỗ lập tức quay về nước, Cao Chiêu Tử lại một lần nữa chịu thua Yến Anh. Nếu như trước đây, thế nào Cao Chiêu Tử cũng uống rượu như điên, đấm ngực dậm chân mà chửi, rồi lồng lộn hung hăng lên đánh người giết người. Thế nhưng lần này không những hắn tỏ ra rất thản nhiên, ung dung thong thả ngồi uống trà nghĩ gần nghĩ xa, thậm chí xem ra còn thoải mái, vui vẻ khác thường. Hắn nghĩ, hành động này của Yến Anh, tất nhiên sẽ chọc tức thầy trò Khổng Tử vốn rất trung với vua, hắn có thể mượn dao để giết người, một là trừ khử được Yến Anh, không để một chút tội danh nào, hai là cũng xoá sạch được ảnh hưởng của Khổng Tử hai năm nay ở nước Tề, ép ông ta phải ra đi, làm thế, hắn có thể nắm Tề Cảnh Công trong tay, chúa tể tất cả mọi thứ trong nước Tề.

Cao Chiêu Tử quả đã xứng đáng là một nhà chính trị tính sâu và mưu cao, hắn biết rất rõ: Khổng Tử không hài lòng với sự lần khân của Yến Anh, thế nhưng họ lại là bạn cũ của nhau, nên không thể dùng kế manh động giết người, chỉ nghĩ đến mình, bởi Khổng Tử xưa nay vốn trọng nghĩa khí, lại hết sức cổ hủ. Tử Lộ lại là người có lý tưởng, ông ta lại cục mịch, thật thà trung thành, trọng nghĩa khí và có sức khoẻ. Nhân dịp Khổng Tử vào cung, Cao Chiêu Tử sai người mời Tử Lộ để bàn kín với nhau, thắng bại là ở việc này.

Tử Lộ mang kiếm bước vào phòng khách, ngoài Cao Chiêu Tử ra, trong sảnh đường còn có một gã khiến ông khinh ghét nhất, người này mình cao trượng hai, tai to mặt lớn, người thô, mặt lì lợm, phía trán bên phải có một vết sẹo chém tím ngắt kéo dài tới ba tấc. Hắn như một cái bóng, bám sát Cao Chiêu Tử không rời nửa bước. Không biết nói, không biết cười, trên mặt không có một nét gì biểu hiện tình cảm, cứ như là tạc bằng gỗ hay nặn bằng đất vậy. Đó là tên thị vệ gần gũi nhất của Cao Chiêu Tử, vết sẹo trên trán là dấu vết vô hạn trung thành với chủ.

Thấy Tử Lộ bước vào sảnh đường, Cao Chiêu Tử đột nhiên nổi lôi đình, đập bàn đứng dậy, khay chén trên bàn rung lên kêu lanh canh, làm như Tử Lộ chính là kẻ thù không đội trời chung của hắn. Hắn nói như xả hết nỗi phẫn uất vô hạn trong lòng mình:

– Việc sắp xong đến nơi thì hỏng, việc phục quốc của Lỗ hầu còn trông mong gì nữa?

Tử Lộ giật mình, vội hỏi:

– Không còn trông mong gì nữa sao? Quân Tề chẳng đã đến tận Vận Thành rồi kia mà?

Thấy cá đã cắn câu, Cao Chiêu Tử càng giận dữ thêm:

– Nếu như không có lệnh rút quân, lúc này lại chẳng tiến đến Khúc Phụ rồi chứ không phải bỡn!

Tử Lộ bàng hoàng khó hiểu, hỏi tiếp:

– Ra lệnh rút quân, Cao đại phu nói thế nghĩa là thế nào?

– Trọng tướng quân không biết ư? – Cao Chiêu Tử làm như giải thích – Yến Anh đi thị sát các nơi, nghe tin quân Tề đánh nước Lỗ, ngay đêm chạy về kinh đô, ép Tề hầu ra lệnh rút quân. Còn vu khống cho hạ quan ăn đút lót của nước Lỗ, làm sao lại có thể như thế được! Có cái thằng lùn ấy ở đây, hạ quan ở nước Tề, không thể làm nên chuyện gì!

– À ra thế! Tử Lộ nói.

Cao Chiêu Tử đi đi lại lại, nện gót trong phòng khách, một lúc sau, chợt dừng lại trước mặt Tử Lộ nói:

– Khổng Tử là thánh nhân thiên cổ, nhẽ ra có thể mở mang được sự nghiệp lớn lao ở nước Tề, mang ân trạch đến cho muôn dân, vậy mà cái tên Yến Anh lùn tịt kia ở đâu cũng phóng bước ngăn cản, khiến cho Phu Tử hai năm nay chẳng làm được việc gì, nay hắn lại ép Cảnh Công ra lệnh lui quân,

đặt Phu Tử trước bờ vực thẳm bất trung bất nghĩa. Trọng tướng quân là một tâm phúc của Phu Tử, là một kẻ sĩ trung nghĩa, giữa lúc nạn nước thù nhà chồng chất như thế, chẳng lẽ lại khoanh tay đứng nhìn?

Lời lẽ của Cao Chiêu Tử nói trúng vào tâm lý của Tử Lộ. Sau khi Phu Tử đến nước Tề, Yến Anh quả nhiên là ở đâu cũng gây khó khăn cản trở, trước thì lần chần không chịu tiến cử Phu Tử gặp Tề Cảnh Công, sau lại can gián ngăn Tề hầu phong thực ấp cho Phu Tử, đến nay Lỗ Chiêu Công phục quốc đã đến nơi rồi, hắn lại ép Tề hầu ra lệnh rút quân. Bao nhiêu sự thực như thế chứng tỏ những lời đánh giá của mình về Yến Anh một năm trước đây – không những người đã lùn mà bụng dạ cũng hẹp hòi – là hoàn toàn đúng.

Thấy Tử Lộ lầm lì không nói, Cao Chiêu Tử cũng không giục giã, hắn đang hý hửng thấy mình mới bắn có một mũi tên đã trúng hai đích. Tử Lộ đang thận trọng cân nhắc vấn đề Cao Chiêu Tử vừa nêu ra, sảnh đường rất im lặng, chỉ nghe thấy tiếng thở đều đều của ba người và tiếng bước chân của Cao Chiêu Tử thỉnh thoảng vang lên.

Đột nhiên Tử Lộ như bật ra tiếng thở dài và nói:

– Sự việc đã đến nước này, không khoanh tay nhìn thì còn biết làm gì?

Cao Chiêu Tử tủm tỉm cười bảo:

– Đường đi thì có đấy, chỉ e rằng tướng quân do sợ mà thiếu can đảm, không dám đi…

Cao Chiêu Tử không những rất hiểu về Khổng Tử, mà còn hiểu cả Tử Lộ, thấy con người với tính cách như Tử Lộ thế này, tốt nhất không gì bằng dùng cách khích tướng.

Tử Lộ quả nhiên đã bị khích trúng, lớn tiếng hỏi:

– Có điều chi dạy bảo, xin Cao đại phu cứ nói rõ ra cho.

– Phải! Trọng tướng quân quả thật là phóng khoáng – Cao Chiêu Tử bước lên phía trước, làm ra bộ kẻ cả, vỗ vào vai Tử Lộ nói – miễn là tướng quân hãy giúp tôi trừ khử thằng lùn ấy đi, tôi sẽ tiến cử với Cảnh Công để Khổng Phu Tử làm thái tể, đến lúc ấy, chẳng những việc phục quốc của Lỗ hầu sẽ chẳng tốn một tí công sức nào, đạo nhân nghĩa của Khổng Phu Tử cũng như ánh nắng chiếu khắp thiên hạ, há lại chẳng đẹp lắm sao?

Tử Lộ ngẩn người ra, im lặng từ từ cúi đầu.

Cao Chiêu Tử lại cười nhạt nói:

– Tôi còn nhớ Khổng Phu Tử từng nói, kiến ngãi bất vi, làm người như thế cũng phi anh hùng, hay là tướng quân không có đủ gan dạ.

Tử Lộ nói:

– Không phải là do không đủ gan dạ, mà đây là một việc lớn quan hệ đến tính mạng con người, không bàn bạc với Phu Tử, sao có thể làm bừa bãi được?

– Ấy chớ! Việc này không thể để cho Phu Tử biết được – Cao Chiêu Tử vội nói.

Tử Lộ hỏi:

– Tại sao vậy?

Cao Chiêu Tử đáp:

– Tướng quân hãy nghĩ xem, Phu Tử là bậc đại hiền trong thiên hạ, lẽ nào có thể giành địa vị của bạn? Hơn nữa, chẳng may chuyện lộ ra, thì có phải mất cả tiếng hiền của Phu Tử đi hay không? Hạ quan thừa biết tướng quân chẳng những trung với vua Lỗ, mà còn trung với Khổng Phu Tử hơn. Hạ quan nghĩ rằng, tướng quân hào hiệp, nổi tiếng xa gần, vì trung nghĩa, vì theo đuổi sở nguyện của vua nước Lỗ và Phu Tử thì dù có dấn thân vào nơi nước lửa cũng chẳng chối từ!

– Cứ theo như ý Cao đại nhân, Trọng Do nên làm theo lời dặn – Tử Lộ nói.

Ông không phải mụ đầu óc do những lời hoa mỹ của Cao Chiêu Tử, mà đang nghĩ rằng, việc quái gì phải đôi co với hắn, hãy cứ nhận lời đi rồi về bẩm lại với Phu Tử sau.

Cao Chiêu Tử cho là thật, vui như mở cờ trong bụng, nói:

– Trọng tướng quân thật không hổ thẹn là học trò của thánh nhân, lòng chứa đủ trung, nhân, nghĩa, dũng.

Tử Lộ cáo từ ra về, Cao Chiêu Tử tiếp tục xây giấc mộng đẹp của hắn…

Nghe xong lời bẩm báo của Tử Lộ, Khổng Tử cảm thấy nỗi nhục vô cùng to lớn, đồng thời cũng tự trách mình, tại làm sao đến mức không phân biệt được đâu là thiện đâu là ác, coi kẻ cướp là bạn… Sau khi đã suy nghĩ lại, Khổng Tử quả quyết nói:

– Trọng Do! Thu xếp hành lý ngay lập tức – Nói xong, ông đến ngay thư phòng của Cao Chiêu Tử chào để đi khỏi đây – Cao đại nhân, Khổng Tử ở đây quấy quả nhiều người quá, xin chào!

Cao Chiêu Tử ngớ người ra:

– Tại sao? Các vị định đi ư?

– Lại chuyện về ở ngoài quán trọ – Khổng Tử lạnh lùng đáp.

Cao Chiêu Tử đi đi lại lại trong phòng, như một quả bóng màu lăn đi, bỗng nhiên đột ngột dừng lại, cũng lạnh nhạt cười bảo:

– Phu Tử, sau đừng có hối hận nhé! Khổng Tử mỉm cười đáp:

– Khổng Khâu tôi chỉ biết lễ nghĩa, không biết hối hận.

Cao Chiêu Tử đưa tay phải ra trước, làm động tác tiễn khách, nói:

– Vậy thì xin mời!

Bánh xe uể oải lăn đi, thầy trò Khổng Tử lòng đầy hy vọng đến đây, giờ thì ỉu xìu rời khỏi. Cao Chiêu Tử không ra tiễn, chỉ có gã đàn ông có vết sẹo trên trán lừ lừ theo mọi người đến tận cổng.

Sáng hôm sau, tại phòng ngủ của Khổng Tử ở quán trọ, Yến Anh ngồi xếp bằng trên chiếu với Khổng Tử, trò chuyện một hồi rất lâu, khi sắp ra về, Yến Anh khum tay lại khẩn khoản:

– Mong Phu Tử hãy rộng lòng tha thứ!

Khổng Tử im lặng không nói. Yến Anh định đi lại dừng, tiếp tục giải thích:

– Hễ Yến Anh này còn làm thái tể ngày nào thì ngày đó quyết không để Tề, Lỗ giao chiến!

Khổng Tử thở dài nói:

– Tiếc rằng nước Lỗ không có hiền thần như thái tể!

Yến Anh bước lên trước, nắm chặt lấy tay Khổng Tử nói:

– Phu Tử có chịu tha thứ cho tôi không?

Khổng Tử cười dễ dãi và đôn hậu:

– Cả hai chúng ta đều vì chúa của mình, cũng vì chủ trương và tín ngưỡng của mình, có gì mà không lượng thứ được.

Yến Anh xúc động quá, run run đôi tay, mãi không chịu buông ra…

Chiều tối, học trò Khổng Tử đang chuẩn bị nấu ăn, người vo gạo, kẻ chẻ củi, người nhóm lửa đột nhiên Lê Sừ xộc vào báo:

– Đêm nay sẽ có người ám hại thầy trò Phu Tử, thái tể nói, mời Phu Tử hãy rời khỏi đây ngay, để khỏi xảy ra điều gì bất trắc.

Khổng Tử hiểu ngay tất cả, vội lệnh cho thu xếp lên đường, gạo vo xong thì cho vào túi, bỏ lên xe. Xe ngựa vội vàng ra đi, phía sau xe là những giọt nước nhỏ tí tách…

Lê Sừ đưa thầy trò phu tử ra ngoài thành, đón họ ở phía trước là màn đêm mênh mông…

Đêm tối như nuốt đi tất cả, núi non cây cảnh, thành quách… chỉ để lại những bóng người mơ hồ.

Trong bóng đêm, ở trên mặt thành, có một cái bóng già nua thấp bé, đang cúi mình vái tiễn Khổng Phu Tử.

Đồng không bao la trong màn sương dày đặc, thầy trò Khổng Tử mải miết giục xe đi về phía trước. Không biết đi như thế bao lâu, khi đến gần một cánh rừng, từ trong rừng thông xông ra hai người cao lớn mặt bịt kín, gầm lên mấy tiếng:

– Khổng Khâu! Định đi đâu?

Tử Lộ định rút kiếm ra, nhưng đã không kịp mất rồi, một tên cướp đưa thương lên lao thẳng vào trong xe, cùng lúc ấy tên thứ hai cũng vung dao bước lên, cứ y như muốn tranh lấy công đầu, gạt phăng mũi thương của tên thứ nhất đi giữ trọn được tính mạng cho Khổng Tử. Tử Lộ đã rút được kiếm ra, đánh chém hai tên cướp, để cho các bạn học của mình đánh xe đưa Phu Tử lên phía trước.

Hai tên cướp rất khoẻ, Tử Lộ ít không thắng được đông. Nhưng kể ra cũng lạ, không hiểu sao một trong hai tên cướp trong khi đánh nhau lại như ngầm trợ giúp cho Tử Lộ một tay, nên Tử Lộ mới có thể giằng co đánh nhau với bọn chúng hồi lâu như thế mà chưa phân thắng bại. Đột nhiên, một tên cướp đã đuổi kịp Khổng Tử, đưa thương lên định đâm. Tên thứ hai cũng đuổi lên theo, thấy chống đỡ không kịp, liền đưa dao lên bổ xuống, chém tên cướp kia đứt ra làm đôi. Tử Lộ từ phía sau đuổi tới, thấy tình hình như vậy, đã rõ mọi chuyện, thôi không đánh nữa.

Người bịt mặt gỡ mảnh vải che xuống, chắp tay cúi mình nói:

– Làm cho Phu Tử kinh hãi, nô tài xin được xá tội! Khổng Tử vội vàng đáp lễ:

– Tráng sĩ đã che trở cho Không Khâu này thoát chết, ơn to như núi, làm chi có tội.

Tráng sĩ xách trên tay cái đầu lâu còn ròng ròng máu, lấy dao gạt lớp vải đen đi dưới ánh sao lờ mờ nhưng cũng đủ

thấp thoáng nhìn ra vết sẹo dài đến ba tấc ở mé trán bên phải.

Lại có ba tráng sĩ nữa từ trong rừng thông bước ra, cùng làm lễ chào hỏi Khổng Tử, họ đều là người theo lệnh của thái tể Yến Anh, ngầm theo hộ tống thầy trò Khổng Tử ra khỏi biên giới nước Tề.

Âm mưu của Cao Chiêu Tử thế là phá sản. Cuộc đọ sức của hắn với Yến Anh thế là kết thúc bằng sự thất bại. Đương nhiên là hắn không đời nào cam chịu. Hắn đang nghĩ ngợi từ đầu đến cuối cuộc đấu tranh để đúc rút ra những bài học đau đớn xót xa.

Yến Anh cầm quyền, ba mươi năm như một ngày, trước sau theo đuổi chính sách hoà thuận với các nước láng giềng, nhất là với nước Lỗ, đối với nhau như môi với răng, đời nọ nối đời kia kết mối nhân duyên, vốn là cháu với cậu, quyết không đời nào lại động đến việc binh đao. Trong đám quan lại của triều đình, có rất nhiều dịp may có thể đánh nước Lỗ, được, nhưng đều bị Yến Anh cố tình gạt bỏ. Quan hệ giữa nước Tề và nước Lỗ, có bao nhiêu lần như chỉ đụng vào là bùng nổ, nhưng đều được Yến Anh xoa dịu. Cũng như Yến Anh đã từng bày tỏ với Khổng Tử rằng trong thời gian mình cầm quyền, quyết không để cho Tề Lỗ gây chiến với nhau.

Đối với nước Lỗ, quả thật là Yến Anh đã tỏ ra hết sức nín nhịn, nhiều lần bỏ ngoài tai những lời bàn bạc của mọi người khiến cho quần thần nhao nhao bàn tán, dẫn đến sự bất mãn. Chính Cao Chiêu Tử đã bám lấy cái hiện thực về quan hệ giữa hai nước Tề, Lỗ lúc ấy, tung ra nhiều tin đồn

nói bóng nói gió, như bảo Yến Anh bán nước cầu vinh, hy sinh cả lợi ích của nước Tề, để đổi lấy tiếng thơm cho mình. Nào là Yến Anh đã nhận rất nhiều của đút lót của "Tam hoàn" thông đồng với nước Lỗ, là tên nội gián mà Quý Tôn Thị nước Lỗ cài cắm ở bên cạnh Cảnh Công… toàn những chuyện giật gân, không sao kể hết. Chuyện nhảm nói mãi rồi cũng thành sự thật, chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết, ngày một ngày hai, đám người ngu độn dần mất đi sự sùng bái và tin tưởng ở Yến Anh đến mức xa rời cả trong tình cảm. Chính trong tình hình ấy, nước Lỗ lại xảy ra nội loạn, Lỗ Chiêu Công và thầy trò Khổng Tử đã lần lượt đến nước Tề, đã thúc đẩy cho quả bóng màu Cao Chiêu Tử lăn càng hăng hái hơn, ở đâu cũng thấy nó, sặc sỡ đến loá mắt.

Để trừ khử Phu Tử, Cao Chiêu Tử đã vạch ra hai phương án, thứ nhất là mua chuộc thầy trò Khổng Tử. Thứ hai, xúi giục Cảnh Công gần gũi và trọng dụng Khổng Tử, đem quân đi giúp Lỗ Chiêu Công trở về nước khôi phục ngôi vua. Phương án thứ hai này, có cái lợi là bắn một mũi tên trúng hai đích, một là dùng Khổng Tử làm lu mờ rồi thay thế ảnh hưởng và vị trí của Yến Anh, Khổng Tử vừa là người được Cao Chiêu Tử tiến cử, sắp đặt để được Cảnh Công tin dùng thì tất nhiên sẽ phải mang ơn đức của Cao Chiêu Tử mà can tâm để hắn lợi dụng. Đương nhiên, dùng Khổng Tử, chẳng qua chỉ là cái kế tạm thời, mục đích cuối cùng vẫn là làm sao mình nắm được triều chính. Hai là tạo cho văn võ bá quan trong triều cả nước từ trên xuống dưới một cảm giác sai lầm là thân nước Lỗ, mị nước Lỗ, tất cả những việc đó là do thái tể Yến Anh làm ra. Lúc bấy giờ mới tổ chức lực lượng, gây nên cuộc đảo chính, giết chết hoặc xua đuổi Yến Anh đi, như năm nào từng giết Thôi Trữ, đuổi Khánh Phong. Muốn thực hiện

được phương án thứ hai, cần phải có một thực lực mạnh mẽ về quân sự, chỉ dựa riêng có một dòng họ Cao chuẩn bị chiến tranh một cách lẻ loi thì chẳng khác gì lấy trứng chọi đá, chỉ có trong trường hợp mấy dòng họ Cao, Loan, Điền, Bào cùng nắm tay nhau, mới có thể chống lại thế lực lớn mạnh của Yến Anh để giành phần thắng.

Từ sau khi thầy trò Khổng Tử đặt chân lên biên cương nước Tề, hai phương án này của Cao Chiêu Tử liền được song song thực hiện, nhất là phương án thứ hai, càng làm hắn phải lao tâm khổ tứ, hầu như đã vì nó mà dốc cạn cả tâm huyết và sức lực.

Muốn liên lạc được bốn họ, để cùng một lòng một hướng đối phó với Yến Anh, thực ra không phải chuyện dễ dàng. Tuy nói rằng bốn nhà đều thèm khát và muốn được vua yêu nể, đều có dã tâm muốn thay vào chỗ Yến Anh, thế nhưng họ đã từng có những cuộc đánh nhau thề không đội trời chung, bây giờ muốn vứt bỏ mối thâm thù trước, để cho gương vỡ lại lành, đâu phải chuyện dễ. Cao Chiêu Tử trằn trọc nhiều đêm, tốn không biết bao nhiêu thì giờ, mới có thể nhẫn nhục ngậm đắng nuốt cay, đem hết lòng hăng hái, vác cái mặt dày đến gõ cửa phủ nhà họ Điền, họ Bào, để du thuyết, để liên lạc, để nói rõ điều lợi hại, khêu gợi mối chân tình.

Ông nội của Cao Chiêu Tử là Cao Cường, khi còn trẻ nghiện rượu bét nhè, Loan Thi cũng là một con ma men, thế nên hai người thường tìm đến nhau chén chú chén anh, lần nào cũng uống đến nỗi say tràn. Điền Vô Vũ và Bào Quốc, lại là hàng chính nhân quân tử rất khinh ghét hành động xấu xa

đó của Loan và Cao. Lâu dần, bốn họ này hình thành hai phái, phái nọ với phái kia ít đi lại với nhau.

Khi Cao Cường và Loan Thi ngồi uống rượu vui vẻ với nhau, lúc rượu ngà ngà rồi, thường hay kháo đến chuyện dở của hai họ Điền, Bào. Chuyện đến tai họ này, dần dần bỗng trở nên nghi kỵ. Một hôm, Cao Cường và Loan Thi đang uống rượu với nhau như thế, trong khi say rượu, Cao Cường đã đánh người hầu, Loan Thi ở đó chẳng những không khuyên can, còn đổ thêm dầu vào lửa, khiến cho người hầu bị một trận đòn nhừ tử. Người hầu hậm hực, nhân lúc đêm tối lẻn sang Điền phủ, mật báo với Điền Vô Vũ rằng: “Nhà họ Loan, nhà họ Cao định mang gia nhân đến đánh úp nhà họ Điền, họ Bào vào buổi chiều ngày mai”. Ra khỏi Điền phủ, chạy sang nhà họ Bào cũng nói như thế. Bào Quốc tin là thật, ngay đêm hẹn gặp Điền Vô Vũ bàn kín với nhau, quyết định ra tay trước.

Giờ Mão ngày hôm sau, Điền Vô Vũ mang theo hàng chục cỗ binh xa, đến tụ tập ở nhà Bào Quốc, dọc đường gặp Cao Cường từ đằng xa tới, đã uống say ngất nga ngất ngưởng, thấy Điền Vô Vũ, từ trong xe hắn khoanh tay hỏi:

– Dẫn người nhà đi đâu vậy? Điền Vô Vũ chậm rãi nói:

– Đi đánh bọn quân hầu làm phản - thuận miệng hỏi luôn – Tử Lương (Cao Cường tự là Tử Lương) đi đâu vậy?

Cao Cường đáp:

– Tôi định đến ông Loan uống rượu!

Sau khi chia tay nhau Điền Vô Vũ tự tay giục ngựa chạy nhanh, chỉ một loáng đã đến trước cổng nhà họ Bào và thấy ở đó ngựa xe đã nườm nượp, giáo mác tua tủa. Bào Quốc cũng giáp mãng sẵn sàng, cung kiếm trong tay, đang định khởi hành. Điền Vô Vũ bèn gọi Bào Quốc lại, kể cho ông ta nghe mọi chuyện dọc đường. Không biết hư thực thế nào, họ vội cho người đi dò la. Kẻ đi ngóng về nói lại rằng: "Hai vị đại phu Loan và Cao đều bỏ mũ áo, ngồi xếp bằng uống rượu với nhau". Bào Quốc nghe nói thế, thở dài than rằng:

– Tên quân hầu kia nói dối, chúng ta đã hành động vội vàng…

Điền Vô Vũ nói:

– Cho rằng tên quân hầu không nói thực, nhưng Cao Cường dọc đường thấy tôi mang quân đi, hỏi tôi đi đâu, tôi nói đại là đi dẹp đám quân hầu làm phản, nếu nay không đi dẹp, y hẳn sẽ sinh nghi, nếu hắn mưu đuổi ta trước, thì ta hối không kịp. Sao chẳng biết nhân khi chúng uống rượu, không có chuẩn bị mà đánh úp chúng nó trước.

Bào Quốc đồng ý với cách nhìn nhận ấy, quân gia của hai nhà hợp lại, cùng khởi hành một lúc. Điền Vô Vũ đi đầu, Bào Quốc áp sau, xông đến nhà họ Loan vây kín cửa trước cửa sau phủ đệ của hắn. Loan Thi nâng một cái chén lớn đang uống, nghe tin quân hai nhà Điền và Bào kéo đến, bất giác để cái chén rơi xuống đất, vỡ tan. Cao Cường tuy đang say, nhưng đầu óc cũng còn chỗ tỉnh, nói với Loan Thi:

– Tập hợp ngay quân gia, kéo vào triều, xin lệnh vua đi dẹp Điền, Bào, không có gì mà không đánh được.

Thế là Loan Thi cho tập hợp quân gia của mình, từ cửa sau đánh ra, cố mở một con đường máu, kéo thẳng vào cung vua Tề. Điền Vô Vũ, Bào Quốc e bọn chúng mang lệnh của Tề hầu ra đánh đẹp, nên đuổi sát không buông. Cảnh Công ở trong cung, nghe tin bốn họ đem quân đánh lẫn nhau, một mặt ra lệnh đóng chặt cửa cung, sai lính canh phòng cẩn mật, một mặt cùng Yến Anh bàn bạc tìm đối sách. Yến Anh nói:

– Hai họ Loan và Cao ỷ thế được vua yêu nên lộng hành ngang ngược, không phải là chuyện ngày một ngày hai. Việc đuổi Cao Chỉ, cái chết của Lư Khưu, dân chúng oán thán đầy đường, nay lại đến đánh tận tẩm môn, tội đáng chém không tha, nên nhân dịp này mà trừ khử đi.

Thế là triều đình liền cử Vương Hắc mang quân đi giúp họ Điền, họ Bào đánh hai họ Loan, Cao. Quân của Loan và Cao thua trận liên tục, lui vào từng ngõ phố, đi đâu cũng bị đuổi, y như chuột cống ra đường, dân chúng xúm lại đuổi đánh. Loan Thi chiếm cửa đông trước, Cao Cường theo sau, chạy sang nước Lỗ. Điền và Bào đuổi vợ con họ hàng hai người kia đi, thu bằng hết mọi của cải, thực ấp, đăng ký sổ sách dâng lên Cảnh công. Cảnh Công mừng không để đâu hết, vội đem đất của Cao Cường ban cho Vô Vũ, họ Điền lại càng mạnh hơn.

Đấy là cuộc cọ xát một mất một còn xảy ra giữa các bậc tiền bối của bốn dòng họ Điền, Bào, Loan, Cao. Theo dòng thời gian, tuy nói rằng hố ngăn cách mỗi ngày một nông, khoảng

cách mỗi ngày một ngắn lại nhưng vết rạn nứt vẫn còn, sự cấn cá vẫn còn, lúc này Cao Chiêu Tử muốn liên kết họ lại cùng chống Yến Anh, thì mức độ khó khăn và khối lượng công việc nhiều đến thế nào chẳng nói cũng rõ.

Một hôm, Điền Vô Vũ nói với Tề Cảnh Công:

– Các công tử từng bị Cao Sai đuổi đi, thực ra đều vô tội nên cho gọi họ trở về.

Tề Cảnh Công đương nhiên đưa cả hai tay lên tán thành việc đó. Thế là Điền Vô Vũ theo lệnh của Cảnh Công, gọi những người như Tử Sơn, Tử Thương, Tử Chu … về Lâm Tri, tất cả mọi đồ dùng, màn trướng, áo xống đều do Điền Vô Vũ dốc hầu bao ra mua sắm cho. Các công tử được về cố quốc, đã vui mừng lắm rồi, lại thấy mọi thứ cần dùng cho cuộc sống, đồ ăn thức mặc hàng ngày, không thiếu một thứ gì, đều do Điền Vô Vũ ban cho, người nào người nấy cảm động đến rưng rưng nước mắt. Điền Vô Vũ lại ra sức làm ơn cho thiên hạ, phàm là những người không có bổng lộc trong vương tôn công tử, đều được ông mang tiền của ra trợ cấp; hỏi ra biết được trong nước có ai nghèo hèn cô quả cô đơn, ông đều sai người mang lúa gạo cấp đến tận nhà, phàm là những ai nợ nần vay mượn, người nào nghèo quá đến mức không trả được nợ thì lập tức đốt bỏ văn tự đi. Cứ như thế, trong nước không ai không ca ngợi ơn đức của họ Điền, lũ lượt xin đi theo dù có chết cũng không tiếc thân.

Thấy lòng dân đều quay về phía họ Điền, Yến Anh liền khuyên Cảnh Công nới lỏng hình phạt; giảm nhẹ sưu thuế, ra tay cứu giúp, ban phát ân huệ rộng rãi trong dân chúng,

để lấy lại lòng dân. Tề Cảnh Công không tiếp nhận đề nghị đó của Yến Anh, song cũng dần xa lánh ân sủng và tin tưởng đối với Điền Vô Vũ. Bởi thế trong gia tộc họ Điền chẳng người nào là không oán ngầm Yến Anh, đó là nền tảng tư tưởng mà họ tham dự vào việc mưu loạn với Cao Chiêu Tử.

Tuy là cha con, nhưng Tôn Bằng không giống như Tôn Thư, ông tỏ ra nhanh nhẹn lại thạo nói năng, có gan dạ hơn người, trong trường hợp ngoại giao, đã nhiều phen lập được công lớn, chinh chiến nơi sa trường biên cương, khiến kẻ địch chỉ nghe tên cũng đã khiếp vía. Tuy nhiên, ông lại luôn tỏ ra bảo thủ cố chấp, tự cao tự đại giao du với người khác không chan hoà, quan lại trong triều người nào cũng kính nhưng không nể. Về chính kiến, ông cũng không hợp với Yến Anh, thường nhiều bận tranh cãi đến đỏ mặt tía tai, rồi ấm ức đi. Cứ như thế, tuy là hàng đại phu, nhưng Tôn Bằng vẫn mãi không được trọng dụng. Người ta khó có ai tự biết được mình, thế nên Tôn Bằng cũng chẳng mảy may nhận thức ra được mặt yếu của mình, mọi thứ đều đổ tại Yến Anh. Bởi thế trong cuộc nổi loạn do Cao Chiêu Tử bày đặt ra với mục đích chính là chống lại Yến Anh, ông trở thành chủ lực, còn hăng hái tay không ra trận, chứ không tránh né giấu mặt như Cao Chiêu Tử.

Lúc này, thầy trò Khổng Tử không chịu bước vào cạm bẫy, đã ra khỏi nước Tề, muốn gây cuộc bạo loạn để giết chết hoặc đuổi Yến Anh đi cũng chưa đến lúc chín muồi. Âm mưu đã bị bại lộ, không hiểu Yến Anh sẽ dùng chính sách gì để tẩy rửa. Để tránh mắc tội, những kẻ tham dự vào vụ này đã lũ lượt bỏ trốn. Tôn Thư vốn đã cáo lão ở nhà, không màng gì đến chính sự, lại càng không bao giờ nghĩ tới chuyện can

dự vào những vụ việc như thế này. Ông bao lần có công với nước, vốn được thậm xưng là hàng nguyên lão vọng trọng đức cao, chắc rằng Yến Anh cũng chẳng làm gì được ông. Còn Tôn Bằng, trong việc Cao Chiêu Tử chống lại Yến Anh, lại là kẻ đi đầu, có thể nói tội đã sờ sờ, phải mau tìm đường trốn, nếu không, khó tránh khỏi bị tru diệt. Tuy nhiên Tôn Bằng cố chấp đã thành tật, cho rằng hảo hán làm việc gì cũng vậy, dám làm thì dám nhận, đứng làm cây còi, hơn nằm chỉ là sợi dây, thế nên để mặc cho Yến Anh đầy ải.

Tôn Vũ tuy chỉ biết chuyên tâm soạn “binh pháp”, không mảy may dính dáng đến chuyện này, nhưng vì là con một của Tôn Bằng, e cũng phải chịu tội lây không đi thì dữ nhiều lành ít. Từ trên xuống dưới trong Tôn phủ đã bàn tán về chuyện này khá nhiều lần, cuối cùng chỉ còn cách là Tôn Vũ cùng gia quyến phải bỏ nhà ra đi.

Tôn Vũ ra khỏi nhà, tuy không giống như cảnh vây nhà để tru di cả họ, có kẻ đuổi đằng sau, phía trước có địch đón chặn, thế nhưng dẫu sao cũng là trốn lánh nạn, khó có thể ung dung đoàng hoàng. Tuy vậy mười ba bài “binh pháp” đang biên soạn dở và những tư liệu có liên quan, là những thứ không thể nào bỏ sót không mang theo.

Một buổi sớm, một đoàn gia đinh hộ tống mấy cỗ xe ra khỏi thành, theo sau là một số kẻ hầu người hạ, người ngoài nhìn vào cứ ngỡ như các bà các cô trong Tôn phủ đi thăm bạn bè họ hàng, hoặc đi thăm thú nước non. Ngồi trên xe là những người trong gia quyến, chở trên xe là những đồ tế nhuyễn, đã dùng hàng ngày và thư tịch tư liệu. Qua giờ Thìn, Tôn Vũ

nhảy lên mình ngựa, tay cầm cánh cung, lưng đeo túi tên, phía sau có người hầu, nghênh ngang lên núi đi săn.

Trời thu se lạnh, cây khô lá vàng, heo may xào xạc muôn ngàn cây cỏ điêu linh. Màn đêm lạnh lẽo, gió bấc như nức nở, hương lạnh ướt vai chim đêm rúc từng tiếng như than như thở. Một mảnh trăng tàn, hờ hững treo giữa muôn sao lấp lánh tựa như những con mắt ai oán chớp lên ánh thê lương. Ở một bãi trong rừng dương, xe phục ngựa nằm, gia đinh và những người theo hầu, ai nấy đều co lại với nhau ở ngoài trời, qua một ngày bươn bả, người nào người nấy mệt mỏi rã rời, chẳng ai còn để ý đến gió lạnh và sương ướt cũng như nỗi khổ nằm gai gối cát họ ngủ say sưa ngon lành…

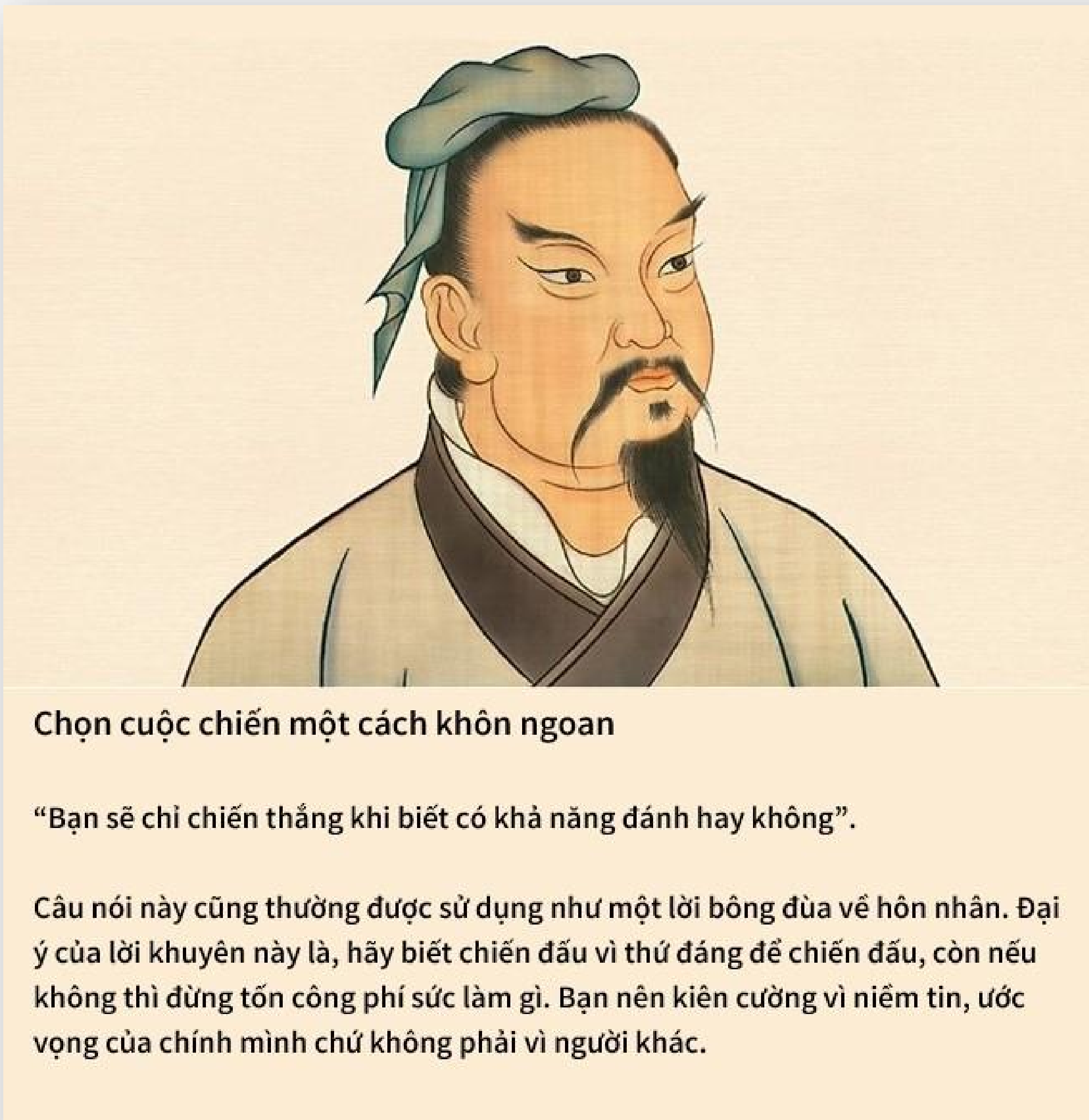
Tiếng ngáy của họ vang rền như sấm, vợ trẻ con thơ chưa từng trải qua nỗi gian truân vất vả thế này, giờ đây chắc cũng đang yên giấc trong xe ấm, còn Tôn Vũ thì không sao nhắm mắt cho được. Để cho những gia đinh gác đêm được nghỉ ngơi, Tôn Vũ đã cầm kiếm đi đi lại lại trong rừng bồi hồi nghĩ ngợi. Ngay từ bé Tôn Vũ đã không hợp tính cha mình, cho đến lúc này chàng vẫn thấy từ tính khí, từ cách đối xử ăn ở với mọi người, cha mình đều khiến cho người ta khó hiểu. Chàng thật không hiểu tại sao, một người đã sống quá nửa đời người rồi, tại sao còn đi can dự vào cuộc bạo loạn do Cao Chiêu Tử bày đặt ra với mục đích là chống lại Yến Anh, khiến cả gia đình phải phiêu bạt mỗi người một nơi, không còn được đoàn tụ… Nhất là chàng không muốn xa rời ông mình và mẹ mình, bởi thấy lần này ra đi, không biết đến bao giờ mới có ngày trở lại. Người trong một nhà mà không biết đến năm nào tháng nào mới gặp nhau.

Ông nội lúc này là một cụ già tám chục tuổi đời, vì nước vì dân, cả đời xông pha trận mạc chẳng mấy khi được hưởng niềm vui sướng ở đời, giờ này đang cáo lão ở nhà, lẽ ra phải được hưởng hạnh phúc với cháu con đầy cửa đầy nhà, quây quần dưới gối không ngờ phải ngậm ngùi chịu nỗi khổ tóc tang của ông xa cháu, sống những ngày cuối đời trong cảnh cô đơn lạnh lẽo. Mẹ chàng tuổi cũng đã cao, mình mang trăm thứ bệnh, đứa con một này luôn là núm ruột, là lẽ sống, là tương lai và niềm sở cậy của bà, một khi phải xa rời thì nỗi xúc động đó như thế nào, chắc rằng ai cũng có thể suy ra được. Rồi cha chàng rủi có thế nào, thì bà sẽ sống ra sao đây…

Tôn Vũ càng nghĩ, càng oán trách lỗi lầm của cha. Tuy oán trách như vậy, nhưng lo ngại, lo cho sự yên nguy của cha, không biết có những tai họa gì sẽ giáng xuống đầu cả nhà này… Rất hiển nhiên, lần này ra đi, trong thời gian ngắn sắp tới, rất khó có thể quay về, thậm chí còn có thể chết bỏ thây nơi đất khách quê người. Đương nhiên, ở đâu mà đất đen chẳng chôn người, có điều, làm trai sống trên đời trên không thể báo đền nợ nước, dưới không thể tận hiếu với cha mẹ và các bậc bề trên, thì chẳng hoá ra sống uổng một đời sao! Nghĩ đến đây, Tôn Vũ bất giác thấy xót xa và rơi lệ…

Bôn ba suốt một ngày trời, đã cách kinh thành Lâm Tri khá xa rồi, không thấy có người đuổi theo, xem ra có vẻ ra khỏi biên giới được an toàn và giữ tròn tính mạng, cũng không có gì khó khăn lắm nữa. Thế nhưng đi về phương nào, tránh nạn ở đâu, cho đến lúc ấy còn chưa xác định, Lỗ, Vệ, Tống, Trịnh… hầu như ở đâu cũng có điều lợi và bất lợi khiến người ta khó chọn lấy một nơi. Lẽ nào lại cứ như con nhặng

mất đầu, lao bừa vào các nơi hay sao? Tôn Vũ không làm sao xác định rõ được ý mình, đang băn khoăn lo lắng, ngẩng lên bầu trời đêm mà thở dài… Bỗng nhiên một đàn nhạn đêm từ phương bắc bay về hướng nam, vươn cổ ra gọi nhau, bầu trời lặng lẽ, bỗng trở nên trong sáng và rạng rỡ. Đàn chim bay về phương nam, như một điều khêu gợi cho Tôn Vũ, khiến cho lòng chàng bỗng trở nên nhẹ nhõm thênh thang, phía trước như bừng sáng, ngay lập tức xác định được đất nước mà mình định ngả theo.



CHƯƠNG XI

GIÓ NƯỚC SỞ TANH MÙI MÁU NGŨ VIÊN RA NƯỚC NGOÀI

Đang giữa lúc Tôn Vũ cùng đường nghẽn lối, loay hoay không biết tính sao, thì đàn chim đêm vươn cổ gọi bầy bay về phương nam, đã gợi lên cho chàng một ý tưởng, ngay sau đó, Tôn Vũ đã dứt khoát quyết định sang nước Ngô. Đi khảo sát những chiến trường thời xưa, chàng đã có dịp đến vùng Thái Hồ. Bờ đông Thái Hồ có núi Khung Long đồ sộ, rừng thẳm non cao, cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài, lại thêm có Thái Hồ mênh mông cách trở, nên càng khiến nó trở thành miền đất thánh cho người ở ẩn. Tôn Vũ nghĩ rằng sống ẩn dật vào vùng núi sâu Khung Long, rồi sẽ làm như thầy Vương Hử ngày nào, trồng lấy lúa ngô, chăm bón rau màu, chăn nuôi gia súc, săn bắn muông thú, tìm hái cây thuốc, tự làm lấy mà ăn, không bon chen với đời, khi nhàn tản vô tư, thì sửa chữa mười ba bài "binh pháp", mong sao cho nó được hoàn thiện hơn, mỹ mãn hơn. Xác định như thế rồi, Tôn Vũ thấy lòng nhẹ nhàng thoải mái hơn nhiều, những âu lo phiền muộn mấy tháng nay, như những áng mây che đầy trời, tan bay đi theo gió. Những khi lòng lắng xuống, chàng vẫn thấy tim mình đôi lúc lại đau nhói từng cơn, bởi vì ở kinh thành Lâm Tri là nơi còn có cha mẹ chàng, ông nội chàng với bao người thân đang ở đó, họ sẽ phải đứng trước biết bao nhiêu kết cục bi thảm và những hậu quả đớn đau đáng sợ…

Kỳ thực thì kẻ dưới người trên, rặt chỉ là anh ngố lo sợ hão, Yến Anh chẳng những không hề trị tội Tôn Bằng, mà cũng chẳng truy cứu gì thêm đối với Cao Chiêu Tử, đúng như người ta thường nói lòng dạ tể tướng rộng như lòng sông! Ngược lại, việc Tôn Vũ ra đi còn làm cho Yến Anh cảm thấy đau lòng xót ruột, từng thương tâm nhỏ lệ bởi nước Tề mất đi một nhân tài rường cột quốc gia.

Vùng hạ lưu Trường Giang là đất thuộc nước Ngô nước Sở, không hề u tĩnh, an nhàn, tươi đẹp như Tôn Vũ đã từng tưởng tượng, cũng giống như ở Trung Nguyên, gió thổi tanh nồng, máu dội như mưa thấm đất, khắp nơi là âm mưu, tội ác, tàn sát lẫn nhau.

Đang giữa lúc hai nước Tần, Tấn đánh đi, đánh lại, không lúc nào ngưng nghỉ, nước Sở ở phía nam dần trở nên hùng mạnh, quyết chí giành ngôi bá chủ với các nước trung nguyên.

Bắt đầu từ thời Thành Vương, nước Sở đã là nước lớn ở phía Nam. Vì muốn cướp ngôi vua, con trai cả của Thành Vương là Thương Thần, đã sai người tâm phúc của mình giết Thành Vương đi, tự lập nên vương triều, xưng là Sở Mục Vương. Sở Mục Vương đã thôn tính mấy nước nhỏ khác, cương vực của nước Sở nhờ đó lại rộng thêm chút nữa. Năm 613 trước CN, Sở Mục Vương ốm chết, con trai ông ta nối ngôi, đó là Sở Trang Vương, một trong “ngũ bá”. Khi mới lên ngôi, Sở Trang Vương ham mê tửu sắc, ba năm không màng đến triều chính, sau này qua sự khuyên ngăn của các đại phu Thân Nguyên Vị và Tô Tòng, mới bắt đầu tu tỉnh lại, kính nể người hiền và quan tâm đến kẻ sĩ, biết nhìn người giao việc,

trừng trị quân gian nịnh, chế định ra pháp lệnh, chấn chỉnh lại binh mã, trên dưới một lòng, vua tôi hoà hợp, tình thế đất nước nhanh chóng trở nên hùng mạnh. Năm 608 trước CN, đem quân đi đánh thắng nước Tống.

Năm 606 trước CN, lại đánh thắng tộc người Nhung ở Lục Hồn; năm 589 trước CN, dấy quân đánh nước Trần, Trần phải hàng Sở; năm 597 trước CN, nước Sở, nước Tấn đánh nhau to ở đất Tất, quân Tấn thất bại thảm hại. Ngựa của Sở Trang Vương uống nước Hoàng Hà, quân Sở đóng một bên bờ sông cầm cự với quân Tấn, bá chiếm một phương, lăm le ngôi báu, nhòm ngó trung nguyên. Sau Trang Vương là Cộng Vương, Khang Vương, Linh Vương. Sở Linh Vương cũng là một hôn quân đắm đuối trong tửu sắc, suốt ngày chỉ biết hưởng lạc mua vui, không bao giờ hỏi han đến sự hưng thịnh hay suy tàn của nước Sở. Thấy lưng ong của đám vũ nữ ưa nhìn, muốn được vui mắt, nhà vua đã lệnh cho tất cả mọi người bất kể là đàn ông hay đàn bà, đều phải thắt lưng ong. Con gái mà lưng không như lưng ong không được ra vào hậu cung; đàn ông lưng không thon, không được vào chầu. Linh Vương chẳng những làm bậy làm bạ ở trong cung, còn đi đó đi đây chơi bời thăm thú, quan văn quan võ từng bầy, cung nữ nàng hầu cả lũ, ríu ra ríu rít đi đến đâu, gà chó cũng chẳng được yên. Công tử Khí Tật, thấy bộ dạng tồi tệ đó của Linh Công, bỗng thấy dịp hay, bèn nhân khi Linh Công đi chơi ở Bàn Khê liền lên thay thế, đó là Sở Bình Vương.

Khí Tật vốn cũng là hạng ăn uống chơi bời thoán vị cướp quyền, cho nên vừa mới lên ngôi một cái là lập tức làm bậy làm bạ, chẳng những sống xa hoa phí phạm, mà còn không

biết phân biệt kẻ nịnh người trung, làm cho trăm quan văn võ trong triều, khổ không kể xiết, nước Sở từ đó ngày càng suy sụp không sao ngóc đầu lên được nữa.

Năm Sở Bình Vương thứ sáu, Mễ Kiến được lập làm Thái tử, đưa Ngũ Xa là con của Ngũ Cử và là cha của Ngũ Viên sau này lên làm thái phó, Phí Vô Cực làm thiếu phó. Thái tử Kiến không ưa Phí Vô Cực, ngược lại Phí Vô Cực cũng căm giận Thái tử Kiến đến tận xương tuỷ, tìm đủ mọi cách để đẩy Kiến vào chỗ chết.

Sở Bình Vương đã hỏi cưới Mạnh Doanh em gái của Tần Ái công sau này là mẹ đẻ của Chiêu vương cho Thái tử làm vợ và lệnh cho Phí Vô Cực đi đón về. Thấy Doanh thị là người có nhan sắc, lại muốn lấy lòng Bình vương, Phí Vô Cực liền khéo léo dùng mưu đánh tráo, đem cô gái theo hầu đưa về làm vợ Thái tử, còn Doanh thị, thì dâng lên Bình vương làm phi. Thấy Doanh thị xinh đẹp tuyệt trần, đứng đầu về sắc đẹp trong lục cung, Sở Bình vương mừng rỡ như điên như dại, hai người bỗng quấn quýt nhau như keo sơn, Phí Vô Cực cũng nhờ đó mà càng được thêm ân sủng.

Phí Vô Cực lại đề nghị xây Thành Phụ ở phía Bắc để khống chế con đường huyết mạch thông lên phía bắc, tranh giành chư hầu trung nguyên với nước Tấn, từ đó cướp lấy Lục Hồn, khống chế nước Trịnh. Tháng 8 năm 525 trước CN, Tuần Ngô nước Tấn diệt người Nhung ở Lục Hồn, Thái tử Lục Hồn chạy sang nước Ngô, thế lực nước Tấn đã vươn đến vùng Lục Hồn, trực tiếp đe doạ đến an toàn ở phía bắc của nước Sở. Phí Vô Cực lại đề nghị lệnh cho Thái tử Kiến đến đóng giữ

Thành Phụ để giữ mạn bắc. Tất cả mọi chuyện đó Bình vương ngu độn đều bảo sao nghe vậy.

Mạnh Doanh sang nước Sở đến năm thứ ba thì sinh được một con trai tên là Thẩm. Mẹ sang thì con quý, để lấy lòng Doanh thị, Bình vương đã phế trưởng lập thứ, trong triều từ cao đến thấp, ai ai cũng căm phẫn hậm hực, Thái tử Kiến hơn ai hết đã từ ghen tức chuyển sang thù địch.

Kế ly gián Sở Bình vương với Thái tử Kiến do Phí Vô Cực bầy đặt ra luôn được chấp nhận, Thái tử lại ở xa kinh đô, thế là mùa xuân năm 522 trước CN, lại có lời can gián Sở Bình vương:

– Thái tử Kiến và Ngũ Xa, định mưu phản ở ngoài Phương Thành, xây dựng riêng một đất nước, sánh vai với nước Tống, nước Trịnh; mà nước Tề với nước Tấn lại sống dựa vào nhau, như vậy sẽ hại cho nước Sở, việc này sắp xảy ra đến nơi rồi!

Do phế trưởng lập thứ, nên giữa Sở Bình vương với Thái tử Kiến đã sẵn có mối hiềm khích. Trong tình hình này Mễ Kiến muốn làm phản, thực là điều có thể xảy ra, cho nên ông ta tin ngay. Học trò mưu phản, tội ở ông thầy, Sở Bình vương hạ chiếu; lệnh Ngũ Xa về kinh, nhận tội theo pháp luật. Nếu Ngũ Xa có thể quay trở lại Thành Phụ, ám hại Thái tử, coi như đã lập công chuộc tội mà lại không mất đi sự giàu sang sung sướng hiện nay.

Ngũ Xa vốn là bậc chính nhân quân tử, đời nào có thể đi theo sự vinh hoa mà huỷ hoại luân thường như thế. Trước hết,

ông đã hết lời khuyên giải, nào là giảng giải bằng đạo nghĩa, nào là khuyên nhủ bằng tình thân huyết lệ, sau đó lại dùng lời lẽ nghiêm khắc để quở trách, mắng hắn là con người không biết đâu là nước là nhà, không biết tình cha con là đạo luân thường. Sở Bình vương bị tránh mắng, giận quá hoá cùn, tống giam Ngũ Xa vào tử tù.

Sở Bình vương lại lệnh cho Tư mã Thành Phụ là Phấn Dương giết Thái tử Kiến. Thái tử Kiến chạy sang Tống (rồi đi nước Tấn, nước Trịnh và bị người Trịnh giết chết).

Ngũ Xa ở trong triều đã trách mắng Sở Bình vương vuốt mặt không kịp, vậy tại sao không bị đưa ra trước Ngọ môn để chém đầu; mà lại chỉ đưa vào giam ở lao tử tù thôi? Đây lại là kế gian của Phí Vô Cực. Ngũ Xa có hai người con trai, con cả tên là Thượng, được mang tên là danh sĩ đương thời; con thứ tên Viên, tự là Tử Tư, có tên gọi là cái thế anh hùng. Cả hai người này đều rất có hiếu nếu như đem giết Ngũ Xa đi, anh em họ biết tin, thì đời nào chịu để yên! Và như thế trừ đi được một kẻ đối đầu, lại nảy sinh ra hai kẻ thù địch, như thế gọi là cắt cỏ không nhổ rễ, hậu hoạ sẽ vô cùng. Để trừ khử được Thái tử Mễ Kiến, thì trước hết hãy cứ giam Ngũ Xa lại cái đã. Sau khi Mễ Kiến trốn đi rồi, theo sự sắp đặt của Phí Vô Cực, Sở Bình vương đã xét hỏi Ngũ Xa:

– Trước đây ngươi đã bày cho Thái tử làm phản, lẽ ra phải chém đầu, nhưng nghĩ tới tổ tiên ngươi có công với nước Tề, này tha cho ngươi về quê quán. Ngươi hãy viết thư gọi hai con về Sính đô, phong lại quan chức.

Ngã Xa bụng đầy sách vở, lại từng trải việc đời, đương nhiên đã biết tỏng âm mưu quỷ kế của Phí Vô Cực ngay từ đầu. Phong lại quan chức quái gì, đây rõ ràng là lừa cho hai con mình đến đây để rồi cùng chém đầu. Dụng ý của hắn mới độc ác làm sao! Tuy nhiên, đã là thánh chỉ của nhà vua, lại có dũng sĩ cầm dao hầm hầm đứng trước mặt, ông không thể không biết, đành phải nén giận trong lòng, cố cầm nước mắt run rẩy viết lên tấm lụa mấy dòng cho hai con:

"Mấy dòng báo với hai con Thượng, Viên: Cha vì can ngăn ngược thánh chỉ, có tội phải trói buộc tù đầy. Nhà vua nghĩ đến công lao tổ tiên ta, tha tội chết cho cha, để cho Phí thiếu phó và mọi người bình công chuộc tội, phong lại quan chức cho các con. Nay theo lệnh nhà vua, anh em các con phải kịp đi ngày đi đêm đến kinh đô. Nếu trái lệnh hay chậm trễ, tất sẽ phải chịu tội. Nhận được thư phải mau mau đi ngay."

Ngũ Xa viết xong vừa đặt bút xuống, phí Vô Cực đưa tay giật lấy vuông lụa, đọc qua một lượt, lấy bút xoá mấy chữ "để Phí thiếu phó và mọi người" và "nay theo lệnh nhà vua" đi, bảo Ngũ Xa chép lại. Phí Vô Cực thực ra chẳng phải tay vừa, hắn xoá đi hai chỗ đó hết sức hệ trọng. Nếu hai chỗ đó còn, hai con ông nhìn vào là thấy ngay đây là âm mưu của Phí Vô Cực và Bình vương bày ra, tin rằng nhà vua ngu độn đã ép cha mình phải viết ra, thì họ sẽ không bao giờ chịu mắc lừa. Thế nhưng, Phí Vô Cực thông minh lại bị sai lầm bởi thông minh, không chú ý đến hai chữ "mau mau" ở cuối thư.

Đọc thư cha mình gửi, Ngũ Thượng lòng dạ rối bời trăm thứ tình cảm, vừa mừng nhưng cũng rất lo buồn. Cha bị trói buộc tù đầy, lòng bị nhục, thân chịu khổ, cứ nghĩ đến lại như

dao cắt ruột, không biết đã âm thầm chảy ra bao nhiêu nước mắt. Nay thấy cha được tha tội chết, đọc xong đã hý hửng mừng ra mặt, ấy là chưa nói đến lại còn được về kinh để phong lại quan chức. Sau khi sắp xếp mọi thứ cho người đưa thư, Ngũ Thượng vội vội vàng vàng vào nhà sau bàn bạc với em trai là Ngũ Viên về việc lên kinh đô gặp cha và nhận chức.

Ngũ Viên và Ngũ Thượng tuy là hai anh em cùng một mẹ sinh ra, nhưng tính tình lại mỗi người mỗi khác. Ngũ Thượng ở với cha thời gian dài, nên chịu ảnh hưởng tư tưởng trung quân khá sâu và tính tình cũng tương đối nhu mì. Ngũ Viên tính tình rắn rỏi, từ bé đã trau dồi binh thư, tập tành kiếm thuật, coi điều ác như kẻ thù, chơi bời giao du nhiều với đám võ sĩ nghĩa hiệp và can đảm ít chịu ảnh hưởng của tư tưởng hiếu trung mù quáng. Thấy anh mình kể lại, rồi lại đọc thư của cha mình vừa gửi, Ngũ Viên nghĩ ngợi một lát nói:

– Anh chớ có cả tin như thế! Cha có được thoát chết, cũng chỉ là điều may mắn, anh em ta nào có công gì mà được phong lại quan chức? Đó rõ ràng chỉ là thứ mồi câu, lừa chúng ta, rồi cùng trừ khử đi, cắt cỏ nhổ cả gốc.

Ngũ Thượng thấy khó hiểu, cứ chìa bức thư lụa ở trong tay mình ra, nói:

– Thư chính do tay cha viết ra còn đây? Làm sao có thể là giả. Ngũ Viên phân tích:

– Cha đã bị giam cầm, như chim bị nhốt trong lồng, như ba ba trong vại, bị người ta ép buộc, theo sự sắp đặt của họ, viết hay không, viết như thế nào, đâu há phải là việc mình có thể chủ trương được. Thư tự tay viết ra làm sao có thể tin được.

Nghĩ đi nghĩ lại mãi, Ngũ Thượng thấy lời nói của em mình rất có lý, thở dài một tiếng, nói:

– Tuy như vậy, nhưng việc gọi anh em ta về kinh đô để gia phong quan chức, là lệnh của nhà vua. Cha tự tay viết thư, cũng là lệnh cha. Kẻ làm bề tôi, lẽ nào có thể không theo lệnh vua? Người làm con sao có thể không nghe lời cha. Không theo lệnh vua, là bất trung, không nghe lời cha, là bất hiếu. Nếu nói như em, chuyến này đi là tự chui đầu vào rọ, nhưng cũng không thể mang cái tội bất hiếu bất trung, đúng ra là cứ phải nên đi!

Ngũ Viên nghe nói thế, lửa nóng bốc lên đầu, bực dọc nói:

– Trung với vua, có lợi cho nước; hiếu với cha có ích cho nhà, nay thừa biết lệnh vua là giả, mà lại theo phỏng có lợi gì cho nước? Thừa biết lệnh cha là không có thật, cũng nghe, phỏng có lợi gì cho nhà?

Hai anh em tranh cãi với nhau một lúc lâu, Ngũ Thượng tuy biết rằng em mình nói có lý, nhưng cũng không thể thay đổi quan niệm về trung hiếu, cuối cùng mỗi người đi một ngả, Ngũ Thượng về Sính đô, cùng chịu chết với cha để tận chữ hiếu; Ngũ Viên bỏ trốn, đi tìm chỗ nương tựa, chờ cơ hội để trả thù cho anh, cho cha.

Anh em khóc chia tay nhau, đúng là cảnh sinh ly tử biệt, Ngũ Viên cúi đầu chào anh, rồi ngẩng dậy quay đầu bước đi, không hề do dự.

Người đưa thư đưa Ngũ Thượng về kinh, giao cho Sở Bình vương, tâu rằng Ngũ Viên đã bỏ trốn rồi. Phí Vô Cực cho giam Ngũ Thượng vào một chỗ với cha mình. Thấy một mình con cả về kinh, đó là chuyện ông đã dự đoán, nên vừa đau lòng, nhưng cũng thấy vui lòng. Ngũ Thượng nói với cha rằng em trai đã trốn đi, đón đợi thời cơ để rửa hận nước, trả thù nhà, còn bản thân chàng đến đây cùng chết với cha để tận hiếu đạo của một người con. Nói xong, cha con ôm nhau khóc.

Nghe nói Ngũ Viên đã bỏ trốn, đúng là một tên ngỗ ngược bất trung, bất hiếu, Sở Bình vương tức đến nổ gan nổ ruột, lập tức hạ lệnh chém đầu cha con Ngũ Xa. Phí Vô Cực bước ra ngăn lại:

– Xin chúa công hãy tạm dẹp cơn lôi đình. Ngũ Viên đã không về kinh, này lại nghe tin cả cha lẫn anh bị giết tất sẽ trốn hẳn sang nước khác. Ngũ Thượng là một nho sinh nhút nhát, nó đến hay không, chẳng có gì là quan trọng, duy có Ngũ Viên, vốn thực sự có tài an bang định quốc, nếu để hắn trốn đi, sau này tất thành hậu hoạ. Theo ý hạ thần, trước hết hãy cứ giam cha con Ngũ Xa lại một chỗ, chờ bắt được Ngũ Viên, sẽ cùng chém một thể. Chắc là Ngũ Viên trốn chạy cũng chưa xa, xin chúa công hãy lập tức ban ngay chỉ dụ, một mặt sai người mang quân đi đuổi bắt, mặt khác hạ lệnh cho các cửa khẩu nghiêm cấm ra vào, cho dán yết thị ở khắp nơi, vẽ hình hắn ra treo thưởng để bắt hắn.

Trên cổng thành nước Sở lập tức xuất hiện một tờ yết thị: "Ngũ Viên phạm tội lừa dối nhà vua, nay vẽ hình của hắn treo thưởng để bắt. Ai bắt được Ngũ Viên đem nộp, thưởng cho năm vạn thạch lương thực, phong cho làm đại phu. Ai biết hắn ở đâu đến báo, thưởng cho ngàn lạng vàng. Ai chứa chấp Ngũ Viên hoặc biết tin mà không báo, nếu được làm rõ, sẽ chém cả nhà." Cạnh thờ yết thị là hình của Ngũ Tử Tư. Người xem đông như kiến, có người thì thào bàn tán:

– Bốn cổng thành đều dán yết thị, từ đêm hôm qua nghe nói đã chốt chặt các cửa khẩu, không cho phép tự do đi lại.

Có người nói:

– Thế này thì dân đen lại thiệt to rồi! Không cho ai ra ai vào, thì mua bán lương thực làm sao? Rồi lấy gì mà ăn.

Lại có một người khác nói:

– Ngũ Tử Tư ba đời trung lương, tại sao lại bị bắt?

Một ông già len lén dùng vai mình hích vào người kia một cái, anh ta đành câm tịt nửa chừng không dám nói tiếp nữa.

Mệnh lệnh của Sở Bình vương ban ra, kinh đô nước Sở bỗng sùng sục lên như một nồi nước sôi, người thì đi loan báo cho các nơi, kẻ thì đi dán yết thị. Phí Vô Cực tuân lệnh Bình vương, cử đại tướng Vũ Thành Hắc đem theo hai trăm quân tinh nhuệ đi bắt Ngũ Tử Tư.

Ngũ Tử Tư rời nhà đi được nửa ngày đường, Vũ Thành Hắc mang quân đến vây chặt phủ đệ của Tử Tư rồi lùng sục hồi lâu. Không thấy tăm hơi Ngũ Tử Tư đâu, lúc bấy giờ mới hô quân tung ra bốn phía truy tìm.

Ngũ Tử Tư khoác hành lý trên lưng, vai đeo cung nỏ, tay cầm bảo kiếm, đi đường suốt đêm. Bỗng có một hôm, đang lúc đi đường chợt nghe thấy từ phía sau tiếng ngựa hý người hô, đoán chắc là quân triều đình đuổi theo đã tới. Lúc ấy ông tránh cũng không nổi, trốn cũng không thoát, đành bỏ đồ đạc xuống, giương cung lắp tên. Sau một tiếng "phựt" tên xà ích đánh xe cho Vũ Thành Hắc lăn nhào xuống đất toi mạng. Vũ Thành Hắc còn đang định giương cung, thấy thế ôm đầu lủi mất. Ngũ Tử Tư gọi lớn:

– Ta định bắn một phát cho toi cái mạng chó của ngươi đi, nhưng muốn để cho ngươi về báo tin cho cái tên hôn quân kia, bảo với nó rằng, dám to gan giết chết cha và anh ta, Ngũ Viên này quyết sẽ huỷ hoại tông miếu, đào mồ cuốc mả, tự tay chém đầu tên hôn quân, để tạ trời đất, tế các vong linh.

Vũ Thành Hắc lủi về Sính đô, không dám nói lại lời của Ngũ Tử Tư, chỉ nói rằng Ngũ Viên đã trốn đi xa rồi. Sở Bình vương nghe nói thế, nổi giận đùng đùng, lệnh cho Phí Vô Cực lập tức đưa cha con Ngũ Xa và hơn ba trăm người trong gia đình họ ra chém đầu. Lúc sắp bị hành hình, Ngũ Thượng mắng nhiếc Phí Vô Cực:

– Nhà họ Ngũ ta ba đời nay trung lương, dốc lòng vì nước Sở, thế mà hôm nay lại đến nỗi bị bắt bớ chém giết thế này, ngay cả người già con trẻ cũng chẳng buông tha, các người

có thể nhẫn tâm được thế hay sao... Phí Vô Cực, ngươi là tên gian tặc, tên hôn quân lấy được vợ thì ruồng rẫy con mình, rồi chém giết người trung lương... tất cả những việc đó đều do những lời sàm tấu chó má của ngươi xúi giục! Xuống cửu tuyền, ngươi còn mặt mũi nào trông thấy tổ tiên mình nữa? Ngày sau em Viên của ta nhất định sẽ tóm cổ ngươi, tên gian tặc hại nước hại dân để vằm ra trăm mảnh, để tiếng thối tha của ngươi lưu lại muôn đời...

Ngũ Xa hết sức điềm tĩnh nói:

– Mắng nhiếc nó phỏng có ích gì, ai hay ai dở, đời sau sẽ có người phán xét. Điều ta lo ngại lúc này, là mai sau con ta là Ngũ Viên có về trả thù cho ta thì tất sẽ liên luỵ đến trăm họ nước Sở, mọi người sẽ phải khổ lây!

Phí Vô Cực ra lệnh một tiếng, hàng loạt đao phủ vung dao lên, chỉ trong chớp mắt, hơn ba trăm con người toi mạng, xác chết ngổn ngang, máu tuôn như suối. Dân chúng đứng quanh, không ai dám mở mắt ra nhìn, người nào người nấy cúi gằm mặt xuống, rồi thở dài, hoặc nức nở, hoặc khóc rống lên thành tiếng, nước mắt như mưa... hầu như ông trời cũng không nỡ thấy thảm trạng này, cho nên chỉ loáng một cái, mây đen kéo đến, trời đất tối sầm lại, cuồng phong gào rít, như nức nở nghẹn ngào...

Gió thảm mây sầu trời hết sáng
Ba triều trung duệ bỗng lìa đời
Nước Sở từ đây nhiều xiểm nịnh
Quân Ngô sẽ chiếm Sính Thành thôi!

Sau khi Sở Bình Vương chém hết cả nhà Ngũ Xa rồi, lại lệnh Phí Vô Cực báo cho các cửa khẩu, khám xét kẻ ra người vào thật nghiêm ngặt, nhằm không để cho Ngũ Tử Tư trốn thoát.

Sở Bình vương đang sắp đặt tướng soái tăng cường kiểm tra kẻ qua người lại, một toán khác đuổi theo Tử Tư quay về báo: Họ thấy quần áo và giầy của Ngũ Tử Tự bỏ lại ở chỗ bờ sông, còn người đi đâu thì không biết.

Nguyên là khi Ngũ Tử Tư đi đến bờ sông, thấy quân lính đuổi theo sắp tới, bèn cởi tấm áo bào trắng của mình ra treo lên một cây liễu, cởi đôi giày đang đi để lại bên bờ sông, rồi thay bằng đôi giày cỏ, theo dòng sông đi về phía dưới. Bọn người đuổi theo đến đây, tận mắt nhìn thấy áo và giày của Ngũ Tử Tư ở đó, đều nói ông đã đến chỗ cùng đường nghẽn lối nhảy xuống sông tự tử mất rồi, thế là mang áo mang giày của ông về kinh làm chứng cớ để tâu trình. Lợi dụng quãng thời gian đó, Ngũ Tử Tư lại chạy thêm được một chặng nữa.

Ngũ Tử Tư một lòng muốn theo nước Ngô, ông cứ men theo Trường Giang mà đi, hết chặng này sang chặng khác, đột nhiên chùn chân lại, bởi sang nước Ngô đường sá xa xôi, mà dọc đường lính canh giữ nghiêm ngặt kín mít như trong thùng, nơi hiểm yếu nào cũng có quân canh giữ, làm sao có thể đi qua đó được?

Tử Tư lúc này đang ở đất Tống, chi bằng hãy qua nước Tống tạm lánh ở đó ít ngày cho qua cơn sóng gió, rồi sang nước Ngô mượn quân, cứu cha và anh, trừ gian tặc, giết hôn quân. Chủ ý đã định, Ngũ Tử Tư quay trở lại, đi theo hướng Tuy

Dương. Đang đi bỗng ngẩng mặt lên, thấy phía trước có một đoàn người ngựa, Ngũ Tử Tư bất giác toát mồ hôi hột, đoán rằng đó chính là Sở vương đã sai quân xuống phía nam chặn đường, bèn vội vàng rẽ ngang vào rừng liễu bên đường tạm núp để nghe ngóng động tĩnh ra sao. Một lúc sau mới nhìn rõ, đó chính là Thân Bao Tư, người bạn từng kết nghĩa anh em với mình, bèn vội vàng ra đón. Thân Bao Tư hỏi:

– Hiền đệ làm sao có vẻ vội vàng, bộ dạng thảm hại thế này, chẳng hay định đi đâu vậy?

Thấy hỏi nhau như vậy, Ngũ Tử Tư chan hoà nước mắt, sụt sùi kể qua về nỗi cha, anh lâm nạn, hôn quân đuổi bắt mình, cuối cùng nghiến rằng nghiến lợi nói:

– Mối thù giết cha, thề không đội trời chung, tôi đi mượn quân về bắt sống tên hôn quân và thằng gian tặc kia, ăn thịt nó, lột da nó, mới hả mối thù này.

Thân Bao Tư phụng mạng đi sứ mới về, còn chưa đến Sính đô, nên những biến cố xảy ra trong nước, không hề hay biết gì, nghe những lời tố cáo đầy máu và nước mắt của Ngũ Tử Tư, bất giác cũng rơi nước mắt. Nhưng với tấm lòng trung quân, ông khuyên Ngũ Tử Tư hãy nén giận, chớ có làm điều xằng bậy mà phạm thượng, để tiếng xấu muôn đời. Ngũ Tử Tư đời nào có thể tiếp nhận sự nhìn nhận cổ hủ đó của Thân Bao Tư, khẳng khái giãi bày:

–Thế là anh sai rồi! Xưa nay người làm vua cũng đã nhiều, nhưng có người hiền kẻ ngu khác nhau. Thánh minh như Nghiêu Thuấn, tài xứng đáng là chúa trong thiên hạ, được

muôn dân ủng hộ; bạo ngược như Kiệt Trụ, chỉ biết ngang ngược tàn nhẫn, phải chết trong tay bề tôi là đáng đời. Nay Sở vương lấy vợ mới, ruồng rẫy con cả đang nối ngôi, tin lời sàm nịnh, giết hại trung thần, táng tận luân thường, vô đạo đến cùng cực! Em đi mượn quân về đánh nước Sở vừa để trả thù cho cha anh, cũng là để diệt phường gian nịnh cho nước Sở, lập một vị minh quân khác, thi hành nhân chính rộng rãi trong thiên hạ, chấn hưng cơ nghiệp tiên vương đã xây dựng nên. Nếu không thể giết tên bạo chúa kia để trả thù cho cha anh, em thề sẽ không đứng giữa đất trời này nữa.

Thấy Ngũ Tử Tư đã nói hết, Thân Bao Tư thấy có nói nữa cũng chỉ đến thế, đành lắc đầu thở dài, nói:

– Nỗi lòng của em thế nào, anh đây đã hiểu cả, nhưng nếu anh bảo em đi trả mối thù nhà này, thì sẽ bất trung với nước Sở, còn như không bảo em làm thế thì lại khiến cho em trở thành bất hiếu với cha anh. Thôi thì, từ nay, anh em ta ai đi đường nấy, em thì tận hiếu, còn anh thì tận trung. Sau này, nếu như em làm cho nước Sở nghiêng ngả, thì anh đây sẽ phải làm cho nước Sở yên định lại; nếu như em tiêu diệt mất nước Sở, thì anh đây phải khôi phục lại nó. Hiền đệ đi đường hãy giữ gìn sức khoẻ, tự lo lấy cho mình.

Nói xong, anh em cúi chào nhau trong ngấn lệ rồi chia tay nhau ai đi đường nấy.

Ngũ Tử Tư vừa đến nước Tống, thì từ nước Sở truyền tới tin sét đánh, chẳng những cha, anh bị giết, mà cả nhà đã bị lùng bắt và giết hết, có tới ba trăm người đã cùng lâm nạn. Nghe tin báo như sét đánh bên tai, Ngũ Tử Tư gào lên thảm thiết,

nước mắt đầm đìa, ngoảnh mặt về phía tây, quỳ xuống thề với trời cao "Viên này nhất định sẽ mượn quân về đánh Sở, ăn sống nuốt tươi Sở vương, xé xác tên Phí Vô Cực, trả thù rửa hận cho cả nhà ta!"

Tại nước Tống, Ngũ Tử Tư đã bái kiến Thái tử Kiến, kể lể với nhau nỗi niềm riêng của từng người, rồi ôm nhau khóc than thảm thiết, tiếng thở than vang đến tận mây xanh.

Lúc này nước Tống cũng đang có nội loạn, có một nhóm người sang nước Sở mượn quân, rõ ràng, nước Tống là nơi không thể nấn ná lâu thêm được, sau khi hai người bàn bạc với nhau, quyết định sang nước Trịnh ở ngay gần đó để xem tình thế ra sao.

Trịnh là một nước nhỏ, nằm chung chiêng giữa nước Tấn và nước Sở, nên có lúc thì phụ thuộc nước Sở, có lúc lại phụ thuộc nước Tấn. Nước Trịnh thấy Thái tử nước Sở đến nhờ vả, bèn dẫn đến gặp Tấn hầu.

Tấn tuy là nước lớn, nhưng Tấn Khoảnh công lúc này chỉ như một tên bù nhìn mà thôi. Thế lực trong cả nước, đều tập trung hết trong tay mấy nhà quý tộc họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy. Họ muốn nhân lúc này diệt luôn nước Trịnh, nên đã bảo Thái tử Kiến ở nước Trịnh để làm nội ứng.

Mễ Kiến về đến nước Trịnh, nói lại với Ngũ Tử Tư về ý định của nước Tấn, Ngũ Tử Tư kiên quyết chống lại. Nhưng Mễ Kiến vẫn cứ cố ý làm một mình, không chịu nghe lời khuyên giải của Ngũ Tử Tư, mang theo hơn hai mươi người ra đi. Về sau, do không giữ kín được câu chuyện, bị Trịnh Định công

phát hiện ra, Thái tử Kiến và cả những người mang theo, đều bị giết chết. Ngũ Tử Tư nghe tin, lập tức mang theo Mễ Thắng con của Thái tử Kiến trốn khỏi nước Trịnh.

Ngũ Tử Tư mang công tử Thắng ngày trốn đêm đi chịu đủ trăm cay ngàn đắng, vất vả lắm mới đến được nước Trần. Trần cũng là một nước nhỏ, lúc này đã là nước phụ thuộc của Sở, Ngũ Tử Tư không dám lên tiếng, vẫn cứ ngày nghỉ đêm đi, hốt ha hốt hoảng nhân đêm tối mà đi. Họ muốn sang nước Ngô, Chiêu Quan là con đường duy nhất.

Chiêu Quan là con đường thông ra cửa khẩu gian nan hiểm trở nhất, nó nằm ở phía tây Tiểu Hiện sơn. Hai đỉnh núi dựng đứng thẳng tắp như người gọt, xông thẳng lên mây. Chiêu Quan chính là cửa khẩu nằm giữa hai đỉnh núi ấy. Quan thành cũng xây giữa hai vách núi nhòm vào nhau, chỉ cần cửa thành đóng lại, thì dẫu một con chim sẻ cũng khó lòng bay qua. Ra khỏi quan khẩu đi về phía trước, không xa lắm lại có sông lớn chắn ngang, sau khi qua sông mới có đường phẳng sang nước Ngô.

Chỗ Chiêu Quan này bình thường vẫn có người canh giữ, gần đây, do đuổi bắt Ngũ Tử Tư, nên còn đặc biệt cử thêm quan hữu tư mã Vĩ Việt đem quân đến đóng ở Quan Thành, khám xét cực kỳ nghiêm ngặt. Trên cửa Quan Thành treo tấm hình Ngũ Tử Tư, kẻ qua người lại không được ra vào tự do, dân chúng trong ngoài thành và những người qua lại, ai cũng thấy vô cùng bất tiện, suốt ngày kêu khổ luôn mồm.

Ngũ Tử Tư mang theo công tử Thắng đến nơi cách Chiêu Quân không xa, mới biết rằng ở đó đã canh gác và giữ kín

như bưng, muốn vượt trộm qua chốn ấy, còn khó hơn lên trời! Ông với công tử Thắng bèn lánh vào khu rừng rậm bên đường, vắt óc suy nghĩ để tìm cách vượt qua Quan khẩu. Nghĩ nát cả óc, vẫn chưa có cách gì, nên cuống lên đến nỗi lồng lộn đi quanh rừng. Giữa lúc ông sốt ruột bồn chồn như kiến bò chảo nóng, từ trong rừng chợt hiện ra một cụ già, thoáng nhìn qua thấy cụ tóc bạc mà da dẻ lại hồng hào, áo rộng thùng thình, tuổi tác áng chừng bảy mươi có lẻ, trên tay cầm một nắm cỏ dại, giống như một thầy lang đi hái thuốc trong rừng.

Ngũ Tử Tư định lánh đi nhưng không kịp nữa, đành phải bước lên vái chào. Cụ già chăm chú nhìn một lượt từ chân tới đầu người tráng sĩ đứng trước mặt mình, thấy chàng mình cao hơn trượng, lưng hổ lườn gấu, mặt lớn tai to, da như ngà ngọc, đôi mày như đôi lưỡi kiếm vừa to vừa dài nằm trên đôi mắt long lanh như mắt hổ, luôn loé lên những luồng sáng như ánh chớp, mũi thẳng miệng vuông, dưới cằm loáng thoáng râu thưa, đầu đội chiếc khăn võ sĩ bằng vải hoa trắng trên nền lam nhạt, mình mặc chiến bào bằng thứ vải đỏ, ngang lưng thắt chiếc thắt lưng da, chân đi đôi giày nhà binh mỏng đế, bên hông giắt thanh bảo kiếm thất tinh. Nhìn hình tượng đó, cụ già bỗng thấy rất quen mắt, như đã từng quen biết nhau, nhưng ngay lúc đó lại không nhớ ra đã từng gặp mặt ở đâu. Cụ già chau mày nhớ lại, như đang hồi tưởng một câu chuyện xưa kia đã từng xảy ra. Đột nhiên, cụ nhướn to đôi mắt, ngạc nhiên, nhìn lại như thẩm tra một lượt tử đầu đến chân, đồng thời hỏi Ngũ Tử Tư:

– Có phải là Ngũ Tử Tư, Ngũ tướng quân đó không?

Ngũ Tử Tư thấy có người gọi thẳng tên mình, bất giác thảng thốt ngạc nhiên, rùng mình ớn lạnh, ở nơi gần quan ải hiểm yếu này, có người phát hiện ra, lại chẳng hoá là tai vạ sắp giáng xuống đầu hay sao! Bèn vội vàng tự trấn tĩnh lại, khoanh tay lễ phép đáp lại:

– Dạ thưa cụ, cụ trông lầm người rồi đấy ạ! Tại hạ không phải họ Ngũ ạ!

Tiếng nói của Tử Tư lúc này đã có chút hơi run.

Cụ già cũng chẳng tranh luận việc có phải nhận nhầm hay không, lại thân thiết tự giới thiệu về mình:

– Lão là Đông Cao Công, năm xưa từng học nghề thuốc của Biển Thước, làm thầy lang cả một đời, nay tuổi già tuy không bôn ba đây đó, nhưng sở nguyện chữa bệnh cứu người thì vẫn còn, hơn nữa không có bụng dạ vô cớ giết người. Mấy hôm trước, tướng quân Vĩ Việt trên Quan thành bỗng nhiên bị cảm lạnh, mời ta đến khám chữa, khi vào thành, ta đã nhìn thấy hình Ngũ Tử Tư treo trên cổng Quan thành. Bằng đôi mắt cả đời đi khám bệnh của mình, ta không thể nhận nhầm được, chỉ có điều tuổi già hay quên, không nhớ ngay được mình đã gặp ở đâu. Nếu không coi là xa lạ, lão còn đang có việc muốn bàn với tướng quân.

Đông Cao Công, Ngũ Tử Tư vốn đã nghe tên này từ lâu chỉ có điều chưa được gặp người bao giờ. Ông không những là một bậc danh y của nước Sở, mà còn chu du thiên hạ, trọng vọng đức cao, gần xa đều nổi tiếng. Thấy bộ mặt nhân từ của ông, nghe giọng nói hiền lành của ông, chắc hẳn là không có

gì tà tâm ác ý, với lại chuyện đã đến nước này, không còn cách gì che giấu mãi được nữa, thế là vội vàng cúi mình làm lễ thành khẩn thưa rằng:

– Chẳng hay lão trượng có điều chi dạy bảo ạ? Đông Cao Công nói:

– Tướng mạo tướng quân quá đặc sắc, dễ dàng bị người khác nhận ra, nếu liều lĩnh qua Quan khẩu, chẳng khác chi tự đâm đầu vào rọ. Ở đây không phải là nơi nói chuyện, nếu tướng quân tin tưởng lão già này, xin mời hãy tới hàn xá để bàn bạc kỹ hơn về kế sách lâu dài. Tệ xá ở ngay phía sau quả núi này.

Ngũ Tử Tư mang theo công tử Thắng, cùng với Đông Cao Công đi chừng ba bốn dặm đường, thì đến khu sân vườn không rộng lắm, trong đó có vài nếp nhà tranh, thanh tĩnh u nhã, giàn dưa luống đậu, xanh mát dễ ưa. Đông Cao Công dẫn họ đi sâu nữa vào trong, vòng quanh hàng rào tre, lại đi qua một vườn trúc nhỏ, thấy phía sau rừng trúc có mái nhà nhỏ, trong nhà bầy đủ cả án thư, giường tre, bàn trà, … bài trí đơn giản, gọn gàng. Đông Cao Đông mời khách ngồi vào ghế trên, rồi rót trà và dốc bầu tâm sự, nói hết chuyện. Thấy Đông Cao Công chân thành như thế, Ngũ Tử Tư bỗng thấy băn khoăn áy náy, giải thích và tỏ ý xin lỗi mãi do tình thế bắt buộc, bất đắc dĩ phải làm như thế. Tiếp đó, đến lượt Ngũ Tử Tư kể hết một lượt với Đông Cao Công về tên hôn quân Sở Bình vương đã lấy vợ đuổi con, bỏ trưởng lập thứ, khiến Thái tử Kiến đến nỗi phải ngậm oan mà chết bỏ xác nơi đất khách quê người thế nào, nghe lời sàm tấu của Phí Vô Cực giết cha anh mình, giết chết hơn ba trăm người trong dòng

họ nhà mình như thế nào... Đông Cao Công vừa nghe không sao cầm nổi nước mắt, vừa thở dài, vừa lựa lời an ủi, nói:

– Ở đây là nơi rất yên tĩnh, không có ai qua lại, hai vị có thể yên tâm nán lại đây ít hôm, nghỉ ngơi cho khoẻ đã, chờ lão nghĩ ra cách gì ổn thoả nhất, sẽ đưa hai vị qua Quan khẩu.

Ngũ Tử Tư luôn miệng cám ơn, xúc động không sao nói hết.

Hàng ngày, Đông Cao Công mang cơm rượu ngon lành ra khoản đãi Ngũ Tử Tư và công tử Thắng. Thoáng một cái, bảy tám ngày trời đã qua đi, Đông Cao Công chẳng hề mảy may nhắc đến chuyện vượt qua Quan khẩu, Ngũ Tử Tư sốt ruột như có lửa đốt trong lòng, trằn trọc như cá nằm trên thớt. Hôm ấy, Đông Cao Công lại bưng cơm rượu tới, nóng hôi hổi, thơm phưng phức, nhưng Ngũ Tử Tư không hề thiết gì ăn uống, nước mắt tràn trề, quỳ hồi lâu dưới đất nức nở khóc không thành tiếng, nói:

– May mắn được lão trượng rủ lòng thương, suốt ngày này sang ngày khác khoản đãi bày rượu ngon thịt béo, tuy nhiên tôi còn mang nặng mối thù chưa trả, ngày không thiết ăn, đêm không muốn ngủ, thấp thỏm sống một ngày bằng cả một năm, dám mong lão trượng hãy sớm tìm ra kế sách giúp chúng tôi qua khỏi Quan khẩu.

Đông Cao Công vội cúi xuống đỡ Tử Tư đứng dậy, an ủi rằng:

– Xin tướng quân chớ quá phiền lòng, lão già này sao há chẳng nóng lòng như lửa đốt, mấy hôm nay mới tìm ra một mẹo hay, nhưng cần phải có một người giúp việc đắc lực

giúp cho một tay, lúc ấy lập tức sẽ đưa tướng quân và công tử qua Quan khẩu. Ngũ Tử Tư không biết lời nói ra là thật, hay lấy đó để an ủi trái tim nôn nóng này của mình. Thế nhưng trước mắt cũng chưa có cách gì, nên chỉ còn cách là ở đây chờ đợi.

Chàng chỉ e một điều là chờ đợi ở đây lâu, nhỡ bị lộ ra, bản thân mình khó giữ tròn tính mạng đã đành, cả nhà của Đông Cao Công cũng khó tránh khỏi chịu tội lây, nếu quả thật như thế, thì thân này dẫu chết cũng chưa hết tội. Thế nhưng, không nán đợi thì phỏng còn có cách gì hơn? Liều lĩnh vượt qua Quan khẩu, thì chẳng khác gì như Đông Cao Công đã nói, là tự chui đầu vào rọ… Ngũ Tử Tư buồn bực mấy đêm liền không sao chợp mắt, trong lòng như có kim châm dao cắt đêm ngày, tựa hồ như có ai lấy lưỡi dao bầu phanh ngực chàng ra, cắt lấy tim gan của chàng, rồi cầm ở nơi tay mà nhay từng nhát khiến tim gan chàng nhỏ máu ròng ròng… Chàng chợt nằm xuống rồi lại chợt đứng lên, ngồi cũng chẳng ngồi yên, đành đứng dậy đi quanh đi quẩn trong phòng, vò đầu bứt tai, lòng đầy phiền muộn, rắm rối trăm bề không khác gì một bát cháo, như một mớ tơ vò. Đêm, mới đen tối làm sao, mới đáng sợ làm sao, mới khó chịu làm sao? Vậy mà đêm nào cũng phải ngồi trông chờ cho thời gian qua đi từng giờ từng khắc, từng chốc từng lát thế này?

Lại qua mấy ngày nữa, Đông Cao Công đưa về một người bạn. Nhìn thấy Ngũ Tử Tư, ông kinh ngạc đến ngớ cả người ra, mới mấy ngày không gặp, Ngũ Tử Tư võ vàng cả người đi, râu tóc bỗng trở nên bạc trắng. Ngũ Tử Tư ghé mặt soi vào chiếc gương đồng, bất giác ngầm rơi lệ, thở dài than:

– Trời ơi! Thù sâu còn chưa trả mà ta đã già đến thế này ư?

Đông Cao Công vốn là một danh y, đã bắt mạch cho Ngũ Tử Tư, rồi khám bệnh và tỏ ra an tâm, nói:

– Tướng quân chẳng có bệnh tật gì cả, cũng chẳng phải là già nua gì, đó là do lo buồn đưa đến, không hề hấn gì đến sức khoẻ cả, đúng ra là phải chúc mừng tướng quân.

Ngũ Tử Tư lấy tay day mắt, tỏ ra rất không vui, nói:

– Râu tóc bạc hết cả, còn vui cái nỗi gì, đúng là ông gà bà vịt, chẳng dính dáng gì đến nhau?

Đông Cao Công nói:

– Tướng mạo tướng quân ngời ngời như thế, dễ bị người ta nhận ra nhất, nay thay đổi thế này; hoá ra lại có thể che mắt thế gian, trà trộn vào đó mà qua Quan khẩu, thế chẳng phải là đáng mừng hay sao.

Ngũ Tử Tư từ khóc chuyển sang cười, Đông Cao Công nhân lúc ấy giới thiệu người bạn mới đưa về, cũng chính là người mà ông đã kiếm được để giúp Ngũ Tử Tư qua Quan khẩu. Ngũ Tử Tư còn mải âu sầu, có bạn đến, chỉ nhìn mà không gặp, thế chẳng hoá ra thất lễ hay sao. Người bạn đó của Đông Cao Công họ kép là Hoàng Phủ, tên là Nột, năm nay tuổi đã ngoại tứ tuần. Tuy tuổi tác chênh lệch khá xa so với Đông Cao Công, nhưng Hoàng Phủ Nột và Đông Cao Công lại chơi bời với nhau hết sức thân mật, như tình anh em. Đó

là một ẩn sĩ trong núi Long Động, khinh ghét chốn quan trường, không muốn ra làm quan, thà lên núi Long Động để cày ruộng, chơi bời non nước, tiêu dao tháng ngày.

Tuy là ẩn sĩ, nhưng lại muốn dẹp nỗi bất bình, nghe Đông Cao Công kể chuyện cả nhà Ngũ Tử Tư hơn ba trăm người bị tên hôn quân giết chết một lúc Hoàng Phủ Nột tức muốn nổ ruột, nguyện dù có phải vào nơi nước lửa nguy nan, cũng sẽ giúp Ngũ Tử Tư qua được Quan khẩu. Đông Cao Công giới thiệu Ngũ Tử Tư ra gặp Hoàng Phủ Nột. Là một người nhanh nhạy, Ngũ Tử Tư thoáng nhìn Hoàng Phủ Nột đang đứng trước mặt, từ tầm vóc, dáng vẻ, mắt mũi và cả biểu hiện tình cảm, tất cả đều giống mình như tờ giấy cắt hình dán lên cửa kính, lập tức cảm nhận được mẹo hay của Đông Cao Công là thế nào, vội vàng quỳ thụp xuống chân Hoàng Phủ Nột:

– Kính xin ân công, hãy nhận của Ngũ này một lễ. Đáng thương thay cho cả nhà tôi, chịu điều oan khuất, đều bị rơi đầu. Mong tiên sinh hãy đem lòng trắc ẩn cứu tôi và công tử đây!

Nhìn Ngũ Tử Tư ở trước mặt mình, Hoàng Phủ Nột lại nghĩ, người ta là bậc trung lương tới ba đời, cả nhà hàm oan mà bị hại, chỉ còn sót lại một mình, quả thật là đáng thương. Đông Cao Công còn trọng nghĩa ra cứu giúp, Hoàng Phủ Nột này lẽ nào lại khoanh tay đứng nhìn hay sao? Nghĩ thế xong, vội vàng cúi mình xuống nâng Tử Tư đứng dậy và nói tiếp: Mau mau xin mời đứng dậy, kẻ bất tài này nhất định giúp tướng quân qua Quan khẩu.

– Đa tạ ân công. Ngũ Tử Tư lại cúi xuống vái lạy nước mắt đầm đìa.

Họ xúm lại bàn nhau kế sách để vượt quan Quan khẩu: Hoàng Phủ Nột sẽ mặc quần áo của Ngũ Tử Tư, đóng bộ như một võ tướng; Ngũ Tử Tư cải trang thành một nông dân quê mùa, công tử Thắng là con của ông ta, một đứa trẻ ngớ ngẩn.

Lúc qua Quan khẩu, nhân lúc lính tráng khám xét tranh luận để bắt "Ngũ Tử Tư", người "nông dân" nhân lúc lộn xộn đó kéo con trai mình lẩn vào trong đám đông.

Ngũ Tử Tư rất lấy làm cảm động, nói:

– Mẹo này thì hay đấy, nhưng sẽ liên luỵ đến ân công, phải chịu khổ, khiến cho Viên tôi thấy không đành…

Đông Cao Công nói:

– Việc đó không sao! Ta đã có cách cứu ông ta!

Bàn bạc xong, vội vàng cải trang ngay. Ngũ Tử Tư cởi bỏ đồ võ tướng và đồ tang trao cho Hoàng Phủ Nột mặc vào. Dùng nước do Đông Cao Công chuẩn bị sẵn rửa mặt, da mặt lập tức sạm đen lại, rồi mặc quần áo của một nông dân trong vùng, trông đúng như một anh chàng quê mùa vùng núi. Công tử Thắng cũng cải trang thành đứa trẻ trong vùng. Cải trang xong, họ đi suốt đêm để đến Chiêu quan. Đi đến nơi, trời cũng vừa sáng, cửa Quan khẩu bắt đầu mở. Đám lính canh nhìn mặt và khám xét từng người, rồi đối chiếu giấy tờ tuỳ thân, lại còn nhìn mặt từng người để so sánh với tâm

hình treo ở quán. Phía trong và ngoài quan khẩu lố nhố khá đông người, chờ khám xét xong để đi qua Quan khẩu, mỗi người một câu, ồn lên như cái chợ. Trong số đó có một người hớt hơ hớt hải, nấp nấp né né, muốn chuồn ra khỏi Quan khẩu. Một người trông dáng như một viên quan cấp thấp trong đám lính canh phát hiện ra kẻ có hành động khả nghi, lập tức ướm nhìn lên hình người trong tờ tranh treo, thấy từ vóc người, khuôn mặt, râu tóc và quần áo mặc trên mình, cho rằng người đang nấp né kia chính là Ngũ Tử Tư, một người dấn bước lên, túm lấy người kia lại, la tướng lên:

– Ngũ Tử Tư! Mày định trốn đi đâu!

Nói xong, hắn kéo người ấy đi gặp vị tướng giữ quan khẩu là Vĩ Việt. Trong đám đông có người hô lên:

– Bắt được Ngũ Tử Tư rồi! Ngũ Tử Tư bị bắt rồi!

Nghe thấy tiếng hô, mọi người xúm lại để xem, số đông khác thì ồn ồn lên, chen lấn nhau đi qua cửa khẩu, bàn tán với nhau rằng từ nay về sau không phải chịu tội như thế này nữa. Đám lính tráng hý hửng vì đã bắt được Ngũ Tử Tư thì từ nay họ không phải dậy sớm thức khuya để khám xét nữa. Vị tướng giữ cửa khẩu lập tức ra lệnh:

– Trói Ngũ Tử Tư lại, đem tống giam vào xe tù, áp giải về Sính đô, báo công lĩnh thưởng.



Tốc độ hoá, vượt qua đối thủ

Theo binh pháp Tôn Tử: “Nhân lúc kẻ địch không chuẩn bị, không nghĩ tới mà bất ngờ xung kích giành thắng lợi”.

Trong kinh doanh cũng vậy, việc nắm được xu thế thị trường và nhanh nhay là một việc tất yếu. Ví dụ điển hình như Coca-Cola liên tục cho ra những dòng sản phẩm với mùi vị khác lạ, nhiều mẫu mã cho khách hàng dễ dàng lựa chọn.

CHƯƠNG XII

TRỜI NGÔ ĐẪM MÁU
CƠ QUANG CƯỚP QUYỀN

Lính canh gác cửa khẩu chỉ mải đi bắt Ngũ Tử Tư, chẳng ai còn nghĩ gì đến canh gác nữa, với lại Ngũ Tử Tự đã bắt được trong tay rồi còn canh gác làm gì nữa? Nhân lúc lộn xộn đó, Ngũ Tử Tư dắt theo công tử Thắng, cùng với đám đông người chen chúc nhau, ra khỏi Chiêu quan.

Vĩ Việt thấy binh lính đã bắt được Ngũ Tử Tư, vội vàng thân chinh xét hỏi, nhưng người ấy không nhận mình là kẻ trốn chạy, thái độ còn tỏ ra ngang ngạnh hỏi vặn lại:

– Ta là ẩn sĩ chân núi Long Động, hôm nay hẹn với bạn qua cửa khẩu để đi chơi xa, các người vô cớ bắt người, rồi trói buộc như thế này, thử hỏi phép vua ở đâu? Lẽ trời ở đâu?

Vĩ Việt cũng đang băn khăn, tuy người này tướng mạo có vẻ rất giống, song tiếng nói thì lại khác, Ngũ Tử Tư tiếng nói oang oang như tiếng chuông, còn người đứng trước mặt đây thì tiếng lại the thé như tiếng đàn bà. Thôi thì hãy cứ giam lại một nơi cái đã, chờ xét hỏi rõ ràng rồi hãy giải đi.

Vào tầm trưa Đông Cao Công chống gậy leo lên quan ải, xin gặp Vĩ Việt tướng quân để chúc mừng ông ta. Vĩ Việt phàn nàn không phân biệt được thật giả, Đông Cao Công nói:

– Mấy năm trước lão phu đi Thành Phụ chữa bệnh cho thái tử, có gặp Ngũ Tử Tư một lần, để lão coi xem, rồi so với hình vẽ, chắc rằng sẽ nhận được thôi.

Vĩ Việt lệnh cho quân lính mang kẻ tù phạm ra, phạm nhân thấy Đông Cao Công, từ xa đã kêu lên:

– Làm sao mà mãi tới giờ nhân huynh mới tới, ngu đệ chờ huynh ở trước quan khẩu, chẳng hiểu sao bị họ bắt vào đây, còn ép đệ phải nhận là "ô Tử Tu" quái quỷ gì đấy thật vô lý hết sức.

Đông Cao Công nhìn thấy thế cười lên ha hả, nói:

– Lầm rồi! Lầm rồi! Thưa Vĩ tướng quân, vị này chính là bạn chí thân của lão, tên là Hoàng Phủ Nột, hai người hẹn nhau hôm nay ra ngoài quan khẩu chơi một chuyến và đợi nhau ở trước quan khẩu, chưa gặp nhau, chưa đi. Nói thế xong lại quay sang Hoàng Phủ Nột – Lão phu không ngờ rằng đệ lại đến sớm thế, để cho anh phải chờ lâu ở ngoài quan, trong khi đó đệ lại vào đây chơi trò ú tim thế này!

Đông Cao Công nói giọng khôi hài, khiến những người có mặt khóc cũng dở mà cười cũng dở. Vĩ Việt thấy đã bắt lầm người, vội vàng xin lỗi:

– Lính tráng người ta nhầm lẫn, mong hai vị rộng lòng tha thứ! Đông Cao Công nói:

– Lầm to! Đúng là lầm to! Có điều Vĩ tướng quân chẳng qua cũng vì việc công cả. Có thể lượng thứ được. Có thể lượng thứ được!

Vĩ Việt lại ra lệnh tiếp tục kiểm tra những người qua lại.

Ngũ Tử Tư trà trộn ra khỏi Chiêu quan, chẳng khác gì cá thoát lưỡi câu, vội vội vàng vàng chạy ngay ra bờ sông. Trời đã tối, may sao gặp được một lão chài chở giúp qua sông, còn kiếm cả cơm nước để hai người ăn uống no nê. Trước lúc chia tay, Ngũ Tử Tư cởi cây kiếm vẫn đeo bên mình tặng cho lão chài, nói:

– Ơn cứu mạng của lão trượng, Ngũ Viên này không bao giờ quên, song cũng chẳng có gì gọi là để đền ơn, cây kiếm này là của tiên vương ban cho ông nội tôi, giá hàng trăm lạng vàng, nay xin dâng tặng lão trượng, gọi là bầy tỏ tấc lòng…

Lão chài cười đáp:

– Năm trăm thạch lương thực của Sở vương với tước vị đại phu, tôi còn chả thiết, thì tôi tham bảo kiếm giá trăm lạng vàng của anh làm gì… – Nói xong chống sào vào bờ, nhảy lên thuyền, cất một điệu hò, rồi mất hút trong màn đêm, ngay cả tên tuổi là gì cũng không để lại.

Ngũ Tử Tư quay mặt ra dòng sông rộng mênh mang vái dài một vái, để chào ông lão chài, rồi đi mấy ngày nữa thì tới biên giới nước Ngô.

Cuộc đấu tranh giữa các chư hầu trung nguyên với kinh Sở, từ sau khi Tống Hướng Nhung triệu tập chư hầu hội nghị bàn chấm dứt binh đao trở đi, đã hình thành một trạng thái hoà bình nghỉ ngơi. Trong thời gian này, nước Ngô vươn dậy ở đông nam, không ngừng đấu tranh với nước Sở, thế là những vùng đấu tranh dần dần từ trái tim của Trung Nguyên di chuyển đến lưu vực sông Hoài và vùng hạ lưu Trường Giang. Tộc người Ngô gọi là Kinh Man, tập tục của họ là cắt tóc ngắn và xăm hình, không giống với những tộc người ở Trung Nguyên búi tóc, vạt áo chéo sang phải, hoặc người tộc Nhung Dịch xoã tóc và vạt áo chéo sang trái.

Việc xây dựng nước Ngô bắt đầu từ khoảng thế kỷ mười ba trước công nguyên khi Ngô Thái Bá chạy sang Ngô, hồi ấy vào khoảng thời đại Đế tổ giáp của Ân Thương đời thứ hai mươi hai, khoảng năm 1231 trước công nguyên.

Thái Vương nhà Chu là Cổ Công Đản Phụ có ba người con trai, con trưởng là Thái Bá, con thứ là Trọng Ung, con út là Quý Lịch. Quý Lịch sinh con là Cơ Xương (tức là Chu Văn Vương) từ bé đã thông minh và nhiều tài. Cổ Công Đản Phụ khen ngợi sự hiền đức của cháu mình, cho rằng sau này cháu mình tất sẽ làm vẻ vang cho nhà Chu. Thế là Thái Bá, Trọng Ung lấy cớ đi Hành Sơn hái thuốc (đến một nơi xa xôi ở Nam Sơn, chứ không phải Hành Sơn tỉnh Hồ Nam ngày nay) dần đi xuống phía Nam theo tộc người Kinh Man để tỏ nhường ngôi. Về sau Thái Vương Cổ Công Đản Phụ chết; con là Quý Lịch nối ngôi; Quý Lịch chết, con là Cơ Xương nối ngôi, gọi là Văn Vương. Quả nhiên Văn Vương đã làm rạng rỡ cho gia tộc nhà Chu, đến đời con là Vũ Vương thay nhà Thương có được thiên hạ, đúng như lời Cổ Công Đản Phụ.

Đại Bá và Trọng Ung đã theo Kinh Man, cũng cắt tóc xăm mình theo phong tục Man di, người Man di hâm mộ phong thái nghĩa cử đó cho nên có tới hàng ngàn người đã đi theo. Thái Bá bèn tự xưng là Câu Ngô, đóng đô ở Mai Lý. Từ khi Thái Bá mười chín truyền đến Thọ Mộng, bắt đầu tự xưng là Ngô Vương lúc đó vào khoảng 585 trước công nguyên.

Thời Xuân Thu, hai tộc người Ngô – Việt vẫn còn đang ở trong giai đoạn thị tộc, nhưng khu vực họ ở khí hậu ôn hoà, đất đai màu mỡ, cuộc sống khá sung túc. Lại do vùng đất này sông ngòi ngang dọc, hồ đầm mênh mang, cho nên người dân quen việc thuyền bè sông nước, bởi thế nghề đóng thuyền có từ rất sớm và phát triển nhanh. Đóng thuyền tất phải dùng đến sắt, cho nên nghề luyện sắt thép cũng tiến bộ hơn ở Trung Nguyên.

Đến nước Ngô rồi, Ngũ Tử Tư tuy không một xu dính túi, phải cùng công tử Thắng đi ăn xin qua ngày, nhưng không phải lo lắng gì cho an toàn tính mạng, có hy vọng trả thù, nên trong lòng thấy thư thả được ít nhiều. Một hôm đi đến Ngô Xu, gặp một tráng sĩ, trán dô, mắt lõm, dáng như hổ đói, tiếng nói vang như sấm, chân tay không đứng trước hàng chục kẻ hung dữ tay mang gậy gộc mà không hề run sợ, bên mép còn lộ ra nét cười khinh miệt. Ngũ Tử Tư nhìn thấy thế, ngầm kinh ngạc và nhủ thầm: “Chà! Thiên hạ lại có thứ người lạ đến thế!” Rồi nghĩ bụng mai sau mưu việc lớn, cũng phải kết thân với nhiều hào kiệt dạng kỳ hiệp thế này…

Run sợ trước uy nghiêm của tráng sĩ, hàng chục gã hung hăng kia chỉ dám gầm ghè hò hét bên ngoài, cấm thấy tên

nào dám bước lên ra đòn. Bỗng nhiên trong cửa có tiếng một người gọi ra:

– Chuyên Chư hãy về nhà ngay, không được gây chuyện rắc rối ngoài ấy!

Nghe thấy tiếng gọi của người đàn bà ấy, như thể nghe thánh chỉ, Chuyên Chư vội vã phủi tay vào nhà.

Nhìn thấy thế, Ngũ Tử Tư bỗng sinh thắc mắc, bèn hỏi một cụ già gần đó:

– Một tráng sĩ như vậy, tại sao lại sợ một người đàn bà. Cụ già bảo với Ngũ Tử Tư:

– Đấy là tráng sĩ của làng tôi, sức có thể chọi muôn người, chẳng sợ một ai, bình sinh rất hiếu nghĩa, gặp bất kể việc gì bất bình đều mang hết sức ra cứu giúp. Tiếng gọi ở sau cửa vừa mới rồi, là mẹ anh ta đó. Chư vốn rất có hiếu, chưa bao giờ trái lời mẹ, đang cơn thịnh nộ như thế, nhưng nghe tiếng mẹ là dừng lại ngay, gặp mẹ tất là phải tươi sắc mặt.

Nghe cụ già giới thiệu như thế, Ngu Tử Tư thêm phần kính trọng Chiêm Chư, hôm sau liền khăn áo chỉnh tề đến thăm, sau khi xưng họ xưng tên, liền kể lại nỗi oan ức, nói đến nỗi Chuyên Chư cũng cảm động rơi nước mắt, nghiến răng căm giận. Người tài thì mến người tài, hảo hán thêm yêu hảo hán, mới gặp nhau chưa được nửa buổi, hai người bỗng trở thành bạn chí thân, Chuyên Chư mổ gà thết đãi, mừng như anh em gặp nhau. Chuyên Chư nói với Ngũ Tử Tư, Ngô Vương Liêu hiếu thắng nhưng kiêu ngạo, không như công

tử Cơ Quang biết thân người hiền, nhìn nhận đến tỏ sĩ, sau này tất sẽ thành đạt. Đồng thời cũng bày tỏ:

– Để giúp anh trả thù nhà rửa hận cho nước, dù gan nát óc lầy, Chư này cũng không từ chối?

Ngủ lại nhà Chuyên Chư một đêm, sáng sớm hôm sau, Ngũ Tử Tư gạt lệ chia tay mẹ con Chuyên Chư, mang công tử Thắng vội vã lên đường. Lại lặn lội bôn ba một số ngày nữa, Ngũ Tử Tư và công tử Thắng cuối cùng đã đến được Mai Lý, kinh đô nước Ngô, nơi có những bức tường thành cao ngất, phố xá phồn vinh, người qua kẻ lại rộn ràng, thuyền xe nườm nượp, rộn rã khác thường, phong tục tập quán nhiều cái khác xa nước Sở. Ngũ Tử Tư muốn trước hết được bái kiến Cơ Quang. Không những theo như lời giới thiệu của Chuyên Chư, Cơ Quang là người hiền đức hơn Ngô vương Liêu, sau này hẳn sẽ thành đạt, hơn nữa trong một lần hoạt động ngoại giao trước đây, Ngũ Tử Tư còn có ơn với Cơ Quang, ngày nay gặp nạn đến cầu, chắc rằng ông ta không đến nỗi khoanh tay đứng nhìn. Ấy thế nhưng lại rất không may, Cơ Quang lúc này đang đi chơi ở phía Nam, ngày ba mươi mới quay về, Ngũ Tử Tư ngoài việc phải kiên nhẫn chờ đợi, cũng chẳng còn cách gì hơn. Chờ đợi thì chẳng khó gì, khó một nỗi là túi không tiền, việc ăn ở của hai người không biết trong cậy vào đâu. Nghĩ hết mọi cách, Ngũ Tử Tư đành để công tử Thắng ở một nơi vùng ngoại thành, còn mình đi thổi sáo xin ăn ở chợ nước Ngô. Không ngờ thấy tiếng tiêu sầu não ruột ấy lại có tác dụng tự tiến cử mình, Ngô Vương Liêu đã cho vời đến gặp, rồi phong cho làm thượng đại phu, giúp Ngô vương công việc triều chính và còn bày tỏ sẽ mang hết sức giúp Ngũ Tử Tư trả mối thù bị chém giết cả nhà.



Ngũ Tử Tư

Cơ Quang vốn nghe Ngũ Tử Tư là người trí dũng song toàn, mừng rỡ quay trở lại nước Ngô định bụng sẽ thu nhận người này, thế nhưng nghe nói Ngũ Tử Tư đã yết kiến Ngô Vương

Liêu, lại còn được phong làm thượng đại phu, Ngô vương lại muốn giúp Ngũ Tử Tư báo thù dấy quân đánh Sở, Cơ Quang thấy không yên lòng nên đã khéo léo dùng kế li gián, sau đó gần gũi để lung lạc, kéo về phía mình. Ý định đã dứt khoát, Cơ Quang vào chầu, bái kiến Ngô Vương và nói:

– Quang tôi nghe nói, một bầy tôi lưu vong của nước Sở là Ngũ Viên, đã chạy sang nước ta, Vương cho rằng người này thế nào?

Vương Liêu đáp:

– Hiền đức mà có hiếu!

Cơ Quang lại hỏi:

– Làm sao mà biết được?

Vương Liêu giải thích:

– Ngũ Viên dũng cảm và khỏe mạnh vô cùng, lo việc nước với quả nhân, sẽ không có việc gì sơ hở, đó là cái hiền của người ta. Luôn luôn nhớ nỗi oan ức của cha anh, chưa từng có lúc nào quên trả thù, xin quân của quả nhân đó là đạo hiếu của người ta vậy!

Nhắc đến chuyện dấy binh giúp Ngũ Viên trả thù nhà, Cơ Quang nói:

– Chúa một nước lớn có muôn cỗ chiến xa, không dấy binh vì một gã thất phu. Nay Ngô, Sở cấu binh cũng đã lâu, mà

chưa thấy thắng lớn, nếu như vì Ngũ Viên mà dấy quân, là coi mối hận của kẻ thất phu nặng hơn mối nhục của đất nước vậy. Thắng thì người được hả giận, mà thua thì ta phải gánh lấy nhục nhã, không thể làm như thế được!

Vương Liêu cho rằng Cơ Quang nói có lý, thế là thôi không bàn đến chuyện đi đánh nước Sở nữa, dần dần cũng xa lánh Ngũ Tử Tư. Bản thân Ngũ Tử Tư cũng biết ý, đã từ chức thượng đại phu, cùng với công tử Thắng về cầy cấy ở vùng quê Dương Sơn.

Một hôm, Cơ Quang đến Dương Sơn thăm Ngũ Tử Tư, đem tặng thóc gạo vải vóc. Với cuộc đến thăm này của Cơ Quang, Ngũ Tử Tư tỏ thái độ không vồ vập cũng không hững hờ, một mặt Ngũ Tử Tư còn đang ấm ức trong lòng về chuyện Cơ Quang đã can gián Ngô Vương xa lánh mình. Mặt khác Ngũ Tử Tư thấy rằng Cơ Quang làm như thế không có ý ghét bỏ gì mình, mà ngược lại, là kính trọng mình, bởi vì chỉ có thế, mới có thể lôi được mình ra khỏi tay Ngô Vương, mà Cơ Quang đã là người hiền đức hơn Ngô vương, thì chỉ có dựa vào Cơ Quang việc báo thù mới có hy vọng.

– Ngũ Tướng quân hẳn là giận Quang này đến tận xương tận tuỷ – để phá vỡ bầu không khí căng thẳng, Cơ Quang chủ động bên tiếng trước – Tôi đã khuyên Ngô Vương xa lánh tướng quân, không đem quân đánh nước Sở, giúp tướng quân trả thù cho cha anh, rửa hận cho đất nước.

– Cái đó… Ngũ Tử Tư không biết hé răng như thế nào, trả lời ra sao cho phải.

Thấy Ngũ Tử Tư lúng túng không trả lời được, Cơ Quang liền giải thích:

– Kỳ thực, Quang này không để tướng quân như ngọc đặt vào chỗ tối, hy vọng bị tắt ngấm…

Ngũ Tử Tư thấy khó hiểu, liền hỏi:

– Viên tôi ngu tốt, không hiểu ý Vương tử nói gì, dám xin nói rõ hơn.

Cơ Quang định nói lại thôi, dừng một lát, sau mới nói:

– Chúa của ta vốn tính tham lam, như bầy hổ sói, há đâu phải vì họ Ngũ giúp tướng quân phục thù, là lời hứa ở cửa miệng, làm sao có thể tin được!

Ngũ Tử Tư nghĩ rằng Ngô Vương với Cơ Quang, về mặt công là nghĩa vua tôi, về mặt riêng là tình anh em họ, cứ cho rằng Ngô Vương có tính tham lam, thì ít ra Cơ Quang cũng chẳng nên phơi bày ra trước người ngoài vừa chân ướt chân ráo đến đây… phải chẳng Cơ Quang cũng đang ngấp nghé nhòm ngó ngôi vua mà muốn cướp quyền? Nếu quả như thế thực, mình nên đối xử thế nào? Nghĩ đến đây, Ngũ Tử Tư cố ý ướm hỏi:

– Vương tử bảo rằng Ngô Vương tham lam, tất phải có sự thực, có thể nói cho Ngũ Viên tôi biết được chăng?

– Cái đó thì… – đến lượt Cơ Quang hầu như có điều gì khó nói, vừa định mở miệng nói ra lại thôi – Sau này, Ngũ tướng quân tất sẽ rõ.

Sự thực quả không ngoài dự đoán của Ngũ Tử Tư, đã từ lâu Cơ Quang từng ngấm ngầm nhòm ngó ngôi vua. Vả lại, Cơ Quang sở dĩ có dã tâm đó cũng chẳng có gì là không hợp tình hợp lý.

Ông nội của Cơ Quang là Ngô Vương Thọ Mộng sinh hạ được bốn người con: Con cả là Chư Phàn, Chư Phàn sinh ra Cơ Quang; con thứ hai là Dư Sái, con thứ ba là Dư Muội, Dư Muội sinh ra Liêu đang ở ngôi lúc này; con thứ tư là Quý Trát.

Theo Chu Lễ và truyền thống, Thọ Mộng đúng ra phải truyền ngôi cho con cả là Chư Phàn, rồi truyền tiếp cho con trai Chư Phàn là Cơ Quang. Thế nhưng trước lúc lâm chung, Thọ Mộng lại căn dặn rằng sẽ nhường ngôi cho người con thứ tư mà ông cho là hiền minh nhất, đó là Quý Trát. Nhưng Quý Trát khiêm nhường không chịu lên ngôi, bất đắc dĩ phải để người con trưởng là Chư Phàn đăng quang, sau đó mới truyền ngôi cho con thứ hai Dư Sái, con thứ ba Dư Muội.

Việc nối ngôi lẽ ra phải theo chế độ thế tập trực hệ, thế mà một lời di chúc của Thọ Mộng đã làm cho việc nối ngôi của nước Ngô nảy sinh ra một chế độ anh chết thì em thay, từ Chư Phàn rồi đến Dư Sái, rồi lại từ Dư Sái tuần tự mà lập. Sau khi Dư Muội qua đời, lẽ ra người con thứ tư là Quý Trát lên ngôi, nhưng Quý Trát rất lạnh nhạt với danh lợi, không thích làm vua, trốn vào núi ở ẩn. Đến đây, ngôi báu lẽ ra

phải truyền trở lại cho cháu đích tôn là Cơ Quang, nhưng Liêu lại ỷ vào cha mình là Dư Muội đang làm vua, nghiễm nhiên lên nối ngôi.

Do ngôi báu bị em họ cướp đi, Cơ Quang luôn thấy ấm ức trong lòng, nỗi oán giận càng ngày càng sâu, đi đến quyết tâm giành ngôi báu về tay, cho hợp với lẽ trời. Đúng lúc đó Ngũ Tử Tư đến nước Ngô, đúng là trời có mắt, nâng đỡ người chính trực trừ khử lũ gian tà, cơ duyên đã đến rồi, cho nên trước hết Cơ Quang đã gièm pha với Ngô Vương rồi sau lại mơn trớn Ngũ Tử Tư. Qua mấy lần đi lại, hai người bỗng trở thành bạn thân, quyết định cùng nhau ra tay phế Ngô Vương, sau đó sẽ dấy quân đánh nước Sở.

Ngũ Tử Tư đã tiến cử Chuyên Chư với Cơ Quang và đề nghị dùng Chuyên Chư làm thích khách, mưu sát Ngô vương Liêu, Cơ Quang rất lấy làm cảm kích. Một hôm, Cơ Quang sửa một món lễ hậu, cùng ngồi chung xe với Ngũ Tử Tư tới thăm nhà Chuyên Chư. Lúc ấy Chuyên Chư đang đi mài dao trên phố chuẩn bị giúp nhà hàng xóm mổ lợn, thấy ngựa xe qua nườm nượp đang định tránh đi, Ngũ Tử Tư ngồi trên xe nhìn thấy cất tiếng gọi:

– Đứng lại chú em ơi! Anh Ngũ Viên đến thăm em đây mà!

Chuyên Chư nghe tiếng gọi, vội vàng dừng bước, chờ Ngũ Tử Tư ra khỏi xe để gặp mặt. Ngũ Tử Tư chỉ vào Cơ Quang ngồi cùng xe với mình, nói với Chuyên Chư:

– Đây là công tử trưởng của nước Ngô, mộ tiếng anh hùng của em nên đến thăm em, nếu đòi hỏi gì, mong em đừng từ chối.

Chuyên Chư từ lâu đã biết tiếng hiền đức của Cơ Quang, đã từng giới thiệu với Ngũ Tử Tư, nhưng chưa từng gặp mặt bao giờ, nay công tử lại hạ cố đến tận nơi nhà cửa xuềnh xoàng này, làm gì chẳng khiến cho Chuyên Chư cảm thấy được yêu mà sinh lo, cảm động đến rơi nước mắt và nói:

– Tôi chỉ là dân thường nơi xóm nhỏ, có tài có đức gì đâu mà dám phiền công tử hạ cố ạ?

Chuyên Chư cung kính mời khách vào nhà, nhà tranh mái thấp, họ phải cúi đầu mới vào được. Cơ Quang vái chào trước để tỏ ý mến mộ của mình. Chuyên Chư đáp lễ, ra chiều hoảng hốt lúng túng. Cơ Quang đưa biếu vàng bạc, châu báu và vải vóc, Chuyên Chư khăng khăng không nhận, Ngũ Tử Tư ở bên cạnh hết lời khuyên, lúc ấy mới miễn cưỡng nhận lấy. Ngũ Tử Tư cũng nói với Chuyên Chư ý định lần này đến đây của công tử Cơ Quang và nêu lên căn cứ, ý nghĩa của việc này, đồng thời nhấn mạnh rằng công việc này rất nguy hiểm, có thể đầu lìa khỏi cổ bất kể lúc nào. Chuyên Chư nghe xong, bực bội dậm chân đấm ngực thùm thụp nói:

– Thằng giặc Liêu này không trừ, đất nước không có ngày yên hàn, Chư tôi nguyện giúp công tử làm nên việc lớn! Tuy nhiên Chư tôi còn có mẹ già tuổi đã cao, nếu hai vị chăm lo giúp thì Chư tôi chẳng sợ gì hết.

Cơ Quang bước lên nắm chặt lấy tay Chuyên Chư, cảm động đến nỗi không nói được ra lời, nghẹn ngào một lát sau mới nói:

– Tráng sĩ có nghĩa cả như vậy, Quang này tất đối xử với lệnh đường như mẹ mình, tên tuổi tráng sĩ sau này sẽ mãi mãi được nêu trong sử sách.

Chim hồng chim hộc sở dĩ cất cánh bay được lên bầu trời chín vạn dặm; bởi chúng có đôi cánh khoẻ, nếu chặt đôi cánh ấy đi hẳn là chúng không bay được nữa. Ngô Vương Liêu vốn có tính đa nghi, em ông ta là Yểm Dư, Chúc Dung với con ông ta là Khánh Ky luôn luôn ở sát bên mình, không rời nửa bước. Hai anh em Yểm Dư, Chúc Dung, vô cùng khoẻ mạnh và dũng cảm, không sợ cả quỷ thần. Vương tử Khánh Ky gân cốt như bằng sắt, muôn người khó địch nổi, tay có thể bắt được chim bay, chân có thể ngăn được thú dữ. Có ba người này bảo vệ, muốn giết được Vương Liêu quả thật là một việc khó hết sức, thế nên trước khi giết Vương Liêu, phải dò la được vây cánh của hắn, trừ được ba người này đi, nếu không cho dù có giết được Vương Liêu, Cơ Quang cũng khó có thể được ngôi vua.

Năm 515 trước công nguyên, Sở Bình vương qua đời, Mễ Trân là một đứa bé mới mười một tuổi lên nối ngôi, gọi là Sở Chiêu Vương. Nghe tin Sở Bình vương đã chết, Ngũ Tử Tư buồn bã thở than, oán trời khéo vô tình bất công khiến tự mình không được tự tay giết tên hôn quân, trả thù cho cha anh và hơn ba trăm người lớn bé trong dòng họ nhà mình. Tuy nhiên, thời cơ chặt gẫy cánh chim hồng chim hộc đã tới, dưới sự sắp đặt của Ngũ Tử Tư, Cơ Quang can gián với

Vương Liêu nhân khi nước Sở có tang, triều chính rối loạn hãy mang quân đi đánh nước Sở và tiến cử Yểm Dư, Chúc Dung làm nguyên soái và đại tướng, cử Khánh Ky sang nước Vệ mượn viện binh. Lúc này hoàng thúc Quý Trát đã xuống núi về cung, mời ông ta đi thăm các nước, tìm kiếm đồng minh, Vương Liêu không ngờ được rằng đó là mưu kế nên đã nhất nhất chuẩn tấu, hơn nữa còn rất cảm kích trước sự trung thành của Cơ Quang.

Thời cơ đã chín muồi, Cơ Quang và Ngũ Tử Tư đến thăm Chuyên Chư lần nữa, nói rõ tình thế tốt đẹp này. Chuyên Chư nghe xong tỏ ra do dự, lúc lâu mới nói:

– Chuyên Chư tôi không phải hạng người sợ chết, chỉ lo cho mẹ già tuổi cao. Người ta bảo tóc tơ da thịt mình là của cha mẹ cho, không dám làm tổn thương hay huỷ hoại, đó là bắt đầu của sự hiếu. Nay nếu để người tóc bạc đưa tiễn ngươi tóc xanh, thì hết sức là bất hiếu, Chuyên Chư không làm hạng người bất hiếu.

Nghe những lời nói đó, Cơ Quang vô cùng thất vọng, nhưng vẫn khẩn khoản:

– Cơ Quang tôi rất hiểu lòng tráng sĩ, tất sẽ coi lệnh đường như mẹ mình.

Chuyên Chư lắc đầu nói:

– Vì mẹ già tuổi cao, Chuyên Chư này đành bội ước, mong công tử và ông anh hãy hết lòng lượng thứ.

Đang giữa lúc Cơ Quang và Ngũ Tử Tư đều thất vọng và chán nản, bà mẹ Chuyên Chư đến trước mặt ba người lúc nào không rõ, đã quở tránh Chuyên Chư:

– Ở trong buồng, ta đã nghe rõ mọi chuyện của ba người. Con ơi con đã thề với Vương tử Cơ Quang một dạ trung thành, sao có thể vứt bỏ điều tín nghĩa! Trung với hiếu vốn chỉ là một lẽ, há sao có thể vì hiếu mà bỏ trung, vì cái nhỏ bỏ cái lớn. Đừng lo nghĩ nhiều cho mẹ già, mau mau tận tâm đi phò tá cho vương tử ngay đi.

Người mẹ già tám mươi tuổi ấy sau khi nói với Chuyên Chư con mình như vậy, quanh trở về phòng mình, tự thắt cổ chết, để bớt mối lo sau này cho Chuyên Chư.

Cơ Quang, Ngũ Tử Tư và Chuyên Chư đã chôn cất chu đáo người mẹ già đó trong nước mắt đầm đìa, rồi họ bắt đầu trù tính việc giết Vương Liêu như thế nào.

Mỗi khi ra ngoài, Vương Liêu thường mặc hai lần áo giáp bằng da sư tử, dao kiếm tầm thường không thể nào đâm thủng được. Cơ Quang từng có một thanh kiếm thần, tương truyền đây là tác phẩm chứa đầy tâm huyết của người thợ nổi tiếng nước Việt là Âu Dã Tử. Thanh kiếm này dài chưa đầy ba tấc, cho nên gọi là kiếm dạ cá, sắc nhọn vô cùng, gọt sắt như gọt đất, thanh kiếm ấy nhất định sẽ xuyên qua hai lần áo giáp bằng da sư tử. Có thanh kiếm này trong tay để đi giết Vương Liêu, niềm tin của Chuyên Chư được tăng lên nhiều lần.

Mọi việc sắp đặt đầu vào đấy, kín đáo đủ mọi nhẽ, Cơ Quang vào cung mời Vương Liêu đi dự tiệc:

– Ngày mai, vi thần sẽ sửa một bữa tiệc dã ngoại ở đình Thái Hồ, cùng các vị đại thần hưởng thú buông câu, nếu đại vương cùng hạ cố đến dự thì đẹp mặt cho vi thần quá!

Ngô Vương khoái chí cười đáp:

–Vương huynh thân chinh đến mời, quả nhân đâu có lẽ nào từ chối, nhưng chẳng hay có món cá gì ngon vậy?

– Đương nhiên là cá lô mà đại vương thích ăn nhất – Cơ Quang cười hì hì đáp.

– Mấy khi có được tấm lòng trung như vậy của vương huynh. Vương Liêu mừng rỡ ra mặt – quả nhân thế nào cũng đến dự tiệc!

Sau khi được Vương Liêu đồng ý, Cơ Quang liền đến ngay chỗ Ngũ Tử Tư để bàn bạc, quyết định cho hàng trăm quân mai phục xung quanh đình Thái Hồ, Chuyên Chư cải trang thành người đầu bếp, mượn cớ gần gũi Vương Liêu.

Hôm sau, Vương Liêu mang theo năm trăm quân hộ vệ, đến đình Thái Hồ dự tiệc.

Tiệc rượu bắt đầu, Cơ Quang thân chinh rót rượu mời Vương Liêu, nói:

– Đại vương đại giá đến dự thế này, vi thần cảm thấy rất sung sướng. Đây là thứ rượu thơm, đại vương uống vào tất sẽ sống lâu trăm tuổi…

Vương Liêu đỡ lấy chén rượu, nhìn Cơ Quang nói nhỏ để đánh trống lảng:

– Đêm qua quả nhân vừa qua một cơn ác mộng, trong lòng cảm thấy có gì không hay, song lại không nỡ thất hứa, nên mang cả quân hộ vệ đến đây, vương huynh đừng lấy làm lạ.

Cơ Quang bất giác thấy chột dạ, giật mình, vội vàng đáp:

– Vi thần không dám ạ, sự khoẻ mạnh bình an quý thể của đại vương là niềm hạnh phúc của xã tắc, đáng lý ra phải phòng phạm từng giờ, nhất là gần đây trộm cướp quá nhiều, mong đại vương hãy tự giữ mình.

Cơ Quang bụng nghĩ một đằng, miệng nói một nẻo, giả lời như vậy, không nén làm sao khỏi trống ngực đập liên hồi.

Sự hộ vệ hôm nay quả thực là có khác mọi ngày, tiêu điều như cảnh cuối thu, nặng nề như giữa mùa đông, không những bên cạnh Vương Liêu có đến mấy tên vệ sĩ tay cầm dao bén, bên cạnh những người có mặt cũng đều có một tên vệ sĩ đứng kè kè, những người đến gần Vương Liêu đều phải qua khám xét rất kỹ lưỡng mới được bước đến, ngay cả người rót rượu cũng có đến ba tên vệ sĩ kèm riết.

Thấy tình hình này, Cơ Quang áy náy không yên, không biết Chuyên Chư có hiểu được rằng ở đây được canh giữ cẩn mật thế này không.

Lúc này Chuyên Chư cũng đang đau đầu làm thế nào để đến gần được Vương Liêu, bỗng nhiên trong lòng chợt loé lên một điều và trước mắt như sáng ra, vội vàng đặt lưỡi kiếm dạ cá vào trong bụng con cá lô rồi hai tay bưng đĩa thức ăn đó dâng lên Vương Liêu. Theo quy định trước nên đã có ngay một tên vệ sĩ bước tới khám người, khám xong báo cáo:

– Bẩm báo đại vương, tên đầu bếp này không mang thứ gì trên người, cũng chẳng có khí giới gì cả ạ!

Đã không có gì mang theo, Chuyên Chư có thể lên dâng món ăn rồi, tay nâng đĩa thức ăn, bước đi rất đàng hoàng, ung dung bước lên đến sát bậc thềm, cúi mình làm lễ và thưa:

– Dạ thưa, thảo dân là đầu bếp, bình sinh tất thạo làm món ăn bằng cá, nay xin dâng lên món cá lô, kính mời đại vương thưởng thức ạ!

Ngô vương hỏi:

– Cá này ở đâu có?

– Dạ bẩm ở Thái Hồ ạ!

– Câu được ở đâu?

– Dạ câu được ở Dương Loan, mùi vị rất tươi ngon ạ.

– Ai câu được vậy?

– Để bày tỏ lòng trung, ông chủ nhà con là công tử Quang đã tự tay câu con cá này, dầm sương lội gió ba ngày đêm, mới câu được một con đấy ạ!

Vương Liêu hỏi rất nhanh, câu nọ nối câu kia như chớp, Chuyên Chư trả lời trơn tru, không hề hàm hồ ngắc ngứ. Vương Liêu hơi nghiêng mình, mỉm cười nói với Cơ Quang:

– Thật hiếm có tấm lòng trung như vương huynh, làm cho quả nhân vô cùng cảm kích.

Cơ Quang đứng dậy, vái tạ nói:

– Anh em trong nhà cả, đại vương quá khiêm tốn như thế làm gì, với lại, bề tôi lấy lòng trung làm công việc cho vua, là lẽ thường xưa nay, thần chẳng qua là làm theo lẽ đó, cần gì phải nhắc đến! Xin đại vương hãy ngự dùng món cá hồng xíu, để nguội mất ngon ạ!

Vương Liêu bảo với gã "đầu bếp" dưới thềm:

– Hãy gỡ bỏ xương cá đi đã, rồi quả nhân mới ăn.

"Đầu bếp" vâng lệnh, vái chào Ngô Vương, bước lên giả vờ gỡ xương, nhanh như chớp chụp lấy thanh kiếm giấu trong bụng cá, xỉa thẳng vào tim Vương Liêu, chọc qua ba lớp áo giáp xuyên ra sau lưng, Vương Liêu rú lên một tiếng, chết

ngay tại chỗ. Đám vệ sĩ xông lên bâu lấy như ong, chém nát Chuyên Chư.

Cơ Quang vội lẻn vào nhà trong, bọn vệ binh như điên cuồng, hô lên:

– Giết chết Cơ Quang đi!

Ngũ Tử Tư ẩn trong phòng kín đợi thời cơ vội xông ra, như giao long gặp nước, mãnh hổ xuống núi, rút thanh kiếm dài ra, hàng chục tên vệ sĩ lần lượt kêu lên ngã nhào ra đất. Ngũ Tử Tư hô lên một tiếng, như một làn sóng dậy, hàng trăm lực sĩ mai phục quanh đó ào lên, hai bên giao đấu. Bên này biết Chuyên Chư đắc lực nên oai tăng hàng chục lần, trong khi đó thấy Vương Liêu đã chết, thế giảm đi mấy lần. Sau khi hai bên chém giết nhau một chập, lính tráng do Vương Liêu đưa tới bị giết chết một nửa, nửa còn lại chạy trốn hết.

Ngũ Tử Tư hộ tống Cơ Quang đánh xe về triều, tụ tập quần thần lại, nói:

– Từ khi hoàng thúc Quý Trát từ chối ngai vàng, ngôi báu lẽ ra phải do người đích tôn là cháu trưởng nối tiếp, làm thế nào lại để cho Vương Liêu chen ngang vào cướp ngôi, làm hỏng cả thể thống vương thất. Nay Liêu đã chết, để uốn nắn lại thể thống ngôi vua phải do cháu đích tôn là vương tử Cơ Quang nối tiếp, các vị có ai không đồng ý?

Quần thần đương nhiên là đồng thanh tán thưởng, thế là Cơ Quang cướp được ngôi vua rất dễ dàng, đó là Ngô vương Hạp Lư.

Vì Ngũ Tử Tư có công lớn, Hạp Lư phong làm thượng đại phu, gặp việc gì cũng hỏi han tư vấn. Con trai của Chuyên Chư là Chuyên Nghị được phong làm hạ quân đại phu.

Yểm Dư và Chúc Dung đang đem quân đi xa, nghe tin trong nước xảy ra đảo chính, một người trốn sang nước Từ, một người chết ở Chung Ngô.

Quý Trát sau khi đi thăm các nước trở về, Cơ Quang đã nhường ngôi, song Quý Trát không nhận, tự cam chịu làm bề tôi.

Vương tử Khánh Ky đi nước Vệ mượn quân, nghe có biến đã chạy đến Ngải Thành, liên kết với nước láng giềng, muốn chờ thời thế đánh nước Ngô trả thù.

Hạp Lư nghe tin Khánh Ky có âm mưu đánh nước Ngô, suốt ngày ăn không ngon, ngồi đứng không yên, lệnh cho Ngũ Tử Tư hỏi khắp cả kẻ sĩ mưu trí trung dũng trong thiên hạ, để tìm cách trừ khử Khánh Ky.

Một hôm, Ngũ Tử Tư đến bờ biển Đông nước Tề, trên bãi cát mịn, hàng trăm dân chúng tấu nhạc ca hát, xem ra có vẻ như đang hát mừng thắng lợi. Trong đám đông, có một gã đàn ông mình cao chín thước, giơ cao viên ngọc như ý đang lấp lánh phát sáng, đang hiên ngang hãnh diện đón nhận lời hoan hô chào mừng của dân chúng. Gã đàn ông ấy tên là Tiêu Khìu Hân, được Tề hầu tin cậy, cất nhắc lên làm sứ thần. Hiện nay ngựa của ông ta bị long thần cướp đi. Trong cơn tức giận, Tiêu Khìu Hân nhảy ào xuống nước, đánh

nhau với long thần ba ngày ba đêm, lấy được viên ngọc như ý trên trán của long thần. Thấy Tiêu Khìu Hân thần dung không ai bì, Tề hầu đã ban tặng rất hậu, cho nên dân thôn mới mở tiệc trên bờ biển chúc mừng.

Trên bờ biển, tiếng cười xen tiếng hát chan hoà với nhau tưng bừng rộn rã. Bỗng nhiên trong đám đông có một người rêu rao lên:

– Tiêu Khìu Hân chẳng qua chỉ là thằng bịp chứ đâu có phải cái thế anh hùng…

Đám đông nhốn nháo lên, người ta đưa mắt lướt tìm người nào dám to ngan làm xằng thế, bản thân Tiêu Khìu Hân thì nắm chặt hai tay, mặt đầy giận dữ, đưa mắt nhìn quanh một vòng, không thấy kẻ dám khinh bỉ mình, không nén nổi, gầm lên như sấm:

– Kẻ nào dám làm nhục ta; có giỏi hãy bước ra đây, để ta xem có ba đầu sáu tay hay sao mà ghê gớm thế…

Mọi người bị tiếng quát làm cho sợ xo lại, người nào người nấy giương mắt nhìn nhau, đến thở cũng không dám thở mạnh, chẳng ai dám ho he câu gì, hầu như chỉ cần nói ra một tiếng, nắm đấm như sắt kia của Tiêu Khìu Hân sẽ đập cho tan nát.

Một lần nữa, Tiêu Khìu Hân lại cao giọng chửi rủa:

– Thằng nào thì bước ra đây, ông mày dạy cho một bài…

Trong đám đông bước ra một người thấp bé, cao chưa đầy ba thước, mặt mũi xấu xí, trông như một đứa trẻ con, người ấy chậm chạp bước tới trước mặt gã cao lớn kia, trông hình dáng ấy lại càng tỏ ra nhỏ gọn. Người thấp bé ngẩng mặt, ưỡn ngực hỏi:

– Tiêu công cần gì phải nóng nảy doạ nhau thế, câu vừa rồi là chính miệng ta nói ra đấy, ông định làm gì?

– Cái đó… Gã cao lớn nhìn người nhỏ bé ấy bất giác giật lùi mấy bước.

– Thế nào? Chẳng lẽ Yếu Ly này nói thế lại không phải là sự thực hay sao?

“Yếu Ly? Chẳng hoá ra đây là Thạch Yếu Ly nổi tiếng các nước hay sao?”

Ngũ Tử Tư thầm nghĩ như vậy, bất giác bỗng thấy chột dạ. Thạch Yếu Ly có nhiều câu chuyện có tính truyền kỳ, khắp gầm trời này, đàn bà trẻ con ai ai cũng biết, Ngũ Tử Tư lại càng nghe nói từ lâu, không ngờ hôm nay lại gặp ở đây, đúng là “người không thể chỉ dựa vào tướng mạo, nước biển không thể đong”. Ôi! nhìn trước mặt lúc này, hai con người đang đấu khẩu với nhau; một người đồ sộ như con quái vật, một người nhỏ thó đến mức chẳng ai nhìn, chẳng khác gì một con gà trống trước một con dế. Con dế tuy nhỏ nhưng lại có thể nhảy lên mào con gà trống, đá cho máu chảy ròng ròng cho đến chết. Con gà trống muốn mổ con dế, lại chỉ như một ý nghĩ ngây ngô viển vông, đó chính là sự đời nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều trong thế gian này. Chẳng phải

thế là gì, hãy cứ nhìn Tiêu Khìu Hân kia kìa, lúc đầu huênh hoang nhất đời như thế, Thạch Yếu Ly vừa xuất hiện, hắn bỗng xẹp như quả bóng xì hơi, cuốn cờ tắt trống. Thạch Yếu Ly nhẩn nha ca cẩm:

– Đã là dũng sĩ, việc quái gì phải tự khoe mình. Tiêu tráng sĩ lúc trước nói rằng ngựa của mình bị thần long cướp mất, sau lại bảo lấy được cả ngọc như ý gắn trên trán thần long, cái thực thì mất cái hư thì được, thế thì làm sao người ta tin được. Lừa dối vua chúa, để được mang tên là hỗn thế anh hùng, đó chẳng qua là tự mình dối mình thôi. Nếu như còn một chút lương tri thì hãy nên tự kiểm điểm lại mình mà sửa chữa đi mới phải!

Thạch Yếu Ly vừa nói dứt câu, liền quay đi chỗ khác. Tận mắt nhìn thấy tình cảnh này, Ngũ Tử Tư bàng hoàng như trong cơn mê.

Ngay sau buổi đó, Ngũ Tử Tư đã đến thăm Yếu Ly, hai người trước đó đã biết tiếng và mến mộ nhau, nên gặp là quấn lấy nhau, dần trở nên thân thiết. Ngay đêm ấy, ở nhà Yếu Ly, Ngũ Tử Tư đã xem một vở kịch vui.

Yếu Ly và Ngũ Tử Tư dốc bầu tâm sự, nói chuyện với nhau mãi đến giờ tý mới chịu chia tay nhau. Sau khi sắp đặt chỗ nghỉ ngơi cho Ngũ Tư Tư, Yếu Ly mở cửa ra, thắp sáng đèn nến ở lối đi, rồi nằm ngay trên mặt đất ở lối đi ngủ khò khò.

Một khắc giờ qua đi, dưới ánh trăng, có một bóng đen lay động, cái bóng vừa lớn vừa cao, rõ ràng là Tiêu Khìu Hân. Yếu Ly sớm đã đoán chắc thế nào đêm nay Tiêu Khìu Hân

cũng đến đánh úp, bởi thế mới sắp đặt như vậy. Yếu Ly thừa biết rằng Tiêu Khìu Hân là hạng to xác nhưng nhát gan, lòng chim dạ chuột, hôm nay ngoài bãi biển bị mình mắng cho giữa chỗ đông người, đương nhiên sẽ không cam chịu và nhất định sẽ trả thù. Bóng đen thấy cửa lớn bỏ ngỏ; dọc lối đi đèn nến lại sáng trưng, Thạch Yếu Ly thì đang nằm dưới đèn ngủ say, nên không bước lên đằng trước nữa, nép vào bóng tối ở bên cạnh cửa im lặng xem xét hồi lâu, như thể sinh nghi trong bụng, sợ rằng trúng ổ mai phục. Nhìn như thế một lúc lâu, vẫn không thấy có gì khả nghi, bóng đen mới rón rén đi lên phía trước, đột nhiên, tay cầm bảo kiếm nhảy lên bậu cửa, thuận tay xỉa mạnh về phía chỗ Yếu Ly đang nằm ngủ. Cùng lúc ấy, Yếu Ly bật dậy như bay, nhằm vào đầu tên thích khách tung một cú đá, chỉ nghe thấy một tiếng "ối" thích khách ngất lịm trên mặt đất; thanh kiếm trong tay văng ra một quãng xa tới hơn hai thước. Dưới ánh sáng nến nhìn rõ mồn một thích khác ấy không phải ai khác, chính là Tiêu Khìu Hân. Không biết là bao nhiêu lâu sau, Tiêu Khìu Hân dần dần tỉnh lại, Yếu Ly mắng nhiếc:

– Tiêu Khìu Hân, bị ta làm nhục trên bãi biển, đã không cãi lại, lại không đường đường chính chính đến trả thù, lại lò mò đến tối chờ đánh trộm, thế thì sao có thể gọi là cái thế anh hùng, mà chỉ là một tên ti tiện vô liêm sỉ không hơn không kém – Yếu Ly đưa kiếm trả lại cho hắn, nói tiếp: Nào! Có là trang hảo hán, hãy cùng sống mái một phen.

Tiêu Khìu Han nhận lấy kiếm trong tay, quỳ xuống đất nói:

– Anh hùng ở đây, Khìu Hân này thực là xấu hổ, còn mặt mũi nào sống trên đời. Nói xong, rút kiếm tự vẫn.

Ngũ Tử Tư bước ra, nắm chặt hai tay Yếu Ly, vô cùng xúc động nói:

– Thạch công trí dũng song toàn, một lời nói ra, đủ khiến cho Tiêu Khìu Hân phải xấu hổ mà tự vẫn, thật khiến cho Ngũ Tử Tư này khâm. phục sát đất.

Nguyên là, Ngũ Tử Tư cũng dự đoán rằng thế nào Tiêu Khìu Hân cũng đến trả thù, nằm trên giường trằn trọc không yên, không sao chợp mắt được, liền lấy kiếm ra nấp ở một nơi đề phòng bất trắc.

Ngũ Tử Tư nói với Yếu Ly ý định của mình, Yếu Ly nói mấy câu khiêm nhường, rồi nhận lời, cùng Ngũ Tử Tư đến yết kiến, Ngô vương Hạp Lư mở tiệc long trọng tiếp đãi và thân chinh mời Thạch Yếu Ly vào ngồi tiệc. Sau bữa tiệc ấy đã cùng nhau bàn việc lớn.

Trong buổi chầu sớm, trước mặt bá quan, Hạp Lư tuyên bố:

– Thạch Yếu Ly người nước Tề, đã mỉa mai cười cợt quả nhân, tội không thể tha thứ được. Nay đem chặt tay trái của y xong tống giam, rồi cho quân sang Tề giết vợ con y, để răn đe mọi người.

Các quan trong triều người nọ giương mắt nhìn người kia, lo sợ không hiểu ra sao.

Thì ra đó chỉ là khổ nhục kế, do Yếu Ly nghĩ ra, Hạp Lư đắn đo mãi, Ngũ Tử Tư lại khuyên nhủ nhiều lần, cuối cùng mới quyết tâm làm như vậy.

Thạch Yếu Ly lẩn trốn một số ngày, vượt Ngô giang đến gặp Khánh Ky, qua nhiều phen vất vả, mới giành được sự tin cậy của Khánh Ky. Thạch Yếu Ly nói, lúc đầu Ngũ Tử Tư muốn mượn quân Ngô để đánh nước Sở, giúp Cơ Quang cướp được ngôi vua, xem ra hai người đều thống nhất với nhau. Tuy nhiên, ngày nay hai người này ngủ chung giường nhưng mơ mộng khác nhau. Sau khi Cơ Quang xưng vương, không chịu đem quân đi đánh Sở, kỳ thực, có ai lại muốn để cho đất nước yên hàn của mình bị cuốn vào cuộc chiến tranh với nước khác. Thế nên giữa Ngũ Tử Tư với Cơ Quang, từ chỗ bất hoà đi đến quyết liệt với nhau, Ngũ Tử Tư đã bỏ quan, về ở ẩn, Hạp Lư hoàn toàn cô lập. Vương Tử có thể ngầm gửi thư cho Tử Tư, bảo hắn làm nội ứng cùng đánh Hạp Lư, đồng thời nhận mọi đòi hỏi của hắn, lên ngôi xong, lập tức sẽ đem quân đánh Sở, để cho hắn báo thù rửa hận. Đánh Sở để báo thù là mục đích duy nhất của Ngũ Tử Tư, hắn nhất định sẽ không từ chối. Yếu Ly cũng bày tỏ rằng để trả mối thù giết vợ diệt con, trả mối hận bị chặt mất bàn tay trái, trong cuộc đấu tranh trừ khử Hạp Lư, giúp Khánh Ky giành lại ngôi báu, bản thân mình sẽ phấn đấu hết sức, dù có gan nát óc lầy cũng không từ chối.

Thạch Yếu Ly bỗng trở thành tâm phúc của Khánh Ky, là phần tử trung kiên đánh Hạp Lư báo thù cha.

Một ngày giữa mùa hè, Yếu Ly tháp tùng Khánh Ky bơi thuyền ngắm hoa, hoa sen nở rộ, Khánh Ky hái mấy bông,

ghép cánh lại thành một chiếc chén lớn, đựng đầy rượu ngon, dâng lên Yếu Ly. Yếu Ly nói:

– Thảo dân tay đau còn chưa khỏi, không được uống nhiều rượu, thôi để mời vương tử hãy tự dùng thôi ạ!

Trong lúc quá vui, Khánh Ky uống liền mấy chén, bất giác say lảo đảo, cởi bỏ áo ngoài ra, nằm ngay ở khoang thuyền ngủ say như lợn chết, lưỡi đao găm cài ở thắt lưng rơi ra một bên. Nhìn lưỡi dao đó, Thạch Yếu Ly suy nghĩ giây lâu, rồi đi đến bên Khánh Ky gọi nhỏ:

– Xin mời vương tử hãy mau trở dậy, cẩn thận kẻo cảm lạnh.

Yếu Ly ở bên cạnh gọi mấy tiếng, Khánh Ky đều không hay biết gì, hầu như đang đắm chìm trong giấc mộng bá vương, khoé miệng còn lộ ra nét cười, không có biểu hiện gì đã tỉnh lại. Yếu Ly rón rén nhặt lấy lưỡi dao rơi cạnh mình Khánh Ky, rồi đâm thật nhanh vào tim hắn. Khánh Ky bật lên như một con cá và đứng dậy, đưa tay lên giữ lấy nắm dao, không cho nó trượt rơi ra. Do dao chưa rút ra, máu chưa chảy hết, Khánh Ky còn vật vã được một lúc nữa.

Tướng sĩ trên các thuyền đi hộ vệ thấy vậy, nhanh chóng chèo thuyền áp sát tới để bắt Yếu Ly…



Dĩ dật đãi lao

+ Giải nghĩa: Lấy nhàn để đối phó với mỏi mệt
+ Điển cố: Trong Trận Phì Thủy, Phù Kiên đem một triệu quân tấn công nhà Tấn. Tuy nhiên Tạ An, Tạ Huyền nắm vững tinh thần Dĩ dật đãi lao nên dùng quân Tấn ít hơn nhưng tinh nhuệ, có trật tự, được nghỉ ngơi, đánh cho Phù Kiên đại bại.

CHƯƠNG XIII

Ở ẨN TẠI KHUNG LONG BUÔNG CÂU Ở THÁI HỒ

Lại nói Khánh Ky bị đâm, vì lưỡi dao chưa rút ra, máu chưa chảy hết, nên vẫn còn giãy giụa được một lúc nữa. Tướng sĩ trên các thuyền hộ vệ thấy thế, chèo thuyền như bay áp tới bắt sống Thạch Yếu Ly và muốn băm ra làm vạn mảnh. Khánh Ky xua tay ngăn lại, nói:

– Đây là một người dũng cảm trong thiên hạ, giết đi thì đáng tiếc, hãy thả hắn về nước Ngô để thoả lòng trung của hắn… Nói xong, rút dao ra, máu chảy xối xả và chết.

Vâng lệnh của công tử, các tướng sĩ tha cho Thạch Yếu Ly, nhưng Yếu Ly không chịu đi, thở dài một tiếng và nói:

– Ta có ba điều không tha được ở trên đời, tuy công tử có tha ta cũng đâu dám sống!

Mọi người không hiểu sao, liền hỏi:

– Thế nào gọi là ba điều không tha được ở trên đời?

Yếu Ly đáp:

– Giết vợ để làm việc cho vua; vì vua mới mà giết con của vua cũ, là phi nghĩa; muốn được việc của người mà thân không tránh khỏi tàn phế còn cả nhà phải chết, là không có

trí. Có ba điều ác ấy, còn mặt nào mà sống trên đời – Nói xong, cướp lấy kiếm của võ sĩ, cắt cổ rồi nhảy xuống sông chết.

Với thân phận của một khách khanh, Ngũ Tử Tư đã giúp Ngô Vương Hạp Lư khích lệ tinh thần trị vì đất nước, để cho nước giàu quân mạnh, có lúc làm việc ở kinh đô, có khi đi các nơi khảo sát dân tình và bầy đặt mưu sách cho Hạp Lư, đóng các loại binh xa, huấn luyện quân lính trên bộ. Ngoài ra, thấy kinh thành Mai Lý thành quách nhỏ hẹp quá đông quân thì không chứa được lương, chứa được lương thì không có chỗ đóng quân… nên ông đề nghị xây dựng thêm một toà kinh đô mới ở cách phía đông bắc núi Cô Tô và lấy tên là kinh thành Cô Tô. Kinh thành này lớn hơn kinh đô Mai Lý rất nhiều, cửa thành trên cạn và dưới nước mỗi thứ có tám cái, thông thoát đến tất cả mọi nơi, trong thành xây dựng mặt trước là dinh thự, phía sau là phố buôn bán, đường phố dọc ngang, kho lương, kho tiền, trại lính, bãi tập, không thiếu một thứ gì. Sau khi xây dựng xong, kinh đô của nước Ngô từ Mai Lý dời đến Cô Tô.

Lúc đầu, để chặt vây cánh của Vương Liêu, Ngũ Tử Tư đã nhân dịp Sở Bình Vương mới chết, giục Cơ Quang can gián với Liêu đem quân đi đánh nước Sở còn tiến cử Yểm Dư, Chúc Dung là nguyên soái và đại tướng, cử Khánh Ky đi nước Vệ mượn quân, Quý Trát đi thăm các nước tìm kiếm đồng minh. Vương Liêu không biết đó là kế sách, lại muốn tranh bá quyền, cho nên đã nhất nhất chuẩn tấu.

Yểm Dư, Chúc Dung tuân lệnh tích cực chuẩn bị, trước hết điều quan ra thao trường, sau đó mới phát lương thực. Lần

trước, đánh thắng một trận ở Kê Phụ, lúc này "vốn liếng" của nước Ngô cũng nhiều hơn rồi, lương thảo khí giới cũng nhiều hơn, chuyến này cũng cần phải ra oai, để cho người nước Sở mở mắt ra, nên cố ý làm cái gì cũng mới, đao mới, thương mới, thanh la, nồi mới, lều bạt mới, quân trang, quân phục mới, giáp mãnh cũng mới, ngay thức ăn cũng là lúa gạo mới thu vụ này. Mọi việc đâu vào đây, sớm hôm sau ra lệnh khởi hành, tinh kỳ phấp phới, cờ hiệu tung bay, mũ giáp sáng loá, người khoẻ ngựa hăng, rầm rầm rộ rộ ra khỏi kinh đô nước Ngô – Mở đầu là đi bộ, ra đến bờ sông thì xuống thuyền, đi dọc sông lên hướng tây đến ngã ba sông Hán Thuỷ, đoàn thuyền dừng lại, binh mã đổ bộ lên bờ tiến về phía Sính đô. Bỗng một hôm đến Tiềm thành, Yểm Dư, Chúc Dung ra lệnh, quân sĩ vây chặt Tiềm thành sẻ bay không lọt.

Tướng giữ Tiềm Thành, một mặt cố chết giữ thành, một mặt cử người ngày đêm chạy về Sính đô cáo cấp. Sở Chiêu vương tuổi còn nhỏ, thái sư Phí Vô Cực và tả doãn Yên Tướng Sư nắm quyền triều chính lúc này đều đi xây dựng Mạch Thành và thành Kỷ Nam, không ở Sính đô, lệnh doãn mới nhận chức Nang Ngoã trong cơn hoảng sợ đã cử tả tư mã Thẩm Doãn Thú mang một vạn lục quân, hữu doãn Bá Khước Uyển mang một vạn thuỷ quân, hai đường cùng tiến, đến Tiệm Thành đón đánh địch. Đúng vào lúc đó, kinh đô nước Ngô xảy ra cuộc đảo chính cung đình, Chuyên Chư giết Vương Liêu, Cơ Quang đã giành được ngôi vua. Dưới tình hình đó, quân Ngô chẳng đánh cũng tan. Bá Khước Uyển và Thẩm Doãn Thú giành thắng lợi một cách dễ dàng, ca khúc khải hoàn về kinh đô. Phí Vô Cực và Yên Tướng Sư theo dõi việc xây dựng thành mới phát tài to, trở về Sính đô báo cáo

lại công việc với túi tiền căng phồng. Để mừng thắng lợi, Sở Chiêu vương mở tiệc lớn chiêu đãi quần thần, Bá Khước Uyển và Thẩm Doãn Thú ngồi ở hàng trên cùng.

Chiêu vương mặt mày rạng rỡ nói:

– Các ái khanh, trong tiệc mừng công hôm nay, các ông hãy uống cho thoả thích, phải thật say sưa mới thôi. Sau khi văn võ bá quan chào tạ chúa công, Chiêu vương nói tiếp: Ngày nay ta thắng lợi ở Tiềm Thành, rửa được mối nhục trận Kê Phụ, Bá khanh là người có công đầu. Nào! Hãy mang ra đây cho ta ba trăm bộ quân y, ba trăm bộ khải giáp, ba trăm cây thương, ba trăm cây đoản đạo… để ban thưởng cho Bá khanh.

Bá Khước Uyển tạ ơn, các quan trong triều chúc mừng, cốc chén đĩa bát chạm nhau lanh canh, chén nọ trao chén kia, vui hết mức rồi mới tan.

“Phúc nào cũng có hoạ bên trong”, Bá Khước Uyển lập công, được ban thưởng kết quả lại đem đến một tai hoạ sập trời. Trong bữa tiệc mừng cống, Phí Vô Cực với Yên Tướng Sư mỗi người ngồi một mâm, lửa lòng nung nấu, sau bữa tiệc họ bèn trổ âm mưu, chơi quyền thuật, mượn lưỡi dao của lệnh doãn Nang Ngoã, giết cả nhà Bá Khước Uyển, đốt cháy phủ hữu doãn, con trai Bá Khước Uyển là Bá Bỉ một mình trốn ra khỏi nhà, chạy sang nước Ngô. Sau đó không lâu, công tử Thân và những bậc trung thần như tả tư mã Thẩm Doãn Thư đã thức tỉnh lệnh doãn Nang Ngoã còn đang lơ mơ, mọi người cùng lòng hợp sức trừ khử Phí Vô Cực là tên

chuyên quyền ngang ngược, tàn hại người trung tướng, hại dân hại nước.

Qua nhiều ngày lận đận đường xa, bươn bả mấy tháng trời, líu díu con thơ vợ dại, cuối cùng Tôn Vũ đã đến được bờ sông Thái Hồ. Từ Lâm Tri đi về hướng nam, vòng qua vùng núi Thái Nghi, qua Từ Châu đã là vùng đồng bằng phì nhiêu hàng ngàn dặm, phóng tầm mắt đi, không vướng một thứ gì, dù chỉ là một gò đất nhỏ. Trời vào giữa tiết thu, lẽ ra phải là lúc sóng lúa dập dờn không bờ không bến đưa theo hương lúa ngạt ngào đến ngây ngất lòng người. Vậy mà cuộc hỗn chiến của các chư hầu diễn ra, chinh phạt nhau hết năm này đến năm khác, để đến nỗi vết thương chiến tranh tràn ngập nơi nơi, chốn chốn hoang vu, thôn xóm nhà xiêu vách đổ, cả một giải đồng bằng Giang – Hoài, là một vùng sình lầy ngập mặn, giữa mùa thu sắc màu càng trở nên thê lương bi thảm. Xe qua núi cao bao bọc bốn phía. Thế núi không cao, nhưng lại đứng ken dày, âm âm u u.

Đây là mạch núi kéo dài sang đông của núi Thiên Mục miền tây Triết Giang, rải rác ở dọc bờ Thái Hồ phía tây thành Cô Tô. Núi chính ven theo bờ Thái Hồ đi theo hướng đông bắc – tây nam, tạo nên một quần đảo với những giải núi đồi liền sau gồm núi Thất Tử, núi Đông Động Đình, núi Khung Long, núi Ngư Dương, đảo Trường Sa, núi Tây Động Đình, núi Hồ Cốc, Đàm Sơn, Mạn Sơn đảo và Cồn Đông, Trấn Hồ, … Núi Đông Động Đình, núi Ngư Dương, Đàm Sơn và đồi núi Trấn Hồ… ba mặt đều có nước bao bọc chĩa ra mặt hồ theo hướng tây nam hình thành bốn cái bán đảo. Núi Tây Động Đình rộng tới trăm dặm, là đảo lớn nhất trong các đảo của Thái Hồ. Núi Khung Long nằm theo hướng tây bắc – đông nam,

hình thành bởi những quả núi như Chủ Phong, Bạch Mã Lĩnh, Thạch Bi Khảm, Đại Viên Sơn, Lục Gia Sơn và Hương Sơn Chủy, tầm cao của nó có thể nói là vào loại nhất ở bờ đông Thái Hồ. Người đời sau đã từng có thơ vịnh, nào là: "Dương Sơn bằng nửa Khung Long, nhô lên mặt đất sánh cùng mây xanh", nào là "Tây năm Trạch viên lắm đỉnh cao, Khung Long vạn trượng đứng hàng đầu. Bình sinh ai đã từng mơ tới. Lên non thử vượt hết tầm cao". Chủ Phong trông tựa như chiếc nón úp, cho nên tục gọi là đỉnh nhược mạo, trên chót đỉnh có một khoảng bằng phẳng có thể phi ngựa, chạy xe, còn là mảnh đất tốt cho cây cỏ sinh sôi. Cao lớn thực ra chưa phải là đặc điểm của Khung Long, giàu có mới là mặt mạnh của nó.

Núi cao rừng rậm, tre nứa mọc dày, chim lạ thú hiếm, suối chảy thác bay, vườn dâu mươn mướt, nương chè sương bay, cây tử nam trang điểm, gỗ hoàng đàn nhuộm màu. Hoa hồng khoe sắc đỏ, ngọc lan phô vẻ trắng, tùng bách sẫm màu xanh, liễu dương phô sắc thắm, như soi bóng vào nhau. Ngoài sự giàu có, Khung Long còn mang vẻ tuấn tú như một chàng trai, thuần khiết như một thiếu nữ, quyến rũ như một cô dâu mới, mùi thơm hoa quế là phấn thoa trên mặt nàng, vị ngọt cam quýt là nét cười trào trên đôi má lúm đồng tiền.

Một nơi sâu khuất trong núi Khung Long, Tôn Vũ đã tìm ra chỗ, dựng nên một nếp nhà năm gian, mé đông ba gian, mé tây hai gian nhà ngang, cả nhà lớn bé có năm người với ba người hầu hạ, tạm thời dừng lại sống ở đây. Nhà tranh dựa lưng vào vách núi, cửa quay về hướng nam, sau lưng có núi chắn gió che mưa, phía trước rộng rãi sáng sủa, cửa nẻo xuềnh xoàng nhưng cũng đủ bảo đảm cho mùa đông thì ấm

mùa hè thì mát. Sau nhà là một dòng suối nhỏ, bắt nguồn từ một vách núi cao, từ đó bắc ống tre dẫn về dãy nhà ngang mé đông, đủ nước dùng cho ăn uống và tắm giặt. Trúc trên rừng được chặt về đan thành vách tường, ken thành phên dậu, nước vại cửa phên, dậu tre cổng rào, tuy đơn giản thô sơ, nhưng lại êm đềm lặng lẽ, một mình một vẻ riêng.

Một hàng dậu thưa, một cánh cổng rào tre, đủ ngăn cách với một thế giới rối ren loạn lạc. Trong vườn cây cỏ um tùm, bóng lá che mặt trời, êm đềm u nhã, quả là một nơi rất tốt để nghỉ mát mùa hè giữa những hàng cây là bàn đá, ghế đá, sàn đá, bệ đá thấp thoáng đây đó, thành lối thành hàng, chẳng ai đẽo ai tạc, vuông vắn gọn gàng. Giữa mùa hè, mặt trời như nấu như nung, ánh nắng chiếu xuống rừng cây, những đốm sáng như sàng xuống sân, một làn gió nhẹ thổi qua, mặt sân lấp loáng muôn ngàn hình ảnh, chập chờn mê li, mang đậm tứ thơ ý hoạ. Mỗi lần như thế, pha một ấm trà núi, nhấm nháp dư vị của nó, lại càng thấy thú, hoặc làm một hũ rượu sành, rồi tự tay rót lấy, lâng lâng như ở cõi tiên. Mười ba bài "binh pháp" của Tôn Vũ, chính là đã ra đời khi ngồi trên ghế đá, cặm cụi trên bàn đá, bày ra trên sàn đá, sửa chữa tỉ mỉ trên mảnh sân u tĩnh này vậy!

Ngoài sân vườn là một khoảng đất hoang, rộng chừng mươi mẫu, Tôn Vũ đã đưa cả nhà ra đấy, tớ thầy đều mang hết sức ra khai khẩn thành vườn ruộng, cấy trồng lúa ngô rau quả, dâu trà và các loại cây thuốc. Trong vườn chuồng trại chăn nuôi, chăn sóc gia cầm gia súc tạo nguồn trứng thịt nuôi người. Cứ như thế, mỗi ngày ba bữa; tuy là trà núi gạo nương nhưng thú bởi tự mình làm lấy mà ăn; một năm bốn mùa áo mộc vải thô, cũng đều tự mình làm ra, tuy sống cảnh

muối dưa đạm bạc khó khăn, nhưng lại thấy đậm đà và yên tâm, tự thấy niềm vui.

Mười ba bài "binh pháp" của Tôn Vũ, tuy nói rằng đi khắp trong thiên hạ, khảo sát chiến trường xưa khắp nơi, nhưng suy cho cùng vẫn lấy đất Tề làm gốc, để mắt tới địa hình núi non phía bắc cùng phong tục tập quán ở nơi này. Giờ đây xuống phía nam, đặt gót chân tới một vùng sông nước, bỗng phát hiện ra nhiều điều phiến diện và chưa đầy đủ. Sau khi sắp đặt đời sống ổn thoả, Tôn Vũ cải trang thành một người nông dân nước Ngô, đầu đội nón tre, lưng khoác áo tơi, hông đeo sọt tre, xắn quần móng lợn, hai chân để trần… đi khắp mọi nơi trên đất Ngô khảo sát sông này núi nọ, mục đích là để sửa chữa và bổ sung cho mười ba bài "binh pháp".

Một hôm, Tôn Vũ cải trang thành một gã tiều phu cõng chiếc lù cỏ trên lưng, tay cầm rìu đốn gỗ, đi theo sườn Khung Long xuống núi. Dưới chân núi lớn là những hòn núi nhỏ như Tiểu Vương, Lan Khu, Mã Võng và Thiên Trì… phía tây là bờ Thái Hồ, là núi Hổ Cốc, phía đông kề với núi Linh Nham, Mộc Độc, sông Hương Khê chảy giữa những quả núi này, trên sông có tới mười ba cây cầu, trong đó có một cây tên là cầu Thiện Nhân. Tôn Vũ thấy hứng thú với cái tên cầu ngồ ngộ đó, thế là ghé vào quán rượu đầu cầu, mua một cút rượu đế Hoàng Kinh với một đĩa đậu hồi hương rán, ngồi nhâm nhi một mình và mượn cớ hỏi dò ông già chủ quán.

Cầu Thiện Nhân tên cũ là Tư Nghĩa, là nơi những người hiền lành cần cù làm ăn và sinh sôi nảy nở, hỏi tới tên cầu, lại dính dáng đến một câu chuyện thật thú vị.

Ngày xưa có một ông thầy phù thuỷ, hâm mộ tiếng tăm nên đã đến thăm Khung Long, đất thánh của đạo giáo. Lúc ấy đang vào mùa hè, mặt trời gay gắt trên đầu, thời tiết nóng như đổ lửa, ông thầy phù thuỷ từ suối Song Tất đi xuống để tìm nước uống, đến trước một mái nhà tranh đầu xóm, mồ hôi đã vã ra ướt đầm vai áo, miệng khát tới mức không chịu nổi. Bỗng gặp một bà già đi tới, liền khoanh tay xin nước uống cho đỡ khát. Bà cụ già trả lời rằng còn đi đun nước đã mới có, xin hãy chờ cho một lát.

Ông phù thuỷ khát quá, bèn bảo: “Nước lã trong vại sau cửa kia cũng được mà!”, nói xong thò tay lấy gáo múc nước. Bà cụ già quay lại bốc ngay nắm cám rắc lên mặt nước. Ông phù thuỷ phật ý nhưng cũng không tiện để lộ ra mặt, múc nước lên rồi, kiên nhẫn thổi gạt bụi cám sang một bên, uống dần từng hớp một. Uống xong, nói vài câu đã nhắc tới chuyện nghề nghiệp, gợi chuyện với bà cụ già về đất cát, nhà cửa. Tiện thể, bà cụ xin ông thầy ngắm cho mảnh đất để đặt móng xây nhà mới, ông thầy cố ý chọn cho một nơi đất chết, khoa chân múa tay chỉ phương hướng để đào móng nhà, sau đó chào bà cụ rồi đi.

Mấy năm sau, ông thầy phù thủ ấy lại đến thăm chốn cũ, bỗng thấy nhà mới đàng hoàng khác hẳn vẻ xưa, còn đang do dự băn khoăn, bỗng thấy bà cụ năm xưa từ trong nhà bước ra, nhận ra ông thầy phù thuỷ năm xưa, nhiệt tình mời ông vào thăm nhà mình và nghỉ ngơi ở đó, nói: “May được tiên sinh chỉ vẽ, chọn đúng được nơi đất tốt làm nhà, từ đó lúa dâu tươi tốt, cả nhà mạnh khoẻ bình an, cuộc sống ngày càng tốt đẹp, đáng buồn là không biết đi đâu để tạ ơn tiên sinh, không ngờ hôm nay tiên sinh trở lại chốn này”. Thế là

bà cụ làm cơm khoản đãi, lệnh người nhà lần lượt ra cảm ơn. Ông thầy phù thuỷ thắc mắc nghi ngờ, hết sức ăn năn khó nói, ngồi im mãi một chỗ. Bà cụ thấy vậy, rất lấy làm lạ, vội nói: “Người miền núi chúng tôi đãi khách xưa nay vốn thành tâm thiện chí, còn nhớ năm ấy tiên sinh đến đây, tôi chưa có trà đưa ra mời, nên chậm trễ quá để tiên sinh phải uống nước lã. Lúc ấy tôi lo rằng tiên sinh đang nóng nực như thế, uống ngay nước lạnh vào, rất dễ xảy ra chuyện ốm đau, nên cố ý rắc cám vào vại nước, buộc tiên tinh phải thổi cám đi mà uống từ từ, tránh uống vội mà sinh bệnh. Lúc ấy cũng chưa nói để tiên sinh rõ, thật là có lỗi”.

Những câu nói ấy lại càng khiến cho ông thầy thầm xấu hổ và nghĩ rằng mình đã lấy oán trả ân, thật chẳng nên chút nào, thế là bèn nói ra sự thực rằng: “Kỳ thực đất cát không hề linh nghiệm, xưa nay làm điều thiện thì thiện báo, chịu thương chịu khó nên giàu, từ nay tôi cũng xin bỏ nghề để làm ăn đứng đắn, làm một người thật thà chân thành như cụ”. Thế rồi ông ta đứng ra quyên tiền xây nên cây cầu này và đặt tên là “Thiện nhân”.

Từ cầu Thiện Nhân đi về hướng bắc, có một cái ao sâu ở ngang lưng núi rộng tới mấy chục trượng, ăn sâu vào lòng núi, nên quả núi ấy mới có tên là Thiên Tài. Thế núi chon von, đá tai mèo lởm chởm, suối thì nhiều vô kể, nào là suối Thanh Tâm, suối Hàn Cô, suối Thiên Trì, suối Bát U, suối Doanh Doanh, ... Nước suối vừa trong mát vừa thơm lành, đỉnh núi này được mệnh danh “Ngô trung đệ nhất phong” (đỉnh số một của nước Ngô). Về chiều cao thì nhất là đỉnh Liên hoa, đá tảng ngổn ngang hoặc đứng hoặc nằm, tảng nghiêng, tảng ngửa, hoặc như vẫy tay, hoặc như nhoài lên,

như lúc lắc đung đưa, cứ theo hình dạng mà đặt tên, nào là hòn ông Thọ đọc kinh, hòn Tỳ Khìu, hòn Chân tiên, hòn Tay Phật, hòn Cóc vàng… Trên đỉnh núi, lại còn có động Hoa đào, cửa Nam Thiên, hang Chứa quân, hòn Rèm thêu, gò Phong hoả, … Cảnh quan khiến người xem không chán mắt là cảnh "mây vờn đáy nước" – Một mảnh ao trong trên núi, một hòn đá đứng ở bên bờ gọi là hòn Tiểu nương cúi đầu soi bóng xuống nước, như nàng ngọc nữ soi tóc trong gương. Mây bay trên trời xanh cùng những đỉnh núi vây quanh soi bóng xuống nước, như lớp sương vờn mặt nước, lại như làn mây mỏng cuộn lên thành sóng tạo thành một kỳ quan. Sườn phía đông núi quen gọi là Hoa Sơn, đường núi chênh vênh, đá to chen nhau như rừng, phần lớn đều trên rộng dưới hẹp, chồng chéo nhau, chen chúc nhau, tựa như một ổ trứng. Giữa đá là thông, mọc theo sườn đá như hai hàng vệ sĩ đứng trang nghiêm càng khiến con đường càng thanh tân u tĩnh, trang nghiêm…

Theo núi Khung Long đi lên hướng đông bắc, có núi Linh nham, nhìn từ xa, giống như một con voi phục, nguy nga hùng tráng, khí thế oai nghiêm. Núi mọc lên một cách kỳ thú giữa rừng trúc xanh rì, điện các mọc giữa khoảng cheo leo, lô xô từng lớp như bát úp, đó là hành cung của Ngô vương, trong cung cơ thiếp từng bầy, phi tần đông vô kể. Tôn Vũ, một gã tiều phu, một anh hùng đi hái thuốc, đương nhiên không đủ tư cách đặt chân leo lên núi này mà bị gạt ra đứng ở ngoài vòng cấm. Vòng theo núi mà đi, vẫn nghe thấy tiếng ca uyển chuyển, tiếng tơ tiếng trúc du dương như rót vào tai. Gió đưa thoang thoáng hương thơm, nước suối như dầu thơm trang điểm khiến con người phải bồi hồi xúc động. Núi ở đây cũng nhiều đá lạ, như hình con thú, như

dáng con người, sinh động như hệt, trong đó, nổi bật nhất là hòn Linh Chi, núi Linh Nham có tên cũng vì thế.

Ngoài vẻ đẹp nhìn xuống Thái Hồ, hòn “Linh Chi” còn nổi tiếng bởi một loài cỏ tiên, có thần hiệu cải tử hoàn sinh, ăn vào có thể trường sinh bất tử, đó có thể là nguyên nhân Ngô Vương chọn nơi này để dựng hành cung.



Thái Hồ

Từ núi Linh Nham tiếp tục đi lên hướng bắc, đi khoảng bốn dặm là tới núi Thiên Bình, núi cao chọc trời, mây trắng vờn quanh, không nhìn thấy đỉnh non từng lớp trùng điệp chen nhau, che kín cả mặt trời vì trên núi mọc toàn phong cổ thụ. Lúc ấy lại đang vào cuối thu, lá như đua với hoa, từ xa nhìn lên Bình Sơn, chẳng khác gì như cả đỉnh núi đang rừng rực lửa. Đỉnh nào cũng thấy suối reo, đâu đâu cũng nghe thác

đổ, đó cũng là đặc điểm nữa của núi Bình Thiên. Nước suối trong lành và ngọt ngào uống vào miệng mát đến tận xương, là thứ nước giải khát tuyệt vời. Dòng suối này cũng chưa bao giờ cạn, nên được mang tên "Ngô trung đệ nhất tuyền". Khắp núi đâu đâu cũng thấy trụ đá mọc như rừng "vạn hốt triều thiên" (muôn tấm hốt chĩa lên trời), "Long thôn nhất tuyến thiên" (một lối cửa rồng lên trời)... là tuyến đường duy nhất để lên núi, hai vách đá đứng thẳng, đối nhau như cánh cửa thẳng vút lên cao, cheo leo như muốn vỡ, khiến người ta mới nhìn đã rủn chân, lạnh cả tóc gáy, ở giữa có một lối đi hẹp, nghiêng nghiêng hơn chục bậc đá; chỉ đủ cho một người nghiêng lách mà lên.

Trước ngực Khung Long cũng có núi, tuy không cao lắm, nhưng phong cảnh lại độc đáo, một năm bốn mùa hoa thơm đua sắc, cỏ thơm ngọt ngào, thế nên mới gọi là "Hương Sơn". Phía đông, đối diện với núi Thanh Minh, phía nam ngả xuống Thái Hồ, phía tây kéo đến các ngọn núi Pháp Hoa, Ngư Dương gần đó, phía bắc dựa vào Khung Long, ngang dọc cả chục dặm, địa thế rất u tĩnh và vắng vẻ, cảnh sắc đẹp tuyệt vời, đó là Nam cung của vua Ngô. Nam cung cũng là một ly cung của Ngô Vương, để tiện ra vào Thái Hồ, nhà vua đã cho đào sông Nam Cung, dài mười mấy dặm, chạy suốt từ đông sang tây. Trên dọc sông có tới sáu chiếc cầu đá và một chiếc cầu gỗ, cầu đá cuốn vòm tám cái, qua đó đủ thấy quy mô và khí thế của nó, đã từng có thơ ca ngợi rằng:

Vua Ngô chơi thỏa sức,
Đàn hát vang núi rừng,
Xe đi mòn lối cỏ,
Hoa rừng xen ngọc trâm,

Gió xuân như rải gấm,
Mưa chiều như gieo châu.

Phía đông của Hương Sơn Chủy, ở mố đầu bên tây cầu Hưng Long có đình quan Triều. Ở đó tựa lan can mà ngắm Thái Hồ, gió lặng mặt hồ như gương, khi nổi gió thì sóng dâng cuồn cuộn, bảy mươi hai đỉnh núi thấp thoáng trong sương mờ, thắng cảnh núi bên hồ đẹp khôn tả.

Từ Hương Sơn Chủy men theo núi mà đi, có hai Uyển lĩnh lớn và nhỏ. Uyển lĩnh không cao, đá nhấp nhô như búp măng, như thể cài răng lược, đây là nơi Ngô vương ươm trồng hoa thơm cỏ lạ. Ngô Vương thường sai cung nữ chèo thuyền từ Thái Hương kinh tới đây hái hoa thơm cỏ lạ, cũng đã từng có thơ miêu tả cảnh này: “Lối Thái Hương kinh bơi thuyền gỗ, ngậm nhuỵ phun hương nhẹ lướt đi, ác lặn núi xanh còn ở lại, ngàn dân ruộng lúa toả hương đầy”.

Mé đông nam Khung Long có bạch Mã Lĩnh, dưới đó có Bạch Mã Âu. Núi cao bao bọc, cảnh sắc như tranh vẽ, trên núi dưới núi, ngoài gò trong gò toàn là một giải rừng phong, sương sớm tháng mười, trùng trùng từng đợt. Rừng phong đỏ như say như nhuộm, có thể sánh với rừng phong ở Thiên Bình, đây là mảnh đất đẹp nhất để ngắm rừng phong trong chuyến đi chơi mùa thu.

Cửa vào Thái Hồ của Hương Sơn có cầu Lã Phố. Cầu này bắc qua bên tây của sông đào Nam Cung, là cái cửa lớn cũng là yết hầu trên đường từ Hương Sơn vào ra Thái Hồ, bên phía bắc cầu là thôn Lã Sơn, những người ở quanh đó phần đông là họ Lã; đầu phía nam cầu là thôn La Đàm, xưa nay vẫn do

người họ Phố sống ở đây cũng bởi thế cầu mới mang tên ấy. Từ phía tây cầu ra Thái Hồ, trời nước nối liền, nhìn xa hết tầm mắt còn không thấy bờ, nên cũng có thơ rằng:



Thái Hồ

Gió mưa lầu các tranh mờ tỏ, Thảm đạm nào hay dạ hoá công. Để mạng nổi chìm như chiếc lá. Nghìn vàng thân dễ há so cùng. Hồng trần lối cũ đầy nguy hiểm. Sóng to đừng giận chốn sâu nông. Đến được Hương Sơn, thôi bó buộc. Nằm nghe giai giải hét bên rồng.

Đây thuyền đánh cá sáng sớm ra hồ đánh bắt, chiều tối kéo nhau về xúm xít dưới chân cầu, ngư dân thấy vui trong lòng, đây đó vang lên giọng hò kéo lưới, lan truyền mãi trên mặt hồ mênh mông, nơi đây là chốn đất thơm của dân chài lưới.

Phần cuối cùng của Hương Sơn là thôn Bạch Sa Để, người trong thôn xóm có một câu ngạn ngữ rằng: "Gần thì ở Hương Sơn Chủy, xa thì đến Bạch Sa Để". Từ đó đi về hướng tây chừng nửa dặm đường, có pháp hoa lãnh ở trên đó, thông già xanh sẫm, che kín cả đất trời, ngan ngát một màu xanh. Phía trước đó là núi Hoàng Mâu, sát xuống tận mép nước Thái Hồ. Những ngày sống yên lặng, núi soi xuống nước, màu xanh lam xen giữa màu cây khung cảnh như thơ như hoạ. Đỉnh cao nhất ở nơi này là núi Pháp Hoa, sườn phía tây có gò Pháp hoa, trên gò cũng là thông xanh rợp bóng, đất trời âm u, gió núi ào đến cả rừng thông cất tiếng reo, tiếng rền vang như sấm. Tiếp tục đi về phía tây, lại gặp rặng trúc rừng mai, chè xanh quýt đỏ đặt chân vào chốn này như có gió nhẹ nâng bước, tiếng chim ca và hoa hương đón mời khiến du khách ngập ngừng chẳng nỡ rời chân.

Dưới chân núi Pháp Hoa là núi Thực Tương, chân núi này cũng sát mép nước Thái Hồ. Trên núi này có Thực Tương viện, trước sân là một dòng sông nhỏ, trên con sông này có một chiếc cầu một vòm bằng đá xanh, người thợ đã khéo tay, tạo nên một dáng hình cổ kính. Mỗi khi vào tiết Trùng dương, leo len đỉnh núi Thực Tương, đứng bên cầu trên sông nhỏ, dưới chân nước chảy nao nao, đưa mắt nhìn đồng ruộng thẳng tắp đến chân trời, sóng lúa dập dờn uốn lượn, chẳng khác chi sóng biếc lô xô trên mặt nước mênh mang như vô tận của Thái Hồ.

Phía tây bắc Khung Long là Hổ Cốc, do Ngô vương nuôi hổ trên núi nên được đặt tên như thế. Nước bao quanh núi, rừng thẳm khe sâu. Hồ Tây Yêm trên nối với Thái Hồ bao la, dưới nối với kênh đào Hi Quang mềm như dải lụa và hồ

Đông Yêm. Núi non bao bọc xung quanh, mặt nước long lanh, bờ đê ngoằn ngoèo, dương liễu thướt tha, nghiễm nhiên trở nên một bức tranh sơn thuỷ đầy đủ núi non sông nước đậm đà ý thơ. Bơi thuyền trên hồ, như bơi trong tranh, càng làm cho bức tranh thiên nhiên này sống động hơn. Nếu như ví vẻ đẹp của nước non Ngô Trung như một người con gái đẹp, thì mặt hồ Tây Yêm trong suốt như gương kia, chính là ánh mắt long lanh truyền cảm của mỹ nhân. Mặt hồ như hình một đồng tiền, rộng tới hàng vạn trượng ở giữa có một hòn đảo nhỏ, nhìn xa nổi lên như một con ốc màu xanh, đến gần mới thấy cây cỏ rậm rạp, nhà cửa ngay ngắn, hệt như một hạt châu màu xanh gắn lên mặt gương trong, cũng giống như một chiếc thuyền hoa đang dừng lại giữa hồ, điểm xuyết cho mặt hồ phẳng lặng thêm sinh động, tạo nên khung cảnh diệu kỳ giữa cái kỳ lạ và rung động, giữa cái lặng yên xen với hoạt động trên hồ. Đời sau, đã từng có người làm thơ ca ngợi:

Người Nam thấy lạ bảo Hàng Châu
Tự nghĩ Tây Hồ đẹp đến đâu
Trời mở Hạ Yêm cho làng cá
Đêm về thuyền đậu giữa dòng sâu
Cảnh đẹp lần lần để mãi sau
Đồng dao tiếng hát phương nào dậy
Ráng chiều đơn độc cánh cò bay.

Đủ thấy cảnh đẹp của nó quyến rũ và mê hồn đến mức nào…

Những núi Rùa, núi Hổ bên bờ hồ Tây Yêm, đối chọi với núi Đồng Khanh bên kia hồ tạo nên một khung cảnh độc đáo của hồ Tây Yêm. Phía đông nước luồn qua khe trống giữa

núi Rùa, núi Hổ chảy vào kênh đào Hải Quang và hồ Đông Yêm, cầu núi Hổ bắc ngang hai đầu núi xa trông như chiếc cầu rồng bằng ngọc vươn mình lên giữa sóng bạc, đá xanh. Núi Rùa đứng nguy nga, đỉnh nhỏ cao như muốn chọc lên trời. Bên mé tây núi Đồng Khánh và An Sơn đứng đối diện nhau, giải lụa trắng ở giữa nối hồ Lưỡng Yêm với Thái Hồ, cầu Đồng Khanh như một chiếc khóa sắt, lại giống như một chiếc cầu vồng nối hai nơi. Bên ngoài cầu là Thái Hồ bao la, nếu như mưa gió thổi lên, sóng lớn cồn cào, chỉ trong gang tấc, như ngư long tác quái, muốn xông lên trời. Nếu ngày tạnh đẹp, sóng lặng gió yên, trời nước trong như lọc, sóng gợn lăn tăn, các đỉnh núi của Thái Hồ như bầy ra trước mắt, thuyền đánh cá nhiều như lá tre, thấp thoáng buồm nâu in tận phía chân trời.

Chiều tối, mặt trời lặn hắt lên ánh tà dương, cảnh vật càng trở nên hùng tráng, mặt trời đỏ ối rơi xuống giữa cầu Đồng Khanh, như một trái hồng chín mọng được đặt trên chiếc đĩa pha lê, khiến người ta mới nhìn thấy đã thèm ăn; lại giống như một hạt dạ minh châu lơ lửng giữa từng không, núi Đồng Khanh và An Sơn ở hai bên như hai con rồng xanh vươn mình tới, tranh nhau vờn hạt châu khiến nó mãi không rơi xuống được… Mặt trời từ từ khuất dưới nước hồ, chân trời loé lên ngàn vạn ánh ráng chiều, thế là trời say, núi say, nước hồ say, cả thế gian đều như say trong màu đỏ lựng. Những loài chim nước như còn tiếc nuối ánh ngày, cố sức tung tăng bay lượn, lúc sà xuống mặt hồ, lúc bay vút lên thinh không. Thuyền đánh cá khoác ráng chiếu trên một cánh buồm từ phía trời xa dần dần về bến đậu… Cảnh tình này, đúng như đời sau đã có người ngâm vịnh, nào là:

Một cánh cò bay với ráng chiều,
Hồ thu trời nước nối liền nhau... nào là:

Hai bờ núi biếc song song đứng,
Buồm về thấp thoáng tận chân mây.

Gần hồ cốc lại có một quả núi, khi trời mới sang xuân, hoa mai từ khắp nơi trên núi đua nhau nở, hương bay thoang thoảng, cả một vùng trắng như tuyết phủ, mênh mông như một biển hoa, nên có tên là "Hương Tuyết Hải". Theo lối mòn sâu thẳm và quanh co, theo bậc đá lên, đúng là có cảm giác như trong câu thơ "Vào núi nơi nơi đầy hoa nở, cao thấp gần xa không thấy đường". Leo lên đến đỉnh núi, phóng tầm mắt nhìn ra xa, chẳng nơi nào không thấy mai, chẳng nơi nào không có hoa – mai tuyết mênh mang, ánh bạc ngời trong mắt, đẹp đến kỳ lạ, rạng rỡ tráng lệ. Những đình đài lầu các thấp thoáng trong rừng hoa mai, tựa những gác ngọc lầu vàng trên núi tiên, bồng bềnh trên biển trắng mênh mông, rạng rỡ giữa tầng không, mĩ miều khôn tả. Nếu như vào một đêm trăng rằm, ánh trăng như bạc trùm lấy ngàn mai, hoa mai trắng phản chiếu lại ánh trăng bạc, đất trời cùng một sắc trong suốt lung linh, quện lại với nhau, mọi vật đều thuần khiết, một làn gió nhẹ đưa mang theo mùi hương thoang thoảng của hoa mai, như mơn man trên mặt, khiến du khách ngỡ mình lạc vào cảnh thần tiên...

Gót chân Tôn Vũ đã đặt trên tất cả mọi miền núi non, sông suối, hồ đầm, hải đảo ... của nước Ngô. Việc khảo sát của ông, có lúc hơi thiên về một khía cạnh song có lúc lại tập trung, công việc chính vẫn là trèo đèo lội suối, nhưng sở dĩ tách ra để giới thiệu, chính là muốn tiện việc và tiết kiệm

giấy mực, chứ không phải trong thực tế con đường đi khảo sát là như thế. Đương nhiên, muốn đi thăm cho hết núi non của một nước, riêng về thời gian không thể chỉ trong một sớm một chiều, cũng chẳng phải đi một lèo là đã có thể xong.

Đất Ngô tuy thuộc vùng Thái Hồ hạ du của Trường Giang, phía tây giáp Thái Hồ, đông nối với Côn Sơn, phía bắc là sông Vọng Ngu nối với Trường Giang, phía nam có sông Ngô Tùng nối ra biển cả, đê Nguyên Hoa ở miền trung nối với Thường Thục, sông ngòi xuyên dọc theo hướng bắc nam, rồi lại đan ngang theo hướng đông tây, trong nội địa vùng nào cũng liền kề sông nước, mương máng sông ngòi chằng chịt như mạng nhện, đầm hồ rải rác như bàn cờ, nước mặt cũng như nước ngầm ở những vùng này đều phân bổ rất đều đặn và phong phú, nào là sông, hồ, đầm, mương... mặt nước chiếm tới một phần ba. Những dòng sông nổi tiếng thì có sông Ngô Tùng, sông Lâu, Đông giang, Vận Hà, sông Vọng Ngu, Ngô giang, Nguyên Hà, ... những hồ lớn chủ yếu có Thái Hồ, Dương Đăng, hồ Đăng, đầm Ngu Chân, đầm Thịnh Trạch, đầm Hoàng Thiên, hồ Độc Thự, ...

Đất của Thái Hồ vượt qua hai nước Ngô Việt, rộng mênh mông, như không thấy bờ. Hình dáng của nó như cái thai trong bụng mẹ, bờ phía nam, đông nam và phía tây tương đối phẳng phiu, bờ bắc và đông bắc lại lồi lõm và nhiều âu vịnh, bờ dài tới hàng ngàn dặm, nước sâu hàng trượng. Trong hồ có nhiều đảo, tới hơn bảy mươi hòn, kéo dài theo hướng nam bắc, phần lớn tập trung ở chu vi vùng núi phía tây Động Đình, bề ngang khoảng mười dặm, ở đó có núi Động Đình ngăn cách với mặt nước, cao nhất là đỉnh Phiêu Diệu, nhô lên khỏi mặt nước tới hàng ngàn thước, đứng đầu

trong các đỉnh núi cao ở đây. Ngoài núi Đông và Tây Động Đình, còn ba núi nữa tương đối lớn, đó là Mạn Sơn, Trường Sa, Hoàng Sơn. Thái Hồ luôn có nước ra vào, ven bờ có rất nhiều bến cảng, cửa sông cũng nhiều, rất thuận tiện cho việc giao lưu và chuyên chở. Khí hậu ở đây ôn hoà, mực nước luôn ổn định, mùa đông không lạnh quá, mùa hè cũng không nóng quá, là mảnh đất quý để lúa ngô tôm cá nảy nở sinh sôi. Nguồn lợi thuỷ sản trong hồ vô cùng phong phú, có ba loại được mệnh danh "Thái Hồ tam bảo" là cá bạc, tôm trắng và cá mai tề, ngoài ra còn bao nhiêu thứ thuỷ sản quý hiếm như ba ba, lươn cá, bạch điều, ... nên được gọi là "đấu vàng nơi mặt trời lên" là "kho cá thiên nhiên".

Vào tiết tháng ba giữa xuân, trời trong gió mát, liễu thắm hoa hồng, một hôm Tôn Vũ đã hẹn với năm người bạn quê mùa ở vùng núi mới làm quen ở Khung Long, bơi thuyền đi thăm Thái Hồ. Tôn Vũ từ nhỏ lớn lên ở bên sông Tri Hà, có cảm tình đặc biệt với sông nước. Khi còn bé, đã có lần Tôn Vũ muốn mình biến thành một con cá, luôn sống dưới nước ngoe đầu nguẩy đuôi, bơi đi bơi lại vô cùng thoải mái. Tuy nhiên, đó chẳng qua chỉ là một ảo tưởng ấu trĩ, cùng với thời gian, tuổi tác mỗi ngày mỗi lớn, Tôn Vũ cũng như bao nhiêu người khác vẫn phải len lách, vẫn phải va chạm trong dòng người bẩn thỉu. Nước Tri Hà, cũng như dòng người trong xã hội, vừa vẩn đục ngầu ngầu, nhưng lại mạnh mẽ cuốn trôi, trên mặt sông thường cuốn theo bao nhiêu lá khô cành mục, xác chó xác mèo. So với Thái Hồ thì sông Tri Hà không thể nào sánh kịp, nó rộng mênh mông như biển lớn, phẳng như một tấm gương trong suốt, như bầu trời xanh và long lanh như ngọc bích, dịu dàng như thiếu nữ, sôi động như gió xuân, trong sáng như trăng rằm… Khi còn nhỏ, ông nội đã

có lần dẫn chàng đi thăm Bột Hải, sau lại cùng với ngư dân ra biển đánh cá, từng vật lộn với sóng gió, bởi thế nên đã lĩnh hội được sự thần kỳ và bí hiểm của biển cả.

So với Thái Hồ, lòng biển tuy rộng rãi bao la, nhưng biển có lúc lại hung dữ như dã thú, tàn nhẫn như một tên bạo chúa, vô tình như ma quỷ, lạnh lẽo như mùa đông… Con thuyền nhẹ nhàng khua mái chèo, thuyền đánh cá gần xa cùng lướt đi êm ả, những thuyền buồm bằng gỗ ở đây cũng khác hơn ở biển rất nhiều, mũi thường vuông và đáy phẳng, thân thuyền nông và rộng ngang, ngồi trên thuyền vững vàng như ngồi trên giường. Thuyền nhỏ như không sợ gì sóng gió, mặc sức trôi nổi, lướt đi trên nước hồ trong xanh, chỉ hơi nghiêng ngả và tròng trành nhè nhẹ, người trên thuyền bình tĩnh ung dung như đàn cừu gặm cỏ trên thảo nguyên, như chim ưng sải cánh giữa trời cao, như đứa trẻ nằm yên trong lòng mẹ, như vợ chồng mới nằm ấp má bên nhau trong chăn ấm. Trên mặt hồ mênh mông thấp thoáng những cánh buồm của thuyền đánh cá, như những làn mây trắng tản mát trên nền trời xanh, như những vì sao lấp lánh giữa trời đêm. Những giống chim nước chỗ thì tản ra, chỗ thì tụm lại, con lao mình xuống nước, con dỡn nước đùa vui bay theo những cánh buồm, con dướn cổ lên gọi bầy.

Chúng ung dung tự do, tuỳ theo sở tích từng loài, vô cùng thoải mái và hiền hòa gần gũi nhau, không loài nào xâm lấn tàn hại loài nào. Nhìn cảnh ấy, Tôn Vũ thấy rộn lên một xúc cảm, xem ra những giống chim này lại cao thượng hơn con người, không tham lam, bẩn thỉu như con người. Đảo dần gần lại với thuyền, nếu ví mặt hồ mênh mông như một lồng ngực lớn, thì những đảo, những núi tản mát đây đó là các cơ

quan phủ tạng bên trong lồng ngực, mất chúng đi, Thái Hồ cũng không còn sức sống.

Nếu ví Thái Hồ bao la như lồng ngực thì đỉnh Phiêu Diệu của đảo Tây Sơn và đỉnh Đại Kiên của đảo Đông Sơn chính là hai bầu vú trên lồng ngực đó. Nếu nói những cánh buồm kia là những áng mây trắng bồng bềnh trôi trên trời xanh, thì những đỉnh núi cao, những hòn đảo lớn nhỏ kia, là những đám mây đen kéo đến trước khi trời nổi trận bão dông sấm chớp. Trời xanh, mây trắng, núi màu lam, nước biếc và những cánh buồm, những cánh cò bay… bỗng trở thành một bức tranh sơn thuỷ tuyệt đẹp, trở thành một bài thơ trữ tình, một khúc nhạc du dương tuyệt vời. Thuyền buồm đã áp mạn vào đảo Tây Sơn, xung quanh đảo, chỉ thấy toàn là dương liễu, giống như bầy con gái đứng xếp hàng xoã tóc, một màu xanh non, yểu điệu thướt tha, đủ mọi tư thế, như mây như sương, mơn man trên mặt hồ, dịu dàng tình tứ, trong màu lá xanh mướt ấy, điểm xuyết những nụ đào, như bông hoa cài trên tóc người con gái. Cảnh vốn đã nên thơ lại thêm phần tươi đẹp, khiến cho người ta càng thấy mê say… Trên đảo lại nhấp nhô gò đỉnh, địa hình vô cùng phức tạp, cảnh vịnh cũng nhiều. Đỉnh Phiêu Diêu nguy nga mọc lên giữa đảo, các mạch núi của nó vươn dài ra bốn phía, ngang dọc tự do, bóng râm che phủ, cam quýt, sơn trà, khế… chỗ nào cũng có một núi hoa quả ở miền á nhiệt đới…

Sau khi đi thăm hết một lượt danh lam thắng cảnh trên đảo, mê mẩn với cảnh đẹp ở đây, Tôn Vũ quyết định đêm ấy sẽ ngủ lại bên hồ, để ngắm nước, ngắm trăng và nằm nghe sóng vỗ. Chiều tà, mặt trời khuất núi, ánh chiều đỏ như máu; mặt hồ lăn tăn ngàn muôn ánh vàng như đón nhận lấy

vầng kim ô trở lại với lòng hồ. Thuyền buồm nhổ neo quay về. Ở trên bờ, Tôn Vũ chắp tay chào từ biệt những người cùng đến với mình, sau đó cùng người đầy tớ mang đồ câu ra vịnh hồ ngồi buông câu, đây là chỗ ban ngày đi qua đây đã chọn sẵn. Vịnh hồ hướng ra phía mặt trời lại khuất gió, rất yên tĩnh. Vịnh hồ cũng không lớn lắm, lại kề ngay miệng núi, ba mặt có núi đá che, giống như đôi càng cua hay như cái vòng kiềng, là nơi buông câu rất lý tưởng.

Nơi cửa của cái vòng kiềng lại có một đồi đất xanh, chẳng khác gì viên ngọc, được ngậm trong miệng rồng. Mặt trời đã sắp lặn hẳn. Ánh nắng chiều vàng vọt cố loé lên như dát vàng lên bờ hồ, vịnh hồ và đồi cát. Nước hồ phơi nắng một ngày, lúc này vẫn còn âm ấm, Tôn Vũ thả cần câu xuống lòng vịnh, ngồi trên bờ đá, thả đôi chân trần xuống mép nước, im lặng chờ cá cắn câu. Từng đoàn sa âu bay tới đồi đất đối diện, chúng định bay về nghỉ đêm ở đấy như thầy tớ hai người buông câu kia, nhưng phát hiện ra đến tận lúc này mà bên bờ kia vẫn còn hai người chưa chịu ra về, nên chúng cảnh giác vụt bay lên kêu nháo nhác gọi nhau, bay lượn trên không mãi đến khi phát hiện ra hai con người ấy không có gì ác ý, mới lại lần lượt bay về tổ cũ ẩn trong những lùm hoa cỏ, không kêu gì nữa.

Màn đêm buông xuống, từng làn gió xuân đem lại mùi thơm hoa lau trên bờ vịnh, tử đinh hương trên đồi đất đang lúc thi nhau nở rộ. Trăng đã lên, vừa tròn vừa to, như một vành bánh xe bằng bạc, đổ ánh sáng xuống hồ, ánh lên như những viên ngọc lặng lẽ ngâm mình nơi đáy nước. Trên mặt hồ càng lấp lánh ánh vàng, ánh trăng cũng xua tan mây mù, cả bầu trời trong vắt, muôn cảnh đất trời như mông lung mờ

ảo. Gió đêm vẳng lại tiếng hò dân chài, tiếng hò hát tuy thô nặng, nhưng mạnh mẽ như từ non cao trượt xuống, êm đềm như bầu ngực trần của mặt hồ; lúc lại cao vút lên như núi Khung Long, nhưng cứ du dương lan xa, nghe ngọt ngào như sóng lăn tăn trên mặt hồ, như những cánh hoa ngời ngời trên nền gấm. Tiếng hát dù là trai hay gái, dù là già hay trẻ, dù hỏi hay đáp… đều như bộc bạch tấm lòng mình, lâm ly và đằm thắm. Nghe những lời ca ấy, nhìn ánh trăng sáng ấy, Tôn Vũ bỗng thấy hai má mình ướt nhoè nước mắt, ông thầm nghẹn ngào một mình, khiến cho người đầy tớ cùng đi câu hốt hoảng lo sợ…



Thời gian là tất cả

"Chim ưng vồ mồi chỉ 1 cú có thể xé nát con mồi, đó là dựa vào thế tiết nhanh như chớp nhoáng".

Điều này không chỉ đúng trong chiến tranh mà còn đặc biệt đúng trong thời kỳ kinh tế thị trường, khi người ta nắm lấy những cơ hội chớp nhoáng để đầu tư, đưa sản phẩm ra thị trường, mua bán bất động sản… Và sự kiên nhẫn chính là chìa khóa thành công của rất nhiều người!

CHƯƠNG XIV

TÔN VŨ LUYỆN RÈN
NGŨ VIÊN BẮT CHƯỚC

Để được ngắm trăng, nghe sóng Tôn Vũ đã nghỉ lại một đêm ở đảo Tây Sơn. Đêm ấy trời trong sáng, hồ lặng hoa thơm, lẽ ra Tôn Vũ phải vui vẻ trong lòng mới phải. Cớ sao lại âm thầm lặng lẽ đến mức phải rơi nước mắt? Thì ra mọi sự vật trên đời, cái gì cũng có hai mặt của nó, buồn với vui cũng là hai cảnh hay đi liền nhau, như một đôi anh chị em dựa vào nhau, giúp đỡ nhau. Ánh trăng cũng không ngoại lệ, đến ngày thì tròn, tròn thì sáng hơn, nhất là vào tiết Trung Thu. Trời cao mây lành, bầu trời trong như lọc, một vầng trăng lớn như chiếc ô lửng lơ treo trên đầu. Ánh trăng dịu dàng, như dòng nước chảy, dội xuống nhân gian, giữa trời đất là một khoảng không trong sáng và tinh khiết. Con người được ánh trăng bao phủ, ngẩng mặt lên mà ngắm nghía, nào là chắp tay khẩn cầu, nào viết phú làm thơ, nào tế trời lễ đất... Ai cũng thấy lòng thanh thản và khoan khoái, bởi vì bầu trời xanh này, mảnh trăng tròn kia và ánh sáng nhạt nhoà ấy, lại có mối tương quan rất chặt chẽ với xã hội, với gia đình, với con người và vận mệnh với niềm ước mong và sở nguyện của con người...

Nó là biểu hiện của sự bình yên, trong sạch và sáng sủa, là tượng trưng cho sự sum họp, niềm trông cậy ở tương lai. Tuy nhiên, vào giữa lúc trăng tròn hoa nở thế này, những người biết nhìn xa thấy rộng thường có riêng một nỗi cảm hoài, bởi trăng tròn rồi sẽ khuyết, hoa nở đây, nhưng liệu

thắm được mấy ngày? Người ta cứ mong sao cho trăng tròn mãi, hoa cũng nở mãi không tàn, nhưng đó chỉ là ý nghĩ viển vông khờ khạo trái qui luật tự nhiên. Khi điều mong muốn ấy không thành, có không biết bao nhiêu người đã vì thế mà oán giận cuộc đời ganh ghét với thế tục, oán trời không công, trách đất không bằng, trách phận mình hẩm hiu, sự đời sao há chẳng được như vầng trăng kia giữa bầu trời, tròn như thế, sáng trong như thế?

Tôn Vũ lúc này cũng thế. Nước Tề với nước Ngô đất đai phong cảnh không giống nhau, tập tục con người cũng khác, nhưng vầng trăng trên trời kia hẳn là phải giống nhau. Giờ này đây, mặt trăng ở quê hương chắc cũng to như thế, cũng tròn như thế và cũng sáng như thế, còn gia đình thì như thế nào? Ông nội nhân từ và cởi mở, cha ta bướng bỉnh ngang ngạnh, mẹ ta yếu đuối hiền lành… lúc này đây hẳn là cũng đang ngẩng đầu ngắm trăng, lòng nhớ đến người ruột thịt đang ở nơi đất khách quê người? Trận sóng gió về chính trị ấy của nước Tề đã yên ắng hẳn chưa? Tính mạng và kết cục của cha ta sẽ như thế nào? Cả nhà liệu có bị tru di hay không? Một mình ta thoát ra khỏi luồng xoáy, xa hẳn cái nơi đầy chuyện thị phi, vợ hiền con thơ chăm chỉ, cuộc sống khá yên lành, có thể nói đã tròn vẹn như vầng trăng kia ở trên trời? Nhưng nghĩ tới những người thân đang ở giữa dòng chảy đục ngầu, tự nhiên Tôn Vũ bỗng thấy nhói đau trong lòng, nỗi đau này từ sau khi cất bước xa nhà, chưa từng nguôi ngoai bao giờ.

Sở dĩ Tôn Vũ không yên tâm với cuộc sống ẩn dật ở Khung Long khuất nẻo, thay họ đổi tên, thay hình đổi dạng, cải trang chu du khắp nơi trên đất Ngô, một mặt là để sửa chữa

mười ba bài "binh pháp", nhưng mặt khác cũng không ngoài mục đích nữa là giũ bỏ niềm đau đó trong tâm hồn. Ông nội chinh chiến suốt đời trên lưng ngựa đến nay tuổi tác đã cao quay về nghỉ ngơi, người rất cần con trai ở bên, cần có cháu vào ra vui vầy, vậy mà, giữa lúc ông nội cũng như mọi người già khác kinh sợ sự cô đơn nhất thì mình lại ở nơi xa lắc xa lơ thế này. Nếu như có điều gì bất trắc xảy ra với cha mình, thì nỗi đớn đau này mình sẽ làm sao gánh chịu nổi đây? Ông nội yêu quí mình như thế, chăm lo cho sự trưởng thành của mình, có thể nói người đã phải lao tâm khổ tứ nghĩ hết trăm phương nghìn kế, thế nhưng thử hỏi mình đã làm gì được cho người? Đã tận hiếu chưa? Đã phụng dưỡng được gì? An ủi cho người được gì?

Hoàn toàn chưa! Có chăng chỉ là mang lại cho người sự cô đơn và nỗi nhớ cồn cào. Tuy rằng khi còn nhỏ mình sống không hợp với cha cho lắm, không tán thành lối sống lúc nào cũng cho mình là hơn cả và ít chịu nói cười cởi mở, ngay lúc này đây Tôn Vũ vẫn còn trách ông là lắm chuyện, là không nên tham gia vào những hoạt động phản loạn của Cao Chiêu Tử. Tuy nhiên việc đã thành sự thực mất rồi, trách móc lắm cũng bằng thừa, mình dù sao cũng là một phần xương thịt của cha. Với mình, cha con nặng tình dưỡng dục và có ơn dạ dỗ bấy nay, giờ đây cha lâm vòng tù tội, xác thịt chịu khổ cực trăm bề, phận làm con sao há chẳng vì thế mà tan lòng nát ruột?

Người khiến Tôn Vũ buồn lòng nhất là mẹ. Mẹ là người ôn thuần, hiền lành, luôn có tấm lòng thuần phác hiếu kính với bề trên, nhân từ yêu mến kẻ dưới. Là một ngôi sao sáng ngời của nữ quyền trong tướng phủ, thế nhưng khi sinh đẻ mình

gặp khó khăn nên phải suốt đời mang bệnh, thân thể yếu đuối, luôn ho mệt, ăn uống kém sút, chân tay mệt mỏi. Khi còn bé, bởi mình còn ít tuổi lại nghịch ngợm, không chịu học hành nên nhiều khi để mẹ phải đau lòng. Mẹ vừa phải chăm lo việc ăn ở cho mình, lại phải lo dạy dỗ mình, vất vả nửa đời người, vì mình đã bào mòn cả tâm huyết. Mình càng lớn lên bao nhiêu thì thể chất hình hài của mẹ ngày càng sa sút bấy nhiêu. Ngay cả những lúc vừa đau đớn vừa vất vả vừa phải phụng dưỡng bố chồng tuổi cao sức yếu vừa phải ngày đêm lo lắng cho sự không may của chồng, rồi lại thắc thỏm nhớ nhung con cháu ở nơi xa, tình cảnh ấy nào ai có hiểu? Tôn Vũ hối hận nghĩ rằng nhẽ ra lúc đầu chẳng nên phải đi xa thế này làm gì, để phải xa cửa xa nhà, bôn ba nơi đất khách quê người cho dù có phải cùng chết cả nhà cũng còn hơn là phải chịu nỗi khổ dai dẳng như dao cùn cứa thịt thế này. Càng nghĩ, Tôn Vũ càng thấy buồn, càng thấy đau lòng, bất giác nước mắt tuôn trào, nghẹn ngào nức nở khiến người theo hầu phải hết lời khuyên can…

Tôn Vũ rất thích câu cá, dần dần thành một thú mê say, thường đem theo người hầu ra chỗ này buông câu. Để thuận tiện trong cuộc sống, Tôn Vũ đã mua một chiếc thuyền nhỏ, tự mình chèo lái, qua lại hàng ngày. Từ đấy, Tôn Vũ có khi sớm đi tối về, có khi lấy thuyền làm nhà, ở luôn trên đảo mấy ngày liền. Câu cá là hoạt động có thể làm cho lòng khuây khoả, lại có thể tu dưỡng được tâm tính con người, khiến lòng người thanh thản và bớt nghĩ ngợi. Bởi thế giảm được buồn phiền, hơn nữa lại có lợi cho việc hình thành những phẩm chất tốt như bình tĩnh, nhẫn nại, không nôn nóng, … Và đó có thể là nguyên nhân chính khiến Tôn Vũ thích câu cá. Qua xuân sang hạ, mưa liên miên mấy ngày,

không thấy bóng mặt trời. Mưa mãi cũng chẳng cản được thứ vui thích buông câu của Tôn Vũ.

Hàng ngày vẫn con thuyền ấy, Tôn Vũ chèo ra mặt hồ đi vào giữa màn mưa mông lung để tìm đến chỗ quen thuộc. Ở vùng vịnh ấy. Đầu đội nón tre, lưng khoác áo tơi, Tôn Vũ ngồi trên tảng đá, lim dim đôi mắt để mặc cho gió thổi mưa rơi. Không thấy trời xanh cũng chẳng thấy non cao, mặt hồ vỡ ra làm muôn mảnh, thuyền đánh cá kéo nhau về cảng, lũ chim trời cũng về tổ từ lâu, hương hoa theo gió bay tản tác, trước mắt chỉ là một màn mưa bạc mênh mang. Gió đã nổi, từng cơn cuồng phong đuổi nhau trên hồ, gầm thét trên những hòn đảo, điên cuồng và hung dữ, sóng ngầu đục xô lên không, điên cuồng chồm lên chân đảo, như muốn nuốt chửng người buông câu ngồi như đúc trên tảng đá kia. Bỗng nhiên, bỗng có tiếng gọi vang lên từ phía ngược chiều gió thổi, tiếng gọi mỗi ngày mỗi gần, từ chỗ thoang thoảng dần dần, rõ ra từng lời. Một lúc sau, trên mặt hồ mông lung hiện ra một con thuyền nhỏ, chòng chành trên đầu sóng lướt tới bờ bên này rồi nhanh chóng cập mạn.

Có người gọi tên Tôn Vũ và nhảy ra khỏi thuyền, chạy tới ôm lấy Tôn Vũ khóc rống lên. Tôn Vũ bất giác thấy vô cùng kinh hãi tựa hồ như gặp ma quỉ giữa ban ngày. Người chạy tới gục vào lòng Tôn Vũ rõ ràng là Diêm Cương, người gia thần ở phủ Lâm Tri, năm nay tuổi đã năm mươi, tai to mặt lớn, lưng hổ eo gấu, hai mắt lúc nào cũng ánh lên những tia sắc lạnh. Ông ta vô cùng trung thành với ông nội Tôn Vũ, ông nội cũng coi người này như con mình đẻ ra, đôi bên gần gũi như một. Ngày nay xa cách muôn trùng sông núi, Diêm Cương tại sao đột nhiên lại đến bên mình, mà lại vào giữa

lúc mưa to gió lớn thế này. Hay đúng là thời vận đã đến lúc hẩm hiu nên giữa ban ngày mà gặp quỷ. Tôn Vũ nghĩ thế, bất giác đưa tay đẩy Diêm Cương ra khỏi lòng mình rồi nhìn trừng trừng vào ông ta. Bị nhìn như thế, Diêm Cương đâm ra lúng túng, giương to đôi mắt kinh ngạc lên hỏi:

– Thế nào, mới vài năm không gặp, cậu cả không nhận ra Diêm Cương này nữa ư?

– Anh! Có thật anh là Diêm tổng tể, người anh em Diêm Cương đó ư... – Tôn Vũ nhìn một lượt từ đầu đến chân người đứng trước mặt mình như ngây như dại.

Nhìn dáng vẻ ấy, lại thấy cách biểu hiện như vậy, Diêm Cương bỗng sinh áy náy, trong lúc thời tiết quỉ quái như ma hờn quỉ ám này, cậu cả lại bỏ vợ bỏ con, vượt qua nguy hiểm chết người, phiêu dạt qua hồ, đến chịu tội ở nơi gió dãi mưa dầu này, không lẽ lúc này tâm thần đã... Không đợi cho Diêm Cương nghĩ tiếp, Tôn Vũ vội nhảy chồm tới, ngả vào lòng Diêm Cương, khóc nức nở như một đứa trẻ, nước mắt nước mũi chứa chan. Tôn Vũ đang nghĩ, từ xa xôi ngàn dặm Diêm Cương phải lặn lội tới đây thế này, vừa mới gặp mặt đã nước mắt ngắn nước mắt dài như thế, hẳn là ở nhà đã gặp chuyện chẳng lành, không phải là ông qui tiên, thì cũng là cha đang mắc nạn, hoặc mẹ đã ốm đau qua đời, bởi thế đau lòng như muốn chết, nước mắt như mưa!

Tình cảm con người thường có sự truyền dẫn sang nhau, thấy Tôn Vũ thương xót trong lòng, đầm đìa nước mắt như thế, Diêm Cương cho rằng chắc là sau khi xa nhà, đi đến đâu cũng bị chèn ép bắt nạt, bị nhiều phen uất ức, rồi nhớ nhung

người thân nên mới không làm chủ được mình, ngây nga ngây ngô không biết mình đã làm những gì. Nghĩ tới năm nào đây là con người thông minh lanh lẹ biết bao nhiêu, đến giờ đây lại hoá ra một người thế này, như vậy làm sao chẳng khiến người ta xót xa trong lòng từ đó mà tuôn trào nước mắt, ôm chặt lấy nhau, đau khổ không sao kể xiết...

Không biết họ khóc như thế bao nhiêu lâu, người hầu đi theo đã khuyên nhủ cả hai người. Kỳ thực thì cả hai người đều khóc hão một phen, chẳng đâu vào đâu. Tôn Vũ mang theo gia đình trốn chạy ra khỏi nhà hai năm trời nay, không biết tăm hơi ở đâu, cả nhà đều không yên tâm, nên sai gia thần Diêm Cương đến đây dò hỏi. Diêm Cương nói với Tôn Vũ, ông nội Tôn Thư tuy tuổi đã tám mươi, nhưng chân tay còn khoẻ mạnh, tinh thần cũng rất tỉnh táo, đang yên tâm di dưỡng tuổi già. Còn người cha, Tôn Bằng, tuy có tham dự vào vụ phản loạn của Cao Chiêu Tử, nhưng nhờ lượng khoan hồng của Yến Thái tể, không hề chấp nê gì nên rất cảm động và thấm thía, tích cực phối hợp với Yến Anh chỉnh đốn lại kỷ cương triều đình, được phân công hoạt động đối ngoại nên đang phát huy được sự thông minh và tài trí của mình. Bà mẹ, Phạm Ngọc Lan do đám mây đen bao phủ trên gia đình đã tan biến mất, trong lòng thanh thản, sức khoẻ đang dần dần hồi phục, có phần còn thấy như trở lại tuổi xuân. Tâm tư chung của cả nhà lúc này là luôn tưởng nhớ tới con tới cháu đang phải đi xa, đêm ngày mong nhớ, ăn không ngon, ngủ không yên...

Nghe Diêm Cương kể lại một hồi như vậy, Tôn Vũ mừng không để đâu hết, hòn đá đè nặng trong lòng như được vất bỏ đi, không hiểu sao nước mắt lại trào lên khoé mắt. Thế

nhưng lần này không phải là những giọt nước mắt đau khổ, những giọt nước mắt bi thương, mà là những giọt lệ mừng vui, những giọt lệ xúc động.

Tôn Vũ bá lấy hai vai Diêm Cương mà quay vòng dưới trời mưa, quay bên trái mấy vòng, rồi lại quay sang bên phải mấy vòng. Sau khi mừng rỡ quay vòng như thế, Tôn Vũ sai người hầu thu dọn đồ, lập tức quay về ngay, cho dù mưa gió có điên cuồng, có phải gửi thân vào bụng cá cũng chẳng sợ. Mấy người mừng rỡ về đến nhà, Tôn Vũ dặn vợ mổ gà mổ vịt, bày tiệc vui để tẩy trần cho Diêm Cương sau một chặng đường đất gió bụi, và hơn thế nữa là mừng cho cả nhà họ Tôn đã tai qua nạn khỏi. Từ ngày xa nhà đến nay, tuy Tôn Vũ cũng nhiều khi mượn rượu giải sầu nhưng chưa bao giờ như hôm nay, uống đến mức say lảo đảo, mê man không biết gì. Người vợ ở bên cạnh thấy chồng uống vui như thế, không khuyên ngăn, cũng chẳng trách móc, bởi hôm nay quả thực là Tôn Vũ mừng vui thực sự.

Ba hôm sau, cả nhà bàn chuyện trở về quê cũ. Lòng người về tựa mũi tên bay, ai cũng chỉ ước ao sao có thể nhổ neo mà đi ngay để sớm được sum họp gia đình. Diêm Cương cũng mang tới cả sự phân tích của Tôn Thư với tình thế nước Tề lúc đó, ông cho rằng, tình thế nước Tề lúc này là ổn định, chính nghĩa đã chiến thắng gian tà, nhưng đó là hiện tượng tạm thời. Yến Anh tuổi tác đã cao, sẽ không còn sống lâu được ở trên đời, đợi Yến Anh quy tiên, thế lực chính trị các phe phái tất sẽ phải qua một cuộc tranh đấu và hỗn chiến, thắng bại rất khó lường. Nói cách khác, nước Tề đang ở trên miệng núi lửa, bất kể lúc nào cũng có thể xảy ra nguy cơ động đất hay núi lửa bùng nổ.

Ông đã bảo Diêm Cương nhắn với Tôn Vũ rằng: Đã rời xa được mảnh đất thị phi này rồi, thì hãy tạm đừng quay về vội để tránh một cuộc biến động sắp xảy ra, mình lại bị cuốn vào đó. Tôn Vũ xưa nay vốn sùng bái ông nội của mình như một vị thần minh, nay qua sự phân tích tình thế nước Tề của ông nội, Tôn Vũ cảm thấy rất sát với tình hình thực tế. Hơn nữa, ông nội đã có lệnh như thế, nên Tôn Vũ đã bỏ ý định đi cùng với Diêm Cương về nước ngay, thay vào đó viết một bức thư dài, kể tường tận mọi điều từ sau khi xa nhà, để cho Diêm Cương mang về. Diêm Cương ở lại mấy ngày, thăm chơi hết mọi phong cảnh của đất Giang Nam, sau đó mới lên đường quay về.

Từ đó, Tôn Vũ thôi không say mê với việc buông câu, mà chuyên tâm vào việc tu sửa mười ba bài "binh pháp".

Lần sửa chữa này, Tôn Vũ đã nêu bật thêm tư tưởng chỉ đạo và đặc điểm nội dung của "binh pháp", cụ thể được thể hiện ở mấy mặt sau đây:

Cố gắng phản ánh qui luật phổ biến của chiến tranh, bàn về những nhân tố có thể đưa chiến tranh tới thắng lợi, nhấn mạnh tầm quan trọng của "miếu toán" (quyết sách quân sự cao nhất trước khi chiến đấu).

Nhấn mạnh quan hệ giữa chiến tranh với nhiều nhân tố tổng hợp như chính trị, kinh tế, ngoại giao; khí tượng, địa lý… Đánh thận trọng là nguyên tắc cơ bản để người đứng đầu một nước, người làm tướng soái bầy mưu tiến công hay trấn giữ – Phát động chiến tranh, tổ chức chỉ đạo chiến

tranh phải lường thời lựa thế, liệu địch mà nêu quyết sách, tuyệt đối không thể dùng binh một cách dễ dãi hớ hênh.

Dùng mưu lược để giành lấy thắng lợi là linh hồn của "binh pháp", cần thứ quân "không đánh mà khuất phục được người khác" để "giành lấy toàn thiên hạ", tổng hợp lợi dụng các thủ đoạn chiến tranh như chính trị, ngoại giao, kinh tế, khoa kỹ, tránh dùng cái dũng của kẻ thất phu.

Phải thể hiện được mưu trí dùng binh "tuỳ thế mà dẫn dắt", về chiến lược cũng như chiến thuật, phải cố làm sao "lôi kéo được địch mà địch không lôi kéo được mình", cố gắng nắm được quyền chủ động trong chiến tranh.

Nhấn mạnh khía cạnh "cái khéo trong vận dụng là ở chỗ nhất tâm", tức là căn cứ vào những mặt khác nhau của tình hình địch, tình hình ta, địa hình và các điều kiện khác mà dùng binh cho linh hoạt.

Nêu bật một nguyên tắc quân sự quan trọng là "biết mình biết người, trăm trận không thua"; cũng tức là thực sự cầu thị, nắm chắc mọi tình huống, mới dứt khoát quyết tâm chiến đấu đánh bại kẻ địch. Nếu không, chủ quan ước đoán, tung quân ra bừa bãi, tất nhiên sẽ dẫn đến thất bại.

Cầm quân phải làm sao ngoài sự lường đoán của địch, biến hoá vô cùng, vận dụng khéo léo kỳ chính, hư thực, nhấn mạnh việc tiến công địch với ưu thế hổ dữ vồ cừu non, kết thúc chiến dịch hay một cuộc chiến đấu bằng thủ đoạn nhanh như sét đánh không kịp bịt tai.

Khảo sát mấy tháng ở đất nước phương nam, Tôn Vũ nhận ra sự nguy hại và tác dụng của sông ngòi, đầm hồ trong quân sự, nhất là trong khi hành quân; lần này sửa chữa "binh pháp" những điều đó đã được bù đắp vào thật đầy đủ, chẳng hạn như trong "quân tranh biên" đã viết: "Người nào không biết hình núi rừng, sự hiểm trở, hình thế đầm hồ ra sao, không thể hành quân được". Trong "Cửu địa biên" thì nói:" Trong phép dùng binh có nói đến "đất bỏ đi", "đi đến vùng rừng núi, hiểm trở, đầm hồ… phàm gặp những con đường khó đi, đều thuộc vào "đất bỏ đi" – "đầm hồ" nêu lên trong hai trường hợp vừa rồi, đều là những nội dung mới được bổ sung thêm. Trong "hành quân biên", còn bổ sung rất tỉ mỉ về nguyên tắc xử trí trong tác chiến ở vùng sông nước hay vùng đầm lầy ngập mặn là: "Vượt sông ngòi, phải đóng quân ở nơi cách dòng sông đó khá xa; Nếu quân địch vượt sông sang tấn công, thì không nên đón đánh trên sông, mà phải thừa lúc chúng đã vượt sang được một ít, một nửa còn chưa sang mà đánh chúng, như thế sẽ tương đối có lợi hơn; nếu muốn giao chiến với địch, không nên đón đánh chúng ở nơi gần sông, đóng quân ở vùng sông nước, cũng nên ở chỗ cao mà thoáng, chớ có đóng quân hay bầy thế trận ở vùng hạ lưu so với nơi địch đóng quân. Đó đều là những nguyên tắc xử trí khi hành quân hay tác chiến ở vùng sông nước. Đi qua vùng sình lầy ngập mặn nên nhanh chóng rời xa, không nên dừng lại. Nếu như gặp địch ở vùng sình lầy ngập mặn, phải tìm cách chiếm lĩnh nơi có cỏ nước mọc và ở gần rừng cây. Đó là nguyên tắc xử trí khi hành quân tác chiến ở vùng sình lầy ngập mặn. Ở vùng thượng du của một dòng sông có mưa bão, nhìn bọt nước trôi xuống, phải chờ cho thế nước bình ổn rồi mới vượt sông, đề phòng nước lũ ập tới, …

Trong lần sửa chữa này, về mặt chữ nghĩa, Tôn Vũ cũng bỏ khá nhiều công sức, mong sao hành văn phải chuẩn xác, tránh lập lờ tối nghĩa khiến cho người ta hiểu sai hoặc sinh điều dị nghị; hành văn phải sinh động giàu hình tượng chứ không khô khan nhàm chán, nhạt như nước ốc ao bèo; văn phải thông tục bình dị mà không trúc trắc khó hiểu; đồng thời sâu sắc nhưng dễ hiểu, vừa nói rõ được những lý lẽ sâu xa về quân sự, những lại vừa làm cho ai ai cũng đọc được rõ ràng, cho dù đó là các sĩ quan cấp dưới hay binh lính nói chung cũng vậy và đọc tất có ích lợi ngay.

Sửa chữa tác phẩm, từ một ý nghĩa nào đó mà nói, còn khó khăn vất vả hơn là bài viết mới, nó đòi hỏi phải bổ sung nâng cao, tìm tòi gọt dũa, cô đọng nhào luyện, để nó được tròn trịa, kín kẽ, thuần chất như lửa xanh trong lò. Từ khi bắt tay vào tu sửa "binh pháp", chẳng những Tôn Vũ bỏ hẳn thú buông câu mà còn từ bỏ nhiều thú vui ham thích khác, ngày ngày cặm cụi miệt mài trên án thư, đúng như một pho tượng gỗ; cơm canh đưa đến cũng chẳng thiết gì ăn; đêm đã khuya cũng chẳng nghĩ đến chuyện đi ngủ; trời lạnh, không biết mặc thêm áo; nổi cơn sốt, khắp mình mồ hôi ướt đầm, cũng chẳng nghĩ đến chuyện mời thầy, uống thuốc... Thi thoảng bước ra khỏi cửa, Tôn Vũ cũng không phân biệt được phong cảnh núi sông ở quanh mình, không nhận ra những người bạn cùng buông câu hái thuốc với mình, không biết được mình đang ở ngoài thành Cô Tô, ở bên bờ Thái Hồ, nơi rừng sâu Khung Long, không về nổi nhà mình... Trong tình hình này, nếu như không có sự chăm lo săn sóc ân cần của người vợ thân yêu Điền Thục Hiền, đừng nói thành tựu một sự nghiệp lớn lao mà ngay tính mạng, ngay thân xác của Tôn Vũ, e rằng cũng khó tồn tại trên đời này. Bởi vậy, nên

hiểu rằng, ở đằng sau mỗi một người đàn ông thành đạt bao giờ cũng có một người đàn bà kiên cường ủng hộ và dõi trông.

Lại nói đến Ngũ Tử Tư giúp Cơ Quang mưu sát được Vương Liêu, cướp được chính quyền; lại tiến cử Thạch Yếu Ly, trừ khử Khánh Ky, củng cố được chính quyền. Hạp Lư lúc này, quyền lớn đã nắm trong tay, giang sơn vững vàng, hể hả trong dạ, mừng như mở cờ trong bụng, đang sống trong cảnh ba ngày một tiệc nhỏ, năm ngày một việc lớn, vua tôi chúc mừng nhau, vui vầy hưởng lạc. Một hôm, giữa buổi tiệc tưng bừng đèn sáng rượu ngon, mâm cao cỗ đầy do Ngô vương bày ra thết đãi. Mâm trên cùng, Ngô vương ngồi xuống trước, các quan văn võ còn lại không cần phải khiêm nhường, bè đảng thì theo tuổi tác, triều đình thì theo chức tước, bất kể là lão thần hay một viên quan vừa mới sang hàng, đều theo thứ bậc thân phận cao thấp lần lượt vào ngồi. Đang giữa lúc trong sảnh đường hương thơm ngào ngạt, nhã nhạc tưng bừng, quần thần vừa nâng cốc, chén bát chạm nhau… thì Ngũ Tử Tư bước vào phòng tiệc. Vì việc công nên ông đã đến trễ một bước. Thấy Ngũ Tử Tư bước vào, Hạp Lư vội vời ông tới ngồi bên cạnh mình. Ngũ Tử Tư không nghe, đáp lại rằng:

– Ngũ Viên tôi vốn con nhà võ, nhưng cũng đã được học hành và biết điều lễ nghi, đâu dám lại chơi trèo như thế ạ! – ông khăng khăng không chịu ngồi vào chỗ đó.

Hạp Lư nói:

– Nói thế là sai! Nếu như không có ái khanh phò tá, cả nhà quả nhân đâu có hôm nay? – nói xong cố tình ép Ngũ Tử Tư ngồi xuống bên mình.

Văn võ bá quan người nọ nhìn người kia, chẳng ai là không gửi trong ánh mắt của mình niềm hâm mộ và nỗi thèm muốn khát khao, không ít người còn ghé tai nói vụng với nhau điều gì nhưng xem ra không hề có ác ý. Mặc dù vậy, Ngũ Tử Tư vẫn cứ thấy bứt rứt trong lòng, chẳng ăn gì, cũng chẳng uống chút nào, khéo léo từ chối mọi lời chúc tụng và kính nhường của các quan cùng triều. Hạp Lư thừa biết rằng nơi lòng Ngũ Tử Tư lúc này đang rất nặng nề, ông mấy lần nêu ra việc dấy binh đánh nước Sở, để trả thù cho cha anh và hơn ba trăm oan hồn khác của nhà mình, nhưng ta lại cứ kiếm cớ khất lần, đó chính là nguyên nhân khiến ông ta không vui, lúc nào cũng u uất trong lòng. Tuy nhiên, Hạp Lư vẫn cố làm như không biết, ra bộ hết sức quan tâm gần gũi hỏi:

– Ngày lễ chúc mừng, cớ sao ái khanh mặt ủ mày chau, không ăn, không uống, hay là trong người không được khỏe?

Ngũ Tử Tư vốn là người rất thẳng thắn, xưa nay chưa từng che giấu quan điểm của mình, liền nói toạc móng heo ra:

– Khánh Ky đã trừ khử rồi, minh công ngày nay đã xong việc lớn, không còn gì lo ngại mai sau nữa, nhưng không biết bao giờ mới đem quân đi đánh Sở?

Hạp Lư chống chế ngay:

– Thôi! Ngũ tướng quân! Hôm nay hãy cứ uống rượu đi đã, việc ấy mai sẽ bàn!

Ngũ Tử Tư vẫn đứng trân trân ra đấy, nghĩ bụng, thế cũng phải thôi, hôm nay uống rượu mừng công, không phải lúc nói chuyện khác, một lúc lâu mới gượng gạo ngồi xuống.

Ngũ Tử Tư vừa ngồi xuống, Bá Bỉ liền đứng phắt dậy. Ông ta đã từng mời rượu Ngô vương, còn đứng dậy làm gì vậy? Thì ra, trong vấn đề đánh Sở để báo thù, ông đã tự vạch ra cho mình một qui định thế này: Ngũ Tử Tư mà nói ra, ta cũng nói thêm vào mấy câu. Vừa rồi Ngũ Tử Tư có nói với Ngô vương việc đem quân đi báo thù, nên lúc này Bá Bỉ cũng ung dung bước tới trước mặt Ngô vương, vái dài một vái, nói:

– Mối thù hận cả nhà cả cửa của thần lúc nào cũng canh cánh bên lòng, ngày đêm chẳng yên, dám xin chúa công hãy sớm ra quân.

Bá Bỉ nói thế khiến Ngô vương cụt hứng, tỏ ra khó chịu đáp:

– Biết rồi! Thì đã bảo để mai bàn mà lại…

Bá Bỉ chẳng qua cũng làm ra bộ như thế, nói xong rồi cũng thôi, quay trở lại chỗ ngồi, ăn uống.

Rượu cạn tiệc tàn, Ngô vương trở lại hậu cung nghỉ ngơi, các quan văn võ cũng lần lượt cáo lui.

Buổi chầu sớm hôm sau, Ngô vương lên điện, các quan văn võ cùng tham dự. Ngũ Tử Tư bước tới vái chào vấn an:

– Ngũ Viên có lời vấn an chúa thượng!

– Tướng quân miễn lễ! Hãy ngồi đi! – Ngô vương nghiêng mình nói.

Nội thị đưa vào một chiếc ghế bố, đặt vào góc trên cùng. Ngũ Tử Tư nhổm dạy, lạy một lạy nói:

– Tối hôm qua đội ơn minh công đã hứa, hôm nay sẽ bàn việc ra quân, nhưng chẳng hay ngày nào mới cất quân?

– Đây là việc lớn, phải để cân nhắc đã – Ngô vương lại diễn lại tích cũ, cố ý lần khất.

Trong đám đình thần, Bá Bỉ lại đứng hẳn lên. Hễ nói đến chuyện này, có Ngũ Tử Tư thì thế nào cũng có ông ấy, cứ một trước một sau như thế. Bá Bỉ quỳ hồi lâu xuống đất, khẩn khoản rằng:

– Mối thù lớn của gia đình chúng thần, mong chúa thượng hãy gia ơn…

– Quả nhân nhất định sẽ trả thù cho các khanh – Ngô vương ngắt ngang lời Bá Bỉ – Có điều nếu như cất quân, thì ai sẻ làm chủ tướng dẫn quân đây?

Ngũ Tử Tư vừa nghe liền ngớ ra:

– Chuyện ấy... xin cứ nghe theo minh công giao phó ạ! – Ngũ Tử Tư thầm nghĩ: Vả lại chuyện quả như thế thật, nếu như cất quân, sẽ đưa ai lên làm chủ tướng?

Đây hoàn toàn không phải việc ai cũng có thể gánh vác được, tướng tài có thể thống lĩnh toàn quân nước Ngô, quả thực không phải dễ kiếm. Khó tìm, không có nghĩa là không có ai. Ngũ Tử Tư này cũng là một trong số đó, thế nhưng, điều này làm sao có thể tự mình dày mặt, lớn tiếng nói ra cho được? Đành phải đáp "nghe theo minh công giao phó" thôi chứ biết làm sao được?

Hạp Lư cũng thừa biết tâm tư Ngũ Tử Tư lúc này, chính nhà ngươi đã chẳng nói được ai có thể làm tướng, thế thì ta đã có thể chống chế được rồi:

– Thế cho nên chuyện lớn này phải được cân nhắc kỹ. Thôi nhé, để đến tối hãy bàn!

Đến tối, Ngũ Tử Tư một mình vào cung, thăm dò xem rốt cuộc lúc nào Ngô vương cho cất quân. Cũng loanh quanh mấy câu ấy, Ngô vương nói đến cất quân là nhắc đến chuyện lấy ai làm chủ tướng. Nói đến chuyện chọn ai làm tướng là lại bảo hãy để cân nhắc thêm đã. Cuối cùng là "Buổi chầu sáng mai sẽ bàn". Cứ như thế, sáng thì bảo đến tối, tối lại đến sáng, lùi đi lùi lại khá lâu, gót giày của Ngũ Tử Tư dễ muốn mòn vẹt đi mất.

Một hôm, Ngũ Tử Tư từ trong cung trở về, thở ngắn than dài một mình ở thư phòng. Không ngờ Hạp Lư lại là một con người như thế, mình đã giúp ông ta nêu ra ý định, rồi tiến

cử bạn bè, trước sau đã bỏ mạng mất mấy vị anh hùng, vất vả lắm mới giành được ngôi báu về cho ông, rồi củng cố cả chính quyền, đến bây giờ ông ta lại không lo gì đến việc của mình, lùi hết lần này lần khác, không chịu cất quân. Sớm biết như ngày hôm nay, thì ngay từ đầu, ta đã chẳng để mất toi đi quãng tháng ngày hơn chục năm trời… Ngũ Tử Tư thầm nghĩ một mình như thế, khác nào như có hàng loạt mũi tên đâm loạn xạ vào tim mình, lo lắng bồn chồn đi đi lại lại quanh quẩn trong phòng, tựa hồ như kiến bò trong chảo nóng. Bỗng nhiên Ngũ Tử Tư thấy trước mắt mình rạng sáng như người từ trong hầm tối bước ra nơi chói loà ánh sáng, mối nghi hoặc trong lòng bỗng dưng tiêu tan hết. Tuy mình trí dũng song toàn, thừa sức làm một vị tướng – Ngũ Tử Tư nghĩ ra – nhưng Hạp Lư vẫn khăng khăng không dùng. Bởi vì mình chỉ luôn nói đến trả thù rửa hận cho cả nhà mình, chưa bao giờ bày tỏ nguyện ở lại nước Ngô làm quan, Hạp Lư sợ mình sau khi trả thù được rồi, sẵn binh quyền trong tay, không trở lại nước Ngô nữa, thậm chí còn trở thành đối thủ của nhà Ngô, như thế ông ta sẽ bị người đời phỉ nhổ, đời sau cũng không ai đếm xỉa nữa…

Từ đó, khi gặp Ngô vương, Ngũ Tử Tư thôi không nhắc đến chuyện cất quân đi đánh Sở nữa. Một hôm, Ngô vương và quần thần đi dạo chơi bên bờ Thái Hồ, nhìn mặt hồ bao la bát ngát, chỉ thấy một con chim ưng sải cánh bay vòng mãi tít trên cao, chim trĩ, thỏ rừng bàn nhau lẩn trốn, chim oanh chim sẻ lặng hót ẩn mình, Hạp Lư nhìn thấy vậy tức cảnh sinh tình, bất giác nhìn lên cao thở dài mấy lần như vậy. Quần thần theo hầu không hiểu nguyên nhân khiến đại vương xúc động, người nào người ấy ngó ngược ngó xuôi, nhìn nhau không nói, Ngũ Tử Tư bước lên trước tâu rằng:

– Chúa công đang băn khoăn thấy nước Sở quân nhiều tướng lắm, nước Ngô không ai làm tướng soái nên mới thở dài chứ gì ạ?

Ngô vương thành thật đáp:

– Biết lòng ta, không ai bằng ái khanh! Ngũ Tử Tư mừng thầm trong bụng, nói:

– Thần xin tiến cử một người, có thể làm thống soái, đánh nước Sở có thể bảo đảm toàn thắng!

Hạp Lư nghe nói thế, mừng như mở cờ trong bụng. Kỳ thực, ngay lúc giành lấy ngôi báu, Ngô vương đã có ý nhòm ngó giang sơn tươi đẹp của nước Sở. Phía tây ra oai với nước Sở hùng mạnh, phía nam thôn tính nước Việt yếu đuối, tung quân chinh phạt mạn bắc, tranh bá với chư hầu trung nguyên. Đánh nước Sở là nền tảng để tranh quyền bá chủ chư hầu, không phải chỉ riêng có trả thù rửa hận cho một mình Ngũ Tử Tư, vì Hạp Lư là một ông vua có chí lớn, một ông vua có thể làm nên và có triển vọng. Bây giờ đã có người đem quân đi đánh nước Sở, đương nhiên Hạp Lư không mong muốn gì hơn, nói:

– Tướng quân không phải vì nôn nóng muốn báo thù, nước Ngô đã có người tài làm tướng soái, quả nhân làm gì chẳng biết!

Ngũ Tử Tư cười hì hì nói:

– Sông núi nước Ngô hun đúc nên vẻ đẹp; nhân kiệt địa linh, người tài giỏi đời nọ nối đời kia, sao lại có thể không có người tài làm tướng soái?

– Nói như thế, hẳn là ái khanh lại mới kết thân được một bậc anh tài trong thiên hạ – Hạp Lư sốt sắng hỏi – nhưng không biết người ấy có khoẻ được bằng Chuyên Chư, có mưu trí được bằng Yếu Ly?

Ngũ Tử Tư lại cười hì hì, nói:

– Tâu đại vương, người em kết nghĩa Chuyên Chư, ông bạn mới Yếu Ly của thần, tuy đưa được người ta đến chỗ chết, nhưng cuối cùng phải bỏ mạng mình, có gì mà đáng nói ạ!

Hạp Lư khẽ gật đầu. Thật vậy, nói cho cùng, hai người chẳng qua chỉ là thích khách, liều thân mình, để đổi lấy mạng người khác, người như thế khó có thể gánh vác được việc lớn, càng không đủ để xưng là anh tài…

– Anh tài tướng quân định tiến cử tên họ là gì, người ở đâu?

– Hạp Lư hỏi:

– Họ Tôn tên Vũ, ẩn dật ở vùng sâu Khung Long – Ngũ Tử Tư đáp.

– Người ấy rốt cuộc có tài cán gì? – Hạp Lư hỏi dồn.

Ngũ Tử Tư chậm rãi trả lời:

– Nếu nói về văn có thể an bang; bàn về võ, có thể định quốc; rất xứng đáng làm rường cột. Nếu minh công có được người này, chẳng khác gì Chu Vũ vương có được Khương Thượng, Thương Thang được Y Doãn, Tề Hoàn Công có Quản Trọng, đừng nói chỉ có đánh nước Sở để xưng bá, ngay như muốn mở mang xuống Cửu Châu, thôn tính các nước, cũng chẳng phải là việc khó.

– Ái chà chà! – Hạp Lư mừng ra nét mặt – vậy xin hỏi ái khanh, vị anh tài chọc trời khuấy nước ấy, phải chăng là người nước Ngô ta.

– Dạ chính là người nước Ngô – Để Ngô vương khỏi sinh nghi kỵ, Ngũ Tử Tư đã cố ý bảo Tôn Vũ là người nước Ngô.

– Nước Ngô đã có được một bậc đại tài như thế, tại sao quả nhân lại không hề biết nhỉ? – Hạp Lư vừa nghi ngờ vừa nuối tiếc hỏi.

Câu hỏi của Ngô vương rất chi là có lý – Tôn Vũ đến nước Ngô, ở ẩn tại một vùng rất sâu, người đời không hề biết.

Ngũ Tử Tư giải thích rằng:

– Tôn Vũ vốn rất lạnh nhạt với danh lợi, ở ẩn sâu trong rừng núi, ít lộ mặt ra, lấy “binh pháp” là nghiệp, đại vương làm sao mà thấy được.

Nhắc đến hai chữ “binh pháp”, Hạp Lư bỗng phấn chấn tinh thần, giương tròn hai mắt lên hỏi:

– “Binh pháp”? Cái gì là “binh pháp”? Ngũ Tử Tư đáp:

– Tôn Vũ tự viết ra mười ba bài “binh pháp”, một là “kế biên”, hai là “tác chiến biên”, ba là “mưu công biên”; bốn là “hình biên”; năm là “thế biên”, sáu là “hư thực biên”, bảy là “quân tranh biên”, tám là “cửu biến biên”, chín là “hành quân biên”; mười là “địa hình biên”, mười một là “cửu địa biên”; mười hai là “hoả công biên”; mười ba là “dụng gián biên”... – Ngũ Tử Tư còn giới thiệu cụ thể cốt lõi và tư tưởng trọng tâm, nội dung chính của mỗi bài và đọc làu làu hàng loạt những nguyên tắc quân sự, chẳng hạn “chiến tranh là việc lớn của đất nước, nó quan hệ đến sống chết mất còn, là thứ không thể không nghiên cứu khảo sát kỹ” hoặc “trăm trận trăm thắng, chưa phải là giỏi trong người giỏi, không đánh mà khiến quân địch khuất phục, mới là giỏi trong những người giỏi” hoặc “biết người biết ta, trăm trận không thua” ...

Nghe những lời giới thiệu của Ngũ Tử Tư, Hạp Lư hết lời khen ngợi, luôn mồm kêu là tuyệt, chỉ muốn ngay lập tức được gặp mặt Tôn Vũ, để cùng bàn kế đem quân đánh nước Sở, bèn khẩn khoản:

– Thôi tướng quân hãy chịu khó vất vả một chuyến, thay mặt quả nhân, đến tận Khung Long, mời vị cao hiền ấy ra khỏi núi.

Ngữ Tử Tư nói:

– Người này vốn xem thường quan tước, không phải hạng tầm thường, phải lấy lễ nghi mà mời, mới có thể thuyết phục nổi.

– Cái đó tuỳ khanh, sửa lễ hậu để đón người hiền – Hạp Lư tỏ ra rất khảng khái và phóng khoáng.

Ngũ Tử Tư lại nói:

– Lần này đi, nếu mời được Tôn Vũ, việc đem quân đánh nước Sở sẽ…

– Xin tướng quân hãy yên tâm – Hạp Lư ngắt ngang lời Ngũ Tử Tư.

– Miễn là đón được bậc cao hiền đó về, quả nhân nhất định dùng làm đại tướng, đem quân đánh nước Sở, để báo thù rửa hận cho tướng quân!

Ngô vương cho người chuẩn bị mang theo mười dật vàng, một đôi bạch bích, ngoài ra còn sửa tám thứ đại lễ, viết một lá thư chào, trao cho Ngũ Tử Tư luôn mang theo bên mình. Ngũ Tử Tư dùng xe tứ mã đi đến Khung Long mời Tôn Vũ.

Tôn Vũ đã ẩn dật nơi rừng sâu núi thẳm thế, Ngũ Tử Tư làm sao có thể quen biết được?

Đó là chuyện khi Ngũ Tử Tư mới đến Mai Lý kinh đô nước Ngô, vốn định trước hết bái yết Cơ Quang, nhưng vừa hay lúc đó Cơ Quang lại đang đi chơi xa ở phía nam, Ngũ Tử Tư không một xu dính túi, cùng với công tử Thắng không biết

dựa vào đâu mà sống, đành phải lang thang khắp phố phường thổi sáo kiếm tiền, không ngờ tiếng tiêu sầu ai oán làm xúc động Ngô vương Liêu. Vương Liêu cho vời gặp, phong làm thượng đại phu, bày tỏ sẽ giúp Ngũ Tử Tư trả mối thù cả nhà bị giết hại. Cơ Quang từ phía Nam quay về, nghe nói Ngũ Tử Tư đã được Vương Liêu trọng dụng, trong lòng không yên, liền khéo dùng kế ly gián, qua nhiều phen vất vả quanh co, Ngô vương Liêu cuối cùng đã lánh xa Ngũ Tử Tư, không bàn đến chuyện đánh nước Sở nữa. Ngũ Tử Tư là người rất biết điều, từ luôn chức thượng đại phu, cùng với công tử Thắng về cày cấy ở Dương Sơn.

Dương Sơn ở phía bắc núi Khung Long, là một quả núi to thứ nhì ở bờ đông Thái Hồ chỉ sau có Khung Long, thế núi rất hiểm trở, mười lăm ngọn cao vút chọc trời, ngọn nào cũng mang đặc điểm của mình, cao nhất là đỉnh Tiễn Khuyết, núi cao rừng rậm, trúc mọc um tùm, là nơi rồng cuốn hổ nằm. Trời cuối thu, một mình Ngũ Tử Tư, gùi bình nước trên lưng với một ít lương khô, đi lang thang khắp nơi, cho khuây khoả bớt niềm khắc khoải trong lòng. Bỗng một hôm đi đến núi Khung Long, ông chém gai góc, xua sói lang, trèo đèo lội suối đi giữa rừng sâu núi thẳm không nhằm một mục đích nào hết, tiếng gà gáy chó sủa đã đưa ông đến một vùng vách đá bao quanh ở tận xó rừng, đến một gia đình sống riêng rẽ một mình ở đó, chính là hàn xá của Tôn Vũ đang ở ẩn. Lúc ấy, Tôn Vũ đang đọc “binh pháp” làm công việc chuẩn bị trước khi đi vào sửa chữa, đầu giường cuối giường, đâu cũng thấy đầy dẫy những thẻ tre ghi chép. Bỗng thấy có người lạ bước vào, Tôn Vũ định thu dọn lại và trốn đi, song không kịp nữa. Ngũ Tử Tư với Tôn Vũ, tuy mới gặp nhau lần đầu, nhưng hai người đã mến mộ nhau từ lâu, vừa

gặp nhau, họ cứ như rơm khô gặp lửa, quấn quít lấy nhau chuyện dứt không ra.

Ba ngày đêm liền, họ bàn bạc đến việc lớn trong thiên hạ, bàn về binh thư, về sách lược chiến đấu, kể lể về cảnh ngộ của mỗi người. Khi Ngũ Tử Tư kể đến chuyện hơn ba trăm con người trong nhà mình bị tên hôn quân chém sạch giết hết, Tôn Vũ cũng buồn lây và nước mắt chảy mãi không thôi, đồng thời cũng bày tỏ sẽ giúp Ngũ Tử Tư trả thù rửa hận. Một đôi anh hùng hào kiệt, tuy không cùng sinh một ngày, lớn không cùng một nơi, không uống chung một dòng nước, nhưng vừa gặp nhau đã như quen biết từ lâu, dần thành tình bạn chân thành, chuyện trò với nhau hết sức tâm đắc, phối hợp nhau rất nhịp nhàng, tôn trọng lẫn nhau, thông cảm với nhau. Mười ba bài "binh pháp" của Tôn Vũ, chính đã được Ngũ Tử Tư đọc trong dịp ấy và đã nhớ mãi trong lòng.

Ngũ Tư Tư đến trước sân nhà Tôn Vũ nhưng hôm ấy Tôn Vũ lại không ở nhà. Điền Thục Hiền biết Ngũ Tử Tư là bạn chí thân của chồng mình nên không dấu giếm gì, đã thổ lộ hết chân tình. Nguyên là qua một thời gian dài đi thăm thú các nơi ở miền Nam, Tôn Vũ đã làm quen được khá nhiều bạn chân thành, ông không thể ở ẩn được nữa, thường ngày luôn có bạn bè đến nhà. Đương nhiên, những người bạn này đều không biết tên thật của Tôn Vũ, lại càng không hiểu thân phận và lai lịch của ông, chỉ biết đấy là một anh chàng ở tận trong rừng sâu chuyên đi hái thuốc, đốn củi và săn bắn. Đã thường có bạn đến chơi, công việc sửa chữa "binh pháp" không sao tiến hành được, một là lo bị quấy rầy, hai là sợ sẽ lộ nguồn gốc của mình ra, thế là sau khi được vợ

đồng ý, Tôn Vũ mang theo một người hầu, lẩn vào ở trên một hòn đảo nhỏ giữa hồ Tây Yêm, vừa chăm vườn làm ruộng vừa sửa chữa "binh pháp". (Người đời sau kỷ niệm nơi Tôn Vũ đã từng ở đảo này để sửa chữa "binh pháp" nên đã xây ở đây ngôi miếu gọi là miếu Tôn Vũ, bốn mùa hương khói, hòn đảo nhỏ này cũng vì thế mang tên Vũ Miếu đôn).

Sau khi chia tay Điền Thục Hiền, Ngũ Tử Tư liền đến hồ Tây Yêm và đi thẳng đến giữa đảo, nghe ngóng bốn bề. Nghe thấy tiếng gọi của Ngũ Tử Tư, Tôn Vũ nâng phên giậu lên đón tiếp, bạn bè thân lâu ngày gặp lại, mừng rỡ và nhiệt tình cứ như có lửa đốt. Sau khi hàn huyên với nhau, Tôn Vũ hỏi:

– Hiền đệ bận hàng trăm việc trong triều, nay hạ cố đến hàn xá, chẳng hay có chuyện chi dạy bảo.

Ngũ Tử Tư thấy hỏi vậy liền đáp:

– Ngô vương từ lâu đã mộ tiếng tăm của nhân huynh như sét đánh bên tai, ngặt một nỗi việc nước bận rộn mà không có thuật phân thân, nên đành sai Ngũ Viên tôi thay mặt đến đây xin mời huynh ra giúp đỡ một tay.

Tôn Vũ lắc đầu cười bảo:

– Tôi ở nơi xó rừng Khung Long này lâu rồi, lại dời đến hòn đảo quạnh hiu giữa trời nước, cách biệt với đời, Ngô vương làm sao biết được Tôn Vũ quê mùa này? Chắc lại có hiền đệ tiến cử thôi chứ gì?

Biết Tôn Vũ không ưa quanh co rắc rối, Ngũ Tử Tư bèn nói thẳng ra:

– Đúng là Ngũ Viên này tiến cử, song Ngô vương rất thành tâm mời gọi.

Tôn Vũ lại lắc đầu lần nữa nói:

– Đành rằng thế, nhưng lâu nay tôi đã không thiết gì đến công danh lợi lộc, nên mới đến Khung Long hái thuốc, ra đảo vắng cấy trồng, tuy nhờ hiền đệ có lòng tốt tiến cử, song việc này quả thực là không thể nghe theo được!

– Nhân huynh hà tất quá câu nệ như vậy – Ngũ Tử Tư nói đầy vẻ xúc động – đại trượng phu đã có tài trải đời cứu dân, sao có thể để mai một giữa lau sậy, vẫn cứ mong ông anh đừng phụ lòng tốt của Ngô vương, hãy ra khỏi đây ngay.

Tình cảm xúc động và hiên ngang đó của Ngũ Tử Tư chẳng lay động được Tôn Vũ chút nào, ông vẫn tỏ ra thản nhiên như không, nói:

– Hiền đệ đã là một ông tướng, hẳn biết công việc của nhà binh, chẳng chết cũng sầy da sứt thịt, ta đã quen với cuộc sống an nhàn, xa lánh thế gian, vừa chẳng hám gì tiếng tăm, lại không mong gì lợi lộc, càng không muốn dính vào chuyện chinh chiến trên đời… Ngô vương có thể tìm người khác sáng suốt hơn, ta vẫn không thể thuận theo lời được!

Những câu trả lời của Tôn Vũ khác nào như một chậu nước lạnh giội suốt từ đầu đến chân Ngũ Tử Tư, dập tắt hết nhiệt

tình trong lòng ông, giội đến nỗi lòng ông lạnh giá đi, ông đã hết lời nài nỉ, không còn một lý do nào tốt hơn để thuyết phục Tôn Vũ nữa đành khẩn khoản một câu:

– Dù thế nào cũng mong nhân huynh hãy ra khỏi đây.

– Ta dứt khoát không thể nào nghe theo được – Tôn Vũ trả lời rất ngắn gọn, tựa hồ như ăn miếng trả miếng, tình bạn ngày nào không còn tồn tại nữa.

"Quả thực không thể nghe theo", "Vẫn không thể nghe theo", "dứt khoát không thể nghe theo", ba câu trả lời như ba trái núi đè cho Ngũ Tử Tư thấy ngạt thở. Làm thế nào bây giờ? Tôn Vũ không ra khỏi núi, Ngô vương sẽ chẳng đem quân đi đánh Sở, mình cũng chẳng trả được mối thù cả nhà hơn ba trăm người bị giết hại, hơn nữa trung thần lương tướng của nước Sở còn tiếp tục phải chết dưới bàn tay gian tặc của hôn quân, trăm họ nước Sở sẽ mãi mãi sống trong cảnh nước sôi lửa bỏng…

Ông nghĩ mãi, nghĩ mãi, bất giác nước mắt trào ra tuôn chảy ròng ròng rồi quì thụp ngay xuống bên chân Tôn Vũ khóc rống lên, vừa khóc vừa kể lể, vừa khóc vừa nguyền rủa. Ông khóc thiên hạ sao còn chưa sáng ra, ngày không rạng, trăng u mờ. Ông khóc cha mẹ không có con hiếu, đất nước không có trung thần, muôn dân không có cứu tinh. Ông khóc cuộc đời tối đen, không thấy mặt trời mặt trăng, chẳng nhìn thấy sao sáng, cứ mông lung vô cùng, sông suối vô tình chảy, đời đầy nỗi bất công, chẳng thấy đâu là nhân nghĩa, không tìm đâu ra sự chân thành… Cứ như thế, Ngũ Tử Tư khóc mãi, nguyền rủa mãi, tưởng như khóc cho mây sụp xuống, cho

gió thét gào, cho nước sông hồ cũng phải rên xiết nổi sóng cao, khóc đến nỗi trái tim Tôn Vũ như trong lửa cháy dầu sôi, gan ruột như tan nát. Cuối cùng Tôn Vũ cúi xuống đỡ Ngũ Tử Tư dậy:

– Hiền đệ hãy đứng lên, anh em ta sẽ bàn thêm.



Ngô vương Hạp Lư

CHƯƠNG XV

CHÀO NHAU XUỐNG NÚI LUYỆN QUÂN CHÉM CƠ

Trên vừa kể, Tôn Vũ khăng khăng không chịu ra khỏi nơi rừng núi, Ngũ Tử Tư liền quỳ dưới chân Tôn Vũ, bật khóc thảm thiết. Khóc đến nỗi trời sầu đất thảm, đến mức Tôn Vũ cầm lòng không đậu, cúi xuống dìu Ngũ Tử Tư đứng dậy, gượng gạo thể theo lời van nài của Tử Tư. Thế nhưng Tôn Vũ có ra khỏi núi cũng phải có điều kiện, tức là chỉ giúp Ngô vương xưng bá một thời, chứ không thể giúp trọn vẹn để ông ta thôn tính các nước mà lấy thiên hạ. Với con mắt của Tôn Vũ, Hạp Lư dù có hơn cả chục lần Vương Liêu thì cũng chưa phải là một ông vua như Nghiêu như Thuấn, mà theo đà hùng mạnh của thế lực đất nước, với sự nâng cao và mở rộng uy danh, rồi tất sẽ đi đến chỗ kiêu sa ngang ngược, bá đạo hung hăng. Đúng như người ta nói, làm bạn với vua như chơi với hổ, người khôn chẳng ai làm. Sự phát triển của lịch sử đã chứng minh rằng dự đoán đó của Tôn Vũ là vô cùng chính xác.

Kỳ thực, đâu chỉ có một mình Hạp Lư, vua chúa phong kiến thời ấy chẳng ai là không thế, chỉ có điều mức độ có khác nhau chút ít mà thôi. Được gọi bằng những mỹ từ "khuôn vàng thước ngọc", "dòng dõi con trời" chính là những danh từ nhân xưng của sự ngang ngược bá đạo. Khi còn đi đánh đông dẹp bắc để cướp chính quyền, họ có thể coi dân như nước lửa, quần thần như chân tay, chẳng những nói nhiều đến nhân nghĩa, trọng vọng người hiền, nhìn nhận tới kẻ sĩ,

nhưng khi đã ngồi vào ngai vàng, ngôi báu rồi, nắm quyền sinh quyền sát trong tay, thì thử hỏi được mấy người chẳng coi dân như cỏ rác, coi quần thần như một lũ dân đen? Cũng có những bậc quân vương thực sự được coi là thiên tài, họ đã nói biết bao lời mỹ miều mang tính triết lý, thậm chí tự tạo nên một trường phái, dần dần thành lý luận. Phải nói rằng, những lời lẽ đó hết sức kín kẽ, không ai bắt bẻ vào đâu được, hơn nữa lại toàn là những câu lấy ra để dậy người, để trăm họ phải làm theo, còn bản thân họ lại không hề bị ràng buộc bởi những lời nói đó, làm theo những lời hào nhoáng tốt đẹp đó, mà mặc sức làm càn, muốn sao được vậy, thường là đi ngược lại những lời lẽ đó. Thực ra, đâu há chỉ có mình vua chúa như thế, mà kẻ nào cũng vậy, hễ hơi có một chút quyền thế, là đều như thế cả, họ coi phạm vi thế lực của mình, khu vực quản hạt của mình là của riêng, dân chúng ở đấy là kẻ hầu người hạ, đất đai, của cải ở đấy là tài sản riêng của mình, để họ tuỳ ý cắt đặt, sai khiến, vơ vét. Với cấp trên, họ luồn cúi bợ đỡ, tâng bốc nịnh nọt để lấy lòng, với cấp dưới, họ tỏ ra độc tài chuyên chế, vơ vét bóp nặn.

Đối với những kẻ tung hoành ngang dọc, hễ có lợi cho mình, thì họ tôn quý kính trọng, thậm chí đến quỳ ngay dưới gối, gọi bằng ông, bằng cha… tất cả đều không có gì mà không được; hễ không có lợi cho mình hoặc có nhờ vả gì mình, thì họ kiêu căng vênh váo dù có là mẹ cha đẻ ra mình, họ cũng trở mặt không nhận họ nhận hàng. Tôn Vũ ra khỏi rừng núi lần này, tuy làm việc cho Ngô Vương, song cũng là góp sức với Ngũ Tử Tư, vì ông luôn nghĩ đến một con người trung lương như Ngũ Tử Tư, lại phải chịu nỗi oan thâm hại thế, để đến nỗi có nhà mà chẳng được về, có nước mà không có chỗ theo, không nỡ đang tâm đứng nhìn không ra tay, hơn nữa

trước đây lại đã từng hứa hẹn với nhau, không thể nuốt lời, đồng thời cũng là để cứu các bậc thần dân trung lương ra khỏi cơn nguy hiểm, để cho sau này họ được thờ một đấng minh quân. Đương nhiên, Tôn Vũ ra khỏi núi lần này còn có mục đích quan trọng hơn nữa, đó là đưa mười ba bài "binh pháp" vào thực tiễn, trong thực tiễn sẽ bổ sung đầy đủ hơn, sửa chữa cho hoàn thiện hơn. Mục đích này chỉ có một mình Tôn Vũ tự biết trong lòng, không thể nói cho ai được.

Ngũ Tử Tư không còn lời nào nói thêm nữa, đành vâng vâng dạ dạ nghe theo. Vì trước đã có lời, sau này Tôn Vũ thống soái quân Ngô, phía tây đánh tan nước Sở hùng mạnh, oai phong lừng lẫy khắp trung nguyên, ở đến khi Hạp Lư trở nên ngang ngược, sẽ thẳng thắn từ quan về nơi rừng núi, mặc cho Hạp Lư có phong cho quan cao tước trọng, cũng chẳng giải quyết được gì và Ngũ Tử Tư cũng hết dám hé răng ra nài giữ.

Hai bên thoả thuận với nhau như thế, lập tức thu dọn hành lý, đi thuyền nhỏ về Khung Long để người hầu ở lại lo bán lại ngôi nhà tranh. Về đến nhà, Tôn Vũ sai sửa tiệc rượu, để khoản đãi bạn thân Ngũ Tử Tư. Ngũ Tử Tư lấy lá thư gửi lễ vẫn mang theo bên mình ra, sai quân theo hầu lấy những quà tặng và lễ vật bày ra.

Tôn Vũ không hề khiêm nhượng, cứ chiếu theo những thứ đã ghi trong thư nhận hết, một phần để lại cho vợ con sinh sống, một phần bảo vợ đem cho tất cả bạn bè mới quen biết ở đây. Sau khi cơm no rượu say, Tôn Vũ sắp xếp để Ngũ Tử Tư đi ngủ sớm, còn mình thức chuyện trò chia tay với vợ con và sắp đặt qua công việc gia đình.

Đêm yên lặng quá, nhưng cõi lòng Tôn Vũ và Điền Thục Hiền lại chẳng yên lặng chút nào, có cái gì như đang lận lội giữa núi cao vực thẳm, có cái gì như đang tròng trành trên sóng to gió lớn. Mỗi người đều ở một thể mâu thuẫn, vợ chồng Tôn Vũ lúc này cũng không ngoại lệ. Điền Thục Hiền chẳng hám gì quyền thế và sự sang giàu của một vị tướng, chỉ kính trọng nhà chồng mấy đời có công với nước, làm ơn cho dân; chẳng thích gì vẻ bảnh bao lịch lãm của Tôn Vũ mà là yêu vẻ thông minh tài trí, yêu cái chí lớn hiếm thấy, với khí độ khác thường của con người ấy. Để người mình hằng yêu dấu viết được binh pháp, nàng đã từng ủng hộ chàng đi chu du khắp nơi trong chín châu để khảo sát chiến trường xưa, rồi hoãn cưới hết lần này đến lần khác, đương nhiên còn vì muốn sau này chàng có thành nghiệp lớn. Vậy mà bố chồng gặp nạn, cả nhà lo lắng không yên; nỗi khổ của mấy tháng trời lận đận, đã khiến nàng mất hết mọi ý định theo đuổi sự nghiệp và công danh của chồng, yên phận với cuộc sống thanh bần vô vi như hiện nay. Thế nhưng người ta sinh ra đời nhất là đấng nam nhi, đại trượng phu, lẽ nào lại chịu sống lén lút cẩu thả như chuột ở trong hang vậy sao? Ai ai cũng sống ẩn dật như thế, tài trí kia phỏng có ích gì? Kẻ tầm thường với người vĩ đại chẳng hoá ra lại đứng ngang hàng với nhau hay sao? Lẽ đời trớ trêu này sẽ phát triển đến đâu? Trong lòng nàng lúc này bắt đầu dậy sóng.

Tôn Vũ lẽ nào lại không như thế, xem ra trái tim của chàng lúc này cũng giống như Thái Hồ trong tiết tháng ba, sóng yên gió lặng, mặt nước lăn tăn. Ngày ngày nghêu ngao câu hát ra khỏi nhà để cấy trồng, chăn nuôi, hái củi, kiếm thuốc, buông câu, quay về nhà cùng ăn uống quây quần với vợ con,

hay hẹn bạn đến nếp nhà tranh này uống rượu nói chuyện phiếm, hoặc vui đùa. Trên thực tế, chẳng qua là chỉ dùng những thứ ấy để che giấu đi nỗi đau khổ, phiền não và lo lắng ở trong lòng mà thôi, còn trong lòng Tôn Vũ luôn luôn như mặt Thái Hồ khi gió bão ập đến, gió bấc thét gào, sóng cồn mù trời lớp nọ nối lớp kia, không một thoáng được êm đềm lặng lẽ. Tại sao Tôn Vũ cứ thường xuyên đội mưa đội gió ra hồ, chèo thuyền đi ngược gió, ngồi vắt vẻo trên mon cao để buông câu, chẳng lẽ lại chỉ để cho đỡ thèm, cho sướng miệng thôi sao? Không! Một trăm lần không! Mà đó là biểu hiện của nỗi lòng không bao giờ yên lặng. Ngồi trên tảng đá, mặc cho cuồng phong xâu xé, cho mưa gió giội dầm, sấm rền bên tai... lim dim đôi mắt nhìn đăm đăm ra mặt hồ, sóng xô lớp lớp, nhìn chim ưng trải cánh với hải âu giỡn sóng, nhìn cánh buồn xa xăm... Tôn Vũ đang nghĩ đến những gì? Hẳn là đang nghĩ đến sự bao dung của Thái Hồ, đến khí phách của từng con sóng, đến sự gan dạ của loài chim, đến sự dũng cảm của dân chài, nghĩ đến sự hẹp hòi, khiếp nhược, thấp hèn và thái độ bỏ dở giữa chừng của mình, thấy hai thứ đó đang thách thức nhau, đang tranh đấu, đang vật lộn và xung đột với nhau...

Ban ngày, Tôn Vũ nói đến chuyện không màng công danh lợi lộc, không muốn dính vào chuyện đánh giết nhau trên đời, không phải là những lời giả dối, qua đó tìm lý do và duyên cớ để không ra khỏi đây, thà là một thứ cặn bã nổi lên từ nơi sâu thẳm của cõi lòng, những thứ cặn bã đó thường bị những lớp sóng xô mạnh mẽ nhấn chìm, nuốt chửng đi. Nhưng lúc này thì không, đêm thanh cảnh vắng, muôn vật chìm trong tĩnh mịch... trong phòng Tôn Vũ vẫn leo lét một ngọn đèn vàng vọt, giữa chốn rừng sâu núi thẳm thế này,

một ngọn đèn dầu thế thôi cũng tỏ ra rất sáng và đủ thu hút con người. Dưới ánh đèn ấy Điền Thục Hiền đang vừa sắp xếp hành trang quần áo cho chồng để sáng ra là có thể lên đường, vừa rủ rỉ những điều mòn sáo mà vợ chồng thường nói với nhau cả trăm cả ngàn lần, như thể lấy nó để cố níu người đi đừng bao giờ bước ra khỏi cửa. Tôn Vũ nghe, lòng bỗng trào lên từng con sóng để nó đè lấp đi, nuốt phăng đi những điều cặn bã mà trước đó mấy canh giờ mình đã từng để nó còn nổi lên.

Tôn Vũ bảo với vợ rằng, mình đã từng cười cợt lý tưởng chủ nghĩa của nhà nho, nhìn nhận một thứ mong ước tốt đẹp như một điều kiện thực; đã từng coi khinh thái độ tiêu cực yếm thế, xa lánh cuộc đời, thanh tịnh vô vi, thủ tiêu đấu tranh... của đạo gia, và nghĩ rằng nếu ai ai cũng vào rừng ở ẩn, tu luyện thành tiên, thì cái ăn cái mặc ở đâu ra, ai là người nói lên chính nghĩa, cái tà cái ác để ai trừ, xã hội làm sao có thể phát triển lên được? Bởi thế, ông muốn xuất phát từ hiện thực, tổng kết những kinh nghiệm chiến tranh từ xưa đến nay, in dấu chân lên khắp trăm sông ngàn suối, muôn núi vạn đèo, đi khảo sát chiến trường xưa, viết mười ba bài "binh pháp", để chỉ đạo những người có tri thức trong thiên hạ, lấy chiến tranh để xua đuổi tà ác, để tiêu diệt chiến tranh, đẩy xã hội tiến lên phía trước, để thực hiện chủ trương chính trị của Khổng Khâu là "thi hành đạo lớn, coi xã hội là của chung". Cũng có nghĩa muốn nói, nhà binh với nhà nho đều tích cực vào đời, mục đích cuối cùng của họ cũng nhất trí với nhau, đều đi đến chỗ lý tưởng "lấy đức trị bằng nhân chính" và "coi xã hội là của chung", nhưng thủ đoạn; phương pháp, bước đi để thực hiện nó, con đường đi lại khác nhau xa. Nhà nho thì dựa vào thuyết giáo chính trị

về “nhân, nghĩa”, còn nhà binh thì không gì hơn là dựa vào uy lực của chiến tranh. Kỳ thực thì nhà nho cũng chưa bao giờ xa rời thực lực của chiến tranh. Cứ lấy ngay Khổng Khâu mà nói, khử trừ được Dương Hổ, họp liên minh ở Hiệp Cốc, huỷ hoại ba kinh đô, ... đã có những điểm nào xa rời thực lực quân sự đâu?

Muốn lấy quân dùng binh tất sẽ xẩy ra đầu rơi máu chảy và nhất định sẽ phải trả giá, phải hy sinh, làm sao có thể chỉ vì một vấp váp không may của cha mình trên bước đường chính trị, cũng như một chút gập ghềnh trên con đường đi lên của mình mà cúi đầu lui bước, trượt dài vào cái hố bùn lánh đời nhơ bẩn mà mình hằng khinh ghét. Qua bao nỗi vất vả bôn ba bươn chải, mười ba chương của “binh pháp” đã viết xong, hơn nữa sau khi đến nước Ngô, căn cứ vào đặc điểm tình hình sông nước của các nước phía nam, Tôn Vũ đã tiến hành bổ sung, điều chỉnh và sửa chữa. Thế nhưng cái “binh pháp” ấy rốt cuộc ra sao, nó có thể thực hành có hiệu quả để chỉ đạo chiến tranh giành thắng lợi hay không? Tôn Vũ nói với vợ mình: con ngựa hay cần phải để nó tung hoành nơi đồng rộng, nếu cứ nhốt mãi ở trong chuồng thì phỏng có khác chi một con lừa chậm chạp?

Thanh bảo kiếm cần phải được thử vào vật cứng, nếu như cứ để nằm im trong bao thì cho dù có sắc đến mức gọt sắt như đất, thử hỏi có ai biết đến, so với đồng han sắt rỉ, phóng có khác gì nhau? “Binh pháp” không thể để cũ nát đi trong tủ, hay như thứ đồ cổ bày án thư, như viên ngọc quý được nâng niu trên tay, phải được mang ra dùng để chỉ đạo chiến tranh, cứ ẩn dật mãi trong xó rừng thế này, không dính dáng hỏi han gì đến chiến tranh trên thế gian này làm sao

có thể thử thách được nó thực giả ra sao? Còn như nói đến không màng gì đến danh, chẳng hám gì tới lợi lộc không tham lam giàu sang, vinh hoa, vì thế mà cố tình không ra, cũng là quá tự tư tự lợi. Một bậc thánh hiền như Nghiêu – Thuấn, lẽ ra không nên bận lòng vì sở nguyện riêng của mình, mà nên nghĩ đến nỗi yên nguy của toàn thiên hạ, nỗi cơ khổ của muôn dân, ngày mai của toàn xã hội… rồi vì nó phấn đấu hiến dâng. Nói đến đây, Tôn Vũ lại gợi ý cho vợ mình Điền Thục Hiền cùng nhớ lại mấy vị anh hùng thời xưa được người đời sùng kính, chính vì sự có mặt của họ, sự phấn đấu gian khổ và cống hiến vô tư của họ, mới có thế giới bao la của ngày hôm nay, và người ta cũng mới mãi mãi không quên họ, luôn luôn nhớ tới họ và coi họ là tấm gương sáng, thậm chí còn lập đền, tạc tượng bốn mùa thờ phụng họ, truyền tụng đến muôn đời con cháu mai sau.

Khi đất trời còn đang ở thuở hồng hoang, chính Bàn Tổ đã vung rìu lên khai thiên lập địa, mới có cái thế giới này của chúng ta bây giờ, cho nên mọi người mới tôn ông lên hàng tiên tổ, kính trọng gọi là anh hùng. Sau khi Bàn Tổ khai thiên lập địa, trên mặt đất này tuy đã có sông núi cỏ cây, cầm thú tôm cá, nhưng lại chưa có con người. Nữ Oa cảm thấy thế gian này hoang sơ tĩnh mịch, bản thân bà cũng đang hết sức cô đơn, thế nên đã chẳng ngại muôn ngàn gian khó, lấy đất sét nặn ra người. Về sau vũ trụ lại xảy ra một cuộc biến động lớn; trời sập đất lở, tai hoạ lan tràn, loài người sắp tới chỗ bị tiêu diệt, Nữ Oa lại luyện ra đá năm màu để vá trời, cứu loài người khỏi diệt vong. Vì không có Nữ Oa thì cũng chẳng có loài người, cho nên mọi người mới tôn Nữ Oa là mẹ của loài người. Đến thời vua Nghiêu, trên trời có mười mặt trời mọc ra một lúc, thiêu đốt mặt đất, Hậu Nghệ

đã phản thiên đình, bỏ xuống trần gian, giương nỏ thần lên bắn rơi chín mặt trời, mặt đất mới trở lại bình thường, loài người mới được sinh tồn và phát triển.

Nếu như không có hành động anh hùng đó của Hậu Nghệ, chẳng những chỉ riêng loài người, mà các sinh vật khác ở trên mặt đất này đều bị huỷ diệt. Để cứu vãn mọi sinh linh trên mặt đất này, Hậu Nghệ đã đắc tội với trời, mãi mãi không thể về trời để thành thần nữa, đành phải ở lại hạ giới để làm dân, vợ là Hằng Nga vì thế đã phản bội chồng, một gia đình tràn trề hạnh phúc bị phá vỡ. Cho mãi đến già, Hậu Nghệ vẫn sống cô đơn, ấm ức một mình âm thầm mà chết, loài người thì sinh sôi nảy nở đến muôn đời sau. Nghiêu là một ông vua xui xẻo, Nghệ bắn rơi chín mặt trời, mặt đất trở thành bình thường. Thái bình không lâu, trên mặt đất hồng thuỷ lại dâng lên ngút trời, con người trở thành cua thành cá, thú dữ hoành hành, vồ người già ăn thịt trẻ con, yêu ma cũng mặc sức tung hoành, điên cuồng khát máu, thây người chết nằm ngổn ngang khắp đất nước. Tiếng kêu đói rét nhức nhối bên tai, trước mắt đầy những khuôn mặt xanh xao vàng võ… Giữa lúc Hoa Hạ rộng lớn sắp đến ngày chìm đắm, con cháu Viêm Hoàng sắp đến chỗ chết hết cả nòi giống, thì Đại Vũ đã hiên ngang bước ra, mang theo con em của chín châu bôn ba mười ba năm trời, chịu hết trăm cay đắng, ba lần đi ngang qua cửa nhà mà không vào, cuối cùng đã dẹp xong nạn nước, một lần nữa cứu loài người và dân tộc ra khỏi chỗ diệt vong.

– Thôi xin chàng đừng nói nữa! Nếu như không ủng hộ chàng ra khỏi núi đề làm nên nghiệp lớn, thì ai lại thức cả đêm sửa soạn quần áo cho chàng thế này! – Điền Thục Hiền

nũng nịu nói. Nàng cảm thấy như vừa gặp một chuyện rất đau lòng, nên mặt bỗng đỏ bừng lên.

Tôn Vũ cũng nói pha trò:

– Ta đoán nàng cũng không đến nỗi như Hằng Nga bỏ ta mà đi, bay lên cung Quảng hàn – Nói đến đây, Tôn Vũ thấy động lòng thương, ôm xiết vợ vào lòng và ghì thật chặt.

Điền Thục Hiền tựa lưng vào lòng chồng, áp mặt vào má chàng, cà nhẹ lên đó, dịu dàng nói:

– Hằng Nga chỉ có mỗi một khuôn mặt dễ coi, chẳng biết đâu là điều tín nghĩa, vào giờ phút mấu chốt nhất lại phản bội chồng, quả thật rất đỗi xấu xa.

Tôn Vũ vuốt tay lên mái tóc còn vương mùi dầu thơm của vợ mình, nói lời thắm thiết:

– Thế nên sau này ả mới phải biến thành con cóc xấu xí ai cũng khinh ghét, còn Thục Hiền của ta thì gương mặt mãi mãi xinh đẹp, như ngọc như hoa! – Tôn Vũ nói xong, hôn lia lịa lên môi lên má vợ.

Điền Thục Hiền nhắm nghiền đôi mắt lại, sung sướng đón nhận những nụ hôn nóng bỏng của chồng, má nàng áp chặt vào ngực chồng, tựa hồ như lần đầu cảm nhận thấy chồng mình rộng rãi như thế, đôn hậu như thế, nhiệt thành như thế…

Chừng hơn mười dặm đường đúng là cảnh gần nhà xa ngõ. Hạp Lư thường xuyên ở hành cung Linh Nham, rất ít khi ở thành Cô Tô, nhất là vào mùa hạ, núi cao trời trong, ở ngay trong cung cũng có thể đứng tựa lan can phóng tầm mắt ra mặt Thái Hồ như gương, lại càng thấy mát mẻ. Theo lệnh Ngô vương, Ngũ Tử Tư đi mời Tôn Vũ, xuất phát từ thành Cô Tô, ngồi xe tứ mã tới đây đi hơn ba mươi dặm đường, phía trước đường núi gập ghềnh, xe đi rất vất vả, nên chuyển sang cưỡi ngựa. Lại đi thêm một chặng nữa đành bỏ yên ngựa xuống đất mà leo, lấy chân thay xe. Nay nếu Hạp Lư có tiếp kiến Tôn Vũ ở hành cung Linh Nham, hai núi cách nhau chẳng qua chỉ mươi dặm đường, lại thuận gió và xuôi dốc, chỉ cần một khắc giờ là đã đến trước núi Linh Nham.

Ngước nhìn lên thấy tinh kỳ phấp phới, kẻ dẹp đường nườm nượp, trống nhạc vang lừng, người nội thị đi đầu cầm trong tay một cây tiết trượng bước lên phía trước vái dài một lễ nói:

– Phụng mệnh Ngô vương, xin được đón Tôn hiền sĩ vào cung.

– Nói xong người này quay mình lại đi lên trước dẫn đường, Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ song song hai ngựa cùng lên núi, đến ngoài cửa cung thì xuống ngựa, nội thị vào cung trước để nộp chỉ. Hạp Lư nghe báo, vội vàng đứng dậy, ra hẳn bên ngoài điện, xuống dưới bệ để đón tiếp – vua của một nước, ngoại trừ phải đón tiếp những bậc trên mình, còn thông thường không bao giờ rời bệ ngọc. Hạp Lư chăm chú nhìn xuống dưới bệ, thấy người mới đến chỉ khoảng ngoài ba mươi tuổi, mình cao hơn tám thước, vai hổ lưng gấu, quần

rộng áo dài, tuy ăn mặc theo kiểu quê mùa nhưng bước đi lại rất đàng hoàng dõng dạc, nghiễm nhiên có phong độ của một ẩn sĩ. Ấn tượng đầu tiên của Hạp Lư về Tôn Vũ rất tốt đẹp, trước hết bỗng nảy sinh lòng kính nể, vội bước lên trước nói thay câu chào:

– Quả nhân ngưỡng mộ tiên sinh đã lâu, hôm nay mới được gặp mặt, quả nhiên tướng mạo đường đường, khí độ phi phàm. Ha! Ha! Ha!

Tôn Vũ vội bước lên đáp lễ:

– Tôn Vũ này vốn người hèn mọn nơi rừng núi, bận cho bệ hạ phải xuống bệ ngọc đón tiếp, quả thực đáng sợ đáng lo ạ!

Ngô vương vào trong điện cho bày tiệc rượu để khoản đãi Tôn Vũ. Rượu được ba tuần, thức ăn mấy món rồi, Hạp Lư thấy hể hả trong lòng nhún mình nói:

– Từ sau ngày lên ngôi báu, quả nhân đêm đêm ao ước muốn nắm bá quyền ở Trung Nguyên nên đã cho tìm đông đảo những bậc kẻ sĩ hiền minh. Từ chỗ Ngũ ái khanh được biết tiên sinh là bậc cao hiền, bởi vậy đã đặc biệt cho mời tiên sinh tới đây giúp quả nhân trị vì đất nước.

Tôn Vũ đứng dậy cúi mình vái một vái dài nói:

– Tôn Vũ này chỉ là một gã tiều phu đốn gỗ, làm gì có tài trị vì đất nước!

Hạp Lư xua tay nói:

– Hà tất phải quá khiêm tốn như thế! Ngũ ái khanh đã nói với quả nhân về mười ba bài “binh pháp” mà tiên sinh đã viết, thật là những lời vàng ngọc, đúng là một tác phẩm thâu tóm trời đất…

Tôn Vũ vẫn khiêm tốn:

– Đại vương quá khen! Tôn Vũ tôi chỉ nghĩ rằng, việc quân sự là việc lớn của một đất nước, nó quan hệ đến sống chết mất còn của đất nước ấy, không thể không xem xét, cho nên mới bắt tay vào nghiên cứu từ những cuộc chiến tranh các nước xảy ra trong lịch sử, từ đó thâu tóm lại những quy luật phổ biến chung của chiến tranh. Kỳ thực nếu bỏ hết sức lực Tôn Vũ này ra, cũng khó có thể tìm đến cùng sự tinh tuý và thần bí của nó, chỉ mong rằng con cháu đời sau sẽ tiếp tục đi sâu nghiên cứu thêm. Đó chỉ là những điều nhập môn gợi mở, đâu dám nhận quàng là “lời bàn vàng đá”, là “thâu tóm trời đất” ạ!

Ngũ Tử Tư nói xen vào:

– Đại vương hết sức trân trọng và ca ngợi binh pháp mà tiên sinh đã viết, muốn để tiên sinh nghỉ ngơi mấy hôm cho khoẻ, xong rồi mời tiên sinh hãy giảng giải cho đại vương về thuật binh pháp.

Tôn Vũ vui vẻ nhận lời, khi tàn bữa tiệc, đã đưa tặng Ngô vương một bản chép tay của cuốn “binh pháp”, gọi là chút quà nhân gặp mặt.

Từ đó, Ngô vương cặm cụi dùi mài chăm chú đọc mười ba bài "binh pháp", vừa đọc vừa khen, vừa đọc vừa tấm tắc, vừa đọc vừa ngợi ca, tựa hồ như người đang nhấm nháp thứ rượu ngon nhất, vừa thơm vừa dịu, khiến người ta càng uống càng thèm, uống không thấy chán, lâng lâng như lạc đến cõi tiên; tựa hồ như người được nếm thứ thức ăn ngon nhất, ngửi thì thơm, ăn thì đậm, ngẫm thì thấy ngon thấy thèm, càng ăn càng thấy dư vị đậm đà. Đây quả thật là một cuốn binh thư từ trước đến nay chưa nghe thấy nói đến, chưa từng nhìn thấy bao giờ, không ngờ được rằng nước Ngô này lại có được một bậc kỳ tài như Tôn Vũ. Có người này phò tá bên mình, thì lo gì ta chẳng xưng bá được trong chư hầu, thôn tính các nước, hùng bá thiên hạ phỏng có khó gì... Hạp Lư sùng bái Tôn Vũ và phục sát đất, xuống chỉ trong thiên hạ, tất cả mọi người đều phải tôn Tôn Vũ lên làm "Tôn Tử" và gọi mười ba bài "binh pháp" là "Tôn Tử binh pháp".

Mấy hôm sau, nhận lời mời của Ngô vương, Tôn Tử đã ra trước ngự tiền giảng giải về chiến lược chiến thuật, ông suy nghĩ rất mạch lạc, rạch ròi đâu ra đấy, luận chứng đầy đủ và phần lớn lấy những cuộc chiến tranh nổi tiếng trong lịch sử làm căn cứ, nói rõ thật tường tận những nguyên nhân thắng bại của nó. Hạp Lư nghe như ngây như dại, thế nhưng nghe mãi, nghe mãi, đến một lúc bỗng thở ngắn than dài. Tôn Vũ thấy vậy không hiểu tại sao, liền thẳng thắn hỏi:

– Tại sao đại vương lại thở than như vậy? Phải chăng Tôn Vũ tôi nói ra có điều gì chưa phải?

– Đâu có! Đâu có – Hạp Lư lắc đầu, ngắt ngang lời Tôn Vũ – Những điều tiên sinh nói đều hay tuyệt diệu! Quả nhân đáng than thở cho nước Ngô nhỏ binh hèn, e rằng uổng mất đại tài của tiên sinh...

– Không phải thế! – Tôn Tử nói – Nước không kể lớn hay nhỏ, binh lính không ở chỗ ít hay nhiều, mấu chốt là có biết thi hành vương đạo hay không. Nếu đại vương từ đầu đến cuối không quên vương đạo, thì nước nhỏ vẫn có thể thắng nước lớn, quân ít cũng có thể thắng nhiều, trên lịch sử có những cuộc chiến tranh lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh, nhiều không kể hết. Hiện nay nước Ngô ta trai tráng không đủ thì ta có thể dùng nữ binh thay thế chứ sao?

Hạp Lư giật nảy người:

– Cái gì? Đàn bà chân yếu tay mềm cũng có thể vung gươm ra trận? Tiên sinh không nói đùa đấy chứ?

Tôn Tử hết sức bình tĩnh nói:

– Trước mặt bệ hạ, Tôn Vũ tôi đâu dám nói đùa ạ! Nếu đại vương còn chưa tin, xin hãy thử xem, nếu không đúng thế, xin nhận tội khi quân.

Trên đời này, phần lớn người ta bảo loài cáo và sói đa nghi, kỳ thực người mới là giống động vật đa nghi nhất. Hạp Lư một mặt tôn sùng Tôn Vũ hết mực, nhưng mặt khác lại đang nghĩ, xem ra "binh pháp" quả là nói rất có lý, điều nào cũng đâu ra đấy, nhưng Tôn Vũ suy cho cùng chỉ như chim mới ra ràng, chưa hề cầm quân đánh trận, chỉ huy chiến đấu, liệu

có phải chỉ là chuyện đánh giặc trên giấy thôi không? Nhưng Tôn Tử lúc này đã chủ động nêu ra việc lấy lính đàn bà làm thử, thì quả thật là trời cũng chiều lòng, còn có gì tốt bằng. Nghĩ như vậy xong, ông nói:

– Thôi thì theo ý tiên sinh! Trong cung của ta vô khối đàn bà con gái, thử chọn cung nữ xem sao, được chứ?

– Dạ được!

– Không biết cần bao nhiêu người?

– Dạ ba trăm người là đủ ạ!

Hạp Lư gật đầu, ngay sau đó ra lệnh chọn trong cung ba trăm cung nữ trẻ khoẻ ra đợi lệnh.

Muốn rèn luyện cho những cung nữ ăn mặc loè loẹt, sống xa xỉ, quen được chiều chuộng kia thành lính tráng, quả thật khiến ai cũng khó tin. Ngũ Tử Tư ở bên cạnh cứ lo ngay ngáy, nhưng tình thế đến bước không thể cứu vãn được, đành âm thầm lau mồ hôi trán, lo thay cho Tôn Tử.

Tôn Tử thì lại rất rõ trong lòng, quyết tâm của Hạp Lư như thế, lại biểu hiện khẳng khái đàng hoàng như thế, đang nghi ngờ "binh pháp" và tài năng chỉ huy của mình, cũng được thôi, người ta lấy việc này để thử ta, thì ta cũng thử lấy việc này thử lại, xem rốt cuộc người ta tin mình đến mức nào, bèn nói:

– Thưa đại vương! Thao luyện cung nữ tuy là việc làm thử, nhưng cũng phải làm như trong quân đội, trước hết hiệu lệnh phải nghiêm minh, sau đó sẽ thực hành thưởng phạt, không thể chậm trễ lơ mơ. Ngoài ra xin đại vương cử cho một viên quan chấp pháp, một viên quan truyền lệnh, một tay dóng trống, nha tướng, vệ sĩ, đao phủ… mỗi thứ mười người để tăng thêm quân uy.

– Quả nhân sẽ cho làm theo – Hạp Lư vẫn tỏ ra rộng rãi, cần gì được nấy.

Tôn Tử như thể được đằng chân thì lân đằng đầu, lại nêu ra một đòi hỏi mới:

– Ngoài ra, trong ba trăm cung nữ ấy, phải chia ra làm hai đội, bởi thế, cần phải chọn ra hai người có uy tín để làm đội trưởng. Hai người đội trưởng này, một là phải nói được mọi người, hai là phải gương mẫu, không hiểu trong cung có người như vậy không?

– Có. Hạp Lư đáp ngay – Quả nhân muốn chọn hai ái phi ra làm đội trưởng, không hiểu ý tiên sinh ra sao?

Tôn Tử nói:

– Đại vương chịu cử hai cung phi làm đội trưởng, đủ thấy mức độ coi trọng lần luyện quân này của đại vương đến đâu. Có điều bất kể là cung nữ hay cung phi, thần đều coi như nhau, nhất loạt làm theo quy định trong quân ngũ.

Hạp Lư cũng tỏ vẻ đồng tình:

– Mọi việc tuỳ ý tiên sinh!

Hạp Lư lúc này chỉ muốn xem Tôn Tử thao luyện đám lính đàn bà ra sao, nên muốn cái gì thì cho cái nấy, muốn làm sao thì làm. Có điều ông làm sao có thể cho hai người ái phi của mình ra làm đội trưởng kia chứ! Thì ra hai người cung phi mà ông vốn yêu chiều nhất là Hạ phi và Khương phi, cũng gọi là tả cơ và hữu cơ, đã từng phàn nàn, ca cẩm về việc cả ngày bị giam hãm trong cung cấm, không được tự ý đi lại, đến nỗi gần như muốn chết ngạt ở trong cung – Hạp Lư muốn nhân dịp này để họ có dịp ra khỏi cung cấm, để khuây khoả, giải buồn cho thư thái, để thấy cuộc sống bên ngoài. Nếu như thao luyện thành công thật, thì sau này để cho họ ra thao trường làm thử lính huấn luyện nữ binh, như vậy mới thật chắc chắn yên tâm không phải lo chuyện binh quyền rơi vào tay kẻ khác.

Để cho thuận tiện, thời kỳ đầu không huấn luyện ở thao trường mà sẽ luyện tập ở bãi đất trống mới sửa tại vườn hoa phía sau hành cung ở núi Linh Nham, ngoài ra có hai viên quan được cử ra để hộ vệ tuần tra canh gác, không cho người khác tự ý ra vào nơi này. Những thứ cần thiết như khí giới, cờ phướn được lấy của quân đội ra dùng. Cũng may là nội thị và những người đầu sai ở trong cung rất đông, cho nên những việc này được thu xếp rất chóng vánh đâu vào đấy. Hạp Lư cho gọi Hạ phi và Khương phi tới, dặn dò nhắn nhủ hồi lâu. Hai người này, từ sau khi được Hạp Lư yêu, càng ngày càng trở nên ỏng ẹo, ỷ vào cái thế được vua yêu, nay đưa ra đòi hỏi này, mai lại nhắc đến đề nghị khác, khiến người ta tưởng phát bực lên mà chết được. Lúc này nghe nói

bảo họ ra làm đội trưởng, bắt đầu từ ngày mai, tới vườn hoa đằng sau nội cung để huấn luyện nữ binh, sau này có thể ra khỏi cung cấm đi đây đi đó, cho nên hí hửng mừng ra mặt, khoa chân múa tay…

Mọi việc chuẩn bị xong xuôi, ngay hôm sau bắt đầu luyện tập ở vườn hoa. Từ hôm đó, tại vườn hoa ấy ngày nào cũng nổi trống thùng thùng, tiếng hô hét dội lên từng hồi rất là ồn ã. Hạp Lư thỉnh thoảng cũng có ghé xem mấy lần, cảm thấy rất hay. Tôn Tử không tiện ở lại trong cung, nên ngày nào cũng sớm đến tối về, bận tíu tít chẳng ngơi tay chút nào. Tập như thế được chừng một tháng, cung nữ của hai đội đã nắm được bước đi, động tác cơ bản, hai người đối mặt nhau, đã có thể dùng dao dùng thương để đánh lẫn nhau được rồi. Một hôm Tôn Tử bẩm Ngô vương rằng cung nữ đã nắm được trình tự huấn luyện, mời Ngô vương chọn ngày tới xem. Hạp Lư nghe nói thế mừng lắm, liền ban ngay chiếu chỉ: Ngày mai bắt đầu thao diễn ở bãi tập núi Hiệu Trường.

Lại nói ở nơi cách hành cung Linh Nham chừng mười dặm về phía tây nam là núi Khung Long chừng mười dặm, lớn nhỏ có tới bốn năm đỉnh núi, trong đó núi Vọng Vân ở phía tây, chạy theo hướng đông bắc tây nam, núi Hiệu Trường chạy theo hướng tây bắc đông nam, hai mạch núi cắt chéo nhau theo hình chữ T, núi Vọng Vân cao hơn núi Hiệu Trường chừng mươi trượng. Phía nam Hương Sơn, ở bên bờ Thái Hồ lại có một bãi đất bằng, ở đấy gọi là Hiệu Trường lớn. Núi Hiệu Trường chạy theo hướng tây bắc đông nam, trước kia là nơi đỉnh núi nhấp nhô, trùng trùng điệp điệp, để tiện cho việc luyện quân, nhiều chỗ đã được gạt bằng đi, cho đến lúc này, trên núi mới trở nên bằng phẳng, thành

một hình chữ nhật ngang dọc rộng tới vài trăm mẫu, là một nơi rất tốt để luyện quân và đây gọi là Hiệu trường nhỏ, Tôn Tử luyện tập nữ binh, chính là sẽ diễn ra tại đây. Trên núi Vọng Vân ở phía tây bắc núi Hiệu Trường, cung điện nhấp nhô, được xây dựng ven theo sườn núi, đình đài điểm xuyết, phong cảnh rất nên thơ. Vọng Vân đài là nơi cao nhất xây dựng trên núi Vọng Vân, cách Hiệu Trường nhỏ gần nhất, ngồi trên đó, từ cao nhìn xuống hoặc đứng tựa lan can xa trông, cảnh tập luyện ở Hiệu trường nhỏ sẽ như bày ra trước mắt, có thể nhìn rõ mồn một không sót một ly.

Tin đồn về việc huấn luyện lính đàn bà, sớm đã lan truyền khắp trong ngoài thành Cô Tô, buổi sáng hôm ấy, dân chúng từ bốn phương đổ về bãi tập như nước Thái Hồ ào ạt dâng lên, đến giờ thìn, bốn phía đã bị người vây chặt đến mức nước chảy cũng không thoát. Lại nửa canh giờ trôi đi, ba trăm cung nữ xếp thành đội hình từ núi Vọng Ân đi xuống, dồn tới bãi tập, tất cả họ đều được mặc quân trang mới tinh, bên ngoài khoác áo giáp, xếp thành đội hình, một đội cầm dao, đội kia cắp giáo bên mình, còn tay kia, người nào cũng giữ một tấm lá chắn.

Đi đầu là hai vị đội trưởng tả cơ vào hữu cơ, cũng giáp mãng khắp mình, ngang lưng giắt kiếm, đúng như một võ tướng. Trên người các cung nữ, xem ra ăn mặc chẳng khác gì những người lính khác, chỉ riêng trên đầu, tất cả đều không đội mũ. Vì là đàn bà con gái, nên tất cả đều quấn trên đầu đủ kiểu cách và trên đó vẫn cắm trâm, thoa và đồ trang sức khác, có người tóc dài nên quấn lên cao đến mấy tấc, mũ nào cũng chẳng đội vào được, vì nếu muốn đội mũ nhà binh, thì họ phải cắt tóc ngắn đi, như thế họ sẽ trở thành thứ người

chẳng ra đàn ông chẳng ra đàn bà, mất đi vẻ đẹp và cốt cách vốn có của người con gái, nên Ngô vương không để cho làm thế. Phía đằng sau họ, là một con tuấn mã, trên mình ngựa là chủ tướng Tôn Tử, còn những người khác như quan chấp pháp, quan truyền lệnh, người dóng trống, nha tướng, vệ binh.

Đội ngũ đi tới bãi tập, các cung nữ dừng cả lại, chia ra đứng sang hai bên, vệ sĩ đỡ Tôn Tử xuống ngựa, vào trướng. Tôn Tử thân chinh đi vạch dây mực, sắp đặt thành trận thế, lệnh cho quan truyền dụ mang hai lá cờ vàng lần lượt trao cho hai nàng cơ, để cầm lấy làm tiền đạo. Người dóng trống cũng bắc xong giá trống, giơ dùi trống rõ cao, sẵn sàng chờ lệnh là dóng trống. Mọi việc đã chuẩn bị sẵn sàng, chỉ còn chờ Ngô vương bước lên đài Vọng Vân là lập tức bắt đầu thao diễn.

Các cung nữ người nào người nấy mừng vui hớn hở, cười luôn miệng không thôi, người thì che miệng cười, người thì ngửa mặt lên cười, người thì cúi đầu cười, người thì khom lưng cười, lại có người nhìn nhau mà cười, có người tự nhìn vào mình mà cười, người thì cười ha ha thành tiếng, người thì cười chảy cả nước mắt, người thì cười ngả cười nghiêng. Họ cười cái gì vậy? Một là lâu ngay bị gò bó trong cung, không được thấy đời sống bên ngoài, hôm nay họ như chim được sổ lồng, thấy cái gì cũng mới lạ, nhất là xung quanh mình lúc này, đông đảo đến thế, đàn ông, đàn bà, già trẻ lớn bé chẳng thiếu một ai, đều đến để xem họ, bởi thế họ vui trong lòng. Hai là nhìn cách ăn mặc của mình, không sao nhịn được cười – quần áo lính, giáo mác trong tay, trên mặt

lại tô son đánh phấn, trên đầu vẫn cài thoa, thế thì làm gì mà không hài hước, làm gì mà chẳng nực cười?

Thấy tình hình đó, Tôn Vũ chưa vội phê bình, cũng không ngăn chặn, bởi mấy khi họ được ra ngoài cung cấm thế này, vui mừng trong bụng, thì cứ để cho họ cười, miễn là sau khi bắt đầu vào tập, đừng cười nữa là được.

Ngô vương cùng với các quan cận thần của mình và cả cả Ngũ Tử Tư nữa, lần lượt bước lên đài Vọng Vân. Ngô vương vào chỗ của mình trước, đầu án thư có một chiếc ghế bành, ý để Ngũ Tử Tư ngồi đấy, các quan văn võ còn lại thì đứng hầu hai bên, nội thị đi đi lại lại đề hầu hạ. Ngô vương ngẩng đầu nhìn những cung nữ trên bãi tập, bất giác ngầm khen trong bụng, lặng lẽ nhìn và mỉm cười. Chẳng khác gì một đội quân trai tráng, nhất là hai vị ái cơ lần lượt đứng ở đầu hàng quân, nghiêm trang anh dũng, trông rất giống hai vị tướng trẻ và so với mọi lúc lại trở nên xinh đẹp hơn. Có một điều không được đẹp lắm, là người nào người nấy ngoẹo cổ đi mà cười, hai nàng ái cơ lại là người cười nhiều nhất. Chuyện ấy chẳng có gì đáng trách, hàng ngày họ không được ra khỏi nơi cung cấm, lúc này được ra khỏi cung tham gia luyện tập, lại có nhiều bà con như thế đến xem, làm gì chẳng hả lòng hả dạ, làm sao mà chẳng cười? Có ra đây cười một chút cũng không sao, sau khi bắt đầu diễn tập thì xin chớ có cười, cười nữa là vi phạm quy định. Muốn cười, thì các người hãy cười cho đã đi. Hạp Lư mong rằng để cho họ cười chán chê đi đã rồi hãy bắt đầu thao diễn.

Thấy Ngô vương và các quan văn võ đã tới đông đủ và ngồi đứng vào vi trí rồi, Tôn Tử không thể chậm trễ, chuẩn bị cho

thao diễn. Ông ho lên vài tiếng, vừa đằng hắng để dọn giọng, vừa phát đi cho các cung nữ một hiệu lệnh, nhắc nhở họ thôi không được cười nữa, nhưng các cung nữ vẫn giữ vẻ cười như cũ. Tôn Tử liền nghiêm nghị lớn tiếng tuyên bố:

– Về kỷ luật, quy định và quân pháp, đã từng nói rõ nhiều lần, đến nay là chính thức biểu diễn. Ngô vương và văn võ bá quan cùng đông đảo dân chúng đến xem nên các ngươi không những phải chấp hành đầy đủ, còn phải tăng cường cảnh giác, nghiêm chỉnh trong khuôn phép. Để tránh sự lỏng lẻo, nay ta nhắc nhủ lần nữa cho rõ: tất cả nữ binh đều phải đi theo đội trưởng của mình, năm người là một ngũ, mười người là một trung, người nọ phải theo riết chân người kia, tiến thoái theo tiếng trống và nhìn sang trái sang phải, không được rối loạn bước nào. Nói cụ thể, nghe một hồi trống thì vào thành đội, nghe hồi trống thứ hai thì bày trận, bước vào trạng thái chiến đấu, nghe hồi trống thứ ba, sẽ đánh nhau như trong huấn luyện; nghe tiếng lệnh thì đội nào đội ấy, tập hợp trước mặt ta và đứng nghiêm.

Nói rõ nội dung và yêu cầu biểu diễn xong, Tôn Tử lại tuyên bố năm điều quy định:

– Thứ nhất: Kẻ nào làm rối loạn hàng ngũ, không tha.

– Thứ hai: Quân đội tiến lên mà mình tụt lại, không tha.

– Thứ ba: Kẻ nào không nghiêm túc trong huấn luyện quân sự, không tha.

– Thứ tư: Bất kể tình hình nào, nhất định phải giữ nghiêm kỷ luật.

– Thứ năm: Trong quân nhất định phải hành động thống nhất.

Sau cùng Tôn Tử nhấn mạnh:

– Trong quân không nói đùa, kẻ vi phạm sẽ nghiêm trị bằng quân pháp.

Tôn Tử tuyên bố xong, quay về chỗ của mình. Sau đó quan truyền lệnh đem lá cờ to có thêu một chữ “lệnh” múa lên một chập, nhắc lại một lần nữa những điều Tôn Tử vừa nói ra, lại đứng nghiêm bên cạnh Tôn Tử. Tôn Tử bảo cho “dóng trống”, dùi trống rơi như mưa xuống mặt trống. Theo quy định, nghe một hồi trống thì sắp xếp thành đội, đội ngũ lẽ ra phải xếp hàng đối mặt nhau, tức là người của hai đội đứng thành hai hàng đối diện nhau, ở giữa chừa ra một khoảng trống, người của mỗi hàng phải đứng cho ngay ngắn, thẳng như vạch mực. Thế nhưng các cung nữ lúc này, nghe thấy tiếng trống, như chim sợ đạn, nhảy thót cả lên, kẻ thì sang đông, người sang tây, người theo nam kẻ theo bắc, kẻ sang trái, người sang phải, rối tung như một đàn ong. Đã như thế, bọn họ lại không biết xấu hổ, lại còn thấy hay hay, thích thú, như ăn phải bùa mê, lại càng cười dữ hơn; rồi gọi chị gọi em ríu rít ồn ã cả một vùng, chẳng khác gì ếch nhái gặp mưa rào, khiến người ta phải bực cả mình, Nhìn vào hàng ngũ, thấy tan tác tản mạn, xộc xệch ngoằn ngoèo, y như chơi rồng rắn.

Tôn Tử nhìn thấy thế, bỗng nhíu mày lại, lắc đầu một cái và buông tiếng thở dài, theo quy định ở điều một, điều ba, đều có thể hỏi tội và trừng trị được rồi. Nhưng Tôn Tử nghĩ rằng, trước đây huấn luyện ở vườn hoa trong cung cấm, không có ai xem, tinh thần của họ đều để hết vào việc huấn luyện, cho nên nghe thấy tiếng trống, đội ngũ đã có thể chấn chỉnh được ngay và thẳng như người trồng. Hôm nay lần đầu tiên tập luyện nơi thao trường, trên có nhà vua, dưới có dân chúng, người xem đông đảo thế này, lại là lần đầu ra với đời thường, có lộn xộn, nghĩ rằng cũng tha thứ được, bởi thế nên đã bỏ qua cho họ coi như vi phạm lần đầu. Nghĩ đến đây, Tôn Tử nói với quan truyền lệnh:

– Hôm nay tập luyện ngoài cung cấm, lại là lần đầu chưa rõ những điều ràng buộc, ra lệnh không tin, lỗi ở chủ tướng. Ông hãy nói lại một lần nữa những quy định ở trên.

Những câu ấy, xem ra Tôn Tử nói với quan truyền lệnh, nhưng những người có mặt đều nghe thấy rõ rành rành. Quan truyền lệnh phụng mệnh, nhắc lại một lần nữa những điều quy định quân ngũ. Sau đó Tôn Tử đưa lên hai ngón tay, ra lệnh đóng trống một lần nữa.

Đây là dóng trống đợt thứ hai, bày trận, với tư thế bước vào chiến đấu. Muốn bày trận, thì phải nhanh chân nhẹ bước. Thế nhưng đám cung nữ lúc này có người nghe tiếng trống thì muốn chờ quân ngũ đứng được thẳng hàng, nhưng có người nghe thấy tiếng trống lại co cẳng chạy, có người đợi cho sắp hàng xong mới chạy. Như thế thành ra kẻ thì chạy, người thì đứng, người này chạy nhanh người kia chạy chậm, người thì đang ở đội này lại chạy sang đội khác, kẻ

chạy sau nhanh hơn thì giẫm cả lên giày của người đằng trước chạy chậm, người bị tuột giày thì vứt cả đao và lá chắn mỗi thứ một nơi, cúi xuống nhặt giày, người phía sau cứ tiếp tục theo nhau đi lên, không dừng chân lại kịp, xô cả vào người nhặt giầy, ngã chồm lên nhau như hổ vồ mồi. Cứ như thế, ngã dúi vào nhau, cứ như người xâu cá vậy. Đàn bà con gái vốn hay khóc song cũng hay cười, nhìn thấy cảnh này, những người đang cười, lại được dịp cười dữ hơn, những người đã thôi không cười nữa lại ồ lên cười. Dân chúng đang xem quanh đó, cũng được thể hùa theo, người thì vỗ tay, người thì khen hay, người thì chê bai, người thì mượn thế phá rối.

Thấy đội ngũ tan tác ra như vậy, Tôn Tử giận không để đâu hết, đang muốn lấy quân pháp ra xử sự, xử tội bọn họ, thế nhưng từ xưa đã có câu “luật pháp không trị nổi số đông”, hơn ba trăm con người thế này, biết trị người nào? Chẳng lẽ đem ra giết hết hay sao? Tôn Tử cố kìm nén tình cảm của mình, dập tắt cơn lửa giận, quyết định tha cho họ lần nữa. Ông giằng lấy dùi trống, giơ cao lên, nói to hơn, nhắc lại một lần nữa không sót câu nào về quy định trong quân ngũ, nói với mọi người, ông sẽ thân chinh dóng trống, bắt đầu từ hồi trống đầu tiên, bắt đầu thao diễn lại.

Dùi trống trong tay Tôn Tử nặng nề giáng lên mặt trống, chiếc trống trận rung lên những tiếng âm vang nặng nề. Nghe thấy hồi trống đầu dóng lên, phần lớn cung nữ xem ra rất khá, đã đứng được vào hàng ngũ chỉnh tề, thôi thì cũng tạm coi là được. Nghe đến hồi trống thứ hai, đám cung nữ đã nhiều người không chạy nổi nữa, bởi trước đó họ đã cười quá mức, người nào người nấy cười đến rủn cả người ra,

chân cũng như lưng không sao dãn ra được nữa. Do không chạy được, những cung nữ đó nghĩ sao lại phá lên cười. Lần này Tôn Tử nhìn rất rõ, không phải tất cả bọn cung nữ đều không sợ những điều quy định, không lo sẽ bị trừng trị theo quân pháp, mà chính hai nàng cơ đã làm đầu tiên. Chẳng những họ tự ý cười cợt hết sức, còn trêu cho các cung nữ khác cười theo. Không những bản thân họ coi quân lệnh như gió thoảng bên tai, còn ngầm báo các cung nữ khác không nên sợ. Rất rõ ràng họ cậy thế mình được Ngô vương sủng ái, cho rằng quân kỷ có nghiêm đến đâu cũng chẳng thể nghiêm với họ được, cho rằng có vi phạm kỷ luật, chủ tướng cũng chẳng làm gì được họ…

Tôn Tử quả thật đã không thể nhịn hơn được nữa, thấy chân mày ông dựng đứng lên, hai mắt ương tròn long lên sòng sọc, mấy sợi râu vểnh lên bay phất phơ trông oai vệ đến ghê người, rồi ông bỗng quăng phịch một tiếng, chiếc dùi trống lăn ra một bên, quay về chỗ mình ngồi, quát lên một tiếng:

– Quan chấp pháp đâu?

Quan chấp pháp trả lời một câu “Dạ” rồi dõng dạc bước ra.

– Trong quân đội có kẻ không theo quân lệnh, theo quân pháp nên làm thế nào?

– Trong quân đội có người trái lệnh, thì phạt đội trưởng trước ạ!

– Trị tội thế nào?

– Dạ, chém đầu bêu chợ ạ!

Tôn Tử liền dứt khoát hô:

– Quan bay đâu! Đem đội trưởng của hai quân tả hữu là Hạ phi và Khương phi ra chém đầu bêu chợ!

Các cung nữ nghe thấy nói “chém đầu” người nào người nấy mặt mũi tái xanh tái xám. Hai nàng cơ lại càng run như cầy sấy, mềm rủn cả người, mặt như chàm đổ.

Các võ sĩ xông lên phía trước tóm lấy cánh tay của hai nàng phi bẻ quặt ra phía sau như trói gà con, kéo đến trước mặt Tôn Vũ, hai đao phủ tay cầm đại đao cũng bước lên theo.

Tình hình trên bãi tập thế nào, Hạp Lư ngồi trên đài Vọng Vân đã nhìn rõ từng li từng tí, vội gọi Bá Bỉ:

– Hai nàng cơ là ái phi của quả nhân, mất hai người này quả nhân sẽ ăn không ngon, ngủ không yên, ái khanh mau đi nói lại ý ta, hãy tha tội chết cho hai nàng.

Ngô vương hạ lệnh đặc xá.

Bá Bỉ vội vàng chạy xuống, chạy ra bãi tập truyền lệnh đặc xá của nhà vua.

Tôn Tử sẽ xử sự ra sao?



Sấn hỏa đả kiếp

+ Giải nghĩa: Tranh thủ nhà cháy mà đánh cướp, lợi dụng lửa để hành động
+ Điển cố: Trước trận Xích Bích, Lưu Bị chỉ là một lãnh chúa nhỏ nắm trong tay một thành Tương Dương người thưa quân ít. Lợi dụng thất bại của Tào Tháo ở Xích Bích, Lưu Bị tung quân chiếm Kinh Châu rồi từ đó phát triển thế lực ngang bằng với Tào Tháo, Tôn Quyền.

CHƯƠNG XVI

NHẬN CHỨC TƯỚNG SOÁI TRỪNG TRỊ HỦ BẠI

Lại nói Hạp Lư đang ngồi trên đài Vọng Vân, thấy vệ sĩ theo lệnh Tôn Vũ bắt trói hai nàng cơ dẫn ra trước hàng quân, hai tên đao phủ lăm lăm lưỡi đại đao sáng loáng trong tay bước lên… vội vàng lệnh Bá Bỉ tế ngựa ra bãi tập, truyền dụ đặc xá của Ngô Vương. Tôn Vũ nghe xong chỉ dụ, nói:

– Trong quân không nói chuyện đùa giỡn. Thần đã nhận lệnh ra làm tướng, tướng đang ở trong quân, lệnh vua cũng không được nhận. Huống hồ nếu theo lệnh vua mà tha cho kẻ có tội, thì làm sao thuyết phục được mọi người.

Nói xong lệnh cho vệ sĩ "chém ngay hai nàng cơ" bêu đầu trước hàng quân.

Hai nàng phi tử bị bêu đầu giữa đám đông, cả bãi tập ai ai trông thấy cũng đều sợ đến ngây người, các cung nữ hồn bay phách tán, lính tráng đứng ngây như tượng gỗ, dân chúng trợn mắt há mồm, cả bãi tập đông đảo là thế bỗng lặng ngắt như tờ…

Tôn Vũ cho tập lại từ đầu, trước hết đưa mắt chọn ra hai người làm đội trưởng và bảo họ:

– Do vi phạm những quy định trong quân đội, hai đội trưởng kia đã bị chém đầu, nay lệnh cho các ngươi lần lượt

làm đội trưởng của hai đội. Các ngươi không cần phải lo sợ chi hết, miễn là như mọi ngày luyện tập trong cung, tuân theo quy định, theo lệnh mà làm, cho dù có gì sai sót, thì chủ tướng ta cũng không trách tội các ngươi.

Biết rằng các cung nữ lúc này do kinh sợ nên tinh thần chưa ổn định, Tôn Vũ còn chần chừ mãi mới ra lệnh, để mọi người bình tĩnh trở lại, ổn định tinh thần xong, mãi sau mới cất tiếng nhắc nhở:

– Các đội chuẩn bị! Thao diễn lại từ đầu!

Lệnh vừa ban ra, chưa đợi nghe tiếng trống, các cung nữ đã răm rắp đứng vào hàng, người nào người nấy dỏng tai lên, chỉ sợ không nghe thấy tiếng trống. Hai đội trưởng uy võ hùng tráng, nét mặt rạng rỡ, rất ra dáng võ quan chỉ huy, ra trước hàng quân nói to với mọi người:

– Này! Mọi người không ai được cười nữa, phải tập trung tư tưởng để nghe tiếng trống và khẩu lệnh.

Bên trong câu nói ấy muốn ngầm bảo: Nếu còn cười nữa, thì chúng ta đây cũng sẽ đầu lìa khỏi cổ. Thực ra, đâu cần phải đến đội trưởng bận tâm, các cung nữ lúc này đã trấn tĩnh được tinh thần và hăng hái trở lại rồi!

Một hồi trống vang lên, hai đội cung nữ xếp hàng song song đối diện nhau, vừa nhanh vừa thẳng, như kẻ bằng chỉ, như cắt bằng dao. Hồi trống nữa vang lên, cung nữ hai đội đưa lá chắn ra và múa đao lên, tiến nhanh lên trước quay sang trái, ngoái sang phải, biến đổi vô cùng, chẳng khác chi đang xung

trận ở nơi chiến trường. Hồi trống thứ ba vang lên, cung nữ hai đội xông vào đánh chém vật lộn, giáo đâm qua, dao chém lại, như rồng cuốn hổ vờn, dữ dội và đẹp mắt. Tôn Vũ nhìn thấy thế, bỗng mừng thầm trong bụng, đừng coi đây là thứ đàn bà con gái chân yếu tay mềm, với một đội quân thế này, có đánh trận thực sự thì phía trước có là rừng gươm núi giáo, họ cũng có thể liều chết quên mình xông lên. Tôn Vũ vừa ra lệnh thu quân, lập tức tiếng lệnh đồng "phèng phèng phèng" vang lên, cung nữ trong hai đội thu ngay khí giới, xếp thành hàng quay trở lại, bước lên mấy bước, đứng nghiêm trước mặt Tôn Vũ, như một hàng quân nghi vệ.

Hai đội trưởng đã hết thấp thỏm trong lòng, ba trăm cung nữ cũng mừng vui ra mặt trước sự biểu diễn thành công của mình, bà con đứng xem bốn phía rào rào vỗ tay khen ngợi, ầm ầm như sấm, vang dội cả một vùng trời.

Người đời sau đã từng làm thơ ca ngợi Tôn Vũ luyện quân:

Lớn mạnh tranh nghiệp bá
Thử võ khoe binh hùng
Mang hết tài con gái
Chẳng kém gì đàn ông

Vung gươm tay áo cuộn
Rạng rõ sắc mặt hồng
Dưới cờ cười nửa miệng
Thẹn thò giữa đám đông

Nghe tiếng im răm rắp
Trái lệnh phép không dung

Đầu yêu cơ đã lấy
Mới rõ tướng oai hùng

Dù vào nơi nước lửa
Trăm trận hẳn thành công.

Dưới sự chỉ huy của Tôn Vũ, ba trăm cung nữ liên tiếp biểu diễn ba lần, lần sau càng làm cho người ta bồi hồi xúc động hơn lần trước và phải suy nghĩ xa xôi hơn lần trước.

Lại nói đến Hạp Lư ở trên đài Vọng Vân, thấy không có cách gì giải cứu vì Tôn Vũ không chịu tha tội chết cho hai nàng cơ, tức muốn nổ phổi ra, nghĩ thầm trong bụng: Ta đường đường là vua một nước, thế mà hắn lại không hề nể. Tôn Vũ! Ngươi thật không coi ai ra gì. Hạng người xem thường cả lệnh vua thế này, thật ta chưa từng gặp bao giờ, chưa từng nghe nói bao giờ. Hiện giờ chẳng qua mới chỉ là một tên chủ tướng luyện quân, mà còn coi vua không ra gì như thế, sau này thực sự trở thành đại tướng cầm quân, thì có khi hắn còn ngồi ỉa trên đầu mình cũng nên. Càng nghĩ Hạp Lư càng thấy bực, càng nghĩ càng sinh cáu, tình cảm tôn kính Tôn Vũ trước đây ở trong lòng đã hết sạch không còn gì, điều đó cũng chẳng có gì khó hiểu, trong lịch sử lâu dài của Trung Quốc, từ xưa đến nay vẫn cứ là quyền hành lớn hơn pháp luật, tình người lớn hơn phép vua, nhất là các vua chúa phong kiến, mở miệng ra là luật với pháp, thế nên mới có câu "miệng nhà quan có gang có thép". Đánh giá một sự việc một con người, đều lấy lợi ích làm chuẩn mực, thế mà cân nhắc thiệt hơn lại bằng ánh mắt thiển cận, một cái lá che cả khu rừng, cho nên làm người đã khó, đánh giá một con người lại càng phức tạp hơn.

Nỗi bực tức chứa chất trong lòng Hạp Lư, như cả một cơn lửa giận không tiện để bùng ra, đành lặng im run người lên, mắt nhìn đờ đẫn, ngồi đực ra như ngây như dại, không hề cựa quậy. Cũng may tất cả mọi người đều mải miết để mắt vào tình hình nơi bãi tập không ai nhìn lên chỗ Ngô Vương, vẫn cứ đinh ninh rằng nhà vua cũng đang chăm chú xem như mọi người. Một lúc sau, Hạp Lư thấy các cung nữ lại thao diễn lại từ đầu, tiếng trống lại nổi lên thùng thùng, tiếng hô vang từng đợt, đang "dàn hàng ngang quay mặt vào nhau", lại "tiến nhanh lên trước", rồi "xông lên giáp chiến", sau đó là khua lệnh đồng thu quân. Theo đà diễn biến của đội hình cung nữ, tình cảm của Hạp Lư cũng diễn biến theo, đôi mắt từ đờ đẫn trở nên lay động linh hoạt, ánh mắt từ chỗ vô tình đã dần dần tươi sống lại, trên mặt dần dần hiện lên nét cười chua chát: Thật không ngờ rằng cung nữ lại có thể trở thành những người lính, vung gươm múa giáo, chém giết thực sự như thế, động tác lại đâu ra đây, bước chân vững chãi chỉnh tề, bất giác từ trong đáy lòng phải ngầm thốt lên một lời khen "hay", chỉ có điều tiếng "hay" ấy chưa buột ra khỏi miệng, chưa vang lên thành lời, còn các quan văn võ đứng hai bên thì đã trầm trồ khen hay rầm rầm.

Ngũ Tử Tư lại càng khen ngợi luôn miệng không ngớt. Trong tiếng khen nức nở của mọi người, Hạp Lư bất giác ngước lên nhìn hai chiếc đầu lâu của hai nàng cơ treo cao trên cột gỗ, ngọn lửa đang bốc cháy trong lòng ông bỗng dưng tắt ngấm. Ôi! Ngay từ đầu mình vốn mang ý tốt là muốn cho hai nàng được ra khỏi nơi cung cấm mà giải buồn cho khuây khoả nào ngờ lại thí mất hai mạng người, nếu sớm biết thế này, ngay từ đầu đã chẳng để cho họ ra làm đội trưởng, từ nay

trở đi, không còn bao giờ được thấy nàng Khương phi với Hạ phi đáng yêu mọi khi nữa.. Hạp Lư càng nghĩ, càng như muốn bật khóc lên, nhưng nghĩ đến mình là vua một nước, trước mặt văn võ bá quan thế này lại đi khóc than cho hai người đàn bà, thì còn đâu là vẻ tôn nghiêm, còn đâu là thể diện; mà không khóc, thì không biết nước mắt ở đâu ra cứ tràn lên khoé mắt, chỉ muốn tuôn ra, không biết làm thế nào, đành vội vàng nhổm dậy, vẫy tay áo bước đi. Nội thị liền theo chân Hạp Lư trở về hành cung Linh Nham. Nhà vua đã đi khỏi, các quan văn võ cũng không dám ở lại đành ai về phủ nấy. Ngũ Tử Tư thừa biết lúc này Ngô Vương Hạp Lư đang cơn nóng nảy, không nên nhiều lời với ông ta, đành quay về công quán.

Thấy trên đài Vọng Vân trống hoang, người đã đi hết sạch, Tôn Vũ đành ra lệnh cho thu quân, các cung nữ về cung, lính tráng về trại, quan chấp pháp, quan truyền lệnh, những tay đao phủ… ai về dinh người ấy hoặc về quán xá nghỉ ngơi, đóng cửa nằm khểnh, để xem Hạp Lư xử trí ra sao.

Hạp Lư về đến hậu cung, chẳng thiết uống, chẳng thiết ăn, như một tàu rau héo, uỷ mị rũ rượi, hai mắt luôn luôn ướt lệ, dần dần bỗng có ý muốn cho Tôn Vũ ra đi. Do đau thương quá mức, nên buổi sớm hôm sau, Hạp Lư đã cho nội thị truyền dụ “Hôm nay miễn chầu, các quan văn võ hãy giải tán”. Sau giờ Thìn, Ngũ Tử Tư đã vào cung vấn an, Hạp Lư mượn cớ tuôn hết nỗi bực bội:

– Ngũ tướng quân! Đa tạ ông đã tiến cử cho tôi một bậc đại hiền sĩ!

Ngũ Tử Tư đã nghe ra những điều gai góc trong câu nói, im lặng không trả lời.

Hạp Lư cho rằng Ngũ Tử Tư còn chưa nghe rõ, nhắc lại lần nữa:

– Ông có biết rằng hai nàng ái phi của ta đã bị vị đại hiệp sĩ đem ra làm "quà trình diện" rồi không?

Lại vẫn những lời gai góc, Ngũ Tử Tư vẫn trả lời bằng sự lặng im.

– Ngũ tướng quân, ông bảo chuyện này quả nhân chịu làm sao nổi chớ… Hạp Lư đã tới mức lồng lộn lên vì tức giận rồi. Ngũ Tử Tư biết bằng Hạp Lư vẫn còn đang thương nhớ hai nàng cơ của mình nên mới tức giận điên cuồng như thế. Vừa rồi chưa nói câu gì, vì ông thấy Hạp Lư đang trong cơn nóng giận, không thể lửa cháy đổ thêm dầu. Đợi cho đến lúc ông ta nói một hồi như thế, cho vơi bớt lửa trong lòng đi mới cất tiếng với vẻ mặt hơi tươi cười:

– Vậy theo ý của minh công, thì với anh bạn Tôn Vũ ấy của thần, nên xử trí ra sao ạ?

Hạp Lư bực dọc trả lời tuột ra:

– Ở đây ta là chỗ nước nông, không nuôi cá lớn, cứ để quách cho nó ra ngoài hiển Đông kia mà vùng vẫy, làm mưa làm gió.

– Ồ! Ý minh công phải chăng là muốn ông ta đi khỏi đây ạ?

– Ngũ Tử Tư cố tình vờ ướm hỏi.

– Đúng như vậy! Kẻo sau này sẽ có ngày đầu ta đây cũng bị hắn “xử theo quân pháp” mất – lửa giận trong lòng Hạp Lư càng bốc càng cao.

Ngũ Tử Tư hỏi vặn lại:

– Nghe minh công nói vậy, chẳng hoá ra Tôn Vũ đã giết nhầm hai đội trưởng kia sao?

– Cái đó… quả nhân không có ý nói thế – Hạp Lư bỗng trở nên ấp úng.

Ngũ Tử Tư từ chỗ lặng lẽ bỗng hoạt bát lên, từ chỗ nhẹ nhàng bỗng trở nên sôi nổi, ông hỏi dồn:

– Nếu không phái là giết nhầm, cớ sao minh công phải ấp úng như mắc trong họng thế! Mà tại sao lại trút giận cho Tôn Vũ?

Hạp Lư thẳng thắn, mạnh mẽ nói:

– Tôn Vũ không coi vua ra gì, quả nhận đã phải cầu xin, hắn vẫn không chịu tha tội chết cho hai nàng cơ.

Ngũ Tử Tư cũng lẫm liệt tâu lên:

– Thần trộm nghe “làm việc quân như cầm dao sắc”, không thể chỉ nói không, giết kẻ có tội mà không quả quyết, quân

lệnh không thi hành, thì làm sao có thể thống lĩnh ba quân giành chiến thắng được ạ! Đại vương muốn chinh phục nước Sở để xưng bá trong thiên hạ, muốn được tiếng tài, thì phải coi quả đoán cương nghị là tài năng. Tôn Vũ quả đoán cương nghị lạnh lùng, mặt sắt như vậy, không vì tình cảm mà khinh nhờn pháp luật, chém hai nàng cơ có tội, sao lại có thể đuổi đi? Không có Tôn Vũ làm tướng, ai là người có thể mang quân đi vượt sông Hoài, qua sông Tứ, xông pha ngàn dặm để đánh Trung Nguyên? Con gái đẹp dễ tìm, tướng tài mới khó kiếm, nếu chỉ vì hai nàng cơ mà vứt bỏ một vị tướng tài, thì có khác gì là yêu cây cỏ mà bỏ cây lúa hay không?

Hạp Lư suy cho cùng dù sao vẫn là ông vua có chí hướng, muốn làm nên sự nghiệp lớn lao, nghe xong những câu nói chói tai đó của Ngũ Tử Tư, sự tức giận bỗng nguôi đi, ngọn lửa giận cũng dần tắt, một hồi lâu không nói không rằng, hình như đang đấu tranh tư tưởng rất căng thẳng, cân nhắc điều lợi hại, thiệt hơn.

Ngũ Tử Tư nói thêm:

– Ngày xưa Khương Thượng ở với nhà Ân thì không được trọng dụng, sang với nhà Chu thì Chu có thiên hạ. Bách Lý Khê ở nước Ngu không được tin dùng, nhưng sang nước Tần thì Mục công được xưng bá… tấm gương xưa nay có thể soi, mong minh công hãy cân nhắc thận trọng nhìn nhận cho kỹ!

Hạp Lư bỗng xoay hẳn thái độ, như cả quyết một điều gì ướm hỏi ý Ngũ Tử Tư:

– Vậy theo ý của ái khanh thì…

Chưa đợi Hạp Lư nói hết câu, Ngũ Tử Tư liền đáp:

– Khen ngợi Tôn Vũ cầm quân nghiêm ngặt, chấp hành pháp luật nghiêm minh, lên đài tôn làm đại tướng, thống soái ba quân, cùng mưu nghiệp lớn!

Đây Ngũ Tử Tư dùng chữ “tôn”, mà không dùng chữ “phong”, tức là muốn trước mặt văn võ bá quan Ngô Vương phải tỏ ra tôn trọng Tôn Vũ. Đừng có xem thường sự khác nhau của hai chữ này, ý nghĩa của chúng khác nhau nhiều lắm, “phong” là ban phát, còn “tôn” là có ý nhờ vả mời gọi. Nghi thức cũng không hoàn toàn giống nhau, “phong” thì chỉ cần nhà vua ở trên điện nói một câu là đủ, người được phong còn phải vái chào cảm ơn nhà vua, còn “tôn” thì phải dựng đài, tức là nhà vua phải chuẩn bị sẵn ấn kiếm, sau đó làm lễ, nhà vua phải đến lễ người được “tôn”, mời người đó nhận chức.

Ngũ Tử Tư không những muốn Hạp Lư tôn Tôn Vũ lên đại tướng, còn muốn tôn ông lên làm soái trong quân đội kiêm quân sư, nắm cả văn cả võ, khống chế các quan chức khác, lệnh của ông thi hành chỉ cần theo lệnh vua, còn vua không bao giờ can thiệp. Hạp Lư đã tỏ ra rất rộng lượng, những gì Ngũ Tử Tư nói ra, ông đều nhất nhất thuận theo. Ngũ Tử Tư cũng thấy rất hài lòng, cho rằng Hạp Lư biết nghe theo những lời can gián, bởi thế nên đã bày tỏ rằng: Sau khi đánh nước Sở trả được thù vẫn sẽ quay trở lại nước Ngô để đền đáp Ngô vương. (Chính vì đã bày tỏ như thế, cho nên đối với

cha con Hạp Lư, Ngũ Tử Tư đã trung thành bền bỉ như thế, nhưng rồi cũng chết uổng mạng). Hạp Lư vội lệnh cho xây công quán, soái phủ cho Tôn Tử, đúc ấn soái, dựng một đài cao trên đài Vọng Vân và xây một đình diễn võ trên núi Hiệu Trường, cất nhắc người hầu hạ, mua sắm đồ dùng … Chọn ngày lành tháng tốt, trước đó một ngày sai người mang thư cho Tôn Tử rồi lại sai người đến mời hẹn các quan văn võ điều lính tráng, truyền nội thị chuẩn bị xong xuôi tất cả mọi việc.

Sáng tinh mơ ngày hôm sau, binh lính của các dinh các đội xếp hàng tập hợp đông đủ ở hiện trường nhỏ – tức là nơi Tôn Vũ thao luyện cung nữ và giết hai nàng Hạ phi và Khương phi. Sở dĩ Hạp Lư tiến hành nghi thức tôn Tôn Tử lên làm soái ở bãi tập này là để bày tỏ rằng ông không còn nhớ đến mối thù giết hai nàng phi, đã biết yêu tướng hơn yêu phi. Vào giờ Mão mặt trời mọc, Ngô Vương Hạp Lư đã đến, đi phía trước là bốn viên nội thị: một người bưng ấn, một người bưng kiếm, một người bưng binh phù, một người bưng quyển sổ ghi tên các quan văn võ, phía sau ông là văn võ bá quan, ngoài ra còn đội âm nhạc với nhạc sư, rồi người chấp sự và hai hàng vệ sĩ đi hai bên hộ vệ, đi đến trước ụ cao, tất cả đều xuống ngựa, leo từng bậc lên đàn và vào trong sảnh.

Tiếp đó, Tôn Tử cũng đến, cùng đi phía sau là các nhân viên tuỳ tùng, đến trước đàn cũng xuống ngựa, theo bậc lên đàn và vào trong sảnh. Trong sảnh đã bày sẵn bàn gỗ trên để đồ tế lễ. Bắt đầu vào nghi lễ nhạc nổi inh tai, Hạp Lư và Tôn Tử cùng bước vào vái chào nhau theo đại lễ. Làm lễ xong, Hạp Lư ngồi vào góc án trên cùng, Tôn Tử ngồi vào góc án đầu

tiên hàng dưới, các quan văn võ bước lên chúc mừng, sau đó ai về chỗ của người ấy. Tôn Tử mở cuốn sổ ghi tên các quan văn võ rồi gọi từng tên, nhận mặt một số quan văn quan võ chủ yếu, sau đó binh lính các nơi trở về chỗ cũ. Hạp Lư đưa theo các quan văn võ tiễn nguyên soái về phủ, các quan văn võ cũng giải tán.

Để kỷ niệm nơi Tôn Vũ được tôn làm tướng ở trên núi này, người đời sau đổi tên núi Vọng Vân thành Tướng Đôn, tướng với tưởng trong tiếng Hán đồng âm, nên mới lại có tên là Tưởng Đôn.

Hạp Lư thương nhớ hai nàng cơ, chôn cất tử tế ở Tiểu Thành sơn mé sau núi Hiệu Trường và lập đền thờ gọi là đền ái cơ. Tôn Tử được tôn lên hàng đại tướng, nguyên soái kiêm quân sư, dồn cả ba chức vụ quan trọng vào một người, nhưng cứ lần lữa mãi không thấy nhắc gì đến chuyện đem quân đánh Sở, Ngô Vương và cả Ngũ Tử Tư đã thấy sốt ruột không chịu nổi, từng mấy lần hỏi han nhắc nhở, nhưng Tôn Tử vẫn lờ đi không đáp. Nhưng người ta lại thấy Tôn Tử luôn luôn vội vội vàng vàng, đi chỗ này một chút ghé vào chỗ kia một lát, những người đến soái phủ để thăm hỏi ông, rất ít người có may nắm gặp ông.

Một hôm, Hạp Lư cho vời Tôn Tử, lại hỏi lúc nào thì đem quân đánh Sở. Tôn Tử không trả lời thẳng vào vấn đề, đợi Hạp Lư nói hết câu, liền dẫn nhà vua đi thăm các cung điện, làm như ông là chủ nhân của những cung điện này, còn Hạp Lư lại trở thành một người khách phương xa. Một đoàn đông đảo, hoặc ngồi xe cưỡi ngựa; hoặc ngồi thuyền chèo đi đầy vẻ nhàn tản, những người được dẫn đi thăm chẳng ai là

không xì xào bàn tán. Nguyên là hành cung của Ngô vương thì nhiều vô kể, rải rác như bàn cờ trên khắp mọi nơi có phong cảnh đẹp của nước Ngô. Vật gì cũng thế, hễ cứ nhiều là bị coi rẻ, cung điện cũng vậy, Ngô Vương không đặt chân đến, cũng chẳng ở làm sao cho hết; người khác thì không dám đến ở, lại thêm nhiều năm không tu sửa, trông coi không đến nơi đến chốn, tránh sao khỏi bị hư hỏng tàn tạ, không ai muốn nhìn.

Tôn Tử dẫn Hạp Lư đến một cung và bước vào trong điện, khắp nơi là bụi bặm và mọt gỗ, dưới cửa sổ và nơi chân cột lại càng nhiều hơn, như có ai đó rắc lên một lớn mạt cưa. Tôn Tử lấy cây đồng gõ vào một thân cột rỗng hoác, tiếng kêu vang lên như tiếng mõ, lại gõ lên khung cửa sổ chỗ nào cũng thế. Một trận cuồng phong thổi tới, cả cung điện đung đưa như muốn đổ. Hạp Lư không hiểu đầu cuối ra sao, chẳng rõ Tôn Tử định bày đặt ra chuyện gì, ông thấy bồn chồn, vẻ mặt tỏ ra lúng túng.

Tôn Tử nói với ông rằng, rường cột, xà, mái, cửa lớn, cửa sổ, … của gian điện này đều bị mọt đục ruỗng ra rồi, những mùn mạt ở kia chính là mạt gỗ và phân mọt, chẳng bao lâu nữa căn nhà sẽ đổ. Những căn nhà thế này, sớm còn chưa chắc giữ nổi đến chiều, làm sao còn có thể lấy nó che mưa chắn nắng, lấy chỗ hội họp quần thần, bầy tiệc tiếp khách cho được? Dỡ đi để làm lại, cố nhiên không phải là cách làm hay, nhưng cung điện mới xây lên mà sâu mọt vẫn còn, ai dám bảo rằng nó sẽ không khoét rỗng ra lần nữa đến mức sụp đổ lần thứ hai mới thôi, bởi vậy trừ khử và tiêu diệt sâu mọt mới là biện pháp căn bản.

Tôn Tử không phải là thợ mộc thợ xây hay nhà kiến trúc, tại sao lại dẫn mình đi thăm cung điện, nói chuyện sâu mọt? Việc này thì có dính dáng gì đến chính sự của nước Ngô... Hạp Lư đang nghiền ngẫm sự ý nhị trong câu nói của Tôn Tử, như nhấm nháp ý vị ở trong đó, phân tích dụng ý sâu xa của ông.

Tôn Tử đi trước dẫn đường, đoàn người lại bước vào một gian điện kỳ khôi chưa ai từng thấy, mái của toà điện này nghiêng đi, nhà cong veo lên, cả toà điện như một con diều hâu bị trúng đạn, đang nghiêng mình thõng cánh cho nó rơi xuống, khiến ai nhìn thấy cũng phải dừng bước. Hạp Lư bước vào điện, ngửa mặt nhìn lên toát cả mồ hôi hột, vội vàng lui ra.

Bươn bả suốt một ngày, chiều tối trở lại vương cung, theo yêu cầu của Hạp Lư, với những gì tai nghe mắt thấy trong ngày, Tôn Tử đã nói thẳng ra những điều nhận biết của mình.

Cơ thể chính trị của nước Ngô, cũng giống như những toà cung điện đầy mạt cưa và phân mọt, rường cột xà mái, chẳng đâu là không bị đục rỗng, có những chỗ đã rỗng hoáng như lòng mõ, lúc nào cũng có thể đổ sập xuống ngay lập tức. Những con sâu mọt đó không phái ai khác, mà chính là lũ tham quan ô lại ở các cấp lúc này, chẳng có viên quan nào lại không ăn hối lộ, ở đâu cũng thấy cát vàng mênh mông, khó có thể tìm ra một ốc đảo phì nhiêu hay một xó xỉnh nào là sạch sẽ. Bọn quan lại người nào cũng như mới từ hàng mắm bước ra, trên thân thể họ ai ai cũng đều toát ra

một thứ mùi tanh tởm lợm, có người thối đến nồng nặc, khiến người ta phát buồn nôn.

Những quan lại như thế nắm chính quyền, không luồn lọt xin xỏ, không dâng lễ tặng quà, không mời ăn mời uống, không đút lót mua chuộc, thì khó làm xong một việc gì cho dù là nhỏ nhất! Lề thói hủ bại đã làm cho dân tình oán thán sục sôi, giữa quan với dân hình thành một cái hố sâu thăm thẳm, thậm chí đã đối lập với nhau gay gắt, lâu dần mãi, chính quyền sẽ lung lay, làm gì còn có điều kiện dấy quân đánh Sở nữa...

Bên bờ hồ Dương Trừng có một chủ vựa cá họ Thích, tên là Thích Thiên Đại, ỷ vào thế có quan hệ bố vợ con rể với huyện lệnh Điền Kinh, nên ra sức hoành hành trong thôn xóm, bóp nặn dân lành, khiến cho dân chúng cả một vùng oan khuất chẳng biết kêu ai, khổ sở không có người than thở, suốt ngày kêu rên trong đói rét, vật vã trong lửa bỏng nước sôi. Trước đây không lâu Thích Thiên Đại khởi công rầm rộ, xây dựng quán xá, bắt hàng trăm người thợ đến đổ mồ hôi sôi nước mắt ra bán mình cho hắn. Quán xá đã xây xong, tiền sảnh lầu tạ, hiên xanh mái đỏ, hết sức sang trọng, ấy thế nhưng tiền công thợ thì hắn cứ ỳ ra không chịu trả. Người làm thợ trông vào việc đi bán sức lao động và tay nghề để nuôi sống cả nhà, trên là bố mẹ già dưới còn vợ con, vất vả cả năm trời, không nhìn thấy một đồng xu nào, cơm ăn áo mặc cho người lớn người nhỏ trong nhà không biết trông cậy vào đâu, thế tất họ luôn phải đến cổng để đòi.

Có một người thợ mộc họ Trương, đã đi tám lần đến cổng nhà họ Thích đòi nợ, lần ấy, đúng vào lúc Thích Thiên Đại

đang ngồi uống rượu với bạn của hắn, đầy mâm thịt cá gà vịt, khắp nhà nồng nặc mùi rượu xông lên. Hai người đánh đố nhau, Thích Thiên Đại chịu thua liên tục, phải uống rượu phạt lia lịa… đúng lúc ấy sư phụ Trương đến trước bàn tiệc để đòi tiền công, Thích Thiên Đại chẳng những không chịu trả, còn bảo lão thợ mộc thối tha mang yêu khí đến làm cho hắn phải cơn đen, mất cả hứng thú uống rượu, bèn sai người hầu lôi ông vào sân, hết đấm lại đá, còn lấy gậy đánh người ta, khiến sư phụ Trương chết ngay tại chỗ. Thế chưa hết, hắn còn thả ba con chó dữ ra, xông vào xác người chết cắn xé đến nỗi máu me bê bết, thảm thương không ai nỡ nhìn… xưa nay giết người thì phải đền mạng, vậy mà tên Thích Thiên Đại gian ác ấy, giết hại một người thợ có công với hắn một cách dã man như thế, lại có thể nhơn nhơn ngoài vòng pháp luật, dân chúng làm gì chẳng đấm ngực dậm chân, nghiến răng nghiến lợi…

Chuyện vừa kể trên, là những điều mà sau khi đến nước Ngô, qua những người bạn mới quen biết ở đây mà Tôn Tử biết được. Trong những ngày ông đi thăm phong cảnh núi non của đất nước phương nam này, cũng đã từng tai nghe mắt thấy vô số những hiện tượng tương tự, đem nối những sự việc này lại với nhau, đã hình thành nên sự hiểu biết và nhận thức của ông đối với hình thái chính trị và hiện thực của nước Ngô và rút ra được một kết luận hết sức rõ ràng: Nước Ngô muốn giàu mạnh nhất định phải trừng trị bọn hủ bại. Một đất nước, một triều vua, một chính thể… khi chính trị đã bị thối nát đến gốc rễ, thì mọi điều đều không thể nói được gì, đó là điều mấu chốt rất quan trọng mà Tôn Tử cho dù một lúc kiêm ba chức trọng, vẫn lẫn lữa không chịu đem quân đi đánh nước Sở.

Nghe những điều Tôn Tử vừa giãi bày và tố cáo, Hạp Lư bỗng thấy máu trong người như sôi lên, đầu óc như giãn to ra, trong lòng như dậy lên từng lớp sóng, ông thấy mình làm vua một nước, vậy mà những việc thối tha ô uế như thế ở bên dưới, tại sao lại không hay biết tí gì? Chẳng lẽ mình là con người vừa điếc vừa đui sao?

Hạp Lư nghĩ quả là xác đáng, có nhiều ông vua, tuy cũng đầy đủ tai mắt, ngũ quan như mọi người, nhưng cuối cùng vẫn là kẻ vừa điếc vừa đui, bởi vì họ chỉ ưa nghe những lời ngợi ca tâng bốc, những tiếng vạn tuế tràn đầy lỗ tai, không còn đâu mà nghe được lấy nửa lời phê bình hay những câu xem ra có vẻ chối tai. Bởi thế không có ai chịu nói ra sự thực trước mắt họ, lâu dần mãi, lại chẳng hoá ra vừa điếc vừa đui sao! Làm vua chúa đã thế thì những kẻ cầm quyền các cấp cũng quá nửa là như thế, cùng với sự thành công của sự nghiệp lúc ban đầu, với sự hiểm hách của công lao ấy, sự bành trướng của quyền lực, sức nghe và tầm nhìn của họ dần dần thay đổi đi. Những lời ca ngợi đã chọc thủng màng tai họ, khiến họ dần dần trở nên điếc lác, hoa tươi muôn màu múa may trước mặt, khiến họ hoa mắt loá màu, kẻ nào nhẹ thì cũng mắt nhìn không thật, còn kẻ nặng quá thì mù hẳn hoàn toàn.

Hạp Lư đã nhờ Tôn Tử phân tích giúp cho nguyên nhân nào đã gây nên những hiện tượng đó, và vạch ra sách lược làm thế nào để gạt bỏ nó đi. Tôn Tử là người thẳng thắn không xu nịnh, xưa nay chưa hề che giấu quan điểm của mình bao giờ, không nói những điều trái với lòng mình, không làm những điều ngược với ý mình, trước hết đã gợi ý cho Hạp Lư

nhớ lại hình ảnh toà cung điện mà ở đó xà trên không thẳng thì xà dưới lệch, sau đó đã không ngại xót xa mà chỉ thẳng ra rằng, quan trường nước Ngô sở dĩ dơ bẩn như thế, chính là do sự "xà trên không thẳng" đã dẫn đến, đó là kết quả tất nhiên của sự vô đạo của Hạp Lư.

Hạp Lư đang nghe, mà như có sấm giội trong đầu, bỗng thấy trời đất quay cuồng, đứng ngồi không vững. Ông ta không rõ, Tôn Tử sao có thể nói ra những điều như thế, bản thân mình dù có trăm cái sai, ngàn cái sai, cũng không thể đến nỗi trở thành một tên hôn quân vô đạo được. Lời nói của Tôn Tử khiến ông ta không thể lý giải nổi, cũng như khó có thể bình tĩnh lặng yên, càng khó có thể tiếp thu. Ông bồn chồn, đi đi lại lại trong điện, lúc thì nhanh lúc thì chậm, gót chân nện xuống sân nghe rõ mồn một. Không biết đi như thế bao lâu, ông quả thực là không sao chịu đựng nổi, đột nhiên đứng hẳn lại, xoay mình sang một bên nhìn vào Tôn Tử, mặt cố làm ra ôn tồn song vẫn trách hỏi:

– Nguyên soái sao có thể nói ra những lời như vậy, quả nhân không rõ, xin hãy nói kỹ ra!

Tôn Tử rất chậm rãi, nhưng nhấn mạnh từng lời như nặng đến ngàn cân hỏi lại rằng:

– Phải chăng đại vương đã quên chuyện đám tang múa hạc trên phố, giết người đưa tang sao?

Hạp Lư có một người con gái cưng, tên là Thắng Ngọc, từ tấm bé đã được yêu chiều quen thân, muốn làm sao thì được vậy. Một hôm Hạp Lư đang mở tiệc mời sứ thần nước ngoài,

đầu bếp bưng lên một đĩa cá hấp, khách và chủ cùng ăn, khen không ngớt miệng. Ăn được một nửa, Thắng Ngọc ở đâu bước vào phòng tiệc, Hạp Lư vội vời con gái ngồi xuống bên cạnh mình, rồi ban cho nửa con cá vừa đang ăn dở. Đó đã là một điều làm mất thể thống rồi, quốc vương mở tiệc đãi khách nước ngoài, đâu có cái lý để con gái cùng dự tiệc? Ấy thế nhưng Thắng Ngọc chẳng những không biết tạ ơn sự sủng ái của phụ vương, ngược lại đã nổi cơn lửa giận lên nói rằng: "Vương đã lấy con cá ăn thừa ra làm nhục con, con còn mặt mũi nào sống ở trên đời này nữa…", nàng khóc lóc rồi vùng vằng bỏ đi ra vườn sau tự vẫn.

Hạp Lư nghe báo, đau khổ như không thiết sống nữa, bèn cho hậu táng ở bên ngoài cửa Tây Xương. Ở chỗ đó lại cho đào hồ đắp núi, hồ đó người đời sau gọi là hồ Nữ Phần (mộ con gái). Rồi lại cho phá núi đục đá thành hình quan quách, lấy các đồ châu báu như đỉnh vàng, chén ngọc, bình rượu bằng bạc, xiêm bằng hạt châu và thanh gươm quý "Bàn Sính" … làm đồ tuỳ táng. Ngày cất đám, múa hạc trắng đi giữa phố phường nước Ngô, lệnh cho muôn dân phải ra xem và đưa ma ra đến cửa đường hầm. Trong đường hầm có đặt then hãm, con gái con trai đã vào trong đó cái hãm bật lên, cửa hầm sẽ đóng lại, đất sẽ lấp chặt, con trai con gái chết tới hơn vạn người, Hạp Lư bảo rằng: "Khiến con gái ta có hàng vạn người chết theo, như thế sẽ không bị buồn tẻ nữa"

Trong điện lúc này chỉ còn hai người là vua tôi, lại mặc nhiên không ai nói một lời, im lìm như chết, lặng lẽ đến nỗi hai người nghe thấy tiếng tim đập của nhau. Hoàng hôn trùm lên cả cung điện vua Ngô, nỗi lòng Hạp Lư cũng ảm đạm y bóng chiều tà. Một tia nắng qua lớp song the chiếu

vào trong điện đỏ bừng lên rực rỡ, đó phải chăng là giọt máu lai láng chảy ra từ tâm can tan nát của Ngô Vương… Nội thị bước vào, thắp sáng mấy ngọn nến trên án thư, ánh nến lung linh, cả cung điện sáng bừng lên. Không biết bao lâu sau, Hạp Lư đau đớn thốt lên:

– Giết người để đưa tang! Quả là tội của quả nhân, tội không thể nào tha chết, vô đạo đức hết mức! Nhưng ván đã đóng thuyền, gạo đã nấu thành cơm mất rồi, chẳng hay nguyên soái có kế sách gì hay hơn không, để chuộc tội cho quả nhân, rất mong hãy có lời chỉ vẽ.

– Ngô Vương vừa nói, nước mắt vừa tuôn ra như mưa, nỗi thương tâm của ông lúc này còn hơn cả nỗi thương con gái chết yểu.

Đường đường là vua một nước, dám mạnh dạn thừa nhận lỗi lầm của mình như thế, quả thực là hiếm thấy và đáng quý, Tôn Tử rất lấy làm cảm động, đã thẳng thắn và chân tình vạch ra cho ông hai biện pháp để “chuộc tội”: Một là ban chiếu chỉ trong cả nước, công khai nhận tội. Hai là dùng tiền bạc để an cư cha mẹ những người con trai con gái đã chết, đề bày tỏ tấm lòng thành đã thực sự ăn năn.

Nếu đem ra mà so, sửa lỗi quả là khá hơn nhận lỗi rất nhiều, nhất là ở những con người vốn có quyền thế và địa vị, đối với họ, thể diện còn lớn hơn cả tính mạng. Đương nhiên đó chẳng qua chỉ là thứ hư vinh, đi vào thực chất, những hạng người ấy thường là vô liêm sỉ nhất. Tuy nhiên, qua một hồi giằng co rất dữ dội trong tư tưởng, cuối cùng Hạp Lư đã chấp nhận lời can gián đó của Tôn Tử. Thấy Hạp Lư dám sửa lỗi

lầm như vậy, Tôn Tử tỏ ra rất hài lòng và càng thêm tin tưởng trong việc phò tá Hạp Lư giành bá quyền.

Qua lời đề nghị và thỉnh cầu của Tôn Tử, Hạp Lư ủng hộ việc ông cải trang vi hành trong dân gian, thị sát công trạng và tội lỗi vi phạm pháp luật, kỷ cương của quan lại các cấp, thấm thía dân tình, sau đó đề ra biện pháp trừng trị bọn hủ bại.

Từ đó, gót chân Tôn Tử đã in khắp trên đất nước núi non nước Ngô, có lúc ông là một gã tiều phu, có khi lại là anh chàng đi hái thuốc, có lúc làm một lão ăn mày, có lúc lại là một người đi buôn mang hàng lên núi và xuống vùng quanh hồ, có lúc là một dân chài trên thuyền, có khi lại là một nhà tu hành để hoá duyên…

Có người đem cả trăm thợ thuyền vào sâu trong núi Thiên Trì, giữa thanh thiên bạch nhật, chặt hết cả những loại gỗ quý như tử nam, hoàng đàn, rồi xếp lên xe lên thuyền, chở đi sạch sành sanh, chẳng ai dám hỏi lấy một lời, chẳng ai dám trị tội, bởi cậu của người ấy là quan tư đồ nước Ngô là Thúc Nam Dương.

Sông Ngô Tùng năm nào cũng gây lụt lội, mỗi năm đến mùa lũ, nước sông dâng tràn, huỷ hoại ruộng vườn, nhấn chìm ngô lúa, cuốn trôi gia súc, dân tình cực khổ không biết đâu mà nói. Cấp tể của Ngô Tùng là Ngưu Đắc Thế, chẳng chịu lãnh đạo dân chúng ven sông khơi dòng, đắp đê trừ nạn lụt, lại đi nói rằng do Vu Đông Diễn làm mưa làm gió nên mới ra như thế, còn bịa ra câu chuyện không căn cứ rằng: “Vu

Đông Diễn là một con quỷ cái, vì không có con cái nên sinh ra phiền lòng, thế nên mới làm mưa làm gió.

Để lấy lòng Vu Đông Diễn, hàng năm phải chọn một thằng bé lên ba thật kháu khỉnh, dâng cho Vu Đông Diễn làm con, mới khỏi bị lụt lội". Cứ đến đầu năm, Ngưu Đắc Thế lại sai nha dịch đi khắp nơi trong ấp, đến hàng trăm hàng ngàn nhà, phát hiện thấy đứa trẻ lên ba nào ưng ý, là bắt luôn cả bố mẹ lẫn đứa trẻ ấy về ấp nha để chờ chọn lựa, cho ăn uống thật ngon lành, để cho bọn trẻ ấy đứa nào đứa nấy béo trắng ra. Mồng ba tháng ba là ngày sinh của Vương Mẫu nương nương, cũng là ngày lành tháng tốt để dân chúng ven sông Ngô Tùng dâng trẻ em. Giờ mão ngày hôm ấy, đàn ông đàn bà trong cả ấp tập trung ở phường xe, tổ chức nghi lễ long trọng để dâng con.

Trước đó đã có người tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo và trang điểm thật đẹp cho đứa bé sắp đem dâng. Vừa đến giờ Tỵ, đặt đứa trẻ vào trong một cái chậu bằng gỗ nhỏ trôi theo dòng sông, cho đến lúc sóng gió nuốt chìm đi. Ở nơi dâng trẻ, trống phách nổi lên vang trời, người dân dự lễ dâng con vui mừng nhảy múa, cha mẹ của đứa trẻ cũng như ông bà và người thân của nó thì khóc lăn khóc lộn, chết đi sống lại. Những chi phí cho buổi lễ dâng con cũng là tiền thu của dân, đáng mười đồng thì thu cả trăm đồng, phần lớn số tiền đóng góp đó đã chui vào hầu bao của ấp tể. Các ông bố bà mẹ của những đứa trẻ bị chọn muốn cho con mình không chọn trúng, phải tranh nhau đút lót cho ấp tể, Ngưu ấp tể do đó cũng vớ được nhiều món bở, túi tiền của hắn càng căng, càng giàu nứt khố đổ vách.

Lộ Tân Hảo ở Khoa Đường, ỷ vào thế bố vợ làm quan trong triều bá chiếm hồ Kim Kê, hễ ai là ngư dân mò cua bắt cá ở mặt hồ ấy, đều phải nộp thuế cho hắn mà thuế suất lại cao tới sáu phần mười. Hắn tự cho xây công đường, nhà giam, hễ ai dám chống thuế không nộp, nhẹ thì bị treo lên đánh đập, nặng thì bị ném vào lao nước, để ở đó rồi bị giày vò đến chết. Trong những năm Hạp Lư cầm quyền, những ngư dân bị trừng trị như thế có đến hàng trăm người. Ngư dân kêu trời, trời không thấu, gọi đất, đất không thiêng, vì vậy mối thù trong lòng họ còn sâu ơn cả nước hồ Kim Kê.

Bên bờ đầm Thịnh Trạch có một chủ vựa cá họ Hứa tên là Hạo Hán, vì hắn có con rể làm ấp tể Thường Thục, có chỗ dựa nên chẳng sợ gì ai, hắn hoành hành ngang ngược, không còn việc gì tàn ác không làm. Hắn lấy việc buôn tôm bán cá là nghề nghiệp, sống bằng bú sữa người. Những người ở vú để cho hắn bú phải không quá hai mươi tuổi; mà phải là mẹ của đứa trẻ con trai đầu lòng.

Khi bú, như một đứa trẻ con, hắn cũng rúc đầu vào lòng người vú nuôi, một tay mân mê sờ vú bên này, miệng ngậm vú bên kia. Hắn ăn lại rất khỏe, mỗi bữa phải hàng chục người như thế cho bú thì hắn mới no. Tuổi tác của hắn ngày càng cao, thể trạng lại càng ngày càng to lớn đẫy đà, trong khi đó có biết bao nhiêu bà mẹ trẻ sa sút héo hon đi, gầy như que củi, có biết bao nhiêu đứa trẻ có mẹ mà phải chịu chết đói. Đương nhiên, những người đàn bà ấy, ngoài việc cho hắn bú, nếu ai có tý nhan sắc, cũng khó tránh khỏi bị hắn hành hạ giày vò.

***

Côn Sơn có một tên họ Gia Cát, ỷ vào thế có chút tình thông gia với Hoạn Giả Lệnh trong cung nên cũng hoành hành làm bậy làm bạ, chẳng nể sợ gì ai. Năm thôn ba làng quanh đó hễ có con gái đẹp mà chưa dâng cho hắn dâm lạc là chưa được lấy chồng, hắn gọi đó là "nếm của tươi". Hễ nhà nào có đám cưới mà cô dâu dễ coi một chút, đều phải cho ngủ với hắn ba đêm, hắn gọi đó là "quyền hưởng đêm đầu". Vì có tên ác bá ấy ở đó, cho nên tại vùng Côn Sơn này có không biết bao nhiêu cô gái trẻ đã nhảy xuống sông trẫm mình, có bao nhiêu người già đã thấp thoáng như đèn trước gió mà cũng phải treo đầu tự tử, có bao nhiêu gia đình đám cưới đã biến thành đám tang.

Tên ấp tể ở Vô Tích, "Mưu lợi cho dân" muốn bắc một cây cầu đá qua sông dài ba dặm, thật đáng gọi là cha mẹ dân, công trình vô cùng to lớn. Để mưu cái lợi đó, ấp tể đã lĩnh trong kho nhà nước ra hai ngàn lạng bạc trắng, thu trong dân một ngàn năm trăm lạng, điều động dân công gần một ngàn người làm vừa đúng ba năm, mới gọi là xong việc. Tuy nhiên, cây cầu gọi là "cầu ba dặm" này chẳng qua chỉ là một chiếc cầu đá một vòm bắc ngang qua một con suối ở mốc ba dặm nơi phía bắc thành, dài có một trượng hai, rộng vừa sáu thước. Còn số bạc kếch xù trên kia, một phần ấp tể bỏ vào tận đáy rương, một phần đem ra xây dựng phủ đệ, biệt thự. Gõ tận xương hút tận tuỷ, vừa mệt dân vừa tốn kém tiền của như thế ba năm trời, hoàn toàn chỉ vì một mình tên ấp tể này, còn dân chúng thì hầu như chẳng được chút lợi lộc gì. Cấp trên cũng từng cử quan viên xuống đôn đốc kiểm tra, ấp tể đã lấy thật nhiều vàng bạc để đút lót, các quan về báo cáo

trên toàn việc tốt, ấp tể chẳng còn lo gì bị pháp luật ràng buộc.

Quan lại địa phương với công trình tương tự như thế ở đâu cũng có, đâu chỉ trong con số hàng trăm hàng ngàn, chẳng hạn như công trình Ngu Lý Câu (mương năm dặm) Bát Lý khoản (đầm tám dặm) Tam thập lý đề (đê ba mươi dặm), … tất cả đều là những trò bịp bợm lừa người.

***

Qua hai tháng trời lặn lội bôn ba, về căn bản, Tôn Tử đã tìm hiểu được bộ mặt chính trị của nước Ngô, trở về kinh đô đã báo cáo lại tường tận với Hạp Lư, rồi cùng với các quan trong triều vào dạng hiền thần như Ngũ Tử Tư bàn bạc tìm cách giải quyết và đưa ra những biện pháp trừng trị. Nói tóm lại, là phải tóm cổ một mẻ, tống giam một mẻ, cho lưu đầy một mẻ, chém đầu một mẻ. Kẻ nào tội ác quá lớn phải bêu đầu ra chợ, hoặc cho xe kéo rong trên đường, hoặc giao cho dân chúng đánh đập sỉ vả cho chết đi để hả giận. Nếu làm như thế, kẻ tàn ác mới run sợ, muôn dân mới hể hả, trên dưới mới dốc lòng, cả nước mới yên hàn nghiêm chỉnh lại.



Thanh Đông kích Tây

+ Giải nghĩa: Giương Đông kích Tây, vờ đánh một hướng nhưng thực chất là đánh hướng ngược lại
+ Điển cố: Sau trận Xích Bích, Gia Cát Lượng cho quân đốt lửa trong đường hẻm Hoa Dung để Tào Tháo nghi ngờ rằng quân Lưu Bị dùng kế giương Đông kích Tây rồi chọn chính đường Hoa Dung để rơi vào bẫy của quân Quan Vũ.

CHƯƠNG XVII

BÀN QUÂN LUẬN CHIẾN QUÂN MẠNH NƯỚC GIÀU

Lại nói nước Ngô từ sau khi trừng trị bọn hủ bại, bọn tà ác đã run sợ, muôn dân hả hê, trên dưới dốc một lòng, cả nước yên hàn nghiêm chỉnh lại, tuy nhiên Tôn Tử vẫn chưa nói ngày nào đem quân đi đánh nước Sở. Hạp Lư với Ngũ Tử Tư suy nghĩ đủ trăm chiều mà vẫn chưa tìm ra duyên cớ. Nhất là với Ngũ Tử Tư, nào là vượt Chiêu Quan chạy sang nước Ngô, kết bạn với Chuyên Chư, Yếu Ly giết Vương Liêu, trừ Khánh Ky, mời Tôn Tử ra khỏi núi, vượt hiểm nguy qua muôn nỗi gập ghềnh, tất cả cũng chỉ vì một mục đích là mượn quân Ngô để trả thù nhà rửa hận nước, nhưng đến lúc này xem ra Tôn Tử chẳng có chút gì hào hứng trong chuyện đem quân đi đánh Sở, mà cứ coi như không có chuyện ấy, làm gì chẳng khiến cho ông nôn nao như lửa cháy trong lòng và ý nghĩ như tơ vò trăm mối? Đã nhiều lần ông định nhắc khéo Tôn Tử, nhưng cuối cùng do vướng chút nể nang, sợ rằng Tôn Tử cho rằng mình khí lượng hẹp hòi mà khinh rẻ mình đi, bởi thế cứ định mở miệng ra nói lại thôi, đành cố nén chịu nỗi dày vò trong lòng và niềm đau khổ trong ý nghĩ, suốt ngày áy náy không vui.

Một hôm Hạp Lư mời Tôn Tử tới uống rượu, nhân vui chén rượu mới nhắc đến chuyện đem quân đánh Sở. Tôn Tử không trả lời thẳng vào đề, tủm tỉm cười bảo:

– Nghe các quan nội thị khen rằng đại vương thường hay đọc binh pháp của thần, chẳng hay chuyện ấy thực hay không?

– Có thật! Hoàn toàn có thật đấy – Hạp Lư trả lời chắc chắn, mà đâu chỉ là thường hay đọc, phải nói là quả nhân đọc phát mê đi ấy!

Có phải Hạp Lư đang khen ngợi, đang tôn sùng? Hay đang đãi bôi? Không biết được, có thể mỗi cái đều có một chút. Tôn Tử nghe nói thế, chỉ cười không đáp, cười đến mức Hạp Lư thấy rất mất tự nhiên, từ nghi hoặc đi đến chỗ lúng túng, từ lúng túng đi đến sốt ruột, bất giác buột miệng hỏi:

– Cớ sao nguyên soái lại cười?

Tôn Tử hóm hỉnh trả lời:

– Thần cười đại vương thèm quýt, nhưng lại không biết được sự khác nhau giữa quýt nước Ngô và quýt nước Việt. Tuy đại vương. thích đọc “binh pháp” của thần, nhưng cho đến giờ, vẫn chưa lĩnh hội được cái tôn chỉ cốt lõi của nó.

– Ô! – Hạp Lư bị Tôn Tử nói cho ngớ người ra – Vậy tôn chỉ cốt lõi trong “binh pháp” của quân sư là gì?

Để trả lời câu hỏi của Hạp Lư, Tôn Tử đã nói rõ thêm một quan điểm thế này: Đấu tranh quân sự không phải đơn thuần chỉ là cuộc chạy đua về vũ trang, mà là cuộc đấu tranh tổng hợp giữa ta với địch về các mặt chính trị, kinh tế, ngoại giao. Đối với chiến tranh, phải có thái độ nghiêm túc, kỹ

lưỡng, thận trọng cố gắng trên cơ sở thực lực, lấy mưu trí mà thắng địch, chứ không phải chỉ lấy sức mạnh mà thắng địch. Có nghĩa là một cuộc chiến tranh có đánh hay không? Đánh như thế nào, sau khi đánh sẽ đưa đến kết quả ra sao… trước khi đánh đều phải được cân nhắc toàn diện, cần phải cân nhắc tất cả các nhân tố hiện thực đang tồn tại một cách khách quan. Chỉ khi nào có sự so sánh, phân tích chính xác những điều kiện cơ bản của chiến tranh, mới có thể đưa ra sự phán đoán chuẩn xác, nêu ra quyết sách đúng đắn về chiến lược. Tiếp đó, Tôn Tử so sánh và phân tích về các mặt chính trị, vua với tôi, vua với dân, giữa tướng soái, về kinh tế, quân sự, ngoại giao, giao thông, … giữa nước Ngô và nước Sở, ông đặc biệt nhấn mạnh đến tác dụng của thực lực kinh tế trong việc so sánh lực lượng trong chiến tranh. Ông nói:

– Nói đến dấy quân đánh trận là phải động đến hàng ngàn cỗ xe chiến với hàng ngàn cỗ xe chở quân nhu, hàng chục vạn quân, lại phải chở lương thực xa hàng vạn dặm, như thế, chi phí ở tiền phương và ở hậu phương rồi việc chi tiêu cho các sứ giả ngoại giao đi lại, việc cung cấp vật tư khí tài, việc bảo dưỡng bổ sung các loại khí giới, mỗi ngày tiêu phí hàng ngàn lạng vàng… cân nhắc những thứ đó đã, sau mới có thể dấy quân đánh trận. Thế còn nước Ngô ngày nay, sau khi trừng trị bọn hủ bại, tuy rằng giữa vua tôi đã tâm đắc muôn dân một lòng, nhưng dù sao đi nữa, một đất nước hoang phế lâu ngày như thế, chẳng khác gì người mới ốm dậy, tinh thần và thể chất đều còn chưa được hồi phục, làm sao có thể cắp Khung Long mà vượt qua Thái Hồ được?

Tôn Tử nói dõng dạc, thao thao bất tuyệt, Hạp Lư nghe như nuốt từng lời, nghe như say như dại. Qua cuộc nói chuyện

thoải mái đó, Hạp Lư lại càng hiểu biết và thông cảm thêm một bước nữa với Tôn Tử và khâm phục tới mức không chê vào đâu được. Tôn Tử thật không hổ thẹn là một nhà quân sự, ông luôn luôn nhìn vấn đề bằng tầm nhìn chiến lược chứ không hề vội ham nguồn lợi trước mắt với tầm nhìn thiển cận. Lý luận của ông nêu ra vừa cao sâu khôn lường, nhưng lại rất thực tại gần gũi. Ông nhận thức vấn đề cao hơn người khác một mức và hết sức sâu sắc, nước Ngô, và ngay cả với nước Sở cũng thế. Ông phân tích vấn đề rất thấu đáo, rõ ràng, khiến ai cũng thấy khẩu phục tâm phục. Hạp Lư đã hoàn toàn bị Tôn Tử thuyết phục, không còn nghi ngờ gì nữa, một người mới ốm dậy, muốn mau chóng phục hồi sức khoẻ và mạnh mẽ trở lại… thì phải nhiều thức ăn ngon, tăng thêm nhiều chất bổ. Thế nhưng, nước Ngô lúc này, rốt cuộc nên làm những gì để có thể nhanh chóng phục hồi sức mạnh của đất nước, làm giang sơn nhanh chóng lớn mạnh lên? Ông đem vấn đề ra khiêm tốn hỏi ý kiến Tôn Tử.

Tôn Tử đã nói với Hạp Lư rằng, việc gấp rút trước mắt lúc này là trên cơ sở đã trừng trị bọn hủ bại, phải làm cho quân mạnh nước giàu, cụ thể là phải bắt tay vào mấy vấn đề sau đây: Một là, giảm nhẹ sưu thuế, khuyến khích khai hoang, phát triển sản xuất lương thực. Hai là, phải giảm thuế lưu thông, trừng trị bọn chủ vựa cá, phát triển nghề đánh bắt thuỷ sản. Ba là, mở rộng diện tích trồng dâu, trồng trà, phát triển nghề gia công chè, nuôi tằm dệt tơ. Bốn là, lần lượt huấn luyện bộ binh và thuỷ binh, nhất là phải tăng cường huấn luyện thuỷ binh. Năm là, phát triển nghề nấu luyện, mở rộng các công xưởng của quân đội, đẩy mạnh chế tạo khí giới.

Năm mặt mà Tôn Tử nêu ra; không bao lâu sau đã hình thành những điều khoản trong văn bản chính sách cụ thể của triều đình, rồi đưa ra để các quan văn võ thảo luận thông qua và ban bố để thi hành, rồi cử người theo dõi đôn đốc, không được chậm trễ. Do đã rút ra được bài học trong khi trừng trị bọn hủ bại, cho nên trên là các quyền thần trong triều đình, dưới đến lớp quan lại ở cơ sở, còn ai dám cẩu thả nữa. Ngũ Tử Tư được phân công huấn luyện lính thuỷ, có Bá Bỉ hỗ trợ. Công tử Phu Khái phụ trách huấn luyện lính bộ, có Bị Ly là em của Yếu Ly phụ tá. Chuyên Nghị là con của Chuyên Chư lãnh đạo binh công xưởng, chuyên sản xuất khí giới.

Tôn Tử đi khắp nơi tuần sát, chỉ đạo, phát hiện vấn đề thì kịp thời giải quyết. Nước Ngô từ trên xuống dưới bừng bừng như một ngọn lửa, như những lớp sóng cuồn cuộn, cháy rực bầu trời, cuốn trôi mạnh mẽ. Năm ấy là năm 513 trước công nguyên, năm Hạp Lư thứ hai.

Tôn Tử đã từng cười Hạp Lư thèm quýt, nhưng lại không phân biệt được sự khác nhau của quýt nước Ngô với quýt nước Việt, tuy thích đọc “binh pháp Tôn Tử”, nhưng chưa nắm được tôn chỉ cốt lõi của nó. Sự việc này có một sự kích thích rất mạnh đối với Hạp Lư. Tôn Tử đã có thể từ trong những cuộc chiến tranh các thời đại, đúc rút ra quy luật phổ biến, rồi viết ra mười ba bài “binh pháp”, mà mình lại khổ công đọc nó nhưng không thấy được tôn chỉ của nó, thế chẳng hoá ra ngu dốt như bò như lợn hay sao? Cứ thế lâu dài mãi thì làm gì còn đủ tư cách ngồi thêm trên ngôi báu, còn mặt mũi nào lớn tiếng hò hét và đâu còn dám mong làm bá chủ chư hầu, là vua thiên hạ được nữa? Từ đó, Hạp Lư đã

xa lánh tửu sắc, chuyên tâm chịu khó đọc “Tôn Tử binh pháp” cùng với binh thư các thời đại và các điển tích văn hiến…

Người ta thường nói, có học mới thấy mình còn chưa đủ, ông càng học càng thấy là chưa đủ, càng học càng thấy hiểu biết của mình nghèo nàn, trống rỗng, càng học càng nhận ra rằng hiểu biết và học vấn là vô cùng quý giá… Ông hầu như đã trở thành một cậu học trò chăm chỉ, sách luôn trên tay, đọc sách đến mức như mê muội, đến mức quên ăn quên ngủ. Soả Doãn trại là phòng đọc sách của Hạp Lư, nơi gọi là phòng đọc sách này, trước đây rất ít khi được bày thư tịch và thẻ tre, phần lớn là đồ châu báu và đồ cổ, vì thường có cung nữ đến đây múa hát, cho nên trên tường treo kín các loại nhạc cụ, có lúc còn treo cả vài bộ xiêm áo của đàn bà con gái, nên việc bài trí trong cả căn phòng rất lộn xộn, không ra một thể thống gì. Nhưng bây giờ tất cả đã thay đổi, trong khắp phòng men theo tường là những giá sách bằng tre, trên giá dưới giá, bày đầy những bó thẻ tre, lấp loá đến ngợp cả mắt, như là một rừng thư tịch, một biển tri thức. “Tôn Tử binh pháp” được viết trên lụa với khổ chữ lớn bằng cái hạt đào, rồi treo lên những nơi dễ nhìn nhất trong phòng, ở bên dưới cửa sổ đối diện với nơi treo “binh pháp” kê một chiếc giường, bên giường kê một chiếc án thư, trên án thư có đặt một số thư tịch và một số đồ dùng gọi là văn phòng tứ bảo, tất cả những cái đó nói lên với người ta một điều, Hạp Lư chẳng những ở đây học tập và làm việc, mà còn ở đây nghỉ ngơi và ngủ hàng đêm. Hạp Lư đọc “Tôn Tử binh pháp” bằng cách gà con mổ gạo, cứ nhặt từng hạt từng hạt một, nuốt từng hạt một, mỗi lần chỉ sao chép một lượt, rồi treo lên tường, ngày đọc đêm nghiền ngẫm, nếu gặp chỗ nào nghi

ngờ, khó hiểu, thì nhớ trong bụng, đợi đến buổi chầu, khi ở nơi bàn công việc, nếu có gặp Tôn Tử, liền đưa ra hỏi, cho đến khi tinh thông bài viết ấy mới thôi, lúc đó mới chuyển sang bài khác.

Do quá mệt mỏi và thức đêm nhiều, dần dần khiến sức khoẻ của Hạp Lư suy sụp, cuối cùng lăn ra ốm, hàng mấy ngày liền không lo được việc triều chính, nhưng ông cũng không vì thế mà lơ là việc học tập và nghiên cứu “binh pháp”. Ông ngồi tựa lưng trên giường bệnh, trên án thư vẫn để cuốn “binh pháp” và ở trên tường phía trước mặt cũng treo bài “cửu địa biên” trong “Tôn Tử binh pháp” để khi thấy tinh thần hơi khá lên một chút, là lại đọc một lát, lại ngẫm nghĩ một phen. Đối với Hạp Lư, ông cho rằng: Trong số những bài “binh pháp”, so với mười hai bài kia mà ông đã đọc qua, “Cửu địa biên” là bài mà ông thấy khó hiểu nhất, hầu như bước nào cũng vướng mắc, chỗ nào cũng thấy khó, vì ốm nên không thể thường xuyên gặp Tôn Tử; chỉ có thi thoảng khi Tôn Tử vào hậu cung để thăm hỏi, ông mới có thể tranh thủ thời gian, đưa hàng loạt những vấn đề còn tồn đọng ấy đọc tất cả ra, hỏi Tôn Tử một hồi. Thấy khí sắc trên mặt Hạp Lư còn chưa được tốt lắm, tinh thần cũng chưa sung mãn; Tôn Tử luôn khuyên ông đừng nóng vội muốn biết được hết ngay, chờ khoẻ hẳn rồi sẽ nghiên cứu cũng còn chưa muộn.

Mấy hôm này, Hạp Lư ngủ rất ngon, ăn cũng được nhiều hơn, bỗng thấy tinh thần sảng khoái hơn, chợt nghe tin Tôn Tử đi Vô Tích thị sát việc luyện quân vừa trở lại kinh đô, vội sai nội thị cho vời tới Soả Doãn Trai để đàm đạo, mục đích chính là để hỏi những vấn đề thấy khó trong bài “Cửu địa biên” mà ông vừa đọc mấy hôm nay, luôn tiện tìm hiểu một

chút tình hình luyện quân ở các nơi. Tôn Tử phụng mệnh vào cung, vào tới Soả Doãn Trai, thấy thái y đang bắt mạch cho Hạp Lư, không tiện quấy rầy, liền đứng đợi một bên. Hạp Lư ngẩng đầu, nhìn thấy Tôn Tử, vội vẫy tay cho thái y bước ra, gọi nội thị bê ra một chiếc ghế, đặt ở bên giường bệnh, mời Tôn Tử ngồi, rồi bồi hồi hỏi ngắn hỏi dài, như bạn thân xa nhau lâu ngày gặp lại, không hề tỏ ra có chút gì tôn nghiêm của một bậc quân vương. Tôn Tử cúi chào vấn an, hỏi han về tình hình ngọc thể của đại vương mấy hôm nay hồi phục thế nào, rồi báo cáo kết quả huấn luyện ở những căn cứ quân sự… chuyện nọ chuyện kia, rồi nói sang bài "cửu địa biên" lúc nào không hay. Hạp Lư hỏi:

– Chư hầu đánh nhau trên đất của mình gọi là tản địa, tác chiến ở tản địa, lính tráng nghĩ đến nhà mình, nên phải cố giữ, không thể khinh suất giao chiến. Nếu quân địch công phá thành trì của ta, cướp lương thực trên vườn ruộng của ta, bắt gia súc, cấm ta vào rừng chặt cây đốn củi, chặn đường đi lối lại, chờ cho bên trong ta trống rỗng rồi mới đánh, thế thì làm thế nào?

Tôn Tử đáp:

– Quân địch tiến sâu vào lãnh thổ của ta, binh lính sẽ lấy quân đội là nhà, không dám đi xa nửa bước, chỉ muốn ít phải đánh nhau. Còn quân ta tác chiến ngay trên đất mình, bám đất mà sống, khiến địch có bày trận ra cố thủ cũng không vững, khiến chúng có tấn công cũng không thắng. Khi tập kết được số lớn quân lính, tích trữ được nhiều lương thực vải vóc, gia cố thành trì, dựa vào thế hiểm bố phòng, điều những nhóm nhỏ đi cắt đường chuyên chở lương thực của

địch, chúng khiêu chiến ta cũng không ra đánh. Đợi đến lúc lương thực và trang bị của địch không tiếp tục đưa lên được nữa, ngoài đồng cũng chẳng còn gì để cướp, ba quân lúng túng chán nản, ta mới lấy lợi ra mà dụ, gom chúng lại mà diệt, như thế tất sẽ thắng lợi. Nếu giao chiến với địch, nhất định phải lựa thế mà dẫn dắt, thế tức là dựa vào nơi hiểm trở bố phòng, mai phục, không có nơi hiểm trở thì lợi dụng điều kiện u ám hay bóng tối, xuất kỳ bất ý, đánh vào lúc chúng đang rệu rã, tất sẽ thắng trận.

Câu trả lời của Tôn Tử như một liều thuốc trấn tĩnh làm dịu nỗi đau đớn bệnh tật của Hạp Lư, đồng thời lại như một liều thuốc hưng phấn, làm cho tinh thần Hạp Lư sôi nổi hẳn lên, hai mắt lóng lánh tinh anh, ông tiếp tục hỏi:

– Vào đất người chưa sâu, gọi là khinh địa. Ta mới vào đất địch, quân lính muốn quay về, tiến thì khó mà lui thì dễ, phía sau không có gì hiểm trở, ba quân lo sợ, tướng muốn tiến nhưng lính lại muốn lui, trên dưới không đồng lòng mà kẻ địch có quân mạnh chống giữ, đắp thành trì, sửa chiến luỹ, chỉnh đốn ngựa xe, hoặc chắn trước mặt ta, hoặc đuổi sát sau lưng ta, thế thì làm sao?

Tôn Tử đáp:

– Quân vào đất địch, địch dựa vào chỗ hiểm yếu cố thủ, quân lính muốn quay về, mà lui thì khó, thế gọi là kinh địa. Lúc ấy phải chọn lấy những quân kỵ dũng cảm, mai phục ở những đoạn đường hiểm yếu, ta lui chắc địch sẽ đuổi, đến đó thì ra đánh. Quân đánh ở nơi khinh địa, lính tráng còn chưa quen, cần phải vào sâu chớ có đánh để mà đánh. Không

đến gần thành trì của chúng, không đi những đường giao thông huyết mạch của chúng, phải nghi binh, vờ đi, để làm mê hoặc chúng. Chọn lính khoẻ và dũng cảm, cả quan cả lính đều phải ngậm tăm im lặng mà tiến, cướp lấy lừa ngựa, gia súc của chúng. Ba quân thấy có những thứ đó sẽ không sợ nữa, lần lượt cử những người lính tốt và tinh nhuệ mai phục tại những nơi hiểm yếu, kẻ địch đến thì đánh; nếu địch không đến, thì bỏ đấy mà đi.

Thời tiết đầu xuân, tuy hơi ấm song cũng chưa hết rét, Hạp Lư lại cảm thấy nóng nực, lệnh cho nội thị mở toang cửa sổ ra, để cho thoáng khí, thực ra ông thấy quá hưng phấn; quá xúc động, liền nhổm dậy khoác áo ngồi lên và nêu ra một số vấn đề mới:

– Ta được thì lợi, người được thì cũng lợi, thì gọi là tranh địa. Tác chiến ở tranh địa, địch đến đó trước, chiếm cứ địa hình có lợi, giữ được trận địa có lợi, quân đội tinh nhuệ, từ quan đến lính đều được chọn huấn luyện, hoặc giữ hoặc đem quân ra đánh, để đề phòng quân kỵ của ta, thì ta nên làm thế nào?

Tôn Tử trả lời rằng:

– Cách tác chiến ở tranh địa, kẻ biết nhường thì được, kẻ cố giành lại mất. Địch được tranh địa, sẽ thận trọng và không tấn công, dẫn quân vờ đi. Dựng tinh kỳ lên, dóng trống ầm ĩ, xông đến vùng đất chiến lược hiểm yếu của địch, kéo cành cây trên đường cho tung bụi lên, đánh lừa tai mắt địch, phân công một số lính tốt ngầm mai phục ở một chỗ; quân địch tất sẽ ra cứu, người muốn thì ta cho, người bỏ thì ta nhặt,

tranh thủ giành quyền chủ động. Nếu như ta đến vùng tranh địa trước, địch cũng sẽ dùng cách này, thì sẽ chọn lính tinh nhuệ, cố thủ ở nơi đóng quân, rồi cho phân đội trang bị nhẹ đuổi theo địch, mai phục ở nơi hiểm yếu, địch đánh lại thì quân mai phục tụ lại mà đánh, tất sẽ thắng lợi.

Hạp Lư lúc này như một gã học trò chăm chú nghe bài, Tôn Tử nói đến đâu ông lại chăm chú nghe, vừa nghe vừa suy ngẫm, vừa mày mò khám phá đến đấy, để mong nắm được "tôn chỉ cốt lõi" của nó. Ông như một kẻ hết sức tham lam, không biết thế nào là đủ, Tôn Tử vừa mới giảng giải xong một vấn đề đã lại nêu ra câu hỏi mới:

– Nơi ta có thể qua, địch có thể tới, gọi là giao địa, tác chiến ở giao địa, ta sẽ ngăn cản quấy rối địch, khiến cho chúng không thể tiến lên được. Để đạt mục đích ấy tất phải giữ được các thành trấn ở biên thuỳ, sửa sang những công trình phòng bị, củng cố trại ấp; nếu như không lấy trước, địch sẽ đề phòng, địch có thể lại mà ta không thể qua được, mà lúc đó lực lượng giữa ta với địch không ngang nhau, lúc đó nên thế nào?

Tôn Tử đáp:

– Nơi ta đã không thể đến, người ta lại đến, thì ta nên lấy quân mai phục, không được chây lười uể oải, chờ đến khi địch vừa đến, quân mai phục bốn bề xông lên, xuất kỳ bất ý, đánh phủ đầu ngay, địch sẽ phải ôm đầu mà chạy thảm hại. Hạp Lư thấy Tôn Từ giảng giải giờ lâu đã khô cổ bỏng họng, bèn lệnh cho nội thị bưng trà nóng ra. Nội thị bưng khay trà ra, đang định rót đưa cho Tôn Tử, Hạp Lư liền quở trách:

– Quân ngu xuẩn, không biết gì là lễ phép – Nói xong nhận lấy khay trà, hai tay nâng lên mời Tôn Tử – Xin mời nguyên soái dùng trà!

Hạp Lư lúc này sớm đã không coi Tôn Tử là hàng bầy tôi, cấp dưới, đã tôn lên làm bậc thầy và đối đãi bằng lễ với thầy. Tôn Tử được yêu mà đâm sợ, vội đứng lên nhận lấy chén trà, cúi lưng đáp lễ tạ ơn, mặt đỏ bừng đến gáy. Tôn Tử uống trà, Hạp Lư không hỏi thêm gì nữa, để cho ông được nhẩn nha uống trà, từ từ nhấm nháp vị trà ngon, mãi đến lúc Tôn Tử uống xong và đặt chén xuống bàn, nội thị lại đến rót thêm, Hạp Lư mới lại hỏi tiếp:

– Chư hầu ở sát nhau, đến trước thì kết giao, làm nước láng giềng và giành được đất có sự ủng hộ của đồng minh, gọi là cù địa. Tác chiến ở cù địa, tất phải đến trước địch, nếu như ta lại xuất phát muộn, dù ngựa xe có đi nhanh, cũng không thể đến trước được, thế nên làm thế nào?

Tôn Tử lúc này vừa uống mấy chén trà nóng, cảm thấy ngọt giọng và mệt mỏi cũng tiêu tan nên trả lời hào hứng và đâu ra đấy, ông nói:

– Đất chư hầu rộng bao la, đường nó thông khắp ngả, ta sẽ lấy lễ hậu, dùng xe nhanh để đưa sứ giả, cùng các nước kết liên minh, tạo mối thân tình. Quân ta tuy đến sau, nước đồng minh với ta có thể bớt quân số ra rèn luyện quân lính, nhằm chỗ hiểm yếu mà bố phòng, thân mật với binh lính của ta tăng thêm của cải lương thực cho ta, thay chúng ta dò la tin tức, ta được nhiều người giúp đỡ, địch thì mất bạn bè,

chư hầu sẽ thành thế ỷ dốc, dóng trống lên cùng đánh, quân địch bị tấn công bốn phía, muôn nỗi kinh hoàng, không biết đối phó ra sao, như thế làm gì mà chẳng thua?

Thấy Tôn Tử trên mình còn đầy gió bụi, nét mặt tiều tụy, xem chừng đã khá mệt mỏi, Hạp Lư không nỡ hỏi nhiều thêm nữa, lệnh nội thị đưa ông về công quán nghỉ ngơi, hôm khác lại đàm đạo sau. Tôn Tử lại đang nói rất hào hứng, nên chưa muốn cáo lui. Đúng vậy, người ta sinh ra trên đời, còn có gì sung sướng hơn là được người khác tôn trọng kính nể. Là vua một nước, song Hạp Lư lại say mê mười ba bài "binh pháp" đến thế, đi sâu vào nghiền ngẫm kỹ lưỡng như thế, bản thân sự việc này đã nói lên sự kính nể và tôn sùng với mình.

Giờ phút hạnh phúc nhất của một con người là khi thành quả lao động của họ được người đời khẳng định và tiếp nhận, phát huy đầy đủ tác dụng của nó. Tôn Tử lúc này đã bắt đầu được hưởng niềm hạnh phúc đó. Là những người làm thầy, thường có một tâm niệm sâu sắc rằng học trò đã chăm chỉ học hỏi không biết mệt, khiêm tốn cầu tiến thì bản thân thầy cũng không bao giờ thấy mệt mỏi, cho dù có mệt đến chết, cũng sẵn sàng cam lòng, huống chi trước mặt Tôn Tử lúc này lại đường đường là Ngô vương? Thế nến ông hầu như quên mất rằng Hạp Lư đang ốm, cần được nghỉ ngơi, không được quá mệt mỏi. Trước sự ham học như thế của Hạp Lư, trong lòng Tôn Tử bỗng cảm thấy có một điều áy náy, đang hoài nghi rằng có phải trước đây mình đã hơi thiên lệch trong cách nhìn nhận đánh giá ông, ăn năn vì ngày ấy lẽ ra không nên nói với Ngũ Tử Tư những lời có tính chất khinh nhờn Ngô vương như thế.

Hạp Lư chỉ mong Tôn Tử tiếp tục ở lại, để mình đàm đạo và hỏi han thêm, sau mấy câu hàn huyên, lại chuyển sang hỏi vấn đề mới:

– Đã vào khá sâu trong đất địch, đi qua rất nhiều thành ấp trên đất địch, đất ấy gọi là trọng địa. Ta dẫn quân vào sâu trọng địa, địch cắt đường vận chuyển lương thực của ta, muốn quay về, nhưng rất khó qua những nơi địch đang phong toả. Muốn ăn lương thực của địch, hai bên ở thế bằng nhau và đối chọi nhau, cầm cự nhau. Trong hoàn cảnh ác liệt như vậy, muốn cho quân ta tránh được thất bại thì làm thế nào?

Tôn Tử trả lời:

– Phàm ở vào trọng địa, quân lính ỷ vào dũng cảm mà khinh suất tiến công, đường chuyển vận không thông, thì cướp đồ tiếp tế của địch, dưới lấy được gạo vải thì đưa lên trên, ai lấy được nhiều thì có thưởng, binh lính sẽ không còn có ý bỏ về. Nếu muốn xuất kích lần nữa, nhất định phải thiết thực làm tốt việc canh phòng cảnh giới, luỹ cao hào sâu, làm như địch với ta phải cầm cự lâu dài. Phía địch hoài nghi quân ta liên hệ với trong nước không có gì ngáng trở, chúng sẽ tự bỏ việc ngăn trở ở những nơi hiểm yếu, ta sẽ thừa cơ cử những phân đội nhỏ bí mật ngậm tăm mà tiến, làm cho đất bụi tung mù mịt, rồi bỏ trâu ngựa dọc đường, làm thế để nhử địch. Nếu địch ra đánh, ta sẽ dóng trống lên đánh, ngầm mai phục sẵn, chờ cho chúng vào vòng phục kích của ta, sẽ trong đánh ra ngoài đánh vào, hai mặt giáp công như thế, chúng thua là điều chắc chắn!

Hạp Lư hỏi:

– Hành quân ở rừng núi, hiểm trở, lầy lội... là những con đường khó đi, đều gọi là phỉ địa. Vậy khi quân ta phải tác chiến ở vùng phỉ địa như thế, núi non hiểm trở, hành quân khó khăn, đi lâu thì binh lính mệt mỏi, địch ở phía trước ta, hoặc mai phục phía sau, hoặc cắm doanh trại ở bên trái ta, lại phòng thủ ở bên phải ta, xe tốt quân kỵ giỏi, đánh chặn ta ở nơi hiểm yếu, ta nên làm thế nào?

Tôn Tử đáp:

– Ta nên cho một đoàn xe nhẹ, đi trước quân ta chừng mươi dặm, chờ đợi địch, tiếp chiến ở những nơi hiểm yếu, hoặc vu hồi sang trái, hoặc vu hồi sang phải, tướng phải ra xem trước ngó sau, phân tích hình thế, tìm ra khe hở của địch từ đó mà mang một số quân lớn ra đánh, lựa nơi địa hình thuận lợi để hội chiến, phải nhanh chóng chấm dứt cuộc tấn công.

Đang giữa lúc vua tôi hỏi đáp với nhau nguồn mạch như thác đổ từ trên cao, tuôn chảy ra ngàn dặm, thì Hoạn Giả Lệnh vội bước vào, ướm hỏi cơm trưa nên sắp thế nào để khoản đãi Tôn nguyên soái. Hạp Lư thấy hỏi vậy, làm ra mặt giận, quở rằng:

– Từ khi luyện quân đến nay, nguyên soái phải bươn bả ở các căn cứ quân sự, suốt ngày dầm sương dãi nắng, vất vả biết bao nhiêu, khó khăn lắm mới có dịp về kinh, lại vội đến

đây để dạy ta. Nên khoản đãi thế nào, thì các ngươi phải biết dự liệu lấy, còn hỏi ta làm gì?

Hạp Lư nói như thế, tức là phải khoản đãi Tôn Tử ở mức cao nhất, Hoạn Giả Lệnh lĩnh hội được ý đó vâng vâng dạ dạ lui ra. Tôn Tử từ chối, Hạp Lư không thuận cho, đành khách để tuỳ chủ. Sau khi Hạp Lư bình tâm trở lại, tiếp tục xin hỏi:

– Nếu vào nơi đất hẹp, lại có chỗ để quay lại, địch ít vẫn có thể đánh được ta đông, gọi là vi địa. Nếu ta lọt vào vi địa, phía trước có địch chặn đánh, phía sau là nơi đất hẹp ngáng trở, địch cắt mất đường tiếp tế lương thực, để nhử ta rút về, chúng dóng trống hò hét nhưng không đánh, để xem thực lực của ta, ta nên làm thế nào?

Tôn Tử đáp:

– Tác chiến ở nơi gọi là vi địa, phải bịt được lỗ hổng, để tỏ ra sẽ cố giữ, quân lính cũng buộc phải gắn bó, lấy quân làm nhà, muôn người một dạ, ba quân hợp sức lại, cơm ăn trong mấy ngày, nên nấu cùng một lúc rồi tắt bếp, không thấy lửa khói gì nữa, lấy đó làm rối loạn tình hình, ra vẻ quân ta vừa ít vừa yếu. Có như thế, địch sẽ thấy ta như vậy mà coi nhẹ việc phòng bị. Ta động viên quân lính, kích động họ tức giận, ngầm cho quân tinh nhuệ phục sẵn ở hai bên nơi hiểm trở, rồi dóng trống bất ngờ, đánh như phá vây mà ra, phía trước chiến đấu, phía sau mở rộng chiến quả, quân ở hai bên tạo thế ỷ dốc cho nhau, ứng phó cho nhau.

Hạp Lư lại hỏi:

– Địch lọt vào vòng vây của ta, quân mai phục còn chưa hành động, đã sắp sẵn mưu sâu, thấy bên ta có lợi thế, kéo cờ chạy quanh quân ta, nhao nhao như loạn, không biết chúng định làm gì, ta nên làm thế nào?

Tôn Tử trả lời:

– Hàng ngàn người múa cờ hiệu lên, rồi chia nhau bịt lấy đường huyết mạch, phân đội nhỏ ra khiêu khích địch, người khiêu khích chỉ ra đối đầu với địch mà không đánh thực sự, một khi đã giao chiến, thì không được rút lui, đó tức là cách nghĩ mưu sâu để thắng vậy.

Tin Ngô vương và Tôn nguyên soái đàm đạo việc quân rất lâu ở Soả Doãn Trai đã đến tai Tân vương hậu, bất giác vương hậu bỗng thấy lo âu. Đại vương đau yếu đã lâu ngày mà bệnh thì mỗi ngày một nặng, từ lâu đã cách ly với các phi tần, một mình ra ở Soả Doãn Trai cho thanh thản, thế mà lại đàm đạo binh pháp với bề tôi liên tục không nghỉ ngơi như thế, chẳng hoá ra lại tự huỷ hoại ngọc thể của mình hay sao. Bà đã mấy lần sai nội thị đến lén xem, lần nào quay về cũng nói rằng hai người đang nói chuyện với nhau hào hứng lắm, Tôn nguyên soái chưa hề có ý muốn chấm dứt câu chuyện. Không lâu sau, lại nghe Hoạn Giả Lệnh nói rằng đại vương dặn cho sửa tiệc rất thịnh soạn để đãi Tôn nguyên soái.

Một bữa tiệc thịnh soạn đến đâu, cũng chẳng tiếc vì điều Tân hoàng hậu lo lắng là sợ đại vương quá vui, uống rượu nhiều rồi lại đi đến chỗ vui quá hoá buồn. Bà bồn chồn như kiến bò chảo nóng, áy náy không yên, không biết làm thế nào,

đành phá lệ thường trong cung đình, gọi cung nga dẫn tới Soả Doãn Trai, khéo léo trình bày, muốn ngầm nhắc Tôn Tử hãy nghĩ đến sức khỏe của đại vương, sớm rời khỏi nơi này. Người ta thường bảo, **biết nói không giỏi bằng biết nghe**, với lại Tôn Tử đâu phải hạng người ngu muội, dù hoàng hậu có nói khéo hay không, ông vẫn hiểu ý, lập tức đứng dậy cáo từ. Cho đến lúc này, Hạp Lư cũng vỡ lẽ ra, hiểu được ý định của hoàng hậu, bất giác nổi giận ầm ầm, hô bọn nội thị hãy xua ngay lũ đàn bà con gái này đi. Sau khi trầm ngâm một lát, Hạp Lư hơi trấn tĩnh lại, vội cáo lỗi với Tôn Tử, tự trách phép tắc nơi cung cấm chưa chu đáo, phép nhà chưa nghiêm. Đàn ông đàn ang, suy cho cùng bao giờ cũng có một chút khí lượng lớn lao, một thoáng không thoải mái qua đi, vua tôi lại chuyện trò với nhau như cũ. Hạp Lư đã chủ động phá vỡ sự căng thẳng, ông hỏi:

– Quân của ta ra nước khác, đóng quân trên đất địch. Địch mang một số đông quân ập đến, vây quân ta nhiều vòng. Ta muốn phá vây, bốn bề đều bế tắc, muốn khích lệ quân lính, để họ quên mình vì nước, phá vây mà ra, thì làm thế nào?

Tôn Tử thản nhiên đáp:

– Luỹ cao hào sâu, làm như cố thủ, giữ im đừng hành động. Cáo lệnh với ba quân, làm như bất đắc dĩ. Giết trâu bò, đốt xe, cho quân lính ăn, đốt hết lương thực, san bếp lấp giếng, như cắt tóc dâng cho giặc, tuyệt mọi đường sống. Tướng không có mưu gì khác, lính cũng quyết chết, thế là rèn luyện binh lính, sửa sang khí giới, dồn hết sức lực, đánh vào hai sườn, trống dóng người hô, địch nghe cũng sợ, không biết làm thế nào, ta chia quân tinh nhuệ ra nhiều bộ phận, đánh

hăng vào phía sau của chúng. Như thế là để tìm đường sống. Cho nên mới nói rằng: Kẻ nào bị vây mà không có mưu phá vây thì sẽ bại, bại mà không đánh thì sẽ chết.

Hạp Lư lại hỏi:

– Thế nếu ta vây địch, thì nên làm thế nào?

Tôn Tử đáp:

– Núi cao vực thẳm cheo leo hiểm trở, khó mà vượt qua được, gọi là cùng khấu. Cách đánh cùng khấu, là cho quân lính mai phục ở nơi hiểm trở, ẩn quân vào giữa vùng đất trống hoang dại, để cho chúng một lối thoát. Toàn quân địch đã phải ôm đầu chạy, tất sẽ chẳng còn ý chí chiến đấu, bởi thế nếu có đánh, tuy chúng đông vẫn cứ phá được.

Giờ Ngọ đã đến, nội thị đến xin hỏi cho đặt tiệc ở đâu. Theo ý của Tôn Tử, là cứ ăn trưa luôn tại Soả Doãn Trai, bởi Ngô vương đang ốm chưa khỏi hẳn, đi lại không tiện. Hạp Lư không cho, bởi làm qua quýt như thế với nguyên soái kiêm thầy dạy, không đúng với lễ nghi chút nào, bắt buộc phải đặt tiệc ở trong sảnh khách, dù ốm ông cũng gượng bệnh mà đến hầu tiệc, uống thêm vài chén, để bầy tỏ lòng kính trọng. Thế nhưng vấn đề định hỏi, ông còn chưa hỏi hết, bữa tiệc trưa phải chậm lại nửa canh giờ nữa.

Nội thị vừa bước ra, Hạp Lư liền tranh thủ hỏi ngay:

– Đánh mạnh thì còn, không đánh mạnh thì chết, nơi ấy gọi là tử địa. Ta ở trong tử địa, đường tiếp tế lương thực đã bị

cắt, địch đang phục kích ta ở vùng núi non, hiểm trở, ta tiến thoái đều không được, thì làm thế nào?

Tôn Tử đáp:

– Đốt hết đồ dùng để chuyên chở quân ta, phân chia số tài sản còn lại của ta, khích lệ đông đảo quân sĩ để họ thấy không còn đường nào sống, dóng trống hò hét mà xông lên, tiến về phía trước không nghĩ gì hơn, quyết liều mình giành lấy sức mạnh, để được sống, các tướng sĩ sẽ đồng lòng dũng cảm chiến đấu. Nếu địch ở tử địa, quân lính hăng hái, thì không nên liều lĩnh tiến đánh, mà nên cắt đường tiếp tế của chúng, phong toả vây khốn chúng, ém quân ta vào nơi có lợi, khiến cho quân ta như nỏ đã căng luôn giữ vững trận địa, sẵn sàng chờ địch.

Hạp Lư lại hỏi:

– Quân địch chiếm giữ vùng núi non hiểm trở, ỷ vào thế hiểm chờ đợi quân ta, lương thực lại đầy đủ, khiêu khích chúng cũng không chịu ra, sơ hở là xông ra cướp bóc, vậy thì làm thế nào?

Tôn Tử đáp:

– Chia quân ra giữ chỗ hiểm yếu, phòng bị tốt chớ lơi lỏng, đi sâu vào dò la tình hình của chúng, ngầm chờ lúc chúng trễ nải, lấy lợi mà dụ, không cho chúng được chăn ngựa, kiếm củi. Địch không được gì, tất sẽ thay đổi cách đánh cố thủ. Chờ cho quân địch ra khỏi trận địa hiểm yếu, ta sẽ tranh giành những chỗ mà chúng muốn, địch tất sẽ đánh để

giành lại, ta lựa khe hở mà đánh. Cứ như thế, dù địch có chiếm nơi hiểm trở, ta vẫn có thể đánh được.

***

Người ta thường bảo miệng nói thì đầu mệt, huống hồ Hạp Lư và Tôn Tử lại không phải là nói chuyện phiếm, mà là bàn việc quân, nói về cách đánh địch, đàm đạo với nhau về chiến lược chiến thuật, lại nói với nhau cả buổi như vậy. Hạp Lư nằm trên giường thấy không hề gì, bệnh tình không nặng thêm, ngược lại còn thấy tinh thần phấn chấn, sức sống dồi dào hơn, trong bữa tiệc trưa đã luôn cạn chén, niềm vui dâng tràn. Từ đó đó con ma bệnh tật hình như cũng run sợ mà lánh xa, long thể bỗng khoẻ khoắn trở lại.

Trên đồng cỏ mênh mông, trai gái vui hò hát, sức sống dâng cuồn cuộn, người ta bổ cuốc vung liềm khai khẩn đất hoang, trên đồng cỏ nhấp nhô mọc lên những căn lều tạm khói lam từng sợi vươn lên tầng cao, giống như những chiếc lều da của người Mông Cổ trên đồng cỏ, lại như những cây nấm sau mỗi cơn mưa mọc lên trên triền núi. Những căn lều lúa nói lên rằng, muốn khai khẩn được nhiều đất hoang hơn, đã có không ít gia đình chuyển luôn đến ở ngay đồng cỏ, mong được ra sớm về muộn, làm quên cả mệt. Còn một số nhiều hơn các gia đình khác thì vẫn một ngày hai bữa mang cơm ra đồng. Người đi đưa cơm phần lớn là cụ già con trẻ, họ luôn tiện cho cả bò cừu ra chăn nuôi ở đấy. Những con chó giữ nhà trung thành cũng theo chủ ra chốn này chạy tung tăng khiến cảnh trí thêm phần sống động. Trên đồng cỏ xanh, con gái quần hồng, con trai quần nâu, cừu trắng, bò vàng… điểm xuyết vào đó là những con chó màu đen chạy

đi chạy lại, tạo thành bức tranh phía bắc giữa vùng Giang Nam. Mấy tháng trời qua đi, phía sau những con người này, đã hiện ra một cánh đồng màu mỡ phẳng lì, thẳng tắp đến chân trời, phả lên mùi nồng nàn của đất mới. Năm tới ở đây sẽ là đồng lúa vàng gợn sóng, hương thơm ngào ngạt đến say đắm lòng người.

Trên sườn núi, người đông như kiến, ùn ùn lay động, những con người cần cù của mảnh đất Giang Nam đang đem sức tạo nên tầng tầng lớp lớp ruộng bậc thang, trồng lên những vườn dâu nương chè xanh bát ngát. Không bao lâu nữa, ở đây sẽ là một vùng chè xanh mướt mắt như gấm thêu lấp lánh.

Khu vực Thái Hồ hay bị lụt lội, nhiều phen huỷ hoại nghiêm trọng bức tranh vùng quê. Muốn quân mạnh nước giàu, không trị tận gốc nạn lụt ở Thái Hồ, thì điều đó chỉ là nói suông. Với việc này, những người nắm chính quyền nước Ngô đã nhìn rõ mồn một, cho nên đã tập hợp hàng vạn dân công hoặc khơi thông mương máng, hoặc đắp đê bỏ kè, hoặc đào thêm sông mới, hoặc xây cống đắp đập trên dưới một lòng, muôn người như một khắp nơi rầm rộ hăng say…

Thái Hồ mênh mang, Trường Hồ dào dạt, cột buồm như rừng, mái chèo như thoi đưa, buồm trắng thấp thoáng, điệu hò kéo lưới theo gió vang lên từng hồi tạo nên một khung cảnh bận rộn mà vui vẻ tấp nập. Những xóm thôn phố xá quanh hồ, cùng những hòn đảo sầm uất trên hồ, đâu đâu cũng thấy tôm vàng cá bạc, đợi đến mùa sau khi hoa lau nở trắng, hàng ngàn cánh buồm lại lướt sóng đi các ngả, chở những đặc sản như bạc như vàng này của nước Ngô đến các

vùng Trung Nguyên hoặc bán lấy tiền hoặc trao đổi lấy hàng hoá khác, cho đầy kho công, cho tăng nguồn lợi của dân, để mong quân mạnh nước giàu.

Bên bờ đầm Nga Chân ở vùng sâu triền Côn Sơn, lò cao mọc lên khắp nơi, khói tuôn lên cao như mây, đấy là nơi luyện sắt thép, rèn dao đúc kiếm. Trong thành Vũ Tiến, bên bờ Ngô Giang, khắp nơi rộn vang tiếng đe tiếng búa… đó là nơi rèn ra binh khí thương đao.

Mỗi một cánh rừng, mỗi một cửa khẩu, mỗi một dòng sông, mỗi một mặt hồ, mỗi một thị trấn… trên đất nước Ngô đều có đặt căn cứ quân sự, lính bộ lính thuỷ thay phiên nhau luyện tập đêm ngày.

Một ngày giữa mùa hạ, nóng như nung người, Tôn Tử tháp tùng Hạp Lư, mang theo đông đảo quan văn võ, ngồi xe cưỡi ngựa lục tục tới Khung Long để xem diễn tập quân sự với khoa mục là đánh chiếm đỉnh Khung Long. Quân chia làm hai cánh phải trái. Phù Khái là chủ soái của tả đội, Bị Ly là chủ soái của hữu đội, bên nào lên được đỉnh Lạp Mạo giật được lá cờ đỏ ở đấy trước là bên ấy thắng. Muốn giật được cờ đỏ trước chẳng những phải leo nhanh, lại còn phải tìm đủ cách để ngăn không cho đối thủ leo lên. Đường leo lên núi và cách thức ngăn cản đối phương đều do chủ soái các cánh quân xác định, như vậy một là phải trông vào mưu mẹo và tài ba của chủ soái, hai là phải trông vào tố chất của quân lính. Trống trận nổi lên, hai cánh quân tranh giành nhau vừa đúng một ngày, bên nào cũng có mặt mạnh, mặt yếu, nhưng chưa ai giành được thắng lợi; đúng là kỳ phùng địch thủ, thế lực đều tám lạng nửa cân. Đến lúc vàng mặt

trời, lại khua lệnh lên, thu quân. Cứ như thế kịch chiến với nhau ba ngày, rốt cuộc vẫn không phân thắng bại.

Hạp Lư thấy sốt ruột, bèn nói với Tôn Tử:

– Tại sao nguyên soái không thử xem, cũng để cho Phu Khái và Bị Ly mở mắt ra một chút chứ!

Ngô vương đã lệnh thế Tôn Tử còn chối từ làm sao được, qua bàn bạc, ông thay vào chức vụ của Bị Ly, chỉ huy hữu quân. Đêm ấy, dưới ánh trăng ông đã sắp đặt lại mọi việc.

Nguyên là hai sườn nam bắc núi Khung Long thế núi khác nhau, sườn nam thoải hơn, dễ leo hơn, nhưng đường lại xa; sườn bắc cheo leo lửng lơ ngất ngưởng, lởm chởm nhấp nhô đủ kiểu, khe sâu vực thẳm, rãnh ngầm tối om, chim bay không tới, ma kinh vượn rợn, nhưng đường đi lại chỉ bằng một phần ba sườn phía nam.

Ánh trăng chiếu vào lòng núi, những khe những luỹ thấp thoáng ẩn hiện, hắt lên những ánh sáng lạnh ớn người, từ trong rừng sâu thi thoảng lại vẳng đưa những tiếng chim lạ, lúc thì thầm như giọng nói đàn bà, lúc lại ré lên như tiếng khóc trẻ thơ, có lúc lại như cụ già ho khù khụ… Ở một khoảng bằng phẳng trên đỉnh gò, đã tụ tập tới hàng ngàn người ngựa của hữu quân. Tôn Tử đang động viên nhắc nhở trước khi bước vào chiến đấu và sắp đặt kế hoạch. Sau cùng ông nói:

– Phàm có kẻ nào dám trái lệnh, quân pháp sẽ không tha!

Tướng sĩ ai ai cũng hiểu rõ hàm ý câu quân pháp không tha ấy là gì, bởi việc Tôn Tử chém hai nàng cơ Hạ và Khương, đã lan truyền trong khắp ba quân, đêm nay chủ soái nhắc lại thế, không ai không run sợ. Đừng thấy trên lưng gò này phẳng phiu như thế mà tưởng tầm thường, phía tận cùng của nó lại hẵng như treo, sâu thẳm khôn lường. Tôn Tử chọn mười người lính nhanh nhẹn và khoẻ mạnh, đứng dàn hàng ngang trên đỉnh gò cao, phát hiệu lệnh, hàng ngang đi đều bước về phía trước, đi đến mé vực đá treo, có người không sợ chết, tiếp tục bước về phía trước, rơi xuống vực sâu, tan xương nát thịt; có người trái lệnh dừng chân, hoặc dùng dằng không dám bước. Tôn Tử hạ lệnh chém đầu những kẻ sợ chết ngay bên bờ vực sâu, trọng thưởng những dũng sĩ đã rơi xuống vực, tặng họ danh hiệu vẻ vang, cho nhiều vàng bạc để an ủi gia đình họ. Sau đó, cho tình nguyện ghi tên, tổ chức một đội cảm tử một trăm người, giao hẹn người đầu tiên leo lên được đỉnh, cướp được cờ đỏ sẽ thưởng năm mươi lạng vàng và được đề bạt lên quân uý, những người leo lên sau, theo thứ tự, thảy đều có thưởng, các binh sĩ còn lại, từ sườn phía nam tìm cách ngăn cản tả quân leo lên núi, công bố rõ ràng lệnh thưởng phạt nghiêm minh. Sắp đặt mọi việc đâu vào đấy, tất cả về doanh trại nghỉ ngơi, đêm ấy qua đi bình thường.

Giờ thìn hôm sau, trống trận lại dóng lên, cuộc diễn binh bắt đầu, Tôn Tử không ở chỗ hữu quân chỉ huy chiến đấu mà vẫn cùng các quan văn võ tháp tùng Hạp Lư thăm diễn tập, tay cầm quạt ba tiêu, cười nói ung dung. Cuộc kịch chiến ở sườn phía nam còn hăng hơn mọi ngày, người xem không ai không náo nức, nhưng hồi hộp lo thay cho cả đôi bên. Người nào chỉ hơi tinh ý một chút là thấy ra ngay, chiến

thuật của hữu đội hôm nay thay đổi hẳn, những lính tráng khoẻ mạnh tinh nhuệ không đi leo núi, chỉ ra sức ngăn chặn không cho tả quân tiến lên.

Họ cố sức leo lên một điểm cao, nhưng không tiếp tục leo cao thêm nữa, tất cả quay mình lại đứng trên nhìn xuống, lấy đá lăn, gỗ lao để khống chế đối phương, khiến cho họ không tiến lên được nửa bước, thậm chí còn ép cho họ xuống tận chân núi. Các quan trong triều thảy đều thắc mắc, không hiểu Tôn Tử đang định giở bài gì, cứ như thế này cho phòng mà không tiến công, có đánh đến ba năm cũng khó phân thắng bại. Đang giữa lúc Hạp Lư và quần thần nát óc nghĩ mãi không hiểu ra sao thì thấp thoáng đã nhìn thấy có người leo lên đến đỉnh, nhổ được lá cờ đỏ, giơ cao lên, lấy hết sức mà phất lên như báo tin thắng trận. Những người lần lượt leo lên theo sát phía sau có tới hơn chục người, họ đã chiếm lĩnh được đỉnh núi Lạp Mạo. Văn võ bá quan nhìn nhau kinh ngạc, không ai không thán phục.

Một ngày cuối thu, Tôn Tử lại dẫn mọi người đến Thái Hồ để xem lính thuỷ diễn tạp. Giờ Mão ngày hôm sau, mặt trời hồng vừa mới nhô lên, cả mặt hồ lấp loáng như vàng. Giờ Thìn, thời tiết bỗng thay đổi hẳn, cuồng phong gào thét, sóng gió ngút trời, thuyền buồm lũ lượt theo nhau về cảng, chim chóc cũng lẩn đi đâu hết, núi non ẩn mình, các đảo trên hồ, ngay trong gang tấc cũng không thấy bóng đâu, tựa hồ như bị cơn gió tai quái này cuốn tít lên mây xanh mất rồi… Những người hiểu rõ tính nết của Thái Hồ đều nói, diễn tập trong thời tiết này, quả thật là đem sinh mạng tướng sĩ ra làm trò đùa, giống như bài ca dao nước Ngô đã nói: “Tháng mười cuối thu gió bấc thổi, mười thuyền ra hồ

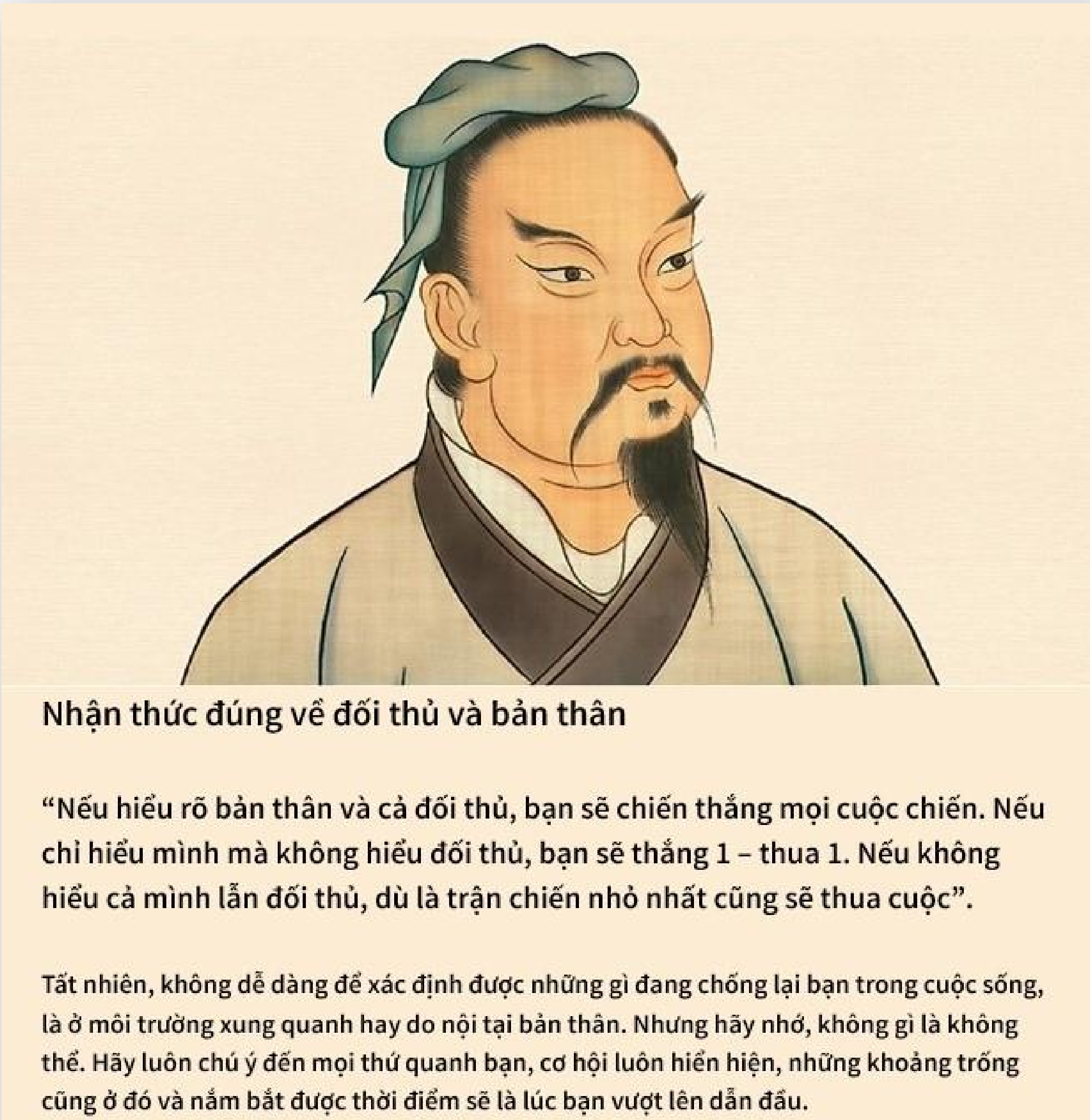
chín không về". Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ ngay từ bé đã sống và lớn lên ở nơi sông nước lầy lội, đương nhiên là thấm thía sự nghê gớm của những cơn "gió bấc tháng mười" này, người làm tướng soái, có ai lại không thương xót tính mạng binh lính của mình. Mặc dù trong lòng họ tha thiết mong được đánh Sở báo thù, nhưng trong thời tiết quái quỷ thế này, có thể tiến hành diễn tập trên hồ được hay không, họ cũng không dám quả quyết, bèn hỏi Tôn Tử, ông nói:

– Đem quân đánh Sở, phần lớn là đi đường sông nước, biết đâu lại chẳng gặp phải "Gió bấc tháng mười", ngày thường không luyện tập, trong chiến đấu thì làm thế nào? Hơn nữa thời tiết xấu địch tất sẽ lơi là, ta có thể nhân sơ hở đó mà đánh vào, sao có thể vì sóng to gió lớn mà run sợ không tiến lên?

Chủ soái đã định, Ngũ Tử Tư với tư cách là một chủ tướng rõ ràng chẳng còn nói được gì, quân lệnh như sơn, hiệu phát lệnh, cuộc diễn tập vẫn tiến hành như thường. Sóng to gió lớn, thuyền bè trong hồ bập bềnh chẳng khác gì những chiếc bánh trôi ở trong nồi, nhấp nhô chìm nổi. Cột buồm nghiêng ngả, mái chèo chuệch choạc, nhiều thuyền bị lật bị đắm, lính tráng làm mồi cho cá kể tới hàng ngàn, tổn thất nặng nề. Tuy nhiên cuộc diễn tập lính thuỷ lần này, đã hình thành trong tướng sĩ quân Ngô một niềm tin, tạo cho họ một lề thói tốt đẹp là trên đời này chẳng có cái gì vững đến mức không thể đổ, anh dũng ngoan cường thì chẳng có gì đáng gờm, chẳng có gì phải sợ!

Cuối năm, Hạp Lư đi thị sát các địa phương và quân đội, thấy dân giàu quân mạnh mà hả hê trong lòng, tựa như

người còng lưng tự nhiên đứng thẳng được dậy, bước đi cũng đã dám nhìn cao bước rộng. Sau chuyến ấy quay về, một lần nữa lại hỏi Tôn Tử lúc nào thì đánh Sở, Tôn Tử vẫn lắc đầu, khiến Hạp Lư chẳng còn biết ra làm sao nữa!



CHƯƠNG XVIII

ĐÁNH PHẢN THẦN NƯỚC NGÔ CHẶT VÂY CÁNH NƯỚC SỞ

Lại nói cuối năm 513 trước công nguyên, tức là năm Hạp Lư thứ hai, Ngô vương đã nghe lời khuyên của Ngũ Tử Tư, đi thị sát các nơi, thấy nước giàu quân mạnh, bỗng thấy hả hê trong lòng, khi trở về như ngứa ngáy chân tay, một lần nữa lại ướm hỏi Tôn Tử khi nào thì đem quân đánh Sở. Tôn Tử vẫn lắc đầu.

Có ba nguyên nhân khiến Tôn Tử lắc đầu: Một là trong quá trình luyện quân, đã phơi bày rất nhiều nhược điểm của các bộ tướng, cần phải tập trung họ lại để huấn luyện, mới có thể trao trọng trách cho họ chính thức chỉ huy chiến đấu. Hai là tin báo của các gián điệp còn chưa đến tay được hết, tình hình mọi mặt của nước Sở còn chưa nắm được tới mức như lòng bàn tay. Ba là bọn xấu còn rơi rớt lại chưa trừ khử hết, các bày tôi tâm phúc của tiên vương là Yển Dư và Chúc Dung còn lần lượt ở nước Từ và Chung Ngô đang nhòm ngó chính quyền nước Ngô. Mà tư xưa đến nay muốn đem quân đánh người khác thì trước hết phải dẹp hết mọi lo lắng hiểm hoạ trong nội bộ mình, mới tránh được điều lo ngại về sau. Sau khi kể rõ ba nguyên nhân trên, Tôn Tử nói:

– Không phải là quá tự ti hay nhút nhát, chiến tranh là việc lớn của một đất nước, nó quan hệ đến sự sống chết của dân, sự mất còn của đất nước, phải cân nhắc cho trọn vẹn, suy nghĩ cho kỹ và quan sát tỉnh táo, rồi mới quyết đoán. Vua

không thể nổi nóng mà dấy quân, tướng không thể chỉ tức mà đánh trận. Thiết nghĩ rằng, nổi nóng rồi có thể vui trở lại; tức giận cũng có lúc sẽ nguôi, nhưng mất nước thì làm sao có thể lấy lại được? Người chết sao có thể sống lại được… Nên vua sáng suốt thì phải thận trọng, tướng tài phải tỉnh táo, đó chính là đạo yên đất nước và vẹn toàn cho quân đội…

Ba nguyên nhân này, thực ra có thể nói là Hạp Lư chưa từng nghĩ tới, nhưng đã học qua "binh pháp" rồi, nên khi Tôn Tử mới nhắc đến, ông ta chợt hiểu ra ngay. Thật vậy, chiến tranh thành bại không phải là do tình cảm chi phối, phải quyết định bằng thực lực nên phải bình tĩnh không nóng vội, để chờ thời cơ chín muồi.

Tôn Tử còn nói, người thợ khéo tay trước khi tạc vào gỗ đá thì trong lòng mình và mắt mình, đã phải tạc rạ một phác thảo rất rò ràng, chỉ cần đục bỏ đi những phần thừa, là đã thành một kiệt tác, cũng như nhà hoạ sĩ gọi là "tranh đã ở trong lòng", chiến tranh phải chắc nắm được nhiều điều kiện thắng lợi hơn người, thì mới có thể đánh, đã đến lúc đánh, thì không phải là đánh để thắng, mà là đánh để xác nhận rằng đã thắng. Nếu bản thân không hề tính nhiều đến điều kiện thắng, bên địch cũng không có những yếu tố thất bại, chỉ nên xả hơi cho khoẻ quân để chờ thời cơ, thế mới là thượng sách.

Tôn Tử đã so sánh và phân tích tình hình giữa nước Ngô và nước Sở qua bảy mặt như: bên nào vua chúa hiền minh hơn; bên nào tướng soái có tài hơn; bên nào có điều kiện tốt hơn về thiên thời địa lợi; bên nào mệnh lệnh được chấp hành thấu đáo hơn; bên nào thực lực quân sự hùng hậu hơn; bên

nào quân lính được huấn luyện đến nơi đến chốn hơn; bên nào thưởng phạt nghiêm minh hơn... Tình hình nước Ngô ra sao, Hạp Lư có thể khá thông thạo, nhưng có một điều ông ta chưa lường tới được, đó là Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ, họ đều là bầy tôi nước Sở sống lưu vong, một khi cuộc chiến tranh đánh nước Sở bùng ra, trăm họ có thể hiểu lầm cuộc chiến tranh này vốn không phải ý của Ngô vương, mà là Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ vì muốn báo thù riêng nên đã thuyết phục Ngô vương đi đánh.

Nếu chiến tranh có lợi cho nước Ngô, thì việc đó không đến nỗi phơi bày ra; nhưng nếu cuộc chiến không có lợi cho nước Ngô, thì Ngô vương nhất định sẽ bị dân oán. Nước Sở khi Phí Vô Cực đang cầm quyền, chính trị thối nát, vua tôi mỗi người một phách, lúc ấy có đánh Sở còn tương đối dễ. Còn ngày nay Phí Vô Cực đã bị trừ khử, đất nước đã lấy Thiên vương làm trung tâm, cả nước đoàn kết một lòng, hơn nữa tả lệnh doãn Tử Tây, hữu lệnh doãn Nang Ngoã, đều là những kẻ trí dũng song toàn, đánh nước Sở không phải là việc dễ. Huống hồ, nước Sở lại là viên ngọc sáng ở đông nam Hoa Hạ, đất rộng của cải nhiều, lính khoẻ ngựa hay, đã từng đọ sức với nước Tề nước Tấn, ngay thời kỳ Phí Vô Cực còn cầm quyền, chính trị thối nát, cũng vẫn là một con sâu trăm đốt, không chịu chết ngay, nên không thể xem thường.

Một ngày giữa mùa xuân năm 512 trước công nguyên, Tôn Tử đã dẫn Hạp Lư đi thị sát tình hình huấn luyện ở các căn cứ quân sự. Mùa xuân ở Giang Nam đẹp như một bức tranh, non xanh nước biếc, liễu ẩn hoa tường, Thái Hồ mênh mang, đất trời liền một giải, trong không khí cũng ngạt ngào mùi hương thắm đượm và nồng ấm. Tôn Tử và Ngô vương đi bộ

thay cho xe, len lỏi chan hoà vào cảnh hoa hồng liễu thắm ở bên bờ Thái Hồ. Ngẩng đầu lên, thấy một con chim ưng đang sải cánh giữa trời xanh, lúc thì nó vỗ cánh liệng đi liệng lại lúc sau nó lại xoải cánh ra dừng lại giữa tầng không một lúc lâu, như gắn chặt vào một chỗ; rồi chợt nó lại lao xuống, nhanh như một mũi tên. Tôn Tử như bị con chim ưng kia hút lấy, dừng hẳn chân lại, ngẩng mặt lên trời, mãi không thấy cất bước, khiến cho Ngô vương ngẩn người ra không hiểu tại sao. Rồi ông bỗng như cảm nhận ra điều gì, buột miệng hỏi:

– Đại vương hãy nhìn xem, con chim ưng oai hùng ở trên cao kia, làm sao nó có thể bay khoẻ lượn giỏi như thế được?

Hạp Lư thấy Tôn Tử hỏi có vẻ ấu trĩ, nực cười, trả lời luôn không đắn đo:

– Đương nhiên là bởi tại nó có đôi cánh khoẻ.

– Nếu chặt đôi cánh ấy đi thì sao nhỉ? Tôn Tử hỏi dồn, Hạp Lư đáp:

– Chặt đôi cánh ấy đi, thì nó chẳng bằng một con ngan ngờ nghệch, làm sao có thể bay lượn thế kia ở trên không được.

– Nếu như đang bay thế kia mà chặt cánh thì sao nhỉ – Tôn Tử lại hỏi.

Hạp Lư không chút hàm hồ, trả lời ngay:

– Thì rơi xuống đất chết chứ còn sao nữa.

– Hay lắm! – Tôn Tử cao hứng như muốn nhảy lên, khoa chân, múa tay trên bãi cỏ xanh – Đại vương trả lời hay lắm!

Tuy trả lời rất chính xác, khiến cho Tôn Tử phải mừng rỡ khác thường, nhưng Hạp Lư vẫn không rõ được tại sao Tôn Tử lại hỏi những câu như thế, làm cái chuyện chẳng đâu vào đâu, cái gì đã khiến Tôn Tử mừng rỡ như điên như rồ. Sau khi nói là chẳng hiểu gì, ông lại thật thà khiêm tốn nêu ra câu hỏi. Tôn Tử đã phân tích rằng, nước Sở cũng ví như con chim ưng kia, chim ưng cố nhiên là khác với chim sẻ, tuy nhiên nó có thể bay lượn giỏi giang, lại có thể bắt được bồ câu và thỏ rừng, chính là vì nó đã dựa vào đôi cánh khoẻ mạnh dẻo dai, đôi cánh ấy không phải là cái gì khác, với nước Sở, đó chính là đông đảo những nước phụ thuộc như nước Từ, Chung Ngô, Hồ, Thẩm, Trần, Hứa, Thái, Đốn… Nếu như chặt những vây cánh ấy đi trước, nước Sở lại chẳng như con chim ưng trên không rơi xuống mà chết hay sao? Hạp Lư nghe xong, bấy giờ mới vỡ lẽ, ngầm tự than mình không bằng người, kiên quyết làm theo cách của Tôn Tử, đánh dẹp bọn phản thần nước Ngô, để chặt vây cánh của nước Sở.

Muốn đánh dẹp hai tên phản thần là Yểm Dư và Chúc Dung, tiêu diệt hai nước Từ và Chung Ngô, tuy không phải là chuyện khó, nhưng đây lại là lần dấy quân đầu tiên sau khi Tôn Tử nhận làm nguyên soái, nên ông không muốn vì thế mà khinh suất. Trước khi đi đánh, ông đã tập trung các tướng lĩnh lại một chỗ, huấn luyến riêng về những vấn đề còn tồn tại trong những lần diễn tập vừa qua. Trong huấn luyện đã áp dụng phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn,

trước tiên, Tôn Tử đã lên lớp giảng giải những điều thường thức trong binh pháp và tập trung nói về trách nhiệm, điều kiện và cách chỉ huy chiến đấu của người làm tướng lĩnh, sau đó, dưới sự chỉ đạo của những lý luận đó, tiến hành diễn tập một lần nữa.

Sự chỉ huy của tướng soái, là nhân tố chính để phát huy tính năng động chủ quan trong chiến tranh. Tình trạng chính trị, cơ sở kinh tế, thực lực quân sự, ngoại giao và điều kiện địa lý, thiên thời … của hai bên tham chiến, trong tiến trình thực tế của chiến tranh, đều thuộc về những điều kiện hiện thực tồn tại khách quan. Muốn làm cho những điều kiện hiện thực này chuyển hoá thành những nhân tố chiến tranh sống động, mấu chốt là ở chỗ kế hoạch và sự chỉ huy của tướng lĩnh. "Tướng" là nội dung chủ yếu mà ông nêu ra là "ngũ sự" (năm mặt phân tích nghiên cứu khả năng thắng bại của chiến tranh) là đạo (lý lẽ), trời, đất, tướng, pháp (kỷ luật), và "thất kế" (vua thì có đạo – lý lẽ – tướng thì có tài, trời đất thì phải được, pháp lệnh thì phải theo, lính tráng thì phải mạnh, tướng sĩ phải được rèn luyện, thưởng phạt phải rõ ràng), là nhân vật mấu chốt phò tá vua chúa quyết định sự an nguy của đất nước. Tôn Tử nói: "Làm tướng, chính là người phụ tá đất nước, nếu chu đáo thì nước sẽ mạnh, làm không đầy đủ nước sẽ yếu". Ông cho rằng, một tướng soái hiểu biết về binh lính và biết dùng binh, chúa tể vận mệnh của trăm họ, trụ cột quyết định an nguy của đất nước.

Tôn Tử chỉ ra, một tướng soái tốt, cần phải hội đủ năm phẩm chất tư cách là trí, tín, nhân, dũng, nghiêm. Trí tức là sự khôn khéo mưu mô, chỉ khả năng mưu hoạt chiến tranh, chỉ

huy chiến tranh; Tín, tức là lòng tin, là niềm sở cậy, lời nói phải có độ tin cậy, nói phải giữ lời, thưởng phạt đúng như đã hứa; Nhân, tức là tấm lòng bao dung yêu mến cấp dưới của mình, gắn bó với trăm họ; Dũng tức là gan dạ quả quyết, tức là dứt khoát kịp thời, không biết run sợ; Nghiêm, tức là đòi hỏi chặt chẽ, giữ nghiêm kỷ cương trong quân đội; Nhân từ là lòng tin được binh lính tin cậy, có thể quên mình vì tướng; Trí và dũng đủ để mưu hoạch chiến tranh, dẫn quân đón đánh địch; Nghiêm sẽ sinh ra uy, là cơ sở để cho quân lệnh như sơn, sự điều độ được nhịp nhàng nhất trí, khiến quân đội trở thành một tập thể kiên cường. Năm loại phẩm chất nói trên vừa là điều kiện của tướng soái và cũng là đòi hỏi ở tướng soái.

Tôn Tử còn đòi hỏi các tướng lĩnh được hiển quý mà không kiêu ngạo, được giao trọng trách mà không độc đoán chuyên quyền, nguy nan không run sợ, mỗi hành động đều phải trong sáng như ngọc không tì vết. Tôn Tử chỉ ra rằng, người làm tướng soái, có năm nhược điểm chủ yếu: Có khoẻ mà không có mưu, chỉ biết đánh thục mạng, rất có thể bị địch dụ mà giết; lúc lâm trận thì run sợ, ham sống sợ chết, có thể bị địch bắt sống; nôn nóng dễ nổi giận, chạm vào là bùng nổ ngay, rất dễ bị địch sỉ nhục mà manh động; muốn giữ mình trong sạch mà háo danh, tự tôn quá mức, cũng rất có thể bị địch lăng nhục mà mất đi lý trí; chỉ biết "yêu dân" thì có thể bị địch quấy rầy, lâm vào thế bị động. Năm điểm này là những sai lầm tướng soái dễ mắc phải, là hoạ hại của kẻ dùng binh. Quân đội bị thảm bại, tướng soái bị giết hại, phần lớn đều do năm nhược điểm chủ yếu kia gây nên, đó là những điều mà mỗi người làm tướng soái không thể không cân nhắc thận trọng.

Người làm tướng soái, còn phải biết xử lý chính xác mối quan hệ giữa mình và nhà vua. Tôn Tử chỉ ra, tướng soái chỉ huy tác chiến, nhận lệnh nhà vua, mục đích chinh chiến của tướng soái là ở chỗ yêu nước phò vua, bởi vậy, phải chịu trách nhiệm trước nhà vua, là chức trách của tướng soái.

Sau khi nhận lệnh, tướng soái không thể lúc nào cũng phải gò bó hoặc chấp hành lệnh vua một cách máy móc, phải căn cứ vào tiến trình thực tế của chiến tranh để quyền biến. Đồng thời, phải nắm được và thông hiểu cái hay của cửu biến, có những con đường không nên đi qua, có những kẻ địch không nên đánh, có những thành ấp không nên vào, có những chỗ đất không nên tranh giành, có những lệnh vua có thể không chấp hành.

Cùng với việc giảng giải những vấn đề trên cho các tướng lĩnh, Tôn Tử còn thẳng thắn nhắc nhở Hạp Lư, có ba trường hợp vua chúa có thể di hại đến quân đội: Không biết quân đội không thể tiến lên mà lệnh cho tiến lên, không biết quân đội không thể rút lui mà ra lệnh rút lui, như thế gọi là trói buộc quân đội; không biết sự việc nội bộ, lại can thiệp vào công việc hành chính của họ, thì quân sĩ sẽ không biết tin vào đâu; không biết quyền mưu khi dùng binh lại can thiệp vào công việc chỉ huy, tướng sĩ sẽ nghi hoặc. Ba quân vừa không biết tin cậy vào đâu, lại vừa nghi hoặc, chư hầu sẽ nhằm chỗ sơ hở đó mà đánh, tai hoạ sẽ đến ngay, như thế là làm rối loạn quân ta để cho quân địch thắng lợi.

Đối xử như thế nào với cấp dưới, đối xử như thế nào với binh lính, là một vấn đề quan trọng mà người làm tướng cần phải

xử lý tốt, về vấn đề này, Tôn Tử nhấn mạnh hai điểm, một là "yêu quân" hai là "ngu binh".

Tôn Tử nói, làm tướng soái đối đãi với binh lính phải như người cha thương yêu con trẻ của mình, như vậy, binh lính sẽ cùng với tướng soái xông vào nơi nước sôi lửa bỏng; đối với binh lính, tướng sĩ có thể thương yêu gắn bó, quan tâm như yêu con mình, binh lính có thể cùng sống chết, cùng hoạn nạn với tướng soái. Ngay cả những người lính ngu đần hay bướng bỉnh khó bảo, cũng phải tỏ ra ôn tồn, đối đãi với họ bằng tấm lòng yêu thương, quyết không được bỏ rơi hay khinh rẻ họ, cũng không thể khiên cưỡng đối với họ, đúng như binh pháp đã nói: "Lấy nhu để khắc cương, lấy yếu để chế ngự mạnh. Nhu chính là đức vậy". Yêu quân còn bao gồm cả việc đòi hỏi nghiêm ngặt và sử dụng đúng mức, nếu đối xử với binh sĩ mà hậu đãi quá mức và có ý cùng chiều, không thể sai khiến được, phạm kỷ luật cũng không thể xử lý nghiêm túc thì quân đội đó sẽ trở thành "kiêu binh" khó có thể xung phong vào trận.

"Ngu binh" là bắt binh sĩ phải phục tùng tuyệt đối, phục tùng mù quáng. Tôn Tử nói: Thống soái quân đội thì phải trầm tĩnh, tỉnh táo, dò trước xét sau, nghiêm túc thận trọng, có đầu có cuối. Che bịt tai mắt của binh lính, khiến cho họ không được biết mảy may gì về kế hoạch quân sự; thay đổi nhiệm vụ, thay đổi mưu kế, làm cho không ai có thể biết được, thường xuyên thay đổi chỗ đóng quân, hành quân vu hồi quanh co, khiến người ta không có cách nào biết được ý đồ hành quân của ta…

Nhiệm vụ tướng soái giao phó cho binh lính, như cho lên cao rồi ở dưới rút thang, khiến cho họ chỉ tiến không lui được. Cho một bộ phận thâm nhập vào đất của chư hầu, phải như tên nằm trên lẫy nỏ, khiến cho tên bay đi không trở lại. Phá ván để chìm thuyền, bày tỏ quyết tâm phải chết. Như người lùa đàn cừu lùa đi rồi lại lùa lại, làm cho nó cuống lên không biết nên thế nào.

Trong cuộc tập trung huấn luyện lần này, từ các mặt chiến lược, sách lược, chiến thuật … Tôn Tử đã bàn tới nghệ thuật chỉ huy của tướng soái, nhất là nêu bật hai vấn đề lớn là tính chủ động và tính linh hoạt trong chiến đấu.

Nắm chắc quyền chủ động, đó là vấn đề người chỉ huy phải giải quyết trước hết trong chiến đấu. Quân đội mất quyền chủ động trên chiến trường, tất nhiên sẽ rơi vào tình trạng bị động và chịu đòn. Tôn Tử nói, kẻ thiện chiến phải luôn làm sao cho mình đứng ở thế không thua, lại không bỏ qua bất kể một dịp nào để giành thắng lợi. Bởi thế, kẻ thắng trước hết phải tạo ra điều kiện giành thắng lợi rồi sau đó mới tác chiến với địch. Kẻ thua thường tác chiến với địch trước rồi sau đó mới giành thắng lợi bằng cách ăn may.

Tôn Tử chỉ ra: phàm những người đến chiến địa mà chờ địch, bao giờ cũng ung dung tự chủ, kẻ đến sau lại phải vội vàng đối phó, vừa mệt mỏi lại bị động cho nên người thiện chiến, thường căng địch ra mà đánh chứ ít khi chịu để địch lôi kéo mình, Nếu như kẻ địch chiếm lĩnh địa thế có lợi ở chiến trường sớm hơn mình một bước, phải tìm mọi cách chuyển hoá tình hình địch ta, rồi căng dãn địch ra, làm cho tình thế chủ động và có lợi chuyển sang phía ta. Để đạt mục

đích đó, đối với những kẻ địch đã được chuẩn bị đầy đủ, người làm tướng có thể qua những biện pháp như đánh úp, quấy rối … để cho chúng phải mệt mỏi kiệt sức vì phải đối phó. Đối với những kẻ địch được cung cấp đầy đủ phải biết dùng cách cắt đường lương thực, đốt phá kho lương của chúng, khiến cho chúng đói khát không có gì ăn. Đối với kẻ địch cố tình án binh bất động, phải đánh vào chỗ hiểm yếu của chúng, cướp lấy những thứ chúng vốn ưa thích để chúng phải ra giữ, nhằm điệu hổ ly sơn.

Về tính linh hoạt, Tôn Tử nói: "Việc quân sự dùng binh tác chiến không có kiểu cách hay phương pháp gì cố định không thay đổi, cũng như nước kia vốn không có một hình dạng gì cố định, nhưng tướng lĩnh có thể lựa theo sự thay đổi tình hình của địch để giành thắng lợi thì đó gọi là giỏi như thần". Ông đòi hỏi ba quân phải thành một thể thống nhất, phối hợp chặt chẽ với nhau, hơn thiệt phải nhất trí với nhau, như rắn ở Hằng Sơn đánh vào đầu thì nó lấy đuôi ứng cứu. Tôn Tử còn chỉ ra, cầm quân tác chiến, còn là một hành động dối trá, làm tướng soái, phải biết ngụy trang cho giỏi tạo nên giả tượng, có thể tấn công lại làm ra là không, muốn đánh đấy nhưng lại làm ra là đang phòng thủ, muốn hành động ở gần đâu đó lại cố làm như sẽ sắp hành động ở nơi xa, muốn hành động ở nơi xa lại làm ra gần. Tôn Tử đã dạy cho các tướng lĩnh phải "tuỳ địch mà tìm cách thắng" địch có biến đổi, ta cũng phải biến theo, linh hoạt chỉ huy. Lại phải biến hoá giữa kỳ và chính, xen kẽ giữa thực và hư, khiến cho địch không sao mò ra được tình hình. Phải tránh thứ chiến thuật cứng đờ, chấp hành mệnh lệnh rập khuôn máy móc, cố giữ cách làm theo chủ nghĩa kinh nghiệm cũ rích.

Qua học tập lý luận và thực tập quân sự một lần nữa, những người chỉ huy các cấp trong quân đội nước Ngô, đã được dùng "Tôn Tử binh pháp" vũ trang cho đầu óc của mình, nâng cao tố chất quân sự, phát triển tài năng chỉ huy, Tôn Tử thấy vậy, ngầm vui trong lòng. Người ta thường nói làm ruộng thì phải năng ra đồng, ngựa hay phải được thử sức trên chiến trường xa xôi, Tôn Tử quyết định lập tức dấy quân đi diệt trừ bọn phản thần còn rơi rớt lại như Yểm Dư, Chúc Dung, tiêu diệt Chung Ngô và nước Từ để thử xem sức chiến đấu và trình độ chỉ huy của các tướng lĩnh thế nào.

Nuôi quân ba năm, đánh giặc một giờ, nhắc đến chuyện dấy quân đi quét sạch lũ tàn ác còn rơi rớt lại, đánh Chung Ngô và nước Từ. Khỏi cần phải nói, khắp nước Ngô từ trên xuống dưới, trong ngoài quân đội không ai không vui mừng, vỗ tay khoan khoái, thế nhưng trong việc bố trí binh lực lại nảy ra sự bất đồng. Tôn Tử đề nghị phong Ngũ Tử Tư làm đại tướng, Bá Bỉ phò tá, lấy một phần ba số quân, lên phía bắc đánh Chung Ngô và nước Từ. Ngũ Tử Tư nói:

– Từ với Chung Ngô không bõ một đòn, mổ gà cần gì phải dùng dao giết trâu?

Bá Bỉ nói:

– Từ Yểm Dư và Chúc Dung, như bắt cá ở trong vại làm gì nguyên soái phải dấy quân rầm rộ thế.

Phu Khái nói:

– Từ và Chung Ngô đều là nước nhỏ, cứ sai sứ sang bắt bọn quan chạy trốn ấy về, chúng không dám không theo, việc quái gì phải mang quân đi mệt mỏi xa xăm thế!

Từ và Chung Ngô là hai nước phụ thuộc của Sở, ở giữa hai tỉnh Giang Tô và An Huy ngày nay và ở phía bắc vùng Hồ Hồng Trạch lại sát ngay bên nước Ngô, cả hai đều là nước nhỏ, dân nghèo, quân ít, có đánh nhau với nước khác, thì mười phần nắm chắc chín phần thua nên mục tiêu nhằm vào nước Từ và Chung Ngô chủ yếu là để bắt phản thần, quét sạch những tên độc ác còn rơi rớt, chặt bớt vây cánh của nước Sở, thực ra là giao chiến với nước Sở. Tôn Tử nghĩ rằng thanh thế quân Ngô lớn mạnh đến thế, Yểm Dư và Chúc Dung quyết không dám ra mặt chống lại và tất sẽ chạy sang nước Sở. Nước Sở sẽ đối xử như thế nào với phản thần của nước Ngộ, họ sẽ thu nhận hay sẽ đuổi đi? Liệu họ có cử quân hùng tướng mạnh giúp Yểm Dư và Chúc Dung đón đánh quân Ngô để trả mối thù Kê Phụ? Hơn nữa, thấy nước Ngô đem quân tiêu diệt hai nước phụ thuộc của mình, nước Sở liệu có khoanh tay ngồi nhìn hay không? Và một điều nên biết nữa là đất đai nước Sở hàng ngàn dặm, xung quanh có hàn chục nước phụ thuộc, dân giàu, nước mạnh, phương tiện chiến tranh đầy đủ, Tử Tây, Nang Ngõa, Thẩm Doãn Tuất, Vũ Thành Hắc, Tử Tất... đều là những hạng có sức khoẻ muôn người không địch nổi, hơn nữa, những tướng lĩnh có mưu trí thì nhiều như sao trên trời, sao có thể mù quáng mà lạc quan, sao có thể khinh suất được. Tôn Tử đang muốn nhân dịp này, thăm dò nông sâu, để sau này có đánh Sở không đến nỗi phải chết đuối. Tôn Tử đã nói với Ngô vương và đông đảo các quan văn võ về suy nghĩ và dụng ý

này, đương nhiên là được mọi người đồng lòng tán thưởng, thế là đã chọn ngày để cất quân tiến lên phía bắc.

Quả không ngoài dự đoán của Tôn Tử, Yểm Dư, Chúc Dung nghe tin quân Ngô với vị đại gia binh pháp Tôn Vũ làm nguyên soái, Ngũ Tử Tư, Bá Bỉ đang thống soái đại quân thuỷ lục tiến quân về phía nước Từ và Chung Ngô, thì sợ hết hồn hết vía, vội vàng hẹn nhau ra hàng Sở. E rằng nước Sở không chấp nhận, họ đã dùng lễ hậu, vàng bạc để hối lộ hữu doãn nước Sở là Nang Ngoã. Đọc xong thư xin hàng của Yểm Dư và Chúc Dung, Sở chiêu vương như mó vào sâu róm, hết sức khó xử, vội cùng bàn bạc với Nang Ngoã xem nên đối xử như thế nào với hàng tướng nước Ngô. Nang Ngoã cố làm ra vẻ thận trọng suy nghĩ nói:

– Công tử Quang giết Vương Liêu, thoán quyền cướp ngôi, trừ Khánh Ky, củng cố chính quyền; đề trừ hậu hoạ, nay lại tìm đánh Yểm Dư, Chúc Dung. Những viên quan đang trốn chạy này của nước Ngô muốn tìm đường sống nên đã ra hàng, ta không có lý nào để từ chối, hơn nữa họ còn mang theo hàng vạn binh lính, đối với ta chỉ có lợi mà không có hại, cớ sao lại không vui vẻ nhận lời?

Chiêu vương lại cho rằng sự việc không hề đơn giản như vậy, nhận hàng tướng nước Ngô, tất sẽ làm cho quan hệ với nước Ngô xấu đi.

Nang Ngoã thản nhiên nói:

– Tiếp nhận Yểm Dư và Chúc Dung sang hàng, quả là có ảnh hưởng đến tình hữu nghị giữa nước ta và nước Ngô, tuy

nhiên một nước Sở hùng mạnh, sao có thể vì nể sợ nước Ngô mà từ chối miếng béo bở kề tận miệng.

Tử Tất ở bên cạnh xía ngang vào:

– Tiếp nhận anh em Yểm Dư có thể mở rộng được lãnh thổ, tăng thêm binh lực, quả là một tên trúng hai đích, tuy nhiên Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ từ lâu đã muốn đem hết sức ra để báo thù, nay ta nhận hàng tướng nước Ngô, bọn vong thần của nước Sở như Ngũ Tử Tư … liệu có thể thôi thúc Hạp Lư, lấy cớ đánh quân phản nghịch, đem quân đánh ta không?

Nang Ngoã nghe xong cười ha hả. Chiêu vương hỏi:

– Cớ sao ái khanh lại cười?

Nang Ngoã vẫn cười, cười xong mới đáp:

– Thần không phải không lo đến chuyện đó, ta nhận hàng tướng nước Ngô, nếu Ngũ Tử Tư có đem quân đến khiêu chiến, thần đã có một diệu kế để chống lại.

– Ái khanh có kế gì hay vậy? Nói ta nghe ngay – Chiêu vương thúc giục hỏi.

Nang Ngoã chậm rãi đáp:

– Nếu quân Ngô đến đánh, tất trước hết sẽ đánh Dưỡng ấp ở vùng biên giới của ta. Yểm Dư, Chúc Dung sang hàng mang theo ba vạn quân, ta sẽ nhiệt liệt đón nhận, sau đó cử họ giữ Dưỡng ấp. Nếu quân Ngô đánh đến, thì chỉ có anh em nhà

họ cọ xát với nhau, ta chẳng mất gì, anh em Yểm Dư mà thắng; ta thu lợi không phải ít, nếu thua, ta cũng chẳng đau đớn gì đến thân.

Chiêu vương nghe vậy, thấy quả là một diệu kế, tấm tắc khen mãi và lập tức ban chỉ, tiếp nhận Yểm Dư, Chúc Dung sang hàng.

Yểm Dư, Chúc Dung mang ba vạn quân sang hàng. Sở Chiêu vương đón tiếp vào cung, mở tiệc chiêu đãi và nói:

– Hai vị tướng quân là vương tộc nước Ngô, nay sang với nước Sở, khiến quả nhân mừng không để đâu hết, nay sửa một mâm cơm nhạt gọi là để tẩy trần cho hai vị.

Anh em Yểm Dư, Chúc Dung tiến thoái lưỡng nan, trước sự khoản đãi thịnh tình của Sở vương, cảm động tận đáy lòng, bái phục sát đất, nói:

– Anh em chúng tôi như hai con chó lạc nhà, đại vương đã chẳng chê, đã tiếp nhận còn hậu đãi thế này, thật không bao giờ quên, mai sau dù gan nát óc lầy cũng xin báo đáp.

Trong bữa tiệc, hương rượu thơm lừng, của ngon vật lạ lần lượt bày ra, thôi thì đèn sáng rượu hồng, chén bát chạm nhau tíu tít, rượu đã ngà ngà, Nang Ngoã mới nâng chén nói:

– Mai sau thời vận đến với hai vị, sẽ là Ngô Vương và Thái tể, nâng chén này để chúc hai vị không lâu nữa nắm quyền nước Ngô, chúc hai nước Ngô Sở mãi thân mật hoà thuận.

Chiêu vương nói:

– Thành Dưỡng ấp của ta là nơi gần nước Ngô nhất, quả nhân muốn để thành này cho hai vị trấn giữ, làm căn cứ sau này cướp lại quyền lớn. Nếu cần thiết, nước Sở ta sẽ mang hết sức mình ra giúp.

Nang Ngoã cũng nửa tỉnh nửa say nói:

– Người xưa nói "Chim Việt đậu cành nam; ngựa Hồ hý gió bắc". Hai vị tướng quân đem quân ra đóng ở Dưỡng ấp, làm sao lại chẳng nhớ chốn cũ muốn quay về mà rèn quân luyện mã chứ.

Vua tôi nước Sở đã sắp đặt như thế, không có gì khác là để khi quân Ngô đánh vào, lấy họ ra làm mộc chắn tên, nhưng kết quả lại làm cho kẻ cùng đường hết lối, nảy sinh ra một viễn cảnh tươi sáng.

Có được sự trợ giúp lớn lao của nước Sở, rất có thể sẽ cướp được quyền lớn của nước Ngô! Ôm ấp một giấc mộng đẹp hão huyền như vậy, hai anh em quỳ rạp xuống đất khấu đầu lia lịa tạ ơn Sở vương, từ miệng họ vẳng ra những lời ngu đần: "Mai sau cướp được chính quyền, nhất định sẽ không quên ơn đại vương".

Anh em Yểm Dư đã mắc lừa nước Sở, ôm ấp giấc mơ phục quốc hão huyền, từ Sính đô phải đến Dưỡng ấp để coi giữ biên cương cho nước Sở.

Anh em Yểm Dư ra đi không lâu, tả lệnh doãn Tử Tây đi sứ về, nghe biết chuyện này thấy rất không vui. Ông ta trách móc Sở vương và Nang Ngoã, không nên tiếp nhận hàng tướng nước Ngô, như thế tất sẽ thành cái cớ và lý lẽ để nước Ngô đem quân đánh Sở. Đối với Tử Tây, lần này nước Ngô có dấy quân, mục đích chủ yếu không phải ở chỗ tiêu diệt nước Từ và Chung Ngô, bắt sống hoặc giết Yểm Dư và Chúc Dung mà mũi giáo sẽ chỉ thẳng vào nước Sở. Vấn đề rất rõ, diệt nước Từ và Chung Ngô chẳng qua như giết lợn mổ chó mà thôi, việc quái gì phải đao to búa lớn, làm cuộc đại can qua, huy động tới một phần ba số quân như thế? Bắt sống Yểm Dư và Chúc Dung cũng thế, như bắt cá trong vại lấy đồ trong túi, việc quái gì phải đến Tôn Vũ làm soái, Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ làm tướng như thế? Từ khi có lịch sử đến nay, nước Ngô luôn bị nước Sở xâm lăng cho nên oán hận đã sâu.

Sau khi Ngũ Tử Tư chạy sang theo nước Ngô, cả chục năm trời lúc nào cũng đau đáu muốn mượn quân đánh Sở để trả thù sâu oán nặng về cả nhà bị giết. Bá Bỉ sau này cũng chạy sang nước Ngô với mục đích như thế, lúc này họ vừa vặn một người làm chủ tướng, một người làm phó tướng, dẫn quân thuỷ bộ cùng tiến, khí thế rầm rầm như thế đâu há chỉ dừng lại ở chỗ chỉ diệt nước Từ và Chung Ngô, giết Yểm Dư và Chúc Dung không thôi? Nước Ngô ngày nay, từ lâu đã khác xa nước Ngô ngày nào. Ngô vương Hạp Lư, là ông vua có thể làm nên, biết chiêu hiền đãi sĩ, biết nghe lời can gián khuyên ngăn sửa chữa sai lầm, mang hết sức ra trị vì đất nước. Từ khi lên nắm chính quyền đến nay, ông đã trừng trị bọn thối nát, đề xướng sự liêm khiết, khuyến khích việc cày cấy phát triển nghề làm thợ và buôn bán, luyện tập quân đội, coi trọng cả lính thuỷ lính bộ, nên mới chỉ có hai năm

trời, đã trị vì nước Ngô thành một đất nước quân mạnh nước giàu, lính giỏi ngựa hay.

Tôn Vũ vốn có tài thâu trời tóm đất, với khả năng xoay chuyển càn khôn, có sức ngăn sóng dữ, đã từng viết ra mười ba bài "binh pháp", là tác phẩm để các nhà quân sự vươn lên những đỉnh cao, như ánh mặt trời xán lạn, chiếu sáng được đến tất cả mọi nơi, để nếu có thủ thì vững như kim thang, nếu có công thì vững không sức gì đánh đổ. Ngũ Tử Tư là lớp người sau của ba đời danh tướng nước Sở, nổi tiếng trên đời về trí dũng thiện chiến, nay mang mối thâm thù trong lòng đến đây với thế như hổ dữ lao xuống núi. Ngoài ra còn Bá Bỉ, Phu Khái, Chuyên Nghị con của Chuyên Chư, Bị Ly em của Yếu Ly, đều là những con người mưu trí dũng cảm nổi tiếng trong ba quân. Đứng trước một kẻ địch mạnh mẽ như vậy, nước Sở sao có thể tự cho mình là ghê gớm, không chuẩn bị, mà dám khinh suất. Cho Yểm Dư và Chúc Dung đóng giữ Dưỡng ấp để chống chọi, chẳng khác gì lấy bánh bao để ném chó, thực ra chỉ làm cho chó thèm khát thêm. Trời sắp đổ mưa, nước lũ tràn về, phải nhanh chóng tu sửa đê điều, để ngăn lũ lụt, nếu không, đê vỡ nước tràn, hậu quả không sao lường hết được. Tích cực chuẩn bị đối phó với chiến tranh, tăng cường quốc phòng, dàn binh ra vùng biên giới giáp nước Ngô, sẵn sàng đón đợi quân Ngô, đó chính là việc gấp rút của nước Sở, chớ có để cho quân Ngô vào tới biên cương nước Sở, vượt lên thành ấp nước Sở để thăm dò nông sâu.

Tử Tây và Nang Ngoã là tả hữu lệnh doãn, chẳng khác gì hai cánh tay của Chiêu Vương, ấy thế nhưng người nọ với người kia lại vốn có tị hiềm, cứ như thế mâu thuẫn càng thêm căng thẳng, ngay cả trên triều đình, họ tranh cãi với nhau ngay

cả trước mặt đông đảo văn võ bá quan, Nang Ngoã thậm chí còn buông thả, thượng cẳng chân hạ cẳng tay, vu cho Tử Tây đã bị nước Ngô mua chuộc, cho nên mới đề cao chí khí của nước Ngô, làm mất oai phong nước Sở. Cũng còn may là Sở Chiêu vương vốn không đần độn như Bình vương, ông biết phân biệt phải trái, trước hết nhìn lại mình, rồi sau mới phê bình Nang Ngoã, thế là hạ chiếu ban chỉ điều binh khiển tướng, bố trí đón đánh địch.

Trước đông đảo đình thần, Nang Ngoã bị bẽ mặt, tức tối đầy một bụng, đương nhiên không cam chịu, ém ở bên mình Chiêu vương mối hiểm hoạ có thể bùng nổ bất kể lúc nào.

Lại nói Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ, cầm quân tiến về phía nước Từ và Chung Ngô, còn chưa đến nơi, đã nghe tin Yểm Dư và Chúc Dung trốn sang hàng nước Sở và theo lệnh Sở vương, đồn trú ở Dưỡng ấp để chống lại quân Ngô. Hai tướng chẳng khó khăn vất vả gì tiêu diệt được Chung Ngô, yết bảng hiểu dụ để yên dân và lập tức kéo quân đến nước Từ. Nước Từ không phải như vua tôi nước Ngô từng dự đoán là không bõ một đòn, vua nước Từ là Chương Vũ ỷ vào kinh đô nước Từ bốn bề núi cao bao bọc, địa thế hiểm yếu, một người giữ ải muôn người khó qua, một mặt sai sứ sang nước Sở, đi ngày đi đêm, cáo cấp xin cứu viện, một mặt dựa vào thành cao hào sâu, co lại cố thủ, để chờ quân Sở đến cứu.

Nguyên là kinh đô nước Từ phía bắc núi cao vây như thành, đỉnh nhô lên tận mây xanh, vách đá cheo leo, khe sâu vực thẳm, khuất nẻo âm u khiến người ta chỉ nhìn đã toát mồ hôi hột. Thế núi ấy đã tạo nên một bức bình phong tự nhiên, kẻ nào đến xâm lăng, muốn đến gần nước Từ bằng hướng

bắc thì còn khó hơn là lên trời. Sông Đà chảy từ tây bắc tới, đến đây vòng một nửa vòng tròn, chảy về hướng đông bắc rồi lại vòng uống phía nam chảy vào sông Hoài. Phía nam kinh đô nước Từ, mé bờ trái của sông Đà là một lưng núi, như giữ cho kinh đô này không bị dòng sông xói lở. Nói cách khác, kinh đô nước Từ ở chân những quả núi cao, giữa một vùng lòng chảo tựa lưng vào vách núi, giả sử như trên vách núi đó đục ra một lỗ hổng, thì nước sông Đà sẽ ào ào rót thẳng vào kinh đô, người sẽ làm mồi cho tôm cá, của cải sẽ chìm trong nước và trở thành một vùng mênh mông. Từ vốn nước nhỏ quân ít không bao giờ có tham vọng đi chinh phạt người khác, lúc nào cũng phải luôn đề phòng nước lớn xâm lược, thế nên rất chú trọng việc xây dựng thành trì, bồi đắp nhiều đời, đến lúc này đã luỹ cao hào sâu, vững như kim thang, khó bề công phá, một là để giảm thương vong, hai là tranh thủ thời gian. Vì biết quân nước Sở thế nào cũng đến cứu, cho nên phải công phá được kinh thành nước Từ trước khi quân Sở đến nơi, Tôn Tử đã quyết định dìm kinh đô nước Từ trong nước lũ.

Đây là một kế sách rất tuyệt diệu, điều chưa từng được nêu ra trong mười ba bài “binh pháp”, không cần đánh trận, có thể tranh thủ được thời gian, lấy được kinh đô, tiêu diệt nước Từ. Tuy nhiên dân chúng sẽ bị liên luỵ, sẽ phải chịu đựng một tai hoạ, thế nên khi chọn kế sách này, Tôn Tử đã phải trải qua cuộc đấu tranh tư tưởng rất khổ sở. Bất kể thế nào, chiến tranh vẫn là một gã điên cuồng khát máu, là một con quái vật khiến người ta không nắm bắt nổi. Bất kể cuộc chiến tranh với tính chất như thế nào, giành đi kéo lại, người chịu khổ nhiều nhất lại vẫn là đám dân đen. Tuy nhiên con quái vật ấy nó vẫn cứ sờ sờ tồn tại giữa đất trời,

như đất đai, như sông núi, không thể còn hay mất theo sự yêu ghét của con người, là một hiện thực khách quan không thể thay đổi theo ý chí con người. Nó là tội lỗi và tàn ác, tượng trưng của máu và lửa, nguồn gốc của đau khổ và tai nạn, thế nhưng nó lại là động lực lớn lao thúc đẩy lịch sử loài người tiến về phía trước. Cho nên Tôn Tử đã bỏ sức ra chuyên tâm nghiên cứu binh pháp, cuối cùng, dùng chiến tranh để tiêu diệt chiến tranh, giành lấy hoà bình và hạnh phúc.

Tuy vậy, chuyện đó phải trả giá bằng máu với số lượng nhiều như nước biển Đông và với thời gian dài dằng dặc. Trời vừa mới rơi một trận tuyết lớn, những mầm lúa mạch trên đồng đang mọc lên dưới tấm chắn tuyết dày, dồn nén sức mạnh chuẩn bị đầy đủ cho một vụ bội thu vào mùa hè năm tới. Từ sông Đà đến kinh đô nước Từ lại có một cánh đồng rộng tới năm dặm, nếu đục sườn núi ở mé trái sông Đà ra, dòng nước sông vô tình sẽ nhấn chìm biết bao nhiêu mẫu ruộng màu mỡ và đầy mầm lúa mạch. Dân dĩ thực vi thiên, đất đai, chính là cái gốc của mạng sống con người…

Để cố gắng giữ cho ruộng vườn bị nhấn chìm ít nhất, Tôn Tử đã đào mương đắp đê ở phía trong sườn núi thẳng tới tận chân thành, cho nước sông chảy theo những mương máng đó, không tràn ngập ra đồng ruộng. Không những thế, Tôn Tử còn hạ lệnh cho đào hào đắp đê trước chuẩn bị cho việc dẫn nước đổ vào thành, tạm thời không đục ngang lưng núi. Phải tổ chức hàng trăm người xung trận, ra tay vung cuốc vung xẻng, xe qua gánh lại ở nơi định đục thủng núi để che mắt đối phương. Tôn Tử làm như vậy nhằm mục đích tăng thêm áp lực với vua nước Từ là Chương Vũ, ép hắn phải mở

cổng thành ra hàng. Nếu vua nước Từ vẫn tỏ ra ngoan cố bướng bỉnh, không nghĩ gì đến tài sản của dân chúng trong ngoài thanh, gan lì cố thủ, chỉ còn cách tập trung binh lực đột kích đục thủng lưng núi xả nước xối vào kinh thành. Chiến tranh vốn rất tàn khốc sao có thể đối xử với nó bằng tình cảm của đàn bà con gái được?

Tôn Tử thân chinh tổ chức một cuộc họp quân nhân để động viên và sắp đặt trước khi bước vào trận đánh, nói rõ tôn chỉ, trình bày cách đánh, nhấn mạnh quan quân nước Ngô phải coi dân chúng nước Từ như người ruột thịt, không được đe doạ và xâm phạm họ. Người dân rơi vào cảnh chiến tranh, đã là điều không may lắm rồi, tướng sĩ nước Ngô phải đối với họ bằng trái tim nhân ái và tấm lòng trắc ẩn, nếu phát hiện thấy kẻ nào chà đạp giày xéo lên người dân nước Từ, nhất định sẽ phải trừng trị thật nghiêm khắc. Sau khi động viên, công trình đào hào đắp đê được triển khai toàn diện, trên ngang lưng núi cũng sôi lên sùng sục, ồn ào khác thường. Từ lưng núi vào phía trong, chia ra làm mấy đoạn, do các bộ phận lần lượt hoàn thành. Lính tráng chia làm ba toán, trong mười hai canh giờ liên tục không ngơi nghỉ, mặc gió bấc gào rít hay tuyết trắng tung bay đầy trời, mọi người đều cởi phăng cả áo bông, hăng hái làm việc, xẻng cuốc vung lên vèo vèo như gió, người chở đất chở cát chạy đi chạy lại như bay. Đêm đêm, trên mảnh đất rộng ngang lưng núi bên ngoài kinh thành, đèn đuốc thắp lên, sáng như ban ngày, tiếng hát hò, tiếng gọi nhau như biển rộng ào ào sóng gió. Dân chúng nước Từ lũ lượt bỏ cả nhà cửa công việc, chạy đi lánh nạn. Từ hôm khởi công đến lúc này, về căn bản không gặp điều gì trắc trở, công trình tiến triển khá thuận lợi.

Vào khoảng trưa ngày thứ tư, Tôn Tử nhận được tin báo ở Trương trang có một hiệu uý quân Ngô thảm sát người già nước Từ, dân chúng nước Từ nhào lên chống lại, quân với dân kịch chiến, tình thế vô cùng nguy ngập. Tôn Tử dẫn binh lính đến tận nơi xem xét, thấy hàng trăm dân chúng nước Từ vung liềm vung cuốc lên chống lại binh lính nước Ngô, hai bên đánh giáp lá cà, quấn chặt lấy nhau, đôi bên đều bị thương vong, trên tuyết trắng, nằm rải rác tới cả chục xác chết, từng vết máu nhuốm đỏ sẫm trên mặt tuyết. Nhìn thấy thế, Tôn Tử nghiêm giọng hạ lệnh cho quân Ngô bỏ vũ khí trên tay xuống, buộc họ phải dừng lại, cho dù có bị đánh chết hàng trăm hàng ngàn người, cũng không được đụng đến một cái lông chân của dân chúng nước Từ! Tướng sĩ nước Ngô, ai cũng biết quân lệnh của Tôn nguyên soái ghê gớm thế nào, đã nói là như đinh đóng cột, hai nàng cơ yêu dấu của Ngô vương Hạp Lư cũng chỉ vì làm trái quân lệnh mà phải bêu đầu, hỏi ai còn dám coi quân lệnh của Tôn Tử là thứ trò đùa nữa?

Mệnh lệnh của Tôn Tử truyền đi trong gió bấc thét gào, giống như một tiếng thét long trời, đông đảo quân lính cũng như hàng ngàn hàng vạn dân chúng nước Từ đều nghe rành rành từng tiếng một. Quân Ngô vâng lệnh, trước hết bỏ khí giới trong tay xuống, lần lượt lại có hàng chục người ngã xoài trên vũng máu, dần dần, dân chúng nước Từ hình như được cảm hoá, cũng tự giác bỏ liềm, cuốc trên tay xuống và chăm chú nghe những lời nguyên soái quân Ngô giảng giải. Nhân dịp này, ông đã nói với mọi người về nước Sở độc ác như lang sói, xâm lược nhiều nước nhỏ yếu hơn mình, tàn khốc bòn vét, bóp nặn mồ hôi nước mắt dân chúng, khiến cho những nước này người dân không một phút nào yên,

trăm họ đang quẫn quại trong nước sôi lửa bỏng. Ông vạch ra rằng Chương Vũ muốn giữ ngôi vua, đã bợ đỡ tâng bốc Sở vương thế nào, hàng năm đem một số lớn lương thực, vải đay, chè và vàng bạc châu báu dâng lên Sở vương, khiến cho dân chúng nước Từ đói rét quanh năm, quẫn quại chờ chết. Rồi ông lại nói về quân đội nước Ngô là một đội quân nhân nghĩa, chức trách của đội quân nhân nghĩa ấy là trừng trị kẻ mạnh, bênh vực kẻ yếu, cứu dân chúng những nước nhỏ yếu này ra khỏi cơn nước lửa. Sau cùng Tôn Tử đã quở trách tên hiệu uý ấy quân Ngô, tại sao lại coi thường quân lệnh, dám giết hại dân chúng nước Từ. Tôn Tử vừa hỏi chưa dứt lời, quân Ngô và dân chúng nước Từ nhao nhao bước lên tâu trình gót đầu sự việc:

– Trưởng trang có một cụ già là Trương Vạn Phát, tuổi đã ngoại bảy mươi, cả nhà chín miệng ăn tất cả trông vào hai mẫu tám sào ruộng ở trong núi để sinh sống, nếu như quân Ngô định đào hào xả nước, thì con hào đó xuyên qua ruộng đất nhà cụ, như thế làm sao cụ chẳng xót xa trong lòng như dao cắt? Cụ đã hết lời nài nỉ van xin, quân Ngô đương nhiên không chấp thuận. Không làm thế nào hơn, ông cụ liền nằm cản ngay dưới lưỡi cuốc, lưỡi xẻng của quân Ngô, khóc lóc nghẹn ngào nói không ra tiếng:

– Có muốn đào, các người hãy đập chết ta trước đã, để ta khỏi phải sống mà chịu tội…

Tên hiệu uý dẫn đám quân Ngô đang đào đất ở đây cùng khuyên giải, cụ già vẫn cố ý không chịu đi chỗ khác. Quân Ngô đào hào đắp đê là nhiệm vụ chiến đấu, thời gian để thi công tất ngắn, chậm trễ bị xử theo quân pháp, không thể

nào chỉ vì một người chống lại mà bỏ mệnh lệnh của nguyên soái một bên không đoái hoài gì đến. Từ chỗ không biết làm thế nào, hiệu uý ra lệnh tiếp tục đào, thế là cụ già phải bỏ mạng… Tôn Tử ra chỗ cụ già chết, thấy cụ quần áo lam lũ, gầy như que củi, đầu nghẹo sang một bên, máu đã chảy hết, mặt trắng bệch như nến, máu thấm đỏ cả một đám tuyết trên mặt đất, hiển nhiên là sau khi bị thương cụ già đã giẫy giụa rết ghê gớm. Ông cúi xuống lay xác chết, thấy thân thể cụ già đã cứng đờ từ lâu; nhưng đôi mắt trũng sâu thì vẫn mở trừng trừng. Cụ già chết không nhắm mắt! Tôn Tử nhẹ nhàng đưa tay vuốt mắt cho cụ, nói mấy câu chuộc lỗi và an ủi, cụ già mới chịu nhắm mắt lại.

Trước đông đảo mọi người đều chằm chằm nhìn như thế, xử trí việc này như thế nào, quả thật Tôn Tử thấy vô cùng lúng túng. Rồi nên đối xử với viên hiệu uý ra sao? Không trừng trị, thì không thuyết phục được dân chúng nước Từ; nếu trừng trị, nói cho công bằng, hiệu uý không có tội! Bộ máy trong đầu Tôn Tử đang quay hết tốc độ, trong óc thoáng hiện lên cơ man nào là hình ảnh – phá thành, sự thống trị của nước Ngô đối với nước Từ và các nước phụ thuộc khác; đánh Sở gây lòng tin với chư hầu trong thiên hạ, để làm vua thiên hạ… rốt cuộc, là một là quân sư nên ông suy nghĩ mau lẹ, quyết đinh sự việc quả đoán vừa chứa đựng tình cảm con người, vừa không vì sự ràng buộc đó mà do dự quyết định lệch lạc, ông dứt khoát xuất phát từ việc lớn xử viên hiệu uý tội chết, để dẹp sự phẫn uất của dân, để răn đe kẻ khác đừng bắt chước làm theo.

Tôn Tử quay về doanh trại, dặn dò chôn cất viên hiệu uý tử tế, rồi lấy khá nhiều vàng bạc đền bù an ủi cho gia quyến

người ấy và gạt nước mắt trước linh cữu viên hiệu uý lúc chở xác người ấy trở về và nói:

- Nơi chín suối ngươi có hay chăng thì hãy hiểu cho nỗi khổ tâm của kẻ làm soái cầm quân lúc ấy. Ngươi tuy bị chết oan, nhưng lại chết rất đáng giá, ta lấy tính mạng của một mình ngươi để đổi lấy thành quả chiến đấu huy hoàng, lấy được kinh đô nước Từ mà binh lính không phải đổ một giọt máu, khiến muôn vàn người dân nước Từ thoát được tai hoạ bị nước nhấn chìm. Như vậy, ngươi là một viên hiệu úy yêu nước, trung với vua, đáng được ngậm cười nơi chín suối.

Tôn Tử muốn cho viên Hiệu uý được ngậm cười nơi chín suối, nhưng bản thân ông thì nước mắt ròng ròng, nức nở nói không thành lời.

Sóng gần chưa qua, sóng xa lại tới, đúng vào ngày thứ ba, sau khi đưa linh cữu viên hiệu uý về phía sau, ở Tân Trang, có một đôi vợ chồng tên là Triệu Trinh, đốt cháy ba gian nhà tranh của mình, hai vợ chồng không nơi nương tựa, vì đào hào đắp đê đã huỷ hoại cái làng nhỏ chứa đầy ba mươi hộ của họ, giữa lúc năm hết tết đến, trời đầy băng tuyết, họ buồn không biết dời nhà đi đâu, không còn nơi che nắng che mưa, chui ra chui vào được nữa, nên đành đốt nhà tự thiêu, mong được chết gọn gàng sạch sẽ, khỏi gây phiền hà cho láng giềng. Ông già bà cả của Tân Trang với dân chúng các thôn xóm quanh đó; đã vin vào sự việc này, nhao nhao nổi dậy ầm ầm chống lại quân Ngô phá làng để đào hào. Quân Ngô đã có bài học sờ sờ bởi viên hiệu uý vừa bị giết, quan quân các cấp không dám đàn áp mạnh mẽ, làm cho công việc đào hào đắp đê không sao tiến triển được.

Sau khi được tin này, Tôn Tử lại phải đến tận nơi thấy vợ chồng Triệu Trinh đã bị cháy ra than, họ ôm chặt lấy nhau, co quắp như tôm, da dẻ cháy vàng như vịt quay nằm giữa đống đổ nát cháy nham nhở của căn nhà tồi tàn, ngói tan gạch nát thật là thê thảm và vô cùng đáng thương, bất giác thấy lòng se lại và tròng mắt ướt nhoè... Ông vội vàng an ủi qua loa cho dân chúng nước Từ, rồi về doanh trại và viết ra hai điều quân lệnh ban bố ra để thi hành: Một là những ruộng mạ lúa mạch bị huỷ hoại trong khi đào bới đắp đê, sẽ được lập tức đền bù theo sản lượng cao nhất của năm tới; Thứ hai, hào cừ nên cố hết sức đào tránh các thôn làng, chỗ nào không thể tránh được, cần trước hết sắp xếp chỗ cho dân chúng di chuyển đến và lập tức trao khoản chi phí gấp đôi khoản chi phí xây dựng một nếp nhà tương tự để năm tới họ xây dựng lại nhà cửa.

Hai pháp lệnh đó của Tôn Tử như một cơn gió đông trong lành, thổi cho vùng lưu vực sông Đà tan băng giá, như những giọt mưa xuân ngọt ngào, thấm thía vào từng trái tim mỗi người dân nước Từ. Cả chục năm nay, vua nước Từ chỉ lăm le một lòng một dạ nịnh bợ vua nước Sở, đè nén bóc lột dân chúng rất tàn khốc, khiến dân chúng trên mình không một manh áo ấm che thân, trong nhà ăn bữa tối không còn bữa mai, người vừa đói vừa rét chết không biết đâu mà kể. Những ai may mắn còn sống sót thì thửa ruột trống không, hoặc mắc bệnh phù thũng chân sưng như cái vại, hoặc gầy như que, gân xanh chằng chịt trên trán, chỉ cần một cơn gió nhẹ cũng có thể thổi bay; trẻ nhỏ thoi thóp chờ bú, có biết bao nhiêu đứa con thơ đã chết đói ngay trong lòng mẹ. Ngày nay, quân Ngô đại nhân, đại nghĩa, từ trước tới nay chưa

từng có như thế, làm gì chẳng khiến cho người dân nước Từ thấy ấm áp trong lòng, mang ơn tướng quân Ngô. Ai có sữa cho bú thì người ấy là mẹ, dân nước Từ thôi không còn coi quân Ngô là thù địch nữa, từ sơ đến thân, đón tiếp, hỏi han săn sóc, người trai trẻ thì theo nhau tham chiến, giúp quân Ngô đào hào khai cừ.

Thành luỹ kinh đô nước Từ tuy vừa cao vừa kiên cố, có thể ngăn chặn được giặc ngoại xâm nhưng lại không thể ngăn chặn được tin tức từ bên ngoài. Tin tức đã lan vào trong thành, lập tức cả kinh thành như sôi sục lên, dân chúng từ chối, không chịu giao lương thực, quân lính cũng trở mặt, đến mức không thể dẹp yên, không sao khống chế nổi. Để giữ cho kinh đô khỏi bị tai hoạ nhận chìm dưới nước, quân lính và dân chúng đã gắn bó với nhau ép Chương Vũ mở cổng thành ra đón địch. Vua nước Từ thấy thế không giữ nổi, lại bị mất lòng dân, không biết làm thế nào hơn, đành cắt tóc mang theo phu nhân ra hàng quân Ngô.

Tôn Tử chẳng những không trách tội vua nước Từ, ngược lại, còn khen ông ta biết nhìn toàn cuộc, nhận được đâu là cái lớn hơn, biết coi trọng lợi ích của dân, khiến cho kinh thành nước Từ vẫn còn nguyên vẹn, khiến dân chúng nước Từ thoát được tai hoạ, khiến quân Ngô không phải làm điều bất nghĩa. Tôn Tử cho bày tiệc rượu để yên lòng vua nước Từ, mừng công, sau đó để cho họ hàng ông ta được an toàn và cho ông ta tự chọn lấy đường đi cho mình, nếu chịu làm quan nước Ngô, Tôn Tử sẽ tiến cử ông ta với Ngô vương, giữ cho ông không đến nỗi mất chức quan cao và nhiều bổng lộc, vinh hoa giàu sang.

Một kẻ đã quen làm tôi tớ, chẳng bao giờ muốn làm người chủ, cái đó gọi là “máu hèn”. Chương Vũ là một người với đầy đủ cái thứ “máu hèn” đó. Từ lâu ông ta vốn quen là nước phụ thuộc, cam chịu để nước Sở hà hơi tiếp sức, chịu để nước Sở sỉ nhục, nghe nước Sở xui khiến, không tin những lời an ủi vỗ về tốt đẹp của Tôn Tử, bèn mang theo họ hàng chạy sang nước Sở, dọc đường gặp tả tư mã Thẩm Doãn Tuất của nước Sở mang quân đến cứu, thế là dẫn đầu quân Sở, kéo quân trở lại nước Từ, đánh nhau với quân Ngô. Chờ cho bọn chúng tới kinh đô nước Từ, quân Ngô đã rút đi từ lâu. Lòng dân đều chống lại, Chương Vũ khó đứng vững lại được ở kinh đô cũ. Thẩm Doãn Tuất bèn xây thành cho vua nước Từ ở Di để họ hàng gia tộc ở đó.



Đả thảo kinh xà

+ Giải nghĩa: Đánh cỏ động rắn, tấn công vào xung quanh kẻ địch khiến chúng hoảng sợ mà lộ diện

CHƯƠNG XIX

BA CÁNH QUÂN QUẦN NƯỚC SỞ ĐUỔI ĐỊCH CHẠY VÒNG QUANH

Năm sau, tức là mùa thu năm 511 trước công nguyên, nước Ngô chia ba cánh quân đi đánh nước Sở. Trước khi xuất phát, dưới sự chủ trì của Hạp Lư, Tôn Tử và triều đình nước Ngô đã mở hội nghị cao cấp các tướng lĩnh, tham dự cuộc họp này, tất nhiên có những nhân vật quan trọng như Ngũ Tử Tư, Phu Khái, Bá Bỉ, Chuyên Nghi, Bị Ly... Trong cuộc họp, Tôn Tử nhấn mạnh mục đích chính của cuộc ra quân lần này, không phải để chiếm nước phụ thuộc của nước Sở, tiêu diệt quân đội nước Sở, mà ba cánh quân lấy việc làm suy yếu nước Sở, tìm đủ trăm phương ngàn kế, làm cho nước Sở mệt mỏi rã rời. Khi nói đến việc tại sao phải làm như thế, Tôn Tử nói rằng trong cuộc chiến tranh lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, không thể lấy sức mạnh ra tranh giành được, không thể trông mong đánh một trận thắng ngay mà cần phải mưu lược lâu dài, ly gián quan hệ giữa nó với các nước phụ thuộc, các nước đồng minh, làm tê liệt ý thức chiến tranh của nó, làm hao mòn sức mạnh, sau mới thừa dịp đánh tan nó. Nói thêm vấn đề này, Tôn Tử kể cho mọi người nghe một câu chuyện hết sức thú vị.

Ngày xưa, có hai đứa bé hơn mười tuổi rủ nhau vào rừng hái củi, chúng thấy trong hang có hai con sói con, sói mẹ không ở đó, sói con thì đang đói gần chết. Hai đứa bé đều thấy rất ngộ, bèn ôm hai con sói ra khỏi hang, mỗi đứa giữ một con, âu yếm vuốt ve như mèo con chó con ở nhà mình. Chợt con

sói mẹ màu lông cỏ úa, miệng tha một con thỏ rừng từ trên sườn núi chạy về. Thấy tình thế không hay, hai đứa trẻ mỗi đứa một con sói con, leo lên cây dương gần chỗ mình. Con sói mẹ thấy vậy, lồng lộn lao thục mạng lên cây. Nhưng sói vốn không biết leo cây, chẳng làm gì được hai đứa trẻ đang ở trên cây cao, nó cuống lên chạy quanh gốc cây, mệt đến thở không ra hơi, nó ngoác cái miệng đỏ như chậu máu và thè cái lưỡi dài ra, thở hồng hộc liên hồi, nhưng nó vẫn không chịu, leo hết lên cây này, lại lên cây khác cho đến lúc không lê được bước đi nữa phải nằm phục xuống đất mà thở. Đứa trẻ ở trên cây dương phía đông thấy sói mẹ nằm im không cựa quậy được nữa, lấy tay véo vào con sói con đang ôm trong lòng, con sói nhỏ đau quá kêu lên thành tiếng, con sói mẹ nghe tiếng, lại leo lên cây lần nữa. Con sói con trong lòng đứa trẻ ở bên đông không kêu nữa, thì đứa bé trên cây phía tây lại véo cho con sói con kêu lên thảm thiết, sói mẹ nghe thấy lại chạy tới leo lên cây đó.

Hai đứa bé ở trên cây cứ thế thi nhau hành hạ hai con sói nhỏ làm cho chúng liên tục kêu lên thảm thiết, khiến cho con sói mẹ chạy ngược chạy xuôi quanh hai gốc cây đó, cho đến mệt chết ở gốc bạch dương. Kể hết câu chuyện, Tôn Tử nói:

– Hai đứa trẻ chẳng cần một nhát dao mũi thương nào, đã săn được con sói mẹ, chúng chính là khuôn mẫu để chúng ta học tập trong cuộc dấy quân hôm nay.

Khi nói đến việc làm thế nào đối phó với đông đảo các nước ở lưu vực sông Hoài, Tôn Tử chỉ ra rằng, không chỉ dùng vũ lực chiếm lĩnh những đất nước này như nước Sở đã làm,

phải thân yêu họ, giữ gìn lợi ích của dân tộc Đông Di, phải làm sao cho dân các nước ấy coi mình như đồng bào ruột thịt của họ, quan tâm đến sự no ấm của họ, hỏi han đến nỗi cơ khổ của họ, trừ hại làm lợi cho họ.

Khi nói đến nội dung phải chiến đấu như thế nào, Tôn Tử chỉ rõ, mỗi trận đánh phải lấy việc tiêu hao và làm mỏi mệt quân địch là mục đích, phải hành động bí mật và thần tốc, đánh chúng xuất kỳ bất ý với những trận đánh nhanh như chớp giật, chớ có ham chiến, phải tránh việc kéo dài trận đánh. Phải nắm cho thật chắc tính chủ động của mỗi trận đánh cũng như cả chiến dịch, phải đánh ép mau lẹ lên đầu địch như gió lốc như nước lũ, làm cho quân địch ăn không ngon, ngủ không yên, nhìn lá cây ngọn cỏ cũng giật mình, lo sợ không lúc nào yên thân. Lại phải hết sức chú ý tính linh hoạt trong chiến đấu, áp dụng biện pháp khéo léo, để lừa gạt, dẫn dụ, mê hoặc địch. Chúng ta quyết không thể đóng lâu một chỗ, hành động phải kín đáo, đến không ai biết, đi không ai hay, luôn xuất quỷ nhập thần thay đổi vị trí của mình, để cho địch không nắm được quy luật hoạt động của ta. Tôn Tử nói, chúng ta chắc ai cũng đã từng thấy người nông dân trục lúa trên sân? Trong tay họ là sợi dây xỏ mũi buộc con vật kéo, đầu kia của sợi dây là trâu, bò, lừa, ngựa… làm vật kéo. Người nông dân, đứng ở giữa sân, với dáng vẻ hết sức ung dung, bước nhẹ nhàng thong dong, anh ta quay mình theo hướng nào thì con vật kéo ở vòng ngoài mang hết súc ra kéo trục, nếu gặp con vật nào lười nhác ì ra không chịu đi, anh ta quất cho nó một roi thật mạnh, thế là nó bắt buộc phải lồng lên như bay, lâu dần mãi, đương nhiên nó phải mệt mỏi… dấy quân chuyến này chúng ta cũng phải như anh nông dân trục lúa, có điều, trong tay chúng ta,

không phải con vật kéo bảo sao nghe vậy, mà là nước Sở lớn mạnh hơn chúng ta.

Sắp đặt đâu vào đấy Tôn Tử ngồi ở Chung Ly chỉ huy từ xa, trước hết sai Phu Khái và Chuyên Nghị mang một phần ba số quân đi phạt Di.

Nửa năm trước Tôn Tử mang quân Ngô đi đánh nước Chung Ngô và nước Từ, đã gieo xuống những nơi đó hạt giống của tình nhân nghĩa, đến lúc này, hai bờ sông Hoài, hoa đã nở rộ; trái đã trĩu cành, bằng đủ mọi hình thức, người ta đua nhau hết lời ca ngợi hành động nhân nghĩa của quân Ngô, Tôn Tử được truyền tụng như một nhân vật thần kỳ. Đó chính là tình hình chính trị khi Phu Khái và Chuyên Nghị mang quân đi phạt Di, quân đội hành tiến trong bầu không khí ấy, như chim ưng bay giữa tầng không, như cá vẫy vùng trong đáy nước, chẳng một sức gì ngăn cản nổi. Quân Ngô đi đến đâu, trăm họ cơm đùm cơm nắm kéo nhau đi đón, chắn ngang đường reo mừng nhảy múa hát ca nhiệt tình đưa tiễn. Đến ở mỗi thôn xóm nào, bà con nông dân đều tranh nhau nhường ra những gian nhà tốt nhất, để cho các tướng sĩ nước Ngô tránh gió tránh rét; có người tự ra ngủ tạm nơi đầu đường cuối xóm, nhà cửa giường chiếu lại nhường cho các chiến sĩ quân Ngô, để cho họ được ấm áp, có chỗ nghỉ ngơi để hôm sau còn tiếp tục lên đường.

Tình cảm của con người vốn có đi có lại, là sự cảm thông nhau, trao đổi cho nhau, sự cảm thông và trao đổi đó thường âm thầm xảy ra từ lúc nào không ai hay biết, đúng như người ta thường nói, người kính nể ta một gang, ta kính người một thước. Dân chúng các nơi sở dĩ đối xử với tướng

sĩ quân Ngô như người thân, bởi vì tướng sĩ quân Ngô đã từng coi dân chúng Đông Di như cha mẹ anh em mình. Họ lại giữ nghiêm kỷ luật, đi đến đâu cũng chẳng xâm phạm tơ hào một chút gì. Lúc ấy lại đang lúc gặt lúa bận rộn, bất chấp cả nỗi mệt mỏi hành quân lặn lội đường dài, tướng sĩ quân Ngô tranh nhau đi giúp nông dân gặt lúa và gieo giống, nào gặt hái, nào chuyên chở, nào làm đất, nào gieo hạt... người nào người nấy mệt bở hơi tai, mồ hôi đầm đìa, nhưng chăm chỉ đến mức thường nước cũng chẳng kịp uống lấy một bát, nhiều người dân nước Từ cảm động đến rơi nước mắt, ai cũng khen tướng sĩ nước Ngô là một đội quân nhân nghĩa nhất ở trong thiên hạ.

Chiến tranh hết năm này sang năm khác, lũ lụt vụ nọ nối vụ kia khiến cho muôn dân vùng lưu vực sông Hoài luôn sống trong cảnh đói cơm rách áo, khổ cực hết chỗ nói, tuy họ rất yêu mến và ủng hộ quân Ngô, nhưng chẳng có thức gì ngon, vật gì tốt để uý lạo họ trong lúc này. Bài thứ hai trong "Tôn Tử binh pháp" có nói: "Người cầm quân giỏi, không phải bắt lính nhiều lần, không phải chuyên chở lương thực nhiều lần; khí giới quân dụng thì lấy của nước mình, lương thực lấy của nước địch, cho nên mới có thể cấp đủ lương thực cho quân lính".

Ấy thế nhưng tai nghe thấy trong đám dân chúng Đông Di văng vẳng tiếng trẻ thơ đòi bú, quân Ngô không nỡ lòng nào bắt họ phải giao nộp dù chỉ là một đấu lương ăn, ngược lại chính mình còn thắt lưng buộc bụng, tiết kiệm lương thực để cứu tế cho những người dân đang sắp chết đói, quanh vấn đề lương thực, đã xảy ra bao nhiêu câu chuyện khiến ai nghe thấy cũng phải xúc động lệ đầm vạt áo.

Trang Mộng Nghiêu là một viên sĩ quan trung cấp trong quân Ngô, một hôm dẫn quân đến thị trấn Lưu Tập, thấy trời sắp tối, liền hạ lệnh tạm nghỉ tại thị trấn này một đêm, sớm hôm sau lại lên đường. Đây là một thị trấn nông thôn với hơn hai trăm nóc nhà, dân trong phố trong làng nghe tin quân Ngô qua đây muốn ngủ lại chẳng ai bảo ai lần lượt nhượng phòng, dẹp nhà, ý họ là không muốn để quân Ngô phải dầm sương dãi gió.

Trang Mộng Nghiêu với người vệ sĩ của mình được thu xếp ở nhà của Lưu Quốc Lương, nghe nói vợ của Quốc Lương là con người ưa sạch sẽ gọn gàng, điều kiện vệ sinh ở đây là tốt nhất, cho nên đã sắp xếp cho vị sĩ quan dẫn đầu quân Ngô đến ở nhà này. Một vị trưởng lão trong thôn đã dẫn Trang Mộng Nghiêu đến nhà Lưu Quốc Lương – ba gian nhà trên, hai gian nhà ngang, sân riêng cổng riêng, nằm ở góc đông nam của thị trấn, vô cùng yên tĩnh. Vợ Lưu Quốc Lương đầu bịt khăn mặt, lưng thắt tạp dề, buộc chổi vào cán, đang định quét bụi bặm ở gian nhà ngang phía đông, Chỉ nhìn thoáng qua, cũng có thể biết ngay đây là một con người ưa sạch sẽ, tuy chiếc tạp dề chỉ là thứ dệt bằng gai, lại vá đến mấy chỗ, nhưng được giặt giũ sạch sẽ phẳng phiu. Nàng có dáng người hơi cao, tuổi cũng chỉ ngoài hai mươi, cặp mắt rất thanh tú nhưng lại thoáng có nét buồn; nước da nàng trắng trẻo, nhưng không mịn màng, xem ra có phần tiều tụy. Tất cả những cái đó, không hề che dấu gì, nói lên với khách nỗi vất vả khó khăn và cảnh ngộ không may của nàng. Nàng lầm lì ít nói, trưởng lão giới thiệu khách tới nhà, nàng cũng chỉ mỉm cười gật đầu, tỏ ý vui mừng đón nhận.

Từ đó về sau Trang Mộng Nghiêu không hỏi, nàng cũng âm thầm lặng lẽ, chỉ biết cặm cụi làm việc luôn tay, cố làm cho nhà cửa lúc nào cũng luôn sạch sẽ, sắp đặt đâu ra đấy ngay ngắn gọn gàng, để khách thoải mái nghỉ ngơi, ngủ một đêm thật ngon lành, cho hết mệt mỏi.

Vừa bước vào sân, Trang Mộng Nghiêu bỗng nghe thấy tiếng khóc của trẻ thơ từ gian phía tây vẳng tới không cần nói cũng biết rằng đó chính là đứa con quý báu của nữ chủ nhân căn nhà này, mẹ con họ đang ở trong gian nhà ngang phía tây đó. Bước vào nhà, trong lúc người thiếu phụ quét dọn nhà cửa, tiếng trẻ khóc từ gian nhà phía tây vẫn tiếp tục vang ra, tiếng khóc ấy xem ra rất yếu ớt, đứt đoạn từng cơn như không còn hơi sức. Trưởng lão mấy lần giục người chủ nhà bỏ việc đấy, đi cho con bú, nhà cửa như thế là sạch sẽ rồi, không cần phải mất công thêm nữa. Nhưng người chủ nhà vẫn một mực miệt mài làm và mỉm cười chua chát nói:

– Con nhà nghèo, không ai chiều chuộng được! Bà nội cháu đang bế cháu rồi.

Tận đến lúc lên đèn, vẫn chưa thấy chủ nhà Lưu Quốc Lương về nhà, Trang Mộng Nghiêu bất giác hỏi người thiếu phụ. Nghe hỏi đến chồng mình, nước mắt nàng tuôn ra như suối, đau khổ đến cực độ. Thì ra nửa năm trước, vua nước Từ thua trận dời đô đến đất Di, bắt một số lớn nông dân đi phu xây kinh thành mới. Lúc ấy Lưu Quốc Lương đang bị bệnh lao, ho đến bật cả máu ra, nhưng cũng chẳng được tha, bị bắt đi không đầy hai tháng đã bỏ mạng trên đường đi chở đá. Hiện nay người vợ trẻ này đang phải chèo chống gia đình, trên có mẹ già quanh năm đau yếu, dưới còn đứa con thơ, gánh

nặng nuôi ba miệng ăn trong gia đình rơi lên đôi vai của người thiếu phụ đáng thương này…

Vào lúc nửa đêm Trang Mộng Nghiêu giật mình bừng tỉnh bởi tiếng khóc như xé lòng, lắng tai nghe tiếng khóc ấy vẫn vọng từ gian nhà ngang phía tây tới và nghe rất rõ là tiếng khóc của người vợ. Trang Mộng Nghiêu lệnh cho vệ binh thức dậy, khoác áo sang dãy nhà phía tây hỏi xem có chuyện gì. Thế nhưng căn nhà phía tây cài cửa rất chặt, hỏi không ai nói, gọi không ai thưa, gõ cửa lại càng vô ích. Trang Mộng Nghiêu ý thức được rằng sự việc lành ít dữ nhiều, vội vàng nhổm dậy, mặc quần áo qua loa rồi chạy tới trước cửa căn nhà phía tây lớn tiếng gọi vào trong, cửa vẫn không mở, người vợ nghe rõ là tiếng Trang Mộng Nghiêu gọi cửa; lại càng khóc thảm thiết hơn. Để phòng bất trắc, Trang Mộng Nghiêu và người vệ binh cùng đạp cửa cho gẫy đôi then cài, nhảy vào trong nhà, họ bất giác sởn cả tóc gáy. Đứa trẻ chỉ còn da bọc xương nằm co ro trong lòng bà nội, bà cụ già thì nằm trên đống chăn chiếu ngổn ngang, hai bà cháu nằm chết đói trong giàn nhà kho chật chội ẩm thấp này.

Ba người trong gia đình vẫn ở gian nhà mé đông, gian mé tây này vốn là một gian kho đã từ lâu không ai ở. Để có nhà tốt cho quan quân nước Ngô tạm ở, người vợ Quốc Lương mới dời bà cháu sang gian nhà mé tây, không ngờ cả hai bà cháu đều chết ở đây. Lúc chồng ra đi, vợ Quốc Lương đã chợt nảy ra ý định “chết quách cho xong đời”, nhưng nàng lại là người phụ nữ hiền lành, không thể tự tử như thế, ác độc như thế nỡ không ngó ngàng đến mẹ già con thơ, mà đi cho rảnh xác một mình.

Đến giờ này thì thôi rồi, đã đến lúc trên không chằng, dưới không buộc, cũng đã hết mọi niềm hy vọng trên đời. Nàng dứt lòng cùng đi theo mẹ già con dại. Nút dây thừng trong tay nàng đã thắt xong, đúng thời điểm nàng chỉ còn quàng lên cổ nữa là xong thì Trang Mộng Nghiêu và võ sĩ của ông phá cửa nhảy vào.

Mắt nhìn thảm cảnh này, tai nghe những lời kể xót xa, lòng Trang Mộng Nghiêu như có ai cầm dao mà cứa, ruột gan cũng xót như bào. Đến lúc này Trang Mộng Nghiêu mới nhớ lại rằng, từ hôm qua nhà họ Lưu này đã không nổi lửa nấu ăn chiều, thì ra họ đã nghèo đến mức không còn hạt nào bỏ vào nồi – trên thực tế, hai người một già một trẻ kia đã ba ngày nay không có hột nào dính ruột, bữa tối hôm qua Trang Mộng Nghiêu ăn bằng cơm trắng và bánh hấp, vệ binh bưng lên một liễn cơm, ăn chưa hết một nửa, còn thừa ra đều đưa trở lại. Lúc ấy, giá có đưa cho bà cháu cụ già một bát nhỏ, thì chắc chắn đã không xảy ra kết cục bi thảm đến thế này…

Trang Mộng Nghiêu tự trách mình quá tự tư, quá đểnh đoảng, khi mình được nếm miếng ngon của lạ, tại sao lại chẳng nghĩ xem ba người trong nhà họ Lưu này phải chẳng không có hạt nào vào bụng? Đứng ở góc độ này mà nói, cái chết thảm hại xảy ra với hai bà cháu trong nhà họ Lưu, bản thân mình cũng phải chịu một phần trách nhiệm không thể thoái thác được. Càng nghĩ Trang Mộng Nghiêu càng giận, càng nghĩ càng đau lòng, hết bứt tóc, lại đập đầu, hết giằng xé ngực áo, lại muốn phanh phui lồng ngực mình phơi bày hết lục phủ ngũ tạng, moi hết ra vứt cho chó ăn.

Suốt đêm Trang Mộng Nghiêu không hề chợp mắt, ông đang tính toán xem nên chôn cất bà cháu nhà họ Lưu như thế nào, an ủi vỗ về người vợ ra sao. Ông phác ra một kế hoạch cho tướng sĩ trong đơn vị của mình bớt khẩu phần ra, tiết kiệm lương thực để sẵn sàng cứu tế cho dân chúng Đông Di đói khát vào bất kỳ lúc nào. Ông cũng đang vạch ra một kế hoạch làm thế nào để công bố rộng rãi câu chuyện này trước mọi người, để khơi dậy lòng căm thù sôi sục của các tướng sĩ đối với Chương Vũ vua nước Từ, để ngọn lửa thảo phạt Đông Di càng thổi càng bốc cao.

Từ thời Xuân Thu đến lúc này, chiến tranh liên miên, người chết nhiều, lính tráng thiếu rất nhiều, Ngô lại là nước nhỏ, luôn luôn bị nước Sở xâm lăng, đương nhiên, cũng không có gì lạ. Lớp trai trẻ lên đường nhập ngũ, phần lớn đều không được khám sức khoẻ đầy đủ kỹ lưỡng, cho nên tố chất sức khoẻ của binh lính không được tốt lắm. Có một người lính tên là Giả Điện Khôi, thể chất vốn không được khoẻ lắm, lại thêm cuộc sống trong quân đội vừa gian khổ vất vả, ăn uống không điều độ, sức khoẻ ngày càng sa sút, cho nên hay ốm đau dọc đường hành quân, trước hết là toàn thân mồ hôi nhễ nhại, sau đó bất tỉnh nhân sự. Đến đêm đóng quân tại Chiến Trang, đến lượt Giả Điện Khôi gác phiên giờ Tý. Đứng gác khác với hành quân, bởi hành quân bên mình còn có các chiến hữu khác, chẳng may có ốm đau, tất sẽ có người gọi và cứu giúp, còn đứng gác thì trơ trọi một mình, nhất là giữa lúc đêm khuya, bỗng nhiên ngã ra, nằm như người chết, chẳng ai phát hiện ra, chẳng ai báo tin, nếu gặp ngày đông tháng giá, tất sẽ bị chết cóng. Lúc này đang là tháng tám giữa thu, không đến nỗi phải lo chết cóng, thế nhưng bọn chó sói thính mũi sẽ bâu lại như ong, vây kín lấy Giả Điện Khôi.

Chó rừng thời Xuân Thu – Chiến quốc khác hẳn với chó các thời kỳ khác, sau mỗi một trận đánh, xác chết phơi đầy đồng, máu chảy thành sông, bọn chó quen mùi tanh tưởi. Cho dù có không đánh trận, thì xác người chết đói cũng đầy đường đem lại cho chúng những bữa ăn ngon. Lũ chó hoang ở Chiến Trang đã từ lâu không ngửi thấy mùi tanh của thây người, nay bỗng thấy có một cái xác ở đầu thôn, đương nhiên là hí hửng kéo đến.

Chó cũng như con người thấy lợi là tranh giành nhau, đấu nhau để sống, và chúng cũng có phe phái khác nhau. Lũ chó kéo đến đêm ấy, không biết có bao nhiêu bè phái khác nhau, nên chưa tranh nhau được, chúng quay ra cắn nhau, tranh giành nhau kịch liệt, tiếng sủa chói tai, vừa gầm vừa rú, trong đêm khuya lại càng trở nên ghê rợn hãi hùng. Tiếng chó sủa không bình thường đã khiến cho cụ già Chiến Đắc Lợi ở đầu thôn thức giấc, vội vàng khoác áo thức dậy, mở cửa nhìn ra, thấy vậy bỗng sửng sốt cả người, vội vàng quay trở vào nhà, rút cây đòng sắt sáng loáng xông thẳng ra cửa, vung cây đòng sắt lên xông vào đàn chó đang kịch liệt tranh giành nhau…

Đàn chó bị đuổi đi, “cái thây” dưới đất được mang về đặt lên giường cụ Chiến. Vì vừa mới bị đàn chó xâu xé, nên trên mình “cái thây” đầy vết thương, song vẫn còn thoi thóp thở. Nhìn dấu vết trên mũ áo và khí giới trong tay, cụ già Chiến dễ dàng nhận ra đây là binh lính quân Ngô, thấy rằng lúc này đây, điều hệ trọng nhất là tìm cách cứu được tính mạng cho người lính đáng thương này. Một là phải bón cho anh ta thức gì ăn, hai là phải mời thầy lang về khám chữa. Thôn

nghèo hẻo lánh, lại vào lúc gà gáy nửa đêm, đi đâu mời thầy lang bây giờ? Đành chỉ còn cách ngồi chờ đến sáng rồi mới tính chuyện sau. Từ đôi môi khô rạn và đầy mình mồ hôi của anh ta, có thể anh ta mắc chứng khiếp sợ, do ra quá nhiều mồ hôi nên hư thoát, thế nên việc cần thiết lúc này là phải cho anh ta ăn. Thế nhưng anh ta đờ ra thế này, môi còn không hé được ra, làm sao ăn uống được? Cụ già Chiến bảo cụ bà đi nấu lấy một bát cháo kê, lấy đũa gắp một ít nhét vào miệng anh ta, môi và lưỡi anh hình như hơi động đậy, mỗi tội cháo hơi đặc, anh ta không còn sức húp vào, cháo bón vào chỉ chập chờn ở cửa miệng không sao trôi được vào trong. Cụ già Chiến ôm Giả Điện Khôi vào lòng, vừa bón cháo, vừa lẩm bẩm một mình:

– Bây giờ mà có một bát sữa thì tốt quá…

Bà cụ nãy giờ vẫn đứng cạnh đó phụ hoạ thêm:

– Phải đấy! Một bát sữa vào bụng, cứu sống một mạng người! Thế nhưng nhà ta lại chẳng có trẻ con đang bú, đi đâu kiếm sữa bây giờ? Thứ đó quả thật là khó kiếm!

Tiểu Bảo mới mười ba tuổi vừa ngủ với ông bà, sự việc xảy ra từ nãy đến giờ đã làm nó thức giấc, từ trong chăn ấm, nó nhô hẳn nửa người ra nói:

– Con dê cái nhà mình vừa đẻ dê con đấy thôi! Sữa dê không được hay sao?

– Tiểu Bảo nhà mình hoạ ra thông minh, sau này nhất định sẽ làm nên đấy! – Cả ông cả bà đều đồng thanh khen ngợi.

Chính cậu bé đã gợi ý cho người già, thế là ông cụ vội vàng vào chuồng vắt sữa dê, đun sôi lên rồi cho người lính Ngô uống, lại giúp anh ta lau rửa vết thương, kiếm thuốc bôi, cả nhà tất bật đến tận gà gáy.

Ngày hôm sau, quân Ngô lên đường, đi khỏi thôn Chiến Trang, Giả Điện Khôi tiếp tục ở lại nhà cụ già để chữa trị vết thương.

Trời quả là nhiều phen bất trắc, không ai lường hết được, thời tiết đã quá Thu phân, ấy thế mà vùng Giang Hoài lại đổ mưa tầm tã. Ông trời như sa sầm mặt lại, mấy ngày liền không thấy ló mặt, mưa cứ như trút nước, thâu ngày thâu đêm, lũ quét từ trên núi xuống, sông ngòi mênh mang nước, chỉ trong nháy mắt, cả mấy triệu người lâm vào hố sâu tai nạn. Nhuận Hà, Dĩnh Thuỷ, sông Tây Phì, Cối Thuỷ, sông Đà, Tuy Hà … với hàng ngàn nhánh sông ngọn suối đều dốc nước vào sông Hoài, thế nên xưa nay sông Hoài vẫn là con sông gây tai hoạ, ngay từ thời thượng cổ, Đại Vũ đi trị thuỷ, thì con sông này là một công trình trọng điểm, thế nhưng hơn hai ngàn năm trăm năm sau, nạn lụt ở sông Hoài không những không được chặn lại hoặc trừ tận gốc, mà còn diễn ra mỗi ngày một ác liệt hơn, mang lại cho nhân dân vùng ven sông mối tai hoạ vô cùng lớn lao. Trời mưa nhiều ngày không ngớt, khắp nơi mênh mông nước, bước đi một bước là gặp đường lầy, cuộc hành quân gặp phải bao nhiêu khó khăn cản trở không ngờ tới.

Quân đội của Phu Khái, dẫn đầu phần lớn là bộ binh và binh xa, ít thuyền bè, cho nên hễ gặp khi nước lũ gây tràn, việc

hành quân về phía trước chẳng khác gì rồng leo lên núi, hổ xuống đầm lầy, mức độ khó khăn, chẳng kém gì lên trời. Dọc đường đi lẽ ra có thể mượn thuyền bè của dân, thế nhưng những lúc thế này, chiếc thuyền là công cụ để dân chúng bám vào đấy sống, lấy thuyền đi, tức là cướp đi mạng sống của dân, quân Ngô vẫn được mệnh danh là đội quân nhân nghĩa, đâu há lại đi làm điều bất nghĩa? Chẳng những thế, đứng trước cảnh đê vỡ, nhà cửa bị nhấn chìm, ruộng vườn ngập nước, dân chúng làm mồi cho tôm cá… quân Ngô sẽ vội vàng tiếp tục hành quân đi đánh Đông Di, hay là lao vào cuộc vật lộn chống lại thiên tai, cứu dân ra khỏi vòng nguy hiểm, tháo gỡ cho dân mối hiểm hoạ trên đầu? Vua Ngô thì xa, Tôn tử lúc này cũng đang ở Chung Ly, không kịp đến đó để xin thỉnh thị… suy đi tính lại mãi, Phu Khái và Chuyên Nghị bàn nhau chọn cách sau, bỏ cách trước. Làm như thế, khẳng định là sẽ làm chậm trễ thời gian đi trừng phạt Đông Di, khiến quân Ngô lâm vào tình trạng mệt mỏi, đi ngược lại tôn chỉ làm cho nước Sở tồi tệ, cho nước Sở chậm trễ, nhưng lại thu được tấm lòng của dân chúng Đông Di, mà lòng dân hướng theo hay không là vô cùng quan trọng, nó là nhân tố quyết định sự thành bại của một cuộc chiến tranh. Mọi việc ở trên đời luôn được cái này thì mất cái kia, tạm thời mất đi một chút thời gian, sau này nhân dân Đông Di tất sẽ giúp quân Ngô giành được khoảng thời gian dài hơn, nếu không có những hạt giống nhân nghĩa do Tôn Tử gieo xuống trong cuộc chiến đấu diệt nước Từ, thì làm gì có sự thuận buồm xuôi gió trong cuộc hành quân hôm nay.

Trên mặt đê, dân nước Từ đang dầm trong mưa để đắp đê, nào gánh, nào vác, nào chở bằng xe, nào thồ bằng lừa… những người đi đầu trong mọi việc, đều là tướng sĩ quân

Ngô, những người xông lên chỗ nguy hiểm, cũng là tướng sĩ quân Ngô. Nước lũ xối mạnh, đê kè sạt lở, có nguy cơ bục vỡ, tướng sĩ quân Ngô cùng hô lên một tiếng nhảy ào xuống nước, tay nắm tay, vai chen vai, tạo nên một bức tường người, chặn đứng dòng nước lũ hung hăng, dân nước Từ nhân dịp đó đã ném những bao cát vào chỗ đê vỡ, qua cuộc vật lộn suốt ngày đêm; chỗ đê vỡ đã được lấp, chỗ sụt cũng được đắp phẳng, mối nguy hiểm qua đi, con đê đã được giữ vững, thế nhưng tướng sĩ quân Ngô lại giảm đi khá nhiều, bởi người thì bị nước lũ cuốn đi, người thì bị những túi cát đè xuống chỗ vỡ đê.

Nước lũ nhấn chìm thôn trang, tường đổ nhà xiêu, trên những con sóng dữ, dập dềnh trôi những mái nhà, những thứ đồ dùng và xác chết súc vật. Vì mải cứu dân chúng nước Từ, tướng sĩ quân Ngô suốt ngày dầm mình trong làn nước phù sa, rất nhiều người do sức khoẻ sa sút bị chìm xuống nước và cuốn đi theo sóng dữ.

Dân nước Từ phần lớn đã được cứu thoát, di chuyển đến những nơi cao ráo an toàn, thế nhưng họ mất hết cả ruộng vườn, mất hết cả mùa màng thóc lúa và chăn áo, mất đi cả nguồn cung cấp lương ăn hàng ngày, tiếng khóc than đói rét luôn ra rả bên tai, thảm thiết không tài nào nghe nổi. Đáng thương nhất là người già, con trẻ và người ốm yếu tàn tật… lúc này đây mà để những nạn nhân này phải chết vì đói rét, thì chẳng thà ngay từ đầu đừng cứu giúp còn hơn, chính vì thế Phu Khái và Chuyên Nghị đã lệnh cho quân Ngô trù tính lại cho thật kỹ, cố gắng bớt ăn bớt mặc, để cấp đỡ phần nào cho dân chúng nước Từ trong cơn gấp rút như lửa cháy hai đầu thế này.

Mưa bão đã dừng, nước lũ rồi cũng rút, lưu vực sông Hoài tuy đây đó còn mang thương tích đầy mình, nhưng những nạn nhân cuối cùng đã được trở lại nơi xưa của mình, bắt tay xây dựng lại quê hương. Phu Khái và Chuyên Nghị đem quân lên hướng bắc, trong bầu không khí vui tươi lúc đón cũng như lúc đi và cả sự ủng hộ mạnh mẽ của dân chúng mà tung hoành ngang dọc, nhanh chóng đến được bên bờ Quá Thuỷ. Qua con sông này, bên kia đã là Càn Khê, Thành Phụ và Di Thành rồi. Quân Ngô lúc này đã khác trước khá nhiều, vừa mới nói là cần vượt sông Quá Thuỷ, chưa cần phải đi thu gom, dân chúng đã lũ lượt chèo thuyền tới nơi, tranh nhau chở quân Ngô qua sông, chỉ một loáng, quan quân đã tới chân thành.

Lại nói về Sở Chiêu vương, từ sau khi có được Chân Mai phi, bị sắc đẹp của nàng quyến rũ, quấn quít sớm chiều, chẳng mấy khi chịu rời hậu cung, thường mặt trời lên mấy con sào rồi cũng vẫn còn đùi ấp má kề với nhau ngủ kỹ, bỏ bê cả buổi chầu sáng. Một hôm, đã qua giờ Mão, Chiêu vương vẫn còn đang ở hậu cung, vui vầy trăng gió, say cuộc mây mưa Chân Mai phi, bỗng nội thị ngoài cung bẩm vào:

– Đặc sứ nước Từ cáo cấp, nước Ngô đã cho Phu Khái, Chuyên Nghị đem một phần ba số quân đến chinh phạt Đông Di, tình thế vô cùng nguy cấp! Lệnh doãn Tử Tây mời đại vương lên điện để bàn việc đem quân cứu nước Từ.

Tên đặc sứ nước Từ chết tiệt này, sớm không cáo cấp, muộn không cáo cấp, lại nhè đúng lúc này cáo cấp, làm mất cả hứng, hỏng cả cuộc vui nồng nàn của Chiêu vương. Tuy

nhiên, đã có đặc sứ nước ngoài cao cấp, có lời mời của lệnh doãn Tử Tây, Chiêu vương đành phải miễn cưỡng đẩy nàng cơ xinh đẹp ra khỏi lòng mình, lệnh cho cung nga đến rửa mặt chải đầu cho mình. Cho đến lúc Chiêu vương dềnh dàng ăn xong bữa sáng, lững thững bước lên Kim Điện, lại mất thêm đến nửa canh giờ nữa, quần thần rất khó chịu. Nhưng mặc khó chịu, chẳng ai dám để lộ ra điều ấy, càng không dám nói ra lời, đành hậm hực nuốt giận. Chiêu vương cho vời sứ nước Từ lên điện, nghe ông ta báo cáo tình hình tiến công của quân Ngô và ý định thiết tha trông đợi cứu giúp của vua nước Từ. Trong đông đảo những nước thần phục đi theo mình, vua nước Từ là Chương Vũ vốn được Chiêu vương vì nể nhất, vì ông ta luôn tỏ ra trung thành dễ bảo, nói sao thì làm vậy, hàng năm cống nạp cũng nhiều nhất. Những thứ khác chưa kể, chỉ riêng nàng Chân Mai mà ông ta dâng lên, cũng đã là công lớn át cả mọi người, không có sự trung thành ấy, mình làm gì được vui thú như ngày hôm nay, thế nên lúc này nước Từ lâm nạn, không thể không cứu giúp. Cứu binh như chữa cháy, Chiêu vương vội vàng ban chiếu chỉ, lệnh cho tả tư mã Thẩm Doãn Tuất mang binh mã bản bộ lập tức hành quân đến cứu Từ Di, nhất định phải đánh cho quân Ngô một mẻ thật đau, để về sau họ không dám khinh suất đánh liều.

Tuy Chiêu vương hành động vội vàng, nhưng không hề sai lầm, bởi trong đông đảo các tướng lĩnh nước Sở lúc này; chẳng ai là người trí dũng song toàn hơn Thẩm Doãn Tuất. Ngay từ nhỏ ông ta đã thuộc làu binh thư, chiến sách, lại được người khác dạy dỗ, nên có tài thao lược, cầm quân như thần. Là người dũng cảm nổi tiếng trong ba quân, lại có sức khoẻ di sông chuyển núi, khiến cho quân địch chỉ mới nghe

tên đã run sợ mất mật. Tả quân do Thẩm Doãn Tuất cầm đầu, là đội quân chủ lực của nước Sở, xưa nay đánh đâu thắng đấy, chưa hề lui bước, được mệnh danh là "mãnh hổ thường thắng".

Thẩm Doãn Tuất phụng mệnh xuất quân, đi qua các nước như Tức, Sái, Thẩm, vượt qua các dòng sông như Tuyền, Nhuận, Dĩnh, đến thẳng nước Từ Di.

Phu Khái, Chuyên Nghị dẫn quân vượt Quá Thuỷ, quân lính đã áp sát chân thành Từ Di. Bỗng có thám mã về báo, Thẩm Doãn Tuất đang phụng mạng Sở Chiêu vương, mang tả quân nước Sở đi cứu Di, chẳng mấy hôm nữa sẽ vượt qua Dĩnh Thuỷ. Tướng sĩ quân Ngô nghe tin, ai cũng háo hức, ngứa ngáy chân tay, chỉ muốn xông sang đánh một trận kịch liệt với đám quân Sở ở giữa Quá Thuỷ và sông Tây Phì, để quyết sống mái một phen.

Phu Khái và Chuyên Nghị bàn bạc sắp đặt rất kỹ lưỡng, quân sĩ tích cực tập tành, dân chúng quanh vùng lại bất chấp mọi khó khăn sau cơn lụt lội, tích góp lương thực, chuẩn bị xe thuyền, sẵn sàng ủng hộ quân Ngô đón đánh quân Sở. Những trai trẻ thì hăng hái gia nhập hàng ngũ quân Ngô, nên quân số quân Ngô tăng lên nhanh chóng. Giữa lúc việc chuẩn bị chiến đấu của quân dân đang rầm rộ và sục sôi như thế, có người cưỡi ngựa suốt ngày đêm từ Chung Ly mang mệnh lệnh của Tôn Tử tới báo cho Phu Khái và Chuyên Nghị lập tức đem quân xuống phía nam, với tốc độ nhanh nhất, đi một chặng đường dài hàng ngàn dặm, chia quân ra bao vây Lục Ấp và Tiềm Ấp. Lục Ấp chỉ vây mà không đánh, đề phòng quân ở đó xông ra cứu Tiềm Ấp. Phải

cố sức công phá Tiềm Ấp, tìm cách bắt sống tướng sĩ Diên Hoài Viễn. Trong quân lệnh của Tôn Tử đã viết tỉ mỉ cả phương án đánh thành rất cụ thể, phải nghiêm chỉnh làm đúng như vậy, nếu có điểm nào tỏ ra qua loa lệch lạc, tất cả xử theo quân pháp.

Quân lệnh như sơn, Phu Khái và Chuyên Nghị lập tức chỉnh đốn quân ngũ, kéo quân về phía nam để đánh Lục Ấp và Tiềm Ấp. Dọc đường đi, đến đâu cũng được dân chúng tận tình giúp đỡ, qua núi thì sửa đường, qua suối thì bắc cầu, thuyền bè xe ngựa, chưa gọi đã đến, quân đội hành tiến nhanh như gió lốc, nhẹ tựa tên bay, hai cánh quân do Phu Khái và Chuyên Nghị dẫn đầu đều đến đích trước thời hạn.

Tiềm Ấp là một trong khá nhiều thành ấp xung quanh khu vực Hoắc Sơn, vị trí địa lý tuy chẳng có gì quan trọng, nhưng trong thành có kho lương thực lớn nhất trên đường biên giới nước Sở, trong kho chứa tới trên ngàn thạch lương, đảm nhiệm việc cấp cho chỗ thiếu hụt về quân lương dự trữ ở các thành ấp. Tướng Tiềm Ấp Diêm Hoài Viễn, là hạng giá áo túi cơm, tham lam xảo quyệt, nhưng văn thì chẳng biết Đường Nghiêu Ngu Thuấn là ai, võ cũng chưa từng khoác áo bào ra trận, ỷ vào con gái là Chân Mai phi được Sở Chiêu vương o bế, cho nên đã leo lên đến chức vụ béo bở này, lại được tôn xưng là quốc trượng, xưng hô là quốc lão. Tôn Tử lệnh cho Phu Khái tấn công Tôn Ấp, phải bắt sống Diêm Hoài Viễn, nhưng phải đối xử bằng lễ độ; kẻ nào dám động đậy đến một cái lông chân của ông ta, tất sẽ xử theo quân pháp; kẻ nào làm hại đến tính mạng ông ta nhất định sẽ chém đầu không tha. Tôn Tử cò nhấn mạnh, bằng bất kể giá

nào, dù nặng nề đến đâu cũng phải bắt sống được Diêm Hoài Viễn, chứ không được để chết.

Phu Khái chỉ huy quân đội vây chặt Tiềm Ấp, tìm đủ mọi cách để nhử địch ra đánh, Diêm Hoài Viễn rất biết mình, thừa hiểu rằng mình còn xa mới xứng là địch thủ của Phu Khái, cho nên trước sau một mực đóng thành, cố thủ, co lại một chỗ. Ông ta cũng đã có sự tính toán, hễ Phu Khái không công phá được thành trì, quân dân trong thành cũng không đến nỗi phải chết đói, vì trong thành không thiếu gì lương thực.

Bữa tối ngày thứ tư sau khi vây thành, theo chỉ lệnh của Tôn nguyên soái, Phu Khái mở tiệc khao quân sĩ, sau khi cơm no rượu đủ, ai nấy lại trở về trận địa, chuẩn bị công thành. Đúng lúc ấy, Phu Khái tuyên bố mệnh lệnh của nguyên soái: Tướng sĩ trong toàn quân, ai bắt sống được Diêm Hoài Viễn dâng lên sẽ được thưởng năm mươi lạng vàng, cất nhắc lên ba cấp. Nếu kẻ nào giết chết Diêm Hoài Viễn sau trận đánh sẽ bị xử tội chết. Trong quân sự không có chuyện nói đùa, huống chi đây lại là mệnh lệnh trước khi bước vào trận đánh! Các tướng sĩ ai cũng muốn nhao lên thử sức mình. Chờ đến giờ Tý lúc nửa đêm, trong thành bốc lửa, khói đặc bay cuồn cuộn, ngọn lửa ngút trời cao, chiếu cho cả một thành trì sáng như ban ngày. Không biết tự lúc nào, gió đông nam đã thổi lên, càng thổi càng mạnh, gió hùa với lửa, lửa lại nhờ sức gió, đốt cho khắp thành trì đâu đâu cũng nghe thấy tiếng nổ đôm đốp. Tiềm Ấp biến thành một biển lửa, theo những luồng khói đen ùn ùn toả lên, từ trong đó vang ra những tiếng phèng la, tiếng kêu khóc, tiếng gọi nhau, tiếng bước chân của quân và dân trong thành dồn sức

chữa cháy, cả ấp thành to lớn như thế lúc này đã thành bát canh hẹ rối tinh rối mù. Theo lời dặn của Tôn Tử, Phu Khái chỉ huy quân lính nhân lúc hỗn độn, nhờ ánh lửa leo thành mà vào, nhẹ nhàng chiếm được ấp thành, bao vây nha phủ bắt sống Diêm Hoài Viễn.

Ngọn lửa cháy là từ những đống rơm mà nước Sở chất ở biên giới, người châm lửa đốt chính là một người dân trong thành tên Chương Bồi Tán. Thì ra Diêm Hoài Viễn chẳng những ham tiền, lại còn háo sắc. Chương Bồi Tán có người con gái tên là Đồng Vân, xinh đẹp tuyệt vời, được mệnh danh là hoa khôi của Tiềm Ấp. Diễm Hoài Viễn muốn bá chiếm Đồng Vân để làm thiếp của mình, Đồng Vân không chịu, nhảy xuống sống tự vẫn, Diêm Hoài Viễn vì thế bắt cả nhà nàng bỏ tù. Chương Bồi Tán may sao thoát khỏi nơi tù ngục, chạy sang nước Ngô, kết thân với Tôn Vũ đang ẩn cư ở Phụng Long. Trận đánh chiếm Tiềm Ấp, đốt kho lương, bắt sống Diêm Hoài Viễn, là do Phu Khái chỉ huy, nhưng lại là một màn kịch do Tôn Vũ đạo diễn mà ở đó giá phải trả chẳng là bao nhưng lại đổi lấy một thắng lợi lớn.

Thẩm Doãn Tuất lùa quân sĩ nước Sở trèo đèo lội suối, ngày đêm không nghỉ để tới Từ Di, còn chưa qua được sông Tây Phì, đã nghe tin Phu Khái đã sớm đem quân bản lộ kéo xuống phía nam công phá được hai ấp Lục, Tiềm. Thẩm Doãn Tuất cũng chẳng phải tay vừa, lập tức đoán định ngay rằng mục đích quân Ngô đánh xuống phía nam là để đốt sạch kho lương ở Tiềm Ấp, đó chính là một mũi dao nhọn xỉa vào tim quân Sở. Thử nghĩ xem, quân đội đánh giặc mà thiếu lương thực, thì còn hành quân tác chiến làm sao? Nước Sở làm sao còn tỏ ra hùng mạnh cho được? Bởi vậy

phải hoả tốc xuống phía nam, đến Tiềm Ấp trước cánh quân của Phu Khái, đón đầu tiêu diệt quân Ngô, bảo vệ Tiềm Ấp, giữ lấy kho lương thực, vì nếu như để mất, Chiêu vương sẽ không tha tội hắn. Quân Ngô đã xuống phía nam trước hắn cả chục ngày trời, tướng sĩ nước Sở có mọc thêm cánh cũng khó bay tới trước quân Ngô. Thẩm Doãn Tuất đã tính toán sai tình thế, cứ đinh ninh rằng quân Ngô hành quân nơi đất khách quê người, không thuộc đường đi lối lại, dân chúng lại là thù địch, tốc độ hành quân tất sẽ như ốc sên bò trên tường, còn quân Sở tiến quân trên đất nước phụ thuộc, có muôn dân viện trợ, tốc độ sẽ nhanh tựa sao băng.

Sự thực lại hoàn toàn trái ngược, dọc đường, cầu cống bị hư hỏng, đường sá bị phá huỷ, thuyền bè lẩn trốn hết, dân chúng cũng ngoảnh mặt làm ngơ, đành phải đi vài bước lại dừng, mà đã dừng, lại mất cả mấy hôm sau, muốn tìm một người đưa đường cũng khó. Thẩm Doãn Tuất càng sốt ruột như lửa cháy trong lòng, quân Sở lại càng ì ạch không tiến lên nổi, sốt ruột đến nỗi hơi một tý là hắn lại nổi nóng, nhảy lên ầm ầm, nổi giận lôi đình, quở hiệu uý; mắng lính tráng, giết dân lành, làm cho quân tâm ly tán, dân tình oán thán sục sôi. Với tình hình như thế, quân đội muốn tiến về phía trước quả là vô cùng khó khăn, chỉ còn có dựa vào sức mạnh và sự thúc ép, làm cho tướng sĩ trong toàn quân ăn không ngon miệng, ngủ không yên giấc, suốt ngày căng thẳng mệt mỏi. Dần dần tướng sĩ rệu rã, chiến mã cũng mệt mỏi, sĩ khí chìm lắng, lính tráng đào ngũ bỏ trốn ngày càng nhiều, làm cho tả tư mã nước Sở Thẩm Doãn Tuất vốn nổi tiếng là tài cũng phải bươu đầu sứt trán. Cuộc truy đuổi gấp gáp như thế, nhưng khi đến Tiềm Ấp, kho lương đã bị đốt tự đời nảo đời nào, thành trì biến ra tro than hết cả, quân Ngô có Phu

Khái và Chuyên Nghị làm tướng đã đi đâu mất tăm, như bầu trời giữa ngày hè, vừa mới còn mây đen cuồn cuộn, như muôn ngựa cùng phi, một trận gió tây bắc từ đâu thổi tới, loáng một cái, mây đen tan biến hết.

Thẩm Doãn Tuất thấy Tiềm Thành đã bị tàn phá, bèn chuyển đến Nam Cương. Đang giữa lúc Thẩm Doãn Tuất dùng số quân còn lại trong tay đi thúc ép dân chúng xây thành mới cho Tiềm Ấp, Tôn Tử lại sai Bá Bỉ mang một phần ba còn lại của quân Ngô, với tốc độ như sao băng, tiến thẳng đến đánh Huyền ấp nước Sở. Huyền ấp là cứ điểm quân sự quan trọng của nước Sở, là nơi các nhà quân sự xưa nay đều tìm cách chiếm lấy trước. Sở Chiêu vương nghe báo tin; mật lệnh cho Thẩm Doãn Tuất mang ngay quân về phía tây cứu Huyền ấp, mặt khác sai hữu tư mã mang quân bản bộ đi bằng đường khác đón đánh quân Ngô để cùng với Thẩm Doãn Tuất tạo nên thế giáp công tiêu diệt quân Ngô để giữ Huyền ấp, nơi vốn có ý nghĩa chiến lược quan trọng. Tuy nhiên khi tả hữu tư mã quân Sở chia nhau lặn lội đường dài, tướng sĩ hai cánh quân ai nấy mệt nhoài mới tới được Huyền ấp, quân Ngô cũng đã rời đi từ lâu rồi, quân Sở lại đánh hụt lần nữa. Tư mã nước Sở thừa biết quân Ngô đã về nước từ lâu rồi, bèn kéo quân về triều.

Quân Sở vừa rút Tôn Vũ sai Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ đem quân tiến về tây bắc, bao vây Dương ấp, tiêu diệt tên phản thần nước Ngô là Yểm Dư và Chúc Dung.

"Xem xét nơi nào quân địch có thực lực mạnh để tránh và nơi nào quân địch yếu để tiến công, như thế là xem xét tình hình hư thực của bên địch. Biết rõ được thế hư thực của địch, mới có thể bày được mưu kế tiến thoái".

Đây là lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trích trong bài viết giới thiệu "Binh pháp Tôn Tử" với nhan đề "Bàn về kế hư thực", ký tên Q.Th, đăng trên Báo Cứu quốc, số 358, ra ngày 27 tháng 9 năm 1946.

CHƯƠNG XX

TÔN VŨ LỆNH RÚT QUÂN
PHONG HỒ KHOE GƯƠM BÁU

Lại nói quân Sở vừa rút đi, Tôn Tử liền sai Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ mang một cánh quân nữa thẳng tiến tây bắc vây kín thành Dưỡng ấp, đến sẻ chui không lọt, kín như một cái thùng, quyết tâm diệt bằng được bọn phản thần tàn ác là Yểm Dư và Chúc Dung.

Yểm Dư đóng thành cố thủ, không chịu ra ứng chiến. Chúc Dung trong lòng đang bừng cháy ngọn lửa dã tâm, mong có ngày giành lại nước Ngộ, liền cự lại:

– Sở vương trao Dưỡng Thành cho hai anh em ta chống giữ, là muốn giúp ta đắc thắng mà phục quốc, nắm lấy triều đình nước Ngô, giờ cứ cố thủ trong đồn mãi như thế, bao giờ mới thực hiện được lý tưởng?

Yểm Dư vẫn thản nhiên như không, kiên nhẫn giải thích:

– Ta chỉ có ba vạn quân, sao thắng nổi người ta đông tới năm vạn? Hơn nữa quân Ngô có Ngũ Tử Tư làm tướng, ta khó mà thắng lợi. Đối phó bằng cách đào hào thêm cho sâu, lấy đất đào được đắp thành đê cao, đề phòng quân địch xâm lấn. Thời gian càng kéo dài, quân địch sẽ khó khăn về hậu cần, tự nhiên sẽ tan vỡ.

Vốn tính nóng nảy, Chúc Dung không thể chấp nhận cái chiến thuật lề mề chậm chạp ấy, nói:

– Anh làm gì phải sợ Ngũ Tử Tư như cọp thế, nhút nhát như thế, thì còn đánh chác cái gì? Mục đích của tôi không phải chỉ có giữ Dưỡng Thành, mà phải tiêu diệt Ngũ Tử Tư, giành quyền lớn của nước Ngô, việc này sao có thể quên đi trong chốc lát kia chứ?

Yểm Dư quở lại:

– Kẻ bất lực chỉ biết dựa vào sự gan dạ làm liều, như thế tất sẽ thất bại, chi bằng hãy cố thủ.

Chúc Dung cũng muốn nghe theo anh mình, nhưng nghe thấy những lời như “làm liều”… cảm thấy chối tai, tỏ ra rất khó chịu, bực dọc đáp:

– Tôi không làm liều, chỉ có điều không muốn làm hạng người đê hèn, bất lực nhát gan như thỏ đế mà thôi!

Đúng lúc ấy, tướng quân Ngô ở ngoài thành đòi ra đánh, lời lẽ mắng nhiếc như rót vào tai, nào là mắng Yểm Dư và Chúc Dung đường đường là tôn thất chính thống của nhà Ngô, mà lại cam tâm phản quốc chạy theo địch, làm tay sai cho nước Sở, hai là mắng bọn phản thần như mù như điếc, không biết đâu là đại nghĩa, gọi giặc bằng cha, đem quân ra nhằm về tổ quốc mà không biết được âm mưu quỷ kế của Sở vương, nó cho các người đóng giữ ở thành Dưỡng ấp chẳng qua là lợi dụng các người làm tấm mộc chắn tên của quân Ngô mà thôi, ba là mắng bọn phản thần ti tiện, đã có gan chống lại

tổ quốc, hãy đàng hoàng ra khỏi thành nghênh chiến, làm gì phải co dúm lại không dám ló mặt ra nhìn mọi người thế? Nhất là tên Chúc Dung kia, xưa nay vốn nổi tiếng là anh dũng, lại hào hiệp phóng khoáng, tại sao hôm nay lại rụt rè e thẹn như đàn bà con gái thế, hay cũng giống như thằng anh, nhát như thỏ đế mất rồi…

Chúc Dung không thể nghe thêm câu nào nữa, nổi nóng đùng đùng, tức giận như muốn nổ phổi ra, lớn tiếng gầm lên, bất chấp cả sự ngăn cản của anh mình là Yểm Dư, tập trung ngay một số binh lính ở cửa đông, hét lên một tiếng, xông ra như nước lũ, nhào ra ngoài cổng thành, chạy thẳng tới chỗ Ngũ Tử Tư, gầm lên như tiếng sấm:

– Bọn chó má chúng mày! Đừng có khinh người quá thế, hãy xem đây! Câu nói vừa dứt, ào ào xông lên phía trước vung tay đánh chém.

Ngũ Tử Tư chỉ chờ có thế, ông chẳng nói chẳng rằng, ung dung cho xe ra đón đánh; hai bên giáp ngựa vào nhau, quấn quít xoay vòng tròn, chỉ trong nháy mắt, cát bụi tung mờ mịt, đao kiếm vung lên, ánh sáng chói loà, trong đám bụi đất mịt mờ vang ra tiếng đao kiếm va nhau xoang xoảng, thấu tận mây xanh, đúng là một trận kịch chiến như rồng tranh hổ đấu, chẳng bên nào chịu bên nào, giờ lâu vẫn chưa phân thắng bại.

Quân sĩ hai bên cũng bất giác bị cuốn vào trận hỗn chiến. Không biết hai bên quần nhau như thế bao lâu, Ngũ Tử Tư chợt phá ra một lối đi, thúc ngựa quay xe bỏ chạy. Chúc Dung không biết đó là mưu kế, liền đuổi sát ngay phía sau,

không chịu buông rời, như thú dữ đuổi mồi, không rời nửa bước, quân lính hai bên cũng ào ào đuổi theo. Như thế, một bên chạy, một bên đuổi, đến một nơi cách chừng hai chục dặm, bỗng có một cánh quân núp trong bờ bụi xông ra vây chặt lấy quân địch.

Cùng lúc ấy, Ngũ Tử Tư cũng quay ngựa lại hợp sức, để lấy đầu Chúc Dung. Còn bản thân Chúc Dung chỉ biết đuổi thục mạng, những mong chém được đầu Ngũ Tử Tư báo công với vua Sở, trả lời cho ông anh Yểm Dư nhút nhát và hay nhiễu sự của mình, nhưng không ngờ Ngũ Tử Tư lại hành động như thế, hắn còn chưa kịp định thần, thì cái đầu đã lìa khỏi cổ lăn lông lốc ra ngoài xe, chủ tướng đã tử trận, lính tráng bỗng hoảng loạn, quay xe chạy trốn, trong chớp mắt, đội hình tan vỡ lung tung, hơn nữa đường về đã bị cắt đứt, quân Ngô trước sau hai phía giáp công, hơn một vạn lính tráng của Chúc Dung, hoặc thành oan hồn, hoặc quỳ gối đầu hàng, toàn quân tan vỡ. Đến lúc Ngũ Tử Tư kéo quân đến tận chân thành Dưỡng ấp, đã thấy Bá Bỉ mang quân vây chặt thành từ lâu, khiến cho trong ngoài thành mất hết mọi liên hệ qua lại.

Yểm Dư vốn định cố thủ, thời gian càng kéo lâu, quân địch cung cấp khó khăn, lúc đó sẽ tự nhiên tan vỡ, kết quả chính mình lại bị vậy chặt đến nới nỗi không còn hạt gạo, bếp không còn củi, ngựa chẳng còn cỏ, lòng quân lo âu thấp thỏm, dân chúng oán than đầy đường, dần dần đến mức chẳng đánh mà tan.

Yểm Dư tuy rằng ngay từ lúc bé đã đọc làu các loại binh thư, nhưng hắn chỉ biết đọc một cách máy móc giáo điều không

hề biết vận dụng linh hoạt. Hai anh em hắn, mang ba vạn binh mã hấp tấp từ Sính đô đến đồn trú tại Dưỡng ấp, còn chưa kịp chuẩn bị gì, đã gặp ngay những ngày mưa liên miên, nước lũ dâng tràn khắp nơi. Trong thành lúc ấy lương thực thiếu đến thảm hại, thêm nữa quân lính của hắn lại là người nước khác, vừa chân ướt chân ráo đến đây, lòng dân lại luôn nghi ngại đề phòng, với quân đội như dầu trên mặt nước, chẳng có gì gắn bó với nhau, bởi vậy việc trù bị lương thực là cực khó. Cũng may Chúc Dung đã dẫn hơn vạn quân ra ngoài thành ứng chiến, bị tiêu diệt hết, trong thành chỉ còn lại chưa đầy hai vạn quân, nên mới cầm cự thêm được vài hôm nữa.

Tình hình quan Ngô lại hoàn toàn khác hẳn, qua gần một năm trời tiếp xúc qua lại với nhau, quân Ngô và dân nước Từ đã kết nên mối tình thân cá nước. Cá đã được vẫy vùng trong nước, thì còn lo gì chết đói? Dân nước Từ đã coi quân Ngô như người thân, như vị cứu tinh, tuy phải năm lụt lội mất mùa, bản thân bà con còn chưa no đủ, nhưng vẫn cam chịu nhịn đói nhịn khát, chắt bóp giành lương thực ra để chi viện quân Ngô. Đương nhiên, Tôn Tử và Ngũ Tử Tư đã đi xem xét dân tình, biết được nỗi khốn khổ của dân, đánh trận nào cũng cố sao cho nhanh chóng, hết sức tránh tăng thêm gánh nặng cho dân.

Trong thời gian vây thành, Ngũ Tử Tư sai người đêm đêm gọi vào bên trong: “Hỡi anh em binh lính! Các anh buộc phải xa rời quê hương và người thân, đến tham chiến nơi đất khách quê người, lẽ nào anh em lại không nhớ đến cha mẹ vợ con mình? Họ đang từng ngày từng giờ mong đợi các

anh em sớm trở về sum họp. Anh em hãy mau hạ khí giới, cùng chúng tôi quay về Tổ quốc đi thôi…”

Ngũ Tử Tư còn động viên các hàng tướng của Chúc Dung nhắn các đồng sự và bạn bè của mình ở trong thành, tuyên truyền rằng bản thân mình sau khi nhận đầu hàng, đã được quân Ngô ưu đãi thế nào, mong những anh em đang khổ sở trong thành nhanh chóng tỉnh ngộ, cải tà quy chính…

Lúc ấy trong thành đang đói khát không chịu nổi, quan với quân tàn sát lẫn nhau, nghe thấy tiếng gọi từ bên ngoài, các tướng sĩ trong thành thảy đều rơi lệ, hoặc nức nở không thành tiếng, nỗi thương tâm đau khổ ấy, phút chốc bỗng trở thành hận thù đối với Yểm Dư, thế là trong thành luôn xảy ra xáo động, nảy sinh những cuộc binh biến nhỏ, hoặc có khi lại xảy ra đánh nhau tranh giành miếng ăn hoặc xông vào cướp bóc ở kho lương thực hay nhà ăn của binh lính.

Tiếp tục vây hãm, tiếp tục kêu gọi, trong thành rối lên như tổ ong vỡ, như nồi canh hẹ. Yểm Dư càng ra công trấn áp, sự nổi dậy của quân lính và dân chúng càng dữ dội, cả thành Dương ấp trở thành cái nhọt thối rữa. Cuối cùng, tới đêm khuya ngày vây hãm thứ mười bốn, cái nhọt ấy đã vỡ ra, có một viên hiệu uý tên là Tinh Ngô đã bắt được Yểm Dư, cắt lấy đầu hắn, buộc lên đầu một cây sào tre, bêu cao lên dẫn đầu mọi người đứng lên khởi nghĩa. Như thế, chẳng phải mất một mũi tên một nhát dao nào, không xây xát một người lính nào, quân Ngô đã chiếm được thành Dưỡng ấp.

Diệt phản thần, trừ gian ác, cuộc chiến đấu đã hoàn toàn thắng lợi, thu được hơn hai vạn quân sĩ quy thuận và một số

lớn khí giới, trang bị và tiền của vốn có của anh em Yểm Dư, giành được chiến công lớn hơn nhiều so với dự định. Ngũ Tử Tư ngửa mặt lên trời cả cười, ông mừng không thể cầm lòng, khoa chân múa tay như đứa trẻ con. Đúng vậy, chờ đợi đến lúc này vừa đúng chín năm… Chín năm trời trong dòng lịch sử chỉ là chín giọt nhỏ nhoi, tuy nhiên với một đời người, lại thấy sao dài dằng dặc thế! Chín năm đó hầu như Ngũ Tử Tư đều trằn trọc trên đao kiếm, nếm đủ mùi cay đắng trần gian, chịu đủ nỗi dày vò, đạp chông gai, qua ghềnh thác, nhích lên phía trước từng li từng tí một, chờ đợi mong ngóng từng giờ từng khắc, cho đến lúc này coi như đã sắp được toại nguyện, sắp sửa đến lúc được hả hê, làm sao chẳng khiến ông vui mừng như điên như dại?

Ngũ Tử Tư lập tức thảo một bức thư, sai người cưỡi ngựa phi báo về Chung Ly, để Tôn nguyên soái biết tin mừng thắng trận, và thỉnh thị nhiệm vụ chiến đấu bước tiếp theo. Ông muốn thừa thắng tiến đánh tiếp, để đại quân tiến thẳng vào sâu trong lòng quân Sở. Ông nghĩ rằng Tôn Tử nhất định sẽ phê duyệt thỉnh cầu của mình, bởi vì chính Tôn Tử đã nói, nước Sở hùng mạnh nhưng cũng như con chim ưng dang cánh bay trên trời cao, nó có bộ lông đầy đủ và đôi cánh mạnh mẽ, đôi mắt tinh tường và cặp mỏ sắc nhọn, nên mới có thể săn bắt được chim sẻ và thỏ rừng… Nhưng nước Sở bây giờ, bọn xấu xa còn rơi rớt lại đã bị trừ khử, Chung Ngô và nước Từ đã thuộc nước Ngô, cánh chim ưng đã bị chặt đứt, đánh nước Sở chẳng còn gì phải lo ngại về sau. Trong những ngày chờ đợi, Ngũ Tử Tư ra sức ăn no uống đủ, dinh dưỡng tinh thần, mài sắc ý chí, để được mang sức ra chinh chiến một phen nơi sa trường. Thế nhưng chiến mã phóng như bay từ Chung Ly về, lại mang tới một chậu nước lạnh,

dội vào Ngũ Tử Tư từ đầu đến gót, dập tắt luôn ngọn lửa vốn đang bừng cháy trong lòng ông. Tín sứ từ Chung Ly mang về mệnh lệnh của Tôn nguyên soái truyền cho Ngũ Tử Tư: "Dân chúng đang mệt mỏi, chưa thể đánh Sở toàn diện được, hãy đợi đấy. Lập tức kéo quân về, không được chậm trễ".

Bản thân lệnh ấy đã gieo vào lòng Ngũ Tử Tư một cục băng, ông không hiểu nổi, giữa lúc này, tại sao Tôn Tử lại có thể ra một mệnh lệnh như thế, "hãy đợi đấy" đợi đến bao giờ, chẳng lẽ đợi đến lúc độn thổ thăng thiên? Với mưu trí của Tôn Tử cũng như mười ba bài "binh pháp" của ông, Ngũ Tử Tư khâm phục đến sát đất, nhưng qua một thời kỳ chung sống và cộng sự ngắn ngủi với ông, Ngũ Tử Tư lại có thành kiến về đường ăn nhẽ ở của Tôn Tử, thậm chí còn tỏ ra hậm hực không vui. Ông không hiểu chính sách "ngu binh" của Tôn Tử tại sao lại làm ngu cả đầu mình, cần phải biết rằng, mình không phải là một tên lính, mà là một viên tướng, một chủ tướng, mỗi sách lược dùng binh. đều do tướng soái cùng bàn bạc quyết định, chí ít thì trước khi xảy ra một hành động quân sự đều để cho mình được biết sao phải làm như thế, vậy mà lúc này, ta lại bỗng trở thành một vật chỉ biết nghe theo, đủ thấy dưới con mắt của Tôn Tử lúc này, mình không còn là chủ tướng nữa, cũng có thể ông ta sợ mình học được cái tài cái giỏi của ông ta, hay sợ mình tiết lộ hết những điều cơ mật quân sự, cho nên đã giấu cả tôn chỉ mục đích, chỉ gọn lỏn bắt mình lập tức kéo quân về, không được chậm trễ…

Cứ thế, Ngũ Tử Tư càng nghĩ càng bế tắc, càng nghĩ càng bực mình, chỉ muốn tìm ngay Tôn Tử cãi nhau một trận cho hả.

Tuy nhiên; dù sao đi nữa Ngũ Tử Tư vẫn là một lão tướng từng dày dạn sương gió nơi sa trường, nên cuối cùng đã nuốt sâu nỗi tức giận vào trong bụng, nghĩ đến việc lớn là đánh nước Sở, nên đã khéo léo nhún nhường, phối hợp chặt chẽ với Tôn Tử. Ông cố gắng hết sức tự nhủ mình, bất kể trong lòng mình thế nào đi nữa, không được quên "quân lệnh như sơn", không được quên thiên chức của một người lính là "phục tùng". Ông cũng từng nghĩ đến việc, sở dĩ Tôn Tử chịu hạ sơn, giúp Ngô đánh Sở, phần lớn là do cảm thông và thương xót mình, để mình báo được hận nước thù nhà. Với một nhà quân sự lớn và sáng suốt như Tôn Tử, tấm lòng quyết không bao giờ hẹp hòi nhỏ mọn như thế, sở dĩ ông làm như thế, tất có lý lẽ mà một người tầm thường, khó đoán biết được, mình chớ nên lấy bụng dạ tiểu nhân để so bì với người quân tử. Thế là càng nghĩ ông càng thấy sáng sủa. Con người, vốn dĩ là một thể mâu thuẫn như thế.

Phủ nguyên soái ở Cô Tô, trong cửa ngoài cửa được bố phòng canh gác dày đặc, vòng trong vòng ngoài chặt chẽ thâm nghiêm, không cho phép bất kể ai tự ý đi lại ra vào. Ở trong phủ, Tôn Tử và Diêm Hoài Viễn đang ngồi đối mặt nhau uống rượu, sơn hào hải vị rượu ngon của lạ, chẳng thiếu thứ gì. Tôn Tử nâng chén, luôn tay rót rượu cho Diêm Hoài Viễn rồi hai tay bưng lên đưa tận tay mời hết chén này chén khác. Lúc đầu, Diêm Hoài Viễn tỏ ra hết sức dè chừng, áy náy không yên, hết sức thận trọng, không chịu uống nhiều, cho đến khi rượu nóng đã ngấm vào mấy chén, bỗng trở nên bạo dạn mạnh mẽ, thậm chí đến chuyện sống chết cũng bỏ mặc không thèm chấp; đến mức Tôn Tử đã mời là uống, không mời cũng giành lấy uống, muốn uống say mới thôi, để mặc cho Tôn Vũ xử trí, dù cho có trăm đao ngàn búa,

cũng chẳng sợ gì. Thấy Tôn Vũ xem ra cũng chẳng hề có ý gì độc ác xấu xa, đối xử rất lễ độ, cư xử như một người bạn, cung kính như một bậc bề trên, ngoài việc tận tay mời rượu, còn liên tục gắp món ngon món lạ tiếp vào bát của mình, cứ như sợ rằng mình ăn không đủ, uống không say.

Trái tim con người suy cho cùng ai cũng bằng máu thịt, trời nóng khắc sẽ làm tan tuyết, tan băng… dần dần trái tim của Diêm Hoài Viễn cũng như tảng băng tan ra dưới sức nóng, ý nghĩ đối địch cũng dần dần tiêu tan, tấm lòng ông ta đã dần dần ngả theo Tôn Tử, chẳng những đã chịu nghe những điều Tôn Tử nói ra, còn ôn tồn trả lời những vấn đề Tôn Tử nêu, chỗ nào ý kiến bất đồng, thậm chí còn có lời tranh cãi. Tôn Tử nói với Diêm Hoài Viễn về hình thế thiên hạ chư hầu phân tranh, về sự ngu độn và vô đạo của Sở Bình vương, về mối thâm thù nợ máu của hai nhà Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ, so sánh sự sáng suốt và ngu độn giữa Hạp Lư và Chiêu vương, nói về quyết tâm đánh Sở của nước Ngô cũng như nguy cơ đang đe doạ nước Sở, đặc biệt là đã phân tích cặn kẽ về hoàn cảnh khó xử và éo le của Diêm Hoài Viễn lúc này: Nào là Tiềm ấp mà ông ta đang trấn giữ lúc này là một toà thành không chịu nổi một trận tấn công của quân Ngô, chẳng cần đánh cũng tan. Mất thành thực ra chỉ là chuyện nhỏ, bị cháy hàng ngàn thạch lương thực mới là tội chết không tha, cứ cho rằng nhờ Chân Mai phi, Chiêu vương có thể xá cho ông tội chết, thì Tử Tây, Nang Ngoã và đám quần thần nước Sở cũng chẳng buông tha ông. Kỳ thực thì Chiêu vương cũng sẽ chẳng khoan dung, từ xưa đến nay, ông vua quái nào mà chẳng sớm nắng chiều mưa, có mới nới cũ? Giết Diêm Hoài Viễn, phế Chân Mai cơ đi, cũng thừa sức đi tìm lạc thú mới, chứ đời nào lại chỉ vì một chút nhan sắc của người con gái

mà xa lánh quân thần, để mất cả giang sơn? Sau khi nói một hồi như vậy, sau cùng Tôn Tử bảo:

– Tôi có thể để ông đi khỏi nơi này, nhưng Diêm tướng quân khó tránh khỏi tử tội.

Diêm Hoài Viễn vốn dĩ là con người nhát gan, lại chẳng có đầu óc chi cả, khó chịu đựng được những khốn khó nghịch cảnh, thêm vào đó, sự rộng lượng và ôn tồn của Tôn Tử hôm nay, khiến ông ta thấy rằng Tôn Tử nói ra câu nào cũng đúng, tự nghĩ lại thấy mình chỉ có chết mà không còn đường sống. Nghĩ đến chuyện bị trị tội, trái tim vừa như được nới lỏng ra một chút bỗng bị bóp nghẹn ngay lại. Chết quả là đáng sợ, đó là điều không may, là tai hoạ lớn nhất trên đời. Người ta thường nói, thác trong cũng chẳng bằng sống đục, miễn là còn được ở trên đời, sống thế quái nào cũng được, kể cả làm một con chó vẫy đuôi nịnh chủ mà kiếm ăn. Quan niệm sống chết của Diêm Hoài Viễn là như thế đấy, nên ông ta đã nghe ra những ẩn ý trong lời nói của Tôn Tử, vội làm ra vẻ hết sức thiểu não, khẩn khoản xin với Tôn Tử:

– Không biết Tôn Tử nguyên soái có cách gì cứu được tính mạng cho bại tướng không?

Tôn Tử mỉm cười, chưa trả lời ngay, lại sai người mang ra một chiếc mâm đồng rất đẹp, đặt trên mặt án thư, trong mâm toàn là vàng bạc châu báu ánh lên ngời ngời, lấp loá đến chói mắt. Tôn Tử chỉ vào những thứ châu báu trên mâm nói:

– Nếu Diêm tướng quân có thể làm theo ý muốn của bản soái, thì bản soái không những có thể đảm bảo tướng quân không phải lo nghĩ gì cho tính mạng, mà vẫn được vinh hoa phú quý như thường, những thứ châu báu vàng bạc này của bản soái, cũng coi như là để trả công và làm quà tặng cho tướng quân, đương nhiên, đây chỉ là chút quà vặt trong ngày đầu gặp nhau thôi, nếu tướng quân có thể phối hợp thật nhịp nhàng với bản soái, về sau sẽ được trả công nhiều hơn! Chẳng hiểu tôn ý của tướng quân thế nào?

Diêm Hoài Viễn không dám nhìn thẳng vào sự thực trước mắt và cũng không dám tin lỗ tai mình. Mình tuy là quốc trượng của nước Sở, vậy mà những thứ châu báu quý giá ở trên mâm kia, cũng mới chỉ nghe nói đến, chứ chưa nhìn thấy bao giờ, đến nay có thể nói mới có dịp mở rộng tầm mắt, nhìn cho chán chê. Rồi ông lại nghĩ, Tôn Vũ định dùng mình làm gì, mà lại chịu bỏ ra cái giá lớn như thế? Phải chăng là muốn mình giúp Ngô đánh Sở, để hoàn thành sự nghiệp lớn lao của ông ta? Đại trượng phu sống ở trên đời, bốn biển là nhà, hà tất lại chỉ câu nệ có mình nước Sở? Ngay như Tôn Vũ đây là người nước Tề, thế mà nay lại giúp Ngô đánh Sở chuyện này chẳng khác gì con chim nhạn trên trời kia, mùa đông thì bay xuống phương nam, mùa hạ lại bay về phía bắc, ở đâu thấy được sống ung dung thoải mái, thì sẽ an cư lạc nghiệp sinh sống ở đấy.

Ngô đánh Sở không hẳn là việc dễ, nhưng có mặt Tôn Vũ và Ngũ Tử Tư, cũng không thể nói là không có khả năng, vậy sao ta lại chẳng nể tình, giành cho mình một lối đi sau này, ngộ nhỡ Sở thua Ngô thắng, vẫn có thể yên ổn mà sống trên đời… Cho rằng Ngô đánh Sở có phải bươu đầu mẻ trán, mà

Sở vẫn chẳng hề lung lay, chỉ cần hôm nay Tôn Vũ giữ sao cho ta khỏi chết, thì chỉ cần còn trời còn nước còn non, chẳng phải lo gì sẽ có lúc được đền bù, ăn ở hai mang thì có gì mà không được? Muông thú còn biết đến chỗ lợi tránh chỗ hại, con người lại càng phải như thế? Nghĩ đến đây, Diêm Hoài Viễn chẳng những thấy nhẹ nhõm, thậm chí còn thấy dễ chịu và vui mừng nữa, bởi vì đây đúng như người ta nói "chết đuối vớ phải cọc", "gặp hoạ lại được hưởng phúc", ông ta đang mơ ước một ngày mai tốt đẹp nhờ "mắc nạn thoát chết, tất là nhờ trời", rồi chẳng biết thế nào buột ra miệng:

– Cái đó thì…

Tôn Tử chờ đợi đã thấy có vẻ hơi sốt ruột, ông bỗng bật đứng dậy, cắt ngang lời Diêm Hoài Viễn:

– Sở là nước lớn ở phương đông, đất rộng người đông của cải nhiều vô kể, Diêm tướng quân là quốc lão của nước Sở, đương nhiên không lạ gì chút quà mọn của một nước nhỏ thế này, chẳng thà để tôi lấy kiếm mà huỷ nó đi, rồi lập tức đưa tướng quân trở về nước Sở – Tôn Tử nói xong thuận tay rút kiếm, mắt nhằm vào đống châu báu, những đồ quý vô giá kia sẽ lập tức bị huỷ hoại trong chốc lát!

Diêm Hoài Viễn thấy vậy, sợ cuống cả lên, vội cúi người che lấy mâm châu báu, lắp ba lắp bắp nói:

– Thôi thì trăm sự nghe theo nguyên soái sắp đặt, Tôn Tử tra kiếm vào bao nói:

– Diêm tướng quân rốt cuộc vẫn là một bậc tuấn kiệt, biết người biết của và thức thời, không đến nỗi để cho bản soái đây phải làm những chuyện chẳng lấy gì làm vui! Ha! Ha! Ha! – Tôn Tử đã chuyển giận ra mừng, ông ngửa mặt lên cười lớn, cười thật hả hê, cười rất thoải mái, khiến cho Diêm Hoài Viễn bỗng trở nên lúng túng, run rẩy.

Tôn Tử vừa dứt tiếng cười, Diêm Hoài Viễn cất giọng run run rụt rè hỏi:

– Chẳng hay nguyên soái dùng kế sách gì hay để cứu cho tên bại tướng này khỏi chết?

Tôn Tử vui mừng ra mặt nói:

– Tướng quân việc gì phải hỏi đến chuyện đó, tới lúc ấy rồi sẽ hiểu thôi mà. Nào thôi, uống rượu đi, xin mời! – Tôn Từ rót cho Diêm Hoài Viên một chén rượu đầy, nói tiếp: quân tử nói lời thì giữ lấy lời! Để thể hiện sự chân thành hợp tác của chúng ta, hãy cạn chén!

Diêm Hoài Viễn nâng chén quá đầu, chạm chén với Tôn Tử và cũng hô “cạn chén” rồi uống một hơi hết chén rượu. Trong trướng quân tràn ngập bầu không khí thông cảm chan hoà.

Đúng giữa lúc Tôn Tử và Diêm Hoài Viên đang uống rượu với nhau, Ngũ Tử Tư có việc cần phải bẩm báo, vệ binh nói:

– Nguyên soái đã có lệnh, bất kỳ là ai, kể cả hai vị đại tướng, có chuyện gấp đến đâu, cũng không được vào, trái lệnh thì chém!

Ngũ Tử Tư bị chặn lại, lủi thủi quay về, ngồi đứng không yên, ông không rõ Tôn Tử ở trong trướng quân làm gì, mà lại giấu cả hai viên đại tướng đang cầm quân. Càng ngày ông càng thấy Tôn Từ có cái gì đó rất khó hiểu và luôn có việc làm bí hiểm khiến người ngoài chẳng hiểu ra sao. Đúng lúc ấy, có viên hiệu uý đến báo, nói lõm bõm không đầu không cuối về chuyện hôm nay nguyên soái gặp mặt người nào rồi tặng quà bằng châu báu quý giá ra sao. Viên hiệu uý ấy không phải ai khác, mà chính là người đã bưng chiếc mâm đồng trong trướng.

Ngũ Tử Tư nghe xong, tai ù lên một tiếng, thấy đầu mình như dãn to ra, trời đất quanh mình bỗng quay cuồng chân đứng không vững. Không biết làm gì hơn, vẫy tay cho viên hiệu uý lui ra, không quên căn dặn hắn phải giữ kín chuyện này, trái lệnh thì quân pháp sẽ không tha. Viên hiệu uý lui ra rồi, còn lại một mình, Ngũ Tử Tư hết sức trấn tĩnh lại, kìm nén tình cảm bằng lý trí, suy trước tính sau mãi, cũng chẳng tìm được lời giải đáp. Tại sao Tôn Tử lại có thể coi những cánh tay đắc lực của mình thành người xa lạ, để chén chú chén anh với kẻ vốn là thù địch với mình như thế được… Ông rút kiếm vung lên, làm cho hả niềm u uất dồn nén trong lòng, trong phòng bỗng loé lên những luồng chớp lạnh, theo sau là tiếng cắt gió vù vù, cứ y như là lúc này Tôn Tử đang ở trước mặt, đường kiếm này sẽ chém con người ấy một nhát làm đôi, cho đầu lìa khỏi cổ. Thế nhưng, ngày hôm sau cơm chiều xong, Tôn Tử rủ Ngũ Tử Tư đi dạo bên bờ suối, hai

người lại thân thiết như chân tay, tình cảm còn hơn cả anh em ruột.

Đêm giữa thu, mây trong trời cao, trăng thanh gió nhẹ, nước suối róc rách, côn trùng rỉ rả, thiên nhiên yên lặng và hiền hoà, dưới ánh trăng như dội, Tôn Tử và Ngũ Tử Tư một người trước một người sau thong dong thả bước. Những lúc thế này, Ngũ Tử Từ thường cố ý lùi lại phía sau đôi bước, không muốn sánh bước cùng Tôn Tử. Với chuyện đó, Tôn Tử thường không để ý nên thường cứ bước đi vài bước lại dừng chân, chờ Ngữ Tử Tư lên kịp rồi mới lại tiếp tục đi, bởi khoảng cách một trước một sau đó, bất tiện khi nói chuyện phiếm với nhau, cũng như bàn bạc công việc. Ngũ Tử Tư phải cân nhắc mãi, ông muốn qua cử chỉ đó để bày tỏ rằng nhận thức tư tưởng và lý luận quân sự, mình còn thua kém Tôn Tử, hôm qua cũng vào giờ này, Ngũ Tử Tư vẫn còn tức lồng tức lộn, mới qua một ngày, tại sao lúc này có thể thân mật gần gũi Tôn Tử đến dường này? Nguyên là hôm qua, sau khi múa kiếm lên như thế, Ngũ Tử Tư lại ngồi dưới ánh đèn, đọc lại “Tôn Tử binh pháp”, chính bài “dụng gián biên” là chiếc chìa khoá mở tung chiếc khoá đồng vững chắc trong lòng ông. Gần đây, mỗi lần buồn bực vì bất đồng với Tôn Tử, Ngũ Tử Tư lại vùi đầu vào đọc “binh pháp”, tình cờ thấy bài “dụng gián” có nói: “Phàm khi mang cả chục vạn quân, đi đánh trận ở nơi xa hàng ngàn dặm, chi phí của dân chúng, sự tiêu pha của nhà nước, mỗi ngày tốn hàng ngàn lạng vàng. Cả nước bị xáo động, dân chúng phải phục dịch, mệt mỏi đường sá, người không thể tiếp tục cày cấy được có tới cả trăm ngàn hộ. Hai bên chiến tranh cầm cự nhiều năm, để có một ngày thắng lợi, nếu hà tiện tước lộc và tiền bạc, không chịu dùng gián điệp, có thể đi đến chỗ do không nắm

được tình hình địch mà thất bại thảm hại, đấy mới là hết sức bất nhân vậy! Hạng tướng soái ấy, không phải là tướng soái giỏi trong quân đội, không phải người phò tá tốt cho vua chúa. Hạng vua chúa ấy, không phải là hạng vua chúa biết giành thắng lợi. Những bậc minh quân hiền tướng sở dĩ có thể ra quân là thắng lợi, sự thành công của họ trội hơn người khác, thì một nguyên nhân rất quan trọng là họ luôn luôn nắm trước được tình hình địch. Mà muốn nắm trước được tình hình địch, không thể có được nhờ mê tín quỷ thần hay bói toán nhảm nhí, cũng không thể so bì với những sự việc tương tự đã qua, cũng không thể đoán gần đoán xa bằng quan sát trăng sao trời đất, mà phải giành được từ những con người hiểu và nắm được tình hình địch".

Đọc đến đây Ngũ Tử Tư mới vỡ lẽ ra, lúc nào Tôn Tử cũng hiểu tình hình địch như lòng bàn tay; xưa nay chưa đánh trận nào không nắm chắc phần thắng, hoá ra mấu chốt ở chỗ biết dùng gián điệp. Trong bài "dùng gián điệp" lại nói, trong ba quân, không có ai thân cận và tin tưởng bằng gián điệp, không có ai được tặng thưởng hậu hĩnh bằng gián điệp, không có gì kín đáo bằng dùng gián điệp. Nếu như kế dùng gián điệp chưa được thi hành, mà đã bị lộ, thì gián điệp và những người liên quan đều bị tội chết. Từ đó Ngũ Tử Tư mới đoán rằng, Tôn Tử đang dùng vàng bạc để mua chuộc Diêm Hoài Viễn làm gián điệp, đồng thời dứt khoát giết viên hiệu uý đã bép xép để lộ tin đó, nhằm trừ hậu hoạ…

Hiệu uý chết rồi, Tôn Tử không hỏi tội thêm nữa, chứ nếu có hỏi, thế nào cũng nguy hiểm đến tính mạng Ngũ Tử Tư, cho nên ông làm như không biết, để mặc cho qua.

Diêm Hoài Viễn quay về Sở, dâng lên Sở Chiêu vương một cái đầu người để chuộc tội, cái đầu ấy là vua nước Hồ, hàng tướng của liên quân bảy nước trong trận đánh Kê Phụ.

Kê Phụ nằm ở chân núi phía tây bắc Đại Biệt Sơn, là một thị trấn quan trọng ở đầu phía nam căn cứ quân sự Liễu Lục nước Sở, là nơi hiểm yếu vùng thượng nguồn sông Hoài. Các nước nhỏ như Châu Lai, Lục Cấp quây quần ở mạn đông nam; các nước Hồ, Thẩm, Trần, Đốn, Hạng, Thái, Tức, Giang, Đạo... xếp hàng ở mạn tây bắc, nó là căn cứ chiến lược của cuộc chiến Ngô – Sở. Nếu như quân Sở khống chế được Kê Phụ, thì tiến có thể đánh lui thế thủ, hơn nữa, từ đây có thể khống chế được các nước khu vực Hoài Dĩnh, giữ được phạm vi thế lực của mình ở phương nam. Nếu như quân Ngô chiếm được Kê Phụ, không những có thể xua đuổi được thế lực của quân Sở ở vùng Hoài Dĩnh, khống chế những quốc gia quanh đó, hơn nữa, có thể từ đó tiến vào Đại Biệt Sơn, làm khởi điểm để sau này tiến vào Sính đô.

Lúc mới bắt đầu giao chiến, hình thế rất có lợi cho quân Sở, sau đó vua nước Hồ nhận của đút lót mà hàng Ngô, đưa đến chỗ toàn quân rệu rã, đường đường như nước Sở, chẳng những mất quyền nhục nước, hơn thế, quân Ngô với thế một nước đánh tan quân 7 nước, Sở vương sẽ mất mặt đến tệ hại trong thiên hạ, tiếng tăm cũng đi đời nhà ma... Sau chiến tranh, vua tôi nước Sở căm Hồ đến tận xương tuỷ, chỉ lăm le muốn được ăn sống nuốt tươi con người này mới hả giận. Bảy năm sau ngày đó, Diêm Hoài Viễn xách đầu lâu của vua Hồ dâng lên, làm gì chẳng khiến Sở Chiêu vương mừng rỡ điên người? Diêm Hoài Viễn nói rằng, Ngũ Tử Tư sai vua nước Hồ đi tiên phong, đánh vào trận địa quan trọng

của bên địch, tới chân thành chửi mắng thậm tệ. Nghe thấy bị mắng là nghịch tặc. Diêm Hoài Viễn tức sôi máu lên, ra khỏi thành đón địch. Hai bên kịch chiến hơn sáu mươi hiệp, đâm qua chém lại, người hô ngựa hý, mãi vẫn chưa phân thắng bại. Tuy nhiên vua Hồ không xứng là địch của ông ta, sau khi đánh nhau chừng bảy mươi hiệp, đã sơ hở tứ tung, cuối cùng thua chạy. Ông ta định bụng bắt sống vua Hồ, để giao lên Sở vương, chặt hắn ra làm muôn mảnh, để rửa nỗi nhục ở Kê Phụ, thế là đuổi riết không tha, đuổi mãi đến thượng nguồn sông Oa, tới chân thành Oa Dương, mới chém được tên này ở dưới xe của mình…

Công với tội của Diêm Hoài Viễn đã quá rõ ràng, Sở Chiêu vương không thưởng nhưng cũng không phạt, có điều thôi không cử ông này đi trấn thủ biên cương nữa; cho nhậm chức ở Sính đô, hưởng trọn tuổi già.

Kỳ thực sau trận Kê Phụ, vua nước Hồ vẫn bị quân Ngô giam trong ngục, là một tên tử tù, Tôn Tử làm sao có thể dùng hắn đi theo quân mình đánh Sở? Những điều Diêm Hoài Viễn nói ra, toàn là những lời Tôn Tử bịa đặt ra để lừa Sở vương.

Sau đó không lâu, bỗng có một hôm Chiêu vương ngủ dậy, chợt thấy có một thanh gươm báu, đặt trên án thư, bất giác hốt hoảng sinh nghi, thế này là thế nào? Ông cầm lấy thanh gươm ngắm nghía hồi lâu, lưỡi gươm thân gươm đều ánh lên thứ quý giá. Lạ thay, một thanh gươm quý như thế, làm sao lại đặt lên án thư trong phòng ngủ của Sở vương được kia chứ? Sở vương cảm thấy hết sức lạ lùng, vời cung nga tới để hỏi, thì chẳng ai biết gì, sau đó lại cho vời hữu lệnh doãn Nang Ngoã đến để hỏi về lai lịch gươm. Nang Ngoã nói:

– Thanh gươm này chính là của quý trời cho, để ca ngợi thánh đức của đại vương. Nếu không, trong chốn thâm cung cửu trùng đến chim bay cũng khó lọt vào được thế này, thử hỏi ai là người mang thanh gươm báu này đặt lên án thư của đại vương được chứ?

Sở vương nghe thế thì mừng lắm:

– Ca ngợi thánh đức của quả nhân? Của quý trời cho? Ha! Ha! Ha! Trong lịch sử đã từng có chuyện tương tự thế này bao giờ chưa?

Nang Ngoã hàm hồ lấp lửng nói:

– Thần không phải là sử gia, khó nói thật tường tận, chỉ biết rằng xưa kia minh quân cũng có kỳ tích như thế này.

– Bỗng dưng được một vật quý ngoài ý muốn, quả thực là một sự may mắn! May mắn! Ha ha! – Sở vương nói thế xong lại cười lớn, sau đó lệnh cho cất thanh gươm đi.

Không lâu sau, ở Sính đô xuất hiện một người thợ rèn nổi tiếng tự xưng là Phong Hồ. Phong Hồ vốn là người nước Việt, nổi tiếng trong thiên hạ với tài rèn ra những thanh gươm quý. Ông ta và một vài người tuỳ tùng ngồi xe ngựa thong dong đi trên phố, nhìn từ phong cách, nhân phẩm của ông ta, cái gì cũng khác người. Những người tuỳ tùng của ông ta từng nói:

– Sư phụ tôi muốn đi tìm một thanh gươm báu nên đã chu du khắp thiên hạ… Phong Hồ chẳng những là người rèn gươm giỏi, mà còn là người rất có kinh nghiệm và nổi tiếng trong việc nhận xét, bình phẩm, cho nên người đời mới gọi ông là "Phong Hồ Tử". Tin tức về Phong Hồ Tử xuất hiện ở Sính đô chẳng mấy chốc lan tuyền khắp mọi nơi, phàm là những ai si mê đao kiêm, đều lũ lượt nhờ Phong Hồ Tử xem xét cho những thanh gươm quý của mình. Bất kỳ thanh gươm nào, chỉ cần nhìn qua là ông có thể nói được ra đó là tác phẩm của ai, rèn vào lúc nào, đặc trưng của nó như thế nào, chuẩn xác như thần.

Tin tức rất nhanh chóng được lan vào trong cung và đến tai Sở vương, thế là Phong Hồ Tử được vời vào cung để xem xét thanh gươm báu không rõ nguồn gốc này của Sở vương. Phong Hồ Tử nâng thanh gươm trên tay, rồi rút nó ra khỏi bao, từ mọi góc độ, ngắm nghía hình dạng và nhìn ánh thép của nó, sau lại lấy tay búng lên thân gươm để nghe tiếng kêu, bỗng ông kinh ngạc kêu lên:

– Ái chà chà! Đây chính là "Trạm Lư", vật quý trong cung vua Ngô, tại sao lại đến được cung vua nước Sở?

Sở vương không chút giấu giếm, đã kể hết thực tình. Phong Hồ Tử nghe nói thế liền bảo:

– Trạm Lư là thanh gươm báu mà Ngô vương Hạp Lư khi còn là hoàng tử Cơ Quang đã giấu đi, đó là kiệt tác cả đời của Âu Dã Tử thợ rèn nổi tiếng nước Việt.

Sở vương nghe thấy lai lịch như thế bỗng thấy lo sợ:

– Cái gì? Gươm báu của Ngô vương giấu đi? Vậy làm sao nó có thể không cánh mà bay đến phòng ngủ trong cung của quả nhân được? Phải chăng nước Ngô đã sai thích khách lọt vào cung cấm của ta, lấy gươm này để đe doạ quả nhân.

Phong Hồ Tử bất giác cười lên ha hả, cười một hồi rồi mới nói:

– Đại vương quá lo vậy thôi, như Sở cung đây, canh gác nghiêm ngặt kín như bưng mọi ngả thế này, thích khách nước Ngô vào thế nào được ạ? Hơn nữa, Ngô vương Hạp Lư đời nào chịu rời tay giao thứ quý hiếm trên đời và là đồ giữ nước của mình cho thích khách, đem tới cung nước Sở kia chứ? Đại vương nên biết rằng thanh gươm Trạm Lư này là tượng trưng cho xã tắc giang sơn nước Ngô, trên đời này làm gì có loại vua chúa nào ngốc nghếch đến mức hai tay dâng đất nước tươi đẹp của mình cho kẻ khác kia chứ?

Với nét mặt đầy vẻ nghi ngờ, Sở Chiêu vương nói:

– Phong lão tiên sinh nói rất có lý, thế nhưng thứ của quý trong cung nước Ngô làm sao lại đến cung nước Sở của ta được? Xin tiên sinh hãy giải mối nghi ngờ này cho quả nhân, cho tan đám mây mờ trong lòng, quả nhân sẽ trả ơn bằng vàng bạc!

– Xin đại vương đừng quá nóng vội, để thần nói về lại lịch thanh gươm này – Phong Hồ Tử chậm rãi kể – Việt vương Doãn Thường từng sai Âu Dã Tử rèn ra năm thanh gươm báu, thanh này là một trong số đó. Việt vương đã tặng ba

thanh gươm là Trạm Lư, Bàn Sính, Ngư Trường cho Ngô vương bây giờ, tức hoàng tử Cơ Quang ngày trước. Tại sao Việt Vương lại tặng hoàng tử Cơ Quang ba thanh gươm này như vậy? Thực ra là vì lúc đó thế lực của Cơ Quang rất lớn, Việt Vương đề phòng Cơ Quang đem quân sang đánh mình nên mới phải phá lệ, rứt ruột mà tặng vậy thôi!

Sở vương chăm chú nghe không sót một lời, Phong Hồ Tử lại kể tiếp:

– Ba thanh gươm báu đó, Trạm Lư xếp thứ nhất. Về thanh gươm này Âu Dã Tử từng nói với thần: “Lão phu rèn gươm cả đời, chỉ có thanh gươm này là ưng ý nhất. Kiệt tác này không phải bởi sức ta, mà bởi có thiên địa thần minh trợ giúp”. Âu Dã Tử rất thích thanh gươm này, cho rằng mọi thanh gươm ở trên đời, không có thanh nào hơn được.

Bởi có được thanh gươm quý nhất trong thiên hạ, Sở vương mừng rỡ nhảy cẫng lên như con trẻ, nhưng trong lòng vẫn chưa hết mối nghi ngờ, bởi không biết tại sao thanh gươm này lại đến được cung nước Sở, lòng vô cùng áy náy, bất giác lại hỏi thêm:

– Phong lão tiên sinh, vừa rồi ông bảo biết được gươm này không cánh mà bay đến đây, quả nhân muốn nghe rõ hơn.

– Thần không phải thần thánh, đại vương còn không biết, thần làm sao biết được, chẳng qua là thần suy đoán vậy thôi. Đại vương đã ra lệnh cho thần nói, xin được nói thẳng không quanh co.

Phong Hồ Tử ngồi xếp bằng, nhắm mắt lại ngẫm nghĩ, lúc đầu không chịu nói ra. Sở Chiêu vương đang sốt ruột muốn nghe kể về lai lịch thanh gươm Trạm Lư, trong cung tràn ngập bầu không khí căng thẳng. Mãi một lúc sau, Phong Hồ Tử mới từ từ mở mắt ra, nói với giọng rất nghiêm trang trịnh trọng:

– Sự tinh xảo trong khi rèn thanh gươm Trạm Lư này rất độc đáo. Âu Dã Tử đã nói "gươm này không phải riêng ta làm ra, mà có thiên địa thần minh trợ giúp". Có một hôm, Âu Dã Tử lại bảo với thần "trăm vị thần trong trời đất, bất giác nhập vào thân ta, nên ta mới có một kiệt tác siêu thần thoát tục như thế. Trạm Lư đã tích tụ tinh anh của ngũ kim, của mặt trời, khí thiêng của trời đất, đeo vào lưng, uy thế tăng thêm, rút ra khỏi bao, có trăm vị thần giúp sức, thanh gươm này không phải vua thì không thể có được".

Sở vương nghe thấy thế, càng nâng niu thanh gươm Trạm Lư không lúc nào rời tay nhưng cuối cùng vẫn không biết tại sao nó đến được đầu án thư nơi buồng ngủ của mình. Phong Hồ Tử vái dài thưa tiếp:

– Thần rất hiểu lòng đại vương lúc này, sau khi Âu Dã Tử nói hết mọi cái hay của Trạm Lư với thần, đã nói một câu vô cùng thần bí, câu này sẽ giải được mối băn khoăn thắc mắc trong lòng đại vương.

– Âu Dã Tử đã nói những câu gì vậy? – Sở Chiêu vương sốt ruột hỏi. Phong Hồ Tử ngập ngừng, đưa mắt nhìn sang mấy vị quyền thần đang đứng hầu quanh đấy. Sở vương biết ý, vẫy tay cho tả hữu lui hết, đưa mắt như cầu khẩn Phong Hồ

Tử hãy mau nói ra. Thấy các quan tả hữu đều đã lui hết, trong cung Kính Hiền chỉ còn lại mình với Sở vương, Phong Hồ Tử mới làm ra vẻ thật yên tâm và bạo dạn nói rằng:

– Âu Dã Tử bảo với thần rằng “gươm này là do thần rèn ra, đương nhiên là của riêng nhà vua. Nhưng nếu kẻ có nó mà đi ngược đạo nghĩa, thì gươm này sẽ bỏ đi tìm ông vua nào có đạo nghĩa”. Từ đó có thể đoán được là Trạm Lư đã tự rời bỏ Ngô vương, đến với đại vương, thật là đáng vui, đáng chúc mừng lắm ạ?

Một thanh gươm quý, tự động từ cung nước Ngô đến cung nước Sở, chỉ cần hơi hiểu biết một chút, cũng không thể tin được có một chuyện hài hước đến như vậy, ấy thế mà Chiêu vương lại cứ tin là thật. Chẳng lẽ Chiêu vương là hạng người không có chút mảy may đầu óc, ngu độn đến mức không biết phân biệt phải trái thẳng cong ra sao ư? Không đâu! Phong Hồ Tử thổi phồng, ca ngợi mãi về sự thần bí của Trạm Lư, còn Chiêu vương không biết gì về thanh gươm, điều đó khiến ông ta dễ dàng tiếp nhận lời nói của Phong Hồ.

Câu nói nhăng nhít của lệnh doãn Nang Ngoã rằng “gươm này là trời cho, muốn ca ngợi thánh đức của đại vương”, tuy chưa nói ra lai lịch của gươm Trạm Lư, nhưng lại khớp với lời nói của Phong Hồ, cho nên có tác dụng rất lớn. Nhưng điều quan trọng hơn là Chiêu vương vốn có tính tham lam, một lòng muốn xưng bá chư hầu, làm vua cả thiên hạ. Hơn nữa ông ta còn tự tin rằng mình có khả năng và điều kiện ấy, lời nói của Phong Hồ nhằm trúng vào tâm lý ông ta. Đúng như người ta nói: cái lợi dễ khiến người ta loá mắt, thế là cứ đinh ninh tin vào lời lẽ của Phong Hồ, không chút nghi ngờ.

– Trong tay Ngô vương có ba thanh gươm báu, hai thanh còn lại lúc này ở đâu? – Chiêu vương miệng hỏi nhưng mắt thì ánh lên vẻ tham lam thèm thuồng.

Phong Hồ Tử không cần suy nghĩ trả lời ngay:

– Hạp Lư có cô con gái duy nhất tên là Thắng Ngọc, rất được sủng ái, chẳng may mắc bệnh, chết non, ông đau khổ không thiết sống, nên đã lấy thanh gươm Bàn Sính dưới Trạm Lư một mức, đặt vào quan tài làm vật tuỳ táng. Thanh thứ ba là Ngưu Trường, vì Hạp Lư đã dùng nó giết hại Vương Liêu, làm một việc phi nghĩa, cho nên đã hết thần lực.

Chiêu vương lại hỏi:

– Nếu như thế thì trong tay Hạp Lư không còn thành gươm báu nào ư?

Phong Hồ đáp:

– Giết em họ, khiến muôn dân đau khổ, một ông vua vô đạo như thế sao có thể giữ được gươm báu.

Chiêu vương hí hửng nói:

– Nếu nói như thế, quả nhân được coi như một ông vua có đức hay sao?

Phong Hồ nói như khẳng định thêm:

– Thiên hạ ngày nay, duy chỉ có đại vương là ông vua có đức. Đại vương tru di kẻ gian nịnh muôn dân căm ghét là Phí Vô Cực, với tấm lòng nhân từ đã gọi vương tôn Mê Thắng bị Ngũ Tử Tư ép buộc đi theo, trở về Sở và tặng cho chức quan cao lộc hậu, đó là tượng trưng cho đức, nên gươm Trạm Lư bỏ Ngô đến Sở, quả thực đó là ý trời…

Chiêu vương càng nghe càng vui, không nén nổi, bất giác cất tiếng cười vang, trước mặt ông ta bỗng hiện lên một thế giới muôn màu ngàn sắc, mây hồng đầy trời, khí thơm ngùn ngụt, lụa màu tung bay, hào quang lấp lánh.



Làm theo cách khác biệt

“Mọi cuộc chiến đều dựa trên những điều lừa bịp”.

Người ta cho rằng những sự dối lừa đều là xấu xa nhưng bạn phải công nhận là đôi khi nói dối là lựa chọn không tồi, phải không? Hãy thử nhớ lại lần phỏng vấn tìm việc gần nhất của bạn xem: có phải bạn chỉ lựa chọn nói ra những mặt tốt và phù hợp với công việc sắp tới hay không? Biết được mình sắp làm gì và cần phải làm thế nào để dẫn đầu chính là bí quyết của thành công.

CHƯƠNG XXI

SỞ VIỆT LIÊN MINH QUÂN NGÔ ĐỐI ĐỊCH

Diêm Hoài Viễn dù sao cũng là quốc trượng, từ khi cởi áo giáp theo đuổi chính sự được điều đến Sính đô nhận chức, ỷ vào con gái Chân Mai phi là chúa trong lục cung, văn võ trong triều ai chẳng nể trọng, ai không cung kính! Bản thân ông ta cũng vì thế mà ngang ngược chuyên quyền, động có ai đó không vừa lòng, không thuận ý, thì như rằng lại phàn nàn kêu ca trước mặt con gái và nàng lại thủ thỉ bên tai Chiêu vương, thế là tai hoạ sẽ giáng xuống đầu người đó, không giáng chức thì cũng điều đi xa hoặc trị tội, tất cả chỉ bằng cái nhếch mép của Chiêu vương, còn như vụ giao dịch giữa Diêm Hoài Viễn và Tôn Tử, của cải châu báu lấy được ở nước Ngô hàng tháng, đương nhiên là chẳng ai hay biết, ông ta cũng rất tự hào và hãnh diện về việc ấy, chỉ có điều là không được hé ra với bất kỳ ai. Ông ta phối hợp với Tôn Tử rất kín đáo, nhịp nhàng, nhiệm vụ đầu tiên đã được hoàn thành trót lọt và xuất sắc, rất được Tôn Tử khen ngợi.

Nghe xong những điều Phong Hồ Tử báo cáo, trên mặt Tôn Tử bỗng xuất hiện một nét cười, ban cho ông nhiều bạc vàng tặng thưởng. Phong Hồ Tử bất giác ngớ người ra nói:

– Trước khi sang nước Sở tôi đã lấy khá nhiều tiền đi đường, tại sao hôm nay nguyên soái còn cho thêm nhiều thế?
Tôn Tử mỉm cười nói:

– Không nhiều! Không nhiều đâu! Một chút tiền thưởng nhỏ mọn thế này, thật chẳng xứng đáng chút nào với công lao to lớn của ngài. Nếu đánh nhau với nước Sở, muốn giành được thắng lợi, thì không biết còn tốn bao nhiêu tiền của, bao nhiêu chiến sĩ sẽ phải đổ máu nơi sa trường, bởi vậy, ơn của ngài, nước Ngô phải truyền đến đời con đời cháu, mãi mãi không quên!

Những lời lẽ thẳng thắn của Tôn Tử, khiến Phong Hổ Tử vô cùng cảm động.

Từ sau khi có trong tay thanh gươm báu Trạm Lư, Sở Chiêu vương ngày càng trở lên kiêu căng, không coi nước Ngô ra gì nữa. Nếu đã là ý trời sai khiến cho nước Sở hưng thịnh, nước Ngô diệt vong, thế thì cần quái gì phải tranh đấu khổ sở, chỉ cần chờ cơ hội trời cho, một phen dẹp tan. Thế là một mặt ông ta ru rú ở hậu cung, chẳng hỏi han gì đến việc nước, say đắm dâm lạc liên miên với Chân phi… mặt khác, ban chiếu chỉ trong cả nước, cho chép sửa, dựng miếu, xây đền, khắc bia, viết truyện để phô bày thánh đức của mình, khắp nơi trong nước chìm ngập trong không khí yên hàn, êm ả, thanh bình, tràn trề trong khung cảnh thái bình thịnh trị.

Trong lúc này, tâm tư của Tử Tây, Nang Ngoã, Thẩm Doãn Tuất và đông đảo quần thần lại không hề nhẹ nhàng thoải mái như Chiêu vương. Đường đường nước Sở lớn mạnh như thế mà khi giao chiến với Ngô nhỏ yếu không đáng để tâm, lại đánh trận nào thua trận ấy, đó quả là điều nhục nhã rất lớn, điều nhục nhã đó đã khiến cho họ cảm thấy có điều gì đó không phục và áy náy không yên, không còn mặt mũi nào để nhìn người đời. Họ liên tục mở ra những buổi hội

họp, cố mời Chiêu vương tham dự, Chiêu vương lại tỏ ra hết sức lạnh lùng, không chịu đến họp, họ bèn tự mình bàn bạc với nhau. Mọi người đều biết rằng, nguyên soái kiêm quân sư Tôn Vũ của quân Ngô, là một nhà binh pháp đại tài, là người đã viết ra mười ba bài “binh pháp”, nổi tiếng trên đời. Nhưng rốt cuộc Tôn Vũ là một nhà binh pháp như thế nào? Mười ba bài “binh pháp” của ông ta rốt cuộc đã viết những gì thì chẳng ai nói được ra. Mọi người đều cùng đang đoán mò xem Tôn Tử rốt cuộc là một nhân vật như thế nào? Hình như đó là chuyện thần bí khôn lường.

Ông ta tuy xuất thân là con nhà tướng, là lớp người sau, thế nhưng bản thân ông ta lại chưa từng cầm quân đánh trận bao giờ, chưa hề kinh qua sóng gió, chưa có chút chiến công gì khiến quân địch nghe mà khiếp vía kinh hồn, làm sao có thể viết ra lý luận binh pháp, không có chỗ nào không phá nổi, không trận nào mà không chiến thắng vẻ vang. Nếu bảo ông ta không có chân tài thực học, chẳng qua là lấy chút hư danh mà thôi, thế thì, tại sao Hạp Lai lại chịu xếp xó không dùng những tướng tài như Phu Khái và Ngũ Tử Tư, mà lại giao quân đội cả nước cho ông ta thống lĩnh.

Giao toàn bộ binh quyền cho một vị tướng nước ngoài, chuyện đó quả thực là hiếm thấy trong lịch sử. Cần phải biết rằng Hạp Lư không phải là một ông vua ngu độn, thắng lợi trong trận Kê Phụ trước đó bảy năm, tất cả đều nhờ sự sắp đặt và chỉ huy của ông ta, tiếp đó là việc giết Vương Liêu, trừ Khánh Ky và mời Tôn Vũ hạ sơn. Sau khi Tôn Vũ nhận chức thống soái ba quân, liền ra tay trừng trị bọn hư hại, chỉnh đốn lại bộ máy, làm cho nước giàu quân mạnh. Từ đó cho thấy chưa biết chừng Tôn Vũ là một ngôi sao sáng giáng

trần, là người trời sai xuống cũng nên. Hãy cứ nhìn riêng trận đánh trừng trị bọn phản thần do Tôn Vũ chỉ huy ở biên giới Ngô Sở, cũng khiến cho người ta không biết đâu mà lường. Với một cái giá rất rẻ, ông ấy đã tiêu diệt được nước Chung Ngô và nước Từ, lấy được thành Dưỡng ấp, thiêu huỷ hàng ngàn thạch lương thực của quân Sở dồn góp lại ở trên biên giới. Điều đó đủ chứng minh rằng, Tôn Tử quả là người không tầm thường, "binh pháp Tôn Tử" đúng là sách không tầm thường. Thế nhưng ông ta hình như lại là người rất nhút nhát, luôn tránh né, không dám đụng độ với chủ lực quân Sở, không dám đối địch với Thẩm Tư Mã, đủ thấy Tôn Vũ chẳng có chút gì là khí độ của một viên đại tướng.

Có người nói, dí chết một con kiến, giết chết một con gà, chưa thể là một anh hùng. Tôn Vũ đi trừng phạt hai nước nhỏ như Chung Ngô và Từ, như hạc giữa bầy gà, đương nhiên là thắng trận. Hai kẻ phản thần là Yểm Dư và Chúc Dung vốn là hai tấm mộc chắn tên mà nước Sở đặt ở biên giới, bị tướng Ngô chém chết, cũng là chuyện tất nhiên. Còn như mất Tiềm ấp, quân lương bị đốt, hầu như cũng nằm trong dự đoán, tướng giữ thành là Diêm Hoài Viễn, vốn đã không kham nổi gánh nặng này, làm sao có thể giáp mãng sẵn sàng ra đón địch được! Dùng ông này để giữ thành, thì có khác gì ném thịt cho hổ đói. Đối với những danh tướng nước Sở thì lại khác, Tôn Vũ luôn quanh co lẩn tránh, không dám đọ sức, điều đó đã nói lên khả năng thực sự của ông ta. Nước Ngô nhỏ bé như thế, dứt khoát không có điều kiện đối địch với nước Sở hùng mạnh, nếu đối địch, tất sẽ như lấy trứng chọi đá, sẽ bị đập tan tành. Bản thân Thẩm Doãn Tuất thì lại cho rằng, sở dĩ quân Ngô không giao chiến với quân Sở, không phải là do sợ địch, mà do chiến lược. Đây là bài

bản cũ, bắt chước theo Tuần Anh nước Tấn chia quân ra để làm mệt mỏi quân Sở, đó là chiến lược trường kỳ, tiêu hao sinh lực địch, nước Sở nên rút ra bài học, không thể rơi vào cạm bẫy của Tôn Vũ lần nữa.

Ý kiến không gặp nhau, chẳng ai thuyết phục nổi ai, khó có thể hình thành một nhận định thống nhất. Hơn nữa, nước Sở hết năm này đến năm khác bị quân Ngô quấy rối, ở phía bắc lại mất đi nước Từ vốn là nơi kiềm chế nước Ngô và mất thêm Dưỡng ấp, đó là hiện thực ai cũng có thể thấy được. Không chịu ở dưới trướng nước Ngô, càng không thể khoanh tay chờ chết, là sở nguyện chung của mọi người. Lại bàn bạc một hồi lâu nữa rồi đi đến quyết định liên minh với nước Việt ở phía nam để cùng đánh Ngô. Việc này, Chiêu vương cũng tỏ thái độ thờ ơ muốn sao thì muốn – ý trời đã định, nước Ngô tất sẽ diệt vong, việc quái gì phải dấy quân ầm ĩ! Đánh cũng được, một là cho quân Ngô biết tay, hai là rèn luyện binh lính vì lâu rồi không đánh nhau với ai. Ông nói với Tử Tây và Nang Ngoã:

– Một tý chuyện vặt thế, hà tất phải hỏi ta, các ngươi có thể tự quyết lấy!

Đó là điều hai viên lệnh doãn trông chờ, vì thế phương án liên quân với Việt đánh Ngô đã được hình thành.

Việt - Ngô cùng một tộc người “cắt tóc xăm mình”, nước Việt cách trung nguyên khá xa, nên văn hoá càng tỏ ra lạc hậu. Từ sau khi tiếp xúc với Ngô Mộng, được gián tiếp gần gũi nền văn hoá trung nguyên, tiêu biểu là biết dùng công cụ sản xuất và khí giới bằng sắt đúc, phát triển giao thông

đường thuỷ, bởi vậy việc giao thương buôn bán dần lớn mạnh, dân số cũng ngày một tăng. Hơn nữa, vua nước Việt là Doãn Thường lại năng luyện rèn, nên đất nước dần lớn mạnh. Do thế lực ngày càng bành trướng cho nên nước Việt nhiều lần xảy ra xung đột với nước Ngô. Cuộc xung đột giữa hai nước Ngô – Việt, đã bắt đầu ngay từ thời đại Mộng Thọ làm vua nước Ngô, chẳng hạn như Ngô Vương Di Mạt khi duyệt chiến thuyền đã bị tù binh Việt giết chết, đủ thấy ngay thời Di Mạt, giữa Ngô Việt đã có chiến tranh với nhau. Rồi lại từ thế lực nước Sở phát triển ra phía đông đến lưu vực sông Hoài, Tấn Cảnh công đã liên kết nước Ngô để chống lại Sở. Để kiềm chế nước Ngô, nước Sở bèn liên minh với nước Việt, thế nên mẫu thuẫn giữa hai nước Ngô Việt mới mỗi ngày mỗi tăng. Từ đó có thể thấy rằng, Sở Việt liên kết với nhau đã có nguồn gốc lịch sử sâu xa. Kỳ thực, không có nguồn gốc sâu xa ấy, cũng có cơ sở để hai nước liên hợp, con mèo nào chẳng thích ăn thịt sống, vua chúa nào lại không muốn mở rộng lãnh thổ, tranh hùng xưng bá. Thế cho nên nước Sở sai sứ sang Việt, vừa bàn đã xong ngay. Nước Sở từ bên tây tới, nước Việt từ phía nam đánh lên, hai nước Sở Việt hình thành thế giáp công nước Ngô, tạo nên sự đe doạ rất lớn.

Mùa hạ năm Hạp Lư thứ năm, tức năm 510 trước công nguyên, Sở sai Tử Tất làm chủ tướng, Vi Việt phó tướng, mang đại quân tiến về phía đông, rầm rộ đến thẳng Vu Hồ. Nước Việt sai Tư Trữ làm chủ tướng, Quách Như Niết phó tướng, dẫn quân lên phía bắc, hùng dũng, hiên ngang, tiến thẳng tới Ngự Nhi. Họ muốn chia nhau chiếm Gia Hưng và Tuy Lý ở phía tây nam Gia Hưng, rồi tiến quân cả trên bộ dưới thuyền, hội sư ở Cô Tô.

Quân địch tiến đánh mạnh mẽ, phía trước phía sau đâu cũng có mối hoạ, những người như Hạp Lư, Phu Khái thấy luống cuống kinh hoàng. Tôn Tử vẫn vững như bàn thạch, nói cười tự nhiên, ung dung bố trí việc đón đánh địch. Ông dùng chiến lược vờ đánh Sở, nhưng đánh Việt thì thật, thế nên mới bố trí binh lực chủ yếu trên biên giới Ngô Sở, làm ra vẻ muốn quyết chiến một phen với quân Sở, bởi vì Sở là nước lớn, nước mạnh, không ai dám coi thường.

Đối với nước Việt, chỉ đưa một số quân có hạn để ứng phó đám quân xâm lấn biên giới. Vì nước Việt là nước nhỏ, nước yếu, quân tướng nước Việt chả bõ đánh một đòn đã tan. Chỉ có như thế, chuyện quân Ngô bị quân Sở đánh bại mới khớp với lời "Phong Hồ khoe gươm báu".

Trong đông đảo các tướng lĩnh nước Sở, Tử Tất là nổi trội, trí dũng song toàn. Nói về thông minh tài trí và mưu lược dùng binh ông ta hơn hẳn Thẩm Doãn Tuất một bậc. Nói về gan dạ và võ nghệ, ông ta hơn hẳn Võ Thành Hắc. Tuy nhiên cũng chính vì thế nên mới bị ghen ghét. Những kẻ ghen ghét bậc hiền tài bao giờ cũng nhiều hơn, thế nên cái trí dũng của ông ta tất sẽ bị chỉ trích, bới móc, dè bỉu, mà ở đời, tìm dấu chân lừa quanh cối xay, đương nhiên là không khó khăn gì.

Mặt khác, ông ta vì thế mà tự phụ, bảo thủ cố chấp. Hai thứ đó cộng lại, khiến ông ta có hiềm khích với tất cả các tướng lĩnh khác của nước Sở, có người thậm chí muốn loại trừ, không đội trời chung. Những người như Tử Tây, Nang Ngoã, vừa không cam chịu để nước Ngô xâm lăng, nhưng lại không có lòng tin đánh Ngô sẽ chắc thắng, thế nên mới sai

Tử Tất làm chủ tướng. Nếu thắng, thì là do công lao quyết sách của họ, có thể vớt vát lại thể diện bị mất đi do liên tục thua trận, vừa có thể khoe khoang với trăm quan văn võ, lại càng dễ ra oai với đám dân đen. Nếu thua, là do sai lầm của Tử Tất, họ có thể vin vào đấy mà bài xích người không ăn cánh với mình. Bằng trí thông minh của mình, Tử Tất sớm đã biết tỏng âm mưu của Tử Tây và Nang Ngoã, thế nhưng ông vẫn cứ nhận tướng ấn. Thứ nhất, điều lệnh doãn ban ra là thánh chỉ, lệnh vua không thể trái. Thứ hai, ông ta có đủ lòng tin là sẽ thắng, cứ như ông nghĩ, thì mấy lần thua trận trước đây, chính là sự bất tài của tướng lĩnh và quân lính, ông ta còn muốn nhân dịp này trổ tài, so sánh cho rõ ràng với những kẻ thua trận, để trả lời cho những kẻ chỉ mong chút hư danh nhưng lại bất tài vô học, chỉ dựa vào trò quyền thuật và khéo uốn ba tấc lưỡi.

Lại nói Tử Tất và Vi Việt dẫn quân tiến về hướng đông, rầm rầm rộ rộ thẳng tới Vu Hồ, lúc đó, phía nước Ngô đã rải quân ở biên giới Ngô Sở, bờ nam sông Trường Giang để đón địch, chủ tướng Ngũ Tử Tư đặt đại bản doanh ở Cưu Từ, các tướng lĩnh khác lần lượt mang quân của mình đến đóng quân ở Đáng Đồ, Hành Sơn, Giang Ninh, Chu Phương… hình thành một phòng tuyến hình bán nguyệt. Tại sao Tôn Tử lại cử Ngũ Tử Tư làm chủ tướng. Có ba lẽ sau đây: Thứ nhất, trong đông đảo các tướng lĩnh quân Ngô, Ngũ Tử Tư là người nổi trội hơn cả, nếu nói về trí dũng, Tử Tất còn lâu mới xứng là địch thủ của ông, nếu như Ngũ Tử Tư vẫn còn là tướng nước Sở, về bề dày từng trải, Tử Tất chỉ là một viên hiệu uý quèn dưới trướng của ông. Ngày nay, ông tướng dày dạn chiến trường Ngũ Tử Tư này lại thua dưới tay một gã vô danh tiểu tốt như Tử Tất thế này, lại càng là điều minh chứng mạnh mẽ cho

luận điểm của Phong Hồ Tử về “Sở sẽ hưng thịnh, Ngô tất bại vong, đó là ý trời”.

Nếu Tôn Tử cử tướng lĩnh bình thường đi đánh Sở, mà Ngô thua, Sở thắng, thì chẳng đủ lý lẽ để nói rõ vấn đề này hay ít nhất cũng chưa đủ sức thuyết phục. Thứ hai là Sở Bình vương giết hại lớn bé hơn ba trăm người nhà của Ngũ Tử Tư, để lánh nạn và trả thù, nên Ngũ Tử Tư mới phải đến nước Ngô, những điều ông đã nghĩ, đã làm trong mười năm trời nay, tất cả đều nhằm mục đích rửa nhục nước, trả thù nhà. Trước đó, quân Ngô xâm phạm nước Sở liên tục thắng lợi, việc trả thù mới vừa nhen nhúm lên. Nay nước Sở lại xâm phạm nước Ngô, nếu nước Ngô thua, Ngũ Tử Tư sẽ thấy việc trả thù không còn trông mong gì nữa, ông sẽ phải chống địch đến cùng. Thứ ba, Ngũ Tử Tư và Vi Việt là đối thủ sống chết của nhau, mười năm trước Ngũ Tử Tư trốn khỏi nước Ngô, Vi Việt giữ Chiêu Quan thế mà hắn lại vô tình, nếu không có Đông Cao Công và Hoàng Phủ Nột xả thân cứu giúp, Ngũ Tử Tư và Mê Thắng tất đã chết trong tay hắn rồi, đồng thời cũng vì để cho Ngũ Tử Tư đi thoát, xuýt nữa Vi Việt cũng tan cửa nát nhà, sau nhờ có quần thần khuyên can, nên rốt cuộc cũng giữ được tính mạng, thế nhưng lại bị hạ chức, từ đó không sao ngóc đầu lên được nữa. Oan gia ngõ hẹp, nay hai người gặp nhau, đương nhiên là phải một mất một còn mới thôi!

Thấy quân Ngô đã chuẩn bị đầy đủ mọi mặt, Ngũ Tử Tư là chủ tướng, bố trí trận thế dọc theo sông như hình bán nguyệt, đầy vẻ kín đáo thâm nghiêm, khí thế sẵn sàng, Tử Tất bất giác thấy lo lắng và run sợ, không dám khinh suất manh động, liều lĩnh đem quân đi đánh. Tử Tư rốt cuộc cũng

là một tướng lĩnh có tâm cơ. Ông ta nghĩ rằng lực lượng ở phía sau có hạn, đã mang một số lớn binh lính rải dọc biên giới, để chống chọi với nước Sở, như vậy thì số quân còn lại ở biên giới phía nam chống chọi với nước Việt sẽ vô cùng mỏng manh. Quân Việt vì thế có thể nhằm chỗ sơ hở mà đánh vào. Đợi đến khi quân Việt đe doạ đến an toàn của Cô Tô, nước Ngô tất sẽ chia quân quay về cứu giúp, lúc bấy giờ mình có thể sẽ thừa cơ đánh thẳng vào Cô Tô, chia phần với quân Việt. Thế cho nên ông ta quyết định án binh bất động. Để đề phòng quân Ngô bất ngờ tấn công dữ dội, tập trung ưu thế về quân lực, dồn lại mà diệt, cũng đề phòng quân Ngô vượt sông, luồn sâu vào sau lưng, chặn mất đường về, Tử Tất đã từ chỗ tập trung, điều rải số quân ra, lệnh cho các tướng như Vi Việt mang quân lên phía bắc, bài binh bố trận ở Nam Hoài và đất Đường, tạo thành thế cầm cự với quân Ngô.

Tử Tất co cụm lại không ra, cố thủ trong thành không đánh, điều đó nằm ngoài dự đoán của Ngũ Tử Tư, làm ông rất khó xử. Muốn đánh được rắn, thế nào cũng phải nhử ra khỏi hang, rắn không ra khỏi hang, muốn cho nó ăn cũng còn khó, huống chi là đánh nó. Ngũ Tử Tư ở chân thành khiêu chiến, Tử Tất vẫn mặc kệ, Tử Tư đòi địch ra đánh, Tử Tất một mực làm thinh; Ngũ Tử Tư lại khích tướng, chửi rủa, lời lẽ hết sức khó nghe, Tử Tất vẫn thản nhiên như không nghe thấy. Ngũ Tử Tư tức quá loanh quanh loạn xạ, không biết làm cách nào hơn, đành sai người về Cô Tô xin chỉ thị của Tôn Tử. Tôn Tử gợi ý ông "lấy lợi mà nhử", thế là Ngũ Tử Tư thôi không chửi rủa nữa. Vùng sông nước đồng bãi giữa Vu Hồ và Cưu Tư bỗng trở lại cảnh yên hàn, tràn ngập không khí vui tươi đầm ấm. Từng đoàn dê cừu thong dong gặm cỏ trên đồng, con nào con nấy đẫy đà no béo, mục đồng vắt vẻo

trên lưng trâu, véo von thổi sáo, trên thảm cỏ mượt như nhung tiếng sáo du dương.

Giữa lòng sông hay trên mặt hồ, thấp thoáng từng cánh buồm trắng, thuyền đánh cá theo sau từng đoàn, tiếng hò vang lên liên hồi, xen lẫn tiếng tù và giục giã. Mỗi khi chiều xuống, thuyền lại quay về bến cũ, nào già, nào trẻ, người thì gánh, kẻ thì khiêng, lũ lượt nối nhau không dứt, trong từng giành, đầy ắp tôm cua cá tươi ngon. Bên bờ sông hay ven dòng suối, các cô gái túm năm tụm ba giũ tơ, giặt áo, họ ăn mặc đủ màu tươi đẹp, lưng thon như liễu, ống quần xắn cao, để cho những đôi chân mịn màng như nặn bằng sáp ngâm xuống nước trong. Trời đang mùa hạ, trên mình các cô gái chỉ phong phanh một chiếc áo mỏng như cánh ve, che hững hờ trên lồng ngực nhô căng, theo động tác giặt áo giũ tơ nhịp nhàng lên xuống, lồng ngực vốn căng phồng của các cô cũng theo đà đu đưa phập phồng như hút lấy hồn người. Giữa trưa trời nóng đến khó chịu, có người trong đó còn cởi phăng áo ngoài, chỉ để mình một mảnh yếm con con, rồi nhảy xuống nước tắm táp, đùa giỡn... Với những thứ đó, quan quân nước Sở lúc đầu còn tỏ ra ghẻ lạnh, tựa hồ như không thèm để ý, dần dần, họ không chịu nổi sự kích thích về tinh thần và quyến rũ về vật chất như thế, bèn nhao nhao muốn đến gần thử xem, có lúc đã rần rần náo động và chẳng mấy chốc đã hè nhau ra cướp bóc giành giật như hổ đói ham mồi, đến mức Tử Tất không tài nào ngăn chặn nổi. Đương nhiên, quân Ngô phải giữ cho các cô gái kia được tuyệt đối an toàn, không để họ rơi vào tay ma quỷ.

Tướng sĩ quân Sở ở trong thành Vu Hồ, tuy rằng ngày ba bữa luôn no bụng, nhưng cuộc sống trong trại lính thế nào đi

nữa cũng gò bó gian khổ hơn ở ngoài, thấy ngoài thành đầy dẫy dê cừu tôm cá có thể ăn được, làm gì chẳng thèm thuồng nhỏ bọt mép ra! Trong quân ngũ, phần lớn là trai trẻ, hoặc xa vợ đã lâu ngày hoặc còn chưa gần gũi đàn bà con gái bao giờ, người nào người nấy lại đang sức dài vai rộng, khí huyết tràn trề, nhìn thấy những cô gái giũ tơ giặt áo hoặc bơi đùa dưới sông cứ hơ hớ như thế, làm gì họ chẳng nảy ra ý nghĩ này nọ, lửa dục trong lòng hừng hực bốc cao! Quân Sở mỗi lần ra khỏi thành, thế nào cũng kiếm chác được thứ này thứ nọ, thường là nặng túi mới quay về, chỉ có điều chưa bao giờ kiếm được cô gái nào. Dân chúng nước Ngô thấy quân Sở ra khỏi thành, chẳng khác nào thấy hổ đói rời non, mục đồng bỏ cả dê cừu, ngư dân vứt cả gánh gồng, chen nhau bỏ chạy.

Quân Sở chỉ cốt cướp của nên hễ thấy kiếm được gì, thì thôi không đuổi nữa. Còn các cô gái giũ tơ giặt lụa kia thì sao? Mỗi lần được báo trước tin quân Sở sắp ra khỏi thành, dưới sự yểm hộ của quân Ngô, các cô đã lẩn trốn sạch chẳng còn ai. Có lần, một ngư dân khoẻ như trâu đã vật lộn với quân Sở để giữ tôm cá của mình, gã ngư dân ấy sức dài vai rộng thân cao tới trượng hai, đứng ở mũi thuyền, cứ như một cây thép sắt. Ngay từ nhỏ vốn đã quen vật lộn với sóng gió nên gân cốt đã được luyện rèn cứng cỏi, lại thêm được hun đúc dày dạn về võ công, cho nên bọn lính tráng quân Sở ra ngoài thành cướp bóc, chẳng có tên nào xứng đáng là địch thủ của anh ta. Mỗi lần anh vung cây đinh ba đâm cá trên tay, là xỉa luôn một lúc mấy tên địch, khiến cho bọn giặc mò tới như ong không lên nổi thuyền, cũng chẳng biết dựa vào đâu. Tuy nhiên, hổ lẻ không địch lại nổi sói bầy, anh chàng như cây tháp sắt ấy cuối cùng đã bị thương ngã ra đất, quân Sở xúm lại bắt giải vào trong thành.

Trong phòng tra tấn của trại lính quân Sở, anh chàng ngư dân nước Ngô, bị bắt đánh nhừ tử, cả da thịt máu mê bê bết, mấy lần chết đi sống lại. Dưới roi đòn không có thịt xương nào cứng cỏi mãi được, chàng ngư dân ấy cuối cùng đã nhận rằng mình tên là Khoái Nam Đống, là sĩ quan trung cấp trong quân đội nước Ngô, được lệnh cải trang để trinh sát tình hình địch, thấy quân Sở cướp bóc của cải của dân lành, trong lòng căm giận, nên đã xông ra, vì muốn bảo vệ lợi ích cho dân chúng mà chịu bị bắt và đánh đập giam cầm. Khoái Nam Đồng còn khai ra rằng, binh lính dàn ra trên biên giới hai nước Ngô – Sở tuy số lượng có đông thật đấy, nhưng đều không phải là quân chủ lực của nước Ngô, mà quân chủ lực của họ dưới sự thống lĩnh của tướng quân Ngũ Tử Tư sớm đã xuống phía nam đánh quân Việt rồi. Nơi quân nước Việt chiếm giữ lại là nơi quan trọng của nước Ngô, cần phải bảo vệ. Nơi quân Sở tấn công, chẳng qua là mảnh đất tồi tệ ở biên thuỳ phía tây. Tôn Tử chỉ vờ để một số quân ốm yếu bệnh tật, phô trương thanh thế, mục đích là kìm được chân quân Sở, khiến họ không dám tiến sang phía đông, đợi sau khi đập tan đám quân xâm lăng của nước Việt, lúc bấy giờ mới chuyển quân về hướng tây, hai cánh quân hợp làm một, diệt quân Sở ở hai bờ sông lớn…

Viên quan xét hỏi không nghe thêm được nữa, nhảy bật lên, gầm như sấm:

– Người nói sao? Chủ tướng quân Ngô đóng ở Cưu Tư lại không phải là Ngũ Tử Tư sao?

– Không phải, tôi dám lấy đầu mình đảm bảo chắc chắn như vậy – Khoái Nam Đống dứt khoát trả lời, khiến chẳng ai có thể nghi ngờ gì hơn?

– Thế thì là ai vậy?

– Tướng Ngô, Vương Tôn Lạc!

– Tôn Vũ tại sao phải dùng một Ngũ Tử Tư giả để đối địch với quân ta?

– Trong tướng soái quân Ngô chỉ có một Ngũ Tử Tư, đã đem quân đi chống quân Việt ở phía nam, làm sao còn có thể đến được biên giới Ngô Sở, cho nên mới phải dùng tướng quân Vương Tôn Lạc để cầm quân đánh trận.

– Vương Tôn Lạc là Vương Tôn Lạc chứ, cớ sao phải giải mạo Ngũ Tử Tư làm gì?

– Tôn Tử nói việc quân sự ăn nhau ở xảo trá, đây đương nhiên là sự khoa trương thanh thế bởi vì tiếng tăm của Ngũ tướng quân sẽ khiến tướng sĩ quân Sở mới nghe đã sợ rụng rời.

– Nói láo! Ngũ Tử Tư chỉ là một tên quan lưu vong của nước Sở, có cái quái gì mà phải sợ – Viên quan xét hỏi quay ra nói với tên lính hành hình ở bên cạnh – Tống cổ tên gian tế quân Ngô này xuống nhà ngục phía tây, canh giữ cẩn thận!

Khoái Nam Đống tập tễnh bị giải đi, tên quan xét hỏi nhìn theo sau lưng chàng, lắc đầu cười chua chát:

– Nói thực ra ngay từ đầu, thì làm gì đến nỗi khổ sở thịt da nhừ tử ra thế…

Kỳ thực, những điều Khoái Nam Đống vừa nói, có cái giả, có cái thật, có cái thực, có cái hư lẫn lộn vào với nhau, ngay bản thân anh ta cũng chẳng biết cái gì là thực cái gì giả, mà chỉ biết vâng lệnh bảo sao thì nói vậy thôi.

Nghe viên quan xét hỏi báo cáo xong, mặt Tử Tất bầm tím lại như lá gan lợn. Ông ta không vội phản ứng, cố hết sức trấn tĩnh, hai tay chắp sau lưng, đi đi lại lại trong phòng, bước đi lúc vội vã lúc chậm rãi, vẻ mặt lúc rạng rỡ lúc sa sầm, ông ta phán đoán sự thật giả trong mỗi sự việc mà Khoái Nam Đống nói ra, cân nhắc xử trí những việc đang xảy ra trước mắt. Đột nhiên, ông ta dừng bước chân, dằn từng tiếng một nói với một tên cấp dưới đang đứng trước mặt mình:

– Những điều Khoái Nam Đống vừa nói, cấm không được nói lại với ai: Chủ tướng quân Ngô trước mặt chúng ta chính là Ngũ Tử Tư, chứ chẳng phải Vương Tôn Lạc nào hết!

– Dạ điều đó… – Viên quan xét hỏi khó hiểu.

– Cứ nói như thế! Cứ làm như thế – Tử Tất cắt ngay lời của hắn, không cho người này nói tiếp.

Tử Tất lại thân chinh xét hỏi Khoái Nam Đống, Khoái Nam Đống nói lại y như cũ.

Tử Tất mở tiệc khoản đãi Khoái Nam Đống, làm như dốc hết tâm sự ra trò chuyện với Khoái Nam Đống, nhưng anh ta vẫn chỉ nói như vậy.

Căn cứ vào những chiến dịch Tôn Vũ đã chỉ huy sau khi nhận chức nguyên soái quân Ngô, phân tích tư tưởng chiến lược của Tôn Vũ, Tử Tất phán định rằng những lời khai của Khoái Nam Đống là chân thực, đáng tin, tiếp theo đó đã hình thành trong bụng mình một phương án chiến đấu mới.

Khoảng chục ngày sau, viên quan xét hỏi Khoái Nam Đống và bọn võ sĩ hành hung bị Tử Tất gán cho tội danh đem xử tội chết, Khoái Nam Đống cũng biệt tăm.

Sau đó, quân Sở trên toàn tuyến tổ chức tấn công, quân Ngô mang hết sức ra chống chọi, ở một vài nơi, hai bên đã từng có những trận xung đột quyết liệt, cả hai đều bị thương vong, nhưng bên quân Ngô rốt cuộc lính yếu ngựa chồn, phải lui dần từng bước, dọc đường vứt rải rác vô số chiến xa, xe hàng, khí giới … chạy thẳng tới vùng núi phía tây nam Thái Hồ. Quân Sở chẳng mất một viên tướng, một tên lính nào, cũng không đến nỗi vứt mũ bỏ giáp, lại còn thu được bao nhiêu chiến lợi phẩm, đương phiên là người nào người nấy đều hý hửng, khí thế càng thêm hăng hái, ép sát bước chân rút lui của quân Ngô, đuổi riết ở phía sau không chịu buông tha, vào mãi vùng sâu các triền núi. Đã vào đến vùng núi này, thì quân Ngô như cá gặp nước, bởi vì vùng này chính là mảnh đất quê hương của họ, từng ngọn núi dòng sông, từng khe sâu gò đá, nơi nào họ cũng thuộc như lòng bàn tay, thêm nữa chiến xa, xe tải… đã được vứt bỏ hết,

người nào người nấy thêm nhẹ, vào ra ẩn hiện, tuỳ theo ý mình.

Ở bất kỳ hẻm núi nào, binh lính quân Ngô cũng có đồng bào của mình, đi đến đâu, họ cũng gặp bạn bè, những gì cần thiết cho ăn uống, chiến đấu đều được chuẩn bị sẵn sàng, các tướng sĩ chỉ cần chăm chú vào việc đánh giặc. Quân Sở thì hoàn toàn ngược lại, đội quân của họ chẳng khác gì giao long phải lên rừng, hổ dữ lại xuống biển, anh hùng không có đất dụng võ. Thứ nhất, họ phải đến nơi đất khách quê người, không thuộc địa dư, như thằng mù lao loạn xạ khắp nơi. Họ luôn ở chỗ trống, còn quân Ngô thì ở nơi kín đáo, nên họ chỉ có mỗi một con đường là bị tiêu diệt. Thứ hai, vùng này núi cao rừng rậm, khe sâu dốc hiểm, chiến xa không thể nào đi lại được, đồ đạc rất khó chuyên chở. Cho đến lúc này họ mới ngẫm được rằng họ đã bị lừa, những thứ như chiến xa, vật tư trang bị quân Ngô vứt ở dọc đường mà họ nhặt nhạnh được là thứ bỏ đi, đành vứt xuống chân núi, trả lại cho chủ của chúng, vất vả suốt dọc đường, kết quả là công cốc. Thứ ba, đây là điều chủ yếu, khi quân Sở vừa vào đến vùng rừng núi, quân Ngô đã lập tức chặn đường về, cắt đứt mối liên hệ giữa đội quân này với hậu phương của họ, đưa đến chỗ không cung cấp được lương thảo. Trên những mỏm núi điệp trùng, giữa những cánh rừng sâu mù mịt, không người ở không đất đai, không mùa màng, quân Sở không biết giành giật cướp bóc ở đâu, thời gian kéo dài, thế tất sẽ khốn khó mà chết ở đây, đói khát mà chết ở đây…

Lại nói nước Việt cử Tư Trữ làm chủ tướng, Quách Như Niết phụ tá, dẫn quân lên phía bắc, đi thẳng đến Ngự Nhi, muốn chia quân chiếm Gia Hưng và Tuy Lý, sau đó đi cả đường

thuỷ và đường bộ, gặp nhau ở Cô Tô. Tuy nhiên đó chỉ là sự ao ước của quân Việt mà thôi, Ngô vương và Tôn Tử sức mấy lại để cho đội quân này muốn sao được vậy! Đêm thứ hai sau khi quân Việt đóng lại ở Ngự Nhi, chuồng ngựa, kho tàng cùng một lúc tự dưng bốc cháy, người châm lửa chính là một cánh quân nhỏ của nước Ngô ém sẵn ở trong thành. Họ đã giết hết lính canh, đốt đuốc sậy lên rồi ném vào lán ngựa và kho tàng. Thấy lửa bốc cháy lên đùng đùng, họ không lẩn tránh đi, cũng không trốn chạy, mà nhảy múa nhao nhao quanh những đám lửa như mở dạ hội quanh đống lửa trại. Mãi cho đến lúc quân Việt đang ngủ say bừng tỉnh dậy, tập hợp đội ngũ đi chữa cháy, họ mới hò reo, chửi bới rồi trốn về hướng tây bắc. Quân Việt đương nhiên đuổi sát ráo riết sau lưng, đuổi đến sát chân tường thành. Bọn lính châm lửa đốt nhà bò theo cống nước mà ra, ngoài thành còn rất đông tướng sĩ quân Ngô hò reo chửi bới, đèn đuốc soi sáng rực như ban ngày. Quân Việt người đông, không thể nào qua cống thoát nước mà ra ngoài thành, cũng không dám liều lĩnh xông ra khỏi thành.

Tư Trữ nghe tin báo, nổi nóng đùng đùng, đập bàn đứng dậy, nghiến răng ken két. Ông ta lệnh cho Quách Như Niết đem một số quân chạy ra chữa cháy còn mình dẫn số đông quân ra ngoài thành đánh quân địch đến quấy rối.

Quân Ngô tuy ít, nhưng mục đích rõ ràng, tổ chức chặt chẽ. Quân Việt tuy đông nhưng không hề có một sự chuẩn bị nào, đã ra ngoài thành như nước lũ vỡ bờ, cứ nhằm ánh lửa mà xông bừa tới, thế là bên ngoài thành Ngự Nhi, đã diễn ra trận đánh đêm rất kịch liệt. Quân Ngô vừa đánh vừa lui, trận này mục đích không phải ở chỗ tiêu diệt địch, mà lấy việc

dẫn quân địch tiến lên phía trước làm tôn chỉ, họ luôn tạo cho những chỗ sơ hở, chẳng hạn vứt bỏ một số đồ quý giá hoặc cố ý làm như bại trận, lếch thếch trốn chạy, khiến cho quân Việt ở phía sau càng hăng hái đuổi theo. Đuổi càng ráo riết thì chạy càng nhanh, đến khi trời sáng, họ đã tới bên bờ suối Đông Diêu, tuy Tư Trữ phát hiện ra đã đi quá xa Ngự Nhi, ngược hẳn lại với phương án chiến đấu, nhưng đám tàn quân phía trước lúc này cần phải tiêu diệt, nếu không đây sẽ là mối lo sau này khi đánh chiếm Cô Tô, hơn nữa thu nhiều chiến lợi phẩm còn để bù lại chỗ đã bị mất khi bị cháy trong thành Ngự Nhi, thế nên ông ta mới quyết định tiếp tục đuổi lên phía trước, đến bao giờ tiêu diệt hết mới thôi. Thực ra Tư Trữ có muốn quay lại Ngự Nhi cũng không được nữa rồi, bởi đường về đã bị quân Ngô chặt đứt. Quân Ngô chạy trốn không hề qua suối Đông Diêu mà đã rẽ sang hướng tây nam, ven theo suối Tây Diêu, dẫn quân Việt đến thẳng núi cao rừng sâu ở tây nam Thái Hồ…

Lòng chảo Lạc Đà, vì ở chân núi Lạc Đà nên mang tên ấy, núi Lạc Đà nhiều đỉnh nhấp nhô, trông giống như lưng một con lạc đà khổng lồ, đang dướn cổ lên mà bước, ngẩng đầu lên đông nam, cái đầu của nó là đỉnh cao nhất của quả núi này. Từ đỉnh núi trở xuống, khe rãnh ngang dọc, hẻm sâu xen kẽ nhau, trăm nhánh ngàn nguồn toả đi khắp bốn phương trời vùng ấy gọi là lòng chảo Lạc Đà. Trong thung lũng đó những tên đất, tên suối khe, mới nghe qua đã đủ ớn gáy, chẳng hạn như rãnh Ủng Sầu, thung lũng Mê Hồn, khe Ăn Người, cống Toi Mạng, hào Chôn Chồng, sông Tai Hoạ … Càng không nói tới nếu đặt chân đến đây hay mắt nhìn tận nơi thì còn khiếp hơn . Thường thường lên núi vào rừng như tiều phu, thợ săn hay người đi hái thuốc… quen thuộc như thế mà còn luôn bị

lạc đường, làm mồi cho muông thú, còn những kẻ lạ nước lạ cái tới đây mà xông vào những khe sâu vực hiểm này thì mười người đến, có tới chín người không về.

Một buổi chiều, Ngũ Tử Tư dẫn tới hàng trăm tướng sĩ, từ tây bắc dụ được một toán quân Sở đến lòng chảo Lạc Đà này. Cùng lúc ấy, Bị Ly mang theo năm mươi quân tinh nhuệ, từ phía đông nam nhử được một toán quân Việt đến. Lính Sở, Việt muốn đánh quân Ngô, thì quân Ngô lại ẩn náu vào những khe sâu vách hiểm, chúng không dám tự ý xông vào, chỉ nhìn những khe sâu đó mà ngán ngẩm thở dài. Quân Ngô muốn đánh úp quân Sở, Việt, thì như thần binh từ trên trời giáng, đánh đâu trúng đấy, đã đánh là thắng. Thế nhưng họ không để va chạm lớn xảy ra, cứ y như chỉ để trêu cợt, làm trò đùa với nhau vậy thôi. Cứ như thế xoay vần mãi, chợt lên chợt xuống, chợt ra chợt vào, chợt nhanh chợt chậm, cho đến lúc màn đêm buông xuống, quân Sở Việt mới có dịp gặp gỡ tướng sĩ quân Ngô, nỗi tức giận dồn chứa mãi trong lòng mới có nơi phát tiết.

Đó là một đêm không trăng tối trời, trên cao mây đen dày đặc, chẳng thấy bóng một vì sao nào, lại thêm ở khe núi sâu thẳm, cả lòng chảo Lạc Đà tối đen như mực, xoè tay ra không nhìn thấy ngón, hai bên xô xát nhau, người hô ngựa hý, đâm qua chém lại hồi lâu đằng thì chết, đằng thì bỏ chạy, tất cả đều diễn ra trong bóng đêm, cứ y như ma quỷ đánh nhau nơi âm ty địa phủ vậy. Cho đến lúc hơi rạng ánh ngày, ánh sáng xua tan đêm tối, nhìn kỹ ra, trong khắp vùng lòng chảo Lạc Đà, người chết ngổn ngang như rạ, thế nhưng hễ không phải là lính Việt, thì cũng là tướng Sở, tuyệt nhiên không có xác chết nào của quân Ngô. Thì ra, tối hôm qua

Ngũ Tử Tư và Bị Ly đã lần lượt dẫn dụ cho một toán quân Việt và quân Sở đến đây, rồi lợi dụng đêm tối, quân Ngô lẩn đi, còn quân Sở và quân Việt đánh nhau trong đêm tối, cuối cùng mới diễn ra kết cục bi thảm này.

Đỉnh Long Đàm như một kẻ kiêu ngạo ngông nghênh giữa những đỉnh núi chọc trời của dãy núi Thiên Mục, bởi trên núi có một cái đầm, nên mới có tên là Long Đàm (đầm rồng). Long Đàm như người gắn lên đỉnh núi, rộng tới hàng chục mẫu, nước sâu vô cùng, xanh quá hoá đen, có người còn nói đầm này còn thông ra biển Đông, nên quanh năm không bao giờ khô cạn, trời càng nắng hạn, nó càng mênh mông gợn sóng nhấp nhô, xanh biếc giập giờn, tựa hồ ở đáy đầm có vô số mạch nước đang đùn lên cuồn cuộn. Dưới đỉnh núi có mười tám lũng sâu, lũng núi nào cũng róc rách rì rào tuân chảy nguồn mạch của Long Đàm, trong đó có lũng Hồ Lô, nơi bắt đầu vào lũng núi đường rất hẹp, y như cái cuống quả bầu. Nhưng càng đi vào càng thấy rộng ra, đến mức hình thành một khoảng đất rộng hình tròn, đấy chính là cái ruột rỗng của quả bầu vậy. Nếu như đào đầm Long Đàm, xả nước đầy quả bầu này, thì ở đây sẽ thành một xứ sở mênh mông.

Một buổi sáng, Chuyên Nghị đem quân giao chiến với một cánh quân Việt, bị thua bỏ chạy đến lũng Hồ Lô. Đánh nhau kịch liệt hồi lâu, hiếm hoi lắm mới có được một vài khoảnh khắc để xả hơi, binh lính vội vàng đào bếp nấu ăn, cơm chín, vừa định ăn, quân Việt đuổi sát đến nơi. Chuyên Nghị như con chim chết hụt thấy cành cây cong, nhìn thấy quân Việt khác nào như chim thấy thợ săn, vội buông bát đũa, hò nhau bỏ chạy, trong nháy mắt, trốn biệt chẳng còn một ai. Luồn khe sâu, lẩn trong rừng rậm, rồi vượt suối trèo đèo, suốt

ngày như bị người khác xỏ mũi kéo đi. Quân Việt đã mấy ngày không có gì cho vào bụng, bỗng thấy mùi cơm thơm ngào ngạt bốc lên từ trong hang sâu, người nào người nấy thèm nhỏ rãi ra, bất giác tăng nhanh bước chân đuổi dấn lên. Đến lúc quân Việt đến giữa lòng quả bầu, quân Ngô đã nghe tin bỏ trốn hết, thấy có cơm canh nóng hổi còn đang bỏ lại, chẳng kịp chờ quan trên ra lệnh, đám lính đói đã bu lại như ong, tranh nhau bát đũa, ăn ngấu ăn nghiến.

Đang lúc tướng sĩ quân Việt vớ được cơm trắng thịt béo ăn ngon lành, bỗng thấy cuồng phong gầm rít, sóng dữ ào ạt, sấm rền rung chuyển trời đất, núi lở đá nhào, thì ra quân Ngô đã đào đầm Long Đàm trên đỉnh núi, nước như từ trên trời trút xuống, cuốn ào đi, trùm lấp đất trời, không sức gì cản nổi, đất đá lao xuống ầm ầm, cây lớn bị nhổ bật cả rễ, muông thú chạy ngược chạy xuôi, cuối cùng bị cuốn theo dòng nước. Quân Việt thấy vậy vội vứt cả đũa, chạy thục mạng về phái cuống quả bầu, nhưng ở đó đã bị những túi cát xếp đống cao hàng trượng lấp kín, mực nước trong lũng núi nâng lên nhanh chóng, lên đến gối, rồi đến ngang lưng và chẳng mấy chốc đã lút đầu, lưng núi Hồ Lô đã trở thành hồ rộng vực sâu, tướng sĩ quân Việt biến thành tôm cá hết.

Trong Ly cung của Ngô vương ở núi Linh Nham, Tôn Tử đang đánh cờ vây với Hạp Lư. Ông điềm đạm ôn tồn, cử chỉ tự nhiên thư thái, ván nào cũng thắng, bàn cờ lấp lánh, cung thất sang trọng, tràn ngập một không khí tĩnh lặng và yên hàn, chẳng ai biết được rằng đất nước đang bị Sở Việt liên kết nhau xâm phạm và các tướng sĩ ở tuyến đầu đang phải đổ máu hy sinh.

Từ trong một hang sâu của núi Thiên Mục vọng ra tiếng đàn, lúc thì dồn dập như gió mùa vần vũ, như vó ngựa trên đường, lúc lại nhẹ nhàng như suối trong róc rạch lặng lẽ thì thầm, thể hiện tình cảm của người gẩy đàn lúc xúc động khẳng khái, lúc tâm đắc dịu dàng. Không biết gảy đàn bao nhiêu lâu, tiếng đàn đã biến thành tiếng ngáy ran của sấm. Ngũ Tử Tư bước vào hang, thấy sau khi gảy đàn, Tôn Tử đã khoác áo ngủ, ông ngồi dựa vào vách hang, ngủ rất say, hơi thở rất đều, sắc mặt hơi ửng đỏ, khoé miệng hơi mỉm cười, chắc rằng trong giấc mơ ông đã vạch ra được một phương án chiến đấu mới mẻ và ưng ý. Không nỡ làm ông thức giấc, Ngũ Tử Tư rón rén ngồi xuống cạnh đó, im lặng chờ.

Nhất tuyến thiên – một vệt trời – cứ theo tên mà hiểu nghĩa, người đứng giữa thung lũng hẹp, ngửa mặt nhìn lên, thấy trời là một vệt. Tìm nguyên cớ thì thấy một là lũng sâu lại hẹp, hai là núi cao lại dựng đứng và lũng núi nhất tuyến thiên này chỉ có đường vào mà không có đường ra. Khắp nơi trong lũng núi là vách đá cheo leo, ngửa mặt không nhìn thấy đỉnh núi đâu, muốn ra khỏi lũng, phải nghiêng mình lùi ra theo lối cũ.

Một buổi trưa, mặt trời gay gắt trên đầu, nóng nực không sao chịu nổi, quân Ngô lại dụ một cánh quân Việt vào lũng núi Nhất tuyến thiên. Trong lũng núi đã xếp đầy cành không, lau sậy và rơm rạ, sẵn sàng chờ quân Việt kéo vào. Từ ngang sườn núi, quân Ngô đã bắn xuống rất nhiều mồi lửa, thế là trong lũng núi khói đen đùn lên, lửa cháy đùng đùng, theo thế núi ngoằn ngoèo. Nhất tuyến thiên đã biến thành một con rồng lửa. Quân Việt trong bụng đã biết mình

trúng kế, định quay đầu chạy, nhưng cửa ra sớm đã bị quân Ngô bịt chặt từ lâu, lính tráng đều bị vùi thân trong lửa đỏ…

Liên quân Sở Việt liên tục bị bẻ gẫy, hao binh tổn tướng, mà chẳng làm nên trò trống gì, tiếp tục đánh nữa, tình thế sẽ càng lún càng sâu và sẽ đưa đến kết cục bi thảm là toàn quân tan rã, nên tất cả đã bỏ chạy. Quân Ngô cũng không chặn đường và đuổi theo, để cho họ sống sót trở về.

Chủ tướng quân Sở là Tử Tất, trước khi rời khỏi nước Ngô nhận được một bức thư chan chứa nhiệt tình do Tôn Tử sai người mang tới. Trong thư Tôn Tử gọi Tử Tất là ngài, ca ngợi, đánh giá cao mưu trí và dũng cảm của Tử Tất, tỏ thái độ bất bình với những chuyện ông bị bài xích và chịu nỗi bất công ở nước Sở. Tôn Tử bảo với Tử Tất rằng phương châm ra quân của ông lần này là đánh mạnh quân Việt, bảo vệ quân Sở, bởi vì ông thông cảm với cảnh ngộ của tướng quân Tử Tất, để cho ông về nước, còn có chỗ mà phân trần, không để đến nỗi bị nắm đằng chuôi, làm ông thêm khó xử. Tôn Tử muốn cho Tử Tất được ca khúc khải hoàn với tư thế của người chiến thắng, để báo cáo với Chiêu vương và lệnh doãn hai bên tả hữu, công bố với quốc dân rằng, chuyến này đi chinh phạt nước Ngô, đánh cho quân Ngô thua thảm hại và bỏ chạy tán loạn, đuổi thẳng vào đến núi Thiên Mục ở tây nam Thái Hồ, tiêu diệt hết sinh lực của họ để từ đó nước Ngô thôi không còn sức đâu đi thảo phạt các nước phụ thuộc của Sở, không dám quấy rối đến sự bình yên của nước Sở nữa.

Đọc thư của Tôn Tử, Tử Tất thấy trong lòng muôn mối tơ vò và đủ vị ngọt bùi cay đắng, lệ trong khoé mắt chỉ muốn tuôn trào. Tuy là thế lực đối địch, nhưng Tử Tất thấy rằng, trên

cõi đời này, chỉ có Tôn Vũ là người thông cảm với mình, đồng tình với mình nhất, cho nên ông ta quyết định làm theo lời Tôn Tử, ca khúc khải hoàn trở về với tư thế của người chiến thắng…

Sợ rằng người Việt sau này trở thành mối hiểm hoạ cho hậu phương nước Ngô, Hạp Lư sai Ngũ Tử Tư đắp thành luỹ cao hơn, thành lớn có chu vi lớn tới bốn mươi hai dặm ba mươi bộ, thành nhỏ tám dặm hai trăm sáu mươi bộ, ở nơi hơi lệch về phía đông của thành lớn, lại xây một toà thành nhỏ, chu vi tới mười hai dặm. Thành nhỏ nằm trong thành nhỏ kia là nơi ở của Ngô vương, văn võ bá quan thì ở vòng ngoài thành nhỏ. Thành lớn thuỷ bộ có tới tám cửa, cho người dân kinh đô được ở hết trong thành, lấy đó để tăng cường phòng bị cho kinh đô nước Ngô.



Điệu hổ ly sơn

+ Giải nghĩa: Lừa cho hổ ra khỏi núi, khiến kẻ địch ra khỏi nơi ẩn nấp để dễ bề tấn công
+ Điển cố: Thời Tam Quốc Trương Phi được lệnh dẫn quân vào Ích Châu để hỗ trợ Lưu Bị. Trên đường tiến quân Trương Phi bị Nghiêm Nhan lợi dụng địa thế hiểm yếu để ngồi trong thành phòng thủ. Trương Phi bèn lập kế giả say dụ Nghiêm Nhan dẫn quân ra ngoài thành và đánh bại.

CHƯƠNG XXII

THẢ MỒI CÂU CÁ
DỤ ĐỒNG PHẢN SỞ

Để thực thi chiến lược làm trì trệ phía địch về nhiều mặt, năm Hạp Lư thứ 7 tức là năm 508 trước Công Nguyên, nước Ngô đã dụ nước Đồng phản lại nước Sở.

Kinh đô nước Đồng ở Đồng thành, (phía tây nam huyện Thư Thành tỉnh An Huy bây giờ) lúc ấy là nước phụ thuộc của Sở. Có thể là do có nhiều con gái đẹp, được mệnh danh "mỹ nhân quốc". Đối với các bậc vua chúa phong kiến mà nói, gái đẹp bao giờ cũng có sức quyến rũ hơn của cải nên từ thời Xuân Thu trở đi, những nước chư hầu lớn mạnh đều tranh nhau, nhòm đôi mắt tham lam vào đất nước nhỏ bé này.

Nước Sở là nước lớn ở đông nam chỉ thua kém nước Tề nước Tấn, lại ở gần nước Đồng nhất, có những điều kiện ưu việt độc đáo không ai có được, nước Đồng nhỏ yếu, lẽ đương nhiên trở thành nước phụ thuộc của Sở. Cũng như các nước khác, đã là nước phụ thuộc, hàng năm phải mang đồ cống tiến nước Sở, nào là ruộng đất, vàng bạc, châu báu, đoán xem nước Sở thích gì, nghe theo nước Sở muốn gì, chịu bị sai khiến, mặc cho nước Sở cắt đặt. Ngoài những việc ấy ra, hàng năm còn phải dâng con gái đẹp, để cho vua tôi nước Sở hùng mạnh dâm lạc chơi bời. Sở vương quy định cho nước Đồng "kiến mỹ" vào ngày mồng một tháng năm hàng năm, thế là nước Đồng lấy cả tháng tư làm tháng "chọn hoa hậu".

Con gái đẹp được chọn từ trong dân chúng, cho nên tháng tư trở thành cái giờ khắc tai hoạ của trăm họ nước Đồng, hỏi có ai muốn xa rời cha mẹ, lìa bỏ quê hương đến nơi đất khách quê người để kẻ khác giày vò xác thịt? Để tránh bị gọi đi, các cô gái đẹp thường nhảy xuống sông trẫm mình hay thắt cổ trên xà tự vẫn… những người phải theo nhau tìm đến cái chết như thế, nhiều không biết đâu mà kể. Năm nọ nối năm kia, trên mảnh đất màu mỡ xanh tươi của nước Đồng, có bao nhiêu là oan hồn khuất quỷ đang than khóc, đang kể lể vạch tội? Khi lợi ích của mình bị xâm phạm thì chống lại, đó là bản năng của động vật; giữ an toàn cho con cái, không để rơi vào nanh vuốt độc ác của kẻ thù, là thiên chức, là trách nhiệm không thể thoái thác của mỗi người làm cha làm mẹ trên đời. Để chống lại những thế lực đến bắt bớ con gái, có biết bao nhiêu người làm cha làm mẹ chết thê thảm trên vũng máu của mình, lại có biết bao nhiêu người làm cha làm mẹ bỗng trở nên người điên dại! “Tháng tư”, “chọn hoa hậu”, những nỗi kinh hoàng đã làm cho không biết bao nhiêu người dân lành nước Đồng lâm vào cảnh tan nhà nát cửa.

Thực ra ở nước Đồng đáng thương này, người gặp tai hoạ đâu chỉ có dân đen, mà ngay cả hoàng thân quý tộc cũng chẳng thoát được. Ngay như vua nước Đồng lúc này là Đồng Linh hầu, thì mẹ đẻ bị Sở Bình vương cướp mất, ái phi của ông ta bị Sở Chiêu vương chiếm mất, em gái cũng bị Nang Ngoã cướp đi. Đến nhà vua cũng còn như thế, quý tộc quốc thích thế nào khỏi cần phải nói. Đối với chuyện này, cả nước Đồng từ trên xuống dưới, không người nào không chất chứa căm hờn! Cá lớn nuốt cá bé, cá bé thì ăn tép tôm, tép tôm thì ăn đất cát, đó là cái lý muôn đời không thay đổi, Đồng Linh

hầu cũng chẳng biết làm sao. Ông ta cũng chẳng dám mơ ước hão huyền rằng trong một sớm một chiều đất nước của mình có thể lớn mạnh lên, để thoát được ra ngoài sự ràng buộc của nước Sở, thậm chí có thể lấy yếu đánh mạnh, đương đầu chống lại nước Sở, cho nên đành nén giận trong lòng, có gẫy răng cũng phải nuốt vào bụng, để mặc cho nước Sở bài bố và cắt đặt.

Sói dữ ăn cừu non, đương nhiên là bởi bản tính tham lam và tàn nhẫn của sói, nhưng có lúc bản thân cừu non cũng phải chịu đôi phần trách nhiệm. Chẳng hạn, có những con cừu đến trước mặt sói còn khoe màu lông mình nõn nà như tuyết, mịn màng như gấm như nhung. Để lấy lòng sói dữ, có con cừu già còn dâng lên cho sói một vài con cừu non để sói nếm thử, ... như vậy đấy. Chẳng ai xa, cha đẻ của Đồng Linh hầu là Đồng Giảm hầu, chính là một con người lẩn thẩn, đi lấy lòng sói dữ bằng cách đấy. Thế cho nên, tai hoạ ở nước Đồng này, ở một mức độ rất lớn, có thể nói thẳng ra là chính tự mình chuốc lấy vậy.

Sở Linh vương tuy chẳng phải là một ông vua nhân đức nhưng quan điểm thẩm mỹ của ông ta khác với mọi người. Ông ta lấy dáng lưng ong làm đẹp, thậm chí thích quá thành nghiện, bất kể đàn ông hay đàn bà, hễ cứ ai có vòng thắt lưng thô, ông ta đều coi như cái gai trong mắt, cái găm trong da thịt. Sau khi xây dựng xong cung Chương Hoa, liền chọn con gái đẹp các nơi đến ở, điều kiện trước hết chính là eo phải nhỏ, bởi thế nên Chương Hoa cung còn có tên gọi là "Tế yếu cung" – cung eo nhỏ. Để lấy lòng Linh vương, các cung nữ cố nhịn ăn nhịn uống, thắt lưng buộc bụng, để có lưng ong, thậm chí có người vì thế chết đói cũng chẳng hề ân hận.

Chẳng những chỉ đàn bà con gái, ngay trăm quan vào chầu, ai cũng phải dùng thắt lưng lụa mềm để đai lưng lại cho nhỏ, cho Linh vương khỏi ghét. Thế nhưng con gái nước Đồng lưng đều rất thô, khiến Linh vương nhìn thấy mà sinh ghét, nên không chọn con gái nước Đồng vào cung nữa. Thực ra, con gái nước Đồng đâu phải người nào lưng cũng thô, nếu như thế thật, thì làm gì còn có tên gọi là "mỹ nhân quốc" nữa? Chẳng qua là mọi người thấy chuẩn mực mà Sở Linh vương chọn, để tránh khỏi phải vào hang cọp, khỏi phải rơi vào tay ma quỷ họ đã cố ý độn lưng cho thô ra, thậm chí có người còn buộc hẳn một chiếc ruột gối vào ngay lưng để đi thi chọn, như thế làm gì mà lưng chẳng thô?

Năm 528 trước công nguyên, công tử Khí Tật giết ba anh, tự xưng làm vua, tức là Bình vương. Bình vương mới lên ngôi, các nước phụ thuộc, đi theo nước Sở lũ lượt đến chúc mừng. Đến mừng, tất nhiên phải có lễ mừng, để lấy lòng tôn chúa mới lên ngôi, vua chúa củanhững nước nhỏ khốn khổ khốn nạn kia không thể nào không nghiến răng nhắm mắt, đem những thứ quý giá thiêng liêng của đất nước mình hai tay dâng lên Sở Bình vương, chẳng hạn như một thanh gươm báu, một hạt châu, một pho tượng quý, một chiếc đỉnh vàng … Đồng Giảm hầu muốn khác người, đã dâng lên mười hai cô gái. Nước Đồng gần nước Sở nhất, Giảm hầu biết tỏng rằng Khí Tật cũng là hạng đam mê tửu sắc. Mười hai cô gái người nào cũng có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành, được Sở Bình vương tấm tắc khen thầm, cũng vì thế Đồng Giảm hầu bỗng thành người có giá, trong hoạt động triều cống chúc tụng lần này, đương nhiên được Bình vương mến nể hơn nhiều, giành được vinh dự và địa vị khác thường.

Tuy nhiên, đấy lại cũng là bởi tại thắp hương nên ma mới tới, chế độ cung tiến người đẹp của nước Đồng cho nước Sở đã bỏ từ lâu, lúc này lại được tái lập, hơn nữa còn mang hoạ cả đến triều đình nước Đồng.

Nếu như đánh giá rằng tất cả con gái nước Đồng đều không muốn xa rời cha mẹ, lìa bỏ quê hương, đến nơi đất khách quê người để người khác giày vò thân xác là điều không chính xác lắm, mười hai cô gái sang nước Sở lần này lại khác. Đối với họ mà nói thì thân gái ấy mà, vốn dĩ sinh ra đã là hoa cho người ta hái, còn người ta cắm vào lọ sành bày ở nơi nhà dột, sao bằng được cắm vào lọ sứ bày ở sảnh nhà sang? Đến cung vua nước Sở, thôi khỏi phải vất vả, lại được ăn no sơn hào hải vị, mặc chán tơ lụa nuột nà, với tay là có mặc, há miệng là được ăn, như thế thì tội quái gì chẳng vui vẻ mà làm? Chẳng những thế, cao xa hơn, họ còn đang ôm ấp bao nhiêu là mơ mộng tốt đẹp hão huyền, miễn là cứ tận tình chiều chuộng hết mức, để được Bình vương sủng ái, lập làm quí phi, thậm chí phong lên ngôi hoàng hậu, lập tức làm chúa trong tam cung lục viện, hô ra thép hét ra lửa; rồi sinh con nối ngôi, nắm quyền hành cả nước, mình lên ngôi quốc mẫu, như thế mới thật vẻ vang và tôn nghiêm biết bao! Thực ra, những suy nghĩ đó của đám con gái này không hoàn toàn là viển vông, họ quả thực rất có khả năng thực hiện lý tưởng đó. Vận mệnh người con gái không phải tất cả đều bi đát, tư sức tuyệt vời chính là thứ vốn liếng hơn hẳn mọi người của họ. Mạnh Doanh, mẹ đẻ của vua nước Đồng, chính là một trong những trường hợp ấy…

Cái đẹp vốn muôn hình muôn vẻ, như những áng mây ngũ sắc trên trời, đủ mọi hình dáng, lấp lánh muôn màu. Gió

mát trời trong là vẻ đẹp mùa xuân, sức sống trào dâng là vẻ đẹp của mùa hạ, mây nhẹ trời cao là vẻ đẹp của mùa thu, trắng ngời, lặng lẽ là nét đẹp của mùa đông, sáng chói ngời ngời là vẻ đẹp của mặt trời, trong suốt như nước là vẻ đẹp của mặt trăng, nhấp nháy đua sáng là nét đẹp của các vì sao, phô sắc toả hương là nét đẹp các loài hoa, thấm đượm ngọt ngào là vẻ đẹp hàm chứa trong muôn thứ quả… Mười hai cô gái nước Đồng dâng hiến lên, mỗi người một vẻ, ai cũng muốn hơn người về mặt lẳng lơ, họ hoặc là cao quý đĩnh đạc như quân tử lan, hoặc u nhã cao vời như bạch ngọc lan, hoặc rực rỡ như hải đường đón nắng, hoặc ẻo lả yêu kiều như điếu lan, hoặc lả lơi quyến rũ như các loại hoa đơn, hoặc đa tình hiền dịu như hoa trà. Sở Bình vương quấn quít sớm chiều với họ, thôi thì trăng gió mây mưa, đủ bề lạc thú, mọi vẻ phong lưu, suốt ngày lâng lâng, như gã say lạc bước vào cõi tiên, ngọt ngào thấm thía như nếm mật ăn đường, ngây ngất bềnh bồng như đè mây cưỡi gió.

Ông ta cứ chơi bời phóng túng như thế, buông thả như thế, tự biến mình thành một vũng bùn, thành những trận mưa xuân dai dẳng, không hề tỏ ra hẹp hòi keo kiệt, hết mình với đám thiếu nữ tuổi xuân hơ hớ kia… Tuy nhiên, dục vọng vốn như một cái hố lấp không bao giờ đầy, Sở Bình vương vẫn chưa cho như thế là đủ và nghĩ rằng mười hai cô gái đẹp mà vua nước Đồng vừa mới cống nạp lên, tuy là có siêu phàm thoát tục, đều thuộc hàng tuyệt thế gian nhân, nhưng chắc chắn rằng đây chưa phải là hoa khôi số một của nước Đồng, nàng Anh Thường, cơ tần của hắn ta, nhất định phải đẹp hơn nhiều. Đối với ông ta mà nói, con người là một giống động vật rất tự tư tự lợi, không đời nào lại chịu nhường món

đồ chơi tốt nhất cho người khác, giữ thứ tồi hơn lại để mình dùng. Nếu có ai đó làm như thế, thì đấy là thằng ngốc.

Nước Đồng đã nhỏ lại yếu, Đồng Giản hầu hèn kém bất tài, mà lại được hưởng thụ những thứ tốt đẹp hơn Sở vương như thế là không công bằng, ông ta phải ra tay cướp lấy! Sở vương thảo một bức thư, sai người đi ngày đi đêm tới trao cho vua nước Đồng. Trong thư ca ngợi sự trung thành vô hạn của nước Đồng với vua Sở, khen Giảm hầu trị nước giỏi giang, trong một thời gian không dài đã làm nước Đồng được quốc thái dân an. Để ban thưởng cho những công trạng đó và để truyền tụng rộng rãi cái đạo trị nước của Giản hầu, Bình vương sẽ sang thăm và thị sát nước Đồng, mong Giản hầu hãy ở lại trong nước chờ đợi chớ đi đâu xa. Lời lẽ trong thư nhiệt tình, khéo léo và khẩn thiết làm cho Đồng Giản hầu cảm động muốn rơi nước mắt.

Từ khi đọc thư của Sở Bình vương, lòng dạ Đồng Giản hầu cứ như có ai rưới mật, ngọt dịu vô cùng, lại như có ai cắm vào đó một đoá hoa, lúc nào cũng lung linh tươi đẹp, vui mừng đến nỗi đêm nằm không sao ngủ được. Ông ta vừa mừng vừa lo, cứ y như là lần đầu tiên được nếm trải mùi sung sướng trên đời, như được niềm khoái lạc của kẻ làm vua. Ông ta tích cực bắt tay vào sửa soạn, sắm sanh mọi thứ để đón Sở vương với nghi thức long trọng nhất. Ông ta sai người đi khắp mọi nơi để săn lùng của ngon vật lạ, chuẩn bị mở một bữa tiệc thịnh soạn nhất gọi là tiệc tẩy trấn đón Sở Bình vương. Ông cho mời những nhạc sư nổi tiếng để biên soạn và biểu diễn những điệu múa lời ca của cung đình, để mua vui khi Sở vương uống rượu. Ông có một nàng sủng cơ tên gọi là Chu Giao, chẳng những đẹp xinh như ngọc như

hoa, lại có biệt tài hát múa, để làm vui lòng Bình Vương, ông còn cho mời học trò của Khổng Tử là Tần nhiên đến để dạy về nghi lễ, môn sinh của Sư Khoánglà Công Lương Hoàn đến dạy múa hát đón mừng Sở Bình vương. Đồng Giản hầu đã mang hết tâm can, dốc hết những gì vốn có ra đối đãi.

Ngày Sở Bình vương giá lâm, Đồng Giản hầu dẫn văn võ trăm quan cùng lên dân trăm họ thân chinh ra tận Trường đình ngoài mười dặm để đón chào. Trong Trường đình, nhà nào cũng cờ kéo đèn chăng, ngay cây cối ở hai bên đường không tô xanh thì cũng điểm hồng, nơi nơi chan chứa không khí náo nức tươi vui của ngày hội lớn. Quan lại đi trước, dân chúng nối theo sau, lần lượt xếp hàng đứng đợi ở hai bên đường cái. Các quan viên người thì khom lưng, người thì vái chào, người thì cúi đầu, người thì sụp xuống. Người nào người nấy ra chiều cung kính, tựa như lễ bái thần linh. Dân chúng bên đường chỗ thì thổi kèn đánh trống, chỗ thì tung hoa, múa lụa, hoặc nhảy hát bên đường hoặc hô to vạn tuế… tất cả hình thành một biểu âm thanh và sắc mầu rộn rã sáng tươi. Đồng Giản hầu rón rén cung kính, thận trọng từng cử chỉ, niềm nở tươi cười đi bên Sở Bình vương, không thể nhận biết được trong lòng ông lúc này hãnh diện tự hào hay băn khoăn lo lắng.

Gian sảnh đường lớn rộng như bé hẳn lại bởi bàn ghế kê từng hàng chật kín bên trong, cứ ba người một mâm, mâm trên cùng là Sở Bình vương và Phí Vô Cực, Đồng Giản hầu ngồi bên hầu rượu, còn lại văn võ bá quan lần lượt vào ngồi. Đồ uống là thứ rượu màu vàng nấu bằng gạo quý gọi là thử mễ, màu như hổ phách, chất nồng, mùi thơm không rượu nào sánh được. Rượu lạnh được đựng trong vò làm bằng

thiếc rồi đốt bằng củi đay để nó từ lạnh ấm lên, rồi từ ấm nóng dần cho đến lúc sôi. Đến lúc rượu sắp sôi, trên miệng vò hình phễu dần dần đùn lên một đám bọt hình nấm, đám bọt càng dâng càng cao, khi sắp tràn ra khỏi miệng vòi, người ta vội lấy vò rượu ra khỏi bếp lửa, rót vào những ấm làm bằng thiếc, lớp bọt đặc ấy vừa chảy vào lòng ấm, gặp lạnh nổ bem bép, thế là khắp căn phòng ngào ngạt một mùi thơm quyến rũ.

Đồng Giản hầu thân chinh nâng chén, luôn tiếp thêm rượu cho Sở Bình vương, lòng ông hồ hởi, tình cảm chân thành, ý nghĩ ông đằm thắm… Món ăn lần lượt đưa lên, chẳng những số lượng nhiều, cách thức xào nấu cũng vô cùng phong phú, lại toàn là thức ăn quý hiếm trên đời, nào là hải sâm, bào ngư, tổ yến, vây cá, bàn tay gấu, vó lạc đà, tôm hùm, cá đối không thiếu thứ gì, cá ngon cũng đã có đến bốn năm thứ cá ngon nổi tiếng ở Bắc Hải, Đông Hải, Trường Giang, Thái Hồ… Rượu đã ngà ngà, các cung nữ bắt đầu múa hát để cho bữa tiệc rượu thêm vui thế là ánh đèn trong phòng bỗng mờ đi, ánh sáng mờ ảo dịu dàng, như trong mơ trong mộng. Tiếng nhạc du dương, như rót vào tai như réo rắt trong lòng. Dáng múa thướt tha, lưng ong yểu điệu, như trong sương đục mây mờ, như ráng chiều lảng lảng. Tiếng hát ngọt ngào như nước luồn khe đá, như oanh hót trong rừng…

Ca múa vừa xong, Đồng Giản hầu cho vời ái cơ Chu Giao ra dâng rượu Sở Bình vương. Thì ra ở phía trong gian phòng bày tiệc có rủ một bức trướng màu phấn hồng, phía ngoài treo hai chiếc đèn lồng màu đỏ gọi là cung đăng. Đấy là nơi tạm ngăn ra như vậy, Chu Giao và các cung nữ nép mình ở

phía trong, trang điểm xong ngồi nghỉ và đợi lệnh, chẳng khác gì chốn hậu đài trong rạp hát ngày nay. Theo một tiếng truyền gọi từ bên ngoài, sau rèm bỗng vang lên tiếng leng keng của vòng ngọc bội, kế đến là tiếng sột soạt của xiêm áo mới, chỗ rèm vừa vén lên một người con gái đẹp hiện ra trên tay bưng chiếc khay đồng yểu điệu bước ra, trên khay đặt một chiếc nậm rượu bằng bạc và chiếc chén vàng khảm ngọc, lưng nàng thon như dáng liễu, nếp váy lăn tăn như gợn sóng, bước đi nhẹ nhàng như nước êm trôi, nhẹ gót như lướt tới trước mặt Sở Bình vương, vái dài một vái, nhỏ nhẻ và nũng nịu thưa lên:

– Đại vương cao cả, tiện thiếp tôi xin có lời chào! – Nàng đặt chiếc khay đồng lên mặt án thư, rót đầy một chén rượu, hai tay nâng lên đưa tới chỗ Bình vương, lại nhỏ nhẻ từng lời nói tiếp – đại vương vất vả ngày đêm trên đường, tiện thiếp xin dâng lên một li rượu nhạt, gọi là uống mừng đại vương giũ bụi dọc đường…

Sở Bình vương nhận chén rượu trên tay, nhưng chưa uống vội, đôi mắt tham lam ngẩn ra nhìn chòng chọc vào người thiếu phụ kiêu sa còn vượt cả tiên trên trời và hơn xa ngọc nữ đang đứng trước mặt mình, thấy thân hình nàng thon thả nhưng đẫy đà, tầm vóc vừa phải nhưng cân xứng, tóc xanh như mây, như làn sóng lăn tăn khẽ gợn, mặt mày không thoa phấn nhưng ánh lên như sáp nặn, miệng chẳng tô son mà đỏ tựa chu sa, đôi mày ngài khẽ nhướng ngời lên vẻ tình thân, cặp mắt đưa qua, lúng liếng như mặt hồ thu dậy sóng, nàng khẽ mỉm cười, như có chất rượu nồng toả lên đôi má…

Trong cung vua nước Sở có biết bao nhiêu phi tần cung nga, Bình vương cũng đã từng mộng du đến chốn thiên cung, đã từng gặp vô vàn tiên nữ, tuy nhiên người đẹp ở trên trời và cả ở trần gian nếu đem để cạnh nàng Chu Giao mà so sánh, chắc rằng chẳng có ai không cúi đầu. Trang quốc sắc thiên hương này, một mình nàng cũng đủ khiến người ta hồn phách rụng rời, xiêm y đơn sơ kia của nàng, cũng đủ khiến người ta thất điên bát đảo, say đắm ngả nghiêng. Nửa người trên, nàng chỉ mặc phong phanh chiếc áo cánh màu phấn hồng, màu nhạt như nước, lụa mỏng như cánh chuồn. Nửa người dưới nàng mặc một chiếc váy nhiễu trắng tinh như tuyết, dài che kín chân… Ngó từ xa, nàng đứng như ngọc tạc, như một đoá sen hồng vươn lên nở rộ, như một bông ngọc lan lấp ló đầu vành.

Đến gần mà nhìn, hầu như mọi đường nét trên thân hình nàng đều bày ra trước mắt, cặp đùi như bạch ngọc, mịn màng như ánh lên dưới mắt người. Cặp mông đẫy đà, chợt thắt lại bởi quãng lưng ong dịu dàng, lồng ngực hơi nhô cao và căng đầy, phập phồng theo nhịp thở… tất cả tạo nên những đường cong tuyệt vời và đầy sức quyến rũ. Đường nét và nỗi xúc cảm ấy dồn lại ở đôi bầu vú căng tròn như một cặp bánh bao, cả cái chỗ đỉnh cao màu phớt hồng như những đường nét phơi bày rõ nhất nhưng lại phập phồng thoắt ẩn thoắt hiện, khiến cho bất cứ một gã đàn ông nào nhìn vào đấy cũng nhỏ rãi ra vì thèm thuồng.

Chu Giao vốn là một người con gái không chính chuyên, trước khi vào cung vua nước Đồng đã từng nhiều phen tằng tịu với người khác, nay thấy Sở vương là vua một nước lớn, cây to thì rễ sâu, cành nhiều lá rậm, không nhỏ yếu như

nước Đồng lúc này, cứ như một chiếc thuyền con lênh đênh trên biển rộng bao la, bất kể lúc nào cũng có nguy cơ chìm đắm, hơn nữa Bình vương lại có vẻ ngoài đạo mạo, dáng vẻ bảnh bao, cho nên ả định nhân dịp trời cho này, bám vào vai rồng vai phượng để được thênh thênh nhẹ bước thang mây. Ả rất tự tin, cứ bằng tư sắc của mình với vẻ lẳng lơ và các thủ đoạn khác, cho dù có phải sang nước Sở thì rồi ả cũng làm chủ được tam cung lục viện, khiến cho Bình vương phải say như điếu đổ mà yêu mến riêng mình.

Ả nghĩ vậy, đau đáu nhìn vào ông vua nước lớn đang đứng ngẩn ra ở trước mặt mình, bất giác cúi xuống vén váy, ngồi ghé vào bên cạnh Bình vương, rồi như ngả thân hình của mình vào lòng ông ta, kề cặp vú phập phồng của mình vào sát bầu má béo căng của ông ta. Trước đó, nếu như bằng thị giác và cảm quan, Bình vương đã cảm nhận được hình hài quyến rũ ấy, thì lúc này đây, thông qua xúc giác và khứu giác, ông ta đã lĩnh hội được mọi điều bởi sự ấm áp và chút hương nồng từ đấy thoảng ra. Sở Bình vương vốn quá quen với chuyện vần vò những người con gái đẹp như món đồ chơi, đến lúc này đây mới từ chỗ đứng ngây người ra quay về với thực tại, đột nhiên ôm chặt Chu Giao vào lòng, hôn lấy hôn để lên trán, lên má, lên môi ả, tay phải hắn lùa vào ngực ả xuê xoa sờ soạng.

Chu Giao không hề kháng cự, cũng chẳng tỏ ra sượng mặt thẹn thùng, như một con mèo, ả co dúm vào trong lòng Bình vương, mặc cho ông ta mân mó, cất lên những tiếng cười ẻo lả nhõng nhẹo, ả tỏ ra hết sức nũng nịu làm như mình rất sung sướng hả hê. Họ quên tất cả rồi, đây đâu phải phòng ngủ cung vua nước Sở, mà giữa chốn đình trung với đông

đảo mọi người, trăm mắt đều nhìn vào… Thực ra họ đâu có quên điều đó, mà là cố ý không hề kiêng dè, bất chấp tất cả. Đối với họ, hễ đã nắm trong tay quyền sinh sát, là có quyền mặc sức muốn sao được vậy, chẳng sợ một ai, nhân tính và thú tính với hạng người này chẳng khác gì nhau, bởi vì những điều họ đã làm đều trần trụi như thế, chẳng hề phải che giấu làm gì.

Nhìn tận mắt mọi điều xảy ra, Đồng Giản hầu không thể nào ngồi yên được nữa, máu ghen không biết từ đâu dồn lên ngực ông, cơn lửa giận cũng bốc lên theo. Ông nhổm đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng, vò đầu bứt tai, rên rỉ thở dài, không biết làm thế nào. Ông giận mình đã cõng rắn về cắn gà nhà, tự ngả lẫy rượu đắng rồi tự uống…

Sở Bình vương còn bụng dạ nào uống rượu nữa, vội lệnh Đồng Giản hầu đưa ông ta về hậu cung yên nghỉ, vua nước Đồng chỉ còn biết làm theo.

Văn võ bá quan tự thấy chẳng còn hứng thú gì, lũ lượt bỏ ra về, bữa tiệc thế là tan, chẳng lấy gì làm vui vẻ.

Cung điện của Chu Giao, theo sự sắp đặt kỹ lưỡng của ả, rất ấm cúng và quyến rũ. Bước vào cửa là một phòng khách rộng, ở bốn góc phòng bày bốn chiếc bồn đồng chạm trổ rất tinh vi, hình lưỡng long tranh châu, trong bồn khói xanh lởn vởn, ánh lửa lập loè, những thứ cỏ thơm như lan, tiêu, ngải, thược, chỉ, hồi, chu, thuyên, nhẫm cháy âm ỉ trong bồn, căn phòng tràn ngập một mùi hương lạ đến mê hồn, khiến con người ta thấy da thịt đê mê, tâm hồn chếnh choáng. Sự bày biện rất trang nhã, những thứ đồ cổ và châu

báu hiếm có đắt tiền, cùng với những sắc điệu nền nã đa tình, ánh sáng mông lung mờ ảo, nhẹ nhàng uyển với tiếng nhạc lúc bổng lúc trầm… tất cả đã dệt nên một tấm lưới, đó là lưới tình, tấm lưới của hạnh phúc, một tấm lưới đủ để làm làm tan mọi ý chí của bất cứ một gã đàn ông nào. Sở Bình vương, như con lợn hạch, như con lừa đực, con trâu mộng… sung sức giữa mùa xuân, đã rơi vào tấm lưới này, như con bướm chui đầu vào nhuỵ hoa, như rồng giỡn mây ngũ sắc, buông thả thoải mái đến vô cùng…

Đồng Giản hầu đưa Sở Bình vương và ả Chu Giao vào tẩm cung, bị Bình vương quay lại đóng cửa gạt ra ngoài, chẳng khác nào sét đánh ngay tai, như ngàn mũi tên đâm ngập vào tim. Ông ta muốn khóc, nhưng không ra nước mắt, muốn cười chẳng ra tiếng, ông muốn gào lên nhưng chẳng ra lời, muốn đập đầu chết, lại chẳng có gan. Cho đến khi trong nội cung vọng ra những tiếng mây mưa trăng gió, những lời thủ thỉ tâm tình, Bình vương được thoả thê dâm đãng, Chu Giao rên lên trong sung sướng, hai người họ gắn với nhau, bện lấy nhau, chan hoà vào làm một, không sao tách được nhau ra. Đồng Giản hầu bất giác thấy trời đất quay cuồng, ngã quay ra mặt đất. Không biết như thế bao nhiêu lâu, có đám lính đi tuần đêm bắt gặp, quanh mình ông đã ướt đẫm sương đêm, còn ở trong cung lại vọng ra đều đều tiếng ngáy…

Sở Bình vương ở lại kinh đô nước Đồng nửa tháng, Đồng Giản hầu đêm đêm khắc khoải bồi hồi ở bên ngoài tẩm cung của Chu Giao. Nửa tháng sau, Bình vương trở về Sính đô, đem theo cả ả Chu Giao. Ả Chu Giao ngày ấy chính là mẹ đẻ của Đồng Linh hầu, kẻ nắm quyền bính nước Đồng lúc này.

Sau này ái phi Tiệp Dư của Đồng Linh hầu bị Sở Chiêu vương chiếm mất, em khác mẹ của ông ta là Diệm Dung cũng bị Nang Ngoã bắt đi, cũng đều diễn ra những chuyện tương tự như thế. Bây giờ đây Sở Chiêu vương lại sai người đến cầu thân, muốn đưa Đằng Thường cô con gái mới mười sáu tuổi của ông vào cung. Đằng Thường lại do chính Tiệp Dư đẻ ra, hai mẹ con sao có thể cùng một lúc dâng lên để một người dâm lạc, đây quả thật là hành động của loài súc vật loạn luân…

Sứ nước Sở đi rồi, Đồng Linh hầu cơm không thiết ăn nước chẳng thèm uống, không biết nên tính toán ra sao, y như có một con dao cùn đang nhay từng thớ thịt, đang cứa vào tâm can ông. Đưa con gái thân yêu của mình vào cung nước Sở, không nỡ thì chớ, lại chẳng ra thể thống gì, mà không đưa, tất nước Sở lớn mạnh kia gây hoạ binh đao, có nguy cơ tan cửa nát nhà, dân chúng lại lâm vào cơn nước lửa. Đang giữa lúc ông mặt ủ mày chau, thì Phiếm Khải là sứ thần nước Ngô, theo lệnh Tôn Tử đã tới kinh đô nước Đồng. Phiếm Khải là người có học vấn cao sâu, đầu óc nhạy bén, lại có tài giao tiếp, là sứ thần ngoại giao Tôn Tử đã chọn lựa từ trong những sĩ quan cấp dưới sau khi ông nhậm chức. Tuổi ngoài ba mươi, người dong dỏng cao, mặt vuông tai to, mày thanh mắt sáng, cử chỉ điềm đạm… mới nhìn qua cũng biết ngay Phiếm Khải là một kẻ sĩ được học hành đầy đủ, một đấng quân tử khiêm nhường.

Hình thế hai nước Ngô, Sở, xu thế chiến tranh giữa hai nước trong hai năm lại đây, Đồng Linh hầu đương nhiên không còn xa lạ gì. Tuy là nước phụ thuộc của Sở, lại còn có người thân ở Sở, nhưng từ sâu thẳm tâm hồn, Đồng Linh vương lại

cứ mong muốn trong cuộc chiến tranh sắp tới, Ngô sẽ thắng, Sở sẽ suy vong, như thế mới hả được mối hận thù cướp mẹ, tranh vợ, bắt con… đang dồn chứa trong lòng ông. Bởi thế Đồng Linh vương đã tiếp kiến sứ thần nước Ngô với nghi thức long trọng nhất, mở tiệc tẩy trần thịnh soạn nhất để khoản đãi Phiếm Khải. Ngày thứ hai sau khi đến nước Đồng, Phiếm Khải xin được gặp riêng vua nước Đồng. Đồng Linh Vương lòng dạ ngổn ngang trăm mối, lên tiếng hỏi:

– Tiên sinh phải vất vả đường xa lặn lội tới nước Đồng, chẳng hay có điều chi chỉ dạy?

Phiếm Khải mỉm cười nói:

– Bệ hạ quá khách sáo đấy ạ! Thần đâu dám nghĩ đến hai tiếng "chỉ dạy"? Mà chẳng qua chỉ là phụng mệnh của Ngô vương và Tôn nguyên soái, đến đây để chúc mừng đại vương mà thôi!

Đồng Linh hầu cười chua chát nói:

– Tiên sinh xin chớ cười quả nhân, nước Đồng tôi nhỏ, dân lại nghèo, thấp hèn không ai đếm xỉa, sống gửi thác nhờ, trông chờ người khác, ngày đêm thấp thỏm không yên, liên tục trong buồn lo và sỉ nhục, làm gì có chuyện đáng mừng.

Với giọng nói xót xa cay đắng, Phiếm Khải nói:

– Công chúa hiền thục của đại vương cách đây không lâu đã phải gả sang cung nước Sở để làm phi tần, dựa vào vai rồng

vai phượng, vững vàng chắc chắn như thế, há chăng phải là chuyện đáng mừng lắm sao?

Phiếm Khải vừa nói vừa đưa tay vẫy, tuỳ tùng liền bưng quà mừng lên, mở ra coi, toàn bạc vàng, châu báu, đồ trang sức, gấm vóc… Ôi! Những món quà mừng mới quý làm sao!

Nghe những lời nói ấy, mắt lại nhìn thấy những thứ quà tặng, Đồng Linh hầu như dao cứa trong lòng, đau đớn không sao chịu nổi, ông cúi đầu, hai mắt rân rấn ra hai dòng lệ nóng hổi. Những biểu hiện đau khổ đó của Đồng Linh hầu, Phiếm Khải làm như không nhìn thấy, nói:

– Nước Đồng và nước Sở vốn có mối nhân duyên đặc biệt từ xưa đến nay hiếm thấy trên đời, từ mẫu hậu của đại vương đến công chúa hiền thục hiện nay, phải tiến cống sang cung Sở đã là người thứ tư, có thể nói rằng đó là duyên thắm phận nồng, nối tiếp dài lâu, chỉ có điều, công chúa hiền thục sang cung nước Sở, lại sẽ là vợ của Chiêu vương, nếu gặp người mẹ đã đẻ ra mình, ái phi của đại vương xưa, thì sẽ xưng hô thế nào?

Đồng Linh hầu ngắt ngang lời Phiếm Khải:

– Thôi! Xin tiên sinh đừng xát thêm muối vào trái tim đang rỉ máu này của quả nhân nữa! Tiên sinh cho rằng bốn người con gái ấy của nước Đồng đều vui vẻ tự nguyện bước vào cung nước Sở sao? Tiên sinh cho rằng bị người ta sỉ nhục, bị người ta hiếp mẹ hiếp con mà dễ chịu sung sướng lắm hay sao? Nước Sở chính là kẻ thù không đội trời chung của quả nhân, Sở Bình vương, Chiêu vương là một lũ thối tha dù có

ăn sống nuốt tươi bọn chúng, cũng khó mà hả nỗi giận trong lòng này!

Phiếm Khải nói:

– Nếu đã thế, nước Đồng làm gì phải coi Sở là nước tôn chủ của mình nữa, việc gì phải cam chịu là nước phụ thuộc của họ nữa? Tại sao không làm phản chống lại, vươn vai đứng thẳng, đường đường chính chính đạp đất đội trời trong thiên hạ?

Đồng Linh hầu huơ hai tay ra trước mặt, vô cùng chán nản nói:

– Quả nhân làm gì chẳng muốn đường đường chính chính làm người trong thiên hạ kia chứ? Ngặt một nỗi nước Đồng tôi đất hẹp binh hèn, khó mà đương đầu được với nước Sở lớn mạnh thế, không để cho họ cắt chia giày xéo, liệu có xong với họ không?

– Tại sao lại không xong nhỉ – Phiếm Khải nói – thần lại có cách nhìn khác hẳn với mọi người, muốn nói với các bậc quân vương, không hiểu bệ hạ có muốn nghe không?

– Xin mời tiên sinh cứ nói, tiên sinh hãy nói ngay đi! – Đồng Linh hầu sốt sắng như không thể đợi thêm được nữa – Quả nhân xin lắng nghe đây!

Theo lời của Đồng Linh hầu, Phiếm Khải nói ra vanh vách một hồi nghe rất xuôi tai. Ông phân tích tình thế thiên hạ lúc này; giới thiệu sự sáng suốt, lớn lao của Ngô vương Hạp

Lư cũng như sự nhân đức và mưu trí của nguyên soái Tôn Vũ, sự anh dũng ngoan cường của các tướng soái nước Ngô như Ngũ Tử Tư, Phu Khái … sự đoàn kết trên dưới một lòng của triều đình nước Ngô. Ông ta vạch ra bộ mặt và hành động tham lam tàn bạo, cuộc sống hoang phí xa xỉ của Sở Bình vương, Chiêu vương, nêu ra mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa vua nước Sở và trăm quan văn võ cũng như sự đối kháng đi đến thanh toán lẫn nhau giữa các phe phái trong hàng ngũ quan lại nước Sở. Ông cũng gợi mở ra điều kiện và quyết tâm đánh Sở của vua tôi nước Ngô: Theo đó, ông đã viện dẫn ra những chứng cớ, nêu lên xu thế và kết quả tất nhiên của cuộc chiến tranh Ngô Sở và sự phát triển chung trong thiên hạ. Sau cùng, ông đã kể cho Đồng Linh hầu nghe ba thí dụ thực tế trong đời sống khiến người ta phải suy ngẫm sâu sắc.

Ai cũng biết rằng kim cương là thứ nhỏ trong muôn vật, thứ tinh thể hình thành trong đất đá như luyện ra dưới sức nóng rất cao, không có màu nhưng lại rất nhiều sắc, là thứ cứng nhất trên đời, thế nên muốn khoan lỗ vào sành sứ, không dùng nó thì chẳng còn thứ gì hơn, tục ngữ có câu kim cương dù bé, nhưng lại khoan thủng đồ sứ lớn. Từ đó thấy rằng, lớn và nhỏ chưa hẳn là mấu chốt của thắng bại, mấu chốt là ở chỗ mức độ cứng rắn đến đâu.

Trong rừng sâu có một giống thú không mấy ai để ý là con sài, nó giống như con chó, lớn hơn con mèo, nhưng hung dữ còn hơn cả sói. Sài chỉ là một giống thú nhỏ, ấy thế nhưng có những con vật to lớn đồ sộ như sư tử, hổ báo lại phải sợ nó. Thân nó nhỏ nhẹ cho nên nhanh nhẹn, xuất kỳ bất ý nhảy lên cổ, lên lưng, lên mông những con vật lớn kia, cắn

thịt chúng, hút máu chúng, khiến cho chúng không biết làm thế nào, cứ như thế cho đến lúc những con thú lớn kia ra hết máu mà chết. Từ đó thấy rằng, lớn hay nhỏ không phải là điều mấu chốt của thắng lợi, mấu chốt là ở chỗ biết cơ động linh hoạt.

Có một nước nọ chuyên nuôi voi, nhưng con voi to lớn được thuần hoá và huấn luyện, vừa là công cụ sản xuất, vừa là dụng cụ chiến đấu. Mỗi khi hai bên giao chiến, người ta liền lùa hàng trăm hàng ngàn con voi đồ sộ ấy xếp hàng ra ở biên giới, khi một tiếng lệnh vang ra đàn voi ấy xông như điên ra phía trước, như nước lũ lao xuống dốc, như mãnh thú ra rừng, không sức gì cản nổi, binh lính nước địch hoặc là bị thân voi chèn chết, hoặc là bị chân voi giày nát, hoặc bị ngà voi xiên chết, hoặc dùng vòi quấn ngang người chúng, tung lên cao, rơi xuống mà chết thảm.

Do có một bầy voi lớn mạnh như thế, các nước láng giềng chẳng ai dám chống chọi, thế là họ mặc sức cướp đất công thành, chẳng sợ gì ai. Cách đấy không xa có một nước nhỏ tên là Linh Lung, vua nước ấy thông minh tuyệt đỉnh, không sợ gì nước voi. Một hôm, đàn voi lừng lững rầm rầm rộ rộ áp sát nước Linh Lung, ông vua thông minh của nước Lung Linh chỉ huy tướng sĩ bày ra trên dọc tuyến biên giới hàng trăm chiếc lồng sắt, trong mỗi chiếc lồng ấy nhốt tới ba chục con chuột, đợi khi đàn voi của nước địch ngang ngược bước lên lãnh thổ nước Linh Lung, các tướng sĩ liền lần lượt thả lũ chuột ở trong những cái lồng đó ra, hàng vạn con chuột liền xô lên bâu lấy đàn voi như một bầy châu chấu.

Chuột là giống nhút nhát nhất trong các giống vật trên đời này, chẳng thế người ta mới có câu “nhát như chuột ngày”, tập tính của chúng là đào lỗ dưới đất làm tổ, không thấy ánh sáng mặt trời bao giờ, nay đem ra giữa thanh thiên bạch nhật, chạy khắp các nơi không có chỗ nào ẩn nấp, thấy mũi voi, chúng lầm tưởng đó là lỗ cống, lũ lượt theo nhau chui vào đó, lũ voi bị đau, con thì lăn kềnh ra đất, hoặc lao lên chạy xuống, hoặc lồng lộn hất tung, cứ thế mà chết đến quá nửa, phải lủi thủi quay về. Lũ voi to kềnh càng, thế mà bỗng trở thành bại tướng trước lũ chuột nhỏ xíu, chủ của nó dĩ nhiên là không cam chịu, sau khi quay về liền dạy lại đàn voi, ba năm sau lại đánh báo thù với khí thế mạnh hơn, quy mô lớn hơn.

Nhà vua thông minh của nước Linh Lung, lần này không thả chuột nữa, mà sai tướng sĩ lấy cây chọc thật nhiều lỗ tròn, cứ bốn lỗ làm một chỗ, khoảng cách của nó tương tự vị trí vết của bốn chân voi. Ngày khai chiến, đàn voi xô ra thấy mặt đất đâu cũng có những lỗ tròn, với bản tính của mình, chúng sợ sẽ có chuột ở những lỗ tròn đó chui lên luồn vào mũi chúng, thế là chúng dùng chân dẫm cho tịt những cái lỗ tròn kia đi, mặc cho chủ đánh đập cũng chẳng chịu bước thêm bước nào. Vua nước Linh Lung thấy vậy, liền sai tướng sĩ của mình xông lên, khiến cho phía đối phương hoàn toàn tan rã, bắt sống hàng ngàn thớt voi. Từ đó đủ thấy, lớn nhỏ đâu phải mấu chốt của thắng bại, mấu chốt là ở chỗ thông minh tài trí, biết động não suy nghĩ.

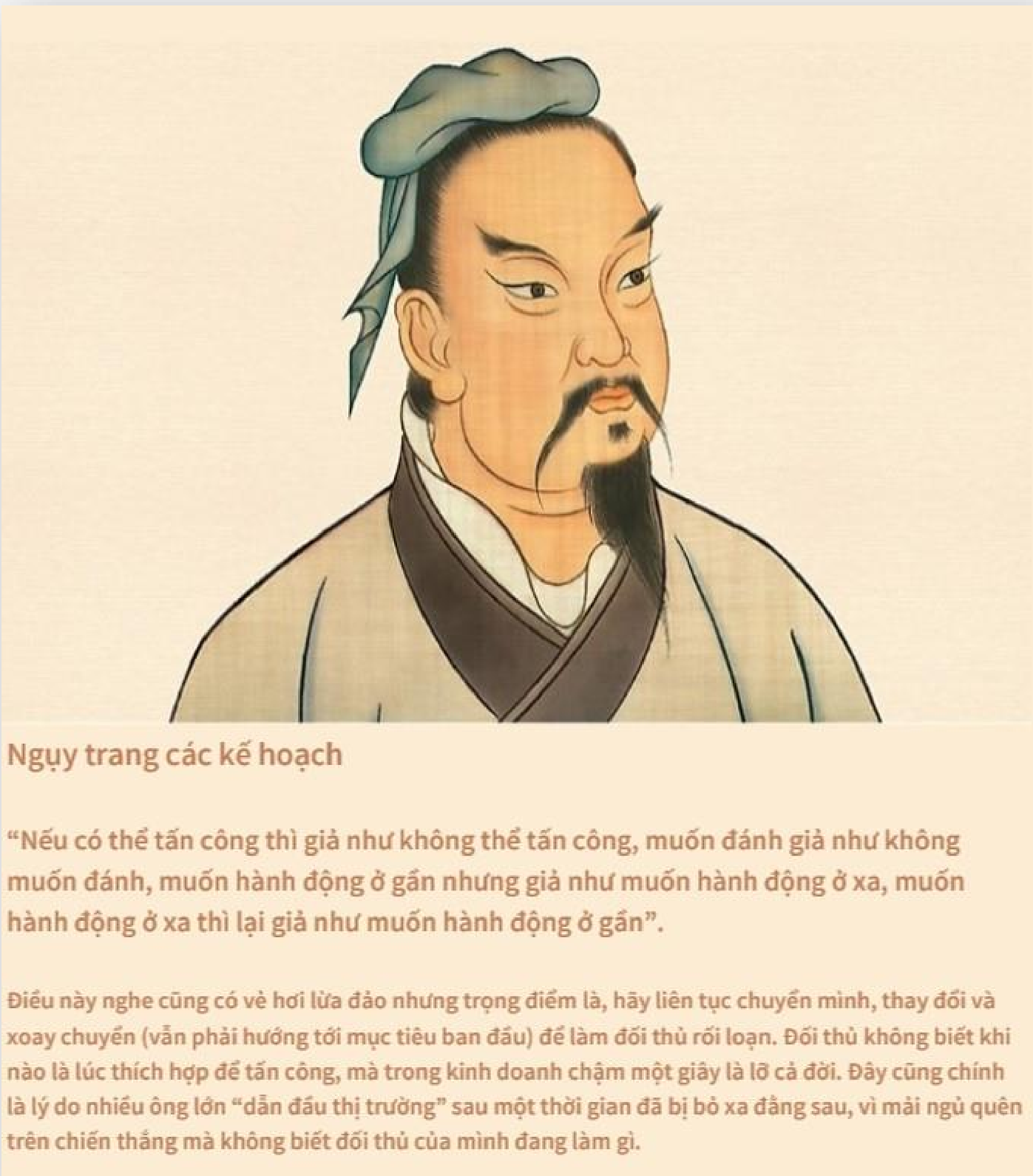
Phiếm Khải nói rất sôi nổi, sinh động, cứ như mọi chuyện hiện ngay ở trước mắt, Đồng Linh hầu nghe như nuốt lấy từng lời đến nỗi ngẩn cả người ra, quên cả nỗi sỉ nhục và

phiền não, chốc chốc còn bật cười lên khanh khách. Cười xong rồi, Đồng Linh hầu mới nghiền ngẫm từng câu, bất giác như vừa chợt tỉnh, nghĩ rằng thái độ của ông ta với nước Ngô xưa nay vốn chẳng ra gì, cho nên không dám vội vàng khinh suốt đưa ra quyết định phản lại nước Sở. Những quốc gia nhỏ yếu, ở cái thời lớn bắt nạt bé này, nếu như không tìm thấy một chỗ dựa chắc chắn, thường chẳng bao giờ dám cựa quậy chân tay. Phiếm Khải đã biết tỏng tòng tong ý nghĩ đó của vua nước Đồng, nên đã kể cho ông ta nghe về chính sách đối ngoại của nước Ngô, nêu rõ ràng nước Ngô luôn chủ trương, quốc gia không tính lớn hay nhỏ, mạnh hay yếu, đều đối xử với nhau nhất loạt bình đẳng. Nếu như nước Đồng muốn phản lại nước Sở, nước Ngô sẽ nhận làm nước bảo hộ, sẽ gần gũi, thân ái, hữu hào, giúp đỡ và coi nước Đồng như anh em ruột thịt, có kẻ nào đó dám xâm phạm lợi ích của nước Đồng, nước Ngô sẽ ra sức bảo hộ, cùng sống chết, chung vận mệnh với nước Đồng.

Nghe xong những lời thốt ra từ tâm can của Phiếm Khải, Đồng Linh hầu đã đối chiếu sự nhân từ, hữu ái khoan dung của quân đội nước Ngô đối với vua tôi, quan lại, tướng sĩ của các nước như Chung Ngô, Từ, Lục, Tiềm, Dưỡng, Thẩm ... và cảm thấy rằng vua tôi nước Ngô so với nước Sở chẳng khác gì Bồ Tát so với ma vương, là người rất đáng tin cậy. Ông cân nhắc đi cân nhắc lại, rồi bàn bạc nhiều lần với quần thần, so sánh lợi hại, quyết định phản Sở theo Ngô.

Một đêm khuya ba ngày sau đó, cùng một lúc, quân dân nước Đồng đã nhất tề nổi dậy, bí mật giết chết toàn bộ tướng sĩ quân Sở đóng trên đất nước của mình, công khai nói rõ từ nay không làm nước lệ thuộc nước Sở nữa.

Nước Ngô dụ nước Đồng phản lại nước Sở, đó chính là miếng mồi thả sang nước Sở, mục đích là nhử rắn ra khỏi hang, cho cá cắn câu, khiến nước Sở phải đem quân đi chinh phạt nước Đồng, nước Ngô sẽ nhân dịp này tiên diệt sinh lực của họ, tạo điều kiện để sau này đánh toàn diện, đi đến tiêu diệt Sở. Tuy nhiên, phản ứng của vua tôi nước Sở trước sự kiện nước Đồng, lại không mau lẹ, không hề có biểu hiện gì là họ sẽ đem quân đi đánh nước Đồng. Muốn câu cá, thả mồi xuống rồi, nhưng cá lại không cắn câu, vậy làm thế nào bây giờ?



CHƯƠNG XXIII

PHIẾM KHẢI SANG SỞ
NANG NGOÃ DẤY QUÂN

Nước Đồng nhỏ yếu to gan làm càn, chỉ trong một đêm đã giết sạch cả tướng sĩ quân Sở đóng trên đất Đồng, rồi công khai bỏ Sở theo Ngô. Tuy nhiên điều đó lại không khiến cho vua tôi nước Sở nổi giận mà gây chuyện binh đao, dấy quân hỏi tội. Sở xưa nay vốn là nước hiếu chiến, hùng hổ như một con gà chọi, tại sao lúc này lại tỏ ra có vẻ chậm chạp ngờ nghệch thế? Nguyên là Sở Chiêu vương từ sau khi có được thanh gươm báu Trạm Lư, suốt ngày chìm đắm trong những lời tán tụng là "ông vua có đức" là "ý trời xui khiến" và say sưa ngày mai bá chủ chư hầu, làm vua thiên hạ, càng ngày càng hý hửng kiêu căng, không còn coi nước Ngô là gì nữa hết. Vả lại xưa nay, ở trên lơi lỏng một ly, bên dưới sẽ lơi lỏng đi một dặm, Chiêu vương đã khinh nước Ngô mà trễ nải như thế, thì ở bên dưới, tướng không lo toan, lính chẳng tập tành, khắp đất nước đâu đâu cũng tràn ngập bầu không khí tĩnh mịch, yên ắng, vui vẻ, gần giống cảnh thái bình, đao kiếm bỏ kho, ngựa cho lên núi, ngồi chờ vận may trời cho để diệt Ngô rồi xưng bá chư hầu.

Mà nếu Ngô diệt vong, Sở hưng thịnh đã là ý trời, thì việc thắng bại trong khi giao chiến với quân Ngô chẳng liên quan mảy may gì đến tướng lĩnh, công không thưởng, tội không phạt, làm cho các quan trong triều phàn nàn oán thán, không muốn tiến thủ nữa, chỉ còn biết ăn uống chơi bời. Hai năm trước, Tử Tất là chủ tướng của nước Sở, liên quân nước

Việt chinh phạt nước Ngô, đuổi quân Ngô đến tận vùng sâu của núi Thiên Mục, rồi đại quân ca khúc khải hoàn. Trên đường kéo quân về, Tử Tất đã ôm ấp mãi trong lòng giấc mộng thăng quan tiến tước, vậy mà sau khi về đến Sính đô, khỏi phải nói là đã hoàn toàn vỡ mộng, ngay một buổi lễ mừng công cũng chưa từng được mở, khiến cho ông thấy chán ngán lạnh lùng. Lại nhìn đến Diêm Hoài Viễn, thành thì mất, kho thì cháy, ấy thế mà chẳng những vô tội, lại còn được tăng ân sủng nữa chứ! Nghĩ trước nghĩ sau, Tử Tất càng thêm nhớ đến ơn tri ngộ đối với Tôn Vũ, căm một nỗi không thể tới ngay mà đứng dưới cờ của ông, càng nhớ Tôn Vũ càng thấy căm ghét bọn cầm quyền nước Sở, Tử Tất im lìm nén chịu, bền bỉ đón nhận thời cơ…

Tôn Tử buông câu, đã thả mồi ra rồi, mà cá lại không chịu cắn câu, cho nên không thể không xem lại khẩu vị của cá và sức hấp dẫn của mồi câu, cũng như thầy lang xem bệnh, phải bệnh nào thuốc ấy, thì mới có thể thuốc uống đến đâu khỏi đau đến đấy; Giả sử uống liền mấy thang, không thấy bệnh lui, thì cần phải khám lại bệnh, cho đơn thuốc khác. Qua mấy đêm không ngủ, khám bằng đủ cách, Tôn Tử đã kê cho con bệnh của mình một đơn thuốc khác – sai một người ở Thư Cưu sang nước Sở để mật báo tình hình.

Người Thư Cưu ấy là Diêu Hoán Cát, ngày từ nhỏ đã được học hành đầy đủ, nhưng mãi chưa có dịp nào được ra làm quan, trên còn có mẹ già, dưới còn vợ dại con thơ, nhà năm miệng ăn, tất cả chỉ trông vào mỗi một nguồn sống là vào rừng hái thuốc bán kiếm ăn qua ngày cho nên cuộc sống rất bần hèn đạm bạc. Chó dữ lại hay cắn áo rách, nửa năm trước ông ta vào rừng hái thuốc, không may bị ngã rơi vào vách

núi, gẫy cả xương cổ, ba tháng nay nằm liệt giường không dậy được, cơm gạo của cả một gia đình không biết trông cậy vào đâu. Phiếm Khải vâng lệnh của Tôn nguyên soái, đến Thư Cưu tìm kiếm người có thể sai sang nước Sở mật báo tin tức, đã chọn trúng Diêu Hoán Cát, sau khi tranh thủ được sự đồng ý của ông ta và mọi người trong gia đình ông, liền lấy xe đưa về kinh đô nước Ngô. Tại đây, Tôn Tử và Diêu Hoán Cát chuyện trò tâm đắc ba ngày ba đêm liền, bày vẽ cho về lý, động viên về tình cảm, khiến ông ta xúc động rưng rưng nước mắt, nguyện rằng dù có gan nát óc lầy, cũng quyết giúp Tôn Tử làm nên nghiệp lớn. Trong khi nói chuyện, Tôn Tử cũng đã ướm thử năng lực con người này, thấy rất ưng ý, cho rằng có thể gánh vác được công việc này, thế là thầm thì căn dặn, thế này thế nọ, sắp đặt một thôi một hồi rất cặn kẽ.

Để bảo đảm tất thắng và đề phòng bất trắc, Tôn Tử sai Phiếm Khải cùng đi với Diêu Hoán Cát đến nước Sở. Sau khi đến Sở, Diêu Hoán Cát sẽ trở thành một sĩ quan trung cấp của Bá Bỉ, vì xúc phạm đến lợi ích của Bá Bỉ nên bị đánh gẫy chân, tống giam vào lao, chuẩn bị đêm tối sẽ lôi đi, vứt xuống hồ thủ tiêu. Nhờ một người bạn đồng liêu tốt bụng khoá hờ cửa lao nên Diêu Hoán Cát mới được từ cõi chết trở về, tránh được mối hoạ ngập đầu. Phiếm Khải là Diêu Hoán Tường, em trai của viên sĩ quan nước Ngô vừa thoát chết này. Sau khi cải trang và đóng vai như thế, trước hết dùng xe nhà buôn đưa hai người sang nước Sở, khi đến Sính đô, thì đánh xe quay lại. Diêu Hoán Cát sẽ ngồi lên xe cút kít, để em trai là Diêu Hoán Tường đẩy đi xin ăn dọc đường. Từ ngoài vào trong Sính đô, họ đã tận mắt thấy không biết bao nhiêu là cảnh ngộ bi thảm, những trận chém giết nhau, những khoảnh khắc đau buồn ai oán…

Trên đồng rộng hay trên đường dài, người lánh nạn, ăn mày nối thành đoàn dài không ngớt, nào già nào trẻ, nào gái trai, nào giắt cõng trẻ, nào dìu vợ bồng con, hoặc túm năm tụm ba, hoặc trơ trọi một thân... người nào người nấy mặt bủng da vàng, thân hình tiều tụy, áo quần làm lũ lôi thôi...

Đi đến đâu, hình ảnh đập vào mắt cũng là những than hình gầy như que củi, vẳng bên tai là những tiếng khóc than rên rỉ vì đói rét. Trên mảnh đất màu mỡ này, chết chóc đã không còn là điều đáng sợ nữa, bởi vì bất cứ ở đâu và lúc nào, cũng có thể có người chết đói chết rét, người ta đã quen mắt và nhàm chán trước cảnh ấy rồi, hơn nữa, chết đi lại đỡ khổ hơn là sống, hình như thế lại được yên thân hơn, sung sướng hơn. Bởi vậy mà con thơ chết trong lòng mẹ, mẹ cũng chẳng hề rơi nước mắt. Mẹ già có chết đặt giữa nhà, con cháu cũng chẳng ai hờ khóc. Thấy cháu mình chết lả trên đường gánh đi xin ăn, làm ông cũng không hề thở than – thần kinh con người ta đã bị tê liệt hết cả rồi! Song thần kinh tê liệt lại hoá ra một điều may, những con người bị tai hoạ kia sẽ vì thế mà giảm bớt được đau khổ.

Trên con đường mịt mù cát bụi, có một cụ già vất vả đi ngược chiều gió, cụ chống một cây gậy, gò tấm thân cao lớn của mình, cất từng bước chân lảo đảo, thở hổn hển như sắp đứt hơi. Bỗng đâu một cơn gió xoáy ào ào ập tới, cụ già bị gió thổi ngã xuống đất, cụ giãy giụa mấy lần, nhưng không làm sao bò dậy nổi, đành nằm ngay đờ ra trên mặt đất, để mặc cho nắng gió dãi dầu. Không biết như thế bao nhiêu lâu, có một chàng thiếu niên đi ngang qua đấy, thấy cụ già nằm đấy quả đáng thương, liền cúi xuống đỡ cụ dậy. Thế nhưng đúng lúc

cúi xuống ấy, chàng trai bỗng thấy trời đất quay cuồng, cũng ngã chúi xuống đất và cứ thế, một trẻ một già, gối đầu lên nhau, nằm chết ở ngoại ô hoang vắng. Đến với họ lúc này, là cả bầy chó sói và với chim ưng và quạ đói. Một người đàn bà ngoài ba mươi tuổi bụng mang dạ chửa, với cái bụng vượt mặt, đôi chân lảo đảo, nhích mỗi bước chưa được hai ngón chân trên con đường ngoằn ngoèo, trông dáng bộ như đang sắp đến phút lâm bồn.

Đã ba ngày nay, chị ta không được một hột cơm nào vào bụng, dạ đói cồn cào, đầu váng mắt hoa, trước mặt chốc chốc lại loé lên từng đàn đom đóm. Bụng thì đói, đứng không vững, lại thêm con đường vừa hẹp vừa khấp khểnh và một cơn choáng ập đến, chị ta ngã nhoài ra đất, thuận đà lăn mãi xuống dốc. Con người sắp đến giờ sinh đẻ, chịu làm sao nổi sự giày vò như thế, chị vừa ngã vừa lăn đi và chợt ngất lịm, đứa trẻ bỗng oa oa chào đời ngay trên vũng máu. Lũ chim ưng chó sói vốn quen với mùi tanh hôi đã kéo đến, chúng xé thịt hút máu, hai mẹ con chết ngay lập tức, đến mẩu xương cũng chẳng còn. Đứa trẻ! Ôi một đứa trẻ vừa mới ra đời ở cái thế giới này, thử hỏi nó đã mắc tội tình gì?

Trong lòng một quả núi lớn, có hàng ngàn người đang đào non đục đá, chở kìn kìn về Sính đô, để Sở Chiêu vương xây cung điện. Dân chúng người nào người nấy thân gầy như que, bụng lúc nào cũng rỗng không đến già nửa, thử hỏi còn hơi sức đâu mà quai búa giữ choòng, bê vác những tảng đá nặng trịch kia được. Ấy thế nhưng bên mình họ lại luôn có lính đốc quan coi, động tác hơi chậm một tý, là roi là gậy tới tấp đến thân, nhẹ thì sầy da sứt thịt, nặng thì chết ngay tại chỗ. Đè nén mạnh để cho dân phải thuận, những người dân

đen chỉ còn biết thắt lưng cho chặt, nghiến răng lại mà chịu đựng cực khổ hết ngày này sang tháng khác, số lượng thì cứ bớt dần đi, rồi lại có nguồn đưa đến bù thêm vào.

Đây là công việc suốt ngày đụng chạm với sắt đá, trong trường hợp bình thường, ngay những thợ đá sức dài vai rộng, thân hổ lưng beo làm công việc này, cũng đều luôn đe doạ bị tàn tật hay chết mất mạng, huống hồ là những người dân chưa hề được tập luyện lại bụng đói cật rét thế này. Người nào người ấy gầy đói chỉ còn răng với mắt, hầu như chút sức lực trói gà cũng chẳng còn, cảnh ngộ thê thảm quá không biết đâu mà kể. Cái búa trong tay nặng mười mấy cân, vung lên cũng đã rất vất vả, lúc đập xuống mà không trúng, là nện trúng vào đầu người giữ mũi choòng, lập tức đầu vỡ óc lòi, màu me bê bết ra ngay, thật vô cùng thê thảm; người nào bị đập vào tay vào chân thì coi như tàn tật suốt đời. Mệt quá không chịu nổi, có nhắm mắt lại chợp đi đôi chút, bị bọn lính đốc công bắt gặp, không bị chửi là lười nhác, thì cũng bị đá xuống vực sâu... những người bị tan xương nát thịt như thế nhiều vô kể? Bãi đá ở sâu trong lòng núi, đường đi nhỏ hẹp gập ghềnh, ngựa xe khó mà nhích được lên, cho nên đá khai thác ra đến đâu, đều do dân phu lấy sức người chuyên chở ra ngoài núi rồi mới xếp lên xe kéo về Sính đô. Những người trai tráng khoẻ mạnh phần lớn ở lại trong núi quai búa giữ choòng để phá núi đẽo đá, công việc chuyên chở trút lên vai những người già yếu tàn tật.

Họ phải nai lưng ra mà gánh, mà khiêng, gùi trên lưng. Đáng thương nhất là những ông già gùi đá trên lưng, trên lưng họ đeo sẵn một cái giá bằng gỗ, hai người khác bê khối đá nặng nề đặt lên giá, thế là tấm lưng của cụ già bị uốn cong

như một cánh cung, mặt cúi gằm xuống, dọc đường không thể ngước lên nhìn trời được. Họ thở hổn hển, đi một bước rên một tiếng, chân run lên như muốn ngã bất kỳ lúc nào. Đường núi khó đi, không dốc thì cũng trơn, đá củ lổn nhổn dưới chân, vô ý sểnh chân là lập tức cả người cả đá lao xuống vực sâu muôn trượng. Bất kể là người hay con vật cũng thế, mang nặng cố sức thường phải chạy gằn, dứt khoát không thể có chuyện trễ nải cố ý đi chậm lại. Chân vừa mới chậm bước, bọn lính đốc công đã bảo là cố tình trễ nải, rồi mở miệng ra là chửi, vung tay lên là đánh, co chân là đá là đạp… những người già mà ngã xuống thì không đứng lên được nữa, hoặc chết vùi dưới đá, hoặc lăn xuống khe xuống suối, trôi theo dòng nước.

Trong rừng sâu, trên đường lớn, giữa dòng sông đâu đâu cũng gặp những đoàn người đang bị lùa đi chở gỗ, đường nào rồi cũng dồn về một chỗ, bất kể là đường sông, đường bộ, phía nam đưa lên hay phía bắc đưa xuống, sau cùng đều tập trung ở một nơi là Sính đô, làm đẹp cho cung thất của Chiêu vương. Số phận những người này cũng hẩm hiu không kém gì những người đi phá đá, cũng bi thảm như nhau, kết cục cũng đáng thương như nhau. Họ cũng hoặc gánh, hoặc vác, hoặc đẩy xe, hoặc chèo thuyền, hoặc kéo bằng dây, hoặc lôi bằng xích…

Theo chỉ thị của Tôn nguyên soái, Phiếm Khải và Diêu Hoán Cát, không phải đi về triều kiến Sở Chiêu vương, mà là đẩy xe cút kít đến thẳng phủ đệ của hữu lệnh doãn, bởi Nang Ngoã mới là con cá lớn luôn thích lập công to, lòng tham vô đáy nhưng đầu óc giản đơn.

Cung đình nước Sở khác với nước Ngô, vì muốn bàn bạc cho thuận tiện, khi cần gọi dễ có ngay, cung đệ của thượng khanh đại phu cùng xây trong bức tường đỏ của hoàng cung. Muốn vào phủ lệnh doãn, bắt buộc phải qua cửa cung. Đóng giả làm một ông tướng bị chặt chân, Diêu Hoán Cát ngồi trên xe cút kít, Phiếm Khải nắm càng xe từ từ đẩy đi, hai người đều có vẻ cậy công kiêu ngạo, vênh vác khinh người. Lính gác cổng bước ra ngăn lại, Phiếm Khải liến thoắng trình bày:

– Ông tướng này chỉ vì cứu tính mạng hữu lệnh doãn mà chịu mang tàn tật, là công thần của nước Sở, là ân nhân cứu mạng của lệnh doãn. Hôm nay tướng quân muốn đến thăm lệnh doãn, ai dám ngăn cản? – Vừa nói vừa đưa ra chứng cứ.

Đã là ân nhân cứu mạng của hữu lệnh doãn, lính gác cổng chỉ còn cách cho đi, thế là hai người đã vào hoàng cung nước Sở một cách dễ dàng.

Bước qua cửa cung, là thấy ngay cung điện nguy nga lầu các nhấp nhô, nhà hát sàn múa, hành lang ngoằn ngoèo, núi giả xen nước thật, dậu trúc sửa như tường, hoa thơm cỏ lạ, chim đẹp thú hiếm, dìu dặt tiếng tơ tiếng trúc, ngọt ngào giọng hát câu ca, thơm lừng sương lành, lá xanh hoa thắm... những cảnh này cũng tựa tựa như trong cung vua Ngô, chỉ có đàn voi đồ sộ kia, là ở trong cung nước Ngô cũng như Phiếm Khải là người đi sứ khắp các chư hầu trong thiên hạ đều chưa hề thấy bao giờ.

Số voi cũng nhiều, có dễ không dưới một trăm con, con nào con nấy đồ sộ béo tròn lù lù như bức tường trước mặt. Voi

trong cung nước Sở khác xa với voi ở trong rừng, con nào con nấy mình đầy gấm vóc, xanh đỏ loè loẹt khiến người ta nhìn vào mà loá mắt, hơn nữa rất ngoan ngoãn, hiền lành và khéo léo. Chúng ung dung đi trên bãi cỏ, lắc đầu vẫy tai hoặc đung đưa cái vòi dài, trông có vẻ vững chãi nhưng khoan thai, như một viên nhất phẩm triều đình, xem ra rất dễ bảo, một tiếng chuông lệnh vang ra, chúng biết tập hợp thành đàn, thay đổi đội hình thành hàng dọc, hàng ngang hay dồn thành cụm, rồi chơi thể thao, rồi diễn ca múa, điều khiển các loại khôi hài cũng như động tác điêu luyện của chúng, có là đội nghi tráng của một nước lớn hay những diễn viên chuyên nghiệp chắc cũng chưa sánh kịp. Vì đang phải lo việc lớn, cho nên hai người họ không thể ở lại đây lâu hơn, mà xem cho kỹ, đành phải lưu luyến bỏ đi. Phiếm Khải được biết rằng đây là đàn voi chuyên nuôi cho Chiêu vương để vui chơi giải trí: Sở Chiêu vương có ba thứ ham thích lớn, một rượu ngon, hai là gái đẹp, và ba là thích xem voi diễn trò. Có chư hầu nước lớn đến thăm hay đoàn sứ giả nước ngoài tới Sở, ông thường cho biểu diễn việc dạy voi trên triều đình, tiếng khen ngợi rầm rộ vang lên từng đợt, ông thường lấy đó làm tự hào, hả hê.

Phiếm Khải đẩy chiếc xe cút kít đến trước phủ của hữu lệnh doãn, cũng dùng cách tương tự để buộc lính canh phải vào bẩm báo. Nang Ngoã nghe tin, vội vàng “xin mời”. Vào trong phủ rồi, Diêu Hoán Cát ở trên xe khum tay vái chào, Phiếm Khải cũng cúi mình làm lễ bái kiến. Nang Ngoã nhiệt tình tiếp đón hai người, nhưng trong khi trò chuyện mỗi lúc lại sinh nghi, nhìn kỹ mãi vào vị ân nhân cứu mạng đang ngồi trên xe cút kít, từ tuổi tác, tầm vóc, dáng người, khuôn mặt, giọng nói, hình như không phải con người năm ấy, thế là

câu chuyện càng đi sâu thêm vào tình tiết của cuộc chiến đấu ấy. Không để cho Nang Ngoã tiếp tục lục vấn thêm, Phiếm Khải đã thật thà thừa nhận mình là người Thư Cưu, sở dĩ giả dạng làm ân nhân cứu mạng lệnh doãn, chẳng qua là để lọt vào cổng và đến phủ lệnh doãn được dễ dàng nhằm đạt mục đích là gặp được lệnh doãn.

Nang Ngoã nghe nói thế, lửa giận bốc lên ngùn ngụt quát như sấm rưng:

– Bọn điên rồ này to gan thật, giám lừa gạt cả bản tướng à? Quân bay đâu! – Tiếp theo tiếng hô quát ấy, ba bốn tên võ sĩ hùng hổ như sói như beo xông ra.

Nang Ngoã gào lên:

– Tóm cổ hai tên điên rồ này lại, đưa ra phố hành tội xé xác!

Phiếm Khải bị trói quặt cánh tay ra sau và gô chặt lại, Diêu Hoán Cát thì bị trói chặt trên xe. Trước hành động hung hãn đó, Phiếm Khải không hề tỏ ra run sợ, trước hết ông cứ để cho bọn chúng trói, cho đến lúc chúng trói xong xuôi, mới ngửa mặt cả cười, cười đến rung cả mái nhà, bụi bậm rơi xuống rào rào, cười đến nỗi Nang Ngoã sợ cuống lên vội hỏi:

– Tên điên này ngươi cười cái chi vậy?

Phiếm Khải cười đến giàn giụa cả nước mắt ra, nhưng không làm sao lau đi được, đành phải lắc đầu cho nước mắt rơi xuống và nói:

– Tôi cười lệnh doãn lòng dạ hẹp hòi như trôn kim thế thì làm sao nắm được quyền hành trong cả nước, để an bang định quốc cho được? Nếu như hai anh em tôi không từ xa xôi ngàn dặm đến đây, chỉ với một việc là báo tin lành cho lệnh doãn, mà người lại chẳng hỏi đầu đuôi xuôi ngược ra sao, đã mang chúng tôi xé xác, há lại không đáng tức lắm sao…

– À, cái đó thì… – Nang Ngoã ớ miệng ra, chắp tay lại sau lưng rồi đi lại xồng xộc trong phòng, mãi lâu sau mới hỏi – Có tin lành gì vậy?

Phiếm Khải cười khôi hài, bảo:

– Lệnh doãn đã coi anh em chúng tôi là kẻ thù, thì thà ngậm oan chín suối, chứ quyết không tiết lộ thiên cơ đến nửa lời.
– Cởi trói! Nang Ngoa miễn cưỡng hạ lệnh.

Sau khi được cởi trói, Phiếm Khải và Diêu Hoán Cát vẫn chưa chịu nói gì ngay, vẫn im lặng đứng ngẩn ra một bên, đến khi Nang Ngoã thúc giục. Phiếm Khải mới nói:

– Nếu đã không coi anh em chúng tôi là kẻ thù, ít ra lệnh doãn cũng ban cho một chỗ ngồi, mới có thể ngồi xuống nói chuyện được chứ. Những người coi rẻ khác, thì đời nào khách quý trọng họ và làm việc cho họ kia chứ.

Nang Ngoã vội lệnh cho lấy ghế mời ngồi, Phiếm Khải đàng hoàng chỗm chệ ngồi vào ghế, trông ra rất oai vệ, nhưng vẫn lặng im không nói. Nang Ngoã lại giục lần nữa, Phiếm Khải đưa mắt nhìn một lượt các quan văn võ đang có mặt, bằng

ánh mắt ngầm trách: Tai mắt đông đảo thế này, làm sao có thể nói được. Nang Ngoã xua tay, bọn cầy cáo tay chân lủi thủi ra hết.

Phiếm Khải trước hết tự giới thiệu mình. Ông nói tên mình là Diêu Hoán Tường, người Thư Cưu, từ bé đã theo kinh sử, đọc đủ mọi thứ sách trên đời, xem thường kinh doanh lợi lộc, khinh ghét nhân tình thế thái, không chịu ra làm quan, suốt ngày chu du trong thiên hạ, hết sức tự do thoải mái. Cũng là anh em con cùng một mẹ, người anh là Diêu Hoán Cát lại hám danh hám lợi nên đã tòng quân, làm một chân hiệu uý đứng dưới cờ của Bá Bỉ nước Ngô. Thế là Diêu Hoán Tường đã kể lể tường tận chuyện anh mình phát hiện những điều riêng tư bí ẩn của Bá Bỉ thế nào, bị đánh gẫy chân rồi thoát chết ra sao, rồi lần này sang bái kiến lệnh doãn với mục đích gì…

Diêu Hoán Cát bổ sung tỉ mỉ về những tình tiết mình đã thoát hiểm ra sao, xuất phát từ đáy lòng, ông kể lể trong nước mắt tràn trề, căm giận Bá Bỉ đến tận xương tuỷ, căm một nỗi chưa có thể moi gan móc ruột, xé hắn ra trăm mảnh cho hả nỗi giận trong lòng. Nang Ngoã cũng là con người từng va chạm dày dạn trên hoạn lộ, đương nhiên là không dễ gì tin ngay những lời nhảm nhí ba hoa của hai con người xa lạ từ nước khác đến đây thế này, bất giác hỏi gần hỏi xa để ướm xem hư thực ra sao. Thấy Nang Ngoã rõ ràng là chưa tin mình, Phiếm Khải thấy ông ta như phụ lại tấm lòng một mực trung thành của mình, không thể nào chịu nổi nữa, chỉ muốn lấy cái chết để biện minh, ông đã nói toạc ra rằng:

– Lệnh doãn đừng lục vấn vặn vẹo như xét hỏi tội phạm với chúng tôi như thế này nữa, chúng tôi trèo đèo lội suối, vượt hàng ngàn dặm đường gió bụi đến mật báo tin tức cho lệnh doãn, cố nhiên cũng vì thấy lệnh doãn với Bá Bỉ vốn là kẻ thù không đội trời chung, mong nước Sở sớm diệt được nước Ngô, bắt sống Bá Bỉ, xé xác hắn ra trăm mảnh để trả thù rửa hận cho anh tôi. Nhưng mặt khác, điều này hết sức quan trọng đối với lệnh doãn, chuyến đi này của chúng tôi, cũng là để vớt vát lại thanh danh của lệnh doãn, cứu lệnh doãn được trọn vẹn…

– Toàn là những lời bậy bạ! – Nang Ngoã đập bàn đứng dậy, từng sợi râu cũng run lên.

Phiếm Khải mỉm cười nói:

– Xin lệnh doãn hãy dẹp cơn lôi đình giận dữ, để cho kẻ ngông cuồng này được nói rõ căn do của nó. Xin cứ yên tâm, chúng tôi là hai kẻ thường dân tay không tấc sắt ở đất khách quê người, một người còn bị tàn phế không cự quậy được, hoàn toàn không có gì nguy hiểm đối với lệnh doãn. Nếu lệnh doãn thấy kẻ ngông cuồng này là kẻ tàn ác không thể tha thứ được, không giết thì không hả giận, thì hãy đợi cho tôi nói hết rồi hãy giết cũng còn chưa muộn. Có điều, tôi muốn nhắc nhở lệnh doãn có băm ra trăm mảnh, thì những điều cơ mật giấu kín trong lòng chúng tôi cũng còn chưa được nói ra câu nào, thế thì giết chết tôi thật chẳng ích gì, mà còn có hại nữa…

– Nói gì thì nói mau đi, khỏi phải quanh co rào đón, đưa đẩy nữa – Nang Ngoã vừa giục giã vừa có ý trách móc, nhưng trong lòng cũng đã dịu đi nhiều.

Phiếm Khải xem ra muốn được đằng chân lân đằng đầu, nói:

– Chúng tôi liều chết đến đây, chính bởi có chuyện muốn nói, có tin mật muốn báo, có thù muốn trả, có hận muốn rửa, nhưng lệnh doãn cần phải thề với trời rằng bất kể tôi nói gì, làm gì cũng không giáng tội, tôi mới đám mau chóng nói ra, nếu không, cho dù lệnh doãn có phanh thây giữa chợ, chúng tôi cũng quyết không chịu hé răng tiết lộ thiên cơ…

– Tiên sinh cứ nói không ngại chi cả, Nang Ngoã này sẽ dỏng tai lắng nghe, học thánh hiền, nghe thấy điều sai sót thì vui nếu có chút gì tỏ ra không vui, thì trời tru đất diệt! – Nang Ngoã đứng dậy, chỉ tay lên trời thề bồi.

Không khí trong sảnh đường xem ra đã hoà dịu, từ chỗ ánh thép sáng loà bỗng trở thành ánh sáng mùa xuân hiền hoà. Phiếm Khải bắt đầu dõng dạc, nói có ngành có ngọn với lời lẽ thiết tha, nói đến đoạn xúc động còn đứng hẳn dậy, khoa chân múa tay.

Phiếm Khải thẳng thắn không ngần ngại vạch ra rằng, ở nước Sở cũng như trong thiên hạ, tiếng tăm của Nang Ngoã đã trở nên tồi tệ. Nhớ những ngày đầu, hai nước Ngô Sở giao tranh ở Kê Phụ, lệnh doãn Dương Cái ốm chết trong quân, không lâu sau Sở Bình vương băng hà, thái tử Chẩn mới mười một tuổi lên ngôi, đó đã là chuyện bình thường. Lệnh doãn không phải là thế tập, Dương Cái chết rồi, thịt xương

đã lạnh, nước lại không thể một ngày không có tướng, ở nước Sở cũng không thể một ngày không có lệnh doãn, rốt cuộc ai là người gánh lấy trách nhiệm của lệnh doãn? Trong thời gian Bình vương ốm nặng, các đại thần văn võ có chức phận lớn, địa vị cao ở bên cạnh nhà vua đều xôn xao bàn tán, người này thì bảo: "Ông được đấy, ông làm đi". Người kia nói: "Tôi không được, thôi, ông làm đi!". Đó đều là lời giả dối trên cửa miệng, chứ còn trong xương trong tuỷ, thì ai cũng muốn giành lấy! Người này nhường nhịn cho người kia, nhưng chẳng có ai là tán thành thái sư Phí Vô Cực. Phí Vô Cực cũng không hề tức giận, ông ta nghĩ: Các người bảo ai làm cũng được, bảo ta không được cũng không sao, đều không là gì hết bởi cuối cùng là do nhà vua xác định. Cho rằng Bình vương không thể cho ta làm chức ấy, ta cũng phải tìm cách kiếm một người thích hợp. Phí Vô Cực lên tiếng:

– Thưa các vị. Theo tôi, ta cứ đi xin chỉ thị của chúa công xem sao?

– Phải đấy, phải đấy, Phí Vô Cực nói rất có lý – Một người nào đó tỏ ra tán thành, mọi người cũng phụ hoạ theo. Mọi người bước ra khỏi nơi hội họp, tất cả cùng theo nhau đến tẩm cung của Sở vương. Sở Bình vương nằm trên giường miệng luôn kêu lên "a... a "ông có nhiều điều muốn nói, nhưng lưỡi đã cứng lại, không nói ra được nữa, Phí Vô Cực len đến sát long sàng nói:

– Thưa chúa công, việc nước lúc này đang rối tựa bòng bong, cần phải thu xếp ngay, ý chúa công muốn lệnh cho ai làm lệnh doãn ạ?

– Á – Bình vương đờ đẫn nhìn mọi người. Phí Vô Cực ngẩng đầu lên, thấy Nang Ngoã đang đứng trong đó, bèn nảy ra một ý kiến nói:

– Vâng! Vâng! Thần đã rõ rồi! Thì ra chúa công vẫn muốn để Nang Ngoã làm lệnh doãn.

Nang Ngoã nằm mơ cũng không nghĩ được là Sở Bình vương lại để mình làm lệnh doãn, vội vàng đến trước giường quỳ hai gối xuống tạ ơn. Bình vương lúc này đờm đã chẹn kín họng, không còn thở được ra nữa, và thế là ô hô hết đời, Nang Ngoã thế là thành lệnh doãn. Nang Ngoã có tướng mạo đàng hoàng, thân hình cũng cân đối, cũng vào loại đoan chính, chỉ khổ một nỗi là học vấn lại chẳng ra sao, lập trường thì gió đông thổi, đổ sang tây, gió nam thổi thì ngả về bắc, là hạng người tầm thường chẳng có chủ kiến, trước mắt chẳng qua chỉ là một gã trung đại phu, ấy thế mà một bước lên tận mây xanh làm lệnh doãn, thế thì ai chịu phục? Duy chỉ có Phí Vô Cực là vui lòng, ông ta nghĩ rằng mình lúc này thanh danh chẳng còn tốt đẹp gì, chẳng thà thao túng đẩy Nang Ngoã ra phía trước, đứng ra làm chức ấy, hắn là kẻ bất tài, tất cả đều ở trong lòng bàn tay của mình. Hơn nữa Chiêu vương lại là học trò của mình, muốn làm lệnh doãn, lại chẳng dễ dàng như móc đồ trong túi hay sao? Yên Tường Sư biết tỏng dụng ý đó của Phí Vô Cực, hai người là một đồng một cốt, luôn luôn một xướng một hoạ.

Để báo đáp ơn sâu của Phí Vô Cực và Yên Tưởng Sư đã có công cất nhắc mình, cho nên sau khi lên chức, việc làm đầu tiên của Nang Ngoã là cử Phí Vô Cực và Yên Tường Sư lần lượt đôn đốc việc xây dựng Mạch thành và thành Kỷ Nam,

vừa hao tiền lớn của, vừa mệt sức dân nhưng hai gã Phí và Yên lại từ trong đó mà vơ đầy túi tham, lưng dắt hàng vạn quan, giàu nứt đố đổ vách, béo đến nỗi không thở được.

Việc thứ hai Nang Ngoã làm sau khi lên chức, là để ý việc tả hữu tư mã Thẩm Doãn Tuất và Bá Khước Yển chống quân Ngô có công mà lại dẫn đến tai hoạ tày trời. Phí Vô Cực và Yên Tương Sư vốn ganh ghét những người hiền tài, đã mê hoặc và xúi giục Nang Ngoã giết hại cả nhà Bá Khước Yển, con trai ông này là Bá Bỉ đành một thân một mình bỏ trốn sang nước Ngô, cùng với Ngũ Tử Tư phò tá Ngô vương Hạp Lư, họ đã thề cùng báo thù cho đất nước và rửa hận cho gia đình, cuối cùng thành mối hậu hoạ cho nước Sở. Việc Nang Ngoã có ý muốn tiêu diệt Phí Vô Cực và Yên Tương Sư là làm dưới sự đe doạ và ép buộc của đông đảo dân chúng, công tử Thân và tả tư mã Thẩm Doãn Tuất; thực ra là bất đắc dĩ phải làm mà thôi.

Sở mạnh Ngô yếu. Trong lịch sử phần lớn là nước Sở xâm lăng nước Ngô, đó là sự thực ai ai cũng biết, thế nhưng từ sau khi Nang Ngoã làm lệnh doãn trở đi, hai nước Ngô Sở đụng độ với nhau (kể cả việc nước Ngô đem quân đánh các nước phụ thuộc của nước Sở) hàng chục lần, nước Sở lớn mạnh hơn nhưng đều bị thua trận rút quân, nhất là mấy lần do Nang Ngoã thân chinh cầm quân, hầu như lần nào cũng đi đến kết cục là bị tiêu diệt hoàn toàn. Cũng chính vì thế, nước Sở lớn mạnh ngày càng yếu đi, nước Ngô nhỏ yếu ngày một lớn mạnh, đó là hiện thực đáng sợ bày ra trước mắt vậy…

Chính vì thế, Sở Chiêu vương không tín nhiệm ông ta, các vị trọng thần như Tử Tây … coi khinh ông ta, các quan cùng triều khác cũng không nể trọng ông ta nữa, trăm họ cũng đều phỉ nhổ ông ta, chư hầu trong thiên hạ trách cứ ông ta… Cảnh ngộ của Nang Ngoã lúc này chẳng khác gì người ngồi trên miệng núi lửa, lúc nào cũng có nguy cơ đắm mình trong biển lửa. Ông ta chỉ còn một lối thoát duy nhất, đó là làm một hai việc gì đó long trời lở đất, cho rung chuyển triều đình, để răn đe kẻ địch và lấy lại lòng tin của muôn dân.

Nếu làm được như thế thật, thì chẳng những ở nước Sở, mà ngay cả trong cả thiên hạ này cũng sẽ như hổ trên núi, như rồng dưới biển, như phượng trên rừng, muôn loài cầm thú đều phải quy phục và kính nể. Cứ như thế, vũ trụ bao la này, trời đất mênh mông này, rốt cuộc sẽ vào tay ai, chẳng cần phải bàn, càng không cần phải nói đến nước Sở nhỏ bé bằng cái lỗ mũi này. Nhưng mà nên làm chuyện gì kinh thiên động địa bây giờ. Phân tích hình thế hiện tại của nước Sở và thiên hạ, tốt nhất không gì bằng là đánh nhau với nước Ngô. Cuộc chiến tranh Ngô Sở mấy năm nay, bắt đầu từ trận Kê Phụ trở đi, nước Sở liên tục thua liểng xiểng, đến nỗi vua tôi nước Sở nhắc tới đem quân đi đánh nước Ngô, đều tái mặt đi như người gặp hổ, than thở và lia lịa lắc đầu. Trong trường hợp đó, nếu như Nang Ngoã ra tay cứu vãn được tình thế tồi tệ này, đem quân đến nước Ngô đánh đâu thắng đấy, đụng đến đâu tan đến đấy, dẹp được khí thế nước Ngô, diệt được uy phong của nước Ngô, thôn tính được đất đai nước Ngô, nhất định sẽ làm vui lòng nhà vua, lấy lại được lòng tin với quần thần, muôn dân sẽ khen ngợi. Có được cái nền tảng ấy, muốn thực hiện sự nghiệp lớn lao ở bước sau, cũng sẽ xuôi lọt, muốn sao được vậy. Có điều, muốn thực hiện

nguyện vọng đó, đạt được mục đích ấy, riêng tài cán và năng lực của Nang Ngoã không thôi chưa đủ, cần phải gặp dịp tốt trời cho nữa. Hôm nay, anh em nhà họ Diêu đến đây chính là truyền đạt ý trời và ban cho cơ hội, không biết liệu Nang Ngoã có tin không? Có dám mạo hiểm thử xem không. Thực ra, xưa nay, phàm những kẻ làm nên nghiệp lớn, không ai là không giàu tinh thần mạo hiểm…

Trong lúc Phiếm Khải hùng hồn phát biểu một bài diễn thuyết dài lê thê, nét biểu hiện tinh cảm của Nang Ngoã vô cùng phức tạp, thay đổi khôn lường. Sắc mặt ông ta lúc thì đỏ, lúc lại vàng rồi lúc lại nhợt nhạt ra. Đầu ông lúc thì cúi xuống, lúc thì rũ rượi, lúc thì ngẩng lên, lúc vươn cao, lúc lại xo lại giữa hai vai. Những biểu hiện tình cảm ấy nói với Phiếm Khải rằng, Nang Ngoã đang trải qua cuộc đấu tranh tư tưởng rất kịch liệt. Ông ta đang xấu hổ với sự vụng về, cũng như những hành vi nhục nhã của mình. Ông ta đang đau khổ vì cảnh ngộ tối tăm bi đát, bế tắc từ trên xuống dưới. Ông ta xót xa vì không được mọi người thông cảm. Ông ta run sợ trước một tương lai rùng rợn sắp đến. Ông ta khấp khởi mừng trước một ngày mai tươi sáng đang mong đợi…

Những điều Phiếm Khải nói ra, đều là đao to búa lớn, không hề lấp lửng hàm hồ, tuy rằng đều chọc vào những vết thương cũ của ông ta, vạch ra những cái không hay của ông ta, từng câu từng lời, từng sự việc lớn nhỏ, như rút thần kinh, như khoét sâu vào tim, khiến ông ta đau đớn không chịu nổi, vết thương trên mình ông không ngừng chảy máu. Tuy nhiên ông ta không thể không thừa nhận rằng: những điều Phiếm Khải nói ra, tất cả đều sự thực, không hề có chút nào là giả dối, bịa đặt, không những thế, thái độ lại rất trung

thực, nhiệt tình hừng hực như lửa cháy, mục đích chỉ là để chữa khỏi bệnh, đúng như người ta nói “thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng”. Thâu tóm những điều Diêu Hoán Tường vừa nói, Nang Ngoã rút ra được một điều kết luận: Anh em họ Diêu một dạ chân thành, hoàn toàn có thể tin cậy được, Hoán Tường lại có tài cán hơn người, tất sẽ rất có ích.

Phải nói rằng, Phiếm Khải nói ra mỗi câu đều đúng, sự việc nào cũng đều có thật, có điều, cũng có những lời huyền hoặc chưa thật lắm. Chẳng hạn mong Nang Ngoã ra tay cứu vãn được tình thế tồi tệ này, đem quân đến nước Ngô đánh đâu thắng đấy, đụng đến chỗ nào tan chỗ ấy, dẹp được khí thế, diệt được uy phong của nước Ngô và thôn tính được cả đất đai của họ. Chúc ông ta trở thành hổ trên núi, rồng dưới biển, phượng trên rừng, là kẻ được muôn thú nể mặt, còn dự đoán sau này vũ trụ bao la, trời đất mênh mông này rất có thể sẽ do Nang Ngoã làm chủ … và …

Phiếm Khải gặp Nang Ngoã mới chỉ là lần đầu, làm sao có thể biết được rằng ông ta có tham vọng nắm quyền bính trong nước và bá chủ thiên hạ kia chứ? Lý lẽ rất giản đơn rằng con người phần lớn đều có lòng ham muốn riêng, địa vị càng cao, quyền thế càng lớn, càng tỏ ra tham lam hơn, dã tâm càng lộ liễu hơn. Lòng tham của Nang Ngoã, thì sớm đã nổi tiếng trong thiên hạ. Sở vương có cái gì, ông ta cũng muôn có cái ấy và tất phải có cái ấy. Nang Ngoã đường đường là một lệnh doãn, đời nào ông ta lại chịu ở dưới một người như thế này? Lòng tham vô đáy, sau khi đã có được nước Sở rồi, tất nhiên sẽ lăm le nhòm ngó ra cả thiên hạ, cho nên khi Phiếm Khải rất bóng gió và tế nhị nêu ra điều sâu kín này, ông ta không những chẳng giận quá hoá cùn, ngược

lại còn coi Phiếm Khải là một người bạn tri âm hiếm có trên đời. Đã là đồ giá áo túi cơm và tầm thường mạt hạng, Nang Ngoã còn làm sao dám mong được làm hổ giữa bầy thú, làm phượng trong đàn chim và làm chúa trong trời đất? Khi Phiếm Khải chúc nguyện như vậy, lẽ nào ông ta lại không thấy chột dạ giật mình mà giận một nỗi không có nơi giấu mặt hay sao? Không, hoàn toàn không!

Bởi ở trên đời này, rất hiếm người tự biết mình thật đầy đủ. Với lại thực ra, từ xưa đến nay, những kẻ quan cao tước trọng, chưa hẳn là ai cũng có chân tài thực học, thâu tóm được trời đất, mà thường là vùi dưới đất sâu hay lấp ở sau núi. Bản thân Nang Ngoã, học vấn đã bình thường, năng lực cũng xoàng, vốn chẳng qua chỉ là một trung đại phu, chỉ chờ hai tiếng “a... a...” của Sở Bình vương trước giờ hấp hối, mà một bước lên tận mây xanh, trở thành lệnh doãn của nước Sở. Nang Ngoã đúng là ăn may, chứ nếu vào loại trí dũng song toàn, bướng bỉnh ngang ngạnh, văn võ trong triều đình nước Sở không ai hơn được ông ta thì thử hỏi lão gian thần Phí Vô Cực liệu có đưa ông ta ra làm lệnh doãn hay không, thế nên Nang Ngoã nuôi tham vọng là điều có căn cứ, không phải là hám lợi mất khôn, mơ ước viển vông đâu. Chuyện đó người bình thường nhìn không thể thấu, biết không thể hết được, nhưng Diêu Hoán Tường thì có thể nhìn thấu suốt được, và tin tưởng chắc chắn rằng không lâu nữa sẽ trở thành một hiện thực hiển nhiên, cho nên mới thành tâm chúc nguyện như thế. Và đó cũng chính là cái cớ để Nang Ngoã tin tưởng vững chắc và tận đáy lòng kính phục Diêu Hoán Tường.

Như nước vỡ bờ, ào ào cuộn chảy, sau một thôi một hồi, rốt cuộc đã nói hết mọi điều. Phiếm Khải vái Nang Ngoã một vái dài, nói:

– Những gì cần nói, tại hạ đã nói hết, có thể nói là hết nước hết cái, lâm ly đến tận cùng. Còn như đó là thật hay giả, hư hay thực, thiện hay ác, trung hay giận, xin lệnh doãn tự nhận lấy, đi hay dừng, tiến hay lùi cũng xin lệnh doãn định đoạt. Giả sử lệnh doãn nghi ngờ anh em chúng tôi là gian tế quân Ngô, tất cả là những lời xằng bậy và không có thực, mục đích là ở chỗ lừa bịp làm cho quân Sở cắn câu, có thể ngay lập tức mang chúng tôi ra xử tội chết, hoặc là làm con tin theo quân Sở, nếu phát hiện thấy bị lừa, thì sẽ đâm hàng trăm nhát, chặt ra hàng ngàn mảnh, chúng tôi chết cũng không oán…

– Sao tiên sinh lại nói thế – Nang Ngoã cũng sụp vái tận đất để đáp lễ – Nang Ngoã tôi lặn lộn trên đời hơn ba mươi năm, chưa từng gặp người nào hào hiệp và không biết run sợ, dũng cảm can trường, có tâm nhìn xa hiểu rộng, nhìn con người, sự vật và cuộc đời rõ mồn một như tiên sinh. Ngoã này nguyện kết bạn với tiên sinh, coi tiên sinh là thầy, để cùng mưu nghiệp lớn, chung hưởng vinh hoa phú quý…

– Không được! Không được! – Phiếm Khải lắc đầu xua tay – tại hạ sớm đã nói ngay từ đầu, cả đời coi thường chốn quan trường, không màng giàu sang, chỉ thích được tiêu dao thoải mái…

Bất kể là Diêu Hoán Tường có sự theo đuổi và chí thú như thế nào, Nang Ngoã vẫn cứ vái dài làm lễ nhập môn, Phiếm

Khải vội cúi xuống nâng Nang Ngoã dậy, luôn mồm nói:

– Không dám! Không dám!

Sau khi đứng thẳng dậy. Nang Ngoã đã sai người lấy bạc vàng châu báu ra, dâng lên Diêu Hoán Tường gọi là chút quà để nhận thầy, sau đó mới hỏi đến ngày sinh tháng đẻ của hai người, tôn Diêu Hoán Cát ngồi trên xe cút kít là anh, gọi Diêu Hoán Tường túc trí đa mưu, anh dũng gan dạ lại thạo đường ăn nói… là em, ba người ôm nhau vui vẻ, thân như ruột thịt.

Cho đến lúc này, Phiếm Khải mới nói với Nang Ngõa về bí mật quân sự của nước Ngô. Sau khi dụ dỗ được nước Đồng phản lại nước Sở, nước Ngô e rằng nước Sở sẽ đem quân đi hỏi tội, bèn sai quân đóng giữ kinh đô nước Đồng để chống lại quân Sở, tuy nhiên binh lực thiếu nhiều, nước Sở có thể cho quân đánh úp mà lấy. Diêu Hoán Tường nói, nếu nước Sở đưa thuỷ quân đi chinh phạt nước Ngô, quân Ngô sẽ đưa toàn bộ lực lượng đánh thuỷ ra để chống cự với quân Sở ở Trường Giang, lúc ấy quân Sở có thể ngầm sai quân trên bộ đến thẳng Thư Cưu để chinh phạt kinh đô nước Đồng. Như vậy tất phá được nước Đồng, lại được quân đội nước Ngô. Sau đó nhân dịp binh lực quân Ngô…

Nang Ngoã nghe vậy tin là thật, cho rằng Diêu Hoán Tường không những nói có lý, mà lại có mưu sâu, nên quyết định thỉnh thị Chiêu vương mang quân đi đánh nước Ngô.

Anh em nhà họ Diêu đã ở lại phủ lệnh doãn một số ngày, Nang Ngoã khoản đãi như thượng khách, sau đó còn tặng

quà rất hậu và sai quân ngầm đưa qua biên giới. Vậy thì tại sao Nang Ngoã lại chịu thả người Thư Cưu ra như thế? Bởi vì ông ta hoàn toàn không còn nghi ngờ gì những người khách không mời mà đến này nữa, đồng thời đã tiếp nhận lời đề nghị của Diêu Hoán Tường, nên mới làm như thế. Diêu Hoán Tường nói, họ ở lại trong quân Sở sẽ không có lợi cho Nang Ngoã, sau này quân Sở có thu được toàn thắng, ca khúc khải hoàn, thì công ấy là của anh em họ Diêu, chứ không phải lệnh doãn, vậy thì, những nguyện vọng tốt đẹp kia sẽ không có cách nào thực hiện. Nang Ngoã xưa nay vốn tham lam, vơ công lao người khác làm của mình, cho nên không những chịu thả cho anh em họ Diêu ra đi, hơn nữa còn mong họ nên sớm ra đi, sợ rằng họ sẽ ở lỳ không chịu đi.

Sở Chiêu vương vẫn giữ quan điểm cũ, xem chuyện mang quân đi đánh nước Ngô như chuyện không đáng quan tâm, hơn nữa, ông ta cũng chẳng còn bụng dạ nào để tâm đến những việc này, ngoài rượu ngon gái đẹp ra, gần đây ông ta lại có một thú đam mê mới là xem voi diễn trò. Cho nên khi Nang Ngoã thỉnh thị ông ta việc đem quân đi đánh nước Ngô, Chiêu vương tỏ ra khó chịu nói:

– Ái khanh là một lệnh doãn, hoàn toàn có thể tự chủ trương lấy mọi chuyện, hà tất phải hỏi ta!

Các đại thần trong triều, phần lớn có hiềm khích với Nang Ngoã, thừa biết rằng ông ta đánh Ngô tất sẽ thua, nhưng họ lại hết sức xúi giục, để xem một trò cười, đẩy cho hắn sớm đến chỗ chết. Chinh chiến liên miên, các quan võ tuy đều thấy chán ghét, mệt mỏi, nhưng lại cũng muốn nhờ chiến tranh mà lập công thăng chức, vơ vét của cải, cho nên với

chuyện mang quân đi đánh Ngô, phần lớn đều có thái độ tích cực. Khi mọi người đã không ai phản đối, công việc sẽ dễ dàng! Qua sự trù bị khẩn trương hàng loạt công việc, tướng lĩnh chọn xong lính tráng cũng tề tựu, chiến xa binh đao, khí giới, lương thực đều đầy đủ, chờ chọn ngày tốt để ra quân.

Để lung lạc tinh thần, khích lệ ý chí chiến đấu của tướng sĩ, trước buổi xuất quân một hôm, Nang Ngoã đã mở quốc tiệc để khao thưởng ba quân. Các tướng lĩnh nai nịt giáp mãng sẵn sàng đến dự tiệc, người nào người nấy tỏ ra oai vệ, hùng tráng rất có khí thế. Có người đầu thì chít khăn võ sĩ, thân khoác chiến bào, ngay lưng thắt bao da, chân đi ghệt đế mỏng bên nách trái cắp gươm báu thất tinh, bên phải đeo ống tên bằng trúc đốm. Có người thì vóc dáng cao lớn, mặt như tô đen, dáng như hổ đói, mình như bàn thạch, hai tay duỗi ra, như hai cái kèo nhà bếp, chỗ thì nhô lên, chỗ thì thụt xuống, bắp thịt cuồn cuộn, hai bàn tay xoè ra như hai cái quạt. Có người thì cao lênh khênh, lưng beo mình gấu, dưới đôi lông mày rậm là đôi mắt lấp lánh sáng như lửa, đầu chít khăn võ sĩ, mình mặc chiến bào hoa trắng, ngang lưng thắt đai da, chân đi ủng da, ngang lưng đeo cây gươm báu thất tinh…

Có người mặt đen như trôn nồi rang, đôi lông mày rậm với đôi mắt lồi càng làm cho cho mũi thêm cao, cái miệng thêm rộng, vành tai to vểnh lên, trên hàm râu vừa cứng vừa ngắn, trên đầu là chiếc mũ bằng sắt đen nhánh, trên mình cũng mặc áo giáp bằng sắt ròng trong lót áo bào đen, chân đi ủng chiến, lưng thắt cây kiếm dài. Có người cao tới một trượng, ngực rộng vai tròn, mặt vuông tai to, mặt như dũa ngọc, đôi

mày nét mác vừa sắc vừa dài, đôi mắt hổ luôn loáng loáng như chớp giật, mũi thẳng miệng vuông đầu thắt khăn võ sĩ màu lam nhạt điểm hoa trắng, thân mặc chiến bào cũng màu lam nhạt xen hoa trắng, lưng thắt đai da, chân đi ủng đế mỏng, ngang lưng đeo kiếm ròng rọc.

Có người vừa cao vừa lớn mặt mày tráng trẻo, lông mày mỏng, mắt như mắt báo, mũi như mũi sư tử, miệng rộng với vòm râu lún phún nơi cằm tương xứng đôi tai vừa vểnh vừa to, mình mặc giáp bạc. Có người đứng cao tới ngoài tám thước, mặt ranh như mặt thú, đôi mày như hai cái chổi, mắt hổ, mũi sư tử, miệng báo, dưới cằm là bộ râu thép được cắt ngắn, đôi tai to vểnh lên dưới vành mũ kim khôi, trên mình khoác áo giáp ghép bằng những mảnh màu vàng chói, trong mặc áo lót màu xanh da trời, chân đi đôi hài đầu hổ…

Những võ sĩ đó mà đất nước nào có được, đương nhiên là không ai thắng nổi, đã đánh là chắc thắng, không chịu thua ai! Ấy thế mà không hiểu sao lại cứ thất bại liên tục? Bữa tiệc cũng có rất nhiều điểm đặc sắc, các món ăn đều làm từ cá nên gọi là “tiệc lớn toàn cá”. Chỗ này có một chuyện lý thú, cá là ngư, thừa là dư, mà trong tiếng Hán, ngư với dư cùng âm, cho nên làm bữa tiệc toàn là cá (ngư) để mong quân gặp may, giết được nhiều địch, (là có dư) thứ thừa được cũng “dư”, chiếm đất cũng nhiều (dư) giành thắng lợi cũng nhiều, mà diệt quân Ngô cũng nhiều. Bữa tiệc toàn cá quả là không bình thường, với đủ các loại cá, nào cá vền, cá bạc, cá chép, cá rô, cá đao, cá đối, cá trôi, cá mè, cá mạn, cá lư … toàn là những thứ cá quý hiếm. Các loại cá ấy, lại chế biến thành đủ loại món ăn cầu kỳ, như cắt thành miếng, thành sợi, thành lát rồi giã chả băm viên, lại còn xào nấu theo các kiểu khác

nhau, nào hồng xíu, nào hầm, nào tần, nào rán, nào hấp dấm, xào ớt, chua ngọt nào vừa mặn vừa cay, vừa mặn vừa ngọt…

Màu sắc cũng đủ loại khác nhau: thôi thì đủ cả vàng trắng đen xanh, chẳng thiếu thứ gì, đúng là năm màu phô sắc, đủ vị khoe ngon. Món ăn đã phong phú và sang trọng như vậy, rượu ngon càng không thể thiếu, người nọ mời người kia, chúc nhau liên tục, rồi cá cược nhau, đua tranh nhau mà uống, say lử mới thôi. Giờ Mão ngày hôm sau, điểm binh trên thao trường, rồi tế cờ, rồi tuyên thệ, sau đó mới xếp hàng, thuỷ lục cùng tiến. Từ nay đã thấy bóng tinh kỳ phấp phới, tù và rúc rền vang, ánh thép sáng ngời, người hăng ngựa khoẻ. Nang Ngoã thân chinh cầm đầu thuỷ quân ra khỏi mái Dự Chương, đi về phía nam chinh phạt nước Ngô, công tử Phồn dẫn lục quân ngầm ra Hoài Hà, qua Lục An vào Thư Cưu để đánh úp nước Đồng.



Kế Man thiên quá hải

+ Giải nghĩa: Giấu trời qua biển, lợi dụng sương mù để lẩn trốn
+ Điển cố: Gia Cát Lượng dùng một biến thể là kế Thuyền cỏ mượn tên để lừa lấy tên của Tào Tháo trong trận Xích Bích.

CHƯƠNG XXIV

NƯỚC NGÔ GẶP NẠN NƯỚC SỞ TIẾN QUÂN

Năm Hạp Lư thứ sáu, tức là năm 508 trước công nguyên, nước Ngô đã trải qua một trận thiên tai hiếm thấy trong lịch sử. Giữa mùa hè mưa lũ gây thành hoạ, sông ngòi vùng Thái Hồ không nơi nào là không ngập tràn nước lũ, nhà cửa làng mạc bị nhấn chìm, ruộng vườn hoa màu bị huỷ hoại, người và súc vật bị chết chìm không biết bao nhiêu mà kể. Đến mùa thu thì giặc châu chấu phá hại, những ruộng lúa nào còn sót lại sau lụt, lúc này bỗng trở thành thức ăn cho hàng đàn châu chấu, thu hoạch mùa màng năm ấy chỉ còn không đáng là bao. Nước lấy lương làm gốc, dân dĩ thực vi tiên, nạn đói đe doạ nghiêm trọng nhân dân nước Ngô, về một ý nghĩa nào đó mà nói, nó còn tàn khốc hơn cả chiến tranh. Làm thế nào sống cho qua cơn hoạn nạn này? Chư hầu trong thiên hạ liệu có nhân lúc này thừa gió bẻ măng? Nước Sở lớn mạnh liệu có thừa cơ đánh vào, phương lược làm suy yếu nước Sở, làm chậm trễ nước Sở có nên tiếp tục thực hiện nữa không? Việc chinh phạt toàn diện nước Sở liệu có còn hy vọng gì không? Như thế là hiện thực tàn khốc bày ra trước mắt vua tôi triều đình nước Ngô.

Ngô vương Hạp Lư dù sao cũng là một ông vua giỏi, bên cạnh lại có những người như Tôn Tử, Ngũ Tử Tư, Phu Khái phò tá, vua tôi một lòng, trên dưới một khối, cùng nhau vượt khó khăn. Họ đã áp dụng hàng loạt biện pháp để phòng chống thiên tai, khôi phục sản xuất, cố gắng không chịu cúi

đầu trước khó khăn, không chịu cúi mình, không run chân, khiến nước Sở mạnh và mọi nước chư hầu trong thiên hạ đều không dám nhòm ngó, không được có tư tưởng yên phận thủ thường. Việc đầu tiên là Hạp Lư đã giảm chi phí cung đình một lượng lớn. Giảm bớt những nhân viên không cần thiết như cung nga, vũ nữ, đội nhạc, nội thị và hoàng thân quốc thích ăn không ngồi rồi trong cung đình cũng từng đợt một được đuổi ra khỏi cung cấm. Mặt khác cũng rút bớt những đồ dùng xa xỉ, hạn chế việc ăn, mặc đi lại, các bậc quan lại từ quốc vương trở xuống, ăn cơm loại nào, mặc áo gì, ở nhà thế nào, ngồi xe thế nào... đều có sự quy định chặt chẽ. Bổng lộc cũng rút đi một nửa, đến mức chỉ bảo đảm vừa đủ sống.

Nước Ngô ở địa thế là quê hương của lúa gạo và tôm cá ở phía nam, nhất là khu vực Thái Hồ, được mệnh danh là vựa lúa, nhiều năm liền luôn mưa thuận gió hoà, từ sau khi trừng trị bọn hủ bại trở đi, rất ít khi xảy ra lãng phí, thế nên lương thực dự trữ trong kho nhà nước rất phong phú. Hạp Lư ban chiếu chỉ trong cả nước, trên cơ sở thống kê chính xác và tính toán, kỹ lưỡng, hãy nhanh chóng mở kho để cứu tế cho dân. Ở các nơi đâu đâu cũng có những ông chủ và bọn nhà giàu, số lượng thực mà họ tích trữ được thường rất lớn, có những người thậm chí không kém gì kho nhà nước ở địa phương. Những kho lẫm như thế chẳng khác gì như sao trong màn trời đêm, thôn xóm nào cũng có. Hạp Lư hạ lệnh, tất cả những kho lẫm lớn nhỏ như vậy, nhất loạt quốc hữu hoá, rồi đem chẩn tế cho dân vùng thiên tai, ai làm trái lệnh, sẽ bị nghiêm trị!

Cứ như thế, cả nước từ trên xuống dưới, với nguyên tắc bớt ăn bớt mặc, về căn bản đã có thể no bụng, còn thiếu đôi chút, cố gắng xuất tiền của trong kho nhà nước, sang nước láng giềng thân thiện mua thêm lương thực và vải vóc. Trong ba năm không xây dựng gì thêm, nhà công nhường ra một phần cho dân ở. Tuy vậy, nhưng không cắt giảm chi phí về quân sự. Tôn Tử nhấn mạnh, các tướng lĩnh và sĩ quan các cấp, kể cả bản thân ông, sau khi đã cắt giảm bổng lộc, sẽ phải cùng ăn, cùng ở, cùng tập luyện, cùng sống chết, chung vận mệnh với toàn thể binh lính, không được có một chút gì tỏ ra ưu đãi đặc biệt, trong quá trình quan quân cùng với nhau như thế, đã nảy sinh ra vô vàn những câu chuyện xúc động đáng ca ngợi.

Trương Tương Cát là một sĩ quan cấp thấp ở đơn vị nọ, cấp bậc tương đương như đại đội trưởng trong quân đội bây giờ, có một đêm, vào giờ Hợi, anh ta dậy đi tiểu, bỗng phát hiện thấy trong phòng vắng mặt một người lính tên là Triệu A Đông. Lúc đầu, anh cũng ngỡ rằng Triệu A Đông chắc là bụng dạ thế nào đó nên ra nhà xí thôi chứ chẳng đi đâu xa. Nhưng đến khi ra nhà xí quay về, vẫn không thấy người lính ấy trở lại, Trương Tương Cát bỗng chột dạ. Nửa đêm gà gáy, anh không muốn làm mất giấc ngủ của mọi người, bèn rón rén về chỗ nằm của mình, im lặng chờ thêm lát nữa. Sau cùng không thể đợi thêm được nữa, Trương Tương Cát liền đánh thức mọi người dậy để hỏi xem Triệu A Đông đi đâu, những người khác đều lắc đầu không biết.

Một người lính hàng ngày thân mật gần gũi với Triệu A Đông nhất nói, ba hôm trước có một người đồng hương đến gặp Triệu A Đông, từ đó thấy anh ta trở nên ít nói, âu sầu

buồn bã, trong mắt anh luôn ứa lệ, hỏi anh có việc gì thương tâm đến thế, anh cũng không chịu nói ra. Thấy mọi người chẳng ai biết gì chuyện này, nên cứ tạm để yên thế đã, chờ hôm sau trời sáng rồi sẽ đi tìm. Trương Tương Cát ngả lưng nằm xuống mà như nằm phải gai, trăn trở mãi không tài nào chợp mắt. Nằm đây trằn trọc mà chịu tội, chẳng thà dậy quách cho xong rồi đi ra ngoài thử tìm xem. Rất có thể vì chinh chiến nhiều năm, tận mắt nhìn thấy bạn bè mình theo nhau ngã xuống, mỗi lúc như thế, Trương Tương Cát thường hay nghĩ đến khía cạnh xấu nhiều hơn, trong óc anh chẳng hiểu tại sao toàn hiện ra những dự cảm không hay, và không lâu sau, dự cảm đó thường trở thành hiện thực sờ sờ trước mắt. Anh nghĩ rằng, người đồng hương đến tìm Triệu A Đông ba hôm trước, nhất định như mọi người dự đoán rằng đã mang đến cho anh ta một tin gì không lành, cho nên mới khiến anh ta rưng rưng nước mắt mất hồn mất vía như thế. Anh thực sự lo cho Triệu A Đông không chịu nổi trận đòn tình cảm đến bất ngờ như thế này, chẳng may nếu có bề nào…

Vừa nghĩ thế, Trương Tương Cát vừa rảo bước chân. Ngõ phố ngoằn ngoèo, màn đêm bao la, Trương Tương Cát phóng tầm mắt đi tìm ở mọi phía không có mục tiêu nào rõ ràng, hầu như mỗi một ánh sao mập mờ đều là một tia hy vọng, mong sao trong ánh mập mờ đó tìm ra được một dấu vết gì chăng. Bỗng nhiên anh phát hiện thấy từ trong một căn phòng thấp bé cách đó không xa ở phía trước lọt ra một ánh đèn leo lét, có khi Triệu A Đông đang ở đó cũng nên. Một tia sáng chợt loé lên trong đầu, không kịp nghĩ gì thêm, mặc cho dưới chân mặt đường khấp khểnh khiến anh mấy

lần xuýt ngã, Trương Tương Cát bước như bay về phía nguồn sáng hy vọng mong manh đó…

Đó là một gian đặt cối xay của nhà nông. Đại để gian xay lúa của miền nam cũng từa tựa như gian đặt cối xay bột của miền Bắc, vì số lượng lúa mì được trồng chỉ có hạn nên có khi hàng chục nhà mới chung một chiếc cối xay, một thôn xóm chừng trăm hộ, có khi cũng chỉ có một vài nơi. Những nhà để cối xay phần lớn là cửa sổ mà không có cửa đi, cũng chẳng có ai trông coi. Bởi vì nó quan hệ đến quyền lợi của làng trên xóm dưới, cho nên ai cũng quan tâm giữ gìn, nếu có hư hỏng gì, bất kể lúc nào cũng thường có người lặng lẽ tu sửa. Khi Trương Tương Cát bước vào gian nhà cối xay, Triệu A Đông đang ngồi trên một khúc gỗ, quay mặt vào cối xay, hai cùi tay tì lên đó và hai bàn tay chống vào má nước mắt nối nhau chảy ròng ròng, nhỏ ướt đẫm vuông lụa trước mặt, bên cạnh vuông lụa là đĩa đèn dầu, leo lét, chập chờn, như thể muốn tắt, chiếu lên khuôn mặt đầy nước mắt, bi ai và cô đơn, càng tỏ ra tối tăm và nhợt nhạt. Chợt nghe thấy có tiếng chân người bước tới, Triệu A Đông vội vàng định giấu vuông lụa kia vào trong tay áo, thế nhưng đã không kịp nữa. Anh ta ngẩng lên nhìn trộm thấy người bước đến chỗ mình lại chính là cấp trên trực tiếp của mình, liền lặng im đứng dậy, hai tay thõng xuống, đầu cúi gằm, không biết làm gì hơn. Trương Tương Cát không hề trách mắng, thái độ rất hoà nhã, chỉ tay vào vuông lụa hỏi:

– Cái gì đó? Có thể cho ta xem được không?

Triệu A Đông gật đầu tỏ vẻ đồng ý.

Trương Tương Cát cầm vuông lụa lên, cúi sát xuống ánh đèn đọc cho rõ, càng đọc càng thấy xúc động và bất giác rơi nước mắt. Quả đúng như lời người lính kia đã đoán, vuông lụa ấy chính là bức thư nhà mà ba hôm trước người đồng hương của Triệu A Đông mang đến cho anh ta, trong thư nói rằng ông bà của A Đông bị trận lụt mùa hè vừa qua cướp đi tính mạng hai người một lúc. Trước đó không lâu, mẹ anh ta cũng vừa mới qua đời, hiện cha anh đang ốm liệt giường, luôn mong nhớ con, mong A Đông mau mau về nhà một chuyến để trước khi lìa đời được thấy mặt con mình lần cuối, vả lại ông còn có nhiều điều muốn nói với con, những công việc còn lại cũng muốn dặn lại con. Sao lại có một bức thư nhà như thế đúng là chữ nào cũng rớm máu, dòng nào cũng đẫm nước mắt, tựa như cả một ngọn núi Thái Sơn đã đè ụp lên đầu anh lính trẻ mới có mười tám tuổi đầu. Như thế làm gì chẳng khiến cho anh ta choáng váng, hồn xiêu phách lạc kia chứ? Anh những muốn mọc cánh mà bay ngay về bên người cha đang hấp hối để bón cơm đổ cháo, lo thuốc thang cho ông, tận chữ hiếu của một người con. Tuy nhiên chẳng còn bao lâu nữa sẽ đánh toàn diện vào nước Sở, mình làm sao có thể bỏ đi lúc này được? Anh ta rất muốn viết một lá thư cho người ấy nhân tiện mang giúp về nhà mình, giải thích lý do tại sao không thể về nhà. Xưa nay cha là một con người rất thông tình đạt lý, tin rằng người sẽ thông cảm và tha thứ cho con cái của mình bởi vì xưa nay trung với hiếu rất khó vẹn toàn cả hai. Anh ta mượn của người dân được ngọn đèn dầu, lẻn ra gian cối xay này, xót xa ngồi chầu chực đến nửa đêm, đĩa dầu gần như cạn hết, vậy mà cũng chưa viết được chữ nào…

Nghe những lời kể lể chứa chan nước mắt khổ đau của Triệu A Đông, Trương Tương Cát xít xoa than thở mãi, đây là một người lính hết sức đáng mến. Nhớ lại ba tháng trước, chính người lính mười tám tuổi đời này, đã một mình trên thuyền ba ngày ba đêm liền lênh đênh trên Hoàng Thang mênh mang, cứu sống hàng trăm dân lành bị nước lũ cuốn đi, trong đó có những đứa trẻ còn oa oa đòi bú, cũng có cả cụ già bảy tám mươi tuổi… cuối cùng chính anh ta lại mệt lả trên thuyền. Nào có ai ngờ, chính những lúc Triệu A Đông mang hết sức mình đi cứu vớt những cụ già mà mình không hề quen biết đó, thì ông bà của mình lại bị nước lũ nhấn chìm, những lúc ấy mới thấy người lính này đáng quý làm sao!

Trương Tương Cát không khảng khái ồn ào bày tỏ tình cảm xúc động của mình, mà im lặng dìu người lính của mình trở lại phòng ngủ, đánh thức tất cả những người lính đang ngủ say trở dậy, tụ họp lại với nhau. Trước đông đảo mọi người Trương Tương Cát đã đọc lại bức thư nhà của Triệu A Đông, nói rõ đầu cuối ngọn ngành câu chuyện, những người lính có mặt ai cũng cảm động đến rơi nước mắt. Đến lúc này Tương Trương Cát mới khảng khái mở hầu bao ra, những người lính khác cũng nhao nhao xin đóng góp, nhiều cây góp mãi cũng nên rừng, tuy vào giữa thời buổi tai hoạ hoành hành, quân nhu bị cắt giảm nhưng mọi người cũng gom được một món tiền kha khá, để Triệu A Đông đem về nhà, thăm người cha đang hấp hối, từng giờ từng khắc trông mong, Triệu A Đông cảm động không sao cầm nổi nước mắt, rập đầu lia lịa cảm ơn.

Trương Tương Cát, vốn là một sĩ quan cấp thấp không đủ thẩm quyền cho lính của mình về, phải hỏi lên cấp trên, dần

dần hỏi lên đến chỗ Tôn Tử, chẳng những ông vui vẻ phê chuẩn mà còn thông báo trong toàn quân về biểu hiện tốt đẹp ấy của Triệu A Đông cũng như sự quan tâm đến chiến sĩ, biết thông cảm với người khác của Trương Tương Cát. Không lâu sau, câu chuyện trên đã được đồn đại xôn xao trong quân đội, mỗi người lính đều thấy cảm động trong lòng, đồng thời có tác động thúc đẩy đối với sĩ quan các cấp.

Vào một ngày cuối thu, Tôn Tử mở cuộc họp tướng soái và quân lính tại núi Thiên Trì để xử quân tá Diệp Nam Tân.

Theo chế độ nhà Chu, thiên tử thì có lục quân, nước lớn trong chư hầu thì có ba quân, mỗi một quân có một vạn hai nghìn năm trăm người, như nước Tấn thì gọi là trung quân, thượng quân, hạ quân. Nước Sở thì gọi là trung quân, tả quân, hữu quân. Ba nước Tề, Lỗ, Ngô thì đặt ra ba quân là thượng, trung, hạ. Trong ba quân, đều có đặt ra tướng, tá và trung quân tướng làm thống soái trong ba quân. Tá, cứ nghe tên cũng biết, là làm công việc phò tá trong quân đội việc hậu cần, tiền nong, lương hưởng trong quân, Diệp Nam Tân là tá trong lục quân nước Ngô.

Quân lính ở rải ra theo thế núi, trong hẻm sâu trên sườn núi, giữa các tảng đá xanh, trong rừng phong, dưới gốc thông già… đâu đâu cũng thấy người, tầng tầng lớp lớp, chồng chéo lên nhau dày đặc Lính tráng người nào người nấy lăm lăm khí giới trên tay, giáp mãng nai nịt gòn gàng, từng đội một từng hàng một đứng nghiêm trang. Gió thu lạnh lẽo thổi ào ào qua thung lũng, lướt qua đèo phong, rừng phong như đang rực lửa và lá phong rạp xuống từng đợt như mây cuộn sóng đưa. Gió qua rừng thông, lá thông reo ào ào, sục

sôi lên như nổi giận. Khi mặt trời như bò lên mỏm núi phía đông, hạ quân tướng Chuyên Nghị bước lên một tảng đá xanh vuông, tuyên bố cuộc họp bắt đầu, mời Tôn Nguyên soái nói chuyện. Tảng đá lớn ấy nằm ở ngang lưng núi Thiên Trì, hình thành một cái bục thiên tạo để đứng nói chuyện, trên dưới, bên phải bên trái đều là các tướng sĩ. Tôn Tử đứng trên bục đá ngửa đầu vươn ngực ra và quay sang các hướng, mọi người như các vì sao vây quanh mặt trăng. Tôn Tử đặt tên cho cuộc họp này là đại hội tuyên bố tội trạng của Diệp Nam Tân, phán hắn tử hình.

Trước khi tuyên phán, Tôn Tử đã nói một hồi dài, nhắc đến mức độ nặng nề của cơn tai hoạ vừa qua, cảnh ngộ gian nan vất vả của quân dân nước Ngô cùng những thành tựu vẻ vang mà cả nước từ trên xuống dưới đã giành được trong cuộc chống chọi với thiên tai, đồng thời nhắc đến tinh thần cao cả quân dân nước Ngô trong huấn luyện quân sự cũng như những nhiệm vụ nặng nề sắp tới và những sự tích anh hùng không ngừng xuất hiện trong hàng ngũ quân đội. Trước lúc tuyên phán, võ sĩ hùng dũng áp giải Diệp Nam Tân ra chỗ tảng đá, hắn mình bị trói, chân bị xiềng, trên cổ cài lá cờ lưu đầy, quỳ hai gối xuống đất, quay mặt về phía đông đảo tướng sĩ. Tôn Tử sa sầm nét mặt, tiếng nói khô đặc và run lên từng lời như ứa máu, như đẫm nước mắt tuyên bố tội trạng của hắn.

Tôn Tử đến tạm trú với hạ quân, cùng ăn uống với anh em binh lính, phát hiện thấy mức ăn ở đây kém xa hai quân thượng và trung, thấy lạ bèn tổ chức cho người đi xác minh và ngầm dò hỏi, tìm ra nguyên nhân. Thì ra Diệp Nam Tân đã ỷ vào quyền thế, cắt bớt khẩu phần của binh lính, ăn lạm

vào lương hưởng của tướng sĩ, dùng tiền của chiếm được một cách phi pháp đó hoặc là đem cho những người dân túng đói vay nặng lãi hoặc là mua tích trữ lương thực rồi bán ra với giá cao, thu lời lớn phát tài trên tai hoạ của đất nước. Về việc đó, Chuyên Nghị không phải là không hay biết, nhưng ngặt vì còn nể tình với Tôn Tử, nên làm như không hay biết gì, để cho Diệp Nam Tân được thể làm càn, không nể sợ gì ai. Tại sao lại "ngặt vì còn nể tình với Tôn Tử"? Bởi vì Diệp Nam Tân là ân nhân cứu mạng của Tôn Tử, cũng vì thế nên Tôn Tử mới đưa hắn vào quân đội, sắp xếp hắn ở vào vị trí quan trọng.

Trong toàn quân từ trên xuống dưới không ai không biết mối quan hệ đó cho nên hết sức kính trọng hắn, cũng chính vì thế mà hắn càng trở nên tự cao tự đại, ngông nghênh càn dỡ, khiến cho dân chúng oán giận xôn xao. Tôn Tử chủ trì công tác trong ba quân, lại kiêm cả chức phận của thừa tướng, hàng ngày trăm công ngàn việc, bận đến bù đầu, đương nhiên là biết rất ít về việc này. Nếu như không có việc gặp thiên tai mà tướng sĩ phải ba cùng, thì e rằng Tôn Tử sẽ mãi mãi bị bưng bít và bị hắn ta bôi nhọ mất thanh danh. Kể xong mọi tội trạng, Tôn Tử phán xử Diệp Nam Tân tội tử hình và lập tức thi hành. Diệp Nam Tân nghe thấy thế, rập đầu lia lịa xin tha. Hắn thừa nhận rằng mình thật là đắc tội, có chết cũng đúng, nhưng mong Tôn Tử nhớ đến tình cũ nghĩa xưa, tha thứ cho hắn một lần chết, để hắn có điều kiện lập công chuộc tội trả ơn cho đất nước. Nghe những lời nài nỉ đáng thương hại, các võ sĩ áp giải hầu như nới lỏng tay, rồi lại có mấy vị tướng lĩnh bước lên trước quỳ xin tha tội. cho hắn. Tôn Tử đã ngoảnh khuôn mặt lạnh tanh và tím bầm như sắt đi chỗ khác, không hề nhúc nhích, ông quả

quyết xua tay, các võ sĩ đã xốc vào nách Diệp Nam Tân lúc này đã mềm nhũn như một tàu lá héo, kéo như kéo một con chó chết ra ngoài thung lũng, theo sát phía sau là mấy đao phủ cầm trên tay lưỡi đao sáng loáng. Một lát sau, từ phía sau thung lũng vẳng lại một tiếng kêu thảm thiết của kẻ bị chém đầu. Tôn Tử quay ngoắt đi, đầu cúi xuống, hai mắt rưng rưng lệ…

Đó là những ngày đầu khi Tôn Vũ từ nước Tề sang Ngô, đến ẩn tại núi Khung Long, để kết hợp núi non sông nước và địa hình địa mạo cũng như hoàn cảnh tự nhiên của miền nam, để sửa chữa thêm mười ba bài "binh pháp". Tôn Vũ đã đóng giả làm tiền phu hay người đi hái thuốc, để đi được khắp mọi nơi. Một hôm, ông lặn lội vất vả đến ngang lưng núi Thiên Trì đã mỏi mệt rã rời, ngẩng đầu lên, thấy phía trên có một tảng đá xanh vuông vắn, tựa như một chiếc giường, bất giác dấn thêm vài bước nữa, leo lên tảng đá ấy, tháo bỏ cái dậu đan bằng trúc đeo trên lưng, lấy lương khô và bình nước ra chuẩn bị ăn trưa. Tôn Vũ lúc ấy tuy còn ít tuổi lại tập luyện võ công ngay từ nhỏ cho nên có thể nói sức khỏe như trâu, thế nhưng khi ở quê nhà, ra khỏi cửa đi đến đâu cũng chỉ là một giải đất bằng, rất ít khi trèo đèo vượt suối, nếu phải đi đường núi, đều tỏ ra không quen.

Khi đi chu du thiên hạ, khảo sát những chiến trường xưa, tuy cũng đã từng có phen được nếm mùi đi đường núi, thế nhưng lại phần lớn là cưỡi ngựa ngồi xe, thời gian lại rộng rãi và thoải mái, khi đi khi nghỉ, như người đi chơi, không như lúc này, ngày ngày bắt buộc phải sáng đi tối về. Lúc mới bước lên tảng đá thấy gối mỏi chân chồn thật đấy, nhưng cũng còn gắng gượng được, nhưng đến khi ăn qua loa xong

bữa cơm trưa, vừa mới nghỉ được một chút, bỗng thấy toàn thân bủn rủn, hơn nữa cơn buồn ngủ ở đâu ập đến, mi mắt cứ như dính chặt lấy nhau. Thấy trời cũng còn sớm, có ngủ trưa một giấc rồi dậy đi tiếp cũng chưa muộn. Tôn Vũ cởi khăn gói đeo ở ngang lưng làm gối, dùng tản đá làm giường, đặt mình xuống là ngủ. Không biết thiếp đi bao lâu, chợt một cơn gió xoáy thổi tới làm Tôn Vũ giật mình, vội vàng nhổm ngay dậy, chợt thấy cơn gió này có gì đó khác thường, âm u đáng sợ, khiến người ta phải sởn gai ốc, luồng gió bắc ập tới ấy mang theo một mùi tanh hôi rất khó chịu. Phải chăng là có hổ… Tôn Vũ không kịp nghĩ tiếp, bỗng một tiếng gầm vang long trời lở đất, cùng lúc ấy, một con hổ vằn từ đỉnh núi ầm ầm lao tới, chồm tới chỗ tảng đá xanh, nhe nanh há miệng, luồng khí từ nơi con hỏi ùa tới khiến Tôn Vũ lảo đảo. Nhưng Tôn Vũ cũng không hổ là một nhà binh pháp có tầm cỡ, gặp sự việc bất chợt không hề hoang mang, mà khéo léo xoay chuyển.

Nếu so sức khỏe, có đến mười Tôn Vũ cũng chẳng địch nổi con mãnh hổ này, nhưng con người vốn là chúa của muôn loài, trí khôn đương nhiên là phải gấp hàng chục lần dã thú, làm sao lại không thể thắng nổi một con vật! Tôn Vũ có niềm tự tin như vậy. Hơn nữa, lại vốn là người có tập tành qua võ nghệ, phản ứng mau lẹ, chân tay hoạt bát, Tôn Vũ liền rút thanh đoản kiếm vẫn giắt bên sườn, dùng hết sức bình sinh phóng thẳng về phía con hổ, con vật bị trúng mũi kiếm, đau đớn gục đầu xuống đất muốn gạt bật lưỡi kiếm đi. Nhân dịp đó, Tôn Tử đã lẻn vào khu rừng rậm gần đó. Là một con vật to kềnh càng, con hổ lao vào rừng cây, cử động gặp khó khăn, chẳng khác gì anh hùng không có nơi dụng võ, Tôn Vũ lại nhân dịp ấy leo lên một cây cao. Cây đã cao, lại

rất mảnh mai, con hổ vồ lên cây, cả thân cây như muốn đổ rạp. Con hổ nhảy lên như thế mấy lần, cây cao đu đưa như muốn đổ, Tôn Vũ ở trên ngọn cây cũng mấy lần chực rơi. Chỉ một lúc nữa, con hổ rồi sẽ đu đổ thân cây kia, Tôn Vũ sẽ là miếng mồi ngon nhét đầy cái bụng đói của con mãnh thú, thì có chuyện xảy ra…

Ở hiền gặp lành, giữa lúc tính mạng ngàn cân treo sợi tóc như vậy, bỗng có một chàng thợ săn mình gấu lưng beo tay cầm cây thương dài, từ trong bụi rậm xông vào rừng cây, nhằm vào mông con hổ đói lao một nhát. Con hổ đau đớn quằn quại mấy vòng trên bãi cỏ, lồng lộn lên, bỏ mặc Tôn Vũ trên cây, quay lại lao tới chỗ người thợ săn. Người ấy không hề chạy trốn mà ung dung rút từ trong tay áo ra mũi phi tiêu có tẩm thuốc độc, nhằm đúng lúc con hổ há miệng gầm ghè, đã lao thẳng mũi tiêu vào miệng nó, cắm trúng vào lưỡi, chất độc cực mạnh ngấm nước bọt xuôi xuống bụng hổ, theo mạch máu truyền khắp toàn thân. Con hổ vừa bị thương vừa bị ngấm độc, trước còn lăn lóc giãy giụa, sau thở rống lên và co giật, cuối cùng chỉ còn là cái xác cứng đờ, không cựa quậy được nữa. Người thợ săn mình gấu lưng beo ấy không phải ai khác, mà chính là Diệp Nam Tân. Tôn Vũ hết sức cảm ơn và đã dùng quà tặng rất hậu để đền ơn, Diệp Nam Tân thề chết cũng không chịu nhận, hai người từ đó mới trở nên đôi bạn chí cốt.

Sau khi Tôn Vũ hạ sơn, để trả ơn Diệp Nam Tân đã từng cứu sống mình, bèn đưa hắn vào quân đội và giao cho chức vụ quan trọng, không ngờ lại có kết cục bi thảm như ngày hôm nay. Phải chăng Tôn Tử là hạng người bạc tình bất nghĩa, đổi ơn thành oán hay sao?

Ơn cứu sống là tình cảm riêng tư, chấp hành pháp lệnh như sơn là nghĩa vụ chung, hai thứ ấy không thể nào lẫn lộn được với nhau, cho nên vì đại nghĩa gác bỏ tình thân xưa nay vẫn được coi là nét đẹp truyền thống? Cuộc tuyên phán hôm nay, sở dĩ Tôn Tử lại cho tiến hành ngay tại nơi Diệp Nam Tân đã cứu sống mình, chính là để nêu cao nét đẹp đồng thời là một lời tuyên bố ngầm với tất cả các tướng sĩ trong quân đội của mình rằng: Luật pháp không vì tình, bất kể là ai, hễ cứ phạm vào pháp luật, cũng đều phải trị tội như nhau.

***

Lại nói mùa thu năm Hạp Lư thứ 7, tức là năm 508 trước công nguyên, do bị hai anh em họ Diêu người Thư Cưu dụ dỗ, hữu doãn nước Sở là Nang Ngõa đã dấy quân đi đánh nước Ngô. Đại quân từ núi Dự Chương hạ sơn đi xuống phía nam, thuyền lớn, thuyền bé, chiến hạm, thuyền rồng dăng hàng trên mặt sông, nối đuôi nhau như một bầy cá, tinh kỳ phấp phới, trống giục lệnh vang, rầm rầm rộ rộ, khí thế oai nghiêm vô cùng…

Nang Ngoã và các bộ tướng của mình, ở mãi Sính đô quen sống xa xỉ hoang phí, khó chịu được sự kham khổ trong quân ngũ, tuy hành quân đi đánh trận, nhưng vẫn mang theo hàng chục ca kỹ, để dọc đường hưởng lạc mua vui. Ấy thế họ vẫn chưa cho là đủ, trên dọc đường, dấu chân họ đặt đến đâu là y như ở đấy xảy ra chuyện cướp bóc của cải lương thực, bắt bớ con gái nhà lành. Họ dừng lại thôn xóm nào, cùng thả lỏng cho binh lính của mình đi hãm hiếp vợ con

người ta, trăm họ nhìn quân Sở như thấy ác thú, như gặp nước lũ, tranh nhau tránh cho xa. Nếu có người con gái không may nào rơi vào nanh vuốt chúng, hãm hiếp xong, chúng liền vứt xuống sông để thủ tiêu, đi tìm lạc thú khác. Nang Ngoã còn ra lệnh trong toàn quân là kẻ nào cướp được tiền của và gái đẹp, đều phải đưa lên để lệnh doãn xem qua, để chọn của quý, làm của riêng mình, còn thừa rồi mới phân xuống cấp dưới. Bởi thế, mỗi lần kéo quân đi Nang Ngoã đều được hưởng thụ những khoản chơi bời, thu được những món tiền của lớn lao hơn nhiều so với lúc ở Sính đô. Đó cũng là điều căn bản khiến hắn thích gây chiến tranh.

Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng, đó là câu danh ngôn chí lý xưa nay, nhưng trên đời vẫn còn sự tồn tại của hoa sen ngâm trong bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Thiếu tư mã Cừ Viễn chính là một ông quan thanh liêm, một vị tướng hiền tài. Bắt đầu từ thời Tây Chu có đặt ra chức quan tư mã, đến thời Xuân Thu chiến quốc cũng vẫn đặt theo, ngoài nắm việc quân chính, còn kiêm cả việc quản lý và giáo dục quân đội, tức là chức quan cao nhất trị vì quân đội, người giúp việc cho tư mã gọi là thiếu tư mã, Cừ Viễn là một lão thần tuổi đã tám mươi, từng là quan cùng triều với ông của Ngũ Viên là thượng đại phu Ngũ Lâm, phò tá Sở Linh vương, xứng đáng là nguyên lão của ba triều. Tuổi cao, tư cách cũng già dặn, ấy thế nhưng lại luôn bất đắc chí, thời Bình vương đã bị thái sư Phí Vô Cực bài xích, đến thời Chiêu vương lại bị quốc trượng Diêm Hoài Viễn đả kích, nếu không, một bầy tôi với tuổi cao như đèn tàn trước gió, việc gì còn phải chinh chiến trên lưng ngựa thế này. Cừ Viễn thừa biết mình là lớp người già như cây mục, cập kề miệng lỗ rồi, khó có thể làm gì với tình hình lúc này của quân Sở, thế nên từ ngày cất quân trở đi, luôn

nín hơi nhắm mắt, đối với mọi việc quanh mình cứ như nhìn mà không thấy, nghe mà không tường, đành chịu làm một kẻ sống thừa, một cái xác biết đi. Nang Ngoã cũng chẳng hề để tâm việc ấy, cứ làm như không có con người này đang tồn tại bên mình.

Tuy nhiên lòng trung với vua của Cừ Viễn thì không hề thay đổi, chí đền nợ nước vẫn còn, tính thẳng thắn không xu nịnh vẫn chưa thay đổi, cứ ngụy trang đóng kịch mãi thế này e không được lâu, nín nhịn dù sao cũng chỉ có mức độ, nên những điều nhơ bẩn trong quân đội khiến ông không sao mở mắt ra được. Những sự bỉ ổi trong quân lúc này khiến ông thấy ngột ngạt khó thở. Những hiện tượng thối nát trong quân khiến ông tức giận. Cừ Viễn một đời căm ghét cái ác như kẻ thù, sức mấy lại chịu làm một thứ cây mục, một thứ ung nhọt tê liệt và bất nhân như thế, ông không thể chịu đựng thêm được nữa, mấy lần tìm Nang Ngoã để trò chuyện, bã bọt mép ra để khuyên ngăn. Nhưng Nang Ngoã ngoài mặt luôn tỏ ra khoan hồng độ lượng, không dám nổi nóng lên với vị nguyên lão tam triều này, làm như rất khó xử, không biết làm thế nào, nhưng trong lòng lại ngầm nghiến răng nhắm mắt, mấy lần đã buông ra tiếng chửi thầm "già mà chẳng chết rồi thành giặc! Mèo già hóa cáo!" luôn tìm cách đẩy Cừ Viễn vào chỗ chết, nhưng khổ một nỗi là chưa có cớ. Không ai có thể xử tội người hết lời khuyên bảo, vả lại Cừ Viễn râu tóc như cước, tuy không đức cao trọng vọng như ai, nhưng trong triều đình nước Sở từ trên xuống dưới, dù sao cũng vẫn còn đôi chút uy tín và ít nhiều thế lực. Cả Chiêu Vương e rằng cũng không dễ dàng gì trị tội được ông, cho nên Nang Ngoã thấy mình phải đối xử thận trọng. Tuy không được thông minh cho lắm, nhưng

trong trường hợp bình thường, Nang Ngoã chí ít cũng biết suy trước nghĩ sau thế nào, thế nhưng khi đứng trước tiền tài và sắc đẹp, hắn bỗng trở thành một con bạc khát nước, hai mắt long lên những tia sáng tham làm thèm khát, có kẻ nào đụng vào lợi ích, hắn sẽ rít lên như một con lừa đực và chồm tới như thú dữ.

Lần này Nang Ngoã đem thủy quân đi đánh Ngô, không phải lênh đênh cả ngày cả đêm trên sông nước, mà là ngày đi đêm nghỉ, như người đi thăm thú nơi non xanh nước biếc nào đó mà thôi. Cứ chiều chiều, thuyền bè cập bến, người lên bờ, hoặc cắm lều đóng quân tạm một đêm, hoặc đuổi dân chúng đi, lấy ra hàng trăm hàng ngàn phòng ngủ. Có một đêm, vào khoảng giờ Tuất, Cừ Viễn vừa mới ngả mình nằm xuống, còn chưa kịp ngủ, bỗng thấy ngoài phố tiếng người xôn xao, lẫn với tiếng khóc gào, tiếng đánh đập, tiếng chửi rủa ầm ĩ, không biết đã xảy ra chuyện gì, ông vội khoác áo ra ngoài xem sao. Trong ánh trăng mông lung, rất nhiều người đang vây lấy một cô gái ăn mặc đẹp, một đám lính tráng đang giằng co với một số con trai con gái để dành lấy cô gái đang khóc không ra tiếng. Bên ngoài đám đông, một bà già đang ngồi bệt trên mặt đất gào khóc, chửi bới, vật vã, giọng bà đã khô đặc, nước mắt chan chứa, đau khổ như không thiết sống nữa, tình cảnh hết sức thê thảm. Qua hỏi han, Cừ Viễn được biết đó là đám lính Sở đêm xông vào nhà dân, cướp cô dâu mới cưới của người ta đem về cho Nang Ngoã dâm lạc, ông bất giác thấy tức giận muốn nổ phổi, vội bước lên một mô đất cao, từ trên ngó xuống quát lớn:

– Các tướng sĩ không được vô lễ!

Tiếng quát của một người già cả trong đêm vắng nghe càng âm vang và nặng nề, mọi người có mặt đều khựng lại, trong trời đêm, ánh trăng tà như run rẩy, lác đác mấy vì sao hơi nhấp nháy chập chờn... Có tật thì giật mình, đám quân Sở nhìn lên thấy thấp thoáng trên mô đất cao là hình tượng cao lớn như tòa tháp sắt và vẻ mặt sa sầm của Cừ Viễn, tên nào tên nấy không rét mà run, tên hiệu úy đi đầu rụt rè hỏi:

– Lệnh doãn quở tội xuống, chúng tôi chịu sao nổi...

– Trời có sập xuống cũng đã có ta chống đỡ, không can gì đến các người, mau thả cô gái kia ra – Cừ Viễn gầm lên như sấm. Đám quân Sở không dám chống lại lệnh của Cừ Viễn, thả cô gái bị co kéo giành giật ra, im lặng theo nhau lủi mất. Cừ Viễn vội bước xuống khỏi mô đất xin lỗi những người dân vừa bị cướp bóc và giải thích với họ đôi điều. Cô gái đáng thương thoát khỏi miệng hùm, quỳ thụp xuống chân Cừ Viễn, vái lia vái lịa, cả cha cả mẹ cô gái ấy cũng quỳ xuống theo, luôn tay vái lạy tạ ơn.

Cơn sóng gió thế là được dẹp yên, đêm ấy Cừ Viễn ngủ một giấc vừa yên ổn vừa ngon lành. Tuy nhiên, Nang Ngoã thì cả đêm lại không hề nghỉ đến việc lên giường ngủ.

Xung quanh Nang Ngoã lúc này có cả chục cô gái đẹp. Cô thì từ Sính đô đưa tới, cô thì cướp được ở dọc đường nhưng hắn là hạng có mới nới cũ, chơi bời lâu ngày với một người, bỗng sinh chán, muốn thay khẩu vị. Mấy hôm nay tiến quân vào vùng núi Dự Chương, rừng sâu thường có ngựa hay, hắn muốn được hưởng chút phong vị đặc sản của rừng núi, cho dù có chua đến chảy nước miếng ra, có cay đến rụt lưỡi lại,

miễn là kích thích càng mạnh càng tốt. Hôm qua đến một bản làng ở chân núi, Nang Ngõa tỏ ra buồn bực bứt rứt. Vốn là một gã nát rượu thành thần, ấy thế mà bữa cơm tối lại không hề uống lấy một giọt, cơm cũng ăn rất ít, chốc chốc còn nổi cáu với những người ở xung quanh, những kẻ bộ hạ đi theo hắn lâu ngày, cũng chẳng ai biết cơn mưa gió bất thường này ở đâu kéo đến, đành chỉ biết bảo nhau cẩn thận hơn, để khỏi gây nên chuyện rắc rối.

Khoảng sau giờ Thân, bỗng có kẻ tâm phúc mật báo, bản làng tối nay có đám cưới, cô dâu nghe đâu xinh đẹp lắm, lòng có là sắt đá cũng phải xiêu. Nghe báo tin thế, Nang Ngoã bỗng tươi tỉnh hẳn lại, nét rầu rĩ trên mặt bỗng biến sạch, liền ra lệnh cho người đi cướp về. Bọn khuyển ưng ra đi, Nang Ngoã liền đi rửa mặt chải đầu, chỉnh đốn lại khăn áo, mặt khác sai người hầu quét giường đặt chăn, chờ bắt được cô thôn nữ xinh đẹp kia về là có thể lên giường được. Nhưng bọn khuyển ưng mãi chẳng thấy về khiến Nang Ngoã sốt ruột, ngồi đứng không yên, như một con chó đực phát dục giữa mùa xuân, hắn cuống quít cả lên, hết đi lại vào, đi vào chán lại đi ra ra ngóng đợi. Đã gần đến nửa đêm, bọn người sai đi bắt cô dâu lủi thủi quay về, tên nào tên ấy rũ xuống như cây cỏ héo, cúi đầu cúp tai… Thấy bọn tay chân trơ trụi quay về không bắt được người, Nang Ngoã nổi nóng đùng đùng, tròng mắt hắn đỏ lên như lửa đốt, bất chấp cả tư cách và sự tôn nghiêm của mình, hắn chồm lên túm lấy ngực viên hiệu úy đi đầu, lắc đi lắc lại, khiến tên này cũng phải lảo đảo, xiêu bên nọ vẹo bên kia, đứng không vững, sợ run lên như cầy sấy, làm sao còn có thể trả lời được câu hỏi vì sao của chủ tướng. Sau cùng, một người lính bạo dạn đã kể lại mọi điều oan ức của họ. Nghe xong, Nang Ngoã

như thấy lửa giận bốc hừng hực lên đầu, lệnh cho chém đầu viên hiệu úy ném cho chó ăn, còn lại cho tống giam hết, để đợi lệnh đi lưu đầy. Hắn định lập tức sai người đến bắt ngay lão già Cừ Viên chết tiệt kia, băm ra trăm mảnh, để cho hả nỗi giận trong lòng, thế nhưng vừa định nói ra miệng, đành phải nuốt xuống, bởi thiếu tư mã Cừ Viên là nguyên lão ba triều, khác với các tướng lĩnh bình thường, hắn không dám hành động liều lĩnh.

Mỗi lúc như thế, Nang Ngoã lại hậm hà hậm hực, căm vì mình tuy được ở trên muôn người, nhưng lại phải dưới một người, cái người đó như quả núi Thái Sơn, để cho hắn thở không ra hơi, giá như bên trên không có con người ấy, hoặc chính mình lại được là con người ấy, thì có phải là chẳng còn sợ ai, muốn sao được vậy hay không? Như thế hỏi còn ai không phục, còn ai dám nghi ngờ, còn ai dám chống lại, có thì xử tội chết ngay, khỏi phải cân đi nhắc lại như lúc này mà chịu khổ chịu sở nữa. Nghĩ đến quyền lực tối cao ấy, Nang Ngoã bỗng thấy thèm nhỏ rãi cái địa vị chọc trời khuấy nước, mở miệng ra là luật pháp nói ra là như bạc như vàng... của Chiêu vương, trước mắt hắn hiện ra từng màn từng cảnh cái quyền lực tối cao ấy.

Chiêu vương cho mở công trường lớn, làm đẹp cung thất của mình, khiến nhân dân phải khổ sở, nhà vua còn sai bắt con gái đẹp trong cả nước cho vào ở trong cung thất ấy để dần dần mang ra làm đồ chơi. Quần thần không nỡ để cho nước Sở hưng thịnh phải sụp đổ, nên nhiều phen lần lượt khuyên ngăn, Chiêu vương không chịu nghe, đã liên tục giết mấy vị quan, lời khuyên ngăn dần hết đi, chẳng bao lâu cung điện nguy nga theo nhau mọc lên, con gái đẹp đông như rừng.

Trong cung nước Sở nuôi cả đàn voi, còn nhân dân bụng đói cật rét, thì lại không hề thương xót. Có một quan thượng khanh lo cho nước cho dân, đã ngỏ ý phê phán Chiêu vương, nhà vua giận quá hóa cùn, đập bàn hô lên:

– Lôi ra ngọ môn chém đầu!

Tiếng hô còn chưa dứt, vị lão thần chinh chiến ngược xuôi suốt một đời ngã xuống vũng máu.

Từ ngày đưa con gái Diêm Hoài Viễn vào cung và sách phong cho là Chân Mai quý phi, Chiêu vương suốt ngày đắm đuối trong tửu sắc, không còn hỏi gì đến chính sự mà còn làm ra bao nhiêu chuyện hoang đường hại dân hại nước. Có một đại thần xuất phát từ lợi ích của giang sơn xã tắc, đã can gián Chiêu vương, kể lại chuyên Trụ vương vì quá say mê sủng ái Đát Kỷ mà nhà Thương phải tiêu vong, U vương vì say mê sủng ái Bao Tự mà buộc phải dời đến phía đông… khuyên nhà vua hãy rút ra bài học lịch sử, chớ có đi vào vết xe đổ của người xưa để đến nỗi thiệt thân, mất nước. Chiêu vương làm sao có thể nghe được những lời trung thực nhưng chối tai đó, đã đưa con người rường cột của quốc gia ấy ra xé xác ngay ngoài chợ.

Từ sau ngày có trong tay cây gươm báu Trạm Lư, Chiêu vương thôi không còn nhắc nhở gì đến chuyện binh lính nữa, đặt tất cả hy vọng vào ý trời, suốt ngày chìm đắm trong giấc mơ hão huyền là làm vua thiên hạ, bá chủ chư hầu, cứ làm như nước Sở đã thực sự quốc thái dân an, quân mạnh ngựa khỏe rồi không bằng. Có những bề tôi trung thành

khéo léo lựa lời khuyên bảo, chỉ ra đây là kế rút củi đáy nồi của nước Ngô, nếu cứ thế này kéo dài, nước Sở sẽ không còn đủ sức chống được ngoại xâm, một khi nước Ngô dấy quân toàn diện đánh sang, lúc ấy nước Sở sẽ như trứng để đầu đẳng. Trung thần thành tâm khuyên bảo, Chiêu vương lại kết cho cái tội "làm tăng khí thế người khác, để mất oai phong của mình" đem ném vào vạc dầu.

Cứ như thế ... không sao kể xiết.

Chiêu vương tin lời xiểm nịnh và ham giết người, tội ác sờ sờ ra đó mà Nang Ngoã lại ngưỡng mộ thèm thuồng, đủ thấy họ là hạng cáo chồn cùng một duộc. Trong quá trình ngông cuồng giết hại trung thần, những người có mưu trí đều chạy sang nước Ngô theo giúp địch, Ngô vương đều thu nhận, tin tưởng giao cho việc nước. So sánh hai bên đủ thấy: nước Ngô làm gì chẳng từ yếu trở nên mạnh, nước Sở sao tránh được từ mạnh trở thành yếu.

Hôm sau lên thuyền Nang Ngoã chẳng những không quở trách gì Cừ Viễn, ngược lại còn mở tiệc đãi đằng, để tỏ lòng biết ơn sâu sắc. Nang Ngoã nói rằng nhờ có Cừ Viễn can ngăn nên mới không gây thành sai sót lớn, ơn đó không phải nhỏ, suốt đời không quên. Cừ Viễn tuy trong lòng tức giận, nhưng Nang Ngõa đã chủ động cáo lỗi, nên lửa giận đã tiêu tán hết. Thật vậy! Con người ta đâu có phải là thánh hiền, mà không có sai lầm! Ngay cả bậc cổ thánh tiên hiền, thế nào trong cái hay cũng còn chỗ chưa đầy đủ, đúng như người ta bảo ngọc kia còn có vết, nhân vô thập toàn. Giá như Nang Ngoã từ đó biết bình tâm hối cải, vẫn không bị mang tiếng là một lệnh doãn xấu.

Ngay đêm hôm ấy, thuyền đậu lại ở một bến khác, Cừ Viễn vừa chợp mắt, bỗng có kẻ xông vào trong nhà, đó chính là tên thị vệ tâm phúc của Nang Ngoã. Theo lệnh của hắn, đến kết liễu tính mạng Cừ Viễn, ám sát xong sẽ quăng xuống sông, làm chuyện thần không biết quỷ không hay, để Cừ Viễn từ đó trở đi không còn tiếng tăm chi nữa, đến ngày ca khúc khải hoàn trở lại kinh đô, bẩm báo với Chiêu vương rằng Cừ Viễn tư mã đã bị mất tích trong khi kịch chiến, vừa hả được nỗi hận trong lòng, vừa khỏi bị các quan cùng triều căm ghét. Tiếc thay, hai tên thị vệ tâm phúc đó của Nang Ngoã còn chưa hết lương tri, không nỡ hại một lão thần vốn có công cao với nước, đã để cho ông được sống.

Cừ Viễn chào tạ ơn ân nhân cứu mạng rồi lẩn vào rừng sâu, từ đó không bao giờ hỏi han đến việc đời nữa.

Nang Ngõa đã thống soái đội thủy quân ra khỏi vùng núi Dự Chương, tiến vào Trường Giang, nơi sông rộng nước sâu, cưỡi gió vượt sóng, thuận chèo xuống thẳng phía nam để tới nước Ngô, dọc đường đi lại gieo rắc không biết bao nhiêu nợ máu và tội ác.

CHƯƠNG XXV

KHÉO ĐEM QUÂN MAI PHỤC
NHIỀU PHEN CỬ SỨ THẦN

Lại nói Nang Ngoã thống soái thủy quân qua vùng núi Dự Chương để vào Trường Giang, sông rộng nước sâu, cưỡi gió vượt sóng thuận dòng trôi xuôi, tiến lên trong máu đổ và tội ác để thẳng tới nước Ngô, dọc đường đi, không hề gặp một toán quân địch nào cản trở hay đánh úp, lòng tướng sĩ trong toàn quân xôn xao như sóng nước mênh mang. Không biết đi như vậy mấy ngày đêm, cho đến một hôm trời vừa rạng sáng, trên mặt sông rộng khói sương mờ miên man, ngôi sao mai ở đằng đông uể oải nhảy lên những tia yếu ớt, rồi lúc ẩn lúc hiện, sau cùng lẩn vào sau ánh rạng đông màu da cam từ chân trời dâng lên, mây sớm ửng lên muôn màu, ánh hồng dâng lên tràn ngập nhuốm đỏ cả núi, làm say cả sông, nhuộm thắm cả ruộng đồng làng mạc. Vầng mặt trời nhô lên khỏi mặt nước, lấp lánh lửa cháy rừng rực, cuồn cuộn dâng lên, vừa tròn vừa to, như còn e ấp ngại ngùng, hắt ánh vàng xuống đầu từng con sóng lăn tăn, như một bức gấm khổng lồ phủ trên cánh đồng rộng mênh mông không bờ, chỗ phẳng phiu, chỗ ngời lên phơi phới…

Qua giờ Thìn, sương tan, mây tan, trời cao mây nhạt, gió lặng sóng yên, chim ưng dang cánh lượn, con vịt con le đùa trên mặt nước, đội thuyền nước Sở như đàn cá bơi trong nước, nối nhau đi mãi về phía xa. Đến gần Dung Phố bỗng thấy thủy quân nước Ngô đang ngược dòng lên, rất rõ ràng, đây là lực lượng đầu tiên chống lại quân Sở đến xâm phạm.

Nang Ngoã nghe báo, vội ra đứng trên mũi thuyền, đưa mắt nhìn xa, thấy quân Ngô khí thế mạnh mẽ, tuy phải tiến ngược dòng, nhưng tốc độ không hề chậm lại, ra vẻ đang thắng thế. Thấy thế lực bên địch mạnh mẽ thế, tại sao Nang Ngoã lại có vẻ bình tâm như vậy? So với Sở, Ngô nước nhỏ, quân ít, đã thấy quân thủy của họ phải chống chọi trên sông thế này, thì số quân trên bộ đóng ở nước Đồng cũng chỉ có hạn thôi, công tử Phồn đang dẫn quân bộ ra khỏi vùng sông Hoài, từ Lục An vào Thư Cưu để đánh úp nước Đồng sẽ dễ dàng như lấy đồ trong túi, thắng lợi trong tầm tay. Sau đó cánh quân ấy sẽ xuống phía nam, hợp sức với Nang Ngoã đánh thủy quân Ngô trên sông, một trận là toàn thắng.

Dòng sông mênh mang từ tây nam chảy tới, sau khi qua Ô Sa thì chia làm ba nhánh, chảy tiếp chừng mười dặm nữa, khi còn chưa tới Mai Cánh lại hợp vào làm một chảy về phía đông bắc. Nang Ngoã hí hửng bài binh bố trận để đón đánh quân địch, định khống chế thủy quân nước Ngô ở vùng sông nước. mênh mang ở giữa Ô Sa và Mai Cánh này, cứ vây lại mà không đánh, chờ sau khi công tử Phồn đánh úp Đồng xong rồi quay xuống, hai quân thủy bộ giáp công, thủy quân Ngô sẽ như ba ba trong vại, chẳng tốn bao nhiêu sức lực để giành thắng lợi, có khi còn không phải đánh mà giặc cũng tan. Đương nhiên, đó chỉ là ý muốn chủ quan của Nang Ngoã, tiến trình chiến đấu chưa hẳn đã theo ý muốn và sự tưởng tượng đó của hắn.

Cánh quân bộ do công tử Phồn đi đầu, trong khi tiến quân gặp khá nhiều rắc rối, không được suôn sẻ như quân thủy do Nang Ngoã dẫn đầu. Thứ nhất là đường sá xa xôi, trước hết lên phía bắc ra khỏi Hoài Hà sau đó lại quay xuống phía

nam, có thể nói là mệt quân vì phải đánh xa, tướng sĩ đều uể oải, sĩ khí giảm sút, đó là điều rất kỵ của nhà binh. Thứ hai là dọc đường không gặp núi thì cũng mắc sông, rất ít quãng bằng phẳng, cho tới khi đến được đích, thì quân lính người nào người nấy như một lũ ngan rù, làm gì còn sức để đánh đấm nữa. Thứ ba là thừa biết những nơi sẽ đi qua đều là những nước phụ thuộc, thế nhưng với những nước này, xưa nay nước Sở luôn thi hành chính sách bạc ngược, nhẹ giết tróc nhưng lại nặng sưu thuế, khiến cho dân chúng các nước phải sống trong cảnh đói rét lầm than, tiếng oán trách dậy trời, thế nên quân Sở đi đến đâu, dân chúng tranh nhau đóng cửa chạy trốn, khiến cho lương thảo và quân số quân Sở không có nguồn bổ sung.

Chẳng những thế, đôi lúc quân Sở còn bị dân chúng các nơi đánh chặn, đánh úp, những người dân đó chưa hẳn đã xuất phát từ mục đích quân sự hay chính trị, chẳng qua là do quá đói rét, muốn cướp lấy một ít vật chất của cải nhằm thỏa mãn nhu cầu trước mắt, đương nhiên, cũng có người xuất phát từ căm giận phẫn uất mà đánh. Quân trên bộ suốt dọc đường lặn lội luôn phải đối phó với những cuộc chiến qui mô nhỏ, cho đến khi qua Lục An thì sức tàn lực kiệt, như mũi tên mém không xuyên được lụa mỏng. Qua Lục An đi về hướng đông nam ở phía xa trăm dặm kia chính là Thư Cưu. Từ Thư Cưu đến nước Đồng, núi non nhấp nhô, lên xuống trập trùng, đi về phía trước càng thêm vất vả. Một hôm, đang đi đường bỗng thám mã quay lại báo: Trên đỉnh núi ở phía trước không xa, thấy có cắm lá cờ soái với chữ “Tôn” ngã tư đường nơi chân núi, có quân Ngô vác đao đi đi lại lại. Nghe thấy báo như vậy, công tử Phồn không dám cho quân

tiến lên nữa, ra lệnh cho toàn quân lui lại mười dặm, chọn núi cắm trại để quan sát động tĩnh thế nào.

Doanh trại đã sắp đặt xong xuôi, tướng sĩ nghỉ ngơi đợi lệnh, để xả hơi sau nhiều ngày hành quân và chiến đấu mệt mỏi. Công tử Phồn sai nhiều toán mật thám cải trang đi dò la tin tức các nơi, kẻ thì đóng vai người nhà quê miền núi, kẻ thì đeo cung tên là thợ săn, kẻ thì đóng thành người hái thuốc đeo gùi trên lưng, tay cầm thuổng cuốc. Cũng có thể do quân Ngô đóng quân ở đây lâu ngày, nên với những người dân trong vùng ra vào thung lũng, đám lính gác quân Ngô không hề khám xét gì hết, thậm chí còn chào hỏi rất thân mật, nói với nhau vài câu chuyện xóm chuyện làng, đôi bên không hề tỏ ra ngăn cách hay đề phòng nhau, thế nên đám mật thám quân Sở được thể chu du khắp mọi nơi, nắm được hết tình hình mọi mặt của quân Ngô.

Tổng hợp, phân tích những tình hình đó, công tử Phồn đã rút ra mấy điểm sau: Vùng Thư Cưu tuy có quân Ngô đóng giữ, nhưng số lượng không đông, điều đó so với lời anh em họ Diêu nói ra, không sai một mảy may nào. Thứ hai là từ Thư Cưu đến nước Đồng, chỉ có một con đường duy nhất, dọc đường quân Ngô không mai phục. Ba là tướng sĩ quân Ngô người nào cũng chán ghét chiến tranh, người nào cũng ủy mị, lại luôn ấm ức trong bụng, nói năng lung tung. Thứ tư là quân Ngô đóng quân ở Thư Cưu và ở nước Đồng lâu ngày, thù địch với nhân dân, dân chúng địa phương không cung cấp lương thực cho họ. Cho nên quân Ngô phải chờ từ hậu phương xa xôi, lương thực khó bề tiếp tế, chính vì thế tướng sĩ quân Ngô thường ở trong tình trạng đói khát.

Làm sao thấy được những điều đó? Có hai điều chứng cớ sau đây: Một là quân Ngô phải đi săn bắn mà ăn, trinh thám quân Sở đã từng thấy hai toán quân Ngô ẩu đả với nhau để tranh giành một con mồi và cả hai bên đều sức đầu mẻ trán; hai là trinh thám nhiều lần thấy quân Ngô đói quá đã phải giết ngựa để ăn. Công tử Phồn sung sướng phát điên lên, hý hửng reo lên: "Trời giúp ta rồi", sau đó lệnh cho mổ lợn giết bò, khao thưởng tướng sĩ toàn quân, sau khi cơm no rượu say, đã nhổ trại tập hợp, hành quân áp sát những nơi cửa khẩu hiểm yếu quân Ngô đang đóng giữ.

Đấy là triền kéo dài của Đại Biệt sơn và Hoắc sơn, thân núi phần lớn đều cấu tạo bởi những tảng đá vôi, từ Lục An kéo dài xuống đông nam hơn trăm dặm, phần lớn là ao hồ và đầm lầy, qua Thư Cưu không xa, núi cao nhô hẳn lên, liên miên chạy dài lên tây bắc. Núi Móng Phượng sừng sững nhô lên, ba cái móng của chân phượng hình thành thế đối lập nhau, giữa hai móng ấy là hai lũng núi sâu, tên là Lũng Móng Phượng trước và Lũng Móng Phượng sau, tạo thành hình hom giỏ phía trước rộng, phía sau hẹp, đi chừng mươi dặm, hai lũng núi nhập vào làm một, gọi là lũng Móng Phượng, lũng sâu cây dày, núi cao dốc hiểm, người đi trong lũng núi, không thấy ánh mặt trời, âm u dễ sợ. Ngay trong lòng thung lũng, địa thế cũng rất phức tạp, lúc thì thấy rộng ra, lúc lại thấy hẹp lại. Chỗ rộng có thể đứng được cả trăm người, như một cái bãi rộng; chỗ hẹp phải nghiêng mình mới lách được qua mà còn phải thót ngực nín hơi, chỗ này cong xuống, chỗ kia cong lên, có lúc lại gấp khúc, có lúc vòng quanh hẳn lại, như một thứ mê hồn trận, hoặc chảy xiết thành thác reo, hoặc thành đầm sâu khôn lường, hoặc khe rãnh dọc ngang, thành động thành hang nối thông nhau.

Một vùng rừng rậm lũng sâu như vậy, không nói là mới trinh sát trong chốc lát, mà ngay cả người Thư Cưu sống đời đời kiếp kiếp ở đây, cũng khó biết hết được mọi điều ở đây, nắm được những gì bí hiểm của nó, huống chi là quân sĩ nước Ngô theo lệnh của Tôn Tử, đã cố tạo ra những giả tượng cho quân Sở nhìn thấy, bởi thế nên những gì quân Sở trinh sát được, đều là những chuyện giả dối, những tình huống cố ý tạo ra.

Quân Sở đến chân núi Móng Phượng, đã thấy tướng lĩnh quân Ngô mang lính của mình giữ chặt cửa trước cửa sau của thung lũng sẵn sàng đón địch, thế trận y như giữ thành giữ ải vậy. Công tử Phồn lệnh cho viên quan đi tiên phong là Vĩ Việt lên phía trước thách địch ra trận. Vĩ Việt tuân lệnh, liền sai xà ích đánh xe lên phía trước. Trung Quốc thời xưa, ở giữa thời kỳ Chiến quốc, trước Vũ Linh vương nước Triệu mặc áo rợ Hồ cưỡi ngựa bắn cung, phần lớn là dùng chiến xa xung phong giao chiến. Loại xe này khá lớn, bốn con ngựa mới kéo được một cỗ xe gọi là một thặng. Trên xe ít nhất có ba người: Một người làm xà ích đánh xe, một người đứng ở bên phải luôn tay múa mâu dài, đánh kẻ địch ở gần. Một đất nước lớn nhỏ mạnh yếu, thường thường đánh giá bằng số lượng các cỗ chiến xa thế này, nước nào có ngàn cỗ chiến xa, được gọi là nước “thiên thặng”, có vạn cỗ xe thì gọi là nước “vạn thặng”. Về sau Sở Việt liên quân đánh Ngô, Tử Tất làm đại tướng, Vĩ Việt phụ tá, gần như chết không còn chỗ chôn. Người ta bảo thắng thua là chuyện thường tình của nhà binh, trên đời này khó mà tìm ra những vị tướng luôn thắng, Ngô Sở giao chiến với nhau, Vĩ Việt lại đánh trận nào thua trận ấy, xứng đáng là một vị tướng luôn thua, nhưng hắn lại luôn tỏ ra vênh váo, tỏ vẻ ta

đây, cứ làm như chưa từng có những thất bại ấy. Hãy cứ nhìn hắn với tấm thân cao lớn chín thước, cái đầu vừa tròn vừa to, mày rậm mắt lồi, mũi sư tử, miệng rộng, dưới cằm là bộ râu cứng như sắt, đầu đội mũ bạc, thân khoác chiến bào, lưng thắt đai da, chân đi ủng đen ngang lưng giắt kiếm… bộ dạng cũng khá là anh dũng, nếu cứ trông vào ăn mặc, cũng rất ra vẻ một ông tướng. Vĩ Việt hô lớn:

– Tướng sĩ quân Ngô hãy dỏng tai lên mà nghe đây. Hãy mau mời Tôn nguyên soái của các người ra đây mà đỡ đòn, ông các ngươi là Vĩ Việt quyết một phen sống mái với hắn!

Vĩ Việt còn chưa nói dứt lời, từ trong Lũng Móng Phượng lao ra một cỗ xe, bốn con ngựa cùng màu đỏ như lửa cháy, mười sáu chiếc vó trắng tung lên như bay, giữa đỉnh đầu một con ngựa là một nhành mai trắng, càng tỏ ra đẹp đẽ lanh lợi, chưa cần nhìn thấy mặt tướng lâm trận, mới chỉ cỗ chiến xa này cũng đủ để Vĩ Việt thấy thẹn không bằng người, không rét mà run. Vị tướng đứng đầu trên xe mình cao tới trượng hai, đầu như cái đấu, vai rộng như bức tường, lưng như tấm phản, đứng hơi dạng chân ra trên xe như một đỉnh núi. Bàn tay ông xòe ra như cái quạt, các ngón tay duỗi ra như cái dùi trống, tay cầm cây thiên phương họa kích nặng một trăm tám mươi cân như cầm một chiếc kim. Ông đội mũ tử kim khôi, mặc áo giáp vàng, chân đi ủng chẽn, mắt giương tròn như mắt hổ, thét lên một tiếng, khiến cho chiến xa của địch sợ quá lóc cóc chạy lui, Vĩ Việt ở trên xe co lại như chỉ còn một nửa. Vị tướng ấy chỉ vào Vĩ Việt nói:

– Nếu ta không lầm, thì ông là Vĩ Việt, Vĩ tướng quân phải không? Mười bốn năm trước trấn thủ Chiêu quan, để Ngũ

Tử Tư và công tử Thắng đi ngang qua trước mặt, xuýt nữa thì mất đầu, hạng người bất tài như thế, còn dám ăn nói càn rỡ, định so tài cao thấp với Tôn nguyên soái nhà ta, người còn biết trên đời này có hai chữ liêm sỉ hay không?

– Ngươi là ai? Khá mau xưng tên họ ra ngay! – Vĩ Việt tức giận, giọng nói run run, nhảy lên hỏi lớn.

Tướng Ngô chỉ cười vang, cười đến chảy nước mắt mà không trả lời.

– Quân điên rồ làm sao lại chỉ cười không đáp, mau xưng họ tên ra, để ta cho chết được rõ ràng – Vĩ Việt làm ra vẻ rất đắc chí.

– Ta cười Vĩ tướng quân quả là người mau quên – Tướng Ngô nín cười nói – hai năm trước, ở hang Quỷ Sầu núi Thiên Mục, ngươi đã cùng đường, phải quỳ xuống đất để xin tha tội chết, chẳng phải là ta đã tha cho người đó sao? Thì ra cái ơn cứu mạng, ngươi quên sạch rồi sao? Người còn đáng là người nữa không?

Năm 510 trước công nguyên, Sở – Việt liên quân đánh Ngô, quân Ngô đã dụ quân địch vào sâu vùng núi Thiên Mục, tiêu diệt nặng nề sinh lực địch, trừng trị chúng một đòn đích đáng. Để làm tê liệt cảnh giác của Sở Chiêu vương, Tôn Tử đã ra lệnh thả cho Tử Tất và Vĩ Việt được sống sót, để cho chúng ca khúc khải hoàn với tư thế của người chiến thắng. Vĩ Việt không phải là chóng quên, mà đã lầm dấn thân vào hang Quỷ Sầu, bị đuổi đến chỗ cùng đường nghẽn lối, khi hắn quỳ xuống đất xin tha, thì hồn bay phách lạc từ lâu, làm

sao còn dám ngẩng mặt lên nhìn hình dáng tướng Ngô trước mặt, thế nên hôm nay đụng độ, mới không biết đó là ai.

– Nói thế ra ngươi là công tử Phu Khái nước Ngô – Vĩ Việt làm ra vẻ ngạc nhiên –quả thật là oan gia đường hẹp, ta đang muốn tìm ngươi để rửa nỗi nhục năm xưa, hãy nhìn đây!

– Vĩ Việt nói xong nâng mũi thương lao thẳng về phía Phu Khái. Phu Khái vội vàng né tránh, Vĩ Việt đâm hụt một nhát. Thế là hai xe tám ngựa quấn quít lấy nhau, bụi tung mù trời, ngựa hí ầm ĩ, thương qua kích lại, ánh chớp lạnh người, binh khí va nhau, tiếng vang chát chúa, lửa toé lên bốn bề, kèm theo đó là tiếng trống thúc, tiếng hò hét, vang động cả núi rừng, thấu tận mây xanh. Không biết đánh nhau như thế được bao nhiêu hiệp, Vĩ Việt dần dần thấy đuối sức, thở ồ ồ, đòn hở tứ tung, chỉ còn gượng gạo chống đỡ, không đánh lại được miếng nào. Thấy tình thế có vẻ tồi tệ, công tử Phồn liền ra lệnh giục ngựa đưa mình ra trận để đánh nhau với Phu Khái, thay cho Vĩ Việt. Cũng đúng lúc ấy, bên quân Ngô có một vị tướng lùn đánh xe ra trước, người ấy mình thấp nhưng tiếng lại to, cất tiếng hô lớn:

– Xin Phu tướng quân hãy lui ra, để tôi tiếp chủ tướng quân Sở.

Vị tướng lùn ấy chẳng phải ai khác, mà chính là Bị Ly con của Yếu Ly.

Công tử Phồn giao chiến với Bị Ly, hết sức nực cười và thú vị, một đằng tuổi tác chưa quá hai mươi, dong dỏng cao,

đứng ngất ngưởng như một cái chồi cây, một đằng thì cao chưa quá cái bàn ép đập, nhưng ngang thì lại hơn hai ôm, đứng xe đâm ngược chọc xuôi, y như cái bị thịt lăn đi lăn lại. Hơn nữa đầu đội mũ đỏ mình mặc giáp đỏ, trông lại giống như quả cầu lửa lăn lóc trên xe. Đánh nhau chừng mươi hiệp, công tử Phồn to xác nhưng chẳng được mấy hơi, quả cầu lửa kia suy cho cùng cũng chưa đáng mặt là địch thủ của Bị Ly, nên dần dần chịu thua. Đúng lúc đó, có một cánh quân Sở khác, chúng người đông thế mạnh, lính khỏe ngựa tốt, cứ như một đạo thiên binh từ trên trời xuống với thế mạnh như Thái Sơn đè đầu. Quân Ngô thấy tình thế bất lợi, vội vàng nổi lệnh thu quân, lá cờ soái cao bay phấp phới không thấy đâu nữa, các tướng sĩ ùa lên chạy trốn về phía lũng Móng Phượng, chiến xa, khí giới lương thực vứt ở dọc đường nhiều vô kể. Công tử Phồn một mặt cho người nhặt nhạnh thu dọn chiến trường. Những thứ quân Ngô bỏ lại đó, đối với quân Sở không khác gì buồn ngủ gặp chiếu manh, thật hết sức quý giá; mặt khác sai Vĩ Việt bám riết truy kích phía sau quân Ngô để tiêu diệt hết.

Nhìn bề ngoài, thua trận như núi lở, quân Ngô tan vỡ tơi bời, từng toán một chạy trốn còn nhanh hơn thỏ. Nhưng thực ra, họ đang đùa giỡn với quân Sở, làm trò ú tim khiến quân Sở phân tán loanh quanh vào các hẻm núi sâu, rồi xuất quỷ nhập thần tiêu diệt hết.

Từ lũng Móng Phượng, đuổi sâu vào hơn mười dặm, hai lũng núi này hợp lại làm một, chính ngay chỗ hai lũng núi giao nhau có một cái đầm sau, rộng tới hàng chục mẫu, nước đen như mực, âm u đến ghê người, ai nhìn thấy cũng nổi da gà. Lũng núi trước và sau gần bao quanh nửa đầm lầy, mới

hợp lại thành lũng Móng Phượng, như một con đường vòng, có điều đường ở đây rất hẹp, không thể đi xe vào được mà chỉ có thể đi bộ được thôi, cưỡi ngựa đi qua cũng rất khó và nguy hiểm. Mặt đường thì khấp khểnh nhấp nhô, toàn là đá cuội lổn nhổn. Một bên đường là vách núi thẳng đứng như đẽo, suối khe chằng chịt như mạng nhện, một phía là vực sâu thăm thẳm, hễ đi không cẩn thận là sểnh chân rơi xuống đầm sâu, vùi thân vào bụng cá. Quân Sở không thuộc địa hình, đuổi tới đây, không thấy bóng quân Ngô đâu, lòng bỗng sinh nghi. Chúng thận trọng rón rén, thấp thỏm run sợ tiến về phía trước, muốn đi quanh bờ đầm, theo lũng núi Móng Phượng tiếp tục trung kích. Bỗng nhiên, một hồi trống vang lên, hàng loạt quân Ngô mai phục sẵn ở các nơi hò hét xông ra, hoặc bắn tên, hoặc đâm bằng thương bằng kích, hoặc chém bằng dao, quân Sở luống cuống theo nhau rơi xuống đầm sâu mà chết, kẻ nào chưa bị đâm chém thì cũng bị tiếng hô làm giật mình rơi xuống đầm nước, nhiều không biết đâu mà kể. Kẻ nào sống sót vòng qua được bờ đầm đi tới lũng núi Móng Phượng, thì cũng không dám đuổi theo quân Ngô nữa, mà trốn chạy thục mạng. Đương nhiên cũng có kẻ muốn quay trở lại đường cũ, nhưng lối đi ấy đã bị quân Ngô cắt ngang, mười tên chạy trở lại thì hết tám chín tên bỏ mạng trong rừng.

Tướng sĩ quân Sở chạy đến lũng núi Móng Phượng liệu đã thoát nguy hiểm hay chưa? Dọc đường trong thung lũng và các hang động, Tôn Tử đều cho quân mai phục. Quân Sở trốn theo lũng núi, lúc nào cũng có thể bị phục kích, đánh giáp lá cà hoặc vật lộn với chúng, rất ít kẻ sống sót, toàn quân tan hoang.

Công tử Phồn tuy ít tuổi, nhưng là con người có tâm cơ, có thể nói là rất gian ngoan xảo quyệt. Quân Ngô thua trận, hắn sai Vĩ Việt đuổi theo, còn mình thì ở lại đằng sau. Khi ở phía trước báo về rằng quân Sở nhiều lần trúng ổ phục kích của quân Ngô, thương vong gần hết, hắn vội vàng thu vén tàn quân chạy về hang ổ.

Tôn Tử đã khéo léo dùng mai phục, đánh một trận hầu như tiêu diệt hết quân bộ của Sở. Chỉnh đốn lại đôi chút, đến tháng mười, quân Ngô dùng thuyền của người nước Đồng xuôi xuống phía nam, trên thuyền cắm cờ quân Sở, toàn bộ tướng sĩ đều chuyển sang mặc trang phục của lính Sở dùng rất nhiều vàng bạc mua chuộc hàng tướng của nước Sở và cho đứng trên mũi thuyền, vẫy cờ kêu gọi. Quân của Nang Ngoã bày trận ở mặt sông phía đông Ô Sa, thủy binh quân Ngô đóng giả là công tử Phồn tiến ngược dòng mà lên, từ Mai Cánh tiến về phía tây, cùng Nang Ngoã tạo thành thế gọng kìm. Nang Ngoã đang ở dưới khoang thuyền, uống rượu hú hí với nàng cơ xinh đẹp, nghe báo công tử Phồn đã thắng trận quay về, liền đẩy người con gái đẹp trong lòng ra, lên mặt khoang thuyền ngóng trông, thấy đúng là thuyền quân Sở đang tới, lá cờ của bộ binh quân Sở kéo trên cột, buồm bay cao trước gió, trên mũi chiếc thuyền đi đầu, đang có một người dùng hiệu cờ, thông báo cách liên hệ để tiêu diệt thủy quân nước Ngô đang bị vây trên sông. Nang Ngoã một mặt lệnh ra hiệu cờ chỉ huy, một mặt lệnh cho đoàn thuyền đi hết tốc độ về phía trước. Tiếng trống của thủy quân Sở gióng lên ầm ĩ, không hề có một chút chuẩn bị gì về tư tưởng để đón đánh kẻ địch mạnh mẽ.

Đoàn thuyền của Nang Ngõa đã gặp thủy quân nước Ngô, từng chiếc thuyền quân Ngô hoặc bơi đi bơi lại trên mặt nước rộng mênh mông, hoặc xông xáo ngược xuôi, nhưng lại chẳng có một người nào của tướng sĩ quân Ngô lên trên mặt boong để đánh nhau với quân Sở. Nang Ngoã còn đang thắc mắc thì bắt được một chiếc thuyền của quân Ngô, nhảy lên thuyền xem, chỉ thấy có một người chèo, một người lái, một người kéo buồm, ngoài ra chẳng có lính tráng nào hết. Hóa ra toàn bộ thuyền chiến dàn ra trên mặt sông của quân Ngô toàn là thuyền không, Nang Ngoã chẳng hiểu ra làm sao, hắn còn chưa kịp suy nghĩ gì thêm, thì đoàn thuyền có treo cờ quân Sở đã áp sát tới, trên thuyền chở đầy tướng sĩ, kiêu hùng của quân Ngô, người nào người ấy hăng hái như không gì có thể cản nổi, chẳng khác gì hổ vào giữa bầy sói, rồng vờn trong đàn tôm cá, họ nhào tới đám thủy quân đang luống cuống của Nang Ngoã. Trận đánh chém này mới hùng tráng làm sao, đánh đến nỗi mặt sông như bỗng cuộn mây đen đẩy mặt trời chìm xuống đằng tây, đánh đến nỗi nước sông sôi sục, cuồn cuộn ào ào, gợn lên những lớp sóng đỏ ngầu, đánh đến nỗi thây người nổi lều bều, dập dờn theo sóng trôi theo dòng sông…

Quân Ngô thu toàn bộ chiến thuyền của quân Sở quay về, đi qua phía nam Sào Ấp rồi đổ bộ lên bờ, vây đánh Sào Ấp, chỉ một trận là thắng, bắt được công tử Phồn nước Sở mang về.

Sau chiến dịch ấy, tất cả các ấp ở phía đông núi Dự Chương và các nước phụ thuộc, toàn bộ thuộc về nước Ngô.

Sau khi Phong Hồ nói chuyện về gươm báu, Sở vương đã bỏ bê công việc, các vị tướng quân không còn việc gì làm, suốt

ngày ăn uống chơi bời. Riêng Tử Tất lại còn có riêng một nỗi lòng là luôn thắc thỏm áy náy về việc tội không phạt, công không thưởng của Chiêu vương, hắn luôn tỏ ra thất thường, lúc nào cũng hốt hoảng ngơ ngác, lang thang các nơi trên phố chẳng có mục đích gì. Một hôm, Tử Tất đang đi vơ vẩn trên phố, bỗng gặp một ông thầy bói tướng mạo khác thường – thân cao chín thước, mặt vuông tai to, tóc bạc da hồng, râu như sợi cước, lòng hiếu kỳ đã xui khiến hắn dừng chân lại bắt chuyện, nhờ thầy xem cho mình một quẻ. Ông thầy đưa mắt nhìn vị võ tướng hùng dũng trước mặt, hỏi qua ngày sinh tháng đẻ, xem qua tướng tay, trong miệng lẩm bẩm cái gì đó, sau đó cầm bút viết như rồng bay phượng múa vào vuông lụa, rồi đưa cho Tử Tất. Tử Tất nhận vuông lụa trên tay mở ra đọc, chỉ thấy trên lụa viết ba câu: “Ngọc lẫn trong đá, vàng chôn dưới đất, người ở hang sâu”. Tử Tất ngẫm đi nghĩ lại, không hiểu ý ra sao, xin hỏi ông thầy, được trả lời rằng:

– Thiên cơ không được tiết lộ, sau này tất sẽ hiệu nghiệm.

Đã là thiên cơ thì Tử Tất không tiện hỏi thêm nữa, khỏi phải nói, ông thầy này cũng là thần tiên biến hóa ra, nếu không, làm sao có thể biết được thiên cơ? Đương nhiên, cũng rất có thể là một gã lừa đảo trong giang hồ. Tử Tất thu vuông lụa lại giấu vào tay áo, ấm ức bước đi. Về đến phủ, Tử Tất mở ra xem lại, rồi đắn đo suy nghĩ, sau cùng mới tỉnh ngộ ra: Ba câu viết trong lụa, hình như có ý báo cho hắn, mình đang như ngọc lẫn trong sỏi đá, khó có thể phơi bày hết vẻ mặt tươi sáng vốn có.

Mình đang ở trong hang sâu, xung quanh là một màn đen tối, không có một tia ánh sáng, không biết lúc nào là sớm là chiều, đang sống chung với sói lang hổ báo, từ lâu đã mất đi linh tính của con người... Tử Tất đi khắp nơi hỏi tin về ông thầy bói, rất muốn nói với ông những suy nghĩ của mình và xin ông chỉ bảo cho, thế nhưng, làm sao còn có thể tìm thấy bóng ông ta nữa, đành mang điều hối tiếc và băn khoăn đó chôn sâu trong dạ, để chờ hiệu nghiệm sau này.

Sau đó không lâu, Tử Tất đổ bệnh, nằm liệt trên giường, mời thầy, uống thuốc, vẫn chưa có kết quả gì. Có bệnh thì vái tứ phương, tìm đủ các loại thầy lang, một hôm, người thị vệ tâm phúc, mời đến một nhà tu hành, nghe đồn người này chẳng những tinh thông y lý, chẩn mạch linh nghiệm như thần, người bệnh chưa cần nói gì, đã có thể đoán được rõ bệnh tình rồi. Nhà tu hành được dẫn đến trước giường Tử Tất, Tử Tất khẽ mở mắt ra, thấy người đứng trước mặt mình chừng ngoài ba mươi tuổi, người cao lớn, mặt mũi khôi ngô, mặc áo tu hành, mũ cao đai rộng, hai mắt tinh nhanh, da như nặn bằng sáp, mặt như tạc bằng ngọc. Mà người này sao có vẻ quen quen, hình như đã gặp nhau ở đâu rồi, nhưng lại chưa nhớ ngay ra, đành uể oải nhắm mắt lại, mặc cho ông ta muốn làm gì thì làm, nào là bắt mạch, thử thân nhiệt, xem lưỡi, xem bàn chân, sờ vào nách, rồi sau đó là châm cứu, cho đơn cắt thuốc, mọi việc làm đâu ra đấy, xem ra rất thành thạo. Nhưng ông ta không dừng ở đấy, mà còn kể cho mọi người nghe một câu chuyện rất là hấp dẫn và lý thú:

Có một con chim phượng hoàng màu vàng trú đông quay về, bay liên tục ba ngày ba đêm, nó mỏi mệt quá, nên đã hạ cánh xuống một cánh đồng để nghỉ ngơi. Có một điều rất lạ

là trên cánh đồng ấy không hề có một loài muông thú nào, chỉ có lợn rừng và quạ đen, từng đàn quạ đen đậu trên mình lợn rồi cùng chạy theo lũ lợn trên đồng cỏ, đúng là quạ đen trên mình lợn, chẳng ai chê ai đen. Chúng "quà, quà", "ịt ịt" thay nhau kêu, như phụ họa với cuộc thi, tiếng của chúng chát chát, giọng của chúng khô khan, đơn điệu mà chối tai, nhàm chán và vô vị, song tự bản thân chúng hình như lại dương dương tự đắc và tỏ ra thích thú. Bỗng nhiên chúng phát hiện ra con phượng hoàng...

Vua của trăm loài chim đang đậu ở đầu cành, bất giác cười ồ lên. Chúng ghé đầu ghé tai nhau, xì xào bàn tán, cười chê đôi cánh lốm đốm năm màu rực rỡ óng ánh của phượng hoàng. Chúng không thể hiểu nổi, đôi cánh kia việc quái gì phải lắm màu sắc hoa hoét lòe loẹt như thế, tất cả một màu đen như chúng, đen láy thế này có phải đẹp hơn không! Lại còn cái đầu nữa, sao mà to thế, to thì sẽ nặng nề chậm chạp; Cái đuôi cũng quá dài, đúng là "đuôi dài khó vẫy"... Tuy chúng nói riêng với nhau, nhưng ở đầu cành cây, phượng hoàng nghe thấy hết, trong lòng rất lấy làm chua chát, nó vỗ cánh vươn cổ, gáy lên mấy tiếng, tỏ ra phản đối. Tiếng gáy như tiếng sáo tiếng khèn, uyển chuyển du dương, như một khúc nhạc, trên thảo nguyên lập tức tràn ngập những âm thanh êm dịu thanh bình vang mãi không dứt. Bọn quạ đen và lợn rừng nghe thấy, bất giác cười lên hô hố, chúng cười tiếng gáy của phượng hoàng sao mà du dương trầm bổng, sao mà réo rắt gần xa đến thế, lại dịu dàng say đắm thế, chúng bảo nhau: "Làm thế để làm quái gì? Rõ thật là thừa!". Phượng hoàng nghe xong, khóc dở mếu dở, nghĩ bụng mình không thể cùng lứa cùng bầy với cái giống xấu xí đen đủi này được, tốt nhất là hãy tránh xa chúng ra. Phượng hoàng bay đi, trên

thảo nguyên lại chỉ còn lợn rừng và quạ đen, quạ đậu trên lưng lợn, lợn cõng quạ trên lưng chạy đua nhau chẳng ai chê ai đen, chẳng ai bảo ai xấu…

Uống được dăm thang thuốc, bệnh tình của Tử Tất mỗi ngày một giảm. Trong những ngày liệt giường, hắn luôn luôn nghĩ đến câu chuyện phượng hoàng, quạ đen và lợn rừng.

Gươm báu Trạm Lư từ trên ban xuống, đấy là báo đáp cho ông vua có thánh đức, đó là tượng trưng cho thiên hạ, chư hầu các nước lũ lượt đến chúc mừng, nhất là những nước phụ thuộc và đi theo Sở như Đường, Thái, Hồ, Thẩm … Đã đến chúc mừng, thì không thể đi với hai bàn tay trắng mà phải kèm theo quà biếu tương đối quý giá. Đường Thành công mang tới một đôi thiên lý mã rất quý, một con để dâng tặng Sở Chiêu vương, còn một con để lại mình cưỡi. Thái Chiêu hầu thì mang đến hai tấm áo bằng da ngân điểu, một tấm dâng tặng Sở Chiêu vương, một tấm để mình mặc. Họ đều thừa biết Nang Ngoã là con người tham tiền hám của nên cũng đem tặng hắn ta nhiều món đồ quý giá. Thái Chiêu hầu còn nhắm mắt chịu đau dâng một đôi bạch bích trong hai đôi mà mình rất ưa thích, còn một đôi để lại luôn đeo bên mình.

Có ngờ đâu Nang Ngoã lại chưa vừa lòng, hắn nghĩ, Chiêu vương là do ta dựng lên, không có Nang Ngoã này thì làm gì có Chiêu vương, với lại, Chiêu vương còn nhỏ tuổi, việc nước đều rơi vào vai ta, các người chỉ biết Chiêu vương, lại qua mặt xem thường Nang Ngoã, như thế ai mà chả tức. Hắn mang bộ mặt lì lợm xin nốt con ngựa còn lại của Đường Thành công, lại lấy nốt chiếc áo da điểu của Thái Chiêu hầu.

Vua nước Đường nước Thái không đồng ý, Nang Ngoã tức quá hóa cùn, bắt giam hai người lại, không cho về nước. Chỗ ở của hai ông vua này lính canh dày đặc, danh nghĩa là bảo vệ, nhưng thực ra là giam lỏng, ngay cả cửa lớn cũng không cho ló mặt ra. Một viên quan tùy tùng của Đường Thành công đã khuyên chúa công của mình:

– Nang Ngoã nằng nặc đòi ngựa quý, theo ngu ý của thần, chi bằng cứ cho quách hắn là xong, nếu không bị giam ở đây chưa biết đến khi nào về được, sợ đến khi Nang Ngoã nổi nóng lên, đem giết vua tôi chúng ta đi, thì có phải mất toi mấy mạng người! Người ta thường bảo tránh voi chẳng xấu mặt nào, còn người thì còn của, với lại đầu chạm mái tranh thì ai chẳng phải cúi ạ!

Đường Thành công còn chưa hết giận, hầm hầm nói:

– Nang Ngoã ức hiếp người ta quá đáng! Quả nhân thà chết, chứ không chịu khuất phục!

Viên quan nọ khuyên can mãi không được, liền giấu Đường Thành công, ngầm giắt ngựa đi dâng cho Nang Ngoã nói rằng Đường Thành công dâng tặng. Nang Ngoã được ngựa, hý hửng ra mặt nói:

– Rốt cuộc các người đã phải chịu thua ta…

Hôm sau Nang Ngoã liền tha cho vua tôi Đường Thành công về nước. Đường Thành công sau khi biết chuyện cũng chẳng trách móc viên quan đi theo mình làm gì nữa, bởi ông ta nói không phải không có lý, đành ngậm đắng nuốt cay, ai bảo

mình nước nhỏ? Thái Chiêu hầu nghe thấy thế, nghĩ bụng: Ta cũng chẳng cần phải ngồi đây ấm ức làm gì, hãy làm sao thoát thân về nước cái đã, rồi sẽ tính sau, thế là cũng nén giận đem áo da điểu ra tặng cho Nang Ngoã. Ngay lập tức Nang Ngõa tha cho Thái Chiêu hầu về nước. Trên đường về, Thái Chiêu hầu vừa nghĩ vừa ức, khi đi thuyền trên sông Hán Thủy sang bờ bắc, đứng ở mũi thuyền, cởi đôi bạch bích còn lại đeo trên mình ra, vứt đánh "tõm" xuống sông, thề rằng:

– Không mang quân đánh Sở, không quay về nam nữa!

Đường và Thái, là hai nước láng giềng gần, sau khi vua hai nước trở về đã chụm đầu bàn bạc, quyết tâm mượn quân Tấn để đánh Sở. Tấn Định công tâu bày Chu Kính vương. Chu Kính vương vô cùng tức giận, để cho Tấn Định công ra mặt, liên lạc với mười tám nước chư hầu như Tống, Tề, Lỗ, Vệ, Trần, Trịnh, Hứa, Tào, Cử, Chu, Đốn, Hồ, Đằng, Khởi, Tiểu Chu Tử và cả bản thân hai nước Đường Thái nữa, tất cả họp nhau ở Thiệu Lăng, mọi người tôn nước Tấn lên làm minh chủ, toàn bộ binh mã sẽ do đại tướng nước Tấn là Tuần Dần chỉ huy với danh nghĩa quân triều đình, dọc đường rầm rầm rộ rộ bươn sang đất Sở.

Thế nhưng do Sĩ Ưởng nước Tấn còn có minh ước Tống Tây môn với Sở, phía bắc nước Tấn lại còn có họa Tiên Ngu, thêm vào đó dọc đường đi gặp mưa to, tướng sĩ liên quân rất nhiều người bị ốm, cuộc chinh phạt nước Sở thế là bị chết yểu.

Do đánh nước Sở không thành công, cho nên mối thù sâu của Thái Chiêu hầu chưa báo được, trên đường về đã diệt nước Thẩm, giết chết Thẩm hầu là Gia. Mùa thu năm ấy, hữu doãn nước Sở là Nang Ngoã muốn đánh nước Thái, Tôn Tử biết tin này, mừng thầm trong bụng: Vào thời điểm mấu chốt, lại xảy ra chuyện này, đúng là trời giúp ta rồi!

Tôn Tử vội vàng cử ngay sứ thần Phiếm Khải sang nước Thái, lấy danh nghĩa Ngô vương gửi sang một tấm áo da ngân điểu, kèm theo một bức thư. Trong thư viết rằng: "Gần đây được tin Nang Ngoã kiêu căng, đã tước đoạt tấm áo da yêu quý của đại vương, chuyện này nếu có thật, quả là khiến cho người trong thiên hạ đều công phẫn. Sở có là một nước lớn đi nữa, Nang Ngoã chẳng qua cũng chỉ là một quyền thần, còn đại vương là vua một nước, một kẻ bầy tôi mà dám ngang nhiên hống hách giở trò tước đoạt với bậc quân vương, thật không ai chịu nổi… Tôi cũng là vua một nước, trước hành động bạo ngược này của Nang Ngoã, cũng thấy hờn căm chứa chất trong lòng. Nay gửi đại vương một tấm áo da, gọi là bù đắp nỗi thiệt thòi mất mát của đại vương, kính mong hãy vui vẻ nhận cho. Một ngày khác, nhất định sẽ rửa mối nhục hôm nay cho đại vương…" bên dưới là chữ ký của Ngô vương Hạp Lư.

Phiếm Khải đến nước Thái, tặng quà dâng thư, kèm theo tình cảm thắm thiết của Ngô vương. Thái Chiêu hầu nhận áo, xem thư, bất giác cảm động đến rưng rưng nước mắt, thầm nghĩ rằng Hạp Lư quả là tri âm của ta, đối đãi với ta bằng sự tôn nghiêm của một bậc quân vương như thế, trước đây tại sao ta lại chẳng nhìn nhận ra? Thật là có mắt như mù, không biết cái gì hay cái gì dở, không phân biệt được

đâu đá đâu vàng. Thái Chiêu hầu thấy lòng xốn xang với bao ý nghĩ, trong thiên hạ ngày nay, nước nhỏ muốn còn, nhất thiết phải liên minh với nước lớn, mà Sở, Tấn là những nước không thể sở cậy được nữa rồi, trong thư Ngô vương lại nói một ngày khác sẽ rửa nhục hôm nay. Tại sao ta không xa lánh nước Sở đề kết thân với nước Ngô? Ông ta lại nghĩ tới người có tình cảnh tương tự như mình là Đường Thành công, vội vàng sang thăm ngay, để cùng nhau bàn đường tiến thoái.

Đường Thành công với Thái Chiêu hầu cùng bệnh nên dễ hiểu nhau, gặp nhau là tỏ ra vô cùng thân thiết, chưa để Thái Chiêu hầu nói rõ ý định của mình, Đường Thành công đã vội vồ vập nói ngay:

– Đại vương tới thật đúng lúc, quả nhân đang có việc quan trọng muốn bàn với đại vương.

Thái Chiêu hầu hỏi lại:

– Đại vương muốn bàn chuyện gì?

Đường Thành công đáp:

– Trước đây Nang Ngoã đã tước đoạt ngựa quý của quả nhân. Quả nhân không còn trông mong gì ở nước Sở được nữa, quyết tâm trả thù rửa hận, trông mong ở Tấn công, nên mới có cuộc họp ở Thiệu Lăng, tám lộ chư hầu liên minh đánh Sở. Không ngờ liên quân tan rã, cuộc phạt Sở thế là chết yểu nửa đường, mối thù còn chưa trả được. Gần đây

nghe nói Ngô vương nhân hậu, muốn bắt tay với nước Ngô, không hiểu ý đại vương thế nào?

Thái Chiêu hầu và Đường Thành công không hẹn mà gặp, cùng chung mong muốn bắt tay nước Ngô.

Thì ra Tôn Tử cùng một lúc cử Phiếm Khải sang nước Thái, cũng sai người sang nước Đường, lấy danh nghĩa Ngô vương Hạp Lư tặng Đường Thành công một con thiên lý mã, kèm theo một bức thư lời lẽ chan chứa nhiệt tình, khiến Đường Thành công xúc động, quyết chí đi theo nước Ngô. Thế nhưng cả hai bên không hề nhắc đến việc đã nhận quà tặng của Tôn Tử, vì e rằng tổn hại đến nhân cách.

Thái Chiêu hầu nói:

– Quả nhân sang đây lần này, chính vì việc đó, không nghĩ rằng lại để đại vương nói ra trước. Từ xưa người ta đã nói, bà góa nghĩ sao chỉ có bà góa mới biết, có ai hiểu nổi buồn khổ của những nước nhỏ như chúng ta. Hai nước Đường, Thái lúc này điều hơn lẽ thiệt như nhau, mong từ nay về sau cùng tiến thoái.

Đường Thành công tỏ ra rất tán thành, nói:

– Đúng như lời đại vương, những nước nhỏ yếu như chúng ta đáng lẽ ra phải sát vai nhau, cùng nhau chống lại kẻ địch hùng mạnh, không nên tự làm mồi ngon cho hổ báo.

Vua hai nước Đường, Thái trò chuyện rất tâm đầu ý hợp, đã đi đến hiệp nghị gắn bó chặt chẽ, quyết định liên minh với nước Ngô. Sau đó không lâu, đã cử sứ thần sang Cô Tô, lấy tình máu mủ làm tin, bày tò quyết tâm thân Ngô thù Sở.

Theo ý kiến của Tôn Tử, Ngô vương Hạp Lư đã đón tiếp sứ thần hai nước thật long trọng. Sứ thần nước Đường bái yết Ngô vương, nói:

– Từ nay về sau, nước Đường coi quý quốc là nước đứng đầu, quyết tâm cùng sống chết, cùng vận mệnh với quý quốc, mong đại vương đừng vứt bỏ.

Ngô vương nắm chặt tay sứ thần nước Đường nói:

– Quả nhân từ lâu đã ngưỡng mộ Đường công, từ nay về sau, Đường công gắn bó vận mệnh của đất nước với ta như tình anh em, việc này thật đáng vui mừng. Sau khi về nước, xin hãy chuyển tới Đường công tấm lòng này cua quả nhân, Ngô vương Hạp Lư ta xin thề với các bậc thần minh, sẽ giữ tình nghĩa anh em với Đường công.

Đêm ấy Ngô vương mở quốc tiệc để thết đãi sứ thần nước Đường, Tôn Tử và Ngũ Tử Tư… đã cùng tiếp rượu. Trong bữa tiệc, Hạp Lư đã nói với sứ thần nước Đường:

– Với tình hữu nghị của hai nước, lẽ ra quả nhân phải sang thăm nước Đường, tuy nhiên tai mắt của các nước rất nhiều, nên không tiện đi, sau khi về nước, xin cho gửi lời cáo lỗi với Đường công.

Tôn Tử với Ngũ Tử Tư ngồi tiếp rượu, cũng nói xen vào:

– Chúa công tôi đã nói với ngài những lời khẩn thiết, chúng tôi cũng xin thêm vài lời. Từ nay về sau giữa quý quốc và nước Sở có xảy ra xung đột, là tướng soái của nước Ngô,

chúng tôi tất sẽ phụng mạng chúa công, mang hết sức mình ra giúp đỡ quý quốc, cũng xin nói lại với Đường công ý nghĩ này.

Từ đó, nước Đường và nước Ngô uống máu ăn thề liên minh với nhau. Sứ thần nước Thái sang nước Ngô, nước Ngô cũng tiếp đãi như vậy, cũng những lời lẽ đó.

Sứ thần hai nước ra về rồi, Ngô vương mừng ra mặt, càng khâm phục mưu lược của Tôn Tử, khen ngợi:

– Bằng những động tác ngoại giao, nguyên soái chẳng phải tốn một người lính, mà thu được năm vạn quân hai nước Đường, Thái, đó là một thắng lợi lớn lao.

Ngũ Tử Tư ở bên cạnh cũng nói xen vào:

– Tâu đại vương, Sở mất năm vạn, ta được năm vạn, cộng lại là mười vạn ạ!

– Đúng, không phải là năm vạn, mà là mười vạn, ha, ha... Ngô vương vui sướng cười nghiêng ngả.

Hai nước Đường, Thái quay sang dựa vào nước Ngô, đều do có phản ứng với một mình Nang Ngoã. Tôn Tử vốn lắm mưu nhiều kế đã biết khéo léo lợi dụng điều này, khiến hai nước quay sang liên minh với nước Ngô, việc đó đã thu được thắng lợi rất lớn. Nang Ngoã chỉ vì một con ngựa, một manh áo mà để mất hai nước đồng minh, tổn thất đó không thể nói là nhỏ. Tuy nhiên những người bình thường như Hạp Lư, Ngũ Tử Tư... chỉ nhìn thấy những cái cụ thể, hữu hình,

đếm được như năm vạn, mười vạn quân, mà không nhìn thấy số quân Tôn Tử đánh đổi được bằng một cây gươm báu Trạm Lư.

Sở Chiêu vương nhận được một lá thư của Ngũ Tử Tư, trong thư viết rằng:

"Hôn quân vạn thuở Sở Bình vương, chỉ vì nghe lời sàm tâu của Phí Vô Cực đuổi con lấy vợ, giết hại hơn ba trăm người nhà họ Ngũ bốn đời trung lương, tội ấy đáng chém đầu không tha. Nay Sở Bình vương và Phí Vô Cực đều đã chết, nhưng mối hận của ta còn chưa nguôi, không lâu nữa, ta sẽ tiêu diệt nước Sở, rồi ngươi sẽ phải chết bởi tay ta".

Chiêu vương đọc thư, chẳng những không sợ, còn ha hả nói:

– Quả nhân vẫn cứ tưởng Ngũ Tử Tư là hạng tướng tài hiếm có, đọc thư này mới biết, hắn cũng chỉ là hạng thất phu tầm thường mà thôi!

Nang Ngoã thấy khó hiểu liền hỏi:

– Sao đại vương lại nói thế?

Chiêu vương trả lời rất tự tin:

– Nếu ngước Ngô muốn xâm phạm nước ta? Sao còn gửi thư này? Ngô muốn xâm lăng nước ta, nhưng khổ nổi là nước nhỏ lực yếu, nên mới bảo Ngũ Tử Tư viết thư này đe dọa, vờ phô trương thanh thế mà thôi.

Nang Ngoã nghe ra, thấy Chiêu vương nói có lý, liền vái rạp và thưa:

– Đại vương phán đoán sáng suốt, thần khâm phục sát đất!

Nang Ngoã biết Ngũ Tử Tư không phải hạng tầm thường, không thể coi khinh, bèn nói với Chiêu vương:

– Nỗi hận thù của Ngũ Tử Tư với Phí Vô Cực còn chưa tan, nên mới gửi thư này. Chi bằng ta mượn cớ này đào mồ Phí Vô Cực lên, mang đầu lâu của hắn gửi cho Ngũ Tử Tư, để làm tiêu tan mối hận thù trong lòng hắn. Làm như thế, có thể tránh được họa chiến tranh, đó mới là thượng sách vậy!

Chiêu vương cũng đang mong tránh khỏi chiến tranh, nói:

– Lệnh doãn nói rất có lý, Phí Vô Cực muôn người đều căm ghét, có đào mả hắn, gửi đầu hắn đi cũng còn chưa đủ.

Nước Sở đã gửi cho Ngũ Tử Tư cái đầy lâu đã gần mục nát của Phí Vô Cực, Ngũ Tử Tư vung gươm băm loạn xạ một thôi một hồi, gầm thét lên, khóc lóc vì không được trả thù cho cha anh và cả nhà, rồi hỏi Tôn Tử bao giờ đánh nước Sở.

Tôn Tử trả lời rất thận trọng:

– Đánh Sở lúc này, lẽ ra là có lợi cho ta, nhưng còn một mối lo sau này, không thể không tìm cách loại trừ.

Ngũ Tử Tư hỏi:

– Cái gì là mối lo sau này?

Tôn Tử đáp:

– Sự thèm muốn về lãnh thổ của Việt Vương Doãn Thường rất mãnh liệt, về quan văn, hắn có những kẻ tinh khôn như Văn Trọng, Phạm Lãi, quan võ thì có những mãnh tướng như Tư Trữ, Quách Như Niết… lại còn có hàng chục vạn quân đang nhòm ngó, chờ thời cơ để vào nước Ngô. Bọ ngựa bắt ve sầu, nên đề phòng chim sẻ đứng sau lưng, nếu không, họ sẽ thừa cơ mà len vào, ta sẽ lâm vào thế trước mặt, sau lưng đều có địch, chẳng mấy mà tiêu vong.

Ngũ Tử Tư nghe nói vậy, lạnh cả sống lưng, vội hỏi gấp:

– Làm thế nào để đề phòng nước Việt thừa thế xen vào?

Tôn Tử trả lời rất chắc chắn:

– Cử sứ giả sang thăm dò tâm lý của họ, nói rằng muốn đánh Sở, xin họ cho vay quân lương và binh lính. Nếu họ bằng lòng tức là không có ý xâm phạm ta, lúc ấy, ta mới có thể yên tâm đánh Sở.

– Nếu nước Việt từ chối thì ta làm thế nào?

– Ngũ Tử Tư sốt ruột như lửa đốt, hỏi dồn.

Tôn Tử trả lời:

– Nếu nước Việt từ chối, tất sẽ đánh nước Ngô, cho nên trước khi đánh Sở, phải làm tiêu vong nước Việt!

Phiếm Khải sang nước Việt, khẩn khoản với Việt vương Doãn Thường:

– Ngô với Việt là anh em hòa thuận với nhau, vì nước Sở xâm phạm nước tôi nhiều lần, cho nên chúng tôi muốn đánh lại. Đại vương vốn biết nước Ngô thế cô lực mỏng, lấy sức của một nước ra để đánh Sở, thì hết sức khó khăn, cho nên mong quý quốc hết lòng giúp đỡ, mong đại vương hãy nghĩ đến mối tình cảm anh em, giúp nước Ngô về quân lương và binh lính.

Đây là việc lớn của đất nước, Việt vương không dám tự quyết, liền cho mời tể tướng Phạm Lãi, hiền sĩ Văn Trọng, quan võ Tư Trữ và các quyền thần như Quách Như Niết … để bàn bạc. Quan Võ Tư Trữ nói:

– Theo ý của thần thì không thể cho mượn như thế được, nước Ngô đánh nước Sở, tại sao lại phải hy sinh tính mạng binh lính của nước Việt.

Quách Như Niết tán thành ý kiến của Tư Trữ, nói:

– Nước Sở xa, nước Ngô gần, nếu thế lực nước Ngô ngày càng mạnh, sẽ là mối đe dọa lớn với ta, chớ nên làm cái việc ngu xuẩn cõng củi khô đi vào đám cháy như thế!

Việt vương lần lượt gật đầu khen phải, sau đó chỉ vào Văn Chủng hỏi:

– Ý của khanh thế nào?

Văn Chủng vái rạp xuống, thưa:

– Nếu sau này ta muốn mở mang lãnh thổ, không diệt trừ nước Ngô không được, cho nên giúp Ngô là hết sức ngu xuẩn. Ngô có những danh tiếng như Tôn Vũ, Ngũ Tử Tư, không cần phải ta giúp, họ cũng đánh Sở được. Nay họ sang cầu cứu ta, tất là có ý định khác, phải xử trí cho thận trọng.

Việt vương đưa ánh mắt đến chỗ Phạm Lãi, ý muốn nghe tể tướng nói ra cao kiến của mình. Phạm Lãi vốn nổi tiếng về tài trí lược, lúc trời tạnh ông ta mua thuyền phòng nước lũ, đang mùa lũ thì lại lo đắp hồ chứa nước phòng sau này thiếu nước. Lúc được mùa giá thóc gạo hạ, ông dùng tiền kho nhà nước mua vào thật nhiều, khi mất mùa đói kém, lại đem thóc lúa ấy ra bán cho dân chúng với giá rẻ cho nên dân nước Việt luôn yên hàn vui vẻ. Phạm Lãi đã dùng biện pháp đó hơn chục năm, khiến nước Việt trội lên trở thành một nước mạnh, lăm le nhòm ngó nước Ngô. Thấy Việt vương đưa mắt dò hỏi, Phạm Lãi nói:

– Nước Ngô hỏi ta mượn lính vay lương, không phải là xin ta viện trợ, mà chính là để thăm dò xem ta có nhân lúc họ đi đánh Sở mà tấn công vào những chỗ họ không đề phòng.

Việt vương nghe thế hốt hoảng, vội hỏi:

– Vậy thì nên làm thế nào cho phải?

Phạm Lãi nói:

– Nếu chiều theo ý, họ sẽ cho rằng ta sợ, nếu dứt tình, họ sẽ đánh ta trước khi đánh Sở.

Việt vương cuồng lên:

– Chuyện hóa ra rắc rối, làm thế nào bây giờ?

Lặng im suy nghĩ hồi lâu, sau đó Phạm Lãi mới nói:

– Cử sứ thần trịnh trọng đưa một bức thư, nói nước ta hết sức nghèo khó, không đủ sức cho mượn quân, chỉ trợ giúp được quân lương thôi, nước Ngô thấy vậy sẽ yên tâm đánh Sở, lúc ấy ta mới thừa thế lẻn vào, đuổi quân Ngô sang đất Sở, chiếm đất của Ngô làm lãnh thổ, thế mới là thượng sách.

Việt vương thấy rất có lý, bèn trịnh trọng thảo một bức thư, chuẩn bị năm trăm thạch quân lương, sai sứ mang sang nước Ngô. Tôn Tử đọc thư của Việt vương, hỏi ý kiến Ngũ Tử Tư thế nào. Ngũ Tử Tư đáp:

– Đưa sang năm trăm thạch quân lương, chứng tỏ không có ý đánh ta, ta có thể đánh Sở!

Tôn Tử lắc đầu nói:

– Ta lại không nghĩ thế!

– Nguyên soái giải thích thế nào về việc họ đưa quân lương?

Tôn Tử đáp:

– Bức thư này chẳng qua chỉ là một đòn lừa bịp của Phạm Lãi, bởi Phạm Lãi vốn là người rất giỏi quyền mưu.

Ngũ Tử Tư vẫn hoàn toàn không hiểu, liền hỏi:

– Đưa cả năm trăm thạch gạo, sao lại có thể là xảo trá được?

Tôn Tử phân tích:

– Chỉ có quân lương mà không có lính tráng, đây là một cái bẫy đáng gờm! Dùng quân lương để làm yên lòng ta, ta sẽ lập tức đem quân đánh Sở, họ bèn tìm chỗ sơ hở mà đánh vào, không thể không đề phòng!

– Tầm mắt của nguyên soái sắc bén, nhìn suốt mọi vật, nếu đã thế, thì ta đánh họ trước.

– Không được! Họ xử với ta bằng phép lịch sự, ta lại đánh họ, đó là hành vi bất nghĩa vậy.

– Tuy vậy, cũng đừng nên bỏ phí thời gian.

– Câu nói ấy cũng có lý! – Tôn Tử làm ra vẻ hơi suy nghĩ, đúng là cau mày vắt óc, kế liền bật ra. – Thế này nhé, để đề phòng nước Việt xâm lăng, trước khi đánh Sở, sai tướng quân Vương Tôn Lạc đem năm ngàn quân ra trấn giữ tại khe núi Long Môn ở biên giới hai nước. Như thế, ta có thể dấy quân đánh Sở, nước Việt cũng không đánh được ta.

Ngũ Tử Tư lấy làm khó hiểu liền hỏi:

– Nếu quân Việt đến xâm phạm, năm ngàn quân thì chống chọi làm sao?

Tôn Tử cười đáp:

– Vấn đề không ở chỗ quân số nhiều hay ít. Phạm Lãi là người thông minh, thấy ta ém quân ở biên giới Ngô – Việt, tất sẽ biết rằng âm mưu của họ đã bị ta phá tan, dứt khoát không dám đến đánh nữa.

Tôn Tử lệnh tướng quân Vương Tôn Lạc đem quân trấn giữ khe núi Long Môn, sau dùng gian tế phao tin ấy sang đất Việt. Phạm Lãi nghe tin, kinh ngạc và thán phục, than mình chẳng bằng ai, nghĩ bụng: Ta tuy đưa năm trăm thạch lương thực sang cho nước Ngô, nhưng âm mưu lại bị Tôn Tử vạch ra, đem quân ra đóng ở biên giới, xem ra quyền mưu trí lược của người này hơn ta xa, giao chiến với họ, không biết sẽ sa vào bẫy lúc nào, phải hết sức cẩn thận mới được!

Tôn Tử đã đề phòng cẩn thận với nước Việt, liền dấy quân đánh Sở.

CHƯƠNG XXVI

LUNG LINH ÁNH NẾN SÁNG NGỜI ĐỊA ĐỒ

Tôn Tử xưa nay vẫn thoải mái và phóng khoáng, nhàn tản tự do, đúng như người ta nói "áo ướt thì không vướng". Trong đời ông có ba thứ đam mê, một là chơi cờ vây, hai là gảy đàn, ba là múa kiếm. Giữa ông với Hạp Lư, chẳng những phối hợp với nhau rất ăn ý, nhịp nhàng trên chính trị, mà còn là đôi bạn cờ chí thân. Hai người đấu cờ với nhau, thế nào Ngô vương cũng thua nhiều hơn, nhưng hễ có Tôn Tử bên cạnh, Hạp Lư đánh cờ lại thấy rất vui, bởi vì Tôn Tử đánh cờ, tức là bài bình bố trận, chính trong một khoảnh gang tấc ấy, đã chỉ huy thiên binh vạn mã, lần nào Hạp Lư cũng đều thấy học hỏi được ít nhiều, kiến thức ngày càng nâng cao lên.

Nơi ở của Tôn Tử cũng không bao giờ ngớt tiếng đàn, cho dù là quân hai bên đang kịch chiến, máu đẫm chiến trường, vẫn có tiếng đàn từ trong trướng quân, từ trong phòng ngủ của ông vọng ra, tiếng đàn ấy lúc thì du dương, khi thì giục giã, lúc thì dịu dàng, khi dồn dập, tiếng đàn như gửi gắm sự lý giải và thái độ của ông với cuộc chiến, nếu lúc này có ai đó lén vào cửa phòng, thì sẽ thấy Tôn Tử ngồi sau giá đàn, mắt chăm chú nhìn, đầu lắc lư, miệng lẩm bẩm hát thầm. Còn như múa kiếm, là thói quen, là tài nghệ luyện tập hình thành từ ngày còn bé, dưới sự dạy dỗ của ông nội và sự bắt buộc của cha, Tôn Tử chưa bao giờ để gián đoạn, ngày nay đã là một nguyên soái, nắm quân đội đất nước, luyện tập

kiếm còn trở nên cần thiết. Tuy nhiên, những ngày gần đây Tôn Tử lại có điều khác thường, tâm tư nặng nề, ánh mắt đờ đẫn, vẻ mặt u uất, bước chân thất thểu thường lang thang đi khắp hang cùng ngõ hẻm. Hạp Lư nhiều lần sai nội thị đến tận soái phủ mời ông vào cung đánh cờ, nhưng lần nào cũng bị ông khéo léo chối từ. Đàn của ông đã đứt giây, giọng hát của ông cũng khô đặc lại, tiếng đàn mà mọi người vẫn nghe quen, đã lâu không bay ra khỏi bức tường cao của phủ nguyên soái, tựa hồ như cây đàn bảy dây cũng cần nằm một chỗ ngủ đông. Chỉ có múa kiếm là thỉnh thoảng thấy Tôn Vũ vẫn làm, nhưng không phải như trước, nghe gà gáy là dậy múa kiếm.

Bởi vì gần đây ông thường hay mất ngủ, đêm nào cũng trằn trọc, tới sáng không hề chợp mắt. Với Tôn Tử, mất ngủ là chuyện rất hiếm thấy, ngay cả lúc gia đình gặp chuyện chẳng lành, buộc phải lếch thếch trốn sang nước Ngô, ông vẫn cứ đặt mình là ngủ, dù ở trong rừng, trên cát đá... khoanh tay làm gối, nằm xuống là ngáy ran như sấm. Thế nhưng lúc này, đêm nào mi mắt cũng cứng đờ, tròng mắt thì cứ chong chong, nằm trên đệm bông mà cứ như nằm trên gai nhọn, thức như thế đến gần sáng, mới hơi thấy buồn ngủ, bởi thế việc múa kiếm buổi sáng cũng chỉ có thể buổi đực buổi cái. Sinh hoạt mất điều hoà, trạng thái tinh thần cũng thất thường là nguyên do tại sao, Hạp Lư và quần thần, không ai là không rõ như ban ngày.

Sau cuộc hội họp ở Thiệu Lăng, liên quân mười tám nước đánh Sở bị chết yểu, Thái hầu ôm hận mà về. Dọc đường về đã tiêu diệt nước Thẩm, là nước phụ thuộc của Sở không tham dự cuộc họp Thiệu Lăng, bắt sống Thẩm hầu Gia, sau

khi về nước đã đem giết đi. Mùa thu năm ấy, lệnh doãn nước Sở là Nang Ngoã đem quân đi đánh nước Thái, Thái hầu sai sứ thần sang nước Ngô cáo cấp. Tôn Tử thấy điều kiện cho cuộc tấn công nước Sở toàn diện đã chín muồi, bàn với Hạp Lư và Ngũ Tử Tư là sẽ lấy cớ giúp nước Thái, dấy đại quân đánh Sở hỏi tội, thực hiện lý tưởng ôm ấp nhiều năm nay. Không lâu nữa, cuộc chiến đấu diệt nước Sở sẽ bắt đầu, trước cuộc chiến, Tôn Tử cần phải phác ra phương châm và chiến lược, cũng như phương án và biện pháp chiến đấu cụ thể, phải làm sao thật chu đáo và chặt chẽ, đó là một việc lớn quan hệ đến sự mất còn của nước Ngô, nước Sở, đến hàng vận sinh mạng, tiền đồ của thiên hạ, gánh nặng ngàn cân ấy đè lên vai Tôn Tử, khiến ông căng thẳng, mất ngủ.

Một đêm trời cuối thu, Tôn Tử nằm trên giường, trằn trọc như mọi ngày, tâm trí ông, lúc thì kết lại thành một cục băng, lúc lại tan ra thành dòng thác cao muôn trượng, bỗng nhiên trước mắt ông mờ ảo hiện ra cảnh mùa xuân ngàn tía muôn hồng, rồi trong nháy mắt xuân qua thu lại, khắp núi khắp đồng, ngô lúa ngập bờ, hoa trái tốt tươi, quả chín trĩu cành nào đỏ, nào vàng, nào trong suốt, lấp láy… mới đầy đặn biết bao, mới chắc nịch biết bao. Không thể nằm thêm được nữa, Tôn Tử bật dậy như một con cá quẫy, ông nhổm bật ra khỏi giường, châm sáng ngọn nến còn một nửa ở đầu giường, vội vàng vơ lấy mảnh áo khoác lên trên mình, cầm cả cây nến đi vào thư phòng. Dưới ánh nến chập chờn, mọi thứ trong thư phòng xem ra có vẻ tươi sáng rực rỡ hơn, đỏ tươi hơn.

Thư phòng của Tôn Tử thật đơn sơ trang nhã, ở đây chẳng lấy đâu ra những thứ đồ cổ đắt tiền, cũng chẳng có bàn ghế

bằng gỗ lim gỗ gụ chạm trổ cầu kỳ, mà ở đây chỉ toàn là thẻ tre và thư tịch, ngoài ra là tứ bảo văn phòng, ghế ngồi và án thư đều rất thông thường, tuy xem ra rất lạnh lẽo, nhưng ở đây Tôn Tử đã từng trằn trọc bao đêm. Mười ba bài "binh pháp" đã ra đời ở đây, hoàn thành bản thảo, từng phương án chiến đấu để thắng địch, quốc sách trừng trị bọn hủ bại để nước mạnh quân khoẻ cũng được khởi thảo ở đây… Gian phòng nhỏ này, có thể coi như nguồn sáng chiếu dọi toàn nước Ngô, là cội nguồn khiến nước Ngô từ yếu trở thành mạnh. Tôn Tử cầm cây nến đi thẳng đến trước một tấm bản đồ vẽ trên một vuông lụa khổ lớn treo trên tường ở giữa thư phòng, chăm chú nhìn vào mỗi dãy núi, mỗi dòng sông, hồ, đầm, thành phố hay thị trấn lớn nhỏ vẽ trên đó, là kết tinh sự cần cù chịu khó của ông trong mấy tháng trời, là kết quả của những đêm thức trắng, thu hoạch sau những giờ suy nghĩ nhức óc, dưới ánh nến lung linh, tấm bản đồ rộng lớn như một ngọn lửa đang rực cháy, như ánh ban mai bừng lên, nó mới tươi đỏ làm sao, rực rỡ làm sao, huy hoàng xán lạn làm sao…

Tôn Tử giơ cao ngọn nến, dưới ánh sáng lung linh, những nét vẽ đơn điệu trên vuông lụa thô bỗng trở nên như hoa như gấm. Mắt ông tuy chăm chú nhìn vào từng chỗ trên bản đồ, nhưng đầu óc lại đang bồi hồi nghĩ đến những trận mưa gió phong ba trong mười ba năm trời nay kể từ sau ngày hai nước Ngô – Sở giao tranh ở Kê Phụ.

Những ý nghĩ hiện lên trước hết trong đầu Tôn Tử là tình thế của các nước vùng trung nguyên. Năm 519 trước công nguyên, tức là cùng năm với cuộc chiến xảy ra ở Kê Phụ, hoàng tử Triều – em của Chu Kính vương tranh giành ngôi

báu với anh mình, Kính vương ra Cảnh Tuyền để lánh nạn, như thế hai vương cùng tồn tại, kéo dài tới ba năm trời.

Năm 516 trước công nguyên Lỗ Chiêu công bị Tam hoàn đuổi đi, sang nước Tề, học thiều và trao đổi với Tề Cảnh công những vấn đề chính trị, nêu ra thuyết "quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử". Mùa thu năm sau, Tề Cảnh công mưu nạp Lỗ hầu, họp các chư hầu ở Chuyên Lăng. Nước Tấn lúc ấy do Sĩ Ưởng nắm chính quyền, cũng từng mấy lần hội họp chư hầu và các đại phu, bàn mưu kế ổn định nhà Chu và nạp Lỗ hầu.

Năm 517 trước công nguyên, Tấn Khoảnh công họp với đại phu các nước Lỗ, Tống, Vệ, Trịnh, Tào, Chu, Đằng, Tiết và Tiểu Chu ở Hoàng Phụ, chuẩn bị năm sau thì đưa Kính vương về Vương thành, sai chư hầu chở lúa gạo đến cấp đỡ cho nước Chu, Tống đại phu Lạc Đại Tâm chống lệnh đó.

Mùa thu năm 515 trước công nguyên, lại họp các chư hầu và đại phu ở đất Hộ, một là mưu tính nạp Lỗ hầu, nhưng do nhận đút lót của Quý Bình tử, mà Quý Bình tử lại nắm chính quyền ở Lỗ, rất thân với khanh tướng nước Tấn, cho nên lại thôi; hai là định để Lỗ đánh Tề, nhưng do nhận đút lót của Tề, nên cũng thôi. Hai nước Tấn, Sở lúc đó còn phải giữ cam kết Tống Tây môn, nên hai bên không xâm phạm nhau.

Tôn Tử giơ cao cây nến từ phía bắc hạ dần xuống phía nam, soi sáng vùng bản đồ nước Sở. Luồng suy nghĩ của ông cũng chuyển từ các nước trung nguyên thành tình thế lúc này của nước Sở.

Năm 529 trước công nguyên, Sở Bình vương đã ép chết Sở Linh vương rồi tự lên ngôi, sáu năm sau, lại lập con mình là Mê Kiến làm thái tử, Ngũ Xa, con Ngũ Cử, là cha của Ngũ Viên sau này, làm thái phó. Nhưng thái tử Kiến không ưa Phí Vô Cực, thế nên Phí Vô Cực coi Thái tử Kiến như cái gai trong mắt, như cái giằm trong thịt, lúc nào cũng muốn đẩy vào chỗ chết. Lúc này, Sở Bình vương đã hỏi Doanh Thị là em gái Tần Viên công cho Thái tử Kiến làm vợ, lệnh cho Phí Vô Cực đi đón về. Thấy Doanh thị có chút nhan sắc dễ coi, Phí Vô Cực lại muốn lấy lòng Bình vương, đề nghị ông này nhận lấy làm vợ mình, Bình vương làm theo lời đề nghị đó. Phí Vô Cực đã khéo léo dùng mưu đổi áo, lấy trong đám con gái đi dẫn dâu ra một người để làm vợ thái tử. Muốn cho Bình vương xa lánh Thái tử, lại đề nghị cho xây một toà thành mới ở Thành Phụ, ở biên cương xa xôi phía bắc nước Sở, để khống chế đường giao thông huyết mạch phía bắc, nhằm tranh chư hầu với nước Tấn, từ đó tranh giành Lục, nắm quyền khống chế nước Trịnh. Hai năm trước đó, Tuân Ngô của nước Tấn tiêu diệt người Nhung ở Lục Hỗn, Lục Hỗn tử chạy sang nước Sở, thế lực nước Tấn lúc này đã vươn ra tới khu vực Lục Hỗn, trực tiếp đe doạ an toàn biên cương phía bắc của nước Sở. Phí Vô Cực đã lấy lý do đó, đề nghị cho Thái tử Kiến ra đóng ở Thành Phụ để trấn giữ biên cương phía bắc. Sở Bình vương nghe theo. Kế ly gián Sở Bình vương với Thái tử Kiến do Phí Vô Cực bầy ra lần nào cũng trót lọt, Thái tử Kiến ở bên ngoài xa cách kinh đô, thế là mùa xuân năm sau, hắn lại sàm tấu lên Sở Bình vương:

– Thái tử Kiến với Ngũ Xa định ở ngoài Phương Thành mưu phản, xây dựng đất nước riêng của mình, vào hùa với Tống,

Trịnh; mà hai nước Tề, Tấn lại giúp nhau, muốn hại nước Sở. Việc này sắp thành đến nơi.

Giữa Sở Bình vương với Thái tử đã sẵn có mối hiềm khích, Thái tử đẩy lên tới mức phản loạn, điều đó hoàn toàn có thể xảy ra, nên nghe nói thế Sở Bình Vương liền tin là thực, cho vời Ngũ Xa về Sính đô để trách hỏi việc này. Những lời khuyên bảo thẳng thắn của Ngũ Xa đã làm cho Sở vương nổi giận, lệnh cho tư mã Thành Phụ là Phấn Dương giết Thái tử Kiến. Thái tử Kiến chạy sang nước Tống, đi nước Tấn, rồi lại sang Triệu, bị người nước Trịnh giết. Sở Bình vương cho vời hai con của Ngũ Xa là Ngũ Thượng, Ngũ Viên về Sính đô định giết cả hai. Ngũ Thượng về kinh, còn Ngũ Viên thì mang con trai Thái tử Kiến là công tử Mê Thắng chạy sang nước Ngô. Bình vương đã giết cha và anh của Ngũ Viên cùng cả nhà hơn ba trăm người. Sau khi chạy sang nước Ngô, Ngũ Viên ngày đêm toan tính đánh Sở, bởi thế nên hai nước Ngô Sở càng thêm nhiều chuyện rắc rối.

Tháng 9 năm 516 trước công nguyên, Sở Bình vương qua đời, con trai do Doanh Thị – người Sở Bình vương đã lấy làm vợ đẻ ra là Chẩn lên ngôi, tức là Sở Chiêu vương. Năm sau, giữa Phí Vô Cực với đại phu Bá Khước Uyển có hiềm khích, Bá Khước Uyển lại là con trai của Thái tể Bá Châu Lê. Phí Vô Cực liền sàm tấu lên lệnh doãn Nang Ngoã. Vốn là một kẻ tiểu nhân tham tàn ngu muội, Nang Ngoã liền nghe theo và giết cả nhà Bá Khước Uyển và tộc đảng. Con trai của tiền lệnh doãn Dương Cái là Dương Lệnh Chung và em là Hoàn, Đà, đại phu Tấn Trần và con em của ông ta đều bị giết hết. Con trai Bá Khước Uyển là Bá Bỉ trốn sang nước Ngô, cùng Ngũ Tử Tư mưu diệt Sở để đền nợ nước trả thù nhà.

Tôn Tử lại nâng cây nến dịch sang bên phải rồi soi xuống phía dưới, ánh lửa đã soi sáng bờ cõi nước Ngô, tình thế chính trị lúc này của nước Ngô chợt ào lên trong suy nghĩ của ông, đẩy xa mọi ý nghĩ khác.

Phu nhân của Ngô vương Thọ Mộng sinh được bốn người con trai là Át, Đới Ngô, Câu Dư, Quý Trát. Còn Kỳ Như phu nhân (vợ khác của Ngô vương) cũng sinh bốn con trai là Quyết Do, Châu Vu, Yểm Dư, Chúc Dung. Trong tám người con trai thì Quý Trát là người hiền lành nhất, Ngô vương Thọ Mộng muốn để người này nối ngôi, nhưng Quý Trát còn chưa được lập làm Thái tử thì Thọ Mộng đã chết, Át theo ý cha, nhường ngôi cho Quý Trát, nhưng Quý Trát không nhận, lỉnh đi cày cấy ở Diên Lăng, thế là Át lại phải lên ngôi, đó là Ngô vương Chư Phàn. Chư Phàn ở ngôi được mười ba năm, lúc lâm chung để di chúc lại, dặn rằng ngôi vua thì anh chết em thay, nên truyền ngôi cho Đới Ngô, đó là Ngô vương Dư Tế. Dư Tế ở ngôi được ba năm thì chết, em thứ ba là Câu Dư lên ngôi, đó là Ngô vương Dư Muội. Dư Muội ở ngôi được mười bảy năm thì chết, Quý Trát vẫn không muốn nối ngôi, người con trai của Dư Muội đang nắm giữ binh quyền bèn thế chân vào, đó là Ngô vương Liêu. Công tử Cơ Quang là con trai cả của Chư Phàn, cho rằng Quý Trát đã không chịu nhận ngôi vua, thì đúng ra phải nhường cho hắn mới phải, cho nên đã dần dần nảy ra mưu mô thoán đoạt cướp ngôi.

Mùa hè năm 515 trước công nguyên, công tử Quang nhân dịp Ngô vương Liêu sai con em thân tín của mình đi đánh nước Sở, đã lập mưu giết vương Liêu, rồi tự xưng làm vua, đó là Ngô vương Hạp Lư. Ngay trước khi chiếm ngôi vua,

Hạp Lư cũng đã mấy lần đem quân đánh Sở, nhiều lần quẩn quanh với quân Sở ở vùng Giang Hoài. Những trận đánh ở Trường Ngạn và Kê Phụ, quân Ngô đã lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh… tất cả đều là mưu lược của Hạp Lư. Hạp Lư lại là người sáng suốt anh dũng, luôn được mọi người tin cậy. Sau khi lên ngôi, lại càng nung nấu ý chí chiến thắng nước Sở, để giành quyền bá chủ vùng Giang Hoài. Ông khắc khổ phấn đấu vươn lên, rất chịu học hỏi, thành khẩn nghe lời khuyên bảo, dũng cảm sửa sai lầm; ông thương yêu nhân dân, ăn uống đơn giản, chỗ ở cũng xềnh xoàng, nhà ở không tô vẽ, đồ dùng không chạm khắc cầu kỳ, cung thất không bao giờ thèm ngó tới, thuyền xe không vẽ vời. Vào đúng lúc này, Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ, mang theo mối thù lần lượt trốn sang nước Ngô cùng Hạp Lư tích cực mưu chiếm nước Sở, Ngũ Tử Tư còn phụng mệnh của Hạp Lư, khẩn khoản mời Tôn Vũ hạ sơn. Hạp Lư ban đầu xếp Ngũ Tử Tư làm hành nhân, Bá Bỉ là thái tể, Tôn Vũ làm khách khanh, tiếp đó lại phong Tôn Tử lên làm quốc chính. Từ đó quân thần trên dưới, hợp sức đồng lòng, trừng trị hủ bại, cải cách, tìm đường làm cho nước giàu quân mạnh, khơi dậy nguồn lợi cá, muối, núi rừng, khích lệ nghề làm thợ, đi buôn, làm cho nước Ngô ngày càng giàu có.

Đồng thời căn cứ vào tình hình đất nước, kết hợp địa thế tác chiến ở vùng Giang – Hoài, ông đã lập ra ba quân. Mỗi quân cử một người làm tướng, một người làm phó tướng, xe hai cỗ, trên cắm cờ mặt trăng mặt trời, lại cắt cử ra các chức như tấn cổ, hiệp kinh, bỉnh phù, có khoảng một vạn một ngàn hai trăm người. Mỗi quân sẽ quản hạt mười tinh, mỗi tinh cử ra một người làm bế đại phu, nắm công việc dựng cờ quạt, thúc trống, cầm chịch… mỗi thứ một người, chủ yếu là để gõ

tiếng, phát lệnh, hiệp kịch một người, chuyên lo việc văn thư mưu lược. Mỗi tinh có tất cả chừng một ngàn một trăm mười người. Mỗi tinh có mười hành, mỗi hành có quân số là một trăm người, hành quan có một người là thượng sĩ, hành soái ba người, chấp đạc một người, chủ yếu là giữ cái chuông báo hiệu và ra lệnh, chấp kê một người chuyên lo sổ sách cung cấp, kiến phan một người, chuyên lo việc cờ, tàn, phướn; chấp thuẫn một người chuyên giữ tấm lá chắn làm tiêu chí để nhận ra đơn vị, quan quân mỗi một hành là một trăm mười người.

Quân thứ hai và quân thứ ba, biên chế cũng giống quân thứ nhất. Ba quân biên chế như trên tất cả chừng ba vạn ba ngàn sáu trăm người. Việc biên chế tổ chức ba quân của nước Ngô đã đâu vào đấy, Hạp Lư lệnh cho Tôn Tử tuyển luyện tướng sĩ, diễn tập chiến trận. Bản thân Hạp Lư cũng thường sống lẫn với lính tráng, đồng cam cộng khổ với họ, cùng ở, cùng ăn uống với họ, thế là quân tâm, sĩ khí đều phấn chân, ngay cả những lúc đứng trước thiên tai lớn hiếm thấy trong lịch sử, cũng không hề xao nhãng việc tập luyện quân sự và thực hiện chiến lược lâu dài làm tiêu hao nước Sở.

Cầm cây nến trên tay, lúc soi sang nước Sở, lúc lại soi sang nước Ngô, Tôn Tử cứ soi đi soi lại, ngắm đi ngắm lại những miền sông núi nước non giàu có của hai giải đất Ngô – Sở, trong óc ông hiện lên những hình ảnh, những sự việc từng xảy ra sáu năm nay trong cuộc giao chiến giữa hai nước. Trong cuộc chiến này, nước Sở đất đai rộng hàng ngàn dặm, quân lính đông, với hàng ngàn cỗ chiến xa, lại có cả chục nước phụ thuộc ở quanh mình, nhân dân giàu có, lực nước dồi dào, việc phòng bị chiến tranh rất đầy đủ. Trước đây các

nước chư hầu trung nguyên nhiều phen đem quân đánh Sở, cũng chỉ đánh để ngăn chặn họ không mở rộng ra bên ngoài mà thôi, chứ chưa từng có ai dám nghĩ đến việc đánh vào tận kinh đô, tiêu diệt cả một quốc gia, nếu so sánh với Sở, thì Ngô là nước nhỏ yếu, thế mà lại muốn chiếm kinh đô người ta, diệt đất nước người ta, chẳng hoá ra châu chấu định đá xe, kiến càng lay cổ thụ hay sao?

Sự thực hoàn toàn ngược lại, cùng với thời gian trôi đi và số lần giao chiều ngày một nhiều giữa hai nước, nước Sở lớn mạnh ngày càng suy yếu đi, nước Ngô nhỏ bé ngày thêm lớn mạnh. Như thế thì rốt cuộc là tại sao?

Cuộc chiến tranh lấy ít đánh nhiều, dùng yếu chống khoẻ, không thể giành bằng sức mà phải bằng mưu, không thể trông mong vào chuyện đánh một trận mà phá tan được sức chiến đấu của họ, phải vận dụng mưu lược đánh lâu dài, ly gián đất nước họ, phân tán ý chí chiến đấu của họ, tiêu hao sức lực họ, sau đó mới thừa cơ đánh một trận để phá tan. Thời Ngô vương Liêu, Ngũ Viên mới sang nước Ngô, đã khuyên Ngô vương những lợi ích của việc đánh Sở, nhưng Công tử Quang đã ngăn lại, bởi thời cơ chưa chín muồi. Đến năm 511 trước công nguyên, quân Ngô đánh Di, Lục, Tiềm của nước Sở, quân Sở đến cứu thì quân Ngô rút đi. Quân Ngô lại đánh Huyền, quân Sở đến cứu, quân Ngô lại rút. Sau cùng, khi quân Ngô đại phá quân Sở ở Dương Ấp, Hạp Lư đang muốn thừa thắng công phá nước Sở, thì Tôn Vũ lại ngăn lại, cho rằng thời cơ vẫn chưa chín muồi. Theo đặc điểm địch mạnh ta yếu, nước Ngô đã vạch ra một chiến lược lâu dài để tiêu hao địch, cụ thể chia ba cánh quân để quấy rối, cánh quân này ra, bên kia tất phải ra; bên kia kéo quân

ra, thì bên này quay về; khi nào họ quay về thì ta lại ra làm thế quân Sở sẽ mỏi mệt dọc đường. Quấy rối như thế nhiều lần để làm cho địch mệt mỏi và sẽ trễ nải nhiều mặt, đã mệt mỏi, sau đó lại dồn cả ba quân lại, nối tiếp nhau đánh sâu vào đất địch, nhất định sẽ thắng lớn. Nước Ngô đánh nước Sở, chẳng những là cuộc chiến tranh lấy ít đánh nhiều, mà là một cuộc viễn chinh. Bởi vậy, phải tính trước đến khả năng các nước khác nhân chỗ sơ hở đánh úp.

Trong những nước láng giềng của Ngô như Chung Ngô, Từ và Việt, hoặc là nước phụ thuộc hay đi theo nước Sở, hoặc là thân cận hữu hảo với nước Sở. Mà Chung Ngô với nước Từ đã lần lượt tiếp nhận hai người lưu vong của nước Ngô là công tử Yểm Dư và Chúc Dung; nước Việt thì thường giúp Sở đánh Ngô. Từ và Chung Ngô xuống phía nam, sẽ gây nên mối nguy là chặn mất đường lui của quân Ngô; nước Việt lên phía bắc cũng là sự đe doạ đến kinh đô nước Ngô, bởi vậy, trước hết phải đánh Chung Ngô, Từ và Việt, đánh tan quân của họ là chặt vây cánh của Sở, rồi xây thành cao lên cố thủ, sẽ tránh được mối lo sau này. Sáu năm nay, vua tôi nước Ngô rất chú trọng dùng gián điệp, bỏ một số lớn tiền của ra mua chuộc Diên Hoài Viễn, rồi Phong Hồ nói về gươm báu ở triều đình nước Sở, làm tê liệt tinh thần của Sở Chiêu vương, khiến ông ta ngán chiến tranh, chỉ muốn cầu an, một dạ chăm chú vào việc chơi bời hưởng thụ, dùng một người làm gián điệp, có thể thắng được hàng triệu hùng binh. Sáu năm nay, nước Ngô hết sức chú trọng "đánh ngoại giao", Đường, Thái vốn là các nước phụ thuộc nước Sở, vì nước Sở tham lam vơ vét nên làm cho hai nước này lìa bỏ, trong khi đó nước Ngô lại tỏ ra đồng tình và hào hiệp đón nhận.

Cuộc hội họp ở Chiêu Lăng, nước Tấn hô hào chư hầu mười tám nước, ngay cả những nước xưa nay vẫn ngả theo nước Sở như Trần, Hồ, Hứa, Đốn, cũng đến dự, nước Sở đúng là lâm vào cảnh bị nhiều người phản lại mà người thân lại lánh xa. Sĩ Ưởng nước Tấn do dự quả đoán để mất dịp tốt này, vua tôi nước Ngô thì lại quyết đoán nhanh chóng, nên đã lợi dụng dịp này, cử sứ thần lần lượt đến hai nước, tặng ngựa dâng áo, bày tỏ lòng quyến luyến, kết thành tình anh em ruột thịt. Đánh nước Từ, Chung Ngô, các dân tộc Đông Di và nước Việt, chỉ nghiêm chỉnh trừng trị bọn vua tôi ngoan cố bướng bỉnh, còn với đông đảo dân chúng, quân Ngô lại luôn tỏ ra thân thiện, giúp đỡ, yêu mến… nên người dân những nước này luôn coi quân Ngô như anh em, ngưỡng vọng Ngô vương như một vị cứu tinh, ở đâu cũng tìm cách giúp quân Ngô. Thời gian này nước Ngô còn có nhiều tính toán với tướng quân Tử Tất nước Sở, bầy chuyện xem bói, chữa bệnh cho hắn, cho đạo quân thua trận của hắn được trở về với tư thế chiến thắng. Mặc dù trước mắt còn chưa có hiệu quả gì rõ rệt, nhưng trong tương lai có thể phát huy tác dụng.

Không biết như thế bao nhiêu lâu, ngọn nến sắp cháy hết, giọt nến nhỏ xuống rát cả tay Tôn Tử, ông mới từ cõi sâu xa suy nghĩ trở về với thực tại, bất giác bỗng thấy nực cười. Thật vậy, đây đâu có phải là xem bản đồ, mà là ôn lại lịch sử, đúc rút kinh nghiệm. Tôn Tử lúc này, tựa hồ như một ông thợ may cao cấp, vải đã để trước mặt, đồ nghề cũng sẵn sàng, trước khi hạ kéo, phải cân nhắc đo lường thật cẩn thận kích thước của người sẽ mặc tấm áo này, đúng như người ta thường nói "đo thân mà cắt áo", mới có thể mặc vào vừa vặn thoải mái, ai nhìn cũng thấy đẹp thấy sang … ông cũng giống như một người thợ xây, muốn xây một toà lầu cao,

qua sáu năm trời phấn đấu gian nan, đến nay đã xây xong móng, ông muốn thân chinh xem xét lại một phen, xem có hợp với yêu cầu và mức độ đã đề ra, xây đá xây gạch lên nền móng đó, lợp ngói lên mái, liệu có sập đổ được không?

Nến đã cháy hết, cần phải thay thêm, không phải một cây, mà phải thay vài cây, bởi vì trước khi trời sáng, ông phải hoàn thành công việc thẩm tra trên địa đồ, không được qua loa đại khái, cho dù chỉ là một sai sót nhỏ, cũng có thể khiến hàng ngàn hàng vạn người phải đổ máu hy sinh vô ích. Bởi vậy, khoảng thời gian về cuối, ông càng phải kiềm chế mình, không được suy nghĩ lung tung mà phải tập trung hết lực vào tấm bản đồ, cân nhắc thận trọng.

Nguồn sáng toả từ một cây nến là không đủ, hơn nữa không thể dùng tay đưa đi đưa lại mà soi mãi. Trong thư phòng của mình, cho dù có đen như đổ mực, cũng có thể làm được nhiều việc nhờ quen mọi chỗ và nhờ xúc giác nhạy bén... huống hồ là ngoài song cửa kia đang có ánh trăng thâu đêm chiếu vào phòng khiến mọi thứ thấy thấp thoáng chập chờn. Bởi ông không muốn đánh thức vợ và người hầu nên đã tự mình đi tìm những chân nến đặt ngay trên mặt đất, gắn nến lên trên các chân, lần lượt thắp sáng, ánh sáng trong phòng dần sáng lên như ban ngày. Lửa nến cháy quanh, ánh sáng ngời lên lung linh, căn phòng trở thành một khoảng trời nhuộm say bởi ánh hào quang, mỗi đường nét trên tấm bản đồ, đầu như đang hào hứng nhảy múa, như muốn reo cười, muốn vỗ tay hò hát, mang hết sức phô bày sự tồn tại, vị trí quan trọng của mình. Bản đồ treo cao phía trước, hàng cây nến như dồn lại phía sau, Tôn Tử tay cầm bút son đứng ở khoảng giữa, nhíu mày tập trung suy nghĩ,

chăm chú nhìn vào mỗi một vị trí bé nhỏ trên bản đồ. Có thể do quá mệt mỏi, có thể do tinh thần quá căng thẳng, có thể tinh lực tập trung quá mức hay sao đó, chợt quay mình lại, Tôn Tử giật bắn mình bởi có một gã vừa to vừa đen đứng sừng sững đối diện với tấm tấm bản đồ. Gã cao lớn ấy đầu như cái đấu, không nhìn rõ mặt mũi, đứng lù lù chiếm hết nửa gian phòng.

Một đại gia về binh pháp, đương nhiên không tin ở chuyện quỷ ma, nên có phần gan dạ hơn người khác. Ông trấn tĩnh lại mình, thậm chí nhắm mắt lại một thoáng cho tinh thần thư thái, chưa vội phán đoán và kết luận. Một hồi lâu sau, ông mới bàng hoàng vỡ lẽ ra, cái gã đen to lù lù đứng đó, chính là cái bóng của mình. Sau một hồi lo sợ hão, ông bỗng thấy tức cười ngay cả với mình, đến nỗi còn ngộ nhận đó là thích khách của nước Sở sai tới. Ông nhìn lại lần nữa cái gã đen ấy không biết cao lớn hơn mình đến mấy lần. Ông đứng lại càng gần hàng cây nến, hình tượng cái bóng đen ấy càng cao lớn, cũng may mà có mái nhà chặn lại, chứ nếu không còn vươn mãi lên cao, chưa biết đến đâu. Ông bỗng thấy hay hay, bất giác nghĩ tới những lời đồn đại về mình trong xã hội, nó đã đạt tới mức thần kỳ, cũng chẳng sát với thực tế chút nào như cái bóng bây giờ, không biết hàng trăm năm sau, sẽ còn đồn thổi lên đến đâu, thật là một điều đáng ngại! Cái bóng là một thứ hư hảo, có được nhờ nguồn sáng, khi nguồn sáng ấy mất đi, cái bóng không còn tồn tại nữa, chỉ còn lại bản thân người với vật, đó mới là thực tại. Ông mong sao cho Tôn Vũ được đồn đại trên đời, mãi mãi là thực thể khách quan, không phải là cái bóng hư ảo.

Một tiếng gà đâu đó gáy lên lần nữa kéo Tôn Tử từ những ý nghĩ xa xôi trở về với thực tại, lúc này, chỉ còn khoảng một canh giờ nữa là trời sáng hẳn, cần phải ráo riết thẩm tra lại bản đồ mới được. Cạnh án thư có một cái thau, đã đựng đầy nước trong và ngâm sẵn ở đó một chiếc khăn mặt, người hầu đã để sẵn cho ông đêm đến rửa mặt cho tỉnh táo. Đêm khuya không ngủ, đó là thói quen của Tôn Tử hình thành từ nhiều năm nay, nhưng lúc ấy hoặc là ông đọc sách, hoặc làm thơ phú, viết văn, hoặc vạch kế hoạch tác chiến, phương án chiến đấu... lâu dần khó tránh được những cơn mệt mỏi từ đâu ập đến. Mỗi lúc như vậy, dùng tấm khăn đã được ngâm trong nước lạnh lau lên mặt, bỗng cảm thấy tinh thần phấn chấn, hăng hái như ban đầu. Người hầu phát hiện ra thói quen đó của ông, bèn im lặng mỗi hôm để sẵn cho ông một chậu nước như vậy. Ngay cả những ngày đông giá rét, cũng vẫn như vậy. Tôn Tử bước đến bên chậu nước lau mặt xong, trở lại trước tâm bản đồ, ông gác bỏ mọi ý nghĩ sang một bên, tập trung hết tinh thần vào từng đường nét, từng chấm đen trên bản đồ.

Dân tộc Kinh Sở, tuy là một nhánh của tập đoàn Lê Miêu, nhưng tộc người họ Hùng của Sở vương, lúc đầu lại cư trú ở vùng đầu nguồn Trường Giang. Khởi tổ của nước Sở là Cúc Hùng thụ phong ở Đan Dương. Sau này thị tộc họ Hùng dần di chuyển sang phía đông, thôn tính các bộ lạc Lê Miêu ở Ngạc Tây, đến thời Sở vương Hùng Cừ, dần mở mang đến vùng đất phía đông tỉnh Hồ Bắc, phía bắc tỉnh Giang Tây ngày nay, Văn vương Hùng Tư liền dời đô đến Sính. Ở phía đông Sính đô vẫn còn là vùng đất hoang vu, dã thú thường xuyên vào ra, cũng là vùng đất người Man Di ra vào. Lúc bấy giờ trung tâm văn hoá ở trung nguyên, dân tộc Kinh Sở ngay

từ sớm đã tiếp xúc với tộc người Hạ ở trung nguyên, thời thượng cổ có thuyết nói rằng Chúc Dung là cháu nội của vua Chuyên Húc, từ đó có thể suy diễn ra rằng, văn hoá của dân tộc Kinh Sở, so với các man tộc cắt tóc xăm mình ở phía đông, có phần nào cao hơn một chút. Lại nhìn từ lịch sử của nước Sở, từ sau khi Hùng Cừ mở mang vùng trung du Trường Giang, phía đông ra đến Việt Chương, tức phía bắc ra khỏi vùng núi Dự Chương và núi Đồng Bách, để tranh giành vùng trung tâm văn hoá trung nguyên.

Ông ta dần dần thôn tính và tiêu diệt nhiều nước nhỏ, họ Cơ ở phía đông Hán Thuỷ, nước Đặng, Thân, Tức... vào đến vùng đất bên lề phía nam trung nguyên, cho nên thời kỳ đầu con đường thông từ nước Sở đến trung nguyên chủ yếu từ nước Thân đến biên giới các nước Hứa, Trịnh. Từ sau khi Sở Thành vương bị ép buộc bởi minh ước ở Chiêu Lăng với Tề Hoàn công và cuộc chiến ở Thành Bộc với Tấn Văn công, con đường tiến lên phía bắc của nước Sở bị chặn lại, nên mới quay ra phát triển sang phía đông. Năm 624 trước CN, Sở Mục Vương bắt đầu phát triển sang lưu vực sông Hoài, vùng đất này vốn là nơi những tộc người Di tản cư chiếm giữ, chủ yếu gồm các nước nhỏ như Giang (tây nam huyện Tức – Hà Nam bây giờ), Lục (thành phố Lục An, tỉnh An Huy bây giờ), Liêu (phía đông huyện Cố Thuỷ, Hà Nam bây giờ) và Quần Thư (vùng huyện Thư Thành, Đồng Thành tỉnh An Huy bây giờ). Năm 623 trước công nguyên, nước Sở diệt nước Giang, năm sau lại diệt nước Lục và nước Liêu. Từ sau khi diệt và chiếm hai nước Lục, Liêu, nước Sở liền biến hai nước này thành căn cứ địa để kinh doanh ở lưu vực sông Hoài, cho đóng quân đông đảo ở đấy, có dịp là tiến về phía đông, bởi vậy, các dân tộc Đông di ở vùng quanh đó và các nước nhỏ

Quần Thư, không nước nào không khiếp sợ nước Sở. Đã phát triển sang phía đông, nước Sở lại mở ra con đường từ Sính Thành kinh đô nước Sở, vượt qua vùng núi Dự Chương sang đến vùng núi của hai nước Liêu, Lục. Vì thế lực của nước Sở tiến sang phía đông, tới khu vực Đông Di của lưu vực sông Hoài và như thế sẽ có sự va chạm với nước Ngô vốn ở vùng hạ lưu Trường Giang, thế lực cũng đang phát triển sang lưu vực sông Hoài.

Ngô và Sở đều là những nước mới trỗi dậy, hai nước khoẻ gặp nhau, thế tất xảy ra tranh đấu. Còn như các bộ lạc Đông Di vốn ở dải trong lưu vực sông Hoài, đối với sự xâm phập của hai nước Ngô và Sở, họ đều coi là kẻ thù từ bên ngoài, không so bì dày mỏng thấp cao. Nhưng trên thực tế, dân tộc Đông Di cùng ở hạ lưu Trường Giang với nước Ngô đã lâu đời, giữa họ có mối quan hệ tình người và huyết thống qua lại với nhau rất mật thiết. Hơn nữa, nước Ngô lại thành thạo với việc đi lại bằng thuyền bè sông nước, sự buôn bán và qua lại về kinh tế giữa vùng Giang – Hoài đã làm sâu sắc, khăng khít thêm mối quan hệ đó. Còn như nước Sở, lại từ vùng trung du Trường Giang tới, phạm vi họ thâm nhập vào vùng dân tộc Đông Di, chỉ là chuyện trong vòng mười năm từ thời Sở Mục vương trở đi, hơn nữa Sở Mục vương lại dùng vũ lực tiêu diệt các nước Giang, Lục, Liêu, chiếm đất, cướp bóc của cải của họ, giết hại đồng bào họ, sau đó đóng giữ luôn ở đó vơ vét cướp bóc, đó là hành động xâm lược, ác động như dã thú, đương nhiên điều đó đã khơi dậy lòng căm ghét và sự phản kháng của các dân tộc Đông Di. Bởi vậy, nước Ngô ra quân ở lưu vực sông Hoài, đánh nhau với nước Sở, là xuất hiện như người bảo vệ cho các dân tộc Đông Di, nên đi đến

đâu cũng được các dân tộc Đông Di đón đợi và giúp đỡ, hành quân hay chiến đấu, đều rất thuận lợi.

Cuộc tranh chấp giữa hai nước Ngô – Sở diễn ra trên cả một vùng rộng lớn giữa hai lưu vực Giang – Hoài, đây là chiến trường chính của cuộc chiến, sau khi quân Ngô đánh bại quân Sở, sẽ xâm nhập vào biên giới nước Sở, tất phải tiến dọc theo Trường Giang và Hoài Hà. Bởi vậy, trước khi xảy ra chiến tranh, Tôn Tử đã xem xét lại địa đồ và lấy vùng Giang – Hoài là trọng điểm.

Một là vùng núi Dự Chương. Dãy núi Dự Chương bắt đầu từ phía nam vùng nước Thân, Đặng thuộc nước Sở kéo dài sang đông tới phía tây nước Lục và Quần Thư, núi cao nhấp nhô, đường đi gập ghềnh, vốn là phòng tuyến kiên cố bên trong nước Sở, thế nhưng nước Sở ở phía bắc thì lên trung nguyên, phía đông vượt sông Hoài, sông Tứ, thì núi Dự Chương hoá ra lại vật trở ngại cho giao thông của họ. Nước Sở lên trung nguyên ở mạn bắc vốn muốn lấy Thân Ấp làm căn cứ địa, nay phía đông đã ra đến sông Hoài sông Tứ, đương nhiên phải đi tìm một con đường khác từ Sính đô qua Bách Cử, vượt qua vùng núi Dự Chương, để tới nước Lục, nước Liêu.

Hai là sông Hoài, Châu Lai và Chung Ly. Khu vực sông Hoài là vùng đồng bằng rộng lớn, lấy các lưu vực sông Hoài làm đặc điểm cho vùng đất này. Vùng thượng nguồn và trung du sông Hoài có rất nhiều nhánh sông, một số trong đó chảy vào Châu Lai (vùng huyện Phong đài, tỉnh An Huy bây giờ) rồi chảy mãi về phía đông, có những vực xoáy từ phía Tây tới, hợp nhau lại ở Chung Ly (Âm hoài quan phía đông

huyện Phụng Dương bây giờ). Bởi vậy hai nơi Châu Lai và Chung Ly, là cái nút giao thông thuỷ bộ vùng sông Hoài, trở thành vùng đất chiến lược quan trọng ở khu vực này.

Ba là Sào Hồ, Sào Ấp. Sào Hồ là cái bình phong chắn giữa hai nước Ngô, Sở, thế nên Sào Ấp (huyện Sào, tỉnh An Huy bây giờ) và Lý Ấp ở phía nam Sào Hồ (huyện Vô Vi, tỉnh An Huy bây giờ) cũng trở thành mảnh đất quan trọng mà Ngô Sở tất sẽ tranh chấp.

Bốn là Trường Giang, Hoành Sơn và Trường Ngạn. Hai bờ Trường Giang vẫn còn là mảnh đất hoang vu, không có một con đường bộ nào tốt, khả dĩ có thể cho chiến xa đi lọt, thế nhưng trên dòng sông, chiến thuyền đi lại rất thuận tiện, bởi vậy trên mặt sông này, thuỷ quân hai nước Ngô, Sở thường đụng độ với nhau, mà không xảy ra đánh nhau ở trên cạn. Trên dòng sông này, nơi hiểm ác nhất là Cưu Tư, Hoành Sơn và Trường Ngạn, ở đây dòng sông hẹp, ở giữa sông lại có nhiều đồi cát ngầm, trên bờ lại có Lương Sơn đông, Lương Sơn tây ở phía tây Đang Đồ, Tài Thạch Cơ phía bắc Đương Đồ, Mã An Sơn ở đông bắc Đương Đồ, núi Hoành Vọng ở trấn Đơn Dương và Mạt Lăng quan…

Từ đó có thể dễ dàng thấy rằng chướng ngại về địa lý lớn nhất, ảnh hưởng đến hành động tác chiến của hai bên Ngô, Sở là núi Dự Chương, núi Đồng Bách và Trường Giang. Dự Chương và Đồng Bách là hai dãy núi nằm trong vùng rừng núi nguyên thuỷ chưa có dấu chân người, mỏm đá nhấp nhô, rừng sâu dày đặc, đi lại vô cùng khó khăn. Giữa hai dãy núi có ba lối nghẽn, lối thứ nhất gọi là Minh Ách còn gọi là Bình Tĩnh quan, lấy núi làm vật cản, không thua gì hào luỹ;

lối thứ hai là Trực Viên còn gọi là Hoàng Hiện quan, Bách Nhạn quan, Cửu Lý quan nằm ở chỗ cách phía nam châu Tín Dương chín mươi dặm; lối thứ ba gọi là Đại Tuy, còn gọi là Vũ Dương quan, Lễ Sơn quan, nằm cách Tín Dương về phía đông nam một trăm năm mươi dặm, mặt tây nam đến huyện Ứng Sơn một trăm ba mươi dặm, tên đất là Đại Trại Lĩnh. Chỗ ấy gọi là ba cửa ải Nghĩa Dương, đất này núi cao vách thẳng, khe lạch dọc ngang, cỏ rậm rừng dày, không một bóng người, chỉ có những đường mòn mà dân chúng các nước nhỏ như Giang (tây nam huyện Tức, tỉnh Hà Nam bây giờ), Hoàng (huyện Hoàng xuyên, tỉnh Hà Nam bây giờ), Tuỳ (huyện Tuỳ, tỉnh Hồ Bắc bây giờ), Đường (thị trấn Đường Thành, huyện Tuỳ, tỉnh Hồ Bắc bây giờ)… đi lại, khó có thể để đại quân ra vào.

Đông nam núi Dự Chương cũng là những đỉnh núi nhấp nhô khấp khểnh như thế, là nơi rừng rậm gai góc không dấu chân người, hẻm núi nhiều vô kể, có những chỗ khiến người ta phải rùng mình rợn gáy như Nhạn Môn quan, Tùng Tử quan, Đồng La quan, Ải Môn quan … là những con đường mòn của các tộc người Quần Thư qua lại, cũng là nơi không dễ gì đại quân có thể qua lại được.

Còn như Trường Giang, lại hoá ra thuận tiện nhất cho thuỷ quân qua lại, song xuôi dòng và ngược dòng, tốc độ thuyền bè chênh lệch nhau rất xa, ảnh hưởng nhiều đến chiến đấu, nếu xuôi dòng mà tiến, ngược dòng mà thoái, thấy lợi mà tiến thì dễ, bất lợi mà thoái thì khó; ngược lại cũng thế. Hơn nữa hai bờ sông lại hoang vu, không có một con đường nào có thể đi được, cho nên thuỷ quân cũng chỉ có thể chia ra

những phân đội nhỏ đánh úp, không thể dùng chủ lực quyết chiến được.

Trên bản đồ có vẽ bốn nét khuất từ Cô Tô đến Sính đô.

Nét thứ nhất: Ngược sông lớn lên phía tây, tới Sính đô.

Nét thứ hai: Từ Vân Lâu (phía tây nam huyện Hoặc Khiu, tỉnh An Huy bây giờ), Kê Phụ (huyện Cố Thuỷ, tỉnh Hà Nam bây giờ) vượt qua Ải Môn quan (cửa ải nơi giao nhau giữa huyện Kim Trại tỉnh An Huy với huyện Ma Thành, tỉnh Hồ Bắc bây giờ) đến Bách Cử (huyện Ma Thành tỉnh Hồ Bắc bây giờ) sau đó đi qua Vân (huyện An Lục – có thuyết nói là huyện Vân, tỉnh Hồ Bắc bây giờ), vượt sông Hán Thuỷ, đến Sính đô.

Nét thứ ba: Ngược sông Hoài lên phía tây, qua Hoàng (huyện Hoàng Xuyên, tỉnh Hà Nam bây giờ), Huyền (huyện Quang Sơn, tỉnh Hà Nam bây giờ) xuyên qua ba cửa ải ở Nghĩa Dương là Đại Tuy, Trực Viên, Minh Ách, để đến Tuỳ (thành phố Tuỳ Châu, tỉnh Hồ Bắc bây giờ), vượt Hán Thuỷ để tới Sính đô.

Nét thứ tư: Từ bờ bắc sông Hoài, đi qua giữa hai nước Trần, Thái, đánh lấy Phương Thành (huyện Phương Thành – Hà Nam bây giờ) và Thân, Lã... của nước Sở, sau lại quay về Tương, vượt Hán Thuỷ đến Sính đô.

Bốn nét vẽ ấy chính là những con đường có thể lựa chọn để quân Ngô đánh nước Sở, cho nên đã được vẽ bằng nét khuất, là bởi vì còn chưa chọn hẳn một đường nào. Tôn Tử nhìn rất

kỹ một lần nữa về địa lý binh lược để đánh Sở, chưa phát hiện ra một sai sót nào. Để cho thật cẩn thận, ông nhìn qua lại một lượt, trọng điểm nghiền ngẫm ba bốn chỗ, bước đi thong thả, suy nghĩ hồi lâu, sau cùng quả quyết bước lên phía trước, vùng cây bút son vẽ đậm nét khuất thứ hai và thứ ba bằng màu đỏ, đó chính là con đường quân Ngô đánh vào Sính đô. Hai con đường này tuy nhỏ ở dãy núi Dự Chương, chỉ có thể để bộ binh đi qua, nhưng lại ở nơi chưa có chân người, tức là "Từ con đường không ai tính đến, đánh vào chỗ chúng không đề phòng" như đã ghi trong "Tôn Tử binh pháp" hơn nữa đây lại là con đường ngắn nhất để Ngô đánh Sở. Còn như nét vẽ thứ nhất, lấy thuỷ quân tiến công bằng đường sông, tuy rất tiện và nhanh, nhưng Sở là nước có lục quân lớn mạnh, cho dù quân thuỷ có vào Sính đô, nếu không đánh tan lục quân của họ, cũng không có khả năng phá được nước Sở. Nét vẽ thứ tư là con đường xa xôi, phạm vào điều cấm kỵ là quân đánh lẻ mà tiến sâu, hơn nữa thực lực lục quân nước Sở, phần lớn bố trí ở vùng Phương Thành, Thân, Lã, có cái thế lấy kẻ nghỉ ngơi đánh người mệt mỏi.

Hai nét vẽ đỏ ngời lên như lửa cháy, chiếu cho cả căn phòng rực lên như nhuộm đỏ, một tia sáng lọt qua rèm the chiếu vào thư phòng Tôn Tử, ánh nến chan hoà vào ánh ban mai…

CHƯƠNG XXVII

BỎ THUYỀN CỬA SÔNG HOÀI NHUẾ
GIAO TRANH TRÊN NÚI DỰ CHƯƠNG

Tuy đã xác định đường đi lối lại, chuẩn bị tốt mọi mặt để đánh Sở, nhưng Tôn Tử không dấy quân ngay, bởi các sứ thần sang nước Tề, nước Tấn và Phiếm Khải đi gặp Tử Tất đều cùng chưa về. Từ khi hạ sơn, nắm chính thể nước Ngô đến nay, Tôn Tử luôn thực hiện đường lối ngoại giao "xa thì giao hảo, gần thì tiến cống" liên kết với Tề, Tấn, cả hai đều hữu hảo, không khinh người cũng không để người khinh, lại có sự gắn bó với nhau. Sau khi xác định đánh Sở, Tôn Tử đã sai sứ sang Tề, Tấn. Mùa thu đã qua, trà mới đã có bán, bèn gửi đi một ít trà ngon, tơ lụa, hàng điêu khắc... là những hàng đặc sản, để bày tỏ lòng kính trọng và hữu hảo. Tiếng là tặng quà, nhưng thực chất là thăm dò thái độ của họ với việc Ngô đánh Sở lần này thế nào, nhất là với nước Tấn, vốn có điều ước Tống Tây môn với Sở cách đấy không lâu, nước Tống đem quân mười tám nước chư hầu đi đánh Sở, nhưng cuộc tấn công bị chết yểu giữa đường, vậy thì nay với việc Ngô đánh Sở họ sẽ có thái độ thế nào, Tôn Tử không thể không thận trọng. Còn như Phiếm Khải sang Sở gặp Tử Tất, đương nhiên là dùng tiền bạc và châu báu, mong hắn sẵn sàng làm nội ứng trong cuộc tấn công nay mai.

Vài ngày sau, sứ thần lần lượt trở về. Nước Tề, nước Tấn đều tiếp đãi sứ thần nước Ngô rất long trọng, viết thư cho Ngô vương Hạp Lư với lời lẽ chan chứa nhiệt tình, tận đáy lòng cảm ơn Ngô vương đã gửi quà tặng và dãi bày tình cảm thắm

thiết giữa đôi bên, với việc Ngô đánh Sở, sẽ ủng hộ về mặt đạo nghĩa, tinh thần, còn về quân sự và vật chất, không tỏ thái độ sẵn sàng giúp đỡ. Vốn dĩ xưa nay, Tề, Sở, Tấn đã từ lâu tạo thành thế chân vạc. Sở là kình địch ở phương nam của Tề, Tấn, là mối trở ngại lớn nhất để họ xưng bá trong thiên hạ. Nay Ngô muốn đánh Sở, hoặc làm suy yếu hoặc tiêu diệt hẳn nước Sở, hoặc cả hai đều sứt đầu mẻ trán, thì Tề, Tấn được một phen ngồi trên núi mà xem hổ cắn nhau, có trăm cái lợi mà không có một điều thiệt, làm gì chẳng vui vẻ! Ngoài thư từ, vua hai nước này đều gửi quà tặng lại, giá trị cũng chẳng kém gì những thứ Ngô vương đã tặng.

Phiếm Khải đến Sính đô, tới chào tướng quân Tử Tất. Thấy Phiếm Khải xuất hiện, Tử Tất bất giác ngớ người ra, sao người này có vẻ quen mặt, như đã từng gặp ở đâu, nhưng lại không nhớ ra đã gặp nhau lúc nào và ở đâu, trong lòng còn đang nghi ngại băn khoăn. Phiếm Khải đã chủ động xưng tên họ, nói rõ chức danh và xuất trình cả thư tín làm chứng, rồi đưa quà tặng và nói:

– Phiếm tôi không ngờ được ba lần đến chào tướng quân, duyên nợ giữa chúng ta thật không phải là ít!

– Thế nào! Phiếm tiên sinh đã gặp kẻ vũ phu này những ba lần rồi sao? – Tử Tất kinh ngạc trông ngây cả mặt ra. Phiếm Khải thấy vậy cười lên ha hả, cười xong rồi mới nói:

– Tướng quân đúng là quý nhân nên có máu hay quên. Phiếm tôi đã từng xem bói, khám bệnh, kể chuyện cho tướng quân, chẳng lẽ tướng quân không còn chút ấn tượng gì sao?

Tử Tất bất giác sực nhớ ra, thì ra là thế!

Tử Tất thừa biết mình đang như ngọc nằm trong đá, vàng lẫn với đất, người sống trong hang động, cũng thầm mang ơn trị ngộ với Tôn Tử. Mình đã thua thảm hại trong núi Thiên mục, quân đội tan vỡ hết, Tôn Tử lại viết cho mình một bức thư làm tan băng giá, còn ấm áp trong lành hơn cả gió xuân, để cho mình có thể ca khúc khải hoàn trở về. Ông đã ví mình như một con phượng hoàng, mà đã là phượng hoàng đương nhiên không nên sống chung bầy với lợn rừng và quạ đen. Mưu kế quân sự của Tôn Tử cũng khiến cho Tử Tất khâm phục sát đất. Ông có thể cân nhắc vấn đề từ một tầm nhìn chiến lược rộng lớn. Hoài bão của ông mới lớn lao làm sao, tầm nhìn của ông mới xa rộng làm sao, để câu được một con cá lớn, ông đã phải thả một sợi dây dài đến thế!

Phiếm Khải đã nói rõ ý định với Tử Tất và phân tích hình thế trong thiên hạ, nêu rõ quyết tâm diệt Sở của nước Ngô, vạch rõ ra những nguyên nhân khiến Sở sẽ suy vong và Ngô sẽ hưng thịnh, khẩn khoản mong rằng Tử Tất thôi đừng để ngọc trong bóng tối mãi làm gì nữa, hãy lập nên sự nghiệp trong cuộc diệt Sở lớn lao này, góp phần đẩy xã hội tiến về phía trước.

Nghe những lời ung dung đàng hoàng của Phiếm Khải, bất giác Tử Tất thấy mừng rỡ trong lòng, giờ khắc ông mong đợi từ lâu cuối cùng đã tới, liền lập tức biên một lá thư, nhờ Phiếm Khải mang về cho Ngô vương và Tôn Tử, trong thư ngoài những lời cám ơn nồng nhiệt, còn bày tỏ rõ ràng sẽ giúp sức trong cuộc chiến tiêu diệt nước Sở.

Hạp Lư và Tôn Tử lần lượt nghe báo cáo của ba vị sứ thần, xem thư xong lập tức dấy quân, cho bõ bao ngày mong đợi. Buổi chầu sớm hôm sau, các quan văn võ tề tựu đông đủ, Ngô vương Hạp Lư đưa mắt nhìn khắp điện một lượt, rồi cất giọng nói những lời tha thiết:

– Đánh Sở để bá chiếm trung nguyên, là mong ước suốt đời của quả nhân, hơn thế nữa, còn là một việc lớn để nước Ngô ta hưng thịnh hay suy tàn, nay điều kiện đã chín muồi, quả nhân đã bàn với Tôn Nguyên soái và quyết định, trong vòng ba ngày ta sẽ cất quân, không để chậm trễ hơn nữa! Quả nhân cũng sẽ ra trận cùng binh lính, sát cánh tiến thoái với các tướng lĩnh.

Ngô vương nói xong, quay lại nhìn Tôn Tử, mời ông đứng lên ra lệnh.

Tôn Tử hiểu ý, nghiêm sắc mặt nói:

– Theo ý của Ngô vương, mười năm tập tành dạy dỗ, tranh giành bá chiếm trung nguyên, đến nay thời cơ đã chín. Đây là một cuộc chiến xoay chuyển đất trời, chẳng những quan hệ đến việc nước Ngô hưng thịnh hoặc suy tàn, hơn thế nữa còn quyết định cục thế trong thiên hạ. Ở đây tôi đặc biệt kêu gọi các tướng hãy cùng nhau gánh vác trong cuộc chiến đấu thần thánh này, mang quyết tâm thề chết, để báo đền ơn đức Ngô vương đã hằng yêu mến chúng ta!

Các tướng lĩnh ai cũng đều tự thấy kính phục, bày tỏ quyết tâm của mình.

Tôn Tử ban bố quân lệnh và phân công nhiệm vụ: Chia quân làm hai đường, thuỷ bộ cùng tiến. Ngũ Tử Tư làm thống soái quân trên bộ, Tôn Tử làm thống soái thuỷ quân, trung đại phu Bị Ly và Chuyên Nghị bảo vệ thế tử Ba ở lại giữ Cô Tô, Phu Khái làm thuỷ sư tiên phong tướng quân; quân của hai nước Đường, Thái biên chế thành tả hữu dực, Ngô vương cùng đi với thuỷ quân, Bá Bỉ làm bảo giá tướng quân, bảo vệ an toàn cho Ngô vương. Phân công đâu vào đấy, mọi người tự đi lo liệu sắp đặt.

Về tuyến đường hành quân, đây là một bí mật quân sự, không được nói với mọi người, sau khi bãi chầu, Tôn Tử đã chỉ thị và trao đổi riêng với Ngũ Tử Tư, lấy ra hai tờ địa đồ giống nhau trao cho Ngũ Tử Tư một bản. Tôn Tử đối chiếu trong bản đồ, trao đổi cận kẽ với Ngũ Tử Tư về tuyến đường hành quân và nhiệm vụ chiến đấu. Quân trên bộ đi theo hướng nam, tức là nét vẽ đỏ thể hiện ra trên bản đồ, từ Vân Lâu, Kê Phụ, vượt Ải Môn quan để đến Bá Cứ, sau đó qua Vân rồi vượt Hán Thuỷ, để tới Sinh đô. Tôn Tử chỉ thị, quân trên bộ phải bí mật hành động, không được phơi bày ra, dọc đường hành quân phải cuốn cờ tắt trống, cố gắng đi cả ngày lẫn đêm với tốc độ thật nhanh để ma không hay, quỷ không biết. Quân thuỷ đi hướng bắc, ngược sông Hoài lên hướng Tây cứu nước Thái, giải vây cho Thái xong thì bỏ thuyền lên bờ, quay xuống phía nam, qua Hoàng, Huyền, qua ba ải ở Nghi Dương nước Việt (Đại Tuy, Trực Viên, Minh Ách) đến Tuỳ thì vượt Hán Thuỷ tới Sính đô. Hành động từ sau khi cứu nước Thái phải giữ bí mật tuyệt đối, tin tức loan tới nước Sở và các chư hầu là: Nước Ngô cất quân đi cứu nước Thái, giải vây cho Thái, xem ra không có vẻ đánh Sở.

Lần này Ngũ Tử Tư rất hài lòng, Tôn Tử không hề dấu giếm bất kể điều gì. Ba ngày sau, điểm binh ở bãi tập, ai lãnh đội người ấy, tế cờ rồi cất quân, thuỷ bộ cùng tiến, đường đi khác nhau, phương thức cũng không giống nhau, nhưng mục tiêu thì là một, đó là vượt Hán Thuỷ để đến Sính đô.

Tôn Tử dẫn thuỷ quân từ vùng trung du sông Hoài, ngược dòng lên hướng tây, cả trăm chiến thuyền đều căng buồm, cả ngàn con thuyền vượt lên đầu sóng, rầm rầm rộ rộ, rất có khí thế. Nhưng đi như thế khoảng năm mươi dặm, mặt trời ngả về tây, còn chưa đến lúc hoàng hôn, bỗng gặp một bến cảng, Tôn Tử hạ lệnh, cho thuyền cập bến, người lên bờ, tìm nơi hạ trại, ăn no ngủ kỹ. Hạp Lư bỗng sinh thắc mắc trong lòng, trời còn chưa tối, sao đã vội cho quân lính lên bờ nghỉ ngơi? Ngay sau đó lại nghĩ rằng, có thể vì hôm nay điểm binh tế cờ, làm thời gian chậm trễ, chẳng thà đi nghỉ sớm, ngày mai chính thức lên đường. Quá nửa đêm, gió tây bắc nổi lên từng trận, ngày hôm sau nhổ neo, không còn được dễ dàng như hôm trước nữa, gió dồn sóng cao, ngược dòng trái gió, lính trên thuyền người bơi chèo, người bẻ lái, vô cùng vất vả, tuy đã cuối thu đầu đông, ấy vậy mà người nào người nấy lưng đẫm mồ hôi. Thấy binh lính quá mệt mỏi, tuy mới tiến được chừng sáu mươi dặm, mà phải mất đến quá nửa ngày, nên vừa thấy bến cảng, Tôn Vũ liền lệnh cho thuyền cập bến, rồi lên bờ cắm trại, nấu cơm ăn và đi ngủ. Gió tây bắc thổi hết ngày này sang ngày khác, lúc lớn lúc nhỏ, không ngừng nghỉ, thuỷ quân nước Ngô tiến lên hết sức vất vả, hành trình vì thế cứ mỗi ngày một ngắn lại, thời gian nghỉ ngơi lại càng ngày càng lâu ra. Sau ngày thứ năm, Hạp Lư không thể nhịn được nữa, hành quân thế này, đừng

nói từ trước đến giờ chưa ai thấy bao giờ, cũng chẳng nghe thấy ai nói thế bao giờ, cứ y như không phải là đi đánh trận, mà là đi ngắm sông ngắm núi chơi bời không bằng, cứ tiến quân lề mề chậm như rùa thế này, đến bao giờ mới tới được nước Thái? Ngày nào mới qua được Hán Thuỷ? Hạp Lư nghĩ thế, bất giác bật ra miệng hỏi Tôn Tử:

– Nguyên soái thường vẫn bảo binh quý thần tốc, thế mà nay tiến quần ì ạch như bò già kéo xe gẫy thế này, há lại chẳng lỡ mất thời cơ chiến đấu hay sao?

Nghe hỏi vậy, Tôn Tử mỉm cười đáp:

– Việc dùng binh đánh trận, không thể lúc nào cũng như nhau, đáng nhanh thì nhanh, cần chậm thì chậm. Nay quân ta không phải đi giao chiến với quân Sở, mà là đi đưa khách về quê, thế nên không nên vội vã.

Không giải thích còn hơn, Tôn Tử càng giải thích, Hạp Lư lại càng mụ mẫm thêm, cứ như đi trong sương mù, ông nói:

– Nguyên soái nói sao, quả nhân chẳng hiểu gì cả. Tôn Tử vẫn mỉm cười đáp:

– Xin chúa công hãy nghĩ xem, một khi Nang Ngoã nghe tin quân Ngô sắp tới, tất không dám giao chiến mà sẽ kéo quân về Sở. Đã không phải giao chiến, thì cần gì phải vội? Nay ở trên đường, quân ta nghỉ ngơi lấy sức, trong khi đó để cho quân Sở phải khổ chiến suốt ngày ở Thái, mỗi ngày một mệt mỏi đi, như vậy há chẳng có lợi cho việc đánh Sở của ta hay sao?

Nói chẳng sai tí nào, nhưng Hạp Lư vẫn thấy không yên lòng, ông sợ rằng do hành quân chậm trễ, nước Thái bị quân Sở đánh tan, thì lỡ mất việc lớn. Tôn Tử đã thừa hiểu tâm sự đó của Hạp Lư, ông giải thích thêm:

– Chúa công không phải lo, nước Thái tuy yếu, nhưng họ có cái oai trước đây đã diệt được nước Thẩm; quân Sở tuy mạnh, song Nang Ngoã không biết cầm quân, có đánh đến ba tháng, cũng chưa chắc đánh tan nổi nước Thái.

Hạp Lư nghe Tôn Tử nói đâu ra đấy, tuy chưa thật an tâm, cũng không tiện nói gì thêm, đành cố nán thêm, mặc cho đội quân chậm chạp tiến lên.

Qua Châu Lai không lâu, vào một buổi chiều tà quân Ngô đang đổ bộ lên một bến cảng để cắm trại nghỉ lại, nghe tin Thái Chiêu hầu với Đường Thành công mang quân ra đón. Hạp Lư thắc mắc, quân Sở đang áp sát biên thuỳ, đất nước đang cơn nguy biến, không đem quân chống giặc, lại còn dẫn quân ra đón? Chỉ một loáng sau, vua hai nước Thái, Đường dẫn một số tướng sĩ, binh lính đến gần trướng quân. Thấy Hạp Lư Và Tôn Tử, hai vị vua cùng cúi rạp xuống đất thưa:

– Ngô vương, nguyên soái thân chinh mang đại quân đến cứu viện giải nguy, chúng tôi đến đón hơi trễ, dám mong được tha tội!

Hạp Lư vội vàng vái lại:

– Hai vị hơi quá lời. Quân Sở hiện nay ở đâu? Thái Chiêu hầu đáp:

– Cũng nhờ oai hùm của Ngô vương, Nang Ngoã đánh nước tôi nửa tháng không hạ được, nghe tin đại quân của quý quốc cứu viện, không lâu nữa sẽ đến đất Thái, thế nên ba ngày trước đã vội vàng rút lui, hiện nay trong nước chúng tôi, không còn bóng một tên quân Sở nào nữa ạ!

Hạp Lư bất giác nhìn sang Tôn Tử bằng ánh mắt thân tình, trong ánh mắt đó như gửi gắm một lời khen: Chúng ta quả nhiên là đến tiễn khách, ông thật là người đoán việc như thần, thật đáng khâm phục!

Giữa lúc đó, có rất nhiều binh lính và dân thường nước Thái kéo đến, nào thì gánh, nào thì khiêng, đẩy xe, dắt bò dắt dê… mang theo bò dê, rượu thịt khao thưởng tướng sĩ, binh lính quân Ngô, dân chúng người thì đội thức ăn, người thì thắp hương làm lễ vật tạ ơn đức của Ngô vương, đường lớn ngõ hẻm, người như mắc cửi, xốn xang vô cùng…

Đã cắm xong doanh trại, hai bên mời nhau vào trong trướng quân, người hầu đã bày sẵn tiệc rượu, đưa thức ăn lên. Hai vị vua của nước Đường, nước Thái liên tục rót rượu mời Ngô vương, thổ lộ nỗi nhục nhã và sự ức hiếp mà họ phải chịu đựng bao nhiêu năm nay với nước Sở, kể đến chỗ thương tâm, nghẹn ngào nói không ra tiếng, nước mắt nước mũi giàn giụa. Sau cùng Thái Chiêu hầu nói:

– Cũng may được Ngô vương và Nguyên soái mang đội quân nhân nghĩa đến cứu giúp, nếu không, hai nước chúng tôi sẽ bị Nang Ngoã tiêu diệt mất.

Hạp Lư nghe xong, nghĩ bụng, cất quân đi lần này, là sự tính toán có lợi nhất, quân lính dao không dính máu, chẳng phải đánh trận nào, lại còn vừa đi vừa ngắm non nước, ta cũng béo cả người ra, cuối cùng lại còn giải vây được cho các người. Ông bỗng thấy vui, thế là bên phải một chén, bên trái một chén, ai mời cũng không từ chối, lại còn chén nào cũng uống cạn. Đang lúc Hạp Lư uống rượu say sưa hào hứng, Tôn Tử ở bên cạnh khuyên nhỏ:

– Chúa công hãy uống bớt đi vài chén, kẻo uống nhiều, ngày mai đi đường lại nhức đầu!

Ngô vương đã uống đến mức ngất ngưởng muốn say rồi, nhậm nhựa hỏi:

– Lên đường? Ngày mai đi đâu mà lên đường?

– Đuổi đánh quân Sở.

– Sao? Ngày mai đã đi? Chúng ta từ xa xôi đến đây, quân Sở lại rút hết rồi, nước Thái được giải vây, sao chẳng nghỉ thêm lấy vài ngày nữa rồi hãy đi?

– Thần đã từng nói, cái đạo của người cầm quân, đáng nhanh thì phải nhanh, nên chậm thì phải chậm. Quân ta cứu nước Thái, phải chậm chứ không nên vội, còn hôm nay

đuổi quân Sở, lại phải nhanh chứ không được chậm, bây giờ mới là lúc binh quý thần tốc.

– Quân Sở đã rút được ba ngày, một lúc e rằng không đuổi kịp, vậy thì nghỉ thêm một hai ngày cũng có sao đâu.

– Quân Sở vây nước Thái nửa tháng, mệt mỏi bỏ đi, chắc chắn là chậm chạp. Lẽ nào ta lại để chúng có dịp mà thở chứ? Hôm nay chẳng qua là hai vua Đường Thái có thịnh tình nên khó từ chối, chứ không thì ta đã phải đi luôn cả đêm.

Với mưu kế và sách lược của Tôn Tử, xưa nay Hạp Lư vẫn khâm phục đến sát đất, thấy nói vậy, đã vui vẻ nghe theo:

– Được thôi! Sẽ làm theo ý của nguyên soái.

Nghe nói quân Ngô hôm sau đã đi, đuổi theo quân Sở, hai vua Đường, Thái mừng không để đâu hết. Họ đang lo rằng: Các người đến đây, quân Sở rút đi, các người đi khỏi, quân Sở lại đến, dân chúng hai nước Đường, Thái lại chịu tai ương. Còn thế này thì tốt rồi, các người còn muốn đuổi đánh quân Sở, tốt nhất là đuổi cho chúng chạy thật xa đi, dạy cho chúng một bài học, để Nang Ngoã sau này nghe tin cũng khiếp vía, không dám đến nữa, như thế chúng tôi mới được yên ổn. Thái Chiêu hầu nghĩ vậy bất giác hỏi:

– Xin hỏi nguyên soái, ngày mai đuổi đánh quân Sở, thì định đuổi chúng đến đâu ạ?

Tôn Tử nói như đinh đóng cột:

– Đuổi thẳng một mạch đến Sính đô!

– Ôi! Sẽ đuổi đến tận kinh đô nước Sở… – Hai vua Đường Thái không ai bảo ai, cùng thốt lên, mở to đôi mắt kinh ngạc.

Tôn Tử thản nhiên giải thích:

– Nếu quân ta kéo trở về, quân Sở tất sẽ quay lại, quân ta lại tới lần nữa, thế có phải là lật đật chạy đi chạy lại. Mà lúc này quân ta đã cất công đến đây, thì ngay lần này đánh Sở vào đến Sính đô, để bớt được mối lo cho hai nhà vua đây, cũng như vua các nước Trần, Hứa, Đốn, Hồ … sau này.

Tôn Tử nói như vậy, nhưng không hề có một lời nào nhắc đến chuyện từ lâu nay Hạp Lư đã muốn đánh Sở để bá chiếm trung nguyên, cũng như trả thù cho Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ, mà chỉ nói là chỉ giải vây cho những nước nhỏ. Đó là ông đang muốn được lòng người, chẳng những để đông đảo những nước nhỏ này phải mang ơn đức mà còn khiến hai nước Đường, Thái cũng phải ra quân. Mà Đường, Thái đã ra quân, nước Ngô sẽ có cớ, cùng Đường, Thái đi đánh quân xâm lược, đúng như người ta nói “ra quân có cớ” như thế sẽ giành được sự đồng tình và ủng hộ của các nước trong thiên hạ về mặt đạo nghĩa và dư luận.

Thái Chiêu hầu và Đường Thành công nghe thế, cũng thấy vui lòng hể hả, nghĩ bụng, lần trước quân mười tám nước chư hầu lấy danh nghĩa quân triều đình đi đánh Sở, giữa đường bỏ dở, ngày nay có nước Ngô ra mặt đem quân đánh

Sở, thế là chuyện cầu mong cũng chẳng được, thế nên đã vội vàng nói:

– Đã được Ngô vương và nguyên soái có nghĩa cử cao cả như vậy, chúng tôi sao có thể khoanh tay đứng nhìn, xin sẽ thân chinh cầm quân đi theo góp sức!

Ngay sau khi bàn bạc và quyết định, nước Thái cho năm ngàn binh lính, nước Đường cũng góp hai ngàn quân kỵ. Hai vua Đường, Thái đều e rằng xuất quân quá ít nên đều thấy ngượng ngập. Tâm sự ấy của họ, Tôn Tử đã hiểu, ông nói:

– Binh lính nhiều hay ít không ai bắt buộc, có điều phiền hai nhà vua phải nghe theo lệnh chung.

Hai nhà vua đều bày tỏ:

– Nguyện sẽ theo sự sắp đặt của nguyên soái.

Sau khi tàn tiệc, hai vua Đường, Thái tạm cáo từ, lần lượt đi chỉnh đốn binh mã, cắm trại theo đại quân Ngô, rồi sai tướng sĩ về giữ thủ đô, tiện thể sắp đặt qua công việc trong nước.

Sáng sớm hôm sau, toàn quân ăn một bữa thật no, nhổ trại lên đường đi hai ngày thì đến Hoài Nhuế. Nhuế Thuỷ từ đây đổ vào sông Hoài, bởi thế toà thành này cũng gọi là Hoài Nhuế, cũng là biên giới phía bắc của nước Sở. Tôn Tử hạ lệnh nghỉ ngơi ở Hoài Nhuế hai ngày để chỉnh đốn quân ngũ, sau đó bỏ thuyền lên đi bộ về phía tây nam, vượt qua ba ải ở Nghĩa Dương rồi vượt Hán Thuỷ. Đây là điều tướng sĩ toàn

quân không ai ngờ tới, ngay Ngô vương Hạp Lư cũng u u minh minh. Không thể cứ bám đằng sau đít Nang Ngõa mà lẵng nhẵng đuổi mãi thế này, lề mề hết ngày này sang ngày khác, há chẳng phạm vào lời dạy cổ xưa rằng "binh quý thần tốc" hay sao. Đi theo đường này, tuy rằng núi cao lối hiểm, cỏ rậm cây dày, sói lang lẩn khuất, nhất là ba cửa ải Nghĩa Dương, chim bay còn không tới, vượn khó trèo lên, thế nhưng chặng đường lại chỉ bằng một phần ba, hơn nữa không ai ngờ được rằng quân Ngô sẽ làm việc này, quân Sở lại càng không bố phòng mai phục, thế mới là đi vào chốn không người. Để tranh thủ được nhiều thời gian hơn nữa, đi đến tây nam Tức Thành, đã chia quân thành hai mũi, lần lượt vượt hai ải Đại Tuy và Trực Viên, đến đông bắc Vân Thành thì hợp lại với nhau làm một. Còn về xe ngựa cần thiết, đã có công tử Sơn phụ trách áp tải lương thực lo liệu từ trước, thu gom và chở tới đợi sẵn ở cửa sông Hoài Nhuế.

Sau khi bỏ thuyền lên bộ, so với lúc đi bằng thuyền trên đường sông, quân Ngô cả về thời gian hành quân hàng ngày lẫn hành trình và tốc độ… đều sai kém nhau một trời một vực, hôm nào cũng nấu cơm từ canh ba, canh tư ăn thật no, canh năm lên đường, đi trong đêm tối. Bữa trưa thì thường là vừa hành quân vừa ăn cơm nắm, lương khô, khát thì cúi xuống uống nước suối ở bên đường. Hết một ngày, các tướng sĩ quân Ngô đều mệt mỏi rã rời, sau khi ăn vội ăn vàng cho xong cơm tối, còn chưa kịp buông đũa bát, định cơm nước xong sẽ ngủ một giấc ngon lành cho bõ mệt, nhưng ngay tức khắc đã có lệnh của nguyên soái truyền xuống, đốt đèn đốt đuốc lên tiếp tục hành quân. Quân lệnh như sơn, ai dám không làm theo. Và như thế có khi mấy ngày đêm liền không chợp mắt, không phải là chuyện hiếm, các tướng sĩ

nhiều khi phải dắt nhau mà bước hoặc vừa đi vừa ngủ gật. Không biết đi như thế bao lâu, cuối cùng hai cánh quân đã gặp được nhau ở Vân Thành. Tôn Tử hạ lệnh cho nghỉ ngơi ba ngày, sau đó để một số ít tướng sĩ ở lại Vân Thành đợi lệnh, còn phần lớn đội ngũ, rẽ sang hướng đông, đi về phía Cử Thuỷ Bách Sơn, hợp nhất với quân đội tuyến phía nam do Ngũ Tử Tư chỉ huy, hợp lại đi về hướng tây, quyết chiến ở Hán Thuỷ.

Lại nói đến hữu doãn nước Sở là Nang Ngoã, mang năm vạn đại quân đi đánh nước Thái, cứ nghĩ rằng sẽ thắng lợi dễ dàng, sau đó sẽ kéo quân sang nước Đường. Không ngờ nước Thái quân lương không nhiều, thế mà lại giỏi cả công lẫn thủ, hắn cho vây thành hơn nửa tháng, nhưng vẫn thấy khó mà phá nổi. Trước đó không lâu, bỗng có thám tử báo tin rằng Ngô vương Hạp Lư ngự giá thân chinh đi đánh trận, phong Tôn Vũ làm nguyên soái kiêm quân sư, Ngũ Tử Tư, Bá Bỉ làm phó tướng, thống lĩnh mười vạn đại quân đến cứu nước Thái. Nghe thấy quân Ngô đông tới cả chục vạn người, lại có cả Ngũ Tử Tư, Bá Bỉ ở trong đó, Nang Ngoã đã thấy áy náy không yên, trong lòng đã hoảng hốt, có đánh cũng không còn mạnh mẽ được nữa. Về sau lại nghe tin quân Ngô đã cách kinh đô nước Thái không còn bao xa, bèn tặc lưỡi đánh bài chuồn, hạ lệnh thu quân về Sở. Dọc đường đi, hắn định để mọi người đi chậm lại, để cho bõ lúc mệt nhọc đánh thành cả nửa tháng liền, không ngờ mới dễ chịu được nửa ngày, ngay đêm ấy thám tử lại báo: Quân Ngô đang đuổi sát phía sau, hiện cón cách quân ta có ba ngày đường nữa thôi. Ngay lúc đó, Nang Ngoã cũng chẳng lấy gì làm sốt ruột, bởi muốn gì thì cũng còn những ba ngày đường kia mà, còn xa lắm! Ngày hôm sau, thám tử lại báo:

Hiện giờ quân Ngô chì còn cách ta có hai ngày đường nữa thôi. Sau đó lại báo: Đằng sau không thấy quân Ngô đuổi tiếp nữa, quân Ngô đi đâu không rõ. Nang Ngoã nghe báo, luống cuống chân tay, Tôn Vũ cầm quân xuất quỷ nhập thần, lại giỏi đánh lừa, cái chuyện "đi đâu không rõ" này, dứt khoát không phải là điềm lành, thế là hạ lệnh toàn quân, ra roi giục ngựa, chạy thục mạng một hồi đến thẳng bờ Hán Thuỷ, e rằng không kịp qua sông, liền vội vàng hạ lệnh vượt gấp qua sông. Sau khi vượt qua sông Hán Thuỷ, Nang Ngoã lại nghe tin quân Ngô từ ba ải Nghĩa Dương tới Vân Thành, nên một mặt cho người về Sính đô cáo cấp, xin Chiêu vương cho viện binh đến ứng cứu ngay, mặt khác lệnh cho toàn quân hạ trại dọc hai bờ Hán Thuỷ để chiếm giữ, buộc hết thuyền ở bờ sông. Nang Ngoa nghĩ rằng, quân Ngô đã bỏ thuyền lên bộ, từ xa đến đây, không có thuyền bè, muốn qua sông là chuyện không thể.

Nghe tin quân Ngô đuổi theo, sau đó không lâu Nang Ngoã lại sai tướng về kinh đô cáo cấp, Sở Chiêu vương vời văn võ đại thần đến bàn mưu kế. Công Tử Thân nói:

– Nang Ngoã không có tài của một đại tướng, mau lệnh cho tư mã Thẩm Doãn Tuất mang quân đến đó ngay, đừng để người Ngô qua được sông Hán Thuỷ. Quân Ngô từ xa đến không có đồ tiếp tế, tất sẽ không ở được lâu.

Chiêu vương nghe theo ý đó, lệnh Thẩm Doãn Tuất mang một ngàn năm trăm quân sĩ đi cứu cấp, hợp sức với Nang Ngoã để chống giữ.

Nang Ngoã đã từng trực tiếp hoặc gián tiếp giao chiến với Tôn Tử, lần nào cũng bị thua nên lúc này như chim chết hụt thấy cành cây cong cũng ngờ là cung, tuy trước mắt có một dòng sông ngăn cách, nhưng trong lòng luôn thấy chẳng có gì chắc chắn, vì Tôn Vũ là người đa mưu. Nghe nói ở nước Ngô, ông ta duyệt nữ binh đã chém hai nàng cơ, Hạp Lư chẳng những không quở trách, còn tôn ông lên hàng nguyên soái và quân sư, giao cho nắm quyền bính.

Sự thực cuộc giao chiến giữa hai nước đã đủ minh chứng, Tôn Vũ quả thật là một bậc dị nhân từ trên trời xuống, đã thế lại có những người văn võ toàn tài như Ngũ Tử Tư, Bá Bỉ làm tướng, có binh mã hai nước Thái, Đường hỗ trợ, chẳng may Hán Thuỷ không ngăn nổi quân Ngô, viện binh của Sính đô lại chưa đến kịp, thì biết làm thế nào? Nang Ngoã càng nghĩ càng buồn, càng nghĩ càng lo, suốt ngày rầu rĩ, mặt ủ mày chau, chẳng nói chẳng rằng, đến nỗi trà không thiết, cơm không thèm, dần dần sinh bệnh. Các quan văn võ cùng đi lũ lượt đến khuyên nhủ, muốn cho Nang Ngoã bớt lo âu. Người thì bảo: “Lệnh doãn cứ yên tâm, Tôn Vũ không phải kẻ ba đầu sáu tay, luyện quân chém phi, chúng ta đã ai thấy tận mắt, chẳng qua là dựng chuyện giật gân lên mà thôi”. Có người thì bảo: “Thì cứ cho rằng Tôn Vũ có tài thực sự đi nữa, mà thuyền bè đều để cả ở Hoài Nhuế, đến đây bị Hán Thuỷ ngăn cản, đến đây không có thuyền bè để qua, quân Ngô không không thể mọc cánh mà bay qua sông được, lệnh doãn khỏi bận tâm”. Có người lại nói: “Lệnh doãn nên hiểu rằng quân Ngô sau khi hạ trại ở phía đông sông Thanh Phát, tại sao đến giờ còn chưa tiến được bước nào? Chắc chắn là do không hợp thuỷ thổ, nên sinh ra bệnh tật, số người ốm đau không phải là nhỏ”. Có người còn bất chấp

cả sự thực, cố lấy lòng, uốn ba tấc lưỡi: “Lần này đem quân đi, tuy lệnh doãn chưa diệt được nước Thái, nhưng ngày nay lệnh doãn rất có tiếng tăm ở nước ngoài, trước đây mười tám nước chư hầu xâm phạm nước Sở, tại sao lại phải bỏ dở nửa chừng? Tất cả đều do sợ oai lệnh doãn cả đấy, cho nên nửa đường mới bỏ cả bè bạn, mỗi người đi một đường. Nay quân Ngô cũng sợ oai lệnh doãn nên co cụm lại, không dám tiến lên, việc gì chúng ta phải run sợ ạ?”

Cứ thế mỗi người một câu, toàn những lời tốt đẹp, dễ nghe. Nang Ngõa thừa hiểu trong bụng rằng, đó toàn là những lời khoác lác, rỗng tuếch, lời lẽ dối trá, tự mình lừa mình, nhiều lắm thì cũng chỉ ngang một viên thuốc trợ tim.

Một hôm, Nang Ngoã đang rầu rĩ ở trong trướng quân, bỗng nghe tin Thẩm Doãn Tuất và Võ Thanh Hắc đem quân tới. Thế là trái tim thắc thỏm của hắn bỗng được bình tĩnh lại, vội vàng ra trướng đón tiếp. Thấy Nang Ngoã ra đón, hai tướng kia liền xuống ngựa hỏi han, đôi bên nói với nhau những câu vỗ về an ủi. Vừa bước vào trong trướng, Thẩm Doãn Tuất đã hỏi:

– Hiện quân Ngô đang ở đâu?

– Đóng ở vùng bờ đông sông Thanh Phát và Vân Thành – một tay chân của Nang Ngoã đáp.

– Làm sao quân Ngô có thể đến nhanh thế nhỉ – Đôi lông mày của Thẩm Doãn Tuất nhíu lại với nhau thành một cục. Nang Ngoã đáp:

– Ngô dùng thuỷ quân cứu nước Thái, đi đến Hoài Nhuế thì bỏ thuyền lên bộ, quay sang hướng nam, ta đang e rằng quân Ngô vượt Hán Thuỷ, thì sẽ đe doạ đến an toàn kinh đô nước Sở, nên đã đi ngày đi đêm, đến đóng giữ bờ tây Hán Thuỷ. Để phòng ngừa bất trắc, đã cử tướng về Sính đô cáo cấp, nay có tư mã và tướng quân đến tăng viện, có thể bảo đảm hoàn toàn chắc chắn rồi.

Chà chà, Nang Ngoã nói còn dễ nghe hơn cả tiếng hát, ông ta cứ như không phải vì sợ quân Ngô giải vây cho nước Thái bỏ chạy đến đây, mà là cân nhắc đến toàn cục, muốn giữ yên cho kinh đô, chủ động di chuyển đến cố thủ ở đây không bằng.

Thẩm Doãn Tuất không hề để ý đến những lời véo von như tiếng hót của Nang Ngoã, hỏi dồn:

– Nếu nói thế, có nghĩa là thuyền bè quân Ngô đều vứt ở cửa sông Hoài Nhuế hay sao?

– Theo như tin báo, thì thuyền bè quân Ngô đúng là đều bỏ ở sông Hoài Nhuế – Nang Ngoã trả lời ráo hoảnh không hề ấp úng.

Thẩm Doãn Tuất ngửa mặt lên, cười ha hả mãi không thôi, cười đến nỗi Nang Ngoã ngớ cả người ra, rồi hỏi:

– Tại sao Tư Mã lại cười?

Thẩm Doãn Tuất đáp:

– Người ta bảo cầm quân như thần, hoá ra là thế, thật là trò đùa.

– Thế nghĩa là thế nào?

– Quân Ngô xưa nay chỉ giỏi đánh nhau trên sông nước, phen này vì chỉ muốn nhanh, đã bỏ thuyền lên bộ, mặt mạnh không dùng, lại dùng mặt yếu, thế thì làm gì mà chẳng thua? Ta chỉ cần dùng một mẹo vặt, dám chắc là quân Ngô sẽ không còn manh giáp.

Nói khoác không phải nộp thuế, Thẩm Doãn Tuất tưởng thế nào, hoá ra cũng đang nói khoác. Kỳ thực hắn đâu có phải là chưa từng đọ sức với Tôn Tử, đã có mấy bận khi quân Ngô chia ba làm suy yếu quân Sở, ông ta đã từng bị Tôn Tử quần cho phải lao lung tung như nhặng mất đầu đến nỗi bươu đầu sứt trán.

Nang Ngoã vội hỏi:

– Tư mã có diệu kế chi vậy?

Thẩm Doãn Tuất thủng thẳng chậm rãi nói:

– Tôi chia cho ngài năm ngàn quân, Lệnh doãn cho hạ trại dọc sông Hán Thuỷ, tập trung hết thuyền bè ở phía bờ tây Hán Thuỷ, rồi cho thuyền nhỏ đi đi lại lại trên sông, để quân Ngô không cướp được thuyền mà vượt sông. Ta cho một cánh quân, cuốn cờ tắt trống, từ vùng Tàn Tức đi vòng tới vùng cửa sông Hoài Nhuế, xuất kỳ bất ý thu hết thuyền bè quân Ngô rồi đem đốt phá hết đi, sau đó lại dùng gỗ đá chèn

lấp cửa ải Quan Tân ở Hán đông, để quân Ngô không còn đường tháo lui, sao đó hẹn ngày giờ với lệnh doãn đánh ép từ hai phía trước sau, lúc ấy quân Ngô, đằng trước thì không chống được đằng sau, muốn tiến cũng không được, muốn lui cũng không xong, thế thì lo gì chúng chẳng tan vỡ hoàn toàn…

– Hay lắm! Đúng là một diệu kế. – Nang Ngoã vỗ tay xuống bàn khen hay.

Tuy Nang Ngoã là cấp trên, nhưng Thẩm Doãn Tuất chưa thật yên tâm về con người này, nên đã dặn đi dặn lại:

– Sau khi tôi đi khỏi đây, chỉ được cố thủ, cho dù quân Ngô có ở bên kia bờ sông chửi bới khiêu khích, lệnh doãn cũng phải nín nhịn, chớ có giao chiến với chúng, nếu không miếng ăn đến miệng lại sểnh. Còn tôi sớm thì mười hôm, nhiều thì nửa tháng, nhất định sẽ có tin.

– Hay lắm! Tư mã quả là cao tay. Điều ta lo ngại là, sau khi ông đi rồi, tướng soái đánh đấm được ở trước mặt ta sẽ chẳng có bao nhiêu, chẳng may không giữ nổi Hán Thuỷ… – Nang Ngoã tỏ ra băn khoăn.

Thẩm Doãn Tuất khảng khái nói:

– Nếu như lệnh doãn thiếu tướng tài, thì tôi để tướng quân Vũ Thành Hắc ở lại đây, hàng ngày sẽ đi tuần trên sông, cho buộc hết thuyền bè của dân ở bên bờ tây, như thế hẳn lệnh doãn yên tâm chứ gì?

Nang Ngoã cũng làm ra bộ phóng khoáng, nói:

– Được! Như thế thì ta yên tâm rồi. Phen này lập được công lớn, đánh bại và đuổi được quân Ngô đi, ta sẵn sàng nhường cho ông chức lệnh doãn này.

Nang Ngoã lúc này hoàn toàn là lấy lòng tiểu nhân để đo dạ quân tử, e rằng Thẩm Doãn Tuất thắc mắc băn khoăn công việc thành công rồi không kiếm chác được gì, nửa đường giở quẻ, không chịu gắng sức, cho nên đã cho ăn bánh vẽ.

Thẩm Doãn Tuất ngượng chín cả mặt, vội vàng nói:

– Sao lệnh doãn lại nói thế, tội chết tôi mất!

Đêm ấy, họ đã cân nhắc và định đoạt xong việc lớn, rồi để lại năm ngàn quân. Sáng sớm hôm sau, Thẩm Doãn Tuất mang theo một vạn binh mã lên đường, vượt sông, vu hồi cắt đường đến Tân Tức, rồi tới Hoài Nhuế.

Lại nói quân Ngô tới bờ đông sông Thanh Phát và vùng Vân Thành, chỉnh đốn lại đội ngũ, để một bộ phận nhỏ đóng lại, mua chuộc dân chúng trong vùng đóng giả làm quân Ngô để lừa Nang Ngoã. Còn Tôn Tử mang phần lớn quân sĩ rẽ sang hướng đông, ngựa tháo chuông, người ngậm tăm, cuốn cờ tắt trống, xuất quỷ nhập thần đi tới vùng giữa Bách Sơn và Cử Thuỷ, nhập vào với cánh quân phía nam do Ngũ Tử Tư dẫn đầu, để tập trung ưu thế và binh lực, đánh quân Sở dần dần. Sau khi đến đích, hai cánh quân gặp mặt, ôm nhau mừng rỡ. Tôn Tử lệnh cho các tướng sĩ nghỉ ngơi tại chỗ để chờ lệnh, tự mình thân chinh dẫn một số tướng lĩnh lên núi,

leo cao để nhìn xa, thấy đằng trước đằng sau và cả hai bên đều là núi lớn, núi nhỏ, núi đè lên nhau, núi gối lên nhau mãi không dứt. Quan dẫn đường nói với Tôn Tử, quả núi cao ngút trời, liên miên không thấy đầu thấy cuối kia gọi là núi Dự Chương; quả núi ở bên phải Dự Chương gọi là Tiểu Dự Chương, còn gọi là Tiểu Biệt Sơn... Tôn Tử xem xong địa hình, vẫy tay gọi quan trung quân:

– Mau. Hãy truyền lệnh của bản soái, cho hạ trại ngay trên núi Hán Âm – Kỳ thực, vùng núi cao nhấp nhô, trùng trùng điệp hàng chục dặm này, tất cả đều gọi là dãy Dự Chương, gọi cụ thể ra, có Dự Chương, Tiểu Dương Chương, rồi núi Hán Âm, Bách Sơn ... theo thói quen gọi là Đại Biệt Sơn, Tiểu Biệt Sơn, núi Hán Âm, Bách Sơn ...

Ngay lúc đó, trung quân đã truyền lệnh, toàn quân cắm trại và đóng lại núi Hán Âm. Tạm thời dựng lại không đi, tối đến mọi người ngủ một giấc ngon lành. Riêng Tôn Tử, vẫn phải bận với hàng hoạt công việc: chỉ định tuần đêm, truyền khẩu lệnh, cử lính canh, cắt người gác đêm. Đồng thời, ông còn cho thám tử đi nghe ngóng động tĩnh quân Sở.

Thẩm Doãn Tuất đi rồi, Nang Ngoã cả ngày hí hửng, uống trà tán chuyện, gối cao ngủ kỹ, một hôm, đang ngồi chuyện phiếm với quan tiên phong Sử Hoàng, Nang Ngoã nói:

– Không ngờ Thẩm Tư mã lại có cẩm nang diệu kế như vậy, cứ thế này thì công lao đánh bại quân Ngô, đã ở trong tầm tay rồi.

Nghe nói vậy, Sử Hoàng mỉm cười, cười đến nỗi Nang Ngoã thấy mất tự nhiên liền hỏi:

– Tại sao tiên phong lại cười?

Sử Hoàng lại cười nhạt lần nữa, đáp:

– Hành động đó của Thẩm tư mã, mạt tướng có suy nghĩ của mình, không biết có nên nói hay không?

Nang Ngoã thôi thúc:

– Có gì thì cứ nói, quan tiên phong suy nghĩ thế nào?

Sử Hoàng tỏ ra là người rất có mưu mô nói:

– Theo thiển nghĩ của mạt tướng, lệnh doãn đã trúng phải mưu gian của tư mã rồi!

Nang Ngoã ngạc nhiên khó hiểu, hỏi:

– Ông ta bàn mưu với ta cùng đánh quân Ngô, sao lại bảo ta trúng phải mưu gian?

Sử Hoàng tránh không trả lời thẳng vào câu hỏi của Nang Ngoã, nói:

– Mưu của tư mã, đúng là có thể đánh bại quân Ngô, tuy nhiên sau khi đánh bại quân Ngô, mọi người đều được lợi, riêng với lệnh doãn chỉ có hại mà không hề có lợi…

Nang Ngoa cuống lên, ngắt ngang lời Sử Hoàng:

– Thế nghĩa là thế nào?

Sử Hoàng làm ra vẻ thao lược nói:

– Lệnh doãn hẳn còn nhớ buổi đầu Yểm Dư và Chúc Dung nước Ngô mang quân xâm phạm biên giới, Thẩm Doãn Tuất đã chặn được quân Ngô, Bá Khước Uyển chặn cửa sông Hoài Nhuế, cắt đường về của quân Ngô. Sau khi quân Ngô thất bại, tất cả quân nhu vật tư đều thành của riêng Bá Khước Uyển, về đến Sính đô, Chiêu vương còn ban thưởng trước điện. Cùng đi đánh trận, Thẩm Doãn Tuất có công lớn, nhưng đến cuối cùng, Bá Khước Uyển lại vớ bở, Thẩm Doãn Tuất chẳng được gì. Nay Thẩm Doãn Tuất cũng học cách Bá Khước Uyển, để lệnh doãn chặn quân Ngô ở Hán Thuỷ, ông ta tạt qua cửa sông Hoài Nhuế, cắt đường về của quân Ngô. Chẳng bao lâu nữa quân Ngô mà thua, ông ta được cả tiếng cả miếng, còn lệnh doãn thử hỏi có khác gì múc nước bằng rá, múc thì đầy nhưng chẳng được gì. Lời người đáng sợ, mọi người đều xì xào bàn tán, ai cũng bảo lệnh doãn bất tài, thua chạy mới đến Hán Thuỷ, may nhờ Thẩm tư mã tiếp ứng, mới đánh bại được quân Ngô. Đến lúc ấy, ngài còn mặt mũi nào ngồi ghế lệnh doãn nữa? Với lại, lệnh doãn đã từng nói với Thẩm tư mã, nếu việc lớn thành công, thì sẽ nhường chức lệnh doãn cho ông ta đó thôi, thế há chẳng phải là tự thừa nhận rằng Thẩm tư mã vượt xa mình sao?

Không để cho Sử Hoàng nói hết, Nang Ngoã vội vàng giải thích:

– Chuyện nhường chỗ cho nhau, là câu hàn huyên cửa miệng ở chốn quan trường, sao có thể coi là thật được?

Sử Hoàng vẫn thủng thẳng tiếp:

– Đấy là những lời đãi bôi, mạt tướng làm gì chẳng biết, có điều sau khi lập công, ông ta sẽ níu lấy câu nói ấy của lệnh doãn, ép người phải nhường ghế cho mà xem, lúc ấy thì tính sao ạ?

Nang Ngoã quay ra trách móc:

– Vậy sao ngươi chẳng nói sớm với ta?

Sử Hoàng giải thích:

– Suốt ngày tai mắt người ta nhiều thế, thì hé răng vào lúc nào ạ?

Nang Ngoã nghĩ bụng, Sử Hoàng suy cho cùng là tâm phúc của ta, hắn nói không sai, nếu làm theo mưu mô của Thẩm Doãn Tuất, mình hoá ra nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì, toàn là làm cho người khác, không, dứt khoát không thể làm cái việc ngu xuẩn ấy được! Chợt quay sang Sử Hoàng, Nang Ngoã hỏi:

– Theo ý ngươi, thì nên làm thế nào? Sử Hoàng đáp:

– Theo ý của mạt tướng, không phải chờ thẩm tư mã tự đi trước qua sông, chiến với quân Ngô. Hãy cứ chờ đợi dăm bữa nửa tháng, cho quân Ngô nghe tin thuyền bè Hoài Nhuế bị

đốt phá hết, quân tâm tất sẽ rối loạn, lúc ấy chẳng đánh cũng tan, bỏ trại mà chạy, lệnh doãn chỉ cần ra tay, là được hết tất cả, Thẩm tư mã sẽ trắng tay. Lệnh doãn nghĩ thế nào?

– Cái đó… – Nang Ngoã không biết nên thế nào – để ta suy nghĩ cái đã.

Sử Hoàng đi rồi, Nang Ngoã lại cho vời Vũ Thành Hắc đến để hỏi. Vũ Thành Hắc trả lời, cũng giống như Sử Hoàng, điều đó càng làm vững vàng thêm niềm tin của Nang Ngoã trong việc vượt trước qua sông Hoài để giao chiến với quân Ngô.

Tại sao Vũ Thành Hắc lại nhìn nhận giống như Sử Hoàng? Bởi ông này cũng đang ấm ức với Thẩm Doãn Tuất – Ta với người cùng đến đây, người đi, vứt bỏ ta lại đây, rõ ràng chỉ vì một mình riêng chiếm phần béo bở. Ngươi đã bất nhân, thì ta hà tất phải có nghĩa, vì thế ta cứ tóm phắt lấy chân ngươi lại. Qua sông xong, giao chiến với quân Ngô, nếu thắng lợi, để cho ngươi đừng hòng kiếm chác được chút gì; nếu thất bại thì tất cả cùng đen đủi như nhau…

Nang Ngoã đang sắp sửa cho việc vượt sông, bỗng nhận được tin báo: Vùng núi phía đông Bách Cử, cũng có đại quân của nước Ngô thâm nhập. Bị Sử Hoàng và Vũ Thành Hắc xúi giục, Nang Ngoã quyết định dẫn quân vượt Hán Thuỷ sang phía đông, trước hết đánh cánh quân Ngô ở phía nam thâm nhập vào từ đất Tiềm, sau đó sẽ cũng Thẩm Doãn Tuất giáp công đánh cánh quân Ngô ở phía bắc. Như vậy, công của Nang Ngoã tất sẽ ở trên Thẩm Doãn Tuất.

Nang Ngoã dẫn quân Sở vượt Hán Thuỷ, không nghỉ ngơi chút nào, lại rầm rộ tiến đến Đại Biệt Sơn, rồi cắm trại ở Tiểu Biệt Sơn. Sau khi doanh trại đã cắm xong đâu vào đấy, Nang Ngoã lên trướng quân, lệnh Sử Hoàng và Vũ Thành Hắc mang ba ngàn binh lính, đến trước doanh trại của đại quân nước Ngô ở núi Hán Âm gọi địch ra đánh, để xem rốt cuộc quân Ngô ghê gớm đến đâu.

Hai tướng đem quân đến chân núi Hán Âm, ngửa mặt nhìn lên doanh trại quân Ngô, cũng chẳng nhìn thấy có gì đặc biệt. Quan đánh trận phụng mệnh lên trước lớn tiếng hô lên:

– Này, ở trên núi dỏng tai lên mà nghe nhé, chủ tướng của ta bảo chủ tướng các người ra để hỏi chuyện!

Lính gác ở cửa trại ngang lưng núi cũng gọi xuống:

– Chủ tướng nhà các người là ai, hãy khai họ báo tên ra nào!

– Sử Hoàng! Sử tiên phong!

– Cái gì? Tử tiên phong? Tiên phong chết à? Tiên phong sống còn chẳng ăn ai, cho tiên phong chết đến đây làm gì?

– Không phải Tử, mà Sử, họ Sử, tên Hoàng, với lại Vũ Thành Hắc, Vũ tiên phong!

– Cái gì? Hắc hay là Hoắc, là đen à? Hay là vàng?

– Cả hai đều là quan tiên phong! Mau đi báo cho tướng các ngươi.

– Được! Hãy đợi đấy! – Một người lính chạy đến trước trướng báo cáo với Tôn Tử.

Trong trướng, Tôn Tử đang đi đi lại lại một mình. Tôn Tử không lẩn thẩn như Nang Ngoã, chủ lực quân Ngô đã rời Vân Thành tiến về phía đông từ lâu, đến bài binh bố trận ở vùng Đại Biệt Sơn, nhưng hắn vẫn còn u u minh minh. Hai quân tuy ở xa nhau, nhưng tình hình điều binh khiển tướng của quân Sở thế nào Tôn Tử rõ như trong lòng bàn tay. Thẩm Doãn Tuất và Vũ Thành Hắc mang một vạn rưỡi quân đến tăng viện cho Nang Ngoã, chỉ ở có một đêm. Thẩm Doãn Tuất bèn đem một vạn quân bí mật vượt Hán Thuỷ, tiến quân về phía Tân Tức, điều đó rõ ràng là muốn hình thành thế giáp công đối với quân ta. Tôn Tử một mặt cho người theo dõi sát, kịp thời báo tin về, một mặt suy nghĩ vạch ra kế thắng địch. Ông nghĩ rằng, nếu quân Sở muốn hai mặt nam bắc giáp công, mà Nang Ngoã qua sông lúc này, là sớm mất một chút. Có điều họ đã qua sông, lại tìm tới tận cửa, không nên để cho chúng nhẹ nhàng quay về tay không. Tôn Tử đang trù tính như vậy, thì lính canh vào báo cáo tình hình quân Sở đã tới chân núi và đang cho người kêu gọi quân ta ra đánh.

Tôn Tử nghe báo, vẫn ung dung tự nhiên, cứ y như đang đánh cờ với ai đó, mà đối phương lại đi lỡ nước cờ; cũng lại giống như người đang gảy đàn, trên những sợi dây đàn đang rung lên những âm thanh đắc chí hả hê, ông bất giác mỉm cười. Chính trong cái nháy mắt nở nụ cười ngắn ngủi đó,

trong óc ông bỗng hình thành và nảy ra một phương án chiến đấu: Lúc này không thể đánh khiến cho Nang Ngoã hoảng sợ được, nếu không, hắn sẽ chuồn trở lại Giang Nam; trước tiên hãy đánh nhỏ thôi, đánh từng bước một, đợi đánh qua Hán Thuỷ, lúc ấy mới đánh lớn, đánh nhanh.

Sau đó, Tôn Tử dặn dò người lính canh vừa đến báo việc, ra ngoài cửa trại gọi lớn như thế này, sau đó cho người ra cửa trại chuẩn bị như thế. Sau khi hai toán người này đi rồi, Tôn Tử lại sắp đặt cho Phu Khái mang ba trăm quân lặng lẽ xuống núi, hành động như thế…

Người lính canh về đến cửa trại, gọi lớn xuống chân núi:

– Này. Dưới kia nghe đây! Chủ tướng nhà ta đang bận công việc, không được rỗi mà xuống núi, hẹn với các người, giờ này ngày mai gặp lại, các người về bên kia sông đi.

– Phó tướng của các người đâu?

– Hai phó tướng kia, một là Ngũ tướng quân Ngũ Tử Tư, một là Bá tướng quân Bá Bỉ, hôm nay họ cũng không ra được, tạm tha mạng sống cho các ngươi, hôm khác, thế nào cũng có dịp cho các ngươi lên chầu trời!

Tướng Sở quay về, thực thà tâu hết mọi điều. Cho đến tận lúc này bọn chúng mới biết rằng quân Ngô ở hai hướng bắc nam đã hợp làm một, trên mặt Sử Hoàng bỗng hiện ra vẻ bẽn lẽn ngượng ngập, Vũ Thành Hắc thì hầm hầm tức giận.

Sử Hoàng vừa nghe, thấy rõ ràng là quân Ngô muốn lảng tránh, hay do không quen thuỷ thổ, mà đang mắc bệnh, Vũ Thành Hắc cũng cho là thể nên yên tâm hơn. Hắn chỉ sợ có một mình Ngũ Tử Tư, thế mà Ngũ Tử Tư lại không ra giáp chiến, thì tại sao không xông lên núi, đánh vào doanh trại quân Ngô, thế nào cũng thắng ngay trận đầu.

Vũ Thành Hắc là một kẻ nóng nảy, lại không biết che giấu quan điểm của mình bao giờ, bèn nói lớn:

– Tướng nước Ngô đã không dám ra đánh, chắc chắn trong doanh trại của chúng nhất định đang trống rỗng, tại sao ta không xông lên núi đi!

Sử Hoàng cố làm ra vẻ trầm tư suy nghĩ, sau mới nói:

– Tôi nghĩ tướng bên Ngô không phải là không dám ra đánh, có khi là do một nguyên cớ khác kia!

– Mặc nguyên cớ gì cũng kệ, chúng không ra khỏi doanh trại thì ta xông lên – Võ Thành Hắc nói như đang ngứa ngáy chân tay.

Sử Hoàng chần chừ lúc lâu, rồi mới bày tỏ quyết tâm:

– Thôi cũng được, chúng ta xông lên núi, thử một trận xem sao. Vũ Thành Hắc hô lớn:

– Quân đâu! Xông thẳng lên cho ta!

– A a a… Xông lên a.a.a… – lính tráng vừa hô vừa xông lên núi Hán Âm ào ào…

Trên núi, lúc đầu không động đậy gì, mãi cho đến lúc quân Sở sắp vào đến cửa các doanh trại thì đá hộc, gỗ cây ầm ầm từ đâu lăn xuống, đập vào đám quân Sở đang ở dưới leo lên, kẻ thì vỡ đầu máu chảy, kẻ thì gẫy xương trật gân, thịt nát xương tan, kẻ thì bị đè bẹp. Nhìn thấy vậy, Sử Hoàng và Vũ Thành Hắc mới biết trên núi đã có sự chuẩn bị trước, xông lên núi, đánh vào doanh trại quân Ngô, sẽ không ăn thua gì, nhưng quân Ngô sợ không dám ra mặt, cũng có thể coi là mình thắng rồi, thế là hạ lệnh rút quân. Để phô trương thanh thế, lệnh lính tráng đi thành hàng lối, đánh trống thắng trận, theo đường cũ về đại bản doanh ở Tiểu Biệt Sơn.

Đám quân Sở gõ trống thắng trận vang trời, bỗng nhiên từ những lùm cây ven đường, có đến bảy tám người tâng tâng nhảy ra chắn ngang đường. Những người này ai cũng cao to vạm vỡ, vai rộng eo tròn, áo ngắn mặc chẽn, tay người nào cũng lăm lăm một cây gậy gỗ, bề ngang bằng miệng bát, dài đến ngoài hai trượng, phía trước còn nguyên cả cành lá, trông như một cây chổi lớn. Người đi đầu hô lên "Đánh mạnh vào!", những người còn lại ào tới, múa cây gậy của mình quét ngang mặt đất. Đám quân Sở hoàn toàn không ngờ rằng lại có người bất ngờ ra tay như vậy, trong đầu còn chưa có sự đề phòng, mà đao thương có trong tay thì không với tới những người kia, đành bị động ăn đòn, chỉ một loáng đã nằm ngổn ngang đầy mặt đất, tiếng khóc, tiếng kêu vang lên vô cùng thê thảm. Vũ Thành Hắc giận sôi lên, quát gọi quân lính: "Bay đâu! Vây chặt lại cho ta!". Hô xong, hắn và Sử Hoàng vừa định thúc ngựa lên phía trước, thì từ trong

rừng cây lại ào ào lao ra hơn ba trăm người, người nào cũng vung lên những cành cây như cây chổi thế, chẳng nói chẳng rằng, cứ nhè quân Sở mà phang.

Đừng có tưởng quân Sở đông người mà làm gì được lúc này. Hơn ba trăm cành cây ấy cứ thế múa lên ào ào như sóng, cũng đủ làm cho chúng bị thương, tàn phế lê lết, chết ngay tại chỗ, đội ngũ tan tác tả tơi. Vũ Thành Hắc tức quá, gầm lên trên mình ngựa, đường đường là những đại tướng như Vũ Thành Hắc, Sử Hoàng lúc này, chỉ còn có thể loay hoay chống đỡ, không thể đánh trả, đúng như người ta nói "hổ lẻ khó địch được sói bầy".

Đang lúc quân lính hai bên còn đánh nhau, từ trong rừng cây vang lên tiếng quát:

– Này! Tướng giặc chạy đi đâu? Phu Khái đã đến đây!

Tiếng quát còn chưa dứt, Phu Khái vác cây cửu hoàn đại khảm đao, một mình một ngựa xông ra. Sở dĩ Phu Khái ra chậm một chút như vậy, là để cho ba trăm cây chổi kia quét cho quân Sở mệt nhoài ra đã, cho chúng tan tác hết rồi lúc ấy mới ra lấy đầu Sở Hoàng, Vũ Thành Hắc, được như thế mới gọi là công lớn trùm thiên hạ – Phu Khái xưa nay vẫn là con người tham công hám lợi như thế!

Sử Hoàng, Vũ Thành Hắc lúc này mới biết mình đã rơi vào ổ phục kích, Phu Khái lại là mãnh tướng quân Ngô, chưa biết chừng trong rừng rậm kia vẫn còn vô số quân Ngô đang ẩn nấp, đội ngũ bên mình thì tan tác tả tơi, đánh tiếp nữa sẽ chẳng mang lại kết quả gì tốt đẹp, chẳng thà tự nhận phần

xui xẻo, về doanh rồi tính sau, thế là hạ lệnh lui quân. Vũ Thành Hắc một mình một ngựa lủi nhanh nhất, Sử Hoàng bám sát đằng sau. Lính thất trận như núi lở, quân sĩ kẻ thì chạy, kẻ thì bò, lết đi… chưa đến nửa canh giờ, đã trốn sạch chẳng còn một tên. Phu Khái không thèm đuổi, theo lời dặn của Tôn Tử, tất cả xác chết đều không được chôn, tạm để nguyên tại chỗ, thu quân về trại gặp Tôn Tử báo công.

Mới chỉ va chạm thử một trận mở màn, đã có tin thắng trận. Hạp Lư cảm thấy rất mừng, truyền cho sửa tiệc lớn mừng công. Người đầu sai vừa định bước đi, Tôn Tử đưa tay lên nói:

– Khoan đã! Rượu mừng công xin để ngày mai hãy uống, đêm nay còn một trận đánh lớn hơn!



Thay đổi là tốt

“Giữa khó khăn luôn có cơ hội”.

Những người thành công trong cuộc sống đều là những người sẵn sàng và linh hoạt với những sự thay đổi, vì họ biết chỉ như thế cơ hội mới tìm đến. Tìm thấy cơ hội chỉ là một bước đi trong trò chơi cuộc đời, có đủ can đảm để nắm bắt cơ hội không mới là điều đáng nói.

CHƯƠNG XXVIII

NANG NGOÃ CƯỚP DOANH
PHU KHÁI TRÁI LỆNH

Lại nói quân Ngô thử sức trận đầu, vừa ra quân đã thắng trận, Hạp Lư rất mừng, truyền mở tiệc lớn mừng công, Tôn Tử ngăn lại nói:

– Rượu mừng công xin để ngày mai hãy uống, đêm nay còn một trận đánh lớn nữa!

– Làm sao biết được? – Hạp Lư hỏi lại.

Tôn Tử đáp:

– Nang Ngoã là hạng tài hèn sức mọn lại tham công, nay quân Sở thua trận đầu như vậy, chưa ảnh hưởng gì đến nguyên khí, Nang Ngoã thế nào cũng cho rằng đêm nay quân ta mới ra quân đã thắng, thế nào cũng uống rượu mừng công, lơ là canh gác, nên sẽ đến cướp trại.

Hạp Lư thán phục, vui lòng, gật đầu lia lịa:

– Nếu đã thế thì nguyên soái phải cho chuẩn bị bị mới được.

Tôn Tử lệnh cho Phu Khái và Bá Bỉ, mỗi người lấy năm ngàn quân mai phục ở bên trái doanh trại và chòi canh bên phải, rồi sẽ hành động như thế, như thế... Còn Đường Thành công, Thái Chiêu hầu, mang theo quân bản bộ của mình, cho

vào rừng phục kích bên đường vào cửa địch, khi quân Sở mới vào không được hành động, chờ chúng thua chạy, mới nhất tề ào ra, đánh cho chúng một trận, song không cần đuổi theo. Ngũ Tử Tư mang một vạn quân, im lặng mai phục ở nơi hẻm núi gần Tiểu Biệt Sơn, chờ sau khi Nang Ngoã ra khỏi doanh trại, thì sẽ như thế… mà làm. Công tử Sơn mang số tướng sĩ còn lại bảo vệ Ngô vương đi sau cùng xuống núi, ra đến ngoài mười dặm thì tạm thời hạ trại ở đó. Cắt đặt xong đâu đấy, Tôn Tử lại dặn dò đám quân hầu, đến tối sẽ bố trí tướng quân như thế nào, dưới trướng sắp xếp ra sao, cuối cùng mang số quan văn võ còn lại, tạm lánh ra sau núi.

Trên đường về, Sử Hoàng và Vũ Thành Hắc đi hai ngựa sóng hàng, trong bụng người nào cũng ấm ức không nguôi – đang thắng lại hoá bại, đó là một cái tức; ba ngàn người chịu thua ba trăm người, lại càng thêm tức; điểm lại quân số chết gần ngàn người, lại càng tức. Tức giận thì cần phải thổ lộ, hai người bắt đầu bàn tán: Quân Ngô lúc đầu không dám đánh về sau thắng lại không dám đuổi, điều đó chứng tỏ lực lượng của họ trong doanh trại không nhiều. Chắc hẳn trước đó có mắc một trận dịch, cộng với việc không hợp thuỷ thổ, tướng sĩ của họ đều mang bệnh. Nếu như đêm đến chúng ta mang nhiều binh lính một chút, xuất kỳ bất ý xông lên núi, đánh cho chúng một trận trở tay không kịp, nhất định sẽ thắng to. Hai người về đến đại bản doanh, lính tráng đội nào về đội ấy, còn họ đến ngoài cửa trướng thì xuống ngựa, vào gặp Nang Ngoã. Vũ Thành Hắc lấy lệnh tiễn ra, dâng lên Nang Ngoã:

– Hai chúng tôi gặp lệnh doãn, xin trao lệnh tiễn tâu bày kết quả.

Họ không nói là báo công, song cũng không nhận tội. Nang Ngoa nhận lấy lệnh tiễn và hỏi:

– Thắng bại ra sao?

Sử Hoàng đứng bên cạnh thưa:

– Trước thắng sau bại, không thắng cũng chẳng bại.

– Nói thế nghĩa là thế nào? – Nang Ngoã vẫn tỏ ra ôn tồn.

Vũ Thành Hắc vội vàng kể lại một lượt những gì đã xảy ra: nào là chúng tôi đến chân núi Hán Âm thì như thế như thế, trên đường về thì thế này thế nọ…

Nang Ngoã chưa nghe thấy gì còn không sao, nghe kể đến đâu tức sôi lên đến đấy:

– Các người xui ta vượt sông chuyển quân đến đây, vừa mới đánh trận đầu đã thua thảm hại như thế, vậy mà còn vác mặt về đây gặp ta.

Sử Hoàng bước lên một bước nói:

– Dám xin lệnh doãn hãy dẹp trận lôi đình, việc nhà binh, thắng bại đâu chỉ một lần mà biết. Với lại đánh mà không chém được tướng, công thành không bắt được vua chúa, chưa phải là đại dũng của nhà binh, nếu lệnh doãn có thể tương kế tựu kế, ra quân lần nữa, tất sẽ bắt sống được Ngô vương. Như thế, thắng hay bại tất sẽ rõ; Ngô vương đã bị bắt,

thì quân Ngô tất sẽ hàng, công này của lệnh doãn, tất sẽ được Sở vương coi trọng và càng sủng ái – Thế là hắn bắt đầu phân tích những khía cạnh như hôm nay quân Ngô không dám xuống núi đuổi theo, Ngũ Tử Tư cũng chưa dám ra giao chiến … rồi đưa ra kết luận trong doanh trại quân Ngô, số tướng sĩ có thể chiến đấu được tất nhiên là không nhiều.

Vũ Thành Hắc cũng nói xen vào:

– Thưa lệnh doãn, quân Ngô hôm nay giao chiến lúc đầu giành thắng lợi, tối đến nhất định sẽ mở tiệc ăn mừng, say lử ra mới thôi, quân ta đêm nay đến đó cướp trại, nhất định sẽ giành toàn thắng!

Sử Hoàng với Vũ Thành Hắc cứ một đồng một cắc như thế, khiến Nang Ngoã ù ù cạc cạc, không biết ra sao. Nhiều người làm quan to ăn trên ngồi trốc, quyền bính trong tay nhưng gặp việc lại lơ mơ như thế, cứ làm như mọi sự trên đời này đều tồn tại vì lợi ích của riêng họ vậy, do đó họ có thể xoay chuyển theo ý chí của riêng họ. Và cũng xuất phát từ đó, Nang Ngoã cảm thấy Sử Hoàng và Vũ Thành Hắc nói có lý. Thật vậy, đánh thắng trận làm gì chẳng mở tiệc mừng công, đã mở tiệc mừng công thì chắc chắn người nào người nấy sẽ say bí tỉ, đã say, thì sẽ lơ là canh gác… Hì! Chưa biết chừng đêm nay có cát tinh chiếu dọi. Nang Ngoã ta đã đến lúc gặp vận may rồi cũng nên. Cướp trại chuyến này mà thành công, chẳng những hy vọng của Thẩm Doãn Tuất thành thạo quyền thuật trở thành tro bụi mà tiếng tăm của mình sẽ vang xa, chư hầu sẽ thần phục… và cứ thế Nang Ngoã như

một kẻ trong cơn mộng ảo, đã quyết định: Đêm nay đi cướp trại, ta sẽ thân chinh dẫn đầu!

Sử Hoàng nịnh hót:

– Lệnh doãn thân chinh đi đầu, lại càng chắc chắn và tất thắng ạ!

Nang Ngoã nghĩ, đêm nay nếu như đánh một trận mà thành công, những kẻ cùng đi với ta công lao sẽ không nhỏ, đây là một cơ may, nên nghĩ trước đến những kẻ tâm phúc của mình, thế là lệnh ngay cho Sử Hoàng mang một vạn quân cùng đi với mình, Vũ Thành Hắc điều năm ngàn quân đi sau tiếp ứng. Sắp đặt đâu vào đấy xong rồi, ai đi lo chuẩn bị công việc của người ấy. Tối đến, sau khi toàn quân đã ăn cơm no, bắt đầu canh một, đội ngũ lần lượt lên đường. Nang Ngoã với Sử Hoàng bảo nhau lên ngựa, một người mang đao một người cắp giáo, dẫn đầu một vạn quân, cuốn cờ tắt trống, che đèn tắt lửa, mò trong đêm tối đi tới núi Hán Âm. Sau đó, khoảng canh hai, Vũ Thành Hắc cùng mang năm ngàn quân đi theo tiếp ứng.

Không biết đi được bao lâu, có nhiều người dẫm phải vật mềm trên mặt đất trượt ngã lia lịa, có người thì vấp ngã chổng vó lên trời, soi đèn nhìn kỹ, hoá ra là xác chết của quân Sở còn nằm ngổn ngang. Lúc ấy mọi người mới rõ, đây là những nạn nhân bị quân Ngô đánh chết lúc ban ngày, đến lúc này còn chưa chôn cất.

Tới gần canh ba, đã đến chân núi Hán Âm, bỗng nghe thấy tiếng trống thùng thùng trên núi xen lẫn tiếng ngựa chiến

hí vang, chắc rằng bữa tiệc mừng công vẫn chưa tàn. Quân lính bò lên ngang lưng núi, thấy cửa trại đóng im ỉm, chẳng có ai canh giữ. Nang Ngoã lệnh cho thắp đèn đốt đuốc, thế là ánh lửa rực sáng lên lập loè như vô số mắt sói. Trong ánh lửa, thấy trong cửa trại đang có hàng chục tên lính, người nào cũng ôm khí giới, để nguyên cả áo quân mà ngủ, mùi rượu nồng nặc. Quân Sở ào lên phía trước như thác đổ, đẩy sập cả cửa trại, quân lính Ngô đang ngủ say bỗng choàng thức dậy vội vàng đứng lên, co cẳng chạy, vừa chạy vừa hô:

– Hỏng to rồi! Quân Sở đánh lên núi rồi! Chạy đi thôi!

Nang Ngoã chưa vội đuổi theo bọn người kia mà dẫn binh lính tiếp tục xông lên trước, xuyên qua tiền doanh, vào đến trung doanh, nhưng dọc đường không hề gặp một tên lính nào. Cách đó không xa là trướng quân trung doanh, trong trướng đèn nến rực rỡ. Nang Ngoã vội cho quân tiến lên, xông thẳng vào trong trướng, bên trong không một bóng người. Trong lòng Nang Ngoã bỗng như có một luồng khí lạnh dâng lên thấu đến tận xương – Phải chăng đây là một doanh trại rỗng? Không! Đúng là rỗng thật, nhưng tiếng trống lẫn tiếng ngựa hí thì ở đâu ra? Theo tiếng động tìm đến nơi, mở to mắt ra nhìn, bắt giác tóc gáy dựng đứng, Nang Ngoã chợt kêu lên:

– Ái chà chà! Ta mắc mưu rồi!

Rốt cuộc Nang Ngoa đã nhìn thấy những gì vậy?

Ở bên này có mấy con dê, hai chân sau bị trói chặt, treo lơ lửng trên không, trên hai chân trước lần lượt buộc vào mỗi

chân một cái dùi trống, phía dưới đặt một cái trống. Con dê bị treo lên đau không chịu nổi, bắt buộc phải quẫy đạp lung tung, thế là đôi dùi trống bèn gõ lên mặt trống kêu lên tùng tùng. Mấy con dê cùng một lúc khua lên như vậy, tiếng trống bỗng trở nên giòn giã, đúng như người ta bảo đây là trò "dê treo gõ trống". Ở bên kia lại buộc mấy con ngựa chiến, những con ngựa này không biết đã bỏ đói từ bao giờ, bụng lép kẹp như quả bóng xì. Trong máng ngựa gần đó đựng đầy thức ăn, nhưng lại cách chỗ bầy ngựa xa quá, lũ ngựa nhìn thấy thức ăn, ngửi thấy mùi cỏ mà không sao liếm tới được, thì làm gì chẳng hí lên, rít lên, thế mới gọi là "ngựa đói lồng quanh máng".

Lúc này, binh lính lũ lượt chạy đến báo cáo:

– Dạ báo cáo lệnh doãn! Hỏng to rồi ạ! Chúng con đi đánh quân Ngô, xông vào trong trướng, ở trong chẳng có một người nào ạ!

Nang Ngoã biết mình đã mắc mưu, nghĩ bụng, Tôn Tử đã dùng kế để trống doanh trại lừa ta, tất sẽ có quân mai phục, không thể ở lâu chỗ này được, phải mau rút khỏi đây, thế là lớn tiếng ra lệnh:

– Quân bay đâu! Mau truyền lệnh ta, đội trước chuyển thành đội sau; đội sau trở thành đội trước, mau mau rút khỏi đây! – đồng thời quay sang dặn dò – quân địch chạy trốn, quân ta về doanh, dọc đường có thể có mai phục, mọi người không được lơ là.

Quân lính kêu ca oán thán suốt dọc đường. Đi được chừng bốn năm dặm, bỗng nhiên bốn phía nổi dậy tiếng tù và, phá tan màn không khí tĩnh mịch đêm khuya, rồi ánh lửa rực rỡ, chiếu cho cả cánh rừng mới tối đen trở nên rực sáng. Trong ánh lửa thấy bốn phía người ngựa rầm rầm, quân Ngô từ các nơi ùa tới như ong. Quân Sở vốn đã rã rời, thấy thế trận này hoảng sợ chạy túa ra bốn phía lẩn trốn. Nang Ngoã một mình tả xung hữu đột, mang hết hơi tàn ra để phá vòng vây, đang định trốn chạy sang bên trái, một vị tướng của quân Ngô đã chặn ngay lại, trong tay đang nắm chắc cửu hoàn đại khảm đao, hét lên như trời long núi lở:

– Nang Ngoã kia! Định chạy đi đâu! Có ta là Phu Khái đây!

Cùng lúc ấy, mỏm đá bên kia tù và rú lên xen tiếng trống giục, đèn đuốc sáng tưng bừng, trong ánh lửa, quân Ngô ào tới như nước vỡ bờ, vị tướng đi đầu lăm lăm trong cây song nhẫn hắc anh thương, quát lên như tiếng sấm:

– Này Nang Ngoã, ngươi còn nhớ Bá Bỉ, con trai của Bá Khước Uyển hay không? Còn không mau xuống ngựa đưa tay chịu trói đi?

Nang Ngoã nghe thấy thế, bất giác thấy ớn lạnh xương sống: Chết cha! Bên trái là Phu Khái em trai của Hạp Lư, bên phải là kẻ thù không đội trời chung Bá Bỉ, hôm nay kẻ thù gặp nhau trên đường hẹp, chắc chắn bọn chúng sẽ chẳng tha mình, cần tìm cách thoát thân ngay. Trên đời, ai cũng trội về một mặt nào đó, Nang Ngoã giống như một con chạch, vừa nhẫn vừa trơn, giỏi nhất là trốn, vội hô to:

– Sử tiên phong đâu! Mau cản tướng địch lại cho ta – Đang lúc Phu Khái và Bá Bỉ để ý sang chỗ Sử Hoàng, Nang Ngoã thúc ngựa trốn mất, trong nháy mát đã không thấy tăm hơi đâu nữa.

Sử Hoàng phụng mạng đành tế ngựa lên trước giơ cao tay thương lên:

– Tên phản tạc to gan kia dám ra đây làm càn, ta là Sử Hoàng sẽ đọ sức với ngươi. Hãy nhìn đây – Còn chưa nói hết câu, cây thương đã lao tới nhằm tim Bá Bỉ.

Bá Bỉ cũng dùng thương đánh lại.

– Khá lắm! – mũi thương của Sử Hoàng bị gạt đi.

Hai người hai ngựa chạy ra một quãng xa. Lúc này Phu Khái cũng tế ngựa đến trước Sử Hoàng, nâng cửu hoàn đại khảm đao trong tay lên:

– Nhìn đây này! – một nhát đao nhằm vai trái Sử Hoàng bổ xuống. Sử Hoàng vội vã giơ thương lên đỡ:

– Khá lắm – Hắn gắng gượng gạt được lưỡi dao sang một bên, nghĩ bụng: Một mình chọi một còn gắng gượng được, huống chi là hai người, chi bằng trốn quách cho sớm. Hắn vừa nghĩ thế, vừa chống chọi thêm mấy hiệp, rồi thừa cơ tìm đường trốn vào rừng.

– Mau đuổi ngay! – Phu Khái và Bá Bỉ cùng hô lên nhưng rốt cuộc bóng đêm đen đặc, lại thêm cỏ rậm rừng dày, khe lạch dọc ngang, khó tìm thấy dấu vết.

Sử Hoàng chạy một mạch đến bảy tám dặm đường, vất vả lắm mới đuổi kịp Nang Ngoã. Nhanh như một con thỏ, vừa mới đấy mà Nang Ngoã đã chạy được ngần này đường đất. Sử Hoàng làm ra vẻ không phải trốn chạy thảm hại, mà là thắng trận quay về, ngang nhiên hô to trên ngựa:

– Lệnh doãn chớ sợ, Sử Hoàng đã tới đây!

Thấy Sử Hoàng chạy tới, Nang Ngoã tạm yên lòng. Điểm lại quân số, tiền đội chẳng có một tên lính nào ra khỏi được doanh trại quân Ngô, trung đội cũng bị thương vong một ít, số quân còn lại e rằng cánh quân phía sau đều đã xuống núi, tất cả giảm mất một phần ba quân số.

Sợ rằng quân Ngô sẽ truy kích, Nang Ngoã không dám dừng lại lâu, vội vàng tiếp tục lên đường. Đi được một chặng nửa bỗng lại nghe tiếng tù và xen tiếng trống bất chợt vang lên, năm ngàn quân lính nhất tề xông ra, vị tướng đi đầu cắp mã đoan đao:

– Này! Tên thất phu Nang Ngoã kia định chạy đi đâu, mau trả áo da lại cho ta! – không cần hỏi, biết ngay là Thái Chiêu hầu. Tiếp đó, cánh rừng bên phải cũng ồn ã tiếng trống giục xen lẫn tiếng tù và, hai ngàn lính cũng nhất loạt xông ra, tướng đi đầu cắp mã đoan thương:

– Thằng giặc Nang Ngoã nghe đây! Muốn sống thì trả ta con thiên lý mã – Người này, hiển nhiên là Đường Thành công. Hai người một trái, một phải chặn đứng đường đi quân Sở. Nang Ngoã thấy vậy, mặt đờ ra, trước mặt là hai kẻ có thù sâu, cả hai đều ra mặt đòi nợ, đáng tiếc hai thứ của quý ấy đều không bên mình, nếu không, nhất định sẽ vui vẻ đưa ra trả lại, chỉ mong họ tha cho mạng sống mà về.

Có một viên hiệu uý không hiểu ra sao, thành khẩn bước lên khuyên:

– Thưa lệnh doãn, người trót nợ người ta thứ gì, thì trả quách đi, tính mạng lúc này mới là hệ trọng ạ!

Nang Ngoã dù sao cũng là một lão tướng chốn sa trường, lâm nguy không sờn, gặp việc không luống cuống. Cách ăn mặc của viên hiệu uý đã gợi ý cho hắn, thế là nhanh như chớp hắn bỏ mũ trên đầu xuống, vứt ra đất, đồng thời tóm lấy mũ của viên hiệu uý chụp lên mình, rồi cào một nhát cho rách mũi mình ra, vội vàng xoa lên mặt. Các động tác của hắn mới nhanh chóng và dứt khoát làm sao, tất cả những việc đó chỉ diễn ra trong nháy mắt. Viên hiệu úy đứng trước mặt ngớ ra nhìn hắn, còn chưa hiểu đầu cuối ra sao. Lệnh doãn đã biến thành một con người khác, một tên lính bị thương thảm hại, một thằng hề trên sân khấu. Song chớ có khinh thằng hề, nó vẫn sừng sộ ra lệnh:

– Sử tướng quân! Đằng trước đằng sau ta đều có địch, phía trước nữa còn có quân truy kích, không thể ở đây chờ chết, mau xông ra phá vây!

Sử Hoàng phụng mạng hô lớn:

– Quân bay đâu, theo ta xông lên! – Sử Hoàng dẫn đầu binh lính, tả xung hữu đột, vất vả lắm mới mở ra được một con đường máu rồi dẫn quân lính xông ra.

Đường Thành công và Thái Chiêu hầu không thèm để ý giao chiến với Sử Hoàng, chỉ một lòng một dạ muốn bắt sống Nang Ngoã, tìm đi tìm lại vẫn không thấy tung tích hắn đâu. Thì ra Nang Ngoã đội mũ hiệu uý, trà trộn vào đám lính bị thương ồn ào nháo nhác lẻn đi mất rồi!

Sử Hoàng mang theo đám tàn quân bại tướng, chạy được một chặng, đang định bụng chậm bước chân lại để thở một chút, quân Ngô lại đã truy kích đến nơi. Bá Bỉ và hai vua Đường, Thái một lòng muốn bắt sống Nang Ngoã để băm ra muôn mảnh. Nang Ngoã nghe thấy tiếng hô, cuống lên hết núp chỗ này lại ẩn vào chỗ kia, căm một nỗi lên trời không có thang, xuống đất không có lỗ. Đúng lúc nguy kịch đó, Vũ Thành Hắc mang quân đến tiếp ứng, đang tìm Nang Ngoã khắp nơi không thấy. Nang Ngoã thấy hắn cưỡi ngựa tới, như gặp được cứu tinh, vội cất tiếng nhỏ trầm nhưng rất rành rẽ gọi:

– Vũ tướng quân đến rất đúng lúc, mau đánh lui quân truy kích.

Vũ Thành Hắc chỉ nghe thấy tiếng mà không thấy người, đành thuận miệng buông một câu: “Tuân lệnh!”, rồi tế ngựa lên phía trước. Nang Ngoã đương giơ tay vẫy hắn, làm động tác bảo với hắn “ta chính là lệnh doãn Nang Ngoã”. Vũ

Thành Hắc đã nhìn ra, xuýt nữa bật cười lên thành tiếng, làm thế nào lại đến nỗi thảm hại lếch thếch thế này! Nhưng lúc này không phải lúc hỏi han, để việc ấy cho binh lính của mình, hắn định đi đánh hai vua Đường, Thái. Hai vua Đường, Thái cũng là biết điều, thấy quân Sở có thêm người đến cứu, liền nghĩ tới lời Tôn Vũ dặn họ lúc ra đi rằng đánh cho chúng một trận, không cần đuổi theo, cho nên lập tức ra hiệu lui quân. Họ vừa quay lại thì Phu Khái, Bá Bỉ cũng tới. Theo ý của Phu Khái, vẫn muốn truy kích tiếp, nhưng thấy trời đêm đường tối khó đi, đành cùng quay về doanh trại trao lệnh báo công.

Quân Ngô ở phía sau không truy kích nữa, Nang Ngoã lúc này mới được rảnh để thở. Thế nhưng, lúc ở trên núi rút xuống, vẫn còn hai phần ba số người, qua trận rút chạy mới rồi, bây giờ chỉ còn lại một phần ba, tính cả năm ngàn quân của Vũ Thành Hắc vào nữa, chưa đầy một vạn quân. Cũng may ở trong doanh trại đang còn ba vạn quân, đợi về đến nơi sẽ tính sau.

Về gần đến doanh trại, bỗng thấy ở đó tắt đèn tắt lửa, một vùng tối đen như mực. Nang Ngoã ngộ nhận rằng quân sĩ trong doanh trại đã ngủ say hết cả, nhưng Vũ Thành Hắc lại sinh nghi, bởi khi hắn ra khỏi đây, từng dặn phải canh gác cho cẩn thận, thế mà bây giờ ngoài cổng doanh trại đến một ngọn đèn cũng chẳng có là thế nào? Hắn còn đang thắc mắc băn khoăn, thì từ trong doanh trại, tiếng tù và, tiếng trống thay nhau nổi lên, rồi tiếp sau đó, cổng doanh trại mở toang, đèn nến sáng rực, lính tráng từ bên trong đó ào ra như nước chảy, tướng đi đầu cưỡi trên mình một con ngựa rất cao,

trong tay lăm lăm cây thương hổ đầu ngân xám dài một trượng tám, người ấy không ai khác, chính là Ngũ Tử Tư.

Theo lệnh, Ngũ Tử Tư đã dẫn các tướng sĩ trước hết mai phục ở chỗ lũng núi sâu cách Tiểu Biệt Sơn không xa, chờ cho hai đội quân của Nang Ngoã và Vũ Thành Hắc lần lượt ra đi, liền im lặng lén đến trước cửa doanh trại quân Sở rồi tấn công bất ngờ. Binh lính gác trại chỉ biết người của mình sang cướp trại quân Ngô, không hề nghĩ quân Ngô lại đến cướp trại của họ nên chẳng hề chuẩn bị, trong trại cũng chẳng có lấy một vị tướng lĩnh nào, người nào người nấy sợ chui hết góc này lại sang góc khác. Khi chúng nghe tin tướng đến đánh lại là Ngũ Tử Tư thì tất cả đều hồn xiêu phách lạc, lũ lượt quỳ xuống đất xin hàng. Cứ như thế, Ngũ Tử Tư chẳng tốn mấy sức lực, chiếm cứ được doanh trại, chỉ còn đợi Nang Ngoã dẫn quân trở lại. Ngũ Tử Tư một mình một ngựa xông ra cửa doanh lấy mũi giáo chỉ gọi:

– Này! Nang Ngoã đừng có chạy nữa! Ngũ Viên đã đến đấy! Nang Ngoã nhìn ra, ngớ người, hỏi Võ Thành Hắc ở bên cạnh:

– Ngươi bảo Ngũ Tử Tư không thể ra trận, tại sao hắn lại có thể đến trại ta được?

– Cái đó… – Vũ Thành Hắc ấp a ấp úng đáp – Hắn vốn đang ốm nặng nằm liệt giường, ai biết đâu hắn lại mau khỏi đến thế – Vũ Thành Hắc lấp liếm.

Không phải nói là sau khi bại trận, mà ngay như lúc bình thường, trong doanh trại quân Sở, cũng chẳng ai có thể địch

nổi Ngũ Tử Tư, Nang Ngoã lại là người tự biết chuyện này hơn ai hết, thừa biết không đủ sức chống lại, đương nhiên chuồn là thượng sách, thế là các tướng lĩnh quân Sở lần lượt nhờ bóng đêm lẩn sạch, bắt tội Ngũ Tử Tư phải chờ đợi suốt nửa đêm, lại phải tìm kiếm một phen mệt người.

Trời dần sáng, Ngũ Tử Tư ngửa mặt lên trời than:

– Ta mong ngày mong đêm, vất vả lắm mới trông đợi được đến hôm nay đi đánh Sở, vào Sính đô, trả thù nhà rửa hận nước, nếu như được đâm một nhát cho Nang Ngoã hay Vũ Thành Hắc rơi khỏi ngựa, cũng hả được phần nào nỗi hận trong mình, không ngờ số chúng còn chưa tận, đã nhân đêm tối trốn mất.

Thế là hạ lệnh thu quân về doanh trại.

Tôn Tử mời Hạp Lư về đại bản doanh, báo cáo lại tình hình chiến sự, sau đó lên trướng quân để ghi công cho các tướng, cử người đi xác minh và điểm lại số người chết và bị thương, chôn cất các tử thi, dọn dẹp đường sá, đồng thời cho đi thám thính tình hình Nang Ngoã. Buổi tối, trên trướng mở tiệc linh đình, dưới doanh trại khao quân rộn rã, mọi người yên tâm vui vẻ uống rượu chuyện trò. Tinh mơ ngày hôm sau nhổ trại, toàn quân di chuyển từ núi Hán Âm đến Đại Biệt Sơn và đóng ở đó, tiến về phía trước được một bước lớn.

Nang Ngoã cắm đầu cắm cổ chạy một mạch đến lúc trời sáng, không dám dừng lại bước nào, chạy mãi đến một nơi cách Đại Biệt Sơn rất xa, phía sau lại không thấy có binh lính truy kích, lúc ấy trái tim thắc thỏm của hắn mới bình

tĩnh lại. Nhìn lại quân lính, thấy chỉ còn lại có mấy ngàn người mà toàn ủ rũ như rau gặp nắng; tên nào tên ấy mệt lả không còn chút hơi sức nào. Điều đó cũng chẳng có gì lạ, một đêm trời chạy chừng ấy đường, lại còn phải đánh chém chống đỡ. Nang Ngoã quở trách Sĩ Hoàng và Vũ Thành Hắc:

– Cũng chỉ tại các ngươi nói dối hết lần này đến lần khác, mới có thất bại thảm hại hôm nay, thật không khác gì chó phải pháo.

Sử Hoàng không dám hé răng. Vũ Thành Hắc thì nhìn Nang Ngoã với ánh mắt trách móc: đúng là hạng người mặt dày, ông là lệnh doãn, thống lĩnh toàn quân, chẳng đưa ra được chủ trương gì thì thôi, lại còn trách chúng tôi. Trong lòng có điều ấm ức, không thổ lộ được ra thì không hả, nhưng lại không được nói, chỉ còn cách cắn rứt mình:

– Thưa lệnh doãn, chuyện này cũng không nên chỉ trách chúng tôi, ai biết được Tôn Tử lại là người ghê gớm đến thế, tính đoán như thần, không bói mà biết trước hết mọi chuyện như thế.

Nang Ngoã thở dài đánh sượt nói:

– Đúng thế, cũng quá coi thường Tôn Vũ, song việc đã đến thế này, đành phải kéo quân về Sính đô, đợi ngày làm lại từ đầu, để rửa nỗi nhục hôm nay.

Sử Hoàng không cho là thế, liền khuyên rằng:

– Lệnh doãn mang đại quân đi chống nước Ngô, nếu nửa đường quay lại, quân Ngô tất sẽ vượt Hán Thuỷ, kéo thẳng về Sính đô, tội của lệnh doãn sẽ trốn đi đường nào? Chi bằng hãy tập trung quân sĩ tại Bách Cử, dàn trận và chỉnh đốn lại, một mặt tạm thời kiềm chế địch, mặt khác xin cứu viện, cho dù có chiến đâu mà phải chết nơi chiến trường, da ngựa bọc thây về, cũng còn để được tiếng thơm cho đời sau.

Nang Ngoã thấy Sử Hoàng nói có lý, bèn miễn cưỡng thuận theo lời hắn, mang đám tàn quân bại tướng ấy đi về phía Bách Cử. Dọc đường, người càng đi càng đông, đội ngũ càng kéo dài. Nguyên là khi đêm những người trốn ra sau doanh trại, đều ẩn náu ở quanh vùng này, khi họ thấy đội ngũ của mình đi trên đường liền lũ lượt theo nhập vào đội hình, chắp nhặt dần dần cũng được gần hai vạn quân. Đang đi đường, bỗng phía sau vang lên tiếng người hô, ngựa hí, bụi tung kín trời. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một cánh quân Ngô rất lớn đang đuổi gấp phía sau, dường như muốn đến tận nơi giết hết.

Quân truy kích đã tới nơi, Nang Ngoã lẽ ra phải đem quân chạy thục mạng mới phải, thế nhưng vì bươn bải suốt một đêm, lại còn nhiều phen đối phó với kẻ địch, không ngừng phải đánh chém chống đỡ, bụng thì trống rỗng, sớm đã không còn đâu ra hơi sức mà chạy nữa, thêm nữa lại luôn bị kinh hoảng, nghe tiếng quân Ngô mà khiếp vía, người người lạnh xương, ai cũng rủn gối, lực bất tòng tâm, quân Ngô càng đuổi đến gần, chúng càng luống cuống không nhấc nổi chân, không lê nổi bước. Chỉ trong chốc lát, quân Ngô đuổi ập tới như trùm lấp cả trời đất, Nang Ngoã đã đến mức chỉ còn ngồi chờ số phận định đoạt nữa thôi. Không ngờ, chỉ là

lo sợ hão mà thôi, cánh quân trùm lấp trời đất đó, không phải là quân Ngô truy kích, mà là quân Sở đến tiếp viện, đó chính là đại tướng Vĩ Xạ và con trai là Vĩ Diên mang năm vạn quân đến tăng viện. Họ là toán viện binh thứ hai Sở Chiêu vương cử đến theo chủ trương của công tử Thân và một số người khác. Thẩm Doãn Tuất tuy đã mang quân đến, nhưng lại e như thế vẫn không đủ, chỉ có thể giữ được Hán Thuỷ, không thể chiến thắng quân Ngô, thế nên mới lệnh cha con Vĩ Xạ mang thêm một cánh quân nữa đến. Dọc đường, Vĩ Xạ cũng thu nhặt được khá nhiều tàn quân của Nang Ngoã, qua hỏi han, tình hình thất bại của Nang Ngoã thế nào, ông ta đã nắm được cả. Viện binh như từ trên trời xuống, Nang Ngoã thật sự mừng không để đâu cho hết, hai người gặp nhau, chưa kịp hàn huyên, đã bàn ngay vào tình hình quân sự lúc này. Nang Ngoã buồn rầu áy náy nói:

– Thực chẳng giấu gì, quân ta thua hết trận này sang trận khác, lùi mãi đã đến nơi sơn cùng thuỷ tận, không biết nên làm thế nào bây giờ…

Vĩ Xạ lo lắng than thở:

– Quân ta không thể rút mãi thế này, theo ý của tôi trước hết ta cứ đóng lại Bách Cử, rồi cùng bàn đối sách, chờ thời cơ chín muồi, phối hợp giáp công cả trước sau với Thẩm tư mã, mới có thể tiêu diệt được quân Ngô…

Nghe thấy thế Nang Ngoã lộ vẻ thẹn thùng trên nét mặt, thầm ca cẩm một mình: "Thế này thì có khác gì mưu kế của Thẩm Doãn Tuất ban đầu? Nếu cứ làm theo hẹn, hợp lực tác chiến, thì không đến nỗi đi tới kết cục thế này, chỉ vì ta hám

công tham lợi trước mắt, giữa đường đến trước nơi đây, khiến cho toàn quân tan vỡ. Sự việc đã thế, hối hận cũng chẳng ích gì, đành theo đề nghị của Vĩ Xạ, chuyển quân đến Bá Cử dàn trận, chờ khi thời cơ chín muồi sẽ tấn công".

Tuy nhiên cái tính tự cao cậy công, ngang ngạnh cố chấp của Nang Ngoa đã có từ lâu, chết cũng chẳng chừa. Hai người ở với nhau càng lâu, nỗi oán ghét càng sâu. Bởi vì Nang Ngoã dù sao cũng là lệnh doãn, chức quan trên Vĩ Xạ, thế nên thường không coi Vĩ Xạ ra gì, gặp việc gì cũng tự mình nêu ý định, bởi vậy ý kiến thường khác nhau, hiềm khích ngày một sâu, tuy cùng ở một nơi nhưng xa hàng dặm, có chuyện gì rất ít khi bàn bạc với nhau.

Bản tính hám công tham lợi vốn có của Nang Ngoã rất khó sửa, trong tay lúc này lại có tới bảy vạn tướng sĩ, không biết làm thế nào hơn, nên đã nêu ra việc tấn công toàn diện vào quân Ngô ngay lập tức. Hắn nói:

– Cho rằng quân đội của Thẩm tư mã chưa đến đi nữa, với thực lực hiện nay của ta, cũng đủ đánh thắng địch. Miễn là quân ta sắp đặt thoả đáng kế hoạch chặt chẽ, hành động thận trọng, nhất định sẽ không bị đi vào vết xe cũ.

Vĩ Xạ rất không hài lòng với thái độ ngang bướng, tự cho là mình đúng của Nang Ngoã, không thể nhịn được, nghiêm giọng trách móc lại:

– Lệnh doãn quá khinh địch đấy, bài học thất bại lần trước còn không xa, vết xe đổ còn đó, hà cớ gì lại bước theo lần nữa! Quân ta không tể thua trận lần nữa, nếu không sẽ rất

đáng lo cho yên nguy của nước Sở. Tôi vẫn giữ ý kiến là chờ Thẩm tư mã tới rồi sẽ hội chiến, quyết không khinh suất ra quân trước.

Hai người không ai chịu ai, tranh luận mãi không thôi, thậm chí Nang Ngoã còn mắng nhiếc Vĩ Xạ là “nhát gan thỏ đế”, vu cho Vĩ Xạ “gây khí thế cho người, hạ oai phong của mình, tâm địa khó lường”. Vĩ Xạ chịu sao nổi sự sỉ nhục ê chề như vậy, trong cơn tức giận, đã đem quân bản bộ của mình đến đóng nơi khác. Hai trại quân không bố trí ở thế ỷ dốc để nương tựa vào nhau, mà cách nhau đến hơn mười dặm. Cả hai người đều không biết nhìn lo cho cục diện lớn, thì liệu còn đánh đấm làm sao?

Vĩ Xạ dẫn quân đi, hạ trại ở nơi khác, khiến cho Nang Ngoã đã tức càng thêm giận, hơn tất cả là lo sợ, suốt ngày cáu kỉnh, động một tí là trợn mắt hất hàm. Sử Hoàng thấy vậy, làm ra chiều vô cùng lo lắng, bước ra khuyên can:

– Việc làm của Vĩ Xạ, thiết nghĩ lệnh doãn chớ nên bận lòng tức giận, mai sau về kinh sẽ hỏi tội. Nay quân Ngô chỉ còn cách ta không xa nữa, sớm muộn sẽ tấn công vào trại của ta, mong lệnh doãn hãy lo tìm đối sách đi mới phải ạ.

Nang Ngoã thở một hơi dài thườn thượt. Đúng rồi! Giờ đây ta có giận đến vỡ mật ra, cũng chẳng có lợi gì cho công việc, quân Ngô trở lại, đối phó thế nào đây! Theo bản năng hắn nhìn vào Sử Hoàng, ánh mắt đó như muốn nói rằng: Ngươi hỏi ta, thì ta hỏi ai? Một lúc lâu sau, hắn trơ trẽn hỏi:

– Thế thì tiên phong có kế sách gì hay để lui được địch?

Sử Hoàng chỉ mong câu nói đó bật khỏi miệng Nang Ngoã, có điều hắn cũng phải mặc cả trước, kẻo sau nay chẳng may thua trận, rồi tháo dạ lại đổ vạ cho chè, có bao nhiêu tức tối lại trút lên đầu mình. Hắn định nói lại thôi, làm ra vẻ rất khó nghĩ:

– Kế làm lui địch, kể ra cũng có đấy, chỉ e không biết có được hay không?

– Xin cứ nói ra – Nang Ngoã sốt ruột không chịu nổi liền giục. Sử Hoàng làm ra vẻ đăm chiêu nói:

– Quân ta thua hết trận này đến trận khác, tâm trí hoảng loạn, không có lợi để đánh tiếp. Với lại Vĩ Xạ đã đóng quân riêng một nơi không ngó ngàng gì đến ta, thế thì tại sao ta không treo biển miễn chiến lên trước cổng trại. Quân Ngô thấy ta miễn chiến, tất sẽ quay ra giao chiến với Vĩ Xạ. Vĩ Xạ một tay khó vỗ, không thể thắng địch, thế tất sẽ chạy đến cầu cứu lệnh doãn, đến lúc ấy ta mới đem quân ra, đánh quân Ngô từ hai phía, lệnh doãn vừa được mát mặt, công giành thắng lợi vẫn thuộc lệnh doãn.

Vũ Thành Hắc nói như lời tổng kết:

– Đúng! Đấy gọi là lấy kẻ nghỉ ngơi đánh người mệt mỏi, chúng ta lại có thể yên lòng chờ tin của Thẩm tư mã ạ!

Nang Ngoã nghe thấy vỗ tay xuống bàn khen: “Diệu kế!” lập tức sai người treo cao trước cổng trại một tấm bài miễn chiến, và dặn:

– Nếu có quân Ngô đến đây, cứ bảo chủ tướng của ta đang nằm ốm trên giường, hôm khác hãy đánh.

Nang Ngoã ra lệnh xong, lên giường ngủ luôn, kê gối thật cao, chẳng còn gì phải lo nữa, vừa nhắm mắt lại đã ngáy ran như sấm.

Tôn Tử xưa nay vốn rất coi trọng tình báo, thế nên quân địch bài binh bố trận ra sao đều cố nắm bằng hết tình hình trong tay, việc các tướng Sở bất hoà với nhau như một tia sáng lóe len trong hầm sâu.

Sau khi tiên phong quân Ngô là Phu Khái được tin tướng Sở bất hoà, lập tức chạy về bản doanh, muốn xin Tôn Tử ra lệnh đánh. Không ngờ Tôn Tử đang đi quan sát tình hình địch nên không có mặt, thế là Phu Khái tâu lên Ngô vương:

– Lệnh doãn nước Sở là Nang Ngoã không được lòng người, cấp dưới của hắn thì vì thua hết trận này sang trận khác nên không còn ý chí chiến đấu nữa. Gần đây nghe nói Nang Ngõa bất hoà với cha con đại tướng Vĩ Xạ, hai bên chẳng ai nhường nhịn ai, đã đến mức như nước với lửa. Quân ta tại sao không tận dụng dịp tốt trời cho này, mở một cuộc tấn công chớp nhoáng, đánh cho chúng một đòn trở tay không kịp, rồi sẽ đánh vào kinh đô nước Sở. Thế nên khẩn thiết xin chúa công hãy lệnh cho thần đưa quân ra trận ngay ạ.

Ngô vương Hạp Lư thâm trầm lắc đầu, không tin lắm nói:

– Quân Sở nổi loạn, có thể là trò đánh lừa, quân ta mà tấn công bừa bãi vào, tức là mắc phải mưu của chúng, việc này phải cân nhắc thận trọng mới được!

Nghe nhà vua nói thế, Phu Khái tỏ ra không vui, liền nghĩ rằng, nếu như Tôn Tử có mặt tất sẽ quyết định việc tấn công ngay. Cũng ngay lúc đó, một ý nghĩ bỗng thoáng qua trong óc Phu Khái, láng máng nhớ được Tôn Tử từng có lần nói rằng: "Quan giỏi tướng tài phải dựa vào sự phán đoán của mình, cân nhắc kỹ rồi hành động, khi đang ở tiền tuyến thì quyết sách, phán đoán lại càng quan trọng, việc truyền lệnh của nhà vua, còn nhường quyền quyết sách cho tướng quân ở tiền tuyến, vì nhà vua ở phía sau, không hiểu cặn kẽ được tình hình phía trước, bởi thế vị tướng cầm quân có quyền ứng biến". Lời nói ấy của Tôn Tử càng khiến Phu Khái thêm cả quyết – Việc quân lấy sự có lợi là trên hết, ta làm điều có lợi, việc gì phải chờ lệnh nhà vua? Thế là điều ngay năm ngàn quân, trang bị gọn nhẹ, tự mở cuộc đánh úp bất ngờ.

Từ sau khi treo bài miễn chiến lên, Nang Ngoã sống không khác gì lợn, suất cả ngày, không ăn thì ngủ chằng làm gì hơn. Hôm ấy, mặt trời lên tới con sào rồi, Nang Ngoã vẫn còn ngủ say chưa dậy, bỗng có một tên lính hầu hớt hải chạy vào phá tan giấc mộng đẹp của Nang Ngoã:

– Báo cáo lệnh doãn, mọi việc hỏng to rồi ạ, bên ngoài kia, quân Ngô đánh vào trại ta ạ.

Nang Ngõa bất chợt bị đánh thức, nghiêng tai lắng nghe, quả nhiên có tiếng ồn ào từ xa giội tới, vang đến tận cổng trại, nhưng hắn vội trấn tĩnh lại nghĩ:

– Không phải! Chắc hẳn là quân Ngô đánh Vĩ Xạ nên đi ngang qua trại ta mà thôi!

Tên lính phân bua:

– Bẩm lệnh doãn, không phải là quân Ngô đi ngang qua đâu ạ, mà đến thẳng trước doanh trại của ta.

Nang Ngoã lớn tiếng quát mắng:

– Nói láo! Nhà người ta đã treo bài miễn chiến lù lù ra, chẳng lẽ chúng có mắt như mù hay sao?

Tên lính hầu không biết làm thế nào, đành lủi thủi lui ra. Nang Ngoã bị tên lính hầu đến gọi, giấc mơ đẹp thế là không thành, đành khoác áo trở dậy ra khỏi giường, còn chưa kịp duỗi tay mặc áo, thì một tên lính nữa lại chảy bổ vào nhà:

– Bẩm lệnh doãn, quân Ngô đánh vào đại doanh của ta rồi ạ.

Nang Ngoã giật mình buông tay ra, chiếc áo rơi tuột xuống đất. Đang lúc đó, Sử Hoàng và Vũ Thành Hắc cũng vừa tới, Sử Hoàng tỏ ra rất lo lắng:

– Không ngờ quân Ngô lại làm điều vô lý như thế, chẳng tôn trọng lá bài miễn chiến của chúng ta chút nào…

Vũ Thành Hắc liền nhắc nhở:

– Xem chừng khó mà giữ nổi trại, cần phải rời nơi này ngay, chậm trễ là khó thoát.

Nang Ngoã sợ run nói không ra tiếng:

– Cái tên Tôn Vũ kia không đi tìm Vĩ Xạ, mà lại đối địch với ta... Vũ tướng quân, ngươi hãy mau chóng ra tuyến trước chống đỡ một trận, ngày sau về kinh, sẽ trọng thưởng vàng bạc châu báu và cất nhắc đề bạt vượt cấp.

Vũ Thành Hắc nhận lệnh ra đi, Nang Ngoã nói:

– Sử tiên phong! Hãy mau cùng ta ra cửa sau trốn khỏi đây!

Sử Hoàng vội vàng đứng hầu Nang Ngoã mặc quần áo, vì vội, Nang Ngoã đã bỏ quách mọi thứ rồi áo bào cũng chẳng mặc, áo giáp cũng không mang, mũ sắt không đội, bước thấp bước cao theo Sử Hoàng ra ngoài để lên ngựa, chân rủn ra như không thể bước nổi, đến nỗi lẩy bẩy không sao lên nổi mình ngựa, khổ cho hai tên lính hầu mang hết sức bình sinh ra lôi hắn như lôi một con chó chết lên mình ngựa, để chuồn ra sau trại trốn đi.

Vũ Thành Hắc ra khỏi cửa trướng, lập tức cắp ngay cây giáo lớn tiếng hô lên:

– Quân bay đâu, đừng có sợ, hãy theo tay đi chặn quân Ngô!

Hắn gào rát cả cổ cũng chẳng ăn thua gì, Nang Ngoã đã trốn mất rồi, còn ai muốn đánh đến chết nữa?

Chỉ có một số ít người theo hắn xông ra cổng doanh trại, đón đánh quân Ngô. Lần này Phu Khái quyết chí bắt sống Nang Ngoã bằng được nên đã áp dụng cách xông mạnh công hăng, chọn thế chim ó bắt sẻ, xông vào doanh trại quân Sở, thấy có một vị tướng từ xa đi tới, không cần phải hỏi, cứ nhìn bộ mặt đen như đít nồi rang kia, cũng biết đó là Vũ Thành Hắc. Xông vào doanh trại địch, không thấy Nang Ngoã đâu, trong lòng Phu Khái đang bực tức sẵn, lại thấy Vũ Thành Hắc ở đâu dẫn xác tới, nên tiện tay cho hắn chầu trời trước. Phu Khái vừa nghĩ thế, vừa tế ngựa lên trước, vung dao xông thẳng vào Vũ Thành Hắc. Thấy Phu Khái lao tới với thế như Thái Sơn đè đầu, Vũ Thành Hắc không kịp chống đỡ, đã thấy lo lắng run sợ, cảm thấy như mình bỗng bé lại một nửa. Hắn nghĩ, muốn thắng Phu Khái lúc này, có hoạ là điên dại ngông cuồng, quay đầu bỏ chạy cũng không kịp nữa, chỉ còn cách lấy công làm thủ, hãy cứ đánh phủ đầu chỗ hắn vài đòn đi đã, chờ cho ngựa ta với hắn lùi xa ra bên kia, rồi ta sẽ cắm đầu chạy thẳng. Vũ Thành Hắc nghĩ vậy, vội tế ngựa lên phía trước, lớn tiếng quát lên:

– Phu Khái! Chạy đi đâu! Hãy nhìn mũi thương này! – vừa nói, hắn vừa lao đánh vù mũi thương nhằm thẳng yết hầu Phu Khái. Phu Khái cũng nhanh mắt nhanh tay, giơ cao lên đón đỡ.

– Hay lắm! – Choang! Đao thương chạm nhau, một tia lửa loé lên, cây thương của Vũ Thành Hắc như vừa mọc cánh, bay vèo đi một quãng xa, xuýt nữa tuột khỏi tay, cùng lúc đó chỗ càng cua bên bàn tay phải hắn túa ra một dòng máu. Hai con ngựa quấn lấy nhau, Vũ Thành Hắc cố tình cho ngựa lảng ra xa một chút; e rằng nửa chừng Phu Khái lại ra đòn

lần nữa. Hắn định để ngựa ra xa chút nữa, là lựa thế chuồn thẳng. Hắn chuẩn bị như thế thì Phu Khái cũng có cách của mình, đoán chắc rằng hắn sẽ không dám quay lại, mà muốn bỏ chạy. Khi hai ngựa quấn nhau lùi ra xa, Phu Khái bỗng ghì dây cương, con ngựa chiến lập tức ngẩng cao đầu, hai chân trước tung lên chới với trên không, hí vang lên một tiếng và lập tức đột ngột quay đầu trở lại phía sau lưng Vũ Thành Hắc. Phu Khái hô lên:

– Vũ Thành Hắc! Nhìn đây này! – vừa nói Phu Khái vừa giơ dao lên bổ thẳng vào vai phải của hắn. Vũ Thành Hắc vừa không nhìn thấy gì, lại càng không kịp đề phòng, thế là “Uỵch! xoảng!”, Vũ Thành Hắc ngã nhào khỏi ngựa, ngựa được lỏng cương, ngọn thương cũng văng ra đất.

Thấy chủ tướng đã bỏ mạng, quân Sở kêu lên oai oái:

– Hỏng to rồi! Vũ tướng quân chết rồi! Mau trốn đi thôi! – chúng co cẳng chạy trốn đi khắp nơi.

Thấy Vũ Thành Hắc đã chết, Phu Khái vội vàng đem quân một mặt truy kích đám tàn quân, một mặt tìm bắt Nang Ngoã. Mọi người xông vào trong trướng quân xem xét, thấy trống hoác, không một bóng người. Phu Khái nghĩ hôm nay đã không bắt được Nang Ngoã, tại sao ta lại chẳng đi giáp mặt với cha con Vĩ Xạ một phen, nghe nói họ đều là danh tướng nước Sở, ta đánh thắng họ, lấy đầu cả hai cha con, chẳng những lập được công to, mà sẽ nổi tiếng trong thiên hạ, rồi đây chư hầu chỉ nghe tiếng cũng phải kính nể. Cũng may có Vũ Thành Hắc ra chống đỡ được tí chút, Sử Hoàng và Nang Ngoã mới lẻn được ra phía sau. Bọn lính ở phía sau

doanh trại thấy hai người bỏ chạy, cũng bỏ chạy theo, ra tới nơi cách phía sau doanh trại không xa lắm, từ phía sau quả núi trước mặt bỗng dâng lên tiếng trống, tiếng tù và, hàng vạn binh lính đã ùa ra, ngăn cả lối đi. Tướng đi đầu ngồi trên mình ngựa mũ bạc trắng tinh, áo giáp còn mới, bên sườn trái đeo cây "thất tinh bảo kiếm", bên phải cắm cây roi sắt chín đốt, trong tay lăm lăm cây thương bạc trượng tám. Nang Ngoã nhìn ra vị tướng có khí độ khác thường ấy không phải ai khác mà chính là Ngũ Tử Tư, mới hô lên:

– Sử Hoàng đừng chạy! Ta là Ngũ Viên đã tới đây!

Tại sao Ngũ Tử Tư không gọi Nang Ngoã?

Bởi vì hắn đầu không khăn không mũ, thân chẳng có giáp che, lẩn vào đám lính thường. Tuy Ngũ Tử Tử không nhắc đến tên nhưng hắn đã sợ đến nỗi từ trên mình ngựa ngã lăn ra đất. Đã rơi xuống đất rồi, Nang Ngoã cũng chẳng thiết leo lên mình ngựa nữa, kinh nghiệm bảo cho hắn biết, đi bộ còn an toàn hơn cưỡi ngựa, trà trộn vào trong đám binh lính, Ngũ Tử Tư không dễ gì phát hiện ra.

Nghe thấy Ngũ Tử Tư quát gọi tên mình, Sử Hoàng không tế ngựa lên trước để đón đánh, mà lại vỗ ngựa chạy trốn. Chạy ra được chừng một tầm tên bắn, hắn lấy từ trong túi áo giáp ra một vuông lụa, quấn vào đâu tên, sau đó giương cung lắp tên, hô lên:

– Ngũ Tử Tư nhìn đây này!

Ngũ Tử Tư thấy mũi tên của Sở Hoàng mang theo vuông lụa bay tới, rất lấy làm lạ, bởi thế cũng chẳng tránh né, mà đợi tên bay đến trước mặt, đưa tay ra tóm chặt lấy, gỡ vuông lụa xuống nhìn, thấy trên viết dày đặc những chữ…



Đánh vào chỗ yếu của đối phương

Binh pháp Tôn Tử nhấn mạnh "Phát hiện và tấn công vào chỗ yếu của đối phương thì đánh nhanh mới có hiệu quả".

Trong kinh doanh, chỗ yếu của đối phương là điểm mạnh của mình. Nghĩa là nếu doanh nghiệp biết đáp ứng những nhu cầu của thị trường mà các đối thủ chưa phát hiện ra hoặc chưa đáp ứng được, thì doanh nghiệp đó sẽ nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới hoặc tìm ra thị trường mới và thu lợi về mình.

Ví dụ, thay vì trực tiếp bán hàng tại các nhà thành phố lớn, Walmart bắt đầu ở các thị trấn nhỏ. Bằng cách này, công ty đã có thể loại bỏ các đối thủ địa phương yếu hơn đồng thời phát triển mạnh hơn mà không gặp trở ngại từ những ông lớn trước đó. Khi Kmart sau đó phát động cuộc chiến về giá trực tiếp với Walmart, Kmart đã không thể giành chiến thắng trước sức mạnh của Walmart vì lúc này Walmart đã thực sự bùng nổi và pháp triển trên toàn nước Mỹ.

CHƯƠNG XXIX

ĐÁNH QUÂN SỞ NGANG SƯỜN ĐỐT GỌNG KÌM CỦA THẨM

Lại nói Ngữ Tử Tư nhận được vuông lụa từ tay Sử Hoàng bắn tới, trong viết dày đặc chữ. Hoá ra, Sử Hoàng là một nhân vật cực kỳ thần bí, bề ngoài, hắn là kẻ tâm phúc của Nang Ngoã, nhưng trên thực tế lại là một gian tế mà Tử Tất cài vào nội bộ Nang Ngoã. Từ sau khi Phiếm Khải đến gặp Tử Tất, được mấy hôm thì Tử Tất ốm nặng, nằm liệt giường không dậy được.

Trong quá trình giao tranh giữa hai nước, mặc dù nước Sở từng bước lâm vào chỗ bí rất thiếu tướng tài… nhưng Tử Tất vẫn nằm im một chỗ hoặc dạo gót ngắm hoa. Ngay những ngày đầu tiên khi Nang Ngoã đem quân đi đánh nước Thái, trước hôm điểm quân ở thao trường, Tử Tất đã cho gọi Sử Hoàng đến, dặn dò một hồi, Sử Hoàng luôn miệng thưa vâng, nhất nhất nghe lệnh. Sau khi bàn kín với nhau, Tử Tất cho bày tiệc rượu, để tăng khí thế trước lúc xuất phát.

Đọc hết bức thư, Ngũ Tử Tử mới vỡ lẽ, hoá ra Sử Hoàng lại là công thần của nước Ngô, sau này còn phải ưu đãi. Chính trong lúc Ngũ Tử Tư xem thư, Nang Ngoã đã chạy trốn, tuy Ngũ Tử Tư có đem quân đi lùng sục một hồi, nhưng cuối cùng vẫn không bắt được, đành ra hiệu lệnh thu quân, kịp tới đại bản doanh của Nang Ngoã để tập hợp với Phu Khái.

Nang Ngoã thoát khỏi nanh hùm, trà trộn vào trong đám binh lính Sở mang trên mình vết thương của mũi tên, cùng đám tàn quân này chạy bán sống bán chết. Thấy quân Ngô không đuổi nữa, bọn tàn quân Sở mới đi chậm lại, vừa bước vừa thở dồn dập. Vừa đi, chúng vừa bàn tán với nhau, bây giờ đã đến bước đường cùng, chỉ còn cách sang theo Vĩ Xạ. Nang Ngoã nghe thấy thế, nghĩ bụng, chúng mày đi được chứ tao không đi được, tao mà đến đó, chắc Vĩ Xạ cười cho thối mũi ra à? Với lại Ngũ Tử Tư kết hợp với Phu Khái đang đánh vào doanh trại, cha con Vĩ Xạ chưa chắc đã giữ nổi, nếu hắn cũng thua, quân Ngô tất sẽ vượt qua Hán Thuỷ, đến thẳng Sính đô. Lúc ấy Sính đô tất nhiên cũng khó giữ nổi, thế thì hà cớ gì mình không cao chạy xa bay, giữ tròn tính mạng, rồi sẽ tiến thủ bằng đường khác vậy. Dứt khoát với ý định như vậy, Nang Ngoã mang theo mấy tên tâm phúc để hầu hạ, lẻn ra khỏi đám tàn quân Sở, tìm đường chạy sang thần phục nước Trịnh.

Từ sau ngày lên làm lệnh doãn, Nang Ngoã bỗng trở thành cái mầm tại hoạ cho nước Sở, hắn lộng quyền làm chậm trễ đất nước, sát hại những người trung lương, đúng là tên Phí Vô Cực thứ hai tàn dân hại nước. Người đời sau còn làm thơ chê cười hắn rằng:

Xênh xang ngựa quý, áo da.
Sính đô tưởng mãi vào ra một đời.
Nào hay thua trận tơi bời
Để cho trăm miệng chê cười kẻ tham.

Chạy sang nước Trịnh, kết cuộc của Nang Ngoã cũng chẳng hay ho gì, cuối cùng bị giết ở đó. Đó là chuyện về sau.

Ngũ Tử Tư kịp tới đại doanh của Nang Ngoã, hội hợp với Phu Khái, nhưng khi vào bên trong hỏi han, mới biết Phu Khái đã bỏ đấy đi từ lâu rồi, Ngũ Tử Tư lắc đầu thở dài: Con người này quả thật quá tham công hiếu thắng, sau này thế nào cũng làm lỡ việc lớn cho xem. Không tìm được Phu Khái, Ngũ Tử Tư đành kéo quân đến thẳng đại bản doanh của Vĩ Xạ tiếp ứng cho Phu Khái.

Phu Khái ham công, hiếu danh, chẳng ngại gì mà không làm trái cả lệnh vua, mang quân đi đánh Nang Ngoã, tại sao Ngũ Tử Tư cũng theo đến làm gì?

Thì ra Phu Khái kéo quân đi không lâu, Tôn Tử cũng vừa đi thị sát các nơi về doanh, được tin Phu Khái một mình mang quân đi; ông vội cho Ngũ Tử Tư mang một vạn quân đi tiếp ứng, trong đó có tới hàng trăm người mặc quần áo quân Sở vào bên trong và mỗi người đều mang theo một chiếc lông gà trắng, để làm hiệu, rồi dặn dò đánh tan quân Nang Ngoã trước, sau tiến đánh Vĩ Xạ. Thế là Ngũ Tử Tư mang quân đi tiếp ứng.

Đám tàn quân của Nang Ngoã cắt đường tắt đến đại bản doanh của Vĩ Xạ với tốc độ nhanh nhất. Sau khi đến nơi và nói rõ tình hình, tiểu tướng Vĩ Diên liền sai người đưa bọn này ra phía sau tạm nghỉ ngơi, còn mình thì vào trướng lớn bẩm báo tình hình với Vĩ Xạ Được tin này, Vĩ Xạ mừng không để đâu cho hết:

– Nang Ngoã thua trận, là điều nằm trong dự đoán của cha. Hắn thua thì chẳng có liên quan gì với ta, có điều tàn quân của nó đến đây, thì ta cứ thu nhận hết. Càng nhiều càng tốt.

Vĩ Diên băn khoăn hỏi:

– Thưa cha! Nếu quân Ngô lại chuyển sang đánh vào doanh trại thì làm thế nào?

Vĩ Xạ khinh miệt cười nói:

– Xưa nay lính đến thì tướng chặn, nước vào thì lấy đất bịt, nếu bọn chúng đến đây, hãy đánh cho chúng mảnh giáp không còn!

Nói thì nói vậy, chứ Vĩ Xạ dù sao cũng là hạng lão tướng chốn sa trường không dám khinh địch quá như thế, ngay sau đó đã điều một vạn quân ra bày thành thế trận bên ngoài cổng doanh trại. Trận thế của Vĩ Xạ còn chưa bày xong, trên đường lớn, đã có tới tám ngàn người ngựa ập đến, vị tướng đi đầu ngồi trên mình ngựa, trên tay cầm lăm lăm cửu hoàn đại khảm đao, đó là Phu Khái. Thấy trước doanh trại đối phương đã có sự chuẩn bị như vậy, Phu Khái không dám liều lĩnh xông lên. Ông cho quân dừng lại, dừng cương ngựa, cho quân lính dàn thành hàng ngang, bày thành thế trận, sau đó chỉ mũi đao gọi:

– Này! Quân Sở hãy nghe đây, đứa nào chán không thiết sống nữa, thì ra đây nộp mạng!

Phu Khái còn chưa nói dứt lời, trong quân Sở xông ra một con ngựa hồng, Vĩ Xạ ngồi trên lưng ngựa, tay cầm một chiếc đinh ba mạ vàng, dễ tới hơn trăm cân, cất giọng oai phong lẫm liệt:

– Nếu như ta không nhìn nhầm, thì đó là tướng quân Phu Khái, tiên phong của quân Ngô đó phải không? Ngươi còn lâu mới xứng là địch thủ của ta, thôi, mau về mời chủ tướng Ngũ Tử Tư nhà ngươi ra đây gặp ta là Vĩ Xạ!

Phu Khái bị những lời nói ấy khích cho nổi nóng muốn gào to lên. Ta coi ngươi như một anh hùng, đến đây tìm ngươi, ngươi lại khinh ta, làm sao có thể tha ngươi được.

– Tên Vĩ Xạ to gan kia, chớ ngông cuồng, trông đây này! – Phu Khái vừa quát, con ngựa vừa tế lên phía trước, "Vù!" một nhát đao nhằm vai trái của Vĩ Xạ chém tới.

Vĩ Xạ giơ cây đinh ba mạ vàng lên:

– Khá lắm! – "Choang!" con dao trong tay Phu Khái bật nảy cao lên.

Ghê gớm thật, mới chỉ một nhát như thế, hai cánh tay Phu Khái đã tê đi rồi vừa nhức vừa đau. Quan văn mở miệng biết hoài bão, võ tướng ra tay biết thấp cao, Phu Khái cảm thấy Vĩ Xạ quả là danh bất hư truyền, tài giỏi hơn hẳn mình, biết thế này, chẳng thà đuổi theo Nang Ngoã. Trận này nếu như không thắng nổi, trở về gặp Tôn Tử, thế nào ông cũng khép mình vào tội chống lại thánh chỉ, bởi vậy không thể dày mặt mà quay về, cần phải mạo hiểm đánh đến cùng. Hai ngựa

quấn lấy nhau rồi kéo nhau ra một quãng xa, Vĩ Xạ nhằm trúng đỉnh đầu Phu Khái, hầm hầm xỉa một nhát tới. Phu Khái vung dao lên đờ, cũng vẫn còn may, gắng gượng gạt được đinh ba sang một bên. Hai người cứ thế đánh đi đỡ lại liền một lúc chừng độ hơn mười hiệp. Mũ sắt trên đầu Phu Khái lệch hẳn sang một bên, áo giáp trên mình cũng xộc xệch hẳn đi, mồ hôi mướt ra trên trán, càng đánh càng tỏ ra yếu thế. Người ta thường bảo trong tay tướng tài không thể có quân xoàng, lính tráng Vĩ Xạ thế nào thì quân của Nang Ngoã không sao sánh nổi. Quân Ngô tuy dũng cảm, thế nhưng lại chẳng kiếm được điều gì có lợi, hơn nữa lại thương vong rất nặng nề. Phu Khái nhìn lại, thấy sự việc đã đến nước này rồi, không thế trát phấn vào cái thây đã chết để cố đấm ăn xôi nữa, cần phải mau chóng rút quân, để tránh cái hoạ toàn quân tan vỡ. Nhìn ra mặt trời đã ngả về tây, ngày cũng sắp tàn, đây là cái cớ hợp lý nhất để thu quân, thế là nói với Vĩ Xạ:

– Này Vĩ Xạ, trời sắp tối rồi, mai lại đánh tiếp! – Nói rồi giật ngựa lên phía trước, hạ lệnh cho binh lính – Quân bay đâu, rút lui! – Nói xong quay mặt đi, né mình chạy trốn. Ào ào… quân Ngô rút đi nhanh như nước cuốn!

Vĩ Xạ thấy thế, mắt long lên sòng sọc, nghĩ bụng, cái tên Phu Khái trơ trẽn không biết nhục này, ngươi bảo đánh là đánh, ngươi bảo rút là rút chắc? Trên đời này, đâu có chuyện dễ dàng như thế?

– Diên đâu, đuổi theo cho ta! – lệnh vừa ban ra, hai cha con một trước một sau dẫn quân đi ào ào như sao băng đuổi theo quân Ngô.

Phu Khái ngoái cổ lại nhìn, cánh quân truy kích mỗi lúc mỗi gần, khiến hắn vô cùng luống cuống. Đang giữa lúc lửa cháy hai đầu như vậy, bỗng nghe thấy tiếng trống từ phía trước vẳng lại, rồi tiếp theo sau là vô số người ngựa bươn tới. Phu Khái còn chưa biết ai đến, rất khó đoán biết lành dữ ra sao, bỗng vị tướng đi đầu cất tiếng gọi lớn:

– Phu Khái đừng sợ! Ngũ Viên đến đây!

Ngũ Tử Tư cầm quân như trên trời giáng xuống, chẳng khác gì một vị cứu tinh, trái tim lo âu thức thỏm của Phu Khái đến lúc này mới bình tĩnh lại, vội vòng tay nói với Ngũ Tử Tư:

– Ngũ tướng quân đến thật đúng lúc, Vĩ Xạ buông ra lời ngông cuồng, đòi quyết một phen sống mái với tướng quân, để xem cao thấp! – Phu Khái không lui quân nữa, tế ngựa đứng một bên, thở dốc lên từng hồi.

Không kịp hỏi thêm gì Phu Khái, Ngũ Tử Tư vội vàng đi xem lại trận thế: Khá tốt! Tuy Phu Khái có làm lỡ việc, nhưng cũng may ta còn đến kịp, chỗ này còn cách doanh trại của Vĩ Xạ không xa nữa, rất có thể trong đánh ra ngoài đánh vào, một trận là thắng. Thế là ra lệnh rúc lên ba tiếng tù và: Tú u! Tú u! Tú u! Sau ba tiếng tù và ấy, Ngũ Tử Tư tế ngựa lên phía trước, gọi về phía Vĩ Xạ:

– Này! Vĩ Xạ chớ có làm càn! Ngũ Viên đến gặp mi đây!

Nghe ba tiếng tù và rúc lên, Vĩ Xạ không biết quân Ngô muốn gì, còn đang thắc mắc, thì đã thấy Ngũ Tử Tư tế ngựa đến trước mặt, liền vội ra đón đánh:

– Hì Hì! Người ta thường bảo rằng Ngũ Tử Tư ghê gớm lắm, ta thấy cũng chẳng phải ba đầu sáu tay, quái gì phải sợ – Nói xong thúc ngựa lên trước, đưa cây đinh ba nhằm trúng ngực Ngũ Tử Tư đâm thẳng một nhát. Ngũ Tử Tư đưa cây thương lên ngáng lại:

– Khá lắm – "cạch" cây đinh ba của Vĩ Xạ bay sang một bên.

Sức khoẻ Ngũ Tử Tư thể hiện trên ngọn giáo rõ ràng là hơn Phu Khái rất nhiều, hai con ngựa cuốn lấy nhau, cuộc chiến tái diễn, đâm qua gạt lại, đánh nhau tới hơn mười hiệp vẫn chưa phân thắng bại.

Vĩ Diên đứng bên cạnh, nhìn hai bên đánh nhau mà sợ đến nín thở, hoa cả mặt mày. Ngũ Tử Tư quả là danh bất hư truyền, thực sự ghê gớm, cứ như tài nghệ của cha mình, xem ra khó bề thắng nổi. Nghĩ như thế, nên hắn e rằng cha mình có điều gì sa sẩy, sẽ thiệt mạng toi đời. Tình cốt nhục đã thôi thúc hắn bất chấp cả thông lệ chốn chiến trường, hắn vác cây xiên có tên là "ngũ cổ thác thiên xoa" xông ra:

– Này! Ngũ Viên đừng có khoe mẽ! Tiểu tướng Vĩ Diên là ta đây! – Thế là hai cha con quây lại đánh Ngũ Tử Tư.

Thấy Vĩ Diên nhảy vào tham chiến, Phu Khái bỗng cuống lên, lúc này nhịp thở đã bình thường trở lại, vội huơ cửu hoàn đại khảm đao lên hô lớn:

– Cha con họ Vĩ mặt dày kia, khinh nước Ngô ta không có tướng à? – Phu Khái không địch nổi Vĩ bố, đại khảm đao liền nhằm đầu Vĩ con bổ tới, Vĩ Diên né sang một bên tránh được. Hai người lại đánh nhau hơn mười hiệp nữa, sức lực vẫn ngang nhau, chưa phân thắng bại.

Trên chiến trường lúc này bốn ngựa quần nhau, thương đánh qua đinh ba đánh lại, bên kia thì dao chém xiên đâm, bốn người thành hai đôi kình địch, đánh nhau mãi tới lúc mộț trời sắp lặn, ráng chiều đỏ rực lên như máu; đánh cho đến lúc hổ báo về hang, chim trời về tổ, đánh đến lúc màn đêm đã buông, muôn sao nhấp nháy…

Đang giữa lúc bốn người đánh nhau không sao dứt được ra, bỗng có một viên quan báo việc ở doanh trại Vĩ Xạ hớt hải cưỡi ngựa tới báo:

– Dạ trình chủ tướng, hỏng to rồi ạ, trong doanh trại đang bốn bề bốc cháy!

Vĩ Xạ nghe báo vậy, giật bắn cả người, vội vàng cho ngựa né sang một bên, nhìn về phía doanh trại của mình, thấy bốn bề lửa khói ngút trời, bất giác kêu lên:

– Trời ơi! Ta đã mắc mưu Tôn Vũ mất rồi…

Tuy nhiên Vĩ Xạ cũng không phải hạng hữu dũng vô mưu, chân tay phát triển hơn đầu óc, từ trong thâm tâm, hắn thừa hiểu ngọn lửa ngút trời kia không phải do quân lính của hắn sơ ý để xảy ra hoả hoạn, mà là do gian tế gây nên. Vậy thì

gian tế ở đâu ra? Dứt khoát chỉ có trà trộn vào đám tàn quân mới nhập vào đó thôi, còn ba tiếng tù và rất không bình thường ấy, chính là ám hiệu Ngũ Viên phát đi để đốt trại. Vĩ Xạ vội ra lệnh rút quân về trại, khi chúng về đến trước trại thì trung quân cũng có lửa cháy. Lửa cháy làm rối lòng người. Trong trại lửa réo chim bay nháo nhác, kẻ kêu người gọi om xòm. Vĩ Xạ rút quân, Ngũ Tử Tư đương nhiên không khoanh tay ngồi nhìn, tiếp tục bám đuổi đằng sau.

Quả không ngoài dự đoán của Vĩ Xạ, ngọn lửa ấy chính là do quân Ngô trà trộn trong đám tàn quân của Nang Ngoã đốt lên. Còn nhớ khi Phu Khái đánh vào trại địch, Vũ Thành Hắc đem quân chống lại, còn Sử Hoàng thì bảo vệ Nang Ngoã hoảng sợ ngã ngựa, rồi trà trộn trong đám tàn quân. Sử Hoàng lại bắn cho Ngũ Tử Tư một vuông lụa rồi lẩn vào rừng sâu. Ngũ Tử Tư xem thư viết trong vuông lụa đó, thôi không đuổi nữa, để mặc cho đám tàn quân lẻn đi. Chính trong lúc này, hàng trăm người lính mặc sẵn trang phục quân Sở ở bên trong, theo sự sắp đặt từ trước của Tôn Tử, đã cởi bỏ quần áo quân Ngô vẫn mặc ở bên ngoài, bỏ cả mũ xuống, để lộ toàn bộ trang phục quân Sở mặc lót bên trong, lấy mũ của quân Sở giấu sẵn trong bọc đội lên đầu, trà trộn vào đám tàn quân của Nang Ngoã: “Chạy mau lên! Chạy chậm là toi mạng bây giờ!”, họ hô lên và cùng lẩn trốn đi với quân Sở, vào tận doanh trại của Vĩ Xạ, rồi nằm im ở trại sau chờ lệnh. Họ nghe thấy từ xa vẳng đến ba tiếng tù và báo hiệu, biết rằng Ngũ Tử Tư sắp sửa mang quân đến nơi, vội vàng cài những chiếc lông gà trắng lên mũ, để dễ nhận ra người bên mình, tiếp đó phân tán ra nhiều chỗ, rồi bỗng nhiên người này gọi, người kia kêu: “Hỏng to rồi, quân Ngô đánh đến nơi rồi, mau mau trốn đi thôi!...”, Quân Sở nghe thấy vậy, sợ

dúm lại với nhau. Nhân lúc quân Sở kinh hoàng sợ hãi, họ đã ra tay giết địch, hoặc châm lửa đốt nhà, hàng trăm con người khiến cho cả khu vực trại sau ồn ã như trời long đất lở, rối mù lên. Chờ đến khi Vĩ Xạ đem quân về tới nơi, tình hình đã lan vào trại giữa mất rồi. Vĩ Xạ đem quân về đến trước cổng doanh trại, thấy ngọn lửa bên trong cháy lên như thế, bất giác rã rời kêu lên một tiếng: Than ôi!

Vừa mới lúc nào Vĩ Xạ cười chê Nang Ngoã là hạng bất tài, chỉ trong nháy mắt, vận rủi ấy lại rơi ngay vào đầu hắn. Vĩ Xạ nghĩ bụng, lúc này đây, phía trước là lửa cháy, phía sau có quân đuổi gấp, vậy thì làm thế nào? Rất rõ ràng là doanh trại này không thể dùng được nữa, lúc này cũng không cho phép quân Sở dừng chân ở bờ đông Hán Thuỷ được nữa, chưa đến một ngày trời, số phận hẩm hiu của Nang Ngoã đã lan cả sang mình. Trước mắt bây giờ chỉ có mỗi con đường, đó là rút quân về bờ tây Hán Thuỷ, lấy dòng sông ấy làm chiếc bình phong thiên nhiên, cố thủ một thời gian, đợi Thẩm Tư mã mang quân đến, rồi sẽ trả mối thù hôm nay.

Thời gian không cho phép Vĩ Xạ nghĩ thêm nhiều, hắn dứt khoát ra lệnh:

– Truyền lệnh xuống: nhờ bóng đêm che chở, lập tức rút quân sang bờ tây Hán Thủy.

Mệnh lệnh truyền đi, trại trong trại ngoài rối lên như canh hẹ, lính tráng nháo nhác loạn xạ như đàn ong vỡ tổ, chẳng ai bảo được ai, chen nhau trốn sang bờ tây, Vĩ Diên đi trước mang quân mở đường, Vĩ Xạ đi sau, chống lại quân Ngô nếu họ đuổi tới.

Ngũ Tử Tư dẫn quân đuổi tới trước doanh trại Vĩ Xạ, thấy quân Sở đang trốn sang bờ tây, không chần chừ chờ đợi, một mặt sai quân dập lửa, bắt bọn tàn quân, một mặt hội họp các tướng sĩ trong ngoài trại, tiếp tục đuổi địch sát tới bờ tây.

Cha con Vĩ Xạ và đám quân Sở trong tay họ lo sợ cúp tai lại như chó phải pháo, hớt hải như cá lọt lưới, vất vả lắm mới chạy đến sông Thanh Phát (sông Vân Thuỷ ở phía tây thành phố Lục tỉnh Hồ Bắc bây giờ). Trên sông đang có một chiếc cầu phao. Vĩ Xạ vội lệnh cho quân lính vượt sang sông. Gọi là cầu phao, tức là dùng nhiều thuyền bè giáp đầu nối đuôi lại với nhau, dùng dây thừng níu lại, lát gỗ lên trên mặt thuyền, xe pháo, người ngựa… có thể đi ở trên đó được. Ngô Sở là vùng sông nước, trên mặt sông thường thấy những chiếc cầu đơn giản thế này, phần lớn là làm vội vàng qua loa, dùng tạm thời.

Quân Sở đang đi thu gom thuyền bè chuẩn bị vượt sông thì quân Ngô đuổi tới. Ngũ Tử Tư đang định ra lệnh đánh dồn dập để mong thắng ngay, Phu Khái liền ngăn lại nói:

– Tôi đã đọc mười ba bài binh pháp, Tôn Tử có nói chó cùn còn rứt dậu, huống chi con người? Nếu ép chúng dữ quá, địch sẽ liều chết, không lợi cho ta, chi bằng hãy tạm đóng quân lại, chờ chúng qua sông một nửa, lúc đó mới đánh. Như vậy kẻ đã qua sông thì được thoát, kẻ chưa qua được cũng muốn tranh lên trước, hỏi còn ai muốn đánh nữa? Quân địch đã mất ý chí chiến đấu, thì ta dễ dàng thắng trận.

Ngũ Tử Tư nghe nói vậy, thầm cảm nhận rằng Phu Khái đã hiểu được cốt lõi của "binh pháp Tôn Tử", tự than mình còn chưa bằng người, bèn ra lệnh lui quân ra ngoài hai mươi dặm đóng quân lại đấy!

Vĩ Xạ lúc đầu nghe tin quân Ngô đuổi tới, đang định dàn quân đánh lại, sau lại nghe tin quân Ngô lui ra xa đóng lại nên đã chuyển lo sang mừng, bảo:

– Ta thừa biết quân Ngô nhát gan, không dám đuổi theo nữa! – Thế là lệnh cho ăn uống no nê rồi cùng nhau vượt sông. Sau khi ăn no, Vĩ Xạ đi đầu dẫn một cánh quân sang sông trước, quân lính ở phía sau kẻ tranh người lấn, rối loạn đến cực độ. Chen thì cứ chen, rối thì cứ rối, nhưng cuối cùng cũng qua được một số khá đông. Số quân Sở từ Bách Cử trốn ra có chừng ba vạn người, số đã qua sông, số đang qua và số còn đang đợi qua sông mỗi thứ chừng một phần ba. Khi đội ngũ bị phân tán làm ba như thế, quân của Phu Khái từ phía đầu nguồn đánh xuống, quân của Đảm Bao Thiên từ dưới ngược lên, Ngũ Tử Tư dẫn một cánh quân trên bờ đánh tới. Quân Sở đang vượt sông bị ba mặt giáp công, trước sau đều có địch, tiến thoái không còn đường, chỉ còn mỗi cách đánh chết thôi. Vĩ Xạ hô lên với đám quân Sở chờ vượt sông:

– Quân bay đâu! Quân Ngô đã đuổi tới, các người tạm không vượt sông nữa, mau cùng ta tử chiến với quân Ngô.

Nếu không có cầu phao và thuyền để vượt sông, chắc là binh lính của hắn sẽ hưởng ứng lời kêu gọi ấy, cùng chủ tướng của mình tử chiến một phen, bởi vì ngược xuôi thì đằng nào cũng chết, thế nhưng lúc này phía trước sẵn có cầu phao, lại

có cả thuyền bè, vẫn còn có một tia hy vọng thoát chết, bởi vậy, mặc cho Vĩ Xạ có kêu thế nào, cũng chẳng nước non gì. Lính tráng cố vờ không nghe, cắm đầu cắm cổ lao về phía bờ sông, cố chạy cho thoát, chỉ trong nháy mắt, bờ sông bỗng náo loạn, trên cầu phao người chen nhau chật ních, không hở chỗ nào, người xe tranh nhau lên, ngựa cũng nghển cổ muốn lên, người nọ chen người kia, đẩy nhau rơi xuống nước tom tõm, chết không biết bao nhiêu mà kể; binh lính chờ vượt sông ở trên bờ, thuyền còn chưa tới đã ào ào nhảy xuống, người này xuống thoát, người kia cũng xuống, chiếc thuyền một đầu nặng một đầu nhẹ tròng trành, đầu nặng chúi xuống nước, đầu nhẹ chổng lên trời, thế là lật úp xuống, trôi bồng bềnh như vỏ lãi, một thuyền người chìm hết xuống sông, có biết bao nhiêu người không đu được lên thuyền, thế là làm mồi cho cá, Vĩ Xạ thấy quân Ngô áp sát, tế ngựa quay đầu, liều chết đánh nhau với Ngũ Tử Tư. Phu Khái thấy Vĩ Xạ quay lại giao chiến, bèn lớn tiếng hô lên:

– Ngũ tướng quân, giao Vĩ Xạ cho ông đấy, tôi đi tìm Vĩ Diên – Đúng lúc đó, có một chiếc thuyền cập bờ, quân Sở lao xuống thuyền như ong, Phu Khái hét lên: Quân Sở kẻ nào xuống thuyền thì nhảy lên bờ, kẻ nào đang ở trên bờ thì dừng lại không xuống nữa, chuyến này, để bọn ta qua sông!

Có những tên lính Sở không biết điều vẫn tiếp tục chen lên để xuống thuyền. Thấy không ngăn bọn người này lại được, Phu Khái vung cửu hoàn đại khảm đao lên, chém một loạt cả chục tên giặc như chém củ cải, quân Sở trên bờ lúc bấy giờ mới không dám xuống thuyền nữa, quân Sở ở dưới thuyền, hoặc nhảy lên bờ, hoặc nhảy xuống sông, trên thuyền ngoài lái đò ra, không còn một ai khác nữa. Phu Khái

dẫn binh lính xuống thuyền. Tránh voi chẳng xấu mặt nào nên người lái đò đã vội vàng chở họ sang bờ bên kia. Lên đến bờ, Phu Khái lập tức đi lùng Vĩ Diên, đôi bạn cũ lại được gặp nhau, chiến mã hí vang trời, rồi kẻ xiên đi người chém, mãi chưa biết ai được ai thua.

Lại nói bên kia Vĩ Xạ tế ngựa quay lại, đánh thục mạng với Ngũ Tử Tư, hai bên quần nhau đến hơn mười hiệp, Vĩ Xạ dù sao cũng không phải là đối thủ của Ngũ Tử Tư, hơn nữa tâm trí lại hoảng loạn, nhìn thấy ở bờ sông thây chết ngổn ngang, máu chảy thành dòng, lính tráng của mình đằng thì chết đằng thì bị thương đến quá nửa, nên không dám cố đánh, bèn nói:

– Ngũ Viên, hôm nay coi như ngươi gặp may, ta không đánh nữa!

– Nói xong vỗ ngựa toan trốn.

Trốn đi đâu cho thoát? Trước mặt là sông lớn, đằng sau không còn đường về, đành chỉ còn cách né ngang xuyên rừng núi mà đi. Ngũ Tử Tư đời nào để cho hắn chạy, bèn hô lên:

– Tên thất phu kia đừng có chạy! Ngũ Viên đến đây! – Vừa nói thúc ngựa đuổi theo.

Vĩ Xạ chạy bừa đi nên chẳng kịp chọn đường, dưới chân ngựa toàn là đá lổng chổng và cỏ rậm, mỗi bước chân ngựa không lồi lõm nhấp nhô, thì cũng khấp khểnh gập ghềnh, quanh co nghẽn lối, gai góc um tùm, khó có thể đi nhanh

được, nên khoảng cách hai ngựa khoảng chừng vài chục bước chân. Ngũ Tử Tư bỗng nhớ đến Phu Khái ở bờ sông chỉ sợ hắn ham công hiếu thắng lỡ việc mà thiệt thân, thế là gác cây thương bạc lên lưng ngựa, lấy nỏ từ trong túi cá chim ra và từ trong ống tên bằng da thú rút ra một mũi tên, kéo dây cung cong như mảnh trăng đầy, tên bật đi như một ánh sao băng, tiếng tên bay đánh “vèo”, mũi tên bay thẳng tới lưng Vĩ Xạ.

Vì khoảng cách gần nên Vĩ Xạ định tránh, thì mũi tên đã trúng lưng, chẳng những xuyên qua mảnh giáp mà còn xuyên qua cả áo lót găm sâu vào thịt tới hơn một phân. Vĩ Xạ kêu “ối!” một tiếng, cố chịu đau nhún mình một cái, tay phải vỗ thật mạnh vào mông ngựa, giục con vật chạy nhanh lên để khỏi phải trúng mũi tên thứ hai. Nhát vỗ mạnh đó, quả thực làm cho con ngựa chạy nhanh hơn, thế nhưng cả một vùng đá tai mèo lởm chởm, nhấp nhô như răng cưa, con ngựa trong khi chạy đã sểnh chân, hai vó trước bị hẫng, hai gối khuỵu xuống. Vĩ Xạ ngồi trên yên không có sự chuẩn bị trước, nên đã cắm đầu xuống, theo đà đó lăn mãi xuống chân núi, tới trước chân ngựa của Ngũ Tử Tư. Vĩ Xạ hôm nay chắc đến ngày tận số, đã tự lăn vào chỗ chết, Ngũ Tử Tư lao tới một tầm thương, kết liễu cuộc đời Vĩ Xạ. Binh lính thấy vậy vây cả lại, cắt lấy đầu hắn đem về báo công. Giết được một chủ tướng quân Sở, Ngũ Tử Tư khoan khoái trút một hơi thở dài, lệnh giục ngựa về ngay đại bản doanh bẩm báo Ngô vương và Tôn nguyên soái, sau đó đem quân sang sông tiếp ứng cho Phu Khái.

Ngũ Tử Tư dẫn quân qua được cầu phao, thấy Phu Khái và Vĩ Diên đang đánh nhau túi bụi, chưa biết ai thắng thua, nên vội hô lên:

– Vĩ Diễn nghe đây! Cha ngươi đã chết, còn không mau xuống ngựa đầ u hàng đi!

Ngũ Tử Tư chưa nói hết câu, một vệ binh đã bêu đầu của Vĩ Xạ cao tít trên đầu mũi thương, để cho thấy Ngũ Tử Tư không hề nói sai. Vĩ Diên vừa quay nhìn, bất giác kêu lên một tiếng "Trời!" rồi hốt hoảng thất kinh, không cầm lòng được khóc rống lên trên mình ngựa kể lể:

– Cha ơi! Sao cha chết thảm thương đến thế kia ư! Cha ơi! Mai sau con sẽ trả mối thù này cho cha.

Tuy đau xót như thể không thiết sống nữa, nhưng lý trí của Vĩ Diên vẫn còn sáng suốt, hắn biết rằng lúc này không phải lúc khóc than, đã vội ngăn dòng lệ, hạ lệnh lui quân, kéo về phía Ung Thệ (tây nam huyện Kinh Sơn tỉnh Hồ Bắc). Sự có mặt của Ngũ Tử Tư khiến Phu Khái không được vui, đã ca cẩm oán trách:

– Ông không nên gọi thế, lại càng không nên cho hắn biết cha đã chết, mà nên im lặng trợ giúp tôi một tay, kết liễu tên này đi mới phải. Ông nên biết rằng tôi đã trái lệnh vua đi đánh thế này, không bắt được Nang Ngoã, không đánh nổi Vĩ Xạ, lại để Vĩ Diên trốn thoát, tôi biết ăn nói với Ngô vương và Tôn nguyên soái thế nào đây? – Phu Khái vẫn cứ muốn lập công, bất chấp cả thì giờ lúc này đã muộn, vội lệnh cho đuổi theo bọn địch đang chạy trốn. Ngũ Tử Tư gàn lại:

– Tiên phong đừng có lẩn thẩn như vậy, chúng ta mỗi lúc một cách xa đại bản doanh, Sính đô có thể đưa viện binh tới bất kỳ lúc nào, trời lại sắp tối rồi, ta vẫn cứ nên rút quân là hay hơn cả.

Phu Khái còn đang muốn tranh cãi lại, bỗng nhiên từ hướng Vĩ Diên mới rồi chạy trốn đi, trống trận nổi lên ầm ấm, bụi đất tung lên mờ mịt, Ngũ Tử Tư đoán rằng đó là viện binh quân Sở kéo đến. Thấy đuổi địch không thành, Phu Khái thở dài sườn sượt, sốt ruột đứng ngồi không yên. Ngũ Tử Tư hạ lệnh toàn quân rút về miền Giang đông, đến chỗ bến sông cắm trại lại đó. Vừa vặn lúc ấy, Hạp Lư, Tôn Tử cũng dẫn đại quân đến nơi, cùng cắm doanh trại ở đó. Tôn Tử sai người đi dò hỏi xem viện binh từ đâu tới, quân số bao nhiêu và tướng đi đầu là ai.

Sau bữa cơm chiều, Tôn Tử đã lên trướng quân, đúc rút kết quả, phân tích tình thế, ghi công cho các tướng sĩ. Ngũ Tử Tư, Phu Khái và Đảm Bao Thiên đều lập được chiến công, ghi tên vào sử sách, lần lượt khen thưởng, các tướng đều chúc mừng. Đảm Bao Thiên là ai? Tại sao trước tới giờ chưa nhắc đến? Nguyên là Tôn Tử thấy quân Ngô quân số còn quá ít, bèn cho tổ chức bọn lưu đầy mang tội tử hình ở trong ngục lại, huấn luyện cho họ, biên chế thành đội ngũ, giao cho Đảm Bao Thiên chỉ huy, miễn là trong chiến đấu giết địch lập công, không những được ân xá giảm cho tội chết, ai có công lớn, sau chiến tranh còn được sắp xếp vào làm sai nha ở phủ nha các cấp, thậm chí được phong làm quan lại.

Mọi việc đã xong, ai nấy đều đi mỗi người mỗi nơi, Tôn Tử cũng bận việc quân nên ra khỏi trướng. Trong trướng quân lúc này chỉ còn lại Hạp Lư và Ngũ Tử Tư. Trong khi chuyện phiếm, Ngũ Tử Tư nói:

– Thắng trận ở sông Thanh Phát, tất cả đều nhờ ở cách “đánh ngang chừng” do tiên phong nêu ra – tiếp đó đã kể lại gót đầu mọi chuyện.

Hạp Lư nghe nói thế, thấy vui trong lòng, nói:

– Quả nhân có em như thế, lo gì không vào được Sính đô.

Ngũ Tử Tư vừa định mở miệng lại ngậm lại, muốn nói gì đó lại thôi. Hạp Lư còn mải nghĩ đến niềm vui, dưới ánh nến không để ý thấy điều đó. Từ lâu ông đã nghe Bị Ly bói toán như thần, đoán tướng người rất sát, từng nói rằng: Phu Khái chân lông mọc ngược, ngày sau tất sẽ phản chúa hại nước, đêm nay, bên mình không có ai, muốn nhân dịp này nhắc nhở Hạp Lư. “Phu Khái tuy trí dũng song toàn, nhưng không thể trọng dụng giao việc lớn” thế mà nay xem ra chúa công đã mang điều sở cậy trong việc đánh Sở đặt cả vào Phu Khái, mình hà tất phải chuốc lấy điều không vui? Huống chi người ta lại là chỗ anh em, tay chân ruột thịt, thế nên định nói lại thôi.

Lại nói về buổi tối hôm qua, chính ngay hướng mà Vĩ Diên chạy trốn, bỗng nổi lên tiếng trống trận tùng tùng, bụi đất mịt mờ, từ đó bước ra một đoàn người ngựa. Ngũ Tử Tư đoán rằng đó là viện binh quân Sở. Vĩ Diên lại cho rằng quân Ngô từ nơi khác vượt sông Thanh Phát, đến giáp công với Ngũ

Tử Tư để đánh họ, bởi vì cánh quân này không phải từ hướng Sính đô tới, thế nên hắn sợ đến són đái ra quần, không nhịn được, ngồi trên mình ngựa mà than: "Trời ơi! Thế là ta hết đời rồi!" Thực ra hắn sợ quá mụ cả người, đến khi hơi bình tâm lại, mới nhìn kỹ, nhận ra cờ xí của bên mình, đó là Thẩm Doãn Tuất đang đem quân tới.

Vốn là hắn định đi vòng tới cửa sông Hoài Nhuệ, đốt thuyền bè quân Ngô, sau đó hẹn với Nang Ngoã cùng giáp công đánh quân Ngô. Hắn luôn tỏ ra không yên tâm về Nang Ngoã, e rằng Nang Ngoã làm lỡ việc, dọc đường luôn cho người quay lại dò la tình hình động tĩnh hai bờ Hán Thuỷ. Hôm qua có thám tử về báo Nang Ngoã đã di chuyển doanh trại sang vùng Đại Biệt Sơn bên bờ đông Hán Thuỷ rồi đánh trận đầu bị thua to. Thẩm Doãn Tuất vừa nghe thấy thế, đầu như muốn nở to ra, bật miệng thốt lên:

– Hỏng rồi! Thua trận này tất sẽ không vớt vát được gì nữa – Việc đã đến thế này, cũng chẳng cần đến cửa sông Hoài Nhuệ làm gì nữa, đổi quách thế công sang thế thủ, thu quân về tiếp ứng cho Nang Ngoã, hợp binh lại giữ vững vùng Hán Thuỷ rồi sẽ tính sau. Chính vì vậy Thẩm Doãn Tuất mới đem quân quay lại.

Thấy quân cứu viện đến, Vĩ Diên mừng rỡ gọi lớn:

– Thẩm tư mã, mau đến cứu tôi!

Ngồi trên chiến xa, Thẩm Doãn Tuất nhìn thấy, hoá ra là Vĩ Diên. Thấy cái bộ dạng lếch thếch thảm hại đó biết ngay là lại thua trận bỏ chạy, nên vội vàng thưa:

– Vĩ Diên đừng sợ! Thẩm Doãn Tuất đây rồi!

Vĩ Diên ngoái cổ lại nhìn, không thấy quân Ngô đuổi theo nên đã bớt sợ, bước lên phía trước vái chào, kể lại một lượt những gì đã xảy ra. Thẩm Doãn Tuất nghe thấy thế, dậm chân thở dài. Cờ lầm một nước, cả ván sẽ thua, hỏng là ở nơi Nang Ngoã. Việc đã đến thế này, giận cũng chẳng ích lợi gì, oán cũng vô bổ, liền dặn dò phải đi ngay trong đêm, đến Ung Thệ đóng quân lại.

Canh năm hôm sau, quân Ngô đã ăn uống no đủ, tiến nhanh về phía Ung Thệ, rồi đóng quân ở nơi cách Ung Thệ mười dặm, hình thành thế cầm cự với quân Sở. Đánh nhau liên tục nhiều ngày, người mỏi ngựa chồn, doanh trại vừa cắm xong, tăng cường canh gác, tướng sĩ toàn quân, lính tráng các nơi đều về chỗ mình đi ngủ, cho bõ công vất vả bấy nay. Ngày hôm sau cũng không ra trận, mà giết lợn mổ dê, ba quân cùng hưởng, cho đến lúc cơm no rượu say thực sự rồi mới đi nghỉ. Sau bữa cơm chiều, Tôn Tử lại lên trướng quân, sắp đặt cho trận đánh hôm sau. Ông nói: Từ lâu đã nghe nói Thẩm Doãn Tuất văn võ toàn tài, lại rất giỏi cầm quân, các tướng sĩ quân ta xin chớ coi thường.

Hiện nay quân ta đã qua sông Thanh Phát, cần phải đánh nhanh, cố gắng ngày mai đánh một trận là thắng sau đó người không cởi giáp, ngựa để nguyên yên, về phía tây vượt Hán Thuỷ đánh vào Sính đô. Sau khi động viên như vậy, Tôn Tử ra lệnh, sai Phu Khái mang một vạn quân, đánh vỗ mặt doanh trại quân Sở, công tử Sơn điều một vạn quân, đánh vào phía sau quân Sở. Đường Thành công và Thái

Chiêu hầu lần lượt đem quân bản bộ đánh vào doanh trại bên trái và tháp canh bên phải quân Sở. Ngũ Tử Tư tạm chưa sắp đặt, ở lại đại bản doanh chờ lệnh. Như thế sáng sớm hôm sau, từ trước, sau, phải, trái, sẽ nhất tề đánh vào doanh trại của Thẩm Doãn Tuất. Hiệu lệnh đã xong, sai người đem thủ cấp của Vũ Thành Hắc và Vĩ Xạ bên cao ở trước cổng doanh trại để khích lệ các tướng sĩ. Tôn Tử rời khỏi trướng quân, những người còn lại, hoặc đi điều động binh lính, hoặc về ngủ, một đêm bình lặng qua đi.

Tôn Tử khao quân, đã tạo cho Thẩm Doãn Tuất có dịp xả hơi. Ngay đêm chạy đến Ung Thệ, Thẩm Doãn Tuất đã lệnh cho Vĩ Diên ngay trong đêm chạy về Sính đô, bẩm báo với Chiêu vương tình hình trên chiến trường, gặp Công tử Thân và tả doãn Tử Tây một là cáo cấp, để Chiêu vương mau cho quân đi cứu viện, hai là để họ có kế hoạch giữ kinh đô. Vĩ Diên lúc đầu không chịu nghe lệnh, xin ở lại để trả thù cho cha, sau do Thẩm Doãn Tuất khuyên bảo nhiều lần, nói rõ chuyến đi này có ý nghĩa rất lớn: “Cha ngươi đã chết trong tay địch, ngươi không thể cũng chết như thế, hãy về kinh ngay”. Lúc ấy Vĩ Diên mới gạt lệ quỳ xuống chào và lên ngựa về Sính đô. Sau khi tiễn Vĩ Diên đi rồi, Thẩm Doãn Tuất cho gọi gia thần tâm phúc của mình là Ngô Câu Tỳ, thâm trầm tha thiết nói:

– Lệnh doãn tham công, khiến mưu ta không thành. Cũng bởi tại trời cả. Nay mối nguy kẻ địch rất nặng nề, chẳng bao lâu nữa, ta sẽ phải đánh một trận quyết tử. May mà thắng, địch không vào Sính đô được, có thể giữ được tông miếu xã tắc, đó là phúc cho nước Sở; nhược bằng chẳng may mà

thua, mọi chuyện sẽ nhờ ngươi, cả đầu ta cũng chớ để quân Ngô cướp đi.

Mọi điều căn dặn đâu vào đấy, thì trời cũng vừa sáng, Thẩm Doãn Tuất liền tích cực dàn trận đón đánh. Thế trận được bố trí là thế gọng kìm, tức là vây chặt địch lại để đánh mạnh, cho đến khi nào tiêu diệt hết quân địch bị bao vây. Hình dáng của thế trận giống như đôi càng cua, đã kẹp vào là không buông ra. Dùng loại trận pháp này, binh lính phải có tinh thần dũng cảm quên mình không sợ chết, với việc này, Thẩm Doãn Tuất hoàn toàn tự tin, từ khi cầm quân đến giờ hắn nghĩ rằng mình luôn đồng cam cộng khổ với quân sĩ, quân sĩ cũng luôn ủng hộ mình, xưa nay đều nhất hô bá ứng, những lúc cam go sẵn sàng vì thủ lĩnh quên mình. Hắn dự đoán trong vòng ba ngày, thế nào quân Ngô cùng chia làm bốn mũi đến đánh mình, thì hắn cũng chia quân ra làm năm cánh là tiền, hậu, tả, hữu, trung, trong đó trung đội dùng để đối ứng. Mọi việc sắp đặt đâu vào đấy, Thẩm Doãn Tuất hạ lệnh đem dê bò gạo rượu cấp cho các đội, khao thưởng ba quân, để mọi người sau khi ăn no uống đủ sẽ quyết chiến một trận với quân Ngô.

Tới ngày thứ ba vừa mới canh tư, Thẩm Doãn Tuất đã lệnh toàn quân thức đậy, sau khi cơm nước no nê, các đội lần lượt dàn thành thế trận. Thẩm Doãn Tuất đứng trên chiến xa của trung đội, tay cầm cờ lệnh sẵn sàng đón đánh quân Ngô. Trời vừa tảng sáng Phu Khái mang một vạn quân, khí thế hùng dũng rầm rộ tiến tới. Quân của Thẩm Doãn Tuất đóng ở tiền duyên không hề ngăn trở, để cho quân Ngô từ đó xông lên, cùng lúc đó, quân Sở ở hai bên đánh mạnh ra ngoài. Thế nhưng, quân Ngô sau khi đã vào doanh trại, muốn tiếp tục

tiến lên cũng không tiến được, phía trước có mấy hàng chiến xa ngăn mất đường đi, trên chiến xa đứng toàn những tay xạ thủ bắn tên ra như mưa để cản quân Ngô lại. Đến khi thấy quân Ngô không xông lên được, quân Sở vây ở hai bên cũng đã hợp lại với nhau, vây thành một vòng lớn.

Vòng vây đó mỗi lúc một thu hẹp lại và tiếp theo quân hai bên đã xáp mặt đánh giáp lá cà. Tiền đội đánh nhau chưa lâu thì cánh quân khoá đuôi và quân của trại trái cũng như quân tuần canh bên phải cũng theo nhau sôi sục lên, công tử Sơn và hai vua Đường, Thái cũng lâm vào tình cảnh và vận mệnh tương tự như Phu Khái. Quanh doanh trại quân Sở, bốn vòng vây, quân sĩ hai bên gồm tám cánh quân hơn chục vạn người… đều đang đánh nhau chết thôi. Đúng là một trận long vờn hổ đấu, đánh đến nỗi trời đất quay cuồng, không gian mờ mịt, đánh đến nỗi thây chất từng đống máu loang thành vũng… Đây là trận đánh ác liệt nhất kể từ sau trận Hán Thuỷ, cũng là trận hai bên thương vong nặng nề nhất xưa nay. Quả thật là cứ đánh thế này, quân Ngô đánh được, thì quân Sở cũng chọi được, đánh đến cuối cùng, quân Sở có chết sạch, thì quân Ngô cũng chẳng còn mấy mạng. Tuy nhiên đánh nhau như thế không lâu, thì Tôn Tử được tin.

Tôn Tử và Hạp Lư ngồi ở phía trên trướng quân, chờ nghe tin thắng trận từ tuyến trước báo về. Bỗng có thám tử hớt hơ hớt hải xông vào:

– Bẩm nguyên soái, sau khi tiên phong Phu Khái xông vào trong doanh trại địch, đã bị quân Sở vây chặt rồi ạ!

Tôn Tử khẽ gật đầu:

– Biết rồi! – Đối với việc này, Tôn Tử không hề để tâm, tiên phong có bị vây còn có đội khoá đuôi ở phía sau.

Chỉ một lát sau, lại có thám tử về báo.

– Bẩm nguyên soái, công tử Sơn sau khi xông vào trại giặc, cũng bị chúng vây kín như bưng rồi ạ!

Tôn Tử xua tay:

– Biết rồi! – Hai câu trả lời tuy chẳng sai nhau chữ nào, nhưng lúc này tâm tình của Tôn Tử đã khác với lần đầu, nếu như nói: lần trước bình tĩnh thế nào thì tin báo lần này như một viên đá ném xuống mặt hồ, gợn nên một vòng sóng, rồi vòng nọ tiếp vòng kia lan mãi – đối phương chỉ có hơn một vạn quân, vây ta một chỗ còn có thể được, chứ vây ta ở hai chỗ, thì thật là không thể hiểu nổi. Ông còn đang cau mày suy nghĩ để tìm ra nguyên nhân, thì lại có một quân thám vào báo: Hai cánh quân của hai vua Đường, Thái, cũng đang bị quân Sở bao vây. Thám tử lui ra rồi, Tôn Tử cũng vẫn không có biểu hiện gì, cứ y như người bị tê liệt mọi cảm giác, chỉ cắm cúi đi đi lại lại trong trướng quân. Hạp Lư ngồi bên cạnh không thể chờ đợi lâu hơn nữa, đã giục Tôn Tử mau cho đem quân đi tiếp ứng. Tôn Tử lẽ nào không muốn làm như thế? Thế nhưng, đem quân ít thì chẳng nhằm gì, đem nhiều quân, thì lấy đâu ra? Vấn đề hệ trọng là phải làm rõ xem Thẩm Doãn Tuất bày trận pháp gì, ít phải điều quân đi, mà có thể giải vây được cho cả bốn cánh quân. Bốn cánh quân ở ngoài tiền tuyến đang bị vây, tư tưởng của Tôn Tử cũng bị những ý nghĩ phiền phức quấy rầy…

Bỗng nhiên, trong đầu ông tự nhiên loé lên một ánh hào quang, trước mặt bỗng rực sáng lên như ánh bình minh – Thẩm Doãn Tuất đã dùng thế gọng kìm, cho nên có thể lấy ít mà vây nhiều, rắp tâm quyết liều chết với ta một phen. Ông khâm phục Thẩm Doãn Tuất đã có cái tài của một đại tướng, nếu sớm biết thế này, ông đã không áp dụng cách đánh bốn mũi cùng tấn công còn hơn. Chẳng khác gì một ông thầy thuốc, đã đoán trúng bệnh rồi, bước tiếp sau sẽ là bệnh nào thuốc ấy. Tôn Tử lấy ra một cây lệnh tiễn, giao cho Ngũ Tử Tư, trước hết nói rõ tình hình chiến sự ngoài tiền tuyến, sau lệnh cho ông hoả tốc mang một ngàn quân, thêm nhiều chiến xa, trên xe chở nhiều bó cỏ khô và các vật dẫn cháy, rồi cứ thế… mà làm. Ngũ Tử Tư nhận lệnh bước ra ngoài, lập tức điều quân và lấy ra hơn một trăm cỗ chiến xa, bó bằng hết mọi thứ rơm, cỏ, củi đuốc dùng để nấu ăn trong toàn quân lại thành từng bó, xếp đầy ắp lên cả trăm cỗ xe đó, còn mang theo cả chất dẫn cháy như nhựa thông, mỡ cá… còn mình thì vác thương lên ngựa xông thẳng tới trại quân Sở.

Ngũ Tử Tư đem quân đến trước doanh trại quân Sở thì thấy bên trong tiếng hò hét rầm trời bụi bay mù mịt, vội vàng dẫn binh lính và đoàn xe đến nơi đầu hướng gió ở bên ngoài trại quân Sở, vừa vặn phía cổng trại bên này vừa bị lật nhào, từng mảng hàng rào gỗ đổ rạp ngổn ngang khắp nơi. Ngũ Tử Tư cho một trăm cỗ xe sắp thành hai hàng, mỗi hàng năm chục xe, lính toàn bộ xuống xe, ông sai lính mang mồi lửa đi châm vào những bó cỏ khô ở hàng xe trước. Cỏ khô gặp lửa, càng cháy càng bốc, ánh lửa sáng ngời, ngọn lửa cao ngút trời, lửa đốt đằng sau ngựa, cháy sém cả đuôi ngựa, hai trăm

con ngựa của năm chục cỗ xe đều thấy sợ thấy đau không chịu nổi, chẳng phải ai đuổi, cũng chẳng phải giục roi nào, đồng loạt hí lên vang trời, nối tiếp nhau lồng bổ lên, đá tung hai vó sau, nhất loạt lao về phía trước. Ngựa tế lên, gió càng to, lửa trên xe càng bốc cao. Thấy năm chục cỗ xe đằng trước chừng đã vào đến doanh trại địch, đợt xe thứ hai được châm lửa tiếp. Ngũ Tử Tư chỉ huy năm ngàn quân theo sát đằng sau xe xông lên phía trước, xe mang lửa đi đến đâu, là ở đó người ngã ngựa nhào, ngổn ngang bề bộn, cả một cảnh hỗn loạn. Vòng vây quân Sở thế là bị phá tan, lều trướng bị đốt cháy trụi, trong nháy mắt sấm rĩ vang lên tiếng kêu khóc thét gào…

Phu Khái ngay từ đầu bị vây chặt ở giữa trại trước, thực ra với con ngựa ấy, ngọn dao ấy, muốn phá vây ra cũng không phải là khó, nhưng ông ta không thể vứt bỏ binh lính để chạy lấy một mình, đành phải cùng binh lính khổ chiến với nhau trong vòng vây. Khi vòng vây quân Sở bị những chiếc xe mang lửa phá vỡ tan, Phu Khái bỗng hăng hái trở lại, cất cao giọng hô hào: “Quân bay đâu, cùng ta xông lên” đánh thẳng vào trung đội tìm Thẩm Doãn Tuất, bởi bắt sống được Thẩm Doãn Tuất, là lập được công to. Đúng vào lúc đó, Ngũ Tử Tư cũng vừa tới trung đội.

Mới đầu, Thẩm Doãn Tuất thấy quân Sở người nào người nấy dũng mãnh, ai ai cũng đều thiện chiến, vây chặt bốn cánh quân địch vào một chỗ như nhện kéo mạng nhả tơ chăng lưới, hắn bỗng thấy vui lòng; đứng nghễu nghện trên một cỗ chiến xa, vung lá cờ lệnh, chỉ huy chiến đấu, liên tục điều người ở trung đội đi tiếp ứng các nơi. Về sau thấy trại trước nhốn nháo hết cả lên, một số chiến xa bốc cháy rừng

rực xông bừa vào các nơi, chỉ trong nháy mắt, thế trận bỗng rối ren. Thẩm Doãn Tuất thấy vậy rất đỗi kinh hoàng, đồng thời ngầm thán phục Tôn Vũ dùng binh như thần, thật không hổ thẹn với cái tên đại gia về binh pháp, đã nghĩ ra được cách dùng hoả công để phá trận pháp của ta. Xem ra thế bại trận đã rành rành, Thẩm Doãn Tuất không biết làm thế nào cho phải. Đang nghĩ ngợi, Thẩm Doãn Tuất chợt ngẩng đầu lên vì phía trước hàng chục cỗ xe lửa cháy đùng đùng đang lao về phía trung đội. Chiến xa của quân Sở bị đổ ngả nghiêng, những chiếc xe lửa cháy như điên cuồng đụng vào cỗ chiến xa của Thẩm Doãn Tuất làm băng mất một bánh xe, khiến hắn ngã nhoài, lao đầu xuống đất, gãy đôi đùi trái, không sao đứng dậy được nữa. Thấy cái chết đã gần kề, Thẩm Doãn Tuất gọi Ngô Câu Tỳ đến bên mình bảo:

– Ta đã thành vô dụng rồi! Xin hãy cắt đầu ta, mang về gặp Sở vương!

– Việc này thì… – Ngô Câu Tỳ không dám.

Thẩm Doãn Tuất nói như ra lệnh:

– Việc nguy cấp rồi! Hãy mau mau ra tay.

– Thẩm tư mã! Con… – Ngô Câu Tỳ không nỡ, Thẩm Doãn Tuất gầm lên quở trách:

– Bình thường ta đối xử với ngươi không đến nỗi tồi, sao ngươi há chịu để quân Ngô lấy đầu ta đem bêu chợ, để làm tăng khí thế của họ – Nói xong rút thanh gươm mang sẵn

bên mình, ném cho Ngô Câu Tỳ, sau đó ngửa cổ trợn mắt lên quay nhìn hướng khác.

Ngô Câu Tỳ cúi xuống nhặt thanh gươm lên, loạng choạng bước tới phía Thẩm Doãn Tuất.



Dục cầm cố túng

+ Giải nghĩa: Muốn bắt thì phải thả
+ Điển cố: Thời Tam Quốc, Mạnh Hoạch làm phản khiến Thục Hán bất ổn. Để thu phục Mạnh Hoạch, Gia Cát Lượng đã bảy lần bắt, bảy lần thả (thất cầm thất túng, 七擒七纵) Mạnh Hoạch khiến Mạnh Hoạch đội ơn mà không dám làm phản nữa. Tào Tháo muốn dùng Quan Vũ để làm dũng tướng cho mình đã cấp cho Quan Vũ ngựa Xích Thố để Quan Vũ lên đường tìm huynh đệ Lưu Bị và Trương Phi; nhưng Quan Vũ chỉ cỡi ngựa đi một đoạn bèn quay lại trở về với Tào Tháo để nguyện ra trận chiến đấu trả ơn cho Tào Tháo.

CHƯƠNG XXX
LỪA KÉO CỐI XAY
CHẮN NƯỚC BẰNG TÚI CÁT

Lại nói Ngô Câu Tỳ cúi mình xuống nhặt lấy thanh gươm, lập cập bước lên phía trước, quỳ đánh "rụp" một tiếng xuống đất, rập đầu liền ba cái khóc khóc không ra lời nghẹn ngào nói:

– Thưa Thẩm tư mã, nô tài nhất định sẽ dâng thủ cấp của người lên cho Sở vương. – Nói xong, dằn lòng cắt đầu Thẩm Doãn Tuất, rồi cắt lấy một mảnh áo bào của hắn gói lại, đeo vào bên mình, lấy tay bới đất vùi cái thây không đầu ấy xuống một chỗ. Sau khi làm xong, nhìn ra thấy quân Ngô cũng sắp đến gần, Ngô Câu Tỳ liền cắp gươm lên ngựa, xông ra khỏi vòng vây, thúc ngựa cho nhanh, chạy về Sính đô.

Vĩ Diên đã về đến kinh đô trước, khóc lóc kể lể với Chiêu vương mọi việc nào là Nang Ngoã thảm hại chạy trốn, Vũ Thành Hắc và Vĩ Xạ lần lượt chết trận, nào là Thẩm Doãn Tuất lệnh cho hắn phải về kinh. Chiêu vương nghe kể, xiết nỗi kinh hoàng, vội cho vời công tử Thân, Tử Tây, Tử Kỳ vào điện bàn cách đối phó. Đang lúc định đưa thêm quân đi cứu viện, thì Ngô Câu Tỳ về tới nơi, dâng thủ cấp của Thẩm Doãn Tuất lên, tâu trình mọi việc xảy ra, sau cùng nói:

– Tất cả là do lệnh doãn không dùng kế của tư mã, nên mới đến nông nỗi thua thảm hại thế này!

Nhìn thấy thủ cấp của Thẩm Doãn Tuất, Chiêu vương bật lên những tiếng bi ai.

– Trời ơi! Không biết sớm dùng tư mã, thật là quả nhân đắc tội quá! – rồi lại quay ra chửi bới Nang Ngoã – Thằng gian tặc hại nước ấy, thế mà cũng dám sống ở đời, sao lợn lòi chó sói không ăn thịt hắn đi!

Đến lúc này đây Chiêu vương mới nhận ra rằng Nang Ngoã là một kẻ xấu xa, thì than ôi mọi chuyện đã muộn mất rồi!

Chiêu vương cho vời con trai của Thẩm Doãn Tuất là Thẩm Gia Lương vào triều nhận thủ cấp của cha mình về, làm lễ an táng rất trọng thể, phong Thẩm Gia Lương làm diệp công. Trước tình cảnh quân Ngô sắp áp sát Sính đô, triều đình nước Sở từ trên xuống dưới, mỗi người mỗi phách, chung quy lại có tới bốn quan điểm khác nhau: một là bỏ chạy, hai là cố giữ, ba là ra đánh, bốn là trước đánh sau giữ, cuối cùng bỏ chạy. Sở Chiêu vương là một trong những người chủ trương bỏ thành chạy trốn, nên đã nói:

– Chỗ dựa của nước Sở, là thế hiểm của Hán Giang, quân Ngô sẽ tới ngay trong ngày một ngày hai, sao có thể ngồi đưa tay chịu trói?

Tử Tây khóc rống lên khuyên rằng:

– Thưa đại vương, tông miếu, lăng mộ của nước Sở đều ở cả Sính đô, nếu như nhà vua bỏ thành mà đi, thì không bao giờ có thể trở lại được ạ!

Tử Kỳ tâu lên:

– Trai tráng trong thành, đang còn tới mấy vạn, xin nhà vua hãy cho bỏ hết lương thực vải vóc ở trong kho ra, khích lệ các tướng sĩ, để họ cố giữ thành trì, mặt khác hãy sai sứ, tới các nước ở Hán đông, để họ liên quân cứu viện. Quân Ngô vào sâu đất ta, lương thực không tiếp tế kịp thời, hẳn là khó ở được lâu…

Sở vương buồn bã than rằng:

– Quân Ngô đã có lương thực trên đất của ta, thì lo gì thiếu ăn? Người Tấn hô lên một tiếng, nước Đốn, nước Hồ sẽ đến ngay. Quân Ngô đánh xuống phía Tây, nước Đường nước Thái dẫn đường. Nước Sở từ trên xuống dưới, lòng dạ đều đã rã rời.

Tư tưởng của Sở Chiêu vương, lúc nào cũng cực đoan như vậy, có được trong tay thanh gươm Trạm lư chẳng thèm hỏi đầu cuối ra sao, hí hửng mù quáng, chỉ lăm le dựa vào ý trời, suốt ngày đêm nuôi mộng bá chủ chư hầu, làm vua thiên hạ; đến lúc này kẻ địch mạnh mẽ áp sát tận nơi, thì lại tỏ ra bi quan thất vọng, không hề có một chút lòng tin nào để chống đỡ, chỉ còn khăng khăng một điều là bỏ trốn.

Công tử Thân nói:

– Chúng thần sẽ mang hết quân ra chống cự, đánh không được, đi cũng chưa muộn.

Chiêu vương thấy mọi người ai nói cũng có lý, đánh không dám đánh, bỏ thì cũng tiếc, đành phủi tay tỏ ý mặc kệ, nói:

– Nước Sở còn hay mất, tất cả trông vào các ái khanh, đáng đánh thì đánh, đáng giữ thì giữ, làm thế nào đấy thì làm, không cần phải hỏi quả nhân nữa... – Nói xong, rưng rưng nước mắt quay vào hậu cung.

Chiêu vương bỏ đi rồi, quần thần lại bàn bạc thêm, phần lớn cho rằng lúc này chỉ có đánh hoặc giữ, chứ quyết không thể bỏ thành mà chạy. Một nước Sở lớn thế này, sao lại có thể chưa đánh trận nào đã hai tay dâng thành cho kẻ khác? Cũng còn may, ngay từ đầu nước Sở đã xây được hai toà thành mới, đó là Mạch Thành và Kỷ Nam Thành, tạo với Sính đô thế ỷ dốc, đánh thì chưa chắc đã đủ, nhưng giữ thế thủ thì thừa sức. Thế là họ quyết định lệnh cho Đấu Sào làm đại tướng, mang một vạn quân trấn thủ Mạch thành, chấn giữ hướng bắc; lệnh Tống Mộc mang một vạn quân, trấn thủ Kỷ Nam chặn hướng tây bắc; công tử Thân tự mang hai vạn quân, đóng chặn sông Lỗ Phục, để giữ hướng đông. Còn lại, phía tây có sông Xuyên, nam có sông Tương, địa thế rất hiểm yếu, quân Ngô hiện không có thuyền bè, không cần phòng thủ. Ngoài ra, còn cho Đấu Sào, Tống Mộc lĩnh vàng bạc lương thực vải vóc trong cung, đến Mạch Thành và Kỷ Nam thành chiêu mộ thanh niên trai tráng vào lính, cùng giữ thành trì. Tử Tây, Tử Kỳ thân chinh mang các quan văn võ, cố thủ Sính đô.

Tình hình bố trí của quân Sở, đã nhanh chóng loan báo tới doanh trại quân Ngô. Tôn Tử cho rằng, quân Sở tuy bị thua liên tục, nhưng Sính đô vẫn hoàn toàn nguyên vẹn, hơn nữa

ba toà thành lại tạo nên thế ỷ dốc, không dễ gì công phá được ngay. Vượt sông Lỗ Phục ở phía tây, là con đường ngắn nhất đánh vào Sính đô, nhưng quân Sở đã bố phòng rất chặt chẽ, bắt buộc phải đánh vòng lên hướng bắc, chia quân ra đánh Mạch thành và Kỷ Nam thành, để cho Đấu Sào và Tống Mộc phải tự chống chọi, không thể tiếp ứng cho nhau, miễn làm sao lấy được Mạch Thành và Kỷ Nam thành, thì Sính đô sẽ chẳng cần đánh cũng tan. Thế nhưng, đánh Mạch thành cũng không phải chuyện dễ, tướng giữ thành là Đấu Sào bản lĩnh cao cường, lại giàu mưu kế, hơn nữa ở đó thành cao hào sâu, trong thành lương thảo lại đầy đủ, công cũng chẳng được ngay, vây thì không đủ điều kiện, đánh như thế nào, cần phải đắn đo nhiều. Tôn Tử đã suy đi tính lại, cử Ngũ Tử Tư đem một vạn quân, Thái Chiêu hầu mang quân bản bộ nước mình hỗ trợ thêm để công phá Mạch Thành. Bản thân Tôn Tử thân chinh đem một vạn quân với sự giúp đỡ của quân bản bộ Đường Thành Công, Hạp Lư và Bá Bỉ ... đem đại quân đi đánh Sính đô.

Ngũ Tử Tư mang quân đi về hướng đông được mấy ngày, tiến thẳng tới chân một quả núi cách Mạch thành mười lăm dặm rồi đóng quân ở đó. Vừa cắm xong doanh trại, Ngũ Tử Tư với Thái Chiêu hầu mang theo một số người cải trang đi trinh sát, để xem Mạch thành rốt cuộc kiên cố đến mức nào, khó đánh đến mức nào? Hơn chục người xuyên rừng rậm, vượt suối sâu, đến được chân Mạch thành, leo lên một cái gò cao rồi ẩn sau những thân cây bụi cỏ, nhìn thật rõ vị trí địa lý, hoàn cảnh xung quanh, đặc điểm thành trì cũng như việc canh gác Mạch thành như thế nào.

Đây là một toà thành mới, chẳng những tường thành cao, hào sâu mà gạch để xây tường lại rất dày và cứng. Cổng thành đóng im ỉm, trên mặt thành cờ xí cắm dày đặc, gươm giáo như rừng, quân lính giữ thành người nào người nấy tên đã đặt lên nỏ, gươm giáo tuốt trần. Ngũ Tử Tư vừa nhìn vừa nghĩ: Đấu Sào quả thật không hổ thẹn là một danh tướng của nước Sở, việc canh phòng trên toà thành cũng đủ nói lên con người này quả thực trí dũng song toàn. Có một người như thế chỉ huy trong thành, muốn công phá chiếm thành, thật là còn khó hơn lên trời! Ngũ Tử Tư thừa biết trong bụng vùng này vốn sản xuất rất nhiều lúa mạch, bởi thế nên toà thành này mới có tên là Mạch Thành, trong thành chẳng những có rất nhiều lương thực dự trữ, lại được mùa, có thể no đủ được mấy năm, một toà thành như thế, còn lo gì bị bao vây!

Ngũ Tử Tư về đến doanh trại, trằn trọc mãi, suốt đêm không sao chợp mắt, chẳng nghĩ được ra cách gì. Ngày hôm sau, Ngũ Tử Tư cử Thái Chiêu hầu đến Kỷ Nam thành, báo cáo lại mọi tình hình với Tôn Tử để xin kế sách hay nhằm công phá Mạch thành. Chiều tối, Thái Chiêu hầu trở lại, mang về một bức vẽ do Tôn Tử đưa. Ngũ Tử Tư mở bức vẽ dàn ra trên án thư, xem đi xem lại, không hiểu ý bên trong của bức tranh định nói gì. Đó là bức tranh vẽ con lừa đang kéo cối xay, trong căn nhà xay bột nho nhỏ, giữa nhà là cái cối xay to lù lù. Một con lừa được mắc ách vào cái cối, trên đỉnh cối là một cái phễu, trong phễu chứa đầy lúa mạch. Con lừa bước đi, cối xay quay, trấu lúa mạch bay ra lả tả.

Đây phải chăng là Tôn Tử mách cho ta cách phá thành? Thế nhưng, con lừa kéo cái cối xay bột lúa mì, thì có liên quan gì

đến việc đánh thành nhỉ? Ngũ Tử Tử nghĩ mãi vẫn chẳng hiểu ra sao, sốt ruột quá, hết xoa tay lại gãi đầu, giậm chân đấm ngực, loay hoay chạy quanh như con lừa kéo cối. Quanh đi quanh lại, bỗng nhiên một chữ "mạch" chợt loé lên như chiếc chìa khoá mở bật ổ khoá trong lòng ông, nghĩa là coi Mạch thành như lúa mạch, chỉ cần có một chiếc cối, với lại một con lừa, từ từ mà xay, sẽ xay lúa mạch ra thành bột. Nếu như muốn đặt cho kế đánh thành này một cái tên, thì đó là kế "lừa xay bột".

Tảng băng đóng trong lòng đã tan ra, một khối nặng đeo đẳng trong lòng đã được cất đi, Ngũ Tử Tư thấy lòng nhẹ bỗng, không giấu nổi vẻ vui mừng, ngay đêm ấy đã sắp đặt xong kế hoạch chiến đấu. Mỗi người lính chuẩn bị một cái túi vải, trong chứa đầy đất, tất cả mọi chiến xa đều xếp đầy đá hộc, phải làm xong trước khi trời sáng, kẻ nào trái lệnh chém đầu! Năm trăm quân lính do Đảm Bao Thiên dẫn đầu, người nào cũng mặc quần áo quân Sở bên trong, mũ quân Sở cũng nhét trong ngực áo, rồi ngầm dặn dò họ đến lúc nào thì trà trộn vào trong thành. Mệnh lệnh vừa truyền xuống, toàn quân răm rắp thi hành, không ai chậm trễ.

Ngày hôm sau, ăn sáng xong, Ngũ Tử Tư và Thái Chiêu hầu mỗi người lên một ngựa, tay cầm binh khí, điều ba ngàn quân chia ra làm hai đội, bình lính người thì đeo túi, trong túi chứa đầy đất, người thì đánh xe, trên xe cũng xếp đầy đá, rầm rộ tiến về phía đông thành. Đoàn người ngựa dừng lại nơi cách thành bảy tám dặm, Ngũ Tử Tư chọn một nơi vừa ý, dùng mũi thương vạch xuống đất, rồi lệnh cho quân lính của đội thứ nhất dùng đá vừa chở trên xe và đất đeo bên mình, theo dấu đã vạch xây nên một bức tường. Mệnh lệnh

vừa ban ra, quân lính vội bắt tay ngay vào việc, nhào vữa, bê đá múc nước xây tường… Thái Chiêu hầu nhìn thấy vậy, không nhịn được cười, không biết đang làm cái trò gì mà cứ y như trẻ con chơi trò xây nhà vậy. Ngũ Tử Tư bảo với ông ta, xây bức tường này gọi là “thành con lừa”, hai mặt đông tây ở giữa hẹp, hai mặt nam bắc ở giữa rộng, tổng thể là hình chữ nhất, nhưng một đầu hơi rộng, đầu khác hơi hẹp lại, tất cả cũng chỉ lớn chừng hơn trăm gian nhà, trông chẳng khác gì một chiếc quan tài, chỉ khác là bốn phía mỗi nơi có một cái cửa. Theo chỉ thị của Ngũ Tử Tư, Thái Chiêu hầu lùi ra một chỗ xa hơn chút nữa mà ngắm, đúng là rất giống một con lừa, không trách được Ngũ Tử Tư gọi nó là “thành lừa”.

Đội quân thứ nhất bận xây “thành lừa”, Ngũ Tử Tư với Thái Chiêu hầu mang đội quân thứ hai đi vòng đường khác, đến nơi cách Mạch thành về phía tây chừng bảy tám dặm, cũng lấy thương vạch đất, theo dấu đó xây thành, chỉ có điều toà thành này không giống “thành lừa”, mà lại tròn xoe, y như cái cối xay, trông mặt mà đặt hình dong, chẳng cần phải nói, đây đúng là “thành cối xay”. Phía đông là lừa, phía tây là cối xay, ở giữa là Mạch thành cổ như kim thang. Thái Chiêu hầu hình như đã hiểu rõ trong lòng. Ngũ Tử Tư đang bắt chước lừa kéo cối xay, xay lúa mạch thành bột, để đánh Mạch thành. Thế nhưng, một toà Mạch thành lớn như vậy, lại chỉ trông vào hai toà thành cỏn con là “lừa” với “cối”, thì thử hỏi sẽ “xay” ra làm sao? Ông ta thấy thật khó hiểu, định mở miệng ra hỏi, lại e rằng đây là bí mật quân sự, hơn nữa e rằng Ngũ Tử Tư sẽ cười mình ngu xuẩn, cho nên lời nói đã ra đến cửa miệng bèn nuốt xuôi…

Thấy binh lính của mình làm việc rất hăng hái, Ngũ Tử Tư vui trong lòng, nói với Thái Chiêu hầu:

– Phiền Thái công hãy đi lại đôn đốc cả hai phía đông tây, hạn cho ba ngày phải xây xong thành.

Thái Chiêu hầu miệng thì thưa “vâng” nhưng trong bụng thấy chẳng có gì đảm bảo, liền nói:

– Đôn đốc thì chẳng có gì là khó, chỉ e rằng Đấu Sào ở Mạch thành nghe tin, sẽ đem quân ra quấy rối phá hoại.

Ngũ Tử Tư dặn:

– Đấu Sào có đem quân ra, cũng cố tránh không giao chiến, chúng có đến, ta sẽ cho quân chạy và sai người cấp báo cho tôi ngay.

Thái Chiêu hầu gật đầu thưa “vâng”, Ngũ Tử Tư về doanh trại của mình. Từ lúc ấy trở đi, Thái Chiêu hầu lần lượt đến hai nơi trông coi công việc, đôn đốc thi công.

Ngày hôm sau, ở Mạch thành, Đấu Sào nhận được tin. Lúc này tuy rằng bốn cổng Mạch thành đều đóng chặt, nhưng hàng ngày vào giờ nhất định cũng có mở ra, để cho những người làm công chức và dân chúng ở trong ngoài thành đi lại, thế nên lẽ đương nhiên những người vào thành, sẽ mang theo tin tức về việc quân Ngô xây thành và tin ấy đã đến tai Đấu Sào. Hơn nữa lính tráng đi tuần trên thành cũng từng phát hiện thấy ngoài thành phía đông và phía tây, đều có quân Ngô đang hoạt động, đương nhiên cũng về bẩm báo

với Đấu Sào. Nghe tin đó, Đấu Sào lập tức leo lên tường thành ngắm nghía, tuy cách xa tới bảy tám dặm, nhưng vì đứng cao nhìn xuống, vẫn nhìn rất rõ, quả nhiên là cả hai phía đông tây đều có quân Ngô chuyển động như kiến đang lần lượt đắp lên ở mỗi nơi một cái ụ đất. Nghe dân chúng đồn rằng quân Ngô đang xây thành ở đó, cái nào cũng có tên, bên đông gọi là “thành lừa”, bên tây gọi là “thành cối xay”. Vậy thì thành lừa bên đông, thành cối xay bên tây rốt cuộc để làm gì? Đấu Sào cũng thấy khó hiểu. Ngũ Tử Tư là bậc danh tướng trong thiên hạ, không phải là hạng tầm thường, đã xây hai toà thành, lại đặt tên cho từng nơi như vậy, ắt hẳn là bên trong phải có chuyện gì, muốn hiểu được, cần phải nghiên cứu cho thật cẩn thận.

Đấu Sào cũng chẳng phải hạng xoàng, qua nhiều lần suy nghĩ, cuối cùng đã hiểu được điều sâu kín bên trong: Lừa kéo cối xay, rõ ràng là chúng định dùng hai toà thành này để đánh Mạch thành của ta. Ngũ Tử Tư đang dùng kế nghi binh, lấy việc xây thành để yểm hộ, trong hai thành đó sẽ cho quân lính khoẻ mạnh khoét đất đào đường hầm, hòng từ lòng đất xông lên đánh chiếm Mạch thành, hoặc cũng có thể còn có mưu kế gì hơn, cần phải thân chinh đến tận nơi quan sát, quyết không thể để chúng thực hiện được mưu mô. Đấu Sào vốn là con người tinh tế, cân nhắc cả đến việc Ngũ Tử Tư có thể nhân chuyện này để lừa mình ra khỏi thành rồi thừa dịp tấn công, cho nên đã quyết định đi nhanh về nhanh, không để cho Ngũ Tử Tư có thể thừa dịp mà lợi dụng. Đấu Sào ra cổng ngoài, đội mũ mặc giáp, lên ngựa cắp đao, mang theo ba ngàn quân, ra khỏi cửa đông thành, xông thẳng tới “thành lừa”.

Thái Chiêu hầu đang đôn đốc quân lính xây "thành lừa", bỗng nghe tiếng trống thúc thùng thùng, biết quân Sở đã ra khỏi Mạch thành, ngẩng lên nhìn, thấy tướng Sở mới đến đầy vẻ khác thường: Thân cao tới hơn chín thước, mặt đỏ bừng càng lộ rõ hai nét mày rậm và đôi mắt như mắt hổ, mũi sư tử, miệng như miệng báo vừa hơi nhích, hàng râu rậm dưới cằm như hất đứng cả lên, chiếc mũ trận bằng đồng trên đầu, cân xứng với bộ áo giáp hoàng kim trên mình lấp loáng. Vị tướng Sở ấy chễm chệ ngồi trên lưng con ngựa bờm đen đang vươn cổ hí vang, tay vung cây rìu phá đá nặng trịch, đầy vẻ oai phong, dễ khiến người ta phải nể sợ. Thái Chiêu hầu thầm hiểu trong bụng, người này không phải ai khác, mà chính là Đấu Sào, tướng Sở đang trấn giữ Mạch thành. Ngũ Tử Tư đã từng dặn đi dặn lại, Đấu Sào có mang quân ra quấy rối, thì không cần phải giao chiến với hắn, thế nên đã hô lớn:

– Quân Sở đến đấy! Bắn tên ra đi! – Theo sau tiếng hô, một loạt mũi tên rào rào bay đi như châu chấu, Thái Chiêu hầu nhân lúc đó, dẫn binh lính của mình mau chóng rút đi, chỉ trong nháy mắt, đã mất tăm mất tích.

Đấu Sào đem quân xông đến "thành lừa", không đuổi theo đoàn quân đang chạy trốn, đưa lưỡi rìu chỉ ra phía trước, hô lên:

– Quân bay đâu, phá thành đi! – Ba ngàn quân lập tức xông lên, phá, đập… chỉ trong nháy mắt, bức tường cao hơn đầu người của "thành lừa" bị phá tanh bành, vô cùng thảm hại. Trước khi hạ lệnh phá thành, Đấu Sào đã vào bên trong thành nhòm ngó khắp bốn phía, không thấy có dấu vết gì tỏ

ra quân Ngô đang đào hầm ngầm, cho nên trong lòng thấy nhẹ nhõm đi đôi chút. Do không dám lần chần ở đây lâu, "thành lừa" đã phá rồi, Đấu Sào liền hạ lệnh thu quân về thành. Đến trước cổng thành, quân hiệu giữ thành đã báo với Đấu Sào, không phát hiện thấy một bóng quân Ngô nào, tất cả bình an vô sự. Đấu Sào nghe báo vậy, không những hòn đá đang đè nặng trong lòng như có ai lấy đi, bỗng thấy gan dạ hơn so với lúc đầu, bất chợt nảy ra ý nghĩ, chỉ huy quân lính đi phá thành "cối xay". Phá được "thành lừa" bên đông, "thành cối" ở bên tây, trong lòng Đấu Sào thấy vui, thầm bảo: "Lừa giết rồi, cối đập rồi, Ngũ Tử Tư, ngươi còn có ý định đánh Mạch thành của ta, ta sẽ cho người chết đói!"

Đấu Sào vừa đi khỏi, Thái Chiêu hầu liền quay về, mở mắt ra nhìn, đầu lừa bị đập vỡ, đuôi lừa cũng bị cắt đứt, chân lừa cũng bị đánh gẫy, "thành lừa" vừa mới ra đời bị phá tan tành. Lại bước tới xem "thành cối xay", ở đó cũng bị đập phá tanh bành. Thấy tình cảnh đó, Thái Chiêu hầu bỗng thấy thương tâm, vội mang theo hai người đội trưởng đến đại doanh để báo cáo với Ngũ Tử Tử. Nghe nói vậy, Ngũ Tử Tư chẳng những không hề giận dữ, mà sau đó lại cười lên ha hả và khen:

– Xông lên khéo đấy! Phá giỏi đấy!

Thái Chiêu hầu không hiểu ra sao liền hỏi:

– Hai thành đều bị phá, bao nhiêu công bỏ ra bỗng thành công cốc, sao Ngũ tướng quân lại còn khen hay khen khéo?

Sau khi dứt một hồi cười, Ngũ Tử Tư mới vui vẻ bảo:

– Ta cứ lo rằng Đấu Sào đóng cửa thành không ra, mặc cho ta xây thành, cũng không thèm đếm xỉa. Nhưng nay xem ra Đấu Sào quả thật là có ý nghi ngờ, thân chinh ra khỏi Mạch thành đi phá “thành lừa” bên đông “thành cối xay” ở bên tây, cứ thế không quá ba ngày, lúa mạch tất sẽ thành bột mì, có thể lấy được Mạch thành! Phiền Thái hầu đừng chậm chễ, hãy về ngay chỗ cũ, vẫn dùng những người cũ, làm nguyên như cũ, tiếp tục xây thành. Đấu Sào đem quân đến, ta lại rút đi, Đấu Sào đem quân đi ta lại tiếp tục xây…

Theo lời dặn của Ngũ Tử Tư, Thái Chiêu hầu chỉ huy hai đội quân lính chia ra hai phía đông tây của Mạch thành, tiếp tục xây thành như cũ, nhưng họ không biết rằng cứ xây xây phá phá như thế cho đến bao giờ mới thôi.

Thực tế cứ tiếp tục diễn ra như thế, quân Ngô xây đến đâu, quân Sở lại phá đến đó. Quân Sở đến, quân Ngô lại chạy. Quân Sở đi, quân Ngô lại xây. Phá càng hăng, xây càng hăng. Phá nhanh thế nào, xây cũng nhanh thế ấy. Ngày nào cũng xây, ngày nào cũng phá, hai bên giằng co nhau đã được ba ngày, đến buổi tối ngày thứ ba, Đấu Sào chợt nghĩ, quân Ngô ngoan cố kiên trì xây thành như thế, nhất định bên trong việc này còn có trò ma mãnh gì đây, nhưng nói thế nào thì nói, quyết không thể để cho chúng xây xong thành! Ngay sớm hôm sau, một lần nữa, Đấu Sào ra lệnh chuẩn bị rồi vác rìu lên ngựa, điều thêm ba ngàn quân, với năm mươi cỗ xe lớn. Mọi thứ chuẩn bị xong xuôi, Đấu Sào tế ngựa ra cổng thành, đi theo hướng đông, trước hết tiến thẳng tới “thành lừa”. Quân Ngô đang xây thành, thấy quân Sở đến lại trốn sạch. Đấu Sào ra lệnh, vừa phá tường ra, khuân đá xếp lên

xe, chở đến nơi cách đó hơn một dặm, đổ xuống sông. Phá thành thì nhanh, nhưng khuân đá chở đá thì rất lâu. Bởi vì một cỗ xe đều phải chờ xếp lên và đi lại nhiều lần. Như thế có nghĩa là thời gian dùng cho công việc này phải dài hơn, nhìn thấy những tảng đá được khuân lên xe nườm nượp chở đi, Đấu Sào bỗng thấy hể hả trong lòng: Tao để cho chúng mày xây thành đấy! Không có đá hỏi chúng mày xây bằng gì?

Đến gần trưa, chuyến xe chở đá sau cùng đã quay lại, Đấu Sào ra lệnh chỉnh đốn hàng ngũ chuẩn bị kéo quân về thành. Đội ngũ vừa chỉnh đốn xong, bỗng có một tên quân kỵ từ Mạch thành phóng tới trước mặt Đấu Sào, tung mình xuống ngựa:

– Dạ bẩm chủ... chủ tướng! Hỏng to mất rồi ạ! Ngũ Tử Tư đã mang theo một đạo quân lớn, đang kéo đến cách thành không xa nữa ạ...

Nghe thấy báo tin như vậy, Đấu Sào tái mét mặt, giữa ngày đông tháng giá, mà mồ hôi tuôn ướt đầm. Hắn linh cảm thấy rằng Ngũ Tử Tư đã nhân lúc hắn sơ hở mà kéo quân vào, bất giác thầm kêu lên trong lòng: Ngũ Viên đáo để thật! Ta ở trong thành, thì hắn không đánh, ba bốn ngày liền, ta đánh “thành lừa”, ta phá “thành cối” của hắn, đánh nhanh lại rút nhanh, hắn cũng không đánh ta. Hôm nay, đợi ta nổi nóng, đem đổ hết đá xây thành của hắn xuống sông, để hắn không xây thành được nữa, vì thế nên chậm lại nửa ngày trời, hắn lại đến đánh thành, thế là ta mắc vào mưu lừa kéo cối xay của hắn mất rồi!

Thời gian lúc này không cho phép Đấu Sào suy nghĩ gì thêm nữa, hắn phải vội vã lệnh cho quân lính hoả tốc về thành theo cửa đông, vì đại quân của Ngũ Tử Tư đóng ở phía bắc thành, chắc hẳn sẽ vào thành theo hướng ấy và tất sẽ công phá cửa bắc trước, sau khi vào được cửa đông rồi, hắn sẽ cho đóng chặt cổng thành, rồi lên mặt thành chỉ huy cuộc chiến giữ thành. Đấu Sào nghĩ rằng mọi việc sẽ suôn sẻ ngon lành như thế, thế nhưng khi đội ngũ của quân Sở lếch thếch quay lại đến trước cổng đông Mạch thành, quân của Ngũ Tử Tư đã chặn mất đường đi. Nhìn thế trận đang bày ra trước mặt, Đấu Sào biết chắc chuyến này mình sẽ thiệt to: Thứ nhất, đường trở về thành đã bị Ngũ Tử Tư chặn đứng, quân Ngô chủ động hơn, lấy kẻ nghỉ ngơi đánh người mệt mỏi. Thứ hai, Ngũ Tử Tư trong tay có tám ngàn quân, gần đông gấp ba quân Sở, như vậy quân Sở ít sẽ khó địch nổi đông. Vả chăng tình thế đã đến nước này, cũng chẳng còn sự chọn lựa nào khác, đành chỉ còn cách xông lên liều chết một phen. Đấu Sào nghĩ vậy, tế ngựa lên phía trước, đặt chiếc rìu lên yên ngựa rồi đè chặt lấy khum hai tay lại làm lễ:

– Tử Tư từ buổi xa nhau đến giờ vẫn được bình an luôn chứ?

Đây là hắn chủ trương lễ trước đánh sau, trò chuyện với nhau trước để mong hoà giải, bàn bạc không kết quả lúc ấy mới đánh. Hơn nữa, giữa họ với nhau dẫu sao cũng là chỗ quen biết cũ, gia tộc của Đấu Sào ở nước Sở cũng thuộc hàng thế phiệt trâm anh, đều là quan cùng triều với các bậc người trên của Ngũ Tử Tư. Họ quen biết nhau từ tấm bé, đôi bên lại chẳng thù oán gì, gặp mặt nhau, lẽ đúng ra phải chào hỏi đôi câu.

Ngũ Tử Tư cũng gác giáo đè lên yên ngựa, khum hai tay lại đáp lễ:

– Nhờ trời cũng còn được sống đây!

– Họ hàng nhà ông đời đời ăn lộc nước Sở, tiên vương có một thời nghe lời sàm tấu của Phí Vô Cực đem giết cả nhà ông, là hậu duệ của bầy tôi nước Sở, ông không nên bỏ Sở theo Ngô, lại càng không nên đem quân đánh Sở như hôm nay. Tôi khuyên ông hãy mau mau xuống ngựa quy hàng, tôi sẽ tâu lên chúa công, sẽ không chấp gì chuyện cũ. Nếu ông không muốn thế, cũng chẳng ép làm gì, chỉ khuyên ông hãy lui quân trở lại nước Ngô, kẻo sứt mẻ đến tình cảm giữa chúng ta từ trước đến giờ.

Đấu Sào liến thoắng tuôn ra một thôi một hồi, tưởng như người nghe phải xúc động lắm.

Đấu Sào không phân biệt phải trái, không biết đâu là đục là trong, tuy là chỗ đi lại với nhau hàng đời, là chỗ bạn bè xưa cũ, nhưng nghe những lời lẽ hoang đường vừa rồi của Đấu Sào, Ngũ Tử Tư cũng khó nén được cơn lửa giận trong lòng.

– Im mồm đi! Tên gian tặc Phí Vô Cực cố nhiên là đáng thù ghét, có uống mật ăn gan nó, cũng khó làm ta hả giận! Nhưng tên hôn quân Bình Vương kia, cha cướp vợ của con, nghe lời sàm tấu, không tiếp nhận lời khuyên trung thực, đã không đếm xỉa gì đến nhà họ Ngũ ta mấy đời có công với nước Sở, nỡ giết hết hơn ba trăm người trong gia đình ta, bản thân ta cũng thập tử nhất sinh trốn được sang nước Ngô, tên hôn quân lại muốn nhổ cỏ tận gốc, cho người sang

nước Ngô, định đưa ta vào chỗ chết, chẳng lẽ đó lại là tội lỗi của Ngũ Viên này hay sao? Bình vương làm bao nhiêu điều phi nghĩa, để đến nỗi không biết bao nhiêu trung thần bị chết uổng mạng, biết bao nhiêu dân lành phải ngậm oan nơi chín suối. Tên hôn quân ấy chết đi, Chiêu vương lên cầm quyền, để mặc cho Nang Ngoã chuyên chính lộng hành, đối nội thì hãm hại người trung lương, chém giết vô tội vạ, đối ngoại thì chiêu binh mãi mã bắt nạt các nước nhỏ yếu, khiến Chu thiên tử đã tập hợp mười tám nước chư hầu liên quân đánh Sở, còn ngày nay, Ngô vương Hạp Lư đã theo lời khẩn cầu của hai nước Đường – Thái, đem đội quân nhân nghĩa đến hỏi tội các người, đấy là việc lấy người có đạo đánh kẻ vô đạo, trên đời này ai chẳng vỗ tay khen hay! Ngũ Viên ta nhờ trời phù hộ, may mắn còn được sống đến ngày nay, chịu nuốt hận mười sáu năm trời, thù sâu như biển máu, ta mà không trả, thử hỏi rằng còn đâu là đạo lý, còn đâu là lẽ trời? Thôi đừng có nhiều lời, hãy buông ngựa ra!

Đấu Sào xem ra có vẻ lúng túng, không biết làm thế nào:

– Nếu như ông đã không nghĩ đến tình bạn của chúng ta ngày trước, thì ai sẽ vì chúa của người ấy mà hành động thôi…

Đấu Sào nói xong, tế ngựa lên phía trước, giơ cao lưỡi rìu, nhằm thẳng đầu Ngũ Tử Tư chém đánh vù một nhát.

Ngũ Tử Tư đưa cây thương đầu hổ sáng loáng lên đỡ. "Choang" một tiếng, lưỡi rìu văng sang một bên.

Hai ngựa quần nhau, kéo nhau đi một quãng xa, rồi quay đầu lại đánh tiếp, con ngựa của Ngũ Tử Tư chồm lên trước, cây thương trong tay ông vừa xỉa vừa ngoáy, nhằm vào ngực của Đấu Sào, miệng hô lên:

– Hãy nhìn đây! – Cùng với tiếng hô, là một mũi thương lao tới. Đấu Sào giơ rìu lên đón:

– Khá lắm! – Theo sau lại một tiếng "choang", mũi thương bị gạt sang bên. Hai con ngựa lại quấn nhau ra một quãng nữa, rồi quay đầu đánh tiếp, thương đâm rìu đỡ, đánh mãi không thôi, tay rìu của Đấu Sào cũng rất lợi hại, song gặp phải cây thương của Ngũ Tử Tư, cũng chẳng làm nên trò trống gì, còn Ngũ Tử Tư tuy cây thương lao tới đầy sức mạnh, nhưng trước lưỡi rìu của Đấu Sào, cũng không thể nào thắng được ngay. Hai vị chủ tướng đọ sức với nhau không phân thắng bại, còn hai cánh quân giao chiến thì thắng bại đã rõ rành rành. Quân Ngô đông, quân Sở ít, mà tục ngữ có câu: "Hai thằng đánh một chẳng chột cũng què", đánh quanh đánh quẩn một hồi, quân Sở không chết thì bị thương, số còn đánh được mỗi lúc một ít, cứ thế này, ba ngàn quân Sở chưa biết chừng chết sạch cũng nên.

Đấu Sào đánh nhau với Ngũ Tử Tư đến hơn chục hiệp, nói cho công bằng thì hắn vẫn còn có thể cầm cự được một lúc nữa, nhưng quân lính thương vong nhiều quá, thảm đến nỗi không nỡ nhìn, nên vị tướng Sở này bỗng thấy lòng đau như cắt. Hắn đang chuẩn bị hạ lệnh rút quân theo lối cửa nam để vào thành, nếu Ngũ Tử Tư có điều tới, thì lại vòng sang phía tây, chẳng thà chạy quanh thành còn hơn dừng lại đây đánh nhau để rồi người ngựa đều chết, toàn quân tan tành. Đấu

Sào đang định ra lệnh, Ngũ Tử Tư đã dùng cây thương của mình ấn lưỡi rìu của hắn xuống, nói:

– Quân Sở thương vong gần hết rồi, bên đó ít bên này đông, nếu ngươi có thua chắc hẳn trong lòng sẽ không phục. Cho rằng hôm nay ngươi chưa chuẩn bị, đến sáng mai, chúng ta sẽ chọn mỗi bên năm ngàn quân, ra đây quyết sống mái một phen – Quay sang binh lính của mình, Ngũ Tử Tư ra lệnh – Quân bay đâu! Chúng ta hãy nhường một phen!

Quân Ngô theo lệnh lập tức dừng tay, lũ lượt lùi về phía sau, nhường ra một lối đi ở giữa, cho quân Sở rút đi. Đấu Sào lúc này, trông chẳng khác gì một tử tù bị giải ra pháp trường, bỗng được nhà vua ban chiếu đại xá, làm gì chẳng vui mừng hớn hở trong lòng! Ấy thế nhưng hắn kìm nén được, không để lộ ra mặt, làm ra bộ đàng hoàng:

– Được! Ngày mai nhất định đến! Quân bay đâu! Rõ rồi chứ? – Miệng thì nói vậy, nhưng trong bụng Đấu Sào lại nghĩ rằng: Vào thành xong, đóng cổng lại, ngày mai Tôn Tử mới đến, có giỏi thì cứ công phá toà thành này đi, còn đâu là "thành lừa", thành "cối xay", kệ cho các người xây, ta đây chẳng thèm quản làm gì, để xem các người có cách gì phá được Mạch Thành của chúng ta nào!

Ngũ Tử Tư ra lệnh thu quân, về đại bản doanh của mình. Đợi cho Ngũ Tử Tư đi xa rồi, Đấu Sào mới lệnh cho quân lính trên mặt thành thả cầu treo xuống, đám tàn quân lũ lượt vào thành. Một phen kịch chiến, một trận chém giết, ba ngàn quân bị chết bị thương đến quá nửa, kẻ nào may mắn sống

sót về trại, được biên chế lại, lần lượt thay nhau thức đêm canh gác, đề phòng quân Ngô đánh úp.

Đấu Sào vào đến trong thành, xuống ngựa, buông rìu, bỏ mũ giáp ra, ăn uống vội vàng, nghỉ ngơi qua loa, rồi lại túi bụi vào lo công việc, cho đến tận đêm khuya. Khi mọi việc đã xong, vừa định lên giường nghỉ ngơi, tự nhiên bỗng thấy tim mình nhảy thót lên, chợt nghĩ: Ngũ Tử Tư thừa biết Mạch thành khó đánh, khó khăn lắm mới lừa được ta ra ngoài thành, thế mà lại “thả hổ về rừng”, hẳn là lại có một ý đồ gì đây? Mục đích của Ngũ Tử Tư không phải ở chỗ muốn giết hết quân Sở, mà là ở chỗ phải công phá cho được Mạch thành, sở dĩ hắn thả cho ta về, là để nhân khi ta để tâm hết vào việc chuẩn bị cho trận đánh ngày mai, lờ là canh gác, đêm nay sẽ bất ngờ đánh thành.

Nghĩ đến đây, Đấu Sào mới trấn tĩnh lại tinh thần, nai nịt lại như ban đầu, rồi mang theo cả chục tướng sĩ, người nào cũng lăm lăm khí giới trong tay, đi tuần một vòng trên mặt thành, không thấy có hiện tượng gì khác thường, các tướng sĩ giữ thành không ai là không trung thành canh giữ, chỗ nào cũng nghiêm răm rắp. Lúc đi tuần trở về, trống đã điểm canh tư. Vật lộn suốt một ngày và gần trọn một đêm, Đấu Sào quả thực thấy hết sức mệt mỏi, về đến phòng mình, cứ để nguyên mũ giáp như thế lăn ra ngủ say như chết.

Đấu Sào không phải hạng tầm thường, thần hồn nát thần tính, đêm ấy quân Ngô quả nhiên đã bất ngờ đánh thành. Ngũ Tử Tư mang tám ngàn quân lúc ban ngày mai phục ẩn nấp ở một nơi, lắng nghe tin tức trong thành. Ban ngày, khi Ngũ Tử Tư thả cho quân Sở về thành, năm trăm binh lính do

Đảm Bao Thiên dẫn đầu, theo sự sắp đặt từ trước của Ngũ Tử Tư, nhanh chóng trút bỏ trang phục quân Ngô mặc ở bên ngoài, để lộ ra quần áo quân Sở đã mặc sẵn bên trong, rồi lấy mũ quân Sở vào thành. Lúc ấy năm trăm "quân Sở" ấy đã rải rác ra khắp bốn cổng thành nam bắc tây đông, trong đó cửa bắc nhiều hơn cả. Quân Sở canh gác trên cửa Bắc vốn đã mệt mỏi, nên sau khi Đấu Sào đi khỏi, đã đút dao vào bao, bỏ cung vào túi, tên tháo cho vào ống, người nọ nhìn người kia thi nhau ngáp ngắn ngáp dài, ngủ gà ngủ gật. Tuy không dám trắng trợn bỏ đó mà đi ngủ, nhưng chẳng ai còn hăng hái nữa, đi qua đi lại như những cái bóng không hồn. Đảm Bao Thiên ẩn nấp ở gần đó, thấy thời cơ có vẻ chín muồi, chồm lên như hổ đói vồ mồi, kết liễu luôn một lúc hai tên lính canh không dám ngủ gật, sau đó dẫn hơn hai chục người, đốt đuốc giơ cao lên, cắp dao bên mình, vác giáo trên vai, sải bước leo lên dốc thành, vượt xuống khỏi tường thành để tới cửa bắc thành. Quân Sở canh cửa ở đây chừng hơn chục tên, chúng chỉ biết theo lệnh đóng kín cổng thành, lúc này chỉ có một tên đang trực ban, số còn lại đều chui cả vào trong doanh trại ngủ say tít. Thấy có một toán người như hiện ra và từ trên tường thành bước xuống, còn ngỡ rằng quân lính của mình đến đốc gác, tên trực ban vội vàng ân cần chào hỏi:

– Chào các ông anh! Đêm hôm vất vả quá nhỉ? Đảm Bao Thiên đi đầu đáp:

– Quan sai thì không được tự do, có quân lệnh thì phải loan báo. Anh chàng lính trực ban, bước lên phía trước, nói:

– Đấu tướng quân vừa đi khỏi, trời lại sắp sáng rồi, còn có quân lệnh gì nữa.

Đảm Bao Thiên ra giọng quở mắng ngay:

– Mày làm gì mà quang quác lên thế, muốn chết à? Mau ghé tai lại đây mà nghe, kẻo lộ hết quân cơ, thì cả tao lẫn mày đều có tội đấy!

Tên lính Sở trực ban tưởng thật ghé đầu sang, xuất kỳ bất ý, Đảm Bao Thiên rút dao găm ra, xỉa thẳng vào tim hắn. Cùng lúc đó, những người lính còn lại đã xông vào trại, cứ mỗi nhát dao nhằm cổ một tên lính canh đang ngủ say chém một nhát như chém chuối, giết hết sạch... Từ trên mặt án thư, Đảm Bao Thiên đã tìm ra được chiếc chìa khoá cổng thành, liền vội chạy xuống mở khoá sắt, hạ then lớn, gạt then nhỏ, cởi móc xích ra, đẩy cánh cửa thành kêu lên ken két và từ từ mở toang rồi cầm bó đuốc huơ lên cao mấy vòng. Nhìn ra tín hiệu, Ngũ Tử Tư biết cổng thành đã mở, bèn chỉ huy quân Ngô ào lên như nước thuỷ triều tràn vào Mạch thành.

Bọn lính Sở trên mặt thành từ cõi mông lung giật mình tỉnh dậy, đang định bảo nhau xuống thành để ngăn chặn. Đảm Bao Thiên đã dẫn quân xông lên đón đầu, miệng hô vang:

– Quân Ngô đã vào thành! Chúng ta chính là quân Ngô đây! Vừa nói vừa ào lên trước, trên mặt thành, quân Sở giả đánh nhau với quân Sở thật, chẳng còn biết ai với ai, vài trăm quân Sở còn đang mơ mơ hồ hồ đã lần lượt biến thành quỷ không đầu, tên nào thoát chết, thì tìm đường trốn chạy tứ tung. Ba cổng thành đông, nam, tây... tình hình cũng tương

tự như thế, Ngũ Tử Tư vào thành, có Đảm Bao Thiên dẫn lối, mang quân vào thẳng viên môn bắt Đấu Sào.

Sau trống canh tư, Đấu Sào mới lên giường ngủ, đặt mình xuống là ngủ rất say, bỗng tên lính hầu vô cùng hốt hoảng xông vào:

– Báo cáo chủ tướng! Hỏng… Hỏng to mất rồi! Quân Ngô Ngô đã vào thành rồi ạ!

Đấu Sào bật ra khỏi giường như một con cá nhảy, thấy bên ngoài đang ầm ĩ tiếng kêu la. Vốn thuộc hạng người dày dạn, Đấu Sào bình tĩnh lệnh cho sửa ngựa mang rìu ra, sau đó đội mũ mặc giáp, bình tĩnh lên ngựa, cắp rìu, mang theo đám quân hầu, vệ sĩ, xông ra viên môn. Ngoài phố, người đi như nước chảy, đèn đuốc sáng bừng, kẻ chạy ngược, người đi xuôi, lính tráng cũng có, dân thường cũng có, chen nhau lũ lượt bỏ chạy, vừa chạy vừa hô:

– Mau chạy trốn đi thôi! Quân Ngô đã vào thành rồi!

Thấy tình cảnh loạn như ong vỡ tổ thế này, trong bụng Đấu Sào đã hiểu hết mọi điều, nghĩ ra rằng lúc này phải mau mau trốn ra ngoài thành, kẻo đến lúc bốn cổng thành đều đóng lại thì có mọc cánh cũng khó bay ra. Ý định đã dứt khoát, Đấu Sào mang theo một ngàn quân Sở, đánh ra cửa nam, chạy thẳng lên Sính đô.

Mạch thành đã bị phá, nhưng Đấu Sào lại trốn thoát, trước hết Ngũ Tử Tư viết văn thư, sai người vội về báo tin chiến thắng với Ngô vương và Tôn Tử, sau đó cắt đặt mọi việc tiếp

theo, nào là quét dọn chiến trường, chôn cất người chết, sắp xếp cho hàng binh, thả những người dân thường bị Đấu Sào cố tình bắt tới, để họ tự về nhà mình, hiểu dụ dân chúng, để mọi người an cư lạc nghiệp, kiểm tra xem xét lại kho tàng, sai người đi báo tin cho Thái Chiêu hầu đang đóng giữ ở đại bản doanh để ông ta chuyển quân về đóng ở Mạch thành. Mọi việc cắt đặt đâu vào đấy, Ngũ Tử Tư chợt nhớ tới Tôn Tử, không hiểu ông đem quân đi đánh Kỷ Nam tình hình ra sao. Lúc này đây, mình đã lấy được Mạch thành rồi, tại sao lại chẳng mang quân đến Kỷ Nam xem sao, để một là thỉnh thị hành động bước tiếp theo, hai là cố gắng giúp sức một tay, ba là tiện thể đưa thêm ít đồ tiếp tế. Ngũ Tử Tư lập tức cho sửa soạn một trăm cỗ xe lớn, trên xếp đầy lúa mạch loại tốt, điều hai ngàn quân đi áp tải, căn dặn Thái Chiêu hầu ở lại giữ thành cho cẩn thận. Đang định xuất phát thì người đưa thư bữa trước quay về đến nơi, nói đại bản doanh của nguyên soái đóng ở núi Hổ Nha. Ngũ Tử Tư lên ngựa cắp thương, mang theo hai ngàn quân, hộ tống cho đoàn xe lương thực đến thẳng núi Hổ Nha.

Phía đông bắc thành Kỷ Nam chừng mười dặm, có hai quả núi đứng đối diện nhau, cao ngang nhau, hình giống nhau, đều dưới thô trên nhọn, từ xa nhìn tới, chẳng khác gì hai chiếc răng nanh ở hàm dưới con hổ, thế cho nên người đời mới đặt tên là núi Hổ Nha – răng hổ – Tôn Tử dẫn quân đến chân núi Hổ Nha, lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi tại chỗ để chờ lệnh. Ông mang theo một bộ phận tướng sĩ leo lên đỉnh núi Hổ Nha để xem xét địa hình. Lên cao nhìn ra, từng dải núi xanh rì xen giữa những cánh rừng lam sẫm và những khoảng đồng rộng mênh mông. Những dòng sông như dải lụa bay, điểm xuyết vào đó là những thôn ấp phố phường,

từng làn khói lam bay lên, bảng lảng trên những nóc nhà rải rác như bàn cờ, những con đường như dải thắt lưng… tất cả hiện ra trước mắt, như vẽ như bày, càng nhìn càng thấy vô cùng thi vị. Thế nhưng thành Kỷ Nam trong tầm mắt lúc này lại nhạt nhoà trong màn sương đục, phía bắc nó là một dải trắng dài khá rộng, từng tia sáng từ đó lấp loá lên dưới ánh mặt trời, đó chính là sông Chương. Từ ánh lấp loá ngợp mắt ấy mà phán đoán, lúc này đây, hẳn là nước sông đang dâng tràn và ào ào cuộn chảy. Phía tây thành là một vùng đầm hồ, phẳng lặng như mặt gương, đó là Xích Hồ.

Từ Xích Hồ lại chảy ra một dòng sông nhỏ, là sông Xoa ngoằn ngoèo trôi về phía đông nam, qua Kỷ Nam đến thẳng chân thành Sính đô. Tôn Tử vừa ngắm địa hình vừa cân nhắc, trong óc bỗng hình thành một kế sách gọi là chắn nước bằng túi cát. Kỷ Nam và Mạch thành đều là những nơi mới xây dựng, thành cao hào sâu, tường dày vách cứng, thế nhưng thế đất lại trũng, nếu như đắp cao đê chắn nước quanh Xích Hồ lên, rồi đào một con kênh mới nối sông Chương với Xích Hồ, để đưa nước sông Chương vào hồ, trong khi đó đê bao quanh Xích Hồ đã được tôn cao lên rồi, cho nên nước hồ mông mênh trước hết sẽ theo sông Xoa chảy tới Kỷ Nam, dần dần Kỷ Nam sẽ bị vào thế bốn bề ngập nước. Kế phá thành đã định, Tôn Tử lập tức hạ sơn, lệnh cho tướng sĩ trong toàn quân tìm chỗ cao ráo quanh chân núi Hổ Nha hạ trại.

Kế chắn nước bằng túi cát của Tôn Tử tuy chỉ hình thành trong nháy mắt, thế nhưng lại lần lữa mãi không được thực hiện. Bởi vì kế này hay thì có hay, nhưng chưa phải là khéo. Nước ngập Kỷ Nam, cố nhiên là có thể làm được, nhưng vị

tất đã đến mức có thể dìm chết được địch, còn dân chúng thì chắc chắn bị vạ lây. Vì nghĩ đến lợi ích của dân chúng, Tôn Tử đã phải nhiều lần thăm dò từng tấc đất ở xung quanh Kỷ Nam, mong qua đó tìm ra được một phương án hay nhất. Nhiều lần đã dùng kế ở chân thành, lấy vật chất mà nhử mồi, dùng lời lẽ mà chọc tức, mục đích là làm thế nào đó để kéo được Tống Mộc ra ngoài thành quyết chiến một phen. Nhưng Tống Mộc lại là một gã cáo già xảo quyệt, mềm không ăn, cứng không chịu, mặc ai ở ngoài lồng lộn vật vã, hắn trước sau vẫn co lại không chịu ra. Không còn cách nào hơn, Tôn Tử đành hạ quyết tâm, nhắm mắt dùng hạ sách, nhưng trước khi cho nước dìm thành Kỷ Nam, đã khéo léo kêu gọi dân chúng di chuyển hoặc đi nơi khác mượn sẵn thuyền bè.

Tôn Tử chia quân làm ba đội, một đội đắp cao đê bao Xích Hồ lên thêm một trượng, đội thứ hai đào một con sông mới nối Xích Hồ với sông Chương, đội thứ ba vào rừng chặt tre đẵn gỗ để đóng bè. Cách nâng cao mặt đê của Xích Hồ rất giản đơn, dùng bao tải vẫn để đựng lúa gạo và đồ dùng, cũng như túi vải và bao cỏ, đổ đất vào, rồi xếp những bao đất đó lên như người ta xây tường, tầng trên đè lớp dưới, càng đè càng chặt, càng chất càng vững, cứ xếp mãi tới chiều cao hơn một trượng mới thôi. Tôn Tử phong cho Phu Khái chức tổng giám công, trông coi việc đào sông đắp đê vì Phu Khái là em ruột Ngô vương, là người hiếu thắng, lính tráng người nào cũng rất nể sợ. Phu Khái làm đốc công, bảo đảm binh lính không ai dám lười nhác.

Ngày đầu khởi công, tất cả xẻng, cuốc, cào, bao gai, túi cỏ, xe lớn xe nhỏ trong toàn quân đều được mang ra công trường

thứ gì thiếu thì mượn của dân, hiện trường thi công rầm rộ khác thường. Mọi người ai cũng lo trễ hẹn, nên hăm hở làm suốt ngày đêm, cắt lượt ra mà làm, mà nghỉ, bởi vì Tôn Tử hẹn cho trong vòng nửa tháng phải làm xong, nếu chậm trễ, sẽ xử theo quân pháp. Phu Khái lúc nào cũng giáp mãng sẵn sàng, cắp dao trên mình ngựa, đi đi lại lại kiểm tra đôn đốc. Tuy nhiên, chốc chốc vị tướng hiếu thắng này lại ngó mông lung về phía thành Kỷ Nam, mong Tống Mộc bất chợt ra khỏi thành đánh nhau với hắn. Tôn Tử muốn giảm bớt tai hoạ chiến tranh cho dân chúng Kỷ Nam, Phu Khái thì chỉ mong mình lập được nhiều công để trội với mọi người, cho nên luôn nghĩ rằng nếu Tống Mộc mang quân ra ngoài thành, thế nào cũng tìm cách cho hắn một nhát dao toi mạng, rồi đem quân đuổi theo vào lấy thành Kỷ Nam, nếu được thế, mình mới có thể sánh với Ngũ Tử Tư đã hạ được Mạch thành…

Tống Mộc như một con quái vật ngoan cố và bướng bỉnh, ngoài thành làm như đất lở trời long, hắn vẫn chẳng hề hỏi han nhòm ngó, y như một con người đã bị tê liệt, chai lì. Điều ấy cũng dễ hiểu thôi, bởi hắn vẫn nghe Tôn Vũ cầm quân như thần, từ khi nhận lệnh đến lúc này, suốt ngày thấp tha thấp thỏm, quyết tâm cố thủ trong thành. Mấy ngày gần đây lại nghe tin Đấu Sào vì ra khỏi thành đi phá “thành lừa”, “thành cối xay” mà mắc phải mưu sâu, để mất Mạch thành, cho nên lại càng không dám lơi lỏng cổng thành một chút nào. Kỳ thực Tống Mộc lúc này đã thực sự vừa điếc vừa đui, không hề hay biết chút gì trước hành động của quân Ngô; một là, ở trong thành sớm đã cắt đứt mối liên hệ với bên ngoài, tin tức bên ngoài thành khó có thể lan vào bên trong được; hai là, tháp canh của thành Kỷ Nam chưa cao bằng

chân núi Hổ Nha, hai nơi lại cách xa nhau hơn mười dặm, có đứng trên mặt thành hắn cũng không thể nhìn thấy bất cứ hành động gì của quân Ngô. Vả lại xưa nay hắn cũng chưa từng nghe nói có ai lấy nước để phá thành bao giờ, nên đã không cân nhắc gì về mặt này. Kỷ Nam thành vốn vững tựa kim thang, nên Tống Mộc cho rằng, chỉ cần giữ vững được thành trì, không ra khỏi thành nửa bước, thì dù Tôn Vũ có tài giỏi bằng trời, cũng chỉ có thể ngắm thành mà thở dài, không làm gì được.

Sau mười ngày, cả hai việc đào sông, đắp đê đều đã ở phần cuối. Một buổi chiều, bỗng đâu cuồng phong nổi dậy, mây đen vần vụ, dần dần cuốn vòm lên, đen kịt từng đám như trôn nồi, xám như tro, đặc sệt như quết mực, mặt đất cuộn lên, cát đá bay ào ào, bốn phía lá bay lả tả, rồi trong nháy mắt mưa trút xuống ào ào, trên mặt đất hạt mưa vỡ thành lớp sương mù trắng xoá. Chẳng bao lâu, nước dâng cao tới hai thước. Trăm sông ngàn suối nước dâng đầy. Có khá nhiều nơi, nước đã dâng ngập bụng. Giữa ngày đông tháng giá, trời lại trút mưa rào ở ngay vùng Giang Nam, cũng là chuyện hiếm thấy, đó há lại chẳng là ý trời? Tôn Tử một mặt lệnh cho quân lính dồn chỗ ở lại, vốn đang nằm thì bây giờ chỉ đủ đứng hoặc ngồi, dành lều bạt ra để che chở cho dân chúng, để người già yếu, bệnh tật và trẻ nhỏ tránh bớt nỗi khổ vì mưa gió. Mặt khác lệnh cho Phu Khái chỉ huy quân lính đội mưa ra đào phá đoạn đê chắn hai đầu sông mới, để nước sông Chương thông sang với Xích Hồ. Đê chắn đã phá đi, nước ao hồ sông suối khắp nơi thuận dòng chảy về sông Chương, rồi từ sông Chương chảy vào Xích Hồ. Tiếng gió, tiếng mưa, tiếng nước réo xen lẫn vào nhau, lúc nhặt lúc khoan, khi bổng khi trầm, như tiếng núi long đất lở, tựa như

ngàn vó ngựa phi. Những con sóng nhô lên như đỉnh núi, gầm thét ở tây nam, gào rú đông bắc, ngập trời ngập đất tràn vào Kỷ Nam…



Tạo thế

Trong chiến tranh, không cần xuất quân đánh mà vẫn nắm được chiến thắng được xem là đỉnh cao trong các nghệ thuật quân sự.

Trong quản trị kinh doanh cũng vậy, phải tích luỹ sức mạnh để tạo ra uy thế của mình. Điều này có nghĩa là một doanh nghiệp muốn thống lĩnh thị trường thì phải tạo ra sự khác biệt mà không thu hút sự chú ý từ các đối thủ cạnh tranh.

Amazon có thể được coi là một ví dụ điển hình trong ngành sách bán lẻ, chiếm phần lớn thị trường và sau đó lan ra các dịch vụ bán lẻ khác. Netflix cũng đã vượt qua Blockbuster sau 10 năm kể từ ngày Blockbuster từ chối mua startup Netflix với giá 50 triệu USD vào năm 2000.

CHƯƠNG XXXI

QUÂN NGÔ VÀO SÍNH ĐÔ
SỞ VƯƠNG RỜI KINH THÀNH

Lại nói trời giúp quân Ngô diệt Sở, giữa ngày đông tháng giá mà bỗng đổ mưa rào như trút, nước mênh mông bờ nọ ngập bờ kia, suốt mấy ngày liền không dứt. Trăm sông ngàn suối trong vùng đều đổ vào sông Chương, đổ tới Xích hồ. Dòng nước lũ cuồn cuộn chảy lồng lộn trôi tới Kỷ Nam, toà thành bỗng như một hòn đảo chông chênh giữa bốn bề sóng nước. Tôn Tử lệnh thả mảng tre bè gỗ xuống sông, thân chinh dẫn đầu nhảy xuống bè. Phu Khái, Đường Thành công cũng nhảy xuống theo, mang theo năm ngàn quân, tiến về hướng thành Kỷ Nam. Những chiếc mảng tre bè gỗ đó, cái nào lớn có thể ngồi được năm sáu mươi người, cái vừa phải cũng được vài chục người, nhỏ nhất ngồi được trên chục người, chiếc nọ nối chiếc kia thành đội, sắp thành hàng, chẳng phải căng buồm, cũng không cần chèo chống, cứ tự nó xuôi dòng mà trôi, đôi lúc chỉ cần dùng sào khẽ đẩy là được. Mảng tre bè gỗ tiến về phía trước, từng đoàn nối nhau, từng hàng xen cạnh nhau, nhấp nhô trên đầu sóng, lao đi như tên bay.

Tống Mộc quả thật là một đụn rạ, như gã bù nhìn không đầu óc, khi nước lũ bắt đầu tràn vào trong thành, hắn vẫn còn nghĩ rằng trời đổ mưa nên sông suối tràn dâng, chờ khi mưa tạnh, nước sẽ tự rút đi. Về sau mưa dần dần nhỏ đi, nhưng mực nước ngược lại mỗi lúc một tăng lên, đến khi lên mặt thành nhìn ra, bất giác há hốc mồm kinh ngạc, khắp mình nổi gai gà, sống lưng toát mồ hôi hột. Bên ngoài thành nước

lũ mênh mang, không bờ không bến, dân chúng có người thì chuyển lên gò cao, người leo lên nóc nhà, người đu lên ngồi trên cành cây và nhiều hơn cả là lênh đênh trên thuyền. Tống Mộc không đi sâu tìm hiểu về nguồn gốc của dòng lũ này, chỉ nghĩ thế nước đang mạnh như thế, cả toà thành sẽ chìm nghỉm, ngay cả chòi cao trên thành, cũng khó mà thoát khỏi. Lúc này đây lương thực chẳng còn, cỏ cho ngựa ăn cũng hết, nếu nước lũ còn lâu mới rút, thì không bị chết chìm, cũng chết đói. Hơn nữa ngồi đây chờ chết, chi bằng hãy về Sính đô, chờ nước rút sẽ quay trở lại. Chẳng may quân Ngô có thừa cơ chiếm mất thành Kỷ Nam, thì cũng chẳng ai trách được mình, ai biết đâu được đã sang ngày đông tháng giá từ lâu mà trời còn giáng mưa rào to như thế? Bụng đã định thế rồi, Tống Mộc lệnh cho đóng ba chiếc thuyền lớn, mang theo gia quyến và những người tâm phúc, xuống thuyền về Sính đô. Tướng sĩ và binh lính thấy chủ tướng dẫn đầu chạy trốn cũng lũ lượt sửa thuyền đóng bè, không có thì đi cướp, không cướp được thì lấy trộm, không lấy trộm được thuyền của công thì lấy thuyền của tư, thế nên cuối cùng chỉ có người dân là thiệt, thuyền bè bị lính Sở cướp sạch.

Thuyền Tống Mộc chạy về Sính đô, cũng đi xuôi dòng, chợt ngoái đầu lại, thấy ở giữa quãng sông rộng mênh mông, có những vật gì đen đen đang vật vờ trôi, lúc đầu hắn còn cho rằng đó là những thứ như kèo cột, cửa nẻo ... từ những căn nhà đổ bị nước cuốn theo, thế nhưng những chấm đen đó mỗi lúc một gần, càng gần càng lớn, toàn là mảng tre bè gỗ, ở trên đó, tướng sĩ quân Ngô ngồi xổm náu mình, trong tay lăm lăm dao thương sáng loá. Đến lúc này, Tống Mộc mới vỡ lẽ ra rằng, thì ra nước lũ ào ào dồn tới đây chính là do

quân Ngô phá đê để làm ngập thành. Quân Ngô đã chiếm được Kỷ Nam, tất sẽ đánh tới Sính đô nên phải làm sao mau mau, báo tin cho Sở vương để lập công chuộc tội. Tống Mộc nghĩ vậy, liền đôn đốc cấp dưới mau chóng bơi thuyền, sợ rằng quân Ngô từ phía sau sẽ đuổi kịp. Người ở trên thành thấy quân Ngô ngồi trên mảng tre bè gỗ lướt tới nên bỗng trở nên lộn xộn, nhất là đám lính Sở không kịp chạy theo, tên nào tên ấy nháo nhác kinh hoàng, chỉ còn cách đợi quân Ngô đến nơi để xin hàng.

Quân Ngô chẳng phải dùng đến một nhát dao nhát thương nào, quân lính không hề phải đổ màu, mà chiếm được thành Kỷ Nam, Tôn Tử lập tức ra lệnh, sắp xếp đám hàng binh, an ủi dân chúng. Đúng lúc đó Ngũ Tử Tư mang theo hai ngàn binh mã đến nơi, còn đưa tới cả trăm xe lương thực, vừa hay có thể cho Tôn Tử dùng để cứu tế dân chúng vùng bị nạn. Sắp đặt xong mọi việc, người không kịp nghỉ, ngựa chẳng dừng chân, để một ít quân tướng ở lại giữ thành Kỷ Nam, Tôn Tử mang theo số người còn lại tiếp tục xuống bè, thuận dòng xuôi hướng đông nam, tới thẳng Sính đô bắt sống Sở Chiêu vương.

Sính đô với Kỷ Nam cách nhau không xa lắm, nhưng địa thế lại hoàn toàn khác nhau. Sính đô là một toà thành trên núi, toạ lạc ở hướng nam, mặt quay về hướng bắc, tức là nam cao bắc thấp, theo một dốc nghiêng, độ dốc lại khá lớn, cổng phía nam thành ở trên một vách núi cheo leo, còn cổng phía bắc lại nhoi ra một phía bờ sông, nước lũ từ tây bắc đổ về, vòng quanh một nửa toà thành, tới đông nam thì đổ vào đầm Vân Mộng. Lại do độ chênh lớn, tốc độ chảy cũng mạnh, nên Sính đô tuyệt nhiên không phải lo bị ngập nước,

vua tôi nước Sở chẳng sợ gì nước lũ hoành hành, chỉ e quân Ngô đến đánh. Nước Sở từ sau khi xác định phương châm trước hết hãy cố đánh, đánh không thắng thì tử thủ, chẳng may không giữ nổi thì mới rút đi... bèn tích cực bố trí giữ thành chống địch, cử Tử Tây giữ cổng thành phía đông, Đấu Tân giữ cửa nam, Thân Bao Tế giữ cửa tây, Vương Tôn Do giữ cửa bắc, củng cố lại tuyến phòng ngự. Đồng thời khen thưởng động viên trai tráng đào hào, đắp luỹ, ở trong thành thì trữ thật nhiều đá hộc, gỗ cây, cung tên, sẵn sàng đón đánh kẻ địch đến xâm phạm. Chiêu vương tuy ngoài miệng nói để mặc cho Tử Tây, Tử Kỳ, Công tử Thân và một vài trọng thần nữa lo chống địch, có việc gì không cần phải bàn bạc với mình, nhưng trên thực tế, chẳng có lúc nào ông ta bỏ rơi quyền lãnh đạo và chỉ huy cuộc chống chọi với kẻ địch, bởi dù sao đi nữa, ông ta vẫn là vua một nước...

Sính vốn là kinh đô của một nước lớn, tồn tại hơn hai trăm năm, lại vào thế hiểm yếu, mức độ kiên cố của nó thì chẳng có một thành trì thông thường nào có thể sánh kịp. Đối với việc ấy, Tôn Tử có sự nhận thức và đánh giá rất đầy đủ, để giảm bớt thương vong, không dám liều lĩnh đánh thành. Mảng tre, bè gỗ chở quân Ngô lần lượt đến chân thành Sính đô, nhưng không dừng lại, cũng không đồn trú, mà thuận đà đi một nửa vòng quanh kinh thành, tới phía đông nam vào vùng đầm Mộng Vân, làm ra vẻ như họ không phải đến đánh quân Sở, chiếm kinh đô, mà chỉ là cuộc thăm thú du lịch. Trước sự việc đó, cả vua tôi nước Sở ai cũng đều thấy lạ lùng khó hiểu.

Ai cũng thừa biết Tôn Vũ dụng binh xuất quỷ nhập thần, cho nên đoán định hẳn ông ta đang giở mưu kế, bày trò quỷ quái

gì đây, nên không ai dám lơ là manh động. Đến ba bốn ngày sau, quân Ngô cũng không có hành động gì tỏ ra muốn đánh thành, cho nên việc theo dõi hành động của họ đến lúc này cũng hầu như vứt bỏ. Cả tháng trời, Sính đô sống trong bầu không khí căng thẳng ngột ngạt, tiền tuyến không ngừng đưa về tin tức đáng buồn, quân Sở thua hết trận này đến trận khác, tướng lĩnh nổi tiếng thì chết trận, tự sát, hoặc bỏ sang bên địch, tướng lĩnh cầm quân chống địch cứ ngày một ít đi, quân lính nào chết, nào đầu hàng lại càng đông không kể xiết, tới hàng vạn tên.

Ngược lại, quân Ngô ngày càng áp sát, lấy Mạch thành, dìm Kỷ Nam trong nước lũ, rồi ào đến Sính đô với khí thế mạnh mẽ như gió lốc, mỗi một thành viên sống trong kinh thành này, trên đến vua tôi quần thần văn võ, dưới đến dân chúng bình thường, thần kinh người nào cũng luôn luôn căng thẳng. Để giữ được kinh đô, ai có việc của người ấy, ai ai cũng đều phải gánh một phần trách nhiệm, lo chức trách của mình, chẳng có ai ngoài cuộc, chẳng ai được thư nhàn, kể cả những người ốm yếu bệnh tất, suốt ngày đêm chẳng ai được xao nhãng. Đến lúc này, quân Ngô tới mà không ở lại, im hơi lặng tiếng, chẳng có biểu hiện gì tỏ ra muốn đánh thành, thần kinh căng thẳng của mọi người làm gì chẳng lơi lỏng, cơ thể vốn mỏi mệt làm gì chẳng mong muốn có những lúc nghỉ ngơi, bởi mọi người ai cũng là da là thịt, đâu có phải một cỗ máy vô tình bằng thép bằng gang…

Quân Ngô không phải đến để rồi về không, họ cho bè mảng xuôi đến đầm Vân Mộng, dừng lại ở đấy ít lâu rồi mặc quần áo ngư dân hay nông phu, ngược lên phía thượng nguồn, vòng tới phía nam thành Sính đô rồi đóng lại đấy, ngấm

ngầm bố phòng, tạo nên thế bao vây chặt Sính đô. Hoạt động ở bên ngoài Sính đô lúc này toàn là dân chúng nước Sở, người thì đánh cá, người thì làm ruộng, vua tôi nước Sở ở trong thành thì cớ đinh ninh quân Ngô đã im hơi lặng tiếng, mất tăm mất tích rồi, nên càng lơ là cảnh giác, xao nhãng việc đề phòng.

Quân Ngô đã vây chặt Sính đô, chờ quân Sở hết lương ăn thì tự nhiên sẽ tan, nếu quân Sở mở thành để bổ sung lương thực, quân Ngô sẽ thừa dịp đánh thành. Một hôm, Ngô vương và Tôn Tử thân chinh đi thị sát tình hình. Hạp Lư tận mắt thấy Sính đô đã bị quân Ngô bao vây chặt, vui mừng khen ngợi Tôn Tử:

– Quân Ngô xuất chinh chuyến này, từ lúc bắt đầu giao chiến đến giờ, liên tiếp đánh thắng Nang Ngoã, cha con Vĩ Xạ, rồi Thẩm Doãn Tuất, Đấu Sào và Tống Mộc… tất cả tới hàng chục tướng, đánh đâu thắng đấy với một giá nhỏ nhất để đổi lấy những thắng lợi lớn lao. Hiện nay, Sính đô đang nằm trong vòng vây lớn, quân ta đang nắm thắng lợi trong tầm tay, chẳng bao lâu nữa, niềm ao nước của quả nhân sẽ được toại nguyện, đó đều là công lớn của nguyên soái, đã bao ngày suy nghĩ ra mưu sâu, tính toán khéo léo, trù liệu mọi đường, mới có được!

Tôn Tử xưa nay không biết nói hay cho ai, ca ngợi ai trước mặt mọi người, cũng chẳng thích nghe những lời phỉnh phờ của người khác, cho nên mặt đỏ bừng, cảm thấy băn khoăn lúng túng và nói:

– Hợp sức với vương thất, để trù tính bài binh bố trận, đâu dám nói đến công lao, đó chẳng qua là trời giúp cho Ngô vương được thiên hạ mà thôi! Cũng may nhờ các tướng dũng cảm thiện chiến, lại tận trung với Ngô vương, thắng lợi đâu phải chỉ một mình thần mà có thể làm được ạ!

Hạp Lư rất hài lòng, mỉm cười nói:

– Những gì quả nhân nói ra, đều là thực lòng mình, nguyên soái khỏi phải khiêm nhường như thế. Có điều, theo như ý của quả nhân, chiến tuyến rồi sẽ mỗi ngày mỗi dài, không nên để mất thời gian, cố làm sao đánh nhanh thắng nhanh được thì tốt…

Ngũ Tử Tư cùng tháp tùng đi thị sát cũng nói xen vào:

– Chúa công nói thế rất phải, thời gian kéo dài quá, e rằng những nước đồng minh của Sở sẽ mang quân đến cứu viện, nếu như thế thật, thì tất cả công lao của chúng ta trước đây sẽ thành công toi, cho nên mong nguyên soái hãy mau mau định đoạt.

Tôn Tử giải thích:

– Sao tôi lại chẳng muốn đánh nhanh thắng nhanh kia chứ? Chỉ có điều chưa nắm được những điều bí mật quân sự của nước Sở, liều lĩnh đánh thành, tất sẽ thương vong nhiều, thế nên phải tạm kiên tâm chờ đợi.

Ngũ Tử Tư hỏi có ý thăm dò:

– Phải chăng nguyên soái đang cho người đi do thám tình hình quân Sở?

Tôn Tử đáp:

– Đúng như lời Ngũ tướng quân đã nói, tôi đã sai ba người giả dạng lái buôn, trà trộn vào trong thành, một vài hôm nữa là có thể biết được những điều cơ mật của quân Sở, đến lúc ấy mới có thể định đoạt.

Những điều Tôn Tử nói ra, Ngũ Tử Tư hoàn toàn tin tưởng không hề nghi ngờ gì. Kỳ thực, trong thành vẫn có một người là Tử Tất, ba người "lái buôn" vào thành, ắt hẳn sẽ biết được những bí mật quân sự thực tế của quân Sở. Có điều, để thoát khỏi sự can hệ, ngay từ trước khi quân Ngô qua sông Thanh Phát, Tử Tất đã đem theo gia quyến rời Sính đô, đến Tỷ Quy, non xanh nước biếc để dưỡng bệnh, trước lúc ra đi, đã có sự sắp xếp rất tỉ mỉ với những gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Sau đó một hôm "lái buôn" quay trở lại, mật đàm với Tôn Tử. Nghe xong tin báo, Tôn Tử mừng như mở cờ trong bụng, mặt mày hớn hở, những muốn nhảy múa hò reo lên cho hả, nhưng ông cần phải kìm nén mình, giấu nỗi vui mừng xúc động vào tận đáy lòng, không để lộ ra nét mặt, thản nhiên đi sắp đặt mọi việc, như một người đánh cờ trong lòng đã nắm vững mọi điều nên đặt chắc mỗi một quân cờ, tin tưởng điều động tướng sĩ.

Thấy quân Ngô đã thực sự đi xa, "thiên hạ thái bình" rồi, vua tôi nước Sở nhân dịp đó cho người ra ngoài thành chuyên

chở lúa gạo, để đề phòng Tôn Vũ gian ngoan đủ vẻ, bất ngờ đem quân đánh tới, lấy lợi thế mà cố thủ. Cùng với số thuyền bè qua lại tăng lên, lương thảo trong thành cũng đầy đủ lên nhanh chóng, binh lính của quân Ngô lại từng đợt từng đợt giảm đi.

Ba ngày như thế qua đi, đến ngày thứ tư, sau bữa ăn trưa, Tôn Tử đã cho triệu tập hội nghị tướng lĩnh toàn quân, nói:

– Giờ Tý đêm nay, quân ta sẽ đánh vào bốn cổng thành, Ngũ Tử Tư đánh cửa nam, Phu Khái đánh cửa đông, Bá Bỉ đánh cửa tây, hai vua Đường Thái đánh cửa bắc, Công tử Sơn hộ giá Ngô vương. Đánh Sở vào Sính đô, chính là trận này đây, bởi thế các vị tướng lĩnh chớ nên coi thường trận đánh này. Ngoài những điều thường nói mọi ngày, thấy cần nhấn mạnh mấy điểm sau đây…

Các tướng chăm chú lắng nghe, Tôn Tử tiếp tục nói:

– Mục tiêu công kích của quân ta là cửa nam, tuy nhiên, muốn phá được cửa nam, ắt phải phân tán binh lực của quân Sở, đừng để chúng tập trung ở cửa nam. Để đạt mục đích đó, các cửa đông, tây, bắc chẳng những phải tiến công, mà còn phải tiến công sớm hơn hướng cửa nam chừng một canh giờ, khiến cho quân Sở phải điều quân ở cửa nam đi tăng viện cho ba cửa khác, làm cho cửa nam trống rỗng…

Nghe Tôn Tử phân tích chiến lược phân tán quân địch, các tướng lĩnh đều cảm thấy vô cùng kính phục. Tôn Tử giải thích thêm:

– Sở dĩ quân ta định đánh vào cửa nam, phá cửa nam vào thành, vì cửa thành này địa thế hiểm yếu, quân Sở ỷ vào đó mà phòng bị yếu hơn, tướng giữ thành Đấu Tân lại là tên hữu dũng vô mưu, không thạo đường ứng biến, quân ta ắt hẳn sẽ ít thương vong. Nếu các cánh quân đánh ở cửa thành khác, có thể đánh vào mà thương vong ít, đương nhiên là càng hay, song chớ vì nôn nóng lập công, mà gượng ép cố đánh, để đến nỗi thương vong nặng nề, như thế sẽ ảnh hưởng đến toàn cục.

Cái giá bỏ ra ít nhất, đổi lấy thắng lợi lớn nhất, đó là cốt lõi tư tưởng quân sự của Tôn Tử, ông nhấp một hớp nước, im lặng một chút, nói tiếp:

– Đây là trận đánh quan hệ rất lớn đến sống còn, bởi thế quân địch sẽ chống trả quyết liệt, quân ta không được lơ là chút nào, lại càng không thể coi thường địch. Quân ta tấn công càng mạnh, quân địch ắt hẳn sẽ tăng cường chống trả, ở đây tôi trịnh trọng tuyên bố: Hễ kẻ nào lâm trận bỏ trốn hoặc lui lại phía sau, nhất định sẽ chém đầu không tha! Hễ ai dẫn đầu xông lên cửa thành Sính đô trước, sẽ được trọng thưởng bạc vàng châu báu và quan tước! Các vị cần biết rằng, mục đích cuối cùng của trận đánh này là làm sao bắt sống được Sở vương, cho nên ai bắt sống được Sở vương dâng lên, người ấy sẽ được trọng thưởng và ghi công đầu, thưởng cho quan cao tước trọng. Các tướng đã biết trận đánh thần thánh và quan hệ đến sự mất còn của quân ta, bởi vậy xin hãy dốc lòng, hợp lực lại bầy tỏ lòng trung, cùng ủng hộ Ngô vương!

Lời Tôn Tử nói ra khảng khái hào hùng, mỗi chữ nặng ngàn cân, các tướng lĩnh nghe xong không ai không thấy trong lòng hăng hái, nguyện thề quyết chiến để chiếm cho được Sính đô.

Cuộc động viên nhắc nhở đã kết thúc, Tôn Tử nói với các tướng, quân ta đã có một bộ phận binh lính trà trộn vào trong thành, họ đều trang bị như quân Sở chỉ khác có một điểm là ở cánh tay trái có thắt một chiếc băng trắng, nên chớ có giết lầm.

Cuộc họp kết thúc, các tướng ai về doanh trại người ấy để làm công việc chuẩn bị, chỉ còn chờ đến giờ Tý, sẽ nhất loạt bật dậy tiến công, quyết chiến một phen.

Giờ Tý đã đến, ba cửa thành đông, tây, bắc lần lượt tấn công, làm cho vua tôi nước Sở loay hoay chống đỡ không biết trở tay ra sao. Đây là điều mà họ không hề lường tới. Mấy ngày nay, từ trong thành cho đến ngoại thành đâu đâu cũng tràn ngập bầu không khí thanh bình; ngoại thành nhà nông thì cày ruộng, ngư dân thì lên thuyền đi đánh bắt, đi lại tự do, không ai ngăn cản, không hề bị cô thúc.

Trong thành, quán xá rộng mở, mua bán rộn ràng, dân chúng lũ lượt đi trên phố lớn ngõ nhỏ, kẻ mua người bán rộn rã trên đường. Cũng chính vì thế, Tử Tây mới dám hạ lệnh mở cổng thành ra để chở lương thực, lúc đầu còn thăm dò nghe ngóng, về sau mạnh dạn hơn, cuối cùng thì nghênh ngang đàng hoàng chuyên chở ba ngày liền, thế nhưng không hề gặp một bóng quân Ngô nào, lại càng chẳng gặp việc gì phiền phức, người trong thành từ trên xuống dưới

đều trút một tiếng thở dài khoan khoái, bắt đầu yên tâm ngủ ngon lành.

Bây giờ tại sao quân Ngô lại có thể bất ngờ tiến công vào thành được? Vậy những ngày vừa qua, họ ẩn nấp ở đâu, lúc này họ từ đâu tới? Chẳng lẽ họ là thiên binh thiên tướng từ trên trời giáng xuống hay sao? Hay là âm binh ma quỷ từ âm ti địa ngục đội đất mà lên? Tuy lúc này, bốn cửa thành Sính đô đều có quân đóng giữ, nhưng đều đang ở trạng thái lơi là lỏng lẻo, không giống như trước đây, người nào người nấy để nguyên quần áo ngoài, ôm giáo cắp thương mà ngủ gà ngủ gật, mỗi khi đến đêm thì phần lớn ngủ say, chỉ có một ít là vào ra canh gác mà thôi. Quân Ngô bất ngờ đánh thành, là đánh vào nơi đối phương không phòng bị, tướng sĩ quân Sở giữ thành lúc này cứ luống cuống chân tay, cả kinh thành chốc lát bỗng nháo nhào rồi bùng lên như một mớ bòng bong, một nồi canh hẹ.

Họ không nghĩ đến hay không kịp nghĩ đến chuyện đi nắm tình hình địch, thế nên lúc nghe báo quân Ngô đánh cửa đông, thì chỉ huy quân cửa bắc đến để cứu viện; một lúc nữa lại có tin báo cửa bắc nguy ngập, liền huy động quân lính ở cửa nam tới ứng cứu... Cứ như thế, lúc thì bên đông, lúc bên tây, khi lại ở bên bắc, các cửa thành gọi nhau, binh lính trên đường phải liên tục chuyển theo các hướng, ào ào như nước vỡ bờ, nháo nhác loạn xạ như ruồi mất mắt, vội vã sang cửa đông, lại hớt hải về cửa bắc, phía cửa nam tự nhiên trở nên trống hoách.

Quân Ngô đánh vào thành, thế như hổ đói vồ mồi, như giao long vờn sóng biển, như lửa khói lan tràn, quân lính đánh

vào ba cổng thành, định lần lượt leo lên mặt thành, thế nhưng ở trên nào là đá hộc nào là gỗ tròn, rồi vòng lửa … lao xuống như mưa như bão, quân Ngô ào lên mấy đợt nhưng không lên nổi mặt thành. Ở trong thành tuy đã có quân Ngô ém sẵn, lúc này cũng đang trà trộn vào trong đám quân Sở, chạy lung tung đến các cửa thành. Quân Sở liên tục điều động binh lính hết chỗ này đến chỗ khác, lại càng tạo điều kiện dễ dàng cho họ giấu mình, nhưng bởi số người ít, tung ra mỗi nơi chỉ thấy lèo tèo thưa thốt, trước những cặp mắt nhòm ngó của địch thủ, họ chưa có cơ hộ nào để lợi dụng, chỉ lớn tiếng kêu la: "Quân Ngô phá thành rồi! Mau chạy đi thôi!". Không ít người vì thế mà bị khép vào tội làm "rối loạn quân tâm", chém đầu ngay tại chỗ.

Nước Sở không hổ thẹn là nước lớn số một ở đông nam, là nước dám dàn mặt, tranh giành thiên hạ với nước Tề nước Tấn, lại vốn có nhiều cách để giữ thành chặn địch. Chẳng hạn những vòng lửa lăn lông lốc như bay kia, là một thứ cực kỳ ghê gớm, một vòng tròn trống rỗng, bên trong đổ đầy mỡ cá, trên mặt vòng tròn có đục lỗ, sau khi thắp cháy, lăn xuống chân thành, càng lăn nhanh, lửa càng cháy càng nồng, do quán tính khi lao xuống rất lớn, dầu trong đó văng ra càng mạnh càng xa, nơi dầu chảy tới, không chỗ nào là không bén lửa cháy theo. Vòng lửa thiêu cháy đến một lúc nào đó, do nhiệt độ bên trong nâng cao, nó sẽ bùng nổ, và sau khi nổ, mỡ cá bắn tứ tung, lửa lại bốc thêm lên rừng rực. Lại còn cầu lửa, ghê gớm hơn, tương tự như vòng lửa, chỉ khác là thể tích lớn, chứa dầu nhiều, tám mặt đều là lỗ nên sức sát thương càng mạnh, một khi nó nổ lên, uy lực chẳng kém gì một trái bom ngày nay. Rùng rợn nhất là từ trên mặt thành, dùng những thứ có dầu như mỡ cá … dội xuống chân

thành rồi ném theo mồi lửa, dưới chân thành bỗng chốc trở thành biển lửa, những tên lính nào chẳng may bị những thứ dầu mỡ đó dính lên mình, phần lớn là bị chết bỏng... vì thế việc công thành hết sức khó khăn...

Tôn Tử thân chinh ra tuyến trước, đến tận các cổng thành để chỉ huy, dặn đi dặn lại mọi người: "Đừng cố ý leo lên thành, nếu không thương vong ắt hẳn nặng nề."

Tôn Tử đã căn dặn tướng lĩnh các bí quyết để phá thành, sau đó sang ngay cổng thành phía nam, chuẩn bị ra hiệu lệnh.

Tướng lĩnh quân Ngô, ngoài các bậc danh tướng như Ngũ Tử Tư, Bá Bỉ, Phu Khái, Chuyên Nghị, Bị Ly, Công tử Sơn ... những người thuộc hạng anh dũng thiện chiến cũng không phải là ít. Tuy nhiên, tính cách tướng lĩnh mỗi người mỗi khác, cách đánh cũng chẳng giống nhau, có người thì thạo cả công cả thủ, ngược lại có người giỏi thủ mà không giỏi công, lại có người giỏi công mà không giỏi thủ, có người thạo đánh kỳ binh nơi rừng núi; có người thành thạo chiến đấu ở đồng bằng, có người văn thao võ lược biết dùng mưu kế, có người lại giỏi đánh bằng ngoại giao, có người sành sỏi trong cách dùng gián điệp.

Tôn Tử dùng tướng, quý ở chỗ biết người mà giao việc, tuỳ tài mà dùng, sở dĩ ông để Ngũ Tử Tư đánh cửa nam, bởi thấy con người này gan dạ nhưng tỉ mỉ, lại bình tĩnh chắc chắn, phản ứng mau lẹ, công thủ đều hay; hơn nữa trong lòng lúc nào cũng rừng rực cháy ngọn lửa báo thù nước, rửa hận nhà. Mấu chốt đánh vào cửa nam là từ giữa sông phải leo lên một vách đứng cao hơn ba mươi trượng, ở đây thế núi hiểm yếu,

đá nhô lên như mũi kiếm, tai mèo nhấp nhô, phảng phất như hàng đàn mãnh thú luôn giơ nanh múa vuốt, dưới bóng đêm trông càng rùng rợn. Khi Tôn Tử đến nơi, thuyền bè đã bày thành trận thế dưới chân núi, Ngũ Tử Tư đã cho các tướng sĩ chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng leo núi, chỉ còn chờ Tôn Tử ra lệnh, các tướng sĩ sẽ nhẹ nhàng như vượn bám vào sườn núi leo lên. Tôn Tử xem xét kỹ lại một lượt, ngửa cổ lên không nhìn thấy đỉnh núi, chiếc thuyền nhỏ dưới chân vách núi tròng trành, sóng đập vào vách núi, phát ra những tiếng gầm rợn người, hoà lẫn vào tiếng một con chim đêm nào đó, gieo trong không gian những tiếng não nề, khiến người nghe rùng mình kinh hãi.

Tôn Tử hết sức hài lòng trước công việc chuẩn bị leo núi của các tướng sĩ, lại càng tỏ ra kính phục trước sĩ khí hăng hái của mọi người, ông vắn tắt giới thiệu tình hình chiến sự ở ba cửa thành khác để nói rõ niềm hy vọng đánh vào Sính đô lúc này hoàn toàn trông vào mũi công kích ở cửa nam. Lời lẽ Tôn Tử gọn gàng, trong sáng, nói xong, ông quay sang phía Ngũ Tử Tư gật đầu, ra ý có thể bắt đầu leo núi. Ngũ Tử Tư đã chọn sẵn ra một trăm tinh binh, lập ra đội cảm tử, ông nói với các đội viên đội cảm tử:

– Chuyến này đánh thành, ta đi tiên phong, các ngươi mặc giáp mãng nhẹ nhàng, cùng với ta leo lên vách núi cao. Leo gần đến nơi, thế nào quân địch cũng lăn đá lao cây, tung vòng lửa … cho nên chúng ta phải ép sát vào sườn núi như con thạch sùng bám chặt trên tường, như thế mới tránh được những vật kẻ địch trên mỏm núi ném xuống. Chỉ cần chúng ta leo được lên vách núi, việc phá cửa nam của kinh thành sẽ không còn vấn đề gì nữa.

Đội viên cảm tử không ai bảo ai, đồng thanh đáp:

– Chúng tôi xin tận trung với Ngô vương, thề sẽ cùng tiến thoái với Ngũ tướng quân!

Với giọng đầy bi tráng, Ngũ Tử Tư nói tiếp:

– Đêm nay, bằng bất cứ giá nào, nhất định chúng ta phải leo lên đỉnh vách núi cho kỳ được, để hạ được cửa nam thành! Tận trung với vương thất hay không, là ở trận này, mong mọi người hãy giữ vững quyết tâm dám chết, nối nhau mà lên, không lên đến đích, nhất định không chịu thôi!

Khí thế bi tráng coi cái chết nhẹ tênh của Ngũ Tử Tư đã thấm sâu vào lòng mỗi đội viên cảm tử. Mọi người đều thấy máu nóng trong người như sục sôi, lệ ứa hai hàng, xúc động hiên ngang đồng thanh hô lớn: "Leo lên vách núi, hạ cửa nam thành, không đạt mục tiêu, thề không lùi bước!"

Ngũ Tử Tư từ biệt các cấp dưới của mình, dẫn đội cảm tử leo lên vách núi.

Tướng sĩ đánh ở ba cửa thành khác đã gây thanh thế rất mạnh mẽ, nào là dóng trống ra oai, phất cờ hò hét, đội viên cảm tử do Ngũ Tử Tư dẫn đầu thì lại dán mình ẩn náu, cố gắng im hơi lặng tiếng. Mặc dù vậy, tướng giữ thành ở trên các vách núi đã phát hiện thấy dưới vách núi có quân Ngô đang leo lên, đoán được ý đồ của họ, thế là hạ lệnh một tiếng, đá hộc, gỗ cây, vòng lửa tới tấp lao xuống, các đội viên cảm tử quân Ngô đằng thì chết, đằng thì bị thương, đằng thì

rơi xuống sông bị nước cuốn đi. Cuộc chiến kịch liệt, tình trạng thảm thương, ai thấy cũng phải rùng mình ghê sợ. Thế nhưng các đội viên cảm tử không vì thế mà do dự chần chừ hay lui bước, họ vẫn liều chết leo lên. Leo mãi leo mãi, chợt Ngũ Tử Tư chẳng may bị gỗ cây đập phải, bị thương, đầu gối, khuỷu tay đều sứt sát, máu me bê bết, nhưng ông không hề để tâm, vẫn tiếp tục trèo và động viên mọi người:

– Anh em hãy cố lên! Thắng lợi đến nơi rồi! Gắng lên một chút nữa đi!

Không biết leo như thế bao lâu, leo cao đến đâu, cũng chẳng biết còn cách đỉnh gần hay xa, bỗng thấy trên vách núi vang dội tiếng hô, rồi tiếng binh khí chạm nhau inh tai, rõ ràng trên đó đang xảy ra kịch chiến, không ngừng thấy có binh lính rơi xuống chân vách núi, ngã xuống sông. Trên đỉnh vách núi đang xảy ra kịch chiến, không còn đá hộc, gỗ cây ném xuống nữa, tốc độ leo lên của các đội viên cảm tử không biết tăng lên gấp mấy lần. Một lát sau, cuộc kịch chiến ở phía trên dừng lại, theo tiếng hô, hàng chục sợi dây thừng từ trên bờ ròng xuống. Có nhiều tiếng hô nối nhau:

– Ngũ tướng quân! Bảo anh em bám lấy sợi dây này mà lên…

Ngũ Tử Tử nghe rõ rành rành, đó là tiếng của Đảm Bao Thiên. Thì ra quân Ngô trà trộn vào trong thành, dưới sự chỉ huy của Đảm Bao Thiên đã tới cửa nam, đánh lui bọn địch giữ thành, giúp đội cảm tử do Ngũ Tử Tư dẫn đầu mau chóng leo lên đỉnh vách đá cao bên ngoài cửa nam. Điểm lại quân số, chết và bị thương quá nửa, tổn thất quá nặng nề!

Hai cánh quân hợp lại làm một, như mãnh thú xổ lồng, đá lăn dốc núi, thế mạnh không gì cản nổi. Đấu Tân tuy đóng chặt cửa thành, nhưng quân Ngô như một con sóng dữ, như bão táp ào lên với thế mạnh dời non lấp biển. Việc phòng bị ở cửa nam thành vốn đã sơ sài, hơn nữa từ lúc bắt đầu khai chiến đến giờ mấy lần điều động tướng sĩ, đi tăng viện cho ba cửa khác, đến lúc này lực lượng càng khó chống cự nổi địch. Dưới thế tấn công như sấm giội trên đầu của quân Ngô, cửa thành lập tức mở toang, Đấu Tân chạy trốn, lính tráng giật mình kinh hãi cũng bỏ chạy tán loạn khắp nơi. Cửa nam đã bị phá, ba cửa còn lại đương nhiên chẳng cần phải đánh rồi cũng tự mở ra. Quân Ngô ào vào như nước vỡ bờ, chiếm lĩnh Sính đô.

Khi cửa nam thành vừa bị phá, Sở Chiêu vương thảm hại lếch thếch lủi vào hậu cung, bẩm báo để thái hậu Bá Doanh biết rõ tình hình:

– Quân Ngô đã phá được cửa nam thành, xin mẫu hậu hãy cùng con tạm đến một nơi khác lánh nạn.

Bá Doanh thái hậu rưng rưng nước mắt trầm tĩnh nói:

– Người xưa đã dạy rành rành, làm phận đàn bà con gái, tiễn khách không ra khỏi cửa, thăm thân không đi quá trăm dặm. Ngày nay ta là mẹ của muôn dân, sao có thể vứt bỏ tông miếu lăng tẩm của tiên vương mà chạy trốn? Con đừng nên lấn cấn vì mẹ, hãy lo cùng các trọng thần trốn trước đi, nuôi quân luyện võ, để chờ một mai. Trách nhiệm rất nặng nề, mong con hãy tự giữ mình.

Sở vương quỳ mãi dưới đất, nức nở khóc không thành tiếng:

– Để mẫu hậu rơi vào tay địch, con làm sao có thể yên lòng, xin mẫu hậu hãy cùng đi với con.

Đột nhiên, ánh mắt của thái hậu bỗng trở nên lạnh lùng và nghiêm khắc, giận dữ nhìn thẳng vào Chiêu vương dằn từng tiếng một:

– Con là vua một nước, sao có thể bị tình thân níu chân, hãy lấy quốc gia làm trọng, hãy lo trước đến muôn dân. Hy vọng mai sau của nước Sở hoàn toàn gửi gắm vào một mình con. Đi đi… Con hãy trốn ra nước ngoài trước, để mưu cầu việc hưng bang phục quốc, để rửa mối nhục mất nước, đó mới là cách tốt nhất để con báo đáp công ơn cho mẹ.

Không còn cách nào, Chiêu vương đành gạt lệ từ biệt mẹ. Chiêu vương vừa định lui ra, thái hậu Bá Doanh liền gọi giật lại, buồn rầu nói:

– Công chúa Quý Hoa, tuổi thơ sức yếu, thật là đáng thương, con hãy mang nó cùng đi và nhất định phải quan tâm săn sóc nó!

– Mẫu hậu! – Chiêu vương nhào ra phía trước, mẹ con ôm lấy nhau, đau buồn khôn xiết, nghẹn ngào nói chẳng nên lời, nước mắt như mưa, sinh ly tử biệt, thật là quyến luyến không rời…

Đột nhiên tả doãn Tử Tây chạy bổ vào cửa cung, giục Chiêu vương và Quý Hoa công chúa hãy mau mau lên xe, chậm trễ e rằng không kịp. Còn chưa nói hết câu, bỗng lại có nội thị vào báo quân Ngô đã đánh tới hoàng cung, e rằng khó mà chạy thoát.

Mẹ con Chiêu vương nghe nói vậy, đứng ngây ra như phỗng, mãi sau, như một người điên dại, Chiêu vương gào lên:

– Trời hại ta rồi… – Ngay sau đó ngã ra, bất tỉnh nhân sự.

Tử Tây một mặt sai người đi gọi thái y đến cấp cứu Chiêu vương, mặt khác lệnh cho Châm Doãn Cố đưa đàn voi vẫn nuôi ở trong cung ra, lấy mỡ cá quét vào đuôi rồi châm lửa đốt, lùa chúng chạy sang phía quân Ngô. Cũng trong nháy mắt cửa cung vua Sở mở toang, hàng trăm thớt voi bị lửa đốt đuôi nhất loạt xông vào quân Ngô, uy lực của nó xem ra còn hơn cả "xe lửa" của Ngũ Tử Tư. Những con voi lại cứ nhè chỗ người đông mà chạy tới, xông xáo dọc ngang, giày cho đám quân Ngô tan tác tơi bời, chết và bị thương vô số, đàn voi lửa đi đến đâu, ở đó bốc cháy đùng đùng, bỗng chốc trong kinh thành Sính đô ngập trong biển lửa. Đương nhiên như vậy quân Sở và dân chúng bị lửa thiêu chết cũng không phải ít. Sở Chiêu vương nhân lúc hỗn loạn, cùng một số quan văn võ đi theo lối cửa sau hoàng cung, trốn ra ngoài Sính đô. Hôm ấy là ngày hai mươi chín tháng mười một Hạ Lịch, năm Ngô vương Hạp Lư thứ chín, tức là 506 trước công nguyên.

Văn võ triều đình nước Sở hộ giá Chiêu vương ra khỏi Sính đô, trước hết chạy theo hướng tây, sau đó vòng vèo vượt

sông Hán Thuỷ đi theo hướng đông đến Vân Thành kinh đô của một nước phụ thuộc. Trên dọc đường, Chiêu vương hồi tưởng lại những ngày huy hoàng hiển hách trước đây và nỗi long đong hoạn nạn ngày nay, chẳng những nước mắt nước mũi đầm đìa, tiền đồ mờ mịt, lành dữ chưa biết ra sao, thật không còn biết nên làm thế nào cho phải. Vùng đất này, bốn phía là ao hồ cống rãnh, vốn gọi là đầm Vân Mộng, thưa thớt bóng người, đường sá lầy lội, đi lại hết sức vất vả. Để đi nhanh về phía trước, họ buộc phải luôn thay đổi lúc đi bộ, lúc chèo thuyền, hết sức phiền phức.

Sở Chiêu vương với tấm thân vốn luôn sống trong sung sướng, làm sao chịu đựng nổi sự giày vò nghiệt ngã thế này, hơn nữa đằng sau có quân truy kích, phía trước mờ mịt mông lung, quả thật là đau khổ không thiết sống… Có một đêm, đoàn thuyền cắm lại giữa một bờ lau lách, đang định nghỉ đêm lại đó. Qua một ngày bươn chải, Chiêu vương thấy vô cùng mệt mỏi, ăn qua loa cho xong cơm tối, đang định đi ngủ, bỗng từ trong rừng rậm có hàng chục bóng người nhảy ra, người nào cũng lăm lăm đao thương trên tay, xông xuống thuyền của Chiêu vương, một người trong đó đã cầm thương lao tới. Đại tướng Tôn Do đứng bên vội vàng tung chân lên đá phăng mũi thương sang một bên, dằn giọng mắng rằng:

– Bọn cướp này! Chúng bay thật có mắt như mù, lại dám cả gan chặn đường cả Chiêu vương là vua nước Sở lớn mạnh…

– Ha! Ha! – Bọn cướp cảm thấy nực cười – Chiêu vương với chẳng ấm vương cái quái gì? Từ Sở Bình vương đến Phí Vô Cực, từ Phí Vô Cực cho tới Nang Ngoã, có đứa quái nào là

không tham bạc hám vàng? Chẳng lẽ chỉ những kẻ làm vua làm quan các người mới được giành giật cướp bóc, hút xương hút tuỷ, không để cho dân đen cực khổ chúng tao kiếm bát cơm ăn? – Nói xong, lại giơ thương lên đâm tới. Tôn Do lấy thân mình hộ giá, bị đâm trọng thương mà chết. May mắn làm sao, đại tướng Ngô Sào kịp thời chạy tới, đánh nhau với bọn cướp, sau hộ giá cho Chiêu vương dời thuyền lên bờ, ẩn trong cỏ rậm, thoát chết. Chiêu vương thế là được sống sót, nhưng thuyền bè và bạc vàng châu báu trên thuyền, đều lọt hết vào tay bọn cướp. Nhưng đó toàn là những thứ ngoài xác thịt, đã đến nước này, cũng chẳng hơi sức đâu mà nghĩ đến, đúng như người ta thường nói, thôi thì "còn người là còn của".

Bọn cướp thu đầy túi bỏ đi. Vua tôi nước Sở tả tơi thảm hại, co cụm lại với nhau, ngủ một đêm ở bờ lau, sáng sớm hôm sau lại lên đường, nhưng lúc này không ngồi thuyền mà cũng chẳng có cách nào đi xe, chỉ còn cách cưỡi ngựa mà thôi. Đang đi, Chiêu vương bỗng dừng cương, nhảy xuống khỏi mình ngựa, nét mặt đau khổ thốt kêu lên:

– Trời ơi! Chết rồi! Công chúa Quý Hoa vẫn còn ở trên thuyền! Làm thế nào bây giờ?

Thuyền đã bị bọn người kia cướp đi, cho dù có quay lại tìm e rằng cũng chẳng ích gì, công chúa Quý Hoa là người con gái được thái hậu Bá Doanh sủng ái nhất, Chiêu vương cũng yêu mến nàng, nâng niu như ngọc quý trên tay, trước khi rời khỏi hoàng cung, thái hậu đã dặn dò rất kỹ, bây giờ để mất nàng, Chiêu vương làm sao có thể yên lòng! Thừa biết lúc này có cất công đi tìm, cũng chẳng có kết quả gì, Chiêu

vương vẫn nhìn các quan văn võ quanh mình với ánh mắt van lơn, nói với giọng vô cùng thiểu não:

– Liệu có vị ái khanh nào nguyện đi cứu công chúa Quý Hoa hay không?

Hạ đại phu Chung Kiến không nỡ nhìn Chiêu vương dạ như lửa đốt, thế là lên trước quỳ xuống xin rằng:

– Thần nguyện xin đi cứu công chúa Quý Hoa.

Sở vương nghe nói thế, vẻ mặt bỗng vui hẳn lên, vội nói:

– Nếu ái khanh cứu được công chúa Quý Hoa, thì ân tình đó, quả nhân suốt đời không quên.

Tuy rằng như vậy, nhưng trời đất mênh mông, muốn cứu được công chúa Quý Hoa, gần như là chuyện hoang đường. Bản thân Chung Kiến, cũng chỉ là xử sự theo tình cảm trong chốc lát, vì đã trót nói ra mồm, lại không nỡ thấy Chiêu vương khổ sở như thế, nên mới quyết liều mình một phen, để thử vận may. Hắn thầm nghĩ, giữa lúc trong thuyền lộn xộn, có thể công chúa Quý Hoa đã trốn thoát lên bờ, cũng chưa biết chừng, huống chi công chúa là người lanh lợi thông minh, rất có thể đã trốn thoát rồi thật. Hắn đang coi những điều giả tưởng ấy là thực, bỗng thấy yên lòng, hắn quay lại bãi lau, đưa hai tay lên miệng làm loa, quay ra phía bãi loa gọi lớn:

– Công chúa ơi! Công chúa Quý Hoa ơi! Công chúa ở đâu?

Hành động của Chung Kiến, xem ra có vẻ nực cười, tuy nhiên trên đời lại hay có điều kỳ quặc, chuyện lạ đời lại xảy ra ngay lúc này.

Chung Kiến vào giữa bãi lau, chạy đi chạy lại giữa những lùm cỏ khô um tùm, luôn mồm kêu gọi. Bỗng nhiên hắn phát hiện cách đó không xa có một bóng đen đang xê dịch, trong lòng bỗng nảy ra niềm hy vọng, chạy như điên dại về phía cái bóng đen, vừa lấy hết sức ra mà gọi:

– Công chúa Quý Hoa! Rốt cuộc là người đang ở đâu, đại vương đang nóng lòng như lửa đốt, hãy mau ra đây.

Trong đám cỏ, màn sương bạc còn dăng kín vang ra tiếng khóc nghẹn ngào nhưng mềm yếu của một người con gái. Tiếng đáp lại vang lên yếu ớt:

– Công chúa Quý Hoa đang ở đây này! Người là ai thế?

Nghe thấy tiếng kêu, Chung Kiến mừng như mở cờ trong bụng, tựa hồ như phía trước đang cháy lên ngọn lửa đùng đùng, rực đỏ cả một góc trời, hắn loạng choạng bước thấp bước cao chạy tới nơi có ánh lửa. Quả nhiên là công chú Quý Hoa. Thấy nàng bùn đất bám đầy mình, toàn thân co dúm lại, run bần bật, Chung Kiến nhào lên trước, kéo công chúa ra khỏi vũng bùn:

– Thưa công chúa! Tôi là hạ đại phu Chung Kiến, theo lệnh của đại vương, lặn lội tới đây để cứu công chúa! Xin hãy cùng tôi đi gặp đại vương!

Nguyên là khi thấy bọn cướp ập đến, công chúa Quý Hoa hoang mang nhảy xuống vũng bùn, nấp trong bụi rậm, đúng là một chiếc thân ngàn vàng, một bông hoa trong phòng ấm, một con chim nhỏ trong lồng son như nàng, làm sao có thể chịu đựng nổi những giày vò đớn đau như thế, nàng sớm đã mệt mỏi quá sức, núp trong bụi cỏ, kéo một ít cỏ khô che gió che lạnh, rồi bỗng thấy ấm dần và chìm vào giấc ngủ say. Khi tỉnh lại, thì mặt trời đã lên được mấy con sào, tìm khắp cả không thấy người ngựa ở đâu, chạy đôn chạy đáo tìm gọi khắp nơi, kêu khóc đến khản cả cổ.

Thật không ngờ, Chung Kiến đoán định không hề có chút gì căn cứ, thế mà lại ăn khớp với sự thực, thế chẳng há ra việc tốt đẹp bởi trời cho đó sao! Chung Kiến dẫn công chúa đến bên Chiêu vương, anh em lại ôm nhau khóc, buồn vui mừng tủi, trăm thứ tình cảm cùng trào lên một lúc…

Đoàn người của Sở Chiêu vương lại tiếp tục cuộc hành trình, đi về phía Vân Thành, tuy nhiên con đường của một người mất nước, nó đắng cay cực nhục đến chừng nào, quả thật là không có một thứ gì sánh nổi.

Đi đường suốt đêm, đói khát khốn đốn, đi tới ngã ba đường, chợt thấy phía trước mịt mờ bụi đất, khói bay ngút trời, xem ra có vẻ như muôn ngàn vó ngựa đang dồn dập, như cuốn theo cả một cơn gió lốc tơi bời. Chiêu vương và cả bầu đoàn sớm đã tả tơi thảm hại, thấy tình cảnh này, lòng lại càng thêm ngao ngán, đã không còn sức để chống đỡ, thì đành rẽ ngang tạm lánh vào rừng sâu. Chiêu vương rã rời cả thể xác lẫn tinh thần, thầm nghĩ một mình: Phải chăng cái chết đã gần kề, khu rừng này là nơi cho ta gửi xác đây?

Thế nhưng, người đến lại là công tử Thân. Nhận lệnh, đem hai vạn quân đi trấn giữ vùng sông Lỗ Phục, công tử Thân bỗng nghe được tin kinh thành Sính đô thất thủ, Chiêu vương chạy sang Vân Thành lánh nạn… cho nên đã đem quân tới đây hộ giá.

Đang ở bước đường cùng lại được cứu sống và có trong tay hai vạn người ngựa ngoài ý muốn, trái tim băng giá của Chiêu vương dần ấm lại, trước mắt lại thấy thấp thoáng hiện lên một tia hy vọng mong manh: Sau khi đến Vân Thành, rút ra bài học, bắt tay chỉnh đốn lại binh mã, quyết tâm làm lại từ đầu…

Chiêu vương cùng với đoàn người ngựa của mình, qua bao nhiêu trắc trở quanh co, cuối cùng tới được đích đã định là Vân Thành. Đương nhiên, kinh thành này không thể sánh với Sính đô, quan đệ và nha thự của tướng giữ thành Đấu Hoài cũng không thể nào so bì được với vẻ trang nhã hào hoa của kinh đô nước Sở. Tuy nhiên lúc này đây, Sở Chiêu vương bỗng thấy nơi đây vô cùng thân thiết, gần gũi, ấm áp, thoải mái và an toàn, tựa hồ như một chiếc bách mỏng manh giữa mênh mang biển rộng đang trong cơn sóng gió hãi hùng, phải lênh đênh nhiều ngày và không biết bao phen xuýt nữa thuyền đắm người chìm, gửi thân vào bụng cá… đến lúc này bỗng được trở về bờ cũ bến xưa, được cùng với người thân đoàn tụ.

Để tẩy trần và xua đuổi nỗi mệt mỏi kinh hoàng cho Chiêu vương và tuỳ tung, Đấu Hoài đã sai bày tiệc lớn với đủ thứ rượu ngon vật lạ, mọi người uống thật say rồi mới ra về. Sau

bữa tiệc, Đấu Hoài còn chuẩn bị cả nước nóng cho Chiêu vương tắm rửa. Sau khi tắm rửa thoả thê, Chiêu vương được mời tới gian phòng ngủ rất xa hoa và khá sang trọng mà Đấu Hoài đã chuẩn bị sẵn. Vừa đang định cởi áo lên giường nghỉ ngơi, ngủ hẳn một giấc ba ngày ba đêm cho bõ thèm, Chiêu vương bỗng giật mình vì Đấu Hoài chợt xô cửa bước vào, toàn thân nai nịt gọn gàng, tay lăm lăm một con dao sáng loáng, đùng đùng giận dữ, hai mắt giương tròn thô lố như hai quả trứng, miệng quát:

– Tên hôn quân hãy nghe đây: Bây giờ ngươi đã được cơm no, rượu say, lại tắm rửa sạch sẽ nữa, ta sẽ cho người được sang thế giới bên kia mà hưởng phúc với thể diện đàng hoàng…

Chiêu vương sợ run như giẽ, lắp bắp nói:

– Tướng quân làm gì vậy? Thì cũng phải cho quả nhân chết được rõ ràng!

Đấu Hoài giận sôi lên, áp sát lại gầm lên:

– Sở Bình vương tàn hại người trung lương, giết chết cha ta, nay ta phải đòi nợ máu! Cha nợ thì con phải trả!

– Đó là chuyện của tiên vương, có liên can gì đến quả nhân?

– Cha nợ thì con trả, lẽ thường xưa nay, hãy nhìn đây – Đấu Hoài vừa nói vừa vung cao tay dao, với sức mạnh ngàn cân bổ xuống đầu Sở Chiêu vương.

CHƯƠNG XXXII

ĐÓI CHẲNG KÉN ĂN
CHÁN MẶN THÊM NHẠT

Lại nói Sở Chiêu vương đến được Vân thành, sau khi cơm no rượu say đang định lên giường ngủ, tướng giữ Vân thành là Đấu Hoài đúng lúc ấy đạp cửa xông vào, đòi trả nợ máu, báo thù cho cha mình, vung cao lưỡi dao sáng loá chém xuống đầu Chiêu vương. Không ngờ phía sau Đấu Hoài có một tướng đang đứng đó, thấy chuyên chẳng lành, bèn bước lên ôm chặt lấy Đấu Hoài, Đấu Hoài loạng choạng né vào góc nhà, con dao chém vào quãng không, đầu Chiêu vương không bị lìa khỏi cổ. Vị tướng cứu sống Chiêu vương đó không phải ai khác, chính là Đấu Tân, anh họ của Đấu Hoài.

Nguyên là trước đây, Sở Bình vương đã giết hại trung thần Đấu Tử Kỳ, tướng giữ Vân thành Đấu Hoài là con trai cả của Đấu Tử Kỳ, là anh em con chú con bác với Đấu Tân. Sau khi Sở chiêu vương và bầu đoàn của ông ta đến Vân thành, Đấu Hoài liền nảy ra ý định giết hôn quân để trả thù cha, đã bày tỏ với anh họ của mình là Đấu Tân về ý nghĩ đó, Đấu Tân đã phê phán:

– Vua là cha, tôi là con, cha giết con mình, có gì là thù mà phải báo? Hiện nay Sở vương đang gặp nạn, giết vua là trái với nhân nghĩa; tông miếu xã tắc của nước Sở, đều trông vào Chiêu vương, giết Chiêu vương là tuyệt người thừa tự của nước Sở, trái với đạo hiếu. Một hành động bất nhân, bất nghĩa, bất hiếu như thế, vừa trái lẽ trời, vừa hại nhân dân,

sao em có thể ra tay làm được? Mong em hãy tỉnh ngộ mà suy nghĩ cho chín chắn.

Đấu Hoài nghe nói thế tỏ ra rất không vui, im lặng một lúc lâu, rồi đùng đùng bỏ đi. Đấu Tân vẫn chưa thật yên lòng, e sẽ xảy ra điều gì không hay nên đã ngầm đứng chực ở ngoài phòng ngủ của Chiêu vương, thấy Đấu Hoài hầm hầm tức giận xông vào, liền rón rén bước theo sau và giữa lúc ngàn cân treo sợi tóc đó, đã cứu sống Chiêu vương.

Tình hình đã diễn ra như vậy, Chiêu vương và bầu đoàn cũng không tiện ở lại Vân Thành quá lâu, sáng sớm hôm sau lại lên đường đến Tuỳ thành, kinh đô của một nước phụ thuộc khác.

Dân chúng Tuỳ thành trung với Sở vương, thành tâm tiếp đãi, nguyện cùng chiến đấu để Sở vương cứu nước, tự động tổ chức lại, ngày đêm rèn khí giới, thao luyện binh lính, đợi khi nào Sở vương ra lệnh gọi lính thì sẽ tham gia quân đội, Sở vương rất lấy làm cảm động, càng thêm tin tưởng sẽ có ngày quay về làm lại từ đầu.

Từ sau ngày Sính đô thất thủ, thái hậu Bá Doanh đóng chặt cửa không ra ngoài, cánh cửa suốt ngày khoá trái, đồ ăn thức uống đều đưa bằng lối cửa sổ. Bà luôn để bên mình một thanh đoản kiếm, nếu có quân Ngô phá cửa xông vào, có gì ác ý, thì bà sẽ tự vẫn trước.

Sau khi vào Sính đô, Tôn Tử chẳng kịp nghĩ đến việc cho quân đuổi theo Sở Chiêu vương với đám trọng thần của ông ta đang chạy trốn, mà việc đầu tiên là vội cho người đi phá

đập xả nước, không thể để dân chúng chịu mãi cảnh lụt lội khổ cực. Tiếp đó là việc ghi công cho các tướng lĩnh, ra yết thị để yên dân, xem xét lại kho lẫm, sắp xếp cho đám hàng binh, cứu tế cho dân bị nạn. Đồng thời còn cử người trông coi hoàng cung, tập trung mọi người trong hoàng cung vào hậu cung, không cho tự ý đi lại. Binh lính đi xả nước lại ngồi bè ngồi mảng lên Xích Hồ, mở ra mấy chỗ ở những nơi đã xếp bằng túi cát, để trước hết cho nước ở Xích Hồ chảy ra xung quanh, tràn vào những sông hồ ngòi lạch khác rồi chảy vào sông Chương, sau đó lại chặn dòng sông nhỏ mới đào lại, nước ở Xích Hồ sẽ chảy ra. Mưa xong trời tạnh, không tới ba ngày nước đã lui hết, ruộng vườn, cây cối hoa màu, sông ngoi, đường sá lại như cũ. Đến tận lúc này, Tôn Tử mới sai Ngũ Tử Tư đón Ngô vương Hạp Lư vào thành.

Sau khi vào thành, Hạp Lư lập tức bàn với Tôn Tử việc cất quân đánh Tuỳ thành, bắt sống Sở Chiêu vương. Trước hết ông nói rằng:

– Quả nhân muốn tự mình cầm quân, đánh vào Tuỳ thành để Sở vương không kịp thở, cũng để tránh hoạ về sau. Ý nguyên soái thế nào?

Tôn Tử lặng im suy nghĩ hồi lâu, sau mới tha thiết nói:

– Tuỳ Thành là nơi địa thế hiểm yếu, tộc người Man cũng nhiều, nay nếu đại vương đến đó, chẳng may lỡ bước tới Man bang, Man tộc ắt sẽ xúm đến đánh nước Ngô ta. Nơi hoang dã man rợ đó, quả thực không phải là nơi để đại vương thân chinh đến.

Hạp Lư rất lấy làm lo ngại nói:

– Quân Ngô dừng bước ở đây, để cho Sở vương đến Tuỳ thành, ngồi tính toán tìm đường quay lại, thế thì có khác chi thả hổ về rừng.

Tôn Tử lại suy ngẫm một hồi nữa rồi nói:

– Dùng vũ lực để cố đánh hắn, chẳng thà thi hành chính sách nhân đạo với dân chúng Tuỳ thành, thu phục nhân tâm, để họ quay về với nước Ngô, thế mới là thượng sách.

Hạp Lư thấy rất thích thú với đường lối chính sách đó của Tôn Tử, liền giục:

– Nguyên soái hãy nói tường tận ra xem nào?

– Theo thiển nghĩ của thần, trước hết ta hãy tung người do thám đến Tuỳ thành dò la, tung tin, tuyên truyền rộng rãi, một là để ban ân huệ của đại vương ở Tuỳ thành, ca ngợi phẩm đức của đại vương; hai nữa là để an ủi vỗ về dân chúng sở tại, để lòng họ hướng về chúa công. Chờ sau khi thời cơ chín muồi, ra lệnh treo thưởng, bắt sống Sở vương. Kế này ắt hẳn có thể làm được.

– Hay lắm! Nguyên soái quả thật sáng suốt – Hạp Lư giơ cao ngón tay cái lên khen ngợi – thôi cứ làm theo kế sách đó của nguyên soái!

Những mật thám mà Tôn Tử phái đi, người nào cũng nhanh nhẹn, ai cũng thông minh, vừa mới đến Tuỳ thành đã vào

được quan đệ, nhận những chức vụ quân trọng, một mặt ban ơn phúc cho dân, không ngừng ca ngợi chính sách nhân đức của Ngô vương, khiến dân chúng nghi ngờ Sở vương. Cách đó không lâu, dân chúng Tuỳ thành, ngoài những lão thần trung trinh và đám thạc nho nơi thôn dã ra, còn những lớp tuổi trẻ ít được học hành, phần lớn đều bị cảm hoá bởi những lời đường mật của đám mật thám này, lũ lượt ngả theo nước Ngô. Thấy thời cơ đã chín mùi, các mật thám liền tung ra lời yết thị: "Ai bắt sống được Sở vương sẽ nhận trọng thưởng một trăm lạng vàng và được Ngô vương phong cho quyền cao chức trọng". Yết thị vừa tung ra, đám trai tráng Tuỳ thành đều nhao nhao lên định thử sức, người thì nói bọn ta bắt sống Sở vương để sang nước Ngô mà hưởng giàu sang phú quý; người lại bảo "Phải đấy! Như bọn ta đây suốt đời không ngóc nổi đầu lên". Cứ thế người nọ bàn với người kia, một xướng một hoạ liên miên không dứt. Những người cao tuổi và các bậc chí sĩ có đôi chút học vấn và các lão thần trung thành một dạ, thì cho rằng bọn trai tráng nông nổi không biết gì, chỉ hám mối lợi trước mắt, phản bội lại ân đức của Sở vương, quả thực là đại nghịch vô đạo. Đã có những lão thần phản ánh với Sở vương dân tình lúc này và xin Sở vương hãy lánh vào rừng sâu nơi cách đó trăm dặm. Sở vương nghe theo lời can gián của quần thần, đi vào rừng sâu lánh nạn, cho người tung ra nguồn tin: "Trước đó mấy ngày, Sở vương đã chạy trốn đến trung nguyên, chẳng ai có thể bắt được".

Đã không đem quân để đánh Tuỳ thành, Hạp Lư liền hạ lệnh cho quân sĩ về đóng tại bãi luyện quân, vua tôi Ngô vương thì vào hoàng cung nước Sở. Đến trước cửa cung vua, mọi người xuống ngựa, tiếng hoan hô dậy đất, trống gióng vang

trời tiền hô hậu ủng, đưa Ngô vương lên điện. Các quan văn võ ra chúc mừng rồi đứng chầu ở hai bên. Hạp Lư ra lệnh đặt hai chiếc ghế ở hai bên long án, ghế trên cùng giành cho nguyên soái Tôn Tử, ghế dưới giành cho phó tướng Ngũ Tử Tư để bày tỏ sự kính trọng đối với hai người, bởi vì nếu không có hai vị tướng tá tựa cánh tay phải, cánh tay trái đó, thì làm gì có ngày vui hôm nay. Đồng thời còn cho người xuống bếp dặn dò sửa tiệc, bày cỗ linh đình để ăn mừng thắng lợi.

Hạp Lư ngồi trên bệ rồng, đưa mắt nhìn quanh gian điện hùng vĩ và sang trọng, thấy lòng say đắm ngất ngây. Ông nghĩ: Toà cung điện quý giá đàng hoàng và hoa lệ này của nước Sở, từ nay trở đi, sẽ là của ta, chiếc ngai vàng này của vua Sở, từ lúc này trở đi, cũng do ta yên hưởng. Lòng say sưa thể hiện ra nét mặt, Hạp Lư hể hả tươi cười, cái miệng vốn đã rộng, lúc này đây cười toét ra rộng như miệng chậu. Một người vui cho mọi người mừng, một người mừng cho mọi người hồ hởi, các quan văn võ điều hết thảy vui mừng theo Hạp Lư, duy chỉ có Ngũ Tử Tư là sụt sùi than khóc. Người ta, không thương tâm thì chẳng ai lại rơi nước mắt, lúc này đây trở lại Sính đô, thấy cảnh mà thương tình, Ngũ Tử Tư nghĩ lại chuyện xưa cha mình với hơn ba trăm người trong toàn gia đình bị giết hại: Chính ở gian điện này cha mình – Ngũ Xa – đã có lời khuyên răn Bình vương mà bị tống giam, cả Ngũ Thượng bị lừa vào Sính đô, còn chưa tới cửa cung đã bị tống vào lao tử tù, cùng bị giam cầm với cha mình, về sau cả hai cha con cùng bị giết trước ngọ môn, bản thân mình cũng bị ép phải chạy trốn, rồi Bình vương tàn nhẫn đã giết chết cả nhà từ trai đến gái, từ trẻ đến già hơn ba trăm người… đều bị rơi đầu dưới lưỡi đao. Nghĩ tới những cảnh đau

thương đó, Ngũ Tử Tư làm gì chẳng đau lòng rơi lệ? Tôn Tử ngồi bên cạnh lặng im không nói câu gì, bụng nghĩ: “Hạp Lư cười, thì cứ để cho ông cười cho thoả thích đi, ông đáng được cười, Ngũ Tử Tư khóc, cũng để cho ông ta khóc cho đã, ông không thể không khóc, còn như ta, những việc ta đã nhận lời giúp các người, ta đã làm gần như trọn vẹn, lúc này ta cũng nên xác định hành động cho những bước tiếp theo được rồi”. Thật là hay, ba người ngồi trong một gian điện, một người cười, một người khóc, một người lầm lì chẳng nói một lời, một người hả hê, một người thương tâm, một người nghiền ngẫm, mỗi người một nỗi lòng, mỗi người một mối tâm tư.

Ngũ Tư Tư khóc, Bá Bỉ cũng khóc, họ cùng bệnh nên thương nhau, cùng một nỗi buồn nên hiểu nhau. Hôm nay là một ngày vui lớn, vào lúc này, ở nơi này mà khóc lóc xụt xùi, vừa không đúng chỗ, lại không đúng lúc, Hạp Lư liền an ủi Ngũ Tử Tư mấy lời:

– Xin Ngũ tướng quân hãy ngăn dòng lệ, mối thù lớn của quý phủ, quả nhân chưa hề quên. Ngày mai quả nhân sẽ lệnh cho người phá dỡ hết tông miếu nước Sở! – Bởi lúc đầu Ngũ Tử Tư từng đã nhờ người nhắn với Sở Bình vương rằng hắn dám giết hại cha anh của Ngũ Tử Tư, thì sau này Ngũ Tử Tư sẽ phá tan tông miếu của hắn.

Ngũ Tử Tư vội gạt nước mắt quỳ xuống:

– Đa tạ chúa công!

Tông miếu là nơi các bậc quân vương dùng để tế lễ tổ tiên, Chu lễ qui định, Thiên tử có bảy miếu, chư hầu năm miếu, đại phu ba miếu, những người khác nói chung chỉ có một miếu. Có điều cũng đều là nơi dùng để tế lễ, nhưng chỉ có thiên tử với chư hầu mới được gọi là tông miếu, còn đại phu và những người khác nói chung, chỉ được gọi là gia miếu. Tôn Tử vốn từ đầu ngồi bên không nói năng gì, nhưng đến lúc này thì không thể không lên tiếng:

– Chúa công không thể phá dỡ tông miếu của nước Sở, bởi vì phá bỏ tông miếu của nước Sở cũng coi như diệt Sở. Theo ngu ý của thần, hãy cứ để nước Sở tồn tại là hay hơn cả…

– Hả? – tiếng "hả" của Hạp lư buột ra khỏi miệng, cắt ngang lời nói của Tôn Tử – Quả nhân vất vả lắm mới mời được nguyên soái hạ sơn, mệt quân ở chốn xa xôi, cầm quân đi đánh Sở, qua năm trận mới vào được Sính đô, lẽ nào tay không trở về, nhường Sính đô cho Chấn Nhi, cái tên bỏ thành mà chạy đó ư?

Tôn Tử giải thích:

– Ý thần không phải thế! Chúa công đã rõ, phàm là đem quân đi đánh dẹp, thì thắng hay bại, còn hay mất, đều ở hai chữ "nhân nghĩa", đội quân nhân nghĩa ra đi, mới mong toàn thắng. Bình vương đuổi con đi để cướp vợ, lại tin dùng bọn gian nịnh, trong thì giết hại người trung lương, ngoài thì hiếp đáp chư hầu, dân chúng oán than đầy đường, thiên hạ lòng người không phục, vì thế nên quân ta đánh Sở mới có thắng lợi hôm nay. Mà ngày nay kinh đô nước Sở đã bị chiếm, chúa công lại định phá huỷ tông miếu của họ, bá

chiếm lâu dài đất này, lòng dân ắt sẽ oán giận, dân oán thì ta không đứng vững lâu được. Chi bằng giữ nguyên tông miếu của họ và để nước Sở tồn tại, lập công tử Thắng là con của thái tử Mê Kiến làm vua mới của nước Sở. Công tử Thắng trước đây đã từng chịu ơn, cùng sống chết với Ngũ tướng quân, sau lại có mối tình cảm là được nước Ngô nuôi dạy nhiều năm, cảm kích trước ơn đức của chúa công, hàng năm ắt sẽ chăm lo tiến cống, thần phục nước Ngô ta. Như vậy, dân Sở cũng sẽ vui lòng thành phục, chư hầu các nước sẽ khâm phục sự đối xử nhân nghĩa của đại vương. Như thế chúa công mới thực sự là vừa được tiếng thơm, lại có lợi lộc.

Phế truất Chiêu vương, lập công tử Thắng làm vua nước Sở. Nếu làm theo chủ trương đó của Tôn Tử, Hạp Lư chẳng những có tiếng vì đánh được nước Sở, mà không diệt Sở, tiếng tăm lại càng vang dội trong thiên hạ. Ngũ Tử Tư cũng thấy rằng lời lẽ của Tôn Tử có lý. Lúc đầu bản thân mình chịu hết mọi gian khổ, thập tử nhất sinh mang công tử Thắng chạy trốn, thà bản thân nhịn đói cũng phải để công tử được no bụng, mục đích cũng là để giang sơn xã tắc nước Sở có người nối dõi. Sau khi Bình vương chết, Mê Kiến cũng không còn ở trên đời, đúng lẽ ra lúc này công tử Thắng phải nối ngôi. Nếu ông ta là vua mới của nước Sở, mình với Ngô vương đều là ân nhân của ông ta, như thế ông ta ắt sẽ xưng thần với nước Ngô, sau này hai nước Ngô – Sở liên kết với nhau, thì còn sợ gì sức mạnh của Tề, Tấn nữa.

Hạp Lư lại không cho là thế, nghe những lời bàn đó của Tôn Tử, ông ta liên tục lắc đầu:

– Sao nguyên soái lại có thể nói thế, quả nhân từ lâu đã ôm ấp ý chí xưng bá, ngày nay may mắn xuất chinh sang phía tây, chiến thắng được nước Sở, đâu há dễ được rồi lại vứt đi? Đúng lẽ ra là phải diệt Sở lúc này, sau đó nhân cái oai diệt Sở, thừa thắng mà quét thẳng đến trung nguyên, cho thành nghiệp bá. Đừng nói quả nhân ngày nào từng hứa với Ngũ tướng quân là sẽ thay ông trả mối thù lớn về việc cả nhà ông bị giết hại, ngay như không phải để trả thù cho Ngũ tướng quân, thì tông miếu của nước Sở cũng không thể không phá bỏ! Quả nhân đã quyết, nguyên soái không cần hỏi gì thêm!

Hạp Lư thế là đã nói trắng mọi nhẽ, Tôn Tử còn nói thêm được điều gì nữa? Ông chỉ thấy như đang có muôn ngàn mũi kim đang cùng lúc đâm vào tim mình, khiến trái tim ông rỉ máu, và đau nhói từng cơn. Ông cảm thấy buồn rầu, không ngờ Hạp Lư vừa mới vào được kinh đô nước Sở, đã trở nên chuyên quyền ngang ngược như thế, không hề nghe lấy nửa câu, như thế thì làm sao có thể xưng bá thiên hạ được kia chứ? Ông cũng cảm thấy nực cười, Ngô vương cũng chẳng biết tự lượng sức mình với một ít binh mã hiện nay mà lại định chinh phục các nước chư hầu, thế thì có khác gì muốn lên cả trời? Cũng bắt đầu từ lúc ấy, Tôn Tử đã nảy ra ý định bỏ đi.

Quan điểm bất đồng, ý kiến trái ngược, lời lẽ không ăn nhập, chẳng ai nói câu nào nữa, trong cung điện tràn ngập bầu không khí u uất nặng nề, ai nấy vô cùng ngượng ngập. Cũng may giữa lúc đó có nội thị vào báo tiệc rượu đã bầy xong, thế là mọi người lần lượt rời cung điện, nối đuôi nhau vào phòng tiệc và theo thứ tự ngồi vào từng mâm. Rượu quả là một thứ rất hay, nó có thể khiến người ta phấn chấn, lại có

thể khiến người ta đê mê muốn ngủ; biến người thông minh thành gã hồ đồ, khiến anh lẩm cẩm thành nhà thông thái; khiến ta quên đi hết thảy, nhưng lại cũng có thể gợi cho người ta nhớ lại nhiều điều không vui trong dĩ vàng; nó có thể gây tai hoạ, lại có thể dẹp bằng được sóng gió. Ba chén rượu ngà ngà trong bụng, không khí phòng tiệc bỗng sôi nổi hẳn lên, thế là chạm chén chúc mừng, ngoắc tay đánh đố uống thi với nhau, chén bát chạm nhau, không khí vui mừng tràn ngập. Cũng không biết đã qua mấy tuần rượu, dâng lên mấy đợt thức ăn, Hạp Lư thấy men rượu đã dâng lên, khắp mình nóng rực, phấn chấn vô cùng, liền nói:

– Các vị tướng quân! Mấy tháng nay, các vị đã cùng quả nhân chia sẻ mọi nỗi gian nan, lòng trung trinh của mọi người khiến quả nhân cảm động muốn rơi nước mắt. Ngày nay có được thắng lợi này, công lao ấy thực ra là sự góp sức của các tướng lĩnh, cho nên các quan đệ của tướng Sở sẽ để cho các vị sử dụng, cơ thiếp mỹ nữ của các tướng Sở, cũng giành cho các vị thừa hưởng.

Hạp Lư chưa nói hết câu, căn phòng tiệc bỗng ran lên tiếng vỗ tay vang dội, tiếng tung hô “vạn tuế”.

Xưa nay hai nước giao tranh, tất có bên thua bên thắng, bên thắng trận sẽ thừa dịp vơ vét cướp bóc, chuyện ấy đã từng thấy quá nhiều, không có gì lạ, tuy nhiên công khai đứng ra phân phối thế này như Hạp Lư, quả thật là hiếm thấy. Ngô vương đã ra lệnh như vậy, quần thần chẳng ai không hoành hành vơ vét, kết quả là hai vua Đường – Thái đã chiếm hữu toàn bộ của cải của Thẩm Doãn Tuất, Bá Bỉ thì chiếm hữu toàn bộ cung đệ, cơ thiếp của Tử Tây, Công tử Sơn và Phu

Khái đã xảy ra va chạm với nhau trong việc tranh nhau phủ đệ của Nang Ngoã, đến mức xuýt nữa xảy ra chuyện đao qua kiếm lại…

Từ đó về sau, Ngô vương và các tướng say đắm trong tửu sắc, sống hết sức xa hoa dâm dật, ý chí ngày một sa sút, thể chất ngày một tồi tệ, tư tưởng ngày một rệu rã, chỉ có hai người là ngoại lệ, một là Ngũ Tử Tư, ông suốt ngày bận rộn với việc tế tổ báo thù, không bụng dạ nào để hưởng lạc cầu an. Một người nữa là Tôn Tử, ngày thứ hai sau bữa tiệc, ông đã bí mật lẩn đến Tuỳ thành, việc đó là do nhu cầu thi hành nhân chính với dân chúng, hay là cố tình lẩn tránh, chưa ai biết được.

Lại nói về cái đêm có bữa tiệc mừng đánh được nước Sở, Ngô vương Hạp Lư say lảo đảo đi tới hậu cung của Sở vương, chẳng chọn lựa, cũng không hề đắn đo, bước vào phòng ngủ của một phi tử, trong cung đang có một người đàn bà diêm dúa lẳng lơ, chẳng phải hỏi, cũng thừa biết đây là chủ nhân trong cung này.

Chất men say dâng lên cùng với lửa dục cháy trong lòng đã khiến cho Hạp Lư không còn nhận được ra tuổi tác và tướng mạo của người đàn bà ấy, chỉ cần biết đó không phải là đàn ông, mà là đàn bà, lại ăn mặc loè loẹt, thế là nhào lên phía trước, ôm xiết vào lòng, rồi sờ soạng, hôn hít, yêu nựng không ngớt lời. Người đàn bà ăn mặc diêm dúa đó, thấy một ông vua nước ngoài, đã chẳng e dè, lại không thẹn thùng, mà như một ngọn lửa cháy đùng đùng… ả lúc thì tỏ ra suồng sã, lúc lại tỏ ra nũng nịu, cười khanh khách, hôn chùn chụt, rồi nhẹ nhàng mơn man, êm ái ngả mình. Đã lâu ngày rời xa

cung cấm và các phi tần, Ngô vương chịu đựng làm sao nổi trước sự quyến rũ và khêu gợi đó, liền mê man ôm lấy người đàn bà ấy vào lòng rồi nới áo xiêm y, cùng nhau vào màn. Đêm ấy Hạp Lư đã sống một đêm thực sự ngọt ngào, thực sự sung sướng, nhưng cũng quá mệt mỏi, xong mọi chuyện rồi, lăn ra ngủ như lợn, ngày hôm sau, mặt trời lên tới ba con sào, mới uể oải dụi mắt trở dậy. Thế nhưng, vừa mắt nhắm mắt mở, đã nhìn ra người nằm kề bên mình là một mụ già ngoài bốn mươi tuổi, mặt ả đầy nếp nhăn, nhan nhúm như một bông cúc héo; mặt đã choắt lại gầy, ngũ quan như dồn cả lại một nơi, như trái hạch đào héo nắng; phấn sáp bôi lên, như một bãi phân lừa bị ngấm sương, môi ả được bôi son, trông chẳng khác gì đít khỉ… Hạp Lư nhìn thấy thế, bất giác quẫy ra khỏi giường như một con cá, kêu rú lên:

– Quân bay đâu!

Nội thị nghe tiếng gọi vội bước vào cung vái dài:

– Đại vương có điều gì truyền dạy ạ?

– Gọi võ sĩ vào đây! – Hạp Lư gầm lên.

Một lát sau, hai võ sĩ hùng dũng, lăm lăm dao sắc trên tay bước vào cung.

Hạp Lư ra lệnh:

– Con mụ yêu ma kia ở đâu lại chui vào long sàng của ta, hãy mau lôi ra chém đầu!

Võ sĩ phụng mệnh nhào lên giường, lôi mụ già từ trong chăn ra, trói gô lại, kéo ra ngọ môn để chém đầu, mụ già oai oái luôn mồm kêu oan.

Mụ già ấy oan thật, ả vốn là Giai Lệ Phi, một sủng cơ của Sở Bình vương, một là bản thân ả càng lớn tuổi thì sắc đẹp phôi pha, hai là Bình vương có mới nới cũ, cùng với thời gian, ả trong cung ngày càng bị thất sủng, nhất là từ sau khi Mạnh Doanh vào cung, ả càng bị ghẻ lạnh, ruồng rẫy. Chó bị đuổi cùng đường, còn ngoái lại cắn mấy nhát, huống chi là con người. Giai Lệ Phi bất mãn, không phục, không cam, mâu thuẫn với Mạnh Doanh ngày càng trở nên sâu sắc. Cũng lại vì Giai Lệ Phi không biết điều, trong một lần điều qua tiếng lại, đã dám đánh Mạnh Doanh, gây nên hoạ lớn, thế là bị Sở Bình vương lấy cớ giam vào lãnh cung mười lăm năm. Chiêu vương trốn mất, Sở cung bị Ngô vương chiếm, Giai Lệ Phi được giải phóng. Nghe nói Ngô vương sắp vào hậu cung hành lạc, tần phi khác trong tam cung lục viện đều lũ lượt trốn tránh đi, Giai Lệ phi lại nắm được qui luật của con người lâu ngày rời xa cung cấm, ắt sẽ như kẻ đói không kén ăn, muốn làm vui lòng Ngô vương, cho thành chính quả, không ngờ lại toi mất cái thân già.

Giai Lệ Phi bị chém một lúc lâu rồi, mà trong lòng Hạp Lư vẫn thấy cồn cào, tựa như vừa ăn phải thứ gì thiu thối, luôn thấy lợm giọng, nhưng lại nôn không ra, nén không xuôi, cứ nôn nao mãi trong bụng.

Ngay chiều hôm ấy, Hạp Lư ra lệnh, tập trung hết các cơ tần xinh đẹp trong cung Sở lại một nơi, để tự mình thân chinh ngự chọn, tuỳ nhan sắc mà đánh số thứ tự, để lần lượt hưởng

dụng sau này. Dưới con mắt của Hạp Lư, tần phi trong vương cung nước Sở thon thả có, xinh tươi có, yểu điệu có, nền nã có, phô bày rực rỡ có... Nhưng người khiến Hạp Lư hồn xiêu phách lạc vẫn là người được mang thứ tự một, có thể nói là tuyệt thế giai nhân, thân hình cân đối, tóc xanh như mây lại hợp với khuôn mặt trái xoan, đôi mày lá liễu, đôi mắt như quả mơ, đôi môi như trái đào, bước đi nhẹ nhẹ như sen lướt mặt hồ, đung đưa tới lui như liễu rủ trước gió, người con gái xinh đẹp tuyệt sắc đó không phải ai khác, mà chính là Chân Mai Phi, sủng cơ của Sở vương. Khỏi phải nói, dĩ nhiên đêm ấy, Hạp Lư đã ngủ lại ở cung của Chân Mai Phi.

Để nghênh đón thánh giá của Ngô vương, ngay từ đầu hôm, Chân Mai Phi đã chải chuốt vuốt ve, thay xiêm áo, sửa lại mái đầu, tô thêm làn mi, điểm lại son môi... Đương nhiên những việc này đều do cung nga thị tỳ làm, không phải đến tay nàng. Nàng phải làm ra vẻ duyên dáng, nũng nịu hơn bao giờ hết để chinh phục Ngô vương. Nàng rất tự phụ, tin chắc rằng mình sẽ nắm phần thắng, cố làm sao ngay từ buổi tiếp xúc đầu tiên đã khiến hắn mắc phải lưới tình, ngoan ngoãn chịu làm tù binh. Cũng như đàn ông, đàn bà cũng đủ hình đủ loại, Chân Mai Phi thuộc tính thuỷ, họ chẳng cần biết đâu là phải trái thiện ác, lại càng chẳng thèm quan tâm gì đến khí tiết và tôn nghiêm, tận hưởng giàu sang sung sướng, là tôn chỉ cuộc sống của họ, đương nhiên, họ có một nguồn vốn là được ta yêu mến. Thứ nữ tính đó cũng khác nào một đoá hoa tươi, cắm vào bình của ai, thuộc quyền sở hữu của ai, đặt vào phòng người nào, làm đẹp nơi ở cho ai... mà chả thế.

Sau bữa tiệc tối, Hạp Lư còn thưởng thức ca múa, sau đó có nội thị theo hầu, cung nga xóc nách dìu về cung Chân Mai Phi.

Kể cũng lạ, hôm trước cũng vào giờ này, với mụ phù thuỷ đó Hạp Lư đã thể hiện hết thú tính điên cuồng, ấy thế mà lúc này, trước người con gái đẹp tuyệt vời thế này, lại bỗng trở nên đờ đẫn ngây dại, không hề xúc động, cứ y như là đang đứng xem một tác phẩm nghệ thuật quý giá, không nỡ động vào nó, sờ mó nó, như sợ sẽ làm nó hỏng đi mất. Tuy nhiên sự đờ đẫn ngây dại ấy, không dám động tay ấy chỉ là thoáng qua, ngay sau đó, Hạp Lư như một con thú dữ trước con mồi mới vồ được, ngấu nghiến ôm chặt Chân Mai Phi vào lòng rồi chui vào trong màn làm gió làm mưa trong ấy.

Từ đó về sau, Ngô vương Hạp Lư như đắm chìm trong cung của Chân Mai Phi không mấy khi ra ngoài, hoặc nghe hát xem múa, hoặc uống rượu mua vui, hoặc gió gội mưa nhuần, không phân biệt ngày đêm, chẳng kể chi sớm tối, tất cả mọi thứ, nào là bá chư hầu, vương thiên hạ … đều tung hê lên tận mây xanh.

Hành động ấy của Hạp Lư, khiến những người có học hành hiểu biết của nước Ngô hết sức lo ngại, nhất là những bậc lão thần vốn xưa nay trung trinh một dạ, người nào người nấy ăn không thấy ngon, ngủ chẳng được yên. Những người như Đường Trọng Tiết, Diêu Nguyên Phùng, Đặng Quý Thiên, Thân Bá Đồ, Ôn Kê Cao … đều đã xấp xỉ bảy mươi, họ không nề hà vất vả gian nan, với những tấm thân già yếu, đường xa dặm thẳng, từ Cô Tô lặn lội tới Sính đô dâng lời khuyên:

– Theo chúng thần được biết, sự khác biệt giữa con người và loài vật, là ở chỗ biết giữ lễ nghĩa và biết liêm sỉ…

Chưa đợi các lão thần nói hết câu, Hạp Lư đã dằn giọng:

– Tầm bậy! Lại dám nói với quả nhân những lời lẽ ấy, mục đích của các ngươi từ Cô Tô đến Sính đô làm gì, quả nhân thừa biết rồi, cái hạng già nua như các ngươi, hà tất phải khoe sức khoe tài! Các ngươi khỏi phải nói nhiều, kẻo làm quả nhân mất vui.

Xưa nay trung ngôn vẫn hay nghịch nhĩ, quần thần há đâu vì vậy mà buông xuôi, họ vẫn thổ lộ bằng hết nỗi lòng mới đã, thế là tranh nhau nói:

– Tâu đại vương, sự phân biệt vợ chồng, là lẽ luân thường rất lớn của con người. Nước Sở bị diệt vong, cũng bởi Bình vương háo sắc, cho nên chính trị đất nước ngày một rối loạn, lòng dân ngày càng ly tâm. Xe trước đã đổ thì xe sau phải tránh, xin đại vương hãy cho đóng các kho tàng lại, xa lánh nữ sắc nước Sở, mau chóng về Cô Tô.

Đã bị nàng cơ xinh đẹp của nước Sở hút hồn, lại đắm đuối trong tửu sắc, Ngô vương Hạp Lư không nghe ra những lời khuyên can của các bậc lão thần, xua tay như xua gà xua lợn:

– Lui ra hết đi, con khuyên nhủ nữa thì chém đầu.

Một lần nữa các lão thần lại quỳ dưới đất hồi lâu, mang cái chết ra thay cho lời nói:

– Xin đại vương hãy nghĩ xem, vua nước Sở biết vợ mình bị làm nhục, ắt là sẽ tím mặt căm gan, mang nỗi tức giận và thù địch ấy đến để trả thù, và như thế, tâm huyết cả chục năm của đại vương sẽ ra sông ra biển hết…

Ngô vương đang tức giận không chịu nổi, đã chán ngấy những lời khuyên chướng tai của các đại thần, bây giờ lại nghe thấy nói đến tâm huyết mươi năm đổ ra sông ra biển hết, lại càng tức muốn nổ cả phổi ra, buột miệng chửi mắng ầm ĩ:

– Toàn nghe lời nói láo! Toàn nghe nói láo! Các ngươi mới là một lũ phản tặc chỉ mong cho đất nước diệt vong!

Hạp Lư không khống chế nổi mình, nổi nóng lên đùng đùng, đi đi lại lại trong phòng, một lát sau, hình như đã dứt khoát trong lòng, ông hô lớn:

– Quân bay đâu! Lôi mấy lão già chết tiệt này ra chém hết cho ta!

Các võ sĩ ùa vào, túm lấy các lão thần, nhưng các lão thần coi khinh cái chết, liên tục ngoái đầu tâu lên:

– Chúng thần chết cũng chẳng tiếc gì, chẳng ăn năn hối hận chút gì, chỉ mong đại vương tỉnh ngộ, mau chóng trở lại Cô Tô, chỉ có như thế, nước Ngô mới được bền vững và yên hàn lâu dài…

Năm bậc lão thần ở tuổi cổ lai hy bị chém đầu với tội danh phản nghịch, các vị trung thần khác nghe tin, không ai không ngửa mặt lên trời mà thở dài.

Sự thay đổi của một con người thường có khi chỉ qua một đêm, từng có một thời Ngô vương Hạp Lư đã ôm ấp hoài bão trong lòng, từng làm nên việc lớn, từng khao khát người có đức, coi trọng người hiền, khiêm tốn tiếp nhận mọi lời khuyên giải, dũng cảm sửa chữa sai lầm, để chấn hưng nước Ngô, tình nguyện cùng ăn ở, chung tập tành với lính tráng… ấy thế mà lúc này đây bỗng chốc trở nên ngu độn như thế, thành một con người khác hẳn so với mấy tháng trước, khiến người ta không thể nào tin. Còn như tại làm sao có sự thay đổi ấy quả thực là cả một vấn đề cần suy nghĩ sâu sắc…

Từ sau khi năm bậc lão thần khuyên ngăn rồi bị chém, chẳng còn ai dám tâu lên điều gì nữa. Ngô vương càng tỏ ra phóng túng, suốt ngày chìm ngập trong rượu thịt, cả đêm say đắm trong múa ca.

Một hôm Ngô vương đi thăm các cung, qua hậu điện, thấy có một toà cung điện cửa đóng như bưng, Hạp Lư lấy làm thắc mắc, vẻ không vui quay hỏi thị tỳ:

– Ai ở cung này? Tại sao quả nhân giá lâm mà không biết đường ra mở cửa đón tiếp?

Thị tỳ đáp:

– Muôn tâu đó là nơi ở của Thái hậu Bá Doanh, mẫu hậu của Sở Chiêu vương ạ!

Hạp Lư nghe tâu báo, bất giác chột dạ giật mình, hỏi dồn:

– Thái hậu Bá Doanh? Phải chăng là công chúa Vô Tường nước Tần mà khi xưa từng gọi là vạn cổ mỹ nhân?

– Dạ bẩm đúng là công chúa Vô Tường ạ!

– Công chúa Vô Tường mà lại ở nơi này à?

– Dạ muôn tâu sau khi Sính đô bị đại vương công hãm, Chiêu vương muốn mang mẫu hậu cùng chạy trốn với mình, nhưng Thái hậu Bá Doanh sống chết không chịu rời kinh đô nửa bước.

Hạp Lư thầm nghĩ, tại sao công chúa Vô Tường lại không cùng chạy trốn với Chiêu vương, chẳng lẽ ngồi lỳ ở đây chờ chết hay sao? Hay là ngồi đây để đón đợi quả nhân tới? Nàng nhất định là biết khêu gợi, đong đưa hơn Chân Mai Phi. Ôi dào, người đẹp trong thiên hạ, có mấy ai mà lại không ong bướm lẳng lơ… Hạp Lư nghĩ thế vội sai quân hầu mở cửa cung ra.

Hạp Lư bước vào cửa điện, thấy thái hậu Bá Doanh xiêm áo chỉnh tề, ngồi ngay ngắn trên chính điện. Hạp Lư từ từ tiến gần lên phía trước, Thái hậu nhắm nghiền hai mắt, như không biết có Ngô vương giá lâm. Hạp Lư nhân dịp này nhìn nàng thật kỹ, thấy một người tuy đã gần tuổi 50 mà sao vẫn sang trọng nền nã, đang còn phong vận. Da dẻ mịn màng, chưa hề có một nếp nhăn, vẫn rạng rỡ mê hồn như thiếu nữ. Thấy công chúa Vô Tường mà mình ngưỡng vọng đã lâu

đang ở trước mặt, dung nhan và tư thế quả là siêu quần thoát tục, Hạp Lư bất giác thấy thú tính trong người bổng nổi lên, hoàng cung nước Sở có một người đẹp thế này mà mình lại chẳng biết, thì có đáng tiếc hay không? Hạp Lư bước tới trước mặt thái hậu Bá Doanh, thái hậu Bá Doanh vẫn không hề động đậy, hai mắt vẫn nhắm nghiền như cũ, không chịu nhìn thẳng vào Ngô vương. Nhưng Ngô vương cũng không vì thế mà tỏ ra giận dữ, ngược lại còn nhỏ nhẹ nói với Thái hậu Bá Doanh:

– Công chúa Vô Tường! Ta là vua Ngô, ngưỡng vọng công chúa đã lâu…

Thái hậu Bá Doanh vẫn im như khúc gỗ, y như người đang nhắm mắt thả hồn đến tận đâu đâu. Hạp Lư nghĩ, công chúa Vô Tường rốt cuộc vẫn là đàn bà, lại là mẹ vua, đối với chuyện này đâu có thể vồ vập lộ liễu, chỉ có thể e ấp nửa ưng nửa không như vậy… thế là mỉm cười, cho rằng nàng ngồi trước mặt mình, lặng im không nói gì như thế, lại càng có vẻ hấp dẫn hơn, bất giác hí hửng: Đây mới chính là món chiến lợi phẩm quý giá của ta…

Kiên nhẫn chờ đợi thêm lúc nữa, thái hậu Bá Doanh vẫn không hề động đậy, Hạp Lư đành lên tiếng một lần nữa:

– Công chúa Vô Tường! Ta là vua nước Ngô? Chẳng lẽ nàng không muốn đón nhận ta chăng?

Thái hậu Bá Doanh cuối cùng đã lên tiếng, bà ta lạnh nhạt, nhưng tiếng nói lại rành rẽ từng câu, tròn trịa như ngọc dũa:

– Ai gia không phải là công chúa Vô Tường mà là thái hậu Bá Doanh của nước Sở. Nước Sở nay đã mất, nhưng tông miếu xã tắc vẫn còn đây, nên một mình ở lại cung này. Ngô vương nếu hiểu được sự tôn nghiêm của tông miếu và xã tắc, xin xa giá hãy mau rời khỏi nơi này.

Hạp Lư mới nghe thấy thế, liền cười lên ha ha:

– Công chúa Vô Tường, quả nhân từ lâu đã được nghe nói đến vẻ xinh đẹp của nàng, hôm nay mới thấy, quả là danh bất hư truyền, điều đáng quý hơn là nàng chẳng những dung nhan xinh đẹp mà tâm địa lại hiền lành, mang theo tình cảm với tông miếu xã tắc của nước Sở, ở lại đây cố giữ, càng đáng kính nể.

Hạp Lư càng thêm ái mộ thái hậu Bá Doanh, bất giác bước tới nắm lấy tay bà ta. Thoáng cái, thái hậu Bá Doanh giương tròn mắt với ánh nhìn sắc lạnh, hằn học chiếu thẳng vào Ngô vương. Hạp Lư bỗng thấy toàn thân rung lên, giống như có một mũi dao găm xỉa vào ngực. Thái hậu Bá Doanh tay cầm con dao nhọn dằn từng tiếng một hăm doạ:

– Hạp Lư hãy nghe đây, từ thượng cổ đến nay vua có cái oai của vua, chúa có lễ nghi của chúa, ông là vua một nước, há chẳng nghe rằng vua mà thi hành chính sách thất đức, chư hầu không chí tiết, ắt sẽ mất nước đó sao? Với hạng người ngu tối như ông, diệt nước người ta, hãm hiếp vợ người ta, mất cả ý chí, đồi bại cả đạo đức như thế, thì ở lại nước Sở được bao lâu?

Là vua một nước, Hạp Lư chưa từng bị ai sỉ nhục thế bao giờ,

chẳng những cụt cả hứng, mà nóng quá hoá giận, nhảy lên gầm như sấm:

– Ai bảo không ở được lâu? Quả nhân đã ra lệnh, dỡ hết tông miếu của các người, đập phá lăng mộ của các người đi, để xem ngươi còn coi giữ cái gì?

Thái hậu Bá Doanh vẫn ung dung nói:

– Bọn sài lang thì cái gì mà chẳng làm ra được. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng càng làm điều ác cho lắm, thì lại càng chóng diệt vong, đó là cái lẽ ngàn đời không thay đổi vậy!

Hạp Lư bỗng trở nên điên cuồng, áp sát vào thái hậu Bá Doanh, rít lên:

– Quả nhân đã diệt được nước Sở, ngươi làm sao có thể thoát khỏi tay quả nhân? – Nói xong muốn chồm lên như chồm vào một con mồi.

Thái hậu Bá Doanh bình tĩnh hiên ngang căm giận nhìn Hạp Lư:

– Nay nếu tên kẻ cướp này mà dám làm nhục ta, ta ắt sẽ cho nó ôm đầu máu mà ra, rồi ta sẽ tự quyết lấy!

Tục ngữ có câu: "Vua cũng thua thằng liều". Cho nên hành động vừa rồi của thái hậu Bá Doanh hoá ra lại làm cho Hạp Lư dịu đi một chút, vừa mới định "giết chết con mẹ này đi" thì trong óc bỗng hiện lên hình ảnh của năm vị lão thần vì

khuyên răn nhà vua mà bị chém đầu, bỗng thấy những lời nói vừa rồi lại có những chỗ giống với những lời khuyên của các bậc lão thần. Trong một thoáng trần trừ, Hạp Lư thầm nghĩ: Người ta thường bảo, sói khôn thì đừng đánh nhau với chó, đàn ông biết điều thì đừng đánh nhau với đàn bà, nghe nói đàn bà mà nổi cơn lên thì phiền lắm, thôi thì cứ để cho mụ ta sống. Nghĩ thế, Hạp Lư chau mày, vẻ mặt không vui, quay ra, phẩy tay áo bỏ đi.

Để trút hết nỗi giận trong lòng, về đến cung Chân Mai Phi, Hạp Lư càng dâm lạc thả sức hơn, đắm vào tửu sắc hơn, không hỏi han gì chính sự nữa.

Nhiều chuyện trên đời cũng như trong đám cưới, lại cứ hay hỏng ở anh khiêng kiệu, thổi kèn. Một hôm, thái giám đi phố dẫn về hai người hát rong, họ là hai ông cháu, ông gảy đàn cháu gái hát, họ hát điệu bình đàn Cô Tô. Người nước Ngô hát điệu bình đàn Cô Tô, bao giờ vẫn có một âm vị độc đáo, vua tôi Hạp Lư lắng nghe cảm thấy vô cùng gần gũi và hết sức sướng tai. Cô gái hát dạo tên là Thái Phụng, tuổi vừa đôi tám, chẳng những hát hay mà người cũng xinh, mi mắt dài, tròng mắt to, đen trắng rõ ràng lung linh như hai làn sóng bạc, làn da trắng hồng, mịn màng, chẳng khác gì một quả táo chín, lồng ngực hơi nhô, đôi bầu vú vừa hơi nhú, như hai đoá hoa còn e ấp phong nhụy…

Nghe xong một khúc hát, Hạp Lư sai người đưa ông già sang ngủ ở một căn phòng khác, còn Thái Phụng thì sai cho tắm rửa thay xiêm áo tinh tươm, trước hết ra hầu rượu nhà vua, sau đó cùng ngủ với nhà vua. Đêm ấy, không biết Thái Phụng đau đớn đến thế nào, chứ riêng Hạp Lư thì thực sự đã

được tận hưởng mùi thôn dã, thú vị vô cùng, cứ nói theo cách của Hạp Lư thì như thế gọi là “có thể ăn một miếng, thì đừng ăn một bữa”.

Nghe nói con mèo thời thượng cổ, vốn không biết ăn thịt sống, nhưng một khi nó ăn mà miệng vẫn thèm, thì cái mũi lại hếch lên và dài ra, cho nên về sau này chẳng có con mèo nào lại không biết ăn tanh. Một cô gái như Thái Phụng đã gợi nên cơn thèm khát cho Hạp Lư, khiến cho ông ta suốt ngày hồn xiêu phách lạc, đối với Chân Mai Phi hầu như không còn mê mệt quyến luyến như ban đầu nữa. Lại cũng chính những anh chàng khiêng kiệu, thổi kèn đã nhìn thấu tâm tư của Hạp Lư, họ biết rằng nhà giàu ăn mãi cá, lợn rồi cũng ngấy, cho nên thường muốn thay đổi khẩu vị, ăn những món đạm bạc hơn, thế là đi khắp các hang cùng ngõ hẻm, kiếm những cô thôn nữ đưa vào cung, để cho Ngô vương dâm lạc, Hạp Lư có dịp được ăn cả chay cả mặn, cả chất thị thành lẫn chất quê mùa. Cũng từ đó Hạp Lư ở tịt trong cung, hầu như cách biệt hẳn với đời.

CHƯƠNG XXXIII

ĐÀO MẢ ĐÁNH THÂY
XÂY MỒ TẾ TỔ

Ngày thứ hai sau khi đánh được nước Sở, Hạp Lư liền sai người đi phá huỷ tông miếu nước Sở. Cùng lúc ấy, Ngũ Tử Tư đã sửa soạn hương nến đến trước mộ của cha anh mình khóc lóc tế bái, an ủi vong linh của cha anh và đông đảo những hồn ma oan khuất. Mộ của cha con Ngũ Xa, vì mười sáu năm nay Ngũ Tử Tư lưu lạc nước ngoài, vừa không có người thân tế tảo, lại không được đắp điếm sửa sang, chỉ còn là hai ụ đất, nếu không có những người dân lén lút tới đắp cho dăm ba hòn đất, e rằng sớm đã bị thành đất phẳng mất rồi. Nhìn cảnh ấy Ngũ Tử Tư bất giác thêm thương tình, định sẽ xây cất sửa sang phần mộ, xây lại lăng để cho cha anh và họ hàng được yên tâm thoải mái, mát mặt yên nghỉ dưới đất sâu.

Tế lễ xong, Ngũ Tử Tư còn chưa chịu rời gót, đứng trước cảnh hoang vắng trước mắt, bất giác ông thấy rưng rưng lệ nhoà: Hơn chục năm nay, một mình xuôi ngược bôn ba, trải đủ mọi nỗi gian nan khảm khắc, đến cuối cùng hy vọng bỗng thành mây khói. Lúc này đây, tuy tiếng là đã đánh vào được đến Sính đô, phá được tông miếu nước Sở, cũng coi như trút được một phần oan uổng, thế nhưng Sở Bình vương và Phí Vô Cực đều đã chết, Sở Chiêu vương trốn mất biệt tăm, nỗi niềm mong mỏi được trả nợ nước thù nhà còn chưa toại nguyện. Muốn trả được món nợ máu sâu sắc ngày nào, ắt phải chạm được lưỡi dao vào đầu vào cổ kẻ thù, thế

nhưng lúc này, kẻ thì chết, kẻ thì trốn mất, biết làm sao đây? Chẳng lẽ đeo đuổi đến đây rồi đành bỏ dở? Không được! không bắt sống được thì cũng nhìn thấy hắn chết, tìm xác của Sở Bình vương rồi dùng cái đạo mà hắn đã dùng nó để hại người, bây giờ lại hại cho bản thân hắn. Cắt đầu hắn xuống, tán ra thành bột, sau cùng mang tới đây để tế các vong linh, an ủi những bậc trung thần, như thế mới hả được hận trong tim. Ngũ Tử Tư dứt khoát với ý định của mình, liền đi tìm gặp Ngô vương Hạp Lư:

– Thần đi theo đại vương, góp sức khi có chiến sự, đi đến đâu giặc tan đến đó. Ngày nay, kinh đô nước Sở đã bị ta chiếm giữ, tất cả mọi thứ như núi non, sông ngòi, ruộng đất, của cải, phố phường, cung điện, báu vật và cả con gái đẹp ... của nước Sở, đều trở về tay đại vương, riêng thần đây, thù nhà chưa trả được, biết bao điều hối tiếc, xin đại vương hãy cho thần được thực hiện cái sở nguyện chưa thành đó của mình.

Hạp Lư ra chiều đăm chiêu suy nghĩ, sau đó liến thoắng nói:

– Quả nhân thừa biết điều sở nguyện đó của ái khanh nhưng Bình vương thì chết rồi, quả nhân những muốn bắt sống Chiêu vương, rồi để ái khanh tận tay chém hắn, nhưng không ngờ hắn lại trốn được ra nước ngoài, không biết nên làm thế nào bây giờ.

Ngũ Tử Tư cương quyết lắc đầu, nói dứt khoát:

– Bình vương tuy đã chết, nhưng mối thù giết cha của hắn với hạ thần, không đội trời chung, niềm uất hận đó chẳng bao giờ phôi pha.

Hạp Lư mềm mỏng hỏi lại:

– Vậy theo ý ái khanh lúc này thì làm thế nào mới có thể báo thù rửa hận được?

Ngũ Tử Tư vái rạp xuống đất, nói:

– Tha thiết mong đại vương ân chuẩn, thần muốn đào mồ Sở Bình vương lên, phơi thây hắn ra, rồi dùng dao chém. Nếu không như thế, khó mà trả được mối thù hận của cha anh và hơn ba trăm người nhà phải chịu chết oan.

Hạp Lư nghe nói thế, bỗng rùng mình. Mối thù sâu tựa biển của Ngũ Viên, không thể không báo, nhưng đào mả phơi thây, thì từ thượng cổ đến nay chưa ai nói đến, dù sao cũng có điều quá ư tàn nhẫn… thế nhưng đánh Sở phen này, Ngũ Viên là người có chiến công nổi trội, huống hồ không có Ngũ Viên cũng chẳng có Tôn Tử, cũng chẳng có công lao đánh tan nước Sở, sao có thể từ chối lời hỏi đến của một công thần? Hạp Lư nghĩ trong bụng như thế, bèn tỏ ra gắng gượng trả lời:

– Nếu không như vậy, khó mà hả được nỗi uất hận trong lòng, thôi cứ theo như ý của Ngũ đại phu mà làm vậy!

Đã được Ngô vương ân chuẩn cho đề nghị của mình, Ngũ Tử Tư lập tức đến núi Tây Long tìm lăng tẩm của Sở Bình vương. Núi Tây Long là nơi nhiều đời vua nước Sở lấy làm nơi để lăng mộ, từng lớp, từng hàng, từng ngôi mộ một, cao to hùng vĩ, lặng lẽ trang nghiêm, tựa hồ như một nẻo phố

phường. Trước mỗi ngôi mộ đều có bia mộ, Ngũ Tử Tư đi dò từng tấm bia, xét từng ngôi mộ, chẳng thấy ngôi nào mang tên của Bình vương. Ngày hôm sau, Ngũ Tử Tư lại mang theo mấy người tâm phúc theo hầu, lệnh cho họ mỗi người mang theo một cây choòng sắt, tiếp tục đi tìm lăng mộ của Sở Bình vương. Vừa đi dò hỏi, nghe dân chúng bảo rằng, mộ của Sở Bình vương thì nhiều vô kể, bên ngoài bốn cửa nam bắc tây đông nơi nào cũng có, đều ở cách thành hàng chục dặm đường. Mộ lại xây vừa cao vừa to, như một quả gò, ngay từ xa đã có thể nhìn thấy. Thế nhưng những ngôi mộ ấy đều là mộ giả cả, Ngũ Tử Tư sai người thử đào ra xem sao, trong quan cách đều thấy trống không, đừng nói xác người, ngay đến một mẩu xương cũng chẳng có. Ngũ Tử Tư sai người tìm từ cửa đông sang cửa nam rồi lại từ cửa tây tìm sang cửa bắc, đào tung lên đến mười mấy chỗ, ngôi nào cũng thế.

Lăng mộ của Sở Bình vương xây dựng vừa đúng ba năm, ông ta thừa biết có quá nhiều người thù ghét mình, e rằng sau này mình chết đi, sẽ có kẻ đến đào mồ cuốc mả, huỷ xác phơi thây, cho nên toàn bộ công trình xây dựng làng mộ đều làm bí mật, chẳng những dân chúng ở Sính đô không ai được biết, mà ngay các quan văn võ trong triều, nội thị trong cung cũng không ai rỏ. Bận rộn liên tục một số ngày, Ngũ Tử Tư vẫn chưa cam chịu, trở vào trong cung dò hỏi những thái giám tuổi cao cũng như những cung nữ lớn tuổi. Có hai thái giám nói rằng, nghe đâu mộ của Bình vương để ở vùng hồ Liêu Đài ngoài cửa đông thành, cụ thể ở vị trí nào của hồ, thì không được rõ, vì lúc bấy giờ chẳng ai được tới đó. Ngũ Tử Tư nghe tin, mừng hết chỗ nói, lập tức mang theo quân hầu qua cửa đông đi thẳng tới vùng hồ Liêu Đài.

Hồ Liêu Đài ngang dọc mỗi bề hơn chục dặm. Ngũ Tử Tư đứng ở bên hồ đưa mắt nhìn ra xa, chỉ thấy nước hồ mênh mang, bốn phía bờ hồ chỉ thấy toàn là rừng cây bụi cỏ, ngay một mô đất nhỏ, cũng không nhìn thấy, lấy đâu ra mộ với lăng? Chẳng lẽ hai vị thái giám ấy nói xằng, không bao giờ! Họ không dám thế. Ngũ Tử Tư tung mình xuống ngựa, những người theo hầu cũng lần lượt xuống theo, cùng với Ngũ Tử Tư đi tìm thật kỹ một lượt ven hồ, xem có thấy dấu vết gì của lăng mộ. Một đoàn cả chục con người, từ sáng sớm tìm đến chiều tối, kết quả là tay không lại vẫn tay không, Ngũ Tử Tư bất giác thương tâm mà rơi lệ. Tên sống không bắt được, đứa chết rồi cũng không tìm thấy, lẽ nào chịu để oan chìm đáy biển, vĩnh viễn không có ngày trả thù hay sao? Mười sáu năm trời nay, ông phải ngậm đắng nuốt cay, râu tóc đều bạc trắng, chỉ mong sao có ngày đánh được nước Sở, nào ngờ ngày mong mỏi ấy đến được, lại không trông mong gì trả được thù nhà! Thấy Ngũ Tử Tư thương tâm khóc lóc như một đứa trẻ, một trong những người đi hầu đã bước ra khuyên:

– Xin tướng quân hãy lau khô nước mắt, trời cũng đã tối rồi, tạm thời về phủ nghỉ ngơi, ngày mai lại đến tiếp tục tìm nữa, tìm thấy đương nhiên là tốt, nhược bằng tìm không thấy, thì tướng quân cũng đã lo tròn chữ hiếu, dưới cửu tuyền, lão thái sư và lệnh huynh cũng không trách gì tướng quân.

Ngũ Tử Tư buông một tiếng thở dài, thấy mặt trời đã khuất sau rừng, màn đêm đã buông, đành ra lệnh kéo nhau về phủ, ngày mai lại ra tìm. Tìm luôn như thế ba ngày, không có một chút kết quả gì, Ngũ Tử Tư uất ức trong lòng, đùng đùng nổi giận, trở về đến phủ, lệnh cho người thư ký thảo ra một tờ

yết thị, rồi chép ra nhiều bản, dán khắp hang cùng ngõ hẻm. Nội dung yết thị là: "Bản tướng đang muốn tìm mộ của Sở Bình vương, ai biết ở chỗ nào, đến báo cho biết ngay, ắt sẽ được trọng thưởng; kẻ nào biết mà không báo, sẽ bị giết cả nhà. Nếu trong ba ngày không có người đến báo mộ của Sở Bình vương, bản tướng sẽ cho cả Sính đô này tắm máu", dưới cùng là chữ ký của Ngũ Tử Tư.

Sở Bình vương nghe lời sàm tấu của Phí Vô Cực, giết cha con Ngũ Xa và cả nhà ông hơn ba trăm người một lúc, đã gây nên trong cả nước từ trên xuống dưới một làn sóng bất bình đối với Sở Bình vương, sự căm ghét đối với Phí Vô Cực, sự đồng tình và quan tâm với cảnh ngộ của Ngũ Tử Tư. Thế nhưng sau này vì muốn báo mối tư thù của mình, Ngũ Tử Tư đã phản lại tổ quốc, giúp Ngô vương nhiều lần đem quân đánh nước Sở, khiến cho ruộng vườn của hàng ngàn hàng vạn dân lành vô tội nước Sở bị huỷ hoại, đồng đất hoang vu, lưu lạc tan tác, đói rét khóc than, dân chúng từ lâu đã trở nên oán ghét Ngũ Tử Tư. Ngày nay Ngũ Tử Tư lại một lần nữa dẫn quân Ngô về đánh nước Sở, huỷ hoại tông miếu nước Sở, làm cho sinh linh chịu bao nỗi lầm than, từ chỗ oán ghét, dân chúng đã đi tới chỗ coi Ngũ Tử Tư là kẻ thù không đội trời chung với họ, xem những dòng yết thị đó, lại càng xem Ngũ Tử Tư như nước lũ, như thú dữ, một là run sợ kinh hãi, hai là căm ghét thù oán, nhao nhao lên chửi bới. Người này bảo: "Dưới con mắt Ngũ Viên lúc này, trăm họ không hơn gì dê chó, muốn đánh thì đánh, muốn giết thì giết". Người kia nói: "Ngũ Viên chỉ hù doạ vậy thôi, cho rằng có biết mộ của Bình vương ở đâu, cũng không nói cho hắn biết, chẳng lẽ hắn lại có thể giết được hết dân chúng ở Sính đô này sao". Lập tức lại có người thứ ba phụ hoạ: "Đúng! Trước mặt cái

tên còn hung hăng bạo ngược hơn sói lang này, dân chúng cần phải cứng cỏi lên. Nếu có kẻ nào đó đi báo với hắn lăng mộ của Bình vương ở đâu, thì chúng ta hãy giết kẻ ấy trước"... Đông đảo dân chúng mỗi người một câu, nỗi uất ức trong lòng họ như bật tung ra theo từng câu nói, kết quả là ba ngày hẹn qua đi, Ngũ Tử Tư cũng chẳng hề nhận được tin tức gì. Đang giữa lúc Ngũ Tử Tư căm tức như bầm gan tím ruột, muốn tắm máu Sính đô, thì có một cụ già tóc bạc, tuổi ngoài tám mươi, lưng gù rạp, lóc cóc đi một mình đến phủ thái sư thăm Ngũ Tử Tư. Thấy vị khách không mời mà đến này, Ngũ Tử Tư kinh ngạc hỏi:

– Lão trượng đến thăm, chẳng hay có việc gì vậy?

Cụ già tóc bạc thở hổn hển, bước vào khỏi cửa là ngồi bệt xuống đất, một lúc lâu mới nói từng câu nhát gừng:

– Thảo dân người ở ngoại thành, nay thấy tướng quân nổi giận, muốn tắm máu cả Sính đô này, nên vội vàng đến đây, không biết dân chúng Sính đô đã mắc tội gì?

Giọng nói của cụ già tóc bạc nghe ra có vẻ rất ôn hoà, nhưng vẫn hàm chứa sự trách móc. Ngũ Tử Tư thấy ghét quá, đã định sai người xua đi, nhưng thấy tuổi tác ấy vẻ mặt ấy, linh cảm rất có thể cụ là người biết chỗ để mộ của Bình vương, thế là đành nén giận, kiên nhẫn giải thích:

– Tôi là hậu duệ của họ Ngũ, năm đời trung thần, ngày nay về kinh đô, dân chúng trong thành chẳng những không chiêng trống đón mừng, ngược lại cứ làm như gặp hổ gặp báo, sợ hãi lảng tránh hết. Tôi muốn trả thù cho cha anh và

hơn ba trăm con người trong gia đình bị giết hại, trọng thưởng cho người nào đến báo cho biết mộ của Sở Bình vương ở đâu, thế nhưng, đã ba ngày rồi, cũng chẳng có ai giúp bản tướng một tay, cái bọn ngu muội bướng bỉnh không biết đâu thiện đâu ác, chẳng hiểu thế nào là nghĩa lý ở đời, để chúng phỏng có ích gì, cho nên định giết hết…

Nghe hết những lời Ngũ Tử Tư nói ra, cụ già tóc bạc gật gù ngẫm nghĩ và nói:

– Tướng quân cuống quít sôi sục lên đi tìm mộ của Sở Bình vương, không hiểu là có ý gì?

Ngũ Tử Tư nghiến răng nghiến lợi nói:

– Đào mộ hắn lên, phơi thây hắn ra, chém đầu hắn chứ còn làm chi nữa!

Cụ già ngạc nhiên không nói, mãi sau mới thốt lên:

– Ôi! Tướng quân lầm rồi!

Ngũ Tử Tư hầm hầm nói:

– Lão già vô tích sự, sao dám nói bậy bạ! Có biết mộ của Sở Bình vương ở đâu thì nói ra mau; không biết, thì cút ngay!

Ngũ Tử Tư nói những lời làm mếch lòng người như vậy, nhưng cụ già vẫn không để ý, thành khẩn khuyên nhủ:

– Xin tướng quân hãy tạm nguôi giận, người xưa có câu, quân tử có thù ai, người ấy chết thì thôi. Nay tướng quân muốn đào mồ của người thù địch, phơi thây họ, chém đầu họ… thực ra thế là trái với lẽ thường đấy!

Đang tức đầy ruột, đời nào Ngũ Tử Tư chịu nghe theo lời khuyên của cụ già, bèn quát lên:

– Đào mồ phơi thây, tự tay ta chém đầu lâu Sở Bình vương, ý ta đã quyết, chớ có nói gì thêm.

Thấy Ngũ Tử Tư ngoan cố bướng bỉnh, cụ già nghĩ rằng có khuyên cũng chẳng ăn thua gì, nhưng vẫn liều chết khuyên một điều:

– Bình vương tuy là ông vua không lấy gì làm nhân đức, giết lầm cha của tướng quân và hơn ba trăm người trong nhà, tội ác không thể đổ cho ai được, tuy nhiên tội đáng chém không tha, là ở tên gian tặc Phí Vô Cực. Cứ cho là lầm lỗi ở một mình Sở Bình vương, thì vua có giết tôi, cũng như cha giết con mình, làm gì có con nào lại đi đào mả cha mình mà phơi thây ra vậy? Huống hồ, ngày nay tướng quân đã đánh diệt nước Sở, huỷ hoại cả tông miếu Sở cũng coi như đã báo được thù, rửa được hận rồi. Còn không cứ ân ân oán oán thế này, báo thù rồi rửa hận, biết đến bao giờ mới thôi. Cứ cho rằng Bình vương ác độc không thể tha, có đào mồ, phơi thây, cũng mới đáng tội, nhưng việc ấy nào có dính dáng gì đến dân chúng, nay tướng quân định tắm máu cả kinh thành Sính đô, giết chết người vô tội, thì là lẽ gì? Tướng quân nên biết rằng, nước Sở là nơi chôn nhau cắt rốn của mình, là đất

ông bà cha mẹ, dân chúng ở Sính đô là đồng bào, là anh em ruột thịt của mình sao có thể manh động mà chém giết?

– Đủ rồi! – Ngũ Tử Tư giận dữ quát lên một tiếng cắt ngang lời khuyên bảo ân cần thiết tha của cụ già tóc bạc – Bản tướng đã nói trước rồi, ý ta đã quyết, còn dám nhiều lời, thì giết ngươi trước để tế đao.

Cụ già lại thở dài sườn sượt, mãi sau mới nói:

– Nếu cuối cùng vẫn không tìm ra mộ của Bình vương ở đâu, thì tướng quân làm thế nào?

Không hề do dự, Ngũ Tử Tư liền đáp:

– Quân lệnh đã ra, tuyệt đối không sửa lại, nếu cuối cùng không thấy được xác của Bình vương, thì ta sẽ cho Sính đô tắm máu.

Cụ già tóc bạc thấy Ngũ Tử Tư vẫn như một hòn đá ngang ngạnh, cho dù có nói rát cổ bỏng họng, cũng khó làm ông đổi ý. Vì an toàn tính mệnh cho con dân trong toàn kinh thành, vạn bất đắc dĩ, đành nói như dằn dỗi:

– Già này những muốn thuyết phục tướng quân nên mới đến đây, nhưng thấy tướng quân lòng dạ đã như sắt đá thế này, đành phải nói cho tướng quân biết nơi để mộ của Sở Bình vương.

Ngũ Tử Tư nghe nói, mặt mày bỗng rạng rỡ hẳn ra, vội vàng quỳ mọp xuống đất, quay về phía cụ già rập đầu lia lịa nói:

– Xin lão trượng hãy nói ra, ân tình này, bản tướng đến chết cũng không quên.

Cụ già ngó mông lung ra phía xa, hồi lâu sau mới xót xa nói từng tiếng một:

– Mộ của Sở Bình vương, không ở trong lăng mộ vương thất ở núi Tây Long, mà ở trong hồ Liêu Đài.

Ngũ Tử Tư lạ lùng hỏi:

– Có nghĩa là ở dưới nước hồ sao?

Cụ già khẽ gật đầu.

– Đúng là ở phía dưới nước hồ.

Trên gương mặt của Ngũ Tử Tư bỗng hiện lên những nét hồ hởi vui mừng:

– Hèn nào mà ta mang người đi tìm khắp vùng bờ hồ Liêu Đài, chẳng hề phát hiện ra một chút dấu vết gì của lăng mộ hết – Với khẩu khí như bàn bạc, ôn hoà nhã nhặn hỏi cụ già – Lão trượng có ưng dẫn đường tới đó được không?

Cụ già miễn cưỡng gật đầu. Cụ đành phải thế, bởi vì không tìm ra lăng mộ của Bình vương, Ngũ Tử Tư sẽ bắt cả kinh thành Sính đô tắm máu.

Ngũ Tử Tư bỗng dưng quay ra kính trọng cụ già tóc bạc, thấy cụ tuổi cao sức yếu, đi lại khó khăn, xếp cho cụ ngồi trên cỗ

xe ngựa trang trí rất diêm dúa đi ở hàng đầu, thực tế là làm nhiệm vụ dẫn đường, phía sau mang theo mấy trăm binh lính. Mặt hồ mênh mang như không bến không bờ, nước hồ trong xanh ngăn ngắt, trên hồ đảo lớn đảo nhỏ nhấp nhô như trong tranh vẽ, tuy giữa ngày đông tháng giá, nhưng vẫn một màu nước biếc non xanh, sắc trời rực rỡ, vắng vẻ và u nhã. Tuy thế, nhưng chẳng ai còn bụng dạ nào ngắm nước ngắm trời, Ngũ Tử Tư sốt ruột hỏi cụ già:

– Mộ của Bình vương ở đâu?

Cụ già tóc trắng từ từ xuống khỏi xe, Ngũ Tử Tư cũng vội vàng xuống ngựa, cụ già đi trước, mọi người đi tiếp theo phía sau, lần theo ven hồ quanh co đi lên phía trước, đi chừng hơn mười dặm thì dừng chân, trước mắt là một vách đá lớn đột ngột nhô lên, cụ già đưa tay ra hiệu, nói một cách dứt khoát:

– Đấy! Dưới những lớp đá kia là lăng mộ của Bình vương!

Ngũ Tử Tư ra lệnh một tiếng, bọn lính thuỷ xông vào đào núi đục đá, chí cha chí chát mấy hôm, cuối cùng đã đục thủng được lớp đá ấy, hiện ra phía trong, là một chiếc hang sâu. Hang tạo thành hình vuông, người có thể đứng thẳng mà đi trong đó. Đi vài chục bước, bỗng lối đi hẹp lại và thành hình tròn, phải phủ phục xuống mà bò mới qua được. Ngũ Tử Tư hạ lệnh, binh lính nhất loạt phải bò xuống đất, nối nhau như đàn cá trườn đi. Qua cái động tròn, lối đi lại rộng ra, nhưng tối như bưng, chỉ có mỗi một chùm tia sáng từ cửa động chiếu vào, thế nhưng càng lên phía trước, ánh sáng càng yếu đi, rồi dần dần hoàn toàn mất hẳn, người như đứng

trong cái thùng sơn đen, đưa tay ra không nhìn thấy ngón, phải đốt đuốc, mới tiếp tục đi lên được phía trước. Vách động tạo thành chiều dốc xuống, xuyên thẳng xuống đáy hồ, người đi trong động, y như lúc xuống dốc, hết sức nhẹ nhàng. Trong hang động âm u đáng sợ, ẩm thấp như trong chiếc lồng hấp, đi một lát, quần áo đã ướt sũng, nước nhỏ ròng ròng; tiếng động không có chỗ lan toả, cho nên khẽ động vào đâu là vang lên như sấm rền, nói chuyện với nhau, chỉ thấy tiếng ùm ùm, không phân biệt được giọng nói. Càng về phía trước, không khí như càng loãng thêm ra, người nào người nấy ngột ngạt, ai ai cũng thấy khó thở. Không biết đi như vậy bao lâu, thì đến chỗ tận cùng của hang động, chỗ này không gian cao rộng, tựa như một sảnh đường, chính giữa đặt một chiếc quan tài đá, chế tác rất tinh vi, hoa văn cầu kỳ, bóng bẩy như mài dũa. Ngũ Tử Tư và cụ già tóc bạc không thể bò vào hang, nên đứng đợi ở ngoài.

Giữa lúc họ chờ đợi quá sốt ruột, không thể chịu được nữa, thì có hiệu uý vào báo, nói lại mọi điều đã thấy trong hang. Ngũ Tử Tư lệnh quân lính đưa chiếc quan tài đá ra ngoài hang. Ngũ Tử Tư chỉ tay ra lệnh thì dễ, nhưng binh lính xê dịch chiếc quan tài đá ấy mới là việc khó. Một là do không khí loãng nên họ thấy khó thở, người nào người nấy há miệng ra mà hớp như cá, mặt mày tái mét, chốc chốc lại thấy chóng mặt buồn nôn, chân tay rã rời; hai là trở ra ngược dốc, chẳng khác nào phải khiêng nặng mà leo núi; ba là lòng động quá hẹp, không có cách nào đưa quan tài ra lọt. Cũng may nhờ có đông người, vất vả hì hục mãi rồi cũng đưa được chiếc quan tài ra cửa hang, rồi đưa đến bờ hồ Liêu Đài. Thế nhưng khi cậy nắp quan tài ra xem, nằm trong đó không phải một cái thây người, mà là một pho tượng đồng,

mình mặc đồ tơ lụa của vương công, vẻ mặt hao hao Sở Bình vương. Ngũ Tử Tư vừa nhìn thấy, cơn giận ở đâu lại kéo đến đùng đùng, dằn từng tiếng hỏi cụ già:

– Nói mau! Sao lại thế này?

Cụ già cúi đầu nhìn xuống đất, ngửa đầu nhìn trời, thả mắt nhìn ra hồ, im lặng không nói. Ngũ Tử Tư thấy thế, lửa giận càng bốc cao, "xoảng" một tiếng, rút cây thất tinh bội kiếm ra, dí sát mũi kiếm vào cổ họng cụ già, gầm rít lên:

– Đồ điên cuồng to gan mật lớn, lại dám trêu bản tướng à, không thể tha ngươi được!

Lúc này chỉ cần đốc kiếm trong tay Ngũ Tử Tư khẽ nhích là cụ già sẽ nhắm mắt tắt hơi. Thế nhưng ông ta không làm thế, tay cầm đốc kiếm bỗng từ từ rời xuống rồi buông thõng, bởi ông ta đã nghĩ lại, giết cụ già này đi, thì có thể không còn ai bảo cho biết mộ của Bình vương thực sự đặt ở đâu. Theo bản năng, Ngũ Tử Tư đờ đẫn nhìn vào mặt cụ già, không ra thương hại, không ra thù ghét. Còn cụ già thì nét mặt như sắt lại thủng thẳng từng lời, thận trọng hỏi lại:

– Già này muốn hỏi lại Ngũ tướng quân một câu, vậy chứ tại sao mà lại cứ khăng chém thây Sở Bình vương bằng được như thế?

– Không như thế, thì không hả được giận trong lòng!

– Làm gì cũng nên dừng đúng lúc, chó cùng hay rứt giậu, Ngũ tướng quân hiểu thấu điều đại nghĩa, tại sao lại không thông một chút lẽ thường này?

– Bản tướng đã quyết trong lòng, còn chưa đạt mục đích, quyết sẽ chưa thôi.

Một lần nữa cụ già lại thở dài sườn sượt, vuốt nhẹ chòm râu bạc bay trước ngực, nói:

– Già này tám mươi hai tuổi rồi, chết cũng chẳng tiếc, chỉ có điều dân chúng Sính đô thử hỏi có tội gì?

Cũng có thể Ngũ Tử Tư bất chợt nhận ra rằng, không giết mấy người dân Sính đô, thì lão già này chưa chịu nói ra sự thực. Cũng có thể lời nói của cụ già đã thức tỉnh con người này, ông ta tra kiếm vào bao, lệnh người lên ngựa cấp tốc về thành bắt một số dân thường mang ra đây. Thế rồi cũng chỉ chừng thời gian ăn xong một bữa cơm, cả chục người dân vô tội bị bọn lính Ngô hung hăng như hổ như sói trói tay giải đến, trong đó có những cụ già trạc tuổi xưa nay hiếm, có trẻ nhỏ mười mấy tuổi và có cả phụ nữ mang thai sắp đến ngày sinh. Ngũ Tử Tư ghé sát một ông già quát hỏi:

– Yết thị của bản tướng, ngươi có đọc không? Ông già lụng bụng thủng thẳng đáp:

– Không đọc, chỉ nghe người ta nói lại thôi.

– Đã nghe người ta nói, tại sao không đến báo cho bản tướng biết lăng mộ của Sở Chiêu vương ở đâu?

Ngũ Tử Tư hỏi vặn lại.

Ông già không ngờ rằng Ngũ Tử Tư có thể hỏi ông như thế, vội giải thích luôn:

– Tướng quân lầm rồi, tôi là người Tần, con trai tôi buôn bán ở Sính đô, tôi mới ở nước Tần sang đây được nửa tháng nay, làm sao biết được lăng mộ của Sở Bình vương ở đâu?

Bị hỏi vặn đến ớ cả người ra, Ngũ Tử Tư giận quá hoá càn, quát:

– Thằng cha gian ngoan xảo quyệt này, lại dám bịa chuyện ra để lừa bản tướng, thật đáng ghét! – Nói xong, rút kiếm ra xỉa đúng tim ông già, một tiếng rú thảm thiết vang lên, ông già ngã trên vũng máu.

Ngũ Tử Tư liếc nhìn sang chỗ cụ già tóc bạc, chỉ thấy ông cụ cúi gằm đầu xuống, hai mắt nhắm chặt, như ngây như dại. Chờ một lát sau, Ngũ Tử Tư lại bước tới một người đàn ông đứng tuổi, hỏi:

– Ngươi thì biết tội chứ?

Người đàn ông ấy ném trả Ngũ Tử Tư một cái nhìn bằng đôi mắt trắng, thẳng thắn đàng hoàng nói:

– Tôi là một người nhà quê thật thà như đếm, suốt ngày, dậy sớm thức khuya để làm đồng, có tội gì mà biết?

Ngũ Tử Tư làm ra vẻ quan trọng nói:

– Bố ngươi làm đao phủ thời Sở Bình vương, mười sáu năm trước từng chém đầu cha và anh ta. Xưa nay nợ của cha thì con phải trả, lại còn nói không có tội.

Nghe Ngũ Tử Tư nhắc đến tội danh ấy, người đàn ông dở khóc dở cười nói:

– Tôi năm nay ba mươi sáu tuổi, ba tuổi đã mất cha, thành trẻ mồ côi. Cha tôi cũng làm ruộng suốt đời, chưa bao giờ làm đến chức đao phủ đao phiếc gì cả, mười sáu năm trước làm sao chém được đầu cha với đầu anh tướng quân?

– Ái chà thằng nhà quê cáo già này ghê nhỉ – Ngũ Tử Tư trợn mắt lên như hai cái chuông đồng, tiếng gầm như sấm, vung kiếm lên, ánh thép loé ra sắc lạnh, người đàn ông lập tức đầu lìa khỏi cổ, máu tuôn như xối.

Lại liếc sang cụ già râu bạc, thấy cụ ngoảnh mặt đi, nước mắt chan hoà.

Ngũ Tử Tư lại đến gần người đàn bà bụng chửa vượt mặt, nghiến răng lại nói:

– Không trách được từ khi vào Sính đô đến giờ, việc gì của ta cũng trắc trở, hoá ra đều tại cái xúi quẩy này đây – Vừa nói, định đưa kiếm ra mổ bụng người đàn bà…

Cụ già tóc bạc chợt quay lại, kêu lớn:

– Ngũ tướng quân hãy dừng tay! – Tiếng kêu như núi lở, như đất nhào, những người quanh đó chẳng ai không giật mình kinh hãi. Cụ già quỳ xuống đất van lạy, hai tay khum lại, mặt ngửa lên trời cầu khẩn:

– Hỡi trời cao, sao lại để một mình tôi sống trên đời! Hời đất dày! Sao lại xui khiến để có mình tôi biết điều bí mật này!

Ngũ Tử Tư lại tỏ ra ôn tồn:

– Trời để sống mình ông, để giúp ta trả thù cho cha anh ta, đó là ý trời vậy!

Ngũ Tử Tư một lòng muốn trả thù cho cha anh, thế nhưng, ai là người trả thù cho hai cái thây vô cớ bị giết hại nằm kia? Cụ già khóc rống lên thảm thiết, vật vã như không thiết sống:

– Ôi trời ắt quở ta thôi! Ngũ Tử Tư hằn học nói:

– Ngươi chỉ biết sợ trời quở, lẽ nào không lo bị người giết hay sao? Còn không nói thực ra, bản tướng sẽ giết hết những người này.

Không còn cách nào khác, vả lại cũng không thể nhẫn tâm nhìn hàng con cháu của mình trong toàn kinh thành đầu rơi máu chảy, cụ già tóc trắng đành phải nói với Ngũ Tử Tư về địa điểm thực của lăng mộ Bình vương. Sở dĩ cụ già lần lữa không chịu nói ra sự thực, cũng không phải chỉ vì để giữ nguyên lành thi thể cho Sở Bình vương, mà vì đông đảo dân lành vô tội. Cụ đã nói rõ với Ngũ Tử Tư: Phải dời toàn bộ dân

chúng trong vòng mười dặm phía nam hồ đi nơi khác rồi mới chịu chỉ rõ, nếu không, cho dù có đem cụ ra lăng trì xé xác, cụ vẫn giữ miệng kín như bựng! Chém giết bừa bãi những người dân lành ở Sính đô, chẳng có ích lợi gì cho công việc, bởi vì, trên đời này chỉ duy nhất có mình cụ biết nơi để lăng mộ của Sở Bình vương. Ngũ Tử Tư cân nhắc đắn đo mãi, sau cùng đã nhận lời đề nghị đó của cụ, thông báo cho dân chúng ở trong vòng mười dặm của phía nam hồ, trong ba ngày phải dời đến ở chỗ khác. Ba ngày sau, cụ già tóc trắng còn chưa nói ra địa điểm thực sự của Lăng mộ Bình vương thì sẽ bỏ ông vào nấu trong vạc dầu.

Nguyên là, hồ Liêu Đài từ bắc tới nam hình dạng như quả bầu nậm, đầu bắc lớn, đầu nam nhỏ lưng chừng thắt lại. Dưới sự chỉ dẫn của cụ già, trước hết Ngũ Tử Tư sai lính dùng túi cát lấp đầy chỗ eo hồ đó lại, để nó chia hồ ra làm hai nửa, không thông với nhau, sau đó lại đào ở đầu phía nam ra, thoát hết nước hồ phía nam, lăng mộ chính của Bình vương đã lộ ra và nhìn thấy một cách dễ dàng.

Nghèo thì khó làm nhà, với lại ấm chỗ thì khó dời, tuy Ngũ Tử Tư nói xong đã cho người đi dán yết thị khắp nơi, dân chúng vẫn cứ lần lữa mãi không chịu di chuyển chỗ ở. Cho nên ba ngày sau, khi phá bờ xả nước, thì mười người dân may ra mới có một người dời nhà. Đê quanh hồ đã bị phá, nước lũ tràn về, mênh mông một giải, vườn ruộng ngập chìm, thôn làng nhà cửa tan hoang, trong những dòng nước mênh mang đục ngầu đó, nổi lềnh bềnh nào là kèo cột, cánh cửa, quần áo, đồ dùng và nhiều hơn cả là thi thể người và súc vật, chen chúc nhau, chồng lấp lên nhau, tình cảnh thê thảm không nỡ nhìn. Người nào may mắn còn sống sót thì

hoặc leo lên gò cao, hoặc leo lên cành cây, kêu trời kêu đất, thê thảm không sao tả xiết, có là sắt đá cũng phải rơi nước mắt…

Hồ phía nam đã tháo cạn nước, giữa hồ hiện lên khu lăng mộ hình vòm cung.

Trước hết, Ngũ Tử Tư sai lính gạt hết bùn đất và các tạp chất ở trên đỉnh mộ, sau đó bắt đầu khai quật khu mộ theo sự chỉ dẫn của cụ già tóc bạc. Sau khi bẩy đỉnh mộ lên, nhìn thấy phía dưới đó có một căn phòng vuông vuông, chính giữa phòng có một chiếc quan tài sơn đen rất to đặt trên bệ đá, mọi người đều cho rằng Sở Bình vương được liệm trong chiếc quan tài đó. Ngũ Tử Tư thấy thi thể của Sở Bình vương mà mình trông chờ tìm kiếm cả chục năm trời sẽ ở ngay trước mắt, nên đã sốt sắng lệnh cho quân lính mau mở nắp quan tài ra, nhưng cụ già tóc trắng lại bảo, chiếc quan tài ấy hoàn toàn trống rỗng, mộ thất chính lại ở bên dưới đó kia. Ngũ Tử Tư lệnh cho khiêng chiếc quan tài ấy sang một bên, đẩy chiếc bệ đá đi, mọi người xúm lại cậy tấm đá đó lên. Tấm đá ấy chính là cánh cửa của con đường xuống mồ.

Mấy chục con người xúm lại, mất bao nhiêu hơi sức cũng mới chỉ bẩy tấm đá lớn ấy ra một cái khe nhỏ, nhưng không sao nhấc nổi lên, bởi nó quá nặng. Ngũ Tử Tư thân hành mó tay vào, hai chân xoạng ra, bàn chân bấm xuống đất, hai cánh tay dùng hết sức bình sinh, một tiếng “kẹt” rít lên, sau cùng tấm đá cũng được kênh lên và đặt sang một bên, để lộ ra chiếc miệng hầm vuông. Từ cửa hầm bước xuống, là những bậc bằng đá, bên trong tối như bưng, chẳng thấy thứ gì. Ngũ Tử Tư lệnh cho đốt đuốc lên, cụ già tóc bạc vẫn đi

trước dẫn đường, Ngũ Tử Tư và mọi người theo sát đằng sau, theo bậc đá lần bước xuống phía dưới. Đi thêm một quãng không xa, còn chưa bước hết những bậc đá, mọi người “ôi.” lên một tiếng, thấy trước mặt là những thây người chết ngổn ngang, chỗ thì ba bốn người dồn vào với nhau thành đống, nhìn rất rõ, trước khi chết họ đã ôm lấy nhau; có chỗ thì hai tay ôm ngực như có vẻ đã vật vã đau khổ; có những người khoác tay nhau, có người tựa lưng vào nhau, người thì ngửa lên, người thì sấp xuống, đủ hình đủ vẻ, không thiếu một tư thế nào. Tuy là xương trắng, nhưng từ quần áo họ mặc trên mình còn chưa tan mục hết, hoàn toàn có thể phân biệt được ra đâu là cung nữ, nội thị, đâu là lính tráng, thợ thuyền, dân thường… Mắt nhìn thảm cảnh đó, có người khóc lên, có người chửi, có người vừa khóc vừa chửi, trong nháy mắt, tiếng khóc vang lên nức nở, tiếng chửi rủa râm ran không dứt.

Mọi người len chân qua những xác chết đó đi về phía trước, tới một cung điện ngầm. Vào cửa cung, đến gian tiền điện, qua trung điện thì đến hậu điện, mỗi bước đi, đều thấy vô số đồ đá, đồ gốm, đồ vàng, đồ bạc… bày la liệt ở hai bên lối đi, lại còn biết bao nhiêu là rương là hòm, trong đó đựng cơ man nào là bạc vàng châu báu. Đến hậu điện, dưới ánh đuốc chập chờn, thấy lù lù một chiếc quan tài, do ba chiếc áo quan lồng vào làm một, lại thêm bề dày của gỗ nên nhìn ra mới lớn như thế. Ngũ Tử Tư ra lệnh cho lần lượt mở nắp những chiếc quan tài đó ra, khi mở đến nắp chiếc thứ ba, đột nhiên một mùi hương lạ xộc vào mũi mọi người, đủ thấy các thứ hương liệu bỏ vào trong đó nhiều đến nhường nào. Lớp nắp cuối cùng đã được lật ra, bỗng thấy Sở Bình vương áo mũ chỉnh tề đang nằm trong đó, chẳng những chưa thay hình

đổi dạng, lại chưa thối rữa, sắc mặt vẫn hồng hào, làn da trắng nõn tươi rói, hệt như một người đang nằm ngủ. Nhìn tận mặt kẻ đã giết cha anh mình và hơn ba trăm người trong nhà, Ngũ Tử Tư chợt thấy như một Sở Bình vương còn sống đang đứng ngay trước mặt, bất giác mi giương mắt trợn, lửa giận đùng đùng, chìa tay phải ra, thộp lấy ngực Sở Bình vương, miệng chửi:

– Tên hôn quân! Mày cũng có ngày hôm nay à? – Thuận đà lôi cái thây từ trong quan tài lên, hai tay nâng lên cao rồi căm giận vứt xoài ra đất. Ông ta đang định đưa tay rút thanh kiếm thất tinh đeo bên mình ra, cắt lấy đầu của Bình vương, đem đến trước mồ của cha anh mình để tế vong linh, nhưng lại thấy làm như vậy chưa hả giận, thế là rút từ bên cạnh sườn mình ra mấy cái roi đồng, theo tiếng hô "hôn quân, hãy chịu đòn" roi đồng tới tấp như mưa trút xuống cái xác của Bình vương, đánh liền một chập hơn ba trăm roi, cho đến lúc đánh nát cả quần áo, bay cả thịt da của Bình vương đi, ngay xương cốt có cái cũng bị gẫy tan… lúc ấy mới dừng tay. Ngũ Tử Tư đứng thở một hồi, sau đó định rút kiếm thất tinh ra cắt đầu Bình vương, thì không hiểu lửa giận ở đâu lại dâng lên. Kể cũng lạ, đánh liền hơn ba trăm roi như thế, mà lại không chạm gì đến cái đầu của Bình vương, khuôn mặt vẫn còn nguyên vẹn, hai con mắt nhắm hờ với dáng vẻ rất an nhàn thư thái. Nhìn thấy vậy, lửa giận trong người Ngũ Tử Tư càng bốc cao hơn, miệng chửi tiếp:

– Tên hôn quân! Lúc mày sống trên đời, cũng có đủ đôi mắt với hai con ngươi, vậy mà người trung kẻ gian không biết phân biệt, ai hiền ai ngu chẳng nhận được ra, tốt xấu không hề thấy rõ, nghe lời sàm tấu, giết oan cha anh và cả nhà ta,

tàn hại không biết bao nhiêu bậc trung lương, ta căm ngươi muốn chết mất thôi! – Nói rồi dắt roi đồng vào bên sườn như cũ, ba ngón tay run run chìa ra, rồi “phập, phập” liền mấy nhát, lao thẳng ngón tay vào móc đôi tròng mắt Bình vương ra ngoài, sau đó mới rút kiếm cắt lấy đầu Sở Bình vương, để tế mộ cha mình. Đến đây, Ngũ Tử Tư tựa hồ như trút được gánh nặng trên vai, thấy toàn thân thanh thoát nhẹ nhàng, thở phào một hơi nhẹ nhõm nói:

– Mười sáu năm nay, mối thù khiến ta mất ăn mất ngủ, đến hôm nay rốt cuộc đã trả được rồi, cha anh ta có thể yên lòng nhắm mắt nơi chín suối.

Ngũ Tử Tư tỏ vẻ hể hả và thỏa mãn, binh lính tận mắt nhìn thấy thủ đoạn trả thù tàn bạo ấy, người nọ nhìn người kia, chẳng ai dám nói gì, họ không tin được rằng đó lại là hành vi của Ngũ Tử Tư.

Ngũ Tử Tư đã vơi mối thù hận trong lòng, quay ra tìm cụ già tóc bạc, chuẩn bị ban thưởng cho cụ. Thế nhưng, cụ già vừa mới rồi còn đứng cạnh mình, bỗng biến đi đâu mất tăm mất tích, đành sai quân lính bủa đi tìm khắp nơi. Bình lính tìm hồi lâu không thấy đâu, đang định quay về báo lại, chợt trên mặt hồ gần đó, nổi lên xác chết của cụ già, thì ra cụ đã không nỡ nhẫn tâm nhìn thấy thảm cảnh mà nhảy xuống hồ tự tử.

Tại sao cụ giả tóc bạc ấy lại biết được nơi để lăng mộ của Bình vương? Chuyện rằng cụ già ấy tên là Trâu Tích Đức, là thợ đá xây lăng cho Bình vương. Năm năm trước khi Sở Bình vương qua đời, một hôm, tư không đại thần cho tập hợp tất cả thợ đá, thợ xây, thợ mộc… của Sính đô lại một

nơi, chỉ riêng thợ đá, đã có tới một trăm hai mươi người, Trâu Tích Đức cũng ở trong số đó.

Họ trước còn đục đá bên bờ hồ Liêu Đài, kế đó là lên núi khai thác đá, lấy những tảng đá từ trong lòng núi mang về đục đẽo thành những khối dài, ngắn, to, nhỏ, vuông, tròn … đủ các kiểu khác nhau. Họ làm như thế vừa đúng hai năm. Đá được đẽo đục xong, cho chở tới bờ nam của hồ Liêu Đài, lúc đó đã sẵn có binh lính thải hết nước của bờ nam hồ, đào một cái hố sâu hàng mấy trượng ở giữa hồ, các thợ đá ở trên núi bị lùa đến đây xây cung điện ngầm. Họ thi công theo hình vẽ, chỗ thì lát, chỗ thì dựng, chỗ thì chèn, chỗ thì xếp sau rồi trát vữa lên trên, làm túi bụi như vậy đúng một năm. Trong thời gian thi công, cứ một người thợ đá lại có một người lính luôn kèm ở bên cạnh, không cho ai về nhà, không được tiếp xúc đi lại, không cho phép ra ngoài chữa bệnh, ăn tại chỗ, ngủ tại chỗ, ỉa đái cũng đào lỗ đi ngay gần đấy. Xong công trình họ vẫn bị nhốt ở trong đó, không được tha về, đông qua hè tới, lại hai năm nữa qua đi.

Một đêm, Trâu Tích Đức lấy cớ đau bụng đi lỏng, liên tục ra hố để đi ngoài. Mấy lần như vậy, cho đến giờ Tý, tên lính theo dõi đã mệt mỏi, dặn rằng có đi thì đi mau mau rồi về. Trong đêm tối, Trâu Tích Đức leo lên khỏi hố, ngồi trong một bụi rậm vờ như đi ngoài, thực ra là để quan sát động tĩnh và muốn nhân đêm tối trốn đi. Bỗng trên bờ hồ rực rỡ ánh đèn, có rất nhiều người đi tới, nào là cung nữ, nội thị, lại còn cả văn võ bá quan trong triều, nhìn chiếc quan tài do mười sáu người khiêng mà đoán, ắt hẳn là những người này đến để an táng Sở Bình vương. Quan tài được khiêng xuống, tất cả những người đi theo cũng lần lượt bước xuống, kể cả

những tướng sĩ, binh lính thường đi đi lại lại ở đó. Một lúc lâu sau, có năm ba người như thể các bậc đại thần gì đó, từ dưới đó đi lên. Một trong những người ấy khởi động cái lẫy, cả tấm đá to kêu soạt một tiếng, đè lên miệng hố, thế là những cung nữ, nội thị quan văn, quan võ, tướng sĩ, binh lính và cả trăm người thợ đáng thương, đang sống nguyên lành bỗng bị giam chặt dưới hố, làm đồ tùy táng cho Sở Bình vương, mãi mãi không bao giờ còn lên được nữa. Cho đến khi bốn bề yên ắng, cảnh vật im lìm như chết, Trâu Tích Đức mới len lén từ trong bụi rậm bò ra, không dám về nhà, trốn vào rừng sâu, sống vạ sống vật cho đến tận bây giờ.

Về đến phủ thái sư, việc đầu tiên Ngũ Tử Tư sai người lấy thủy ngân liệm lại thủ cấp của Sở Bình vương, để tránh bị lấy ra khỏi đất quá lâu, gặp không khí sẽ bị thối rữa để chờ mang đi tế mộ cha anh mình, sau đó điều động quân lính đi lùa hàng ngàn hàng vạn nông dân để lên núi đục đẽo đá, hoặc phá rừng lấy gỗ, hoặc dùng xe dùng thuyền chuyên chở những thứ đó về xây lăng mộ cho cha anh mình và tiên tổ, khí thế thật lớn lao, công trình thật đồ sộ, tốn phí thật là ghê gớm. Cũng còn một điều may mắn là công trình ấy bắt đầu chưa lâu, đã phải thu gọn lại, chưa thực hiện hết tất cả.



Thành công này sẽ nối theo thành công khác

"Càng nắm chắc nhiều cơ hội, thành công càng lớn".

Nếu bạn từng đạt được thành công nào đó (dù lớn hay nhỏ) trong cuộc sống, bạn sẽ biết những động lực mà đó mang đến có tính chất thúc đẩy lớn thế nào. Khi đó, bạn sẽ muốn cố gắng và cố gắng hơn nữa để đạt được thành công cao hơn, cũng như nắm bắt được nhiều cơ hội tốt hơn.

CHƯƠNG XXXIV

QUÂN TẦN CỨU SỞ QUÂN NGÔ RÚT VỀ

Giữa Tùy thành và Sính đô, thường vẫn có người qua lại, Hạp Lư làm gì, Ngũ Tử Tư hành động thế nào, Tôn Tử hiểu rõ như lòng bàn tay, mỗi khi có tin tức gì không vui từ Sính đô truyền về lại như thêm một hòn đá ném vào lòng hồ phẳng lặng nơi trái tim Tôn Tử, làm toé lên những bọt nước và muôn lớp sóng lăn tăn. Những bọt nước và lớp sóng lăn tăn lan ra ấy khiến ông đau khổ, áy náy không yên. Ngũ Tử Tư báo thù, vốn là chuyện hợp tình hợp lý, nhưng dụng tâm hiểm ác thế, thủ đoạn cay độc thế, lấy việc chém giết dân lành bừa bãi để hả cơn giận riêng của mình, điều đó hoàn toàn nằm ngoài suy nghĩ của Tôn Tử. Cũng như vậy, sự thay đổi lớn lao của Ngô vương Hạp Lư đã làm Tôn Tử khó tin, bởi đã từng có một thời ông ta tỏ ra có chí khí lớn lao, gan dạ và hiểu biết, khát khao người hiền, tôn trọng kẻ sĩ, khiêm tốn tiếp nhận mọi lời khuyên, mạnh dạn sửa chữa sai lầm thiếu sót, cũng chính vì thế Tôn Tử mới nhận lời Ngũ Viên giúp ông ta chấn hưng lại nước Ngô, chinh phạt nước Sở, hoàn thành nghiệp lớn là thống nhất thiên hạ. Thế mà nay, cuộc trường chinh vạn dặm chỉ mới đi được mấy bước đầu tiên, vào Sính đô chưa được mấy ngày, Hạp Lư bỗng chốc hóa thành hạng người tâm địa hẹp hòi, một kẻ tiểu nhân đam mê tửu sắc, tầm nhìn thiển cận nhỏ nhen. Cứ thế này mãi, sẽ có một ngày công quả sẽ hoàn toàn trở thành nước lũ ra sông hết, mười năm rèn luyện tập tành phút chốc trở

thành công dã tràng xe cát, làm gì còn nói đến chuyện xưng bá chư hầu, xưng vương thiên hạ được nữa.

Nhìn tận mắt cảnh này, suy ngẫm về tương lai Tôn Tử bất giác thấy tim mình đau nhói từng cơn, lo lắng khôn nguôi. Ông đang nghĩ, con người và muông thú, thử hỏi cuối cùng thì khác nhau bao nhiêu? Ít nhất ra, về những thói tật như tự tư, tham lam, tàn bạo, hung hãn, dục vọng, tranh giành nhau, cắn xé nhau ... hầu như chẳng khác gì, thậm chí ở một bộ phận nào đó, là hoàn toàn giống nhau. Mặc dù vậy, Tôn Tử cũng muốn như một tia sáng, chiếu dọi vào cái xó xỉnh tối tăm ấy của cuộc đời, nguyện làm một trận gió thổi lên lớp đất khô cứng vì băng phủ, nguyện làm một tiếng sấm mùa xuân thức tỉnh những con người đang ngủ say hoặc còn nửa mê nửa tỉnh; nguyện làm một liều thuốc giải độc, để cứu những con người đang mang hoặc nhiễm độc cả tâm linh lẫn thể xác. Thế nên ông quyết định đến Sính đô ngay tức khác để bàn bạc và trao đổi thật cạn lời một phen với Ngũ Từ Tư và Ngô vương Hạp Lư.

Tôn Tử đến Sính đô, trước hết xin vào yết kiến Ngô vương Hạp Lư, nhưng đi tới ba lần đều bị vệ binh ngăn lại, nói rằng đại vương đang còn yên nghỉ ở hậu cung, có lệnh bất kỳ ai đến thăm, nhất loạt không tiếp. Giờ Thìn yên nghỉ, giờ Ngọ cũng yên nghỉ, giờ Mùi vẫn còn yên nghỉ, thật là hết sức vô lý, phải chăng Hạp Lư đang chui vào tổ kén ngủ đông? Từ đó đủ thấy rằng, những tin tức nghe được ở Tùy thành không phải là điều bịa đặt mà hoàn toàn chính xác. Lần thứ ba xin vào thăm bị ngăn lại, Tôn Tử giận đứng cả tóc gáy, bảo nội thị vào nói với Ngô vương, nếu không gặp nữa, Tôn Vũ sẽ lập tức rời nước Ngô về nước Tề. Hạp Lư nghe báo thế,

lúng túng không biết làm thế nào, tiếp Tôn Tử ở ngay phòng ngủ của Chân Mai Phi. Tiếp đại thần tại phòng ngủ trong cung phi tần, một chuyện xưa nay chưa từng có.

Hình tượng của Hạp Lư, lại càng khiến Tôn Tử thấy tởm lợm: Mình không mặc áo bào, đầu không khăn mũ, lưng không thắt đai, đi dép lê, buông xoã tóc, mặt bủng ra, miệng ngáp liên hồi. Tôn Tử đến đây với tất cả tấm thịnh tình, nhìn thấy cảnh này, bất giác thở dài ngán ngẩm, thấy lòng nguội lạnh. Bao nhiêu lâu chẳng gặp, đến giờ mới thấy mặt, song Hạp Lư không hề hỏi han Tôn Tử đi tới đất Tùy triển khai công việc tình hình ra sao, chỉ lơ đễnh hời hợt hàn huyên vài câu. Thôi thì gặp nhau đã ngại ngùng thế này, việc quái gì cả hai cùng phải khổ, chẳng thà bỏ phắt mà đi cho xong. Và như thế, những lời lẽ ân tình và đạo lý cao rộng sâu xa mà Tôn Tử đã chuẩn bị để mang ra thổ lộ, đành không nói ra câu nào, lặng lẽ cúi chào ra đi, ý định rời nước Ngô trong ông lại càng thêm nung nấu.

Ngũ Tử Tư nói với Tôn Tử rằng Hạp Lư vào cung nước Sở, chiếm phi tần thê thiếp của Chiêu vương làm của riêng, lại từng tuyên bố với các tướng lĩnh rằng chiến tranh đã chấm dứt rồi, nên vua tôi mới dâm lạc xa xỉ đến thế. Tôn Tử nghe nói vậy, bất giác cau mày suy nghĩ, vẻ mặt sững sờ. Chiến tranh đâu đã chấm dứt, nước Việt rất có thể thấy Ngô đánh Sở, trong nước sơ hở, sẽ đánh lớn sau lưng nước Ngô. Những nước lớn mạnh như Tề Tấn, rất có thể cứu nước Sở đánh nước Ngô. Chư hầu trong thiên hạ rất có thể cũng kéo đại quân đi hỏi tội, như thế thì nước Ngô đang ở thế bị trăm người nhòm ngó, riêng về mặt này mà nói, một cuộc chiến tranh tàn khốc với quy mô lớn còn chưa nổ ra, làm gì có

chuyện chấm dứt? Chưa nói tới chuyện chư hầu trong thiên hạ, chỉ nói riêng nước Ngô và nước Sở, thì cũng mới chỉ là sự ngưng nghỉ giữa chừng của một trận chiến đấu, trong sự bình lặng, đang âm thầm một cuộc chiến đấu khác khốc liệt hơn. Tôn Tử nói với Ngũ Tử Tư:

– Hiện nay, Sở Chiêu vương đang ở trong vùng rừng sâu cách Tùy thành ba trăm dặm, đang ngày đêm lấy lại tinh thần, chỉnh đốn lại quân ngũ, với ba vạn tinh binh sắp xếp lại lực lượng, quyết tâm đánh đuổi quân Ngô thu phục đất nước.

Ngũ Tử Tư nghe thấy vậy, lấy làm lo sợ, hỏi:

– Những tin tức nguyên soái vừa nói, có đáng tin cậy không?

Tôn Tử thở dài sườn sượt nói:

– Điều đáng lo của quân ta, không phải là ở chỗ ba vạn quân địch mà ở chỗ sĩ khí quân ta ngày một suy đồi. Lấy vũ lực đánh nhau để giành thắng lợi, thực ra không khó lắm, cái khó nhất, là chinh phục được lòng dân nước địch. Muốn thu phục được lòng dân, thì phải nghiêm khắc với ham muốn của mình, không cướp bóc, không tranh giành, không gian dâm, không chém giết, để cho dân được an cư lạc nghiệp. Thế mà ngày nay, Ngô vương và chư tướng lại nhằm giữa lúc ngưng nghỉ của trận chiến, để cho lợi ích và lòng tham làm mờ lương tâm, tự ý làm càn, thực ra là tự hủy hoại mình, tiếp tay cho địch vậy. Tôi vốn không phải người nước Ngô, vì muốn giúp Ngô vương hoàn thành nghiệp lớn, thống nhất thiên hạ, giúp tướng quân đền nợ nước rửa thù

nhà, nên mới tham gia vào trận đánh này, tình hình hiện nay khiến tôi trăm mối rối ren, lòng rất hổ thẹn và hối hận.

Những lời lẽ đó, tuy không như những làn roi đánh thẳng vào Ngũ Tử Tư, nhưng Ngũ Tử Tư lại thấy rất lúng túng, đối với ông ta, hình như Tôn Tử lúc này toàn kể tội ông ta, những lời kể tội ấy còn hơn hai cái tát giáng vào mặt, ông ta thấy mặt mình rát lên, vội vàng đỡ lời:

– Nguyên soái! Hay là chúng ta lập tức khuyên giải đại vương, nói cho người hiểu về đại nghĩa, được không?

Tôn Tử lắc đầu, kể lại một lượt tình hình khi mình ba lần đến xin bái yết Ngô vương cho Tử Tử nghe, sau cùng nói:

– Lúc này khuyên giải đại vương, chẳng có ích gì cho công việc, lại dễ gây ác cảm, khiến các tướng công phẫn, việc gì lại tự đi lấy dây để buộc vào mình, bốc phân bôi lên mặt thế.

Ngũ Tử Tư thấy nguyên soái nói rất có lý, thở dài than vãn, bó tay không còn cách nào. Sốt ruột, lo lắng, không yên, đó là tình cảm, tư tưởng chung của Ngũ Tử Tư và Tôn Tử lúc này, đó cũng là nền tảng tư tưởng để ông ta có thể thành khẩn tiếp nhận sự phê bình của Tôn Tử, dứt khoát và mạnh dạn sửa chữa sai lầm, để hai người đi đến những nhận thức giống nhau.

Hôm sau Tôn Tử rủ Ngũ Tử Tư dạo chơi ngoại thành. Tuy còn chưa sang tháng ba, nhưng vùng Giang Nam vốn khác với miền bắc, còn đang độ xuân sang lạnh giá tiêu điều, còn ở đây sớm đã nồng nàn hơi ấm, cây cối nơi nơi đã trổ chồi

non, nụ lộc trên cành chúm chím, cả một vùng chan hòa cảnh sắc mùa xuân. Một đoàn hơn chục người, đến bên một cánh rừng thưa, chọn một gò cao, thả mình trên cỏ mượt như nhung, tận hưởng cánh sắc của núi sông trước mặt. Cảnh trí nơi đây vốn mang sẵn đặc điểm của mình, một dòng sông như dải lụa chạy suốt từ đông sang tây, bờ bắc là rừng xanh, bờ nam là đồng ruộng, nơi nào đất đai cũng phì nhiêu, màu xanh mới trổ trông thật mỡ màng và đầy sức quyến rũ, tràn trề nhựa sống, dâng ngập đất trời. Cây cỏ ấy, rừng núi ấy, cảnh trí ấy khiến Tôn Tử nghĩ gần nghĩ xa, như dại như ngây. Ngũ Tử Tư thấy vậy không hiểu, hỏi:

– Nguyên soái làm sao mà ngẩn ra như vậy?

Tiếng hỏi của Ngũ Tử Tư khiến Tôn Tử như tỉnh lại, bản thân ông cũng thấy nực cười, nói:

– Tôi đang nghĩ tới những cánh rừng kia, hàng cây kia tại sao có thể xanh tươi rậm rịt mượt mà mênh mang như thế.

Ngũ Tử Tư thản nhiên mỉm cười, buột miệng trả lời ngay:

– Điều đó có gì lạ, vùng này đất đai phì nhiêu, nước non đầy đủ, hoa màu và cây cối đương nhiên là mọc lên tươi tốt thôi!

– Nếu không có đất và nước thì sao? – Tôn Tử như đang lẩm bẩm một mình nhưng lại như gạn hỏi Ngũ Tử Tư.

– Không có đất và nước, chẳng những hoa màu cây cối khô héo chết, hơn thế trên đời này cũng chẳng còn màu xanh tồn tại nữa – Ngũ Tử Tư chẳng cần suy nghĩ đáp ngay.

Ngũ Tử Tư đã trả lời rất đúng, Tôn Tử hài lòng gật đầu và cười thông cảm, cười xong lại gợi ý hơn một chút.

– Hoa màu, cây cối, màu xanh trên đời… tất cả đều dựa vào một điều kiện để sinh sống và lớn lên là đất và nước, thế còn chúng ta – vua chúa, nhân thần, tướng lĩnh, quan lại, binh lính thì dựa vào điều kiện gì để tồn tại? Cái gì là đất và nước mà chúng ta cần thiết gắn bó, không được xa rời?

Đến lúc này Ngũ Tử Tư mới bàng hoàng vỡ lẽ ra, cảm nhận được dụng ý sâu xa của Tôn Tử khi rủ ông đi dạo ngoài thành, đến chỗ đất đai phì nhiêu, nguồn nước dồi dào này để nói chuyện. Ngũ Tử Tư bỗng thấy hổ thẹn không để đâu hết, không biết lánh mặt vào đâu, đành cúi đầu, một lúc lâu sau mới rụt rè nhỏ nhẹ, nhưng lại không chút hàm hồ nói:

– Dân chúng trăm họ là đất và nước mà chúng ta dựa vào để sinh sống, rời xa họ, chúng ta sẽ khô héo như cây thiếu nước.

Ngũ Tử Tư trả lời rất đúng, Tôn Tử không nói thêm gì nữa, im lặng ngó mông lung về phương xa, ông như muốn ngầm bảo rằng: "Đã biết thế, sao ông còn chém giết dân lành vô tội để hả nỗi thù hận riêng của mình? Rồi tại sao lại khiến dân phải mệt người tốn của, tại sao lùa hàng ngàn người dân lao khổ tới để sửa sang mồ mả, xây dựng lăng tẩm cho tổ tiên ông? Lẽ nào ông lại không sợ rằng mất họ đi thì ông sẽ trở nên khô héo hay sao?". Ngũ Tử Tư không phải là phường ngu muội, từ ánh mắt thâm trầm và tư thái nghiêm trang của Tôn Tử, ắt hẳn là đã lĩnh hội được tất cả.

Tâm tư Ngũ Tử Tư hết sức nặng nề, ông ta đang đau lòng nhức óc kiểm điểm lại mình, lục tìm trong mọi khía cạnh, xem xét lại mọi hành động của mình, đồng thời ngay lúc đó cũng vạch ra một phương án sửa chữa sai lầm. Bỗng nhiên một giọng hò chèo thuyền đâu đó vang lên phá tan bầu không khí ngột ngạt như quánh lại, mọi người không ai bảo ai, đều đưa mắt về phía ấy, chợt thấy trên mặt sông không lấy gì làm rộng lắm, hàng ngàn cánh buồm cùng căng lên, hàng ngàn con thuyền tranh nhau lướt sóng, tạo nên một cảnh tượng rộn rã tấp nập. Những chiếc thuyền lớn nhỏ kia, cái thì căng buồm, cái thì kéo dây, cái thì đẩy bằng sào… tất cả đều rẽ sóng tiến lên, tốc độ nhanh như chớp.

Để cho không khí dịu bớt lại, Tôn Tử bảo mọi người hãy bỏ rượu, thịt và thức ăn mang theo ra, mọi người ngồi ở bờ sông ven rừng, ăn uống với nhau một bữa dã ngoại đầy thi vị. Không biết thời gian qua đi bao lâu, từ chân trời phía tây bắc bỗng đùn lên một ụ mây đen như mực, quánh lại như sơn, cùng tiếng gió rít gào, đám mây đen ấy lan ra nhanh chóng, mở rộng mãi ra, bao trùm khắp nơi, trong phút chốc nó biến thành dải non cao trùng điệp, dồn đến che lấp đất trời. Một nháy mắt nữa, trời đất tối sầm, cuồng phong lồng lộn, gió rừng gào thét, mưa trút xuống như xối nước. Trên mặt sông sóng dựng từng cơn, thuyền bè đụng vào nhau, cái bị lật, cái bị chìm, cột buồm gãy, mái chèo mất, thuyền vỡ người chết, vô cùng thảm thương, khắp sông dậy lên tiếng khóc than ai oán.

Gió bão đến mạnh, mà đi cũng nhanh, khoảng chừng chưa ăn xong một bữa cơm, gió bỗng lặng, mây bỗng tan, mặt trời

trên cao le lói. Sự thay đổi nhanh chóng đó của tự nhiên, mang lại cho Tôn Tử và Ngũ Tử Tư một điều gợi ý mới, hai người không ai bảo ai cùng thốt lên: "nước có thể đẩy thuyền, cũng có thể lật thuyền"… Đời sau có người thêm vào phía trước bốn chữ "dân cũng như nước", khiến cho vấn đề càng trở nên sáng hơn. Muôn ngàn năm nay, có biết bao nhiêu người đã nhắc lại câu nói chứa đầy triết lý ấy. Tuy nhiên, từ trong cốt lõi của nó nhận ra tính chân lý của nó, để cho nó hòa tan vào trong máu, chỉ đạo mỗi một lời nói việc làm của mình… thì lại chẳng được mấy người, ngược lại kẻ vừa có chút quyền bính trong tay, bèn coi dân chúng như những kẻ ngu muội, thì đáng buồn lại hơi nhiều…

Tôn Tử và Ngũ Tử Tư đang trao đổi ý kiến với nhau quanh vấn đề sự quan trọng của nhân dân và nên đối xử với nhân dân thế nào cho phải, bỗng đâu có một bóng ngựa phi tới, một hiệu úy vừa chợt tới nơi đã tung mình xuống ngựa hấp ta hấp tấp trình lên:

– Dạ thưa nguyên soái! Hỏng to rồi ạ. Viện quân nước Tần kết hợp với quân Sở thành mười vạn, đang kéo đến sông Tương. Đại vương lệnh nguyên soái và Ngũ tướng quân lập tức về thành để bàn việc đem quân đón đánh địch.

Đến khi Tôn Tử với Ngũ Tử Tư về đến, Hạp Lư đang nổi trận lôi đình với bọn Phu Khái, Bá Bỉ:

– Nghe nói quân cứu viện nước Tấn đã hợp lại cùng quân Sở, đang đánh vào Sính đô, các ngươi có biết không?

Câu hỏi ấy cũng bằng thừa, từ khi vào được Sính đô đến lúc này, tướng lĩnh nước Ngô chìm đắm trong tửu sắc, chẳng ai còn hỏi gì đến chiến sự, suốt ngày ra sức hưởng lạc, làm sao còn biết được tình hình quân địch ra sao. Hạp Lư thấy chuyện đã gấp rút như lửa cháy ngang mày, các tướng lại chẳng hề hay biết, bất giác lửa giận nổi lên đùng đùng, cáu kỉnh hạ lệnh:

– Các tướng ai về vị trí người ấy, chuẩn bị ứng chiến. Phu Khái điều ngay một vạn quân, đến thẳng sông Tương, để phá liên quân Tần – Sở!

Phu Khái nhận lệnh, hí hửng trong lòng, rốt cuộc anh em ruột thịt trong nhà vẫn khác, mới chịu san sẻ gánh nặng cho ta gánh đỡ, không như Tôn Vũ, lúc nào cũng giành cơ hội lập công cho một mình Ngũ Viên.

Ngay hôm về thành, Ngũ Tư Tư lập tức cho dán yết thị khắp nơi, thu hồi lệnh cũ, thôi không xây sửa lăng cho tổ tiên mình nữa.

Tần là một nước nhỏ yếu ở phía tây, làm sao lại có thể đột nhiên đem quân đến cứu nước Sở được chứ?

Người anh kết nghĩa của Ngũ Tử Tư là Thân Bao Tư, từ sau ngày Sính đô thất thủ, trốn vào núi Thạch Ty ở Di Lăng để lánh nạn, nghe nói về hành động đào mồ đánh thây của Ngũ Viên, nhớ đến câu thề ngày nào lúc chia tay với Ngũ Viên: “Sau này hiền đệ có làm cho nước Sở ngả nghiêng, ngu huynh sẽ làm cho nước Sở an bình; hiền đệ nếu có diệt nước

Sở, ngu huynh sẽ phải xây dựng lại nước Sở", cho nên đã kiên quyết sang nước Tần xin cứu viện.

Thân Bao Tư sang Tần là có căn cứ: Một là mẹ của Sở Chiêu vương, thái hậu Bá Doanh vốn là công chúa Vô Tường của nước Tần, là chỗ chị em ruột với Tần Ái Công; tình thân máu mủ, lại là phận em, quyết không thể nào ngồi yên trước nỗi đau mất nước mà chị mình đang vấp phải. Hai là Tần – Sở ở sát bên nhau, khăng khít như môi với răng, nếu Ngô diệt Sở, ắt sẽ đe dọa đến an toàn của nước Tần, tất sẽ đem quân cứu Sở. Mấy ngày liền, Thân Bao Tư đi ngày đi đêm về phía tây, gót chân nứt nẻ ra, máu rớm ra từng giọt, xé vạt áo ra bó gót chân lại tiếp tục lên đường. Đến được Ung Châu, Thân Bao Tư bái kiến Tần Ái công, nói cho ông ta hiểu lý lẽ:

– Ngô nay là một nước sói lang, lòng tham như gấu, dạ độc như rắn, từ lâu đã nuôi ý định thôn tính chư hầu, nay mang quân đi xâm lăng nước Sở, quân Sở phòng ngự tỏ ra bất lực, đô thành và những địa điểm quan trọng, đều lần lượt thất thủ. Nhà vua chúng tôi phải lánh nạn đến một vùng rừng rậm, lệnh hạ thần sang cáo cấp với thượng quốc, xin nhà vua hãy cho quân đi giải vây giúp.

Trước lời thỉnh cầu đó của vua tôi nước Sở, phản ứng của Tần vương tỏ ra lạnh nhạt, nói:

– Tần ở nơi biên thùy phía tây hẻo lánh, quân thì yếu, tướng thì ít, giữ mình còn chẳng nổi, làm sao cứu được người khác.

Đúng thế, nước Tần vốn không lớn mạnh như Tề, Tấn, thế nhưng trong các chư hầu, so với kẻ tầm thường, cũng hơn

một cái đầu, Tần Ái công khiêm nhường như thế, là để chống chế cho qua chuyện, hiển nhiên là lời thoái thác mà thôi, Thân Bao Tư lại giở giọng trách móc nói:

– Đại vương một mực từ chối như thế, lẽ nào lại không nghĩ tình thân máu mủ ruột thịt? Nghĩ đến tình cậu cháu…

Câu nói ấy của Thân Bao Tư hình như có gây cho Tần Ái công một sự xúc động, trên mặt ông ta thoáng hiện lên một nét đau đớn, xem ra có vẻ áy náy trong lòng, đứng ngồi không yên, nhưng chỉ trong nháy mắt, trở lại lạnh lùng như cũ. Sau khi im lặng hồi lâu, Tần vương dằn từng tiếng nói:

– Đạo làm chính trị, phải coi trọng lợi ích của cả nước hơn tất cả, tình máu mủ ruột thịt, ai mà chẳng nhớ, thế nhưng người làm vua đâu có thể chỉ quanh quẩn vì tình riêng mà làm rối loạn việc nước? Phàm những việc gì ngược lại lợi ích của đất nước, cho rằng việc giữa hai nước cha con, cũng không thể làm được, huống chi là giữa cậu với cháu. Dám mong hiền khanh hãy hiểu cho nỗi khổ của quả nhân, lúc này đây quả nhân không làm gì được.

Tình máu thủ ruột rà đã không lay chuyển được Tần vương, Thân Bao Tư đành xoay sang góc độ khác tiếp tục nói:

– Việc cứu viện cho nhau, nếu quả như lời đại vương, không thể vì tình riêng, thế nhưng là nước láng giềng thì thế nào đi nữa cũng nên cứu giúp, đại vương đã nói: “phải coi trọng lợi ích đất nước hơn tất cả”, thì lẽ nào không nghĩ đến mối lo môi hở thì răng lạnh hay sao? Ngô vương để tâm tìm mọi cách muốn độc chiếm trung nguyên, một khi nước Sở đã

diệt vong, nước Ngô ắt sẽ kéo quân sang Tần, lúc ấy nước Tần ắt lâm nạn. Nếu đại vương có thể đem quân đi cứu nước Sở thì một là tháo gỡ được khó khăn cho nước Sở, hai là bỏ được mối lo lâu dài cho nước Tần, lý lẽ rõ rành rành như thế, cúi xin đại vương suy xét lại cho kỹ lưỡng ạ!

Tần vương nghe nói thế, cảm thấy rất có lý, trầm ngâm suy nghĩ thêm chút nữa và nói:

– Hiền khanh hãy cứ ra quan dịch nghỉ ngơi, để quả nhân bàn thêm lại với các đại thần, rồi hôm khác sẽ trả lời.

Thân Bao Tư tạ ơn cáo lui và nói:

– Vua tôi nước Sở đang lánh nạn nơi rừng rú, chờ một ngày bằng cả năm, thần đâu dám ra quan dịch yên nghỉ được! Vả lại cứu binh như cứu lửa, không thể chậm trễ được, thần cứ ở đây để chờ trả lời cũng được.

Ngay sau đó Tần Ai công đã cho với các trọng thần tới bàn bạc, nhưng kết quả chẳng có ai tán thành việc đem quân đi cứu nước Sở. Thân Bao Tư nghe thấy thế, ứa nước mắt ra, lớn tiếng than rằng:

– Không được Tần vương cứu giúp, nước Sở ắt sẽ mất. Kẻ mất nước, há lại quay về để cho bọn giặc cướp lăng nhục sai khiến hay sao, thần có chết cũng không rời chỗ này.

Tần vương khuyên răn hết lời vẫn không xong, đành buộc phải hạ lệnh cho vệ sĩ:

– Đưa tướng quân này ra nơi quán dịch, tạm nghỉ ít ngày, rồi sẽ đưa về nước!

Từ đó, Thân Bao Tư như một kẻ điên rồ, suốt ngày thân thể lõa lồ, đi quanh chân tường cung điện mà gào khóc bảy ngày bảy đêm, không ăn qua một hạt gì vào bụng. Tần vương nghe báo, chợt thốt lên:

– Nước Sở có những trung thần như thế, sao có thể mất nước được.

Có một đêm, trăng sáng sao thưa, Tần vương mặc thường phục ra theo dõi, ngoài tường quả là thấy Thân Bao Tư trần truồng trong đêm sương lạnh, khóc than thảm thiết: "Thân Bao Tư ta đây mang danh là bậc nhân thần, không đủ sức bảo vệ đất nước, bảo vệ vua chúa, để cho đất nước rơi vào cảnh lầm than, vua chúa phải đi lánh nạn nơi rừng rú. Hỡi trời cao xanh, hỡi trăng vằng vặc, tội nghiệp ta sâu nặng quá biết làm sao chuộc lại bây giờ".

Tần vương nhìn thấy vậy, bất giác thấy cay nơi sống mũi, lẩm bẩm một mình: Nước Sở có những bậc hiền thần như thế này, nước Ngô còn diệt, quả nhân không có những hiền thần như thế, nước Ngô đâu há bỏ qua, vì thế mà lệ nhỏ ướt đầm vạt áo, mới viết nên bài thơ "không mặc áo".

Cảm động trước lòng trung trinh và khí tiết của Thân Bao Tư, Tần vương lệnh Cơ Liễn làm nguyên soái, thái tử Tử Bồ làm tiên phong; công tử Tử Hổ làm đại tướng trung quân, mang bảy vạn tinh binh, trong ba ngày lên đường cứu Sở.

Lại nói Phu Khái ỷ vào sự hung hăng kiêu dũng, đem quân đến Tương Thủy dàn quân ra đối địch với quân Sở. Hôm sau bắt đầu khai chiến, Phu Khái tế ngựa xung phong, đại tướng quân Sở, Thái Tử Tây hăng hái xông ra đón đánh. Hai bên đánh nhau giáp lá cà, túi bụi khó phân thắng bại. Phu Khái thế như hổ dữ, sắc bén không gì ngăn cản nổi, Tử Tây yếu sức không chống nổi quay đầu bỏ chạy. Phu Khái hăng hái xông lên đuổi theo, chiến mã tung vó như bay, đột nhiên, từ trong bụi rậm xông ra một tướng, chắn ngang đường đi. Viên tướng này tiếng như sấm động, mắt sáng như đèn, mặt như hung thần ác quỷ, tay cầm cây thương dài, khí thế ghê người. Con người cao lớn, tướng mạo kỳ dị đó không phải ai khác, chính là nguyên soái quân Tần – Cơ Liễn. Tuy sức khỏe vô cùng anh dũng và thiện chiến, xưa nay chưa từng thua ai, đánh trận nào thắng trận ấy, nhưng lúc này đây, giao chiến với Cơ Liễn ở đây, Phu Khái bỗng thấy lực bất tòng tâm, đánh được mươi hiệp, đành phải tháo chạy. Quân Sở thấy Phu Khái bỏ chạy, liền từ bốn phía vây lại như bầy thú ào xuống núi, trống trận thúc ầm vang, tiếng hò reo như núi nhào đất lở. Phu Khái lúc nào cũng chỉ lăm le lập công cao, chơi trội với mọi người, không ngờ tướng quân Tần lại ghê gớm thế, binh lính tướng sĩ vốn thống lĩnh trong tay Phu Khái lúc này bị đánh cho tan tác, không còn ra hồn.

Trận đầu bất lợi, tổn tướng hao binh, Ngô vương Hạp Lư ngầm rên rỉ trong lòng, hỏi kế quần thần. Qua một lát trầm ngâm, Tôn Vũ trịnh trọng nói:

– Quân đội, ví như một thứ hung khí, phải năng dùng, không được giữ lâu. Đất Sở vốn rộng bao la, lòng dân nước Sở còn chưa phục, ngày nào thần xin với chúa công cho lập

Mê Thắng lên làm vua, để vỗ về lòng dân nước Sở, chính là lo đến sự biến hôm nay. Thế mà lúc này đây, quân ta đã lan tràn trên đất Sở, đã đánh chiếm kinh đô của họ, oai phong của nước Ngô như mặt trời giữa ban trưa, chi bằng ta sai sứ sang thông đồng với nước Tần, hứa sẽ phục hồi vua Sở; cắt vùng giáp ranh miền tây nước Sở, mở rộng biên cương nước Ngô. Nếu còn tiếc mãi cung vua nước Sở, cầm cự lâu dài, người Sở sẽ có ngày vùng lên, người Ngô do kiêu mà sinh nhác, lại thêm nước Tần như hổ như lang, chỉ thấy hại mà không hề có lợi.

Ngũ Tử Tư tán thành ý kiến và chủ trương của Tôn Tử, Hạp Lư ra lệnh rút quân và nói:

– Nguyên soái nói rất có lý, với đà như nước cuốn thế này, rút quân về lại Cô Tô.

Không ngờ quân lệnh ban ra, Bá Bỉ lại ngang nhiên chống lại:

– Quân ta từ khi rời biên giới nước Ngô, dọc đường thế mạnh như chẻ tre, năm trận chiếm được Sính đô, nay gặp quân Tần đến cứu, không đánh mà rút, không sợ người đời cười cho à? Xin đại vương cho bản tướng hai vạn tinh binh, ắt đánh cho quân Tần mảnh giáp không còn; nếu đánh không thắng, xin chịu theo quân pháp.

Ngô vương Hạp Lư lúc này bỗng trở thành người không hề có chủ kiến, nghe nói thấy bùi tai, điều quan trọng hơn là còn quyến luyến đất đai và đám người đẹp trong cung dinh nước Sở, nên đã sửa lại quân lệnh:

– Bá tướng quân nói chí phải! Ta sẽ điều cho hai vạn binh mã, hiền khanh dẫn quân đi đánh địch.

Tôn Tử và Ngũ Tử Tư hết lời can ngăn nhưng không kết quả, Bá Bỉ dẫn quân đi. Quân lính hai bên gặp nhau ở Quân Tường, dàn thành trận thép. Bá Bỉ thấy liên quân Tần Sở hàng ngũ lỏng lẻo, kỷ luật rệu rã, bất giác xì mũi coi khinh, bèn cho dóng trống, giục quân xông vào, vừa hay, đụng độ ngay với Tử Tây, liền mắng:

– Tên bại tướng mất nước kia, lại còn muốn thổi lửa trên tro nguội à?

Tử Tây cũng mắng lại:

– Thằng giặc phản quốc kia, lại còn dám dày mặt, hé môi nói thế à. Nhìn đây!

Tử Tây giơ kích lao thẳng vào Bá Bỉ. Dùng lưỡi kích giơ lên, Bá Bỉ đỡ đòn. Hai bên qua đi kích lại nhanh như chớp giật, đánh nhau chết thôi, chẳng ai không mang hết tài hết sức ra đối địch. Đánh nhau chừng non chục hiệp, bỗng nhiên Tử Tây vờ thua bỏ chạy, Bá Bỉ cười quân Sở không chịu nổi một đòn của mình, dốc hết quân ra, đuổi riết không tha. Đuổi chừng năm dặm, bên trái quân của Thẩm Chi Lương áp tới, bên phải quân của Vĩ Diên đánh ra, tướng Tần là Từ Bồ, Tử Hổ đem quân chủ lực từ giữa xông thẳng vào trận địa quân Ngô. Ba cánh quân ấy cắt quân Ngô ra làm bốn đoạn. Quân Ngô trúng trận phục kích này, người nào người nấy hồn xiêu phách tán, thảm hại tả tơi tìm đường trốn. Bá Bỉ tả xung

hữu đột, không sao thoát được ra, trong lúc hỗn chiến mình đầy vết thương, mấy lần xuýt chết. Đúng lúc ấy, quân Ngũ Tử Tư kịp đến, đánh nhau một trận rất to, cứu được Bá Bỉ, hai vạn binh mã, đến lúc này còn lại chưa đầy ba ngàn. Bá Bỉ tuy được cứu ra, nhưng vì vết thương khá nặng, lại khốn đốn mệt mỏi, chợt lịm đi bất tỉnh nhân sự. Cho mãi đến lúc di chuyển tới nơi an toàn, Bá Bỉ mới tỉnh lại, thấy Ngũ Tử Tư săn sóc bên mình, kinh ngạc hỏi:

– Sao Ngũ tướng quân lại ở đây? Ngũ Tử Tư trả lời:

– Tôn nguyên soái đoán trước tướng quân lần này ra trận dễ gặp bất trắc, lệnh cho tôi đến đây cứu viện. Nếu không có Tôn Tử tham mưu dự đoán trước, đoán việc như thần, ngày này sang năm, sẽ là ngày giỗ của tướng quân.

Theo lệnh pháp, Bá Bỉ phải chịu chém đầu, nhưng cân nhắc thấy lúc này quân địch còn ở trước mắt, chém đại tướng e rằng sẽ hủy hoại quân tâm, nên đã tha tội chết, để theo quân đi lập công chuộc tội.

Liên quân Tần Sở mỗi lúc một áp sát tới, Hạp Lư hối hận đã không tiếp nhận lời khuyên của nguyên soái ngay từ đầu, kéo quân về nước Ngô, để đến nỗi bây giờ muốn lui không được, muốn tiến cũng không xong, đành phải theo kế mới của Tôn Vũ, mang toàn bộ lực lượng ra đón đánh. Hạp Lư để Phu Khái và Công tử Sơn ở lại trấn giữ Sính đô, còn mình thân chinh ra tuyến trước, trực tiếp chỉ huy bài binh bố trận. Quân Ngô hạ trại ở nơi cách liên quân Tần – Sở chừng mươi dặm, Ngũ Tử Tư và Bá Bỉ đem quân mai phục ở nơi cách hai bên phải trái của đại doanh không xa lắm, chờ khi quân địch

đánh vào, tạo thành thế gọng kìm hai bên phải trái giáp công. Quân Ngô tuy chỉ có năm vạn, nhưng Tôn Tử túc trí đa mưu, lại thêm vùng đất đang cố thủ thế núi cheo leo hiểm trở, vách cao suối sâu và nhất là có Ngô vương thân chinh ra đốc chiến, tướng sĩ đều một lòng căm giận quân địch, binh lính tinh nhuệ không sức gì cản nổi. Hai bên cầm cự với nhau đã hơn chục ngày đều chẳng bên nào dám khinh địch liều lĩnh xuất kích.

Phu Khái tự ỷ vào chuyện có công đầu trong cuộc đánh Sở, vì thua trận ở Tương Thủy, Ngô vương chỉ để lại giữ thành, nên trong lòng ấm ức không vui. Lại nghe tin ở tuyến trước hai bên cầm cự chưa bên nào quyết, bỗng nảy ra suy nghĩ: Theo chế độ của nước Ngô, anh chết thì em thay, lẽ ra ta phải được nối ngôi. Nay đã lập hoàng tử Ba làm thái tử, thì ta mãi mãi không bao giờ còn có dịp làm vua nữa! Chi bằng nhân dịp quân Ngô đang đánh nhau xa, trong nước trống vắng, ta tự quay về, cướp ngôi xưng vương, thế há chẳng hơn là sau này phải tranh giành? Đã rắp tâm như vậy, Phu Khái vờ nói rằng: "Hạp Lư thua trận ở nước Tần, hiện ở đâu không rõ. Nước không thể để một ngày không vua, ta phải ra thứ lập" rồi tự xưng là Ngô vương; sai sứ qua Tam Giang, sang nước Việt, bảo họ tiến quân, giáp kích vào kinh đô nước Ngô, sau khi xong việc sẽ cắt cho năm thành để tạ ơn…

Một hôm, trong doanh trại quân Ngô, Hạp Lư đang cùng Tôn Tử và Ngũ Tử Tư bàn việc quân cơ, bỗng Công tử Sơn chạy bổ vào trướng quân báo cáo:

– Không hiểu lý do gì, Phu Khái mang theo quân bản bộ, tự về nước Ngô mất rồi!

Hạp Lư còn chưa kịp hỏi chuyện, Ngũ Tử Tư đã nói trước:

– Phu Khái ra đi chuyến này, ắt là làm phản chứ không sai!

Hạp Lư vô cùng kinh sợ, trợn mắt há mồm, chìa hai tay ra trước mặt:

– Bây giờ biết làm thế nào? Tôn Tử thản nhiên bình tĩnh nói:

– Phu Khái chỉ là kẻ vũ phu, không có gì đáng lo. Điều đáng lo lúc này, là người Việt thấy biến mà hành động, đại vương nên về ngay, trước hãy dẹp yên nội loạn.

Thế là Hạp Lư để Tôn Tử và Ngũ Tử Tư ở lại cố thủ, còn mình cùng với Bá Bỉ đem đội chiến thuyền thuận dòng xuống hạ lưu. Về qua Hán Thủy thì được thư cáo cấp của Thái tử Ba: "Phu Khái tạo phản xưng vương, lại kết liên với quân Việt đánh vào kinh đô, nước Ngô nguy trong sớm tối". Đọc xong thư, Hạp Lư bất giác kinh ngạc thốt lên:

– Đúng là không ngoài dự đoán của Tôn Tử, quả là người thần vậy!

Hạp Lư đi ngày đi đêm về nước, ven sông truyền dụ cho tướng sĩ của Phu Khái: "Ai theo Phu Khái mà quay về, được giữ nguyên chức cũ, kẻ nào đến sau thì chém!", binh lính trên sông Hoài đều quay giáo trở về. Phu Khái chiêu binh mãi mã, lôi kéo dân chúng, rồi ban cho giáp mãng, đẩy vào cuộc chém giết. Trăm họ nghe tin Ngô vương vẫn còn sống, lũ lượt bỏ đi, Phu Khái bị dân chúng phản lại, người thân xa

rời, trở thành người cô quả, đành mang số tâm phúc còn lại của mình ra đánh trận. Hạp Lư đứng ở trận tiền hỏi:

– Quả nhân tin cậy như chân tay, cớ chi lại làm phản? Phu Khái cũng thẳng thắn đàng hoàng hỏi lại:

– Ông giết Vương Liêu, trừ Khánh Ky, há không là làm phản hay sao?

Hạp Lư giận không nén nổi, lệnh Bá Bỉ ra trận bắt sống. Hai tướng đánh nhau được mấy hiệp, Hạp Lư thúc quân thẳng tiến vào. Phu Khái tuy khỏe, nhưng ngặt vì ít không thắng được nhiều, đành thua to bỏ chạy, trốn sang nước Tống. (Cũng có người nói trốn sang nước Sở). Hạp Lư phủ dụ cho yên dân chúng, về đến kinh đô nước Ngô, Thái tử Ba ra đón vào thành, cùng bàn bạc mưu sách để chống nước Việt.

Tin tức loan ra đến tuyến trước, Tôn Tử và Ngũ Tử Tư tạm yên trong lòng, cùng bàn nhau làm thế nào chấm dứt cục diện căng thẳng lúc này để sớm rút quân về nước. Ngũ Tử Tư nói:

– Tên nghịch tặc trong nước đã được quét sạch, ở đây chúng ta cầm cự với liên quân Tần – Sở nửa tháng trời, cung cấp khó khăn, không nắm được phần thắng, chi bằng thừa cơ kéo quân về nước, ý nguyên soái thế nào?

Tôn Tử đáp:

– Cầm cự một số ngày, quân địch án binh bất động, nghiễm nhiên là không có ý muốn giao chiến, nếu ta sai sứ sang

thương thuyết với họ, ký hòa ước, ắt là họ sẽ vui vẻ tiếp nhận, chỉ có điều…

Ngũ Tử Tư vẫn còn băn khoăn lo ngại hỏi:

– Nước Sở được nước Tần giúp đỡ, đang vui mừng và kiêu căng, có chỗ dựa nên không phải lo ngại, lúc này giảng hoà với họ, làm sao họ có thể chấp nhận điều kiện cắt đất bồi thường, tiến cống nạp thuế… mà chúng ta đưa ra.

Tôn Tử trầm tư một lát, sau đó nói:

– Cứ như tình hình hiện nay, muốn làm cho đối phương tiếp thu nhiều điều kiện như thế quả thật là khó khăn, nhưng Tần là phía từ bên ngoài tới cứu viện, ở nước ngoài lâu ngày, tất sẽ nảy sinh tâm lý oán trách kêu ca, thử hỏi, có ai lại muốn thế mạng mình lâu dài ở nơi đất khách quê người? Đó là một nhược điểm chí mạng của quân địch, ta cần khéo léo lợi dụng.

Ngũ Tử Tư gật đầu khen phải, và nói thêm:

– Nguyên soái có diệu kế gì vậy?

Tôn Tử đáp:

– Ta phải đi trước một bước để hơn người, xuất kỳ bất ý mà trừng phạt, rồi tăng áp lực, ép chúng phải tiếp nhận tất cả các điều kiện của ta.

Thế là Ngũ Tử Tư và hai vua Đường – Thái mang quân đến Hán Thủy để mai phục, Tôn Tử cử gián điệp trà trộn vào trong đội ngũ địch, tung ra tin đồn: “Lúc này, Ngô vương đang bị rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan, trong thì có nghịch tặc nổi loạn, bên ngoài thì Tần Sở đang liên quân chờ thời cơ tiến công, Hạp Lư không làm thế nào hơn, sớm đã dẫn Tôn Tử và Ngũ Tử Tư về nước Ngô để dẹp nội loạn, hiện nay quân đội Ngô đóng giữ các nơi cũng đang chuẩn bị bỏ trốn”.

Tin đồn đến tai Tử Tây, bất giác, hắn mừng như điên, nghĩ bụng, điều đáng sợ của quân ngô, là hai tướng Tôn Vũ và Ngũ Tử Tư, nay cả hai đều đã theo Ngô vương về nước dẹp loạn, quân Ngô giờ đang như rắn không đầu, muốn đánh ắt là không khó, không thể để lỡ dịp tốt, nên mang hết quân số để tiến công. Tử Tây nói lại với Cơ Liễn nguyên soái quân Tần về những ý tưởng đó của mình, Cơ Liễn hết lời tán thưởng, thế là liên quân Tần – Sở liền mở một cuộc tiến công mãnh liệt vào quân Ngô. Khi đến doanh trại quân Ngô, quả là thấy binh lính nước Ngô đang hoang mang rút lui, Cơ Liễn không nghi ngờ rằng có sự lừa bẫy, hạ lệnh truy kích toàn diện. Đuổi được chừng hơn hai mươi dặm, chợt nhìn lên đỉnh núi cao, Tôn Vũ đang phất cờ báo hiệu ra lệnh. Dưới sự chỉ huy của Tôn Vũ, quân Ngô mai phục nhất loạt xông ào tới như ong, vây chặt lấy Cơ Liễn. Quả là một viên mãnh tướng, giữa vòng vây mờ mịt đó, Cơ Liễn không hề tỏ ra run sợ, không kinh hãi, như rồng cuốn hổ vờn, đánh lại các tướng địch, càng đánh càng khỏe. Mặt khác, Tử Tây giao chiến với Ngũ Tử Tư lại yếu không bằng địch thủ, chỉ còn sức chống đỡ, không hề còn chút sức lực nào để đánh trả, vừa đánh vừa lui, tả tơi bỏ chạy, chạy mãi tới bên Cơ Liễn.

Ngũ Tử Tư lao cây thương đâm Tử Tây, bị Cơ Liễn gạt phăng đi, quát lớn:

– Tên nhãi ranh muốn chết kia, đừng có khoe mẽ!

Ngũ Tử Tư cũng chẳng chịu lép, ngay sau khi quát mắng lại, đi từng bước tới trước mặt Cơ Liễn, cười vang ha hả:

– Ta là Ngũ Viên tiếng tăm lừng lẫy, đứa trẻ lên ba trong thiên hạ, cũng chẳng đứa nào không biết, hôm nay trước mặt là kẻ vô danh tiểu tốt, ta muốn cho người biết chút oai phong.

Cơ Liễn từ lâu đã biết tiếng tăm của Ngũ Tử Tư, nay mới thấy mặt quả là khôi ngô dũng mãnh, không hổ thẹn được coi là danh tướng một thời, bất giác hắn mất hết nhuệ khí. Hai người giao chiến với nhau, lực lượng ngang nhau khó phân thắng bại. Bỗng nhiên, Ngũ Tử Tư hô lớn một tiếng, núi chuyển đất rung, cây đổ gỗ lao ào ào, cùng lúc ấy, cây thương dài từ trên lao tới. Cơ Liễn không kịp xoay mình, một thoáng lơ đễnh, cây thương rơi xuống đất, còn hắn cuống cuồng vỗ ngựa chạy trốn. Ngũ Tử Tư còn lại một mình đứng yên ở chỗ cũ, cũng không ra lệnh đuổi theo, để mặc cho hắn chạy đâu thì chạy, bởi vì Cơ Liễn thực ra cũng là vị tướng hiếm thấy, người tài vốn trọng người tài, Ngũ Tử Tư không nỡ giết.

Trận đánh này, liên quân Tần Sở thua thảm hại, các danh tướng của Sở như Tử Tây, Đấu Tân, Vương Tôn Điền, Thẩm Chư Lương... đều tan tác bỏ chạy vào trong rừng sâu, bỏ lại vô số xác chết.

Tàn quân bại tướng của liên quân Tần Sở tụ lại ở bờ đông Hán Thủy, trước hết Tử Tây đã tỉnh ngộ ra, do mình không biết rõ tình hình nên trúng kế, mắc lừa. Bây giờ chỉ mong giảng hòa với quân Ngô, bởi vì không mong gì đánh thắng, giảng hòa còn hơn, tiến cống hay nộp thuế, trước hết hãy được sống cái đã, rồi sẽ tính sau. Các tướng gật đầu phụ họa, thế là sai Thẩm Chư Lương làm sứ giả hòa binh, đến doanh trại nước Ngô đàm phán. Vừa đến bản doanh quân Ngô, Thẩm Chư Lương đã nói với Tôn Tử và Ngũ Tử Tư về mục đích của mình, khẩn thiết nói:

– Từ thời Đông Chu đến giờ, trung nguyên đã trở thành thế phân lập của mười sáu nước, tuy chiến loạn liên miên, nhưng cho đến giờ vẫn chưa có chuyện thôn tính lẫn nhau, bởi nước lớn cho dù có dã tâm mở rộng lãnh thổ, cũng không muốn mang tiếng là bất nghĩa. Nay nước Ngô đánh bại nước Sở, chưa đuổi hết giết sạch, lòng thành là chính sách nhân đức sáng suốt của Ngô vương, nước Sở từ trên xuống dưới không ai là không cảm động đến rơi nước mắt. Nay Sở vương sai tôi đến đây gửi lời chào tướng quân, nước tôi thành tâm xây đắp mối hòa hảo, cầu mong tướng quân hãy tiếp nhận cho.

Đó chính là điều Tôn Tử và Ngũ Tử Tư trông đợi, nước Sở đã chủ động nêu ra, hai vị tướng quân cũng tỏ ra nể tình, qua mấy lấn bàn bạc, đã đi đến một hiệp nghị, cuộc chiến tranh Ngô Sở kéo dài hai năm trời, đến đây coi như chấm dứt.



Biết rõ thời điểm

Tôn Tử từng viết rằng: "Ta sẽ chiến thắng nếu biết khi nào nên đánh và khi nào không nên đánh". Có những trận đánh mà tỷ lệ bại trận cao thì tốt nhất không nên ra quân mà nên dồn lực cho những trận chiến có khả năng thắng cao hơn để bảo toàn quân số. Điểm mấu chốt là phải chọn được thời điểm thích hợp và chỉ hành động khi cần thiết.

Trong cuộc sống, thành công sẽ đến đối với những người biết chọn việc nào nên làm trước và việc nào nên làm sau. Nếu quá tham lam thực hiện nhiều việc cùng một lúc thì rốt cục cũng chỉ chuốc lấy thất bại mà thôi.

CHƯƠNG XXXV

HẠP LƯ NGANG NGƯỢC
TÔN VŨ LẨN TRỐN

Lại nói Thẩm Chương Lương thay mặt nước Sở, ký với Tôn Tử và Ngũ Tử Tư bản hiệp định đình chiến, cuộc đại chiến kéo dài hai năm giữa hai nước Ngô – Sở coi như tạm chấm chút. Các trọng thần, tướng tài của nước Sở như Tử Tây, Tử Kỳ... lại vào Sính đô, một mặt thu nhặt chôn cất hài cốt của Bình vương, tu sửa lại tông miếu lăng mộ, một mặt sai Thẩm Bao Tư mang chiến thuyền đi đón Chiêu vương ở nước Tùy. Chiêu vương với vua nước Tùy đã minh ước với nhau, thề không xâm phạm. Vua Tùy thân chinh tiễn Chiêu vương xuống thuyền, giơ tay lưu luyến vẫy chào. Dọc đường, đi tới Thành Cựu, trời bỗng sập tối, đành phải dừng nghỉ lại bên bờ Hán Thủy. Đêm ấy lòng dạ Chiêu vương ngổn ngang trăm mối không tài nào chợp mắt, nửa đêm vùng dậy đi dạo dọc trên bờ sông, bỗng thấy giữa sông ánh hồng rực chiếu, như lửa, như ráng chiều, xán lạn loá mắt. Chiêu vương lệnh cho quân lính xuống nước tìm xem cái gì, họ đã thu được một vật to như cái đấu, đỏ như tô son, hình thù kỳ dị, hoa văn rất cầu kỳ, bóng bảy tươi đẹp đến loá mắt, thì ra đó là một đoá san hô đỏ. Quân thần nghe tin lũ lượt chen tới để chúc mừng, kinh ngạc thốt lên:

– Ôi! Đây thật là một vật báo điềm lành, rằng đại Sở chúng ta sẽ chiếu dọi ánh sáng trong thiên hạ!

Chiêu vương nghe tin cả mừng, vội lệnh cho vệ sĩ đi theo giữ gìn cẩn thận, mang về kinh đô nước Sở để làm vật báu giữ nước.

Một ngày khác, nhân đến đầm Vân Mộng, Chiêu vương thốt lên:

– Đây chính là nơi quả nhân gặp cướp, không thể quên được. Nói xong bèn để Đấu Tần ở lại, đôn đốc dân phu xây đắp một tòa thành nhỏ để làm kỷ niệm (ngày nay vẫn gọi là thành Sở vương ở huyện Vân Mộng tỉnh Hồ Bắc). Đoàn người của Chiêu vương đi tới gần Sính đô. Tử Tây, Từ Kỳ… ra cách kinh thành mười lăm dặm đón đợi. Vua tôi gặp nhau, buồn vui lẫn lộn, hỏi han an ủi lẫn nhau… Vào tới đô thành, thấy ở ngoài thì xương trắng chất thành đống, trong thành thì cung quyết đổ nát ngổn ngang… lòng bỗng nhói lên niềm thương cảm. Chiêu vương vào cung, bái kiến thái hậu Bá Doanh, mẹ con xa nhau lâu ngày mới gặp, vô cùng cảm động, ôm nhau khóc, nghẹn ngào nói chẳng nên lời, Chiêu vương nức nở trong nước mắt:

– Nước nhà bất hạnh, con đây là kẻ bất nhân, nên mới gặp nạn lớn này, khiến cho tông miếu bị xâm phạm, lăng mộ bị làm nhục, hận thù này biết bao giờ mới rửa sạch đây?

Thái hậu Bá Doanh vội lựa lời dịu dàng an ủi:

– Con đã được bình yên trở lại, thật là điều rất may trong cái không may! Quân thần với đại vương từng chung sức chốn sa trường, nay trở lại, trước hết hãy thưởng phạt cho rõ

ràng, sau đó đi phủ dụ an ủi trăm họ, chuyện rửa hận báo thù là chuyện lớn, để sau sẽ bàn kế lâu dài.

Theo lời chỉ thị của mẫu hậu, Chiêu vương đã sai mở tiệc úy lạo tướng Tần và khao quân Tần rất hậu, để họ về nước. Tiếp đó đã cho kể công để ban thưởng, phong Tử Tây làm lệnh doãn, Tử Kỳ làm tả doãn. Thân Bao Tư vì có công lớn khi than khóc ở triều đình nước Tần, được phong làm hữu doãn. Thân Bao Tư cố tình từ chối không nhận và nói:

– Thần sang Tần xin quân, phải hết mình vì nước vì chúa công, không phải mưu cầu danhlợi, hiển đạt cho riêng mình. Nay vua được về nước, thế là chí nguyện của thần đã toại, không dám tham tước lộc công danh.

Chiêu vương vẫn cố tình giao chức tước, Thân Bao Tư mang vợ con trốn biệt vào rừng sâu, ở đó suốt đời không ra.

Những người khác như Thẩm Chư Lương, Vương Tôn Do, Vương Tôn Ngữ, Tống Mộc, Đấu Tân, Đấu Sào, Vĩ Diên … đều được phong thưởng và tiến tước; còn những kẻ trong khi đất nước lâm nguy, hèn nhát thụt lùi hoặc bán nước, kẻ thì bị chém đầu, kẻ thì bị tống giam, kẻ bị bãi quan. Công chúa Quý Hoa theo Chiêu vương về Sính đô, nghĩ đến nàng cũng chia sẻ với mình mọi khó khăn trong hoạn nạn, Chiêu vương muốn chọn gả nàng cho một chư hầu nước láng giềng. Công chúa Quý Hoa nghe tin, nói với thái hậu Bá Doanh và Chiêu vương rằng không lấy được Chung Kiến thì chẳng lấy ai, vì muốn để báo ơn cứu mạng. Chiêu vương cũng thấy Chung Kiến là người có công với vương thất, hơn nữa tướng mạo lại đường hoàng khôi ngô, cho nên đã vui vẻ

gật đầu, gia phong Chung Kiến là tư nhạc đại phu, chọn ngày lành làm lễ cưới.

Lại nói Tôn Tử và Ngũ Tử Tư, sau khi ký với Sở bản hiệp định đình chiến, ngay hôm đó đã mang quân về nước. Toàn quân chia làm hai đường, Tôn Tử dẫn thủy quân, theo dòng sông đi về hướng đông, Ngũ Tử Tư dẫn quân trên bộ đi qua núi Lịch Dương, muốn tìm Đông Cao công để báo ơn cứu mạng, nhưng nhà cửa của Đông Cao công đều đã không còn, hàng xóm có người cho biết, mười lăm năm trước, Đông Cao công đã mang cả nhà rời khỏi đây, không biết đi đâu. Ngũ Tử Tư lại sai người đến núi Long Động hỏi tin Hoàng Phủ Nột, cũng không thấy tăm tích ở đâu, có thể họ đã đi với nhau. Ngũ Tử Tư nghẹn ngào cảm động, hết lời ca ngợi hai người "thật là bậc cao sĩ". Chiêu quan ngày nay, đã không còn quân Sở đóng giữ nữa, Ngũ Tử Tư lệnh cho tướng sĩ của mình phá ải đi. Đến Lật Dương, đứng trên dòng nước xoáy nơi mười sáu năm trước, Ngũ Tử Tư lánh nạn từng qua nơi này, người không một xu dính túi, bụng réo ùng ục, đói đến nỗi trời đất quay cuồng, đi đến đâu cũng thấy quan binh treo thưởng bắt sống, hoàn cảnh cực kỳ nguy hiểm. Đúng lúc ấy, tình cờ gặp một người con gái giặt lụa, đã cho ông ăn uống, cứu ông thoát chết, sau đó để bày tỏ rằng sẽ quyết không tiết lộ với ai, nàng đã ôm đá nhảy xuống sông chết. Ngũ Tử Tư đến bến sông, trước hết cho lập đàn tế bái, sau gọi người cho xây một ngôi từ đường ở bên sông để dân chúng bốn mùa tế lễ, ca ngợi mãi gương trinh liệt của nàng.

Mười sáu năm lưu lạc quê người, Ngũ Tử Tư gặp ân nhân cũng nhiều, song kẻ thù cũng không ít. Năm ấy chạy sang nước Sở, rồi tị nạn ở nước Trịnh với Thái tử Kiến, Trịnh

Định Công đã giết hại Thái tử Kiến, buộc Ngũ Tử Tư mang theo Công tử Thắng chạy trốn suốt đêm, dọc đường nếm đủ mùi cay đắng, nhiều phen xuýt chết, thập tử nhất sinh trốn được sang nước Ngô. Mỗi lần nghĩ đến đó, trong lòng Ngũ Tử Tư lại dâng lên một niềm căm giận, như muốn nổ tung cả ruột gan. Hôm nay trên đường về nước, Ngũ Tử Tư đang dẫn một đội binh hùng tướng mạnh, tại sao không đi một quãng đường vòng sang diệt nước Trịnh, để báo thù rửa hận. Ngũ Tử Tư nghĩ vậy, cho quân chuyển hướng sang nước Trịnh, trước hết gửi chiến thư, sau sẽ vây kinh đô.

Vốn là một nước nhỏ, chiến xa chưa đầy trăm cỗ, nước Trịnh làm sao có thể chịu nổi một đòn tấn công với mấy vạn binh hùng tướng mạnh của Ngũ Tử Tư. Ấy thế mà trên đời này, đúng là không có chuyện gì không thể xảy ra, nước Trịnh không tốn một mũi tên, người lính vẫn đánh lui được quân Ngô. Nguyên là khi nhận được thư khiêu chiến của Ngũ Tử Tư, Trịnh Hiến công run sợ, mặt như chàm đổ, quân thần đành chịu bó tay. Đang giữa lúc vua tôi nước Trịnh lo lắng bồn chồn như ngồi trên đống lửa, có một chàng trai vốn làm nghề chài lưới đến xin gặp Trịnh vương, tự xưng là có thể làm cho quân Ngô rút đi mà không cần binh mã lương thảo chi hết, chỉ bằng hai mái chèo sẵn có trong tay. Lời lẽ của chàng trai làng chài, gần như điên rồ, ai mà tin được. Thế nhưng đã đến lúc hết cách, thì cứ để cho anh ta thử sức xem sao. Chàng trai cầm hai mái chèo trong tay, đi đến doanh trại quân Ngô, nhìn thấy Ngũ Tử Tư liền quỳ xuống đất và hát:

Người trong sậy, người trong lau
Qua sông buổi ấy nhớ nhau chăng là?

Kiên thất tinh tân tay ta
Trao người buổi ấy, chắc là vẫn mang.
Cơm trắng canh cá thơm lừng
Lão chài buổi ấy nhớ chăng hỡi người?

Thật đúng là đi vẹt gót giày tìm chẳng thấy, không ngờ, giờ đây lại đang ở trước mặt mình! Trên đường rút quân chuyến này, Ngũ Tử Tư đã sắp xếp hẳn một chuyến đi, đến các vạn chài, mong tìm được lão chài "buổi ấy" để đền ơn cứu mạng, thế nhưng không tìm thấy, không ngờ lại có chàng trai làng chài này đến tận nơi, mà tại sao chàng lại hiểu câu chuyện lịch sử đó tường tận đến thế, khỏi phải nói, đây hẳn là con cháu của "lão chài buổi ấy"! Ngũ Tử Tư vội vàng bước tới cúi xuống đỡ chàng trai dậy và nói:

– Ân công ngày ấy, ai nào dám quên! Chàng là... Chàng trai đáp:

– Lão chài ấy chính là cha tôi, mang họ kép Lư Khâu tên là Lượng, tại hạ là Lư Khâu Thành, nối nghiệp cha, làm nghề chài lưới trên sông. Hai mái chèo này là chính của thân phụ tại hạ năm nào dùng để chèo đò đưa tướng quân qua sông, nay đã truyền tới tay tại hạ.

Ngũ Tử Tư vội cho mở tiệc khoản đãi. Trong khi ăn tiệc Lư Khâu Thành nói với Ngũ Tử Tư:

– Người làm nghề chài lưới xưa nay vốn chẳng ở chỗ nào cố định. Sau thời gian ấy, cả nhà tại hạ đã phiêu bạt đến đất Trịnh, thân phụ mới qua đời năm kia. Nay thấy tướng quân đem binh lính đến đây định diệt Trịnh, không thể nhẫn tâm

ngồi nhìn muôn dân vô tội phải sống cảnh lầm than, cho nên cất công đến đây xin tướng quân hãy nể tình thân phụ của tại hạ ngày đó mà cho rút quân ngay.

Nghe nói vậy, Ngũ Tử Tư vô cùng xúc động, ngày nào lão chài đã quên mình cứu sống ta, cũng chỉ vì một chữ "nghĩa" trên đời, hơn nữa đã thành thực khuyên ta, chớ có quên lê dân trăm họ; ngày nay con ông ta đã liều chết đến tận nơi để xin cho lui quân, cũng là vì một chữ "nghĩa". Sao ta có thể vô tình vô nghĩa được? Nghĩ đến đây, Ngũ Tử Tư khảng khái nhận lời, truyền lệnh lui quân.

Tôn Tử và Ngũ Tử Tư đã lần lượt về đến Cô Tô, Hạp Lư hai lần thân chinh dẫn các quan xếp hàng ra đón. Tất cả các cánh quân đánh Sở đều đã về nước, Ngô vương sai bày quốc tiệc, long trọng chúc mừng, khao lạo ba quân, kể công ban thưởng, phong Tôn Tử làm đại tư khấu, Ngũ Tử Tư là tướng quốc, Bá Bỉ làm thái tể. Công lao đánh Sở, Tôn Tử đứng hàng đầu, tuy nhiên Ngũ Tử Tư lại có công trước đó đã phò tá Hạp Lư giết Vương Liêu, trừ Khánh Ky cho nên thứ vị lại được xếp trên Tôn Tử. Bá Bỉ tuy trong cuộc chống lại liên quân Tần Sở mắc phải tội chết, nhưng trong cả quá trình Hạp Lư từ nước Sở về nước, khi đánh đuổi Phu Khái, phục hồi ngôi vua, tất cả đều nhờ ở sự trù bị và chỉ huy chiến đấu của Bá Bỉ, qua đó đã lập nên chiến công không thể phai mờ, cho nên đã được phong thái tể.

Tôn Tử từ khi đánh Sở quay về, nước Ngô mọi sự thanh bình, tuy mang tiếng là đại tư khấu, nhưng tướng quốc Ngũ Tử Tư phò tá Ngô vương lo hết việc lớn việc nhỏ, Tôn Tử chẳng còn việc gì làm, ngày một ngày hai, bèn không ngó

ngàng gì đến chính sự, suốt ngày vùi đầu trong phòng đọc sách, căn cứ kinh nghiệm thực tế nhiều năm, ông sửa chữa lại "mười ba bài binh pháp". Một hôm, xen giữa giờ làm việc, Tôn Tử đang gửi lòng mình trong tiếng đàn, bày tỏ nỗi khổ đau sầu muộn không biết nên đi hay nên ở, lưỡng lự trước một nước cờ. Tiếng đàn bay ra khỏi những tường cao của phủ nguyên soái, lay động đến cõi lòng, khiến một cụ già xa quê dừng chân lại lắng nghe. Cụ già ấy mình cao chưa đầy năm thước, mình mặc áo vải, gân cốt còn quắc thước, ánh mắt sáng ngời, tinh thần tỉnh táo. Nghe tiếng đàn lúc bổng lúc trầm khi khoan khi chặt, cụ già mỗi chốc lại lắc đầu thở dài, từ trong tiếng đàn, cụ cảm nhận hết được nỗi lòng của người gảy đàn. Cụ thầm đoán, phải chăng tiếng đàn này vang ra từ tay Tôn Vũ? Nếu như thế thật, thì chuyến này từ xa đến đây, sẽ không đến nỗi mất công đi về. Tiếng đàn bỗng nhiên ngừng bặt, hẳn là người gảy đàn lại phải tiếp tục vùi đầu vào công việc. Cụ già rảo bước leo lên những bậc thềm cao của soái phủ, nói rõ với người vệ sĩ cầm kích đứng canh về thân phận của mình, cũng như ý định đến đây. Người khách phương xa ấy không phải ai khác, mà là Yến Anh, tướng quốc nước Tề.

Yến Tử và Tôn Vũ gặp nhau, họ ôm nhau, rơi nước mắt, xụt xịt, rồi lại cười trong nước mắt, cứ y như hai đứa trẻ thơ. Sau khoảnh khắc hồ hởi ban đầu, hai người ngồi lại, dốc bầu tâm sự, hàng trăm thứ tình cảm đan xen trào lên từng câu nói. Tôn Tử cho mở tiệc khoản đãi Yến Anh như một người thân từ quê cũ của mình sang, hai người cùng vui và ăn uống rất thoải mái. Đến khi rượu đã ngà say, Tôn Vũ bỗng thấy thổn thức trong lòng nỗi nhớ quê hương nên đã vồn vã hỏi Yến Anh hết câu này sang câu khác về tin tức ở quê nhà.

Yến Anh đã lần lượt cho Tôn Vũ biết, ông nội của Tôn Vũ là Tôn Thư đã mất năm năm rồi, cha ông là Tôn Bằng, tước là thượng khanh, đang thống soái quân đội nước Tề, rất được Cảnh công khen ngợi, mẹ ông Phạm Thị, người yếu bệnh nhiều, suốt ngày mong con về.

Nghe những lời đó của Yến Tử, Tôn Vũ nghe trong dạ bồi hồi, tựa hồ như có một dòng chảy đang sôi sục với bao niềm chua chát đắng cay. Ông nội suốt một đời chinh chiến, để xây dựng nước Tề giàu mạnh, đã lập bao nhiêu công lao hiển hách. Ông có một tấm lòng rộng mở, khoan dung và hiền lành, đối với ta, ông luôn tỏ ra hết mực thân ái yêu thương, gửi gắm biết bao nhiêu hy vọng thiết tha, thế nhưng kết quả thì sao? Đang giữa lúc người sợ cô đơn thì ta lại sống xa ông, bôn ba bận rộn nơi đất khách quê người. Khi ông nội hấp hối, nhất định thế nào cũng gọi tên ta, mong hạt ngọc trên tay mình sẽ giữ quạt che tàn, để tiễn người một chuyến đi xa, kết quả ông cháu cũng chẳng hề được thấy mặt nhau, ông đã đột ngột ra đi mãi mãi, mang theo niềm nuối tiếc vĩnh hằng, rời xa cái thế giới tàn khốc mà ông đã phải chinh chiến vất vả suốt một đời. Còn mẹ ta, vì khó đẻ, sau khi sinh ta đã mắc chứng bệnh oái oăm, hết ho lại đến chân tay bải hoải, hơn chục năm nay, mẹ đã quằn quại trong bệnh tật, gắng gượng sống được đến giờ? Tuổi mẹ bây giờ cũng đã ngoài sáu mươi, bệnh tình ắt mỗi ngày một thêm trầm trọng, mẹ đang mong đợi biết bao đứa con trai duy nhất của mình có thể về túc trực bên mình, không rời nửa bước. Thế như ta đang còn biền biệt xa quê, sống đã không hầu hạ, chết lại chẳng tiễn đưa, đúng là kẻ vô cùng bất hiếu. Tôn Vũ vừa nghĩ như thế, không hiểu nước mắt đã tuôn rơi tự lúc nào.

Yến Tử lần này đến đây, thực ra là đi du thuyết, khuyên Tôn Tử hãy mau về nước. Mấy năm gần đây, thế nước Tấn ngày càng lớn mạnh, không ngừng xâm lấn, bắt nạt nước Tề, lần nào nước Tề cũng phải im hơi nín nhịn, không dám ra mặt đối kháng. Hơn nữa, nước Ngô lúc này, văn thì có Tôn Vũ mưu sâu nghĩ xa, võ thì có Ngũ Viên tung hoành ngang dọc, nước Sở lớn mạnh thế cũng bị đánh bại, đủ thấy sự lớn mạnh của họ không phải là tầm thường, đến một ngày nào đó, họ ắt sẽ cưỡi lên đầu lên cổ nước Tề, là mối họa mất nước diệt chủng của nước Tề. Để phòng mối họa từ khi nó mới hình thành, Yến Tử đã chẳng nề đường sá xa xôi đến nước Ngô, mời Tôn Vũ về nước, cùng bàn kế sách làm cho nước mạnh dân giàu, phòng ngoại xâm và chống lại kẻ địch. Sau khi nghe Yến Tử nói rõ mục đích chuyến đi của mình. Tôn Tử trầm ngâm hồi lâu, mãi sau nói với tấm lòng tha thiết:

– Nước Tề là nơi đã sinh ra ta và nuôi ta lớn khôn. Hơn chục năm nay, ta không có một phút giây nào là không nhớ tới nước Tề và thấy lòng luôn quyến luyến. Ở đó có lăng mộ tiền nhân của ta, có cha mẹ ngày đêm đang mong nhớ ta, đó là một miền đất phì nhiêu và nóng bỏng, hun đúc nên nền văn hóa Tề xán lạn ánh vinh quang, là cái nôi ấm hình thành mười ba bài “Binh pháp” của ta. Ở đó có Thái Sơn và Nghi Mông nguy nga hùng vĩ, có Bột Hải mênh mông và những dòng sông rì rào cuộn sóng như Tri Thủy, Hoàng Hà, có giải bình nguyên bao la ngút mắt, có những dòng sữa ngọt và những giọt sương mai thấm đượm khí thiêng sông núi, như bà mẹ nuôi ta lớn khôn. Ở đó đã chôn vùi những ảo tưởng thời thơ ấu của ta và nảy nở lên niềm khát vọng tuổi thanh xuân của ta. Dù ngày hay đêm, ta đều muốn ngã vào cõi lòng

ấm áp của Người. Ôi! lá rụng rồi lại rơi về cội... Thế nhưng, hơn chục năm nay Ngô vương rất tin tưởng và gắn bó với ta, ta lại cùng Ngô vương chung lưng đấu cật chăm lo việc quân sự, tiến cùng tiến, lui cùng lui, hoạn nạn có nhau, giữa hai người tình nồng ý hợp. Nay muốn về Tề, cần phải chờ có dịp, để làm sao danh chính ngôn thuận, đâu có thể nói đi là đi được ngay.

Yến Tử rất thông cảm với tình cảm đó của Tôn Tử, đồng ý với quan điểm của ông, mong ông hãy sớm trở về, Yến Tử về nước trước và sẽ bền lòng trông đợi.

Sau khi Yến Tử về Tề, nỗi nhớ quê hương trong lòng Tôn Tử càng ngày càng như lửa đốt, ông bỗng cảm thấy thắng bại chỉ như giấc mộng, công danh lợi lộc chỉ như áng mây trôi, thế là ý nghĩ ở ẩn ngày thêm nung nấu.

Với ba vạn tinh binh, quân Ngô đã đánh bại hai mươi vạn đại quân nước Sở, đánh năm trận chiếm được Sính đô, phá tông miếu, đào mồ mả, ép nước Sở cắt đất bồi thường, tiến cống nộp thuế, sau đó ca khúc khải hoàn, điều đó gây chấn động không nhỏ trong các nước chư hầu, những nước lớn xa xôi lũ lượt đến chúc mừng, các nước nhỏ ở xung quanh cũng lần lượt xưng thần, đúng như câu người ta thường nói là "phía tây xâm lăng nước Sở lớn mạnh, phía bắc ra oai được với nước Tấn nước Tề, tiếng tăm hiển hách trong các nước chư hầu". Tuy nhiên Ngô vương Hạp Lư cũng vì thế trở nên ngang ngược tàn bạo, hắn tỏ ra hung hăng, cho rằng không ai bằng mình, tự xưng "phóng tầm mắt ra nhìn hiện nay, các nước trung nguyên, có thể ra lệnh cho thiên hạ, không ta thì còn ai nữa". Ông suốt ngày say sưa với quyền thế, chìm đắm

trong tửu sắc, phóng túng buông thả. Bọn quan lại tùy tùng ra sức a dua xu nịnh, Tôn Tử vì thế ngày càng xa lánh Hạp Lư.

Ngô vương hưởng lạc bừa bãi, ngày ngày sênh phách, đêm đêm mây mưa, dần dần không hỏi han gì đến việc triều chính. Vì thấy quanh mình gái đẹp cả bầy, phi tần hàng lũ, hậu cung sớm đã không đủ đáp ứng nhu cầu, Hạp Lư đã cho mở công trường, xây chính cung Kiến Hoa ở cạnh đài Cô Tô. Tôn Tử tuy cảm thấy mình là phận bề tôi, phải dốc một lòng một dạ, thế là không hề đo dự, vào triều khuyên can Ngô vương, ngăn cản việc xây dựng chính cung Kiến Hoa, nói rằng: Từ thượng cổ đến giờ, những tấm gương về các bậc vua chúa ham mê tửu sắc, mở công trường, xây cung điện, rượu thịt ê chề, tiêu pha không chừng mực, do đó mà triều chính lơ là… nhiều không biết đâu mà kể như vua Kiệt đời Hạ, vua Trụ đời Ân… đều bởi thế mà tự chuốc lấy diệt vong. Sau cùng Tôn Tử nói:

– Bài học về nhà Ân còn chưa xa, đại vương chớ đi vào vết xe đổ của người khác. Thần nghe nói đại vương muốn mở công trường, xây chính cung Kiến Hoa, việc ấy không nên làm chút nào. Xây dựng cung điện sẽ làm cho kho tàng nhà nước trống rỗng, nhân dân oán thán, tiếp đó dẫn tới việc kẻ thù nhòm ngó, bới chuyện gây rối loạn, cho nên tha thiết mong đại vương hãy bỏ ngay ý định xây dựng chính cung Kiến Hoa đi.

Nghe những lời chói tai vừa rồi của Tôn Tử. Hạp Lư không hề thấy hổ thẹn, mà lại nhíu mày nhăn mũi, hậm hực nói:

– Kể công xét thưởng, nguyên soái là bề đệ nhất công thần, bài binh bố trận, nguyên soái cũng có công hơn quần thần. Tuy nhiên mở công trường, xây cung điện, không liên quan gì đến nguyên soái, tư khấu thì lo chức tư, xin đừng có quản quá rộng, lại càng không tiện nói những chuyện như vậy!

Bị chạm vào nọc ong, Tôn Tử bỗng thấy cụt hứng, nghĩ bụng Ngô vương từ lâu hám sắc nên lòng nghĩ thế, nếu khuyên can nhiều, lại tổ rước họa vào thân.

Ý định rời bỏ nước Ngô của Tôn Tử vì thế ngày càng nung nấu, suốt ngày rầu rĩ ủ ê, cờ không đánh, đàn không gảy, kiếm cũng không múa nữa, thường đi vơ vẩn ra bờ sông bờ hồ, phố lớn ngõ nhỏ, trước hoa dưới liễu, trên mặt luôn thể hiện dáng vẻ bồn chôn như lửa đốt.

Một hôm, Tôn Tử đang buông câu bên bờ Thái Hồ, bỗng có nội thị đến gọi về, Tôn Tử theo chân nội thị về cung bái kiến Ngô vương. Hạp Lư ôn tồn bảo:

– Quả nhân từ lâu đã nghe nói Tề Cảnh công có một nàng con gái, tuổi vừa mười tám, xinh đẹp như ngà như ngọc, như phù dung đọng sương, chẳng hay nguyên soái có biết không?

Tôn Tử không hề đắn đó suy nghĩ, trả lời luôn:

– Thần xa nước Tề đã mười năm có lẻ, lại chẳng có thư từ qua lại, cho nên tình hình trong nước thế nào, tai điếc mắt mù, không hề hay biết.

Trên mặt Ngô vương chợt toát lên vẻ như vừa chợt tỉnh, vội vàng nói:

– Nguyên soái đến Ngô hơn mười năm, đương nhiên khó hiểu hết tình hình trong nước. Đó chính là công chúa Bá Khương, tài mạo song toàn, thông minh lanh lợi, vốn rất nổi tiếng.

Tôn Tử liền hỏi dồn:

– Đại vương làm sao có thể hiểu kỹ như thế về công chúa Bá Khương của nước Tề. Có cảm tình tốt như thế phải chăng…

– Chẳng giấu gì nguyên soái – Hạp Lư cướp lời – Thái tử Phá Tần tuổi đã hai mươi rồi, quả nhân muốn chọn mối lương duyên, để tác thành đôi lứa, thấy công chúa Bá Khương, là người vừa ý nhất, không hiểu ý nguyên soái ra sao?

Tôn Tử thấy rất khó trả lời, thầm nghĩ: Từ khi đánh Sở đến giở, Hạp Lư quen thói tự cho mình là vua thiên hạ, coi các nước chư hầu đều bé nhỏ. Thực ra, các nước Trung nguyên đều coi Ngô là Nam man, ngày nay lại muốn cưới công chúa Bá Khương, con gái yêu của Tề Cảnh công cho con, chỉ e nước Tề sẽ từ chối. Ông thầm lo trong bụng, nhưng không tiện nói thẳng ra, im lặng suy nghĩ hồi lâu, sau mới chậm rãi trả lời:

– Nếu đại vương có ý như vậy, chi bằng sai sứ giả sang Tề dạm hỏi, xem ý tứ của họ ra sao, rồi sẽ liệu.

Hạp Lư nghe nói thế, đột nhiên nổi cáu:

– Quả nhân muốn lấy công chúa Bá Khương về làm Thái tử phi, như thế là sự nâng đỡ với Tề vương, nếu như hắn dám từ chối, ta sẽ mang quân đánh tận Lâm Tri, phá tông miếu của hắn, đào mồ mả nhà hắn, giết thần dân của hắn!

Rất rõ ràng, Hạp Lư đã không còn coi nước Tề lớn mạnh là cái gì nữa. Thấy Ngô vương ỷ thắng kiêu căng, ngang ngược càn dỡ như vậy, Tôn Tử buồn bã và thất vọng. Ông nghĩ, ngày trở lại quê hương đã gần lại, đây có lẽ là ý trời chăng?

Hạp Lư đã hơi bình tĩnh lại, hỏi tiếp Tôn Tử:

– Theo ý nguyên soái, ta nên sai người đi dạm hỏi, hay là chính nguyên soái chịu khó đi một chuyến được không?

Nếu nói Hạp Lư hoàn toàn coi thường sự lớn mạnh của nước Tề, thì cũng không đúng, sở dĩ ông ta muốn kết thông gia với nước Tề, cưới công chúa Bá Khương làm Thái tử phi, cố nhiên vì công chúa Bá Khương tài sắc vẹn toàn "như phù dung trong sương sớm", nhưng một lẽ khác là muốn liên hợp với nước Tề lớn mạnh, kìm chân Tôn Tử không cho về Tề. Dụng ý chính của Hạp Lư, Tôn Tử không phải là không biết, ông lắc đầu nói:

– Theo ý thần, cử người khác đi thì hay hơn. Bởi thần vẫn là người nước Tề, nay lại đang thành tâm phục vụ Ngô vương, nếu đến Tề với tư cách là sứ giả, về vị trí của mình, quả là khó ăn khó nói. Đại vương cử người khác đi, đứng trên lập trường của người thứ ba, từ đó mà tác thành cho mối nhân duyên mỹ mãn này, có vẻ hợp lý thuận tình hơn.

Hạp Lư thấy Tôn Tử nói rất có lý, thế là cử tướng quân Bá Bỉ đi sứ. Bá Bỉ phụng mệnh sang Tề đưa công hàm cho Tề vương xin dạm hỏi, trong đó viết: “Nước Ngô muốn liên hôn với quý quốc, cưới công chúa Bá Khương làm thái tử phi, tha thiết mong Tề vương tác thành, nếu không, tức là có ý thù địch với nước Ngô, hai nước sẽ có chuyện binh lửa xảy ra”.

Đây đâu còn là giống điệu cầu thân nữa, mà là chuyện tát cạn bắt lấy, là hành động dùng vũ lực để đe dọa người khác. Tề Cảnh công đọc công hàm, bất giác lửa giận bốc lên ngùn ngụt, cùng quần thần bàn bạc việc này. Yến Tử nói:

– Ngô là nước Nam man, nước Tề ta làm sao có thể đem công chúa Bá Khương mà đại vương hằng sủng ái cho Thái tử Nam man kia chứ?

Yến Anh cực lực chối từ, nhưng đại phu Lương Khâu Cứ lại nói:

– Những lời Yến thái tể nói ra không sát với thực tế, trong công hàm Ngô vương đã nói rất rõ, nếu chúng ta không kết nhân duyên với họ, nước Ngô ắt sẽ dùng vũ lực xâm phạm chúng ta, gặp nhau bằng binh đao. Hiện nay nói về tình thế quân ta, có đánh nhau với nước Ngô, cũng khó giành phần thắng, nếu nghĩ đến nỗi an nguy của cả nước, coi việc tiếp thu lời cầu hôn đó là thượng sách, xin chúa công hãy suy xét.

Tề Cảnh công nghe nói thế, vội vàng nói theo:

– Lương khanh nói rất phải, hiện nay nước Ngô mạnh mà nước Tề lại yếu, chỉ có thể nhẫn nhục cho qua mà thôi.

Yến Anh phủ phục xuống đất nói:

– Sợ bị đánh mà đem công chúa Bá Khương gả cho Ngô man, thì có khác gì đầu hàng quân địch, để cho đối phương nhìn rõ thực lực quân ta như thể sức tàn lực kiệt, tinh thần của một đất nước suy kiệt đến thế, còn mong gì tồn tại được.

Lương Khâu Cứ phản bác lại:

– Chủ trương của Yến tướng quốc, mới nghe ra có vẻ hợp lý, nhưng thực ra chỉ là đánh giặc trên giấy, trước mắt nước Ngô mạnh, nước Tề yếu, đó là hiện thực, cố tình chống đối lại họ, có khác gì lấy trứng chọi đá. Chiến tranh quan hệ đến sự yên nguy của cả một đất nước, sự sống chết của một dân tộc, nên không thể không thận trọng.

Lương Khâu Cứ nói những lời như thế, Yến Anh vẫn điềm tĩnh ung dung, khoan thai, mỉm cười nói:

– Việc gì cũng không thể chỉ nhìn bề ngoài, không nhìn thực chất. Nếu nhìn bề ngoài nước Ngô đánh được nước Sở, vào được Sính đô, đúng là một cường quốc đứng đầu thiên hạ. Nhưng phân tích cho cụ thể, Ngô vẫn chỉ là một nước nhỏ Man di ở phương nam, quân cả nước chưa đầy năm vạn, chiến xa cũng chỉ chừng ngàn cỗ, sở dĩ họ diệt được nước Sở và làm run sợ các nước chư hầu là vì có mặt hai người Tôn Vũ và Ngũ Tử Tư, thế nhưng họ lại đều không phải là người nước Ngô. Ngũ Viên có mối thâm thù với nước Sở vì đã giết

cha, anh và ba trăm người trong nhà mình, thế nên đã đánh nước Sở không tiếc sức mình, sẵn sàng xông vào nơi nước lửa, dù có gan nát óc lầy, nhưng nếu đi xâm lăng nước Tề thì chưa hẳn đã được như vậy hoặc nói trắng ra là không thể như vậy, bởi trên đời này, yêu và ghét cái gì, đều có căn nguyên của nó. Ngũ Viên với nước Tề trước đây chẳng có oán, gần đây cũng không có thù, sao có thể chịu liều chết chinh chiến cho cuộc chiến tranh bất nghĩa của Ngô vương? Còn như Tôn Vũ, đại vương và các vị ở đây không cần phải bận tâm, trước đây không lâu, thần đã bỏ hẳn ra một chuyến để đi thăm Cô Tô, thiết tha mời Tôn Vũ về Tề, cùng chăm lo cho sự cường thịnh của nước Tề. Trong khi trò chuyện được biết rằng, Tôn Vũ vẫn còn tha thiết yêu quê hương, luôn thương nhớ tổ tiên và cha mẹ, chỉ có điều chung sống với Ngô vương lâu ngày, giữa họ có mối tình cảm rất sâu sắc, không tiện xa nhau ngay tức khắc, phải chờ một thời cơ danh chính ngôn thuận. Từ đó, thần có thể đoán định được rằng, Tôn Vũ quyết không bao giờ cầm quân đi đánh nước Tề cho Hạp Lư để xâm phạm và quấy rối đến tổ tông và cha mẹ, cũng như anh em đồng bào mình đang sống yên lành. Bỏ đi hai cây cột chống trời là Tôn Vũ và Ngũ Tử Tư, quân Ngô còn đâu là hùng mạnh nữa?

Yến Anh còn chưa nói dứt lời, quần thần văn võ trong triều, người thì vỗ tay khen phải, người thì bàn tán xôn xao, đến nỗi người luôn muốn gả công chúa Bá Khương cho nước Ngô như Lương Khâu Cứ lúc này cũng trở nên lặng tiếng im hơi, không nói câu gì nữa. Người vui mừng nhất, có lẽ không ai bằng người cha của Tôn Vũ lúc này, là thượng khanh đại phu Tôn Bằng.

Hôm nay, khi Tề vương nêu ra vấn đề này, ông liền cảm nhận mình đang phải chịu một áp lực nặng tựa Thái Sơn, cho nên mang tiếng làm một nguyên soái cầm quân mà cứ phải ngồi im như thóc. Nguyên nhân Tôn Tử đến nước Ngô, các quan văn võ trong triều, người nào cũng biết. Hơn chục năm nay, vì chung vì riêng, lúc nào Tôn Bằng cũng luôn mong nhớ con mình, mong sao nó sớm trở về, chưa hề bao giờ cảm thấy tủi nhục và áy náy. Hôm nay lại khác với mọi khi, hai nước Tề, Ngô, chỉ vì việc hôn nhân vu vơ mà xung đột lẫn nhau, đem quân ra đánh nhau, liệu Tôn Vũ có đi theo vết xe đổ của Ngũ Tử Tư hay không? Nếu như thế thật, thì họ Tôn, họ Điền mấy đời trung lương còn mặt mũi nào nhìn mặt các bậc bô lão nước Tề nữa? Hơn nữa một khi hai bên đã giao chiến với nhau, tướng soái hai bên ai cũng phải hết lòng vì chúa của mình, tất sẽ diễn ra cảnh "phụ tử tương tàn", cha con chém giết nhau thì còn gì đáng sợ hơn nữa?

Bởi thế mà từ trong xương tủy của mình, Tôn Bằng ngầm ủng hộ chủ trương của Lương Khâu Cứ, vui lòng nhận lời tác thành cho cuộc hôn nhân này để tránh xảy ra cục diện đáng sợ và éo le kia. Yến thái tể từ nước Ngô về, có kể cho ông nghe tình hình của Tôn Vũ ở nước Ngô với nỗi nhớ quê hương, nhớ người thân da diết, lúc ấy chỉ thở phào nhẹ nhõm, như thể một người vừa tháo bỏ đi vật gì đè nặng trong tim, mà không hề nghĩ gì đến quan hệ của hai nước, lại càng không nghĩ gì đến hai nước Tề, Ngô rồi sẽ giao tranh. Hôm nay Tề vương đưa ra vấn đề như vậy, Tôn Bằng nghe như sét đánh ngang tai, nát ruột nát gan, người như bị treo lửng lơ trên không. Giờ nghe tướng quốc Yến Anh nói những lời như vậy, Tôn Bằng đã có thể hoàn toàn yên tâm. Vì vậy, trở nên hoạt bát lanh lợi hơn, nói nhiều đến nhìn

nhận suy nghĩ của mình, ngay tức khắc đã thảo một bức thư, nói mẹ của Tôn Vũ đang lâm bệnh nặng, sai người hầu trong nhà ngày đêm mang thư đến Cô Tô, giục Tôn Vũ mau trở về.

Tề Cảnh công một mặt từ chối cuộc hôn nhân, một mặt ráo riết chuẩn bị đối phó với chiến tranh, nhất là tăng cường phòng vệ ở biên giới phía nam nước Tề. Đồng thời sai sứ đi các nơi, mạn tây liên kết với Tần, Tấn, mạn nam minh ước với Sở, Việt, để Ngô vương không dám coi nhẹ mà manh động.

Bá Bỉ về nước, dâng thư trả lời của Tề Cảnh công lên Ngô vương, bức thư viết rất khéo léo, không giở giọng ngang ngạnh như thư của Hạp Lư, không tỏ ra kiêu ngạo nhưng cũng không tự ti, trong mềm mỏng có cương quyết cứng rắn, trong sự cung kính cũng tỏ rõ chính khí hiên ngang. Đọc xong lá thư do chính tay Tề vương viết ra, Hạp Lư bỗng giận sôi lên, tóc như dựng đứng, hai mắt long lên như muốn lồi ra, tim gan như chỉ chực nổ xé ra, mặt tím như lá gan lợn, nhấp nhổm ngồi đứng không yên, ăn không ngon ngủ không yên, động việc gì cũng cáu cẳn, thấy ai cũng gắt gỏng, đập bàn xô ghế, uống rượu như điên, chém giết bừa bãi. Ông còn nhiều lần tụ họp các quan văn võ trong triều, bàn cách mang quân đi đánh nước Tề, nhưng bàn đi tán lại rốt cuộc vẫn chưa đi đến kết luận. Ông ta cho vời Tôn Tử và Ngũ Tử Tư vào bàn bạc, thấy tinh thần của ông thất thường, hai người này đều bỏ mặc mọi chuyện, không ra lạnh nhạt nhưng cũng chẳng mặn mà, không biết nên làm thế nào. Thái độ ấy của quần thần, khác nào trên một đống lửa đang cháy đùng đùng bị giội vào vô số thùng nước lạnh, lửa dần dần tắt ngấm. Đúng lúc ấy, từ phía bắc truyền về tin nước Tề

ráo riết chuẩn bị đối phó với chiến tranh, tăng cường quốc phòng và hoạt động ngoại giao, Hạp Lư rủn xuống như đám rơm khô gặp nước mưa.

Giữa tiết tam phục nóng nực, mây đen vần vụ, chớp rạch ngang trời, cuồng phong gào dưới đất, mưa như trút nước liên tục mấy ngày, rất có thể gây nên bão, nạn lụt lội và mưa đá. Tuy nhiên, sau một thời gian mưa tạnh trời quang, bầu trời trong, cao xanh lại rực rỡ ánh mặt trời, đất trời rộng mở. Trên mặt sông, mặt hồ rộng, thi thoảng vẫn có những cơn gió xoáy ập tới gợn lên ngàn con sóng dữ đến mức đổ buồn lật thuyền, người chết thuyền mất... Thế nhưng mưa gió qua rồi, trên mặt nước trong xanh vẫn dập dìu những cánh buồm, trăm chiếc thuyền lớn thuyền nhỏ đua nhau lướt sóng. Sóng lớn và gió bão của thiên nhiên dễ dàng yên ắng trở lại như thế, mặc dù tai họa gây ra thường mang tính hủy diệt, nhưng dù sao cũng chỉ là nhất thời tạm bợ thôi. Sóng gió trong xã hội loài người thì không bao giờ giản đơn như thế, đương nhiên, nó cũng có thể yên đi, nhưng vết thương do nó để lại trong lòng người thì rất khó lành, nếp nhăn trong trái tim người thì chẳng có cách gì có thể xóa mờ.

Cuộc chiến tranh Ngô – Sở, cơn sóng gió do cuộc hôn nhân không thành giữa hai nước Ngô - Tề, khiến cho Tôn Tử bắt đầu hoài nghi tất cả những gì mà mình đã bỏ ra nửa cuộc đời đeo đuổi, tất cả lung lay tới tận gốc. Trong lòng ông lúc này đầy dẫy những mâu thuẫn, luôn có hàng trăm thứ tình cảm đan xen với nhau.

Quay về với dĩ vãng, Tôn Tử miệt mài nghiên cứu binh pháp mấy chục năm, cũng chẳng cần lảng tránh, binh pháp là sự

chuẩn bị của chiến tranh, là công cụ và vũ khí chỉ đạo chiến tranh. Khi bùng nổ ra một cuộc chiến, đại loại sẽ diễn ra hai loại tình hình khác nhau, một là sự xâm lược và mở rộng của một nước lớn, một loại khác là sự tự vệ, phòng ngự của những nước nhỏ yếu. Nhưng bất kể loại chiến tranh nào, cũng đều phải trả một giá đắt, gây nên những cảnh tượng bi thảm như đồng đất hoang vu, ruộng vườn xơ xác, cha xa con, vợ xa chồng, sinh linh lầm than, đầy đồng xương trắng, máu chảy thành mương, dân không còn sống, nước mất nhà tan… Vả lại đã đánh nhau, không sống thì chết, không còn có chỗ để thỏa hiệp, không có cảm tình, lại càng không có dạ từ bi. Bởi thế, chiến tranh biến con người thành giống động vật vô tình. Chiến tranh hết sức vô nhân đạo, là sự nổi dậy của thú tính trong con người. Kẻ thất bại thì ghi lòng tạc dạ mối thù sâu, đợi dịp trả thù, họ rút ra bài học cũ, rồi quay đầu trở lại, làm lại từ đầu, một cuộc chiến tranh mới khốc liệt hơn đang âm ỉ; kẻ chiến thắng thì trở nên hung hăng ngang ngược, thậm chí say máu người, ham mê chém giết.

Từ thượng cổ đến nay, lòng tham không có đáy, khi còn nhỏ yếu thì muốn được lớn mạnh, lớn mạnh rồi lại muốn xưng bá chư hầu, xưng bá chư hầu rồi lại muốn làm vua thiên hạ… Cho rằng trong tương lai có một ngày nào đó, bằng một cuộc chiến tranh với máu đỏ và thép lạnh, một chư hầu nào đó thống nhất được thiên hạ đi nữa, thì thử hỏi họ đã mang lại cho trăm họ trong thiên hạ được những lợi ích gì? Tôn Tử bỗng thấy lòng trống rỗng…

Nghĩ đến sự tàn khốc của chiến tranh, cùng những tai họa mà nó mang lại cho thiên hạ, Tôn Tử rất lấy làm nuối tiếc và ân hận. Khi Tôn Tử thấy tim mình nhói đau lên từng trận và

luôn tự sám hối mình như thế, hình tượng của Khổng Tử chợt xen vào trong nếp nghĩ, trong đầu óc của ông. Về chính trị, Khổng Tử vẫn chủ trương tồn tại trong hòa bình và hết sức nêu cao nhân chính đức trị! Ông chủ trương trị vì đất nước phải lấy đạo đức làm gốc rễ, lấy đạo đức cảm hóa nhân dân, thì nhân dân ắt sẽ quy thuận, giống như sao bắc đẩu trên bầu trời luôn ở mãi một vị trí nhất định của mình, các sao khác cùng vây quanh. Ông từng nói, dùng mệnh lệnh để dẫn giắt nhân dân, dùng hình phạt để răn đe nhân dân, thì nhân dân chỉ làm sao đó tránh mắc tội lỗi mà không biết tự hổ thẹn. Nếu như dùng đạo đức để lãnh đạo, dùng lễ để giáo hóa nhân dân, thì nhân dân không những biết tự hổ thẹn mà còn biết cải tà quy chính. Trước đây Tôn Tử coi những chủ trương hoà bình đó của Khổng Tử là chủ nghĩa lý tưởng, không sát thực tế nên không bao giờ nhắc đến, nhăn mũi coi thường, nhưng đến bây giờ mới thấy ở trong đó chứa đựng những triết lý sâu xa, ngời lên những tia sáng trí tuệ, thấy cần phải nghiên cứu lại.

Đối với Khổng Tử, thế là Tôn Tử đã từ chỗ phủ định đi đến chỗ coi trọng, cho rằng cần phải nghiên cứu lại, nhưng vẫn đang u u minh minh, không biết nên khẳng định cái gì, phủ định cái gì, đánh giá ra sao, thế nhưng đối với tư tưởng trong “binh pháp” của Tôn Tử thì thái độ của Khổng Tử lại rất rõ ràng. Khi ông được biết rằng Tôn Tử vốn là người nước Tề, sau này trốn sang nước Ngô, cùng với Ngũ Tử Tư phò tá Ngô vương đánh Sở, đã không vui mà nói: “Đến nước người khác, gây nên chiến tranh, thế là người thất đức”. – Khổng Tử nghe nói sau khi Ngô diệt Sở, Tôn Vũ được lên làm đại tư khấu của nước Ngô, lo lắng thốt lên: “Để một kẻ thâm mưu thiện chiến như thế nắm chính quyền, thiên hạ làm sao còn

có ngày tháng yên hàn được?". Sau này có dịp đọc kỹ mười ba bài "binh pháp", phát hiện ra rằng trong đó đúng là có những lý lẽ sâu xa cần nghiên cứu kỹ, hết lời ca ngợi nó "lời ngắn gọn nhưng ý rõ ràng, không thể xem thường". "Cuốn sách này bàn về quyền thuật trong chiến đấu, lý luận của nó rất sâu xa", "Binh pháp Tôn Tử quý ở chỗ là một thứ quân không đánh mà thắng, là một thứ quyền mưu của nhà binh ít phải dùng đến sát phạt nhất". Một con người xưa nay vốn luôn luôn chủ trương nhân chính đức trị, phản đối chiến tranh, sát phạt như Khổng Tử, mà lại khen ngợi mười ba bài "binh pháp" đến như thế, làm gì chẳng khiến người ta phải nghĩ ngợi sâu xa! Khổng Tử nói: "Ngày nay vừa thấy binh thư, lập trường chính trị của ta càng vững vàng hơn, sách này không những có thể dùng để trị quân, còn có thể dùng để bàn về chính trị, kinh doanh buôn bán, xử thế… Dùng vào chính trị, có thể trị đời được; dùng vào kinh doanh buôn bán, có thể tung hoành mọi nơi; dùng để xử thế, có thể phòng được kế mưu của kẻ khác.

Ngày nay thích đọc sách này, ta định gặp mặt người ấy". Rồi lại nói: "Mười ba bài binh pháp" tuy là sách lược về quyền mưu, tuy đi khác đường, song đến cùng một đích với ta. Họ lấy vũ lực để bình thiên hạ, còn ta lấy nhân chính đức trị để thu phục; giữa hai đằng có rất nhiều điểm giống nhau. Ta muốn đi gặp Tôn Vũ, để hai bên thông hiểu lẫn nhau, hoặc có thể dẹp đi những cuộc chiến tranh về sau này".

Khổng Tử mong người hiền như khát nước, nôn nóng muốn gặp Tôn Tử, thế nhưng hai nhà cự phách về văn hóa, được coi là hai bậc thánh nhân văn võ trong lịch sử Trung Quốc,

rốt cuộc cũng không gặp nhau được, để lại niềm tiếc nuối bao la, mãi mãi không bao giơ khỏa lấp nổi trong lịch sử…

Sự đánh giá của Khổng Tử về Tôn Tử và mười ba bài “binh pháp” rất nhanh chóng lan đến tai Tôn Tử. Nghe xong tin này, Tôn Tử cứ thở than xít xoa mãi, ông đóng cửa không tiếp khách, muốn để tâm nhiều hơn vào học vấn, chẳng những nghiên cứu về Khổng Tử, nghiền ngẫm tư tưởng nhà nho… nghiên cứu chính mình, tự đánh giá về mình.

Tôn Tử lúc này đã là một người chứa đầy mâu thuẫn, trong lòng chứa đầy nỗi niềm u uất, khổ đau, nôn nóng, bàng hoàng… những tình cảm đó hòa trộn vào nhau, khiến lòng ông luôn bị xáo trộn, không thể nào tiến hành được công việc nghiên cứu, lại càng khó đi sâu suy ngẫm một vấn đề gì. Để gạt bỏ những mối sầu tư phức tạp và khó gọi tên này, cũng như để tìm ra đầu mối để gỡ búi tơ rối trong lòng, Tôn Tử lại khoác chiếc lù cỏ lên vai, mang cung tên, trở lại con đường đã từng đi khi mới tới nước Ngô, ẩn dật ở Khung Long, để khảo sát tình hình đất đai sông núi Giang nam, làm một chuyến du ngoạn nữa trước khi rời khỏi nước Ngô, tựa hồ như muốn đi tìm lại những gì đã mất. Trong chuyến đi này, Tôn Tử tận mắt nhìn thấy những hiện tượng tự nhiên đã quá quen thuộc với mình, chẳng hạn như bọ ngựa bắt ve, chích chòe đứng sau; chim ưng lao xuống vồ mồi, thỏ rừng chỉ còn cách lao đầu trốn chạy; cũng như nơi đáy nước, cá lớn nuốt cá bé, cá bé ăn tôm tép, tôm tép thì ăn đất. Tóm lại, đó là những hiện tượng khỏe bắt nạt yếu, đông ăn hiếp ít, yếu hơn người thì bị người ăn… rất phổ biến trong giới tự nhiên, muông thú như thế, còn người là đấng tối linh lại càng như thế! Cái cảnh yếu hơn người thì bị người ăn trong

xã hội loài người còn diễn ra, tất sẽ đưa đến những cuộc chiến tranh tàn khốc.

Chiến tranh, con quái vật thần bí này, người đời ai cũng ghê tởm căm ghét nó, chửi bới nó, nguyền rủa nó, nhưng rồi chẳng ai có thể xa rời nó. Mà nó đã tồn tại sờ sờ ra đó, thì ta không thể không đi nghiên cứu nó thật kỹ xem sao. Với nhận thức như thế, Tôn Tử đã có một thái độ khẳng định đối với những gì đeo đuổi hàng chục năm trời và kết quả của nó. Ông không thấy áy náy và khó ở như những ngày gần đây nữa. Đúng vậy, binh pháp là sự tổng kết của chiến tranh, là công cụ chỉ đạo chiến tranh, là một thứ vũ khí; bản thân chiến tranh là tiêu diệt địch, bảo toàn lực lượng của mình, bởi vậy binh pháp không phải là là phương pháp giết người, mà là phương pháp giảm bớt sự chém giết; không phải là dạy người ta gây chiến tranh, mà là dạy người ta cách ngăn chặn, hạn chế chiến tranh, không trách Khổng Tử cũng từng nói tư tưởng của ông và tư tưởng của Tôn Tử "đường đi khác nhau nhưng cùng về một đích".

Thật vậy, nghiên cứu binh pháp không thể tách rời việc nghiên cứu chiến tranh, không thể tách rời sự nghiên cứu cách giết người, mới nghe thấy hai tiếng "giết người", xin chớ vội lảng tránh nó, thù ghét và nguyền rủa xua đuổi nó. Ví dụ như mặt trời và nước, nếu xa rời chúng, sẽ không có thế giới của màu xanh, không có sinh linh và không có cả bản thân loài người. Thế nhưng mặt trời và nước cũng có lúc có lỗi lầm, trên mặt đất năm nào cũng có vùng hạn, vùng lụt với diện tích khác nhau, nguy hại đến con người, khiến cho sinh linh lầm than, thế nhưng có ai vì thế mà phủ nhận công

lao và giá trị bất hủ của nó? Nghĩ đến đây Tôn Tử lấy làm vững dạ, cảm thấy ấm áp trong lòng.

Một hôm, Tôn Tử lại đi câu cá ở bờ Thái Hồ, lúc này lòng ông cũng rộng bao la, sâu thăm thẳm, lặng lẽ, xanh trong như nước Thái Hồ, bỗng có tiếng vó ngựa vang tới, một người đến nơi tung mình xuống ngựa. Đó là gia thần Diêm Cương mới ở nước Tề sang. Người gia thần đưa cho Tôn Tử lá thư do cha ông tự tay viết. Trong thư bày tỏ hết tình thương nỗi nhớ của cha đang sống xa con và niềm khao khát mong chờ của người đang lâm bệnh nặng, tình cảm như xé ruột xé gan. Tôn Tử đọc thư cha mình, bất giác nước mắt chan hòa, nức nở không ra tiếng. Ông luôn luôn trông chờ và tìm một lý do để danh chính ngôn thuận từ giã Ngô vương. Đến lúc này thời cơ đã đến, lý do ấy đã có sẵn trong tay đây rồi. Trước hết, ông đã cho Diêm Cương về Lâm Tri báo rằng ông sắp trở về, sau đó đi gặp Ngũ Tử Tư, nói đến cảnh biệt ly, dặn dò ông ta phải đề phòng Bá Bỉ, Ngô vương tâm tính dâm lạc như thế, chỉ có thể cùng hoạn nạn không thể chung hoan lạc với ông ta. Ra tướng phủ, Tôn Tử đi thẳng vào cung để chào từ biệt Ngô vương Hạp Lư. Trước tiên ông đưa Hạp Lư xem bức thư nhà, sau đó nói:

– Tôn Vũ tôi từ buổi đi theo đại vương tới giờ, may mắn được người thương mến, đến nay tình hình nước Ngô uy thế đã định, nhân tài trong nước cũng nhiều, thần đi hay ở không quan trọng lắm. Gần đây nhận thư thân phụ nói mẹ già đang lâm bệnh nặng, nên tâu xin đại vương cho phép thần được về quê thăm, đó là tận chữ hiếu của một người con.

Tôn Tử nói xong, nước mắt rơi lã chã. Ngô vương rất lấy làm ngạc nhiên, nói:

– Nguyên soái giúp ta, công lao hơn tất thảy mọi người, quả nhân vốn định ban cho khanh lộc hậu, để mai sau yên hưởng thái bình. Giờ đây nguyên soái nhớ mẹ già da diết, làm con, khi mẹ ốm đau đến phút hấp hối mà không được liên tục ở cạnh, thì quả là bất hiếu. Quả nhân tuy không muốn để nguyên soái ra đi, nhưng không thể vì sự yêu mến của riêng mình mà để nguyên soái mang tiếng bất hiếu. Mong nguyên soái về quê hương rồi, vẫn trước sau một dạ với nước Ngô.

Ôi những lời lẽ ngoại giao mới đàng hoàng đĩnh đạc làm sao! Thật không hề có một mảy may ý định muốn giữ lại.

Sau khi chào từ biệt Ngô vương, Tôn Tử vừa ra đến cửa cung thì Ngũ Tử Tư và đông đảo quần thần đang đứng đợi sẵn ở đấy, muốn được tiễn đưa nguyên soái, không ai là không tỏ ra luyến tiếc trước việc ra đi của Tôn Tử. Bản thân Tôn Tử cũng rưng rưng rớt lệ khum tay giơ lên trước mặt, vái chào an ủi mọi người và cũng là an ủi chính mình:

– Đời người tan hợp không biết thế nào mà nói, hợp rồi lại tan, tan rồi lại hợp, đó cũng là lẽ thường tình. Các vị đại nhân, tình cảm sâu nồng giữa chúng ta hơn chục năm nay, Tôn Vũ tôi sẽ mãi mãi ghi lòng tạc dạ, mong chúng ta ai cũng trân trọng và giữ lấy.

Tôn Tử nói xong, nhảy lên lưng ngựa. Lúc đó, một cỗ xe ngựa từ trong cung vội vã lướt tới, thái giám ngồi trên xe gọi Tôn

Tử đứng lại, Tôn Tử bất giác giật mình: “Quái lạ! Làm gì thế nhỉ?”

Thái giám xuống xe, dâng lén một hòm nặng trịch đầy châu báu và nói:

– Đại vương có lệnh, những châu báu hiếm có trên đời ở trong hòm này, đều là tặng cho Tôn Nguyên soái, xin Tôn nguyên soái hãy đem về, đây chính là tấm lòng của đại vương.

Tôn Vũ lắc đầu, cười nói:

– Xưa kia Tôn Vũ tay không đến nước Ngô, bây giờ cũng phải tay không mà đi. Tấm lòng yêu mến của đại vương, Tôn Vũ tôi xin nhận.

Tôn Vũ khoáng đạt vẫy tay ra hiệu, quay lại gật đầu chào Ngũ Tử Tư và các quan văn võ ra đưa tiễn, sau đó đạp mạnh hai chân, vung roi lên, con ngựa vọt lên phía trước.

Tôn Tử lần này đi đâu? Có phải quay về nước Tề không, sử sách không ghi chép, nên cũng không dám bịa đặt. Có người nói ông sẽ không về nước Tề, bởi nước Ngô tuy không là Tổ quốc của ông, nhưng đội quân tinh nhuệ của nước Ngô hiện nay chính là do ông đã xây dựng nên, ông không nỡ lòng nào về Tề mang quân trở lại tiêu diệt nó. Đương nhiên, ông cũng không thể tiếp tục ở lại chốn quan trường nước Ngô, nước Ngô nước Tề lại mâu thuẫn kịch liệt, bất kỳ lúc nào đều có thể xảy ra giao tranh, ông không thể nhẫn tâm đem quân Ngô đi tiêu diệt quân của Tổ quốc mình. Có người nói ông đem vợ con vào ở ẩn tại một nơi sâu hơn ở Khung Long, căn cứ là mộ Tôn Vũ, đền thờ Tôn Vũ đều ở Ngô mà không ở Tề. Cũng có người nói ông ẩn dật ở khe Quỷ Cốc, làm nhà ở gần Quỷ Cốc Tử tiên sinh… nhưng đó đều là những lời bàn vô căn cứ. Tôn Tử cuối cùng đi đâu, mỗi người nói một khác, đều không thể tin. Nhưng có một điểm e rằng có thể khẳng định: Tôn Tử từ đó ẩn dật trong rừng sâu không ra với đời, bởi vì kinh truyện sử sách, đều không còn thấy nói gì đến sự tích của ông nữa. Kỳ thực, những cái đó cũng chẳng có gì quan trọng, điều quan trọng hơn là vài chục năm sau đó, hai nước Ngô, Tề không giao chiến nữa; mười ba bài binh pháp của ông, tư tưởng của ông trở thành của cải tinh thần quý báu của dân tộc Trung Hoa còn lưu truyền mãi đến ngày nay và thịnh hành trên thế giới.

TÔN VŨ NIÊN PHẢ

Tuổi – Năm (TCN) – Niên hiệu Chu – Niên hiệu Tề – Sự kiện

1 – 545 TCN – Lương vương năm thứ 5 – Cảnh Công năm thứ 3 Vua các nước Tề, Trần, Thái, Bắc Yên, Khởi, Hồ, Thẩm Bạch, Địch… dựa vào ước định trong hội thề năm trước tại nước Tống, chầu nước Tấn. Bốn họ Cao, Loan, Trần, Bao ở nước Tề đánh họ Khánh nên Khánh Phong chạy sang Lỗ, tiếp sau đó lại chạy sang nước Ngô. Chu Linh vương chết, con là Cảnh vương Quý lên nối ngôi. Mùa thu, Điền Vũ được sinh ra ở thôn Điền Ban bên bờ Tri Thủy ở Lạc An nước Tề. Trong "Sử ký" và "Tân Đường thư" lại chép Điền Vũ là con trai của công tử Hoàn nước Trần. Đến năm 544 Trước công nguyên, Tôn Vũ tròn 1 tuổi.

2 – 543 TCN – Cảnh vương năm thứ 2 – Cảnh Công năm thứ 5 Điền Vũ ở nước Tề – Tử Sản nắm chính quyền nước Trịnh. Nước Trịnh đại trị.

3 – 542 TCN – Cảnh vương năm thứ 3 – Cảnh Công năm thứ 6 Điền Vũ ở nước Tề

4 – 541 TCN – Cảnh vương năm thứ 4 – Cảnh Công năm thứ 7 Điền Vũ ở nước Tề – Triệu nước Tấn chết. Hàn Tuyên Tử nắm chính quyền nước Tấn và sửa đổi đi. Sở lệnh doãn vây giết vua, tự lên ngôi đó Sở Linh vương.

5 – 540 TCN – Cảnh vương năm thứ 5 – Cảnh Công năm thứ 8 Điền Vũ ở nước Tề

6 – 539 TCN – Cảnh vương năm thứ 6 – Cảnh Công năm thứ 9 Điền Vũ ở nước Tề. Họ Điền cho vay nặng lãi, một vốn bốn lời "Tiền của dân vào nhà như nước chảy".

7 – 540 TCN – Cảnh vương năm thứ 7 – Cảnh Công năm thứ 10 Điền Vũ ở nước Tề. Nước Sở họp với vua các nước Thái, Trần, Trịnh, Hứa, Từ, Đằng, Đốn, Hồ, Thẩm, Tiểu Chu và thái tử nước Tống Tả, Hoài Di ở đất Thân (Bắc Nam Dương tỉnh Hà Nam bây giờ). Sở Linh Vương với Trần, Thái … đánh Ngô phá được Chu Phương (phía đông Trấn Giang tỉnh Giang Tô bây giờ) bắt giết Khánh Phong nước Tề. Ngô đánh Sở, vào Cức, Lạc, Ma để trả thù chiến dịch Chu Phương.

8 – 537 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 8 – Tề Cảnh Công năm thứ 11 Điền Vũ ở nước Tề. Lỗ bỏ trung quân, chia công thất ra làm bốn. Sở liên kết với Việt đánh Ngô, thua ở Thước Ngạn (vùng Đông Lăng An Huy bây giờ).

9 – 536 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 9 – Tề Cảnh Công năm thứ 12 Điền Vũ ở nước Tề. Sở đánh nước Từ, nước Ngô cứu Từ. Sở Lệnh Doãn Tử Đãng công phá nước Ngô, thua ở Phòng Chung (Tây Nam thành Mông tỉnh An Huy bây giờ).

10 – 535 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 10 – Tề Cảnh Công năm thứ 13 Điền Vũ ở Tề. Sở Linh vương vương năm thứ 6, khánh thành cung Chương Hoa, vời Lỗ công sang mừng. Lỗ Chiêu công bắt đắc dĩ đến Sở. Vệ Tương công chết, con là Linh công nối ngôi.

11 – 534 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 11 – Tề Cảnh Công năm thứ 14 Điền Vũ ở Tề – Sở diệt Trần.

12 – 533 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 12 – Tề Cảnh Công năm thứ 15 Điền Vũ ở Tề.

13 – 532 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 13 – Tề Cảnh Công năm thứ 16 Điền Vũ ở Tề. Hai họ Điền – Bao đánh họ Loan họ Cao. Loan Thi, Cao Cương chạy sang Lỗ. Con Điên hằng là Vô Vũ phát lương thực cho người nghèo khó cô đơn, thế ngày một mạnh.

14 – 531 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 14 – Tề Cảnh Công năm thứ 17 Điền Vũ ở Tề. Sở Linh vương giết Thái Linh hầu, diệt nước Thái, lập công tử Khí Tật làm Thái công. Ngô vương Dư Tế chết, em là Dư Muội nối ngôi.

15 – 530 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 15 – Tề Cảnh Công năm thứ 18 Điền Vũ ở nước Tề. Năm Sở Linh vương thứ 11, đem quân vây nước Tề để đe dọa Ngô.

16 – 529 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 16 – Tề Cảnh Công năm thứ 19 Điền Vũ ở nước Tề. Công tử Khí Tật (Thái công), Công tử Tỷ (Tử Cán), Công tử Hắc Hoàng (Tử Tích) – Ba người đều là em Linh vương nước Sở mang quân các nước Trần, Thái, Bất Canh, Hứa, Diệp… vào nước Sở. Linh vương tự sát ở Tây Qui, lập Tử Tỷ lên làm vua. Khí Tật lấy danh nghĩa là tướng của Linh vương đến đe dọa Tử Tỷ, Tử Tích, hai người tự sát. Khí Tật lên ngôi, tên là Hùng Cư, đó là Sở

Bình vương. Năm Ngô Dư Muội thứ 2, diệt Chu Lai (Phụng Đài, An Huy bây giờ).

17 – 528 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 17 – Tề Cảnh Công năm thứ 20 Điền Vũ ở nước Tề. Sở Bình vương mới lên ngôi, sợ người trong nước và chư hầu chống lại nên ra ơn cho dân, kết tình hòa hảo với nước láng giềng. Dẹp chuyện binh đao 5 năm liền.

18 – 527 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 18 – Tề Cảnh Công năm thứ 21 Điền Vũ ở nước Tề. Ngô vương Dư Muội chết. Con là Liêu lên ngôi.

19 – 526 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 19 – Tề Cảnh Công năm thứ 22 Điền Vũ đến Mông Sơn xin học. Tề đánh Từ đến tận Bồ Toại (Tây Nam Duy Ninh, Giang Tô bây giờ).

20 – 525 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 20 – Tề Cảnh Công năm thứ 23 Điền Vũ đi học ở Mông Sơn. Ngô vương Liêu đánh Sở, giao chiến ở Trường Ngạn (vùng Dụ Khê khẩu Trường Giang bây giờ), thua to, mất vương thuyền "Dư Hoàng". Công tử Cơ Quang (con Chư Phàn) đánh úp quân Sở vào ban đêm, lấy lại Dư Hoàng.

21 – 524 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 21 – Tề Cảnh Công năm thứ 24 Điền Vũ đi ngao du thiên hạ, khảo sát các chiến trường cổ.

22 – 523 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 22 – Tề Cảnh Công năm thứ 25 Điền Vũ đi khắp nơi trong thiên hạ, khảo sát chiến trường xưa trong lịch sử. Thiên sứ Phí Vô Cộc (Ky)

muốn Bình vương xa lánh thái tử Kiến xin cho xây thành ở Thành Phụ (phía bắc thành phố Bình Đỉnh Sơn tỉnh Hà Nam bây giờ) đưa Thái tử đến ở đó để thông với phía bắc. Sở cũng xây thành ở Chu Lai chống Ngô. Điền Thư đánh nước Cử có công lớn. Cảnh công ban cho họ Tôn, ăn tộc ở Lạc An.

23 – 522 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 23 – Tề Cảnh Công năm thứ 26 Tô Vũ ở Tề đọc đủ các loại sách, nghiên cứu binh pháp và lý luận trong các cuộc chiến tranh nhiều triều đại. Làm công việc chuẩn bị để viết “binh pháp”.

Phí Vô Cực xiểm nịnh nói Thái tử Kiến làm phản ở ngoài Phương thành, Sở Bình vương triệu hồi. Kiến chạy sang Tống, sau lại sang Trịnh rồi bị người Trịnh giết. Vua Sở giết cha và anh Ngũ Tử Tư cùng hơn ba trăm người trong nhà, Ngũ Tử Tư chạy sang Ngô.

24 – 521 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 24 – Tề Cảnh Công năm thứ 27 Tôn Vũ ở Tề. Năm ấy cưới Thục Hiền.

25 – 520 TCN – Chu Cảnh vương năm thứ 25 – Tề Cảnh Công năm thứ 28 Tôn Vũ ở Tề. Chu Cảnh vương chết, người trong nước lập con trai cả là Mãnh. Tử chiêu đánh Mãnh giành ngôi. Tấn xuất quân giúp Mãnh – Mãnh chết, lập em là Cái lên ngôi tức là Chu Kính vương.

26 – 519 TCN – Chu Kính vương năm thứ 1 – Tề Cảnh Công năm thứ 29 Tôn Vũ ở Tề – Năm Ngô Liêu Vương thứ 8, đánh Chu Lai – Sở với quân các nước Đốn, Hồ, Thẩm, Thái, Trần, Hứa… đến cứu, đánh nhau ở Kê Phụ, quân Sở thua to.

27 – 518 TCN – Chu Kính vương năm thứ 2 – Tề Cảnh Công năm thứ 30 Tôn Vũ ở Tề. Năm Sở Bình Vương thứ 11, dùng lính thủy cùng người Việt nhòm ngó nước Ngô – Sở Bình vương đến Vũ Dương (biên giới phía nam huyện Sào, An Huy bây giờ) rồi quay lại. Sau khi đánh được Sở, Ngô diệt nước Chung Ly (đông bắc, Phụng Dương, An Huy bây giờ).

28 – 517 TCN – Chu Kính vương năm thứ 3 – Tề Cảnh Công năm thứ 31 Tôn Vũ ở nước Tề. Lỗ Chiêu công mang quân đi đánh họ Quý Tôn.

"Tam hoàn" liên quân để chống lại Chiêu công. Chiêu công thua chạy sang Tề. Do Lỗ loạn lạc, Khổng Tử mang đệ tử đến Tề, làm gia thần cho Cao Chiêu tử.

29 – 516 TCN – Chu Kính vương năm thứ 4 – Tề Cảnh Công năm thứ 32 Tôn Vũ ở Tề. Sở Bình vương chết. Con là Chẩn lên ngôi, đó là Sở Chiêu vương.

30 – 515 TCN – Chu Kính vương năm thứ 5 – Tề Cảnh Công năm thứ 33 Cao Chiêu Tử liên hiệp ba họ Loan, Bào, Điền chống lại Yến Anh. Tôn Bằng tham dự việc đó, sợ thất bại thì sẽ bị tru di. Tôn Vũ đem vợ con sang nước Ngô, ở trong núi Khung Long. Năm Ngô vương Liêu thứ 12, đánh Sở vây Tiềm (đông bắc Hoắc Sơn, An Huy bây giờ). Tả doãn Bá Khước Uyển … của nước Sở bịt phía sau. Quân Ngô bị vây không rút lui được. Lợi dụng thời cơ, công tử Quang mở tiệc mời Ngô vương Liêu, sai Chuyên Chư đâm chết Vương Liêu, Cơ Quang lên ngôi, là Ngô vương Hạp Lư. Nhân lúc quân Ngô rối loạn, Bá Khước Uyển … của Sở đánh bại quân Ngô, ca khúc khải hoàn.

31 – 514 TCN – Chu Kính vương năm thứ 6 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 1 Hạp Lư cử Ngũ Tử Tư làm hành nhân, Bá Bỉ làm đại phu. Ngũ Tử Tư phụng mệnh Hạp Lư, mời Tôn Vũ hạ sơn luyện quân chém cơ. Hạp Lư phong Tôn Vũ làm nguyên soái kiêm quân sư nắm quyền bính nước Ngô.

32 – 513 TCN – Chu Kính vương năm thứ 7 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 2 Tôn Tử ở Ngô.

33 – 512 TCN – Chu Kính vương năm thứ 8 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 3 Ngô đem quân dùng sách chia quân quấy rối Sở, bắt phản thần của Ngô, chặt vây cánh Sở, diệt Dư và Chung Ngô.

34 – 511 TCN – Chu Kính vương năm thứ 9 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 4 Ngô đem ba cánh quân để ép, bằng nhiều cách quấy rối Sở, đánh Di, Tiềm, Lục... của Sở, quân Sở đến cứu, quân Ngô rút về. Quân Ngô đánh Huyền, quân Sở cứu, quân Ngô lại rút về. Người Sở thừa biết quân Ngô đã rút bèn tự rút quân về, quân Sở vừa rút, quân khác của Ngô lại tới, đánh vào Dưỡng Ấp, Sở không kịp cứu. Ngô phá được Dưỡng Ấp, giết công tử Yểm Dư và Chúc Dung.

35 – 510 TCN – Chu Kính vương năm thứ 10 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 5 Sở liên quân với Việt đánh Ngô bị đánh bại. Hạp Lư sai Ngũ Tử Tư xây thêm thành.

36 – 509 TCN – Chu Kính vương năm thứ 11 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 6 Tôn Tử ở Ngô.

37 – 508 TCN – Chu Kính vương năm thứ 12 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 7 Ngô vẫn dùng sách lược nhiều mặt làm chậm trễ quân địch. Dụ Đồng phản lại Sở, thả mồi thơm Nang Ngoã cắn câu, đem quân đi đánh Ngô, bị Ngô đánh thua ở Dự Chương. Ngô dần lấy Sào, được công tử Phàn rồi về. Từ sau trận đó các ấp đông Dự Chương và các nước phụ thuộc đều thuộc quan Ngô.

38 – 507 TCN – Chu Kính vương năm thứ 13 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 8 Tôn Tử ở Ngô. Nang Ngoã lấy áo da nước quý của Thái Chiêu hầu, lấy ngựa của Đường Thành công, hai vua không cho, Nang Ngoã vô cớ bắt giam hai người.

39 – 506 TCN – Chu Kính vương năm thứ 14 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 9 với danh nghĩa Chu Vương thất, Tấn họp 18 chư hầu ở Thiệu Lăng mưu đồ đánh Sở. Cẩu Diễn của Tấn đòi Thái Chiêu hầu đút lót, không được, cuộc đánh Sở chết yểu. Nang Ngoã vây Thái, Ngô đến cứu, bắt đầu cuộc chiến Ngô đánh Sở vào Sính đô. Ngô vứt thuyền ở Hoài Nội, vượt Đại Biệt Sơn, tiến công quân Nang Ngoã ở Bá Cử thừa thắng xông vào Sính đô. Nang Ngõa chạy sang Trịnh, Chiêu vương chạy vào đầm Vân Mộng bị cướp đánh úp. Lại chạy sang Tùy. Thân Bao Tư nước Sở cầu cứu với Tần, khóc 7 ngày ở triều đình nước Tần. Tần Ai công một đồng ý ra quân.

40 – 505 TCN – Chu Kính vương năm 15 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 10 Tần cứu Sở đánh bại Ngô. Em Hạp Lư là Phu Khái về Ngô tự lên ngôi. Hạp Lư về trước cướp được ngôi. Quân Ngô lần lượt về triều. Sở Chiêu vương về Sính đô.

41 – 504 TCN – Chu Kính vương năm 16 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 11 Ngô đánh Sở đánh bại quân Lư thủy, lại đánh bại quân bộ của Sở ở Phàn Dương.

42 – 505 TCN – Chu Kính vương năm 17 – Ngô vương Hạp Lư năm thứ 12 thấy Hạp Lư ngày càng ngang ngược, sinh hoạt bê tha, say mê tửu sắc, không nghe lời khuyên, dần dần Tôn Vũ lấy lý do về thăm quê, ở ẩn trong rừng. Từ đó sử sách không ghi chép. Có người nói đã về Tề, đoàn tụ với gia đình, sống những năm tuổi già. Có người nói ông đã thanh thản ở ẩn, sống đến cuối đời thọ 75 tuổi, tức 470 trước công nguyên chết ở Cô Tô của nước Ngô, tức huyện Ngô thuộc địa hạt Tô Châu tỉnh Giang Tô bây giờ… và … nhưng đều là truyền thuyết không có sử sách để khảo cứu.

Dịch xong ngày 28-10-98

Cuối thu Mậu Dần
NGUYỄN BÁ THÍNH